Kinh Tăng Nhất A Hàm (HT Thích Thanh Từ dịch)

A-hàm — đọc thêm & đối chiếu

ĐẠI TẠNG KINH VIỆT NAM KINH TĂNG NHẤT A HÀM

Việt Dịch: Hòa thượng Thích Thanh Từ

Hiệu đính: Hòa thượng Thích Thiện Siêu
Viện Nghiên cứu Phật học Việt Nam - PL 2541 - TL 1997 ---o0o---
Nguồn
Chuyển sang ebook 15-03-2012
Người thực hiện : Nam Thiên – namthien@gmail.com
Mục Lục DANH XƯNG BỐN BỘ A-HÀM TÔN CHỈ Ý THÚ CỦA BỐN A-HÀM

Bài Tựa Kinh Tăng Nhất A-hàm Tập I

I. Phẩm tựa

II. Phẩm Thập Niệm

III. Phẩm Quảng diễn

IV. Phẩm Đệ tử

V. Phẩm Tỳ-kheo-ni

VI. Phẩm Thanh tín sĩ (Ưu-bà-tắc)

VII. Phẩm Thanh tín nữ (Ưu-bà-di)

VIII. Phẩm Atula

IX. Phẩm Một đứa con

X. Phẩm Hộ tâm

XI. Phẩm Bất đãi

XII. Phẩm Nhập đạo

XIII. Phẩm Lợi dưỡng

XIV. Phẩm Ngũ giới

XV. Phẩm Hữu vô

XVI. Phẩm Hỏa diệt

XVII.1. Phẩm An-ban (1)

XVII.2 Phẩm An-ban (2)

XVIII. Phẩm Tàm quý

XIX. Phẩm Khuyến thỉnh

XX. Phẩm Thiện Tri Thức

XXI. Phẩm Tam Bảo

XXII. Phẩm Cúng dường

XXIII. Phẩm Địa chủ

XXIV.1. Phẩm Cao Tràng (1)

XXIV.2. Phẩm Cao Tràng (2)

XXIV.3. Phẩm Cao Tràng (3)

Tập II

XXVII. Phẩm Đẳng thú Tứ đế

XXVIII. Phẩm Thanh văn

XXIX. Phẩm Khổ lạc

XXX. Phẩm Tu Đà

XXXI. Phẩm Tăng thượng

XXXII. Phẩm Thiện tụ

XXXIII. Phẩm Ngũ vương

XXXIV. Phẩm Đẳng kiến

XXXV. Phẩm Tà tư

XXXVI. Phẩm Thính pháp (Dhammasavana)

XXXVII.1. Phẩm Lục trọng (1)

XXXVII.2. Phẩm Lục trọng (2)

XXXVIII.1. Phẩm Lực (1)

XXXVIII.2. Phẩm Lực (2)

XXXIX. Phẩm Đẳng pháp

Tập III

XXXX.1. Phẩm Thất nhật (1)

XXXX.2. Phẩm Thất nhật (2)

XXXXI. Phẩm Mạc úy

XXXXII.1. Phẩm Bát nạn (1)

XXXXII.2. Phẩm Bát nạn (2)

XXXXIII.1. Phẩm Thiên tử Mã huyết hỏi Bát chánh (1)

XXXXIII.2 Phẩm Thiên tử Mã huyết (2)

XXXIV. Phẩm Chín nơi cư trú của chúng sanh

XXXXV. Phẩm Mã vương

XXXXVI. Phẩm Kết cấm

XXXXVII. Phẩm Thiện ác

XXXXVIII.1 Phẩm Thập Bất Thiện (1)

XXXXVIII.2. Phẩm Thập bất thiện (2)

XXXXIX.1. Phẩm Chăn trâu (1)

XXXXIX.2. Phẩm Chăn trâu (2)

L. Phẩm Lễ Tam bảo

LI. Phẩm Phi thường

LII. Phẩm Đại Ái Đạo nhập Niết Bàn

---o0o---

DANH XƯNG BỐN BỘ A-HÀM

(ÀGAMA – A-cấp-ma)

Luận Du-già-sư-địa, cuốn 85 (Đại tạng số 30. 772), nói:

"Sự khế kinh (hình thức khế kinh) là bốn A-cấp-ma (Agama). Một là Tạp A- cấp-ma, hai là Trung A-cấp-ma, ba là Trường A-cấp-ma, bốn là Tăng Nhất A-cấp-ma.

Tạp A-cấp-ma là, ở trong đó Đức Thế Tôn xem xét căn cơ của người được giáo hóa để tuyên thuyết giáo pháp tương ứng được Như Lai và các đệ tử nói. Giáo pháp Uẩn, Giới, Xứ tương ưng; giáo pháp Duyên khởi, Tứ thực, Tứ đế tương ưng, giáo pháp Tứ niệm trụ, Tứ chánh cần, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác chi, Bát Chánh Đạo, Nhập xuất tức niệm, Học tịnh chứng tương ưng, v.v...

Lại y theo tám chúng, nói các giáo pháp tương ứng với chúng. Về sau người kết tập vì muốn Thánh giáo tồn tại lâu dài, nên một phần kết tập thành các bài kệ tụng, rồi tùy chỗ thích ứng mà thứ lớp an bố.

Nên biết, tất cả giáo pháp tương ứng như thế, khái lược do ba phương diện tương ứng nhau, đó là người năng thuyết, pháp sở thuyết và người nghe được Phật và đệ tử vì họ thuyết dạy (sở vị thuyết). Như hoặc Như Lai, hoặc đệ tử Như Lai là người năng thuyết. Như những phần giáo được Phật thuyết hoặc đệ tử thuyết, hoặc sở liễu tri, hoặc năng liễu tri, đó là sở thuyết, như giáo pháp Năm uẩn, Sáu xứ, Nhơn duyên tương ưng, và Đạo phẩm phần. Như các chúng Tỷ-kheo, Thiên, Ma, v.v..., đó là sở vị thuyết; như phẩm kết tập. Như vậy, nêu lên tất cả thô lược năng thuyết, sở thuyết, sở vị thuyết, thành Tương ưng giáo.

Chính tất cả Tương ưng giáo kia, về hình thức tập họp lại dài ngắn lẫn lộn phức tạp, thế nên gọi là Tạp A-cấp-ma. Chính Tương ưng giáo kia lại được nói ở dạng trung bình, thế nên gọi là Trung A-cấp-ma. Chính Tương ưng giáo kia được nói ở dạng rộng dài, thế nên gọi là Trường A-cấp-ma. Chính Tương ưng giáo kia, lại được nói ở dạng cứ tăng dần từng số một lên đến hai, ba, v.v... Thế nên gọi là Tăng Nhất A-cấp-ma.

Như vậy, bốn thứ ấy được thầy trò lần lượt truyền lại đến nay, thế nên gọi là A-cấp-ma".

Cứ theo đoạn văn dẫn trên, ta thấy rõ danh xưng Tạp, Trung, Trường, Tăng Nhất A-cấp-ma là xưng theo hình thức kinh được nói dài hay ngắn chứ không phải xưng theo nội dung nghĩa lý của kinh. Như Tạp A-hàm, thì ngoại trừ kinh số 604 nói về A-dục dài đến 10 trang trong Đại tạng, còn lại hầu hết là kinh ngắn, nhiều kinh chỉ có một, hai dòng, thậm chí vài câu. Vì kinh dài ngắn xen lẫn nhau như vậy trong một bộ nên gọi là Tạp. Trung A-cấp-ma thì

kinh dài hơn các kinh ở Tạp A-cấp-ma, song không dài hơn ở Trường A- cấp-ma. Kinh dài nhất ở Trung A-cấp-ma là kinh số 71 dài 7 trang và kinh số 72 dài 6 trang trong Đại tạng, song cũng không bằng Trường A-cấp-ma, có kinh như kinh Đại Bổn dài 10 trang, kinh Du Hành dài 20 trang, kinh Thế ký dài 22 trang trong Đại tạng.

Như vậy, hoặc có thể nói cách khác là Tạp Thuyết A-cấp-ma hay Đoản Thuyết A-cấp-ma, Trung thuyết A-cấp-ma, Trường Thuyết A-cấp-ma, Tăng Nhất Thuyết A-cấp-ma.

Theo đó, Bốn A-hàm lấy Tạp A-hàm kinh thuộc Tương ưng giáo làm gốc. Tạp A-hàm là “Nhất thiết sự tương ưng giáo”, vì vậy bốn A-hàm cũng được gọi chung là “Sự khế kinh”.

Nhưng Sự là gì?

Luận Du-già (của Bồ-Tát Di-Lặc tạo), cuốn ba, nói: “Lời dạy của chư Phật gồm trong chín sự, đó là:

Hữu tình sự
Thọ dụng sự
Sanh khởi sự
An trú sự
Nhiễm tịnh sự
Sai biệt sự
Thuyết giả sự
Sở thuyết sự
Chúng hội sự.
Hữu tình sự là chỉ cho ngũ thủ uẩn; Thọ dụng sự là chỉ cho mười hai xứ; Sanh khởi sự là chỉ cho mười hai duyên khởi và duyên sanh; An trú sự là chỉ cho bốn thực (bốn cách ăn); Nhiễm tịnh sự là chỉ cho bốn Thánh đế; Sai biệt sự là chỉ cho vô lượng giới; Thuyết

giả sự là chỉ cho Phật và đệ tử Ngài; Sở thuyết sự là chỉ cho bốn niệm trụ v.v... và Bồ-đề phận pháp; Chúng hội sự là chỉ cho tám chúng đệ tử Phật.

Đó là toàn bộ nội dung của kinh Tạp A-hàm hay là "Sự tương ưng giáo".

Nhiếp sự phần trong Du-già luận, cuốn 58, gom chín sự này trong ba loại lớn:

Năng thuyết – chỉ Phật và đệ tử Phật. Sở thuyết – chỉ uẩn, giới, xứ, duyên khởi, thực đế, niệm trụ, chứng tịnh... Sở vị thuyết – chỉ tám chúng đệ tử Phật. Chín sự hay ba loại lớn, đó là nội dung của kinh Tạp A-hàm, và cũng có thể gọi đó là "Tu-đa-la" – "Sự khế kinh".

---o0o---

TÔN CHỈ Ý THÚ CỦA BỐN A-HÀM

Theo luận "Tát-bà-đa Tỳ-ni-tỳ-bà-sa", cuốn 1, của phái Thuyết nhất thiết hữu, ghi: "Đức Phật vì chư Thiên và Người đời theo thời cơ nói pháp, kết tập lại làm Tăng Nhất A-hàm, đó là kinh cho người khuyến hóa học tập. Phật vì chúng sanh lợi căn, nói các nghĩa thâm diệu, gọi là Trung A-hàm; đó là kinh cho người học vấn học tập. Phật nói các pháp Thiền định, gọi là Tạp A-hàm; đó là kinh cho người tọa Thiền học tập. Phật phá các ngoại đạo, là Trường A-hàm".

Ngài Phật Âm (Buddhaghosa) có sách chú thích bốn bộ A-hàm. Theo tên sách chú thích, đã biểu hiện rõ đặc sắc của bốn bộ A-hàm như sau:

Sách chú thích Trường Bộ, tên "Sumàn Galaviàsini" (Tốt lành thích ý). Sách chú thích Trung Bộ, tên "Papànca Sùdani" (Phá xích do dự). Sách chú thích Tương Ưng Bộ, tên "Sàratthapakàsini" (Hiển bày chơn nghĩa). Sách chú thích Tăng Chi Bộ, tên "Manoratha Pùrani" (Mãn túc hy cầu). Ngài Long Thọ (Nàgàrjuna) trong luận Đại Trí Độ, cuốn 1, có nêu cách thuyết giáo theo bốn tất-đàn: "1) Thế giới tất-đàn; 2) Các vị nhân tất-đàn; 3) Đối trị tất-đàn; 4) Đệ nhất nghĩa tất-đàn. Trong bốn tất-đàn tổng nhiếp mười hai bộ kinh, 84.000 pháp tạng, đều là thật, không chống trái nhau".

Tất-đàn, tiếng Phạn là "Siddhànta", dịch nghĩa là thành tựu, tông, lý. Bốn tất-đàn là bốn tôn chỉ, bốn đạo lý.

Bốn tất-đàn có thể tổng nhiếp hết mười hai bộ kinh, 84.000 pháp tạng là thế nào?

Bốn tất-đàn chỉ là dựa theo bốn tôn chỉ của bốn bộ A-hàm mà nói. Bốn tất- đàn tương đương với bốn tên sách chú thích bốn bộ của ngài Phật Âm.

- Sách chú thích Trường Bộ với tên là Tốt lành thích ý – đó là Thế giới tất- đàn (thuyết pháp phổ thông thích hợp với quảng đại quần chúng). Như trong Trường A-hàm có các kinh Xa-ni-sa, Đại Điển Tôn, Đại Hội, Phạm Thiên Sở Vấn, A-tra-năng-để v.v...gồm những lời Phật dạy thích ứng với tín ngưỡng thiên thần phổ thông của Ấn Độ. Trên mặt tư tưởng, Trường A-hàm chủ yếu phá xích những tín ngưỡng, tà kiến của dân chúng.

- Sách chú thích Trung bộ với tên Phá xích do dự - đó là đối trị tất-đàn (thuyết pháp đối trị riêng từng căn bịnh của chúng sanh). Trong Trung A- hàm phân biệt quyết trạch để đoạn nghi tình, trừ sạch hai mươi mốt thứ kiết sử... Đó chính là ý nghĩa của sự đối trị.

- Sách chú thích Tương Ưng Bộ với tên Hiển bày chơn nghĩa – đó là Đệ nhất nghĩa tất-đàn (thuyết pháp về các nghĩa siêu việt rốt ráo).

- Sách chú thích Tăng Chi Bộ với tên Mãn túc hy cầu – đó là các các vị nhân tất-đàn (thuyết pháp tán dương điều thiện, khuyến khích thực hành việc tốt, thích ứng với các căn tánh bất đồng, làm mãn túc mong cầu).

Trong sách Ma ha Chỉ Quán, cuốn 1, của Ngài Thiên Thai Trí Giả, giải thích bốn tất-đàn bằng bốn từ ngữ là tùy lạc (vui thích), tùy nghi (thích nghi), tùy trị (đối trị), tùy nghĩa (thắng nghĩa).

Tôn chỉ của Phật pháp, cách giáo hóa của Phật pháp không ngoài bốn thứ này. Mỗi một bộ A-hàm đều có đủ bốn tôn chỉ đó, song phân biệt kỹ thì mỗi bộ có mỗi đặc sắc riêng như trên đã nói.

Hòa Thượng Thích Thiện Siêu Kinh Tạp A-hàm, 1995 -ooOoo-

Bài Tựa Kinh Tăng Nhất A-hàm

Ý nghĩa của bốn bộ A-hàm đồng với Trung A-hàm ở phần đầu là nói rõ tôn chỉ, nên không lập lời tựa.

Tăng Nhất A-hàm là so sánh sự mạch lạc của pháp rồi dùng số mà xếp thứ tự. Số tận cùng là mười, thêm vào một, nên gọi là Tăng Nhất. Mỗi pháp số tăng dần, nên lấy tăng làm nghĩa. Pháp ấy phần lớn ghi chép về cấm luật để làm mẫu mực nghiêm nhặt và là điều kiện kiểm định độ đời. Ngoại quốc từ người ở núi đến người ở biển phần nhiều thường tụng ngâm bốn bộ A-hàm

này. Có vị Sa-môn nước ngoài tên Đàm-ma-nan-đề, người nước Đâu-khư- lặc, xuất gia từ bé, học rộng nghe nhiều, tụng hai bộ A-hàm, ôn điều cũ để ngày càng mới, đi khắp các nước, không nơi nào không qua. Đời Tần, niên hiệu Kiến Nguyên thứ hai mươi, ngài đến Trường An, người nước ngoài đều hâm mộ. Quan Thái Thú Vũ Oai là Triệu Văn Nghiệp yêu cầu ngài đọc ra; ngài Phật Niệm dịch truyền; ngài Đàm Trung sửa chữa. Mùa hạ năm Giáp thân bắt đầu, đến mùa xuân năm sau thì xong, được bốn mươi mốt quyển, phân làm hai bộ thượng, hạ. Bộ thượng gồm hai mươi sáu quyển trọn vẹn không bị quên sót, bộ hạ mười lăm quyển, mất phần ghi kệ. Tôi cùng với Pháp Hòa khảo chính lại; Tăng Lược, Tăng Mậu phụ giúp xem xét những chỗ thiếu sót, bốn mươi ngày thì xong. Năm này có trận đánh ở A Thành, tiếng trống gần kề mà chúng tôi vẫn chuyên tâm trong việc này. Trọn đủ hai bộ A-hàm là một trăm quyển.

Hai ngài Tỳ-bà-sa và Tu-mật-tăng-già-la-đát truyền sang đây (Trung Hoa) năm bộ kinh lớn. Từ khi Pháp truyền sang phương Đông, hai ngài là người đọc kinh để dịch ưu việt hơn hết. Bốn bộ A-hàm do bốn mươi vị cao đức biên tập, mười vị tuyển chọn một bộ: bắt đầu từ đề mục và chấm dứt bằng bài kệ. Sợ giáo pháp lưu truyền ở đời lâu ngày bị thất lạc, thiếu sót, nên cõi này trước đây ghi lại các kinh đành rành; trong số ấy nay có hai Bộ A-hàm, mỗi mỗi viết lại một quyển mới, giữ trọn số mục cũ của kinh, ghi chú về sự thêm thắt, mất mát của kinh, khiến cho người đọc tìm thấy được sự sai khác.

Hai bộ thượng hạ gồm có 472 kinh; phàm các vị học sĩ tuyển chọn hai bộ A- hàm này, trong đó thường có những lời dạy về luật, người nước ngoài không rõ, xem Sa-di và cư sĩ cùng như nhau. Từ này về sau, mong rằng cùng giữ gìn điều này như luật định! Đây chính là việc cấp thiết của nước ta. Những lời dạy căn dặn đinh ninh của Đức Thế Tôn, xin chớ nghe một cách sơ suất! Học rộng mà không biết gìn giữ cấm giới là một tỳ vết trong sự thông suốt của giới học sĩ. Khương Hạnh Tường dịch kinh Trung Bản Khởi, dịch luôn phẩm Đại Ái Đạo trong đó mà không biết đó là kinh cấm, là phép của Tỳ-kheo-ni, rất cần phải cắt bỏ đi. Đây là một sự thô lậu lớn, đáng đau xót vậy.

Hai bộ kinh này, bậc đạo sĩ hữu lực mới có thể xem, cần phải để tâm. Còn như người khinh thường không để ý, mong các vị đồng chí với tôi kêu gọi sửa đổi điều này!

Đời Tấn Sa-môn Thích Đạo An viết Hòa Thượng Thích Thanh Từ dịch Việt, 1997

---o0o---

Tập I

I. Phẩm tựa

Tự quy đấng Năng Nhân thứ bảy,
Diễn nói pháp Hiền Thánh Vô Thượng
Ở mãi trong sông dài sanh tử,
Thế Tôn nay vì độ chúng sanh,
Tôn trưởng Ca-diếp và Chúng tăng,
Hiền triết A-nan nghe vô lượng,
Thiện Thệ nhập diệt lưu xá lợi,
Từ nước Câu-di đến Ma-kiệt,
Ca-diếp suy từ hành tứ đẳng,
Chúng sanh này đọa lạc năm đường,
Chánh Giác giảng đạo nay qua đời,
Nhớ Ngài khéo dạy, lòng thương khóc.
Ca-diếp suy nghĩ gốc Chánh pháp,
Làm sao lưu bố lâu ở đời,
Thế Tôn nói bao nhiêu lời dạy,
Tổng trì gìn giữ, chẳng lọt mất.
Ai có sức này gom các pháp,
Nơi nơi chỗ chỗ gốc nhân duyên?
Nay trong chúng này, bậc Trí tuệ,
A-nan hiền thiện nghe vô lượng,
Liền đánh kiền chùy nhóm bốn bộ,
Tỳ-kheo tám vạn bốn ngàn chúng,
Đều đắc La-hán, tâm giải thoát,
Đã thoát trói buộc, làm ruộng phước.

Ca-diếp thương xót cho người đời,
Càng nhớ đền ơn Phật quá khứ,
Thế Tôn truyền pháp cho A-nan,
Mong quảng bá pháp mãi ở đời,
Làm sao lần lượt không mất mối,
Ba A-tăng-kỳ nhóm pháp báu,
Khiến sau bốn bộ được nghe pháp,
Đã nghe liền được lìa các khổ.
A-nan từ chối: 'Tôi chẳng kham,
Chư pháp sâu xa bao nhiêu loại,
Há dám phân biệt Pháp Như Lai,
Phật pháp công đức trí vô lượng.
Nay ngài Ca-diếp kham nhận nổi,
Thế Hùng đem pháp trao kỳ cựu,
Đại Ca-diếp nay vì mọi người,
Như Lai tại thế mời nửa tòa.'
Ca-diếp đáp rằng: 'Tuy có thể,
Tuổi già suy yếu, quên mất nhiều,
Nay Ông tổng trì nghiệp trí tuệ,
Khiến được gốc pháp hằng ở đời,
Nay ta có ba mắt thanh tịnh,
Cũng lại hay biết tha tâm trí,
Tất cả chúng sanh bao nhiêu loại,
Không ai hơn được A-nan'.
Phạm Thiên giáng xuống cùng Đế Thích
Tứ thiên hộ thế và chư Thiên
Di-lặc Đâu-suất tìm đến họp,
Bồ-tát mấy ức không thể kể.
Di-lặc, Phạm, Thích và Tứ Vương
Đều cùng chắp tay mà bày tỏ:
'Tất cả các pháp Phật đã ấn:
'A-nan là pháp khí của Ta',
Nếu Ngài chẳng muốn Pháp còn mãi,
Tức làm tổn hoại pháp Như Lai,
Nguyện giữ bổn yếu vì chúng sanh,
Cứu được nguy ách, độ các nạn.
Đức Phật ra đời thọ quá ngắn,
Nhục thể tuy chất, pháp thân còn,
Nếu khiến gốc Pháp không đoạn tuyệt,

A-nan chớ từ chối thuyết pháp'.
Ca-diếp tối tôn và Thánh chúng,
Di-lặc, Phạm, Thích và Tứ Vương,
Tha thiết thỉnh cầu A-nan nói
Khiến giáo pháp Phật chẳng diệt tận.
A-nan nhân hòa đủ tứ đẳng,
Ý chuyển sư tử hống nhiệm mầu,
Nhìn khắp bốn bộ, ngắm hư không,
Thương khóc lệ trào không dừng được.
Liền vận quang minh và vẻ mặt,
Chiếu khắp chúng sanh như mặt trời,
Di-lặc thấy (ánh) sáng cùng Thích, Phạm,
Thu xả đợi nghe Pháp vô thượng,
Bốn bộ lặng lẽ chuyên một lòng,
Muốn được nghe Pháp, ý chẳng loạn,
Tôn trưởng Ca-diếp và Thánh chúng,
Nhìn thẳng thấy mặt, mắt không chớp.
Rồi A-nan thuyết kinh vô lượng.
Ai hay đầy đủ góp một nhóm:
'Nay tôi sẽ chia làm ba phần,
Tạo lập mười kinh làm một kệ.
Khế kinh phần một, Luật phần hai,
Kinh A-tỳ-đàm là phần ba.
Ba Phật quá khứ đều chia ba,
Khế kinh, Luật, Pháp là ba tạng,
Khế kinh nay sẽ phân bốn đoạn,
Kế là Tăng Nhất, hai là Trung,
Ba gọi là Trường, nhiều anh lạc,
Tạp kinh sau cùng là bốn phần'.
Tôn giả A-nan nghĩ thế này:
'Pháp thân Như Lai chẳng hư hoại,
Còn mãi ở đời, không dứt mất,
Trời, Người được nghe thành đạo quả.
Hoặc có một pháp nghĩa cùng sâu
Khó giữ, khó tụng chẳng thể nhớ,
Nay ta sẽ nhóm nghĩa một pháp,
Mỗi mỗi theo nhau chẳng mất mối.
Cũng có hai pháp lại thành hai,
Ba pháp thành ba như xâu chuỗi,

Bốn pháp thành bốn, năm cũng thế,
Năm pháp đến sáu, sáu đến bảy,
Tám pháp nghĩa rộng, chín tiếp theo,
Mười pháp từ mười đến mười một.
Như thế pháp bảo trọn chẳng quên,
Cũng hằng ở đời, tồn tại mãi,
Ở trong đại chúng nhóm pháp này'.
Tức thời A-nan lên pháp tòa,
Di-lặc khen 'Lành, hay thay!', nói:
'Các pháp nghĩa hợp nên phối lại,
Còn các pháp nên phân bộ.
Thế Tôn nói Pháp mỗi mỗi khác,
Bồ-tát phát ý hướng đại thừa,
Như Lai thuyết đây các thứ khác,
Nhân Tôn thuyết lục độ không cùng,
Bố thí, trì giới, nhẫn, tinh tấn,
Thiền, trí tuệ như trăng đầu tháng,
Chóng độ vô cực quán các pháp.
Có người dũng mãnh cho đầu mắt,
Thân thể, máu thịt, không luyến tiếc,
Vợ, hầu, nước, của và trai, gái,
Đây gọi đàn độ chẳng nên bỏ.
Giới độ vô cực như kim cương,
Không hủy, không phạm, không sót mất,
Trì tâm giữ giới như bình gốm,
Đây gọi giới độ không nên bỏ.
Hoặc có người đến cắt tay chân,
Chẳng khởi giận dữ, sức nhẫn mạnh,
Như biển bao dung không tăng giảm,
Đây gọi nhẫn độ không nên bỏ,
Những người tạp tác hành thiện ác,
Thân, miệng, ý đều không biết chán,
Ngăn người các hạnh không đến đạo,
Đây gọi tần độ không nên bỏ.
Các vị tọa thiền thở ra vào,
Tâm ý vững chắc không loạn niệm,
Dù cho đất động, thân chẳng nghiêng,
Đây gọi thiền độ không nên bỏ.
Lấy sức trí huệ biết trần số,

Kiếp số triệu năm không thể kể,
Thanh thản nghiệp tụ ý chẳng loạn,
Đây gọi trí độ chẳng nên bỏ.
Chư pháp thậm thâm luận lý không,
Khó sáng, khó rõ, không thể quán,
Về sau hậu tấn ôm hoài nghi,
Đây đức Bồ-tát không nên bỏ'.
A-nan tự trình bày ý này:
'Hạnh Bồ-tát, kẻ ngu không tin,
Trừ các La-hán tin giải thoát,
Đó là có tin không do dự.
Chúng của bốn bộ phát ý đạo,
Cùng với tất cả loài chúng sanh,
Họ có tin chắc không hồ nghi,
Họp các pháp này làm phần một'.
Di-lặc khen: 'Lành, hay thay!' nói:
'Phát thú đại thừa ý rất rộng,
Hoặc có các pháp đoạn kiết sử,
Hoặc có các pháp thành đạo quả'.
A-nan thuyết rằng: Đây thế nào,
Tôi thấy Như Lai giảng pháp này.
Có pháp chẳng nghe từ Như Lai,
Pháp này há sai, nên có nghi.
Dù tôi nói thấy, nghĩa này sai,
Với chúng tương lai liền bị hỏng,
Nay nói chư kinh nghe như thế,
Chỗ Phật đang ở, thành, quốc độ,
Nước Ba-la-nai thuyết pháp đầu,
Nước Ma-kiệt độ ba Ca-diếp,
Thích-sí, Câu-tát, Ca-thi-quốc,
Chiêm-bà, Câu-lưu, Tỳ-xá-ly,
Thiên Cung, Long Cung, A-tu-la,
Càn-thát-bà cùng thành Câu-thi,
Cho dù không được chỗ thuyết kinh,
Sẽ nói nguyên gốc tại Xá-vệ.
Tôi được theo nghe việc một thời,
Phật tại Xá-vệ cùng đệ tử,
Tinh xá Kỳ-hoàn tu thiện nghiệp,
Trưởng giả Cô Độc dâng cúng vườn.

Lúc Phật tại đó dạy Tỳ-kheo,
Nên tu một pháp chuyên nhất tâm,
Suy nghĩ một pháp không phóng dật,
Một pháp là gì? Là niệm Phật,
Niệm Pháp, niệm Tăng và niệm Giới,
Niệm Thí, rồi tiếp đến niệm Thiên,
Niệm Thơ An-ban và niệm Thân,
Niệm Chết, trừ loạn là mười niệm,
Đây gọi là mười niệm lại có mười.
Sau đó sẽ nói đệ tử Phật,
Trước dạy Câu-lân thành đệ tử,
Cuối cùng nhỏ nhất là Tu-đạt
Dùng phương tiện này rõ một pháp.
Hai theo hai pháp, ba theo ba,
Bốn, năm, sáu, bảy, tám, chín, mười,
Mười một pháp này đều rõ hết,
Từ một tăng một đến các pháp,
Nghĩa nhiều, huệ rộng chẳng thể tận,
Mỗi một khế kinh nghĩa cùng sâu,
Thế nên gọi là Tăng Nhất Hàm.
Nay tìm một pháp khó rõ sáng,
Khó trì, khó hiểu, chẳng thể minh,
Tỳ-kheo tự xưng công đức nghiệp,
Nay nên xưng là Tôn đệ nhứt.
Ví như thợ gốm làm đồ vật,
Tùy ý mà làm không hồ nghi,
Như thế a-hàm Tăng Nhất pháp,
Ba thừa giáo hóa không sai biệt,
Kinh Phật vi diệu rất thâm sâu,
Năng trừ kiết sử như sông chảy,
Nhưng Tăng Nhất này là trên hết,
Hay sạch ba nhãn, trừ ba cấu.
Có ai chuyên tâm trì Tăng Nhất,
Liền là tổng trì Như Lai tạng,
Dù thân này chưa hết kiết sử,
Đời sau liền được tài trí cao.
Nếu có người viết chép kinh quyển,
Lọng hoa, tơ lụa đem cúng dường,
Phước này vô lượng không thể kể

Vì pháp báu này khó gặp vậy'
Thuyết lời này rồi đất chấn động,
Mưa trời hoa hương phủ đến gối,
Chư Thiên trên không khen 'Lành thay!'.
Lời Thượng Tôn thuyết trọn thuận nghĩa,
Khế kinh tạng một, Luật tạng hai,
Kinh A-tỳ-đàm là tạng thứ ba,
Phương Đẳng đại thừa nghĩa thâm thúy,
Cùng các khế kinh là tạp tạng,
An xử lời Phật trọn chẳng khác,
Nhân duyên gốc ngọn đều tùy thuận,
Di-lặc, chư Thiên đều khen lành,
Kinh Phật Thích-ca còn được lâu.
Di-lặc đứng lên tay cầm hoa,
Hoan hỉ đem rải lên A-nan, Kinh nầy đúng thật Như Lai thuyết, Khiến A-nan tầm đạo quả thành.

Bấy giờ Tôn giả A-nan cùng Phạm thiên và các Phạm Ca-di thiên đều đến tụ hội. Hóa tự tại thiên cùng quyến thuộc đều đến tụ hội. Tha hóa tự tại thiên cùng tùy tùng đến tụ hội. Đầu-suất thiên vương cùng chúng thiên đều đến tụ hội. Diệm thiên cùng các tùy tùng đều đến tụ hội. Thích-đề-hoàn-nhân cùng chư thiên cõi Ba mươi ba đồng đến tụ hội. Đề-đầu-lại-tra Thiên vương cùng Càn-thát-bà v.v... cùng đến tụ hội. Tỳ-lưu-lặc-xoa Thiên vương cùng đến Yểm Quỷ đều đến tụ hội. Tỳ-lưu-bạt-xoa Thiên vương đem các chúng Rồng cùng đến tụ hội. Tỳ-sa-môn Thiên vương dẫn chúng Dạ-xoa, La-sát cùng đến tụ hội.

Lúc bấy giờ Đại sĩ Di-lặc bảo các Bồ-tát trong Hiền kiếp:

- Các Đại sĩ hãy khuyên các thiện nam và tín nữ đọc tụng, thọ trì Tăng Nhất Tôn Pháp, giảng nói rộng rãi khiến Trời Người vâng làm.

Lúc ngài nói lời này thì chư Thiên, loài Người, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca-lâu- la, Ma-hầu-la-già, Khẩn-na-la v.v... đều tự nói:

- Chúng tôi đều cùng nhau ủng hộ thiện nam, tín nữ nào đọc tụng, thọ trì Tăng Nhất Tôn Pháp, giảng nói rộng rãi, trọn không dừng nghỉ nửa chừng.

Lúc ấy Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ưu-đa-la rằng:

- Nay tôi đem Tăng Nhất A-hàm này giao phó cho Hiền giả. Xin hãy khéo tụng đọc, chớ để thiếu sót. Vì sao vậy? Vì nếu có người khinh mạn tôn kinh này liền bị đọa lạc, là hạnh phàm phu. Vì cớ sao? Này Ưu-đa-la! Tăng Nhất A-hàm nêu lên lời dạy Ba mươi bảy đạo phẩm và các pháp đều do đây sanh.

Tôn giả Đại Ca-diếp hỏi A-nan:

- Này Hiền giả A-nan, Tăng Nhất A-hàm lại có thể xuất binh Ba mươi bảy đạo phẩm và các pháp đều do đây sanh sao?

Tôn giả A-nan đáp:

- Đúng thế! Đúng thế! Thưa Tôn giả Ca-diếp, Tăng Nhất A-hàm xuất sanh Ba mươi bảy phẩm và các pháp đều do đây sanh. Không những thế mà chỉ

một kệ trong Tăng Nhất A-hàm cũng xuất sanh ra Ba mươi bảy phẩm và các pháp.

Ngài Ca-diếp hỏi:

- Trong loại kệ nào xuất sanh ra Ba mươi bảy phẩm và các pháp?

Tôn giả A-nan liền nói bài kệ này:

Các điều ác chớ làm,
Các điều thiện vâng làm,
Tự trong sạch ý mình,
Là lời chư Phật dạy.
Vì sao thế? 'Các điều ác chớ làm' là các pháp vốn đã sanh ra các pháp lành, do sanh pháp lành mà tâm ý trong sạch. Thế nên Ca-diếp! Chư Phật Thế Tôn thân, miệng, ý thường tu thanh tịnh.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

- Thế nào A-nan, riêng Tăng Nhất A-hàm xuất sanh Ba mươi bảy phẩm và các pháp, còn bốn A-hàm khác cũng lại sanh ra chăng?

Tôn giả A-nan đáp:

- Không những thế, thưa Tôn giả Ca-diếp, nghĩa của bốn bộ A-hàm chỉ trong một bài kệ cũng đầy đủ lời chư Phật, lời Bích-chi Phật và Thanh văn. Vì sao thế? 'Các điều ác chẳng làm' là đầy đủ giới cấm; hạnh thanh bạch là 'các điều thiện vâng làm'. 'Tâm ý trong sạch', là tự sạch ý mình, trừ tà chấp điên đảo; 'Là lời chư Phật dạy', là bỏ các tưởng ngu dốt, nghi hoặc. Thế nào Tôn giả Ca-diếp, người giới thanh tịnh thì tâm ý của họ lại bất tịnh sao? Người mà ý thanh tịnh thì không điên đảo; vì không điên đảo nên tướng ngu hoặc diệt, Ba mươi bảy phẩm quả nhiên liền được thành tựu. Đã thành đạo quả há chẳng phải là các pháp sao?

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

- Thế nào A-nan, tại sao đem Tăng Nhất A-hàm này giao phó cho Ưu-đa-la mà chẳng giao cho Tỳ-kheo khác tất cả các pháp?

Tôn giả A-nan đáp:

- Tăng Nhất A-hàm tức là các pháp. Các pháp tức là Tăng Nhất A-hàm, là một chứ không có hai.

Tôn giả Ca-diếp hỏi:

- Vì những lý do nào mà đem Tăng Nhất A-hàm phó chúc cho Ưu-đa-la, không giao cho Tỳ-kheo khác?

Tôn giả A-nan đáp:

- Tôn giả Ca-diếp nên biết, chín mươi mốt kiếp xưa, đức Tỳ-bà-thi Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Y-câu-ưu-đa-la. Lúc đó, đức Phật đã đem pháp Tăng Nhất giao phó cho người này khiến tụng đọc. Từ đây cho đến ba mươi mốt kiếp về sau, kế đó có Phật Thi-khí Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Mục-già-ưu-đa-la. Thi-khí Như Lai lại đem pháp này giao phó cho người này khiến đọc tụng. Cũng chính trong ba mươi mốt kiếp kia, Tỳ-xá-phù Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác lại xuất hiện ở đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la này tên là Long Ưu-đa-la. Đức Phật lại lấy pháp này giao phó cho người này khiến tụng đọc.

Tôn giả Ca-diếp nên biết, trong Hiền kiếp này có Câu-lưu-tôn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la tên Lội Điện Ưu-đa-la. Phật lại đem pháp này phó chúc cho người đó khiến đọc tụng. Trong Hiền kiếp này, kế đó lại có Phật Câu-na-hàm Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Lúc đó Tỳ-kheo Ưu-đa-la tên Thiên Ưu- đa-la. Phật lại đem pháp này giao phó cho ông ta khiến đọc tụng. Trong Hiền kiếp này, kế đó lại có Phật tên Ca-diếp Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Bấy giờ Tỳ-kheo Ưu-đa-la, tên Phạm Ưu-đa-la, Phật lại đem pháp này giao phó cho ông ta khiến tụng đọc.

Tôn giả Ca-diếp nên biết, nay Thích-ca Văn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Nay Tỳ-kheo này tên Ưu-đa-la. Thích-ca Văn Phật tuy đã Bát-niết-bàn nhưng Tỳ-kheo A-nan vẫn còn ở đời. Thế Tôn đem hết pháp giao phó cho tôi. nay tôi lại lấy pháp này trao cho Ưu-đa-la. Vì sao thế? Hãy xem vị này, xét biết nguồn gốc, sau đó mới truyền pháp. Vì sao? Thời quá khứ trong hiền kiếp này, Câu-lưu-tôn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời.

Lúc đó có vua tên Ma-ha-đề-bà, lấy pháp cai trị, giáo hóa dân chúng chưa từng sai lạc, thọ mạng rất dài, đoan chánh vô song, hiếm có ở đời. Trong tám vạn bốn ngàn năm với thân đồng tử mà tự vui chơi. Trong tám vạn bốn ngàn năm dùng thân thái tử đem pháp cai trị. Trong tám vạn bốn ngàn năm lại dùng vương pháp cai trị thiên hạ.

Tôn giả Ca-diếp nên biết, lúc đó Thế Tôn dạo đi trong vườn Cam-lê, và sau khi ăn xong, như thường lệ đi kinh hành trong sân. Tôi làm thị giả. Lúc đó Thế Tôn mỉm cười, miệng phóng hào quang năm sắc. Tôi thấy vậy liền quỳ trước Thế Tôn mà bạch rằng:

'- Phật chẳng cười vô cớ, mong cho con được nghe gốc ngọn. Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác chẳng bao giờ nói lời trống rỗng.'

Bấy giờ, thưa Tôn giả Ca-diếp, Phật bảo tôi rằng:

'- Ở đời quá khứ, trong Hiền kiếp này có Như Lai tên Câu-lưu-tôn Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Lại ở chỗ này vì các đệ tử mà thuyết pháp rộng rãi. Sau đó ở trong

Hiền kiếp này, lại có Câu-na-hàm Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Bấy giờ đức Phật ấy cũng ở chỗ này mà thuyết pháp rộng rãi. Kế nữa, trong Hiền kiếp này, Ca-diếp Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Ca-diếp Như Lai cũng ở chỗ này mà thuyết pháp rộng rãi'.

Bấy giờ thưa Tôn giả Ca-diếp, tôi quỳ trước Phật và bạch:

'- Mong sao Thích-ca Văn Phật cũng ở chỗ này thuyết pháp đầy đủ cho các đệ tử. Chỗ này sẽ là tòa kim cương của bốn Như Lai, mãi không đoạn dứt.'

Bấy giờ, thưa Tôn giả Ca-diếp, Phật Thích-ca Văn tại chỗ ngồi ấy, bảo tôi:

'- A-nan, ngày xưa ở chỗ nầy trong Hiền kiếp, có vị vua ra đời tên Ma-ha-đề- bà trong suốt tám vạn bốn ngàn năm dùng vương pháp giáo hóa lấy đức dạy dỗ dân; trải qua nhiều năm, rồi bảo Kiếp-tỷ (người hớt tóc) rằng:

'- Nếu thấy đầu ta có tóc bạc, hãy báo cho ta hay'.

Lúc đó, người kia nghe vua ra lệnh, qua mấy năm lại thấy trên đầu vua có tóc bạc mọc, liền quỳ trước Đại vương và bạch:

'- Đại vương nên biết, trên đầu ngài tóc bạc đã mọc.'

Vua liền bảo người ấy:

'- Lấy nhíp vàng nhổ tóc bạc bỏ lên tay ta.'

Lúc đó, người ấy vâng lệnh lấy nhíp vàng nhổ tóc bạc. Bấy giờ Đại vương thấy tọc bạc rồi liền nói kệ rằng:

'Bây giờ trên đầu ta,
Đã sanh lông suy hao,
Thiên sứ đã đến nơi,
Nên ngay đây xuất gia.
Nay ta đã hưởng phước trong loài người, phải nên tự cố gắng tiến lên đức của trời, cạo bỏ râu tóc, mặt ba pháp y, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa khỏi các khổ'.

Bây giờ, vua Ma-ha-đề-bà liền bảo thái tử lớn nhất tên là Trường Thọ:

'- Con có biết chăng, nay đầu ta đã sanh tóc bạc, ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp ý, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa khỏi các khổ. Con hãy nối ngôi, lấy pháp cai trị, giáo hóa, chớ khiến cho sai trái lời ta dạy bảo mà tạo hạnh phàm phu. Sở dĩ như thế vì nếu có người nào trái lời ta dạy, liền làm hạnh phạm phu. Phàm phu thì cứ ở mãi trong tam đồ, đầy đủ tám nạn.'

Bấy giờ, vua Ma-ha-đề-bà truyền ngôi vua cho thái tử rồi, lại đem tiền của ban cho Kiếp-tỷ (người hớt tóc) rồi ở chỗ khác cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa khỏi các khổ, trong tám vạn bốn ngàn năm khéo tu phạm hạnh, hành Tứ đẳng tâm: từ, bi, hỉ, xả; khi thân chết, mạng chung sanh lên Phạm thiên.

Vua Trường Thọ nhớ lời cha dạy chưa hề tạm bỏ, dùng pháp cai trị không có sai lạc, chưa hết tuần lễ, liền được làm Chuyển luân Thánh vương, có đủ bảy báu.

Bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, điển tạng báu, điển binh báu. Đó là bảy báu. Lại có ngàn người con dũng mãnh, trí tuệ, hay trừ các khổ, thống lãnh bốn phương.

Rồi vua Trường Thọ dùng pháp vua trước... và làm kệ:

Nay ở trên đầu tôi,
Đã sanh lông suy hao,
Sứ trời đã lại đến,
Đúng lúc nên xuất gia.
'Nay ta đã hưởng phước loài Người, phải nên tự cố gắng tạo đức lên cõi Trời, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp ý, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa các thứ khổ'.

Rồi vua Trường Thọ, bảo thái tử con trưởng tên Thiện Quán:

'- Con có biết chăng, nay đầu ta đã sanh tóc bạc. Ý ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, lìa hẳn các khổ. Con hãy nối ngôi ta, dùng pháp mà cai trị, chớ sai mất lời ta dạy dỗ mà tạo hạnh phàm phu. Sở dĩ như thế vì nếu có người trái lời ta dạy làm hạnh phạm phu mà hạnh phàm phu thì ở mãi trong ba đường, tám nạn.'

Và vua Trường Thọ trong tám muôn bốn ngàn năm khéo tu Phạm hạnh, hành Tứ đẳng tâm là từ, bi, hỉ, xả; khi thân chết, mạng chung sanh lên trời Phạm thiên. Còn vua Thiện Quán nhớ lời cha dạy chưa từng tạm bỏ, dùng pháp cai trị không chút sai lạc'.

Tôn giả Ca-diếp nên biết, khi đó Ma-ha-đề-bà đâu phải người nào khác, đừng có cho như thế. Vua bấy giờ nay là Phật Thích-ca Văn. Vua Trường Thọ nay là thân A-nan, còn Thiện Quán lúc đó, nay là Tỳ-kheo Ưu-đa-la, đã hằng nhân vương pháp chưa từng bỏ mất, cũng chẳng đoạn dứt. Và vua Thiện Quán lại làm hưng phục lệnh của vua cha, dùng pháp cai trị, chẳng dứt lời vua dạy. Vì sao thế? Vì lời dạy của phụ vương khó làm trái được.

Bấy giờ Tôn giả A-nan liên nói kệ:

Kính Pháp, vâng lời Tôn,
Chẳng quên báo ân gốc,
Lại hay giữ ba nghiệp,
Chỗ quý của người trí.
Tôi quán nghĩa này rồi, đem Tăng Nhất A-hàm truyền cho Tỳ-kheo Ưu-đa- la. Vì sao? Tất cả các pháp đều có lý do.

Rồi Tôn giả A-nan bảo Tôn giả Ưu-đa-la:

- Hiền giả lúc trước làm Chuyển luân Thánh vương, chẳng để mất lời vua dạy. Nay tôi lại đem pháp này trao phó cho Hiền giả, chớ để mất chánh giáo, chớ làm hạnh phàm

phu. Nay Hiền giả nên biết, nếu có người trái mất thiện giáo của Như Lai, liền đọa trong cõi phàm phu. Vì sao? Lúc ấy vua Ma-ha- đề-bà không được đến chỗ rốt ráo giải thoát, chưa được giải thoát đến chỗ an ổn; tuy hưởng phước báo Phạm thiên, vẫn chẳng đến chỗ cứu cánh là thiện nghiệp của Như Lai, tức gọi là chỗ cứu cánh an ổn, an lạc vô cùng, được Trời, Người cung kính, tất sẽ được Niết-bàn. Vì thế cho nên, Ưu-đa-la! Hãy nên phụng trì pháp này, phúng tụng, đọc niệm, chớ cho thiếu sót.

Bấy giờ A-nan liền nói kệ:

Đối với Pháp nên niệm,
Như Lai do đây sanh,
Pháp hưng thành Chánh Giác,
Bích-chi, La-hán đạo,
Pháp hay trừ các khổ,
Cũng hay thành kết quả.
Niệm Pháp chẳng rời tâm,
Nay và sau thọ báo,
Nếu muốn thành vị Phật,
Giống như Thích-ca Văn,
Thọ trì ba tạng pháp,
Câu kinh chẳng lầm loạn,
Tam tạng tuy khó giữ,
Nghĩa lý chẳng thể cùng,
Nên tụng bốn A-hàm,
Liên đoạn nẻo Nhân Thiên.
A-hàm tuy khó tụng,
Kinh nghĩa chẳng thể hết,
Giới luật chớ để mất,
Đây là báu Như Lai.
Luật cấm cũng khó giữ,
A-hàm cũng như thế,
Giữ vững A-tỳ-đàm,
Hàng phục thuật ngoại đạo,
Tuyên dương A-tỳ-đàm,
Nghĩa này cũng khó giữ.
Nên tụng ba A-hàm
Chẳng mất câu của kinh.
Khế kinh, A-tỳ-đàm,
Giới luật lưu bố đời,
Người, Trời được vâng làm,
Liền sanh chỗ an ổn.

Nếu không pháp khế kinh,
Cũng lại không giới luật,
Như mù lao vào tối,
Lúc nào mới thấy sáng?
Lấy đây giao phó ông,
Cùng với bốn bộ chúng,
Nên giữ chớ coi thường,
Đối với Phật Thích-ca.

Khi Tôn giả A-nan nói lời này, trời đất sáu phen chấn động. Các bậc Trời, Thần ở hư không, tây cầm hoa trời rải trên Tôn giả A-nan, và tung vào khắp trong bốn bộ chúng. Tất cả Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca- lâu-la, Khẩn-na-la, Ma-hầu-la-già v.v... đều mừng rỡ và khen:

- Lành thay, lành thay, Tôn giả A-nan!

Những lời trước và sau đều lành. Đối với pháp nên cung kính, thật như đã nói. Chư Thiên và Người đời không ai không từ pháp mà được thành tựu. Nếu ai làm ác phải đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Lúc bấy giờ, Tôn giả A-nan ở trong bốn bộ chúng, cất tiếng rống của sư tử, khuyên tất cả mọi người phụng hành pháp này.

Bấy giờ trên tòa, ba vạn Trời Người được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ bốn bộ chúng, chư Thiên, Người đời nghe Tôn giả thuyết xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

II. Phẩm Thập Niệm

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu được thần thông, bỏ các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Phật. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, bỏ các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu thần thông, bỏ các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm

Pháp. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, bỏ các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, các Tỳ-kheo hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Tăng. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Giới. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết- bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Thí. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết- bàn. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là

một pháp? Nghĩa là niệm Thiên. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Dừng nghỉ. Hãy khéo một pháp, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá một pháp, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Hơi thở ra vào. Hãy khéo tu hành, truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá một pháp, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Thân không thường còn. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa- môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá một pháp, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm sự Chết. Hãy khéo tu hành, hãy truyền bá rộng rãi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết- bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Niệm Phật, Pháp, Thánh chúng,
Niệm Giới, Thí và Thiên,
Niệm Dừng nghỉ, Hơi thở,
Niệm Thân, Chết sau cùng.
---o0o---

III. Phẩm Quảng diễn

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành và truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được hưởng vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Phật.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là tu hành niệm Phật sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được hưởng vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn

tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch đức Thế Tôn:

- Căn bản các pháp đều do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn vì các Tỳ-kheo dạy diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe Như Lai rồi, sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời rồi. Đức Thế Tôn bảo rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già buộc niệm ở trước, không có một ý tưởng nào khác, một lòng niệm Phật, quán hình tướng Như Lai chưa từng rời mắt, đã chẳng rời mắt, liền niệm công đức của Như Lai.

Thể của Như Lai bằng kim cương, đầy đủ mười lực, bốn vô sở úy, giữa chúng dũng kiện. Dung mạo Như Lai đoan chính vô song, nhìn không chán mắt. Giới đức thành tựu giống như kim cương không thể phá hủy, thanh tịnh không tỳ vết cũng lưu ly. Tam muội của Như Lai chưa hề sút giảm, dừng lặng vĩnh viễn không có niệm khác; các tình cảm kiêu mạn, quật cường, các tâm ý dục, tưởng sân, ngu hoặc, do dự, buộc kết đều trừ sạch cả.

Huệ của thân Như Lai, trí không bờ mé, không bị chướng ngại. Thân của Như Lai do giải thoát thành tựu, không còn sanh lại để phải nói rằng: 'Ta sẽ đọa vào sanh tử nữa'. Thân Như Lai là độ tri kiến thành tựu, biết căn tánh người khác nên độ hay không nên độ, biết họ chết đây sanh kia, qua lại xoay vần bên bờ sanh tử, người có giải thoát, người không giải thoát đều biết hết cả.

Đó là tu hành niệm Phật, sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Phật thì sẽ được các công đức lành này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành và truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được hưởng vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Pháp.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là tu hành niệm Pháp sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, hưởng được vị cam lồ, đến được chỗ vô vi, thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Căn bản các pháp đều do Như Lai dạy. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe lời Như Lai xong sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, đức Thế Tôn bảo rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già buộc niệm trước mặt, không có niệm khác, chuyên cần niệm Pháp, trừ các dục ái, không có trần lao, tâm khát ái không còn nổi lên nữa.

Phàm Chính pháp, nghĩa là đối với dục cho đến vô dục, đều lìa bệnh của các ràng buộc, các che đậy. Pháp này ví như mùi các thứ hương, không có dấu vết của niệm loạn tưởng.

Đó là Tỳ-kheo tu hành niệm Pháp sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được nếm vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ thành tựu thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Pháp sẽ được các công đức lành này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Tăng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là tu hành niệm Tăng sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được

quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Căn bản các pháp đều do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo nghe lời Như Lai nói rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già cột niệm trước mặt, không có tưởng khác, chuyên cần niệm Tăng (chúng): Thánh chúng của Như Lai nghiệp lành thành tựu, chất trực thuận nghĩa, không có nghiệp tà, trên dưới hòa mục, pháp pháp thành tựu, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, độ tri kiến thành tựu. Thánh chúng là bốn đôi, tám bậc. Đó là thánh chúng của Như Lai, phải nên cung kính, thừa sự, lễ thuận. Vì sao thế? Vì họ là ruộng phước của đời. Ở trong chúng này đều đồng là pháp khí. Cũng vì tự độ mà độ người khác đến đạo Tam thừa. Nghiệp như thế gọi là Thánh chúng. Thế nên, các Tỳ-kheo, nếu có người niệm Tăng, liền có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Tăng, liền sẽ được các công đức lành này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Giới.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là tu hành niệm Giới sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Căn bản các pháp đều do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo được nghe lời Như Lai nói rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già cột niệm trước mặt, không có niệm khác, chuyên cần niệm Giới. Giới nghĩa là dừng các ác. Giới có thể thành đạo, khiến người hoan hỉ. Giới quấn quanh thân, làm hiện các vẻ đẹp.

Phàm cấm giới giống như bình cát tường tùy chỗ mong cầu mà thành tựu. Các đạo phẩm đều do giới mà thành tựu. Như thế, này các Tỳ-kheo, người hành cấm giới thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự

đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chớ rời niệm Giới, sẽ được các công đức lành này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Thí.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là tu hành niệm Thí sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Căn bản các pháp đều do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo được nghe lời Như Lai nói rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già cột niệm trước mặt, không có niệm khác, chuyên cần niệm Thí: 'Tôi nay bố thí, nơi vật bố thí

trọn không có tâm hối tiếc, không nghĩ sẽ được đền đáp, không thích được lợi. Nếu người chửi tôi, tôi trọn không trả thù. Dù người hại tôi, dùng tay đấm, thêm dao gậy đập, ngói gạch ném vào mình, tôi sẽ khởi lòng từ, không nổi sân giận. Ý bố thí của tôi không đoạn dứt'. Thế nên, Tỳ-kheo, gọi là đại Thí, sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Thí, sẽ được các công đức lành này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Thiên.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là tu hành niệm Thiên, sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Căn bản các pháp đều do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo được nghe lời Như Lai rồi sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già cột niệm trước mặt, không có tưởng khác, chuyên cần niệm Thiên. Thân, miệng, ý trong sạch không tạo hạnh nhơ, hành giới thành tựu thân; thân phóng ánh sáng chiếu khắp mọi nơi, thành thân, trời kia, quả lành thành thân trời kia. Các hạnh đầy đủ liền thành thân trời. Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là niệm Thiên, sẽ được danh dự, sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Thiên, sẽ được các công đức lành này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Dừng nghỉ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là tu hành niệm Dừng nghỉ sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Căn bản các pháp đều do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo được nghe lời Như Lai rồi, sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già cột niệm trước mặt, không có tưởng khác, chuyên cần niệm Dừng nghỉ. Dừng nghỉ nghĩa là dứt tâm ý tưởng, chí tánh rõ ràng, cũng không tháo động, hằng chuyên một lòng, ý thích nhàn cư. Thường tìm phương tiện nhập tam-muội, thường nhớ không ham hơn thua, dành địa vị trên trước. Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là niệm Dừng nghỉ, sẽ được danh dự, sẽ thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các

loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, không lìa niệm Dừng nghỉ, sẽ được các công đức lành này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này! Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Hơi thở ra vào.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là tu hành niệm Hơi thở ra vào sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Căn bản các pháp đều do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo được nghe lời Thế Tôn rồi, sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già cột niệm trước mặt, không có tưởng khác, chuyên nhất niệm Hơi thở ra vào. Hơi thở ra vào nghĩa là nếu lúc hơi thở dài, cũng nên quán biết 'tôi đang thở dài'; nếu lại hơi thở ngắn, cũng nên quán biết 'tôi đang thở ngắn'; nếu hơi thở cực lạnh, cũng nên quán biết, 'Tôi đang thở lạnh'; nếu hơi thở lại nóng, cũng nên quán biết, 'Tôi đang thở nóng'. Quán khắp thân thể từ đầu đến chân, đều nên quán biết. Nếu hơi thở lại có dài ngắn, cũng nên quán hơi thở có dài có ngắn. Dụng tâm giữ thân, biết hơi thở dài ngắn gì cũng đều biết cả, hơi thở ra vào phân biệt rõ ràng, nếu tâm giữ thân, biết hơi thở dài ngắn cũng lại biết hết. Đếm hơi thở dài ngắn phân biệt hiểu rõ. Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là niệm Hơi thở ra vào, sẽ được danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên tư duy, chẳng lìa niệm Hơi thở ra vào, sẽ được các công đức lành này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các vọng tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Thân.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là tu hành niệm Thân sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Căn bản các pháp đều do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo được nghe Phật rồi, sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già buộc niệm trước mặt, không có tưởng khác, chuyên nhất cần niệm Thân. Niệm Thân nghĩa là: tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, mật, gan, phổi, tim, tỳ, thận, ruột non, ruột già, bạch mô, bàng quang, phẩn tiểu, lá lách, thương đãng, dịch vị, nước mắt, đờm dãi, mỡ máu, mỡ lá, nước miếng, đầu lâu, não. Cái nào là thân? Là đất chăng? Là nước chăng? Là lửa chăng? Là gió chăng? Là do cha mẹ tạo ra chăng? Từ chỗ nào đến? Do ai làm ra? Mắt, tai, mũi, miệng, thân, tâm, nơi đây chết rồi sẽ sanh chỗ nào? Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là niệm Thân, sẽ được danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa- môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy chẳng lìa niệm Thân, sẽ được các công đức lành này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy tu hành một pháp, hãy truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành, truyền bá rộng rãi một pháp rồi sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là niệm Chết.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là tu hành niệm Chết sẽ có danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Căn bản các pháp đều do Như Lai nói. Cúi mong Thế Tôn, vì các Tỳ-kheo mà nói diệu nghĩa này. Các Tỳ-kheo được nghe Như Lai nói xong, sẽ thọ trì.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt rộng điều này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Nếu có Tỳ-kheo chính thân, chính ý, ngồi kiết-già buộc niệm trước mặt, không có tưởng khác, chuyên cần niệm Chết.

Niệm Chết nghĩa là chết chỗ này, sanh chỗ khác, qua lại các đường, mạng chết chẳng dừng. Các căn tan hoại, như cây hư mục, mạng căn cắt đứt, tông

tộc phân ly, không hình không tiếng cũng không tướng mạo. Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là niệm Chết, sẽ được danh dự, thành tựu quả báo lớn, các điều lành đầy đủ, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi, sẽ có thần thông, trừ các loạn tưởng, đạt được quả Sa-môn, tự đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tư duy chẳng lìa niệm Chết, sẽ được các công đức lành này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Phật, Pháp và Thánh chúng,
Cho đến trọn niệm Chết,
Tuy cùng trên đồng tên,
Mà nghĩa mỗi thứ khác.
---o0o---

IV. Phẩm Đệ tử

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về lòng nhân từ rộng rãi, biết rộng, khéo hay khuyên bảo giáo hóa, nuôi dưỡng thánh chúng, chẳng mất oai nghi; đó là Tỳ-kheo A-nhã-câu-lân (Kiều-trần-như). Nhận pháp vị đầu tiên, suy nghĩ về Tứ đế, cũng là Tỳ-kheo A-nhã-kiều-trần-như.

Khéo hay khuyên lơn, dẫn đường tạo phước, độ nhân dân là Tỳ-kheo Ưu-đà- di. Mau thành tựu thần thông, không có hối hận là Tỳ-kheo Ma-ha-nam. Hằng bay trên không, chân chẳng đạp đất là Tỳ-kheo Thiện Trửu. bay giữ hư không giáo hóa, ý không mong cầu vinh dự là Tỳ-kheo Bà-phá. Vui ở trên trời, không ở loài người là Tỳ-kheo Ngưu Tích. Hằng quán tưởng sự xấu xa, bất tịnh là Tỳ-kheo Thiện Thắng. Nuôi dưỡng Thánh chúng, tứ sự cúng dường là Tỳ-kheo Ưu-lưu-ta-ca-diếp. Tâm ý lặng lẽ, hàng phục các kiết sử là Tỳ-kheo Giang-ca-diếp. Quán rõ các pháp đều không dính mắc là Tỳ-kheo Tượng Ca-diếp.

Ca-lân-đà-di, Nam, Thiện Trửu, Bà thứ năm,

Ngưu Tích và Thiện Thắng, Ba anh em Ca-diếp.

*

2. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Oai dung đoan chánh, bước đi khoan thai là Tỳ-kheo Mã Sư. Trí huệ vô cùng, giải quyết hết các nghi là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Thần túc nhẹ nhàng, bay đến mười phương là Tỳ-kheo Đại Mục-kiền-liên. Dũng mãnh tinh tấn, kham chịu khổ hạnh, là Tỳ-kheo Nhị Thập Ức Nhĩ. Hành mười hai hạnh đầu đà khó hành là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp. Thiên nhãn đệ nhất, thấy các cõi ở mười phương là Tỳ-kheo A- na-luật. Tọa thiền nhập định, tâm không lầm loạn là Tỳ-kheo Ly-việt. Hay rộng khuyên bố thí, lập trai giang là Tỳ-kheo Đà-la-bà-ma-la. Tạo lập phòng nhà cho Tăng thập phương là Tỳ-kheo Tiểu-đà-la-bà-ma-la. Chủng tộc cao quý, giàu có xuất gia học đạo là Tỳ-kheo La-tra-bà-la. Khéo phân biệt nghĩa, diễn bày đạo giáo là Tỳ-kheo Đại Ca-chiên-diên.

Mã Sư, Xá-lợi-phất,
Câu-luật, Nhĩ, Ca-diếp,
A-na-luật, Ly-việt,
Ma-la-, Tra, Chiên-diên.
*

3. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Kham nhậm nhận thẻ không trái phép cấm là Tỳ-kheo Quân-đầu-bà-mạc. Hàng phục ngoại đạo, thực hành chánh pháp là Tỳ-kheo Tân-đầu-lô-phả-la-đọa. Săn sóc tật bệnh, cung cấp thuốc men là Tỳ-kheo Thức. Bốn món cúng dường y phục, ẩm thực cũng là Tỳ-kheo Thức. Hay tạo kệ tụng tán thán đức của Như Lai là Tỳ- kheo Bà-kỳ-xá. Được tứ biện tài đối đáp những vấn nạn là Tỳ-kheo Ma-ha- câu-hy-la. Thanh tịnh nhàn cư, không thích ở gần người là Tỳ-kheo Kiên- lao. Khất thực khổ nhục, chẳng tránh lạnh, nóng là Tỳ-kheo Nan-đề. Ở

một mình tĩnh tọa, một lòng nhớ đạo là Tỳ-kheo Kim-tỳ-la. Ngồi một chỗ, ăn một bữa không dời đổi là Tỳ-kheo Thí-la. Giữ gìn ba y, không lìa khi ăn nghỉ là Tỳ-kheo Phù-di.

Quân-đầu, Tân-đầu-lô,
Thức, Bà, Câu-hy-la,
Kiên-lao và nan-đề,
Kim-tỳ, Thí la, Di.
*

4. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Ngồi dưới gốc cây, tọa Thiền ý không di chuyển là Tỳ-kheo Hồ-nghi-ly-viết. Khổ thân ngồi ngoài trời không tránh gió mưa là Tỳ-kheo Bà-tha. Vui một mình, nhàn tản, chuyên ý tư duy là Tỳ-kheo Đà-tô. Mặc áo vá năm mảnh, không mặc đồ tốt đẹp là Tỳ-kheo Ni-bà. Thường ưa ở bãi tha ma không ở gần người là Tỳ- kheo Ưu-đa-la. Hằng ngồi đệm cỏ, ngày ngày làm phước độ người là Tỳ- kheo Lô-hệ-ninh. Chẳng nói với người, nhìn xuống đất mà đi là Tỳ-kheo Ưu-kiểm-ma-ni-giang. Ngồi dậy bước đi thường nhập tam-muội là Tỳ-kheo San-đề (Na-đề). Thích du hành bước xa, dạy dỗ nhân dân là Tỳ-kheo Đàm- ma-lưu-chi. Ưa nhóm Thánh chúng, luận thuyết pháp vị là Tỳ-kheo Ca-lệ.

Hồ-nghi, Bà-thay-ly,
Đà-tô, Bà, Ưu-đa
Lô-hê, Ưu-ca-ma,
Tức, Đàm-ma-lưu, Lệ.
*

5. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Thọ mạng cực dài, trọn không yếu là Tỳ-kheo Bà-câu-la. Thường ưa nhàn cư, không ở trong chúng là Tỳ-kheo Bà-câu-la. Hay thuyết pháp rộng rãi, phân biệt nghĩa lý là Tỳ-kheo Mãn Nguyện Tử. Phụng trì giới luật không có xúc phạm là Tỳ-kheo Ưu-ba-ly. Được tính giải thoát, ý không do dự là Tỳ-kheo Bà-ca-lợi. Thân thể như trời, đoan chính khác biệt với đời là Tỳ-kheo Nan-đà. Các căn tịch tĩnh, tâm không biến dị cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Biện tài mau lẹ, giải những nghi trệ cho người là Tỳ-kheo Bà-đà. Hay nói rộng nghĩa lý không có trái nghịch là Tỳ-kheo Tư-ni. Ưa mặc áo tốt, hạnh vốn trong sạch là Tỳ-kheo Thiên Tu-bồ-đề. Thường thích dạy dỗ những người học sau là Tỳ-kheo Nan- đà-ca. Khéo dạy dỗ cấm giới cho Tỳ-kheo-ni là Tỳ-kheo Tu-ma-na.

Bà-câu, Mãn, Bà-ly,
Bà-ca-lợi, Nan-đà,
Đà, Ni, Tu-bồ-đề,
Nan-đà, Tu-ma-na.
*

6. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Công đức tràn đầy, sở thích không dở là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Đầy đủ các pháp hành đạo phẩm là

Tỳ-kheo Ưu-ba-tiên-ca-lan-đà-tử. Nói năng vui hòa không tổn thương ý người là Tỳ-kheo Bà-đà-tiên. Tu hành an ban, tư duy các điều nhơ nhớp là Tỳ-kheo Ma-ha-ca-diên-na. Nghĩ ngã vô thường, tâm không có tưởng là Tỳ- kheo Ưu-đầu-bàn. Hay nghị luận mọi thứ, làm vui tâm thức là Tỳ-kheo Câu- ma-la-ca-diếp. Mặc áo tệ xấu không có hổ thẹn là Tỳ-kheo Diện Vương. Chẳng hủy cấm giới, tụng đọc không lười mỏi là Tỳ-kheo La-vân. Dùng sức thần túc hay tự thầm ân là Tỳ-kheo Bàn-đặc. Hay đổi hình thể làm các thứ biến hóa là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Thi-bà, Ưu-ba-tiên,
Bà-đà, Ca-diên-na,
Ưu-đầu, Vương, Ca-diếp,
La-vân, hai Bàn-đặc.
*

7. Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Hào tộc phú quý, thiên tánh nhu hòa là Tỳ-kheo Thích Vương. Khất thực không chán, giáo hóa vô cùng là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la. Khí lực mạnh mẽ, không sợ khó khăn cũng là Tỳ-kheo Bà-đề-bà-la. Tiếng vang trong trẻo, tiếng đến Phạm thiên là Tỳ-kheo La-bà-na-bà-đề. Thân thể thơm sạch tỏa ra bốn phương là Tỳ-kheo Ương-ca-xà.

Tỳ-kheo bậc nhất trong chúng Thanh văn của Ta về: Biết thời, rõ vật, gặp việc không nghi, ghi nhớ không quên, nghe nhiều sâu rộng, kham nhận kính thờ người trên là Tỳ-kheo A-nan. Phục sức trang nghiêm, nhìn bóng mà bước là Tỳ-kheo Ca-trì-lợi.Các vua kính nể, quần thần tôn trọng là Tỳ-kheo Nguyệt Quang. Trời Người phụng sự, hằng thăm thưa hỏi là Tỳ-kheo Thâu- đề. Đã bỏ thân người, dung mạo giống trời cũng là Tỳ-kheo Thâu-đề. làm thầy hướng dẫn chư Thiên, chỉ trao chánh pháp là Tỳ-kheo Thiên. Tự nhớ túc mạng, việc vô số kiếp là Tỳ-kheo Quả Y (Bà-ê).

Thích Vương, Bà-đề-ba,
La-bà, Ương-ca-xà,
A-nan, Ca, Nguyệt quang,
Thâu-đề, Thiên, Bà-ê.
*

8. Tỳ-kheo bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Thể tánh thông lợi trí tuệ sâu xa là Tỳ-kheo Ương-quật-ma. Hay hàng phục ma, ngoại đạo, tà

nghiệp là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Nhập thủy tam muội chẳng cho là khó, là Tỳ-kheo Chất-đa-xá-lợi-phất. Hiểu biết rộng rãi, được người kính nhớ cũng là Tỳ-kheo Chất-đa-xá-lợi-phất. Nhập hỏa tam muội chiếu khắp mười phương là Tỳ-kheo Thiện Lai. Hay hàng phục rồng khiến phụng sự Tam Bảo là Tỳ-kheo Na-la-đà. Hàng phục quỷ thần đổi ác tu thiện là Tỳ-kheo Quỷ-đà. Hàng phục Càn-thát-bà siêng tu hạnh lành là Tỳ-kheo Tỳ-lô-giá. Hằng vui trong định Không, phân biệt nghĩa Không là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề. Chí tại không tịch, đức nghiệp vi diệu cũng là Tỳ-kheo Tu-bồ-đề. Hạnh định Vô tướng, trừ bỏ các niệm là Tỳ-kheo Kỳ-lợi-ma-nan. Nhập định Vô nguyện, ý không rối

loạn là Tỳ-kheo Diệm-thịnh.

Ương-quật, Tăng-ca-na,
Chất-đa, Bà, Na-la,
Duyệt-xoa, Phù-lô-giá,
Thiện Nghiệp và Ma-nan.
*

9. Tỳ-kheo bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Nhập từ tam-muội, tâm không giận dữ là Tỳ-kheo Phạm-ma-đạt. Nhập bi tam-muội thành tựu bốn nghiệp là Tỳ-kheo Tu-thâm. Được đức hỷ, không các thứ tưởng là Tỳ- kheo Sa-di-đà. Thường gìn giữ tâm, ý không lìa bỏ là Tỳ-kheo được Ba-ca. Hành Diệm thạnh (Lửa hừng) tam-muội, trọn không lười mỏi là Tỳ-kheo Đàm-di. Ngôn ngữ thô ác, không nể bậc tôn quý là Tỳ-kheo Lợi-đà-bà-giá. Nhập Kim Cang tam-muội cũng là Tỳ-kheo Lợi-đà-bà-giá. Nhập Kim Cang tam-muội không thể bị pháp hoại là Tỳ-kheo Vô Úy. Nói năng dứt khoát, không ôm lòng khiếp nhược là Tỳ-kheo Tu-nê-đa. Hằng ưa tĩnh lặng, ý không xử loạn là Tỳ-kheo Đà-ma. Nghĩa không ai hơn được, trọn chẳng ai có thể nhiếp phục là Tỳ-kheo Tu-la-đà.

Phạm-đạt, Tu-thâm-ma,
Sa-di, Dược, Đàm-di,
Tỳ-lợi-đà, Vô-úy,
Tu-nê-đa, Tu-la.
*

10. Tỳ-kheo bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Hiểu rõ tinh tú, biết trước sự lành dữ là Tỳ-kheo Na-già-ba-la. Hằng vui tam-muội, lấy Thiền duyệt làm thức ăn là Tỳ-kheo Ba-tư-trá. Thường lấy vui làm thức ăn là Tỳ- kheo Tư-dạ-xà. Hằng hành nhẫn nhục, không khởi tâm chống đối là Tỳ-kheo

Mãn Nguyện Thịnh Minh. Tu tập Nhật quang tam-muội là Tỳ-kheo Di-hề. Rõ phép toán thuật, không có sai lầm là Tỳ-kheo Ni-câu-lưu. Trí phân biệt các thứ, hằng không quên mất là Tỳ-kheo Lộc Đầu. Được Lôi điện tam- muội, chẳng ôm lòng sợ hãi là Tỳ-kheo Địa. Quán rõ nguồn gốc của thân là Tỳ-kheo Đầu-na. Thủ chứng cuối cùng được Lậu tận thông là Tỳ-kheo Tu- bạt.

Na-già, Trá, Xá-na,
Di-hề, Ni-câu-lưu,
Lộc-đầu, Địa, Đầu-na,
Tu-bạt ở sau cùng.
Một trăm vị Hiền thánh này, thảy nên nói rộng.

---o0o---

V. Phẩm Tỳ-kheo-ni

1. Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Xuất gia học đạo lâu, được Quốc vương cung kính là Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo Kiều-đàm-di. Trí huệ thông minh là

Tỳ-kheo-ni Thức-ma. Thần túc bậc nhất, cảm đến chư thần là Tỳ-kheo-ni Ưu-bát Hoa Sắc (Liên Hoa Sắc). Hành pháp đầu đà có mười một trở ngại là Tỳ-kheo-ni Cơ-lê-xá-cù-đàm-di. Thiên nhãn đệ nhất chiếu soi không ngại là Tỳ-kheo-ni Xà-câu-lê. Tọa thiền nhập định ý không phân tán là Tỳ-kheo-ni Xà-ma. Phân biệt nghĩa thú, quảng diễn đạo giáo là Tỳ-kheo-ni Ba-đầu-lan-đồ-na. Phụng trì Luật giáo không có vi phạm Tỳ-kheo-ni Ba-la-giá-na. Được tín giải thoát chẳng lui sụt trở lại, là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên. Được bốn biện tài, chẳng ôm lòng khiếp nhược là Tỳ-kheo-ni Tối Thắng.

Đại ái và Thức Ma,
Ưu-bát, Cơ-đàm-di,
Câu-lợi, Xà, Lan-đồ,
Na-la, Ca-chiên, Thắng.
*

2. Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Tự biết việc vô số kiếp đời trướclà Tỳ-kheo-ni Bà-đà-ca-tỳ-ly. Nhan sắc đoan chánh được người kính yêu là Tỳ-kheo-ni Hê-ma-xà. Hàng phục ngoại đạo, lập cho chánh giáo là Tỳ-kheo-ni Thâu-na. Phân biệt nghĩa thú, giảng rộng từng

phần, từng bộ là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề-na. Thân mặc áo thô không lấy làm xấu hổ là Tỳ-kheo-ni Ưu-đa-la. Các căn tịch tĩnh, hằng giữ nhất tâm là Tỳ- kheo-ni Quang Minh. Y phục tề chỉnh, thường như pháp dạy dỗ là Tỳ-kheo- ni Thiền Đầu. Hay luận đủ thứ, không bị nghi trệ là Tỳ-kheo-ni Đàn-đa. Kham nhậm tạo kệ tán thán đức Như Lai là Tỳ-kheo-ni Thiên Dữ. Nghe nhiều biết rộng, dùng ân huệ tiếp người dưới là Tỳ-kheo-ni Cù-ty.

Bạt-đà, Đồ, Thâu-na,
Đàm-ma-na, Ưu-đa,
Quang Minh, Thiền, Đàn-đa,
Thiên Dữ và Cù ty.
*

3. Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Hằng ở chỗ nhàn tĩnh, không ở trong nhân gian là Tỳ-kheo-ni Vô Úy. Khổ hình khất thực, không chọn sang hèn là Tỳ-kheo-ni Tỳ-xá-khư. Ở một chỗ, ngồi một nơi trọn không dời đổi là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-bà-la. Đi khắp cầu xin, rộng độ nhân dân là Tỳ-kheo-ni Ma-nộ-ha-lợi. Chóng thành tựu đạo quả, khoảng giữa không bị ngăn trệ là Tỳ-kheo-ni Đà-ma. Cầm giữ ba y trọn không rời bỏ là Tỳ-kheo-ni Tu-đà-ma. Hằng ngồi dưới gốc cây, ý không cải đổi là Tỳ- kheo-ni Hiếo-tu-na. Hằng ở ngoài trời, không nghĩ đến mái che là Tỳ-kheo- ni Xà-đà. Ưa ở chỗ hoang vắng, không ở nhân gian là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-la. Ngồi hoài trên đệm cỏ, không mặc đồ phục sức là Tỳ-kheo-ni Ly-na. Mặc y năm mảnh để giữ phần khí (phần vệ) là Tỳ-kheo-ni A-nô-ba-ma.

Vô Úy, Đa-tỳ-xá,
Bà-đà, A-nô-ba,

Đàn, Tu-đàn, Xà-đa,
Ưu-ca, Ly, A-nô.
*

4. Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Ưa ở bãi tha ma là Tỳ-kheo-ni Ưu-ca-ma. Đi nhiều vì thương xót, nhớ nghĩ chúng sinh là Tỳ- kheo-ni Thanh Minh. Khóc thương chúng sanh không đến được đạo là Tỳ- kheo-ni Tố-ma. Vui được đạo và mong phổ cập đến tất cả là Tỳ-kheo-ni Ma- đà-lợi. Giữ gìn các hạnh, ý không xa lìa là Tỳ-kheo-ni Ca-la-già. Thủ không, chấp hư, biết rằng không có là Tỳ-kheo-ni Đề-bà-tu. Tâm vui Vô tưởng, trừ bỏ các chấp trước là Tỳ-kheo-ni Nhật Quang. Tu tập Vô nguyện, tâm hằng cứu giúp rộng rãi là Tỳ-kheo-ni Mạt-na-bà. Các pháp không nghi, độ người

không giới hạn là Tỳ-kheo-ni Tỳ-ma-đạt. Hay thuyết rộng nghĩa, phân biệt những pháp sâu xa là Tỳ-kheo-ni Phổ Chiếu.

Ưu-ca, Minh, Tố-ma,
Ma-đà, Ca, Đề-bà,
Nhật Quang, Ma-na-bà,
Tỳ-ba-đạt, Phổ Chiếu.
*

5. Tỳ-kheo-ni bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta về: Tâm ôm nhẫn nhục như đức bao dung là Tỳ-kheo-ni Đàm-ma-đề. Hay giáo hóa người khiến lập hội thí (đàn hội) là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma. Xếp đặt giường tòa đầy đủ cũng là Tỳ-kheo-ni Tu-dạ-ma. Tâm đã dứt hẳn, không dấy loạn tưởng là Tỳ-kheo-ni Nhân-đà-xà. Quán rõ các pháp mà không nhàm chán là Tỳ-kheo-ni Long. Ý cứng rắn mạnh mẽ, không bị nhiễm trước là Tỳ-kheo-ni Câu-na-la. Nhập thủy tam muội, thấm nhuần khắp tất cả là Tỳ-kheo-ni Bà-tu. Nhập Diệm quang tam-muội chiếu soi mọi loài là Tỳ-kheo-ni Hàng-đề. Quán nhơ nhớp bất tịnh, phân biệt duyên khởi là Tỳ-kheo-ni Giá-ba-la. Nuôi dưỡng mọi người, cung cấp chỗ thiếu thốn là Tỳ-kheo-ni Thủ-ca. Tỳ-kheo-ni bậc nhất cuối cùng trong hàng Thanh Văn của Ta là Tỳ-kheo-ni Bạt-đà-quân-đà-la nước Câu-di.

Đàm-ma, Tu-dạ-ma,
Nhân-đề, Long, Câu-na,
Bà-tu, Hàng, Giá-ba,
Thủ-ca, Bạt-đà-la.
Năm mươi Tỳ-kheo-ni này, nên nói rộng như trên.

---o0o---

VI. Phẩm Thanh tín sĩ (Ưu-bà-tắc)

1. Trong đệ tử của Ta, người đầu tiên nghe pháp được mà chứng Hiền thánh là Thương khách Tam Quả. Trí tuệ bậc nhất là Trưởng giả Chất-đa. Thần đức bậc nhất là Kiền-đề-a-lam. Hàng phục ngoại đạo là Trưởng giả Quật-đa. Hay thuyết những pháp sâu xa là Trưởng giả Ưu-ba-quật. Hằng tọa thiền suy tư là Ha-xỉ-a-la-bà. Hàng phục ma

cung là Trưởng giả Dũng Kiện. Phước đức tràn đầy là Trưởng giả Đồ-lợi. Đại thí chủ là Trưởng giả Tu-đạt (Cấp Cô Độc). Môn tộc thành tựu là Trưởng giả Mẫn-dật.

Tam Quả, Chất, Kiền-đề
Quật, Ba và La-bà
Dũng, Xà-lợi, Tu-đạt
Mẫn-dật tức là mười.
*

2. Ưu-bà-tắc bậc nhất trong hàng đệ tử của Ta về: Thích hỏi nghĩa thú là Bà- la-môn Sanh Lậu. Lợi căn thông minh là Phạm-ma-du. Chư Phật tin cậy sai khiến là Ngự-mã-ma-nạp. Biết thân vô ngã là Bà-la-môn Hỷ Văn Cầm. Nghị luận hơn người là Bà-la-môn Tỳ-cừu. Hay làm kệ tụng là Trưởng giả Ưu-ba- ly. Nói năng mau lẹ cũng là Trưởng giả Ưu-ba-ly. Thích cho báu tốt, không có lẫn tiếc là Trưởng giả Thù-đề. Kiến lập gốc lành là Ưu-ca-tỳ-xá-ly. Hay thuyết diệu pháp là Ưu-bà-tắc Tối Thượng Vô Úy. Thuyết giảng không sợ hãi, khéo quan sát căn cơ của người là đại tướng lãnh của thành Tỳ-xá-ly tên Đầu-ma.

Sanh Lậu - Phạm-ma-du,
Ngự-mã và Văn Cầm,
Tỳ-cưu, Ưu-ba-ly,
Thù-đề, Ưu, Úy, Ma.
*

3. Ưu-bà-tắc bậc nhất trong đệ tử Ta về: Vui thích ban bố ân huệ là Bình-sa Vương. Bố thí ít ỏi là vua Quang Minh. Kiến lập gốc lành là vua Ba-tư-nặc. Được niềm tin tốt lành không căn cứ, khởi lòng hoan hỉ là vua A-xà-thế. Chí tâm hướng về Phật, ý không biến đổi là vua Ưu-điền. Thừa sự chánh pháp là vương tử Nguyệt Quang. Cung phụng Thánh chúng, ý hằng bình đẳng là vương tử tạo Kỳ-hoàn. Thường ưa giúp người khác, không vì chính mình là vương tử Sư Tử. Khéo cung phụng người không có tâm cao thấp là vương tử Vô Úy. Nhan mạo đoan chánh, thù thắng hơn người là vương tử Kê-đầu.

Tỳ-sa Vương, Quang Minh,
Ba-tự-nặc, Xà-vương,
Nguyệt, Kỳ-hoàn, Ưu-điền,
Sư Tử, Úy, Kê-đầu.
*

4. Ưu-bà-tắc bậc nhất trong đệ tử của Ta về: Hằng hành tâm từ là Trưởng giả Bất ni. Tâm hằng thương nhớ tất cả mọi loài là họ Thích Ma-ha-nạp. Thường hành tâm hỷ là họ Thích Bạt-đà. Thường hành tâm xả, không làm mất hạnh lành là Ưu-bà-tắc Tỳ-xà-tiên. Kham nhậm hành nhẫn nhục là đại tướng Sư Tử. Hay luận mọi chuyện là Ưu-bà-tắc Tỳ-xá-ngự. Im lặng như hiền thánh là Ưu-bà-tắc Nan-đề-bà-la. Siêng tu hạnh lành không ngừng nghỉ là Ưu-bà-tắc Ưu-đa-la. Các căn tịch tĩnh là Ưu-bà-tắc Thiên-ma. Đệ tử chứng quả cuối cùng trong đệ tử của Ta là Câu-di Na-ma-da.

Bất-ni, Ma-ha-nạp,
Bạt-đà, Ưu-đa-la,
Sư Tử, Tỳ-xá-ly,
Ưu-đa, Thiên, Ma-la.
Bốn mươi Ưu-bà-tắc, đều nên nói rộng như trên.

---o0o---

VII. Phẩm Thanh tín nữ (Ưu-bà-di)

1. Ưu-bà-di bậc nhất trong đệ tử của Ta về: Được chứng đạo đầu tiên là Ưu- bà-di Nan-đà-nan-đà-bà-la. Trí tuệ bậc nhất là Ưu-ba-di Cửu-thọ-đa-la. Hằng ưa tọa thiền là Ưu-bà-di Tu-tỳ-da-nữ. Huệ căn sáng rỡ là Ưu-bà-di Tỳ- phù. Có thể thuyết pháp là Ưu-bà-di Ương-kiệt-xà. Khéo diễn nghĩa kinh là Ưu-bà-di Bạt-đà-sa-la-tu-diệm-ma. Hàng phục ngoại đạo là Ưu-bà-di Bà-tu- đà. Âm thanh trong trẻo là Ưu-bà-di Vô Ưu. Hay luận đủ loại là Ưu-bà-di Bà-la-đà. Dũng mãnh tinh tấn là Ưu-bà-di Tư-đầu.

Nan-đà-đà, Cửu-thọ,
Tu-tỳ, Ương-kiệt-xà,
Tu-diệm và Vô Ưu,
Bà-la-đà, Tư-đầu.
*

2. Ưu-bà-di bậc nhất trong hàng đệ tử của Ta về: Cúng dường Như Lai là phu nhân Mạt-lợi. Thừa sự Chánh pháp là phu nhân Tu-lại-bà. Cúng dường Thánh chúng là phu nhân Xả-di. Chiêm ngưỡng bậc hiền đời quá khứ và tương lai là phu nhân Lôi Điện. Hằng hành Từ tam muội là Ưu-bà-di Ma-ha Quang. Hằng thương xót lân mẫn là Ưu-bà-di Tỳ-đề. Tâm vui chẳng dứt là

Ưu-bà-di Bạt-đề. Hành nghiệp thủ hộ là Ưu-bà-di Nan-đà Mẫu. Được tín giải thoát là Ưu-bà-di Chiếu Diệu.

Mạt-lợi, Tu-lại-bà,
Xả-di, Nguyệt Quang, Lôi,
Đại Quang, Tỳ-đề, Đà,
Nan-đà và Chiếu Diệu.
*

3. Ưu-bà-di bậc nhất trong đệ tử của Ta về: Hằng hành nhẫn nhục là Ưu-bà- di Vô Ưu. Hành Không tam muội là Ưu-bà-di Tỳ-thù-tiên. Hành Vô tưởng tam-muội là Ưu-bà-di Na-đà. Hành Vô nguyện tam-muội là Ưu-bà-di Vô Cấu. Thích dạy dỗ người khác là Ưu-bà-di phu nhân Thi-lợi. Khéo hay trì giới là Ưu-bà-di Ương-kiệt-ma. Hình mạo đoan chánh là Ưu-bà-di Lôi Diệm. Các căn tịch tĩnh là Ưu-bà-di Tối Thắng. Nghe nhiều, biết rộng là Ưu- bà-di Ni-la. Hay làm kệ tụng là Ưu-bà-di Tu-ma-ca-đề-tu-đạt-nữ. Không bị khiếp nhược cũng là Ưu-bà-di Tu-đạt-nữ. Ưu-bà-di thủ chứng cuối cùng trong hàng Thanh văn của Ta là Ưu-bà-di Lam.

Vô Ưu, Tỳ-thù-tiên,
Ưu-na, Vô Cấu, Thi,
Ương-kiệt, Lôi Diệm, Thắng,
Nê, Tu, Lam-ma-nữ.
Ba mươi Ưu-bà-di này nói rộng như trên.

---o0o---

VIII. Phẩm Atula

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có thân hình to lớn không ai hơn vua A-tu-la. Tỳ-kheo nên biết, thân hình A-tu-la, cao lớn tám vạn bốn ngàn do tuần, miệng rộng một ngàn do tuần. Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc này là lúc vua A-tu-la muốn xâm phạm mặt trời, liền hóa thân lớn gấp đôi mười sáu vạn tám ngàn do tuần, đến trước mặt trời, mặt trăng. Vua Nhật Nguyệt trông thấy, ai nấy sợ hãi, ở chỗ mình

không an ổn. Vì sao thế? Vì thân hình A-tu-la rất đáng sợ. Vua Nhật Nguyệt kia vì sợ hãi nên không phát ra ánh sáng nữa. Nhưng A-tu-la chẳng dám tới trước bắt mặt trời, mặt trăng. Vì cớ sao? Oai đức của Nhật Nguyệt có thần lực rất lớn, thọ mạng rất dài, nhan sắc đoan chánh, hưởng vui sướng vô cùng. Muốn biết thọ mạng dài ngắn, thì tuổi thọ của Nhật Nguyệt trụ một kiếp. Hơn nữa phước đức chúng sanh ở đây trợ giúp, khiến vua Nhật Nguyệt không bị A-tu-la thấy để xúc não.

Bấy giờ A-tu-la ôm lòng buồn lo mà biến mất. Như vậy, này các Tỳ-kheo, tệ ma Ba-tuần luôn ở sau lưng các Thầy, tìm phương tiện làm hư hỏng căn lành. Ba-tuần liền hóa ra những sắc, tiếng, mùi, vị, xúc chạm, và pháp cực kỳ huyền diệu lạ lùng, muốn làm mê loạn ý các Tỳ-kheo. Ba-tuần nghĩ rằng: 'Ta sẽ bắt được cơ hội thuận tiện về tai, mũi, miệng, thân, ý'. Bấy giờ, Tỳ- kheo tuy thấy pháp lực tình cực diệu, tâm vẫn không nhiễm trước. Bấy giờ tệ ma Ba-tuần ôm lòng buồn lo rồi lui đi. Vì sao thế? Đó là do oai lực của Như Lai, bậc A-la-hán. Vì cớ sao? Này các Tỳ-kheo, vì chẳng gần sắc, tiếng, mùi, vị, xúc và pháp.

Bấy giờ Tỳ-kheo thường học điều này: Nhận sự tín cúng của người thật là rất khó, nếu không thể tiêu hóa thì sẽ rơi vào năm đường, không đến được đạo Vô thượng Chánh chân, cần nên chuyên ý, người chưa được hãy được, chưa đắc hãy đắc, người chưa độ hãy độ, người chưa chứng hãy dạy dỗ khiến cho thành tựu quả chứng.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, nếu chưa được tín thí thì chớ khởi nghĩ tưởng, đã được tín thí thì tiêu hóa ngay, chớ khởi nhiễm trước. Như thế, này các Tỳ- kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời, sẽ làm nhiều lợi ích cho người, đem an ổn đến cho chúng sanh, thương xót những người ngu tối, muốn khiến cho Trời, Người được phước đức. Thế nào là một người? Nghĩa là đức Phật, Như Lai, bậc A-la-hán Tam-miệu-tam-bồ-đề. Đó là một người xuất hiện ở đời,

làm nhiều lợi ích cho người, đem an ổn đến cho chúng sanh, thương xót người ngu tối, muốn khiến cho Trời, Người được phước đức.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời, liền có một người nhập đạo trong thế gian và cũng sẽ có Nhị đế, Ba cửa giải thoát, chân pháp Tứ đế, Ngũ căn, Sáu tà kiến tiêu diệt. Thất giác ý của hiền thánh, Tám đạo phẩm, Chín nơi cư trú của chúng sanh, Mười lực của Như Lai, Mười một từ tâm giải thoát liền xuất hiện ở đời. Thế nào là một người? Nghĩa là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là một người xuất hiện ở đời, liền có một người nhập đạo trong thế gian, cũng có Nhị đế, Ba cửa giải thoát, chân pháp Tứ đế, Ngũ căn, Sáu tà kiến tiêu diệt, Bảy giác chi (ý) của Hiền Thánh, Tám đạo phẩm, Chín nơi cư trú của chúng sanh, Mười lực của Như Lai, Mười một từ tâm giải thoát liền xuất hiện ở đời. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường khởi lòng cung kính đối với Như Lai, cũng nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở đời. Thế nào là một người? Nghĩa là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là một người xuất hiện ở đời, liền có ánh sáng trí tuệ xuất hiện ở đời. Thế nên, các Tỳ-kheo nên có lòng tin đối với Phật, chớ có nghiêng lệch. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời, vô minh tăm tối liền tự tiêu diệt. Bấy giờ kẻ phàm ngu, vì bị cái thấy vô minh này trói buộc, những nẻo sanh tử chẳng biết như thật, xoa vần qua lại từ đời này đến đời sau, từ kiếp này đến kiếp khác, không cởi bỏ được. Nếu lúc đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời thì vô minh tăm tối liền tự tiêu diệt. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy nhớ thừa sự chư Phật. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời, liền có Ba mươi bảy phẩm xuất hiện ở đời. Thế nào là Ba mươi bảy phẩm? Nghĩa là Tứ ý chỉ, Tứ ý đoạn, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác ý, Bát chân hành liền xuất hiện ở đời. Thế nào là một người? Nghĩa là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy thường nên thừa sự Phật, và nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người mất hẳn ở đời, phần đông nhân loại ôm lòng buồn lo, Trời, Người đều mất bóng mát chở che. Thế nào là một người? Nghĩa là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là một người nếu mất hẳn ở đời, phần đông nhân loại ôm lòng buồn lo, Trời, Người đều mất bóng mát che chở. Vì sao thế? Nếu đức Như Lai diệt độ ở đời, Ba mươi bảy phẩm cũng lại diệt hẳn. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy thường cung kính Phật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời, bấy giờ Trời và Người đều được thấm nhuần ánh sáng, sẽ có lòng tin đối với giới, văn, thí, huệ. Ví như mùa thu, ánh trăng tròn đầy không có bụi vẩn, chiếu khắp mọi nơi. Đây cũng như thế. Nếu đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Trời và Người sẽ được thấm nhuần ánh sáng, có lòng tin đối với giới, văn, thí, tuệ. Như mặt trăng tròn đầy chiếu khắp tất cả. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy khởi lòng cung kính đối với Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời. Bấy giờ Trời và Người sẽ đều đông đúc, chúng sanh ở ba đường ác liền tự giảm đi. Ví như cõi nước lúc có Thánh vương cai trị, nhân dân trong thành đó đông mạnh, nước láng giềng sẽ yếu sức hơn. Đây cũng như thế. Nếu như Như Lai xuất hiện ở đời, ba đường ác sẽ tự giảm bớt. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy tin tưởng Phật. Thế nên này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời không có ai bằng, chẳng thể bắt chước, đi một mình không bè bạn, không cùng ai trang lứa. Chư Thiên và loài Người không thể sánh kịp, tín, giới, văn, thí, tuệ cũng không có ai có thể sánh kịp. Thế nào là một người? Nghĩa là đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là một người xuất hiện ở đời, không có ai bằng, chẳng thể bắt chước, đi một mình không bè bạn, không cùng ai trang lứa. Chư Thiên và loài Người không thể sánh kịp, tín, giới, văn, thí, tuệ đều đầy đủ cả. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Tu-la, ích, một đường,
Ánh sáng và tăm tối,
Đạo phẩm, mất hẳn, tin,
Đông đúc, không sánh bằng.
---o0o---

IX. Phẩm Một đứa con

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ví như người mẹ hết lòng tin tưởng đứa con trai duy nhất, thường nghĩ rằng: 'Làm sao để dạy dỗ cho nó thành người?'

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Đức Thế Tôn là căn bản của các pháp. Như Lai chỉ bày điều gì, không ai không nhận lãnh. Cúi mong

Thế Tôn nói pháp sâu xa này cho các Tỳ-kheo, chúng con nghe xong xin vâng làm.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy mà phân biệt nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Như Ư-bà-di kia hết lòng tin tưởng sẽ dạy dỗ các con thế này:

'Nay Con nếu ở tại gia nên như Trưởng giả Chất-đa và đồng tử Tượng. Vì sao thế? Vì đây là mẫu mực, đây là hạn lượng. Đệ tử được ấn chứng của Thế Tôn và Trưởng giả Chất-đa và đồng tử Tượng. Nếu ý con trẻ muốn cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thì nên như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên'. Vì sao thế? Vì đây là mẫu mực, đây là hạn lượng. Nghĩa là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thích học chánh pháp, chẳng làm nghiệp tà, dấy khởi phi pháp. Nếu các Thầy sanh tưởng nhiễm trước, liền sẽ đọa vào ba đường ác. Phảo khéo nhớ chuyên tâm, người chưa đắc cố gắng chứng đắc, người chưa đạt hãy đạt, người chưa chứng nay nên thọ chứng. Sở dĩ như thế, vì này các Tỳ-kheo, sức nặng của tín thí thực chẳng thể tiêu, khiến cho người ta không đến được đạo. Thế nên, các Tỳ-kheo, chớ sanh ý nhiễm trước, nếu đã sanh thì nên diệt ngay. Như vậy, các Tỳ-kheo hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ưu-bà-di lòng tin thuần thành chỉ có một con gái. Bà ta sẽ dạy dỗ thành tựu con thế nào?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Bạch Thế Tôn, chúng con không hiểu nghĩa này. Thế Tôn là căn bản của các pháp, Như Lai chỉ bày điều gì, không ai không nhận lãnh. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp sâu xa này cho các Tỳ-kheo, chúng con nghe xong xin vâng làm.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Như Ưu-bà-di thành tín kia dạy dỗ con gái rằng:

'Nay Con ở tại gia nên như Ưu-bà-di Câu-thù-Đa-la và mẹ của Nan-đà. Nếu con gái muốn cạo tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo nên như Tỳ-kheo-ni Sám-ma và Tỳ-kheo-ni Ưu-bá-hoa Sắc'. Sở dĩ như thế, vì đây là mẫu mực, đây là hạn lượng. Nghĩa là Tỳ-kheo-ni Sám-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bá- hoa Sắc thích học Chánh pháp, chẳng làm nghiệp tà, dấy khởi phi pháp. Nếu còn sanh ý nghiễm trước, tự nhiên sẽ đọa ba đường ác. Khéo nhớ chuyên tâm, người chưa đắc quả hãy gắng đắc quả, người chưa đạt hãy cố đạt, người chưa chứng hãy nên thọ chứng. Sở dĩ như thế là vì, này các Tỳ-kheo, sức nặng của tín thí thực khó thể tiêu, khiến người không đến được đạo. Thế nên các Tỳ-kheo, chớ sanh ý tưởng nhiễm trước, nếu đã sanh hãy diệt ngay. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta không thấy một pháp nào mau lẹ như tâm, không thể ví dụ, giống như khỉ vượn, một tay buông, một tay bắt, tâm không chuyên định. Tâm cũng như thế, tư tưởng trước với tư tưởng sau chẳng đồng, dùng phương pháp cũng không thể mô phỏng, tâm xoay chuyển mau lẹ. Thế nên, này các Tỳ- kheo, người phàm phu không thể quán sát tâm ý. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên hàng phục tâm ý khiến noi theo đường lành và nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta không thấy một pháp nào mau lẹ hơn tâm, không thể ví dụ được, giống như khỉ vượn, buông một vật lại nắm một vật khác, lòng không chuyên định. Tâm cũng như thế, tư tưởng trước, tự tưởng sau, suy nghĩ chẳng đồng. Thế nên, này các Tỳ-kheo, người phàm phu không thể quan sát căn do của tâm ý. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên hàng phục tâm ý khiến noi theo đường lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta hằng xem thấy việc nghĩ nhớ trong tâm một người. Người này như trong khoảng cánh tay co duỗi, đọa vào địa ngục. Vì sao? Do tâm ác vậy, Tâm họ sanh bịnh, đọa xuống địa ngục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Ví như có một người, Tâm ôm tưởng sân hận, Nay bảo các Tỳ-kheo,

Diễn rộng nghĩa thú này,
Nay chính là phải lúc,
Nếu có người mạng chung,
Ví khiến vào địa ngục,
Là do tâm hạnh nhơ.
Thế nên, các Tỳ-kheo, phải hàng phục tâm, chớ sanh các hạnh uế nhiễm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta hằng xem thấy việc nghĩ nhớ trong tâm một người, như trong khoảng cánh tay co duỗi mà sanh lên trời. Sở dĩ như thế là do tâm lành vậy. Đã sanh tâm lành, sẽ sanh lên trời.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu lại có một người,
Mà sanh tâm thiện diệu,
Nay bảo các Tỳ-kheo,
Diễn rộng nghĩa thú này,

Nay chính là phải lúc,
Nếu có người mạng chung,
Liền được sanh lên trời,
Do tâm lành như vậy.
Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên phát ý trong sạch, chớ sanh các hạnh uế nhiễm. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta ở trong chúng này, không thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, mê hoặc người đời, không đến được chỗ tĩnh lặng, cột trói vào lao ngục, không giải thoát được, như là đàn ông trông thấy sắc của đàn bà. Thấy rồi họ liền khởi tưởng để ý, rất yêu kính, khiến người không được tĩnh lặng, trói buộc lao ngục, không cởi bỏ ra được, ý không xa lìa, xoay vần qua lại đời này đến đời sau, luân chuyển năm đường, trải bao số kiếp.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Tiếng Phạm âm nhu nhuyến,
Như lời Như Lai khó thấy,
Hoặc lại có lúc thấy,
Buộc niệm ở trước mắt,
Cũng chớ cùng nữ nhân,
Qua lại và nói năng,
Hằng bủa lưới bắt người,
Chẳng đến được vô vi.
Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên trừ các sắc khởi tưởng đắm trước. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta ở trong chúng này, chẳng thấy một pháp nào tối thắng, tối diệu, mê hoặc người đời, khiến chẳng được tĩnh lặng, buộc ràng giam giữ, không có lúc giải thoát, như là đàn bà trông thấy sắc của đàn ông. Thấy rồi, họ liền khởi tưởng để ý, rất yêu kính, khiến người không đến được tĩnh lặng, ràng buộc giam giữ, không có lúc giải thoát, ý không xa lìa,

xoay vần qua lại đời này đến đời khác, luân chuyển trong năm đường, trải qua bao số kiếp.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Nếu sanh tưởng điên đảo,
Dấy niệm tâm ân ái,
Trừ niệm ý nhiễm trước,
Liền không các nhơ này.
Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên trừ các sắc, chớ khởi tưởng dính mắc. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta ở trong chúng này, chẳng thấy một pháp nào không có dục tưởng, liền khởi dục tưởng, dục tưởng đã khởi liền làm tăng thêm; không sân hận tưởng liền khởi sân hận, sân hận đã khởi liền làm tăng thêm; không thùy miên tưởng liền khởi thùy miên, thùy miên đã khởi liền làm tăng thêm; không có tưởng trạo cử liền khởi trạo cử, trạo cử đã khởi liền làm tăng thêm; không có như là tưởng nghi liền khởi tưởng nghi, tưởng nghi đã khởi liền liền làm tăng thêm, như là quán tưởng bất tịnh nhơ bẩn. Nếu loạn tưởng thì không tưởng dục liền có tưởng dục, đã có tưởng dục liền tăng thêm; sân hận, thùy miên... vốn không có tưởng nghi, liền khởi tưởng nghi, tưởng nghi đã khởi liền tăng nhiều thêm. Thế nên, này các Tỳ-kheo, chớ có loạn tưởng thường nên chuyên ý. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta ở trong chúng này, không thấy một pháp nào mà chưa có dục tưởng liền chẳng dục tưởng, dục tưởng đã sanh liền có thể diệt; tưởng sân giận chưa sanh liền chẳng sanh, tưởng sân giận sanh rồi liền có thể tiêu diệt, tưởng

thùy miên chưa sanh liền chẳng sanh, tưởng thùy miên đã sanh liền có thể tiêu diệt, tưởng trạo hối đã sanh liền có thể tiêu diệt, tưởng nghi chưa sanh liền chẳng sanh, tưởng nghi đã sanh liền có thể tiêu diệt, như là quán sát nhơ bẩn bất tịnh. Đã quán nhơ bẩn bất tịnh thì tưởng dục chưa sanh liền chẳng sanh, đã sanh liền có thể tiêu diệt; sân giận chưa sanh liền chẳng sanh, sân giận đã sanh liền có thể tiêu trừ, cho đến tưởng

nghi chưa sanh liền chẳng sanh, tưởng nghi đã sanh liền có thể tiêu diệt. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên chuyên ý quán tưởng bất tịnh. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Hai Di và hai tâm,
Một đọa, một sanh thiên,
Nam nữ tưởng thọ vui,
Hai dục tưởng sau cùng.
---o0o---

X. Phẩm Hộ tâm

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên tu hành một pháp, nên truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, liền được thần thông, các hạnh tịch tĩnh, đắc quả Sa-môn, đến cõi Niết-bàn (Nê-hoàn). Thế nào là một pháp? Nghĩa là hạnh không phóng dật. Thế nào là hạnh không phóng dật? Đó là hộ tâm. Thế nào là hộ tâm?

Ở đây, Tỳ-kheo thường giữ gìn tâm hữu lậu, pháp hữu lậu. Ngay lúc người kia thủ hộ tâm hữu lậu, pháp hữu lậu, đối với pháp hữu lậu liền được an vui, cũng có tin, vui, an trụ không dời đổi, hằng chuyên ý mình, tự lực cố gắng. Như thế, này các Tỳ-kheo, người kia hành không phóng dật, hằng tự cẩn thận, dục lậu chưa sanh liền chẳng sanh; dục lậu đã sanh liền có thể khiến diệt; hữu lậu chưa sanh liền chẳng sanh, hữu lậu đã sanh liền có thể khiến diệt; vô minh lậu chưa sanh liền chẳng sanh, vô minh lậu đã sanh liền có thể khiến diệt. Tỳ-kheo đối với người kia hành hạnh không phóng dật, nhàn tĩnh ở một nơi, hằng tự giác tri để tự an vui (du hý); tâm dục lậu liền được giải

thoát. Đã được giải thoát liền được trí giải thoát: Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa, như thật mà biết.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Không kiêu, vết cam lồ,
Phóng dật là đường chết,
Không mạn là bất tử,
Ngạo mạn tức là chết.
Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên nhớ tu hành hạnh không phóng dật. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên tu hành một pháp, nên truyền bá rộng rãi một pháp. Tu hành một pháp, truyền bá rộng rãi một pháp rồi, sẽ được thần thông, các hạnh tịch tĩnh, đắc quả Sa-môn, đến chỗ Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Nghĩa là hạnh không phóng dật đối với các pháp lành. Thế nào là hạnh không phóng dật? Nghĩa là không phiền nhiễu tất cả chúng sanh, không hại tất cả chúng sanh, chẳng não tất cả chúng sanh. Đó là hạnh không phóng dật. Còn điều kia sao gọi là pháp lành? Nghĩa là Tám đạo phẩm của Hiền thánh: đẳng kiến, đẳng phương tiện, đẳng ngữ, đẳng hành, đẳng mạng, đẳng trị, đẳng niệm, đẳng định. Đó là pháp lành.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Bố thí tất cả chúng sanh
Không bằng thí pháp một người,
Tuy cho chúng sanh, có phước,
Cho pháp một người, phước hơn.
Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tu hành pháp lành. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy xem đàn-việt thí chủ như thế nào?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn là vua của các pháp. Cúi mong Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ-kheo, chúng con nghe xong sẽ vâng giữ tất cả.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các Thầy.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Hãy cung kính đàn-việt thí chủ như con hiếu thuận cha mẹ, nuôi dưỡng, hầu hạ, làm tăng trưởng ngũ ấm. Ở cõi Diêm-phù-đề hiện các thứ nghĩa: Quán đàn-việt thí chủ hay thành tựu giới, văn, tam muội, trí tuệ cho người. Này các Tỳ-kheo, đàn-việt có nhiều lợi ích, đối với Tam Bảo không có chướng ngại, hay bố thí các Thầy y phục, thức ăn uống,

giường chõng, ngọa cụ, thuốc thang trị bệnh. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy có tâm từ đối với đàn-việt, ơn nhỏ còn chẳng quên huống là ơn lớn; hằng lấy lòng từ hướng về đàn-việt, nói hạnh trong sạch của thân, miệng, ý chẳng thể cân xứng, cũng không có giới hạn. Thân hành từ, miệng hành từ, ý hành từ, khiến cho vật bố thí của đàn-việt trọn không bị phí bỏ, được quả báo lớn, thành tựu phước đức lớn, có danh tiếng lớn, lưu truyền pháp vị cam lồ trong thế gian. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Thí để thành của lớn.
Chỗ nguyện cũng thành tựu,
Vua và những tên trộm,
Chẳng thể đoạt vật kia.
Thí để được ngôi vua,
Nối dõi ngôi Chuyển luân,
Bảy báu thành đầy đủ,
Vốn do thí mà được,
Bố thí thành thân trời,
Đầu đội mũ báu đỏ,
Cũng các kỹ nữ dạo.
Vốn quả báo của thí,
Thí được trời Đế Thích
Vua trời oai lực thịnh,
Ngàn mắt trang nghiêm thân,
Vốn quả báo của thí.
Bố thí thành Phật đạo,
Đủ ba mươi hai tướng,
Chuyển Pháp luân vô thượng,
Vốn quả báo của thí.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đàn-việt thí chủ nên thừa sự cúng dường các bậc Hiền thánh tinh tấn trì giới như thế nào?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn là vua các pháp. Cúi mong Thế Tôn nói nghĩa này cho các Tỳ- kheo, chúng con sẽ hết lòng phụng trì.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ phân biệt nghĩa này cho các Thầy.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Đàn-việt thí chủ thừa sự cúng dường các bậc đa văn, tinh tấn trì giới xem như bậc chỉ đường cho người mê, cung cấp thức ăn cho người thiếu thốn lương thực, khiến người sợ hãi không ưu não, dạy cho người sợ sệt, không kinh sợ, che chở cho người không chỗ nương về, làm con mắt cho người mù, làm y vương cho người bệnh; ví như nông phu, nhà vườn sửa sang nghiệp ruộng, trừ bỏ cỏ rác mới thành tựu được lúa ăn. Tỳ-kheo thường nên trừ bỏ bịnh ngũ ấm lẫy lừng để mong nhập vào trong thành Niết-bàn (Nê-hoàn) vô úy. Như thế, này các Tỳ-kheo, đàn-việt thí chủ thừa sự cúng dường các bậc đa văn tinh tấn trì giới như thế đó.

Ngay lúc đó, trưởng giả A-na-bân-trì (Cấp Cô Độc), đang ở trong chúng. Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

- Đúng thế, bạch Thế Tôn! Đúng thế, bạch Như Lai! Tất cả thí chủ đến với người nhận như bình cát tường, các vị thọ thí như Tỳ-sa vương khuyên người bố thí như thân cận cha mẹ. Người thọ thí là phước lành đời sau. Tất cả thí chủ đến với người nhận giống như cư sĩ.

Thế Tôn bảo rằng:

- Đúng vậy, Trưởng giả! Đúng như lời Ông nói.

Trưởng giả A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

- Từ nay về sau, cửa nhà con sẽ không đóng kín, cũng không từ chối những Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và những người đi đường thiếu lương thực.

Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-trì bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của đệ tử.

Bấy giờ Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Trưởng giả thấy Thế Tôn im lặng nhận lời, liền lễ Phật, nhiễu ba vòng rồi trở về. Đến nhà, ngay tối đó ông bày cỗ bàn thịnh soạn, các thứ món ăn, lót trải đệm ngồi rộng rãi. Làm xong, ông đích thân đến bạch Phật:

- Đã đến giờ, thức ăn đã dọn xong. Cúi mong Thế Tôn đúng giờ chiếu cố.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo, đắp y, ôm bát đến nhà trưởng giả ở thành Xá-vệ. Đến nơi, mọi người tự tìm chỗ ngồi. Các Tỳ-kheo Tăng cũng ngồi theo thứ tự.

Bấy giờ trưởng giả thấy Phật và chúng Tỳ-kheo đã ngồi yên rồi, liền tự tay đi dâng các thức ăn uống. Dâng thức ăn uống xong, liền thu dọn bát và đến ngồi chỗ thấp trước đức Như Lai, ý muốn nghe pháp.

Bấy giờ trưởng giả bạch Thế Tôn:

- Lành thay, Như Lai! Xin cho các Tỳ-kheo, nếu cần những vật tùy thân như ba y, bình bát, ống kim, tọa cụ, áo trong, bồn tắm và tất cả các tạp vật của Sa-môn, cứ đến nhà đệ tử mà lấy.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy nếu cần y áo, bình bát, tọa cụ, bồn tắm và tất cả những vật lặt vặt khác của Sa-môn, cho phép đến đây lấy. Chớ co nghi nan, bận lòng.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho trưởng giả A-na-bân-trì. Thuyết pháp vi diệu xong liền đứng lên mà đi. Ngay lúc đó, A-na-bân-trì lại bố thí rộng rãi ở bốn cửa thành, rồi lần thứ năm ở chợ và lần thứ sáu tại nhà; ai cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, cần xe cộ kỹ nhạc, hương xông, chuỗi ngọc đều cho hết.

Bấy giờ Thế Tôn nghe trưởng giả A-na-bân-trì ở trong bốn cửa thành bố thí rộng rãi, ở chợ lớn bố thí người nghèo thiếu, lại ở trong nhà bố thí không hạn lượng. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ưu-bà-tắc ưa bố thí nhất trong hàng đệ tử của Ta là trưởng giả Tu-đạt.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ trưởng giả A-na-bân-trì liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên, Thế Tôn bảo rằng:

- Thế nào Trưởng giả, Ông có thường bố thí cho người nghèo thiếu không?

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Con hằng bố thí cho người nghèo thiếu, bố thí rộng rãi tại bốn cửa thành, còn ở tại nhà cấp thứ cần thiết cho người. Bạch Thế Tôn, có lúc con nghĩ rằng muốn bố thí cho tất cả loài chim rừng, heo chó. Con cũng không nghĩ: đây nên cho, đây không nên cho, cũng không nghĩ; đây nên cho nhiều, đây nên cho ít. Con hằng nghĩ: tất cả chúng sanh đều do ăn mà còn tính mạng, có ăn thì sống, không ăn thì chết.

Thế Tôn bảo rằng:

- Lành thay, lành thay! Này Trưởng giả! Ông đã đem lòng bồ-tát, chuyên ròng một ý mà bố thí rộng rãi. Đúng là các chúng sanh đều do ăn mà được sống, không ăn liền chết. Này Trưởng giả, Ông sẽ thâu hoạch được quả báo lớn, được tiếng tăm lớn. Đã có quả báo lớn, tiếng đồn mười phương, lại được pháp vị cam lồ. Sở dĩ như thế là vì bồ-tát hằng đem tâm bình đẳng mà bố thí, chuyên ròng một lòng nghĩ nhớ các loài chúng sanh, họ do ăn mà còn, có ăn liền được cứu tế, không ăn liền chết. Đó là, này Trưởng giả, bồ- tát tâm được ăn ổn mà bố thí rộng rãi.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Hãy nên bố thí khắp,

Trọn không tâm lẫn tiếc,
Ắt sẽ gặp bạn lành,
Được giúp đến bờ kia.
Thế nên, Trưởng giả, hãy đem tâm bình đẳng mà rộng bố thí. Như thế, Trưởng giả, hãy học điều này!

Bấy giờ Trưởng giả nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Như Ta ngày nay biết rõ căn nguyên chỗ đến của chúng sanh, cũng biết quả báo bố thí một nắm cơm ăn dư cuối cùng, đã không ăn mà bố thí người khác. Lúc ấy không có khởi tâm tật đố, ganh ghét dù bằng một sợi tóc. Vì chúng sanh này không biết quả báo của bố thí, còn Ta đều biết hết. Quả báo bố thí, quả báo bình đẳng tâm không có khác. Thế nên, chúng sanh không thể bố thí bình đẳng mà bị đọa lạc, vì hằng có tâm keo kiệt tật đố, buộc trói tâm ý.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chúng sanh chẳng tự giác,
Lời dạy của Như Lai,
Thường nên bố thí rộng,
Chuyên hướng chỗ chân nhân,
Chỉ tánh cho thanh tịnh,
Thu hoạch phước rất nhiều,
Cộng chung phần phước đó,
Sau được quả báo lớn.
Bố thí nay lành thay!
Tâm hướng ruộng phước lớn,
Ở cõi đời này chết,
Ắt sanh lên cõi trời.
Cho đến chỗ lành kia,
Khoái lạc tự vui thú,
Tốt lành rất hân hoan,
Tất cả không thiếu dở.
Do nghiệp trời oai đức,
Ngọc nữ theo vây quanh,
Báo bố thí bình đẳng,
Nên được phước đức này.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy chớ sợ phước báo. Sở dĩ như thế là vì đây là sự hưởng an vui rất đáng nên yêu thích. Sở dĩ gọi là phước vì có quả báo lớn này. Các Thầy hãy sợ không phước. Vì sao thế? Vì đây là nguyên gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không được vừa ý, không có yêu thích. Đây gọi là vô phước. Tỳ-kheo, Ta nhớ ngày xưa bảy năm hành lòng từ, lại qua bảy kiếp không đến cõi này, lại trong bảy kiếp sanh cõi trời Quang Âm, lại bảy kiếp sinh cõi trời Không Phạm làm Đại Phạm Thiên không ai sánh bằng, thống lãnh trăm ngàn thế giới, rồi ba mươi sáu lần làm Trời Đế Thích, vô số đời làm Chuyển luân Thánh vương. Thế nên, này các Tỳ-kheo, làm phước chớ có mỏi mệt. Vì sao thế? Hưởng vui rất đáng yêu thích. Thế nên gọi là phước. Các Thầy nên sợ vô phước. Vì sao thế? Vì là nguồn gốc của khổ, sầu lo, khổ não, không được vừa ý. Đây gọi là vô phước.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Vui thay, phước báo,
Sở nguyện được thành,
Mau đến diệt tận,
Đến chỗ vô vi,
Cho dù số ức,
Thiên ma Ba-tuần
Cũng không thể nhiễu,
Người tạo phước nghiệp,
Kia hằng tự cầu,
Đạo của Hiền Thánh,
Liền trừ hết khổ,
Sau chẳng có lo.
Thế nên, này các Tỳ-kheo, làm phước chớ chán. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có người tuân theo một pháp, chẳng rời một pháp, thì ma Ba-tuần chẳng thể được thuận tiện, cũng chẳng thể đến quấy nhiễu người. Thế nào là một pháp? Nghĩa là phước nghiệp công đức. Sở dĩ như thế là vì Ta tự nhớ khi xưa, lúc thành đạo dưới cội

bồ-đề, cùng các bồ-tát nhóm ở một nơi. Tệ ma Ba-tuần đem mấy ngàn vạn ức binh, đủ mọi tướng mạo, đầu thú mình người không thể kể xiết: Trời, Rồng, Quỷ Thần, A-tu-la, Ca-lâu-la, Ma-hầu- la-già v.v... đều đến tụ họp. Ma Ba-tuần nói với Ta rằng:

'- Sa-môn, mau mọp xuống đất!'

Phật dùng sức phước đức lớn hàng phục được ma oán, các trần cấu tiêu mất, không có các uế nhiễm, liền thành đạo Vô Thượng Chánh Chơn. Các Tỳ- kheo nên quán nghĩa này. Nếu có Tỳ-kheo công đức đầy đủ, tệ ma Ba-tuần chẳng thể được thuận tiện phá hoại công đức ấy.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Có phước khoái lạc,
Người không phước khổ,
Đời này, đời sau,
Làm phước hưởng vui.
Như vậy, này các Tỳ-kheo! Hãy làm phước chớ mệt mỏi.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có Tỳ-kheo tu hành một pháp, chẳng bị bại hoại rơi vào đường ác. Chỉ có một bề theo đường lành, một bề hướng đến Niết-bàn. Thế nào là tu hành một pháp chẳng bị bại hoại rơi vào đường ác? Đó là tâm dốc lòng tin. Đúng là tu một pháp này chẳng thể bị bại hoại rơi vào đường ác. Thế nào là tu hành một pháp hướng đến chỗ lành? Nghĩa là tâm hành lòng tin tha thiết.

Thế nào là tu hành một pháp tiến đến Niết-bàn? Nghĩa là hằng chuyên tâm niệm. Đó là tu hành pháp này được đến Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy chuyên ròng tâm ý, nghĩ nhớ các gốc lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời, chúng sanh ở đây liền tăng tuổi thọ, nhan sắc tươi nhuận, khí lực mạnh mẽ, khoái lạc vô cùng, âm thanh hòa nhã. Thế nào là một người? Nghĩa là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đây là một người xuất hiện ở đời, chúng sanh nơi này liền tăng tuổi thọ, nhan sắc tươi thuận, khí lực mạnh mẽ, khoái lạc vô

cùng, âm thanh hòa nhã. Thế nên, này các Tỳ-kheo, thường nên chuyên ròng nhất tâm niệm Phật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Không mạn, hai niệm đàn,
Hai thí, chắc không chán.
Thí phước, ma Ba-tuần,
Đường ác và một người.
---o0o---

XI. Phẩm Bất đãi

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy diệt một pháp, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm. Thế nào là một pháp? Đó là tham dục. Các Tỳ-kheo, hãy diệt tham dục. Ta chứng cho các Thầy thành A-na-hàm.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:
Bị nhiễm bởi tham dâm,
Chúng sanh đọa đường ác,
Hãy cần bỏ tham dục,
Liền thành A-na-hàm.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy diệt một pháp, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm. Thế nào là một pháp? Nghĩa là sân giận. Các Tỳ-kheo nên diệt sân giận, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Bị nhiễm bởi sân giận,
Chúng sanh đọa đường ác,
Hãy cần bỏ sân giận,
Liền thành A-na-hàm.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp. Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na- hàm. Thế nào là một pháp? Đó là ngu si. Thế nên, các Tỳ-kheo hãy diệt trừ ngu si, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Bị nhiễm bởi ngu si,
Chúng sanh rơi đường ác,
Nên cần bỏ ngu si,
Liền thành A-na-hàm.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy diệt một pháp, xa lìa một pháp. Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na- hàm. Thế nào là một pháp? Đó là xan tham. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên diệt xan tham, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành A-na-hàm.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Bị xan tham làm nhiễm,
Chúng sanh đọa đường ác,
Nên cần bỏ xan tham,
Liền thành A-na-hàm.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta ở trong chúng này, ban đầu không thấy một pháp nào không thể hàng phục, khó được thời nghi (tiện dụng), chịu các khổ báo như là tâm. Này các Tỳ-kheo, tâm này chẳng thể hàng phục, khó được thời nghi, chịu các khổ báo. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy phân biệt tâm, hãy tư duy tâm, khéo nhớ các gốc lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta ở trong chúng này, ban đầu không thấy một pháp nào không dễ hàng phục, dễ được thời nghi, hưởng các báo lành như là tâm. Này các Tỳ-kheo, hãy phân biệt tâm, khéo nhớ các gốc lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta ở trong chúng này, nếu có một người nghĩ điều gì, Ta đều biết rõ. Về sau người này ở trong đại chúng, không vì ăn uống mà nói lời hư vọng, nhưng hoặc vào lúc khác, Ta xem thấy người này vì sanh tâm nhiễm trước, nghĩ nhớ tài vật nên ở trong đại chúng nói lời hư dối. Sở dĩ như thế, này các Tỳ-kheo, vì dính mắc tài vật thật là khó bỏ, khiến người đọa vào ba đường ác, chẳng được đến chỗ vô vi. Thế nên, này các Tỳ-kheo, đã sanh tâm này liền nên rời bỏ, dù người chưa sanh chớ có khởi lòng dính mắc tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta ở trong chúng này, nếu ai nghĩ rằng: 'Thà mất mạng chứ chẳng ở trong chúng mà nói dối'. Ở lúc khác, Ta lại xem thấy người này sanh tâm dính mắc nghĩ nhớ tài vật, rồi ở trong chúng mà nói dối. Sở dĩ như thế, này các Tỳ- kheo, vì tài vật làm dính mắc rất là khó bỏ, khiến người đọa vào ba đường ác, chẳng được đến chỗ vô vi. Thế nên, này các Tỳ-kheo, đã sanh tâm này liền nên rời bỏ, nếu người chưa sanh, chớ có khởi lòng dính mắc tài vật. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, tại vườn trúc Ca-lan-đà, cùng đại chúng năm trăn Tỳ-kheo.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy có thể thấy pháp của Đề-bà-đạt-đa thanh tịnh chăng? Ngược lại, Đề-bà-đạt-đa tạo ác sâu nặng, sẽ chịu tội nhiều kiếp không thể chữa trị. Đối với pháp của Ta, chẳng thấy được một ngày mảy may điều lành có thể kể ra được. Nay Ta nói đầu mối các tội của Đề-bà-đạt-đa chẳng thể chữa trị. Ví như có người rơi vào cầu tiêu sâu, thân hình chìm lỉm, không một chỗ sạch. Có người muốn đến cứu vớt vị ấy lên chỗ sạch, họ xem khắp bờ xí và thân người đó xem có chỗ nào sạch, liền nghĩ: 'Ta muốn nắm vị ấy kéo lên'. Họ nhìn kỹ không một chỗ sạch để có thể nắm được, liền bỏ mà đi. Như vậy, này các Tỳ-kheo, Ta xem Đề-bà-đạt-đa là người ngu si, chẳng thấy chút gì đáng nhớ, sẽ chịu tội nhiều kiếp chẳng thể chữa trị. Sở dĩ như thế vì Đề-bà- đạt-đa một mực ngu si, thiên về lợi dưỡng, tạo tội ngũ nghịch, thân hoại mạng chung sẽ sanh trong đường ác. Như vậy, này các Tỳ-kheo, lợi dưỡng sâu nặng khiến người chẳng đến được chỗ an ổn. Thế nên, này các Tỳ-kheo,

đã sanh tâm lợi dưỡng hãy nên lìa bỏ. Nếu người chưa sanh, chớ khởi lòng nhiễm trước. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, tại vườn trúc Ca-lan-đà, cùng đại chúng năm trăm Tỳ-kheo.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo nghe Như Lai thọ ký riêng Điều-đạt (Đề-bà-đạt-đa) sẽ chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Tỳ-kheo ấy liền đến chỗ Tôn giả A- nan, chào hỏi nhau xong rồi ngồi một bên.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia hỏi Tôn giả A-nan rằng:

- Thế nào, thưa Tôn giả A-nan, Như Lai xem hết nguồn gốc của Đề-bà-đạt- đa rồi sau đó thọ ký riêng cho ông ta chịu tội một kiếp không thể chữa trị sao? Lại có lý do có thể thọ ký được ư?

Tôn giả A-nan nói:

- Lời Như Lai trọn không hư dối, thân hành với khẩu hành không khác nhau. Như Lai chân thật thọ ký Đề-bà-đạt-đa chịu tội sâu nặng sẽ suốt kiếp không thể chữa trị.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

- Có một Tỳ-kheo đến chỗ con nói rằng: 'Thế nào, thưa Tôn giả A-nan! Như Lai xem hết nguồn gốc của Đề-bà-đạt-đa, sau đó thọ ký riêng cho ông ta chịu tội một kiếp không thể trị liệu sao? Lại có lý do có thể thọ ký được ư?' Nói như thế xong bỏ đi.

Thế Tôn dạy rằng:

- Tỳ-kheo đó chắc là xuất gia tu học trễ muộn, mới đến trong pháp Ta chưa được bao lâu. Lời Như Lai trọn không hư vọng, tại sao lại khởi do dự?

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

- Thầy đến chỗ Tỳ-kheo ấy bảo: 'Như Lai gọi Thầy'.

A-nan đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ Tôn giả A-nan vâng lời Thế Tôn liền đến chỗ Tỳ-kheo kia, đến rồi, bảo Tỳ-kheo kia rằng:

- Như Lai gọi Thầy.

Tỳ-kheo kia đáp:

- Xin vâng, Tôn giả.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia liền sửa sang pháp y phục, cùng A-nan đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy Thế Tôn và ngồi một bên.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tỳ-kheo kia:

- Này người ngu! Thầy không tin lời Như Lai sao? Như Lai dạy không có hư vọng. Nay Thầy lại muốn tìm hư vọng của Như Lai?

Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

- Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa có đại thần lực, có oai thế lớn, làm sao Thế Tôn thọ ký Thầy ta một kiếp chịu tội nặng được?

Phật bào Tỳ-kheo:

- Hãy giữ mồm miệng của Thầy, chớ để mãi mãi chịu khổ vô lượng.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Dạo Thiền thế tục không,
Rốt cuộc không giải thoát,
Chẳng đến chỗ diệt tận,
Trở lại đọa địa ngục.
Giả sử Ta thấy Đề-bà-đạt-đa, thân có một chút pháp lành thì Ta trọn không thọ ký Đề-bà-đạt-đa chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Thế nên, này người ngu! Ta chẳng thấy Đề-bà-đạt-đa có một chút pháp lành, vì thế nên

thọ ký Đề-bà-đạt-đa chịu tội một kiếp không thể chữa trị. Sở dĩ như thế vì Đề-bà-đạt-đa ngu si, tham đắm lợi dưỡng, khởi tâm nhiễm trước, tạo năm điều nghịch ác, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục. Sở dĩ như thế là vì tâm lợi dưỡng nặng, làm hư hỏng gốc lành của người, khiến người không đến được chỗ an ổn. Thế nên, các Tỳ-kheo, nếu có

tâm lợi dưỡng khởi lên, liền nên cầu diệt. Nếu không có tâm, chớ khởi tưởng dính mắc. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ Tỳ-kheo kia từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa sang y phục, cúi lạy Thế Tôn và bạch:

- Nay con tự hối lỗi, cúi mong Thế Tôn rũ lòng tha thứ, vì con ngu si tạo hạnh chẳng lành. Như Lai không nói hai lời mà con ngu si khởi tưởng do dự. Cúi mong Thế Tôn nhận lời cho con sám hối điều cũ để tu sửa về sau.

Thưa như thế đến ba lần. Thế Tôn dạy:

-Lành thay, Tỳ-kheo! Thầy biết hối hận về ý niệm của mình. Ta tha thứ cho Thầy, vì Thầy không hiểu kịp. Chớ đối với Như Lai mà khởi ý tưởng do dự! Nay Ta nhận cho Thầy hối lỗi, sau chớ làm đến ba bốn lần.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Dù có làm tội nặng,
Hối lỗi rồi không phạm,
Người này nên cấm giới,
Nhổ căn nguyên tội này.
Bấy giờ Tỳ-kheo kia và bốn bộ chúng nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Bốn loại A-na-hàm,
Hai tâm và hai thực (quả),
Bà-đạt và khế kinh,
Người trí hãy giác tri.
---o0o---

XII. Phẩm Nhập đạo

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có một lối vào đạo làm trong sạch hạnh của chúng sanh, trừ bỏ sầu lo không có các não, được đại trí tuệ, thành tựu chứng quả Niết-bàn. Đó là nên diệt Ngũ cái, tư duy Tứ ý chỉ (Tứ niệm xứ). Thế nào là một lối vào? Nghĩa là chuyên nhất tâm. Đó là một lối vào. Thế nào là đạo? Nghĩa là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh:

1. Chánh kiến.
2. Chánh chí (tư duy).
3. Chánh nghiệp.
4. Chánh mạng.
5. Chánh phương tiện (tinh tấn).
6. Chánh ngữ.
7. Chánh niệm.

8. Chánh định.

Đó gọi là đạo. Đó là một lối vào Đạo. Thế nào là nên diệt Ngũ cái? Nghĩa là tham dục cái, sân nhuế cái, điều hí cái (trạo cử), thùy miên cái, nghi cái. Đó là nên diệt Ngũ cái. Thế nào là tư duy Bốn ý chí? Ở đây, Tỳ-kheo bên trong tự quán thân, trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo, bên ngoài tự quán thân trừ bỏ miệng ác, không có sầu lo, trong, ngoài quán thân trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo. Trong quán thọ khổ mà tự vui thích, ngoài quán thọ khổ, trong ngoài quán thọ khổ, trong quán tâm mà tự vui thích, ngoài quán tâm, trong ngoài quán tâm; trong quán pháp, ngoài quán pháp, trong ngoài quán pháp mà tự vui thích.

Thế nào là Tỳ-kheo trong quán thân mà tự vui thích? Ở đây Tỳ-kheo quán thân này tùy theo tánh mà hành: từ đầu đến chân, từ chân đến đầu; quán trong thân này thảy đều chẳng sạch, không có gì đáng tham đắm. Lại quán thân này có lông, tóc, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, não, mỡ miếng, mỡ nước, ruột, bao tử, tim, gan, tỳ, thận đều quán biết hết, phẩn, tiểu, sanh tạng, thục tạng, nước mắt, đờm dãi, huyết mạch, mỡ, mật, đều nên quán biết, không có gì đáng tham đắm. Như thế, các Tỳ-kheo quán thân tự vui thích, trừ bỏ niệm ác, không có sầu lo. Lại nữa, này Tỳ-kheo, lại quán thân này có phải là địa chủng chăng? Là thủy, hỏa, phong chủng chăng? Tỳ-kheo quán thân này như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này phân biệt các giới có bốn loại. Giống như người khéo mổ trâu, hoặc học trò người mổ trâu, xẻ từng phần để tự xem xét: đây là chân, đây là tim, đây là đốt xương, đây là đầu. Như thế Tỳ-kheo ấy phân biệt giới này mà tự quán sát: thân này có các giới đất, nước, gió, lửa. Tỳ-kheo quán sát thân như thế mà tự vui thích.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ rỉ chảy chẳng sạch, giống như người kia quán vườn trúc hay quán bụi lau. Như vậy Tỳ-kheo quán thân này có các lỗ chảy ra các thứ bất tịnh.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi hoặc chết một ngày hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, sáu ngày, bảy ngày, thân thể sình trướng, hôi thối chẳng sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân cùng kia không khác, thân ta chẳng thoát khỏi hoạn này. Hoặc Tỳ-kheo lại quán tử thi bị quạ, thước, kên kên ăn nuốt, hoặc bị hổ lang, chó sói, các loài trùng thú trông thấy ăn thịt. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta chẳng lìa khỏi hoạn này. Đó là Tỳ-kheo quán thân mà tự vui thích.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi hoặc bị ăn một nửa rơi rớt trên đất hôi thúi chẳng sạch. Tỳ-kheo lại tự quán thân mình cùng kia không khác, thân ta chẳng lìa pháp này.

Lại nữa, quán tử thi bị ăn hết thịt chỉ còn có xương bê bết máu. Tỳ-kheo lại đem thân này quán như thân kia cũng không có khác. Tỳ-kheo quán thân này như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi gân ràng rịt như bó củi. Tỳ-kheo lại tự quán thân cùng thân kia không khác. Tỳ-kheo quán thân này như thế.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi từng đốt xương phân tán rơi vãi khắp nơi. Hoặc xương tay, xương chân mỗi thứ một nơi, hoặc xương đùi, hoặc xương hông, hoặc xương cùng, hoặc xương tay, hoặc xương vai, hoặc xương sườn, hoặc xương sống, hoặc xương cổ, hoặc đầu lâu. Lại nữa, thân này cùng kia chẳng khác. Ta chẳng thoát khỏi pháp này. Thân ta cũng sẽ bại hoại. Như thế Tỳ- kheo quán thân mà tự vui thích.

Lại nữa, Tỳ-kheo quán tử thi màu trắng, màu ngọc trắng. Tỳ-kheo lại tự quán thân này cùng kia không khác, ta chẳng lìa khỏi pháp này. Đó là Tỳ- kheo tự quán thân.

Lại nữa, Tỳ-kheo nếu thấy tử thi, tưởng xương xanh bầm, không có gì đáng tham đắm, hoặc cùng màu tro đất chẳng thể phân biệt, thời như thế Tỳ-kheo tự quán thân trừ bỏ niệm ác không có sầu lo. Thân này vô thường là pháp phân tán. Như thế Tỳ-kheo nội tự quán thân, ngoại quán thân, nội ngoại quán thân hiểu rằng không có.

Thế nào là Tỳ-kheo nội quán thọ khổ? Ở đây, Tỳ-kheo, lúc được thọ vui thì tự giác tri mình được thọ vui, lúc bị thọ khổ thì tự giác tri mình bị thọ khổ, lúc được thọ không vui không khổ tức tự giác tri ta được thọ không khổ không vui. Nếu lúc thọ vui, liền tự giác tri ta thọ vui. Nếu lúc thọ khổ, liền tự giác tri ta thọ khổ. Nếu lúc thọ không khổ không vui, liền tự giác tri ta thọ không khổ không vui. Nếu lúc không thọ vui, liền tự giác tri ta không thọ vui. Nếu lúc không thọ khổ, liền tự giác tri ta không thọ khổ. Nếu lúc thọ không khổ kho vui, liền tự giác tri ta thọ không khổ không vui. Tỳ-kheo nội tự quán thọ như thế.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo lúc được thọ vui, lúc ấy không bị thọ khổ, thời tự giác tri ta được thọ vui. Nếu lúc thọ khổ, lúc ấy không được thọ vui thời tự giác tri ta thọ khổ. Nếu lúc được không khổ không vui, lúc đó không phải khổ, không phải vui thời tự giác tri ta thọ không khổ không vui. Người đó tập pháp mà tự vui thích, cũng quán diệt pháp, lại quán pháp tập và diệt. Hoặc lại có thọ hiện ở trước, có thể biết, có thể thấy, suy nghĩ nguồn gốc của nó thì không có chỗ y cứ, bèn tự vui thích, không khởi tưởng thế gian. Ở trong đó cũng không kinh sợ. Vì không kinh sợ liền được Niết-bàn: 'Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa', như thật mà biết. Tỳ-kheo nội tự quán thọ như thế, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo, ngoại tự quán thọ, nội ngoại quán thọ, trừ bỏ loạn niệm không có sầu lo. Như thế Tỳ-kheo nội ngoại quán thọ.

Thế nào là Tỳ-kheo quán tâm, tâm pháp mà tự vui thích? Ở đây, Tỳ-kheo có tâm ái dục, liền tự giác tri có tâm ái dục, không có tâm ái dục cũng tựgiác tri không có tâm ái dục. Có tâm sân nhuế, liền tự giác tri có tâm sân nhuế; không tâm sân nhuế cũng tự giác tri không tâm sân nhuế. Có tâm ngu si, liền tự giác tri có tâm ngu si; không có tâm ngu si cũng tự giác tri không có tâm ngu si. Có tâm ái niệm, liền tự giác tri có tâm ái niệm; không tâm ái niệm cũng tự giác tri không có tâm ái niệm. Có tâm thọ nhận, liền tự giác tri không tâm thọ nhận. Có tâm loạn niệm, liền tự giác tri có tâm loạn niệm; không có loạn tâm cũng tự giác tri không có loạn tâm. Có tâm tán lạc, liền tự giác tri có tâm tán lạc; không tâm tán lạc cũng tự giác tri không tâm tán lạc. Có tâm phổ biến cũng tự giác tri có tâm phổ biến. Có tâm lớn, liền tự giác tri

có tâm lớn; không có tâm lớn cũng tự giác tri không có tâm lớn. Có tâm vô lượng, liền tự giác tri có tâm vô lượng; không có tâm vô lượng cũng tự giác tri không có tâm vô lượng. Có tâm tam muội, liền tự giác tri có tâm tam muội; không có tâm tam muội cũng tự giác tri không có tâm tam muội. Tâm chưa giải thoát, liền tự giác tri tâm chưa giải thoát; tâm đã giải thoát cũng tự giác tri tâm đã giải thoát.

Như thế, Tỳ-kheo! Hãy quán ý chỉ, quán tập pháp, quán diệt pháp, cùng quán pháp tập diệt; suy nghĩ về pháp để tự vui thích. Hãy biết, hãy thấy, hãy tư duy, chớ suy nghĩ việc không có chỗ nương tựa, không được khởi tưởng thế gian. Đã không khởi tưởng liền không sợ hãi, đã không sợ hãi liền được vô dư, đã được vô dư liền nhập Niết-bàn: 'Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc phải làm đã xong, không còn thọ thân sau nữa', như thật mà biết.

Như vậy, Tỳ-kheo! Nội quán tự tâm, tâm ý dừng bặt, trừ bỏ loạn tưởng, không có sầu lo, ngoại quán tâm, nội ngoại quán tâm, tâm ý dừng bặt, trừ bỏ loạn niệm, không có sầu lo. Ngoại quán tâm, nội quán tâm, tâm ý dừng. Như vậy Tỳ-kheo tâm tâm quán nhau, ý dừng.

Thế nào là Tỳ-kheo pháp pháp tương quán ý dừng? Ở đây, Tỳ-kheo tu niệm giác ý, y quán, y vô dục, y diệt tận, bỏ các pháp ác, tu pháp giác ý, tu tinh tấn giác ý, tu niệm giác ý, tu hỷ (khinh an) giác ý, tu tạm muội giác ý, tu hộ (xả) giác ý, y quán, y vô dục, y diệt tận, bỏ các pháp ác. Như vậy là Tỳ-kheo pháp pháp tương quán ý dừng.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với ái dục giải thoát, trừ pháp ác bất thiện, có giác, có quán, có buộc niệm vui ở Sơ thiền mà tự vui thích. Như thế là Tỳ-kheo pháp pháp tương quán ý dừng.

Lại nữa, Tỳ-kheo bỏ giác, bỏ quán, bên trong phát hoan hỉ chuyên nhất ý, thành tựu không giác, không quán niệm niệm nương vào hỷ mà an; vui ở Nhị thiền mà tự vui thích. Như vậy là Tỳ-kheo pháp pháp tương quán ý dừng.

Lại nữa, Tỳ-kheo xả niệm, tu ở hộ. Hằng tự giác tri thân (giác), vui chỗ cầu của chư Hiền Thánh, hộ niệm thanh tịnh hành ở Tam thiền. Như vậy là Tỳ- kheo pháp pháp tương quán ý dừng.

Lại nữa, Tỳ-kheo xả tâm khổ vui, lại không lo mừng, không khổ vui, hộ niệm thanh tịnh vui ở Tứ thiền. Như vậy là Tỳ-kheo pháp pháp tương quán ý dừng.

Vị ấy hành tập pháp, hành diệt pháp cùng hành pháp tập diệt mà tự vui thích, liền được pháp ý dừng hiện ở trước, có thể biết, có thể thấy, trừ bỏ loạn tưởng không chỗ nương tựa, chẳng khởi tưởng thế gian. Đã chẳng khởi tưởng liền không sợ hãi. Đã không sợ hãi thời: 'Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã thành, việc phải làm đã xong, không còn thọ thân sau nữa', như thật mà biết.

Này các Tỳ-kheo, nương một lối vào đạo, chúng sanh sẽ được thanh tịnh, xa lìa buồn lo, lại không có tưởng vui, liền có trí tuệ, chứng được Niết-bàn. Đó là diệt Năm triền cái, tu Bốn ý chỉ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta ở trong đây, không thấy một pháp nào mau đưa đến hoại diệt như là ganh ghét, đố kỵ Phạm hạnh. Thế nên các Tỳ-kheo! Hãy tu hành từ nhẫn, thân hành từ, miệng hành từ, ý hành từ. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có một người xuất hiện ở đời, tối tôn, tối thượng trong các Trời, Người, Ma và Ma thiên, Sa-môn, Bà-la-môn, không ai sánh bằng, là phước điền đệ nhất, đáng phụng sự, đáng cung kính.

Thế nào là một người? Nghĩa là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Đó là một người xuất hiện ở đời vượt hẳn Trời, Người, A-tu-la, Ma và Ma thiên,

Sa-môn, Bà-la-môn, là bậc tối tôn, tối thượng, không ai sánh bằng, là phước điền bậc nhất, đáng phụng sự, đáng cung kính. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy thường nên cung dường Như Lai. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có người săn sóc người bệnh là đã săn sóc Ta. Người trông nom người bệnh tức là đã trông nom Ta. Sở dĩ như thế là vì nay Ta đích thân coi sóc người tật bệnh.

Này các Tỳ-kheo, Ta không thấy một người nào trong chư Thiên, thế gian, Sa-môn, Bà-la-môn mà bố thí tối thượng hơn sự bố thí này. Người hành bố thí này mới đúng là thí, sẽ thu hoạch quả báo lớn, được công đức lớn, tiếng tăm trùm khắp, được vị cam lồ. Nghĩa là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác biết rằng bố thí tối thượng không gì hơn thí này. Người hành bố thí này mới đúng là thí, thu hoạch quả báo lớn, được công đức lớn. Nay Ta vì nhân duyên này mà nói như thế. Săn sóc người bệnh tức là đã săn sóc Ta

không khác. Các Thầy sẽ luôn luôn được phước đức lớn.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có người tán thán A-lan-nhã (tịch tĩnh) là đã tán thán Ta. Sở dĩ như thế, vì nay Ta thường tự tán thán hạnh A-lan-nhã. Nếu có người phỉ báng A-

lan-nhã tức là phỉ báng Ta. Nếu có người tán thán khất thực tức là đã tán thán Ta. Sở dĩ như thế, vì Ta hằng tán thán người hay khất thực. Nếu người hủy báng khất thực là đã hủy báng Ta. Có người tán thán độc cư tức là tán thán Ta. Sở dĩ như thế là vì Ta hằng tán thán người độc cư. Có người hủy báng người độc cư là đã hủy báng Ta. Có người tán thán người ngồi một chỗ, ăn một bữa, tức là đã tán thán Ta. Sở dĩ như thế, vì Ta hằng tán thán người ngồi một chỗ, ăn một bữa. Ai hủy báng người này tức là đã hủy báng Ta. Nếu có người tán thán người ngồi dưới gốc cây tức là tán thán Ta không khác. Sở dĩ như thế là vì Ta hằng tán thán người ngồi dưới gốc cây. Nếu có ai hủy báng người ngồi dưới gốc cây tức là đã hủy báng Ta. Nếu có ai tán thán người ngồi chỗ đất trống, tức là đã tán thán Ta. Sở dĩ như thế, là vì Ta hằng tán thán người ngồi nơi đất trống (lộ tọa). Ai hủy nhục người ngồi nơi đất trống tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người ở chỗ vắng vẻ an nhàn tức là đã tán thán Ta. Vì sao như thế? Vì Ta hằng tán thán người ở chỗ vắng vẻ an nhàn. Ai hủy nhục người ở chỗ vắng vẻ an hành tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người mặc áo năm mảnh là đã tán thán Ta. Vì sao như thế? Vì Ta hằng tán thán người mặc áo năm mảnh. Ai hủy nhục người mặc áo năm mảnh tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người giữ ba y tức là đã tán thán Ta. Vì sao như thế? Vì ta hằng tán thán người giữ ba y. Ai hủy nhục người giữ ba y tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người ngồi ở gò mả là đã tán thán Ta. Vì sao như thế? Vì Ta hằng tán thán người ngồi ở gò mả. Ai hủy nhục người ngồi ở gò mả tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người ăn một bữa, tức là đã tán thán Ta. Vì sao như thế? Vì Ta thường tán thán người ăn một bữa. Ai hủy nhục người ăn một bữa tức là đã hủy nhục Ta. Ai tán thán người ăn đúng ngọ là đã tán thán Ta. Vì sao như thế? Vì ta hằng tán thán người ăn đúng ngọ. Ai hủy báng người người ăn đúng ngọ tức là hủy báng Ta. Ai tán thán người hành đầu đà tức là đã tán thán Ta. Vì sao như thế? Vì Ta hằng tán thán các người hành đầu đà. Ai hủy nhục người hành đầu đà tức là đã hủy nhục Ta. Nay Ta dạy các Tỳ-kheo hãy như sở hành của Đại Ca- diếp, không có sơ sót. Vì sao như thế? Vì Tỳ-kheo Ca-diếp có các hạnh này. Thế nên các Tỳ-kheo, hãy thường nên học như Đại Ca-diếp.

Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp trụ A-lan-nhã. Đến giờ khất thực, Tôn giả không phân biệt giàu nghèo. Tôn giả ở một nơi, ngồi một chỗ hoặc dưới gốc cây, hoặc ngoài đồng trống, hoặc ở chỗ vắng vẻ trọn không dời đổi, mặc áo năm mảnh, hoặc giữ ba y, hoặc ở gò mả, hoặc ăn một bữa, hoặc ăn chính ngọ, hoặc hành đầu đà mặc dù tuổi cao già cả. Bấy giờ Tôn giả Đại Ca-diếp ăn xong liền đến dưới một cội cây thiền định, thiền định xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa sang y phục, đi đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn từ xa trông thấy Ca-diếp đến. Thế Tôn bảo rằng:

- Khéo đến, Ca-diếp!

Ca-diếp đến chỗ Phật cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn dạy rằng:

- Ca-diếp! Nay Thầy đã lớn tuổi, già cả, quá suy, lọm khọm, vậy Thầy nên bỏ hạnh khất thực, cho đến các hạnh đầu đà, mà nên nhận lời mời của các Trưởng giả và nhận y áo.

Ca-diếp đáp:

- Con không dám theo lời Như Lai dạy. Vì sao? Vì nếu Như Lai không thành đạo Vô thượng Chánh chân, thì con ắt thành Bích-chi Phật, mà Bích- chi Phật trọn hành A-lan-nhã. Đến giờ khất thực, con không phân biệt giàu, nghèo. Con ở một nơi, ngồi một chỗ hoặc ngồi dưới gốc cây, hoặc ngoài đồng trống, hoặc chỗ vắng vẻ trọn chẳng dời đổi, hoặc mặc áo năm mảnh, hoặc giữ ba y, hoặc ở gò mả, hoặc ăn một bữa, hoặc ăn đúng ngọ, hoặc hành đầu đà. Nay con chẳng dám bỏ thói cũ mà học hạnh khác.

Thế Tôn bảo rằng:

- Lành thay! Lành thay Ca-diếp! Thầy có nhiều lợi ích, độ người vô lượng, rộng đến tất cả Trời, Người đều được độ. Vì sao? Ca-diếp! Nếu hạnh đầu đà này được ở đời thì pháp của Ta cũng sẽ được lâu dài ở đời. Nếu có pháp ở đời, thì Thiên đạo tăng thêm, ba đường ác liền giảm. Cũng vậy thánh Tu-đà- hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, đạo Tam thừa đều còn ở đời. Này các Tỳ- kheo, hãy học như Ca-diếp tu tập.

Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Lợi dưỡng quá nặng khiến người không đến được đạo Vô thượng Chánh chân. Vì sao như thế? Này các Tỳ-kheo, Đề-bà-đạt-đa ngu si kia nhận năm trăm nồi cơm của Vương tử Ba-la-lưu-chi (A-xà-thế) cúng dường. Nếu ông ta không cho, Đề-bà-đạt-đa ngu si trọn không tạo việc ác này. Vì Vương tử Ba-la-lưu-chi hằng ngày đem năm trăm nồi cơm đến cúng dường nên Đề-bà- đạt-đa mới khởi năm điều nghịch ác, thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục A-tỳ. Do phương tiện này mà biết lợi dưỡng quá nặng khiến người chẳng đến được đạo Vô thượng Chánh chân. Nếu chưa sanh tâm lợi dưỡng, chớ nên sanh, đã sanh thì nên diệt đi. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật, cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm vị.

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa làm rối loạn chúng Tăng, làm chân của Như Lai bị thương, xúi A-xà-thế giết vua cha, lại giết La-hán Tỳ-kheo-ni, rồi tuyên bố với đại chúng rằng: 'Chỗ nào có ác, ác từ đâu sanh? Ai làm việc ác này, phải chịu quả báo đó. Ta cũng chẳng làm việc ác này mà phải chịu quả báo'.

Bấy giờ có nhiều chúng Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khất thực, nghe nói Đề-bà-đạt-đa ngu si tuyên bố ở trong đại chúng: 'Chỗ nào có ác, ác từ đâu sanh? Ai làm việc ác này phải chịu quả báo đó'.

Bấy giờ những Tỳ-kheo ấy ăn xong, liền cầm y bát, vắt tọa cụ lên vai mặt, đi đến chỗ Thế Tôn đảnh lễ Thế Tôn rồi ngồi một bên. Bấy giờ các chúng Tỳ- kheo bạch Thế Tôn:

- Đề-bà-đạt-đa ngu si tuyên bố ở trong đại chúng rằng: 'Vì sao làm ác không có tai ương, làm lành không có quả báo? Đó là vì không có quả báo thiện ác'.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ác thì có tội, các hạnh thiện ác đều có báo ứng. Nếu Đề-bà-đạt-đa ngu si kia biết có quả báo thiện ác, thì sẽ khô héo, sầu lo chẳng vui, máu sôi sẽ phun đầy mặt. Vì Đề-bà-đạt-đa chẳng biết quả báo của thiện ác, do đó mới ở trong đại chúng mà tuyên bố không có quả báo thiện ác, làm ác không tai ương, làm thiện không có phước quả.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Người ngu tự xét rõ,
Làm ác không có phước báo,
Nay Ta rõ biết trước,
Báo ứng của thiện ác.
Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy xa lìa ác, làm phước chớ mệt mỏi. Các Tỳ- kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nhận lợi dưỡng của người rất nặng, chẳng phải dễ, khiến người chẳng đến được chỗ vô vi. Vì sao như thế? Vì quả báo của lợi dưỡng cắt vào da người; vì cắt vào da liền cắt thịt, vì cắt thịt liền đứt xương, vì đứt xương liền thấu tủy. Này các Tỳ-kheo, hãy dùng phương tiện này liền biết lợi dưỡng rất

nặng. Nếu chưa sanh tâm lợi dưỡng thì chớ sanh, đã sanh thì khiến cho diệt. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nhận lợi dưỡng của người thật là chẳng phải dễ, khiến người chẳng đến được chỗ vô vi. Vì sao như thế? Nếu Tỳ-kheo Lợi-sư-la kia chẳng tham lợi dưỡng thì chẳng làm việc sát sanh vô lượng như thế, thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Nhận lợi dưỡng người nhiều,
Hoại hạnh thanh bạch người,
Thế nên chế ngự tâm,
Chớ tham đắm mùi vị.
Lợi-sư được định rồi
Cho đến trời Đế Thích
Thần thông bị tổn giảm,
Đọa vào ngục chém giết.
Các Tỳ-kheo hãy dùng phương tiện này liền biết nhận lợi dưỡng của người thật chẳng phải dễ. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này: 'Chưa sanh tâm lợi dưỡng phải chế ngự khiến chẳng sanh, đã sanh tâm này hãy cầu phương tiện khiến cho tiêu diệt'. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XIII. Phẩm Lợi dưỡng

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nhận lợi dưỡng của người thật chẳng dễ, khiến người chẳng đến được chỗ vô vi. Vì sao thế? Nếu Tỳ-kheo Tu-la-đà không tham lợi dưỡng thì đã không ở trong pháp mà xa ba pháp y để làm cư sĩ. Tỳ-kheo Ta-lu-đà vốn tu hạnh A- lan-nhã, đến giờ khất thực, ở một nơi, ngồi một chỗ, hoặc ăn chính ngọ, ở dưới gốc cây, ngồi ngoài trời, thích chỗ nhàn cư, mặc áo năm mảnh, hoặc giữ ba y, hoặc thích ở gò mả, khắc khổ thân thể, hành hạnh đầu đà này. Lúc này, Tỳ-kheo Tu-la-đà thường nhận sự cúng dường của quốc vương Mãn Hô, hàng ngày cung cấp món ăn trăm vị.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia ý nhiễm thức ăn này, dần dần bỏ hạnh A-lan-nhã, đến giờ khất thực, ở một nơi, ngồi một chỗ, ăn chính ngọ, ở dưới gốc cây, ngồi ngoài trời, ở chỗ nhàn cư, mặc áo năm mảnh, hoặc giữ ba y, hoặc thích ở gò mả, khắc khổ thân thể. Bỏ hết những điều này, bỏ ba pháp y; vị ấy trở lại làm người bạch y, giết trâu sát sanh chẳng thể tính kể, khi thân hoại mạng chung sanh vào địa ngục.

Các Tỳ-kheo, do phương tiện này mà biết lợi dưỡng rất nặng, khiến người chẳng đắc đạo Vô thượng Chánh chân. Nếu chưa sanh lợi dưỡng, hãy chế ngự khiến cho chẳng sanh; đã sanh thì tìm phương tiện khiến tiêu diệt liền. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hãy diệt một pháp, Ta sẽ chứng cho các Thầy thành quả thần thông, các lậu được dứt. Thế nào là một pháp? Đó là tham đắm mùi vị. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy diệt sự tham vị này, Ta sẽ chứng cho Thầy thành quả thần thông, các lậu được dứt.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Chúng sanh đắm vị này.
Chết đọa trong đường ác,
Nay nên xả dục này,
Liền thành A-la-hán.
Thế nên, các Tỳ-kheo thường nên xả bỏ ý tưởng tham đắm vị này. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ có một Trưởng giả vừa chết một đứa con trai mà ông rất yêu thương chưa hề xa lìa. Ông ta thấy con chết liền phát cuồng, đi lang thang khắp nơi, gặp ai cũng hỏi:

- Có thấy con tôi không?

Bấy giờ ông ta đi dần dần đến Tinh xá Kỳ Hoàn, đến chỗ Thế Tôn và đứng một bên. Bấy giờ, ông ta bạch Thế Tôn rằng:

- Sa-môn Cù-đàm! Có thấy con tôi không?

Thế Tôn bảo Trưởng giả:

- Vì sao mặt mày không vui, các căn rối loạn?

Bấy giờ Trưởng giả thưa đức Cù-đàm:

- Không như vầy sao được? Vì sao? Tôi chỉ có một đứa con, nó lại bỏ tôi mà chết. Tôi rất nhớ thương nó, chưa hề rời mắt, vì thương xót đứa con ấy nên tôi phát cuồng. Nay tôi hỏi Sa-môn, có thấy con tôi không?

Thế Tôn dạy rằng:

- Đúng vậy, Trưởng giả. Như lời Ông hỏi: sanh, già, bịnh, chết là phép thường ở đời; ân ái biệt ly khổ; oán ghét gặp gỡ khổ. Đứa con vì vô thường mà bỏ Ông há không nghĩ đến được sao?

Bấy giờ ông ta nghe Thế Tôn nói, không bằng lòng bèn bỏ đi; đi đường gặp người ông liền nói:

- Sa-môn Cù-đàm nói rằng: 'Ái ân biệt ly liền có khoái lạc'. Sa-môn nói như vậy, xét có đúng không?

Người kia đáp:

- Ân ái biệt ly mà vui cái gì?

Ngay lúc đó, cách thành Xá-vệ không xa, có nhiều người đang đánh bạc với nhau. Bấy giờ, ông ta liền nghĩ rằng: 'Các ông này thông minh trí tuệ, không việc gì chẳng biết. Nay ta nên đem nghĩa này hỏi họ'.

Bấy giờ ông ta đến chỗ đánh bạc hỏi mọi người rằng:

- Sa-môn Cù-đàm bảo tôi rằng: 'Ân ái biệt ly khổ, oán ghét gặp gỡ khổ. Đây là khoái lạc'. Nay các Ông nghĩ sao?

Bấy giờ những người đánh bạc đáp ông ta:

- Ân ái biệt ly có gì vui? Nói là khoái lạc, nghĩa này không đúng.

Bấy giờ ông ta liền nghĩ: 'Xét lời Như Lai trọn không hư dối. Sao nói xa lìa ân ái lại có vui ư?' Nghĩa này không đúng.

Bấy giờ người kia vào thành Xá-vệ, đến ngoài cửa cung kêu lên:

- Sa-môn Cù-đàm dạy rằng: 'Ân ái biệt ly, oán ghét hội họp. Đây là khoái lạc.'

Bấy giờ cả thành Xá-vệ và người trong cung truyền lời này khắp nơi. Ngay lúc đó, đại vương Ba-tư-nặc và phu nhân Mạt-lợi đang ở trên lầu vui vầy với nhau. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bảo phu nhân Mạt-lợi:

- Sa-môn Cù-đàm thật có lời này: 'Ân ái ly biệt, oán ghét gặp gỡ. Đây đều là khoái lạc chăng?'

Phu nhân đáp:

- Tôi nghe Như Lai dạy lời này, nhưng nếu đúng Như Lai có dạy như thế, cũng chẳng phải là việc hư dối.

Vua Ba-tư-nặc bảo:

- Ví như thầy dạy đệ tử: 'Làm điều này, bỏ điều này'. Đệ tử đáp rằng: 'Xin vâng, Đại sư'. Nay phu nhân Mạt-lợi, Bà cũng như thế. Sa-môn Cù-đàm kia tuy nói lời này mà Bà ưng thuận nói rằng như thế chẳng khác, không có hư vọng. Vậy Bà hãy đi mau, đừng có đứng trước mặt ta.

Bấy giờ phu nhân Mạt-lợi bảo Bà-la-môn Trúc-bác:

- Nay Ông đến Tinh xá Kỳ Hoàn, tới chỗ Như Lai, đem tên của ta, quỳ dưới chân Như Lai lấy nghĩa này bạch đầy đủ cho Thế Tôn rằng: 'Trong thành Xá-vệ và người trong cung có luận bàn điều mà Sa-môn Cù-đàm nói: 'Ân ái biệt ly, oán ghét hội họp. Đây đều là khoái lạc'. Chẳng rõ Thế Tôn có dạy như thế chăng?'. Nếu Thế Tôn có dạy điều gì, Ông hãy khéo nhận lời rồi về nói lại cho ta.

Bấy giờ Bà-la-môn Trúc-bác nhận sắc lịnh của phu nhân, tìm đến Tinh xá Kỳ Hoàn. Đến chỗ Thế Tôn chào hỏi, chào hỏi xong ngồi một bên. Rồi Phạm chí kia bạch Thế Tôn:

- Phu nhân Mạt-lợi cúi lạy Thế Tôn và thăm hỏi Như Lai có được nhẹ nhàng dễ chịu, đi đứng có mạnh khỏe không, Giáo hóa người mê muội có mệt nhọc không. Rồi lại nói rằng: 'Trong thành Xá-vệ này loan truyền rằng Sa-môn Cù-đàm dạy: 'Ân ái biệt ly, oán ghét hội họp. Đây đều là khoái lạc'. Chẳng rõ Thế Tôn có dạy như thế chăng?'

Bấy giờ Thế Tôn bảo Bà-la-môn Trúc-bác rằng:

- Ở trong thành Xá-vệ này có một Trưởng giả bị chết mất một đứa con. Ông ta nhớ đứa con này đến cuồng loạn mất tánh, chạy khắp Đông Tây gặp ai cũng hỏi: 'Ai thấy con tôi?'. Vậy thì, Bà-la-môn! Ân ái biệt ly, oán ghét tụ hội khổ. Đây đều không có hoan lạc.

Ngày xưa trong thành Xá-vệ này, lại có người mất mẹ già, cũng cuồng loạn chẳng biết gì cả. Lại có người mất cha già; lại cũng có anh em, chị em thảy đều vô thường. Họ thấy sự biến đổi vô thường này sanh ra cuồng loạn chẳng biết Đông Tây.

Này Bà-la-môn! Ngày xưa trong thành Xá-vệ này, có một người vừa rước một người vợ đoan chánh vô song về. Bấy giờ ông ta không bao lâu bị nghèo cùng. Cha mẹ vợ ông ta

thấy ông ta nghèo liền nghĩ:

- 'Ta hãy đoạt con gái về gả cho người khác'.

Người kia rình nghe cha mẹ vợ muốn đoạt vợ mình để gả cho người khác. Bấy giờ, ông ta dắt dao bên trong áo rồi đến nhà vợ. Bà vợ ông ta đang ngồi dệt ở ngoài vách. Ông ta bước vào nhà cha mẹ vợ hỏi:

- 'Nay vợ tôi ở đâu?'

Mẹ vợ đáp:

- 'Vợ con đang dệt ở bóng mát ngoài bờ tường'.

Ông ta liền đến chỗ vợ hỏi:

- 'Cha mẹ nàng muốn đoạt nàng để gả cho người khác phải không?'

Vợ đáp:

- 'Thật có lời này, nhưng tôi không ưa nghe nói vậy.'

Bấy giờ người kia rút dao bén đâm chết vợ, rồi lại tự đâm vào bụng mình và nói:

- 'Cả hai ta cùng chết'.

Này Bà-la-môn, hãy dùng phương tiện này mà biết ân ái biệt ly, oán ghét hội họp khổ. Đây đều là buồn lo thật chẳng thể nói được.

Bấy giờ Bà-la-môn Trúc-bác bạch Thế Tôn:

- Đúng vậy Thế Tôn! Có các thứ khổ não này thực chẳng vui. Vì sao thế? Xưa con có một đứa con trai nó chết đi, bỏ con, ngày đêm con nhớ mãi chẳng rời tâm. Rồi con vì nhớ con, tâm ý cuồng hoặc, chạy khắp Đông Tây, gặp người liền hỏi: 'Ai thấy con tôi?' Này Sa-môn Cù-đàm nói thật đúng như thế. Việc nước bận rộn, con muốn về nhiệm sở.

Thế Tôn dạy:

- Nay là đúng lúc.

Bà-la-môn Trúc-bác liền từ chỗ ngồi đứng lên, nhiễu quanh Phật ba vòng rồi đi. Đến chỗ phu nhân Mạt-lợi đem việc này tâu đầy đủ cho phu nhân. Phu nhân Mạt-lợi liền đến chỗ vua Ba-tư-nặc thưa:

- Bây giờ tôi có chỗ muốn hỏi, mong Đại vương nghe rồi trả lời từng việc một. Thế nào? Đại vương có nhớ vương tử Lưu Ly chăng?

Vua đáp:

- Rất nhớ, thương xót không rời lòng.

Phu nhân hỏi:

- Nếu vương tử chết đi, Đại vương có lo chăng?

Vua lại đáp;

- Đúng vậy, phu nhân! Như lời bà nói.

Phu nhân hỏi:

- Đại vương nên biết ân ái biệt ly đều gây sầu lo. Thế nào? Đại vương có nhớ Vương tử Y La chăng?

Vua đáp:

- Ta rất yêu kính.

Phu nhân hỏi:

- Đại vương! Nếu vương tử chết đi, Đại vương có sầu lo chăng?

Vua đáp:

- Rất sầu lo.

Phu nhân bảo rằng:

- Hãy lấy phương tiện này mà biết ân ái biệt ly không có hoạn lạc. Thế nào? Đại vương có nhớ Tát-la-đà dòng Sát-lợi không?

Vua đáp:

- Rất yêu kính, nhớ nghĩ.

Phu nhân nói:

- Thế nào Đại vương, giả sử phu nhân Tát-la-đà có sự biến đổi, Đại vương có lo không?

Vua đáp:

- Có lo sầu chứ!

Phu nhân nói:

- Đại vương nên biết ân ái biệt ly, đây đều là khổ.

Phu nhân lại nói:

- Vua nhớ thiếp chăng?

Vua nói:

- Ta yêu nhớ Ái khanh.

Phu nhân nói:

- Giả sử thân thiếp biến đổi, Đại vương có buồn lo không?

Vua nói:

- Nếu thân Khanh có gì biến đổi, thì ta buồn lo ngay.

- Đại vương, hãy dùng phương tiện này mà biết ân ái biệt ly, oán ghét gặp gỡ không có vui vẻ gì.

Phu nhân lại nói:

- Thế nào Đại vương? Có nhớ nhân dân Ca-thi Câu-tát-la không?

- Ta rất yêu nhớ nhân dân Ca-thi Câu-tát-la.

Phu nhân nói:

- Nhân dân Ca-thi Câu-tát-la giả sử biến đổi, Đại vương có buồn lo không?

Vua nói:

- Nhân dân Ca-thi Câu-tát-la nếu có biến đổi thì mạng ta cũng chẳng còn, huống là chỉ buồn lo. Vì sao thế? Ta nhờ sức của nhân dân nước Ca-thi Câu- tát-la mới được tồn tại. Dùng phương tiện này biết mạng cũng chẳng còn, hà huống chẳng sanh buồn lo!

Phu nhân nói:

- Lấy đây mà biết: ân ái biệt ly đều có cái khổ não, không có vui vẻ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc, quỳ gối phải xuống đất, chắp tay hướng về Thế Tôn mà nói:

- Thật kỳ lạ! Thật kỳ lạ! Thế Tôn nói được pháp này. Nếu Sa-môn Cù-đàm đến đây, tôi sẽ cùng bàn luận.

Vua lại bảo phu nhân:

- Từ đây về sau, ta sẽ lại xem trọng Khanh hơn ngày thường, cho mang đồ phục sức không khác ta.

Bấy giờ Thế Tôn nghe phu nhân Mạt-lợi cùng Đại vương lập căn bản luận này, liền bảo các Tỳ-kheo:

- Phu nhân Mạt-lợi rất thông minh. Nếu vua Ba-tư-nặc hỏi Ta lời này, Ta cũng lấy nghĩa này mà nói cho vua ấy giống như phu nhân đã nói không khác. Ngài lại bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng Thanh văn của Ta, Ưu-bà-di chứng đắc lòng tin kiên cố thuần thành bậc nhất là phu nhân Mạt-lợi.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Bạt-kỳ, trong vườn Nai rừng Quỷ, núi Thi-mục-ma-la.

Bấy giờ Trưởng giả Na-ưu-la-công đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên, chốc lát lui ngồi bạch Thế Tôn:

- Nay con già cả lại thêm bệnh tật, nhiều điều ưu não, cúi mong Thế Tôn tùy thời dạy dỗ khiến chúng sanh được an ổn lâu dài.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Trưởng giả rằng:

- Đúng như lời Ông nói, thân có nhiều sợ hãi, đau đớn, đâu thể nương cậy, chỉ có một lớp da mỏng che đậy bên ngoài. Này Trưởng giả, nên biết người ỷ lại thân này, chính là được cái vui trong chốc lát. Đây là tâm ngu ngốc, chẳng phải điều người trí tuệ quí. Thế nên Trưởng giả, tuy thân có bệnh hãy khiến tâm không bệnh. Như thế, Trưởng giả, hãy học điều này!

Bấy giờ Trưởng giả nghe lời nói như thế liền từ chỗ ngồi đứng dậy cúi lạy Thế Tôn rồi lui ra.

Bấy giờ Trưởng giả lại nghĩ: 'Nay ta có thể đến hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất nghĩa này'.

Tôn giả Xá-lợi-phất đang ngồi dưới gốc cây cách đó không xa. Bấy giờ Na- ưu-la-công đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, quỳ lạy rồi ngồi một bên.

Tôn giả Xá-lợi-phất bèn hỏi Trưởng giả:

- Nhan mạo Ông vui hòa, các căn tịch tĩnh ắt có lý do. Này trưởng giả, chắc Ông đã nghe Phật nói pháp phải không?

Trưởng giả bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Thế nào Tôn giả Xá-lợi-phất? Làm sao nhan mạo không vui vẻ được? Vì sao thế? Vì tôi được Thế Tôn đem pháp cam lồ tưới rót vào lòng.

Trưởng giả đáp tiếp:

- Tôn giả Xá-lợi-phất, tôi đến chỗ Thế Tôn quỳ lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ tôi bạch Thế Tôn; 'Con tuổi già sức yếu hằng ốm bệnh tật, khổ đau rất nhiều không thể tính kể, cúi mong Thế Tôn, phân biệt thân này khiến khắp chúng sanh đạt được an ổn'. Bấy giờ Thế Tôn bảo tôi rằng: 'Đúng vậy Trưởng giả! Thân này có nhiều suy mòn đau khổ, chỉ có lớp da mỏng che đậy bên ngoài. Trưởng giả nên biết, người nương cậy thân này, chính có thể

vui chốc lát mà chẳng biết bị khổ vô lượng lâu dài. Thế nên, Trưởng giả, thân này tuy có hoạn nạn, nên khiến cho tâm đừng lo hoạn. Như thế Trưởng giả, nên học điều này'. Thế Tôn dùng pháp cam lộ này tưới rót cho tôi.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Thế nào Trưởng giả? Sao không hỏi lại Thế Tôn nghĩa này: Thế nào là thân có hoạn mà tâm không hoạn? Thế nào là thân có bệnh, tâm không bệnh?

Trưởng giả bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Thật sự tôi đã không đem việc này hỏi lại Thế Tôn là thân có hoạn, tâm không hoạn; thân có bệnh, tâm không bệnh. Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả chắc rõ việc này, mong phân biệt đầy đủ cho.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ giảng rộng nghĩa này cho Ông.

- Xin vâng, Tôn giả Xá-lợi-phất.

Trưởng giả vâng lời dạy rồi, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Ông ta:

- Ở đây, Trưởng giả! Người phàm phu chẳng gặp Thánh nhân, chẳng được Thánh giáo, chẳng theo sự dạy dỗ này, cũng chẳng gặp Thiện tri thức, chẳng theo hầu Thiện tri thức, họ chấp sắc là ngã, sắc là của ngã, ngã là của sắc, trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, sắc kia sắc ta hội họp một chỗ. Sắc kia sắc ta đã hội họp một chỗ rồi, sắc liền bại hoại, dời đổi chẳng dừng, trong đó lại khởi sầu lo khổ, não; cũng vậy đối với thọ, tưởng, hành thức đều quán ngã có thức, trong thức có ngã, trong ngã có thức, thức kia thức ta hội họp một chỗ. Thức kia thức ta đã họp một chỗ rồi, thức liền bại hoại, dời đổi chẳng dừng, trong đó lại khởi sầu, lo, khổ, não. Như thế Trưởng giả, thân cũng có hoạn, tâm cũng có hoạn.

Trưởng giả hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Thế nào là thân có hoạn, tâm không có hoạn?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Ở đây, Trưởng giả! Đệ tử bậc Hiền Thánh thừa sự Thánh Hiền, tu hành cấm pháp, theo hầu Thiện tri thức, thân cận Thiện tri thức. Người đó không quán ngã có sắc, chẳng thấy trong sắc có ngã, trong ngã có sắc, chẳng thấy sắc là của ngã, ngã là của sắc. Sắc kia dời chuyển chẳng dừng. Sắc kia đã chuyển đổi, chẳng sanh hoạn sầu, lo, khổ, não theo sắc, cũng lại không thấy thọ, tưởng, hành thức; chẳng thấy trong thức có ngã, trong ngã có thức, cũng chẳng thấy thức là của ngã, cũng chẳng thấy ngã là của thức. Thức kia thức ngã đã hội một chỗ, thức liền bại hoại, trong đây không khởi buồn, lo, khổ, não. Như vậy Trưởng giả! Thân có hoạn mà tâm không hoạn. Thế nên Trưởng giả, hãy học tập như thế, trừ thân bỏ tâm, cũng không nhiễm trước. Này Trưởng giả, nên học điều này.

Bấy giờ Na-ưu-la-công nghe Xá-lợi-phất dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp cho vài ngàn muôn chúng vây quanh trước sau. Lúc đó Bà-la-môn Giang Trắc thân gánh một gánh nặng đến chỗ Thế Tôn, đến rồi đặt gánh xuống đến một bên Thế Tôn, và đứng lặng yên. Bấy giờ Bà-la-môn đó suy nghĩ thế này: 'Hôm nay Sa-môn Cù-đàm vì mấy ngàn muôn chúng vây quanh trước sau mà thuyết pháp. Ta nay thanh tịnh không khác gì Sa-môn Cù-đàm. Vì sao thế? Sa-môn Cù-đàm ăn lúa gạo tốt, các thứ ngon lành. Nay ta ăn quả trái để tự nuôi mạng sống'.

Bấy giờ Thế Tôn đã biết tâm niệm Bà-la-môn liền bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có chúng sanh đem hai mươi mốt kiết làm dính mắc tâm, nên biết người đó ắt đọa đường ác chẳng sanh cõi lành. Thế nào là hai mươi mốt kiết? Đó là sân tâm kiết,

nhuế hại tâm kiết, thùy miên tâm kiết, điều hý tâm kiết, nghi tâm kiết, nộ tâm kiết, kỵ tâm kiết, não tâm kiết, tật tâm kiết, tắng tâm kiết, vô tàm tâm kiết, vô quý tâm kiết, huyễn tâm kiết, gian tâm kiết, ngụy tâm kiết, tranh tâm kiết, kiêu tâm kiết, mạn tâm kiết, đố tâm kiết, tăng thượng mạn tâm kiết, tham tâm kiết. Này các Tỳ-kheo, nếu người có hai mươi mốt kiết làm dính mắc tâm này, nên biết người đó ắt đọa đường ác chẳng sanh cõi lành. Ví như áo lông dạ trắng mới, lâu ngày cũ nát có nhiều bụi bặm, ý muốn nhuộm thành màu xanh, vàng, đỏ, đen trọn chẳng thành được. Vì sao? Vì có bụi bặm. Như thế, này Tỳ-kheo, nếu có người đem hai

mươi mốt kiết làm dính mắc tâm này, hãy quán người này ắt đọa đường ác chẳng sanh cõi lành. Nếu lại có người không có hai mươi mốt kiết làm dính mắc tâm này, nên biết người đó ắt sanh lên trời, không rơi trong địa ngục; ví như dạ trắng sạch, mới tùy ý muốn nhuộm màu nào: xanh, vàng, đỏ, đen ắt thành màu đó, trọn chẳng bại hoại. Vì sao như thế? Vì nó sạch vậy. Đây cũng như thế, ai không có hai mươi mốt kiết này làm dính mắc tâm bên biết người này ắt sanh lên Trời, không rơi đường ác. Nếu bậc Hiền Thánh kia khởi sân nhuế tâm kiết, quán rồi liền có thể dừng được; khởi nhuế hại tâm kiết, khởi thùy miên tâm kiết, khởi điều hý tâm kiết, khởi nghi tâm kiết, khởi nộ tâm kiết, khởi kỵ tâm kiết, khởi não tâm kiết, khởi tắng tâm kiết, khởi vô tàm tâm kiết, khởi vô úy tâm kiết, khởi huyễn tâm kiết, khởi gian tâm kiết, khởi ngụy tâm kiết, khởi tranh tâm kiết, khởi kiêu tâm kiết, khởi mạn tâm kiết, khởi đố tâm kiết, khởi tâm thượng mạn tâm kiết, khởi tham tâm kiết. Nếu bậc Hiền Thánh kia không sân, không nhuế, không có ngu hoặc; tâm ý vui hòa, dùng tâm từ rải khắp một phương mà tự vui thú: phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư cũng lại như thế; bốn phía trên, dưới, đối với một trong tất cả cũng thế. Tất cả thế gian vô hạn vô lượng không thể tính kể; tâm không giận dữ mà tự du hí, tâm từ này rải khắp trong đó, được hoan hỉ rồi, tâm ý liền chính.

Lại dùng tâm bi rải khắp một phương mà tự vui thú phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư cũng lại như thế; bốn phía trên, dưới, một trong tất cả cũng vậy. Tất cả thế gian dùng vô lượng, vô hạn cũng không thể tính kể; tâm không giận dữ mà tự du hí, đem tâm bi rải khắp trong đó, được hoan hỉ rồi, tâm ý liền chính.

Lại dùng tâm hỉ rải khắp một phương mà tự vui thú; phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư cũng vậy; bốn phía, trên, dưới, một trong tất cả cũng vậy. Tất cả thế gian dùng vô lượng, vô hạn không thể tính kể; tâm không giận dữ mà tự du hí, dùng tâm hỉ này rải khắp trong đó, được hoan hỉ rồi, tâm ý liền chính.

Lại dùng tâm xả (hộ) rải khắp một phương mà tự vui thú; phương thứ hai, phương thứ ba, phương thứ tư cũng vậy; bốn phía, trên, dưới, một trong tất cả cũng vậy. Tất cả thế gian dùng vô lượng, vô hạn không thể tính kể; tâm không giận dữ mà tự du hí, đem tâm hỉ này tràn khắp trong đó, được hoan hỉ rồi, tâm ý liền chính.

Lại đối với Như Lai thành tựu tín căn, căn bản không dời, dựng cờ cao hiển không thể di động. Chư Thiên, Long Thần, A-tu-la, Sa-môn, Bà-la-môn

hoặc Người đời, trong đây được hoan hỉ, tâm ý liền chính. Đây là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo PHáp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, trong đây được hoan hỉ, tâm ý liền chính.

Cũng lại thành tựu đối với pháp. Pháp của Như Lai rất là thanh tịnh, không thể dời đổi, được người yêu kính. Như vậy người trí nên quán điều này, liền ở trong đó được hoan hỉ, tâm ý liền chính.

Cũng lại thành tựu đối với chúng. Thánh chúng của Như Lai rất là thanh tịnh, tánh hạnh thuần hòa, pháp pháp thành tựu, giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát kiến tuệ thành tựu. Thánh chúng gồm bốn đôi tám bậc. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng yêu, đáng quý, thật đáng thừa sự, trong đây được hoan hỷ, tâm ý liền chính.

Người ấy lại dùng tam-muội này, tâm được thanh tịnh không có vết nhơ. Các kiết liền dứt sạch, cũng không nhiễm ô, tánh hạnh nhu nhuyến, có được thần thông, liền tự biết được việc của vô lượng đời trước. Từ nơi nào đến đều biết hết, như một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, trăm ngàn đời; kiếp thành bại, kiếp không thành, hoại, vô số kiếp thành, hoại, vô số kiếp không thành, hoại. 'Ta từng ở chỗ kia, tự là gì, tên gì, họ gì, sanh như thế, ăn như thế, chịu khổ vui như thế, thọ mạng ngắn hay dài. Từ chỗ kia chết sanh ở đây.' Như thế tự biết việc vô số kiếp trước.

Lại do tam-muội này, tâm thanh tịnh không có vết nhơ, biết tâm chúng sanh nghĩ việc gì. Người đó lại dùng Thiên nhãn xem có người sanh, có người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc tốt hoặc xấu tùy hạnh của chúng sanh, đã tạo quả báo thảy đều biết hết. Hoặc có chúng sanh thân làm ác, miệng làm ác, tâm làm ác, phỉ báng Hiền Thánh, tạo hạnh tà kiến, thân hoại mạng chung sanh trong ba đường ác, trong địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân làm thiện, miệng nói thiện, tâm nghĩ thiện, không phỉ báng Hiền Thánh, chánh kiến không có tà kiến, thân hoại mạng chung sanh chỗ lành, lên Trời. Đó là thiên nhãn thanh tịnh xem các loài chúng sanh, có người sanh, có người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc tốt, hoặc xấu tùy hạnh chúng sanh, quả báo tạo ra thảy đều biết hết.

Người đó lại dùng tam-muội này, tâm thanh tịnh không vết nhơ, không có kiết sử, tâm tánh nhu nhuyến được thần thông. Lại dùng lậu tận thông mà tự vui thú. Người đó quán khổ này, biết như thực. Lại quán khổ tập, lại quán

khổ tận, lại quán khổ xuất yếu, biết như thực. Người đó quán như thế xong, tâm dục lậu được giải thoát, tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu được giải thoát. Được giải thoát rồi liền được trí giải thoát: 'Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa', biết như thực.

Như thế, này Tỳ-kheo, bậc Hiền Thành tâm được giải thoát, tuy có ăn cao lương mỹ vị, các thứ ngon lành nhiều như Tu-di cũng trọn không tội. Vì sao? Vì không dục ái, đã dứt sạch dục ái vậy; vì không sân, đã dứt sân vậy, vì không ngu si, đã dứt ngu si vậy. Đây là Tỳ-kheo ở trong Tỳ-kheo, đã tắm rửa sạch sẽ hoàn toàn bên trong.

Bấy giờ Bà-la-môn ở cạnh bờ sông bạch Thế Tôn rằng:

- Sa-môn Cù-đàm có thể đến bên sông Tôn-đà-la tắm rửa.

Thế Tôn bảo rằng:

- Thế nào Bà-la-môn, sao gọi đó là nước sông Tôn-đà-la?

Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

- Nước sông Tôn-đà-la, phước của nó rất thâm sâu, là ánh sáng của đời. Nếu có nhân vật nào tắm tại nước sông đó, tất cả các ác đều trừ sạch cả.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Thân này vố số kiếp,
Từng đến tắm sông kia,
Và các ao vũng nhỏ,
Không đâu không trải khắp.
Người ngu thường thích đó,
Mờ ám không thanh tịnh,
Tội cũ đầy trong thân,
Sông kia sao cứu được.
Người tịnh thường an lạc,
Người giữ giới cũng vậy,
Người sạch làm hạnh sạch,
Kìa nguyện tất quả thành,
Hộ trì, không chấp thủ
Hành từ không sát sanh,
Giữ thành thật không dối,
Tâm bi không tăng giảm.
Nay Ông tắm ở đây,
Ắt được chỗ an ổn,
Sông kia đến chỗ nào,
Như mù nhảy vào tối.
Bấy giờ Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

- Thật đầy đủ, thật đầy đủ! Thưa Cù-đàm! Ví như người gù được thẳng, người tối được sáng, người mê được thấy đường, như đèn sáng trong nhà tối, làm con mắt cho người không mắt. Như vậy, Sa-môn Cù-đàm đã dùng vô số phương tiện thuyết diệu pháp này. Nguyện xin cho con hành đạo.

Bấy giờ Bà-la-môn ở cạnh bờ sông liền được nhập đạo, thọ giới cụ túc. Cũng như người nào có tâm xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng mong đạt đến: 'Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa', vị ấy như thực rõ biết. Lúc này, Tôn giả Tôn-đà-la-đế-lợi thành bậc A-la-hán.

Bấy giờ Tôn giả Tôn-đà-la-đế-lợi nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành la-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật cùng chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân lúc trời đã về chiều liền đến chỗ Thế Tôn, quỳ lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân liền dùng kệ tụng hỏi nghĩa Như Lai:

Hay thuyết, hay tuyên bố,
Vượt dòng thành vô lậu,
Để qua vực sanh tử,
Nay hỏi nghĩa Cù-đàm.
Con quán chúng sanh này,
Việc tạo nghiệp phước đức,
Tạo các hạnh dường ấy,
Thí ai, phước tối tôn?
Nay con tại Linh Thứu,
Xin mong giảng nghĩa này,
Biết ý thú của Ngài,
Cũng vì người thí nói.
Bấy giờ Thế Tôn dùng kệ đáp:
Bốn đường tạo phước khm
Bốn quả đầy đủ thánh,
Các người học được vết,
Nên tin phụng pháp này.
Không dục cũng không giận,
Hết si thành vô lậu,
Vượt hết tất cả vực,
Thí kia thành quả lớn.
Các loại chúng sanh này,
Chỗ tạo nghiệp phước đức,
Tạo hạnh bao nhiêu thứ,
Thí Tăng, được phước nhiều,
Chúng này độ vô lượng,
Như biển xuất trân bảo,
Thánh chúng cũng như vậy,
Diễn pháp tuệ quang minh.
Cù-đàm chỗ lành kia,
Người hay thí chúng Tăng,

Được phước không thể kể,
Bậc tối thắng đã nói.
Khi Thích-đề-hoàn-nhân nghe Phật dạy xong, quỳ lạy Phật rồi lui ra.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề, cũng tại thành Vương Xá, bên cạnh núi Kỳ-xà- quật, làm riêng một thất lợp lá để tự thiền tư. Khi ấy, Tôn giả Tu-bồ-đề thân bị khổ hoạn rất trầm trọng, liền nghĩ rằng: 'Các thống khổ của ta đây sanh ra từ đây, từ đâu diệt, rồi đi về đâu?'

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề liền ở ngoài trời trải tọa cụ, chánh thân chánh ý, chuyên chú nhất tâm, ngồi kiết-già, suy nghĩ các nhập, dục hại thống khổ.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân, biết ý nghĩ của Tôn giả Tu-bồ-đề, liền dùng kệ sai Ba-giá-tuần rằng:

Thiện nghiệp, thoát trói buộc,
Ở tại núi Linh Thứu,
Nay bị bịnh rất nặng,
Vui không, các căn định.
Mau đến thăm hỏi bịnh,
Săn sóc tôn thượng nhân,
Sẽ thâu được phước lớn,
Trồng đức không gì hơn.
Ba-giá-tuần đáp:

- Xin vâng, Tôn giả.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân đem năm trăm Thiên nhân và Ba-giá-tuần; ví như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay, liền biến mất khỏi cõi trời Ba mươi ba; hiện đến núi Linh Thứu, cách Tôn giả Tu-bồ-đề không xa, lại dùng kệ bảo Ba-giá-tuần rằng:

Nay Ông biết Thiện Nghiệp,
Vui Thiền định tam-muội,
Tiếng nhu hòa thanh tịnh,
Nay khiến từ thiền dậy.
Ba-giá-tuần đáp:

- Xin vâng!

Bấy giờ Ba-giá-tuần nghe lời Thích-đề-hoàn- nhân, liền đem đàn lưu ly đến trước Tu-bồ-đề, rồi dùng kệ này khen Tu-bồ-đề rằng:

Kiết tận trọn vô dư,
Các niệm không lầm lẫn,
Các trần cấu đều dứt,
Nguyện mau từ Thiền tỉnh.
Tâm dừng, qua sông hữu,
Hàng ma độc các kiết,
Công đức như biển lớn,
Nguyện mau từ Định khởi.
Mắt sạch như hoa sen,
Các uế trọn chẳng vướng,
Vô quy cùng tác quy,
Không Định, hãy mau dậy.
Vượt bốn dòng vô vi.
Khéo giải không giả bệnh,
Để thoát nạn hữu vi,
Cúi mong giờ Định tính (giác).
Năm trăm trời ở trên,
Thích chủ cũng thân đến,
Muốn hầu Thánh tôn nhan,
Giải không! Hãy mau dậy!
Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề liền từ tòa đứng dậy, rồi khen Ba-giá-tuần rằng:

- Lành thay! Ba-tuần! Nay tiếng Ông cùng tiếng đàn hòa, đàn cùng tiếng hòa, không khác. Mà tiếng đàn không rời tiếng ca, tiếng ca không rời tiếng đàn, hai việc hợp với nhau mới thành tiếng hay.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân liền đến chỗ Tôn giả Tu-bồ-đề, quỳ lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Tu-bồ-đề:

- Ngài Thiện Nghiệp bị bịnh khổ có tăng giảm không? Nay thân này bịnh từ đây sanh, từ thân sanh chăng, ý sanh chăng?

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề bảo Thích-đế-hoàn-nhân rằng:

- Lành thay, Câu Dực! Pháp pháp tự sanh, pháp pháp tự diệt; pháp pháp cùng động, pháp pháp tự dừng. Ví như, này Câu Dực, có độc dược, lại có hại độc dược. Thiên Đế Thích! Đây cũng là thế, pháp pháp cùng loạn, pháp pháp tự dừng; pháp có thể sanh pháp, pháp đen dùng pháp trắng trị, pháp trắng dùng pháp đen trị. Thiên Đế Thích! Người bịnh tham dục dùng bất tịnh trị, người bịnh sân giận dùng tâm từ trị, người bịnh ngu si dùng trí tuệ trị. Như thế, này Thích-đế-hoàn-nhân, tất cả pháp có đều quy về không, không ngã, không nhân, không thọ, không mạng, không sĩ, không phu, không

hình, không tượng, không nam, không nữ. Ví như, này Thích-đế-hoàn-nhân! Gió làm gãy đại thị cành lá xác xơ, mưa đá làm hại mầm, hoa quả vừa tốt không nước bị héo, trời giáng mưa xuống nẩy mầm được tồn tại. Như thế, Thiên

Đế Thích! Pháp pháp cùng loạn, pháp pháp tự định. Ta vốn bịnh hoạn đau khổ não. Hôm nay đã trừ không còn hoạn khổ nữa.

Bấy giờ Thích-đế-hoàn-nhân bạch Tu-bồ-đề rằng:

- Tôi cũng có sầu, lo, khổ, não. Nay nghe pháp này không còn sầu, lo nữa. Các việc bận rộn, muốn trở về Trời, việc mình cũng có và các việc Trời đều rất nhiều.

Tôn giả Tu-bồ-đề nói:

- Nay chính là lúc nên đi.

Bấy giờ Thích-đế-hoàn-nhân liền từ chỗ ngồi đứng lên, quỳ lạy Tôn giả Tu- bồ-đề, nhiễu ba vòng rồi đi.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề liền nói kệ:

Năng nhân nói lời này,
Căn bản đều đầy đủ,
Người trí được an ổn,
Nghe pháp dứt các bịnh.
Bấy giờ Thích-đế-hoàn-nhân nghe Tôn giả Tu-bồ-đề nói xong, vui vẻ vâng làm.

Diều-đạt và hai kinh,
Da và Lợi-sư-la
Trúc-bác, Tôn-đà-lợi
Thiện Nghiệp, Thích-đế-hoàn
---o0o---

XIV. Phẩm Ngũ giới

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Này các Tỳ-kheo! Nếu có người ý thích sát sanh liền đọa địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu sanh trong loài Người thọ mạng rất ngắn. Vì sao thế? Vì đoạn dứt mạng kẻ khác vậy. Thế nên, hãy học chớ sát sanh. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành rồi, đã thực hành nhiều rồi được hưởng phước, trong loài Người, hưởng phước trên Trời, được chứng Niết-bàn như là chẳng sát sanh.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có người chẳng hành sát sanh, cũng không nghĩ giết, thọ mạng rất dài. Vì sao thế? Vì họ không nhiễu loạn vậy. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên học chẳng sát sanh. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã được thực hành, thực hành nhiều rồi lại thành hạnh địa ngục, hạnh ngạ quỷ, hạnh súc sanh, nếu sanh trong loài Người rất là nghèo túng, áo không đủ che thân, cơm chẳng đầy miệng như là việc ăn trộm.

Này các Tỳ-kheo! Nếu có người ý thích trộm cắp lấy tài vật của người khác, liền đọa trong ngạ quỷ, súc sanh; nếu sanh trong loài Người rất là nghèo

túng. Vì sao thế? Vì đoạn dứt nghiệp sống của người khác. Thế nên này các Tỳ-kheo, hãy học đừng lấy của chẳng cho. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã được thực hành, thực hành nhiều rồi hưởng phước trong loài Người, hưởng phước trên Trời, được chứng Niết-bàn, như là bố thí rộng rãi.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có người rộng hành bố thí, ở đời hiện tại được sắc đẹp được sức lực, được đầy đủ, trên Trời, trong loài Người hưởng phước vô lượng. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên hành bố thí, chớ có tâm keo kiệt. Như thế, này các Tỳ- kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành rồi, đã thực hành nhiều rồi thành hạnh địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh; nếu sanh trong loài Người ở nhà gian dâm không có tịnh hạnh, bị người chê bai, thường bị phỉ báng. Thế nào là một pháp? Đó là tà dâm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có người dâm dật vô độ, thích xâm phạm vợ người, liền đọa trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, nếu sanh trong loài Người, khuê môn dâm loạn. Thế nên các Tỳ-kheo thường nên chính ý, chớ khởi nghĩ dâm, cẩn thận chớ dâm người khác. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành, thực hành nhiều rồi, hưởng phước trong loài Người, hưởng phước trên Trời, chứng được Niết-bàn, như là không tà dâm, thân thể thơm sạch cũng không có ý tưởng tà vạy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có người tinh khiết không dâm liền hưởng phước trong loài Người, trên Trời. Thế nên các Tỳ-kheo, chớ hành tà dâm làm hưng khởi ý dâm. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành, thực hành nhiều rồi thành hạnh địa ngục, hạnh ngạ quỷ, hạnh súc sanh, nếu sanh trong loài Người thì hơi miệng hôi thối, làm người chán ghét, như là vọng ngữ. Này các Tỳ-kheo, nếu có người nói dối, nói thêu dệt, cãi lẫy thị phi, liền đọa trong súc sanh, ngạ quỷ. Vì sao thế? Vì nói dối vậy. Thế nên hãy chí thành, không được vọng ngữ. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành, thực hành nhiều rồi hưởng phước trong loài Người, hưởng phước trên Trời, chứng được Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Đó là không nói dối. Các Tỳ-kheo, người không vọng ngữ hơi miệng thơm tho, tiếng tăm vang xa. Thế nên các Tỳ-kheo, nên hành không vọng ngữ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào đã thực hành, thực hành nhiều rồi chịu tội súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Nếu sanh trong loài Người thì cuồng, ngu si, hoặc, chẳng biết chân, ngụy như là uống rượu. Này các Tỳ- kheo, nếu có người tâm thích uống rượu, chỗ sanh ra không có trí tuệ, thường chịu ngu si. Như thế, này các Tỳ-kheo, cẩn thận chớ uống rượu. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở trong chúng này, Ta không thấy một pháp nào hơn pháp này: đã thực hành, thực hành nhiều rồi hưởng phước trong loài Người, hưởng phước trên Trời, chứng được Niết-bàn. Thế nào là một pháp? Đó là không uống rượu. Này các Tỳ-kheo, nếu có người chẳng uống rượu, sanh ra liền thông minh không có ngu dốt, biết rộng nhớ nhiều, ý không nhầm lẫn. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Kinh Địa ngục thứ năm,
Đây gọi hạnh bất thiện,
Còn năm, Trời và Người,

Khiến biết số thứ tự.

---o0o---

XV. Phẩm Hữu vô

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên biết có hai kiến (chấp) này. Thế nào là hai? Nghĩa là hữu kiến và vô kiến. Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với hai kiến này đã học tập, đã tụng đọc, trọn không theo pháp, như thực chẳng biết. Đây chẳng phải là Sa-môn, Bà-la-môn. Ở trong Sa-môn thì phạm pháp Sa-môn, ở trong Bà-la-môn thì phạm pháp Bà-la-môn. Sa-môn, Bà-la-môn này trọn chẳng do thân tác chứng mà tự du hí.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với hai kiến này tụng đọc, nghĩ nhớ biết xả bỏ, như thực mà biết. Đây là Sa-môn biết giữ hạnh Sa-môn, Bà-la-môn biết giữ hạnh Bà-la-môn, tự thân thụ chứng, để tự du hí; sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Thế nên, các Tỳ-kheo, đối với hai kiến này, chẳng nên học hành, chẳng nên đọc tụng, nên lìa bỏ hẳn. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai kiến này. Thế nào là hai kiến? Đó là hữu kiến và vô kiến. Thế nào là hữu kiến? Nghĩa là dục hữu kiến, sắc hữu kiến, vô sắc hữu kiến. Thế nào là dục hữu kiến? Nghĩa là ngũ dục. Thế nào là ngũ dục? Nghĩa là mắt thấy sắc rất yêu thích nghĩ nhớ. Người đời tôn thờ chưa từng xa lìa, như tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc chạm, ý rõ các pháp. Đó là hữu kiến.

Thế nào gọi là vô kiến? Nghĩa là thấy hữu thường và thấy vô thường. Có cái thấy đoạn diệt và thấy không đoạn diệt, thấy hữu biên, thấy vô biên; thấy có thân, thấy không thân; thấy có mạng, thấy không mạng; thấy thân khác, thấy mạng khác. Sáu mươi hai kiến (chấp) này gọi là vô kiến, cũng chẳng phải là chân kiến. Đó gọi là vô kiến.

Thế nên, các Tỳ-kheo, nên bỏ hai kiến này. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai sự bố thí này. Thế nào là hai? Đó là pháp thí và tài thí. Này các Tỳ- kheo! Bố thí hơn hết không gì qua pháp thí. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên thường học pháp thí. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai nghiệp. Thế nào là hai nghiệp? Có pháp nghiệp và có tài nghiệp. Nghiệp trên hết không gì qua pháp nghiệp. Thế nên, này các Tỳ-kheo, nên học pháp nghiệp, chớ học tài nghiệp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai ơn này. Thế nào là hai? Đó là ơn pháp và ơn tài. Hơn hết trong các ơn, không gì qua ơn pháp. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tu hành ơn pháp. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Người ngu si có hai thứ tướng mạo. Thế nào là hai? Ở đây, người ngu đối với việc không đáng làm mà làm, việc làm sắp xong thì chán bỏ. Đó là, này các Tỳ-kheo, người ngu có hai tướng mạo này.

Lại nữa, Tỳ-kheo, người trí có hai tướng mạo. Thế nào là hai? Ở đây, người trí đối với việc không đáng làm thì không làm, việc làm gần xong không chán bỏ.

Thế nên, này các Tỳ-kheo, hai tướng mạo của người ngu phải nên xa lìa. Nên nhớ tu hành hai tướng mạo của người trí. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp này, trong tự suy xét chuyên chú một lòng cũng như lễ Như Lai. Thế nào là hai pháp? Đó là trí tuệ và diệt tận.

Như thế Tỳ-kheo đối với hai pháp này trong tự suy xét, chuyên chú một lòng cũng như lễ Như Lai. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp này, trong tự suy xét, chuyên chú một lòng cũng như lễ Pháp bảo hay thần miếu của Như Lai. Thế nào là hai pháp? Có lực, có vô úy. Như thế, Tỳ-kheo đối hai pháp này trong tự suy xét, chuyên chú một lòng như lễ Pháp bảo và thần miếu của Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp này, trong tự suy xét, chuyên chú một lòng như lễ chùa của Như Lai. Thế nào là hai pháp? Như Lai cùng người thế gian không có ai bằng. Như Lai có đại từ, đại bi, thương xót nhớ nghĩ mười phương. Như thế, Tỳ-kheo đối hai pháp này, trong tự suy xét, chuyên chú một lòng như lễ chùa của Như Lai. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai nhân, hai duyên khởi ra chánh kiến. Thế nào là hai? Nhận lời dạy dỗ và suy nghĩ về chỉ, quán trong lòng. Như thế, Tỳ-kheo đối hai nhân, hai duyên khởi ra chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Nhị kiến và nhị thí,
Người ngu có hai tướng.
Lễ pháp, miếu Như Lai,
Chánh kiến ở sau cùng.
*

XVI. Phẩm Hỏa diệt

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Nam-đà ở trong vườn Tượng Hoa, lúc đó Tôn giả Nan-đà ở chỗ vắng vẻ liền nghĩ rằng:

- Như Lai ra đời rất khó gặp, ức kiếp mới xuất hiện, thật không thể thấy Như Lai trải qua một thời gian lâu xa mới xuất hiện; như hoa Ưu-đàm-bát xuất hiện, đây cũng như thế. Như Lai ra đời rất khó gặp, ức kiếp mới xuất hiện thật không thể thấy. Nơi này cũng khó gặp; tất cả hành thảy đều dứt hẳn, ái sạch không sót, cũng không ô nhiễm, diệt tận, Niết-bàn.

Bấy giờ có một Thiên tử Ma hạnh, biết được tâm tư của Tôn giả Nan-đà, liền đến chỗ Tôn-đà-lợi, con gái họ Thích; bay trên không, dùng bài tụng này tán thán:

Nay Cô hãy vui vẻ,
Mặc đẹp, trổi ngũ nhạc,
Nan-đà bỏ pháp phục,
Tương lai cùng vui thú.
Bấy giờ cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi nghe Thiên tử nói xong, hoan hỷ nhảy nhót không dừng được, liền tự trang điểm, dọn dẹp nhà cửa, trải tọa cụ tốt, thổi kỹ nhạc như lúc Nan-đà còn ở nhà không khác.

Bấy giờ vui Ba-tư-nặc đang nhóm tại giảng đường Phổ Hội, nghe Tỳ-kheo Nan-đà trả lại pháp phục, học tập nghiệp nhà. Vì sao thế? Vì có vị Trời ở trên hư không bảo người vợ như thế. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe lời này xong lo buồn liền cỡi voi trắng đi đến vườn kia. Đến nơi, vào trong hồ Hoa Tượng, trông thấy Tôn giả Nan-đà từ xa, liền đến chỗ Nan-đà quỳ lạy rồi ngồi một bên.

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà bảo vua Ba-tư-nặc rằng:

- Vì sao Ngài lại đến đây, mặt mày biến sắc, có việc gì mà đến chỗ tôi?

Vua Ba-tư-nặc đáp:

- Tôn giả nên biết, tôi ở giảng đường Phổ Tập, nghe Tôn giả bỏ pháp phục, sống lại đời bạch y. Nghe lời này, xong, nên mới đến đây. Chẳng rõ Tôn giả chỉ dạy thế nào?

Lúc này Tôn giả Nan-đà cười nụ rồi chậm rãi bảo vua:

- Không thấy, không nghe, này Đại vương, tại sao lại nói như thế? Đại vương, há không nghe Như Lai nói tôi đã trừ các kiết, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa, như thật mà biết; nay thành A-la-hán, tâm được giải thoát sao?

Vua Ba-tư-nặc nói:

- Tôi chẳng nghe Như Lai nói Tỳ-kheo Nan-đà sanh tử đã dứt, đắc A-la-hán, tâm được giải thoát. Vì sao thế? Có vị Trời đến bảo con gái họ Thích Tôn- đà-lợi như thế. Bấy giờ, phu nhân Tôn-đà-lợi nghe lời này rồi, liền xướng kỹ nhạc, sửa sang phục sức, trải các tọa cụ. Tôi nghe vậy, liền đến chỗ Tôn giả.

Nan-đà bảo vua:

- Vua chẳng biết, chẳng nghe, cớ sao lại nói thế? Có các Sa-môn, Bà-la-môn lúc nào cũng vui cái vui ngưng dứt, vui thiện thệ, vui Sa-môn, vui Niết-bàn này chẳng ai đã tự xem dâm như hầm lửa mà còn đến đó. Việc này không đúng. Xương như vòng khóa, thịt như đống đá, như dao bôi mật, ngồi tham chút lợi nhỏ, chẳng lo cái hoạn về sau, cũng như trái nhiều thì cành gãy, cũng như mắc nợ không lâu phải trả, giống như rừng cây kiếm, cũng như thuốc độc hại, cũng như lá độc, như hoa trái độc. Tôi quán dâm dục này cũng lại như thế, mà còn có ý nhiễm trước thì việc này không đúng. Từ hầm lửa dục cho đến trái độc, nếu không quán việc này mà muốn qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu, và muốn vào cõi Vô dư Niết-bàn để Bát-niết-bàn. Việc này không đúng.

Đại vương nên biết! Có các Sa-môn, Bà-la-môn quán sát: Đây là cái vui ngưng dứt, vui thiện thệ, vui Sa-môn, vui Niết-bàn. Việc này ắt đúng. Người ấy quán sát như thế này: hiểu rõ hầm lửa dâm giống như khối xương, đống thịt, dao bén bôi mật, trái nhiều cành gãy, mắc nợ; cũng như cây kiếm, cây độc, như thuốc độc hại, thảy đều quán biết rõ. Đây là điều có được. Đã hiểu biết rõ chỗ nổi lên của lửa dâm, liền có thể qua được dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu. Việc này ắt đúng.

Thế nào, Đại vương, lấy gì thấy, lấy gì biết mà nói thế? Nay tôi, này Đại vương, đã thành A-la-hán, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn vào thai mẹ nữa, tâm được giải thoát.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc trong lòng vui vẻ, tâm lành nảy sinh, bạch Tôn giả Nan-đà rằng:

- Nay tôi không còn hồ nghi chút nào nữa, biết Tôn giả đã thành A-la-hán. Nay xin phép cáo từ, vì việc nước bộn bề.

Tôn giả Nan-đà đáp:

- Nên biết phải lúc.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy rồi lui đi. Vua Ba- tư-nặc đi chưa bao lâu, thì Thiên ma kia đến chỗ Tôn giả Nan-đà, đứng giữa hư không, lại dùng kệ này nói với Tôn giả Nan-đà:

Mặt phu nhân như trăng,
Thân vàng bạc ngọc ngà,
Nhớ dáng và nét mặt,
Ngũ nhạc thường tự vui,
Gãy đàn, đánh trống ca,
Âm thanh rất mềm mại,
Hay trừ các sầu lo,
Sao vui trong rừng này.
Bấy giờ Tôn giả Nan-đà liền nghĩ rằng:

- Đây là Thiên nhân Ma hạnh.

Hiểu biết vậy rồi, ngài dùng kệ đáp:

Ta xưa có tâm này,
Dâm dục không biết chán,
Bị dục cột vào trong,
Chẳng biết già, bịnh, chết.
Ta qua vực ái dục,
Không dơ, không đắm nhiễm,
Vinh hoa thảy là khổ,
Riêng vui pháp chân như.
Nay ta không các kiết,
Dâm, nộ, si đều dứt,
Không còn tập pháp này,
Người ngu nên giác tri.
Bấy giờ, Thiên nhân Ma hạnh kia nghe lời này liền ôm sầu lo, rồi ở đó biến mất.

Lúc đó, nhiều Tỳ-kheo đem chuyện này bạch lại đầy đủ với Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo đoan chính không ai hơn Tỳ-kheo Nan-đà; các căn đạm bạc cũng là Tỳ-kheo Nan-đà; không có tâm dục cũng là Tỳ-kheo Nan-đà; không có sân giận cũng là Tỳ-kheo Nan-đà; không có ngu si cũng là Tỳ-kheo Nan-đà; thành A-la-hán cũng là Tỳ-kheo Nan-đà. Vì sao như thế? Tỳ-kheo Nan-đà đoan chánh, các căn tịch tĩnh.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đệ tử đoan chánh trong hàng Thanh văn của Ta là Tỳ-kheo Nan-đà, các căn tịch tĩnh cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng theo.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp về Niết-bàn này. Thế nào là hai? Hữu dư Niết bàn và Vô dư Niết-bàn.

Kia tại sao gọi là Hữu dư Niết-bàn? Ở đây, Tỳ-kheo diệt Năm hạ phần kiết sử, tức người đó nhập Niết-bàn, không trở lại cõi này. Đó gọi là Hữu dư Niết-bàn.

Kia tại sao gọi là Vô dư Niết-bàn? Nghĩa là Tỳ-kheo dứt hết hữu lậu thành vô lậu, ý giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân tác chứng mà tự du hý, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân nữa, như thật mà biết. Đó là Vô dư Niết-bàn.

Trong hai Niết-bàn này, nên tìm phương tiện đến Vô dư Niết-bàn. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói thí dụ về quạ, cũng sẽ nói thí dụ về heo. Hãy khéo suy nghĩ, Ta sẽ giảng nói.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo rằng:

- Kia tại sao gọi là người ví như quạ? Ví như có người ở chỗ tịch tĩnh, hằng tập dâm dục làm các hạnh ác; sau bèn xấu hổ, rồi tự hối lỗi, và trình bày rõ việc mình làm cho người nghe. Vì sao như thế? Hoặc bị các người Phạm hạnh thấy chỉ trích. Người này quen thói dâm dục, làm các hạnh ác. Người ấy làm các hạnh ác rồi, hối lỗi với người, tự biết xấu hổ. Giống như con quạ hằng chịu đói khổ, ăn đồ dơ dáy rồi chùi mỏ sợ có chim khác thấy, nói rằng con quạ này ăn đồ bẩn thỉu. Đây cũng như thế, nếu có một người ở chỗ vắng vẻ, tập dâm dục, làm hạnh chẳng lành, sau lại xấu hổ mà tự hối lỗi, trình bày với người việc mình làm. Sở dĩ như thế, hoặc bị các người Phạm hạnh trông thấy nhớ biết người này tập dục, làm các hạnh ác. Đó gọi là người giống như quạ.

Kia sao gọi là người như heo?

Nếu có một người ở chỗ vắng vẻ, tập mãi dâm dục, làm các hạnh ác, cũng chẳng xấu hổ, lại không hối lỗi, đối với người tự khen mình, cống cao tự dụng: "Tôi có thể được

ngũ dục tự vui thú, mấy người này không có thể được ngũ dục". Người ấy làm ác rồi không xấu hổ. Người này ví như heo, hằng ăn đồ dơ bẩn, nằm chỗ bất tịnh, rồi lại lăng xăng đối với các heo khác. Đây cũng như thế, nếu có người tập thói dâm dục, làm các hạnh ác, cũng chẳng xấu hổ, lại chẳng hối lỗi, đối với người tự khen mình, cống cao, tự cho là: "Ta có thể được ngũ dục để vui thú, các người này không thể được ngũ dục để vui thú". Đây gọi là người như heo. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy nên xa lìa. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hôm nay Ta sẽ nói về: Có người giống lừa, có người giống trâu. Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó!

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Kia sao gọi là người giống lừa?

Nếu có một người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ người kia các căn bất định. Nếu mắt thấy sắc theo đó khởi tưởng về sắc, theo đuổi vạn mối lúc đó nhãn căn không trong sạch, sanh các loạn tưởng, không thể gìn giữ, các ác đến đủ khắp; cũng lại chẳng thể hộ trì nhãn căn; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp, theo đó khởi thức bịnh, rong ruổi vạn mối. Bấy giờ ý căn không thanh tịnh, sanh các loạn tưởng, chẳng thể gìn giữ, các ác đến đủ, cũng lại chẳng thể hộ trì ý căn, không có oai nghi lễ tiết cần thiết; bước đi, tiến dừng, co duỗi, cúi ngước, cầm giữ y bát đều trái giới cấm, liền bị người có Phạm hạnh trông thấy chỉ trích. "Chao ôi! Người ngu này tựa như Sa- môn" rồi chịu sự chê trách: "Nếu là Sa-môn đáng ra không nên như thế". Người ấy nói rằng: "Tôi cũng là Tỳ-kheo! Tôi cũng là Tỳ-kheo!" Ví như con lừa vào trong bầy trâu rồi tự xưng rằng: "Tôi cũng là trâu, tôi cũng là trâu", nhưng xem hai lỗ tai lại chẳng giống trâu, sừng cũng không giống, đuôi cũng chẳng giống, âm thanh cũng khác. Bấy giờ bầy trâu hoặc lấy sừng húc, hoặc lấy chân đá hoặc lấy miệng cắn. Nay Tỳ-kheo này cũng lại như thế, các căn bất định, nếu mắt thấy sắc, theo khởi tưởng sắc, rong ruổi muôn mối; bấy giờ nhãn căn chẳng thanh tịnh, sanh các loạn tưởng, chẳng thể gìn giữ, các ác đến đủ, cũng lại chẳng thể hộ trì về nhãn căn, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp, theo đó khởi thức bịnh, rong ruổi muôn mối. Bấy giờ ý căn chẳng thanh tịnh, sanh các loạn tưởng, chẳng thể gìn giữ, các ác đủ cả; cũng lại chẳng thể hộ trì ý căn; không có oai

nghi lễ tiết đáng làm; đi bước, tiến dừng, co duỗi, cúi ngước, cầm giữ y bát, đều trái cấm giới, liền bị người có Phạm hạnh trông thấy chỉ trích: "Ôi! Người ngu này tựa như Sa-môn" rồi bị nêu lỗi: "Nếu là Sa-môn, đáng ra không nên như thế!". Người ấy nói rằng: "Tôi là Sa-môn", giống như con lừa vào trong bầy trâu. Đó là người giống lừa.

Người kia tại sao giống trâu?

Nếu có một người cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ người kia các căn tịch tịnh, ăn uống biết tiết chế, suốt ngày kinh hành chưa hề rời xa, ý nghĩ pháp Ba mươi bảy đạo phẩm. Nếu mắt thấy sắc, chẳng khởi tưởng sắc, cũng không niệm rong ruổi. Bấy giờ, nhãn căn sẽ được thanh tịnh, sanh các tưởng lành, cũng hay gìn giữ không có các ác nữa, thường ủng hộ nhãn căn; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp, chẳng khởi thức bịnh. Bấy giờ ý căn được thanh tịnh. Người kia liền biết đến chỗ các người Phạm hạnh. Các bậc Phạm hạnh từ xa trông thấy người ấy đến, ai nấy tự kêu lên: "Chào mừng, bạn đồng học!"

Rồi tùy thời cúng dường, không để thiếu thốn. Ví như trâu tốt vào trong bầy trâu tự xưng rằng: "Nay tôi là trâu", thì lông, đuôi, tai, sừng, âm thanh đều đúng là trâu. Các con trâu thấy rồi, mỗi con đến liếm thân. Đây cũng như thế, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo. Bấy giờ người kia, các căn thanh tịnh, uống ăn biết tiết độ, trọn ngày kinh hành chưa hề lìa bỏ, ý đạo trong pháp Ba mươi bảy đạo phẩm. Nếu mắt thấy sắc không khởi tưởng sắc, cũng không niệm rong ruổi. Bấy giờ, nhãn căn được thanh tịnh, sanh các tưởng lành, cũng hay gìn giữ, không có các điều ác nữa, thường ủng hộ nhãn căn; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp, chẳng khởi thức bịnh. Bấy giờ ý căn được đầy đủ. Đó là người giống trâu.

Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học như trâu, chớ giống như lừa. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói về hạnh thiện và bất thiện. Lắng nghe, lắng nghe, khéo suy nghĩ đó!

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn dạy:

- Thế nào gọi là bất thiện? Thế nào gọi là thiện? Nghĩa là: sát sanh là bất thiện, không sát sanh là thiện; lấy của không cho là bất thiện, lấy của cho là thiện; dâm là bất thiện, không dâm là thiện; nói dối là bất thiện, không nói dối là thiện; nói thêu dệt là bất

thiện, không nói thêu dệt là thiện; nói hai lưỡi là bất thiện, không nói hai lưỡi là thiện, đấu loạn kia đây là bất thiện, không đấu loạn kia đây là thiện; tham của người là bất thiện, không tham của người là thiện; tà kiến là bất thiện, chánh kiến là thiện. Như thế, này các Tỳ-kheo, hành điều ác này xong, đọa trong súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Nếu người làm lành liền sanh trong loài Người, lên Trời và trong các đường lành, A-tu- la. Thế nên, hãy xa lìa hạnh ác, tu tập hạnh lành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta sẽ thuyết pháp vi diệu cho các Thầy; ban đầu lành, ở giữa lành và đến cuối cũng lành, có nghĩa, có ý vị, tu pháp Phạm hạnh được đầy đủ. Đó là hai pháp. Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ nói đầy đủ cho các Thầy.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Lúc này các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy rồi, Thế Tôn bảo rằng:

- Thế nào là hai pháp? Nghĩa là tà kiến và chánh kiến; tà chí và chánh chí (tư duy); tà ngữ và chánh ngữ; tà nghiệp và chánh nghiệp; tà mạng và chánh mạng; tà phương tiện và chánh phương tiện (tinh tấn); tà niệm và chánh niệm; tà tam muội và chánh tam muội. Đó là, này các Tỳ-kheo, gọi là hai pháp. Nay Ta đã nói hai pháp này cho các Thầy. Như Lai điều đáng làm nay đã chu tất, khéo nhớ, quán, tụng chớ có lười mỏi. Nay các Thầy không hành, về sau hối chẳng kịp.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói về pháp "đuốc sáng", cũng sẽ nói nghiệp đuốc soi đường. Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tại sao gọi đó là đuốc sáng? Nghĩa là đã dứt hẳn tham dâm, sân giận và ngu si.

Tại sao gọi đó là nghiệp đuốc soi đường? Nghĩa là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh định, chánh tam muội. Đó là nghiệp đuốc soi đường. Ta vì các Thầy đã nói về đuốc soi sáng, cũng nói về nghiệp đuốc soi đường. Như Lai điều đáng làm nay đã chu tất. Hãy khéo nhớ tụng đọc, chớ có giải đãi. Nay chẳng hành, về sau hối không kịp.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai lực này. Thế nào là hai lực? Nghĩa là nhẫn lực và tư duy lực. Nếu Ta không có hai lực này trọn chẳng thành Vô thượng Chánh chân Chánh Đẳng Giác.

Lại nữa, nếu không có hai lực này, trọn chẳng ở xứ Ưu-lưu-tỳ khổ hạnh sáu năm, lại cũng không thể hàng phục ma oán, thành đạo Vô thượng Chánh Chân ngồi ở đạo tràng. Vì Ta có sức nhẫn, sức tư duy nên có thể hàng phục chúng ma, thành đạo Vô thượng Chánh Chân, ngồi tại đạo tràng. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện tu hai lực này: nhẫn lực và tư duy lực; liền thành đạo Tu-đà-hoàn, đạo Tư-đà-hàm, đạo A-na-hàm, đạo A-la-hán, ở Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật ở nước Câu-thi-na-kiệt là nơi sanh của ngài. Lúc đó, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương và năm trăm Thiên nhân cùng hai mươi tám Đại quỷ thần vương liền đến chỗ Tôn giả A-na-luật. Đến xong cúi đầu lạy rồi đứng một bên, lại dùng kệ này khen A-na-luật:

Quy mạng nhân trung thượng,
Được mọi người kính thờ,
Nay chúng tôi chẳng biết,
Đang nương loại Thiền nào?

Bấy giờ có Phạm chí tên là Xà-bạt-trá là đệ tử của Phạm-ma-dụ, lại đến chỗ Tôn giả A-na-luật, quỳ lạy rồi ngồi một bên. Lúc đó Phạm chí kia hỏi Tôn giả A-na-luật rằng:

- Xưa tôi sanh tại Vương cung, chưa hề được nghe mùi thơm tự nhiên này, có người nào đến nơi đây? Hay là Thiên long, quỷ thần, nhân và phi nhân chăng?

Bấy giờ ngài A-na-luật đáp Phạm chí:

- Vừa rồi, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương và năm trăm Thiên nhân cùng hai mươi tám Đại quỷ thần vương đi đến chỗ tôi, quỳ lại rồi đứng một bên, lại dùng kệ này mà khen tôi:

Quy mạng nhân trung thượng,
Được mọi người kính thờ,
Nay chúng tôi chẳng biết,
Đang nương loại Thiền nào?
Phạm chí hỏi rằng:

- Vì sao mà nay tôi không thấy hình bóng họ? Thích, Phạm, Tứ Thiên vương đang ở đâu?

Tôn giả A-na-luật đáp:

- Vì ông không có Thiên nhãn cho nên không thấy Thích, Phạm, Tứ Thiên vương và năm trăm Thiên nhân cùng hai mươi tám Đại quỷ thần vương.

Phạm chí hỏi:

- Nếu tôi có được Thiên nhãn thì thấy được Thích, Phạm, Tứ Thiên vương và hai mươi tám Đại quỷ thần vương này chăng?

Tôn giả A-na-luật đáp:

- Nếu có được Thiên nhãn thì có thể thấy được Thích, Phạm, Tứ Thiên vương và hai mươi tám Đại quỷ thần vương. Nhưng mà này Phạm chí, thiên nhãn này đâu đủ cho là kỳ lạ; có Phạm thiên tên là Thiên Nhãn (ngàn mắt), ông ta thấy ngàn thế giới này như người có mắt tự xem mũ báu trong bàn tay mình. Vị Phạm thiên này cũng vậy, thấy ngàn thế giới này không có chướng ngại. Nhưng vị Phạm thiên này không tự thấy được phục sức trên thân mình.

Phạm chí hỏi:

- Vì cớ sao mà Phạm thiên có Thiên nhãn lại không tự thấy phục sức trên thân mình?

Tôm giả A-na-luật nói:

- Vì vị Trời kia không có mắt trí tuệ vô thượng, nên không tự thấy phục sức trên thân mình.

Phạm chí hỏi:

- Nếu tôi có được mắt trí tuệ vô thượng thì có thể thấy phục sức trên thân này không?

Tôn giả A-na-luật nói:

- Nếu có được con mắt trí tuệ vô thượng thì có thể thấy phục sức trên thân mình.

Phạm chí hỏi:

- Mong Tôn giả vì tôi nói pháp cực diệu, khiến tôi được con mắt trí tuệ vô thượng.

Tôn giả A-na-luật nói:

- Ông có giới không?

Phạm chí hỏi:

- Thế nào gọi là giới?

Tôn giả A-na-luật nói:

- Chẳng tạo các ác, chẳng phạm phi pháp.

Phạm chí đáp:

- Nếu giới là như thế, thì tôi kham phụng trì giới như thế.

Tôn giả A-na-luật nói:

- Phạm chí! Nay Ông nên giữ cấm giới không sơ sót mảy may, cũng nên trừ khử sự ràng buộc (kiết) của kiêu mạn, chớ chấp ngô ngã, sanh tưởng dính mắc.

Phạm chí lại hỏi ngài A-na-luật:

- Thế nào là ngô? Thế nào là ngã? Thế nào là kiêu mạn kết?

Tôn giả A-na-luật nói:

- Ngô là thần thức. Ngã là thân thể. Ở trong đó khởi thức sanh ngô ngã. Đó gọi là kiêu mạn kiết. Thế nên, Phạm chí, nên tìm phương tiện trừ các kiết này. Như vậy, Phạm chí, nên học điều này.

Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy ngài A-na-luật, nhiễu ba vòng mà đi. Chưa đến chỗ ở, giữa đường vị ấy suy nghĩ nghĩa này, các trần cấu dứt hết, được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ có vị Trời, khi xưa là bạn thân của Phạm chí này, biết được trong tâm Phạm chí, được trần cấu dứt hết, đắc pháp nhãn thanh tịnh. Lúc đó vị Trời kia lại đến chỗ Tôn giả A-na-luật, cúi lạy xong đứng một bên, liền đem bài kệ này khen ngài A-na-luật rằng:

Phạm chí chưa đến nhà,
Giữa đường được dấu đạo,
Bụi dứt, mắt pháp sạch,
Không nghi, không do dự.
Bấy giờ Tôn giả A-na-luật lại dùng kệ bảo vị Trời rằng:

Tôi trước quán tâm kia,
Khoảng giữa ứng dấu đạo,
Kia ở Phật Ca-diếp,
Từng nghe dạy pháp này.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật rời khỏi nơi ấy, đi dạo trong nhân gian, dần dần đến chỗ Thế Tôn, ở nước Xá-vệ, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ Thế Tôn dạy đủ lời pháp cho A-na-luật. Tôn giả A-na-luật nhận lời Phật dạy rồi liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy và lui đi.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đệ tử trong hàng Thanh văn của Ta, được Thiên nhãn đệ nhất là Tỳ-kheo A-na-luật.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng lãnh.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả La-vân (La-hầu-la) vâng tu cấm giới không hề xúc phạm, tội nhỏ còn tránh hà huống tội lớn; nhưng tâm hữu lậu không được giải thoát.

Bấy giờ các Tỳ-kheo liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn rằng:

- Tỳ-kheo La-vân vâng tu cấm giới, không có xúc phạm, nhưng mà tâm hữu lậu không được giải thoát.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Đầy đủ pháp cấm giới,
Các căn cũng thành tựu,
Dần dần sẽ đạt được,
Tất cả kiết sử dứt.
Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên nghĩ nhớ tu tập Chánh pháp, không có sơ sót. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Nan-đà, Niết-bàn, quạ,
Lừa, bất thiện có hai,
Đuốc, nhẫn, tư duy,
Phạm chí và La-vân.
---o0o---

XVII.1. Phẩm An-ban (1)

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ đắp y ôm bát dẫn La-vân vào cổng thành Xá-vệ. Khi ấy Phật quay nhìn phía hữu bảo La-vân:

- Nay Thầy nên quán sắc là vô thường.

La-vân đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn. Sắc là vô thường.

Thế Tôn bảo:

- La-vân! Thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

La-vân đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn. Thọ, tưởng, hành, thức đều là vô thường.

Lúc này, Tôn giả La-vân lại nghĩ:

- Đây có duyên cớ gì, mà nay mới đến cổng (phần vệ) thành khất thực đang ở giữa đường. Cớ sao Thế Tôn lại đối diện dạy dỗ ta? Nay ta hãy trở về chỗ mình, chẳng nên vào thành khất thực.

Bấy giờ Tôn giả La-vân giữa đường trở về Tịnh xá Kỳ Hoàn, đem y bát đến dưới gốc cây, chính thân, chính ý, ngồi kiết-già, chuyên chú nhất tâm, niệm sắc là vô thường; niệm thọ, tưởng, hành, thức là vô thường.

Bấy giờ Thế Tôn ở thành Xá-vệ khất thực xong, sau khi ăn, đi hành kinh ở Tịnh xá Kỳ Hoàn, dần dần đến chỗ La-vân. Đến rồi, Thế Tôn bảo La-vân rằng:

- Thầy nên tu hành pháp An-ban. Tu hành pháp này, hễ có ý tưởng sầu lo đều sẽ trừ hết. Nay ông lại nên tu hành tưởng nhơ nhớp bất tịnh, nếu có tham dục nên diệt trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên tu hành tâm từ, đã hành tâm từ thì hễ có sân giận đều sẽ trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên hành tâm bi, đã hành tâm bi thì hễ có tâm hại ắt sẽ trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên hành tâm hỉ, đã

hành tâm hỉ thì hễ có tâm tật đố đều sẽ trừ hết. La-vân! Nay Thầy nên hành tâm hộ (xả). Đã hành tâm xả thì hễ có kiêu mạn ắt sẽ trừ diệt hết.

Bấy giờ Thế Tôn hướng về La-vân mà nói kệ:

Chớ khởi tưởng nghĩ luôn,
Hằng nên tự thuận pháp,
Như thế người có trí,
Tên tuổi được lan truyền.
Cầm đuốc sáng cho người,
Khổ ở tối tăm lớn,
Trời, Rồng cung kính thờ,
Kính thờ bậc Sư trưởng.
Lúc này Tỳ-kheo La-vân lại dùng kệ đáp Thế Tôn:

Con không khởi trước tưởng,
Lại hằng thuận với pháp,

Như thế người có trí,
Thì hay thờ Sư trưởng.

Bấy giờ Thế Tôn dạy bảo xong, liền trở về tịnh thất. Lúc này Tôn giả La-vân lại nghĩ: "Nay làm sao ta hành An ban trừ bỏ được buồn lo, không có các tưởng?". Bấy giờ La-vân liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy và ngồi một bên. Chốc lát ngồi lui bạch Phật:

- Thế nào là tu hành An-ban trừ khử sầu lo không có các tưởng? Thu hoạch quả báo lớn, được vị cam lồ?

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, La-vân! Thầy có thể ở trước Như Lai rống tiếng sư tử mà hỏi nghĩa này. Thế nào là tu hành An-ban trừ bỏ sầu lo không có các tưởng, được đại quả báo, được vị cam lồ? La-vân! Nay Thầy hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì Thầy phân biệt đầy đủ.

- Xin vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ Tôn giả La-vân nhận lời Phật dạy, rồi Thế Tôn bảo:

- La-vân! Ở đây nếu có Tỳ-kheo vui ở chỗ vắng vẻ không người, rồi chánh thân, chánh ý, ngồi kiết-già, không có niệm khác, buộc niệm ở chót mũi, hơi thở ra dài biết thở ra dài, thở vào dài biết thở vào dài; thở ra ngắn biết thở ra ngắn, thở vào ngắn cũng biết thở vào ngắn; thở ra lạnh cũng biết thở ra lạnh, thở vào lạnh cũng biết thở vào lạnh; thở ra ấm cũng biết thở ra ấm, thở vào ấm cũng biết thở vào ấm. Quán khắp thân thể thở vào, thở ra thảy đều biết hết. Lúc có thở cũng lại biết có, còn lúc không thở cũng lại biết không. Nếu hơi thở từ tâm ra, cũng lại biết từ tâm ra. Nếu hơi thở từ tâm vào cũng lại biết từ tâm vào. Như vậy, này La-vân! Người hay tu hành An-ban, thì không có tưởng sầu lo não loạn, thu hoạch quả báo lớn, được vị cam lồ.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho La-vân rồi, La-vân liền từ chỗ ngồi đứng lên, lạy Phật, nhiễu ba vòng rồi đi; đến dưới gốc cây tại vườn An-đà, chính thân, chính ý, ngồi kiết-già, không có niệm khác, buộc niệm ở chót mũi, thở ra dài cũng biết thở ra dài, thở vào dài cũng biết thở vào dài; thở ra ngắn cũng biết thở ra ngắn, thở vào ngắn cũng biết thở vào ngắn; thở ra lạnh cũng biết thở ra lạnh, thở vào lạnh cũng biết thở vào lạnh; thở ra ấm cũng biết thở ra ấm, thở vào ấm cũng biết thở vào ấm. Quán khắp thân thể, hơi thở ra thở vào thảy đều biết cả; lúc có hơi thở cũng lại biết có, lúc không hơi thở cũng lại biết không; nếu hơi thở từ tâm ra cũng lại biết từ tâm ra, nếu hơi thở từ tâm vào cũng lại biết từ tâm vào.

Bấy giờ La-vân tư duy như thế, dục tâm liền được giải thoát, không còn các điều ác, có giác, có quán niệm hoan hỉ khinh an lạc ở Sơ thiền. Có giác, có quán, trong tự quán hỷ, chuyên chú nhất tâm, nhập tam muội không giác, không quán, niệm hỷ, lạc ở Nhị thiền. Không còn niệm hỉ, tự giữ giác tri thân lạc, chỗ chư Thánh thường cầu, xả niệm hỉ, dạo ở Tam thiền. Khổ vui kia đã diệt lại không sầu lo, không khổ không vui, xả (hộ) niệm thanh tịnh, lạc ở Tứ thiền. Do tam-muội này, tâm thanh tịnh không bụi dơ, thân

thể nhu nhuyến; biết từ đâu đến, nhớ việc mình đã làm, tự biết việc túc mạng vô số kiếp, cũng biết một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, trăm đời, ngàn đời, vạn đời, mấy ngàn vạn đời; kiếp thành, kiếp hoại; vô số kiếp thành, vô số kiếp hoại, ức năm không thể kể: "Ta từng sanh chỗ kia, tên gì, họ gì, ăn món ăn thế này, thọ khổ vui thế này; thọ mạng dài ngắn, ở kia chết, sanh ở đây, đây chết sanh kia". Ngài dùng tam-muội này tâm thanh tịnh không vết nhơ, cũng không có kiết sử, cũng biết chỗ khởi tâm của chúng sanh. Ngài lại dùng thiên nhãn thanh tịnh không vết nhơ quán chúng sanh, người sống, người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường thiện, đường ác, hoặc tốt hoặc xấu, điều làm, điều tạo; như thật rõ biết. Hoặc có chúng sanh thân hành ác, miệng

hành ác, ý hành ác, phỉ báng Hiền Thánh, thường hành tà kiến, tạo hành tà kiến, thân hoại mạng chung vào trong địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân hành thiện, miệng hành thiện, ý hành thiện, chẳng phỉ báng Hiền Thánh, chẳng hằng hành chánh kiến, tạo hạnh chánh kiến, thân hoại mạng chung sanh chỗ, thiện lên Trời. Đó là thiên nhãn thanh tịnh không vết nhơ, quán chúng sanh người sanh, người chết, sắc đẹp, sắc xấu, đường lành, đường ác, hoặc tốt, hoặc xấu, điều làm, điều tạo, như thật rõ biết, lại thêm bỏ ý, thành tựu tâm hết lậu hoặc.

Ngài quán sự khổ này, như thật mà biết. Ngài lại quán khổ tập, cũng biết khổ tận, cũng biết khổ xuất yếu, như thật rõ biết. Ngài do quán như thế, tâm dục lậu được giải thoát; liền được trí giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, lại không còn thọ thân sau, như thật rõ biết. Lúc này Tôn giả La-vân liền thành A-la-hán. Tôn giả La-vân đã thành La- hán, liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa sang y phục đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

- Điều con cầu đã được, các lậu đã trừ sạch.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các vị đắc A-la-hán, không ai bằng La-vân. Các hữu lậu dứt hết cũng là Tỳ-kheo La-vân; luận về người trì cấm giới cũng là Tỳ-kheo La-vân. Vì sao thế? Vì chư Như Lai Đẳng Chánh Giác đời quá khứ cũng có Tỳ-kheo La-vân này. Ta muốn nói là con Phật cũng là Tỳ-kheo La-vân, thân chính từ Phật sanh, là bậc thượng của Pháp.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử bậc nhất trì cấm giới là Tỳ-kheo La- vân.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Đầy đủ pháp cấm giới,
Các căn cũng thành tựu,
Dần dần sẽ đắc được,
Tất cả kiết sử hết.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XVII.2 Phẩm An-ban (2)

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hai người cùng xuất hiện ở đời là rất khó có được. Thế nào là hai người? Nghĩa là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời rất khó được. Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời rất khó được. Hai người cùng xuất hiện ở đời là rất khó có được.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hai người cùng xuất hiện ở đời rất khó có được. Thế nào là hai người? Nghĩa là Bích-chi Phật xuất hiện ở đời là rất khó được, bậc lậu tận A-la-hán, đệ tử Như Lai xuất hiện ở đời rất là khó được. Này Tỳ-kheo! Đó là hai người xuất hiện ở đời rất là khó có được.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp này ở tại thế gian rất là phiền não. Thế nào là hai pháp? Nghĩa là làm các ác, gốc khởi các oán hiềm; lại không tạo hạnh lành là gốc của các

đức. Này Tỳ-kheo, đó là hai pháp rất phiều não. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên giác tri pháp phiền não này; cũng nên giác tri pháp không phiền não. Các pháp phiền não nên nhớ đoạn trừ, pháp không phiền não nên nhớ tu hành. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Chúng sanh tà kiến, sự nhớ nghĩ, quy hướng, và các hành khác của họ đều không đáng quý. Người thế gian không (nên) ham thích. Vì sao thế? Vì tà kiến ấy chẳng lành. Ví như có hột trái đắng. Nghĩa là hột trái đắng, rau đắng, hột rau đay, hột tất-địa bàn-trì và các hột đắng khác. Nếu ở trên đất tốt trồng các hột này, sau đó nảy mầm vẫn đắng như cũ. Vì sao thế? Vì hột này vốn đắng. Chúng sanh tà kiến này cũng như thế. Việc làm của thân hành, khẩu hành, ý hành, sự quy hướng, nghĩ nhớ và các hạnh khác của họ, tất cả không đáng quý. Người thế gian không ham thích (ưa chuộng). Vì sao vậy? Vì tà kiến là ác, không lành. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên trừ tà kiến, tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Chúng sanh chánh kiến, sự suy nghĩ, chỗ quy hướng và các hạnh khác của họ, tất cả đều đáng quý kính. Người thế gian ưa chuộng. Vì sao thế? Vì chánh kiến rất hay. Ví như có các quả ngọt như mía, như quả bồ đào và tất cả các quả ngon ngọt khác. Có người sửa sang đất tốt rồi lấy trồng, sau đó sanh trái thảy đều ngon ngọt được người ưa thích. Vì sao thế? Vì hột quả

này vốn ngon ngọt. Chúng sanh chánh kiến này cũng như thế, sự suy nghĩ, chỗ quy hướng và các hạnh khác, tất cả đều đáng ưa chuộng. Người đời ai cũng vui vẻ. Vì sao thế? Vì chánh kiến có rất hay. Thế nên các Tỳ-kheo, nên tập hành chánh kiến. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở chỗ vắng vẻ, tự tu duy một mình, rồi nghĩ: "Có các chúng sanh khởi lên tư tưởng ái dục rồi sanh dục ái, ngày đêm huân tập không nhàm chán".

Bấy giờ Tôn giả A-nan vào buổi chiều liền từ chỗ ngồi đứng lên, đắp y ngay ngắn rồi đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy và ngồi một bên. Bấy giờ Tôn A- nan bạch Thế Tôn:

- Vừa rồi con ở chỗ vắng vẻ liền sanh niệm này: "Có các chúng sanh khởi lên tưởng ái dục rồi sanh dục ái, miệt mài tập nhiễm không có nhàm chán".

Thế Tôn dạy:

- Đúng vậy, A-nan! Như lời Thầy nói. Có những người khởi tưởng dục ái rồi tăng dục tưởng, miệt mài tập nhiễm, không có nhàm chán. Vì sao thế? A- nan! Ngày xưa ở đời

quá khứ có Chuyển luân Thánh vương tên là Đảnh Sanh dùng pháp cai trị không có loạn bậy, bảy báu thành tựu. Bảy báu là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là bảy báu. Lại có ngàn người con dũng mãnh, cường tráng, hay hàng phục các ác, thống lãnh bốn thiên hạ chẳng dùng dao gậy. A-nan nên biết! Bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh liền nghĩ: "Ta nay có cõi Diêm-phù-đề này, nhân dân thịnh vượng, nhiều châu báu. Ta cũng đã theo các bậc trưởng lão kỳ cựu nghe: phía Tây có đất Cù-da-ni, nhân dân thịnh vượng, có nhiều châu báu. Ta nay nên đến thống lãnh quốc độ kia".

Bấy giờ, này A-nan, Đảnh Sanh vừa sanh niệm này, liền đem bốn bộ binh từ cõi Diêm-phù này biến mất rồi đến đất Cù-da-ni. Bấy giờ người dân đất đó thấy Thánh vương đến, đều tới trước nghinh tiếp quỳ lễ thăm hỏi.

- "Kính chào Đại vương! Nay nước Cù-da-ni nhân dân thịnh vượng, cúi mong Thánh vương hãy ở đây cai trị nhân dân khiến theo giáo pháp".

Lúc bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh liền ở Cù-da-ni thống lãnh nhân dân, trải qua vài trăm ngàn năm. Rồi lúc khác Thánh vương Đảnh Sanh lại nghĩ: "Ta có Diêm-phù-đề, nhân dân thịnh vượng, nhiều trân bảo, cũng có mưa bảy báu ngập đến đầu gối. Nay cũng lại có đất Cù-da-ni này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Ta từng theo các bậc trưởng lão kỳ cựu nghe còn có nước Phất-vu-đệ, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Nay ta hãy đến thống lãnh quốc độ kia, dùng pháp cai trị".

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh vừa sanh niệm đó, liền đem bốn bộ binh, từ Cù-da-ni biến mất, rồi đến Phất-vu-đệ. Bấy giờ nhân dân đất kia thấy Thánh vương đến, đều tới trước nghinh tiếp quỳ lễ thăm hỏi; khác miệng đồng thanh mà nói:

- "Kính chào Đại vương! Nay nước Phất-vu-đệ này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Cúi mong Đại vương nên ở đây cai trị nhân dân khiến theo giáo pháp".

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh liền ở nước Phất-vu-đệ thống lãnh nhân dân, trải qua trăm ngàn vạn năm. Khi ấy Thánh vương Đảnh Sanh vào lúc khác nảy sanh niệm này: "Ta ở Diêm-phù-đề, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo, có mưa bảy báu ngập đến đầu gối. Nay lại cũng có Cù-da- ni, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo; nay lại cũng có nước Phất-vu- đệ này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Ta cũng từng theo trưởng lão kỳ cựu nghe có Uất-đan-việt, nhân dân thịnh vượng, nhiều trân bảo, việc làm tự do không có cố thủ, sống lâu không yểu, chánh thọ ngàn tuổi. Ở đó hết tuổi thọ ắt sanh lên trời chẳng đọa đường khác, mặc áo kiếp-ba-dục, ăn cơm gạo tự nhiên. Nay ta nên đến thống lãnh quốc độ đó, dùng pháp cai trị".

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh vừa sanh niệm đó liền đem bốn bộ binh từ Phất-vu-đệ biến mất, rồi đến Uất-đan-việt, xa thấy đất đó màu xanh rậm rì, thấy rồi liền hỏi quần thần:

- "Các Khanh có thấy khắp cõi này màu sắc xanh um không?"

Quần thần đáp:

- "Quả nhiên là thấy".

Vua bảo quần thần:

- "Đây là cỏ mềm mại, mịn như áo trời không khác. Chư hiền hãy ngồi ở đây".

Chốc lát lại đi tới trước, xa thấy đất kia màu vàng rực. Vua liền bảo quần thần:

- "Các Khanh có thấy khắp đất này màu vàng rực không?"

Quần thần đáp:

- "Đều thấy hết".

Đại vương nói:

- Đây gọi là lúa gạo tự nhiên. Các bậc Hiền ở đây thường ăn thức ăn này. Như các Khanh bây giờ cũng sẽ ăn lúa gạo này".

Bấy giờ, một lát sau Thánh vương lại đi đến trước, thấy đất kia bằng phẳng, xa thấy đài cao hiện ra rất đặc thù, lại bảo quần thần:

- "Các Khanh có thấy đất này khắp nơi bằng phẳng không?"

Quần thần đáp:

- "Đúng vậy, tất cả đều thấy thế".

Đại vương bảo:

- "Đây là áo thứ cây kiếp-ba-dục. Các Khanh cũng lại sẽ mặc áo cây này".

Bấy giờ, này A-nan, nhân dân cõi đó thấy Đại vương đến, đều tới trước nghinh tiếp, quỳ lại thăm hỏi, khác tiếng đồng vang mà nói:

- "Kính chào Thánh vương! Đất Uất-đan-việt này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Cúi mong Đại vương hãy ở đây cai trị nhân dân khiến theo giáo pháp".

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh liền ở Uất-đan-việt thống lãnh nhân dân, trải qua trăm ngàn vạn năm. Rồi trong lúc khác, Thánh vương Đảnh Sanh lại nảy sanh niệm này: "Nay ta có đất Diêm-phù, nhân dân thịnh

vượng, nhiều thứ trân bảo, cũng có mưa bảy báu ngập đến đầu gối, nay ta cũng lại có đất Cù-da-ni, Phất-vu-đệ và Uất-đan-việt này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo. Ta cũng từng theo các trưởng lão kỳ cựu nghe có cõi trời Ba mươi ba khoái lạc không đâu bằng, thọ mạng rất lâu, cơm áo tự nhiên, ngọc nữ vây quanh không kể xiết. Nay ta nên đến thống lãnh Thiên cung đó, dùng pháp cai trị".

Bấy giờ, này A-nan! Thánh vương Đảnh Sanh vừa sanh niệm này, liền đem bốn bộ binh, từ Uất-đan-việt biến mất, rồi lên đến cõi trời Ba mươi ba. Lúc đó, Thiên Đế Thích từ xa thấy Thánh vương Đảnh Sanh đến, liền nói:

- "Chào mừng Đại vương! Mời đến đây ngồi!".

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh liền cùng Thích-đề-hoàn-nhân ngồi chung một tòa. Hai người cùng ngồi không thể phân biệt được, nhan mạo, cử động, ngôn ngữ, âm thanh không khác một chút nào.

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh ở đó trải qua vài trăm ngàn năm, rồi liền sanh niệm này: "Nay ta có đất Diêm-phù này, nhân dân thịnh vượng, có nhiều trân bảo, cũng có mưa bảy báu ngập đến đầu gối; cũng có Cù-da-ni, lại cũng có Phất-vu-đệ, cũng lại có Uất-đan-việt, nhân dân thịnh vượng, nhiều thứ trân bảo. Nay ta đến cõi trời Ba mươi ba này; giờ ta nên hại Thiên Đế Thích này, rồi ở đây riêng làm vua chư Thiên".

Bấy giờ, này A-nan, Thánh vương Đảnh Sanh vừa sanh niệm này, liền từ trên tòa tự rơi xuống đến đất Diêm-phù và bốn bộ binh cũng đều đọa lạc. Lúc đó, xe báu cũng mất chẳng biết ở đâu, voi báu, ngựa báu đồng thời chết hết, châu báu tự diệt, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu đều mạng chung.

Bấy giờ Thánh vương Đảnh Sanh thân bị bịnh nặng. Các tông tộc, thân thuộc đều tụ tập hỏi thăm bệnh vua:

- "Thế nào, Đại vương, giả sử Đại vương mạng chung rồi, có người đến hỏi nghĩa này: "Đại vương Đảnh Sanh lúc mạng chung có lời dạy nào?" Nếu có người hỏi như thế sẽ đáp ra sao?"

Thánh vương Đảnh Sanh đáp:

- "Nếu như ta mạng chung, sau khi mạng chung có người đến hỏi thì đáp: "Vua Đảnh Sanh thống lãnh bốn thiên hạ này mà không chán đủ, lại đến cõi

trời Ba mươi ba, ở đó trải qua vài trăm ngàn năm; ý còn sanh tham muốn hại Thiên Đế rồi tự đọa lạc mà mạng chung".

A-nan! Nay Thầy chớ ôm lòng hoài nghi, vua Đảnh Sanh lúc đó đâu phải người nào khác. Chớ xem như thế!! Vì cớ sao? Vua Đảnh Sanh chính là thân Ta vậy. Lúc đó, Ta thống lãnh bốn thiên hạ này và đến cõi trời Ba mươi ba ở trong ngũ dục không có chán đủ. A-nan! Hãy dùng cách thức này chứng biết chỗ hướng đến; vì nỗi lòng tham dục, tăng thêm tưởng này, ở trong ái dục không biết chán đủ. Muốn cầu chán đủ, nên theo trong trí tuệ Thánh Hiền mà cầu.

Bấy giờ Thế Tôn ở trong đại chúng liền nói kệ:

Tham dâm như lúc mưa,
Đối dục không nhàm chán,
Vui ít mà khổ nhiều,
Điều người trí từ bỏ.
Chính dù hưởng Thiên dục,
Năm lạc tự vui chơi,
Không bằng đoạn tâm ái,
Đệ tử bậc Chánh giác.
Tham dục kéo ức kiếp,

Phước hết lại vào ngục,
Hưởng vui há bao lâu,
Liền chịu khổ địa ngục.
Thế nên, này A-nan, hãy dùng cách thức này biết dục mà bỏ dục, trọn không khởi tưởng này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Bà-la-môn Sanh Lậu đi đến chỗ Thế Tôn thăm hỏi, rồi ngồi một bên. Lúc này Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

- Nên quán người Ác tri thức thế nào?

Thế Tôn dạy:

- Nên xem như xem mặt trăng.

Bà-la-môn hỏi:

- Nên quán Thiện tri thức thế nào?

Thế Tôn dạy:

- Nên xem như xem mặt trăng.

Bà-la-môn nói:

- Nay Sa-môn Cù-đàm nói lược cốt yếu mà chưa giảng rộng nghĩa. Cúi mong Cù-đàm nói rộng rãi khiến người chưa hiểu được hiểu.

- Bà-la-môn! Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì ông giảng rộng nghĩa này.

- Xin vâng, Cù-đàm.

Bà-la-môn Sanh Lậu nhận lời dạy rồi, Thế Tôn bảo:

- Giống như, này Bà-la-môn, trăng cuối tháng, ngày đêm xoay vần, còn khuyết chưa có đầy. Đó là tổn giảm. Hoặc lại có lúc trăng không hiện, không có người thấy. Đây cũng như thế. Này Bà-la-môn! Như Ác tri thức trải qua ngày đêm, dần dần không có tín, không có giới, không có văn, không có thí, không có trí tuệ. Người đó vì không có tín, giới, văn, thí, tuệ nên với Ác tri thức đó, khi thân hoại mạng chung, bị vào trong địa ngục. Thế nên, Bà-la- môn, nay Ta nói là Ác tri thức giống như trăng cuối tháng.

Giống như, này Bà-la-môn, trăng đầu tháng, theo ngày đêm dần qua, ánh sáng tăng lên dần dần tròn đầy, rồi đến ngày rằm tròn đầy; tất cả chúng sanh đều thấy. Cũng vậy, Bà-la-môn, như thiện tri thức, trải qua ngày đêm, tăng thêm tín, giới, văn, thí, trí tuệ.

Người ấy do tăng thêm tín, giới, văn, thí, trí tuệ nên thiện tri thức kia, khi thân hoại mạng chung, được sanh lên trời và cõi lành. Thế nên, Bà-la-môn, Ta nói thiện tri thức này, chỗ thú hướng giống như mặt trăng tròn đầy.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Nếu người có tham dục,
Sân giận, si chẳng dứt,
Với lành, dần có giảm,
Giống như trăng sắp hết.
Nếu người không tham dục,
Sân giận, ai cũng dứt,
Với thiện, có tăng dần,
Giống như trăng tròn đầy.
Thế nên, Bà-la-môn, nên học như trăng đầu tháng.

Bấy giờ Bà-la-môn Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

- Lành thay, Cù-đàm! Ví như người gù được thẳng, người mù được sáng, người mê thấy đường, ở nơi tối tăm có đèn sáng. Đây cũng như thế, Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện thuyết pháp cho con. Nay con xin tự quy y Phật, Pháp và chúng Tăng. Từ nay xin cho con làm Ưu-bà-tắc, cho đến hết đời không sát sanh.

Bấy giờ Bà-la-môn Sanh Lậu, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ thuyết về pháp Thiện tri thức, cũng sẽ thuyết về pháp Ác tri thức. Hãy lắng nghe lắng nghe và khéo suy nghĩ!

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

- Kia vì sao gọi là pháp Ác tri thức? Ở đây, này Tỳ-kheo, người Ác tri thức sanh niệm này: "Ta ở trong dòng hào tộc, xuất gia học đạo; các Tỳ-kheo khác là hạng ty tiện xuất gia". Ỷ nơi dòng họ mình, hủy báng người khác.

Đó gọi là pháp Ác tri thức. Hơn nữa, người Ác tri thức còn sanh niệm này: "Ta cực kỳ tinh tấn vâng theo các pháp chân chánh; các Tỳ-kheo khác, chẳng tinh tấn trì giới"; Lại dùng nghĩa này hủy báng người khác mà tự cống cao. Đó là pháp Ác tri thức.

Hơn nữa, Ác tri thức lại nghĩ: "Ta tam-muội thành tựu, Tỳ-kheo khác không có tam-muội, tâm ý lầm lẫn không có nhất định". Người ấy ỷ vào tam muội này thường tự cống cao, hủy báng người khác. Đó gọi là pháp Ác tri thức.

Hơn nữa, Ác tri thức lại nghĩ: "Ta trí tuệ bậc nhất, các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ". Người ấy ỷ vào trí tuệ này, mà tự cống cao hủy báng người khác. Đó là pháp Ác tri thức.

Hơn nữa, Ác tri thức lại nghĩ: "Nay ta thường được thức ăn, giường mền, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh; các Tỳ-kheo khác không có được vật cúng dường này". Người ấy ỷ vào vật lợi dưỡng này mà tự cống cao, hủy báng người khác. Đó gọi là pháp Ác tri thức. Như vậy, này các Tỳ-kheo, người Ác tri thức hành tà nghiệp này.

Kia vì sao gọi là pháp Thiện tri thức? Ở đây, này Tỳ-kheo, người Thiện tri thức không nghĩ thế này: "Ta sanh trong nhà hào tộc, các Tỳ-kheo khác không phải là nhà hào tộc", thân mình và người không có khác. Đó gọi là pháp Thiện tri thức.

Hơn nữa, người Thiện tri thức không nghĩ: "Nay ta trì giới, các Tỳ-kheo khác không giữ giới hạnh", thân mình và người không có tăng giảm. Người ấy y theo giới này không tự cống cao, chẳng chê bai người khác. Như vậy, này Tỳ-kheo, gọi là pháp Thiện tri thức.

Hơn nữa, này Tỳ-kheo, người Thiện tri thức lại không nghĩ: "Ta tam-muội thành tựu, các Tỳ-kheo khác ý loạn chẳng định", thân mình và người cũng không tăng giảm. Người ấy nương tam-muội này không tự cống cao cũng không hủy báng người khác. Như vậy, này Tỳ-kheo, gọi là pháp Thiện tri thức.

Hơn nữa, này Tỳ-kheo, người Thiện tri thức không nghĩ: "Tôi trí tuệ thành tựu, các Tỳ-kheo khác không có trí tuệ", thân ta và người không có tăng giảm. Người ấy nương trí tuệ này, không tự cống cao cũng không chê bai người khác. Như vậy, này Tỳ-kheo, gọi là pháp Thiện tri thức.

Hơn nữa, này Tỳ-kheo, ngươì Thiện tri thức không nghĩ: "Ta có thể được y phục thức ăn, giường mền, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh; các Tỳ-kheo khác không được y phục, thức ăn, giường mền, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh", thân mình và thân người cũng không tăng giảm. Người ấy nương lợi dưỡng này, không tự cống cao, cũng không hủy báng người khác. Như vậy, này Tỳ- kheo, gọi là pháp Thiện tri thức.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta phân biệt pháp Ác tri thức cho các Thầy và cũng lại nói pháp Thiện tri thức cho các Thầy rồi. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy cùng nhau xa lìa pháp Ác tri thức, nhớ cùng tu hành pháp Thiện tri thức. Như thế, này các Tỳ- kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Thích Sí, vườn Ni-câu-lưu, cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ năm trăm người hào quý thuộc dòng họ Thích trong nước muốn có chỗ bàn luận, bèn tập họp tại giảng đường Phổ Nghĩa. Bấy giờ Bà-la-môn Thế Điển liền đến chỗ dòng họ Thích kia bảo với họ Thích:

- Thế nào chư vị, trong đây có Sa-môn, Bà-la-môn cùng người thế tục nào có thể cùng ta nghị luận chăng?

Bấy giờ những người họ Thích bảo Bà-la-môn Thế Điển.

- Nay ở trong đây có hai người tài cao học rộng ở tại nước Ca-tỳ-la-vệ. Hai người nào? Một người tên là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, hai là Cù-đàm họ Thích, Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. So với Tỳ-kheo Bàn-đặc thì mọi người biết ít, vô văn, cũng không trí tuệ, ngôn ngữ vụng về, không phân biệt trước, sau (khứ lai). Lại nữa, cả nước Ca-tỳ-la-vệ này đều là vô trí, vô văn, cũng không thông tuệ, là người vụng về, có nhiều xấu uế, như thế so với Cù-đàm. Nay Ông có thể cùng họ luận nghị. Nếu Bà-la-môn có thể luận nghị thắng được hai người ấy, năm trăm người chúng tôi sẽ tùy thời cúng

dường những thứ cần dùng, cũng sẽ tặng ngàn giật vàng ròng (1 giật: 20 lạng).

Bấy giờ Bà-la-môn liền nghĩ: "Dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ này hẳn đều là thông minh, có nhiều kỹ thuật, gian xảo quỷ quyệt, hư ngụy không có chánh hạnh. Nếu ta cùng hai người kia luận nghị mà thắng được, đâu đủ ch là lạ. Còn như người ấy thắng ta, tức là ta bị người ngu nhiếp phục. Nghĩ hai lẽ này, ta chẳng kham cùng họ luận nghị".

Bà-la-môn Thế Điển nghĩ như thế rồi liền lui đi.

Lúc này, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đến giờ ôm bát vào thành Ca-tỳ-la-vệ khất thực. Bà-la-môn Thế Điển từ xa trông thấy Châu-lợi-bàn-đặc đi đến, liền hỏi:

- Sa-môn tên gì?

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc nói:

- Thôi! Bà-la-môn! Ông chẳng cần hỏi tên. Sở dĩ Ông đến đây vì muốn hỏi nghĩa, thì nên hỏi đi!

Bà-la-môn nói:

- Sa-môn có thể cùng luận nghị với ta chăng?

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc nói:

- Ta còn có thể cùng Phạm thiên luận nghị, hà huống cùng người mù không mắt như Ông.

Bà-la-môn nói:

- Người mù tức không phải là người không mắt sao? Không mắt ắt không phải mù sao? Đây chỉ là một nghĩa, há không phải là lập lại lôi thôi?

Lúc này, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc liền bay lên không trung hiện mười tám thứ biến hóa. Bấy giờ Bà-la-môn liền nghĩ: "Sa-môn này chỉ có thần túc chứ không biết nghị

luận. Nếu có ai giải được nghĩa này cho ta, ta sẽ thân làm đệ tử".

Lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất dùng Thiên nhĩ nghe được lời này: "Châu-lợi- bàn-đặc cùng Bà-la-môn Thế Điển luận nghị".

Lúc này, Tôn giả Xá-lợi-phất liền biến thân thành Tỳ-kheo Bàn-đặc, rồi ẩn hình Tỳ-kheo Bàn-đặc khiến không cho hiện nữa, và bảo Bà-la-môn:

- Bà-la-môn! Nếu Ông nghĩ rằng Sa-môn này chỉ có thần túc chứ chẳng kham luận nghị, thì nay Ông hãy lắng nghe, ta sẽ nói cho, ta sẽ đáp nghĩa Ông hỏi, dựa theo gốc của luận này, lại dẫn thêm ví dụ. Này Bà-la-môn! Nay Ông tên là gì?"

Bà-la-môn nói:

- Ta tên Phạm Thiên.

Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

- Ông là trượng phu chăng?

- Ta là trượng phu.

- Là người chăng?

- Là người.

Châu-lợi-bàn-đặc hỏi:

- Thế nào Bà-la-môn? Trượng phu cũng là người, người cũng là trượng phu. Đây cũng là một nghĩa, há không là lập lại lôi thôi sao? Nhưng này Bà-la- môn! Mù cùng với không mắt, nghĩa này không đồng.

Bà-la-môn nói:

- Thế nào, Sa-môn gọi đó là mù ư?

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

- Ví như chẳng thấy đời này, đời sau, người sanh, người diệt, màu tốt, màu xấu, hoặc đẹp hoặc xấu, chúng sanh tạo hạnh thiện ác, như thực mà chẳng biết, trọn không thấy gì nên gọi đó là mù.

Bà-la-môn nói:

- Thế nào là người không mắt?

Châu-lợi-bàn-đặc nói:

- Mắt là mắt trí tuệ vô thượng. Người kia không có con mắt trí tuệ này nên gọi là không mắt.

Bà-la-môn nói:

- Thôi, thôi! Sa-môn! Bỏ tạp luận này đi! Nay ta muốn hỏi nghĩa sâu xa. Thế nào Sa-môn? Có thể không nương pháp mà được Niết-bàn chăng?

Châu-lợi đáp:

- Chẳng nương Ngũ thạnh ấm mà được Niết-bàn.

Bà-la-môn nói:

- Thế nào Sa-môn? Ngũ thạnh ấm này là có duyên sanh hay vô duyên sanh?

Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

- Ngũ thạnh ấm này là có duyên sanh chớ không phải vô duyên sanh.

- Ngũ thạnh ấm duyên cái gì?

- Ái là duyên.

- Cái gì là ái?

- Là sanh vậy.

Bà-la-môn nói:

- Cái gì gọi là sanh?

Tỳ-kheo đáp:

- Tức là ái.

Bà-la-môn nói:

- Ái có đạo nào?

Tỳ-kheo nói:

- Là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh, đó là Chánh kiến, Chánh nghiệp, Chánh ngữ, Chánh mạng, Chánh hạnh, Chánh phương tiện, Chánh niệm, Chánh định. Đó gọi là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh.

Bấy giờ Châu-lợi-bàn-đặc rộng vì Bà-la-môn thuyết pháp rồi, Bà-la-môn nghe Tỳ-kheo dạy như thế xong, các trần cấu sạch hết, được pháp nhãn thanh tịnh; liền ở nơi đó bị (phong) gió đao trong thân nổi lên mà mạng chung.

Lúc này Tôn giả Xá-lợi-phất, hoàn lại thân hình bay lên không trung trở về chỗ ở. Bấy giờ, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-nặc đến giảng đường Phổ Nghĩa, chỗ những người họ Thích đang tụ tập. Đến rồi bảo họ:

- Các Ông! Mau sắm sửa dầu bơ, củi đuốc, đến trà-tỳ Bà-la-môn Thế Điển.

Bấy giờ họ Thích liền sắm dầu bơ, đến trà-tỳ (na-duy) Bà-la-môn Thế Điển, dựng tháp ở ngã tư đường. Mọi người theo nhau đến chỗ Tỳ-kheo Châu-lợi- bàn-đặc, đến rồi quỳ lạy và ngồi một bên. Rồi các người họ Thích dùng bài kệ này nói với Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Trà-tỳ rồi dựng tháp,
Chẳng trái lời Tôn giả,

Chúng con được lợi lớn,
Được gặp phước lành này.
Bấy giờ, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc liền dùng kệ này đáp:

Nay chuyển Tôn pháp luân,
Hàng phục các ngoại đạo,
Trí tuệ như biển lớn,
Đến đây hàng Phạm chí.
Chỗ tạo hạnh thiện ác,
Quá, hiện và vị lai,
Ức kiếp không quên mất,
Thế nên hãy làm phước.
Bấy giờ Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc rộng vì các người họ Thích kia thuyết pháp xong. Họ Thích bạch Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc:

- Nếu Tôn giả cần y phục, thức ăn uống, giường mền, ngọa cụ, thuốc men trị bệnh, chúng con đều sẽ cung cấp mọi thứ. Cúi mong Ngài nhận lời thỉnh cầu, chớ cự tuyệt một chút tình.

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc im lặng nhận lời.

Bấy giờ các người họ Thích nghe Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc nói xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, tại vườn trúc Ca-lan-đà, cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ người ác Đề-bà-đạt-đa liền đến chỗ vương tử Bà-la-lưu-chi (A-xà- thế) bảo vương tử:

- Ngày xưa dân chúng thọ mạng rất dài. Như nay người thọ không quá trăm năm. Vương tử nên biết, mạng người vô thường, nếu không lên ngôi, nửa đường mạng chung chẳng đau sao? Vương tử! Giờ hãy dứt mạng vua cha, thống lãnh quốc dân. Nay ta sẽ giết Sa-môn Cù-đàm, làm Vô thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Ở nơi nước Ma-kiệt, làm vua mới, Phật mới không thích hay sao? Như mặt trời xuyên qua mây, không đâu chẳng chiếu; như mặt trăng mây tan sáng rỡ giữa ngàn sao.

Bấy giờ vương tử Bà-la-lưu-chi, liền bắt vua cha giam vào ngục sắt, lập thêm quan phụ tá thống lãnh nhân dân.

Khi ấy có nhiều Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khất thực, liền nghe Đề-bà-đạt- đa dạy vương tử giam vua cha vào ngục sắt, lập thêm quan phụ tá. Lúc này, các Tỳ-kheo khất thực xong trở về chỗ ở, thu xếp y bát đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi bạch Thế Tôn:

- Sáng nay chúng con vào thành khất thực, nghe người ngu Đề-bà-đạt-đa dạy vương tử khiến bắt vua cha giam vào lao ngục, lại lập thần tá. Rồi Ông dạy

vương tử: "Ông giết vua cha, ta hại Như Lai, ở nước Ma-kiệt này làm vua mới, Phật mới, chẳng thích sao!".

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu vua chúa cai trị không dùng chánh lý, bấy giờ cận thần cũng hành phi pháp. Cận thần đã hành phi pháp, bấy giờ vương thái tử cũng hành phi pháp. Thái tử đã thành phi pháp, bấy giờ quần thần, trưởng quan cũng hành phi pháp. Quần thần, trưởng quan đã hành phi pháp, bấy giờ nhân dân cõi nước cũng hành phi pháp. Nhân dân cõi nước đã hành phi pháp, bấy giờ các chúng binh mã cũng hành phi pháp. Binh chúng đã hành phi pháp, bấy giờ mặt trời, mặt trăng đảo lộn, chuyển vận không đúng giờ. Mặt trời, mặt trăng đã sai giờ liền không có năm tháng. Đã không có năm tháng, trời sai, trăng lầm, không còn tinh quang. Trời, trăng đã không tinh quang, bấy giờ tinh tú hiện quái. Tinh tú đã hiện biến quái liền có bạo phong nổi lên. Đã có bạo phong nổi lên, thì chư Thần giận dữ. Chư Thần đã giận dữ, bấy giờ có mưa không đúng thời, lúc ấy hạt ngũ cốc ở dưới đất bèn chẳng tăng trưởng, loài người, các loài bò, bay, máy, cựa, nhan sắc biến đổi, thọ mạng rất ngắn.

Nếu lại có lúc phép vua cai trị chính đáng, bấy giờ quần thần cũng hành Chánh pháp. Quần thần đã hành Chánh pháp, thì vương thái tử cũng hành Chánh pháp. Vương thái tử đã hành Chánh pháp, bấy giờ trưởng quan cũng hành Chánh pháp. Trưởng quan đã hành Chánh pháp, nhân dân cõi nước cũng hành Chánh pháp; mặt trời, mặt trăng thuận thường, gió mưa đúng thời, tai quái không hiện, thần kỳ hoan hỷ, ngũ cốc đầy dẫy, vua tôi hòa mục, nhìn nhau như anh em, trọn không thêm bớt, loài hữu tình nhan sắc tươi tốt, thức ăn tự tiêu hóa, không có tai hại, thọ mạng cực dài, được người yêu kính.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Ví như trâu lội nước,
Dẫn đường nếu không chính,
Tất cả đều chẳng chính,
Đó do gốc dẫn đường.
Chúng sanh cũng như vậy,
Trong chúng ắt có người
Dẫn đường hành phi pháp,
Huống là người thấp thỏi.
Dân chúng đều chịu khổ,
Do vương pháp chẳng chính,
Để biết hành phi pháp,
Tất cả dân cũng thế.
Ví như trâu lội nước,
Dẫn đường mà hành đúng,
Người theo cũng đều đúng,

Đó do gốc dẫn đường.
Chúng sanh cũng như vậy,
Trong chúng ắt có người
Dẫn đường hành Chánh pháp,
Huống là hạng thứ dân.
Dân chúng đều hưởng vui,
Do vương pháp dạy chính,
Nên biết hành Chánh pháp,
Tất cả dân cũng lợi.
Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy bỏ phi pháp mà hành Chánh pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XVIII. Phẩm Tàm quý

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai diệu pháp ủng hộ thế gian. Thế nào là hai? Nghĩa là có tàm, có quý. Này các Tỳ-kheo, nếu không có hai pháp này, thế gian sẽ không phân biệt có cha, có mẹ, có anh, có em, có vợ con, tri thức, tôn trưởng, lớn nhỏ; liền sẽ cùng lục súc heo, gà, chó, trâu, dê v.v... đồng một loại. Do thế gian có hai pháp này ủng hộ, nên thế gian ắt phân biệt có cha, có mẹ, anh em, vợ con, tôn trưởng, lớn nhỏ, cũng không đồng với lục súc. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tập có tàm, có quý. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đời có hai người không biết chán đủ mà bị mạng chung. Thế nào là hai người? Nghĩa là người được tài vật hằng cất giấu và người được vật mà thích cho người. Đó là hai người không biết chán đủ mà bị mạng chung.

Bấy giờ có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn! Chúng con không hiểu nghĩa chỉ nói sơ lược này. Thế nào là được vật mà cất giấu? Thế nào là được vật mà cho người? Cúi mong Thế Tôn diễn rộng nghĩa này.

Thế Tôn dạy:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt nghĩa này.

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ Phật dạy các Tỳ-kheo:

- Ở đây có người tộc tánh, học các kỹ thuật, hoặc tập làm ruộng, hoặc tập thư sớ, hoặc tập kế toán, hoặc tập thiên văn, hoặc tập địa lý, hoặc tập bói tướng, hoặc tập đi sứ phương xa, hoặc làm vương tá, chẳng tránh lạnh nóng, đói rét, cần khổ để tự mưu sống. Người ấy bỏ ra công sức này mà được tài vật, người ấy không dám ăn xài, cũng không cho vợ con, cũng chẳng cho nô tỳ, những người thân thuộc, cũng đều chẳng cho. Tài vật của người ấy hoặc bị vua cướp đoạt, hoặc bị giặc giã, hoặc lửa cháy, nước cuốn, phân tán chỗ khác, chẳng được lợi ích, hoặc ngay trong nhà có người phân tán tài vật này chẳng giữ mãi được. Đó là, này Tỳ-kheo, người được tài vật mà che giấu.

Còn, thế nào là được tài vật mà phân phát? Có người có tộc tánh, học các kỹ thuật, hoặc tập làm vườn, hoặc tập thư sớ, hoặc tập kế toán, hoặc tập thiên văn, địa lý, hoặc tập bói tướng, hoặc học làm sứ phương xa, hoặc làm vương tá, chẳng tránh lạnh nóng, đói rét, cần khổ mà tự mưu sống. Người ấy ra

công sức này mà thu hoạch tài vật, họ ban phát cho chúng sanh, cấp cho cha mẹ, nô tỳ, vợ con, cũng cấp rộng đến Sa-môn, Bà-la-môn, tạo các công đức, trồng phước cõi trời. Đó là, này Tỳ-kheo, được vật mà bố thí. Đó là, này Tỳ- kheo, hai người không biết chán đủ. Như người trước, được vật mà cất chứa, các Thầy hãy nhớ xa lìa. Người thứ hai được vật mà bố thí rộng rãi, các Thầy nên học nghiệp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Thường nên thí pháp, chớ tập thí thức ăn. Sở dĩ như thế vì ngày nay các Thầy có phước báo. Nếu đệ tử Ta cung kính đối với pháp thì không tham lợi dưỡng. Nếu người tham lợi dưỡng thì có lỗi lớn với Như Lai. Vì sao? Vì là chúng sanh không phân biệt pháp, phá hủy lời dạy của Thế Tôn. Đã hủy lời dạy của Thế Tôn, về sau không đến đạo Niết-bàn được, Ta bèn phải hổ thẹn. Vì sao thế? Vì đệ tử Như Lai tham đắm lợi dưỡng, chẳng hành đúng pháp, chẳng phân biệt pháp, hủy lời dạy của Thế Tôn, chẳng thuận theo Chánh pháp. Đã hủy lời dạy của Thế Tôn lại chẳng đến đạo Niết-bàn.

Nay Tỳ-kheo các Thầy, hãy nhớ pháp thí, chớ nghĩ dục thí, liền được danh dự nghe khắp bốn phương. Cung kính pháp, không tham tài vật, thì không bị xấu hổ. Sở dĩ như thế vì ưa pháp thí, không tham nghĩ về dục thí. Đó là, này Tỳ-kheo, hãy nhớ pháp thí, chớ quen theo tài thí. Tỳ-kheo các Thầy, Ta thuyết nghĩa này là vì nghĩa nào mà nói duyên này?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn phân biệt mọi điều.

Bấy giờ Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo:

- Lúc trước có một người thỉnh Ta đến để cúng dường. Rồi sau đó Ta còn một ít thức ăn có thể bỏ đi. Có hai Tỳ-kheo từ phương xa đến, thân hình mỏi mệt, nhan sắc biến đổi. Bấy giờ, Ta bèn bảo Tỳ-kheo ấy:

- "Có thức ăn thừa đáng lẽ bỏ đi, Thầy cần thì tùy thời có thể lấy để tự lo cho mình".

Thời một Tỳ-kheo liền nghĩ: "Hôm nay Thế Tôn có thức ăn dư có thể vứt bỏ, người tùy thời cần có thể lấy được. Nếu chúng ta không lấy ăn, thì sẽ đem thức ăn này trút chỗ đất sạch hoặc bỏ vào nước. Vậy nay chúng ta hãy lấy thức ăn này để lấp bụng đói, thêm khí lực".

Bấy giờ, Tỳ-kheo ấy lại nghĩ: "Phật cũng dạy: "Hãy hành pháp thí, chớ nghĩ đến dục thí". Sở dĩ như thế, vì bố thí hơn hết không gì qua tài thí. Sau đó, pháp thí là tôn trọng nhất. Nay ta kham chịu suốt ngày cũng xong, chẳng cần nhận phước của tài thí".

Bấy giờ Tỳ-kheo ấy bèn tự dừng ý, không lấy của thí kia, thân thể mỏi mệt, không thèm để ý đến mạng mình.

Bấy giờ, vị Tỳ-kheo thứ hai lại nghĩ: "Thế Tôn cũng có thức ăn dư đáng bỏ. Nếu chúng ta không lấy ăn thì sẽ mệt mỏi. Nay lấy thức ăn này để lấp bụng đói, được thêm khí lực, ngày đêm an ổn".

Bấy giờ Tỳ-kheo ấy liền lấy thức ăn, ngày đêm an ổn, khí lực sung túc.

Phật dạy các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo ấy tuy lấy thức ăn cúng dường kia, trừ được đói thiếu, khí lực sung túc, nhưng chẳng bằng vị Tỳ-kheo trước đáng kính, đáng quý, rất đáng tôn trọng. Tỳ-kheo ấy tiếng tăm vang xa lâu dài, đối với luật tri túc dễ được đầy đủ. Các Tỳ-kheo hãy học pháp thí, chớ học nghĩ đến dục thí. Trước Ta nói là do nhân duyên này.

Bấy giờ Thế Tôn dạy như thế xong, liền rồi chỗ ngồi mà đi. Lúc này chúng Tỳ-kheo lại nghĩ: "Vừa rồi Thế Tôn nói lược cốt yếu, trọn không giảng rộng rãi, rồi từ chỗ ngồi đứng dậy vào thất lặng lẽ. Nay trong chúng này, ai có thể kham nhận diễn nghĩa sơ lược này cho rộng rãi?"

Bấy giờ chúng Tỳ-kheo lại nghĩ: "Nay Tôn giả Xá-lợi-phất thường được Thế Tôn khen ngợi. Chúng ta hãy cùng đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất".

Lúc này chúng Tỳ-kheo liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, vái chào nhau rồi ngồi một bên. Ngồi một bên xong, các Tỳ-kheo mới đem việc đã nghe Thế Tôn dạy, kể lại cho Tôn giả Xá-lợi-phất.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là đệ tử Thế Tôn tham đắm lợi dưỡng không tu hành pháp? Thế nào là đệ tử Thế Tôn không tham đắm lợi dưỡng tu hành pháp?

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Chúng tôi từ xa đến, thưa hỏi nghĩa này để tu hành. Tôn giả Xá-lợi-phất có đủ khả năng xin giảng rộng nghĩa này cho chúng tôi.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

- Hãy lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ, tôi sẽ vì các Thầy nói rộng nghĩa này.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Xin vâng.

Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

- Đệ tử Thế Tôn học tịch tĩnh, niệm được an ổn mà đệ tử Thanh văn không học như thế. Thế Tôn dạy pháp nên diệt mà các Tỳ-kheo cũng chẳng chịu diệt, trong đó lại giải đãi khởi các loạn tưởng; điều nên làm, chẳng chịu làm; chỗ chẳng nên làm, lại tu hành. Bấy giờ, này chư Hiền, các bậc Tỳ-kheo trưởng lão, đối với ba chỗ có sự hổ thẹn. Thế nào là ba? Thế Tôn thường thích chỗ tịch tĩnh, bấy giờ Thanh văn chẳng học điều này. Tỳ-kheo trưởng lão bèn có hổ thẹn. Thế Tôn dạy người hãy diệt pháp này, mà Tỳ-kheo chẳng diệt pháp này. Tỳ-kheo trưởng lão liền có hổ thẹn. Trong đó khởi niệm loạn tưởng, ý không chuyên nhất. Tỳ-kheo trưởng lão liền có hổ thẹn.

Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo trung niên ở ba chỗ liền có hổ thẹn. Thế nào là ba? Thế Tôn thường thích chỗ tịch tịnh, bấy giờ Thanh văn chẳng học điều này. Tỳ-kheo bậc trung liền có hổ thẹn. Thế Tôn dạy người nên diệt pháp này, nhưng Tỳ-kheo ấy không diệt pháp này. Tỳ-kheo bậc trung liền có hổ thẹn. Trong đó khởi niệm loạn tưởng, ý không chuyên nhất. Tỳ-kheo trung niên liền có hổ thẹn.

Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo niên thiếu ở ba chỗ có sự hổ thẹn. Thế nào là ba? Đệ tử Thế Tôn thường thích chỗ tịch tĩnh, bấy giờ Thanh văn chẳng học điều này. Tỳ-kheo niên thiếu liền có chỗ thẹn. Thế Tôn dạy người nên diệt

pháp này, nhưng Tỳ-kheo ấy không diệt pháp này. Tỳ-kheo niên thiếu liền có hổ thẹn. Trong đó lại khởi niệm loạn tưởng, ý không chuyên nhất. Tỳ- kheo niên thiếu liền có hổ thẹn.

Đó là, này chư Hiền, tham trước đối với tiền tài, không dính dáng đến pháp.

Các Tỳ-kheo bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Thế nào là Tỳ-kheo tham đắm vào pháp, không dính mắc tài lợi?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn thích chỗ tịch tĩnh, Thanh văn cũng học Như Lai thích chỗ tịch tĩnh. Thế Tôn thuyết nên diệt pháp này, các Tỳ-kheo liền diệt pháp này, chẳng giải đãi cũng chẳng loạn, điều nên làm liền tu hành; điều chẳng nên làm, liền chẳng

làm.

Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo trưởng lão ở ba chỗ liền có danh xưng. Thế nào là ba? Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn ưa thích chỗ tịch tĩnh, thời Thanh văn cũng ưa chỗ tịch tĩnh, thời Tỳ-kheo trưởng lão liền có danh xưng. Thế Tôn dạy người nên diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, thời Tỳ- kheo trưởng lão liền có danh xưng. Bên trong không khởi niệm loạn tưởng, ý thường chuyên nhất, thời Tỳ-kheo trưởng lão liền có danh xưng.

Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo trung niên ở ba nơi liền có danh xưng. Thế nào là ba? Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn vui chỗ tịch tĩnh, Thanh văn cũng vui chỗ tịch tĩnh, thời Tỳ-kheo trung niên liền có danh xưng. Thế Tôn dạy người hãy diệt pháp này, bấy giờ Tỳ-kheo liền diệt pháp này, thời Tỳ-kheo trung niên liền có danh xưng. Bên trong không khởi niệm loạn tưởng, ý thường chuyên nhất, thời Tỳ-kheo trung niên liền có danh xưng.

Chư Hiền nên biết! Tỳ-kheo niên thiếu ở ba chỗ liền có danh xưng. Thế nào là ba? Ở đây, này Tỳ-kheo, Thế Tôn ưa chỗ tịch tĩnh, Tỳ-kheo niên thiếu cũng ưa chỗ tịch tĩnh, thời Tỳ-kheo niên thiếu liền có danh xưng. Thế Tôn dạy người hãy diệt pháp này, bấy giờ Thế Tôn niên thiếu liền diệt pháp này, thời Tỳ-kheo niên thiếu liền có danh xưng. Bên trong không khởi niệm loạn tưởng, ý thường chuyên nhất, thời Tỳ-kheo niên thiếu liền có danh xưng.

Chư Hiền nên biết, Tham là bịnh, tai họa rất lớn, sân giận cũng thế. Diệt được tham dâm, sân giận thì được trung đạo, nhãn sanh, trí sanh, các trói buộc dứt hết, đến được Niết-bàn. Xan lẫn, tật đố là bịnh cũng rất nặng, phiền

não nung nấu, kiêu mạn cũng sâu, huyễn ngụy chẳng chân thật, không hổ không thẹn, chẳng thể xa lìa dâm dục, làm bại hoại sự ngay chánh, mạn và tăng thượng mạn cũng lại chẳng bỏ. Hai mạn này nếu diệt sẽ được ở trung đạo, nhãn sanh, trí sanh, các trói buộc dứt hết, đến được Niết-bàn.

Tỳ-kheo bạch:

- Tôn giả Xá-lợi-phất! Thế nào là ở trung đạo, nhãn sanh, trí sanh, các trói buộc dứt hết, đến được Niết-bàn?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Chư Hiền nên biết, đó là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh, nghĩa là Chánh kiến, Chánh trí (tư duy), Chánh ngữ, Chánh hạnh (nghiệp), Chánh mạng, Chánh phương tiện (tinh tấn), Chánh niệm, Chánh tam-muội (định). Này chư Hiền, đó là ở trung đạo, nhãn sanh, trí sanh, các trói buộc dứt hết, đến được Niết-bàn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, tại vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ đắp y, ôm bát vào thành La-duyệt khất thực tại một ngõ làng. Khi ấy ở làng đó, có vợ một Phạm chí muốn ăn cơm nhưng Bà-la- môn lại vừa ra khỏi cửa. Bà ta trông thấy Thế Tôn từ xa liền đến chỗ Thế Tôn mà hỏi:

- Ngài có thấy Bà-la-môn đâu không?

Khi ấy Tôn giả Đại Ca-diếp đã ở ngõ đó trước rồi. Thế Tôn liền đưa tay chỉ, Ngài nói:

- Đây là Bà-la-môn.

Bấy giờ vợ Bà-la-môn nhìn sửng mặt Như Lai, im lặng không nói.

Thế Tôn liền nói kệ:

Người không dục, không sân,
Bỏ ngu không có si,
A-la-hán lậu tận,
Đó gọi là Phạm chí.
Người không dục, không sân,
Bỏ ngu, không có si,
Bỏ hết nhóm kiết sử,
Đó gọi là Phạm chí.
Người không dục, không sân,
Bỏ ngu, không có si,
Đã đoạn mạn ngô ngã,
Đó gọi là Phạm chí.
Nếu người muốn biết pháp,
Của bậc Chánh Giác thuyết.
Chí thành tự quay về,
Đấng Tối Tôn Vô Thượng.
Bấy giờ Thế Tôn bảoTôn giả Ca-diếp:

- Thầy nên đến vì vợ người Phạm chí này khiến cho bà ta ngay thân hiện tại thoát được tội cũ.

Lúc đó Tôn giả Ca-diếp vâng lời Phật dạy, đến nhà vợ Phạm chí, tới tòa mà ngồi. Lúc này vợ Bà-la-môn liền bày các thức ăn uống ngon ngọt cúng dường cho Tôn giả Ca-diếp. Tôn giả Ca-diếp liền nhận các thức ăn uống, vì muốn độ bà ta mà nói kệ:

Tế tự, lửa hơn hết,
Các sách, tụng tối thượng,
Vua là bậc người trọng,
Các dòng, biển là hơn.
Các sao, trăng đứng đầu,

Chiếu sáng, mặt trời nhất,
Bốn phía và trên dưới,
Ở các phương, cảnh vực.
Trời và người thế gian,
Phật là tối Tôn thượng.
Người muốn cầu phước này,
Nên quy y Chánh Giác.
Vợ Phạm chí kia nghe lời này xong, vui mừng hớn hở không kềm được, đến trước Tôn giả Ca-diếp bạch:

- Cúi mong Tôn giả, hằng nhận lời thỉnh của tôi mà đến nhà này thọ thực.

Tôn giả Ca-diếp nhận lời, thọ thực tại đó. Vợ Bà-la-môn thấy Tôn giản Ca- diếp ăn xong, bèn lấy một ghế thấp đến trước Tôn giả Ca-diếp ngồi. Tiếp đó, Tôn giả Ca-diếp liền thuyết pháp vi diệu cho bà ta, nghĩa là luận về thí, giới luận, luận về sanh thiên, dục là bất tịnh, dứt hết lậu hoặc là cao thượng, xuất gia là cần yếu.

Tôn giả Ca-diếp đã biết vợ Phạm chí tâm ý khai mở, lòng rất hân hoan. Những điều chư Phật thường thuyết pháp: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Tôn giả Ca- diếp đều thuyết cho vợ Phạm chí hết. Vợ Phạm chí ở ngay tòa ngồi, dứt sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Ví như áo lót trắng mới tinh, không có bụi dơ, dễ nhuộm màu; vợ Phạm chí cũng lại như thế, ngay trên tòa ngồi được pháp nhãn thanh tịnh. Bà ta đã được pháp, thấy pháp, phân biệt pháp chẳng có hồ nghi, đã được vô úy, tự quy y ba bậc đáng tôn trọng là Phật, Pháp và Thánh chúng, thọ trì ngũ giới. Tôn giả Ca-diếp thuyết pháp vi diệu cho vợ Phạm chí một lần nữa, rồi từ chỗ ngồi đứng lên mà đi.

Ngài Ca-diếp đi chưa bao lâu, chồng bà ta ở xa về nhà. Bà-la-môn thấy nhan sắc người vợ vui tươi khác thường liền hỏi vợ. Người vợ đem nhân duyên này kể lại đầy đủ cho chồng. Bà-la-môn nghe xong, liền cùng vợ đi đến Tinh xá, đến chỗ Thế Tôn. Bà-la-môn cùng Thế Tôn chào hỏi xong, ngồi xuống một bên. Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

- Vừa rồi có Bà-la-môn đến nhà tôi, nay ở đâu?

Bấy giờ Tôn giả Ca-diếp cách Thế Tôn chẳng xa, ngồi kiết-già, chánh thân, chánh ý, suy tư về diệu pháp.

Thế Tôn từ xa chỉ Đại Ca-diếp, nói:

- Đây là tôn trưởng Bà-la-môn.

Bà-la-môn nói:

- Thế nào Cù-đàm? Sa-môn tức là Bà-la-môn chăng? Sa-môn và Bà-la-môn há không khác sao?

Thế Tôn dạy:

- Muốn nói Sa-môn, chính là thân Ta. Sở dĩ như thế, vì Ta tức là Sa-môn. Có các giới luật mà Sa-môn phải tụng trì, Ta đều đã được. Như nay muốn luận về Bà-la-môn, thì cũng là

thân Ta. Vì sao thế? Vì Ta tức là Bà-la-môn. Các Bà-la-môn thời quá khứ trì pháp hạnh nào, Ta đều đã biết hết.

Muốn luận Sa-môn, tức là Đại Ca-diếp. Vì sao thế? Sa-môn có các luật, Tỳ- kheo Ca-diếp đều giữ hết. Muốn luận Bà-la-môn, cũng là Tỳ-kheo Ca-diếp. Vì sao thế? Bà-la-môn phụng trì các cấm giới, Tỳ-kheo Ca-diếp đều rõ biết hết.

Thế Tôn liền nói kệ:

Ta chẳng nói Phạm chí,
Là người rành chú thuật,
Xướng rằng sanh Phạm thiên,
Đây là chưa rời trói,
Không trói, không đường sanh,
Hay thoát tất cả kiết,
Lại không xưng phước trời,
Tức Sa-môn, Phạm chí.
Bấy giờ Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

- Nói là kết phược (buộc trói), những gì gọi là kết?

Thế Tôn dạy;

- Dục ái là kết, sân nhuế là kết, ngu si là kết. Như Lai không có dục ái này, diệt hẳn không sót; sân nhuế, ngu si cũng lại như thế. Như Lai chẳng còn kết này nữa.

Bà-la-môn nói:

- Cúi mong Thế Tôn nói pháp sâu mầu không có các kết phược này nữa.

Thế rồi đức Thế Tôn lần lượt thuyết luận vi diệu cho Bà-la-môn. Luận tức là thí luận, giới luận, luận sanh thiên; dục là bất tịnh; dứt hết lậu hoặc là hơn hết; xuất gia là cần yếu.

Bấy giờ Thế Tôn biết Bà-la-môn kia tâm ý khai mở, lòng rất hoan hỉ điều mà chư Phật thời xưa thường thuyết pháp: Khổ, Tập, Diệt, Đạo. Bấy giờ Thế Tôn đều thuyết hết cho Bà-la-môn. Bà-la-môn ngay trên chỗ ngồi, dứt sách cách trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Ví như áo lót trắng tinh, không có bụi dơ, dễ nhuộm màu; Bà-la-môn cũng lại như thế, ngay trên chỗ ngồi được pháp nhãn thanh tịnh. Ông ta đã được pháp, thấy pháp, phân biệt pháp không có hồ nghi, đã đến chỗ vô úy, tự quy y Tam tôn: Phật, Pháp và Thánh chúng, thọ trì ngũ giới, làm đứa con chân thật của Như Lai, không còn lui sụt nữa.

Bấy giờ vợ chồng Bà-la-môn nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ vua A-xà-thế có con voi tên Na-la-kỳ-lê, vô cùng hung tàn bạo ngược, mạnh mẽ hay trừ dẹp oán thù. Nhờ sức voi đó, khiến cho không đâu không nép phục một nước Ma-kiệt.

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa liền đến chỗ vua A-xà-thế, nói:

- Đại vương nên biết! Nay con voi này tàn ác, có thể hàng phục các kẻ thù. Hãy đem rượu mạnh cho voi uống say, sáng sớm Sa-môn Cù-đàm ắt sẽ vào thành khất thực, hãy thả voi say này cho chà đạp chết đi!

Vua A-xà-thế nghe Đề-bà-đạt-đa dạy liền ra lệnh trong nước: Sáng sớm mai sẽ thả voi say, cấm nhân dân đi lại trong làng xóm.

Lúc này Đề-bà-đạt-đa nói với vua A-xà-thế:

- Nếu Sa-môn Cù-đàm kia có nhất thiết trí biết việc tương lai thì ngày mai ắt không vào thành khất thực.

Vua A-xà-thế nói:

- Đúng như lời Ngài dạy. Nếu người có nhất thiết trí, sáng sớm mai sẽ không vào thành khất thực.

Bấy giờ nam nữ, già trẻ trong thành La-duyệt kính thờ Phật, nghe vua A-xà- thế sáng sớm mai sẽ thả voi say hại Như Lai. Nghe xong ai cũng lo buồn, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

- Sáng sớm mai xin Thế Tôn chớ có vào thành.

-Vì sao thế?

- Vì nay vua A-xà-thế có ban lệnh bắt 'nhân dân trong thành ngày mai chớ qua lại ở làng xóm, ta muốn thả voi say hại Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn có Nhất thiết trí, sáng sớm mai sẽ không vào thành khất thực'.

Cúi mong Thế Tôn chớ có vào thành. Nếu Như Lai bị hại, người đời sẽ mất con mắt, không còn được cứu hộ.

Thế Tôn bảo:

- Thôi! Thôi! Các Ưu-bà-tắc chớ có sầu não. Vì sao thế? Thân của Như Lai chẳng phải là thân thế tục, nên chẳng bị người khác làm hại; hoàn toàn không có việc này. Các Ưu-bà-tắc nên biết, đất Diêm-phù-đề Đông Tây rộng bảy ngàn do-tuần, Nam Bắc dài hai mươi mốt ngang do-tuần; đất Cù-da-ni bề ngang rộng tám ngàn do-tuần hình như nửa mặt trăng; đất Phất-vu-đệ bề ngang rộng chín ngàn do-tuần; đất đai vuông vức; đất Uất-đan-việt bề ngang rộng mười ngàn do-tuần, đất đai tròn như mặt trăng đầy. Ngay dù trong bốn thiên hạ này đầy voi say giống như lúa mè, lùm rừng, số như thế vẫn chẳng thể làm động một mảy lông của Như Lai, huống là hại được Như Lai; hoàn toàn

không có việc này. Ngoài bốn thiên hạ ra, lại có cả ngàn thiên hạ, ngàn trời trăng, ngàn núi Tu-di, ngàn nước bốn biển, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Cù- da-ni, ngàn Phất-vu-đệ, ngàn Uất-đan-việt, ngàn Tứ thiên vương, ngàn trời Ba mươi ba, ngàn trời Đâu-suất, ngàn trời Diệm thiên, ngàn trời Hóa tự tại, ngàn trời Tha hóa Tự tại, đây gọi là ngàn thế giới. Cho đến hai ngàn thế giới, đây gọi là trung thiên thế giới. Cho đến ba ngàn thế giới, đây gọi tam thiên đại thiên thế giới. Trong đó Long vương Y-la-bát đầy dẫy vẫn không thể làm động một mảy lông của Như Lai, huống là con voi này lại muốn hại Như Lai được sao? Hoàn toàn không có việc này. Vì sao thế? Thần lực của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn. Như Lai ra đời, trọn chẳng bị người làm tổn hại. Các Ông nên trở về chỗ của mình. Như Lai sẽ tự biết đối phó việc này.

Bấy giờ Thế Tôn rộng thuyết pháp vi diệu cho bốn bộ chúng, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di nghe thuyết Chánh pháp xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng lên lễ Phật mà lui đi.

Sáng sớm Thế Tôn đắp y, ôm bát muốn vào thành La-duyệt khất thực. Khi ấy, Thiên vương Đề-đầu-lại-tra cùng Càn-thát-bà v.v.. từ phương Đông đến theo hầu Thế Tôn; Tỳ-lưu-lặc-vương cùng chúng Cưu-bàn-trà theo hầu Thế Tôn; phương Tây có Tỳ-lưu-ba-xoa cùng các chúng rồng theo hầu Như Lai; phương Bắc Thiên vương Câu-tỳ-la cùng chúng quỷ La sát theo hầu Như Lai. Bấy giờ Thích-đề-hoàn nhân đem vài ngàn vạn chúng thiên nhân, biến mất từ trời Đâu-suất hiện đến chỗ Thế Tôn, rồi trời Phạm thiên vương cùng vài ngàn vạn chúng Phạm thiên từ cõi trời Phạm thiên đến chỗ Thế Tôn. Thích, Phạm, Tứ thiên vương và hai mươi tám Trời, đại quỷ thần vương, mọi người bảo nhau:

- Hôm nay chúng ta sẽ xem hai thần voi và rồng đấu với nhau, ai sẽ thắng, bại.

Bốn bộ chúng trong thành La-duyệt từ xa thấy Thế Tôn cùng chư Tỳ-kheo vào thành khất thực. Nhân dân trong thành đều cất tiếng hô hoán. Vua A-xà- thế nghe tiếng này, hỏi tả hữu:

- Đây là tiếng vang của những gì mà lọt vào đây?

Thị thần đáp:

- Đây là Như Lai vào thành khất thực, dân chúng trông thấy nên có tiếng này.

A-xà-thế nói:

- Sa-môn Cù-đàm không có Thánh đạo, chẳng biết tâm người mà đến thử đối phó.

Vua A-xà-thế liền sai tượng sư:

- Ông mau cho voi uống rượu mạnh, mũi đeo gươm bén thả cho nó chạy.

Bấy giờ Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đến cửa thành, vừa nhấc chân vào cửa thì trời đất chuyển động. Các bậc trời thần ở trên hư không tung các loại hoa. Năm trăm Tỳ-kheo thấy voi say đến, đều vùng chạy không biết đi đâu. Voi hung dữ kia thấy Như Lai ở xa liền xông tới.Thị giả A-nan thấy voi say đến, ở sau lưng Thế Tôn chẳng yên, bạch Thế Tôn:

- Voi này bạo ác, sợ sẽ hại mình, phải nên tránh xa nó.

Thế Tôn bảo:

- Chớ sợ, A-nan! Nay Ta sẽ dùng cánh tay thần của Như Lai để hàng phục voi này.

Như Lai quan sát con voi hung bạo, khi cách nó không gần cũng chẳng xa, Ngài liền hóa ra các sư tử vương ở hai bên, sau lưng voi hóa thành một hầm lửa lớn. Voi hung bạo kia thấy sư tử vương ở hai bên và thấy hầm lửa liền vãi phân tiểu không chỗ phóng chạy bèn sấn đến trước Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Mi chớ có hại rồng,
Rồng hiện rất khó gặp,
Do không có hại rồng,
Mà được sanh chỗ thiện.
Voi hung bạo nghe Thế Tôn nói kệ này, như bị lửa đốt, tự cởi kiếm hướng về Như Lai quỳ hai gối, phục xuống đất lấy vòi liếm chân Như Lai. Thế Tôn duỗi tay phải xoa đầu voi, nói:

Sân giận sanh địa ngục,
Cũng làm thân rắn rít,
Thế nên hãy bỏ sân,
Chớ thọ lại thân này.
Bấy giờ các bậc Trời thần ở trong hư không dùng trăm ngàn loại hoa tung trên Như Lai. Thế Tôn bèn thuyết pháp vi diệu cho bốn bộ chúng, Trời, Rồng, Quỷ, Thần. Bấy giờ hơn sáu vạn nam nữ thấy voi bị hàng phục, liền hết sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Tám vạn thiên nhân cũng được pháp nhãn thanh tịnh.

Rồi trong thân voi say kia, gió đao nổi lên, thân hoại mạng chung, sanh lên cung trời Tứ thiên vương.

Bấy giờ Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di và Trời, Rồng, Quỷ, Thần nghe Thế Tôn dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà, đắp y thật đẹp, màu sắc chói mắt, mang giày viền vàng, lại vẽ hai mắt, tay ôm bình bát định vào thành Xá-vệ.

Khi ấy rất đông chúng Tỳ-kheo từ xa trông thấy Tôn giả Nan-đà, khoát y cực đẹp vào thành Xá-vệ khất thực, liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Phút chốc, ngồi lui lại mà bạch Thế Tôn:

- Vừa rồi Tỳ-kheo Nan-đà đắp y cực đẹp, màu sắc chói mắt, vào thành Xá- vệ khất thực.

Khi ấy Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

- Thầy mau đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, nói rằng Như Lai gọi Thầy.

- Xin vâng, Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy nhận lời Thế Tôn dạy, cúi lạy rồi đi, đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, nói với Nan-đà:

- Thế Tôn gọi Thầy.

Nan-đà nghe Tỳ-kheo nói, liền đến chỗ Thế Tôn, đến xong cúi lạy và ngồi một bên. Thế Tôn bảo Nan-đà:

- Nay Thầy vì sao đắp y cực đẹp, lại mang giày viền vàng vào thành Xá-vệ khất thực?

Tôn giả Nan-đà làm thinh chẳng đáp.

Thế Tôn lại nói nữa:

- Thế nào Nan-đà? Thầy há chẳng do niềm tin kiên cố, xuất gia học đạo sao?

Nan-đà đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Này Thầy là con nhà vọng tộc, chẳng hành đúng luật, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, vì sao lại mặc áo cực đẹp, tô sửa hình vóc, muốn vào thành Xá-vệ khất thực, cùng bọn bạch y kia đâu có khác gì?

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Ngày nào thấy Nan-đà,
Hay trì hạnh tịch tĩnh,
Tâm vui pháp Sa-môn,
Đầu đà đến bờ kia.
Nan-đà, nay Thầy chớ tạo hạnh như vậy!

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà và bốn bộ chúng nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà chẳng kham hành Phạm hạnh, muốn cởi pháp y, tập hạnh bạch y. Khi ấy nhiều chúng Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Tỳ-kheo Nan-đà chẳng kham hành Phạm hạnh, muốn cởi pháp phục, tập hạnh tại gia.

Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

- Thầy đến chỗ Nan-đà bảo là Như Lai gọi Thầy.

- Xin vâng, Thế Tôn.

Tỳ-kheo ấy vâng lời Thế Tôn liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy Thế Tôn rồi lui, đi đến chỗ Tỳ-kheo Nan-đà, nói:

- Thế Tôn gọi Nan-đà.

- Vâng.

Bấy giờ Tỳ-kheo Nan-đà theo Tỳ-kheo này đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn bảo Nan-đà.

- Thế nào Nan-đà? Thầy chẳng ưa tu Phạm hạnh, muốn cởi pháp y, tập hạnh bạch y chăng?

Nan-đà đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

- Vì sao thế, Nan-đà?

Nan-đà đáp:

- Vì con lòng dục lừng lẫy, kềm chẳng được.

Thế Tôn nói:

- Thế nào Nan-đà? Thầy không phải là con nhà vọng tộc xuất gia học đạo sao?

Nan-đà đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn! Con là dòng dõi vọng tộc, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo.

Thế Tôn bảo:

- Nếu Thầy dòng dõi vọng tộc thì chẳng nên như thế. Vì bỏ nhà học đạo, tu hạnh thanh tịnh, tại sao lại bỏ Chánh pháp muốn tập ô uế? Nan-đà nên biết, có hai pháp không nhàm chán. Nếu có người học tập hai pháp này, trọn không nhàm chán. Thế nào là hai pháp? Nghĩa là dâm dục và uống rượu. Đó là hai pháp này, trọn không nhàm chán. Do quả của hạnh này cũng không thể được chỗ vô vi. Thế nên, Nan-đà, hãy nghĩ nhớ bỏ hai pháp này, sau ắt sẽ thành quả báo vô lậu. Nan-đà! Nay Thầy khéo tu Phạm hạnh, hướng về đạo quả đều do đó cả.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Lợp nhà không kín,
Trời mưa sẽ dột,
Người chẳng chịu hành,
Lọt dâm, nộ, si.
Lợp nhà khéo kín,
Trời mưa chẳng dột,

Người hay chuyên hành,
Không dâm, nộ, si.
Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: 'Gã vọng tộc này ý dục rất nhiều. Nay Ta phải nên dùng lửa trừ lửa'.

Khi ấy Thế Tôn, liền lấy cánh tay thần lực nắm Nan-đà, ví như người có sức vừa co duỗi cánh tay đem Nan-đà lên núi Hương Sơn. Bấy giờ trên núi có một hang đá, lại có một con khỉ mù đang ở đó. Thế Tôn tay phải nắm Nan- đà bảo:

- Nan-đà! Thầy có thấy con khỉ mù này chăng?

- Vâng, Thế Tôn.

Thế Tôn nói:

- Cái nào đẹp? Tôn-đà-lợi họ Thích đẹp hay con khỉ mù này đẹp?

Nan-đà đáp:

- Ví như có người đánh dập lỗ mũi con chó xấu xí, lại còn bôi thêm độc vào nó, khiến càng xấu hơn. Đây cũng như thế, cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi, nay đem so với con khỉ mù này, không thể ví dụ. Ví như đống lửa lớn đốt cháy núi rừng còn bỏ thêm củi khô, lửa càng hừng hực. Đây cũng thế, con nhớ cô gái họ Thích kia không lìa tâm.

Bấy giờ Thế Tôn như trong khoảng co duỗi cánh tay từ núi kia biến mất, liền đến cõi trời Ba mươi ba. Lúc ấy chư Thiên cõi trời Ba mươi ba đều tụ tập ở giảng đường Thiện Pháp. Cách giảng đường Thiện Pháp chẳng xa, lại có cung điện, năm trăm ngọc nữ vui đùa với nhau, toàn là con gái chẳng có con trai. Bấy giờ Nan-đà xa thấy năm trăm Thiên nữ ca hát kỹ nhạc vui đùa với nhau, thấy rồi hỏi Thế Tôn:

- Đây là chỗ nào mà có năm trăm Thiên nữ hát xướng kỹ nhạc, vui đùa với nhau?

Thế Tôn bảo:

- Nan-đà! Thầy tự đi hỏi đi!

Tôn giả Nan-đà liền đến chỗ năm trăm Thiên nữ, thấy cung điện nhà cửa kia trải tọa cụ tốt đẹp hàng trăm thứ, toàn là con gái không có con trai. Tôn giả Nan-đà liền hỏi Thiên nữ:

- Các Người là Thiên nữ thế nào mà vui chơi khoái lạc với nhau như thế?

Thiên nữ đáp:

- Chúng tôi có năm trăm người đều thanh tịnh không có phu chủ (chồng). Chúng tôi nghe có đệ tử Thế Tôn tên là Nan-đà là con của di mẫu đức Phật. Ngài đang ở chỗ Như Lai thanh tịnh tu Phạm hạnh. Sau khi mạng chung sẽ sanh ở đây làm phu chủ của chúng tôi, cùng vui thú với nhau.

Tôn giả Nan-đà lòng rất vui mừng, kềm chẳng được, liền nghĩ: 'Nay ta là đệ tử Thế Tôn, lại cũng là con di mẫu. Các Thiên nữ này đều sẽ là vợ ta'.

Lúc ấy Nan-đà liền trở lui đến chỗ Thế Tôn. Thế Tôn nói:

- Thế nào Nan-đà, Ngọc nữ kia nói thế nào?

Nan-đà đáp:

- Ngọc nữ kia mỗi người nói: 'Mỗi người chúng tôi đều không chồng. Nghe có đệ tử Thế Tôn khéo tu Phạm hạnh, sau khi mạng chung sẽ sanh đến đây'.

Thế Tôn bảo:

- Nan-đà! Ý Thầy thế nào?

Nan-đà đáp:

- Bấy giờ con tự nghĩ: 'Ta là đệ tử Thế Tôn, lại là con di mẫu của Phật. Các Thiên nữ này đều sẽ là vợ ta'.

Thế Tôn bảo:

- Thích thay, Nan-đà! Hãy khéo tu Phạm hạnh, Ta sẽ tác chứng cho Thầy, khiến năm trăm nữ nhân đều cấp cho Thầy.

Thế Tôn lại nói:

- Thế nào Nan-đà? Cô gái họ Thích Tôn-đà-lợi đẹp hay năm trăm thiên nữ này đẹp?

Nan-đà đáp:

- Ví như con khỉ mù trên núi trước Tôn-đà-lợi, không có tươi nhuận cũng không có sắc. Đây cũng như thế, Tôn-đà-lợi trước Thiên nữ kia cũng vậy, không có sáng tươi.

Thế Tôn bảo:

- Thầy khéo tu Phạm hạnh, Ta sẽ chứng cho Thầy được năm trăm Thiên nhân này.

Bấy giờ Thế Tôn liền nghĩ: 'Nay Ta sẽ dùng lửa diệt lửa của Nan-đà'.

Ví như người có sức trong khoảng co duỗi cánh tay, Thế Tôn tay phải cầm cánh tay Nan-đà đưa đến địa nguc. Bấy giờ chúng sanh trong địa ngục chịu biết bao khổ não. Lúc ấy, trong địa ngục kia có một vạc lớn trống rỗng, chẳng có người. Thấy rồi, Nan-đà liền sanh sợ hãi, lông áo dựng đứng, đến trước Thế Tôn, bạch:

- Ở đây các chúng sanh đều chịu đau khổ, chỉ riêng có vạc này bỏ trống không người.

Thế Tôn nói:

- Đây gọi là địa ngục A-tỳ.

Bấy giờ Nan-đà càng thêm khủng khiếp, lông áo dựng đứng, bạch Thế Tôn:

- Đây là địa ngục A-tỳ mà sao có ngục trống, không có tội nhân?

Thế Tôn nói:

- Nan-đà! Thầy hãy tự đến hỏi đi.

Tôn giả Nan-đà liền tự đi hỏi:

- Thế nào ngục tốt, đây là ngục gì mà trống, không có người?

Ngục tốt đáp:

- Tỳ-kheo nên biết! Đệ tử đức Phật Thích-ca tên là Nan-đà. Ông ta ở chỗ Như Lai, tịnh tu Phạm hạnh, thân hoại mạng chung sanh cõi lành, trên trời. Ở đó vị ấy sống lâu ngàn tuổi, khoái lạc vui thú, rồi lại ở đó chết, sanh vào địa ngục A-tỳ này. Cái vạc không này vì thế để trống.

Tôn giả Nan-đà nghe lời này xong, lòng hoảng sợ, lông áo dựng đứng, liền nghĩ: 'Cái vạc trống này chính là dành cho ta'.

Tôn giả Nan-đà vội đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, bạch Thế Tôn:

- Mong cho con được sám hối lỗi chính con, do chẳng tu Phạm hạnh, xúc nhiễu Thế Tôn.

Bấy giờ Tôn giả Nan-đà liền nói kệ:

Đời người không đủ quý,
Trời hết thọ cũng mất,
Địa ngục khổ chua cay,
Chỉ có Niết-bàn vui.
Thế Tôn bảo Nan-đà:

- Lành thay! Lành thay! Như lời Thầy nói. Niết-bàn rất là tịnh lạc. Nan-đà! Ta nhận cho Thầy sám hối, Thầy ngu, Thầy si, tự biết lỗi. Nay Như Lai nhận lời hối lỗi của Thầy, sau chớ phạm nữa.

Bấy giờ Thế Tôn trong khoảng co duỗi cánh tay, tay nắm Nan-đà từ địa ngục biến mất, đến thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Nan-đà:

- Nan-đà, nay Thầy nên tu hai pháp. Thế nào là hai pháp? Đó là Chỉ và Quán. Lại nên tu thêm hai pháp. Thế nào là hai pháp? Là sanh tử chẳng đáng ưa, biết Niết-bàn là vui. Đó là hai pháp. Lại nên tu thêm hai pháp, đó là trí và biện.

Bấy giờ Thế Tôn đem những pháp này thuyết cho Nan-đà. Tôn giả Nan-đà nhận lời Thế Tôn dạy xong, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy Phật rồi lui đi. Đến vườn An-đà, Tôn giả ngồi kiết-già dưới một gốc cây, chánh thân chánh ý buộc niệm ở trước, suy nghĩ lời dạy này của Như Lai. Tôn giả ở chỗ nhàn tĩnh, hằng suy nghĩ lời dạy của Như Lai, không rời một phút chốc. Do đó vị vọng tộc này do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, lại không còn thọ thân sau, như thật mà biết. Lúc ấy Tôn giả Nan-đà liền thành A-la-hán. Đã thành A-la-hán rồi, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa sang y phục đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, ngồi một bên. Tôn giả Nan-đà bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn trước hứa sẽ chứng cho đệ tử năm trăm thiên nữ, nay con xin bỏ hết.

Thế Tôn bảo:

- Nay Thầy sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập. Ta sẽ bỏ lời hứa.

Thế Tôn liền nói kệ:

Nay Ta thấy Nan-đà,
Tu hành pháp Sa-môn
Các ác đều đã dứt,
Đầu đà không có mất.
Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Người đắc A-la-hán, nay là Tỳ-kheo Nan-đà. Không dâm, nộ, si cũng là Tỳ-kheo Nan-đà.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Thích-si-sấu, Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-lưu cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Đại Ái Đạo Cù-đàm-di, liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi bạch Thế Tôn:

- Mong Thế Tôn hằng giữ gìn mạng sống để giáo hóa lâu dài cho bọn ngu tối.

Thế Tôn bảo:

- Cù-đàm-di, chớ nên nói lời này với Như Lai. Thọ mạng của Như Lai vô cùng, Ta hằng giữ gìn mạng này.

Bấy giờ Đại Ái Đạo Cù-đàm-di liền nói kệ:

Thế nào lễ tối thắng,
Thế gian không ai bằng?
Dứt được tất cả nghi,
Cho nên nói lời này.
Thế Tôn lại dùng kệ đáp:
Tinh tấn ý khó thiếu,
Hằng có tâm dũng mãnh,
Bình đẳng nhìn Thanh văn,
Đây tức lễ Như Lai.
Bà Đại Ái Đạo bạch Thế Tôn:

- Từ nay về sau con sẽ lễ Như Lai. Nay Như Lai dạy lễ tất cả chúng sanh không có ý thêm, bớt. Trên Trời, loài Người, và A-tu-la, Như Lai là tối thượng.

Thế Tôn hứa khả lời bà Đại Ái Đạo nói, bà liền từ chỗ ngồi đứng lên, lễ Phật rồi lui đi.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đệ tử hiểu rộng biết nhiều bậc nhất trong hàng Thanh Văn của Ta là Đại Ái Đạo.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ nâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai hạng người này ở trong chúng Như Lai mà lại khởi lên sự phỉ báng. Thế nào là hai người? Là pháp sai nói là pháp đúng; nói pháp đúng là pháp sai. Đó là hai người phỉ báng Như Lai.

Lại có hai người không phỉ báng Như Lai. Thế nào là hai? Nghĩa là pháp sai (phi pháp) nói là pháp sai, pháp đúng (chân pháp) nói là pháp đúng. Đó là hai người không phỉ báng Như Lai. Thế nên, các Tỳ-kheo, pháp sai hãy nói là pháp sai, pháp đúng hãy nói là pháp đúng. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai hạng người gặt hái được phước vô lượng. Thế nào là hai? Với người đáng khen ngợi thì khen ngợi, người không đáng khen ngợi thì không khen ngợi. Đó là hai người được phước vô lượng. Lại có hai người chịu tội vô lượng. Thế nào là hai? Nghĩa là người đáng khen ngợi lại phỉ báng, người không đáng khen ngợi mà lại khen ngợi. Các Tỳ-kheo, chớ học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XIX. Phẩm Khuyến thỉnh

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Ma-kiệt, dưới cội Bồ-đề ở Đạo tràng.

Bấy giờ Thế Tôn đắc đạo chưa bao lâu, liền sanh niệm này:

'Nay Ta đắc pháp rất sâu, khó hiểu khó rõ, khó thể hiểu biết, không thể tư duy. Trí thôi dứt vi diệu là sự hiểu biết có thể phân biệt nghĩa lý, tu tập

không chán liền được hoan hỉ. Nếu Ta thuyết diệu pháp cho người, người không tin nhận cũng chẳng vâng làm; đã lao nhọc mà còn hao tổn. Nay Ta nên im lặng, đâu nên thuyết pháp'.

Bấy giờ Phạm thiên ở trên trời Phạm thiên biết Như Lai nghĩ như thế, ví như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay, liền biến mất ở trời Phạm thiên, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Phạm thiên bạch Thế Tôn:

- Cõi Diêm-phù-đề này ắt sẽ bại hoại, con mắt của ba cõi bị mất. Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, xuất hiện ở đời, nên diễn bày pháp bảo. Nhưng nay Ngài lại chẳng diễn bày pháp vị, cúi mong Như Lai khắp vì chúng sanh, rộng nói pháp thâm sâu. Hơn nữa, chúng sanh ở đây căn nguyên dễ độ. Nếu người chẳng được nghe thì trọn mất pháp nhãn. Đây Ngài nên vì pháp mà lưu truyền lại. Ví như hoa sen Ưu-bát, hoa Câu-mâu-đầu, hoa Phân-đà-lợi, tuy ra khỏi đất mà chưa ra khỏi nước, cũng chưa xòe nở. Bấy giờ, hoa kia dần dần muốn sanh mà chưa ra khỏi nước, hoặc lúc hoa này đã ra khỏi mặt nước, hoặc lúc hoa này không bị thấm nước. Chúng sanh đây cũng lại như thế, vì sanh, lão, bệnh, tử, chỗ thấy bức xúc, các căn đáng đã chín mùi. Như vậy, nếu không được nghe pháp thì sẽ tiêu mất, không khổ hay sao? Nay chính phải thời, cúi mong Thế Tôn hãy vì họ mà thuyết pháp.

Bấy giờ Thế Tôn biết tâm niệm của Phạm thiên, và từ mẫn tất cả chúng sanh nên nói kệ:

Nay Phạm thiên đến khuyên,
Như Lai mở pháp môn,
Người nghe dốc lòng tin,
Phân biệt pháp yếu sâu.
Như trên đảnh núi cao,
Xem khắp các chúng sanh,
Nay Ta có pháp này,
Thẳng đường bày pháp nhãn.
Phạm thiên liền nghĩ: 'Như Lai ắt sẽ vì chúng sanh mà thuyết pháp thâm diệu', rồi liền vui mừng hớn hở không xiết, lạy Phật rồi trở về Trời.

Bấy giờ Phạm thiên nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nhe như vầy:

Một thời Phật ở nước Ba-la-nại, trong vườn Tiên nhân Lộc-uyển.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai việc này, người học đạo chẳng nên thân cận. Thế nào là hai việc? Nghĩa là tham đắm pháp dục và lạc. Đây là pháp tầm thường ti tiện. Lại đây là trăm mối khổ não. Đó là hai việc người học đạo chẳng nên thân cận. Như thế, bỏ hai việc này rồi, Ta tự có đạo chí yếu, được thành Chánh giác, nhãn sanh, trí sanh, ý được thôi dứt, được các thần

thông, thành quả vị Sa-môn, đến Niết-bàn.

Thế nào là đạo chí yếu được thành Chánh giác khiến nhãn sanh, trí sanh, ý được thôi dứt, được các thần thông, thành quả Sa-môn, đến Niết-bàn? Nghĩa là Tám đạo phẩm này vậy, đó là Đẳng kiến, Đẳng tri, Đẳng ngữ, Đẳng nghiệp, Đẳng mạng, Đẳng phương tiện, Đẳng niệm, Đẳng định. Đây gọi là nhãn sanh, trí sanh, ý được thôi dứt, được các thần thông, thành quả Sa-môn, đến Niết-bàn. Như vậy, các Tỳ-kheo, nên học bỏ hai việc trên và tu tập đạo chí yếu. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

La-vân, Ca-diếp, Long,
Hai nạn, Đại Ái Đạo,
Phỉ báng, phi phạm pháp,
Hai việc ở sau cùng.
*

3. Tôi nghe như vầy

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy và đứng một bên rồi bạch:

- Thế nào là Tỳ-kheo cắt đứt ái dục, tâm được giải thoát, đến chỗ cứu cánh an ổn, không có các hoạn nạn. Trời Người cung kính?

Thế Tôn bảo Thích-đề-hoàn-nhân:

- Ở đây, này Câu-dực (Kiều-thi-ca), nếu các Tỳ-kheo nghe pháp 'không' này, hiểu không chỗ có, thì được hiểu rõ tất cả các pháp, như thực biết; thân giác tri pháp khổ vui. Nếu pháp không khổ không vui thì ở thân này quán tất cả đều vô thường, đều qui về không. Người đó đã quán sự biến đổi của không khổ, không vui này thì không khởi tưởng, vì không có tưởng thì không sợ hãi, đã không sợ hãi thì Bát-niết-bàn; sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Đây là, này Thích-đề-hoàn-nhân, Tỳ-kheo cắt đứt ái dục, tâm được giải thoát bèn đến chỗ cứu cánh an ổn, không có tai nạn, Trời Người cung kính.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân cúi lạy Thế Tôn, nhiễu ba vòng mà lui.

Ngay lúc đó, tôn giả Đại Mục-kiền-liên cách Thế Tôn không xa, ngồi kiết- già, chính thân, chính ý, buộc niệm ở trước. Tôn giả Mục-kiền-liên nghĩ: 'Vừa rồi Đế Thích được đạo tích mà hỏi sự, hay chẳng được đạo tích mà hỏi nghĩa? Nay ta nên thử xem.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên dùng thần túc, như trong khoảng co duỗi cánh tay liền đến cõi trời Ba mươi ba. Lúc đó, Thích-đề-hoàn-nhân thấy Đại Mục-kiền-liên từ xa đến, liền đứng lên tiếp đón mà nói:

- Kính chào Tôn giả Đại Mục-kiền-liên! Đã lâu Tôn giả ngài không đến đây! Rất mong được luận thuyết pháp nghĩa với Tôn giả. Mời Tôn giả ngồi đây.

Mục-kiền-liên hỏi Thích-đề-hoàn-nhân:

- Thế Tôn thuyết pháp đoạn ái dục cho Ông, tôi muốn được nghe. May thật đúng lúc, Ông hãy thuyết cho tôi.

Thích-đề-hoàn-nhân bạch:

- Nay tôi việc chư Thiên bận rộn, hoặc có việc của mình, hoặc có việc của chư Thiên. Tôi nghe được gì tức thời quên mất. Thưa Tôn giả Mục-kiền- liên, khi xưa tôi đánh nhau với các A-tu-la, ngay khi đánh nhau, chư Thiên đắc thắng, A-tu-la phải lui. Bấy giờ tôi cũng đích thân giao chiến, rồi dẫn chư Thiên trở về thiên cung, ngồi ở giảng đường Tối Thắng. Nhân vì đánh thắng nên gọi là giảng đường Tối Thắng, đường lối thành hàng, bờ bờ gặp nhau. Mỗi một đầu đường có bảy trăm lầu gác, trên mỗi một lầu gác có bảy ngọc nữ, mỗi một ngọc nữ có bảy người hầu. Mời Tôn giả Mục-liên đến đó ngắm xem.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân cùng Thiên vương Tỳ Sa-môn theo sau Tôn giả Mục-liên đến giảng đường Tối Thắng. Thích-đề-hoàn-nhân và Thiên vương Tỳ Sa-môn bạch với Đại Mục-kiền-liên:

- Đây là giảng đường Tối Thắng, Tôn giả đều có thể dạo xem.

Mục-kiền-liên bảo Thiên vương:

- Chỗ này hết sức vi diệu, đều do tiền thân tạo phước đức mà được đến bảo đường tự nhiên này. Ví như có ít chỗ vui ở nhân gian, mỗi chỗ tự vui thú như cung trời không khác, đều do đời trước tạo phước mà được.

Bấy giờ ngọc nữ ở chung quanh Thích-đề-hoàn-nhân đều bỏ chạy tứ tán giống như chỗ cấm kỵ nhân gian, họ đều ôm lòng hổ thẹn. Lúc này Thích- đề-hoàn-nhân cùng ngọc nữ cũng lại như thế, xa thấy Đại Mục-kiền-liên đến đều vùng chạy tứ tán. Đại Mục-kiền-liên liền nghĩ: 'Thích-đề-hoàn-nhân này ý rất phóng dật, ta phải khiến cho sợ hãi mới được'.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên liền lấy ngón chân phải ấn xuống đất. Cung điện kia sáu lần chuyển động. Thích-đề-hoàn-nhân và Thiên vương Tỳ Sa-môn lòng đều kinh sợ, lông áo dựng đứng, nghĩ: 'Đại Mục-kiền-liên này có đại thần túc, có thể làm cung điện này sáu phen chấn động, hết sức lạ lùng, thật chưa từng có'.

Đại Mục-kiền-liên nghĩ: 'Nay Thích-đề-hoàn-nhân này đã kinh sợ rồi, ta nên hỏi thâm nghĩa'.

- Thế nào Câu-dực? Như Lai thuyết kinh trừ ái dục, nay chính phải lúc, xin Ông nói lại cho tôi.

Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

- Thưa Tôn giả Mục-liên! Lúc trước tôi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Khi ấy tôi bạch Thế Tôn:

'Thế nào là Tỳ-kheo đoạn đứt ái dục, tâm được giải thoát, đến chỗ cứu cánh vô vi, không có hoạn khổ, được Trời Người cung kính?'.

Thế Tôn liền bảo tôi:

- 'Ở đây, này Câu-dực! Các Tỳ-kheo nghe pháp xong, không còn chỗ dính mắc, cũng không dính sắc, hiểu hết tất cả các pháp trọn không chỗ có; đã biết tất cả các pháp rồi, hoặc khổ, hoặc vui, hoặc không khổ không vui, quán rõ vô thường, diệt tận không sót, cũng không đoạn hoại. Họ đã quán như thế xong, không còn dính mắc, đã chẳng khởi tưởng thế gian, lại không sợ hãi; đã không sợ hãi, liền Bát-niết-bàn. Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Đó là, này Thích-đề-hoàn-nhân, Tỳ-kheo đoạn dục, tâm được giải thoát, liền đến chỗ cứu cánh vô vi, không có hoạn khổ, được Trời Người cung kính'.

Bấy giờ tôi nghe lời này xong, liền cúi lạy Thế Tôn, nhiễu ba vòng, rồi lui trở về cõi Trời.

Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên đem lời pháp thâm sâu phân biệt đầy đủ cho Thích-đề-hoàn-nhân và Tỳ Sa-môn. Mục-kiền-liên thuyết pháp đầy đủ rồi, ví như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay, từ cõi trời Ba mươi ba biến mất, đến thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc, tới chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên.

Bấy giờ Mục-kiền-liên ở ngay trên tòa ngồi, bạch Thế Tôn:

- Như Lai trước thuyết pháp trừ ái dục cho Thích-đề-hoàn-nhân. Cúi mong Thế Tôn hãy nói cho con.

Thế Tôn bảo Mục-kiền-liên:

- Thầy nên biết, Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ của Ta, cúi lạy rồi đứng một bên. Thích-đề-hoàn-nhân hỏi Ta nghĩa này:

- 'Bạch Thế Tôn, thế nào là Tỳ-kheo đoạn ái dục, tâm được giải thoát?'. Ta bảo Thích-đề-hoàn-nhân:

- 'Câu-dực! Nếu có Tỳ-kheo hiểu biết tất cả các pháp 'không', không chỗ có, cũng không chỗ dính mắc, hiểu hết tất cả các pháp trọn không chỗ có. Đã biết tất cả các pháp vô thường, diệt tận không sót, cũng không đoạn hoại; vị ấy đã quán như thế xong, không còn chỗ dính mắc, không khởi tưởng thế gian, không còn kinh sợ. Đã không kinh sợ, vị ấy liền Bát-niết-bàn, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Đó là, này Thích-đề-hoàn-nhân, Tỳ-kheo đoạn dục, tâm được giải thoát'.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân kia liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy chân Ta rồi lui về cõi trời.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Thế gian có hai người này, nếu có thấy sấm rền sét giật, chẳng ôm lòng sợ hãi. Thế nào là hai người? Là Sư tử, vua loài thú và bậc lậu tận A-la-hán. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai người này ở thế gian nếu thấy sấm rền sét giật, không ôm lòng hoảng sợ. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên học bậc lậu tận A-la- hán. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp này khiến người không có trí tuệ. Thế nào là hai pháp? Là chẳng thích hỏi người hơn mình; chỉ tham ngủ nghỉ, không có ý tinh tấn. Đó là, này Tỳ-kheo có hai pháp khiến người không có trí tuệ.

Lại có hai pháp khiến người thành đạt trí tuệ. Thế nào là hai pháp? Là thích hỏi nghĩa ở người khác; không tham ngủ nghỉ, có ý tinh tấn. Đó là, này Tỳ- kheo, có hai pháp này khiến người có trí tuệ, hãy học xa lìa pháp ác. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp này khiến người bần tiện chẳng được tài sản. Thế nào là hai pháp? Nếu lúc thấy người khác bố thí, liền cấm chế; lại tự mình chẳng chịu bố thí. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai pháp này khiến người bần tiện không có tài bảo. Tỳ-kheo, lại có hai pháp khiến người phú quý. Thế nào là hai pháp? Nếu lúc thấy người cho người khác vật, liền hoan hỉ trợ giúp; tự mình cũng thích bố thí. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai pháp khiến người phú quý. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học bố thí, chớ có tâm tham!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp khiến người sanh trong nhà bần tiện. Thế nào là hai pháp? Chẳng hiếu để với cha mẹ, các bậc sư trưởng, cũng không thừa sự người hơn mình. Đó là, Tỳ-kheo, có hai pháp này, khiến người sanh trong nhà bần tiện.

Này các Tỳ-kheo, lại có hai pháp khiến người sanh trong nhà hào tộc. Thế nào là hai pháp? Cung kính cha mẹ, anh em, tông tộc, đem của cải nhà mình bố thí. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai pháp này sanh trong nhà hào tộc. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, con gái Phạm chí tên là Tu-thâm đến chỗ Tôn giả Câu-hy-la, đến rồi cúi lạy, ngồi một bên.

Cô Tu-thâm con Phạm chí kia bạch Câu-hy-la:

- Ưu-đạp-lam-phất và La-lặc-ca-lam ở trong thâm pháp này trọn không được nhận sự giáo hóa, mỗi người bị mạng chung. Thế Tôn thọ ký cho hai người này; một người sanh Bất dụng xứ (Vô sở hữu xứ), một người sanh Hữu tưởng vô tưởng xứ (Phi phi tưởng xứ). Hai người ày thọ mạng hết lại mạng chung, một người sẽ làm quốc vương ở biên địa, gây hại cho nhân dân không thể tính kể, một người làm chồn ác mang cánh, các loài thú bay, đi, chạy đều không thoát khỏi được. Hai người này sau khi mạng chung lại sanh trong địa ngục. Nhưng Thế Tôn không thọ ký họ chừng nào sẽ dứt được mé khổ? Cớ sao Thế Tôn không thọ ký họ sẽ dứt mé khổ?

Bấy giờ Tôn giả Câu-hy-la bảo cô Tu-thâm:

- Sở dĩ Thế Tôn không nói, là vì không có ai hỏi nghĩa này. Thế nên Thế Tôn không thọ ký người kia bao giờ sẽ dứt mé khổ.

Cô Tu-thâm nói:

- Ở đây Thế Tôn đã nhập Niết-bàn, vì thế con không hỏi được. Nếu Ngài còn tại thế, con sẽ đến hỏi nghĩa này. Như nay Tôn giả Câu-hy-la hãy nói cho con, người kia bao giờ dứt mé khổ?

Bấy giờ Tôn giả Câu-hy-la liền nói kệ này:

Các thứ quả chẳng đồng,
Cõi chúng sanh cũng thế,
Người tự giác, giác tha,
Tôi không biện (rõ) thuyết này.
Thiền trí biện giải thoát,
Nhớ gốc Thiên nhãn thông,

Năng dứt nguồn gốc khổ,
Tôi không biện thuyết này.
Bấy giờ cô Tu-thâm liền nói kệ:
Thiện Thệ có trí này,
Chất trực không tỳ vết,
Dũng mãnh có chỗ phục,
Cầu ở hạnh Đại thừa.
Tôn giả Câu-hy-la lại nói kệ:
Ý này rất khó được,
Hay được pháp yếu khác,
Khó vì đó biện được,
Hướng đến việc kỳ đặc.
Bấy giờ Tôn giả thuyết pháp yếu đầy đủ cho cô Tu-thâm, cô liền phát tâm vui mừng, từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui đi.

Cô Tu-thâm nghe Tôn giả Câu-hy-la nói xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Tôn giả Đại Ca-chiên-diên dạo đến nước Bà-na, ở bên bờ ao sâu cùng với chúng năm trăm đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tôn giả Ca-chiên-diên danh vang khắp bốn phương. Trưởng lão Bà- la-môn Gian-trà đang du hóa ở đây. Lúc ấy Bà-la-môn nghe Tôn giả Ca- chiên-diên cùng năm trăm Tỳ-kheo du hóa bên ao này, nghĩ rằng: 'Tôn giả trưởng lão công đức đầy đủ, nay ta có thể đến thăm hỏi Tôn giả'.

Bấy giờ Bà-la-môn Thượng Sắc đem năm trăm đệ tử đến chỗ Tôn giả Ca- chiên-diên, thăm hỏi nhau xong, ngồi một bên. Lúc ấy, Bà-la-môn kia hỏi Tôn giả Ca-chiên-diên:

- Như Ca-chiên-diên đây không hành đúng pháp luật. Là Tỳ-kheo trẻ tuổi mà chẳng chịu làm lễ các bậc cao đức Bà-la-môn của chúng tôi.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

- Bà-la-môn nên biết, đức Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác thuyết hai địa vị này. Thế nào là hai địa vị? Một là địa vị già cả, hai là địa vị trai tráng.

Bà-la-môn hỏi:

- Thế nào là địa vị già cả? Thế nào là địa vị trai tráng?

Ca-chiên-diên đáp:

- Cho dù, này Bà-la-môn, người ở tuổi tám mươi, hay chín mươi, không dừng được dâm dục, làm các hạnh ác. Này Bà-la-môn, đây là người tuy có thể bảo là già, mà nay ở địa vị trai tráng.

Bà-la-môn hỏi:

- Thế nào là tuổi trai tráng mà ở địa vị già cả?

Ca-chiên-diên đáp:

- Bà-la-môn, nếu có Tỳ-kheo độ hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi tuổi. Người ấy chẳng tập quen dâm dục, cũng chẳng tạo hạnh ác. Đó là Bà- la-môn trai tráng mà ở địa vị già cả.

Bà-la-môn hỏi:

- Trong đại chúng này có một Tỳ-kheo không hành dâm dục, chẳng tạo ác hạnh không?

Ca-chiên-diên đáp:

- Trong đại chúng này không có một Tỳ-kheo nào tập dục, làm ác cả.

Bà-la-môn liền từ chỗ ngồi đứng lên, lạy các Tỳ-kheo mà nói:

- Nay các Ông tuổi niên thiếu mà ở địa vị già cả, còn tôi tuổi già mà ở địa vị niên thiếu.

Bấy giờ Bà-la-môn kia đến chỗ Tôn giả Ca-chiên-diên cúi lạy và tự trình bày:

- Nay con xin quy y Tôn giả Ca-chiên-diên và Tỳ-kheo Tăng, suốt đời không sát sanh.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

- Nay Ông chớ quy y tôi. Ông nên hướng về chỗ tôi quy y.

Bà-la-môn hỏi:

- Tôn giả Ca-chiên-diên quy y ai?

Tôn giả Ca-chiên-diên liền quỳ gối hướng về chỗ Như Lai nhập Niết-bàn, nói:

- Có người dòng họ Thích xuất gia học đạo, tôi hằng tự quy y Ngài. Người ấy chính là Thầy tôi.

Bà-la-môn nói:

- Nay Sa-môn Cù-đàm ở đâu? Tôi muốn gặp Ngài.

Tôn giả Ca-chiên-diên nói:

- Vị Như Lai ấy đã nhập Niết-bàn rồi.

Bà-la-môn nói:

- Nếu Như Lai ở đời, con bèn có thể đi trăm ngàn do-tuần đến thăm hỏi. Như Lai kia tuy nhập Niết-bàn, nay con một lần nữa tự quy y Ngài, làm lễ cùng Phật, Pháp và chúng Tăng, suốt đời không sát sanh nữa.

Bấy giờ Bà-la-môn Thượng Sắc nghe Tôn giả Ca-chiên-diên nói xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai người xuất hiện ở đời, rất khó gặp được. Thế nào là hai người? Đó là người hay thuyết pháp xuất hiện ở đời rất khó được gặp; người hay nghe pháp thọ trì vâng làm rất khó được gặp. Đó là, này Tỳ-kheo, có hai người xuất hiện ở đời rất khó được gặp. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên học thuyết pháp, nên học nghe pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

11. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật du hành ở nước Ma-kiệt cùng chúng năm trăm đại Tỳ-kheo, dần dần đến thành Tỳ-xá-ly, bấy giờ sắp đến phía Bắc Tỳ-xá-ly, trong vườn của cô Am-bà-bà-lợi.

Lúc ấy, cô Am-bà-bà-lợi nghe Thế Tôn đến trong vườn cùng năm trăm đại Tỳ-kheo, bèn cỡi xe vũ bảo (có tràng che) ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến đầu ngõ hẹp, tự xuống xe đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn thấy cô ta từ xa đi lại, liền bảo các Tỳ-kheo:

- Tất cả hãy chuyên tinh, chớ khởi tưởng tà.

Cô ta đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp cực diệu cho cô. Thuyết pháp cực diệu rồi, cô bạch Phật:

- Cúi mong Thế Tôn, xin nhận lời mời và Tỳ-kheo Tăng.

Thế Tôn lặng thinh nhận lời cô thỉnh. Cô thấy Thế Tôn im lặng nhận lời rồi liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy, cáo từ trở về.

Bấy giờ trai gái lớn bé trong thành Tỳ-xá-ly nghe Thế Tôn đang ở trong vườn Am-bà-bà-lợi cùng năm trăm đại Tỳ-kheo. Trong thành có năm trăm đồng tử cỡi các thứ xe vũ bảo; trong đó hoặc có người cỡi xe trắng, ngựa trắng, áo dù tràng lọng, thị tùng đều trắng; có người cỡi xe đỏ, ngựa đỏ, áo dù tràng lọng, thị tùng đều đỏ; có người cỡi xe xanh, ngựa xanh, áo dù tràng lọng, thị tùng đều xanh; hoặc cỡi xe vàng, ngựa vàng, áo dù tràng lọng, thị tùng đều vàng; oai nghi dung mạo trang sức như cách của các vị vua, ra khỏi thành Tỳ-xá-ly đến chỗ Thế Tôn. Còn cách một khoảng, giữa đường họ gặp cô gái kia cỡi xe trâu về phía trong thành. Các đồng tử hỏi cô:

- Cô là đàn bà đáng lẽ phải xấu hổ. Sao lại đánh trâu chạy xe vào trong thành?

Cô gái đáp:

- Chư Hiền nên biết, ngày mai tôi thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng nên mới chạy xe.

Các đồng tử nói:

- Tôi cũng muốn mời Phật và Tỳ-kheo Tăng thọ thực. Nay cho Cô hai ngàn lạng vàng ròng, hãy để cái hẹn ngày mai cho chúng tôi cúng dường thức ăn.

Cô gái đáp:

- Không được, không được! Các Công tử! Tôi không chịu đâu!

Các đồng tử lại nói:

- Cho Cô hai ngàn lượng, ba ngàn, bốn ngàn, năm ngàn cho đến trăm ngàn lượng vàng, chịu hay không chịu cho chúng tôi ngày mai thỉnh Phật và Tỳ- kheo Tăng thọ thực?

Cô gái đáp:

- Tôi không chịu. Bởi vì Thế Tôn thường nói: 'Có hai hy vọng người đời không thể xa lìa. Hai cái gì? Là mong mỏi lợi lộc và mạng sống'. Ai có thể bảo đảm cho tôi đến ngày mai? Tôi đã thỉnh Như Lai trước, nay sẽ lo đầy đủ.

Các đồng tử giơ tay lên:

- Chúng ta bao nhiêu người như vầy mà chẳng bằng cô gái.

Nói xong mỗi người chia tay đi. Rồi các đồng tử đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ Thế Tôn thấy các đồng tử đến, bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo các Thầy, xem các đồng tử uy dũng, phục sức như lúc trời Đế Thích xuất du, xem giống như nhau không khác.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các đồng tử:

- Thế gian có hai việc thật không thể được. Thế nào là hai? Người có đền đáp và người chịu ơn nhỏ thường chẳng quên, huống lớn lao. Đó là, này các Đồng tử, có hai việc rất khó được. Đồng tử nên biết, hãy nhớ báo đáp và biết ơn nhỏ chẳng quên, huống là ơn lớn.

Thế Tôn liền nói kệ:

Tri ân biết báo đáp,
Hằng nhớ người dạy dỗ,
Người trí cung kính hầu,
Danh vang khắp Trời, Người.
Như thế, các Đồng tử, nên học điều này.

Thế Tôn thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho các đồng tử. Nghe xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy và lui đi.

Trong đêm đó, cô gái bày biện các thứ ăn uống ngon ngọt, trải các tọa cụ. Sáng sớm cô liền đến bạch Phật:

- Giờ đã đến, nay chính phải thời, cúi mong Thế Tôn hạ cố đến nhà con.

Bấy giờ Thế Tôn đắp y, ôm bát, cùng các Tỳ-kheo trước sau vây quanh đến nhà cô gái ở thành Tỳ-xá-ly.

Lúc cô thấy Thế Tôn đã ngồi yên, liền tự tay dâng thức ăn lên Phật và Tỳ- kheo Tăng. Phật và Tỳ-kheo Tăng dùng cơm xong rửa tay, cô đi lấy nước trong sạch lại, rồi lấy một

ghế chạm vàng nhỏ, đến trước Thế Tôn ngồi xuống. Cô bạch Thế Tôn:

- Vườn Am-bà-bà-lợi này xin dùng dâng lên Như Lai và Tỳ-kheo Tăng để chúng Tăng tương lai, quá khứ, hiện tại được dừng nghỉ ở đây. Mong Thế Tôn nhận vườn này.

Bấy giờ Thế Tôn vì cô mà nhận vườn này. Thế Tôn bèn nói bài chú nguyện:

Vườn quả thì mát mẻ,
Cầu đò đưa nhân dân,
Gần đường làm cầu xí,
Nhân dân được nghỉ ngơi.
Ngày đêm được an ổn,
Phước đó không kể xiết,
Các pháp giới thành tựu,
Chết ắt sanh lên Trời.
Bấy giờ Thế Tôn nói lời ghi nhận này xong, liền đứng lên đi. Cô gái nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Đoạn ái và Sư tử,
Vô trí, kém tiền của,
Nhà nghèo, cô Tu-thân,
Ca-chiên thuyết (pháp), cô gái.
---o0o---

XX. Phẩm Thiện Tri Thức

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên gần gũi Thiện tri thức, chớ lập theo hạnh ác, chớ tin vào nghiệp ác. Vì sao thế? Gần gũi Thiện tri thức rồi, niềm tin liền tăng thêm, giới, văn, thí, trí tuệ thảy đều tăng thêm. Nếu Tỳ-kheo gần gũi Thiện tri thức thì chớ tập theo hạnh ác. Vì sao thế? Nếu gần gũi Ác trí thức, sẽ không có tín, giới, văn, thí, trí tuệ. Thế nên các Tỳ-kheo! Hãy gần gũi Thiện tri thức, chớ gần gũi Ác tri thức. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với đại chúng Tỳ-kheo gồm năm trăm vị vây quanh trước sau mà thuyết pháp.

Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi qua, các Thế Tôn không xa. Thế Tôn từ xa trông thấy Đề-bà-đạt-đa dẫn môn đồ liền nói kệ:

Chớ gần Ác tri thức,
Cũng chớ ngu theo hầu.
Nên gần Thiện tri thức,
Bậc tối thắng trong Người.
Người vốn không có ác,
Tập gần Ác tri thức,
Sau ắt trồng cội ác,
Ở mãi trong tăm tối.

Lúc đó năm trăm đệ tử của Đề-bà-đạt-đa nghe Thế Tôn nói bài kệ này, liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy, ngồi xuống một bên. Chốc lát, lui ngồi hướng về Thế Tôn hối lỗi:

- Chúng con ngu mê không hiểu biết gì. Cúi mong Thế Tôn cho chúng con sám hối.

Bấy giờ Thế Tôn nhận lời sám hối của năm trăm Tỳ-kheo kia, liền thuyết pháp cho họ được tín căn. Lúc ấy, năm trăm Tỳ-kheo ở chỗ nhàn tĩnh, suy nghĩ pháp thâm sâu. Sở dĩ như vậy, con nhà vọng tộc xuất gia học đạo, do lòng tin kiên cố tu Phạm hạnh vô thượng. Bấy giờ năm trăm Tỳ-kheo ấy liền thành A-la-hán, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Bấy giờ năm trăm Tỳ- kheo thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn vì vô số chúng vây quanh thuyết pháp.

Lúc đó ngài Đàm-ma-lưu-chi ở trong thất vắng, một mình suy nghĩ, nhập tam-muội thiền, xem thấy tiền thân ở trong biển lớn làm một con cá thân dài bảy trăm do-tuần, liền từ tịnh thất đứng lên như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay đến trên tử thi cũ trong biển lớn đi kinh hành. Bấy giờ Đàm-ma- lưu-chi liền nói kệ này:

Sanh tử vô số kiếp,
Lưu chuyển không thể kể,
Mỗi mỗi cầu chỗ yên,
Thường thường chịu khổ não.
Dù thấy lại thân rồi,
Ý muốn tạo nhà cửa,
Tất cả chi tiết hoại,
Hình thể chẳng được toàn.
Tâm đã lìa các hạnh,
Ái trước trọn không sót,
Lại không thọ thân này,

Vui mãi trong Niết-bàn.

Bấy giờ Tôn giả Đàm-ma-lưu-chi nói kệ này xong, liền từ chỗ đó biến mất, đến chỗ Thế Tôn ở tinh xá Kỳ Hoàn, thuộc Xá-vệ. Khi ấy Thế Tôn thấy ngài Đàm-ma-lưu-chi đến bèn bảo rằng:

- Lành thay, Đàm-ma-lưu-chi! Lâu lắm mới đến đây!

Ngài Đàm-ma-lưu-chi bạch Phật:

- Đúng vậy, Thế Tôn! Đã lâu con mới đến đây.

Bấy giờ, Thượng tọa và các Tỳ-kheo đều nghĩ:

- Ông Đàm-ma-lưu-chi này hằng ở bên cạnh Thế Tôn mà nay Thế Tôn bảo là: 'Lành thay, Đàm-ma-lưu-chi! Lâu lắm mới đến đây!'.

Thế Tôn biết tâm niệm các Tỳ-kheo như thế, muốn dứt sự hồ nghi nên lại bảo các Tỳ-kheo:

- Không phải vì Đàm-ma-lưu-chi lâu đến đây mà Ta nói nghĩa này. Sở dĩ như thế vì khi xưa, vô số kiếp thời quá khứ có Định Quang Như lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, giáo hóa tại nước Bát-ma-đại, cùng với mười bốn vạn tám ngàn đại chúng Tỳ-kheo. Bấy giờ, bốn bộ chúng chẳng thể tính kể, quốc vương, quần thần, nhân dân đều đến cúng dường, cung cấp chỗ cần dùng.

Khi ấy có Phạm chí tên Da-nhã-đạt ở cạnh Tuyết Sơn xem các bài sấm bí mật, thiên văn, địa lý đều rành rẽ thông suốt, thư sớ văn tự cũng đều rõ biết; phúng tụng một câu năm trăm lời, tướng của bậc đại nhân cũng rõ biết nữa. Ông ta thờ các thần lửa, mặt trời, mặt trăng tinh tú. Ông dạy năm trăm đệ tử cả đêm không mệt mỏi. Da-nhã-đạt có đệ tử tên Vân Lôi, nhan mạo đoan chánh ít có ở đời, tóc màu xanh biếc. Phạm chí Vân Lôi thông minh thấy rộng, không việc gì chẳng thông, hằng được Da-nhã-đạt yêu mến không rời một khoảnh khắc.

Bấy giờ Bà-la-môn đưa ra tất cả những chú thuật mình hành hết rồi, Phạm chí Vân Lôi nghĩ rằng: 'Nay ra đã học đầy đủ những chỗ đáng học rồi'. Và lại tự nghĩ: 'Sách vở ghi các Phạm chí có học, người đã hành chú thuật xong, nên báo ân thầy. Ngày nay, chỗ đáng học ta đã đều biết hết. Nay ta phải nên báo ân thầy. Nhưng ta lại nghèo khó, trống trơn, không có gì để cúng dường thầy, phải nên đi xuống các cõi nước để tìm những vật cần'.

Phạm chí Vân Lôi liền đến chỗ thầy, bạch với thầy rằng:

- 'Pháp kỹ thuật mà Phạm chí phải học, nay con đã biết hết rồi. Nhưng sách vở ghi chép những người có học kỹ thuật qua rồi, nên báo ân Thầy, mà con nghèo thiếu, không có vàng bạc trân bảo có thể dùng cúng dường, nay muốn đến các cõi nước tìm kiếm tiền của để cúng dường thầy'.

Bà-la-môn Da-nhã-đạt liền nghĩ: 'Phạm chí Vân Lôi này là người ta yêu mến không rời tâm, dù ta có chết cũng chẳng thể chia lìa, huống là hôm nay muốn bỏ ta đi. Nay ra phải làm cách gì để lưu hắn lại được đây?'

Bấy giờ, Phạm chí Da-nhã-đạt liền bảo Vân Lôi:

- 'Này Phạm chí! Nay vốn có điều Bà-la-môn nên học mà Ông vẫn chưa biết'.

Phạm chí Vân Lôi liền đến trước bạch thầy:

- 'Cúi mong Thầy chỉ dạy, điều gì con chưa tụng?'

Vị thầy bảo Vân Lôi rằng:

- 'Nay có sách này tên là bài tụng năm trăm lời. Ông có thể thọ trì'.

Vân Lôi bạch:

- 'Mong Thầy truyền dạy, con muốn được phúng tụng'.

Tỳ-kheo nên biết! Khi ấy Da-nhã-đạt liền trao cho đệ tử bài tụng năm trăm lời này. Chưa đầy mấy ngày, vị đệ tử đã thông suốt hết. Bấy giờ Bà-la-môn Da-nhã-đạt bảo năm trăm đệ tử:

- 'Phạm chí Vân Lôi này kỹ thuật đầy đủ, không gì chẳng thông, nay ta đặt tên là Siêu Thuật'.

Phạm chí Siêu Thuật này thật là tài ba, thiên văn, địa lý đều thấu suốt rộng rãi, thư sớ văn tự cũng rõ biết. Phạm chí Siêu Thuật trải qua mấy ngày lại đến bạch thầy:

- 'Pháp kỹ thuật mà Phạm chí phải học, nay con đều biết rồi. Nhưng sách vở ghi chép: Các người có học thuật qua rồi, nên báo ân Thầy; nhưng con nghèo thiếu, không có vàng bạc, trân bảo có thể dùng cúng dường Thầy, nay

con muốn đến cõi nước tìm tiền của dùng cúng dường Thầy. Cúi mong Thầy chấp thuận'.

Phạm chí Da-nhã-đạt bảo:

- 'Ông biết đúng lúc'.

Phạm chí Siêu Thuật đến trước lễ chân thầy rồi lui đi.

Bấy giờ nước Bát-ma-đại cách thành chẳng xa, có chúng Phạm chí tập trung một chỗ, muốn cúng tế chung và cũng muốn giảng luận, có đến tám vạn bốn ngàn Phạm chí nhóm chung. Vị thượng tọa đệ nhất, cũng lại phúng tụng thư sớ ngoại đạo, không gì không biết rành rẽ, thiên văn, địa lý, tinh tú, biến quái đều biết rõ hết. Mỗi lúc muốn giải tán, họ liền lấy năm trăm lượng vàng và một cây gậy vàng, một bồn tắm bằng vàng, một ngàn con trâu dâng lên vị thầy và thượng tọa đệ nhất.

Khi ấy Phạm chí Siêu Thuật nghe cách nước Bát-ma-đại không xa, có tám vạn bốn ngàn Phạm chí tụ tập một chỗ, họ có thi học thuật, người nào hơn liền được năm trăm lượng vàng và một cây gậy, một bồn tắm vàng với một con ngàn con trâu.

Lúc ấy Phạm chí Siêu Thuật tự nghĩ: 'Nay ta việc gì phải đi xin từng nhà, chẳng bằng đến đại chúng kia cùng so kỹ thuật'.

Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật ấy liền đến chỗ đại chúng. Lúc đó, rất đông Phạm chí trông thấy Phạm chí Siêu Thuật từ xa, đều cất tiếng kêu lớn:

- 'Lành thay, Từ chủ (Chủ tể)! Hôm nay được lợi lớn khiến cho Phạm chí đích thân giáng xuống.'

Rồi tám vạn bốn ngàn các Phạm Chí đều đứng lên nghinh đón, khác miệng đồng âm mà nói rằng:

- 'Chào mừng Ngài mới đến! Đại Phạm Thần Thiên'.

Phạm Chí Siêu Thuật liền sanh niệm này:

- 'Các Phạm chí này gọi ta là Phạm Thiên, nhưng ta đâu phải là Phạm thiên!'

Phạm chí Siêu Thuật bảo các Bà-la-môn:

- 'Thôi, thôi! Chư Hiền! Chớ gọi tôi là Phạm thiên, các ông chẳng lẽ không nghe phía Bắc núi Tuyết có vị thầy của chúng Phạm chí tên Da-nhã-đạt, thiên văn, địa lý đều thông suốt sao?'

Các Phạm chí nói:

- 'Chúng tôi có nghe nhưng không được thấy.'

Phạm chí Siêu Thuật nói:

- 'Tôi là đệ tử của vị ấy, tên Siêu Thuật'

Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật hướng về vị thượng tọa đệ nhất của chúng ấy mà bảo rằng:

- 'Nếu ngài biết kỹ thuật, xin nói cho tôi với.'

Vị thượng tọa đệ nhất của chúng ấy liền hướng về Phạm chí Siêu Thuật, tụng Tam tạng, kỹ thuật không có sơ sót. Bà-la-môn Siêu Thuật lại bảo thượng tọa kia rằng:

- 'Còn một câu năm trăm lời, nay hãy nói ra'.

Vị thượng tọa kia nói:

- 'Tôi không hiểu nghĩa này! Cái gì là một câu năm trăm lời?'

Phạm chí Siêu Thuật bảo:

- 'Chư Hiền! Hãy yên lặng lắng nghe tôi thuyết một câu năm trăm lời về tướng của bậc đại nhân'.

Tỳ-kheo nên biết! Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật thuật hết Tam tạng và một câu năm trăm lời về tướng của bậc đại nhân. Khi ấy tám vạn bốn ngàn Phạm chí khen ngợi:

- 'Chưa từng có! Rất là kỳ quặc! Chúng ta chưa hề nghe một câu năm trăm lời ta về tướng của bậc Đại nhân. Nay Tôn giả xứng đáng đứng trên vị thượng tọa đệ nhất.'

Bấy giờ Phạm chí Siêu Thuật đổi chỗ vị thượng tọa kia, đến ngồi chỗ cao nhất. Lúc ấy vị thượng tọa của chúng kia hết sức giận sữ, phát lời thề nguyện

rằng: 'Nay người này dời chỗ ngồi của ta mà chiếm chỗ ấy. Nay phước mà ta có được do tụng kinh, trì giới, khổ hạnh đều đem hết để thề: Người này sanh chỗ nào, muốn làm gì, ta hằng làm hư hỏng công lao của ông ta'.

Bấy giờ vị thí chủ kia bỏ ra năm trăm lạng vàng và một gậy vàng, một bồn tắm vàng, một ngàn con trâu và một cô gái đẹp, đem đưa cho thượng tọa để chú nguyện. Lúc đó thượng tọa bảo chủ nhân rằng:

- Nay tôi nhận năm trăm lạng vàng này với gậy vàng, bồn vàng để cúng dường Thầy tôi. Cô gái này và ngàn con trâu trả lại chủ nhân. Vì sao thế? Vì tôi không tập dục, cũng không chứa chất tài sản.

Phạm chí Siêu Thuật nhận gậy vàng, bồn vàng rồi, liền đến nước Bát-ma- đại. Vua nước này tên là Quang Minh. Lúc ấy, quốc vương đang thỉnh Định Quang Như Lai và chúng Tỳ-kheo để cúng dường y thực. Quốc vương ra lệnh nhân dân trong thành: 'Ai có hương hoa đều không được bán, nếu có người bán sẽ bị phạt nặng. Ta sẽ xuất tiền mua, không cần bán cho người khác'. Vua lại ra lệnh cho nhân dân quét dọn sạch sẽ, không cho đất cát dơ bẩn, treo giăng phướn lọng, rưới nước hương trên đất, kỹ nhạc xướng ca không thể tính kể.

Bấy giờ Phạm chí kia thấy rồi, liền hỏi người đi đường:

- 'Hôm nay là ngày gì mà quét dọn đường sá, dẹp bỏ rác rến, treo giăng phướn lọng không thể tính kể, chẳng lẽ thái tử của vua lấy vợ chăng?'

Người đi đường đáp:

- 'Phạm chí không biết sao? Hôm nay quốc vương Bát-ma-đại thỉnh Định Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác để cúng dường y thực, nên sửa sang đường sá, treo giăng phướn lọng.'

- 'Nhưng bi ký của Phạm chí cũng có nói rằng: 'Như Lai ra đời rất khó gặp được. Đúng lúc bèn xuất hiện, thật không thể thấy, ví như hoa Ưu-đàm-bát đúng thời mới nở. Đây cũng như thế, Như Lai xuất hiện ở đời thật chẳng thể gặp'. Lại nữa, sách Phạm chí cũng có nói; 'Có hai người ra đời rất khó được gặp. Thế nào là hai người? Là Như Lai và Chuyển luân Thánh vương. Hai người này xuất hiện rất khó gặp được'.

Bấy giờ ông ta lại nghĩ rằng:

- 'Nay ta đâu cần cấp tốc báo ân thầy. Nay hãy đem năm trăm lượng vàng này, dâng lên Định Quang Như Lai'.

Ông lại nghĩ: 'Sách vở ghi Như Lai không nhận vàng bạc trân bảo. Ta có thể cầm năm trăm lượng vàng này mua hương hoa rải lên Như Lai.'

Bấy giờ Phạm chí liền vào trong thành tìm mua hương hoa. Mọi người qua lại trong thành bảo:

- 'Phạm chí không biết sao? Quốc vương có ra lệnh người nào bán hương sẽ phạt nặng.'

Phạm chí Siêu Thuật liền nghĩ: 'Ta thật phước mỏng, tìm hoa chẳng được biết làm thế nào?'

Rồi ông trở ra cửa thành mà đứng. Bấy giờ có một cô gái Bà-la-môn tên là Thiện Vị, cầm bình đi lấy nước, tay cầm năm cành hoa. Phạm chí thấy rồi hỏi cô gái ấy rằng:

- 'Đại muội, nay tôi cần hoa, mong Em bán cho tôi'.

Cô gái Phạm chí nói:

- 'Tôi em gái ông hồi nào? Ông có biết ba má tôi không?'

Phạm chí Siêu Thuật lại nghĩ: 'Cô gái này tánh nết phóng khoáng, có ý đùa cợt'. Rồi ông nói rằng:

- 'Hiền nữ! Tôi sẽ trả giá phải chăng, mong cho tôi hoa này'.

Cô gái Phạm chí nói:

- 'Há Ông không nghe Đại vương ra nghiêm lệnh không được bán hoa sao?'

Phạm chí nói:

- 'Hiền nữ! Việc này không khó. Vua không làm gì cô đâu! Nay tôi cần gấp năm cành hoa này. Tôi được hoa này còn cô được giá hời.'

Cô gái Phạm chí nói:

- 'Hoa này đã lìa rễ, không thể sống được, làm sao lại nói 'tôi muốn trồng?'

Phạm chí đáp:

- 'Như chỗ ruộng tốt hôm nay tôi thấy, trồng tro nguội còn sống hà huống hoa này!'

Cô gái Phạm chí nói:

- 'Cái gì là ruộng tốt? Trồng tro thế mà sống sao?'

Phạm chí đáp:

- 'Hiền nữ! Có Phật Định Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời.'

Cô gái Phạm chí nói:

- 'Định Quang Như Lai là hạng người nào?'

Phạm chí liền bảo cô gái ấy rằng:

- 'Định Quang Như Lai có đức như thế, có giới như thế, thành tựu các công đức.'

Cô gái Phạm chí nói:

- 'Dù người có công đức, nhưng Ông muốn cần phước gì?'

Phạm chí đáp:

- 'Mong đời sau tôi sẽ như Định Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, cấm giới, công đức cũng sẽ như thế.'

Cô gái Phạm chí nói:

- 'Nếu Ông hứa với tôi đời đời làm vợ chồng, tôi sẽ cho Ông hoa.'

Phạm chí nói:

- 'Nay việc làm của tôi, ý không dính mắc dục tình.'

Cô gái Phạm chí nói:

- 'Như tôi, thân bây giờ không mong làm vợ Ông, cho tôi đời tương lai làm vợ Ông.'

Phạm chí Siêu Thuật nói:

- 'Hạnh của Bồ-tát không có yêu tiếc. Nếu làm vợ tôi, ắt phá hoại tâm tôi.'

Cô gái Phạm chí nói:

- ' Tôi trọn không làm hỏng ý bố thí của Ông, ngay cho đem thân tôi bố thí cho người, tôi trọn không làm hỏng tâm bố thí.'

Bấy giờ Phạm chí liền đem năm trăm lạng vàng mua năm cành hoa, cùng cô gái kia thề nguyền với nhau rồi từ biệt đi.

Lúc ấy, Định Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đến giờ đắp y ôm bát cùng Tỳ-kheo Tăng trước sau vây quanh vào nước Bát-ma-đại. Phạm chí Siêu Thuật từ xa thấy Định Quang Như Lai, nhan mạo đoan chánh, ai trông thấy cũng hoan hỉ, các căn tịch tịnh, bước đi không rối loạn, có ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp, ví như nước lặng không có dơ đục, ánh sáng chiếu suốt không có chướng ngại, ví như núi báu xuất hiện vượt trên các núi. Ông ta thấy rồi liền phát tâm hoan hỉ đối với Như Lai, ông cầm năm cành hoa đến chỗ Định Quang Như Lai, đến rồi đứng một bên. Phạm chí Siêu Thuật bạch Phật Định Quang rằng:

- 'Mong Ngài nhận và thuyết pháp cho con. Nếu nay Ngài không truyền yếu quyết cho con, con sẽ ở chỗ này chấm dứt mạng sống, không mong sống nữa.'

Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng:

- 'Phạm chí! Đâu thể đem năm cành hoa này đòi truyền Vô Thượng Đẳng Chánh Giác.'

Phạm chí bạch:

- 'Xin Thế Tôn thuyết pháp 'Bồ-tát sở hành cho con'.

Phạt Định Quang nói:

- 'Sở hành của Bồ-tát là không chỗ yêu tiếc.'

Bấy giờ Phạm chí liền nói kệ:

Chẳng dám đem cha mẹ,
Cầm thí cho người ngoài,
Phật, Chân nhân, Sư trưởng,
Cũng lại chẳng dám cho,
Nhật nguyệt xoay ở đời.
Hai thứ chẳng thể cho,
Thứ khác đều cho hết,
Ý quyết chẳng có khó.
Phật Định Quang lại dùng kệ này đáp Phạm chí:

Như điều Ông nói thí,
Chẳng phải lời Như Lai,
Nên nhẫn ức kiếp khổ,
Thí đầu, thân, mắt, tai,
Vợ con, nước, tiền của,
Xe ngựa, người theo hầu,
Nếu kham thí được vậy,
Ta sẽ truyền yếu quyết.
Ma-nạp (Phạm chí) liền nói kệ:
Núi lớn hừng như lửa, ức kiếp kham đội đầu,
Chẳng thể hoại ý đạo,
Cúi mong truyền yếu quyết.
Bấy giờ Định Quang Như Lai im lặng chẳng nói. Phạm chí kia tay cầm năm cành hoa, quỳ gối mặt xuống đất, tung lên Định Quang Như Lai và nói:

- 'Riêng phước đức này dành cho đời sau, sẽ được như Định Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, không có sai khác.'

Rồi ông trải tóc mình trên bùn, thầm nghĩ: 'Nếu Như Lai truyền yếu quyết cho ta, thì sẽ lấy chân đạp trên tóc ta mà đi qua.'

Tỳ-kheo nên biết! Định Quang Như Lai quán sát tâm niệm của Phạm chí, liền bảo Phạm chí rằng:

- 'Ông đời tương lai sẽ làm Phật Thích-ca Văn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.'

Phạm chí Siêu Thuật có bạn đồng học tên Đàm-ma-lưu-chi ở bên cạnh Như Lai. Vị này thấy Phật Định Quang truyền yếu quyết cho Phạm chí Siêu Thuật, lại đạp chân trên tóc, thấy rồi liền nói:

- 'Sa-môn đầu trọc này, sao nỡ cất chân đạp trên tóc Phạm chí thanh tịnh này. Đây chẳng phải hạnh của người.'

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- 'Bấy giờ Phạm chí Da-nhã-đạt đâu phải người nào khác! Chớ nên xem như thế. Vì sao? Bấy giờ Da-nhã-đạt nay là vua Bạch Tịnh (Tịnh-phạn); thượng tọa của tám vạn bốn ngàn Phạm chí nay là Đề-bà-đạt-đa, Phạm chí Siêu Thuật là Ta; cô gái Phạm chí bán hoa lúc đó, nay là Cù-di, vị từ chủ lúc đó nay là Phạm chí chấp trượng; Đàm-ma-lưu-chi lúc đó, miệng tạo hạnh nói lời bất thiện nay là Đàm-ma-lưu-chi. Sau đó, Đàm-ma-lưu-chi trải qua vô số kiếp hằng làm súc sanh, thọ thân sau cũng làm thân cá dài bảy trăm do tuần ở trong biển lớn. Từ đó mạng chung đến sanh ở đây, cùng phụng sự thiện tri thức, hằng gần gũi thiện tri thức, tập các pháp lành, các căn thông lợi. Do nhân duyên này, Ta nói đã lâu mới đến đây. Đàm-ma-lưu-chi cũng tự trình bày: 'Đúng vậy, Thế Tôn! Đã lâu con mới đến đây'. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên tu tập thân, miệng, ý hành. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói: Có người như sư tử và có người như dê. Các Thầy hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ đó.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo bâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo rằng:

- Người kia tại sao mà giống Sư tử? Ở đây, Tỳ-kheo! Có người được cúng dường y phục, đồ ẩm thực, giường nằm, thuốc men trị bịnh. Người đó được rồi liền tự ăn uống, không khởi tâm dính mắc, cũng không có dục ý, chẳng khởi các tưởng, hoàn toàn không có niệm này, tự biết pháp xuất yếu. Cho dù không được lợi dưỡng, cũng không khởi loạn niệm, không có tâm tăng giảm. Ví như sư tử ăn thịt thú nhỏ. Bấy giờ vua loài thú ấy cũng không nghĩ rằng: 'Cái này tốt, cái này chẳng tốt', không có tâm dính mắc, cũng không dục ý, không khởi các tưởng. Người này cũng lại như thế. Nếu được cúng dường y phục, đồ ẩm thực, giường nằm, thuốc men, trị bịnh, người này được rồi liền tự ăn uống, không khởi ý dính mắc; ví dù không được cũng không có các niệm.

Ví như có người nhân người cúng dường y phục, đồ ẩm thực, giường nằm, thuốc men trị bịnh, được rồi liền ăn uống, khởi tâm dính mắc, sanh ý ái dục, không biết đạo xuất yếu. Giả sử không được, người ấy hằng sanh tưởng niệm này. Người ấy được cúng dường rồi, hướng về các Tỳ-kheo, mà tự cống cao hủy báng người khác: 'Chỗ ta hay được y phục, đồ ẩm thực, giường nằm, thuốc men trị bịnh. Các Tỳ-kheo này không hay được.' Ví như có một con dê trong bầy dê lớn, ra khỏi bầy, đến đống phân lớn. Con dê này ăn phân no rồi trở về bầy dê, liền tự cống cao: 'Nay ta được ăn ngon, các con dê này không hay được ăn.' Đây cũng như thế, nếu có một người được lợi dưỡng y phục,

ẩm thực, giường nằm, thuốc men trị bịnh, khởi các loạn tưởng, sanh tâm dính mắc, người ấy liền hướng về các Tỳ-kheo mà tự cống cao: 'Ta hay được cúng dường, các Tỳ-kheo này chẳng hay được cúng dường'. Thế nên, các Tỳ-kheo hãy học như vua sư tử, chớ như dê. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có chúng sanh biết báo đền, người này đáng kính, ân nhỏ còn chẳng quên huống là ân lớn. Cho dù người ấy rời nơi đây ngàn do-tuần, trăm ngàn do-tuần mà chẳng là xa, vẫn không khác gần Ta. Vì sao? Tỳ-kheo nên biết, Ta thường khen ngợi người biết báo đền.

Có các chúng sanh chẳng biết báo đền, ân lớn còn chẳng nhớ hà huống nhỏ. Người đó chẳng gần Ta, Ta chẳng gần người đó. Ngay cho họ đắp Tăng-già- lê ở sát bên Ta, người này vẫn xa. Vì sao? Ta thường chẳng nói về người không báo đền. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nghĩ báo đền, chớ học không báo đền. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có người lười biếng, trồng hạnh bất thiện, có sự mất mát đối với công việc. Nếu có người có thể không lười biếng, tinh tấn, người này tối diệu, có sự tăng ích ở các pháp lành. Vì sao? Bồ-tát Di-lặc trải qua ba mươi kiếp, đáng lẽ làm Phật Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Ta do sức tinh tấn, dõng mãnh, khiến Di-lặc ở sau. Hằng sa Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác thời quá khứ đều do dũng mãnh mà được thành Phật. Do phương tiện này nên biết lười biếng là khổ, làm các hạnh ác, có tổn hại cho việc làm. Nếu hay tinh tấn, tâm dũng mãnh mạnh, các công đức lành co tăng thêm. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nhớ tinh tấn, chớ có lười biếng. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo tịch tĩnh (A-lan-nhã) nên tu hành hai pháp. Thế nào là hai pháp? Nghĩa là Chỉ và Quán. Nếu Tỳ-kheo tịch tĩnh, được Chỉ, thôi dứt, thì giới luật được thành tựu, chẳng mất oai nghi, chẳng phạm cấm hạnh, tạo các công đức. Nếu Tỳ-kheo tịch tĩnh lại được quán rồi, liền quán Khổ này, như

thật mà biết, quán Khổ tập, quán Khổ tận, quán Khổ xuất yếu, như thật mà biết. Người đó quán như thế xong, tâm dục lậu giải thoát, tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu được giải thoát, liền được trí giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Chư Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác quá khứ đều do hai pháp này mà được thành tựu. Vì sao thế? Giống như Bồ-tát lúc ngồi dưới gốc cây thọ vương, trước suy nghĩ pháp Chỉ và Quán này. Nếu Bồ-tát Ma- ha-tát được Chỉ rồi, liền có thể hàng phục ma oán. Nếu Bồ-tát lại được Quán rồi, liền thành tựu tam đạt trí, chứng đắc Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Thế nên, các Tỳ-kheo! Tỳ-kheo tịch tĩnh nên tìm phương tiện hành hai pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có Tỳ-kheo tu hạnh tịch tĩnh (A-lan-nhã) ở chỗ vắng vẻ, không ở trong chúng, hằng nên cung kính, phát tâm hoan hỉ. Nếu lại có Tỳ-kheo tu tịch tĩnh, ở chỗ vắng vẻ, không có cung kính, không phát tâm hoan hỉ thì ngay cho ở trong đại chúng, họ sẽ bị người đàm luận là không biết pháp tịch tĩnh (A-lan-nhã): 'Thế là Tỳ-kheo tịch tĩnh này, không cung kính, không phát tâm hoan hỉ'.

Lại nữa Tỳ-kheo! Tỳ-kheo tịch tĩnh, ở chỗ vắng vẻ, không ở trong chúng, thường nên tinh tấn, chớ có giải đãi, tất sẽ hiểu rõ các pháp yếu. Nếu Tỳ- kheo tịch tĩnh (A-lan-nhã) lại ở chỗ vắng vẻ, có tâm lười biếng, tạo các hạnh ác thì họ ở trong chúng bị người luận bàn: 'Tỳ-kheo tịch tĩnh (A-lan-nhã) này giải đãi, không có tinh tấn.' Thế nên, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo tịch tĩnh ở chỗ vắng vẻ, không ở trong chúng thường nên thấp ý, phát tâm hoan hỉ, chớ có giải đãi, không có cung kính, nhớ hành tinh tấn, ý không dời đổi, ở các pháp lành tất sẽ đầy đủ. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai người không thể khéo thuyết pháp ngữ. Thế nào là hai? Là người không tin mà thuyết pháp tin cho họ, việc này rất khó. Người tâm xan tham mà thuyết pháp thí cho họ, đây cũng rất khó.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Nếu người không tin mà thuyết pháp về đức tin cho họ, họ liền nổi sân giận, khởi tâm làm hại. Ví như chó dữ lại thêm mũi đau, càng giận dữ nhiều thêm. Các Tỳ-kheo! Đây cũng như thế, người không tin mà thuyết pháp tin cho họ, họ liền nổi sân giận, sanh tâm tổn hại.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Nếu người xan tham mà thuyết pháp bố thí cho họ, họ liền sanh sân giận, khởi tâm tổn hại. Ví như mụt nhọt chưa mùi, lại thêm dao khoét đau không chịu nổi. Đây cũng như thế, người xan tham mà thuyết pháp bố thí cho họ, họ lại càng sân giận, khởi tâm tổn hại. Đó là, này Tỳ- kheo! Hai người này khó vì họ thuyết pháp.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Có hai người dễ vì họ thuyết pháp. Thế nào là hai? Người có lòng tin, thuyết pháp tin cho họ; người không xan tham thuyết pháp thí cho họ. Này Tỳ-kheo! Nếu người có lòng tin thuyết pháp tin cho họ, họ liền được hoan hỉ, ý không hối hận biến đổi. Ví như người có bệnh, nói thuốc trừ bệnh, liền được bình phục. Đây cũng như thế, người có lòng tin, thuyết pháp tin cho họ, họ liền được hoan hỉ, tâm không biến đổi.

Lại nữa, nếu người không tham, thuyết pháp thí cho họ, họ liền được hoan hỉ, không có tâm hối hận. Ví như có trai, gái đoan chính, tự ưa tắm rửa mặt mũi tay chân, lại có người đến cầm hoa đẹp dâng lên tô bồi nhan sắc; lại lấy áo tốt, phục sức dâng lên người ấy. Người ấy được rồi càng thêm hoan hỉ. Đây cũng như thế, người không lẫn tiếc, thuyết pháp thí cho họ, họ liền được hoan hỉ, không có tâm hối hận. Đó là, này Tỳ-kheo, hai người này dễ vì họ thuyết pháp. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy học có lòng tin, cũng nên học bố thí, chớ có xan tham. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp dành cho người phàm phu, được công đức lớn, thành quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi. Thế nào là hai pháp? Là cúng dường cha, mẹ. Đó là hai người được công đức lớn, thành quả báo lớn.

Lại nữa, nếu cúng dường Bồ-tát một đời bổ xứ, được công đức lớn, được quả báo lớn. Đó là, này Tỳ-kheo! Bố thí hai người này được công đức lớn, hưởng quả báo lớn, được vị cam lồ, đến chỗ vô vi. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy thường nhớ hiếu thuận, cúng dường cha mẹ. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

11. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Dạy hai người làm lành, không thể báo ân được. Thế nào là hai? Nghĩa là cha, mẹ.

Này Tỳ-kheo, nếu lại có người, vai phải cõng cha, vai trái cõng mẹ đến ngàn vạn năm, lo y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men trị bịnh, dù cha mẹ tiểu tiện, đại tiện ở trên vai, người ấy vẫn chẳng thể báo ân được. Tỳ-kheo nên biết, cha mẹ ân nặng, bồng ẵm, nuôi nấng, tùy lúc gìn giữ chẳng lỡ thời tiết như được thấy mặt trời, mặt trăng. Dùng phương tiện này, biết ân này, khó báo. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy cúng dường cha mẹ, thường nên hiếu thuận, chẳng lỡ thời tiết. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

12. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Bàn-đặc bảo em là Châu-lợi-bàn-đặc rằng:

- Nếu em không thể trì giới được thì trở về làm cư sĩ.

Ngài Châu-lợi-bàn-đặc nghe lời này xong, liền đến đứng ngoài cửa Tinh xá Kỳ Hoàn khóc ròng. Bấy giờ đức Thế Tôn dùng Thiên nhãn thanh tịnh, xem thấy Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đứng ngoài cửa buồn khóc không dừng được. Thế Tôn liền từ tịnh thất đứng lên, dường như đi kinh hành, đến ngoài cửa Tinh xá Kỳ Hoàn hỏi Châu-lợi-bàn-đặc rằng:

- Tỳ-kheo, cớ sao đứng đây khóc lóc?

Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

- Bạch Thế Tôn, Anh con xua đuổi con, nói không thể trì giới thì trở về làm cư sĩ, không nên ở đây. Vì thế, con buồn khóc.

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo, chớ ôm lo sợ, Ta thành Vô Thượng Đẳng Chánh Giác, chớ chẳng phải Bàn-đặc anh Thầy đắc đạo.

Bấy giờ Thế Tôn tay nắm Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc, dẫn đến tịnh thất bảo ngồi, rồi Thế Tôn lại dạy cầm chổi quét;

- Thầy tụng chữ này là chữ gì?

Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc tụng chữ 'quét' lại quên chữ 'chổi'. Nếu tụng chữ 'chổi' lại quên chữ 'quét'. Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc tụng 'chổi quét' này qua mấy ngày. Mà 'chổi quét' này gọi là trừ dơ. Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc lại nghĩ: 'Cái gì là trừ? Cái gì là dơ?'

Dơ là tro, đất, ngói, gạch; trừ là thanh tịnh.

Tôn giả lại nghĩ: 'Thế Tôn cớ sao dùng điều này dạy ta. nay ta nên suy nghĩ nghĩa này'. Do suy nghĩ nghĩa này, Tôn giả lại nghĩ: 'Nay trên thân ta cũng có bụi dơ, ta tự ví dụ. Thế nào là trừ? Thế nào là dơ?'

Tôn giả lại nghĩ: 'buộc kết là dơ, trí tuệ là trừ. Nay ta có thể lấy chổi trí tuệ quét trói buộc này.'

Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc suy nghĩ Ngũ thạnh ấm, sự thành, sự bại, nghĩa là sắc này, sắc tập, sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức, sự thành sự bại cũng lại như vậy. Lúc ấy, Tôn giả tư duy về Ngũ thạnh ấm này xong, tâm dục được giải thoát, tâm hữu lậu, tâm vô mninh lậu được giải thoát; đã được giải thoát liền được trí giải thoát; sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa, như thật mà biết. Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc liền thành A-la-hán. Đã thành A-la-hán, Tôn giả liền từ chỗ ngồi đứng lên, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên, bạch Thế Tôn:

- Nay con đã có trí, nay đã có tuệ, nay đã hiểu chổi quét.

Thế Tôn nói:

- Tỳ-kheo, Thầy hiểu thế nào?

Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

- Trừ đó là tuệ, dơ là kết.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, Tỳ-kheo! Như lời Thầy nói, trừ là tuệ, dơ là kết.

Bấy giờ Tôn giả Châu-lợi-bàn-đặc hướng về Thế Tôn mà nói kệ:

Nay tụng này đã đủ,

Như chỗ Ngài đã nói,

Trí tuệ hay trừ dơ

Chẳng do hạnh nào khác.

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo, như lời Thầy nói, do trí tuệ chứ không do gì khác.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

13. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có hai pháp này, chẳng thể mong đợi cũng chẳng đủ yêu mến, người đời ném bỏ. Thế nào là hai pháp? Là oán ghét gặp gỡ. Điều này không thể mong đợi, cũng không đủ yêu mến, người đời ném bỏ; và ân ái biệt ly, chẳng thể mong đợi cũng không đủ yêu mến, người đời ném bỏ. Đó là, Tỳ-kheo, có hai pháp này, người đời chẳng vui, chẳng thể mong đợi.

Này Tỳ-kheo, lại có hai pháp người đời chẳng bỏ. Thế nào là hai pháp? Oán ghét biệt ly là chỗ người đời ưa và ân ái tụ họp một chỗ, rất đáng yêu kính, là chỗ người đời ưa thích. Đó là, Tỳ-kheo, có hai pháp người đời ưa thích. Nay Ta nói về oán ghét tụ họp, ân ái biệt ly này, lại nói oán ghét biệt ly, ái ân tụ họp là có nghĩa gì? Có duyên gì?

Tỳ-kheo đáp:

- Thế Tôn là vua các pháp, cúi mong Thế Tôn thuyết cho chúng con, các Tỳ- kheo nghe xong sẽ vâng làm.

Thế Tôn bảo:

- Lắng nghe, khéo suy nghĩ, Ta sẽ vì Thầy phân biệt nói. Này các Tỳ-kheo, hai pháp này do ái mà dấy lên, do ái mà sanh, do ái mà thành, do ái mà khởi. Nên học trừ ái, chớ khiến cho sanh. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXI. Phẩm Tam Bảo

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba đức tự quy y. Thế nào là ba? Nghĩa là quy y Phật, đức thứ nhất; quy y Pháp, đức thứ hai; quy y Tăng, đức thứ ba.

Thế nào gọi là đức tự quy y Phật? Có các chúng sanh hai chân, bốn chân, chúng nhiều chân; có sắc, không sắc, có tưởng không tưởng đến trên Ni Duy Tiên Thiên (Trời Sắc cứu cánh); trong đây, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng, không ai bì kịp. Do bò được sữa, do sữa được bơ, do bơ được tô, do tô được đề hồ; nhưng ở đây, đề hồ là thứ tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Đây cũng như thế, có các chúng sanh hai chân, bốn chân, chúng nhiều chân, có sắc, không sắc, có tưởng không tưởng đến trên Ni Duy Tiên Thiên (Trời Sắc cứu cánh); ở trong đó, Như Lai là bậc tối tôn, tối thượng, không ai sánh kịp. Có các chúng sanh thừa sự Phật, đó là đức phụng sự đệ nhất. Đã được đức đệ nhất, liền hưởng phước trên Trời, hay trong loài Người. Đây gọi là đức đệ nhất.

Thế nào gọi là đức tự quy ý Pháp? Nghĩa là các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận Niết-bàn; nhưng pháp Niết-bàn ở trong các pháp là tối tôn, tối thượng, không gì có thể bằng. Do bò được sữa, do sữa được bơ, do bơ được tô, do tô được đề hồ; nhưng ở trong đó, đề hồ lại là tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Đây cũng như thế, nghĩa là các pháp hữu lậu, vô lậu, hữu vi, vô vi, vô dục, vô nhiễm, diệt tận, Niết-bàn; nhưng trong đó, pháp Niết-bàn là tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Có các chúng sanh thừa sự pháp, đó là đức thừa sự đệ nhất. Đã được đức đệ nhất, liền được hưởng phước trên Trời, trong loài Người. Đây gọi là đức đệ nhất.

Thế nào gọi là đực tự quy y Thánh chúng? Thánh chúng nghĩa là trong các loại chúng sanh hữu tình nhóm lại thành nhóm lớn, chúng lớn, thì ở trong chúng này, chúng Tăng của Như Lai là tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Do bò được sữa, do sữa được bơ, do bơ được tô, do tô được đề hồ; nhưng trong đó đề hồ lại là tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Đây cũng như thế, Thánh chúng nghĩa là chúng Tăng của Như Lai trong loài hữu tình nhóm họp lại thành chúng lớn, là tối tôn, tối thượng, không gì sánh kịp. Đó là đức thừa sự đệ nhất. Đã được đức đệ nhất, liền được hưởng phước trên Trời, trong loài Người. Đây gọi là đức đệ nhất.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Đệ nhất thừa sự Phật, Tối tôn không ai hơn, Kế lại thừa sự Pháp,

Vô dục không chỗ vương,
Kính thờ chúng Hiền Thánh,
Là ruộng phước tốt nhất,
Người ấy trí đệ nhất,
Hưởng phước trước hơn hết,
Nếu ở trong Trời, Người,
Ở chúng là chánh đạo
Cũng được tòa tối diệu
Tự nhiên uống cam lộ,
Thân mặc áo bảy báu.
Được mọi người cung kính,
Giới đầy đủ hoàn toàn,
Các căn không sơ sót.
Cũng được biển trí tuệ,
Dần đến cõi Niết-bàn.
Người có tam quy này,
Hướng đến đạo chẳng khó.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba phước nghiệp này. Thế nào là ba? Bố thí là phước nghiệp, bình đẳng là phước nghiệp, tư duy là phước nghiệp.

Thế nào gọi bố thí là phước nghiệp? Nếu có một người mở lòng bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, người hết sức bần cùng, người cô độc, người không nơi nương tựa, cần ăn cho ăn, cần nước cho nước, y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men trị bệnh, hương hoa, chỗ ở, tùy theo sự thuận tiện của thân, không có yêu tiếc. Đây gọi là phước nghiệp bố thí.

Thế nào gọi bình đẳng là phước nghiệp? Nếu có một người không giết hại, không trộm cắp, hằng biết hổ thẹn, không dấy tư tưởng ác, cũng không trộm cắp, thích bố thí cho người, không tâm tham lẫn, nói năng hòa nhã, không tổn thương tâm người, cũng không dâm dục với vợ hay chồng người khác,

tự tu Phạm hạnh, tự đủ với sắc vợ hay chồng mình, cũng không vọng ngữ, hằng nghĩ chí thành, không lời hư dối. Người ấy được người đời kính nể, không có thêm bớt, cũng không uống rượu, hằng biết tránh loạn động, lại đem tâm từ rải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng thế; tám hướng, trên dưới, đầy khắp trong đó không hạn, không lượng, không thể giới hạn, không thể tính kể; dùng tâm từ này che khắp tất cả khiến được an ổn; lại đem tâm bi, hỉ, xả (hộ) trải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng vậy, tám hướng, trên dưới, đều tràn đầy trong đó không hạn, không lượng, chẳng thể tính kể; dùng tâm bi, hỉ, xả, rải đầy trong đó. Đó gọi là bình đẳng là phước nghiệp.

Thế nào gọi tư duy là phước nghiệp? Ở đây, Tỳ-kheo, tu hành niệm giác ý, ý vô dục, ý vô quán, ý diệt tận, ý xuất yếu, tu pháp giác ý, tu niệm giác ý, tu ý giác ý, tu định giác ý, tu xả (hộ) giác ý, ý vô dục, ý vô quán, ý diệt tận, ý xuất yếu. Đó gọi là tư duy là phước nghiệp. Như thế, Tỳ-kheo, có ba phước nghiệp này.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Bố thí và bình đẳng,
Từ tâm, xả, tư duy,
Có ba xứ sở này,
Chỗ người trí thân cận,
Trong đây hưởng báo này,
Trên trời cũng lại thế.
Do có ba chỗ này,
Sanh Thiên ắt chẳng nghi.
Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện đến ba chỗ này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba nhân duyên khiến thức đi đến thọ thai? Thế nào là ba? Ở đây, Tỳ- kheo! Mẹ có dục ý, cha mẹ ở chung một nơi, cùng nghỉ ngơi chung, nhưng ngoại thức lại chưa ứng hướng đến liền chẳng thành thai. Nếu thức muốn chạy đến mà cha mẹ không giao hợp thì chẳng thành thai. Nếu người mẹ lại không dục, cha mẹ cộng hợp một nơi, bấy giờ ý dục của cha mẹ, mẹ không ân cần lắm thì không thành thai. Nếu cha mẹ hợp lại một nơi, mẹ lòng dục mạnh mẽ mà cha chẳng ân cần lắm thì không thành thai. Nếu cha mẹ lại ở một nơi, cha có bịnh phong, mẹ có bịnh lạnh thì không thành thai. Nếu cha mẹ lại ở một nơi, mẹ có bịnh phong, cha có bịnh lạnh thì không thành thai. Nếu lại có lúc cha mẹ hợp một chỗ, thân cha thủy khí hơi nhiều, mẹ không có bệnh này thì không thành thai. Nếu lại có lúc, cha mẹ hợp một nơi, tướng cha có con, tướng mẹ không con thì không thành thai. Nếu có lúc, cha mẹ hợp một nơi, tướng mẹ có con, tướng cha không con thì không thành thai. Nếu lại có lúc tướng cả cha lẫn mẹ không con, thì không thành thai. Nếu lại có lúc thức thần đến thai mà cha đi vắng thì không thành thai. Nếu lại có lúc cha mẹ nên ở một nơi, mà mẹ đi xa thì không thành thai. Nếu lại có lúc cha mẹ đáng lý ở một nơi, nhưng thân cha gặp bịnh nặng lúc thức thần hướng đến thì không thành thai. Nếu lại có lúc cha mẹ đáng nên hợp một nơi, thức thần hướng đến như thân mẹ bị bịnh nặng thì không thành thai. Nếu lại có lúc cha mẹ đáng nên hợp một nơi, thức thần chạy đến, những thân cả cha và mẹ đều bịnh tật thì không thành thai.

Lại nữa, này Tỳ-kheo, nếu cha mẹ hợp một nơi, cha mẹ không bịnh, thức thần hướng đến, mà tướng cha mẹ đều có con, thì đây thành thai. Đó là ba nhân duyên này mà đến thọ thai. Thế nên, Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện đoạn dứt ba nhân duyên. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu cho chúng sanh muốn khởi tâm từ, có lòng tin thuần thành, vâng nhận phụng sự cha mẹ, anh em, dòng họ, nhà cửa, bằng hữu, tri thức nên đặt ở ba nơi khiến không di động. Thế nào là ba? Nên phát tâm hoan hỉ đối với Như Lai, tâm không di động, bậc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh

Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư hiệu là Phật, Thế Tôn.

Lại nên phát ý ở trong Chánh pháp, pháp của Như Lai khéo thuyết, vô ngại, rất là vi diệu, do đây mà thành quả vị. Như thế người trí nên học để biết, cũng nên phát ý với Thánh chúng này, Thánh chúng của Như Lai thảy đều hòa hợp, không có lẫn lộn, pháp thành tựu, giới thành tựu, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến tuệ thành tựu. Thánh chúng nghĩa là bốn đôi, tám bậc, mười hai Hiền Thánh. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng kính, đáng quý. Đây là phước điền vô thượng của thế gian. Có các Tỳ-kheo học ba điều này thì thành tựu quả báo lớn. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tỳ-kheo Cù-ba-ly đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên.

Lúc ấy Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

- Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên việc làm rất ác, tạo các hạnh ác.

Thế Tôn bảo:

- Chớ nói thế! Thầy hãy phát tâm hoan hỉ đối với Như Lai. Tỳ-kheo Mục- kiền-liên và Xá-lợi-phất việc làm thuần thiện, không có các điều ác.

Tỳ-kheo Cù-ba-ly hai ba phen bạch Thế Tôn:

- Như Lai nói thật không có hư vọng, nhưng Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục- kiền-liên việc làm rất ác, không có gốc lành.

Thế Tôn bảo:

- Thầy là người ngu! Chẳng tin lời Như Lai, mới bảo Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên việc làm rất ác. Nay Thầy tạo hạnh ác này, sẽ chịu quả báo không lâu.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia ở ngay trên chỗ ngồi, thân mọc mụt nhọt độc, lớn bằng hột cải, dần bằng hột đậu, dần dần như trái a-ma-lặc, gần bằng bồ đào, lại bằng nắm tay, máu mủ chảy tràn, thân hoại mạng chung, sanh trong địa ngục hoa sen.

Bấy giờ Tôn giả Đại Mục-kiền-liên nghe Cù-ba-ly mạng chung, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy ngồi một bên. Chốc lát, Tôn giả ngồi lùi ra bạch Phật:

- Tỳ-kheo Cù-ba-ly bị sanh ở đâu?

Thế Tôn bảo:

- Người đó mạng chung sanh trong địa ngục hoa sen.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên bạch Thế Tôn:

- Nay con muốn đến địa ngục ấy giáo hóa Thầy ấy.

Thế Tôn bảo:

- Mục-kiền-liên, Thầy chẳng cần đến đó.

Mục-kiền-liên lại bạch Thế Tôn lần nữa:

- Con muốn đến địa ngục đó giáo hóa Thầy ấy.

Bấy giờ Thế Tôn cũng im lặng không đáp. Tôn giả Mục-kiền-liên như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay, từ Xá-vệ biến mất, liền đến trong đại địa ngục hoa sen. Ngay lúc đó, Tỳ-kheo Cù-ba-ly thân thể đang bị lửa đốt, lại có trăm con trâu cày trên lưỡi.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên ngồi kiết-già ở trong hư không, búng móng tay báo cho Tỳ-kheo kia. Tỳ-kheo ấy ngước lên hỏi:

- Thầy là ai?

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

- Cù-ba-ly, Ta là đệ tử Phật Thích-ca Văn, tên Mục-kiền-liên, họ Câu-lợi-đà.

Lúc ấy, Tỳ-kheo thấy Mục-kiền-liên rồi liền thốt lời ác:

- Nay ta đã đọa xuống cõi ác này, vẫn không thoát khỏi thấy Thầy ở trước nữa sao?

Nói lời này xong, lập tức có ngàn con trâu cày trên lưỡi. Tôn giả Mục-kiền- liên thấy rồi tăng thêm buồn rầu, sanh lòng hối hận, liền biến mất, trở về nước Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Tôn giả đem nhân duyên này bạch đủ với Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Trước Ta đã nói với Thầy chẳng cần đến đó gặp người ác ấy. Thế Tôn bèn nói kệ:

Phàm người sanh ra,
Búa ở trong miệng,
Sở dĩ chém thân,
Do lời ác này.
Kia dứt ta dứt,
Cả hai đều thiện,
Đã tạo hạnh ác,
Đó đọa cõi ác.
Đây là ác nhất,
Hữu tận, vô tận,
Ác với Như Lai,
Người này nặng nhất.
Một muôn ba ngàn,
Sáu (mươi) mốt ngục tro.
Báng Thánh đọa đó,
Do thân miệng tạo.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên học ba pháp để thành tựu hạnh của mình. Thế nào là ba? Thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có Tỳ-kheo thành tựu ba pháp, ở pháp hiện tại khéo được khoái lạc, dũng mãnh tinh tấn, dứt sạch được hữu lậu. Thế nào là ba? Ở đây, Tỳ-kheo các căn tịch tĩnh, ăn uống biết tiết độ, chẳng bỏ kinh hành.

Thế nào là Tỳ-kheo các căn tịch tĩnh? Ở đây, Tỳ-kheo nếu mắt thấy sắc, chẳng khởi tưởng dính mắc, không có nghĩ nhớ (thức niệm) ở nhãn căn được thanh tịnh, nhân kia cầu giải thoát, hằng thủ hộ nhãn căn. Nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp, chẳng khởi tưởng dính mắc, không có nghĩ nhớ (thức niệm) ở ý căn được thanh tịnh, nhân đó cầu giải thoát, hằng hộ ý căn. Như thế là Tỳ-kheo các căn tịch tĩnh.

Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống biết điều độ? Ở đây, Tỳ-kheo suy xét thức ăn uống từ chỗ nào đến, chẳng cầu mập trắng, chỉ muốn thân hình được toàn vẹn tứ đại: 'Nay ta nên trừ thọ cũ, chẳng cho cái mới sanh, khiến thân có sức được tu hành theo đạo, để Phạm hạnh chẳng dứt tuyệt'. Ví như thân nam, nữ sanh mụt nhọt độc, dùng cao mỡ bôi nhọt. Sở dĩ bôi lên mụt nhọt là muốn cho nó lành. Đây cũng thế! Các Tỳ-kheo ăn uống biết tiết độ. Ở đây Tỳ-kheo suy nghĩ thức ăn từ đâu tới, chẳng cầu mập trắng, chỉ muốn thân hình được vẹn toàn tứ đại: 'Nay ta nên trừ thọ cũ, khiến cái mới chẳng sanh, khiến thân có sức được tu hành đạo, khiến Phạm hạnh chẳng dứt.' Ví như xe chở nặng, sở dĩ bôi mỡ vào trục bánh, là muốn xe chở nặng mà đi đến nơi được. Tỳ- kheo cũng như thế, ăn uống biết tiết độ, suy nghĩ từ đâu đến, chẳng cầu mập trắng, chỉ mong thân hình được vẹn toàn tứ đại: 'Nay ta nên trừ thọ cũ, khiến cái mới chẳng sanh, khiến thân có sức được tu hành đạo, khiến Phạm hạnh chẳng dứt'. Như thế là Tỳ-kheo ăn uống có tiết độ.

Thế nào là Tỳ-kheo không bỏ mất việc kinh hành? Ở đây, Tỳ-kheo đầu đêm, cuối đêm hằng nhớ kinh hành không bỏ thời tiết, thường nhớ buộc niệm ở trong đạo phẩm; nếu ở ban ngày, hoặc đi, hoặc ngồi, suy nghĩ diệu pháp trừ khử ấm (ngũ ấm), cái (ngũ cái); đầu hôm, hoặc đi, hoặc ngồi, suy nghĩ diệu pháp trừ khử, cái; lại ở giữa đêm nằm nghiêng hông bên phải, tư duy buộc ý ở chỗ sáng kia; lại ở cuối đêm thức dậy hoặc đi, hoặc ngồi suy nghĩ thâm pháp, trừ khử ấm, cái (sự che đậy); như thế là Tỳ-kheo không bỏ mất kinh hành.

Nếu có Tỳ-kheo các căn tịch tĩnh, ăn uống biết tiết độ, chẳng mất kinh hành, thường nhớ buộc niệm trong đạo phẩm. Tỳ-kheo này liền thành tựu Nhị quả,

ở trong pháp hiện tại đắc A-na-hàm. Ví như người khéo lái xe, ở giữa đường chánh bằng phẳng, lái xe tứ mã không có ngưng trệ, thì đến nơi mong muốn, quả nhiên không còn nghi ngờ. Tỳ-kheo này cũng lại như thế, nếu các căn tịch tĩnh, ăn uống có tiết độ, chẳng mất kinh hành, thường nhớ buộc ý trong đạo phẩm. Tỳ-kheo này liền thành tựu Nhị quả, ở trong pháp hiện tại lậu tận, đắc A-na-hàm.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba bịnh lớn. Thế nào là ba? Nghĩa là phong là bịnh lớn, đàm là bịnh lớn, lạnh là bịnh lớn. Đó là, Tỳ-kheo có ba bịnh lớn này. Nhưng trị ba bịnh lớn này có ba thuốc hay. Nếu bịnh phong thì tô là thuốc hay và lấy tô làm thức ăn. Nếu bịnh đàm thì mật là thuốc hay và lấy mật làm thức ăn. Nếu bịnh lạnh thì dầu là thuốc hay và lấy dầu làm thức ăn. Đó là, Tỳ-kheo, ba bịnh lớn này có ba thuốc hay này. Như thế, Tỳ-kheo, cũng có ba loại bịnh lớn này. Thế nào là ba? Đó là tham dục, sân giận và ngu si. Đó là, Tỳ-kheo, có ba bịnh lớn này. Nhưng ba bịnh lớn này lại có ba loại thuốc hay. Thế nào là ba? Nếu lúc tham dục khởi lên, dùng (phép quán) bất tịnh để trị và suy nghĩ đạo bất tịnh. Bệnh lớn sân giận thì dùng tâm từ để trị và suy nghĩ về đạo từ tâm. Bệnh lớn ngu si thì dùng trí tuệ để trị và đạo nhân duyên khởi. Đó là, Tỳ-kheo, ba bịnh lớn này có ba thuốc hay này. Thế nên, Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện cầu ba thuốc này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba hạnh ác. Thế nào là ba? Đó là thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác. Đó là, Tỳ-kheo, có ba hạnh ác, nên tìm phương tiện tu ba hạnh lành. Thế nào là ba? Thân làm ác hãy tu thân làm lành, miệng nói ác hãy tu miệng nói lành, ý nghĩ ác hãy tu ý nghĩ lành.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Hãy ngăn thân làm ác,
Tu tập thân làm lành,

Nhớ bỏ thân làm ác,
Nên học thân làm lành.
Hãy ngăn miệng nói ác,
Tu tập miệng nói lành,
Nhớ bỏ miệng nói ác,
Nên học miệng nói lành.
Hãy ngăn ý nghĩ ác,
Tu tập ý nghĩ lành,
Nhớ bỏ ý nghĩ ác,
Nên học ý nghĩ lành.
Thân hành là lành thay!
Khẩu hành cũng lại thế,
Ý hành là lành thay!
Tất cả cũng như thế,
Ngừa miệng, ý thanh tịnh,
Tịnh ba hạnh tích này,
Đến chỗ tiên vô vi.
Như thế, các Tỳ-kheo, hãy bỏ ba hạnh ác, tu ba hạnh lành. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo, đến giờ đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Lúc ấy, các Tỳ-kheo liền nghĩ rằng; 'Chúng ta vào thành khất thực mà ngày giờ còn sớm, bây giờ nên dẫn nhau đến chỗ Phạm chí ngoại đạo'. Rồi chúng Tỳ-

kheo liền đến chỗ Phạm chí dị học, thăm hỏi nhau xong, ngồi xuống một bên. Phạm chí liền hỏi Sa-môn rằng:

- Đạo sĩ Cồ-đàm thường thuyết về Dục luận, Sắc luận, Thọ luận, Tưởng luận. Những luận như thế có gì sai khác? Chỗ luận của chúng tôi cũng là chỗ thuyết của Sa-môn, chỗ Sa-môn thuyết cũng là chỗ chúng tôi luận, thuyết pháp cũng giống sự thuyết pháp của chúng tôi, sự dạy dỗ cũng giống sự giáo hối của chúng tôi.

Chúng Tỳ-kheo nghe lời này rồi, cũng không nói hay cũng chẳng nói dở, liền từ chỗ ngồi đứng lên mà đi, cùng nghĩ rằng: 'Chúng ta nên đem nghĩa này đến hỏi Thế Tôn'.

Bấy giờ chúng Tỳ-kheo sau khi ăn xong, liền đến chỗ Thế Tôn quỳ lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy, các Tỳ-kheo đem sự việc Phạm chí hỏi nhân duyên đầu đuôi bạch hết với Thế Tôn. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Phạm chí kia hỏi thế. Các Thầy hãy đem nghĩa này đáp lại câu hỏi ấy: Dục có vị ngọt gì? Có tội lỗi gì nên xa lìa dục? Sắc có vị gì, có lỗi gì, nên xa lìa sắc? Thọ có vị gì, có lỗi gì, nên xa lìa thọ? Các Thầy nếu đem lời này đáp câu hỏi ấy, các Phạm chí kia sẽ im lặng không đáp được. Dù có nói cũng không thể hiểu nghĩa thâm sâu này, và tăng thêm ngu hoặc, đọa ở bờ mé. Vì sao thế? Vì chẳng phải cảnh giới của họ. Sau đó, này các Tỳ-kheo, trong Ma và Thiên ma, Thích, Phạm, Tứ Thiên vương, Sa-môn, Bà-la-môn, Người và Phi nhân; không ai có thể hiểu nghĩa sâu xa này, chỉ trừ Như Lai Đẳng Chánh Giác và Thánh chúng của Như Lai, thọ giáo với Ta thì chẳng kể.

Dục có vị gì? Đó là năm dục vậy. Thế nào là năm? Mắt thấy sắc khởi nhãn thức, rất ưa thích nghĩ chỗ vui của thế gian; tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm rất ưa thích nghĩ chỗ vui của người đời. Nếu lại ở trong năm dục này mà khởi tâm khổ vui thì đó là dục vị.

Thế nào là lỗi của dục? Nếu có một người con nhà vọng tộc, người đó hoặc học các kỹ thuật để tự mưu sống, hoặc học làm ruộng, hoặc học viết thư sớ, hoặc học đủ nghề, hoặc học toán số, hoặc học mưu mẹo, hoặc học điêu khắc, hoặc học thông tin từ kia đến đây, hoặc học hầu hạ vua, thân không tránh né lạnh, nóng, chịu đựng cần khô, không được tự do; họ làm cực khổ như thế để thu hoạch tiền tài sự nghiệp. Đây là lỗi lớn của dục, hiện đời khổ não do ân ái này đều vì tham dục. Nhưng sau, người ấy làm lụng cần khô mà không thâu được tài bảo, liền buồn lo khổ não vô kể, liền tự nghĩ rằng: 'Ta tạo công

lao này, mất nhiều phương kế mà chẳng được tài sản'. So sánh như thế, nên người ấy nghĩ xa lìa. Đó là nên xa lìa dục.

Lại nữa, gã dòng dõi vọng tộc kia, hoặc lúc làm phương kế này mà thâu hoạch được tài sản; đã thâu được tài sản rồi, lại phải tìm nhiều cách gìn giữ luôn luôn, sợ nhà vua ra lệnh đoạt, bị giặc trộm cắp, bị nước trôi, bị lửa đốt. Anh ta lại nghĩ: 'Chính muốn chôn giấu, lại sợ sau quên mất; chính muốn bỏ ra sanh lời, lại sợ không xong, hoặc nhà sanh con ác, nó tiêu phí tan tành tài sản của ta'. Đó là hoạn lớn của dục. Tất cả do gốc dục mà đến tai biến này.

Lại nữa, gã vọng tộc kia hằng sanh tâm này muốn bảo vệ tài sản, mà sau vẫn bị quốc vương chiếm đoạt, bị giặc cướp, bị nước trôi, bị lửa đốt, chỗ chôn giấu cũng lại không xong, chính muốn xuất ra lấy lời cũng lại không thâu hoặc được, nhà ở sanh con ác, tiêu tan tài sản, một vạn thâu chẳng được một, liền ôm sầu lo, khổ não, đấm ngực hô hoán: 'Tài sản vốn được của ta, nay đều mất hết.'

Anh ta bèn trở nên ngu ngơ, tâm ý lầm lẫn. Đó là hoạn lớn của dục, do gốc dục này không đến được vô vi.

Lại nữa, do gốc dục này mà mặc giáp, cầm gậy công phạt lẫn nhau. Đã công phạt lẫn nhau rồi, hoặc trước bầy voi, hoặc trước đám ngựa, hoặc ở trước bộ binh, hoặc ở trước đám xe, thấy ngựa đấu với ngựa, thấy voi đấu với voi, thấy xe đấu với xe, thấy bộ binh đấu với bộ binh, hoặc chém, bắn lẫn nhau, dùng giáo đâm chém nhau. So sánh như thế, dục là hoạn lớn. Do dục làm gốc đưa đến tai biến này.

Lại nữa, do gốc dục này mà mặc giáp, cầm gậy hoặc ở cửa thành, hoặc ở trên thành, bắn chém lẫn nhau hoặc dùng giáo đâm, hoặc lấy vòng sắt nghiến đầu, hoặc lấy sắt vụn tung vào nhau, chịu khổ não như thế, người chết rất nhiều.

Lại nữa, dục biến đổi, không thường, thay nhau biến chuyển không ngừng. Người ta không hiểu dục này biến chuyển vô thường. Đây gọi là hoạn lớn của dục.

Thế nào là nên xa lìa dục? Nếu người hay tu hành trừ tham dục. Đó là xả bỏ dục. Có các Sa-môn, Bà-la-môn chẳng biết hoạn lớn của dục, cũng lại chẳng biết nguyên nhân xả dục; như thực chẳng biết oai nghi Sa-môn, Bà-la-môn. Đã chẳng biết oai nghi Sa-môn, Bà-la-môn thì đây chẳng phải Sa-môn, Bà- la-môn, cũng lại chẳng thể toàn thân tác chứng để tự du hí. Nghĩa là các Sa-

môn, Bà-la-môn xét biết dục là hoạn lớn, hay xa lìa dục, như thực chẳng dối, biết Sa-môn có oai nghi Sa-môn, Bà-la-môn có oai nghi Bà-la-môn, tự thân tác chứng mà tự du hí. Đó là xa lìa dục.

Thế nào là sắc vị? Nếu có thấy các con gái dòng Sát-lợi, con gái dòng Bà-la- môn, con gái dòng Trưởng giả, tuổi mười bốn, mười lăm, mười sáu, chẳng cao, chẳng thấp, chẳng mập, chẳng ốm, chẳng trắng, chẳng đen, đoan chánh vô song, hiếm có trên đời; người kia vừa gặp nhan sắc ấy, khởi tưởng hoan hỉ. Đó là sắc vị.

Thế nào là sắc đại hoạn? Lại nữa, nếu về sau thấy đàn bà kia tuổi tám mươi, chín mươi cho đến một trăm, nhan sắc đổi khác, đã qua tuổi thiếu, tráng niên, răng rụng, đầu tóc bạc trắng, thân thể cáu ghét, da dùn mặt nhăn, xương sống còng xuống, run rẩy, thân như chiếc xe mục nát, hình thể lắc lư, nương gậy mà đi; thế nào, Tỳ-kheo, vừa thấy sắc đẹp, sau lại biến đổi; há chẳng phải là hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo;

- Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, đây nếu thấy cô gái kia mang bịnh nặng nằm trên giường, đại tiểu tiện chẳng thể đứng lên; thế nào, Tỳ-kheo vốn thấy sắc đẹp nay đến hoạn này; há chẳng phải là hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Các Tỳ-kheo! Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu thấy cô gái kia thân hoại mạng chung đưa đến gò mả; thế nào, Tỳ-kheo, vốn thấy sắc đẹp, nay đã biến đổi, ở trong đó khởi tưởng khổ vui; há chẳng phải là hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy cô gái kia chết quá một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày, năm ngày cho đến bảy ngày, thân thể sình trương, thối rữa hôi hám, vung vãi mọi nơi; thế nào, Tỳ-kheo, vốn có sắc đẹp mà nay biến đổi thế này; há chẳng phải là hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Đó là hoạn lớn của sắc. Nếu thấy cô gái kia bị quạ diều, kên kên tranh nhau đến ăn thịt, hoặc bị cáo, cầy, hồ trông thấy ăn thịt, hoặc bị loài giun trùng, bò bay máy cựa nhỏ nhít thấy ăn thịt; thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn có sắc đẹp, nay biến đổi thế này, ở trong đó khởi tưởng khổ vui, há chẳng phải là hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy cô gái kia, thân bị trùng quạ ăn một nửa, ruột, bao tử, máu thịt dơ dáy bất tịnh; thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn có sắc đẹp, nay biến đổi đến thế này, ở trong đó khởi tưởng khổ vui. Đây chẳng phải là hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy thân cô gái kia đã hết máu thịt, hài cốt liền nhau; thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn có sắc đẹp, nay biến đổi đến thế, ở trong đó khởi tưởng khổ vui. Đây há chẳng phải là hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy thân cô gái kia đã hết máu thịt, chỉ có gân ràng rịt như bó củi; thế nào, Tỳ-kheo, vốn có sắc đẹp mà nay biến đổi thế này, ở trong đó khởi tưởng khổ vui. Đây chẳng phải là hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu lại thấy thân cô gái kia, hài cốt tan rã, rơi vãi mỗi nơi, hoặc xương chân một chỗ, xương tay một chỗ, hoặc xương đùi một nơi, xương cánh tay một nơi, hoặc xương sườn một chỗ, xương bả vai một chỗ, hoặc xương cổ một nơi, đầu lâu một nơi; thế nào, các Tỳ-kheo, vốn có sắc đẹp mà nay biến đổi dường ấy, ở trong đó khởi tưởng khổ vui. Đây há chẳng phải hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy thân cô gái kia xương màu bạc trắng như màu bồ câu; thế nào, Tỳ-kheo, vốn có sắc đẹp nay biến đổi đến thế, ở trong đó khởi tưởng khổ vui. Đây há chẳng phải là hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, nếu thấy cô gái kia, hài cốt trải qua vô số năm, hoặc bị mục nát bại hoại đồng màu với đất; thế nào, Tỳ-kheo, người ấy vốn có sắc đẹp, nay biến đổi đến vậy, ở trong đó khởi tưởng khổ vui, há chăng phải hoạn lớn sao?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Đó là hoạn lớn của sắc. Lại nữa, sắc này vô thường biến đổi, không được lâu dài, không có bền vững. Đó là hoạn lớn của sắc.

Thế nào là sắc xuất yếu? Nếu hay xa lìa sắc, trừ các loạn tưởng. Đó là xa lìa đối với sắc. Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc, dính mắc vào sắc, chẳng biết hoạn lớn, cũng chẳng xa lìa, như thực mà chẳng biết. Đây chẳng phải là Sa-môn, Bà-la-môn. Ở trong Sa-môn, chẳng biết oai nghi Bà-la-môn, chẳng thể dùng tự thân tác chứng để tự du hí. Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với sắc chẳng dính mắc sắc, biết rõ là hoạn lớn, năng biết xa lìa. Đó là ở trong Sa-môn, biết oai nghi Sa-môn, ở trong Bà-la-môn, biết oai nghi Bà-la-môn, tự thân tác chứng để tự du hí. Đó là xa lìa sắc.

Thế nào gọi là vị của thọ? Ở đây, Tỳ-kheo lúc được thọ vui, liền biết ta được thọ vui, lúc bị thọ khổ, liền biết ta bị thọ khổ. Nếu lúc được không vui không khổ liền biết ta được không vui không khổ. Nếu lúc được ăn thọ vui, liền biết ta được ăn thọ vui. Nếu lúc bị ăn thọ khổ, liền biết ta bị ăn thọ khổ. Nếu lúc được ăn không khổ không vui, liền biết ta không khổ không vui. Nếu lúc không ăn thọ khổ, liền biết ta không ăn thọ khổ. Nếu lúc không ăn thọ vui, liền tự biết ta không ăn thọ vui. Nếu lúc không ăn thọ không khổ không vui, liền tự biết ta không ăn thọ không khổ không vui.

Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu lúc thọ vui, bấy giờ không thọ khổ, cũng lại không thọ không vui không khổ. Lúc đó ta chỉ có thọ vui. Nếu lúc thọ khổ, bấy giờ không có thọ vui, cũng không thọ không khổ không vui, chỉ có thọ khổ. Lại nữa, Tỳ-kheo, nếu lúc được thọ không khổ, không vui thì bấy giờ không có thọ vui hay thọ khổ, chỉ có thọ không khổ không vui.

Lại nữa, thọ là pháp vô thường biến đổi. Đã biết thọ là pháp vô thường biến đổi, nghĩa là thọ là hoạn lớn.

Thế nào là thọ xuất yếu? Nếu hay ở thọ xa lìa thọ, trừ các loạn tưởng. Đó là xa lìa thọ.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với thọ, dính mắc thọ, chẳng biết hoạn lớn, cũng chẳng xa lìa, như thực mà chẳng biết. Đây chẳng phải Sa-môn, Bà-la-

môn. Ở Sa-môn, chẳng biết oai nghi Sa-môn; ở Bà-la-môn, chẳng biết oai nghi Bà-la-môn; chẳng hay đem thân tác chứng để tự du hí. Có các Sa-môn, Bà-la-môn đối với thọ, không dính mắc thọ, biết rõ là hoạn lớn, hay biết xa lìa. Đó là, ở Sa-môn biết oai nghi Sa-môn, ở Bà-la-môn biết oai nghi Bà-la- môn; đem thân tác chứng mà tự du hí. Đó là xa lìa đối với thọ.

Lại nữa Tỳ-kheo, nếu Sa-môn, Bà-la-môn chẳng biết thọ khổ, thọ vui, thọ chẳng khổ chẳng vui; như thực mà chẳng biết, lại giáo hóa người khiến họ thực hành. Đây không thích hợp. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, hay xa lìa thọ, như thực mà biết, lại khuyên dạy người khiến xa lìa. Đây chính thích hợp. Đó là xa lìa thọ.

Này Tỳ-kheo, nay Ta đã thuyết về dính mắc dục, vị của dục, dục là hoạn lớn, lại có thể xả bỏ; cũng thuyết về dính mắc sắc, vị của sắc, sắc là hoạn lớn, hãy xa lìa sắc; đã thuyết về dính mắc thọ, vị của thọ, thọ là hoạn lớn, hãy xa lìa thọ. Chỗ các Như Lai phải hành, chỗ thi thiết, nay Ta đã nói đủ. Hãy thường nhớ ở dưới gốc cây, chỗ vắng vẻ, ngồi thiền, nghiền ngẫm chớ có giải đãi. Đó là lời Ta dạy dỗ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba thứ không bền chắc, thiết yếu. Thế nào là ba? Thân không bền chắc, mạng không bền chắc, tài sản không bền chắc. Đó là, này Tỳ-kheo, có ba thứ không bền chắc. Ở đây, Tỳ-kheo, trong ba thứ không bền chắc nên tìm phương tiện thành tựu ba thứ bền chắc. Thế nào là ba? Thân không bền chắc cầu cho bền chắc, mạng không bền chắc cầu cho bền chắc, tài sản không bền chắc cầu cho bền chắc.

Thế nào là thân không bền chắc cầu cho bền chắc? Nghĩa là khiêm hạ, kính lễ, tùy thời thăm hỏi. Đó là thân không bền chắc, cầu cho bền chắc. Thế nào là mạng không bền chắc cầu cho bền chắc? Ở đây, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, suốt đời không sát

sanh, chẳng thêm dao gậy, thường biết hổ thẹn, có lòng từ bi, nghĩ đến tất cả chúng sanh, suốt đời chẳng trộm cắp,

hằng nhớ bố thí, tâm không có ý tưởng lẫn tiếc; suốt đời không dâm dục, cũng không dâm vợ người; suốt đời không vọng ngữ, thường niệm chí thành, không khi dối người đời. Đó là mạng không bền chắc cầu bền chắc. Thế nào là tài sản không bền chắc cầu bền chắc? Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, thường nghĩ bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, các người nghèo khổ; người cần ăn cho ăn, cần uống cho uống, y phục, ẩm thực, giường trải đồ nằm, bệnh tật thuốc thang, cửa nhà thành quách; những vật cần dùng thảy đều cho hết; như thế là tài sản chẳng bền chắc, cầu cho bền chắc.

Đó là, này Tỳ-kheo, đem ba thứ không bền chắc đó cầu ba thứ bền chắc này.

Thế Tôn liền nói bài kệ:

Biết thân không bền chắc,
Mạng cũng không kiên cố,
Tài sản, pháp suy hao,
Nên cầu sự bền vững.
Thân người rất khó được,
Mạng cũng chẳng dừng lâu,
Tài sản, pháp mòn diệt,
Hoan hỉ niệm ban phát.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Đệ nhất đức phước nghiệp.
Ba nhân, ba an, Cù.
Ba đêm, bịnh, hạnh ác,
Khổ trừ, không bền chắc.
---o0o---

XXII. Phẩm Cúng dường

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba người, người đời nên cúng dường. Thế nào là ba? Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, người đời nên cúng dường. Bậc lậu tận A-la-hán, đệ tử

Như Lai, người đời nên cúng dường. Chuyển luân Thánh vương, người đời nên cúng dường.

Có nhân duyên gì mà Như Lai đáng được người đời cúng dường?

Phàm Như Lai là bậc mà người không phục phải phục, người không hàng phải hàng, độ được người khó độ, người chưa giải thoát khiến được giải thoát, người chưa

Bát-niết-bàn khiến thành Niết-bàn, người không được cứu hộ khiến họ được cứu hộ, cho người mù con mắt, giúp đỡ cho người bệnh. Ngài là bậc Tôn quý đệ nhất, Ma hoặc Thiên ma, Trời và Người đời, ở trong đó là phước điền cao trọng nhất, đáng kính, đáng quý, làm người dẫn đường khiến cho người biết đường chánh, thuyết đạo dạy cho người chưa biết đạo. Do nhân duyên này, người đời nên cúng dường.

Lại có nhân duyên gì mà bậc lậu tận A-la-hán, đệ tử như Như Lai đáng được người đời cúng dường.

Tỳ-kheo nên biết: Lậu tận A-la-hán đã qua khỏi nguồn sanh tử, không còn thọ thân sau, đã đắc pháp vô thượng, dâm nộ si dứt sạch trọn chẳng còn, là phước điền của đời. Do nhân duyên gốc nhọn này, khiến bậc lậu tận A-la- hán đáng được người đời cúng dường.

Lại nhân duyên gì mà Chuyển luân Thánh vương đáng được người đời cúng dường?

Tỳ-kheo nên biết: Chuyển luân Thánh vương dùng pháp cai trị giáo hóa, tự mình không sát sanh, lại dạy dỗ người khác không sát sanh; tự mình không trộm cắp cũng lại dạy người khác không trộm cắp; tự mình không dâm dật, lại dạy người khác không hành dâm dật; tự mình chẳng vọng ngữ cũng lại dạy người khác không vọng ngữ, tự mình không nói hai lưỡi, cãi lộn kia đây, cũng lại dạy người khác không nói hai lưỡi; tự mình không tật đố, giận dữ, si mê, cũng lại dạy người khác không học tập pháp này; tự mình hành chánh kiến, lại dạy người khác không hành tà kiến. Do nhân duyên này, do gốc ngọn này, khiến Chuyển luân Thánh vương đáng được người đời cúng dường.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

- Có ba căn lành chẳng thể cùng tận, tiến dần đến Niết-bàn. Thế nào là ba? Nghĩa là trồng công đức ở Như Lai, căn lành này chẳng thể cùng tận. Trồng công đức ở Chánh pháp, căn lành này chẳng thể cùng tận. Trồng công đức ở Thánh chúng, căn lành này chẳng thể cùng tận. Đó là, này A-nan, ba căn lành chẳng thể cùng tận, đến được Niết-bàn. Thế nên, này A-nan, hãy cầu phương tiện thâu được phước chẳng thể cùng tận này. Như thế, A-nan, hãy học điều này!

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba thọ này. Thế nào là ba? Nghĩa là thọ vui, thọ khổ, thọ không vui không khổ. Các Tỳ-kheo nên biết: thọ vui kia là dục ái sử, thọ khổ kia là sân nhuế sử, thọ không khổ không vui là si sử. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy học phương tiện cầu diệt các sử này. Vì thế, nên tự mạnh mẽ, nên tự tu hành pháp đáng tu hành, được pháp không gì sánh được. Các Tỳ-kheo nên biết: Sau khi Ta diệt độ, có Tỳ-kheo niệm tự mạnh mẽ, tu hành pháp này, được pháp không thể so sánh. Đây là Thanh văn bậc nhất.

Này Tỳ-kheo! Thế nào là nên tự mạnh mẽ, nên tự tu hành, được pháp tu hành, được pháp không gì sánh được?

Ở đây, Tỳ-kheo! Nội tự quán thân, ngoại tự quán thân, nội ngoại tự quán thân mà tự du hí. Nội quán thọ, ngoại quán thọ, nội ngoại quán thọ mà tự du hí. Nội quán ý, ngoại quán ý, nội ngoại quán ý mà tự du hí. Nội quán pháp, ngoại quán pháp, nội ngoại quán pháp mà tự du hí. Như thế, Tỳ-kheo! Hãy tự hăng hái tu hành pháp này, được pháp không gì sánh. Các Tỳ-kheo hành pháp này là đệ tử bậc nhất trong hàng Thanh văn. Như thế, Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba việc che giấu thì hay, lộ bày thì chẳng hay. Thế nào là ba? Đàn bà, che giấu thì hay, lộ bày chẳng hay. Chú thuật của Bà-la-môn che giấu thì hay, lộ bày thì chẳng hay. Nghiệp tà kiến che giấu thì hay, lộ bày thì chẳng hay. Đó là, này Tỳ-kheo, có ba việc như thế che giấu thì hay, lộ bày thì chẳng hay. Lại có ba việc, lộ thì hay, che đậy thì chẳng hay. Thế nào là ba? Mặt trời lộ bày thì hay, che đậy thì chẳng hay. Mặt trăng lộ bày thì hay, che đậy thì chẳng hay. Pháp ngữ của Như Lai lộ bày thì hay, che đậy thì chẳng hay.

Đó là, nay Tỳ-kheo, có ba việc lộ bày thì hay, che đậy thì chẳng hay.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Đàn bà và chú thuật,
Tà kiến, hạnh bất thiện,
Đây là ba pháp đời,
Che giấu thì tối diệu,
Mặt trời, trăng rộng chiếu,
Chánh ngữ pháp Như Lai,
Đây là ba pháp đời,
Tỏ bày hay đệ nhất.

Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tỏ bày hiện pháp của Như Lai, chớ cho che giấu. Như thế, Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là ba tướng hữu vi của pháp hữu vi. Thế nào là ba? Là biết từ đâu khởi, biết sẽ biến đổi, biết sẽ diệt tận.

Thế nào là biết từ đâu khởi? Nghĩa là sanh ra, lớn lên thành hình ngũ ấm, được các sự gìn giữ các căn (trì nhập). Đó là biết chỗ từ đâu khởi.

Thế nào là diệt tận? Nghĩa là chết, mạng sống qua mất, không dừng, vô thường, các ấm tan hoại, dòng họ biệt ly, mạng căn đoạn dứt. Đó là diệt tận.

Thế nào biến đổi? Răng rụng, tóc bạc, khí lực cùng kiệt, tuổi bèn suy vi, thân thể rã rời. Đó là pháp biến đổi. Này Tỳ-kheo! Đó là ba tướng hữu vi của pháp hữu vi. Nên biết ba tướng hữu vi này và khéo phân biệt. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Người ngu có ba tướng, ba pháp không thể nhờ cậy. Thế nào là ba? Ở đây, người ngu điều chẳng thể tư duy mà tư duy, chỗ chẳng thể luận bàn mà luận bàn, chỗ chẳng thể hành mà tu tập.

Thế nào là người ngu điều chẳng thể tư duy mà nghĩ nhớ? Ở dây, người ngu hay nghĩ nhớ đến ba hạnh của ý. Thế nào là ba? Ở đây, người ngu khởi tâm tật đố với tài vật và nữ sắc của người khác. Tâm nhớ lời ác, rồi nổi lòng tật đố: 'Sở hữu của người kia mong là sẽ cho tôi'. Như thế là người ngu, điều không thể tư duy mà tư duy.

Thế nào là người ngu, việc chẳng thể luận bàn mà lại luận bàn? Ở đây, người ngu tạo bốn lỗi của miệng. Thế nào là bốn? Ở đây, người ngu hằng ưa nói

dối, nói lời thêu dệt, nói ác và tranh cãi kia đây. Như thế, người ngu tạo bốn lỗi của miệng.

Thế nào là người ngu tạo các hạnh ác? Ở đây, người ngu tạo hạnh ác của thân, thường nghĩ sát sanh, trộm cắp, dâm dật. Như thế là người ngu tạo các hạnh ác. Như thế, này Tỳ-kheo, người ngu có ba hạnh này. Người ngu si tập ba việc này.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Người trí có ba việc nên nhớ tu hành. Thế nào là ba? Ở đây, người trí, việc đáng tư duy liền tư duy; việc đáng luận bàn liền luận bàn, nên làm thiện liền tu hành thiện.

Thế nào là người trí việc đáng tư duy liền tư duy? Ở đây, người trí tư duy ba hạnh của ý. Thế nào là ba? Ở đây, người trí chẳng tật đố, sân giận, si mê, thường hành chánh kiến, thấy tài vật người khác không sanh tưởng nghĩ. Như thế người trí, việc đáng tư duy liền tư duy.

Thế nào là người trí việc đáng luận bàn liền luận bàn? Ở đây, người trí thành tựu bốn hạnh của miệng. Thế nào là bốn? Ở đây, người trí chẳng nói dối, cũng chẳng dạy người nói dối, thấy người nói dối, ý không vui thích. Đó là người trí giữ gìn miệng mình. Lại nữa, người trí không nói ỷ ngữ, ác khẩu, tranh cãi kia đây, cũng không dạy người khiến nói ỷ ngữ, ác khẩu, tranh cãi. Như thế người trí thành tựu bốn hạnh của miệng.

Thế nào là người trí thành tựu ba hạnh của thân? Ở đây, người trí tư duy về thân hành không chỗ xúc chạm. Hơn nữa, người trí không tự mình sát sanh, cũng không dạy người sát sanh, thấy người giết hại, tâm không vui mừng, tự mình không trộm cắp, không dạy người trộm cắp, thấy người trộm cắp, tâm không vui mừng, cũng không dâm dật, thấy sắc đàn bà khác, tâm không khởi tưởng, cũng không dạy người khác hành dâm dật. Nếu thấy người già, xem như mẹ mình, bậc trung coi như chị, người nhỏ như em; ý không cao thấp. Như thế, người trí thân thành tựu ba hạnh. Đó là việc làm của người trí. Như thế, Tỳ-kheo, có ba tướng hữu vi này. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường nên xa lìa ba tướng của người ngu, và chớ phế bỏ ba việc làm của người trí trong chốc lát. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba pháp này chẳng thể giác tri, chẳng thấy, chẳng nghe, mà khi qua lại trong sanh tử, chưa từng được ngắm nhìn. Ta và các Thầy chưa hề nghe thấy. Thế nào là ba? Nghĩa là giới của Hiền Thánh, chẳng thể giác tri, chẳng thấy, chẳng nghe, trải qua sanh tử chưa từng được ngắm nhìn, Ta và các Thầy chưa hề thấy nghe. Tam-muội của Hiền Thánh, trí tuệ của Hiền Thánh, chẳng thể giác tri, chẳng thấy, chẳng nghe. Nay như thân Ta cùng với các Thầy thảy đều giác tri, cấm giới của Hiền Thánh, thảy đều thành tựu, không thọ thân sau nữa, đã đoạn cội gốc sanh tử. Thế nên, này các Tỳ-kheo, hãy nhớ tu hành ba pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba pháp rất đáng kính yêu, người đời ham muốn. Thế nào là ba? Tuổi trai trẻ (thiếu tráng), rất đáng kính yêu, người đời ham muốn. Không bịnh rất đáng kính yêu, người đời ham muốn. Sống lâu rất đáng kính yêu, người đời ham muốn.

Thế nên, này các, có ba pháp này rất đáng kính yêu, người đời ham muốn. Lại nữa, các Tỳ-kheo, tuy có ba pháp này rất đáng kính yêu, người đời ham muốn, nhưng lại có ba pháp, chẳng đáng kính yêu, người đời không ham. Thế nào là ba? Tuy có tuổi trai trẻ nhưng ắt sẽ già, là điều chẳng đáng kính yêu, người đời không ham. Tỳ-kheo nên biết. Tuy không có bịnh nhưng ắt sẽ bịnh, điều đó chẳng đáng kính yêu, người đời không ham. Tỳ-kheo nên biết. Tuy có sống lâu nhưng ắt sẽ chết, điều đó chẳng đáng kính yêu, người đời không ham. Tỳ-kheo nên biết.

Thế nên, các Tỳ-kheo, dù đang thiếu niên trai tráng, nên cầu chẳng già. Tuy có không bịnh, nên cầu phương tiện khiến cho không có bịnh. Tuy có sống

lâu, nên cầu phương tiện khiến không mạng chung. Như thế, Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ví như mùa xuân, trời mưa đá lớn; nếu Như Lai không ra đời chúng sanh sẽ vào địa ngục. Cũng lại như thế, bấy giờ đàn bà sẽ vào địa ngục nhiều hơn đàn ông. Vì sao thế? Tỳ-kheo nên biết: vì ba việc mà chúng sanh thân hoại mạng chung phải vào ba đường ác. Thế nào là ba? Là tham dục, thùy miên và điều hí (trạo cử). Có ba điều này ràng buộc tâm ý, thân hoại mạng chung rơi vào ba đường ác. Đàn bà suốt ngày tập quen ba pháp để tự vui thú. Thế nào là ba? Sáng sớm dùng tâm tật đố mà ràng buộc mình, đến trưa lại đem thùy miên kết buộc, về chiều lấy tâm tham dục cột trói. Do nhân duyên này khiến đàn bà ấy thân hoại mạng chung sanh vào ba đường ác. Thế nên các Tỳ-kheo, hãy nhớ lìa ba pháp này.

Thế Tôn liền nói kệ:

Tật đố, ngủ, điều hí,
Tam dục là pháp ác,
Dắt người đến địa ngục,
Rốt cuộc không giải thoát.
Vì thế nên xa lìa,
Tật đố, ngủ, điều hí,

Cũng nên lìa bỏ dục,
Chớ tạo hạnh ác kia.
Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nhớ lìa tật đố, không tâm xan lẫn, thường hành bố thí, không đắm thùy miên, hãy hành bất nhiễm, chẳng mắc tham dục. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba pháp này, quen thói thì không biết nhàm chán, cũng lại không thể dẫn đến chỗ thôi dứt. Thế nào là ba? Nghĩa là tham dục, nếu có người quen pháp này, ban đầu không chán; hoặc lại có người quen uống rượu, ban đầu không chán; hoặc lại có người quen ngủ nghỉ, ban đầu không chán. Đó là, các Tỳ-kheo! Nếu có người quen ba pháp này, ban đầu không chán, lại cũng không thể đến chỗ diệt tận. Thế nên, các Tỳ-kheo, thường hãy bỏ lìa ba pháp này, chẳng nên gần gũi. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Cúng dường, ba căn lành,
Ba thọ, ba che bày,
Tướng, pháp, ba bất giác,
Kính yêu, xuân, không đủ.
---o0o---

XXIII. Phẩm Địa chủ

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bảo các quần thần rằng:

- Các Ông hãy sai sửa soạn xe vũ bảo (xe có lọng). Ta muốn đến chỗ Thế Tôn để lễ bái, thăm hỏi.

Bấy giờ tả hữu vâng lệnh vua sửa soạn xe vũ bảo rồi thưa vua:

- Đã sửa soạn xe xong, nay đã đến giờ.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc liền ngồi xe vũ bảo, có vài ngàn người đi bộ và cỡi ngựa đi theo, vây quanh trước sau, ra khỏi nước Xá-vệ, đến Tinh xá Kỳ

Hoàn, tới chỗ Thế Tôn. Như các pháp của vua, vua tháo bỏ năm món trang sức là: lọng, mũ, kiếm, giày, và phất trần vàng, để qua một bên, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi

xuống một bên.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết thâm pháp cho vua, khuyến khích, làm cho hoan hỉ. Vua Ba-tư-nặc nghe thuyết pháp xong, bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn nhận lời con thỉnh trong ba tháng, cùng Tỳ-kheo Tăng, chớ đi nơi khác.

Thế Tôn làm thinh nhận lời thỉnh của vua Ba-tư-nặc. Vua Ba-tư-nặc thấy Thế Tôn yên lặng nhận lời mời, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui đi. Về đến thành Xá-vệ, vua ra lệnh cho các quần thần:

- Ta muốn cúng dường thức ăn cho đức Phật và Tỳ-kheo Tăng trong ba tháng, cung cấp các thức cần dùng như y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men khi bịnh tật. Các Ông cũng nên phát tâm hoan hỉ.

Quần thần đáp:

- Xin vâng.

Vua Ba-tư-nặc liền cất đại giảng đường ngoài cửa cung cấp hết sức đẹp đẽ, treo giăng phướn, lọng, kỹ nhạc xướng lên vô kể, bày các ao tắm, chưng các đèn dầu, dọn các thức ăn trăm vị.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Đã đến giờ, cúi mong Thế Tôn đoái đến chốn này.

Thế Tôn thấy đã đến giờ, đắp y, ôm bát, cùng các Tỳ-kheo Tăng, vây quanh trước sau vào thành Xá-vệ, đến giảng đường kia. Đến rồi Ngài lại tòa ngồi, các Tỳ-kheo mỗi vị ngồi theo thứ tự. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc cùng các cung nhân tự tay đem thức ăn cung cấp chỗ cần dùng; suốt ba tháng không chút thiếu sót, cung cấp y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men khi bịnh tật. Thấy Thế Tôn ăn xong, vua đem các thứ hoa rải lên Thế Tôn và các Tỳ-kheo Tăng rồi lấy một ghế nhỏ đến trước Như Lai ngồi, bạch Thế Tôn:

- Con từng theo Phật nghe: do gốc nhân duyên bố thí thức ăn cho súc sanh được phước trăm lần, cho người phạm giới ăn được phước ngàn lần, cho người trì giới ăn được phước vạn lần, cho tiên nhân đoạn dục ăn được phước

ức lần, cho bậc hướng Tu-đà-hoàn ăn được phước chẳng thể kể, huống lại Thánh quả Tu-đà-hoàn, huống là bậc hướng Tư-đà-hàm, đắc đạo Tư-đà- hàm, huống bậc hướng A-na-hàm, đắc đạo A-na-hàm, huống bậc hướng A- la-hán, đắc đạo A-la-hán, huống bậc hướng Bích-chi Phật, đắc Bích-chi Phật, huống bậc hướng Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, huống bậc thành Phật và Tỳ-kheo Tăng, phước đó công đức không thể tính kể. Hôm nay con tạo công đức đã xong.

Thế Tôn bảo:

- Đại vương! Chớ có nói thế! Làm phước không nhàm chán, hôm nay cớ sao nói đã làm xong? Vì sao thế? Vì sanh tử dài lâu không thể kể.

Thuở quá khứ lâu xa, có vua tên là Địa Chủ, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề này. Vua có đại thần tên Thiện Minh, chu toàn cho vua từng chút một, chẳng sợ khó khăn.

Bấy giờ nhà vua chia cho đại thần một nửa đất Diêm-phù-đề để cai trị. Tiểu vương Thiện Minh tự tạo thành quách, Đông, Tây mười hai do tuần, rộng bảy do tuần, đất đai thuần thục, màu mỡ, dân chúng đông đúc. Thành ấy tên là Viễn Chiếu, vị phu nhân đệ nhất của vua Thiện Minh tên là Nhật Nguyệt Quang, không cao, không thấp, không mập, không ốm, chẳng trắng, chẳng đen, nhan mạo đoan chánh, hiếm có ở đời, miệng thơm hương hoa ưu-bát, thân có mùi chiên-đàn. Chưa được mấy hôm, bà có thai, phu nhân ấy liền đến tâu vua:

- 'Nay tôi có thai'.

Vua nghe xong vui mừng hớn hở, không thể kềm được, liền sai tả hữu xếp đặt cụ khoái lạc vô kể. Phu nhân mang thai, đến ngày sanh một bé trai. Khi đang sanh, thấy đất Diêm-phù sắc vàng rực rỡ, nhan mạo của cậu bé đoan chánh, đủ ba mươi hai tướng, thân màu vàng. Đại vương Thiện Minh thấy thái tử này thì vui mừng hớn hở, hân hoan vô lượng, liền mời các đạo sĩ Bà- la-môn, rồi bồng Thái tử đến để xem tướng:

- 'Nay ta sanh đứa bé này, các Khanh xem tướng và đặt tên cho ta'.

Các thầy tướng vâng lệnh vua, mỗi người bế thái tử lên ngắm nghía, quan sát tướng mạo, cùng tâu vua:

- 'Thái tử của Thánh vương đoan chánh vô song, các căn không khiếm khuyết, có ba mươi hai tướng. Nay, thái tử sẽ có hai đường: Nếu ở tại nhà sẽ làm Chuyển luân Thánh vương, bảy báu đầy đủ. Bảy báu là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Đó là bảy. Chuyển luân Thánh vương sẽ có ngàn đứa con mạnh mẽ, cương cường, hay dẹp trừ quân địch, chẳng dùng đao trượng, tự nhiên hàng phục được bốn bể. Nếu vương tử này xuất gia học đạo, sẽ thành Vô thượng Chánh giác, danh đức vang xa khắp toàn thế giới. Hôm nay sanh thái tử này, ánh sáng chiếu xa, nay xin đặt tên tự vương tử là Đăng Quang'.

Các thầy tướng đặt tên xong liền lui đi. Suốt ngày, vua bồng thái tử không rời mắt. Rồi vua lập ba giảng đường cho thái tử: mùa thu, mùa đông, mùa hạ tùy đó mà thích nghi. Cung nhân, thể nữ đầy cung cho thái tử vui chơi ở đó.

Lúc thái tử của vua hai mươi chín tuổi, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Ngay đêm xuất gia ngài thành Phật.

Bấy giờ khắp đất Diêm-phù-đề đều hay biết thái tử của vua xuất gia học đạo, ngay ngày ấy thành Phật. Sáng sớm, vua cha nghe thái tử xuất gia học đạo, đêm đó thành Phật. Vua liền nghĩ rằng: 'Đêm qua, ta nghe chư Thiên đều cùng khen lành trên hư không. Đây chắc là điềm lành, chẳng phải tiếng dữ. Nay ta hãy đến để gặp gỡ'.

Vua liền dẫn bốn mươi ức nam nữ vây quanh đi đến chỗ Phật Đăng Quang. Đến rồi cúi lạy và ngồi một bên, bốn mươi ức chúng cùng lễ lạy ngồi ở một bên. Bấy giờ, Như Lai thuyết diệu luận lần lượt cho phụ vương và bốn mươi ức chúng. Luận nghĩa là: luận bố

thí, luận trì giới, luận sanh thiên, dục là ô uế, lậu là hạnh bất tịnh, xuất gia là cần yếu để quả báo thanh tịnh.

Bấy giờ Như Lai xem ý của chúng sanh tâm tánh nhu hòa. Những pháp Khổ, Tập, Diệt mà chư Như Lai thường thuyết, Ngài đều rộng thuyết nghĩa này cho bốn mươi ức chúng kia cả. Họ liền ngay chỗ ngồi sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bốn mươi ức chúng bạch Đăng quang Như Lai rằng:

- 'Chúng con có ý muốn cạo tóc xuất gia học đạo'.

Đại vương nên biết! Bấy giờ bốn mươi ức chúng đều được xuất gia học đạo, ngày hôm đó thành A-la-hán.

Đăng Quang Như Lai đem bốn mươi ức chúng đều là những người không còn dính mắc, du hành trong cõi nước ấy. Nhân dân trong nước cúng dường bốn món: y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc thang khi bịnh tật, không thiếu thốn gì. Bấy giờ Đại vương Địa Chủ nghe ngài Đăng Quang thành Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đem bốn mươi ức chúng đều là bậc không dính mắc, du hành cõi nước kia, liền nghĩ: 'Nay ta nên nhắn tin đến thỉnh Như Lai ở đây du hóa. Nếu khiến Ngài đến được thì bổn nguyện của ta được đầy đủ. Nếu Ngài không đến, tự ta sẽ đến lễ bái, quỳ lạy thăm hỏi'. Rồi vua liền sai một vi quan:

- Ông đến nơi đó thăm hỏi Như Lai, đem tên tuổi ta cúi lạy thăm hỏi Như Lai sống có nhẹ nhàng, đi đứng có mạnh khỏe không? Hãy nói: 'Vua Địa Chủ thăm hỏi Như Lai có được nhẹ nhàng, đi đứng mạnh khỏe không? Cúi mong Thế Tôn chiếu cố đến chốn này'.

Người ấy nhận lệnh vua liền đến nước kia. Đến rồi cúi lạy Thế Tôn, đứng qua một bên rồi thưa:

- 'Đại vương Địa Chủ cúi lạy Như Lai, thăm hỏi Thế Tôn sinh hoạt có nhẹ nhàng, đi đứng mạnh khỏe không? Cúi mong Thế Tôn chiếu cố đến nước kia'.

Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh ấy. Rồi Đăng Quang Như Lai cùng với bốn mươi ức đại chúng Tỳ-kheo dần dần du hành trong nhân gian, khắp nơi đều được cung kính, mọi người đều đem cống hiến y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men khi bịnh tật. Chư vị dần đến cõi nước của vua Địa Chủ. Đại vương Địa Chủ nghe Đăng Quang Như Lai đem bốn mươi ức đại chúng Tỳ- kheo đến nước này, đang ở trong vườn Bắc-bà-la, liền nghĩ: 'Nay ta nên tự đến nghinh đón'. Đại vương Địa Chủ lại đem bốn mươi ức chúng đến chỗ Đăng Quang Như Lai; đến rồi cúi lạy, ngồi một bên và bốn mươi ức chúng cúi lạy ngồi một bên. Bấy giờ Đăng Quang Như Lai đối diện lần lượt thuyết diệu luận cho vua kia và bốn mươi ức chúng. Luận nghĩa là: luận bố thí, luận trì giới, luận sanh thiên, dục là ô uế, lậu là hạnh bất tịnh, xuất gia là cần yếu để được quả báo thanh tịnh.

Bấy giờ Như Lai xem ý của chúng sanh, tâm tánh nhu hòa, pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo chư Phật Như Lai thường thuyết, Ngài rộng thuyết hết nghĩa này cho bốn mươi ức chúng. Mọi người ở ngay trên tòa sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bốn mươi ức chúng bạch Đăng Quang Như Lai:

- 'Chúng con ý muốn cạo râu tóc, xuất gia học đạo'.

Đại vương nên biết! Bấy giờ bốn mươi ức chúng đều được xuất gia học đạo, ngay ngày hôm đó thành A-la-hán. Đại vương Địa Chủ liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui đi.

Đăng Quang Như Lai đem tám mươi ức chúng đều là A-la-hán du hành trong nước đó. Nhân dân trong nước cúng dường bốn món: y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men khi bịnh tật; mọi việc cung cấp không thiếu sót gì.

Bấy giờ, Đại vương Địa Chủ lại vào lúc khác đem quần thần đến chỗ Như Lai, cúi lạy rồi ngồi một bên. Đăng Quang Như Lai thuyết pháp vi diệu cho Quốc vương kia. Đại vương Địa Chủ bạch Như Lai rằng:

- 'Cúi mong Thế Tôn nhận sự cúng dường của con suốt đời và các Tỳ-kheo Tăng, con sẽ cung cấp y phục, thức ăn uống, đồ nằm, thuốc men khi bịnh tật, thảy đều cung cấp'.

Đăng Quang Như Lai im lặng nhận lời thỉnh của Đại Vương. Vua thấy Phật im lặng nhận thỉnh, lại bạch Thế Tôn lần nữa:

- 'Nay con theo Thế Tôn cầu mong được chấp nhận'.

Thế Tôn bảo:

- 'Pháp của Như Lai đã quá sự mong ước này'.

Vua bạch Thế Tôn:

- 'Nay con cầu nguyện rất là tịnh diệu!'

Thế Tôn bảo:

- 'Chỗ cầu nguyện tịnh diệu thế nào?'

Vua bạch Thế Tôn:

- 'Như ý của con thì hôm nay chúng Tăng dùng một bát ăn, ngày mai lại dùng bát khác ăn; hôm nay chúng Tăng mặc một loại y phục, ngày mai lại đổi y phục khác; hôm nay chúng Tăng ngồi một loại tòa, ngày mai lại ngồi tòa khác; hôm nay chúng Tăng sai khiến thị giả, ngày mai lại đổi thị giả. Chỗ cầu mong của con chính là nghĩa này.

Đăng Quang Như Lai bảo:

- 'Tùy chỗ Ông nguyện, nay chính đúng lúc'.

Đại vương Địa Chủ vui mừng hớn hở không kềm được, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui về cung. Đến rồi bảo các quần thần:

- Nay ý ta muốn suốt đời cúng dường Đăng Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác và chúng Tỳ-kheo y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men khi bịnh tật, khuyên các Ông cũng nên giúp đỡ ta sắp đặt cúng dường.

Quần thần đáp:

- 'Như lời Đại vương dạy'.

Cách thành không xa, non một do tuần, vua tạo lập một tòa nhà, chạm trổ văn vẻ, năm màu khắp trời đất, treo tua phướn bảo cái, xướng kỹ nhạc, rưới hương ướt đất, sửa sang ao tắm, đặt đủ đèn sáng và các thức ăn uống ngon ngọt, xếp đặt chỗ ngồi. Rồi vua bạch Phật giờ đến:

- 'Nay chính đúng giờ, mong Ngài chiếu cố'.

Đăng Quang Như Lai đã biết đến giờ, liền đắp y, ôm bát cùng chúng Tỳ- kheo vây quanh trước sau, đi đến giảng đường, mỗi người đến tòa mà ngồi. Đại vương Địa Chủ thấy Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi xong, đem cung nhân, thể nữ và các đại thần, tự tay châm chước, dọn các món ăn uống trăm vị.

Đại vương nên biết! Bấy giờ Đại vương Địa Chủ trong bảy vạn năm cúng dường Đăng Quang Như Lai và tám mươi ức chúng A-la-hán, chưa hề lười mỏi. Như Lai kia giáo hóa chu tất rồi liền ở Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết- bàn. Đại vương Địa Chủ dùng trăm thứ hương hoa cúng dường. Ở bốn ngã đường dựng lên bốn tháp mỗi cái bằng bảy báu vàng, bạc, lưu ly, thủy tinh, treo tua, phướn, bảo cái, hương hoa phướn lọng và tám mươi ức chúng lần lượt ở Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Bấy giờ Đại vương thu thập Xá-lợi của tám mươi ức chúng, lập thần tự, đều treo tua, phướn lọng, hương hoa cúng dường.

Đại vương nên biết! Bấy giờ Đại vương Địa Chủ lại cúng dường tháp Đăng Quang Như Lai và tháp tám mươi ức La-hán; lại trải qua bảy vạn năm tùy thời cúng dường, thắp đèn rải hoa, treo tua, phướn lọng.

Đại vương nên biết! Giáo pháp của Đăng Quang Như Lai để lại diệt hết, vua kia mới chịu diệt độ. Đại vương Địa Chủ lúc đó nào phải là ai khác. Chớ có

xem như thế. Vì cớ sao? Đại vương Địa Chủ tức là thân Ta vậy. Ta lúc đó trong bảy vạn năm đem y phục, thức ăn, đồ nằm, thuốc men khi bịnh tật cúng dường Phật kia không để giảm thiếu. Sau khi Phật nhập Niết-bàn, Ta lại ở trong bảy vạn năm cúng dường hình tượng Xá-lợi, thắp hương, đốt đèn, treo tua, phướn lọng, không chỗ nào cạn thiếu. Lúc đó Ta đem công đức này, cầu được phước ở trong sanh tử, chẳng cầu giải thoát.

Đại vương nên biết! Phước đức có được lúc bấy giờ, nay có dư thừa không? Chớ xem thế! Như ta hôm nay, phước đức kia chẳng còn một mảy may như lông tóc. Vì sao thế? Vì sanh tử lâu dài không thể kể nhớ. Trong đó thảy hưởng hết phước, chẳng còn một hào ly. Thế nên, Đại vương, chớ có bảo rằng: 'Hôm nay, ta tạo phước đức đã xong'. Đại vương! Hãy nói rằng: 'Nay thân, miệng, ý của ta tạo các hạnh đều mong cầu giải thoát, chẳng cầu ở trong sanh tử. Nghiệp phước liền được luôn luôn an ổn vô lượng'.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc liền ôm lòng sợ hãi, lông áo dựng ngược, buồn khóc lẫn lộn, lấy tay gạt lệ, cúi lạy, tự trình bày lỗi của mình, như ngu, như ngây, không hiểu biết gì.

- Cúi mong Thế Tôn nhận lời hối lỗi của con. Nay năm vóc gieo xuống đất, sửa đổi lỗi đã qua, con chẳng nói năng như thế nữa. Cúi mong Thế Tôn nhận con hối lỗi. Như thế đến ba lần. Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, Đại vương! Nay ở trước Như Lai sám hối sự phi pháp này, đổi lỗi cũ để tu sửa về sau. Nay Ta chấp nhận sự hối lỗi của Ngài, chớ tạo lại nữa.

Bấy giờ ở trong đại chúng có một Tỳ-kheo-ni tên Ca-chiên-diên, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi bạch Thế Tôn:

- Nay Thế Tôn nói thật là vi diệu. Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc rằng: 'Đại vương nên biết! Thân, miệng, ý tạo các hạnh đều cầu giải thoát, chớ cầu ở trong sanh tử hưởng phước nghiệp này, lại luôn luôn được an ổn vô lượng'. Vì sao như thế? Con tự nhớ ba mươi mốt kiếp, Phạn Thức Cật Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, du hóa tại thế giới Dã-mã.

Bấy giờ đức Phật đến giờ đắp y, ôm bát vào thành Dã Mã khất thực. Lúc đó trong thành có một người làm thuê tên là Thuần Hắc. Ông ta thấy Như Lai ôm bát vào thành khất thực, thấy rồi liền nghĩ:

'Nay Như Lai vào thành ắt phải ăn uống'.

Ông liền vào nhà lấy thức ăn ra bố thí cho Như Lai và phát lời thệ nguyện: 'Con trì công đức này, không bị đọa trong ba đường ác; khiến con đời tương lai cũng sẽ gặp bậc Thánh Tôn như thế, cũng sẽ khiến Thánh Tôn kia vì con thuyết pháp được giải thoát'. Thế Tôn và vua Ba-tư-nặc đều cùng biết đó. Lúc ấy, người làm thuê Thuần Hắc há là người khác ư? Chớ xem như thế. Vì cớ sao? Bấy giờ người làm thuê Thuần Hắc chính là thân con. Con ở thời Phạn Thức Cật Như Lai ấy phát thệ nguyện này: khiến đời tương lai gặp vị Thánh Tôn này thuyết pháp cho con được giải thoát. Con ở ba mươi mốt kiếp chẳng đọa trong ba đường ác, sanh trong Trời, Người, cuối cùng ngày nay thọ thân phận này, gặp gỡ Thánh Tôn được xuất gia học đạo, dứt sạch các hữu lậu thành A-la-hán. Như lời Thế Tôn nói rất là vi diệu, bảo với vua Ba-tư-nặc: 'Thân, miệng, ý tạo các hạnh đều cầu giải thoát, chớ ở sanh tử hưởng phước nghiệp này'.

Con nếu thấy Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di tâm hoan hỉ, ý hướng về Như Lai, con liền nghĩ rằng: 'Các bậc Hiền sĩ này dụng ý vẫn không phải là lời Như Lai nói về sự ái kính cúng dường'. Con thấy bốn bộ chúng liền đến bảo rằng:

- 'Chư Hiền có cần vật gì không? Y bát, tọa cụ, ống kim, bồn tắm? Và các Sa-môn khác cần vật gì tôi đều sẽ cung cấp'.

Con đã hứa, liền đi khắp nơi cầu xin; nếu con được thì rất may, nếu khiến chẳng được thì liền đến Uất-đơn-việt, Cù-na-di, Phất-vu-đệ để tìm hỏi xin cho họ. Vì sao thế? Con đều do bốn bộ chúng này mà đắc đạo Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn quán sát tâm Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, liền bảo các Tỳ- kheo:

- Các Thầy có thấy người nào tín tâm giải thoát như thế so với Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Không thấy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ nhất Tỳ-kheo-ni được tín giải thoát là Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên.

Bấy giờ Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, cùng vua Ba-tư-nặc với bốn bộ chúng nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật, cùng với năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ Tôn giả Bà-câu-lô ở tại một hóc núi vá nạp y cũ. Khi ấy Thích-đề- hoàn-nhân từ xa trông thấy Tôn giả Bà-câu-lô ở một hóc núi vá y cũ, thấy rồi liền nghĩ rằng:

- Tôn giả Bà-câu-lô này đã thành A-la-hán, các trói buộc đã cởi, trường thọ vô lượng, hằng tự hàng phục, suy nghĩ vô thường, khổ, không, vô ngã, chẳng dích mắc việc đời, cũng lại chẳng thuyết pháp cho người khác, lặng lẽ tự tu như ngoại đạo dị học. Chẳng rõ vị Tôn giả này có thể thuyết pháp cho người khác hay không làm nổi. Nay ta nên thử xem.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân từ cõi trời Ba mươi ba biến mất, đến núi Kỳ- xà-quật, đứng trước Tôn giả Bà-câu-lô, cúi lạy rồi đứng một bên. Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân liền nói kệ này:

Người trí khen ngợi thuyết,
Cớ sao chẳng thuyết pháp?
Dẹp kiết, thành hạnh Thánh,
Sao lại lặng lẽ trụ?
Tôn giả Bà-câu-lô lại dùng kệ mà đáp Thích-đề-hoàn-nhân:

- Có Phật, Xá-lợi-phất
A-nan, Quân-đầu, Bàn (Đặc)
Cũng cùng các tôn trưởng
Khéo hay thuyết pháp mầu.
Thích-đề-hoàn-nhân bạch Tôn giả Bà-câu-lô:

- Căn tánh của chúng sanh có bao nhiêu loại, nhưng Ngài nên biết: Thế Tôn cũng nói chúng sanh rất nhiều chủng loại ở cõi đất. Cớ sao Tôn giả Bà-câu- lô không thuyết pháp cho người khác?

Ngài Bà-câu-lô đáp:

- Các loại chúng sanh rất khó hiểu biết. Thế giới bao nhiêu quốc độ chẳng đồng, đều dính mắc ngã sở và không phải ngã sở. Nay tôi quán sát nghĩa này rồi, nên không thuyết pháp cho người.

Thích-đề-hoàn-nhân nói:

- Xin Ngài thuyết cho tôi nghĩa ngã sở và không phải ngã sở.

Tôn giả Bà-câu-lô nói:

- Ta, người, thọ mạng, hoặc nam, hoặc nữ, hoặc sĩ phu (chúng sanh), đều nương mạng này mà tồn tại. Nhưng lại, này Câu-dực, Thế Tôn cũng nói: 'Tỳ-kheo nên biết! Hãy tự hăng hái không khởi pháp tà, cũng hay yên lặng như Hiền Thánh. Tôi xem nghĩa này rồi nên làm thinh'.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân vọng về Thế Tôn, chắp tay nói bài kệ này:

Quy mạng đấng Thập Lực,
Tròn sáng không bụi bặm,
Khắp vì tất cả người,
Đây thật rất kỳ đặc.
Tôn giả Bà-câu-lô nói:

- Vì sao Đế Thích nói: Đây thật rất kỳ đặc?

Thích-đề-hoàn-nhân đáp:

- Tôi tự nhớ lúc xưa đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy Thế Tôn mà hỏi nghĩa này: loài Trời, Người có tưởng niệm nào?

Bấy giờ Thế Tôn bảo tôi rằng:

- 'Thế giới này bao nhiêu loại, mỗi mỗi sai khác, nguồn gốc chẳng đồng'.

Tôi nghe lời này xong, đáp:

- 'Đúng vậy, Thế Tôn! Như Thế Tôn nói thế giới bao nhiêu loại, mỗi mỗi chẳng đồng. Nếu thuyết pháp cho chúng sanh kia thì có người thành Thánh quả'.

Tôi do đây nên nói: đây rất là kỳ đặc. Mà Tôn giả Bà-câu-lô cũng nói như thế: Thế giới bao nhiêu loại, mỗi mỗi chẳng đồng.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân nghĩ: 'Tôn giả này kham nhậm thuyết pháp cho người chứ không phải không thể'. Thích-đề-hoàn-nhân từ chỗ ngồi đứng lên mà đi.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân nghe Tôn giả Bà-câu-lô nói xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Chiêm-bà bên bờ hồ Lôi Thanh.

Bấy giờ Tôn giả Nhị Thập ức Nhĩ (Sona) ở trong chỗ vắng, tự tu pháp bổn, chẳng bỏ hai mươi pháp hạnh đầu đà, ngày đêm kinh hành chẳng lìa lời dạy về Ba mươi bảy đạo phẩm, hoặc ngồi, hoặc đi thường tu Chánh pháp. Đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm hằng tự gắng gỏi, chẳng bỏ trong chốc lát, nhưng lại không thể ở pháp dục lậu, tâm được giải

thoát.

Tôn giả Sô-na đi kinh hành bị đứt chân chảy máu đầy khắp lề đường, giống như chỗ mổ trâu, quạ diều hâu đến hút máu, mà lại chẳng thể đối với dục lậu mà tâm được giải thoát. Tôn giả Sô-na liền nghĩ: 'Trong đệ tử tinh tấn khổ hạnh của Phật Thích-ca Văn, ta là đệ nhất. Nhưng hôm nay, ta tâm lậu chẳng được giải thoát. Lại nữa, gia nghiệp của ta nhiều tiền lắm của, đáng nên xả bỏ pháp phục trở về làm cư sĩ, đem tài vật rộng bố thí. Nay làm Sa-môn rất khó, chẳng phải dễ dàng'.

Bấy giờ Thế Tôn từ xa biết tâm niệm của Sô-na, liền bay lên hư không, đến chỗ ông ta kinh hành, trải tòa mà ngồi. Khi ấy Tôn giả Sô-na đến chỗ Phật cúi lạy rồi ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi Sô-na rằng:

- Vừa rồi cớ sao Thầy lại nghĩ: 'Trong số đệ tử tinh tấn khổ hạnh của Phật Thích-ca Văn, ta là đệ nhất. Nhưng hôm nay ta lậu tâm chẳng được giải thoát. Lại gia nghiệp ta lắm tiền nhiều báu, nên xả bỏ pháp phục, trở về làm cư sĩ, lấy tài vật rộng bố thí, nay làm Sa-môn thật khó, chẳng phải dễ dàng?'.

Sô-na đáp:

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta lại hỏi Thầy, Thầy tùy đó mà đáp lời Ta. Thế nào Sô-na? Xưa lúc Thầy ở nhà, đánh đàn có giỏi không?

Sô-na đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn! Xưa lúc ở nhà, con đành đàn rành.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào Sô-na! Nếu dây đàn quá căng thì tiếng chẳng đều. Lúc đó tiếng đàn nghe có hay không?

Sô-na đáp:

- Bạch Thế Tôn, không!

Thế Tôn bảo:

- Thế nào Sô-na? Nếu dây đàn lại chùng, thì tiếng đàn nghe có hay chăng?

Sô-na đáp:

- Bạch Thế Tôn, không.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào Sô-na? Nếu dây đàn không căng, không chùng thì bấy giờ tiếng đàn nghe có hay không?

Sô-na đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn! Nếu dây đàn không chùng cũng không căng, bấy giờ tiếng đàn có thể nghe hay.

Thế Tôn bảo:

- Đây cũng như thế. Người quá tinh tấn giống như điều hý (trạo cử). Nếu người giải đãi, người này sẽ đọa vào tà kiến. Nếu người có thể ở giữa hai điều này thì đây là thượng hạnh, như thế chẳng bao lâu sẽ thành bậc Vô lậu.

Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho Tỳ-kheo Sô-na xong, trở về bên bờ hồ Lôi Âm.

Khi ấy, Tôn giả Sô-na tư duy lời dạy của Thế Tôn, ở chỗ vắng vẻ tu hành pháp này không hở một giây. Sở dĩ người dòng dõi vọng tộc, xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không thọ thân sau nữa, như thật mà biết. Tôn giả Sô- na liền thành A-la-hán.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử tinh cần, khổ hạnh đệ nhất là Tỳ-kheo Sô-na.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ, có trưởng giả Bà-đề mắc bịnh rồi chết, nhưng trưởng giả ấy chẳng có con cái, nên bao nhiêu tài sản đều nhập vào cung hết. Bấy giờ vua Ba-tư-nặc thân dính bụi đất đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên.

Khi ấy Thế Tôn hỏi vua:

- Đại vương! Cớ sao bụi đất đầy người mà đến chỗ Ta?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

- Trong thành Xá-vệ này có trưởng giả tên là Bà-đề, hôm nay mạng chung, ông ta không có con, nên con đích thân đến tịch thu tài sản sai nhập vào cung: tám vạn cân vàng ròng, huống là các vật linh tinh khác. Nhưng trưởng giả đó ngày còn sống ăn những thức ăn hết sức dở tệ như thế, không ăn món ngon lành, mặc y phục bẩn thỉu chẳng sạch, cỡi xe ngựa hết sức ốm o.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, Đại vương! Như lời vua nói. Phàm người tham lam keo kiệt, được tài sản này chẳng thể ăn uống, chẳng cho cha mẹ, vợ con, đầy tớ, nô tỳ; cũng lại chẳng cho bạn bè, trí thức; cũng lại chẳng cho Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc Tôn trưởng. Nếu người có trí được tài bảo này, liền có thể bố thí, cứu giúp rộng rãi tất cả không có lẫn tiếc, cung cấp Sa-môn, Bà-la-môn, các bậc cao đức.

Vua Ba-tư-nặc nói:

- Trưởng giả Bà-đề này mạng chung sanh về nơi nào?

Thế Tôn bảo:

- Trưởng giả Bà-đề này mạng chung sanh vào đại địa ngục Thế Khốc (khóc lóc). Vì sao thế? Đây là người đã đoạn gốc lành, thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục Thế Khốc.

Vua Ba-tư-nặc nói:

- Trưởng giả Bà-đề dứt gốc lành ư?

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, Đại vương! Như lời vua nói, trưởng giả đó dứt hẳn gốc lành. Mà trưởng giả đó phước cũ đã hết, lại chẳng tạo phước mới.

Vua Ba-tư-nặc nói:

- Trưởng giả đó không còn sót lại chút phước nào sao?

Thế Tôn bảo:

- Không, Đại vương! Ông ta không còn lại một mảy may nào, như người làm ruộng chỉ thu hoạch mà chẳng trồng sau bị cùng khốn dần dần đến chết,

Vì sao thế? Ông ta chỉ hưởng nghiệp cũ không tạo cái mới. Trưởng giả này, cũng lại như thế, chỉ hưởng phước cũ không tạo thêm phước mới. Trưởng giả này đêm nay sẽ ở trong địa ngục Thế Khốc.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc kinh sợ, gạt lệ mà thưa:

- Trưởng giả này ngày xưa làm công đức phước nghiệp gì mà sanh trong nhà giàu? Lại tạo căn bản bất thiện nào mà chẳng được hưởng của cải cực phú này, chẳng ưa trong ngũ dục lạc?

Thế Tôn bảo vua Ba-tư-nặc rằng:

- Quá khứ lâu xa, vào thời Phật Ca-diếp, vị trưởng giả này ở trong thành Xá- vệ là con nhà làm ruộng. Khi ấy, Phật đã nhập diệt rồi, có Bích-chi Phật ra đời, đến nhà trưởng giả này. Bấy giờ trưởng giả này thấy Phật Bích-chi ở ngoài cửa, thấy rồi liền nghĩ: 'Như Tôn giả này ra đời rất khó. Nay ta nên đem thức ăn uống bố thí cho người này'.

Bấy giờ trưởng giả liền bố thí cho Phật Bích-chi kia thức ăn. Phật Bích-chi thọ thực xong liền bay lên hư không mà đi. Vị trưởng giả kia thấy Phật Bích- chi vận thần túc, liền thệ nguyện rằng: 'Nguyện đem gốc lành này, khiến đời đời, chỗ sanh không đọa trong ba đường ác, thường có nhiều tài bảo'.

Sau đó ông ta lại hối hận: 'Thức ăn vừa rồi đáng lẽ cho tôi tớ, chẳng nên cho đạo nhân trọc đầu này ăn'.

Bấy giờ trưởng giả nhà nông nọ há là người nào khác, chớ có xem như thế. Vì cớ sao? Trưởng giả nhà nông bấy giờ nay là trưởng giả Ba-đề này.

Khi ấy bố thí xong phát lời thệ nguyện này: 'Trì công đức này, chỗ sanh sẽ không đọa ba đường ác, thường được lắm tiền nhiều của, sanh trong nhà phú quý, không thiếu thốn gì cả'. Đã bố thí rồi, sau lại hối hận: 'Ta thà cho tôi tớ ăn, chẳng nên cho đạo nhân trọc đầu này ăn'.

Do nhân duyên đầu đuôi như thế, chẳng được hưởng của giàu có này, cũng chẳng được vui trong ngũ dục. Chẳng nuôi nấng chính mình cũng chẳng cho cha mẹ, anh em, vợ con, đầy tớ, bạn bè, tri thức; chẳng cho Sa-môn, Bà-la- môn, các bậc Tôn trưởng. Ông ta chỉ hưởng nghiệp cũ, chẳng tạo cái mới. Thế nên Đại vương, nếu có người trí, được tài sản này, nên rộng bố thí, chớ có tiếc lẫn, lại sẽ được tài sản vô cùng. Như thế, Đại vương, nên học điều này.

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

- Từ nay về sau con sẽ rộng bố thí cho Sa-môn, Bà-la-môn, bốn bộ chúng. Còn các người ngoại đạo dị học tới xin, con sẽ không chịu cho.

Thế Tôn bảo:

- Đại vương! Chớ nghĩ thế. Vì cớ sao? Tất cả chúng sanh đều do ăn mà sống còn, không có ăn liền chết.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Nhớ nên rộng bố thí,
Trọn chớ đoạn tâm thí,
Tất sẽ gặp Hiền Thánh,
Độ nguồn sanh tử này.
Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

- Nay con càng thêm hoan hỷ hướng về Như Lai. Vì sao thế? Tất cả chúng sanh đều do ăn mà được tồn tại, không ăn thì chẳng còn.

Vua Ba-tư-nặc nói:

- Từ nay về sau, con sẽ rộng bố thí không có lẫn tiếc.

Khi ấy Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho vua. Vua liền từ chỗ ngồi đứng lên cúi lạy rồi lui đi.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả A-nan ở chỗ vắng vẻ, liền nghĩ rằng: 'Ở thế gian, có loại hương nào vừa bay ngược gió, vừa bay thuận gió, vừa bay cả thuận gió, ngược gió chăng?'.

Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng lên đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên.

Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

- Con ở chỗ vắng vẻ chợt nghĩ rằng: 'Thế gian có mùi hương nào vừa bay ngược gió, vừa bay thuận gió, vừa bay cả thuận gió, ngược gió chăng?'.

Thế Tôn bảo A-nan:

- Có loại diệu hương này mà mùi thơm cũng bay ngược gió, cũng bay thuận gió, cũng bay cả trong gió thuận và ngược.

A-nan bạch Thế Tôn:

- Đấy là mùi hương nào mà hương cũng bay ngược gió, cũng bay thuận gió, cũng bay cả trong gió thuận và ngược?

Thế Tôn bảo:

- Có hương này mà sức của mùi thơm cũng bay ngược gió, cũng bay thuận gió, cũng bay cả trong gió thuận và ngược.

A-nan bạch Phật:

- Đây là hương nào, cũng thơm ngược gió, cũng thơm thuận gió, cũng thơm cả trong gió thuận và ngược?

Thế Tôn bảo:

- Ba loại hương này cũng bay ngược gió, cũng bay thuận gió, cũng bay cả trong gió thuận và ngược.

A-nan bạch Thế Tôn:

- Ba loại nào?

Thế Tôn bảo:

- Giới hương, văn hương và thí hương. Đó là, này A-nan! Có loại hương này mà lại bay ngược gió, cũng bay thuận gió, cũng bay ngược gió thuận gió. Các mùi hương có trên thế gian, thì ba loại hương này tối thắng, tối thượng,

không gì bằng, không gì bì kịp. Ví như do bò có sữa, do sữa có lạc, do lạc có tô, do tô có đề hồ, mà đề hồ này tối thắng, tối thượng, không gì bằng, không gì sánh kịp. Đây cũng như thế, các mùi hương có trong thế gian, ba loại này tối thắng, tối thượng không thể bì kịp.

Thế Tôn liền nói kệ:

Mộc mật và chiên-đàn,
Ưu-bát và các hương,
Và các thứ mùi hương,
Giới hương là hơn hết.
Giới này làm thành tựu,
Vô dục, không chỗ nhiễm,

Đẳng trí mà giải thoát,
Chỗ đi mà chẳng hay.
Hương này tuy là diệu,
Và các hương đàn, mật,
Hương giới là vi diệu,
Mười phương thảy đều nghe.
Chiên đàn tuy có hương,
Ưu Bát và hương khác,
Trong các thứ hương này,
Văn hương tối đệ nhất.
Chiên-đàn tuy có hương,
Ưu-bát và hương khác,
Trong các thứ hương này,
Thí hương tối đệ nhất.
Đó là ba loại hương này cũng thơm ngược gió, cũng thơm thuận gió, cũng thơm cả thuận gió ngược gió. Thế nên, A-nan, nên cầu phương tiện thành tựu ba loại hương này. Như vậy, A-nan, nên học điều này!

Bấy giờ A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt tại vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ, đắp y ôm bát vào thành La-duyệt khất thực. Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa cũng vào thành khất thực. Đề-bà-đạt-đa đi vào trong ngõ xóm, Phật cũng đến chỗ đó. Nhưng Phật từ xa trông thấy Đề-bà-đạt-đa đến liền muốn thối lui mà đi.

Khi ấy A-nan bạch Phật:

- Cớ sao muốn xa lìa xóm này?

Thế Tôn bảo:

- Nay Đề-bà-đạt-đa ở xóm này, nên Ta tránh đi.

A-nan bạch Phật:

- Thế Tôn! Há sợ Đề-bà-đạt-đa sao?

Thế Tôn bảo:

- Ta chẳng sợ Đề-bà-đạt-đa, nhưng kẻ ác này chẳng nên gặp gỡ.

A-nan thưa:

- Nhưng, bạch Thế Tôn! Có thể khiến cho Đề-bà-đạt-đa này tới phương khác.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Ta trọn không tâm này,
Khiến Đề-bà ra đi,
Rồi sẽ tự tạo hạnh
Và tự ở chỗ khác.
A-nan bạch Phật:

- Nhưng Đề-bà-đạt-đa có lỗi với Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Người ngu hoặc chẳng nên gặp gỡ.

Bấy giờ Thế Tôn nhìn A-nan mà nói kệ:

Chẳng nên thấy người ngu,
Chớ cùng ngu làm việc,
Cũng chớ nói năng cùng,
Nói những việc thị phi.
Khi ấy, A-nan lại dùng kệ đáp Thế Tôn:

Người ngu làm gì được?
Người ngu có lỗi gì?
Ngay cho cùng nói chuyện,
Lại có những lỗi nào?
Thế Tôn lại dùng kệ đáp A-nan:

Người ngu tự tạo hạnh,
Chỗ làm là phi pháp,
Chánh kiến trái luật thường,
Tà kiến ngày càng thêm.
Thế nên, A-nan, chớ cùng ác tri thức tùng sự. Vì cớ sao? Cùng ác tri thức tùng sự thì không tín, không giới, không văn, không trí. Cùng thiện tri thức tùng sự thì tăng thêm công đức, giới thành tựu đầy đủ. Như vậy, A-nan, hãy học điều này!

Bấy giờ A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, tại vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với năm trăm người.

Bấy giờ vua A-xà-thế thường đem năm trăm nồi cơm cấp cho Đề-bà-đạt-đa. Khi đó Đề-bà-đạt-đa danh vang bốn phương, giới đức đầy đủ, tiếng khen đầy đủ, có thể khiến cho vua hằng ngày đến cúng dường.

Lúc đó, Đề-bà-đạt-đa được lợi dưỡng này rồi. Các Tỳ-kheo nghe được bạch với Thế Tôn:

- Nhân dân trong nước khen ngợi Đề-bà-đạt-đa, tiếng khen vang xa; khiến cho vua A-xà-thế hằng đến cúng dường.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo các Thầy! Chớ ôm lòng ham lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa. Vì sao thế? Người ngu Đề-bà-đạt-đa tạo ba việc này: thân, miệng, ý hành trọn không kinh sợ, hãi hùng. Như nay người ngu Đề-bà-đạt-đa sẽ lại hết các công đức lành này. Ví như đem chó dữ cắt mũi nó, nó lại càng thêm hung ác. Người ngu Đề-bà-đạt-đa cũng lại như thế; nhận lợi dưỡng này rồi bèn khởi cống cao. Thế nên, các Tỳ-kheo, cũng chớ khởi lòng đắm trước lợi dưỡng. Nếu có Tỳ-kheo mắc vào lợi dưỡng sẽ không được ba pháp. Thế nào là ba? Đó là Giới Hiền Thánh, Tam-muội Hiền thánh và Trí tuệ Hiền Thánh không được thành tựu. Nếu có Tỳ-kheo không mắc lợi dưỡng sẽ được ba pháp. Thế nào là ba? Đó là Giới Hiền Thánh, Tam-muội Hiền Thánh, và Trí tuệ Hiền Thánh. Nếu muốn thành tựu ba pháp này nên phát lòng lành chớ mắc lợi dưỡng. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba bất thiện căn này. Thế nào là ba? Tham bất thiện căn, sân bất thiện căn, si bất thiện căn. Nếu Tỳ-kheo có ba bất thiện căn này sẽ đọa vào ba đường ác. Thế nào là ba? Nghĩa là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Như thế, Tỳ- kheo, nếu có ba bất thiện căn này sẽ có ba đường ác. Tỳ-kheo nên biết! Có ba thiện căn này. Thế nào là ba? Là bất tham thiện căn, bất sân thiện căn, bất si thiện căn. Đó là, Tỳ-kheo, có ba thiện căn này nếu người có ba thiện căn này liền có hai đường thiện và Niết-bàn là ba. Thế nào là hai đường? Nghĩa là Người, Trời vậy. Đó là, này các Tỳ-kheo, người có ba điều lành này sẽ sanh cõi lành này. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy lìa ba bất thiện căn, tu ba thiện căn. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba nhóm này. Thế nào là ba? Nghĩa là nhóm chánh (đẳng tụ), nhóm tà và nhóm bất định.

Thế nào là nhóm chánh? Nghĩa là chánh kiến, chánh tư duy (chánh chí), chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn (phương tiện), chánh niệm, chánh định. Đó là nhóm chánh.

Thế nào gọi là nhóm tà? Nghĩa là tà kiến, tà tư duy (tà chí), tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện (tinh tấn), tà niệm, tà định. Đó là nhóm tà.

Thế nào gọi là nhóm bất định? Nghĩa là không biết Khổ, không biết Tập, không biết Tận (diệt), không biết Đạo, không biết nhóm chánh, chẳng biết nhóm tà. Đó là nhóm bất định.

Các Tỳ-kheo nên biết, lại có ba nhóm. Thế nào là ba? Nghĩa là nhóm thiện, nhóm chánh, nhóm định.

Thế nào gọi là nhóm thiện? Nghĩa là ba thiện căn. Những thiện căn nào? Nghĩa là bất tham thiện căn, bất sân thiện căn, bất si thiện căn. Đó là nhóm thiện.

Thế nào gọi là nhóm chánh? Nghĩa là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh: chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định (tam-muội). Đó là nhóm chánh.

Thế nào gọi là nhóm định? Đó là biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo, biết nhóm lành, biết đường ác, biết nhóm định. Đó gọi là nhóm định.

Thế nên, các Tỳ-kheo, trong ba nhóm này, nhóm tà và nhóm bất định phải nên tránh xa. Còn nhóm chánh này nên vâng làm. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba quán tưởng này. Thế nào là ba? Nghĩa là quán dục tưởng, quán sân tưởng và sát hại tưởng. Đó là, Tỳ-kheo có ba tưởng này Tỳ-kheo nên biết: Nếu có người quán dục tưởng, lúc chết sẽ đọa trong địa ngục. Nếu quán sân tưởng, lúc chết sanh trong súc sanh; đó là thuộc loại gà, chó, loài rắn rết mà sanh trong đó. Nếu quán hại tưởng khi chết thì sẽ sanh trong ngạ quỷ, hình thể bị thiêu đốt, khổ sở không kể được. Đó là, này Tỳ-kheo có ba tưởng này sẽ sanh trong địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Lại có ba tưởng. Thế nào là ba? Nghĩa là xuất yếu tưởng, bất hại tưởng và bất sân tưởng. Nếu có người có tưởng xuất yếu, lúc chết sẽ sanh trong loài Người. Nếu người có tưởng bất hại, lúc chết sanh lên cõi Trời. Nếu có người có tâm bất sân, lúc chết đoạn được năm kiết (sử) sẽ ở nơi đó mà nhập Niết- bàn. Đó là, Tỳ-kheo, có ba tưởng này thường nhớ tu hành; ba ác tưởng này nên xa lìa chúng. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Địa Chủ, Bà-câu, Nhĩ (Sô-na),
Bà-đề, nghịch thuận hương,
Ngu, thế gian, ba bất thiện,
Ba nhóm quán ở sau.
---o0o---

XXIV.1. Phẩm Cao Tràng (1)

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ngày xưa, Trời Đế Thích bảo Trời Ba mươi ba: 'Các Khanh, nếu lúc vào cuộc chiến lớn, hễ có tâm sợ hãi, kinh hoàng, các Khánh hãy quay nhìn lá tràng (cờ) của Ta thì sẽ không sợ hãi. Nếu chẳng nhớ lá cờ của ta hãy nhớ lá cờ của Thiên vương Y-sa, vì nhớ cờ đó, người sẽ tiêu hết sự sợ hãi. Nếu không nhớ cờ của Ta và cờ của Thiên vương Y-sa, bấy giờ hãy nhớ lá cờ của Thiên vương Bà-lưu-na, vì nhớ là cờ kia, liền tiêu diệt sự sợ hãi'.

Nay ta lại bảo các Thầy: Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, nếu có sợ hãi, lông áo dựng ngược, bấy giờ hãy nhớ đến thân Ta, đây là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở đời. Nếu ai có sợ hãi, lông áo dựng đứng thì sợ hãi ấy liền tự tiêu diệt. Nếu lại chẳng nhớ Ta, bấy giờ nên nhớ Pháp, Pháp của Như Lai rất là vi diệu, là chỗ người trí học. Do nhớ Pháp, liền tiêu diệt sợ hãi. Nếu chẳng nhớ Ta, cũng chẳng nhớ Pháp, bấy giờ nên nhớ Thánh chúng, Thánh chúng, của Như Lai rất là hòa thuận, pháp pháp thành tựu, giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến tuệ thành tựu; nghĩa là bốn đôi, tám bậc; đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng kính, đáng thờ, là phước điền của thế gian, đó là Thánh chúng của Như Lai, bấy giờ nếu nhớ Tăng rồi, sự sợ hãi liền tiêu diệt.

Tỳ-kheo nên biết, Thích-đề-hoàn-nhân còn có dâm nộ si, mà Trời Ba-mươi- ba nhớ đến chúa mình liền không sợ hãi, huống lại Như Lai không có tâm dục nộ si, nên nhớ mà có sợ hãi sao? Nếu Tỳ-kheo có sợ hãi thì sợ hãi ấy liền tự tiêu diệt. Thế nên các Tỳ-kheo, nên nghĩ nhớ ba bậc Phật, Pháp, Thánh chúng. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ nước Bạt-kỳ có quỷ tên là Tỳ-sa ở tại nước đó rất hung bạo, giết người vô số; hằng ngày giết một người, hoặc ngày giết hai người, ba người, bốn người, năm người, mười người, hai mươi người, ba mươi người, bốn mươi người, năm mươi người.

Bấy giờ các quỷ thần, la-sát đầy dẫy khắp trong nước. Lúc ấy nhân dân Bạt- kỳ tụ tập nhau lại mà nói rằng:

- Chúng ta phải tránh nước này, đi đến nước khác, chẳng nên ở đây.

Bấy giờ ác quỷ Tỳ-sa biết tâm niệm của nhân dân, liền bảo họ rằng:

- Các Ngươi chớ lìa xứ này đến xứ khác. Vì sao thế? Vì trọn chẳng khỏi tay ta. Các Ngươi ngày ngày đem một người dâng ta, ta sẽ không khuấy rối các Ngươi.

Từ đó, nhân dân mỗi ngày đem một người nạp cho ác quỷ kia. Quỷ kia ăn người đó xong, đem hài cốt ném vào núi khác. Về sau, xương đầy hang, suối.

Khi ấy, có Trưởng giả tên là Thiện Giác, ở tại nước ấy, lắm tiền nhiều của, tài sản ngàn ức, lừa, ngựa, lạc đà không đếm xiết; vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách cũng không thể đếm. Bấy giờ, Trưởng giả có con tên là Na-ưu-la, là đứa con duy nhất ông ta rất yêu quý không rời mắt. Lúc ấy, có kỳ hạn này, đứa bé Na-ưu-la đến phiên dâng cho quỷ. Cha mẹ Na-ưu-la tắm rửa cho đứa bé này, mặc áo đẹp đem đến bãi tha ma nơi quỷ ở. Đến rồi, họ khóc lóc, kể lể không thể tả, cùng nói rằng:

- Chư Thần, Địa thần đều cùng chứng minh. Chúng tôi chỉ có một đứa con này, mong các thần minh hãy chứng minh cho, và hai mươi tám Đại quỷ thần vương, hãy gìn giữ đứa bé khỏi nguy ác; Và Tứ thiên vương, đều xin cùng được gởi gắm tánh mạng, mong ủng hộ đứa bé này khiến được tai qua nạn khỏi; cùng Thích-đề-hoàn-nhân, cũng xin hướng về quy mạng Phạm thiên vương nguyện thoát được mạng này, tất cả Quỷ Thần hộ thế, chúng tôi xin quy mạng, cho thoát được ác này; các đệ tử A-la-hán lậu tận của Như Lai con cũng xin quy mạng, khiến thoát khỏi ách này, con cũng lại quy y các Bích-chi Phật, không thầy tự giác, khiến thoát được ách này; con cũng tự quy y đấng Như Lai, là bậc hàng phục những người không hàng phục, độ những người chưa độ, thâu nhận những người chưa được thâu nhận, giải thoát người chưa giải thoát, những người chẳng nhập Niết-bàn khiến nhập Niết-bàn, người không được cứu liền cứu hộ cho, Ngài làm con mắt cho người mù, làm đại y vương cho người bệnh. Nếu ở Trời, Rồng, Quỷ thần, tất cả Nhân ma và Thiên ma, Ngài là bậc tối tôn, tối thượng phước tốt lành cho người, không ai vượt trên Ngài. Vậy mong Như Lai hãy giám sát cho, xin Như Lai hãy soi thấu lòng thành này.

Bấy giờ, cha mẹ Na-ưu-la liền đem đứa bé này giao cho quỷ rồi lui đi. Khi ấy, Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh, lại dùng thiên nhĩ thấu suốt, nghe được lời này, (biết) cha mẹ Na-ưu-la khóc lóc không thể kể xiết. Thế Tôn liền dùng sức thần túc đến chỗ ác quỷ ở trong núi kia. Ác quỷ ở chỗ của quỷ thần tại phía Bắc Tuyết Sơn. Thế Tôn vào trụ xứ của quỷ mà ngồi, chánh thân, chánh ý ngồi kiết-già. Bấy giờ, đứa bé Na-ưu-la đi dần đến chỗ ác quỷ ở. Bé Na-ưu-la xa trông thấy Như Lai tại trụ xứ của ác quỷ, hào quang rực rỡ, chánh thân, chánh ý, buộc niệm ở trước, nhan sắc đoan chánh, kỳ lạ hơn đời,

các căn tịch tĩnh, được các công đức hàng phục các ma. Các đức như thế chẳng thể tính kể. Ngài có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, như núi Tu-di cao vượt các đỉnh núi, mặt như mặt trời, mặt trăng, lại cũng như ánh sáng núi vàng chiếu xa. Cậu bé thấy xong mừng rỡ, hướng đến Như Lai và nghĩ: 'Đây chắc chẳng phải ác quỷ Tỳ-sa. Vì sao thế? Nay ta thấy Ngài lòng vui mừng hết sức. Nếu đúng là ác quỷ xin tùy ý để cho ăn'.

Bấy giờ Thế Tôn bảo rằng:

- Na-ưu-la, như lời con nói, nay Ta là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đến để cứu con và hàng phục ác quỷ này.

Bé Na-ưu-la nghe xong, vui mừng hớn hở không kềm được, liền đến chỗ Như Lai cúi lạy, rồi ngồi một bên. Thế Tôn thuyết luận diệu nghĩa cho bé. Luận là luận về thí, luận về giới, luận sanh thiên, dục là uế ác, lậu là bất tịnh, xuất gia là cần yếu, trừ các loạn tưởng.

Thế Tôn thấy bé Na-ưu-la tâm ý hoan hỉ, tánh nhu nhuyến. Chư Phật Thế Tôn thường thuyết Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nay Thế Tôn thuyết đủ cho chú bé. Chú bé ở ngay chỗ ngồi, sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bé đã thấy pháp, đắc pháp, thành tựu các pháp, vâng nhận các pháp không có hồ nghi, hiểu rõ lời dạy của Như Lai. Bé quy y Phật, Pháp và Thánh chúng mà thọ ngũ giới.

Lúc đó ác quỷ Tỳ-sa trở lại chỗ ở của mình, từ xa ác quỷ trông thấy Thế Tôn ngồi ngay ngắn, tư duy, thân không nghiêng động. Thấy rồi, ác quỷ giận dữ nổi mưa, sấm, chớp, sét rền hướng vào Như Lai; hoặc mưa đao kiếm, nhưng lúc chưa rơi xuống đất liền hóa thành hoa sen ưu-bát. Bấy giờ quỷ kia càng thêm sân hận, mưa các thứ núi, sông, đá, gạch; lúc rơi xuống đất lại hóa thành thức ăn, thức uống. Quỷ kia lại hóa thành voi lớn kêu rống phóng tới Như Lai. Bấy giờ Thế Tôn lại hóa làm sư tử chúa. Quỷ kia lại hóa làm thân

sư tử phóng đến Như Lai. Bấy giờ Thế Tôn hóa làm chim cánh vàng lớn. Quỷ kia liền nghĩ: 'Ta có bao nhiêu thần lực đã hiện hết rồi, nhưng Sa-môn này lông áo vẫn bất động. Nay ta hãy đến hỏi thâm nghĩa'. Rồi quỷ kia hỏi Thế Tôn rằng:

- Nay ta là Tỳ-sa muốn hỏi thâm nghĩa. Nếu không đáp được sẽ nắm hai chân Ngài ném vào biển Nam.

Thế Tôn bảo:

- Ác quỷ nên biết, Ta tự quán sát, không có Trời, Người, Sa-môn, Bà-la- môn, như người hay phi nhân nào có thể nắm hai chân Ta mà ném vào biển Nam được. Nhưng nay Ông muốn hỏi nghĩa thì cứ hỏi đi.

Ác quỷ bèn hỏi:

- Sa-môn! Thế nào là hạnh cũ? Thế nào là hạnh mới? Thế nào là hạnh diệt?

Thế Tôn bảo:

- Ác quỷ nên biết: Mắt là hạnh cũ, việc làm ngày xưa duyên với thọ thành hạnh; tai, mũi, miệng, thân, ý, đây là hạnh cũ, lúc trước tạo duyên với thọ thành hạnh. Này ác quỷ, đó là hạnh cũ.

Quỷ Tỳ-sa nói;

- Sa-môn! Cái gì là hạnh mới?

Thế Tôn bảo:

- Thân ngày nay tạo: thân ba, miệng bốn, ý ba. Này ác quỷ, đây là hạnh mới.

Ác quỷ hỏi:

- Thế nào là hạnh diệt?

Thế Tôn bảo:

- Ác quỷ nên biết: Hạnh cũ diệt hết không khởi lên nữa, lại chẳng tạo hạnh, hay giữ hạnh này trọn chẳng sanh, dứt hẳn không sót. Đó là hạnh diệt.

Bấy giờ ác quỷ bạch Thế Tôn rằng:

- Nay ta quá đói, sao lại đoạt thức ăn của ta? Đứa bé này là món ăn của ta. Sa-môn, hãy trả cho ta đứa bé này.

Thế Tôn bảo:

- Khi xưa lúc Ta chưa thành đạo, từng làm Bồ-tát, có bồ câu bay đến Ta, Ta còn chẳng tiếc thân mạng cứu bồ câu ấy khỏi nạn, huống ngày nay Ta đã thành Như Lai, lại có thể bỏ đứa bé cho Ông ăn thịt? Ác quỷ, nay dù Ông dùng hết thần lực, Ta trọn chẳng trao cho Ông đứa bé này. Thế nào Ác quỷ? Dưới thời Phật Ca-Diếp, Ông từng làm Sa-môn, tu trì Phạm hạnh, sau lại phạm giới mà sanh làm ác quỷ này.

Bấy giờ ác quỷ nương oai thần của Phật, nhớ lại các hạnh đã tạo ngày xưa, liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy mà nói:

- Nay con ngu mê, không phân biệt chân ngụy mà sanh tâm này đối với Như Lai. Cúi mong đức Thế Tôn cho con sám hối.

Thưa như thế ba bốn lần. Thế Tôn bảo:

- Chấp nhận Ông hối lỗi, chớ có phạm nữa.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho ác quỷ khiến được hoan hỉ. Ác quỷ dâng mấy ngàn lượng vàng lên Thế Tôn và bạch Thế Tôn rằng:

- Nay con đem hang núi này cúng cho chiêu đề tăng. Cúi mong Thế Tôn nhận cho con và mấy ngàn lượng vàng này.

Như thế hai ba lần. Lúc ấy, Thế Tôn liền nhận hang núi rồi nói kệ:

Vườn quả thí thanh lương,
Và làm cầu đò sông,

Nếu hay tạo thuyền lớn,
Và các vật dưỡng sanh,
Ngày đêm không lười mỏi,
Được phước không thể lường.
Pháp nghĩa, giới thành tựu,
Chết rồi, sanh lên trời.
Quỷ kia bạch Thế Tôn:

- Chẳng rõ Thế Tôn còn dạy gì không?

Thế Tôn bảo:

- Nay Ông nên bỏ hình tướng cũ, đắp ba y làm Sa-môn, vào thành Bạt-kỳ, đi khắp nơi nói lời dạy này: 'Chư Hiền nên biết: Như Lai ra đời, người không chịu hàng phục liền được hàng phục; độ người không độ được; người không giải thoát khiến biết giải thoát; cứu hộ người không được cứu; làm con mắt cho người mù, là bậc tối tôn, tối thượng, không ai bằng trong chư Thiên nhân, Thiên long, Quỷ thần, Ma hoặc Thiên ma, Nhân và Phi nhân, đáng kính, đáng quý, làm phước điền tốt lành cho người. Hôm nay Ngài đã độ đứa bé Na-ưu-la và hàng phục ác quỷ Tỳ-sa. Các Ông nên đến nơi ấy nghe lời giáo hóa'.

Ác quỷ đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ quỷ Tỳ-sa làm Sa-môn, đắp ba y vào các làng xóm nói lời dạy này: 'Hôm nay Thế Tôn độ đứa bé Na-ưu-la và hàng phục ác quỷ Tỳ-sa. Các Ông nên đến nhận lời dạy dỗ của Ngài'.

Ngay lúc đó, ở nước Bạt-kỳ, nhân dân tụ tập đông đúc. Trưởng giả Thiện Giác nghe lời này xong, vui mừng hớn hở không kềm được, liền đem tám vạn bốn ngàn người đến chỗ Thế Tôn. Đến nơi, cúi lạy xong ngồi một bên. Bấy giờ, nhân dân Bạt-kỳ, có người lạy chân Phật, có người nâng tay. Khi tám vạn bốn ngàn chúng đã ngồi một bên xong, Thế Tôn dần dần thuyết pháp vi diệu cho họ. Luận tức là luận về thí, luận về giới, luận sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, lậu là họa lớn.

Bấy giờ Thế Tôn quan sát tám vạn bốn ngàn chúng kia, tâm ý vui thích. Chư Phật Thế Tôn thuyết pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Ngài đem pháp này thuyết cho tám vạn bốn ngàn chúng kia. Tất cả ở ngay trên tòa các trần cấu sạch hết, được pháp nhãn thanh tịnh giống như áo trắng sạch dễ nhuộm màu. Tám vạn bốn ngàn chúng này cũng lại như thế. Các trần cấu sạch, được pháp nhãn thanh tịnh, đắc pháp, thấy pháp, phân biệt các pháp không có hồ nghi, được không chỗ sợ, họ tự quy y Tam bảo Phật, Pháp, Thánh chúng mà thọ ngũ giới.

Trưởng giả cha của Na-ưu-la bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn nhận lời thỉnh cầu của con.

Lúc ấy Thế Tôn yên lặng nhận lời. Trưởng giả thấy Thế Tôn yên lặng nhận lời, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui về nhà, bày các thức ăn uống bao nhiêu vị. Sáng sớm hôm đó ông tự đến bạch Phật rằng đã đến giờ.

Bấy giờ, Thế Tôn đúng giờ, đắp y ôm bát vào thành bạt-kỳ, đến nhà Trưởng giả, lại tòa mà ngồi. Trưởng giả thấy Thế Tôn đã ngồi yên, ông tự mình châm chước các thức ăn uống. Khi thấy Phật ngọ trai xong, ông đem nước trong sạch đến, rồi lấy một chiếc ghế đến trước Như Lai ngồi, bạch Thế Tôn:

- Lành thay, Thế Tôn! Nếu bốn bộ chúng cần y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, đều xin đến nhà con lấy.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, Trưởng giả! Như lời Ông nói.

Thế Tôn liền thuyết pháp vi diệu cho Trưởng giả, thuyết pháp xong liền từ chỗ ngồi đứng lên đi.

Bấy giờ, Thế Tôn như trong khoảng co duỗi cánh tay, từ Bạt-kỳ biến mất, trở về Tinh xá Kỳ Hoàn ở Xá-vệ. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu bốn bộ chúng cần y phục, ẩm thực, giường nằm, thuốc men trị bệnh, nên đến nhà cha của Na-ưu-la mà lấy.

Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo:

- Như Ta hôm nay, đệ tử Ưu-bà-tắc không lẫn tiếc bậc nhất là cha của Na- ưu-la.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn Thích-sĩ Ni-câu-lưu cùng với năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ mấy ngàn người vọng tộc họ Thích, đến chỗ Thế Tôn cúi lạy và ngồi một bên:

Những người họ Thích bạch Thế Tôn:

- Ngày nay, Ngài nên làm vua cai trị nước nhà để dòng họ chúng ta không bị hư mất, không làm cho ngôi Chuyển luân Thánh vương bị đoạn diệt. Nếu Thế Tôn không xuất gia, đáng lẽ làm Chuyển luân Thánh vương trong thiên hạ, thống lãnh bốn thiên hạ, đầy đủ ngàn con. Dòng họ chúng ta tên tuổi vang xa là dòng họ Thích sanh ra Chuyển luân Thánh vương. Vì thế, Thế Tôn, hãy làm vua, đừng để dòng vua đoạn dứt.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta chính là thân vua, gọi là Pháp vương. Vì sao thế? Nay Ta hỏi các Ông: Thế nào các vị họ Thích? Bảo rằng Chuyển luân Thánh vương bảy báu đầy đủ, có ngàn con dũng mãnh. Nay Ta ở trong tam thiên đại thiên cõi nước là bậc Tối tôn, Tối thượng chẳng ai bằng, thành tựu Thất giác ý bảo, có vô số hàng ngàn con Thanh văn vây

quanh.

Thế Tôn liền nói kệ:

Nay dùng địa vị này,
Được rồi sau lại mất,
Vị này là Tối thắng,
Không cuối, không có đầu.
Đã thắng, không thể đoạt,
Thắng này là tối thắng,
Nhưng Phật vô lượng hạnh,
Không vết, ai noi dấu?
Thế nên, này các vị Thích tử (Cồ-đàm), hãy tìm phương tiện làm vua Chánh pháp để cai trị. Như thế, các Thích tử, nên học điều này!

Bấy giờ những vị họ Thích nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy, vị Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

- Có sắc nào thường còn không biến đổi, tồn tại mãi ở đời mà không di động chăng? Có thọ, tưởng, hành, thức nào hằng còn không biến đổi, tồn tại mãi ở đời mà không di động chăng?

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo, không có sắc nào hằng còn tồn tại mãi ở đời mà không biến đổi; lại cũng không có thọ, tưởng, hành, thức hằng còn mãi ở đời mà không biến đổi. Này Tỳ-kheo, nếu lại có sắc này hằng còn mãi ở đời mà không biến đổi thì người tu Phạm hạnh chẳng thể phân biệt; nếu thọ, tưởng, hành, thức tồn tại mãi ở đời mà không biến đổi thì người tu Phạm hạnh chẳng thể phân biệt. Thế nên, này Tỳ-kheo, vì sắc chẳng thể phân biệt, không tồn tại mãi ở đời, thế nên người Phạm hạnh có thể phân biệt, dứt hết gốc khổ; thọ, tưởng, hành, thức cũng không tồn tại mãi ở đời, thế nên người Phạm hạnh có thể phân biệt, dứt được gốc khổ.

Bấy giờ Thế Tôn vít một ít đất để trên móng tay bảo Tỳ-kheo kia:

- Thế nào Tỳ-kheo, Thầy thấy đất trên móng tay này chăng?

Tỳ-kheo đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn! Con đã thấy.

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nếu có một chút sắc như thế hằng còn ở đời, thì người Phạm hạnh chẳng thể phân biệt được hết mé khổ. Vì thế, Tỳ-kheo, vì không một chút sắc nào còn, liền hành được Phạm hạnh, dứt được mé khổ. Vì sao như thế? Tỳ-kheo nên biết, ngày xưa Ta từng làm đại vương, thống lãnh bốn thiên hạ, dùng pháp cai trị, thống lãnh nhân dân, bảy báu đầy đủ. Bảy báu là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Tỳ-kheo nên biết, lúc đó Ta là Chuyển luân Thánh vương thống lãnh bốn thiên hạ, có tám vạn bốn ngàn voi thần, voi tên Bồ-hô; lại có bốn ngàn xa vũ bảo, hoặc dùng da sư tử phủ, hoặc dùng da beo phủ, treo đầy tràng phan, lọng cao; lại có tám vạn bốn ngàn đài cao rộng, giống như chỗ ở của Thiên đế; lại có tám vạn bốn ngàn giảng đường so bằng giảng đường thuyết pháp; lại có tám vạn bốn ngàn y phục để phục sức, đều đẹp đẽ mềm mại; lại có tám vạn bốn ngàn

món ẩm thực, bao nhiêu thứ mùi vị. Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy, Ta cỡi một con voi lớn, màu cực trắng, miệng đẹp có sáu ngà, vàng bạc kết đầy thân, có thể bay được, cũng có thể ẩn hình, hoặc lớn hoặc nhỏ, voi ấy tên Bồ-hô; lúc ấy, ta cỡi một con thần mã, lông đuôi màu đỏ, đi thân không động, vàng bạc kết trên thân, có thể bay đi, cũng có thể ẩn hình, hoặc lớn hoặc nhỏ, ngựa ấy tên Mao Vương, lúc ấy, Ta ở trong một đài giữa tám vạn bốn ngàn đài cao rộng, đài tên Tu-ni-ma, làm bằng vàng ròng, lúc ấy Ta nghỉ ngơi trong một giảng đường, giảng đường tên Pháp Thuyết, làm bằng vàng ròng; lúc ấy Ta cỡi một xe vũ bảo, xe tên Tối Thắng, làm bằng vàng ròng, Ta cùng một ngọc nữ ở bên cạnh để sai khiến cũng như chị em, lúc ấy Ta ngồi trên một tòa trong số tám vạn bốn ngàn tòa cao rộng, vàng bạc, anh lạc chẳng thể tính kể, Ta mặc y phục đẹp như áo trời, ăn những thức ăn mùi vị cam lồ, đương lúc đó, Ta làm Chuyển luân Thánh vương, tám vạn bốn ngàn voi thần mỗi sáng đến, làm phía ngoài cửa bị hư hại rất nhiều, chẳng thể tính kể. Ta liền nghĩ: 'Tám vạn bốn ngàn voi thần này sáng sáng kéo đến, khiến ngoài cửa tổn hại rất nhiều không thể kể xiết. Nay lòng Ta muốn chia chúng làm hai phần, mỗi sáng bốn vạn hai ngàn con đến chầu'.

Bấy giờ, này Tỳ-kheo, Ta nghĩ: 'Xưa Ta tạo phước gì, lại làm đức gì, mà nay có được oai lực này?' Rồi Ta lại nghĩ: 'Do ba việc nhân duyên khiến Ta gặt được phước đức này. Thế nào là ba? Nghĩa là tuệ thí, nhân tử, và tự gìn giữ'.

Tỳ-kheo hãy xem, các hành bấy giờ đã diệt hẳn không còn sót. Bấy giờ dạo ở dục ý không biết chán. Chán là đối với giới luật Hiền Thánh sanh chán bỏ. Thế nào, Tỳ-kheo, sắc này là thường hay vô thường?

Tỳ-kheo đáp:

- Bạch Thế Tôn, vô thường.

- Nếu là vô thường, là pháp biến đổi, Thầy có nên sanh tâm này: 'Đây là của ta, ta thuộc về nó' chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

Tỳ-kheo đáp:

- Bạch Thế Tôn, vô thường.

- Nếu là vô thường là pháp biến đổi, Thầy có nên sanh tâm này: 'Đây là ta, ta thuộc về nó' chăng?

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

- Thế nên, Tỳ-kheo, các sắc đã có, từ quá khứ, hiện tại, vị lai, hoặc lớn hay nhỏ, hoặc tốt hay xấu, hoặc xa hay gần. Sắc này cũng chẳng phải của ta, ta cũng chẳng phải thuộc sắc. Đây là chỗ học của người trí. Các thọ đã có từ quá khứ, tương lai, hiện tại, hoặc xa hay gần, thọ này cũng chẳng phải của ta, ta cũng chẳng phải thuộc nó. Như thế người trí giác biết. Tỳ-kheo nên quán thế này. Nếu bậc Thanh văn chán ghét tai họa của mắt, chán ghét hoạn ở sắc, chán ghét hoạn của nhãn thức, nếu do mắt sanh khổ vui cũng lại chán ghét. Cũng lại chán ghét đối với tai, chán tiếng, chán nhĩ thức, nếu nương nhĩ thức (tai) sanh khổ vui cũng lại chán ghét; mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại chán ghét, nếu nương ý pháp sanh khổ vui cũng lại chán ghét. Đã chán ghét liền giải thoát, liền được trí giải thoát: 'Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, chẳng còn thọ thân nữa', như thực mà biết.

Khi ấy Tỳ-kheo kia được Thế Tôn dạy như thế, ở chỗ vắng vẻ tư duy tự tu. Đó là người vọng tộc, cạo bỏ râu tóc, đắp ba pháp y, xuất gia, tu phạm hạnh vô thượng: 'Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn thọ thân nữa', như thật mà biết. Tỳ-kheo kia liền thành A-la-hán.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Ma-kiệt, nơi cây Bồ-đề Đạo Tràng, lúc vừa thành Phật. Bấy giờ Thế Tôn liền nghĩ: 'Nay Ta được pháp thâm sâu này, khó hiểu, khó rõ, khó tri, khó giác. Trí cực kỳ vi diệu mới giác tri được. Nay Ta thuyết pháp cho ai đầu tiên? Người hiểu được pháp Ta là ai?'

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: 'La-lặc-ca-lam, các căn thuần thục đáng được độ trước, vì ông ta trông đợi pháp của Ta'.

Nghĩ thế xong, trên hư không có vị Trời bạch Thế Tôn:

- La-lặc-ca-lam đã chết bảy ngày.

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: 'Thật khổ thay! Ông ta chẳng nghe được pháp Ta mà đã mạng chung. Nếu nghe pháp Ta liền được giải thoát'.

Thế Tôn lại nghĩ: 'Nay Ta nên thuyết pháp cho ai đầu tiên để họ được giải thoát? Nay Uất-đầu-lam-phất đáng được độ trước, Ta sẽ thuyết pháp cho ông ta. Nghe pháp Ta xong, ông sẽ được giải thoát trước'.

Thế Tôn nghĩ vậy rồi, thì trong hư không có vị Trời nói rằng:

- Nửa đêm hôm qua, ông ta đã mạng chung.

Thế Tôn lại nghĩ: 'Uất-đầu-lam-phất sao mà khổ thế! Chẳng được nghe pháp của Ta thì ông mà đã chết rồi. Nếu được nghe pháp của Ta thì ông liền được giải thoát'.

Thế Tôn lại nghĩ: 'Ai nghe pháp trước tiên mà được giải thoát?'

Thế Tôn lại tự duy lần nữa: 'Năm Tỳ-kheo có nhiều lợi ích, khi Ta mới sanh họ vẫn theo sau Ta'.

Thế Tôn lại nghĩ: 'Nay năm Tỳ-kheo đang ở chỗ nào?'

Ngài liền dùng thiên nhãn quán năm Tỳ-kheo đang ở trong vườn Nai của Tiên nhân tại nước Ba-la-nại, rồi nghĩ: 'Nay Ta trước tiên đến thuyết pháp cho năm Tỳ-kheo, họ nghe pháp Ta rồi sẽ được giải thoát'.

Bấy giờ Thế Tôn trong suốt bảy ngày nhìn chăm chú cây Bồ-đề (đạo thọ) không hề chợp mắt.

Thế Tôn nói bài kệ này:

Nay ta ngồi chỗ này,
Trải qua khổ sanh tử,
Cầm vững búa trí tuệ,
Chặt đứt rễ trồng xưa,
Thiên vương đến nơi này,
Và các quyến thuộc ma,
Lại đem phương tiện hàng,
Khiến đội mũ giải thoát.
Nay dưới gốc cây này,
Ngồi trên tòa kim cương.
Đã được nhất thiết trí,
Được tuệ không chỗ ngại.
Ta ngồi dưới cây này,
Thấy rõ khổ sanh tử,
Đã bỏ nguồn gốc chết,
Già, bịnh, trọn không sót.
Thế Tôn nói kệ này xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, hướng về nước Ba-la- nại mà đi.

Lúc đó Phạm chí Ưu-ti-ca từ xa, trông thấy Thế Tôn có hào quang rực rỡ che khuất ánh sáng mặt trời, mặt trăng.

Thấy rồi, ông bạch Thế Tôn:

- Này Sư chủ (Thầy) của Cồ-đàm ở đâu? Ngài nương theo ai xuất gia học đạo? hằng ưa thuyết giáo pháp nào? Ngài từ đâu đến và muốn đi đâu?

Thế Tôn hướng về Phạm chí kia mà nói kệ:

Ta thành A-la-hán,
Thế gian chẳng ai sánh,
Trời và Người thế gian,
Nay Ta là Tối thượng.
Ta cũng chẳng thầy dạy,
Lại cũng không ai bằng,
Độc tôn chẳng người hơn,
Lạnh mà chẳng ấm lại.
Nay sẽ chuyển Pháp luân,
Đến tại nước Ca-thi
Nay đem thuốc cam lồ,
Mở mắt người mù lòa.
Cõi nước Ba-la-nại,
Vương thổ nước Ca-thi,
Chỗ năm Tỳ-kheo ở,
Muốn thuyết pháp vi diệu,
Khiến họ sớm thành đạo,
Và được lậu tận thông,
Để trừ nguồn pháp ác,
Thế nên là Tối thắng.
Khi ấy Phạm chí kia khen ngợi, cúi đầu, chắp tay, khảy móng tay, mỉm cười theo đường mà đi.

Khi Thế Tôn đến Ba-la-nại, năm Tỳ-kheo từ xa thấy Thế Tôn đến, bèn cùng bàn bạc với nhau:

- Đây Sa-môn Cù-đàm từ xa đến, Ông ta tánh tình lầm lẫn, tâm không chuyên nhất tinh cần. Chúng ta chớ có nói chuyện với Ông ta, cũng đừng đứng dậy đón, cũng đừng mời ngồi.

Bấy giờ năm người liền nói kệ:

Người này chẳng đáng kính,
Cũng chớ cùng thân cận,
Lại đừng kêu chào mừng,
Cũng chẳng nên mời ngồi.
Năm người nói kệ này xong đều im lặng. Thế Tôn tiến dần đến năm Tỳ- kheo. Khi đến gần, năm Tỳ-kheo từ từ đứng lên tiếp đón, người thì trải tòa, người múc nước. Lúc ấy Thế Tôn liền đến trước ngồi, suy nghĩ thế này: 'Đây là người ngu si, trọn không thể giữ tròn lời hứa của mình.'

Năm Tỳ-kheo gọi Thế Tôn là Ông. Thế Tôn mới bảo năm Tỳ-kheo:

- Các Ông chớ gọi bậc Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác là Ông. Vì cớ sao? Nay Ta đã thành Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác, đã gặt được thiện cam lồ, các Ông hãy tự chuyên niệm nghe lời nói pháp của Ta.

Năm Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Cù-đàm xưa lúc khổ hạnh còn chẳng thể được pháp Thượng nhân, huống nữa là hôm nay ý tình thác loạn mà nói là đắc đạo ư?

Thế Tôn bảo:

- Thế nào các Ông? Các Ông từng nghe Ta nói dối chăng?

Năm Tỳ-kheo đáp:

- Không, Cù-đàm!

Thế Tôn bảo:

- Như Lai Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác đã được cam lồ. Các Ông phải cùng chuyên tâm nghe Ta thuyết pháp.

Lúc ấy, Thế Tôn lại nghĩ: 'Nay Ta đủ sức hàng phục năm người này'.

Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

- Các Ông nên biết có Bốn đế này. Thế nào là bốn? Khổ đế, Khổ tập đế, Khổ tận đế và Khổ xuất yếu đế.

Thế nào là Khổ đế? Đó là sanh khổ, lão khổ, bịnh khổ, tử khổ, ưu bi khổ não, sầu ưu thống khổ không thể kể xiết, oán tắng hội khổ, ái biệt ly khổ, chỗ muốn chẳng được cũng lại là khổ, tóm lại là Ngũ thạnh ấm khổ. Đó là Khổ đế.

Thế nào là Khổ tập đế? Nghĩa là phần thọ ái, tập quen chẳng mỏi mệt, ý thường tham luyến. Đó là Khổ tập đế.

Thế nào là Khổ tận đế? Nghĩa là hay khiến cho ái kia diệt hết không sót, cũng chẳng sanh lại. Đó là Khổ tận đế.

Thế nào là Khổ xuất yếu đế? Nghĩa là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định.

Đó gọi là pháp Tứ đế. Nhưng lại, này năm Tỳ-kheo, pháp Tứ đế này, Khổ đế là pháp vốn chưa được nghe, khiến nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, giác sanh, quang sanh, tuệ sanh. Lại nữa, Khổ đế là chân thật, minh sanh, giác sanh, quang sanh, tuệ sanh. Lại nữa, Khổ đế là chân thật, quyết định, không hư, không dối, trọn không có khác, là lời Thế Tôn dạy nên gọi là Khổ đế.

Khổ tập đế là pháp vốn chưa nghe, khiến nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, giác sanh, quang sanh, tuệ sanh. Lại nữa Khổ tập đế là chân thật, quyết định, không hư, không dối, trọn không có khác, là lời Thế Tôn dạy nên gọi là Khổ tập đế.

Khổ tận đế là pháp vốn chưa nghe, khiến nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, giác sanh, quang sanh, tuệ sanh. Lại nữa Khổ tận đế là chân thật, quyết định, không hư, không dối, trọn không có khác, là lời Thế Tôn dạy nên gọi là Khổ tận đế.

Khổ xuất yếu đế là pháp vốn chưa nghe khiến nhãn sanh, trí sanh, minh sanh, giác sanh, quang sanh, tuệ sanh. Lại nữa, Khổ xuất yếu đế là chân thật, quyết định, không hư, không dối, trọn không có khác, là lời Thế Tôn dạy nên gọi là Khổ xuất yếu đế.

Năm Tỳ-kheo nên biết, Tứ đế này ba phen chuyển, mười hai hành. Người chẳng biết như thật thì chẳng thành Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Ta vì phân biệt Tứ đế này, ba chuyển, mười hai hành, như thật mà biết. Thế nên Ta thành Vô Thượng Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp xong, A-nhã Câu-lân (A-nhã Kiều-trần-như) hết các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Lúc ấy Thế Tôn bảo Câu-lân:

- Nay Thầy đã đến với pháp, đã đắc pháp.

Câu-lân đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn. Con đã đắc pháp, đã đến với pháp.

Bấy giờ địa thần nghe lời này xong, liền xướng lên rằng:

- Nay Như Lai tại Ba-la-nại chuyển Pháp luân, là chỗ chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Thiên ma, Nhân và Phi nhân chẳng thể chuyển được. Hôm nay Như Lai chuyển Pháp luân này, A-nhã Câu-lân đã được pháp cam lồ.

Lúc ấy, Tứ Thiên vương nghe địa thần xướng, lại chuyển lời nói:

- A-nhã Câu-lân đã được pháp cam lồ.

Lúc ấy Trời Ba mươi nghe lời của Tứ thiên vương, Trời Diệm-ma nghe Trời Ba mươi ba, cho đến Trời Đâu-suất đều nghe tiếng cho đến Phạm thiên cũng lại nghe tiếng:

- Như Lai tại Ba-la-nại chuyển Pháp luân chỗ mà chư Thiên, Người đời, Ma hoặc Thiên ma, Nhân và Phi nhân chẳng thể chuyển được. Hôm nay Như Lai chuyển Pháp luân này. Bấy giờ gọi là A-nhã Câu-lân.

Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

- Các Thầy, hai người ở lại nhận lời dạy dỗ, còn ba người đi khất thực, thức ăn của ba người này, sáu người sẽ cùng ăn. Rồi ba người ở lại nhận lời dạy dỗ, hai người đi khất thực; thức ăn có được của hai người, sáu người sẽ cùng ăn.

Bấy giờ năm người được dạy dỗ, lúc này thành pháp vô sanh Niết-bàn, cũng thành không sanh, không bệnh, không già, không chết. Lúc ấy năm Tỳ-kheo đều thành A-la-hán. Lúc ấy tam thiên đại thiên quốc độ có năm A-la-hán với Phật là sáu.

Thế Tôn bảo năm Tỳ-kheo:

- Các Thầy khất thực đều cùng nhân gian (chung đụng), cẩn thận chớ đi một mình. Nhưng lại có chúng sanh các căn thuần thục đáng được độ, vì thế Ta sẽ đến Thôn Ưu-lưu-tỳ thuyết pháp tại đó.

Bấy giờ Thế Tôn liền đến thôn Ưu-lưu-tỳ. Lúc ấy bên bờ sông Liên-nhã có Cù-đàm tại đó. Ông ta biết thiên văn, địa lý, thông suốt tất cả, toán số, cây lá đều rõ biết, cùng với năm trăm đệ tử hằng ngày giáo hóa. Cách Cù-đàm không xa có động đá, ở trong động đá có rồng dữ ngụ. Bấy giờ Thế Tôn đến chỗ Cù-đàm, đến rồi, bảo Cù-đàm:

- Ta muốn ở trong động đá một hôm. Nếu Ông bằng lòng, Ta sẽ đến ở đó.

Cù-đàm đáp:

- Tôi không tiếc gì, nhưng ở đó có rồng dữ, sợ nó sẽ hại Ngài.

Thế Tôn bảo:

- Cù-đàm, không sao, rồng dữ chẳng hại Ta. Nếu Ông bằng lòng thì Ta ở một đêm.

Cù-đàm đáp:

- Nếu Ngài muốn ở thì tùy ý đến ở.

Bấy giờ Thế Tôn liền đến động đá, trải tòa mà ở. Ngài ngồi kiết-già, chánh thân, chánh ý buộc niệm ở trước. Lúc ấy rồng dữ thấy Thế Tôn ngồi liền phun lửa độc. Thế Tôn liền nhập Từ tam-muội. Từ tam-muội dậy, Ngài nhập Diễm quang tam-muội.

Khi ấy, lửa rồng và Phật quang bừng lên một lượt. Bấy giờ Cù-đàm ban đêm dậy xem tinh tú, thấy trong động đá có ánh lửa lớn. Thấy rồi, ông liền bảo đệ tử:

- Sa-môn Cù-đàm này dung mạo đoan chánh, nay bị rồng hại thật đáng thương xót. Trước ta đã nói ở đó có rồng dữ không thể ở được.

Lúc ấy Cù-đàm bảo năm trăm đệ tử:

- Các Ông đem bình nước và đem thang cao đến đó cứu lửa, khiến Sa-môn kia thoát nạn này.

Cù-đàm đem năm trăm đệ tử đến động đá cứu lửa. Người thì cầm nước tưới, người thì bắc thang mà chẳng thể dập tắt lửa. Đó đều do oai thần của Như Lai.

Bấy giờ Thế Tôn nhập Từ tam-muội, dần dần làm cho rồng kia chẳng còn sân giận. Lúc đó, rồng dữ kia trong lòng sợ hãi, vùng chạy khắp nơi muốn ra khỏi động đá, nhưng không thể thoát ra được Rồng bèn chui vào bình bát của Như Lai. Thế Tôn lấy tay phải rờ thân rồng dữ mà nói kệ:

Rồng ra được thật khó,
Rồng cùng rồng tụ tập,
Rồng chớ dấy tâm hại,
Rồng ra thật rất khó.
Quá khứ hằng sa số.

Chư Phật nhập Niết-bàn,
Người trọn chẳng gặp gỡ,
Đều do lửa sân giận,
Lòng lành hướng Như Lai
Mau bỏ độc dữ này.
Đã trừ độc sân giận,
Liền được sanh lên Trời.
---o0o---

XXIV.2. Phẩm Cao Tràng (2)

Bấy giờ rồng dữ kia thè lưỡi liếm tay Như Lai, trìu mến nhìn mặt Như Lai.

Sáng sớm hôm sau, Thế Tôn tay cầm rồng dữ này đến Cù-đàm và bảo Cù- đàm:

- Đây là rồng dữ hết sức hung bạo, nay đã bị hàng phục.

Lúc ấy Cù-đàm trông thấy rồng dữ liền khiếp sợ, bạch Thế Tôn:

- Thôi, thôi, Sa-môn! Chớ có đến trước, rồng sẽ làm hại.

Thế Tôn bảo:

- Cù-đàm chớ sợ! Nay Ta đã hàng phục nó rồi, trọn chẳng làm hại. Vì sao thế? Rồng này đã được Ta giáo hóa.

Bấy giờ Cù-đàm và năm trăm đệ tử đều khen là chưa từng có, hết sức kỳ lạ:

- Sa-môn Cù-đàm này oai thần rất lớn, có thể hàng phục rồng dữ này khiến nó không làm ác. Tuy vậy, Ông cũng không bằng ta, đã được đạo chân thật.

Cù-đàm bạch Thế Tôn:

- Đại Sa-môn, hãy nhận lời tôi thỉnh trong chín mươi ngày. Chỗ cần y phục, thức ăn uống, giường chõng, thuốc men trị bịnh, tôi đều sẽ cung cấp.

Thế Tôn im lặng nhận lời Cù-đàm và đem rồng dữ thả vào biển lớn. Rồng thần kia theo thọ mạng ngắn, dài, lúc mạng chung sanh lên Trời Tứ thiên vương. Như Lai trở lại ở động đá. Cù-đàm bày các thức ăn uống cúng, rồi đến bạch Thế Tôn:

- Thức ăn đã dọn, xin mời Ngài đến dùng.

Cù-đàm đi rồi. Thế Tôn đến trên cõi Diêm-phù-đề, dưới cây diêm-phù hái trái diêm-phù rồi trở về ngồi trong động đá trước Cù-đàm.

Lúc đó, Cù-đàm thấy Thế Tôn trong động đá, bạch Thế Tôn:

- Sa-môn! Ngài theo đường nào mà đến động đá?

- Ông đi rồi, Ta đến trên cõi Diêm-phù-đề, hái trái diêm-phù rồi trở về đây. Cù-đàm nên biết, trái này rất thơm ngon, hãy lấy ăn đi.

- Tôi không cần, Sa-môn hãy lấy ăn.

Cù-đàm lại nghĩ: 'Sa-môn này thật có thần túc, có oai lực có thể lên cõi Diêm-phù hái trái ngon, tuy vậy chẳng bằng đạo chân thật của ta'.

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ.

Sáng sớm, Cù-đàm đến chỗ Thế Tôn, đến rồi bạch Thế Tôn;

- Giờ ăn đã đến, Ngài có thể đến ăn.

- Ông về trước, Ta sẽ đến sau.

Cù-đàm đi rồi, Phật bèn đến cõi Diêm-phù lấy trái xoài rồi trở về đến trước Cù-đàm, ngồi trong động đá. Cù-đàm bạch Thế Tôn:

- Sa-môn, Ngài theo đường nào mà đến đây?

- Ông đi rồi, Ta lên cõi Diêm-phù lấy quả này đến, hết sức ngon lành, nếu Ông cần thì lấy ăn.

- Tôi không cần, Sa-môn cứ lấy ăn.

Bấy giờ Cù-đàm lại nghĩ: 'Sa-môn này thật có thần lực, có oai thần lớn, sau khi ta đi, Ông lại hái trái này đem đến, tuy vậy mà chẳng bằng ta, ta đã đắc đạo'.

Thế Tôn ăn xong, trở về chỗ kia nghỉ.

Sáng hôm sau, Cù-đàm đến chỗ Thế Tôn nói:

- Giờ ăn đã đến, Ngài có thể đến ăn.

- Ông đến trước, Ta sẽ đến sau.

Cù-đàm đi rồi, Thế Tôn đến Châu Bắc Uất-đan-việt lấy cơm gạo tự nhiên, trở về động đá của Cù-đàm. Cù-đàm hỏi Phật:

- Sa-môn, Ngài theo đường nào đến đây ngồi?

- Cù-đàm nên biết, Ông đi rồi, Ta đến Uất-đan-việt lấy cơm gạo tự nhiên rất là thơm ngon. Cù-đàm, Ông cần thì lấy ăn.

- Tôi không cần. Sa-môn cứ tự lấy ăn.

Cù-đàm lại nghĩ: 'Sa-môn này rất có thần túc, có đại thần lực, tuy vậy mà chẳng bằng ta đã được đạo chân thật'.

Thế Tôn ăn xong trở về kia nghỉ.

Sáng hôm sau, Cù-đàm đến chỗ Thế Tôn nói:

- Giờ ăn đã đến, Ngài có thể đến ăn.

Ông về trước, Ta sẽ đến sau.

Cù-đàm đi rồi, Thế Tôn đến Cù-da-ni lấy trái ha-lê-lặc, rồi đến Cù-đàm, ngồi trong động đá.

- Sa-môn, Ngài theo đường nào đến đây ngồi?

- Ông đi rồi, Ta đến Cù-da-ni lấy trái này về, hết sức thơm ngon. Cù-đàm, Ông cần thì có thể lấy ăn.

- Tôi không cần. Sa-môn cứ tự lấy ăn.

Cù-đàm lại nghĩ: 'Sa-môn này rất có thần lực, có đại oai thần, tuy vậy chẳng bằng ta đắc đạo chân thật'.

Thế Tôn ăn xong, trở về kia nghỉ.

Ngày mai, Cù-đàm đến chỗ Thế Tôn bạch:

- Tới giờ rồi, Ngài có thể đến ăn.

- Ông về trước, Ta sẽ đến sau.

Ông đi rồi, Thế Tôn đến Phất-vu-đệ, lấy trái tỳ-ê-lặc, đến trước Cù-đàm, ngồi trong động đá. Cù-đàm hỏi rằng:

- Sa-môn! Ngài theo đường nào đến đây ngồi?

- Ông đi rồi, Ta đến Phất-vu-đệ lấy trái này, rất là thơm ngon. Cù-đàm, Ông cần thì có thể lấy ăn.

- Tôi không cần, Sa-môn cứ tự lấy ăn.

Cù-đàm lại tự nghĩ: 'Sa-môn này rất có thần lực, có đại thần lực, tuy vậy chẳng bằng ta đắc đạo chân thật'.

Thế Tôn ăn rồi lại về kia nghỉ.

Khi ấy, Cù-đàm muốn cúng tế lớn. Năm trăm đệ tử cầm búa chặt củi, tay cầm búa mà búa chẳng hạ xuống. Cù-đàm liền nghĩ: 'Đây chắc là do Sa-môn Cù-đàm làm'.

- Nay tôi muốn chặt củi mà tại sao không hạ búa xuống được?

- Muốn hạ được búa à?

- Muốn cho hạ xuống.

Búa liền hạ xuống. Bấy giờ búa kia đã hạ lại nhấc lên chẳng được. Cù-đàm lại bạch Phật:

- Cớ sao không nhấc được búa?

- Muốn nhấc búa lên à?

- Muốn cho nhấc lên.

Búa liền nhấc được. Bấy giờ đệ tử Cù-đàm có ý muốn đốt lửa, mà lửa chẳng chịu cháy. Cù-đàm liền nghĩ: 'Đây chắc do Sa-môn Cù-đàm làm'. Cù-đàm bạch Phật:

- Cớ sao lửa không cháy?

- Muốn cho lửa cháy à?

- Muốn cho cháy.

Tức thời lửa cháy lên. Bấy giờ họ có ý muốn dập lửa mà lửa chẳng tắt. Cù- đàm bạch Phật:

- Cớ sao lửa không tắt.

- Muốn cho lửa tắt à?

- Muốn cho tắt.

Lửa liền tắt. Cù-đàm lại nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm này mặt mày đoan chánh, hiếm có ở đời. Ngày mai ta muốn cúng tế lớn. Quốc vương, nhân dân đều sẽ đến tụ tập. Nếu họ thấy Sa-môn này thì ta chẳng được cúng dường nữa. Ngày mai Sa-môn này không đến thì thật là may mắn lớn.

Lúc ấy Thế Tôn biết tâm niệm của Cù-đàm. Sáng sớm ngày mai, Ngài đến uất-đan-việt lấy cơm gạo tự nhiên, đến Cù-da-ni lấy sữa tươi rồi đến suối A- nậu-đạt mà ăn, ở đó suốt ngày, đến chiều lại trở về động đá nghỉ.

Hôm sau Cù-đàm đến chỗ Thế Tôn hỏi:

- Sa-môn! Hôm nay vì sao không đến?

- Hôm qua Ông nghĩ rằng: 'Cù-đàm này rất là đoan chính, hiếm có ở đời. Sáng mai ta tế lớn. Nếu Quốc vương, đại thần thấy được liền chấm dứt sự cúng dường ta. Nếu ông ta không đến thì may lắm.' Ta biết tâm Ông nghĩ thế, nên Ta đến Uất-đan-việt lấy cơm gạo tự nhiên, đến Cù-da-ni lấy sữa tươi, lên đến suối A-nậu-đạt-ăn, ở đó trọn ngày, đến chiều trở về động đá nghỉ.

Bấy giờ Cù-đàm lại nghĩ: 'Vị đại Sa-môn này rất có thần túc, thật có oai thần, tuy vậy chẳng bằng ta đắc đạo chân thật'.

Thế Tôn ăn xong trở về động đá nghỉ. Đêm ấy Tứ thiên vương đến chỗ Thế Tôn để nghe kinh pháp. Tứ thiên vương cũng có hào quang sáng chói, Phật cũng phóng hào quang lớn chiếu núi rừng đó rỗng suốt một màu. Đêm đó Cù-đàm thấy ánh sáng, sáng sớm hôm sau đến chỗ Thế Tôn, đến rồi bạch Thế Tôn:

- Đêm qua có ánh sáng gì chiếu núi rừng này?

- Đêm qua Tứ thiên vương đến chỗ Ta nghe pháp. Đó là ánh sáng của Tứ thiên vương ấy.

Khi đó, Cù-đàm lại nghĩ: 'Sa-môn rất có thần lực, có thể khiến Tứ thiên vương đến nghe pháp, tuy có thần lực này vẫn chẳng bằng ta đắc đạo chân thật'.

Thế Tôn ăn xong lại về nghỉ. Nửa đêm Thích-đế-hoàn-nhân đến chỗ Thế Tôn nghe pháp. Ánh sáng của Thiên Đế Thích lại chiếu núi kia. Ban đêm

Cù-đàm thức dậy nhìn sao, thấy ánh sáng này. Sáng sớm hôm sau, Cù-đàm đến chỗ Thế Tôn hỏi:

- Cù-đàm! Đêm qua ánh sáng rất lạ lùng. Có nhân duyên gì mà có ánh sáng này?

- Đêm qua Thiên Đế Thích đến đây nghe pháp nên có ánh sáng này.

Cù-đàm liền nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm này rất có thần lực, có đại oai thần, có thể khiến Thiên Đế Thích đến nghe pháp, tuy vậy chẳng bằng ta đắc đạo chân thật'.

Thế Tôn ăn xong trở về kia nghỉ. Nửa đêm Phạm thiên vương phóng đại quang minh chiếu vào núi kia rồi đến chỗ Thế Tôn mà nghe pháp. Bấy giờ Cù-đàm ban đêm thức dậy thấy ánh sáng. Hôm sau đến chỗ Thế Tôn hỏi:

- Đêm qua ánh sáng chiếu hơn ánh sáng trơi, tăng gấp bội. Có nhân duyên gì mà có ánh sáng này?

- Cù-đàm nên biết, đêm qua Phạm thiên vương đến chỗ Ta nghe pháp.

Cù-đàm lại nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm này rất có thần lực, có thể khiến tổ phụ ta đến chỗ Sa-môn này nghe pháp, tuy vậy chẳng bằng ta đắc đạo chân thật'.

Bấy giờ Thế Tôn được y năm mảnh tệ nát, có ý muốn giặt giữ, liền nghĩ: 'Nay ta nên giặt y này ở đâu?'

Thích-đế-hoàn-nhân biết ý Thế Tôn, liền hóa ra ao tắm, rồi bạch Thế Tôn;

- Ngài có thể giặt y ở đây.

Khi ấy Thế Tôn nghĩ rằng: 'Ta sẽ vò giặt y này ở đâu?'

Tứ Thiên vương biết tâm niệm Thế Tôn, liền nhấc một tảng đá vuông lớn đặt ở mé nước, bạch Thế Tôn:

- Ngài nên vò giặt ở đây.

Thế Tôn lại nghĩ: 'Ta phơi y này ở đâu?'

Thọ thần biết tâm niệm Thế Tôn liền rũ cành cây xuống, bạch Thế Tôn:

- Xin Thế Tôn phơi y ở đây.

Sáng sớm hôm sau, Cù-đàm đến chỗ Thế Tôn hỏi Thế Tôn:

- Vốn không có ao này, nay có ao, vốn không có cây, nay có cây này, vốn không có đá, nay có đá này. Có nhân duyên gì mà có sự biến hóa này?

- Ở đây đêm qua, Thiên Đế Thích biết Ta muốn giặt y nên làm ao tắm này. Ta lại nghĩ: 'Nên vò giặt y này ở đâu?', thời Tứ thiên vương biết tâm niệm của Ta liền đem đá này đến. Ta lại nghĩ: 'Nên phơi y ở đâu?' Thọ thần biết tâm niệm Ta liền thòng cành cây này.

Lúc ấy, Cù-đàm nghĩ: 'Sa-môn Cù-đàm này tuy có thần lực mà chẳng bằng ta đắc đạo chân thật'.

Thế Tôn ăn xong trở về kia nghỉ. Nửa đêm hôm đó có đám mây đen lớn nổi lên làm mưa to, sông lớn Ni-liên chảy cuồn cuộn. Khi ấy Cù-đàm lại nghĩ: 'Sông này chảy xiết, Sa-môn chắc sẽ bị nước cuốn, nay ta đến xem'.

Bấy giờ Cù-đàm và năm trăm đệ tử đến bờ sông. Lúc ấy Thế Tôn đang đi trên nước, chân chẳng thấm nước. Cù-đàm từ xa trông thấy Thế Tôn đi trên nước, liền nghĩ: 'Thật kỳ! Thật lạ! Sa-môn Cù-đàm có thể đi trên nước, ta cũng có thể đi trên nước, nhưng chẳng thể khiến chân không thấm. Sa-môn này tuy có oai thần nhưng chẳng bằng ta đắc đạo chân thật'.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo Cù-đàm:

- Ông cũng chẳng phải A-la-hán, lại chẳng biết đạo A-la-hán, Ông còn chẳng biết tên A-la-hán huống là đắc đạo ư? Ông là người mù, mắt chẳng thấy gì. Như Lai hiện biến hóa như thế, Ông còn nói: 'Chẳng bằng ta đắc đạo chân thật'. Ông vừa nói: 'Ta có thể đi trên nước'. Nay chính đúng lúc, Ông có thể cùng Ta đi trên nước chăng? Nay Ông nên bỏ tâm tà kiến, chẳng để chịu khổ não này mãi mãi.

Bấy giờ Cù-đàm nghe Thế Tôn nói xong, liền đến trước cúi lạy chân Phật:

- Nay con hối lỗi, thầm biết phi pháp mà xúc phạm Như Lai, cúi mong nhận lời con hối lỗi.

Như thế lập lại ba phen. Thế Tôn bảo:

- Nhận cho Ông sửa lỗi, đã tự biết xúc não Như Lai.

Bấy giờ Cù-đàm bảo năm trăm đệ tử:

- Các Ông mỗi người tùy ý, nay ta tự quy y Sa-môn Cù-đàm.

Năm trăm đệ tử bạch Cù-đàm:

- Chúng con trước cũng có lòng đối với Sa-môn Cù-đàm, ngay lúc Cù-đàm hàng phục rồng, chúng con đã muốn quy mạng. Nếu Thầy tự quy Cù-đàm, năm trăm đệ tử chúng con đều tự quy với Cù-đàm cả.

Cù-đàm đáp:

- Nay chính đúng lúc. Vì tâm ta lại chấp điều ngu si này, thấy bao nhiêu biến hóa mà ý còn chưa hiểu, nên tự xưng là đạo ta chân chánh.

Cù-đàm đem năm trăm đệ tử, trước sau vây quanh đến chỗ Thế Tôn cúi lạy dưới chân rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn cho chúng con được làm Sa-môn, tu hạnh thanh tịnh.

Pháp thường của chư Phật nếu gọi: 'Khéo đến, Tỳ-kheo!' thì người kia liền thành Sa-môn. Bấy giờ Thế Tôn bảo Cù-đàm:

- Khéo đến, Tỳ-kheo! Pháp này vi diệu, khéo tu Phạm hạnh.

Cù-đàm y áo đang mặc đều biến thành cà-sa, đầu tóc tự nhiên rụng như được cạo đã bảy ngày. Lúc đó Cù-đàm đem dụng cụ học thuật và chú thuật ném xuống nước. Rồi năm trăm đệ tử bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn cho chúng con được làm Sa-môn.

- Khéo đến, Tỳ-kheo!

Lúc ấy năm trăm đệ tử liền thành Sa-môn, cà-sa đắp thân, tóc trên đầu tự rụng.

Bấy giờ thuận dòng về phía hạ lưu có Phạm chí tên Giang Cù-đàm ở bên bờ sông. Lúc ấy Giang Cù-đàm thấy đồ chú thuật bị nước cuốn trôi hết, liền nghĩ rằng: 'Chao ôi, sư huynh của ta bị nước dìm chết rồi!'.

Bấy giờ Giang Cù-đàm đem ba trăm đệ tử theo dòng lên phía thượng lưu tìm thầy của anh, xa thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây cùng Đại Cù-đàm và năm trăm đệ tử đang vây quanh trước sau thuyết pháp. Thấy rồi, ông liền đến trước Cù-đàm, nói:

- Việc này hay nhỉ! Vốn là thầy người, nay làm đệ tử, đại huynh cớ sao lại làm đệ tử của Sa-môn?

Cù-đàm đáp:

- Điều này tốt nhất, không gì hơn điều này.

Bấy giờ Ưu-tỳ Cù-đàm hướng về Giang Cù-đàm mà đọc kệ này:

Thầy này Người Trời quý,
Nay ta thờ kính thầy.
Chư Phật hiện ra đời,
Rất là khó được gặp.
Giang Cù-đàm nghe danh hiệu Phật hết sức vui mừng hớn hở, không kềm được, đến trước bạch Thế Tôn:

- Xin cho con hành đạo.

- Khéo đến, Tỳ-kheo! Khéo tu Phạm hạnh, dứt hết mé khổ.

Bấy giờ Giang Cù-đàm và ba trăm đệ tử liền thành Sa-môn, cà-sa đắp thân, tóc trên đầu tự rụng. Lúc ấy, Giang Cù-đàm và ba trăm đệ tử đem đồ chú thuật liệng hết xuống nước.

Khi ấy cuối dòng sông có Phạm chí tên Già-di Cù-đàm ở bên bờ sông, xa thấy đồ chú thuật trôi trên nước, liền nghĩ: 'Ta có hai anh ở sông phía trên học đạo, nay đồ chú thuật đều bị nước trôi, hai anh Cù-đàm chắc bị nước hại'.

Ông liền đem hai trăm đệ tử theo dòng lên thượng lưu, đến chỗ học thuật, xa thấy hai anh làm Sa-môn, liền nói:

- Việc này hay nhỉ! Vốn được người tôn kính, nay làm đệ tử Sa-môn!

Cù-đàm đáp:

- Chỗ này tốt nhất, không đâu hơn đây.

Bấy giờ Già-di Cù-đàm liền nghĩ: 'Nay hai anh ta học rộng biết nhiều. Nơi đây ắt là chỗ tốt, khiến hai anh ta ở đó học đạo. Nay ta cũng nên ở đó học đạo'. Khi ấy Già-di Cù-đàm đến trước Thế Tôn bạch:

- Cúi mong Thế Tôn cho con làm Sa-môn.

Thế Tôn bảo:

- Khéo đến, Tỳ-kheo! Khéo tu Phạm hạnh, dứt hết mé khổ.

Bấy giờ Già-di Cù-đàm liền thành Sa-môn, cà-sa đắp thân, tóc trên đầu tự rụng, như cạo đầu đã bảy ngày. Lúc ấy, Thế Tôn ở bên bờ sông ấy, dưới gốc cây Ni-câu-luật thành Phật chưa bao lâu, có một ngàn đệ tử đều là bậc tôn túc kỳ cựu.

Thế Tôn dùng ba việc giáo hóa. Thế nào là ba? Đó là thần túc giáo hóa, ngôn giáo giáo hóa và huấn hối giáo hóa.

Thế nào gọi là thần túc giáo hóa? Nghĩa là Thế Tôn hoặc biến bao nhiêu thân hình hợp lại làm một, hoặc biến mất, hoặc hiện đi qua vách đá không chướng ngại, hoặc từ đất chui lên, hoặc chui vào đất, giống như nước chảy không chạm ngại, hoặc ngồi kiết-già đầy khắp hư không, như chim trong không, chẳng bị chướng ngại; cũng như núi lửa lớn phun khói vô lượng, như mặt trời mặt trăng có thần lực lớn không thể hạn lượng, dùng tay với đến cõi Phạm thiên. Thế Tôn hiện thần túc như thế.

Thế nào gọi là ngôn giáo giáo hóa? Nghĩa là Thế Tôn dạy các Tỳ-kheo nên bỏ điều này, nên giữ điều này, nên gần điều này, nên xa điều này, nên nhớ điều này, nên trừ điều này, nên quán điều này, không nên quán điều này.

Thế nào là nên tu hay không nên tu? Nghĩa là nên tu Thất giác chi, nên diệt ba kiết (sử).

Thế nào là nên quán, không nên quán? Nên quán nghĩa là nên khéo quán ba pháp kiết của Sa-môn, đó là vui xuất yếu, vui không sân, vui không nộ. Thế nào là không nên quán? Nghĩa là ba điều khổ của Sa-môn. Thế nào là ba? Đó là quán dục, quán sân, quán nộ.

Thế nào là niệm? Thế nào là không nên niệm? Nghĩa là nên niệm Khổ đế, nên niệm Tập đế, nên niệm Tận đế, nên niệm Đạo đế; chớ niệm tà đế, chấp kiến thường, kiến chấp vô thường, kiến chấp hữu biên, kiến chấp vô biên; kia là mạng, kia là thân, không phải mạng, không phải thân, Như Lai mạng chung, Như Lai chẳng mạng chung, có chấm dứt, có không chấm dứt, cũng chẳng có chấm dứt cũng chẳng không chấm dứt. Chớ có nghĩ thế.

Thế nào gọi là huấn hối giáo hóa? Lại nữa, nên đi thế này, không nên đi thế này, đến thế này, không nên đến thế này, nên làm thinh, nên nói năng thế này, nên giữ y thế này, chẳng nên giữ y như thế, nên vào làng như thế, không nên vào làng như thế. Đó gọi là huấn hối giáo hóa.

Bấy giờ Thế Tôn dùng ba việc này giáo hóa ngàn Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo kia nhận lời Phật dạy rồi, ngàn Tỳ-kheo đều thành A-la-hán. Khi ấy, Thế Tôn đã thấy ngàn Tỳ-kheo đắc A-la-hán. Bấy giờ trong cõi Diêm-phù có ngàn La- hán và năm Tỳ-kheo với Phật là sáu. Khi ấy Ưu-tỳ Cù-đàm liền nghĩ: 'Thế Tôn vì sao ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ?'

Ưu-tỳ Cù-đàm liền quỳ trước Thế Tôn bạch:

- Chẳng rõ Như Lai vì sao ngồi hướng về Ca-ty-la-vệ?

Thế Tôn bảo:

- Như Lai ở đời nên làm năm việc. Thế nào là năm? Nên chuyển Pháp luân, nên thuyết pháp cho cha, nên thuyết pháp cho mẹ, nên dắt dẫn phàm phu lập hạnh Bồ-tát, nên thọ ký Bồ-tát. Đó là, này Cù-đàm, Như Lai ra đời nên hành năm pháp này.

Ưu-tỳ Cù-đàm lại nghĩ rằng: 'Như Lai nhớ thân tộc và nước của mình nên ngồi hướng về đó'.

Năm Tỳ-kheo dần đến sông Ni-liên, đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy Tôn giả Ưu-đà-da-xa thấy Thế Tôn ngồi hướng về Ca-tỳ-la-vệ, thấy rồi bèn nghĩ: 'Thế Tôn chắc đang muốn đến Ca-tỳ-la-vệ để gặp thân thích'. Ưu-đà-la đến quỳ trước Thế Tôn bạch:

- Nay con kham nhậm có chỗ muốn hỏi, cúi mong Ngài diễn bày.

Thế Tôn bảo:

- Thầy muốn hỏi gì cứ hỏi.

Ưu-đà-la bạch Thế Tôn:

- Con xem ý Như Lai muốn hướng đến Ca-tỳ-la-vệ.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, như lời Thấy nói. Ưu-đà-la nên biết: Hãy đến chỗ vua Chân Tịnh (Bạch Tịnh) trước, Ta sẽ đến sau. Vì sao thế? Dòng Sát-đế-lợi trước sai sứ báo cho biết, sau đó Như Lai sẽ đến. Thầy đến bảo với vua: Sau bảy ngày, Như Lai sẽ đến gặp vua.

Ưu-đà-da đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Ưu-đà-da liền từ chỗ ngồi đứng lên, sửa sang y phục, cúi lạy Thế Tôn, ở trước Thế Tôn biến mất, đến chỗ vua Chân Tịnh, nơi Ca-tỳ-la-vệ, đến rồi, đứng trước vua. Bấy giờ vua Chân Tịnh đang ngồi trên đại điện với các thể nữ. Khi ấy, Ưu-đà-da bay trên không trung, vua Chân Tịnh thấy Ưu-đà-da tay ôm bát, cầm gậy đứng trước. Thấy rồi sợ hãi nói:

- Đây là ai? Người, Phi nhân, Trời, Quỷ, Dạ xoa, La sát, Trời, Rồng, Quỷ thần chăng?

Vua Chân Tịnh hỏi Ưu-đà-da:

- Ông là ai?

Rồi vua dùng kệ này nói với Ưu-đà-da:

Là Trời hay là quỷ?
Là Càn-thát-bà chăng?
Nay Ông tên là gì?

Nay ta muốn biết vậy.
Ưu-đà-da lại dùng kệ đáp vua:
Tôi cũng chẳng phải Trời,
Chẳng phải Càn-thát-bà
Ở đây nước Ca-tỳ,
Người đất nước Đại vương,
Xưa diệt mười tám ức
Chúng Tệ ma Ba-tuần,
Thầy tôi Thích-ca văn,
Tôi thật đệ tử Ngài.
Vua Chân Tịnh lại dùng kệ này bảo Ưu-đà-da:

Ai hoại mười tám ức
Chứng Tệ ma Ba-tuần,
Ai tên Thích-ca văn,
Mà nay Ông tán thán?
Ưu-đà-da nói kệ:
Như Lai lúc mới sanh,
Trời đất đều chấn động,
Thệ nguyện tất hoàn thành,
Hôm nay hiệu Tất-đạt.
Ngài hàng mười tám ức
Chúng Tệ ma Ba-tuần,
Ngài tên Thích-ca văn,
Hôm thành Phật đạo.
Người nay cho Thích Sư,
Đệ tử của Cù-đàm,
Hôm nay làm Sa-môn,
Vốn tên Ưu-đà-da.
Vua Chân Tịnh nghe lời này rồi, vui mừng không kềm được, bảo Ưu-đà-da:

- Thế nào Ưu-đà-da, thái tử Tất-đạt nay có ở đây sao?

Ưu-đà-da đáp:

- Hôm nay Phật Thích-ca Văn hiện có mặt.

Vua hỏi:

- Nay đã thành Phật sao?

- Nay đã thành Phật.

Hôm nay Như Lai lại ở nơi nào?

- Nay Như Lai ở nơi cây Ni-câu-loại nước Ma-kiệt.

- Đệ tử học theo Ngài là những ai?

- Hàng ức chư Thiên, ngàn Tỳ-kheo và Tứ thiên vương hằng ở bên cạnh.

- Mặc y phục như loại nào?

- Như Lai mặc y phục gọi là ca-sa.

- Ăn thức ăn gì?

- Thân Như Lai lấy Pháp làm thức ăn.

Vua lại hỏi:

- Thế nào Ưu-đà-da, ta có thể gặp được Như Lai chăng?

Ưu-đà-da đáp:

- Vua chớ buồn rầu, bảy ngày sau Như Lai sẽ vào thành.

Vua hết sức vui mừng, không kềm được, tự tay san sớt thức ăn cúng dường Ưu-đà-da. Bấy giờ vua Chân Tịnh đánh trống vang lừng ra lịnh nhân dân trong nước san bằng đường sá, dọn dẹp rác rến, lấy nước thơm rảy trên đất, treo cờ phướn, lọng, xướng kỹ nhạc chẳng thể kể xiết, lại ra lệnh trong nước: 'Những người điếc, đui, câm, ngọng đều không được xuất hiện. Sau bảy ngày Tất-đạt sẽ vào thành'.

Vua Chân Tịnh nghe Phật sẽ vào thành, trong bảy ngày cũng không ngủ nghỉ. Lúc ấy, Thế Tôn đến ngày thứ bảy, liền nghĩ: 'Nay Ta nên dùng sức thần túc để đến nước Ca-tỳ-la-vệ'.

Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo, trước sau vây quanh đến nước Ca-tỳ-la-vệ, đến rồi, liền vào trong vườn Tát-lô ở phía Bắc thành. Bấy giờ vua Chân Tịnh nghe Thế Tôn đã đến Ca-tỳ-la-vệ ở trong vườn Tát-lô phía Bắc thành. Lúc ấy vua Chân Tịnh đem dòng họ Thích đến Thế Tôn. Khi ấy, Thế Tôn lại nghĩ: 'Nếu đích thân vua Chân Tịnh đến, đây là điều chẳng nên. Nay Ta nên đến cùng vua gặp gỡ. Vì sao? Phụ mẫu ân nặng, dưỡng dục tình thâm'.

Bấy giờ Thế Tôn đem chúng Tỳ-kheo đến cửa thành, bay trên hư không cách đất bảy nhẫn. Khi ấy, vua Chân Tịnh thấy Thế Tôn đoan chánh vô cùng, thế

gian hiếm có, các căn lặng lẽ, không có nhiều niệm. Thân có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, tự trang nghiêm thân, liền phát tâm hoan hỉ, cúi lạy rồi nói:

- Tôi là vua dòng Sát-lợi tên Chân Tịnh.

Thế Tôn bảo:

- Chúc Đại vương hưởng thọ vô cùng. Thế nên, Đại vương, hãy dùng Chánh pháp cai trị, chớ dùng tà pháp. Đại vương nên biết, những người dùng Chánh pháp cai trị, thân hoại mạng chung sanh vào cõi lành, lên Trời.

Lúc ấy Thế Tôn đi trong không trung đến cung vua Chân Tịnh, đến rồi lại tòa ngồi. Vua thấy Thế Tôn ngồi yên, tự tay mình san sớt các thức ăn uống. Thấy Thế Tôn ăn xong thì đem nước sạch đến, rồi vua lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi nghe pháp. Bấy giờ Thế Tôn dần dần thuyết diệu nghĩa cho vua Chân Tịnh. Chỗ nói luận là thí luận, giới luận, luận sanh cõi trời, dục là hạnh bất tịnh, xuất yếu là vui.

Bấy giờ Thế Tôn thấy vua tâm ý khai mở. Chư Phật Thế Tôn thuyết pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Ngài đều nói hết cho vua. Lúc ấy vua Chân Tịnh ở trên tòa ngồi, dứt các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Thế Tôn thuyết pháp cho vua xong, liền từ chỗ ngồi đứng lên đi. Vua Chân Tịnh mới tập họp hết chúng họ Thích mà nói:

- Các Ông Sa-môn mặt mày rất xấu. Dòng Sát-lợi mà cùng chúng Phạm chí, đây thật là chẳng nên. Dòng Thích Sát-lợi lại được chúng Sát-lợi, đây mới là hay.

Các người họ Thích đáp: - Đúng vậy, Đại vương! Như Đại vương bảo, Sát- lợi lại được chúng Sát-lợi, đây thật là hay.

Bấy giờ vua bảo trong nước, những người có hai anh em, hãy để một người hành đạo. Ai không tuân theo sẽ bị phạt nặng. Lúc ấy, dòng họ Thích nghe lịnh vua ban: 'Những người có hai anh em, nên cho một người hành đạo, ai không tuân lời sẽ phạt nặng'. Bấy giờ Đề-bà-đạt-đa họ Thích bảo Thích A- nan rằng:

- Hôm nay vua Chân Tịnh có dạy rằng mấy người có hai anh em, nên chia một người hành đạo. Nay em xuất gia học đạo, anh sẽ ở nhà sửa sang gia nghiệp.

Bấy giờ A-nan vui mừng hớn hở đáp:

- Em sẽ y theo lời anh bảo.

Khi ấy Nan-đà họ Thích bảo A-na-luật:

- Vua Chân Tịnh có bảo, ai có hai anh em hãy chia một người hành đạo, nếu không nghe sẽ phạt tội nặng. Nay em xuất gia, tôi sẽ ở nhà.

A-na-luật nghe xong, vui mừng hớn hở, không kềm được đáp:

- Vâng, như lời anh bảo.

Bấy giờ vua Chân Tịnh cùng Thích Hộc Tịnh, Thích Thúc Tịnh, Thích Cam Lồ đến chỗ Thế Tôn.

Khi ấy các vua cỡi xe tứ mã, xe trắng lọng trắng, ngựa trắng đóng vào xe. Họ Thích thứ nhì đi xe xanh, lọng xanh, đóng ngựa xanh. Họ Thích thứ ba đi xe vàng, lọng vàng, đóng ngựa vàng. Họ Thích thứ tư đi xe đỏ, lọng đỏ, đóng ngựa đỏ. Lúc ấy, họ Thích có người cỡi voi, có người cỡi ngựa, đều đến tụ tập.

Thế Tôn xa trông thấy vua Chân Tịnh đem các Thích chúng đến, liền bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy hãy xem các Thích chúng này và xem chúng vua Chân Tịnh. Tỳ- kheo nên biết, Trời ba mươi ba lúc dạo vườn xem cũng như lối này không khác.

Bấy giờ A-nan cỡi voi trắng lớn, áo trắng, lọng trắng. Phật thấy rồi bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy có thấy A-nan cỡi voi trắng mặc áo trắng không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn, chúng con có thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Người này sẽ xuất gia học đạo, là người đa văn đệ nhất, kham hầu cận bên Ta. Các Thầy thấy A-na-luật này chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa vâng, đã thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Người này sẽ xuất gia học đạo, là thiên nhãn đệ nhất.

Bấy giờ vua Chân Tịnh và bốn anh em cùng với Nan-đà, A-nan đều bước đến trước, trừ bỏ năm món trang sức, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy, vua Chân Tịnh bạch Phật:

- Đêm qua tôi nghĩ: 'Chúng Sát-lợi chẳng nên cùng chúng Phạm chí, mà nên cùng chúng Sát-lợi. Đây mới thích nghi'. Tôi liền ra lệnh trong nước, ai có hai anh em, liền chọn một người cho xuất gia học đạo. Cúi mong Thế Tôn cho họ xuất gia học đạo.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, Đại vương! Việc này có nhiều lợi ích, Trời, Người được an. Vì sao như thế? Thiện tri thức này là ruộng phước tốt lành. Tôi cũng nhờ Thiện tri thức mà thoát được sanh, già, bệnh, chết này.

Bấy giờ các chúng họ Thích liền được hành đạo. Vua Chân Tịnh bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn, dạy dỗ các tân Tỳ-kheo này sẽ như dạy dỗ Ưu-đà-da. Vì sao thế? Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực, xin cho Tỳ-kheo Ưu-đà- da hằng ở trong cung giáo hóa, khiến chúng sanh được an ổn lâu dài. Vì sao thế? Tỳ-kheo này rất có thần lực, tôi vừa thấy Tỳ-kheo Ưu-đà-da liền phát tâm hoan hỉ, tôi liền nghĩ: 'Đệ tử còn có thần lực, huống Như Lai kia lại không có thần lực này sao?'

Thế Tôn bảo:

- Đúng thế, Đại vương! Như Đại vương nói, Tỳ-kheo Ưu-đà-da này rất có thần lực, có oai đức lớn.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đệ tử bậc nhất về biết rộng hiểu nhiều, được quốc vương nhớ đến là Tỳ- kheo A-nhã Câu-lân, khuyến hóa nhân dân là Tỳ-kheo Ưu-đà-da. Có trí mau lẹ là Tỳ-kheo Ma-ha-nam. Hằng ưa phi hành là Tỳ-kheo Tu-bà-hưu. Qua lại trên không là Tỳ-kheo Bà-phá. Có nhiều đệ tử là Tỳ-kheo Ưu-tỳ Cù-đàm. Ý được quán không là Tỳ-kheo Giang Cù-đàm. Ý được chỉ quán là Tỳ-kheo Tượng Cù-đàm.

Lúc ấy Thế Tôn rộng thuyết pháp vi diệu cho vua Chân Tịnh. Vua nghe pháp xong liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy rồi lui đi.

Bấy giờ các Tỳ-kheo và vua Chân Tịnh nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXIV.3. Phẩm Cao Tràng (3)

6. Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật ở nước Xá-Vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong mười lăm ngày có ba pháp chay. Thế nào là ba? Ngày mồng tám, ngày mười bốn, và ngày mười lăm. Tỳ-kheo nên biết, hoặc có giờ này, mồng tám ngày chay, Tứ thiên vương sai phụ thần quán sát thế gian xem ai làm lành, làm ác, những chúng sanh nào hiếu thuận với cha mẹ, Sa-môn, Bà-la- môn và bậc tôn trưởng. Nếu có chúng sanh ưa thích bố thí, tu giới, nhẫn nhục, tinh tấn, tam-muội thời phục thần sẽ diễn rộng kinh nghĩa, trì bát quan trai, phân biệt đầy đủ.

Nếu không có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng thời phụ thần bạch Tứ thiên vương:

- Này thế gian này không có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, đạo sĩ, hành tứ đẳng tâm, từ mẫn chúng sanh.

Tứ thiên vương nghe xong, sầu lo buồn thảm chẳng vui. Lúc ấy Tứ thiên vương liền lên trời Đao Lợi đến giảng đường Thiện Pháp, đem nhân duyên này bạch đầy đủ cho Đế Thích:

- Thiên đế nên biết, nay thế gian này không có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng.

Bấy giờ Đế Thích cõi trời Ba mươi ba nghe lời đó xong, đều sầu lo buồn thảm chẳng vui vì chúng chư Thiên giảm, chúng A-tu-la tăng.

Lại có lúc, nến chúng sanh ở thế gian có người hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng, trì Bát quan trai, tư đức thanh tịnh, không phạm cấm giới lớn bằng sợi tóc. Bấy giờ sứ giả vui mừng hớn hở không kềm được, liền bạch Tứ thiên vương:

- Này thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la- môn và các tôn trưởng.

Thiên vương nghe rồi rất vui mừng liền đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân, đem nhân duyên này bạch đủ cho Đế Thích:

- Thiên đế nên biết, nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng.

Đế Thích, cõi trời Ba mươi ba đều hoan hỉ không kềm được vì chúng chư Thiên tăng thêm và chúng A-tu-la bị giảm bớt. Địa ngục đánh khảo tự nhiên thôi dứt độc ác, đau đớn.

Nếu ngày mười bốn, vào ngày trai giới, Tứ thiên vương sai Thái tử xuống quan sát thiên hạ, xem xét nhân dân thi hành thiện ác, xem có chúng sanh tin Phật, tin Pháp, tin Tỳ-kheo Tăng, hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng, ưa thích bố thí, trì Bát quan trai, đóng bít lục tình, ngăn chận ngũ dục hay không.

Nếu không có chúng sanh tu Chánh pháp, hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà- la-môn. Bấy giờ Thái tử bạch Tứ thiên vương thời Tứ thiên vương nghe rồi liền sầu lo buồn thảm, không vui, đến chỗ Thích-đề-hoàn nhân đem nhân duyên này bạch đủ cho Thiên đế:

- Đại vương nên biết, nay thế gian này không có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng.

Bấy giờ Thiên đế trời Ba mươi ba đều sầu lo buồn thảm, không vui vì chúng chư Thiên giảm, chúng A-tu-la tăng.

Nếu chúng sanh lại có người hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và tôn trưởng, trì Bát quan trai thời Thái tử vui mừng hớn hở, không kềm được, liền đến bạch Tứ thiên vương:

- Đại Vương nên biết, nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng.

Khi ấy, Tứ thiên vương nghe lời này xong, rất vui mừng liền đến Thích-đề- hoàn-nhân, đem nhân duyên này bạch đầy đủ với Thiên đế:

- Thánh vương nên biết: Nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng, thọ tam quy, có tâm từ, can gián, thành tín không khi dối.

Bấy giờ Thiên đế, Tứ thiên vương và trời Ba mươi ba đều hoan hỉ không kềm được vì chúng chư Thiên tăng, chúng A-tu-la giảm bớt.

Tỳ-kheo nên biết, ngày mười lăm, lúc thuyết giới, Tứ thiên vương đích thân xuống đi khảo sát thiên hạ, xem xét nhân dân, tìm xem những chúng sanh nào hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng, ưa thích bố thí, trì Bát quan trai, pháp trai giới của Như Lai. Nếu không có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng thì Tứ thiên vương liền buồn bã, thảm sầu chẳng vui, đến chỗ Đế Thích, đem nhân duyên này bạch đủ với Thiên đế:

- Đại vương nên biết, nay thế gian này không có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân, trời Ba mươi ba đều sầu lo buồn thảm không vui vì chúng chư Thiên giảm, chúng A-tu-la tăng thêm.

Lúc đó, nếu lại có chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng, trì Bát quan giới, thời Tứ thiên vương liền vui mừng hớn hở không kềm được, liền đến Đế Thích đem nhân duyên này bạch đầy đủ cho Thiên đế:

- Đại vương nên biết, nay thế gian này có nhiều chúng sanh hiếu thuận cha mẹ, Sa-môn, Bà-la-môn và các tôn trưởng.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân, trời Ba mươi ba và Tứ thiên đế vương đều vui mừng không thể tự kềm, vì chúng chư Thiên tăng, chúng A-tu-la giảm bớt.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là ngày mười lăm trì pháp Bát quan trai?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Như Lai là vua các pháp, là dấu ấn của các pháp, cúi mong Thế Tôn hãy vì các Tỳ-kheo mà diễn rộng nghĩa này, các Tỳ-kheo nghe xong sẽ vâng làm.

Thế Tôn bảo:

- Lắng nghe, lắng nghe và khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt nói đủ. Ở đây, này các Tỳ-kheo, nếu có Thiện nam tử, Thiện nữ nhân, ngày mười bốn, ngày mười lăm trong tháng, khi thuyết giới trì trai, đến trong bốn bộ chúng nên nói:

- 'Nay tôi ngày chay, muốn trì pháp Bát quan trai. Cúi mong Tôn giả, hãy thuyết cho tôi.'

Bấy giờ, bốn bộ chúng nên dạy thuyết pháp Bát quan trai cho họ. Trước hết dạy:

- 'Thiện nam tử, hãy tự xưng tên họ.'

Họ đã xưng tên rồi, bèn sẽ thuyết pháp Bát quan trai. Khi ấy, bậc giáo thọ dạy trước người rằng:

- 'Nay tôi vâng giữ pháp chay của Như Lai đến sáng sớm ngày mai, tu giới thanh tịnh, trừ bỏ pháp ác. Nếu thân làm ác, miệng thốt lời ác, ý sanh niệm ác, thân ba, miệng bốn, ý ba, các điều ác hạnh đã tạo, đang tạo hoặc hay vì tham dục sẽ tạo, hoặc hay vì sân hận sẽ tạo, hoặc hay do ngu si sẽ tạo, hoặc hay vì hào tộc mà tạo, hoặc hay nhân ác tri thức mà tạo, hoặc có thể do thân này, thân sau, vô số thân, hoặc hay chẳng biết Phật, chẳng biết Pháp, hoặc hay tranh đấu với Tỳ-kheo Tăng, hoặc hay sát hại cha mẹ và các bậc tôn trưởng. Nay tôi tự sám hối, chẳng tự che giấu, nương theo giới, nương theo pháp để thành tựu các giới hạnh, thọ Bát quan trai của Như Lai.

Thế nào là pháp Bát quan trai? Giữ tâm như chân nhân, trọn đời không giết, không có tâm hại. Đối với chúng sanh có niệm từ tâm. Nay con tên ...., trì trai đến sáng sớm ngày mai, chẳng giết, chẳng có tâm hại, có tâm từ đối với tất cả chúng sanh.

Như A-la-hán không có tà niệm, suốt đời không trộm cắp, vui thích bố thí. Nay con tên ... suốt đời không trộm cắp, từ nay đến ngày mai.

Giữ gìn tâm như chân thật, nay con suốt đời không dâm dật, không có tà niệm, hằng tu Phạm hạnh, thân thể thơm sạch. Hôm nay trì giới chẳng dâm, cũng chẳng nhớ vợ

mình, cũng chẳng nghĩ đến đàn bà khác, đến sáng sớm ngày mai không có xúc phạm.

Như A-la-hán suốt đời không vọng ngữ, hằng biết chân thành chẳng dối gạt người; từ nay đến ngày mai con không vọng ngữ. Con từ nay về sau không nói dối nữa.

Như A-la-hán suốt đời không uống rượu, tâm ý chẳng loạn, giữ gìn cấm giới của Phật, không chỗ xúc phạm; nay con cũng sẽ như vậy, từ hôm nay đến ngày mai không uống rượu nữa; giữ gìn cấm giới Phật không chỗ xúc phạm.

Như A-la-hán suốt đời không hoại trai pháp, hằng ăn đúng giờ, ăn ít, biết đủ, không đắm mùi vị, nay con cũng lại như thế, suốt đời không hoại trai pháp, hằng ăn đúng giờ, ăn ít biết đủ, không đắm mùi vị. Từ hôm nay đến sáng mai không có xúc phạm.

Như A-la-hán suốt đời không ngồi trên giường cao rộng, giường cao rộng là giường vàng, bạc, ngà voi, hoặc giường (sừng) tòa của Phật, tòa Bích-chi Phật, tòa A-la-hán, tòa các Tôn sư, vậy A-la-hán, không ngồi trên tám loại tòa này, con cũng không chạm đến chỗ ngồi này.

Như A-la-hán suốt đời không đeo hương hoa, trang điểm phấn sáp; nay con cũng sẽ như thế, suốt đời không đeo hương hoa phấn sáp tốt đẹp.

Nay con tên ... lìa tám việc này, vâng giữ pháp Bát quan trai chẳng đọa ba đường ác. Giữ công đức này không vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và trong tám nạn, hằng được thiện tri thức, chẳng theo hầu ác tri thức, hằng được sanh vào nhà cha mẹ lành, chẳng sanh chỗ biên địa không Phật pháp, chẳng sanh cõi trời Trường Thọ, chẳng làm nô tỳ cho người, chẳng làm Phạm thiên, chẳng làm trời Đế Thích, cũng chẳng làm Chuyển luân Thánh vương, hằng sanh ở trước Phật, tự mình thấy Phật, tự nghe Pháp, khiến các căn chẳng loạn. Con chỉ thệ nguyện hướng Tam thừa tu hành mau thành đạo quả.

Tỳ-kheo nên biết, nếu có Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di, trì pháp Bát quan trai này, thiện nam tử, thiện nữ nhân đó sẽ hướng đến ba đường, hoặc sanh trong loài Người, hoặc sanh lên Trời, hoặc nhập Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Không giết cũng chẳng trộm,
Chẳng dâm, không nói dối,
Tránh rượu, xa hương hoa,
Người đắm vị, phạm trai (giới).
Ca múa và hát xướng,
Học bỏ như La-hán,
Nay giữ Bát quan trai,
Ngày đêm không quên mất.
Không có khổ sanh tử,
Không có hẹn xoay vần,
Chớ cùng ân ái nhóm,
Cũng chớ oán ghét hội.

Nguyện diệt Năm ấm khổ,
Các bịnh sanh tử não,
Niết-bàn không các hoạn,
Nay ta tự quay về.

Thế nên các Tỳ-kheo, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, muốn trì Bát quan trai xa lìa các khổ, được chỗ lành, muốn được hết các lậu, nhập vào thành Niết-bàn, nên cầu phương tiện thành tựu pháp Bát quan trai này. Vì sao thế? Danh vị trong loài Người chẳng đủ là quý, khoái lạc trên trời chẳng đáng khen ngợi. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn cầu phước vô thượng, nên tìm phương tiện thành tựu trai pháp này. Nay Ta răn dạy các Thầy một lần nữa: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân thành tựu Bát quan trai, muốn cầu sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, cũng đạt được nguyện này, người trì giới sẽ được toại nguyện. Ta vì thế mà nói nghĩa này. Địa vị vinh dự của loài Người chẳng đủ quý, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân giữ Bát quan trai, thân hoại mạng chung được sanh cõi lành, lên trời, cũng sanh Diễm thiên, Đâu- suất, Hóa tự tại thiên, Tha hóa Tự tại thiên, trọn không hư dối. Vì cớ sao? Vì người trì giới này sẽ đạt được sở nguyện.

Các Tỳ-kheo, nay Ta lập cho các Thầy hay: Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân trì Bát quan trai, sẽ sanh cõi Dục thiên, sanh Sắc thiên cũng thành tựu nguyện của mình. Vì sao thế? Vì người trì giới này sẽ đạt được sở nguyện.

Lại nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân trì Bát quan trai, muốn được sanh Vô sắc thiên thì cũng có kết quả như nguyện. Tỳ-kheo nên biết, nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân, trì Bát quan trai, muốn sanh trong nhà vốn dòng họ cũng lại được sanh. Lại nữa, thiện nam tử, thiện nữ nhân trì Bát quan trai muốn làm thiên tử một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng đạt được nguyện. Muốn cầu làm Chuyển luân Thánh vương cũng toại nguyện. Vì sao thế? Vì người trì giới này sở nguyện sẽ được. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân muốn cầu làm Thanh văn, Duyên giác, Phật thừa ắt thành như nguyện. Nay Ta thành Phật do trì giới này. Ngũ giới, Thập thiện không nguyện nào chẳng được.

Các Tỳ-kheo, nếu muốn thành đạo, nên học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật ở nước Xá-Vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba việc hiện ở trước mắt, thời thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Thế nào là ba? Nếu tín hiện ở trước, thời thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Nếu tài hiện ở trước, thời thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô lượng. Nếu trì Phạm hạnh hiện ở trước, thời thiện nam tử, thiện nữ nhân được phước vô

lượng.

Đó là, này Tỳ-kheo, có ba việc này hiện ở trước sẽ được phước vô lượng.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Tín, tài, Phạm khó được,
Người thọ, người trì giới,
Biết ba việc này rồi,
Người trí tùy thời thí.
Lâu dài được an ổn,
Chư Thiên hằng nâng đỡ,
Tại đó tự vui thú,
Ngũ dục không biết chán.
Do đó, này các Tỳ-kheo, thiện nam tử, thiện nữ nhân, hãy tìm phương tiện thành tựu ba pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật ở thành Câu-thâm trong vườn Cù-sư-la.

Bấy giờ Tỳ-kheo ở Câu-thâm hằng ưa tranh tụng, phạm các hạnh ác, đối mặt cãi cọ, hoặc có lúc dùng dao gậy đập nhau. Bấy giờ Thế Tôn sáng sớm đến chỗ các Tỳ-kheo ấy. Đến rồi, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo các Thầy, cẩn thận chớ gây gổ, chớ tranh phải trái với nhau. Này các Tỳ-kheo, nên cùng hòa hợp, là bạn bè cùng một thầy, đồng nhất như nước với sữa, sao lại gây gổ?

Khi ấy Tỳ-kheo ở câu-thâm bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn chớ lo việc này, chúng con tự lo liệu lẽ này. Lỗi lầm như thế, chúng con tự biết tội này.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào, các Thầy, vì vua mà hành đạo, hay vì sợ hãi mà hành đạo, hay vì đời sống thiếu thốn mà hành đạo?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Không phải thế, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào các Tỳ-kheo, các Thầy há chẳng phải muống xa lìa sanh tử, cầu đạo vô vi mà hành đạo sao? Nhưng thân ngũ ấm thật chẳng thể bảo toàn.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn, như lời Thế Tôn dạy. Chúng con là con nhà vọng tộc, sở dĩ xuất gia học đạo vì cầu đạo vô vi, diệt thân ngũ ấm, thế nên học đạo.

Thế Tôn bảo:

- Các Tỳ-kheo không chịu học đạo mà lại tranh đấu đấm, đánh nhau, đối mặt gây phải trái, nói ác với nhau. Các Thầy phải nên thành tựu hạnh này. Cùng đồng một pháp, một thầy dạy, cũng nên hành pháp lục hòa này, cũng nên hành thân, khẩu, ý hành này, cũng nên hành việc cúng dường những vị Phạm hạnh.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đây là việc của chúng con. Thế Tôn chớ lo việc này.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ở Câu-thâm:

- Thế nào, các Người ngu, các Thầy chẳng tin lời của Như Lai sao mà nói Như Lai chớ lo việc này? Các Thầy sẽ tự chịu quả báo tà kiếp này.

Thế Tôn lại bảo các Tỳ-kheo ấy lần nữa:

- Quá khứ lâu xa, trong thành Xá-Vệ này có vua tên Trường Thọ thông minh trí tuệ, không việc gì chẳng biết. Nhưng tuy sành sỏi pháp đao kiếm, nhà vua lại thiếu báu vật, các kho chẳng đầy, tài sản giảm thiếu, bốn bộ binh cũng chẳng nhiều, quần thần phò tá cũng ít ỏi.

Ngay lúc đó, nước Ba-la-nại có vua tên Phạm-ma-đạt, dũng mãnh cương cường, không đâu không hàng phục. Tiền tài bảy báu thảy đều đầy kho, bốn bộ binh cũng chẳng thiếu, quần thần phò tá đầy đủ.

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt liền nghĩ: 'Vua Trường Thọ này không có quần thần phò tá, lại thiếu tài sản, không có trân bảo, thời nay ta nên đến công phạt nước ấy'.

Vua Phạm-ma-đạt liền dấy binh đến chinh phạt nước kia. Vua Trường Thọ nghe vua Phạm-ma-đạt đem binh công phạt nước mình liền thiết bày phương kế: 'Nay ta tuy không có gia tài bảy báu, quần thần phò ta và bốn bộ binh. Vua kia tuy có nhiều binh lính, như ngày nay một mình ta cũng đủ sức tiêu diệt tám trăm ngàn người kia, sát hại chúng sanh vô kể. Nhưng ta chẳng thể lấy sự vinh quang một đời để tạo tội muôn đời. Nay ta nên ra khỏi thành này, đến ở nước khác để không xảy ra đấu tranh'.

Bấy giờ vua Trường Thọ chẳng nói cho quần thần hay, đem đệ nhất phu nhân và một người ra khỏi thành Xá-Vệ vào trong núi sâu. Quần thần và nhân dân trong thành Xá-Vệ vì không thấy vua Trường Thọ nên sai sứ đưa tin, đến chỗ vua Phạm-ma-đạt nói:

- Cúi mong Đại vương hãy đến nước này. Nay vua Trường Thọ chẳng biết ở đâu.

Phạm-ma-đạt đến nước Ca-thi cai trị. Vua Trường Thọ có hai phu nhân đều có thai, sắp đến ngày sanh. Lúc ấy phu nhân nằm mộng thấy mình sanh ở giữa đô thị, lúc mặt trời vừa mọc, bốn bộ binh cầm đao dài năm thước đi vòng quanh, chỉ sanh một mình

không người hầu hạ. Thấy rồi liền giật mình tỉnh giấc, đem nhân duyên này kể cho vua Trường Thọ. Vua bảo phu nhân:

- 'Nay ta ở trong núi sâu này, do đâu mà sanh được ở giữa đô thị trong thành Xá-Vệ? Nay phu nhân muốn sanh, hãy như nai sanh.'

Lúc ấy, phu nhân nói:

- 'Nếu tôi không được sanh như thế, lúc ấy tôi sẽ chết.'

Vua Trường Thọ nghe lời này rồi, ngay đêm đó đổi y phục không đem theo ai, đi vào thành Xá-Vệ. Vua Trường Thọ có một vị đại thần tên Thiện Hoa, rất thân thiết. Vị này có chút việc cần ra khỏi thành và gặp vua Trường Thọ đang vào thành. Đại thần Thiện Hoa nhìn sửng vua rồi bỏ đi, rơi lệ thở than theo đường mà đi. Vua Trường Thọ liền đuổi theo vị đại thần đến một chỗ khuất mà bảo:

- 'Xin Ông cẩn thận, đừng nói ra.'

Đại thần đáp:

- 'Tôi sẽ như lời Đại vương dạy, Chẳng rõ minh vương có dạy bảo gì chăng?'

Vua Trường Thọ nói:

- 'Nếu nhớ ân xưa của ta thì Ông nên đền đáp.'

Vị đại thần đáp:

- 'Đại vương có ra lệnh, thần sẽ làm xong.'

Vua Trường Thọ nói:

- 'Đêm qua, phu nhân của ta mộng sanh con giữa đô thị, lại có bốn bộ binh vây quanh, sanh một đứa con trai hết sức đoan chính. Nếu chẳng được sanh như mộng, trong bảy ngày phu nhân sẽ chết.'

Đại thần đáp:

- 'Nay thần có thể lọ việc này như lời vua dạy.'

Nói lời này xong, mỗi người bỏ đi. Đại thần liền đến chỗ Phạm-ma-đạt, đến rồi nói:

- 'Trong bảy ngày, ý tôi muốn xem quân lính, tượng binh, mã binh, xa binh, bộ binh của Đại vương, rốt cuộc là bao nhiêu.'

Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt ra lệnh cho tả hữu:

- 'Hãy đốc thúc quân lính như lời Thiện Hoa'.

Đại thần Thiện Hoa trong vòng bảy ngày, tụ tập quân binh tại giữa đô thị Xá-Vệ. Vị phu nhân kia trong bảy ngày đến giữa đô thị. Đại thần Thiện Hoa từ xa trông thấy phu nhân đến liền nói:

- 'Kính chào Hiền nữ. Nay chính đúng lúc.'

Lúc phu nhân thấy bốn bộ binh rồi, lòng rất hoan hỉ, sai người hầu cận, giăng bức màn lớn, lúc mặt trời vừa lên, phu nhân ấy liền sanh một bé trai, đoan chánh vô song, hiếm có trên đời. Rồi phu nhân ôm đứa bé về núi. Vua Trường Thọ xa thấy phu nhân ôm con đến liền nói:

- 'Chúc Con sống lâu, thọ mạng vô cùng.'

Phu nhân tâu vua:

- 'Xin vua đặt tên là Trường Sanh.'

Lúc thái tử Trường Sanh vừa tám tuổi, vua cha Trường Thọ có chút việc vào thành Xá-Vệ, bấy giờ người hớt tóc, Kiếp Tỷ ngày xưa của vua Trường Thọ thấy vua vào thành, liền đứng ngắm mãi từ đầu đến chân; thấy rồi, liền đến chỗ vua Phạm-ma-đạt mà nói:

- 'Đại vương hết sức hơ hỏng, hiện nay vua Trường Thọ đang ở tại thành này.'

Vua nổi giận sai tả hữu lùng bắt vua Trường Thọ, tả hữu đại thần cùng tên Kiếp Tỷ đi lùng bắt khắp nơi. Lúc ấy, Kiếp Tỷ xa trông thấy vua Trường Thọ bèn chỉ và nói với các đại thần:

- 'Đây là vua Trường Thọ'.

Rồi tiến tới bắt ông dẫn đến chỗ vua Phạm-ma-đạt, tâu:

- 'Đại vương, vua Trường Thọ là người này.'

Nhân dân trong nước đều nghe biết vua Trường Thọ đã bị bắt. Phu nhân cũng nghe vua Trường thọ bị Phạm-ma-đạt bắt được, liền nghĩ: 'Nay ta còn sống làm gì, thà cùng chết một lần với Đại vương'. Phu nhân liền dẫn thái tử vào thành Xá-Vệ. Phu nhân bảo thái tử:

- 'Nay con nên tìm chỗ sống.'

Thái tử Trường Sanh nghe xong im lặng không đáp. Phu nhân đi thẳng đến chỗ vua Phạm-ma-đạt. Vua xa trông thấy vui mừng hớn hở không kềm được, liền sai đại thần đem phu nhân này và vua Trường Thọ đến ngã tư đường chặt làm bốn khúc. Các đại thần vâng lệnh vua, đem vua Trường Thọ và phu nhân trói ngược lại, dẫn vòng quanh thành Xá-Vệ cho muôn dân xem. Bấy giờ nhân dân ai cũng đau lòng. Thái tử Trường Sanh ở trong đám đông thấy cha mẹ bị đem đến chợ giết, nhan sắc không biến đổi. Vua Trường Thọ quay lại bảo Trường Sanh:

- 'Con chớ thấy hay, cũng chớ thấy dở.'

Rồi nói bài kệ:

Oán oán chẳng dừng nghỉ,
Từ xưa có pháp này,
Không oán hay thắng oán,
Pháp này trọn bất hủ.

Bấy giờ các quan bảo nhau:

- 'Vua Trường Thọ hết sức ngu hoặc, thái tử Trường Sanh là người nào mà ông ta lại ở trước chúng ta nói kệ này.'

Vua Trường Thọ bảo các quan:

- 'Ta chẳng ngu hoặc, chỉ có người trí trong đây rõ được lời ta. Chư Hiền nên biết, dùng sức một người như ta đủ để làm tan hoại tám trăm vạn người này. Nhưng ta lại nghĩ rằng: 'Chúng sanh này, người chết khó đến. Chẳng thể vì một thân ta mà chịu tội nhiều đời.'

Oán oán chẳng dừng nghỉ,
Từ xưa có pháp này,
Không oán hay thắng oán,
Pháp này trọn bất hủ.
Rồi các quan ấy đem vua Trường Thọ và phu nhân đến ngã tư đường chặt làm bốn phần, rồi bỏ về nhà.

Thái tử Trường Sanh đến chiều thu thập cây cỏ hỏa táng cha mẹ, rồi đi. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt ở trên lầu cao, xa thấy có đứa nhỏ thiêu vua Trường Thọ và phu nhân, liền ra lệnh cho tả hữu:

- 'Đây hẳn là thân thuộc của vua Trường Thọ, các Ông mau bắt đến đây.'

Các thần dân liền đến chỗ đó, chưa kịp đến thì đứa bé đã chạy mất rồi. Khi ấy, thái tử Trường Sanh liền nghĩ: ' Vua Phạm-ma-đạt này giết cha mẹ ta lại ở trong nước của ta, nay ta sẽ báo oán cho cha mẹ'. Thái tử Trường Sanh liền đến chỗ thầy dạy đàn mà nói rằng:

- 'Nay tôi muốn học đàn'.

Thầy dạy đàn hỏi:

- 'Nay con họ gì? Cha mẹ ở đâu?'

Đứa bé đáp:

- 'Tôi không có cha mẹ, Tôi vốn ở trong thành Xá-Vệ này, cha mẹ mất sớm'.

Thầy dạy đàn nói:

- 'Con muốn học thì học.'

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ thái tử Trường Sanh học đàn những ca khúc. Thái tử Trường Sanh vốn thông minh, nên chưa qua mấy ngày đã có thể đàn các ca khúc, không bài nào chẳng biết.

Bấy giờ, thái tử Trường Sanh ôm đàn đến chỗ vua Phạm-ma-đạt, lúc không người vào trong chuồng voi, ngồi đàn và hát một mình. Lúc ấy, vua Phạm- ma-đạt ở trên lầu cao, nghe tiếng đàn ca, liền hỏi tả hữu:

- 'Người nào ở trong chuồng voi, đàn ca chơi một mình vậy?'

Quần thần đáp:

- 'Trong thành Xá-Vệ này có một đứa bé đàn hát chơi một mình.'

Vua bảo người hầu:

- 'Ông nên ra lệnh cho đứa bé này đến đây chơi, ta muốn gặp nó.'

Người hầu gọi đứa bé đến chỗ vua. Vua Phạm-ma-đạt hỏi đứa bé:

- 'Đêm qua, cháu đàn trong chuồng voi phải không?'

- 'Đúng vậy, Đại vương.'

Phạm-ma-đạt nói:

- 'Nay Ngươi hãy ở bên ta, đánh đàn ca múa, ta sẽ cung cấp áo quần, thức ăn.'

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ thái tử Trường Sanh ở trước Phạm-ma-đạt đánh đàn, ca múa hết sức tuyệt vời. Vua Phạm-ma-đạt nghe tiếng đàn này trong lòng hoan hỉ, bèn bảo thái tử Trường Sanh:

- 'Người hãy giữ kho châu báo cho ta.'

Thái tử Trường Sanh nhận lời vua sai, chưa hề thất thố, thường tùy ý vua, cười trước nói sau, thường nhường ý vua. Bấy giờ vua Phạm-ma-đạt lại ra lệnh:

- 'Lành thay, Lành thay! Nay Ngươi là người rất thông minh, nay ta cho Ngươi vào nội cung. Ngươi hãy biết vậy.'

Thái tử Trường Sanh ở trong nội cung lấy tiếng đàn dạy các kỹ nữ, cũng lại dạy cỡi voi, ngựa, kỹ thuật, đều biết tất cả.

Bấy giờ Phạm-ma-đạt muốn xuất du đạo vườn rừng và cùng nhau vui chơi, liền sai Trường Sanh hối thúc soạn sửa xe vũ bảo. Thái tử Trường Sanh vâng lệnh vua lo xe vũ bảo, bành voi, vàng bạc, yên cương, rồi trở lại tâu vua:

- 'Xe đã sửa sọn xong, xin Vua biết đã đến giờ'.

Vua Phạm-ma-đạt đi xe vũ bảo, sai Trường Sanh đánh xe, cùng dẫn theo bốn bộ binh. Thái tử Trường Sanh đánh xe dẫn đường, thường tách xa đám đông. Vua Phạm-ma-đạt hỏi thái tử Trường Sanh:

- 'Bây giờ quân lính đâu rồi?'

Trường Sanh đáp:

- 'Thần cũng chẳng biết quân lính ở đâu?'

Vua bảo:

- 'Hãy dừng lại một chút, thân ta mỏi mệt quá chừng, muốn dừng nghỉ một chút!'

Thái tử Trường Sanh liền ngừng xe để vua nghỉ ngơi, đợi quân lính đến.

Tỳ-kheo nên biết, bấy giờ vua Phạm-ma-đạt kê đầu trên đầu gối của thái tử Trường Sanh mà ngủ vùi. Thái tử Trường Sanh thấy vua ngủ liền nghĩ: 'Vị vua này là đại oán cừu của ta, đã giết cha mẹ ta còn ở trên đất nước ta, nay ta không báo oán thì lúc nào mới báo, bây giờ ta phải giết hắn'. Thái tử Trường Sanh tay phải rút kiếm, tay trái tóm tóc vua, nhưng nghĩ lại: 'Cha ta sắp chết đã bảo ta rằng: 'Trường Sanh nên biết! Chớ thấy hay, cũng chớ thấy dở'. Cha ta còn nói thêm bài kệ:

'Oán oán chẳng dừng nghỉ,
Từ xưa có pháp này,
Không oán hay thắng oán,
Pháp này trọn bất hủ.
'Nay ta phải bỏ oán này'. Rồi thái tử tra kiếm vào vỏ. Như thế hai ba phen, sau thái tử lại nghĩ: 'Vua này thật là đại oán cừu của ta, đã giết cha mẹ ta,

còn ở trên đất nước ta, nay ta không báo oán thì ngày nào mới báo? Nay ta phải chấm dứt mạng của ông ta mới gọi là báo oán'. Lúc ấy Thái tử lại nhớ: 'Trường Sanh con, chớ thấy hay, cũng chớ cho là dở'. Vua cha có lời dạy:

'Oán oán chẳng dừng nghỉ,
Từ xưa có pháp này,
Không oán hay thắng oán,
Pháp này trọn bất hủ.
'Nay ta phải bỏ oán này'. Rồi thái tử lại tra kiếm vào vỏ. Bấy giờ vua Phạm- ma-đạt mộng thấy con vua Trường Thọ là thái tử Trường Sanh muốn giết mình, khiếp sợ giật mình tỉnh giấc. Thái tử Trường Sanh nói:

- 'Đại vương! Cớ sao kinh sợ vùng dậy đến thế?'

Phạm-ma-đạt nói:

- 'Vừa rồi ta ngủ mê, mộng thấy thái tử Trường Sanh con vua Trường Thọ rút kiếm muốn giết ta. Vì thế nên ta kinh sợ.'

Thaí tử Trường Sanh liền nghĩ: 'Nay vua này đã biết ta là thái tử Trường Sanh'. Rồi rút kiếm ra, tay trái nắm tóc vua mà nói:

- 'Nay chính ta là thái tử Trường Sanh, con vua Trường Thọ. Ông là kẻ thù của ta, đã giết cha mẹ ta và còn ở trên đất nước ta, nay ta không báo oán, còn đợi ngày nào nữa?'

Vua Phạm-ma-đạt liền hướng về Trường Sanh nói:

- 'Nay mạng ta ở trong tay Ông, mong rũ lòng tha ta toàn mạng'.

Trường Sanh đáp:

- 'Ta có thể để vua sống, nhưng vua chẳng để ta toàn mạng.'

Vua đáp Trường Sanh:

- 'Cúi mong rũ lòng giúp đỡ, ta trọn chẳng giết Ông.'

bấy giờ thái tử Trường Sanh cùng vua đồng thề sẽ cùng tha mạng cho nhau, không hại nhau nữa.

Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy thái tử Trường Sanh tha mạng vua. Vua Phạm-ma- đạt bảo thái tử Trường Sanh:

- 'Xin thái tử hãy cùng ta sửa soạn xe kiệu để trở về nước.'

Thái tử liền sửa soạn xe, hai người cùng cỡi xe đi thẳng về Xá-Vệ. Vua Phạm-ma-đạt liền tụ tập quần thần và nói:

- 'Nếu các Khanh gặp con vua Trường Thọ, muốn bắt hắn làm gì?'

Trong đó, hoặc có đại thần nói:

- 'Sẽ chặt tay chân hắn.'

Hoặc có người nói:

- 'Sẽ phân thây hắn làm ba đoạn'.

Hoặc có người nói:

- 'Sẽ giết hắn.'

Thái tử Trường sanh ngồi bên cạnh vua, nghiêm chỉnh, chính ý suy nghĩ những lời này. Vua Phạm-ma-đạt liền tự mình cầm tay Thái tử Trường Sanh, bảo mọi người:

- Đây là thái tử Trường Sanh, con vua Trường Thọ chính là người này, các Khánh không được nói những lời như thế. Vì sao? Thái tử Trường Sanh đã tha mạng cho ta, ta cũng tha mạng cho người này.

Các quần thần nghe xong, khen là việc chưa từng có. Vị vương thái tử này thật là đặc biệt. Có thể đối với oán cừu mà chẳng báo oán. Vua Phạm-ma-đạt hỏi Trường Sanh:

- 'Ông đáng lẽ giết ta, do đâu lại tha chẳng giết? Có duyên cớ nào? Nay xin được cho nghe.'

Trường Sanh đáp:

- 'Đại vương khéo nghe: Phụ vương tôi lúc sắp chết, bảo tôi rằng: 'Nay con cũng chớ thấy hay, cũng chớ thấy dở', rồi lại nói:

'Oán oán chẳng dừng nghỉ,
Từ xưa có pháp này,
Không oán hay thắng oán,
Pháp này trọn bất hủ.
Bấy giờ quần thần nghe lời Phụ vương tôi nói đều bảo nhau rằng: 'Người này điên khùng mới có nhiều lời! Trường Sanh trọn là ai?' Vua Trường Thọ đáp: 'Các Khanh nên biết, người có trí trong đây sẽ rõ điều này'. Tôi nhớ lại lời này của Phụ vương nên tha vua toàn mạng.'

Vua Phạm-ma-đạt nghe xong, rất lạ lùng, khen:

- 'Chưa từng có, Ông hay giữ lời dạy dỗ của người cha đã mất, không bỏ.'

Vua Phạm-ma-đạt bảo thái tử:

- 'Nay Ông giải nghĩa mà tôi vẫn chưa hiểu, hãy nói nghĩa này cho tôi hết thắc mắc.'

Thái tử Trường Sanh đáp:

- 'Đại vương hãy khéo nghe, tôi sẽ nói. Vua Phạm-ma-đạt giết vua Trường Thọ. Nếu lại có quần thần hết sức thân tín của vua Trường Thọ cũng bắt vua giết đi, thì lại có quần thần phò tá vua Phạm-ma-đạt sẽ bắt quần thần của vua Trường Thọ mà giết. Đó là oán oán trọn không có dứt tuyệt. Muốn cho oán bị cắt đứt chỉ có người không báo oán. Nay tôi xét nghĩa này xong, thế nên không hại vua.'

Vua Phạm-ma-đạt nghe lời này xong, rất vui mừng hớn hở không kềm được. Vị vương thái tử này rất thông minh, mới có thể giảng rộng nghĩa này. Vua Phạm-ma-đạt liền hường thái tử hối lỗi:

- 'Tôi tội lỗi về việc đã bắt vua Trường Thọ giết đi.'

Rồi vua cởi mão đưa cho Trường Sanh đội vào lại gả con gái mình và giao lại nước Xá-Vệ và dân chúng cho Trường Sanh thống lãnh. Vua trở về cai trị Ba-la-nại. Tỳ-kheo nên biết, ngày xưa các vua có pháp thường này; tuy có pháp 'tranh nước' này, họ vẫn còn kham nhẫn nhau mà chẳng làm tổn hại lẫn nhau. Huống gì, Tỳ-kheo các Thầy, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, bỏ tâm tham dục, sân hận, si mê mà nay lại đua tranh không hòa thuận nhau, mỗi người chẳng chịu nhau, không hối cãi. Này các Tỳ-kheo, hãy lấy nhân

duyên này để biết đấu tranh chẳng phải điều nên làm, lại đồng thầy bạn, đồng nhất như nước với sữa, chớ cãi cọ nhau.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Không đấu, không có tranh,
Tâm từ thương tất cả,
Không hoạn với tất cả,
Chư Phật đều ngợi khen.
Thế nên, các Tỳ-kheo, phải tu hành nhẫn nhục. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Các Tỳ-kheo ở Câu-thâm bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn, chớ lo việc này. Chúng con tự sẽ làm phân minh pháp này. Tuy Thế Tôn nói thế, nhưng việc này không đúng.

Khi ấy, Thế Tôn liền bỏ đi đến nước Bạt-kỳ. Bấy giờ trong nước Bạt-kỳ có ba vị vọng tộc là A-na-luật, Nan-đề và Kim-tỳ-la. Những vị ấy cùng hạn định: Nếu có người ra đi khất thực, người ở lại sau phải quét dọn cho sạch, việc việc không thiếu sót. Người khất thực về chia thức ăn cho đủ, đủ thì tốt, không đủ thì tùy ý. Người có dư thì để trong bình rồi bỏ đi. Nếu người khất thực sau cùng về, đủ thì tốt, không đủ thì lấy trong bình ra ăn, tự

để vào bát, rồi xách bình nước, lại đặt một nơi. Một ngày nên quét dọn phòng nhà, rồi ở chỗ vắng vẻ, chánh thân, chánh ý buộc niệm ở trước, tư duy diệu pháp. Các vị ấy không nói chuyện với nhau, mỗi người đều tịch lặng.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật tư duy về tưởng dục bất tịnh, niệm được an vui mà trụ Sơ thiền. Tôn giả Nan-đề và Tôn giả Kim-tỳ-la biết tâm niệm Tôn giả A-na-luật cũng lại tư duy tưởng dục bất tịnh, niệm được an vui mà trụ Sơ thiền. Nếu Tôn giả A-na-luật tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, bấy giờ Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la cũng lại tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền. Nếu Tôn giả A-na-luật lại tự duy Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng vô tưởng xứ, thì Tôn giả Nan-đề cũng tư duy Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng vô tưởng xứ. Nếu Tôn giả A-na-luật lại tư duy Diệt tận định, thì Tôn giả Nan-đề cũng tư duy Diệt tận định. Như thế các pháp, chư Hiền tư duy pháp này.

Bấy giờ Thế Tôn đến nước Sư Tử. Khi ấy người giữ vườn từ xa trông thấy Thế Tôn đến, liền nói:

- Sa-môn, chớ có vào vườn. Vì sao thế? Vì trong vườn này có ba vị vọng tộc tên A-na-luật, Nan-đề, Kim-tỳ-la, nên cẩn thận chớ làm phiền rộn họ.

Khi ấy Tôn giả A-na-luật dùng Thiên nhãn thanh tịnh và Thiên nhĩ thông, nghe người giữ vườn nói với Thế Tôn như thế, không cho Thế Tôn vào vườn. Tôn giả A-na-luật liền ra bảo người giữ cửa:

- Chớ ngăn, nay Thế Tôn muốn đến đây thăm nom.

Tôn giả A-na-luật liền vào báo Tôn giả Kim-tỳ-la:

- Đến mau, Thế Tôn đang ở ngoài cửa.

Ba Tôn giả liền xuất định, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Mỗi người tự thưa:

- Kính chào đức Thế Tôn.

Tôn giả A-na-luật đỡ bình bát của Thế Tôn, Tôn giả Nan-đề trải tòa ngồi, Tôn giả Kim-tỳ-la lấy nước cho Thế Tôn rửa chân.

Bấy giờ Thế Tôn bảo A-na-luật:

- Ba Thầy ở đây hòa hợp với nhau, không có nghĩ khác? Khất thực có vừa ý không?

Tôn giả A-na-luật thưa:

- Đúng vậy Thế Tôn, khất thực không mệt gì. Vì sao thế? Vì nếu lúc con tư duy Sơ thiền, thì Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la cũng tư duy Sơ thiền. Nếu con tư duy Nhị thiền, Tam thiền, Tứ thiền, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng vô tưởng xứ, Diệt tận tam-muội, thì khi ấy Tôn giả Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la cũng tư duy Nhị thiện, Tam thiền, Tứ thiền, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng vô tưởng xứ, Diệt tận định. Như vậy Thế Tôn, chúng con tư duy pháp này.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, A-na-luật! Lúc ấy các Thầy có được pháp thượng nhân chăng?

Tôn giả A-na-luật thưa:

- Thưa vâng, Thế Tôn, chúng con lại được pháp thượng nhân nữa.

Thế Tôn bảo:

- Cái gì pháp thượng nhân?

Tôn giả A-na-luật thưa:

- Có diệu pháp này vượt trên pháp thượng nhân. Nếu như chúng con lại đem tâm từ rải khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, cũng thế, bốn phía, trên dưới cũng vậy, mỗi mỗi trong tất cả đều lấy tâm từ bủa đầy trong đó, vô số, vô hạn không thể tính kể mà tự du hí. Lại đem tâm bi, tâm hỉ, tâm xả (hộ) bủa đầy khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương cũng như thế, bốn phía trên dưới cũng vậy mà tự du hí. Đó là, bạch Thế Tôn, chúng con lại được pháp thượng nhân này.

Bấy giờ Nan-đề, Tôn giả Kim-tỳ-la bảo Tôn giả A-na-luật:

- Có hôm nào chúng tôi đến Tôn giả hỏi nghĩa này đâu mà nay ở trước Thế Tôn, Tôn giả tự nói ra vậy?

Tôn giả A-na-luật nói:

- Các Thầy chưa từng đến tôi để hỏi nghĩa này, nhưng chư Thiên đến chỗ tôi nói, cho nên tôi ở trước Thế Tôn nói như vậy. Và lâu nay, tôi biết tâm ý chư Hiền, chư Hiền đã đắc tam-muội này rồi, nên trước Thế Tôn, tôi mới nói lời này.

Lúc đang nói pháp này thì đại tướng Trường Thọ đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Đại tướng Trường Thọ bạch Thế Tôn:

- Hôm nay Thế Tôn thuyết pháp cho những vị này sao?

Thế Tôn đem việc này kể cho đại tướng Trường Thọ nghe. Đại tướng bạch Phật:

- Đại quốc Bạt-kỳ chóng được lợi lớn: Có ba vị vọng tộc này du hóa, đó là A-na-luật, Nan-đề và Kim-tỳ-la.

Thế Tôn bảo:

- Đúng thế, Đại tướng, như lời Ông nói. Đại quốc Bạt kỳ chóng được lợi lành, không kể nước Bạt-kỳ mà nước Ma-kiệt cũng chóng được lợi lành vì có ba vị vọng tộc này, nếu nhân dân trong nước Ma-kiệt nhớ đến ba vị vọng tộc này liền được an ổn lâu dài. Đại tướng nên biết, nếu huyện, ấp, thành quách nào có ba vị vọng tộc này, nhân dân trong thành quách ấy sẽ được an ổn lâu dài. Nhà nào sanh ra ba vị vọng tộc này cũng được lợi lớn vì đã sanh ra những bậc thượng tôn này. Năm dòng họ thân tộc cha mẹ kia nếu nhớ đến ba vị vọng tộc này cũng được lợi lớn. Nếu Trời, Rồng, Quỷ, Thần nhớ ba vị vọng tộc này cũng được lợi lớn. Nếu có người khen ngợi bậc A-la-hán thời cũng nên

khen ngợi ba vị này. Nếu có người khen ngợi bậc không tham dục, không ngu si, không sân giận thời cũng nên khen ngợi va vị này. Như Ta ở trong ba a-tăng-kỳ kiếp, hành cần khổ thành đạo vô thượng, khiến ba vị này thành tựu pháp nghĩa này. Thế nên Đại tướng, hãy học điều này!

Bấy giờ Đại tướng nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy.

Một thời Phật ở nước Xá-Vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba kiết sử trói buộc khiến chúng sanh không thể từ bờ này đến bờ kia được. Thế nào là ba? Đó là thân tà (kiến), nghi, giới đạo.

Thế nào gọi là thân tà? Nghĩa là chấp thân có ngã, sanh tưởng ngô ngã, có tưởng chúng sanh, có mạng, có thọ, có người, có sĩ phu, có duyên, có dính mắc. Đó gọi là kiết (trói buộc) của thân tà.

Thế nào gọi là nghi kiết? Nghĩa là nghi có ngã không? Không ngã chăng? Có sanh chăng? Vô sanh chăng? Có ngã, nhân, thọ mạng chăng? Không ngã, nhân, thọ mạng chăng? Có cha mẹ chăng? Không cha mẹ chăng? Có đời này, đời sau chăng? Không đời này, đời sau chăng? Có Sa-môn, Bà-la-môn chăng? Không Sa-môn, Bà-la-môn chăng? Đời có A-la-hán chăng? Đời không A-la-hán chăng? Có người chứng đắc chăng? Không chứng đắc chăng? Đó gọi là nghi kiết.

Thế nào gọi là giới đạo kiết? Nghĩa là giới cấm thủ. Ta sẽ do giới này được sanh vào nhà danh tiếng, sanh nhà trưởng giả, sanh nhà Bà-la-môn, hoặc sanh lên Trời hay trong chư Thần. Đó gọi là giới đạo kiết.

Như thế, này Tỳ-kheo, có ba kiết này trói buộc chúng sanh, khiến không thể từ bỏ bên này đến được bờ bên kia. Như hai con trâu chung một ách trọn chẳng thể rời nhau. Chúng sanh này cũng lại như thế, bị ba kiết trói không thể từ bờ bên này đến bờ kia.

Thế nào là bờ này? Thế nào là bờ kia? Bờ bên này tức là thân tà vậy. Bờ bên kia là thân tà diệt. Đó là, này Tỳ-kheo, ba kiết trói buộc chúng sanh không thể từ bỏ bờ này đến bờ kia. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện diệt ba kiết này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-Vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có ba tam-muội này. Thế nào là ba? Đó là không tam-muội, vô nguyện tam-muội, vô tưởng tam-muội.

Thế nào gọi là không tam-muội? Không là quán tất cả các pháp đều tất sẽ rỗng không. Đó là không tam-muội.

Thế nào gọi là vô tưởng tam-muội? Vô tưởng là đối với tất cả các pháp đều không tưởng niệm cũng không đáng thấy. Đó gọi là vô tưởng tam-muội.

Thế nào gọi là vô nguyện tam-muội? Vô nguyện là đối với tất cả các pháp cũng không mong cầu. Đó gọi là vô nguyện tam-muội.

Như thế, này Tỳ-kheo, nếu không được ba tam-muội này thì ở mãi trong sanh tử, không thể tự giác ngộ. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện được ba tam-muội này. Như vậy, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Tràng, Tỳ-sa, Pháp vương,
Cù-mặc, thần túc hóa,
Trai giới, hiện tại tiền,
Trường Thọ, kiết, tam-muội.
---o0o---

Tập II

XXVII. Phẩm Đẳng thú Tứ đế

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-Vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Này các Tỳ-kheo! Ta thường thuyết pháp Tứ đế. Dùng vô số phương tiện mà quán sát pháp này, phân biệt nghĩa và diễn giảng rộng cho người. Thế nào là Tứ đế? Nghĩa là pháp Khổ đế. Ta đem vô số phương tiện mà quán sát pháp này, phân biệt nghĩa và diễn giảng rộng cho người; dùng vô số phương tiện thuyết Tập, Tận, Đạo đế mà quán sát pháp này, phân biệt nghĩa và diễn giảng rộng cho người.

Tỳ-kheo! Các Thầy nên gần gũi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, thừa sự cúng dường. Vì sao thế? Tỳ-kheo Xá-lợi-phất dùng vô số phương tiện thuyết Tứ đế này, diễn giảng rộng cho người. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất sẽ phân biệt nghĩa này cho các chúng và bốn bộ chúng, diễn giảng rộng cho người. Và vô số chúng sanh được sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh.

Tỳ-kheo! Các Thầy nên gần gũi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, hầu hạ cúng dường, Vì sao thế? Tỳ-kheo Xá-lợi-phất là cha mẹ của chúng sanh. Đã sanh rồi, nuôi nấng cho lớn là Tỳ-kheo Mục-kiền-liên. Vì sao thế? Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thuyết pháp là muốn thành tựu Tứ đế cho người. Tỳ-kheo Mục- kiền-liên thuyết pháp là thành tựu đệ nhất

nghĩa, thành tựu hạnh vô lậu cho người. Các Thầy hãy gần gũi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên.

Thế Tôn nói xong, trở vào tịnh thất. Thế Tôn đi chưa bao lâu, Tôn giả Xá- lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

- Người nào có thể được pháp Tứ đế, người ấy mau được lợi lành. Thế nào là Tứ đế? Nay nói Khổ đế và dùng vô số phương tiện diễn giảng rộng nghĩa này.

Thế nào là Khổ đế? Nghĩa là sanh khổ, lão khổ, bệnh khổ, tử khổ, ưu bi não khổ, oán tắng hội khổ, ái ân biệt ly khổ, cầu bất đắc khổ. Nói tóm lại, là Nam thạnh ấm khổ. Đó là Khổ đế.

Thế nào là Khổ tập đế? Nghĩa là ái kết vậy.

Thế nào là Tận đế? Nghĩa là ái kết dứt hẳn, không sót. Đó là Tận đế.

Thế nào là Đạo đế? Nghĩa là Tám đạo phẩm của Hiền Thánh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh phương tiện, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh niệm, chánh định. Đó là Đạo đế. Chúng sanh chóng được lợi lành vì có thể nghe được pháp Tứ đế này.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang thuyết pháp này, vô lượng chúng sanh không kể được lúc nghe pháp này các trần cấu sạch hết, được pháp nhãn thanh tịnh: 'Chúng ta cũng chóng được lợi lành. Thế Tôn thuyết pháp cho ta ở yên phước địa.'

- Thế nên này Bốn bộ chúng! Hãy tìm phương tiện hành Tứ đế này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-Vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ. Những Tỳ-kheo này liền nghĩ: 'Chúng ta khất thực hãy còn sớm. Chúng ta nên đến thôn của ngoại đạo dị học, luận nghị với họ'.

Rồi những Tỳ-kheo này đi đến thôn ngoại đạo. Đến nơi thăm hỏi rồi ngồi một bên. Bấy giờ dị học hỏi các Tỳ-kheo rằng:

- Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp này cho các đệ tử: 'Tỳ-kheo, các Thầy đều nên học pháp này, đều nên liễu tri, do liễu tri rồi nên cùng vâng làm'. Chúng

tôi, cũng thuyết pháp này cho các đệ tử: 'Các ông đều nên học pháp này, đều nên liễu tri, do liễu tri rồi nên cùng vâng làm'. Sa-môn Cù-đàm với chúng tôi đây có khác gì? Có thêm bớt gì? Nghĩa là Sa-môn Cù-đàm thuyết pháp, ta cũng thuyết pháp, Sa-môn Cù-đàm giáo hối, ta cũng giáo hối.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời này xong, không nói đúng cũng chẳng nói sai, từ chỗ ngồi đứng lên mà đi. Những Tỳ-kheo ấy tự bảo nhau:

- Chúng ta nên đem nghĩa này bạch với Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khất thực, ăn xong thu xếp y bát, vắt tọa cụ lên vai trái, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ số đông Tỳ- kheo đem nhân duyên này bạch đầy đủ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo các Tỳ- kheo:

- Nếu ngoại đạo kia hỏi điều này thì các thầy nên dùng lời này đáp họ:

- 'Có một cứu cánh hay có nhiều cứu cánh?'

Hoặc có thể Phạm chí kia thuyết bình đẳng sẽ phải nói rằng:

'- Là một cứu cánh chứ chẳng phải nhiều cứu cánh.

'- Cứu cánh ấy là vô dục cứu cánh.

'- Thế nào, cứu cánh ấy là cứu cánh có sân giận hay cứu cánh không sân giận?

'- Cứu cánh ấy là cứu cánh không sân giận. Chẳng phải là cứu cánh có sân giận.

'- Thế nào, cứu cánh ấy có si hay cứu cánh không si?

'- Cứu cánh ấy là cứu cánh không si.

'- Thế nào, cứu cánh ấy là cứu cánh có ái hay cứu cánh không ái?

'- Cứu cánh ấy là cứu cánh không ái.

'- Thế nào, cứu cánh ấy là cứu cánh có thọ hay cứu cánh không thọ?

'- Cứu cánh ấy là cứu cánh không thọ.

'- Thế nào, cứu cánh ấy là trí hay không phải trí?

'- Cứu cánh của trí.

'- Cứu cánh này là cứu cánh của nộ hay cứu cánh không nộ? Họ sẽ nói rằng:

'- Cứu cánh này là cứu cánh chẳng phải nộ.

Này Tỳ-kheo! Có hai kiến này. Thế nào là hai kiến? Là hữu kiến và vô kiến. Các Sa-môn, Bà-la-môn chẳng biết gốc ngọn của hai kiến này. Họ liền có tâmn dục, có tâm sân giận, có tâm ngu si, có tâm ái, có tâm thọ. Đó là vô tri. Họ có tâm nộ, không cùng hạnh tương ưng. Người ấy không thoát khỏi sanh, già, bịnh, chết, sầu lo khổ não, chua cay vạn mối không thoát khỏi khổ.

Cũng có các Sa-môn, Bà-la-môn như thực mà biết. Người đó sẽ không có tâm ngu si, sân giận, hằng cùng hạnh tương ưng, liền thoát được sanh, già, bịnh, chết. nay thuyết nguồn gốc của khổ. Như thế, Tỳ-kheo! Có diệu pháp này gọi là pháp bình đẳng. Các pháp không hành bình đẳng thì rơi vào ngũ kiến.

Nay ta sẽ thuyết về bốn thọ. Thế nào là bốn thọ? Nghĩa là dục thọ, kiến thọ, giới thọ, ngã thọ. Đó là bốn thọ. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn tận tri tên của dục thọ, người ấy tuy biết tên của dục thọ mà lại chẳng tương ưng. Họ phân biệt tên của dục thọ mà chẳng phân biệt tên kiến thọ, giới thọ, ngã thọ. Vì sao thế? Vì Sa-môn, Bà-la-môn đó không thể phân biệt tên ba thọ này.

Thế nên hoặc có Sa-môn, Bà-la-môn phân biệt hết các thọ này, họ liền phân biệt dục thọ, kiến thọ mà chẳng phân biệt giới thọ, ngã thọ. Sở dĩ như thế là vì Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thể phân biệt hai thọ này.

Giả sử Sa-môn, Bà-la-môn có thể phân biệt hết các thọ, hoặc lại có người chẳng đầy đủ. Người ấy bèn có thể phân biệt dục thọ, kiến thọ, giới thọ mà chẳng phân biệt ngã thọ. Sở dĩ như thế là vì Sa-môn, Bà-la-môn ấy không thể phân biệt ngã thọ vậy.

Thế nên lại có Sa-môn, Bà-la-môn phân biệt hết các thọ, lại có người không đủ. Đây gọi là bốn thọ. Có những nghĩa gì? Làm sao phân biệt?

Bốn thọ do ái sanh. Như thế, Tỳ-kheo! Có diệu pháp này đáng nên phân biệt. Nếu có người không hành các thọ này, đây không gọi là bình đẳng. Vì sao thế? Vì nghĩa của các pháp khó rõ, khó hiểu. Nghĩa của phi pháp như thế

chẳng phải là chỗ bậc Chánh Đẳng Chánh Giác nói. Tỳ-kheo nên biết! Như Lai có thể phân biệt hết tất cả các thọ. Vì có thể phân biệt tất cả các thọ nên cùng tương ưng với pháp; phân biệt dục thọ, kiến thọ, giới thọ, ngã thọ, Như Lai phân biệt hết các thọ, nên cùng pháp tương ưng, không có trái nhau.

Bốn thọ này do đâu mà sanh? Bốn thọ này do ái sanh, do ái mà tăng trưởng và thành tựu thọ này. Ta liền không khởi tâm đối với các thọ. Vì không khởi các thọ nên không sợ hãi, vì không sợ hãi liền nhập Niết-bàn. Sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn thọ thân sau nữa, như thật mà biết, đầy đủ các pháp, là gốc của pháp hạnh. Sở dĩ như thế là vì pháp này rất vi diệu, nên chư Phật thuyết, ở các hành không có thiếu sót.

Ở đây có đệ nhất Sa-môn (Tu-đà-hoàn), đệ nhị Sa-môn (Tư-đà-hàm), đệ tam Sa-môn (A-na-hàm) và đệ tứ Sa-môn (A-la-hán). Không còn có Sa-môn nào vượt hơn điều này, có thể hơn người này, tạo tiếng rống của sư tử.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-Vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ trưởng giả Cấp Cô Độc đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn hỏi Trưởng giả:

- Thế nào Trưởng giả, trong nhà Ông cũng thường bố thí chứ?

Trưởng giả bạch Phật:

- Nhà con bây giờ nghèo mà cũng thường bố thí. Nhưng thức ăn uống xấu tệ, không bằng lúc thường.

Thế Tôn bảo:

- Nếu lúc bố thí, hoặc tốt hay xấu, dù nhiều hay ít mà không dùng tâm ý, cũng không phát nguyện, lại không có lòng tin nên do quả báo của việc làm này mà sanh ra không được thức ăn ngon, ý không ưa vui, ý lại cũng không thích mặc quần áo đẹp, cũng không thích gia nghiệp ruộng vườn tốt, tâm cũng không vui ngũ dục. Cho dù có nô tỳ, đầy tớ, họ cũng không biết vâng

lời. Vì sao thế? Chính vì trong lúc bố thí không dụng tâm, nên chịu quả báo này.

Nếu lúc Trưởng giả bố thí, dù tốt hay xấu, nhiều hay ít, nên chí thành dụng tâm, chớ có làm tổn phí thêm cầu đòi đời sau. Như thế nếu sanh ở đâu Trưởng giả cũng có thức ăn uống tự nhiên, bảy báu đầy đủ, tâm thường vui trong ngũ dục. Cho dù có nô tỳ, đầy tớ, họ đều biết vâng lời. Sở dĩ như thế là vì trong lúc bố thí, có phát lòng hoan hỉ.

Trưởng giả nên biết! Quá khứ lâu xa có Phạm chí tên Tỳ-la-ma giàu có, nhiều của báu, trân châu, hổ phách, xa cừ, mã não, thủy tinh, lưu ly. Ông ta ưa bố thí. Lúc bố thí, ông dùng tám vạn bốn ngàn bát vàng đựng đầy bạc vụn mà bố thí như thế. Ông ta lại đem tám vạn bốn ngàn bồn tắm bằng vàng bạc bố thí, lại đem tám vạn bốn ngàn trâu, lấy vàng bạc treo lên sừng đem bố thí như thế; lại đem tám vạn bốn ngàn ngọc nữ bố thí, y phục tự khoác lại đem tám vạn bốn ngàn giường đều dùng chăn đệm thêu đủ màu trải lên; lại đem tám vạn bốn ngàn y phục bố thí; lại đem tám vạn bốn ngàn long tượng bố thí, đều dùng vàng bạc trang sức; lại đem tám vạn bốn ngàn ngựa bố thí, đều lấy yên cương vàng bạc phủ lên; lại đem tám vạn bốn ngàn xe bố thí. Ông ta làm một cuộc đại thí như thế. Ông ta lại đem tám vạn bốn ngàn nhà cửa bố thí. Ông bố thí tại bốn cửa thành, ai cần ăn cho ăn, cần áo cho áo, y phục, thức ăn uống, giường chiếu, thuốc men trị bịnh.. đều cho tất cả.

Trưởng giả nên biết! Ông Tỳ-la-ma ấy tuy bố thí như thế mà chẳng bằng tạo một phòng xá đem bố thí cho Chiêu-đề Tăng. Phước này chẳng thể kể lường. Dù cho tạo bố thí như thế và tạo phòng nhà đem thí Chiêu-đề Tăng, chẳng bằng thọ tam tự quy y Phật, Pháp và Thánh chúng. Phước này chẳng thể kể. Dù cho người ấy bố thí như thế, làm phòng nhà và thọ tam tự quy, tuy có phước này vẫn không bằng thọ trì ngũ giới. Dù cho người ấy bố thí như thế là làm phòng nhà, thọ tam tự quy y, thọ trì ngũ giới, tuy có phước này vẫn chẳng bằng trong khoảng búng ngón tay có lòng thương xót chúng sanh. Phước này công đức không thể đo lường.

Dù cho người kia bố thí như thế, làm phòng xá Tăng, thọ tam tự quy, trì ngũ giới và trong khoảng búng ngón tay thương xót chúng sanh; tuy có phước này cũng không bằng trong chốc lát khởi tưởng thế gian không đáng ưa thích. Phước này công đức không thể cân lường. Người ấy tạo công đức gì, Ta đều chứng minh hết; tạo phòng nhà cho Tăng, Ta cũng biết phước này. Thọ tam tự quy Ta cũng biết phước này. Thọ trì ngũ giới, Ta cũng biết phước này. Trong khoảng búng ngón tay thương xót chúng sanh, Ta cũng

biết phước này. Trong chốc lát khởi tưởng thế gian không đáng ưa thích. Ta cũng biết phước này. Bấy giờ, Bà-la-môn làm cuộc bố thí lớn như thế, há là người khác sao? Chớ xem thế. Vì sao? Thí chủ khi ấy chính là Ta.

Trưởng giả nên biết! Quá khứ lâu xa, những công đức Ta tạo được là do lòng tin chẳng dứt, không khởi tâm dính mắc. Thế nên Trưởng giả! Lúc muốn bố thí, hãy hoan hỉ ban cho, chớ khởi tưởng dính mắc. Tự tay bố thí, chớ sai người khác. Phát nguyện cầu quả báo, chớ sai người khác. Phát nguyện cầu quả báo, sau cầu thọ phước, Trưởng giả sẽ được phước vô cùng. Như thế, Trưởng giả nên học điều này.

Bấy giờ Trưởng giả nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Như lúc mặt trời vừa mọc, nhân dân đều đi làm ruộng, trăm chim hót vang, con nít khóc la. Tỳ-kheo nên biết! Nay Ta lấy đây làm thí dụ và sẽ giải thích nghĩa của nó. Nghĩa này phải hiểu thế nào?

Nếu lúc mặt trời vừa mọc, đây thí dụ Như Lai ra đời. Nhân dân đều làm ruộng, thí dụ như đàn-việt, thí chủ tùy thời cung cấp y phục, cơm nước, giường nệm, thuốc men trị bịnh. Trăm chim hót vang, đây dụ cho bậc Pháp sư cao đức, hay thuyết pháp vi diệu cho bốn bộ chúng. Con nít khóc la là dụ cho Tệ ma Ba-tuần.

Thế nên các Tỳ-kheo! Như mặt trời mới mọc, Như Lai ra đời trừ đi bóng tối, chiếu sáng tất cả. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Bồ-tát Di- lặc bạch Thế Tôn:

- Bồ-tát Ma-ha-tát thành tựu mấy pháp để hành bố thí Ba-la-mật, đầy đủ được sáu Ba-la-mật, chóng thành đạo Vô thượng Chánh Chân?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

- Bồ-tát Ma-ha-tát hành bốn pháp bổn, đầy đủ sáu Ba-la-mật, chóng thành Vô thượng Chánh Chân Đẳng Chánh Giác. Thế nào là bốn?

Ở đây Bồ-tát bố thí từ Phật Bích-chi xuống đến người phàm đều bình đẳng, không chọn lựa, hằng nghĩ: 'Tất cả do ăn mà tồn tại, không ăn thì chết'. Đó là Bồ-tát thành tựu pháp đầu tiên, đầy đủ lục độ.

Lại nữa, nếu lúc Bồ-tát bố thí đầu, mắt, tủy, não, đất nước, tài sản, vợ con, hoan hỉ bố thí, không có tâm dính mắc. Ví như người đáng lẽ chết, lúc ấy được sống lại, vui mừng

hớn hở không kềm nổi. Bấy giờ Bồ-tát phát tâm hoan hỉ cũng như thế; bố thí thệ nguyện không sanh lòng chấp trước.

Lại nữa, Di-lặc! Lúc Bồ-tát bố thí đến khắp tất cả, chẳng tự vì mình khiến thành đạo Vô thượng Chánh Chân. Đó là thành tựu pháp thứ ba này, đầy đủ lục độ.

Lại nữa, Di-lặc! Bồ-tát Ma-ha-tát lúc bố thí suy nghĩ rằng: 'Trong các loại chúng sanh, Bồ-tát thật là thượng thủ, đầy đủ lục độ, trọn vẹn các pháp bổn'. Vì sao? Vì các căn tịch tĩnh, tư duy cấm giới, không khởi lòng sân giận, tu hành tâm từ, dũng mãnh, tinh tấn, tăng trưởng các pháp lành, trừ các pháp bất thiện, hằng giữ nhất tâm, ý chẳng lầm lẫn, đầy đủ pháp môn biện tài, trọn không vượt thứ lớp, khiến các bố thí này đầy đủ lục độ, thành tựu Đàn-ba-la- mật. Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát hành bốn pháp này, chóng thành Vô thượng Chánh Chân Đẳng Chánh Giác.

Thế nên, Di-lặc! Nếu Bồ-tát Ma-ha-tát, lúc muốn bố thí nên phát thệ nguyện đầy đủ các hạnh này. Như thế, Di-lặc nên học điều này.

Bấy giờ Bồ-tát Di-lặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Như Lai xuất hiện ở đời có Bốn vô sở úy. Như Lai được Bốn vô sở úy này, ở trong thế gian không có chỗ dính mắc, ở trong đại chúng rống tiếng sư tử, chuyển bánh xe pháp. Thế nào là bốn?

Nay Ta đã thành tựu pháp này, dù cho Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên, loài bò bay máy cựa, ở trong đại chúng bảo Ta không thành tựu pháp này, việc này chẳng đúng; Ta không sợ hãi. Đó là vô sở úy thứ nhất.

Hôm nay, như Ta các lậu hoặc đã hết, không thọ thân nữa. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, các loài chúng sanh, ở trong đại chúng nói Ta chưa sạch hết các lậu hoặc; việc này chẳng đúng. Đó là vô sở úy thứ hai.

Nay Ta đã lìa pháp ngu tối, muốn cho ngu tối trở lại, không có việc này. Nếu lại có Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên, chúng sanh, ở trong đại chúng nói Ta bị ngu tối trở lại; việc này không đúng. Đó là vô sở úy thứ ba của Như Lai.

Pháp xuất yếu của chư Như Lai dứt hết khổ, muốn cho không xuất yếu, trọn không có việc ấy. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hoặc Ma thiên, các loại chúng sanh, ở trong đại chúng, nói rằng Như Lai chẳng dứt hết khổ; việc này chẳng đúng. Đó là vô sở úy thứ tư của Như Lai. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay có bốn người thông minh, dõng mãnh, thông suốt cổ kim, mọi pháp đều thành tựu. Thế nào là bốn? Tỳ-kheo đa văn, thông suốt cổ kim, ở trong đại chúng, thật là bậc nhất. Tỳ-kheo-ni đa văn, thông suốt cổ kim, ở trong đại chúng, thật là bậc nhất. Ưu-bà-tắc đa văn, thông suốt cổ kim, ở trong đại

chúng, thật là bậc nhất. Ưu-bà-di đa văn, thông suốt cổ kim ở trong đại chúng, thật là bậc nhất.

Đó là, Tỳ-kheo, có bốn người này ở trong đại chúng thật là bậc nhất.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này:

Dõng mãnh không chỗ sợ,
Đa văn hay thuyết pháp,
Trong chúng là sư tử,
Năng trừ pháp khiếp nhược.
Tỳ-kheo thành tựu giới,
Tỳ-kheo-ni đa văn,
Ưu-bà-tắc vững tín,
Ưu-bà-di cũng thế.
Trong chúng là đệ nhất,
Nếu hay hòa thuận chúng,
Muốn biết được nghĩa là,
Như lúc trời mới mọc.
Thế nên, này các Tỳ-kheo! Hãy học thông suốt cổ kim, thành tựu mọi pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn loại kim sí điểu. Thế nào là bốn? Kim sí điểu sanh bằng trứng, kim sí điểu sanh bằng thai, kim sí điểu do thấp sanh, kim sí điểu do hóa sanh. Đó là bốn loài kim sí điểu.

Cũng thế, Tỳ-kheo! Có bốn loại rồng. Thế nào là bốn? Có rồng sanh bằng trứng, có rồng sanh bằng thai, có rồng do thấp sanh và có rồng do hóa sanh. Đó là, Tỳ-kheo! Có bốn loại rồng.

Tỳ-kheo nên biết! Nếu kim sí điểu sanh bằng trứng, lúc muốn ăn thịt rồng, lên trên cây thiết xoa, gieo mình xuống biển. Nước biển đó dọc ngang hai mươi tám vạn dặm, dưới đó có bốn loại long cung. Có rồng loại trứng, có rồng loại thai, có rồng thấp sanh, có rồng hóa sanh. Bấy giờ, kim sí điểu sanh bằng trứng dùng cánh lớn quạt nước rẽ hai, bắt rồng loài trứng ăn thịt. Nếu lúc ấy nhằm loài rồng sanh bằng thai thì kim sí điểu sẽ mất mạng. Kim sí điểu quạt nước bắt rồng, lúc nước chưa khép lại, nó đã trở lại cây thiết xoa.

Tỳ-kheo nên biết! Nếu kim sí điểu sanh bằng thai, lúc muốn ăn thịt rồng, lên trên cây thiết xoa gieo mình xuống biển. Nước biển đó ngang dọc hai mươi tám vạn dặm, nó quạt nước, xuống để gặp loại rồng thai sanh. Nếu gặp rồng sanh bằng trứng, cũng có thể bắt đem ra khỏi biển. Nếu nó gặp rồng thấp sanh thì thân chim sẽ chết.

Tỳ-kheo nên biết! Nếu kim sí điểu thấp sanh, lúc muốn ăn thịt rồng lên trên cây thiết xoa, gieo mình xuống biển. Nước biển đó ngang dọc hai mươi tám vạn dặm. Chim ấy nếu được rồng loài trứng, loài thai, thấp sanh đều có thể bắt được. Nếu gặp rồng hóa sanh, thì thân chim sẽ chết.

Này Tỳ-kheo! Nếu kim sí điểu hóa sanh, lúc muốn ăn thịt rồng, lên trên cây thiết xoa gieo mình xuống biển. Nước biển đó ngang dọc hai mươi tám vạn dặm, nó quạt nước, xuống gặp rồng loài trứng, loài thai, rồng thấp sanh, rồng hóa sanh đều có thể bắt hết. Lúc nước chưa kịp khép lại, nó đã trở lên cây thiết xoa.

Tỳ-kheo nên biết! Nếu như Long vương phụng sự Phật, bấy giờ kim sí điểu không thể ăn nuốt được. Vì sao thế? Như Lai thường hành Tứ đẳng tâm, vì thế nên chim không thể ăn rồng. Thế nào là Tứ đẳng tâm?

Như Lai thường hành tâm từ, hằng hành tâm bi, hằng hành tâm hỉ, hằng hành tâm xả (hộ). Đó là, này Tỳ-kheo! Như Lai hằng có bốn tâm bình đẳng này; có gân sức lớn, có đại dõng mãnh, không thể ngăn trở, phá hoại. Vì thế kim sí điểu không thể ăn rồng. Vậy nên, các Tỳ-kheo! Hãy hành Tứ đẳng tâm. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu lúc Thiện tri thức bố thí, có bốn việc công đức. Thế nào là bốn? Biết lúc bố thí, chẳng phải không biết lúc; tự tay bố thí, chẳng sai người khác; bố thí thường trong sạch chẳng phải không trong sạch; bố thí hết sức vi diệu, không có nhơ đục.

Thiện tri thức khi bố thí có bốn công đức này. Thế nên, này các Tỳ-kheo! Thiện nam, tín nữ khi bố thí nên có đầy đủ bốn công đức này. Vì đủ bốn công đức này sẽ được phước nghiệp lớn, được vị cam lồ tịch diệt. Nhưng phước đức này chẳng thể cân lường. Nói sẽ có phước nghiệp như thế, hư không chẳng thể chứa đựng. Ví như nước biển chẳng thể

đo lường mà nói một hộc, nửa hộc, một lẻ, nửa lẻ (mười lẻ: 1 thưng) để gọi số cân. Nhưng phước nghiệp này không thể nêu đủ. Như vậy công đức thiện nam, tín nữ tạo được không thể kể tính; được phước nghiệp lớn, được cam lồ diệt, nên nói sẽ có phước đức như thế. Thế nên, các Tỳ-kheo! Thiện nam, tín nữ sẽ đầy đủ bốn công đức này. Như vậy, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay có bốn loại người đáng kính, đáng quý, là phước điền của đời. Thế nào là bốn? Nghĩa là gìn giữ lòng tin, vâng theo giáo pháp, tự thân chứng và thấy được đến nơi.

Thế nào gọi là người gìn giữ lòng tin? Hoặc có một người chịu người dạy dỗ, dốc một lòng tin, ý không nghi nan. Có lòng tin đối với Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Họ cũng tin lời Như Lai, cũng tin lời Phạm chí; hằng tin lời những vị ấy, không chấp giữ trí mình. Đó gọi là người giữ gìn lòng tin.

Thế nào gọi là người tự vâng theo giáo pháp? Ở đây có người phân biệt pháp, không tin người khác, quán sát pháp là có hay không, là thực hay hư. Người ấy liền nghĩ: 'Đây là lời Như Lai. Đây là lời Phạm chí'. Vì biết đây là pháp ngữ của Như Lai, người ấy liền phụng trì, còn các lời ngoại đạo thì xa lìa. Đó gọi là người vâng theo giáo pháp.

Thế nào gọi là người thân chứng? Ở đây, có người thân tự tác chứng, họ cũng chẳng tin người khác, cũng chẳng tin lời Như Lai. Họ cũng chẳng tin các ngôn giáo của các bậc tôn túc nói, chỉ theo tánh mình mà đi. Đó gọi là người thân chứng.

Thế nào gọi là người thấy đến nơi? Ở đây, có người đoạn ba kiết sử, thành tựu pháp Tu-đà-hoàn, chẳng thối chuyển. Người ấy có được cái thấy rằng có bố thí, có người nhận, có quả báo thiện ác, có đời này, đời sau, có cha, có mẹ, có A-la-hán... Người ấy thọ giáo, thân tín, tác chứng mà tự du hóa. Đó gọi là người thấy đến nơi.

Đó là, này Tỳ-kheo! Có bốn người này. Hãy nhớ trừ bỏ ba người trên. Nhớ tu pháp thân chứng. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXVIII. Phẩm Thanh văn

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà cùng năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có bốn vị Đại Thanh văn đang họp chung một nơi, bàn nhau: 'Chúng ta cùng xem thử trong thành La-duyệt này, có ai không tạo công đức, cúng dường Phật, Pháp và Chúng Tăng. Chúng ta hãy đến người không tin ấy khiến họ tin Như Lai, Pháp và Tăng'.

Đó là các Tôn giả Mục-kiền-liên, Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-na-luật và Tôn giả Tân-đầu-lô.

Bấy giờ có trưởng giả tên là Bạt-đề, nhiều tiền lắm của, không thể tính kể: vàng, trân bảo, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, voi, ngựa, xe cộ, nô tỳ,

đầy tớ, đều đầy đủ, nhưng lại xan tham không chịu bố thí; không có một chút thiện cảm đối với Phật, Pháp, Tăng, không hề tin tưởng, nên ông ta đã hết phước lại chẳng tạo phước mới. Ông hằng ôm tà kiến cho là không thí, không phước, cũng không có người thọ, cũng không quả báo thiện ác đời này, đời sau, cũng không có cha mẹ và người đắc A-la-hán, cũng lại không có người thủ chứng.

Nhà trưởng giả ấy có bảy lớp cửa, mỗi cửa đều có người giữ, không để cho ăn mày đến cửa. Ông lại lấy lồng sắt vây chụp trong sân sợ chim bay đến trong sân.

Trưởng giả có người chị tên là Nan-đà cũng xan tham không chịu bố thí, không trồng cội công đức, đã hết phước cũ mà không tạo thêm phước mới. Bà cũng ôm tà kiến cho là không thí, không phước cũng không người thọ, cũng không có quả báo thiện ác đời này, đời sau, cũng không cha mẹ, không người đắc A-la-hán, cũng không có người thủ chứng. Cửa nhà Nan-đà cũng có bảy lớp, cũng có người giữ cửa chẳng để người đến xin ăn. Bà cũng lại lấy lồng sắt chụp lên sân, không cho chim bay vào nhà.

Các Tôn giả bàn với nhau: 'Chúng ta hôm nay có thể khiến cho Nan-đà dốc lòng tin Phật, Pháp, Tăng'.

Bấy giờ, sáng sớm trưởng giả Bạt-đề ngồi ăn bánh. Tôn giả A-na-luật đến giờ, đắp y ôm bát từ dưới đất nhà trưởng giả đứng lên, đưa bát cho trưởng giả. Trưởng giả hết sức sầu lo, đưa một chút bánh cho A-na-luật. Ngài A-na- luật được bánh rồi liền trở về chỗ mình. Trưởng giả nổi cơn giận dữ bảo các người gác cửa:

- Ta ra lệnh không cho người vào cửa. Tại sao lại cho người vào?

Người gác cửa đáp:

- Cửa nẻo chắc chắn, không biết Đạo sĩ này từ đâu đến.

Trưởng giả im lặng không nói. Ăn bánh xong, trưởng giả lại ăn tiếp thịt, cá. Tôn giả Đại Ca-diếp đắp y ôm bát đến nhà trưởng giả, từ dưới đất đứng lên, đưa bát về phía trưởng giả. Trưởng giả hết sức buồn bực, đem một chút thịt cá cho ngài. Ngài Ca-diếp được thịt liền biến mất, trở về chỗ mình. Trưởng giả càng thêm sân giận, bảo người gác cửa.

- Trước ta đã ra lệnh không cho người vào nhà. Cớ sao lại để hai Sa-môn vào nhà khất thực?

Người gác cửa đáp:

- Chúng tôi không thấy Sa-môn này vào từ đâu!

Trưởng giả nói:

- Sa-môn trọc đầu này khéo dùng huyễn thuật cuống hoặc người đời, chẳng có hạnh chân chánh.

Bấy giờ vợ trưởng giả ngồi cách đó không xa. Người vợ này là em của trưởng giả Chất-đa, được cưới từ núi Ma-sư về. Người vợ bảo trưởng giả:

- Nên giữ miệng mồm. Chớ nói rằng Sa-môn học huyễn thuật. Vì sao? Các Sa-môn này có đại oai thần. Sở dĩ họ đến nhà trưởng giả là có nhiều ích lợi cho Ông. Trưởng giả! Ông có biết vị Tỳ-kheo đến trước chăng?

Trưởng giả đáp:

- Tôi không biết.

Người vợ nói:

- Trưởng giả có nghe con trai vua Hộc Tịnh nước Ca-tỳ-la-vệ tên A-na-luật, ngay khi sanh, mặt đất chấn động sáu lần. Chung quanh nhà trong một do tuần, các kho tàng tự nhiên hiện ra chăng?

Trưởng giả đáp:

- Tôi nghe có A-na-luật nhưng không thấy.

Người vợ bảo trưởng giả:

- Vị hào tộc này đã bỏ nhà xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh, đắc đạo A-la- hán, là vị thiên nhãn đệ nhất không ai hơn được. Và Như Lai cũng nói: 'Trong hàng đệ tử của Ta, thiên nhãn bậc nhất là Tỳ-kheo A-na-luật'. Kế đó, Ông có biết vị Tỳ-kheo thứ hai vào đây khất thực chăng?

Trưởng giả đáp:

- Tôi không biết.

Người vợ nói:

- Trưởng giả có nghe trong thành La-duyệt này có đại Phạm chí tên Ca-tỳ-la, lắm tiền nhiều của không thể tính kể, có chín trăm chín mươi chín trâu cày ruộng không?

Trưởng giả đáp:

- Tôi có thấy Phạm chí này.

Người vợ nói:

- Trưởng giả! Ông có nghe con của Phạm chí này tên là Tỷ-ba-la-da-đàn-na, thân màu vàng, vợ tên là Bà-đà, là vị thù thắng trong hàng nữ lưu. Nếu đem vàng tử ma đến trước cô ấy thì như đem đen mà so với trắng không?

Trưởng giả đáp:

- Tôi nghe Phạm chí này có con tên là Tỷ-ba-la-da-đàn-na, nhưng không thấy.

Người vợ nói:

- Chính là vị Tỳ-kheo đến sau vừa rồi đó. Ông ta đã bỏ báu ngọc nữ này, xuất gia học đạo, nay đắc A-la-hán, hằng hành hạnh đầu đà. Người có đầy đủ các pháp theo hạnh đầu đà không ai hơn Tôn giả Ca-diếp. Thế Tôn cũng nói: 'Trong hàng đệ tử của Ta, Tỳ-kheo hành đầu đà đệ nhất là Đại Ca-diếp'.

Nay Trưởng giả chóng được lợi lành, mới khiến các vị Hiền Thánh đến đây khất thực. Tôi đã quán nghĩa này nên nói Ông khéo giữ miệng, chớ phỉ báng bậc Hiền Thánh, bảo họ là tạo huyễn thuật. Đệ tử của đức Thích-ca đều có thần đức, nên tôi nói lời này.

Bấy giờ, Tôn giả Mục-kiền-liên đắp y ôm bát bay lên hư không đến nhà trưởng giả phá lồng sắt sụp xuống, rồi ngồi kiết-già trong hư không. Trưởng giả Bạt-đề thấy Tôn giả Mục-kiền-liên ngồi trong hư không liền sợ hãi nói:

- Ngài là Trời chăng?

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

- Tôi không phải là Trời.

Trưởng giả hỏi:

- Ngài là Càn-thát-bà chăng?

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

- Tôi không phải là Càn-thát-bà.

Trưởng giả hỏi:

- Ông là quỷ chăng?

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp.

- Tôi không phải quỷ.

Trưởng giả hỏi:

- Ông là quỷ La-sát ăn thịt người chăng?

Tôn giả Mục-kiền-liên nói:

- Tôi cũng chẳng phải quỷ La-sát ăn thịt người.

Trưởng giả Bạt-đề liền nói kệ:

Là Trời, Càn-thát-bà
La-sát, quỷ thần chăng?
Lại nói không phải trời,
Hay La-sát, quỷ thần,
Chẳng giống Càn-thát-bà,

Du hành trong khu vực,
Vậy Ông tên là gì?
Nay tôi muốn được biết.
Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên dùng kệ đáp:

Chẳng Trời, Càn-thát-bà, Chẳng loài quỷ La-sát, Ba đời được giải thoát,

Nay ta là thân người.
Có thể hàng phục ma,
Thành tựu đạo Vô thượng,
Thầy ta tên Thích-ca,
Ta tên Mục-kiền-liên.
Trưởng giả Bạt-đề nói với Tôn giả Mục-kiền-liên rằng:

- Tỳ-kheo có điều gì dạy bảo tôi?

Tôn giả Mục-kiền-liên đáp:

- Nay ta muốn thuyết pháp cho Ông, hãy khéo nghĩ nhớ!

Tôn giả lại nghĩ: 'Các Đạo sĩ này suốt đời để ý uống ăn. Nay muốn luận bàn, chính là luận bàn về ăn uống. Nếu theo ta đòi ăn, ta sẽ nói 'không!'. Rồi ông lại nghĩ: 'Nay ta hãy nghe người này nói ít nhiều'.

Bấy giờ Tôn giả Mục-kiền-liên biết tâm niệm của trưởng giả, liền nói kệ:

Như Lai thuyết hai thí,
Pháp thí và tài thí,
Nay sẽ thuyết pháp thí,
Chuyên tâm nhất ý nghe!
Trưởng giả nghe thuyết pháp thí, trong lòng hoan hỉ và thưa với Tôn giả Mục-liên:

- Mong Ngài diễn thuyết cho, tôi nghe rồi sẽ biết.

Tôn giả Mục-liên nói:

- Trưởng giả nên biết! Như Lai thuyết năm đại thí, nên nhớ tu hành suốt đời.

Trưởng giả lại nghĩ: 'Vừa rồi Tôn giả Mục-liên muốn thuyết pháp thí. Nay lại nói có năm đại thí'.

Tôn giả Mục-liên biết tâm trưởng giả, nên lại nói với trưởng giả:

- Như Lai nói có hai đại thí là pháp thí và tài thí. Nay tôi sẽ thuyết pháp thí, không thuyết tài thí.

Trưởng giả nói:

- Cái gì là năm đại thí?

Tôn giả Mục-liên đáp:

- Không được sát sanh, đây gọi là đại thí, trưởng giả nên suốt đời tu hành. Không trộm cắp, đây gọi là đại thí, nên suốt đời tu hành. Không dâm, không nói dối, không uống rượu, nên suốt đời tu hành.

Đó là, này Trưởng giả, năm đại thí, nên nhớ tu hành.

Trưởng giả Bạt-đề nghe lời này rồi, hết sức hoan hỉ, nghĩ: 'Phật Thích-ca- văn thuyết pháp rất vi diệu. Nay chỗ diễn thuyết chẳng cần đến bảo vật. Như ngày nay, ta chẳng kham sát sanh. Điều này ta có thể vâng làm được. Hơn nữa, của cải nhà ta rất nhiều, ta trọn không trộm cắp. Đây cũng là việc ta làm. Lại, đàn bà trong nhà ta rất đẹp, ta trọn chẳng dâm vợ người khác. Đó là việc ta làm. Lại, ta không ưa người nói láo, huống là chính mình nói láo. Đây cũng là việc ta làm. Như ngày nay, ta chẳng nghĩ đến rượu, huống là nếm nó. Đây cũng là việc ta làm'. Trưởng giả liền thưa với Tôn giả Mục- liên:

- Năm thí này tôi có thể vâng làm.

Bấy giờ, trưởng giả thầm nghĩ: 'Nay ta nên mời Tôn giả Mục-liên ăn cơm'. Trưởng giả liền ngẩng đầu lên và thưa với Tôn giả Mục-liên:

- Ngài nên hạ cố xuống đây ngồi.

Tôn giả Mục-liên theo lời, xuống ngồi.

Trưởng giả Bạt-đề tự mình dọn các món ăn uống cho Tôn giả Mục-liên, Tôn giả Mục-liên ăn xong, uống nước. Trưởng giả nghĩ: 'Ta nên đem một tấm dạ dâng ngài Mục-liên'. Rồi ông vào kho chọn một tấm dạ trắng, muốn lựa cái xấu mà vớ nhằm tấm tốt. Ông lại bỏ ra, lựa tấm khác, cũng tốt luôn, ông lại bỏ để chọn tấm khác.

Tôn giả Mục-liên biết tâm niệm trưởng giả, liền nói kệ:

Thí cùng tâm đấu tranh, Phước này bậc Hiền bỏ,

Lúc cho, không đấu tranh, Mới nên tùy tâm cho.

Bấy giờ, trưởng giả liền nghĩ: 'Nay Tôn giả Mục-liên biết ý ta'. Ông liền cầm tấm dạ trắng dâng lên Tôn giả Mục-liên. Tôn giả Mục-liên chú nguyện cho:

Quán sát thí đệ nhất,
Biết có người Hiền Thánh,
Trong thí là tối thượng
Ruộng lành sanh hoa trái.

Tôn giả Mục-liên chú nguyện xong, nhận tấm dạ trắng cho trưởng giả được phước vô cùng. Trưởng giả liền ngồi một bên. Tôn giả Mục-liên dần dần thuyết pháp về các diệu luận cho ông. Luận nghĩa là thí luận, giới luận, luận sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, xuất yếu là vui. Chư Phật Thế Tôn thuyết pháp Khổ, Tập, Tận, Đạo; Tôn giả Mục-liên bèn thuyết hết cho trưởng giả. Ông ở ngay trên tòa được pháp nhãn tịnh. Như áo rất sạch dễ nhuộm màu, trưởng giả Bạt-đề này cũng lại như vậy: Ở ngay trên tòa được pháp nhãn thanh tịnh. Do đắc pháp, kiến pháp, không có hồ nghi mà thọ ngũ giới, ông tự quy y Phật, Pháp và Thánh chúng.

Tôn giả Mục-liên thấy trưởng giả đã được pháp nhãn thanh tịnh, liền nói kệ:

Như Lai chỗ thuyết kinh,
Căn nguyên đều đầy đủ,
Nhãn tịnh, không uế bẩn,
Không nghi, không do dự.
Trưởng giả Bạt-đề thưa với Tôn giả Mục-liên:

- Từ nay về sau, xin Ngài và bốn bộ chúng nhận lời thỉnh của con mãi mãi. Con sẽ cung cấp y phục, thức ăn uống, giường nệm, thuốc men trị bịnh, không có luyến tiếc.

Tôn giả Mục-liên thuyết pháp cho trưởng giả rồi, liền từ chỗ ngồi đứng lên đi. Các đại Tanh văn khác như Tôn giả Ca-diếp, Tôn giả A-na-luật nói với Tôn giả Tân-đầu-lô:

- Chúng tôi đã độ trưởng giả Bạt-đề rồi. Nay Hiền giả hãy đến hàng phục bà già Nan-đà.

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

- Việc này rất hay.

Bấy giờ bà già Nan-đà đang làm bánh sữa. Tôn giả Tân-đầu-lô đến giờ, đắp y, ôm bát vào thành La duyệt để khất thực, dần dần đến nhà bà già Nan-đà. Tôn giả từ dưới đất vọt lên, đưa tay cầm bát cho bà già Nan-đà để khất thực. Bà già thấy Tôn giả Tân-đầu-lô, hết sức giận dữ nói ác:

- Tỳ-kheo nên biết! Dù Ông lọt mắt ra, ta trọn không cho Ông thức ăn.

Tôn giả Tân-đầu-lô liền nhập tam-muội cho hai mắt lọt ra ngoài. Bà già Nan-đà càng thêm sân giận, nói ác:

- Dù cho Sa-môn treo ngược trên không, ta trọn chẳng cho Ông ăn.

Tôn giả Tân-đầu-lô lại dùng sức tam-muội treo ngược trên không trung.

Bà già Nan-đà càng tức giận bội phần liền nói ác:

- Dù cho Sa-môn toàn thân phun ra khói, ta trọn chẳng cho Ông ăn.

Tôn giả Tân-đầu-lô lại dùng sức tam-muội toàn thân phun khói. Bà già thấy rồi, sân nộ càng nhiều và nói:

- Dù cho Sa-môn toàn thân bốc cháy, ta trọn chẳng cho Ông ăn.

Tôn giả Tân-đầu-lô liền dùng sức tam-muội, khiến thân thể bốc cháy. Bà già thấy rồi lại nói:

- Dù cho Sa-môn toàn thân ra nước, ta trọn chẳng cho Ông ăn.

Tôn giả Tân-đầu-lô liền lại dùng sức tam-muội khiến toàn thân ra nước. Bà già thấy rồi lại nói:

- Dù cho Sa-môn chết ở trước mặt ta, ta trọn chẳng cho Ông ăn.

Tôn giả Tân-đầu-lô liền nhập Diệt tận định, không còn hơi thở ra vào, chết trước mặt bà già. Bà già thấy Tôn giả ngưng hơi thở thì sợ hãi, lông áo dựng ngược và nghĩ: 'Sa-môn này là con dòng họ Thích, được nhiều người biết, Quốc vương cung kính. Nếu họ biết ông ta chết ở nhà mình, chắc chắn sợ ta không tránh khỏi gặp việc quan'.

Bà bèn nói:

- Sa-môn sống lại đi! Ta sẽ cho Sa-môn ăn.

Tôn giả Tân-đầu-lô liền từ tam-muội dậy. Bà già bèn nghĩ: 'Bánh này lớn quá, hãy làm cái nhỏ cho Ông ta'. Bà lấy một chút bột làm bánh, bánh bèn phồng to. Bà già thấy xong lại nghĩ: 'Bánh này lớn quá nên làm cái nhỏ nữa'. Nhưng bánh lại lớn. 'Hãy lấy cái bánh làm trước đem cho'. Bà liền lấy cái trước. Nhưng các cái bánh lại dính vào nhau. Bà Nan-đà bảo Tôn giả Tân- đầu-lô:

- Tỳ-kheo! Ông cần ăn thì tự lấy mà ăn. Cớ sao làm phiền nhiễu nhau thế.

Tôn giả Tân-đầu-lô đáp:

- Thí chủ nên biết, tôi chẳng cần ăn. Chỉ cần muốn nói với thí chủ.

Bà già Nan-đà nói:

- Tỳ-kheo muốn răn dạy gì?

Ngài Tân-đầu-lô nói:

- Thí chủ nên biết! Nay ta đem bánh đến chỗ Thế Tôn. Nếu Thế Tôn có dạy bảo gì, chúng ta sẽ cùng vâng làm.

Bà già Nan-đà đáp:

- Việc này rất phù hợp.

Bà già tự bưng bánh này theo sau Tôn giả Tân-đầu-lô, đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy Phật và đứng một bên. Bấy giờ, Tôn giả Tân-đầu-lô Bạch Thế Tôn:

- Bà Nan-đà này là chị của trưởng giả Bạt-đề, tham lam, ăn một mình chẳng chịu bố thí cho người. Cúi mong Thế Tôn thuyết pháp cho bà dốc lòng tin và cởi mở.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Bà già Nan-đà:

- Nay Bà hãy đưa bánh thí cho Như Lai và Tỳ-kheo Tăng.

Bà già Nan-đà lấy bánh dâng lên Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng khác. Bánh vẫn còn dư. Bà Nan-đà bạch Thế Tôn:

- Bánh còn dư.

Thế Tôn bảo:

- Lại đem cho Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Bà già Nan-đà nhận lời Phật dạy, lại đem bánh này cúng Phật và Tỳ-kheo Tăng. Sau đó lại còn dư bánh, Thế Tôn bảo bà già Nan-đà.

- Nay Bà đem bánh này cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di.

Nhưng vẫn còn dư bánh, Thế Tôn bảo:

- Nên đem bánh này thí cho người bần cùng.

Nhưng vẫn còn dư bánh. Thế Tôn bảo:

- Hãy đem bánh này bỏ nơi đất sạch hoặc để vào nước thật sạch. Vì sao thế? Ta trọn không thấy Sa-môn, Bà-la-môn, Trời và người nào có thể tiêu được bánh này, trừ Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác.

Bà già Nan-đà đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Bà Nan-đà liền đem bánh này bỏ vào nước sạch, tức thời lửa bùng lên. Bà già Nan-đà thấy xong, ôm lòng sợ hãi đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy Phật rồi ngồi một bên. Thế Tôn dần dần thuyết pháp cho Bà. Các luận nghĩa là thí luận, giới luận, luận sanh Thiên, dục là tưởng bất tịnh, lậu là ô uế, xuất yếu là vui. Ngài đã thấy Bà già Nan-đà tâm khai ý mở. Chư Phật thường thuyết pháp Khổ, Tập, Tận, Đạo. Thế Tôn đều thuyết hết cho Bà già Nan-đà. Khi ấy, Bà già Nan-đà ngay nơi chỗ ngồi được pháp nhãn thanh tịnh. Ví như vải trắng dễ nhuộm màu, đây cũng như thế: Bà già Nan-đà hết các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Bà đã đắc pháp, thành tựu pháp, không có hồ nghi, đã hết do dự, được không chỗ sợ, phụng sự Tam Bảo, thọ trì ngũ giới.

Bấy giờ Thế Tôn lại thuyết pháp thêm khiến bà phát tâm hoan hỉ. Bà già Nan-đà bạch Thế Tôn:

- Từ nay về sau, bốn bộ chúng hãy đến nhà con thọ thí. Từ nay trở đi, con hằng thường bố thí, tu các công đức phụng thờ các bậc Hiền Thánh.

Thưa xong, bà đứng lên cúi lạy Phật và lui đi.

Trưởng giả Bạt-đề và Bà già Nan-đà có em tên là trưởng giả Ưu-bà-ca-ni là người mà vua A-xà-thế lúc trẻ rất yêu mến. Bấy giờ, trưởng giả Ưu-bà-ca-ni kinh doanh ruộng nương, nghe anh là Bạt-đề và chị là Nan-đà được Như Lai giáo hóa. Nghe xong, ông vui mừng hớn hở không kềm được, trong suốt bảy ngày không ngủ nghỉ, cũng không ăn uống. Trưởng giả làm ruộng xong trở về thành La-duyệt, giữa đường nghĩ: 'Nay ta hãy đến chỗ Thế Tôn trước, rồi về nhà sau'. Trưởng giả đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi xuống một bên. Trưởng giả bạch Thế Tôn:

- Anh Bạt-đề và chị Nan-đà của con đã được Như Lai thuyết pháp giáo hóa phải chăng?

Thế Tôn đáp:

- Đúng thế, nay trưởng giả Bạt-đề và Nan-đà đã thấy pháp Tứ đế, tu các pháp lành.

Trưởng giả Ưu-bà-ca-ni bạch Thế Tôn:

- Gia đình chúng con được lợi rất lớn.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, Trưởng giả, như lời Ông nói. Nay cha mẹ Ông được lợi rất lớn, trồng phước đời sau.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho trưởng giả. Trưởng giả nghe pháp xong, đảnh lễ lui đi. Ông đến chỗ vua A-xà-thế, ngồi xuống một bên. Vua hỏi trưởng giả:

- Có phải anh chị của Ông được Như Lai giáo hóa không?

- Đúng vậy, Đại vương!

Vua nghe lời này, vui mừng hớn hở không kềm được, liền đánh chuông trống ra lệnh trong thành: 'Từ nay về sau, nhà nào không thờ Phật sẽ bị nộp

tiền, và phải đón rước và tiễn đưa những người thờ Phật. Vì sao thế? Vì đây đều là huynh đệ trong đạo pháp của ta'.

Bấy giờ vua A-xà-thế bày các thức ăn uống ban cho trưởng giả. Trưởng giả nghĩ: 'Ta trọn không nghe Thế Tôn thuyết pháp Ưu-bà-tắc nên nhận thức ăn loại nào, nên uống nước loại nào. Nay ta nên đến chỗ Thế Tôn, trước hỏi nghĩa này, sau sẽ ăn'. Trưởng giả liền bảo một người thân cận:

- Ông đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, đem lời ta bạch Thế Tôn: 'Trưởng giả Ưu- bà-ca-ni bạch Thế Tôn: phàm pháp Hiền giả nên trì mấy giới, lại phạm mấy giới thì chẳng phải là cư sĩ nam? Nên ăn loại thức ăn nào? Uống loại nước nào?

Người đó nhận lời dạy của trưởng giả, đến chỗ Thế Tôn cúi lạy Phật rồi đứng một bên. Người đó đem tên trưởng giả bạch Thế Tôn:

- Phàm pháp cư sĩ nam nên giữ mấy giới? Phạm mấy giới thì chẳng phải Ưu- bà-tắc? Lại nên ăn loại thức ăn nào? Uống loại nước nào?

Thế Tôn bảo:

- Nay Ông nên biết! Ăn có hai loại: có thể thân cận và không thể thân cận. Thế nào là hai? Nếu thân cận lúc ăn, khởi pháp bất thiện, pháp lành bị tổn giam. Thức ăn này không thể thân cận. Nếu lúc được ăn, pháp lành tăng thêm, pháp bất thiện tôn giảm. Thức ăn này có thể thân cận.

Nước cũng có hai việc. Nếu lúc được uống, khởi pháp bất thiện, pháp lành bị tổn giảm. Đây chẳng thể thân cận. Nếu lúc được uống, pháp bất thiện tổn giảm, pháp lành có tăng trưởng. Đây có thể thân cận.

Phàm pháp cư sĩ, hạn chế có năm giới. Trong đó có thể giữ một giới, hai giới, ba giới, bốn giới cho đến năm giới, đều nên gìn giữ. Phải hỏi hai ba phen, người có thể gìn giữ được mới cho gìn giữ. Nếu cư sĩ nam phạm một giới rồi thì thân hoại mạng chung, đọa trong địa ngục. Nếu người cư sĩ lại vâng giữ một giới thì sanh vào cõi lành, lên trời, hà huống hai, ba, bốn năm.

Người kia nhận lời Phật dạy rồi, đảnh lễ lui đi. Khi người ấy đi cách đó không xa. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau, Tỳ-kheo được phép truyền ngũ giới và tam quy cho Ưu-bà- tắc. Nếu Tỳ-kheo lúc muốn truyền giới cho cư sĩ nữ, dạy họ để lộ cánh tay,

vòng tay, chắp ngón tay, dạy xưng tên họ, quy y Phật, Pháp, Thánh chúng ba phen. Đã dạy xưng tên họ quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, rồi lạy tự xưng: 'Nay con quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tỳ-kheo Tăng, Như Phật Thích-ca- văn đầu tiên có năm trăm khách buôn thọ tam tự quy, suốt đời không giết, không trộm, không dâm, không dối, không uống rượu'. Như trì một giới còn dư bốn giới; nếu thọ hai giới còn dư ba giới; nếu thọ ba giới còn dư hai giới; nếu thọ bốn giới còn dư một giới. Nếu thọ năm giới sẽ là người trì đầy đủ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay mặt trời, mặt trăng có bốn thứ che lấp nặng nề khiến không phóng được ánh sáng. Bốn loại nào? Mây, gió bụi, khói và A-tu-la, khiến mặt trời, mặt trăng bị che không phóng ánh sáng được. Đó là, này Tỳ-kheo, mặt trời, mặt trăng có bốn thứ che đậy, khiến mặt trời, mặt trăng không phóng ánh sáng lớn được. Đây cũng như thế, Tỳ-kheo có bốn kết che đậy tâm người không được cởi mở. Thế nào là bốn? Dục kết che đậy tâm người không được khai mở, sân nhuế, ngu si và lợi dưỡng che đậy tâm người không khai mở được.

Đó là, này Tỳ-kheo, có bốn kết che đậy tâm người không khai mở được. Hãy cầu phương tiện diệt bốn kết này. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở bên cạnh đền thờ A-la-tỳ. Bấy giờ trời rất lạnh lẽo, cây cối trơ trụi.

Khi ấy, con của trưởng giả Thủ-a-la-bà ra khỏi thành ấy, đi dọc theo bên ngoài, dần đến chỗ Thế Tôn, đến rồi cúi lạy và ngồi xuống một bên. Con trưởng giả bạch Thế Tôn:

- Chẳng rõ hôm rồi Ngài ngủ ngon chăng?

Thế Tôn đáp:

- Đúng vậy, Chàng trai. Ta ngủ ngon lắm.

Con của trưởng giả bạch Phật:

- Nay là ngày rất lạnh, vạn vật trơ trụi. Thế Tôn lại ngồi đệm cỏ, mặc y áo quá mỏng manh. Thế sao Thế Tôn nói: 'Ta ngủ ngon lắm'.

Thế Tôn bảo:

- Chàng trai lắng nghe! Nay Ta hỏi lại, hãy theo đó mà trả lời! Ví như nhà trưởng giả chắc chắn, phòng nhà không có gió bụi. Trong nhà đó, có giường nệm, mền, mùng, chiếu, gối đầy đủ mọi thứ. Có bốn ngọc nữ nhan sắc đoan chánh, mặt như hoa đào, hiếm có ở đời, nhìn không chán mắt, đèn đốt sáng sủa. Vậy trưởng giả ấy có ngủ ngon được chăng?

Con của trưởng giả đáp:

- Đúng thế, Thế Tôn! Có giường nằm tốt thì ngủ rất ngon.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào, Chàng trai? Nếu người ngủ được ngon giấc rồi nổi dục ý. Do dục ý này có mất ngủ chăng?

Con của trưởng giả đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn! Nếu người kia dục ý nổi lên, liền không ngủ được.

Thế Tôn bảo:

- Như người kia dục ý mạnh. Nay Như Lai đã dứt hẳn không sót, không còn gốc rễ, chẳng còn hưng khởi nữa. Thế nào, Chàng trai, nếu có tâm sân giận, ngu si nổi lên, há ngủ ngon được sao?

Chàng trai đáp:

- Không ngủ ngon được. Vì sao thế? Do tâm có ba độc vậy.

Thế Tôn bảo:

- Như Lai hôm nay không còn tâm này, dứt hẳn không sót, cũng không gốc rễ. Chàng trai nên biết! Nay Ta sẽ nói về bốn loại tòa. Thế nào là bốn? Có tòa thấp hèn, có tòa của Thiên, tòa của Phạm thiên và tòa của Phật. Chàng trai nên biết! Tòa thấp là tòa của Chuyển luân Thánh vương. Tòa Thiên là tòa Thích-đề-hoàn nhân. Tòa Phạm thiên là tòa của Phạm thiên vương. Tòa Phật là tòa Tứ đế.

Toà thấp là tòa hướng Tu-đà-hoàn. Tòa Thiên là tòa đắc Tu-đà-hoàn. Tòa Phạm thiên là tòa hướng Tư-đà-hàm. Tòa Phật là tòa Tứ ý chỉ.

Tòa thấp là tòa đắc Tư-đà-hàm. Tòa Thiên là tòa hướng A-na-hàm. Tòa Phạm thiên là tòa đắc quả A-na-hàm. Tòa Phật là tòa Tứ đẳng.

Tòa thấp là tòa Dục giới. Tòa Thiên là tòa Sắc giới. Tòa Phạm thiên là tòa Vô sắc giới. Tòa Phật là tòa Tứ thần túc.

Thế nên, này Chàng trai! Như Lai đã ngồi tòa Tứ thần túc, chóng được ngủ ngon. Trong đó không khởi dâm, nộ, si. Đã chẳng khởi tâm ba độc này, liền ở Vô dư Niết-bàn mà

Bát-niết-bàn. Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh nữa, như thực mà biết. Thế nên Chàng trai! Ta quán nghĩa này xong, nên nói Như Lai chóng được ngủ ngon.

Bấy giờ, con của trưởng giả liền nói kệ:

Gặp nhau ngày rất lâu,
Bát-niết-bàn Phạm chí,
Do nương sức Như Lai,
Rõ ngủ và diệt độ.
Tòa thấp và tòa Thiên,
Tòa Phạm và tòa Phật,
Như Lai đều phân biệt,
Thế nên được ngủ ngon.
Tự quy Nhân Trung Tôn.
Cũng quy Nhân Trung Thượng,
Nay con chưa thể biết, Là nương những Thiền nào?

Con của trưởng giả nói lời xong, Thế Tôn im lặng bằng lòng. Con của trưởng giả liền nghĩ: 'Thế Tôn đã hứa khả. Ta vui mừng hết sức, không kềm được', liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy Phật mà lui đi.

Bấy giờ chàng trai ấy nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật cùng năm trăm đại chúng Tỳ-kheo. Khi ấy Thế Tôn từ tịnh thất đứng lên, đi xuống núi Linh Thứu, cùng Phạm chí Lộc Đầu, dần dần du hành đến bãi tha ma đáng sợ.

Bấy giờ, Thế Tôn cầm một đầu lâu người chết trao cho Phạm chí và bảo:

- Phạm chí! Nay Ông rõ được tinh tú lại kiêm cả thuốc men, có thể trị lành bịnh chúng sanh. Ông hiểu hết các nẻo, cũng còn có thể biết nhân duyên người chết. Nay Ta hỏi ông: Đây là đầu lâu người nào? Là đàn ông hay đàn bà? Lại do bịnh gì mà chết?

Lúc ấy, Phạm chí liền cầm đầu lâu, lật qua lật lại quan sát, lấy tay gõ gõ rồi bạch Thế Tôn:

- Đây là đầu lâu đàn ông, không phải đàn bà.

Thế Tôn bảo:

- Đúng thế! Phạm chí! Như lời Ông nói. Đây là đàn ông, chẳng phải đàn bà.

Thế Tôn hỏi:

- Do đâu người này mạng chung?

Phạm chí lại cầm gõ đầu lâu và bạch Thế Tôn:

- Đây là nhiều bệnh nhóm lại. Trăm đốt xương đau nhức đến chết.

Thế Tôn hỏi:

- Nên dùng cách nào trị?

Phạm chí Lộc Đầu bạch Phật:

- Nên lấy trái a-lê-lặc hòa chung với mật, rồi uống thì bệnh lành được.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay! Như lời ông nói. Nếu người này được uống thuốc ấy thì cũng chưa chết. Ngày nay, người này mạng chung, sanh đến chỗ nào?

Phạm chí nghe xong, lại cầm đầu lâu gõ, bạch Thế Tôn:

- Người này mạng chung đọa trong ba đường ác, không sanh chỗ lành.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, Phạm chí! Như lời Ông nói. Ông ta đọa trong ba đường ác, sanh chỗ chẳng lành.

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm một đầu lâu nữa đưa cho Phạm chí và hỏi:

- Đây là người nào? Nam hay nữ?

Phạm chí lại lấy tay gõ đầu lâu, bạch Thế Tôn:

- Đâu lâu này thân đàn bà.

Thế Tôn hỏi:

- Do bệnh tật gì mà chết?

Phạm chí Lộc Đầu lại lấy tay gõ, rồi bạch Thế Tôn:

- Đàn bà này mang thai mà chết.

Thế Tôn bảo:

- Đàn bà này vì sao chết?

Phạm chí bạch Phật:

- Đàn bà này sanh non tháng nên chết.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Phạm chí! Như lời Ông nói. Bà ta mang thai mà chết lại có cách nào trị?

Phạm chí bạch:

- Như bệnh này cần có bơ, đề hồ tốt uống thì khỏi.

Thế Tôn bảo:

- Đúng thế, đúng thế! Như lời Ông nói. Nay người đàn bà này đã chết rồi sanh chỗ nào?

Phạm chí bạch Phật:

- Người đàn bà này mạng chung sanh trong súc sanh.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Phạm chí! Như lời Ông nói.

Thế Tôn lại cầm một đầu lâu khác đưa cho Phạm chí và hỏi:

- Nam hay nữ?

Phạm chí lấy tay gõ đầu lâu, bạch Thế Tôn:

- Đầu lâu này là đàn ông.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Như lời Ông nói. Người này do bịnh tật gì mà chết?

Phạm chí lại lấy tay gõ, bạch Thế Tôn:

- Người này mạng chung vì ăn uống quá độ, lại gặp thổ tả nên chết.

Thế Tôn bảo:

- Bệnh này có cách nào trị?

Phạm chí bạch Phật:

- Nhịn đói ba ngày liền khỏi.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Như lời Ông nói. Người này mạng chung sanh về đâu?

Bấy giờ Phạm chí lấy tay gõ đầu lâu, bạch Thế Tôn:

- Người này mạng chung sanh trong ngạ quỷ. Vì sao thế? Vì nghĩ đến nước.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Như lời Ông nói.

Bấy giờ Thế Tôn lại cầm một đầu lâu khác trao cho Phạm chí và hỏi:

- Nam hay nữ?

Phạm chí lấy tay gõ, bạch Thế Tôn:

- Đầu lâu này là đàn bà.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Như lời Ông nói, người này bịnh gì mà chết?

Phạm chí lại lấy tay gõ đầu lâu, bạch Thế Tôn:

- Lúc đang sanh thì chết.

Thế Tôn bảo:

- Tại sao đang sanh mà chết.

Phạm chí lấy tay gõ, bạch Thế Tôn:

- Người đàn bà này khí lực suy kiệt và đói quá mà chết.

Thế Tôn bảo:

- Người này mạng chung sanh chỗ nào?

Phạm chí lại lấy tay gõ đầu lâu, bạch Thế Tôn:

- Người này mạng chung sanh trong loài Người.

Thế Tôn bảo:

- Phàm người chết đói mà muốn sanh trong chỗ lành, việc này chẳng đúng; đọa trong ba đường ác thì thích đáng hơn!

Phạm chí lại lấy tay gõ, bạch Thế Tôn:

- Người đàn bà này trì giới đầy đủ mà chết.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Như lời Ông nói. Người đàn bà này cấm giới đầy đủ đến lúc mạng chung. Vì sao thế. Phàm có đàn ông, đàn bà cấm giới hoàn toàn thì lúc mạng chung sẽ đi vào hai đường: hoặc lên Trời hay trong loài Người.

Bấy giờ, Thế Tôn lại cầm một đầu lâu khác đưa cho Phạm chí hỏi:

- Nam hay nữ?

Phạm chí lấy tay gõ, bạch Thế Tôn:

- Đầu lâu này là đàn ông.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Như lời Ông nói người này bịnh gì mà chết?

Phạm chí lại lấy tay gõ đầu lâu, bạch Thế Tôn:

- Người này không bịnh mà bị người hại chết.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Như lời Ông nói, vị ấy bị người hại mà chết.

Thế Tôn bảo:

- Người này chết sanh về đâu?

Phạm chí lấy tay gõ, bạch Thế Tôn:

- Người này chết sanh trong cõi lành, lên Trời.

Thế Tôn bảo:

- Như lời Ông nói, luận trước, luận sau không hợp nhau.

Phạm chí bạch Phật:

- Vì duyên cớ gì mà không hợp nhau?

Thế Tôn bảo:

- Đàn ông, đàn bà bị người hại mà chết, đều đọa ba đường ác. Sao Ông lại nói sanh cõi lành, lên Trời?

Phạm chí lại lấy tay gõ đầu lâu, bạch Thế Tôn:

- Người này vâng giữ năm giới kiêm hành thập thiện, nên đến lúc mạng chung sanh chỗ lành, lên Trời.

Thế Tôn bảo:

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Như lời Ông nói. Người giữ giới không xúc chạm, sanh chỗ lành, lên Trời.

Thế Tôn lại lập lại:

- Người này giữ mấy giới mà chết?

Bấy giờ, Phạm chí lại chuyên chú một lòng, không nghĩ gì khác. Ông lấy tay gõ đầu lâu, bạch Thế Tôn:

- Trì một giới ư? Không phải. Trì hai, ba, bốn, năm chăng? Không phải. Người này trì pháp bát quan trai mà chết.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Như lời Ông nói. Người này giữ giới bát quan trai mà chết.

Bấy giờ ở phương Đông, phía Nam núi Phổ Hương có Tỳ-kheo Ưu-đàn-diên nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết-bàn. Khi ấy Thế Tôn trong khoảng co duỗi cánh tay, đến lấy đầu lâu của Tỳ-kheo đưa cho Phạm chí và hỏi:

- Nam hay nữ?

Bấy giờ Phạm chí lại lấy tay gõ đầu lâu, bạch Thế Tôn:

- Tôi xem đầu lâu này, nguồn gốc không phải nam cũng không phải nữ. Vì sao thế? Tôi quán đầu lâu này cũng không thấy sanh, cũng không thấy đoạn cũng không thấy xoay vần qua lại. Vì sao thế? Tôi xem tám phương, trên dưới đều không có tăm hơi. Bạch Thế Tôn! Nay tôi chưa rõ đầu lâu này của ai?

Thế Tôn bảo:

- Thôi, thôi! Phạm Chí! Ông trọn không biết là đầu lâu của ai. Ông nên biết rằng: đầu lâu này không đầu không cuối, cũng không sanh tử, cũng không thích ứng ở tám phương, trên dưới. Đây là Tỳ-kheo Ưu-đà-diên ở phía Nam núi Phổ Hương phương Đông. Tỳ-kheo nơi Vô dư Niết-bàn mà Bát-niết bàn. Chính vì đầu lâu của bậc A-la-hán.

Bấy giờ Phạm thiên nghe lời này xong, khen chưa từng có, liền bạch Phật:

- Nay tôi xem nhưng con trùng như con kiến này từ chỗ này đến thảy đều biết được. Tiếng tăm của chim thú, tôi có thể phân biệt biết được: đây là con đực, đây là con cái. Nhưng tôi xem vị A-la-hán này trọn không thấy gì, chẳng thấy chỗ đến cũng chẳng thấy chỗ đi. Chánh pháp Như Lai rất là kỳ đặc. Vì sao thế? Gốc của các pháp phát ra từ kim khẩu của Như Lai. Mà A- la-hán phát xuất từ gốc của kinh pháp.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, Phạm chí! Như lời Ông nói. Gốc của các pháp phát xuất từ miệng Như Lai. Ngay cho chư Thiên, người đời, Ma hoặc Ma thiên, trọn không thể biết chỗ đến của A-la-hán.

Bấy giờ, Phạm chí cúi lạy và bạch Thế Tôn:

- Con có thể biết hết chín mươi sáu loại thú hướng, thảy đều biết hết, nhưng chỗ thú hướng của pháp Như Lai, con không thể phân biệt. Cúi mong Thế Tôn cho con được vào đạo.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay! Phạm chí! Mau tu Phạm hạnh rồi cũng sẽ không ai biết chỗ thú hướng của ông.

Bấy giờ Phạm chí liền được xuất gia học đạo. Ông ở chỗ vắng vẻ, tư duy đạo thuật và đạt đến mục đích mà vị vọng tộc cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y nhắm đến, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh nữa, như thực mà biết. Lúc ấy Phạm chí thành A-la-hán.

Khi ấy Tôn giả Lộc Đầu bạch Thế Tôn:

- Nay con đã biết pháp tu hành của A-la-hán.

Thế Tôn bảo:

- Ông biết hạnh của A-la-hán thế nào?

Tôn giả Lộc Đầu bạch Phật:

- Nay có bốn loại giới. Thế nào là bốn? Địa giới, thủy giới, hỏa giới và phong giới. Đó là, bạch Thế Tôn! Có bốn loại giới này. Lúc ấy, người mạng chung thì đất liền tự thuộc đất, nước liền tự thuộc nước, lửa thì tự thuộc lửa, gió thì tự thuộc gió.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào Tỳ-kheo, nay có mấy giới?

Tôn giả Lộc Đầu bạch Phật:

- Kỳ thực, nghĩa của bốn giới có tám giới.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào là nghĩa bốn giới có tám giới?

Tôn giả Lộc Đầu bạch Phật:

- Nay có bốn giới. Thế nào là bốn giới? Đất, nước, lửa và gió. Đó là bốn giới. Thế nào là nghĩa có tám giới? Địa giới có hai loại: nội địa và ngoại địa. Thế nào gọi là loại nội địa? Tóc, lông, móng, răng, thân thể, da dẻ, gân cốt, tủy não, ruột, bao tử, gan, mật, tỳ thận. Đó gọi là nội địa. Thế nào là ngoại địa? Có các thứ cứng chắc. Đây gọi là loại ngoại địa. Đó là hai loại địa (đất).

Thế nào là thủy chủng? Thủy chủng có hai: nội thủy chủng và ngoại thủy chủng. Nội thủy chủng là đờm dãi, nước mắt, nước tiểu, máu, tủy. Đó gọi là nội thủy chủng. Các vật mềm ướt bên ngoài, đó gọi là ngoại thủy chủng. Đây gọi là hai loại thủy (nước).

Thế nào gọi là hỏa chủng? Hỏa chủng có hai: nội hỏa và ngoại hỏa. Thế nào gọi là nội hỏa? Các vật bị ăn, thảy đều tiêu hóa không có dư sót. Đây gọi là nội hỏa. Thế nào gọi là ngoại hỏa? Các vật chứa nhiệt, vật bên ngoài. Đây gọi là ngoại hỏa. Đó là hai loại hỏa (lửa).

Thế nào gọi là phong chủng? Phong chủng có hai: nội phong và ngoại phong. Nội phong nghĩa là gió trong môi, gió mắt, gió đầu, gió hơi thở ra, gió hơi thở vào, gió trong tất cả đốt xương. Đây gọi là nội phong. Thế nào gọi là ngoại phong? Nghĩa là vật nhẹ nhàng, lay động mau chóng. Đây gọi là ngoại phong. Đó là, bạch Thế Tôn có hai loại phong (gió), kỳ thực có bốn mà đếm có tám. Như thế, bạch Thế Tôn! Con xét nghĩa này: con người nếu lúc mạng chung, bốn loại mỗi thứ trở về với gốc của nó.

Thế Tôn bảo:

- Pháp vô thường cũng chẳng cùng hữu thường hợp. Vì sao như thế? Địa chủng, có hai, hoặc trong hoặc ngoài. Bấy giờ nội địa chủng là pháp vô thường, là pháp biến đổi. Loại ngoại địa là pháp hằng trụ không biến đổi. Đó là đất có hai loại chẳng cùng hữu thường, vô thường tương ưng. Ba đại kia cũng lại như thế, không cùng tương ứng với hữu thường, vô thường. Thế nên, Lộc Đầu! Tuy có tám loại, kỳ thực có bốn. Như thế, Lộc Đầu, nên học điều này.

Bấy giờ Tôn giả Lộc Đầu nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay có nghĩa của bốn sự quảng diễn lớn. Thế nào là bốn? Nghĩa là Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm (luận) và Giới. Đó là bốn.

Tỳ-kheo nên biết! Nếu có Tỳ-kheo từ phương Đông đến, tụng kinh, trì pháp, vâng hành cấm giới và nói: 'Tôi hay tụng kinh, trì pháp, vâng hành cấm giới, học rộng nghe nhiều'; thì dù cho Tỳ-kheo đó có nói gì, các Thầy chẳng nên thừa nhận, chớ hết lòng tin. Các Thầy giữ Tỳ-kheo ấy lại, cùng luận nghị, án pháp cùng luận. Thế nào là án pháp cùng luận? Nghĩa là luận về bốn quảng diễn này: Đó là Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, và Giới. Các Thầy hướng Tỳ- kheo ấy thuyết Khế kinh, bố hiện luật, phân biệt pháp.

Ngay lúc thuyết Khế kinh, lúc bố hiện luật, phân biệt pháp, nếu người ấy bổ hiện cùng với Khế kinh tương ưng, Luật, Pháp, tương ưng thì hãy thọ trì. Nếu chẳng cùng Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm tương ưng, hãy đáp người ấy rằng: 'Này Hiền giả nên biết! Đây chẳng phải lời Như Lai nói. Lời Hiền giả nói chẳng phải gốc của chánh kinh. Vì sao thế? Nay tôi thuyết Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm đều không tương ưng với lời Hiền giả'.

Vì không tương ứng, nên hỏi giới hạnh. Nếu không cùng giới hạnh tương ưng, hãy bảo người ấy: 'Đây không phải là tạng của Như Lai'. Và các Thầy nên đuổi người ấy đi. Đây gọi là căn bản nghĩa lớn của quảng diễn đầu tiên. Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo từ phương Nam đến nói: 'Tôi hay tụng kinh, trì pháp, vâng hành giới cấm, học rộng nghe nhiều'; thì dù cho Tỳ-kheo ấy có nói gì, các Thầy chẳng nên thừa nhận, chẳng nên tin hết. Hãy giữ Tỳ- kheo ấy để cùng luận nghị. Ngay cho Tỳ-kheo ấy có nói gì, nếu không cùng với nghĩa tương ưng, hãy đáp người ấy rằng: 'Đây là nghĩa thuyết, chẳng phải chánh kinh bổn'.

Bấy giờ nên giữ nghĩa ấy chớ nhận kinh bổn. Vì sao thế? Vì nghĩa là nguồn để hiểu (giải) kinh. Đó là căn bản nghĩa lớn của quảng diễn thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo từ phương Tây lại, tụng kinh, trì pháp, vâng hành cấm giới, học rộng nghe nhiều; thì các Thầy hãy hướng Tỳ-kheo

ấy thuyết Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm. Nhưng Tỳ-kheo ấy chính giải vị chẳng giải nghĩa, hãy bảo Tỳ-kheo ấy rằng: 'Chúng tôi không rõ lời này có phải của Như Lai nói hay không!'. Ngay lúc thuyết Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm, giải vị, không giải nghĩa; tuy nghe Tỳ-kheo ấy nói, các Thầy cũng chẳng nên khen lành, cũng chẳng nên nói ác. Lại đem giới hạnh mà hỏi. Nếu cùng tương ưng, hãy tương ưng, còn nghĩa chẳng thể rõ. Đó là nghĩa của quảng diễn thứ ba.

Lại nữa Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo từ phương Bắc đến, tụng kinh, trì pháp, vâng hành cấm giới (nói): 'Chư Hiền có nghi nan, liền nên hỏi nghĩa, tôi sẽ nói cho các Thầy'; thì Tỳ-kheo ấy có nói gì, các Thầy chẳng nên thừa nhận, chẳng nên phúng tụng. Nhưng hãy hướng Tỳ-kheo ấy hỏi Khế kinh, Luật, A- tỳ-đàm và Giới. Nếu cùng tương ứng, thì các Thầy nên hỏi nghĩa. Nếu lại cùng nghĩa tương ưng, thì nên khen ngợi Tỳ-kheo ấy: 'Lành thay! Lành thay! Hiền giả! Đây thật là lời Như Lai thuyết nghĩa, không lầm lẫn, đều tương ưng với Khế kinh, Luật, A-tỳ-đàm và Giới'.

Hãy dùng pháp cúng dường, phụng sự Tỳ-kheo ấy. Vì sao thế? Vì Như Lai cung kính pháp vậy. Nếu có người cung kính pháp, tức cung kính Ta; ai đã quán pháp này là đã quán Ta. Đã có pháp thì có Ta. Đã có pháp thì có Tỳ- kheo Tăng. Có pháp thì có bốn bộ chúng. Có pháp thì có bốn giai cấp ở đời. Vì sao thế? Do có pháp ở đời, trong Hiền kiếp có Đại Oai Vương ra đời, từ đây về sau liền có bốn giai cấp ở đời.

Nếu có pháp ở đời thì có bốn dòng họ ở đời: Sát-lợi, Bà-la-môn, thợ thuyền và dòng cư sĩ. Nếu pháp có ở đời thì có ngôi Chuyển luân Thánh vương chẳng dứt. Nếu pháp có ở đời thì có dòng Tứ thiên vương, Đâu-suất thiên, Diễm thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên liền có ở đời. Nếu pháp có ở đời thì có trời Dục giới, trời Sắc giới, trời Vô sắc giới ở tại thế gian. Nếu pháp có ở đời thì có quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A- la-hán, quả Bích chi Phật, Phật thừa liền hiện ở đời. Thế nên, Tỳ-kheo, hãy khéo cung kính đối với pháp.

Hãy nên tùy thời cúng dường các thứ cần dùng cho Tỳ-kheo ấy. Hãy bảo Tỳ- kheo ấy rằng: 'Lành thay! Lành thay! Như lời Ông nói. Những lời hôm nay thật là lời Như Lai nói'.

Tỳ-kheo! Đó là bốn nghĩa được quảng diễn lớn này. Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy để tâm hành bốn việc này chớ có sơ sót. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc, sáng sớm, tụ tập bốn binh chủng, cỡi xe vũ bảo đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn hỏi vua:

- Đại vương từ đâu đến mà bụi bặm lấm đầy người như thế? Tụ tập bốn binh chủng có việc gì?

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

- Nay, nước ta có giặc lớn nổi lên. Nửa đêm hôm qua, con dấy binh bắt được. Thân thể mệt mỏi, con muốn trở về cung, nhưng giữa đường, con lại nghĩ: 'Ta nên đến chỗ Như Lai trước rồi sau hãy vào cung'. Con do việc này mà ngủ nghỉ không yên. Nay vì có công lao dẹp giặc xong, vui mừng hớn hở không kềm được, nên đến lễ bái thăm hỏi Như Lai. Nếu hôm qua con không dấy binh thì không bắt được giặc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, Đại vương! Như lời vua nói. Vua nên biết rằng: Có bốn việc trước khổ mà sau vui. Thế nào là bốn? Sớm mai dậy sớm, trước khổ sau vui. Nếu dùng dầu bơ, trước khổ sau vui. Nếu lúc uống thuốc, trước khổ sau vui. Gia nghiệp, cưới gả tốt đẹp, trước khổ sau vui. Này Đại vương! Đó là có bốn việc này trước khổ mà sau vui.

Vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

- Thế Tôn nói thật đúng lẽ. Có bốn (gốc của) việc này trước khổ sau vui. Vì sao thế? Như hôm nay, con xem bốn việc này như xem châu trong tay, đều là nghĩa trước khổ mà sau vui.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho vua Ba-tư-nặc, khiến lòng vui hoan hỉ. Vua nghe pháp xong, bạch Thế Tôn:

- Việc nước bề bộn, con muốn trở về cung.

Thế Tôn bảo:

- Vua nên biết đúng lúc.

Vua Ba-tư-nặc bèn từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy chân Phật, đi nhiễu ba vòng rồi lui đi. Vua đi chưa lâu, Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

- Nay có bốn việc trước khổ sau vui. Thế nào là bốn? Tu tập Phạm hạnh, trước khổ sau vui. Tụng tập kinh văn, trước khổ sau vui. Tọa Thiền, niệm định, trước khổ sau vui. Đếm hơi thở ra vào, bốn việc này, trước khổ sau vui. Nếu có Tỳ-kheo hành pháp trước khổ sau vui này thì sẽ hẳn xứng đáng được quả báo vui của Sa-môn. Thế nào là bốn?

Tỳ-kheo siêng hành pháp này, không muốn pháp ác, nhớ giữ hỷ an, tâm dạo chơi ở Sơ thiền. Đó là được điều vui đầu tiên của Sa-môn.

Lại nữa, có giác, có quán, dừng bên trong có tâm hỷ, chuyên ròng một lòng, không giác không quán niệm giữ hỷ an, đạo ở Nhị thiền. Đó là được điều vui thứ hai của Sa-môn.

Lại nữa, vô niệm, dạo tâm ở xả (hộ), hằng tự giác tri, biết thân có lạc, chỗ các Hiền thánh hy vọng, bỏ niệm lạc, dạo tâm ở Tam thiền. Đó là được điều vui thứ ba của Sa-môn.

Lại nữa, khổ vui đã dứt, trước không có hoạn lo lắng, không khổ, không vui, xả niệm không thanh tịnh, đạo tâm ở Tứ thiền. Đó là có bốn điều vui này của Sa-môn.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo hành trước khổ, sau được quả báo bốn điều vui của Sa-môn này, dứt ba lưới kết, thành tựu Tu-đà-hoàn, không lui sụt pháp, ắt sẽ đến diệt độ.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu dứt ba kết này, dâm nộ si nhạt mỏng, thành tựu Tu- đà-hàm, trở lại đời này, ắt dứt hết mé khổ.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo đoạn năm hạ phần kết, thành tựu A-na- hàm, ở đó Bát-niết-bàn, không đến cõi này nữa.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ-kheo hữu lậu đã hết, thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp thân tác chứng mà tự du hí, 'Sanh tử đã đứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh'; như thật

mà biết. Đó là, Tỳ-kheo ấy tu pháp trước khổ này, sau được bốn quả vui của Sa-môn. Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy cầu phương tiện thành tựu pháp trước khổ mà sau vui này. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn loại người xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn? Có Sa-môn tợ như hoa hoàng lam, có Sa-môn tợ hoa phân-đà-lợi, có Sa-môn tợ như nhu nhuyến và có Sa-môn nhu nhuyến trong nhu nhuyến.

Thế nào gọi là Sa-môn tợ hoa hoàng lam? Hoặc có một người dứt ba kiết sử, thành Tu-đà-hoàn, chẳng thối chuyển pháp ắt đến Niết-bàn, chậm nhất là trải quả bảy phen sanh tử. Hoặc lại làm bậc hướng A-na-hàm ví như hoa hoàng lam sáng búp chiều nở. Tỳ-kheo này cũng thế, ba kiết sử dứt sạch thành Tu- đà-hoàn, chẳng thối chuyển pháp ắt đến Niết-bàn, chậm nhất là qua bảy lần sanh tử, nếu cầu phương tiện có ý dũng mãnh làm bậc hướng A-na-hàm liền thành đạo tích. Đó gọi là Sa-môn như hoa hoàng lam.

Thế nào gọi là Sa-môn hoa phân-đà-lợi? Hoặc có một người dứt ba kiết sử, dâm nộ si nhạt mỏng, thành Tư-đà-hàm, trở lại cõi đời này dứt hết mé khổ. Nếu người hơi chậm thì đời sau trở lại cõi này dứt hết mé khổ. Còn nếu dũng mãnh thì ngay trong đây dứt hết mé khổ. Ví như hoa phân-đà-lợi sáng sớm nở hoa, xế chiều khô héo. Đó là Sa-môn như hoa phân-đà-lợi.

Thế nào là Sa-môn nhu nhuyến? Hoặc có một người đoạn năm hạ phần kết (sử) thành A-na-hàm, liền ở nơi ấy Bát-niết-bàn, chẳng trở lại cõi này. Đó là Sa-môn nhu nhuyến.

Thế nào là Sa-môn nhu nhuyến trong nhu nhuyến? Hoặc có một người dứt sạch hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự thân tác chứng mà tự du hý, 'Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh nữa', như thật mà biết. Đó là Sa-môn nhu nhuyến trong nhu nhuyến.

Đó là, này Tỳ-kheo! Có bốn người này xuất hiện ở đời. Thế nên, các Tỳ- kheo! Nên cầu phương tiện này làm Sa-môn nhu nhuyến trong nhu nhuyến. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Tu-đà, Tu-ma-quân,
Tân-đầu, Lộc-ế-thủ,
Lộc Đầu, quảng diễn nghĩa,
Hậu lạc, nhu nhuyến kinh.
---o0o---

XXIX. Phẩm Khổ lạc

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn? Có người trước khổ sau vui, hoặc có người trước vui sau khổ, hoặc có người trước khổ sau cũng khổ, hoặc có người trước vui sau cũng vui.

Thế nào là người trước khổ sau vui?

Ở đây, có người sanh trong nhà ti tiện, hoặc dòng đồ tể, hoặc dòng thợ thuyền, hoặc sanh trong nhà tà đạo và các nhà bần khó khác, ăn mặc chẳng đủ. Người ấy sanh trong nhà kia nhưng không có tà kiến. Người ấy nhận thấy có bố thí, có người thọ, có đời này, đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn, có cha, có mẹ, có A-la-hán v.v... lãnh thọ giáo pháp, cũng có quả báo thiện ác.

Nếu người ấy có nhà rất giàu, đã biết là quả báo do bố thí, quả báo không buông lung ngày xưa. Nếu người ấy thấy người người nhà không cơm áo, biết những người này không bố thí, hằng gặp bần tiện. 'Nay tôi lại gặp bần tiện không có cơm áo, đều do ngày trước không tạo phước, hoặc người đời hành pháp buông lung. Do quả báo ác hạnh này, nay gặp bần tiện, ăn mặc chẳng đủ'.

Nếu người ấy lại thấy Sa-môn, Bà-la-môn, tu pháp lành, liền đến sám hối, sửa đổi việc làm cũ; nếu lại có dư dả, đem chia đều cho người. Người ấy thân hoại mạng cung sẽ sanh cõi lành. Nếu sanh trong loài Người thì người ấy lắm tiền nhiều của, không thiếu thốn. Đó là người trước khổ sau vui.

Hạng người nào trước vui sau khổ?

Ở đây, có một người sanh trong nhà hào tộc, hoặc dòng Sát-lợi, hoặc dòng Trưởng giả, hoặc con nhà dòng dõi, và các nhà phú quý, áo cơm đầy đủ. Nhưng người ấy hằng ôm tà kiến, tương ưng với biểu kiến. Người ấy có cái thấy thế này: không có bố thí, không có người thọ, cũng không quả báo đời này, đời sau, cũng không cha mẹ, không có A-la-hán, cũng không có người đắc chứng, cũng không có người có quả báo thiện ác. Người ấy có tà kiến này. Nếu người ấy lại có người phú quý liền nghĩ: 'Người này có tiền của từ lâu, đàn ông đã từ lâu làm đàn ông, đàn bà đã từ lâu làm đàn bà, súc sanh từ lâu làm súc sanh'. Người ấy không ưa bố thí, không giữ giới luật.

Nếu người ấy thấy Sa-môn, Bà-la-môn phụng trì giới liền nổi giận: 'Người này hư dối, sẽ có phước báo cảm ứng ở đâu?' Người ấy thân hoại mạng chung sẽ sanh trong địa ngục. Nếu được làm người sẽ sanh nhà bần cùng, không đủ áo cơm, thân thể lõa lồ, an mặc không đủ. Đó là người trước vui sau khổ.

Hạng người nào trước khổ, sau khổ?

Ở đây, có người sanh nhà bần tiện, hoặc dòng đồ tể, hoặc dòng thợ thuyền, và các nhà hạ liệt, không đủ cơm áo. Người ấy sanh trong nhà kia. Sau người ấy ôm tà kiến, tương ưng với biểu kiến. Người ấy có kiến chấp này: không có bố thí, không có người thọ,

cũng không có quả báo thiện ác đời này, đời sau; cũng không có cha mẹ, không có A-la-hán'. Người ấy không ưa bố thí, không giữ giới luật.

Nếu người ấy lại thấy Sa-môn, Bà-la-môn thì liền nổi giận đối với bậc Hiền Thánh. Người ấy thấy người nghèo cho là đã thế từ lâu, thấy người giàu cho là đã thế từ lâu, thấy cha xưa đã là cha; thấy mẹ xưa đã là mẹ. Khi thân hoại mạng chung, người ấy đọa sanh trong địa ngục. Nếu sanh người ấy làm người thì hết sức bần tiện, áo cơm chẳng đủ. Đó là người trước khổ, sau khổ.

Thế nào là người trước vui, sau vui?

Ở đây, có người sanh nhà phú quý, hoặc dòng Sát-lợi, hoặc dòng Phạm chí, hoặc dòng Quốc vương, hoặc sanh dòng trưởng giả và sanh trong các nhà nhiều tiền lắm của. Chỗ sanh không bị thiếu thốn. Sau, người ấy lại có chánh kiến, không có tà kiến. Người ấy có chánh kiến như thế này: 'Có bố thí, có người thọ, có đời này, đời sau, có Sa-môn, Bà-la-môn, cũng có quả báo thiện ác, có cha, có mẹ, có A-la-hán'.

Người ấy nếu lại thấy người thuộc nhà phú quý, lắm tiền, nhiều của, liền nghĩ: 'Người này do ngày xưa bố thí mà được'. Nếu lại thấy nhà bần tiện: 'Người này do ngày xưa chẳng bố thí'. Vậy nay ta có thể tùy thời bố thí, chẳng để sau sanh trong nhà bần tiện. Vì thế người ấy thường ưa bố thí cho người.

Người ấy nếu thấy Sa-môn, Bà-la-môn, đạo sĩ liền tùy thời thăm hỏi sức khỏe, cung cấp y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bịnh, đều bố thí cho. Khi mạng chung người ấy sẽ sanh lên Trời, chỗ lành. Nếu sanh trong loài Người thì người ấy sẽ vào nhà phú quý, lắm tiền nhiều của. Đó là người trước vui, sau vui.

Bấy giờ có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Con thấy đời này có chúng sanh trước khổ, sau vui, hoặc có chúng sanh trước vui sau khổ, hoặc có chúng sanh trước khổ sau khổ, hoặc có chúng sanh trước vui sau vui.

Thế Tôn bảo Tỳ-kheo ấy:

- Có nhân duyên này khiến chúng sanh trước khổ sau vui, cũng lại có chúng sanh trước vui sau khổ, cũng lại có chúng sanh trước khổ sau khổ, cũng lại có chúng sanh trước vui sau vui.

Tỳ-kheo bạch Phật:

- Lại do nhân duyên nào trước khổ sau vui? Lại do nhân duyên nào trước vui sau khổ? Lại do nhân duyên nào trước khổ sau khổ? Lại do nhân duyên nào trước vui sau vui?

Thế Tôn dạy:

- Tỳ-kheo nên biết! Giả như có người thọ trăm tuổi, vừa đúng một trăm và khiến thọ trọn đông, hạ, xuân, thu. Này Tỳ-kheo, nếu trong một trăm năm

người ấy tạo các công đức, trong trăm năm tạo các ác nghiệp các tà kiến thì vào lúc khác, người ấy hoặc mùa đông thọ vui, mùa hạ thọ khổ.

Nếu trong trăm năm công đức đầy đủ không từng có tà kém thiếu và trong khoảng trăm năm tạo các tà kiến, làm hạnh bất thiện thì người ấy trước thọ tội, sau thọ phước.

Nếu lại lúc nhỏ tạo phước, lúc lớn tạo tội thì đời sau, người ấy lúc nhỏ hưởng phước, lúc lớn chịu tội.

Nếu lại lúc nhỏ tạo tội, lúc lớn cũng tạo tội thì người ấy đời trước khổ mà sau cũng khổ.

Nếu lại lúc nhỏ tạo các công đức, phân đàn bố thí, lúc lớn cũng tạo các công đức, phân đàn bố thí thì người ấy đời trước vui sau cũng vui.

Này Tỳ-kheo! Đó là nhân duyên này trước khổ mà sau vui, cũng do nhân duyên này trước vui mà sau khổ, cũng do nhân duyên này mà trước khổ sau cũng khổ, cũng do nhân duyên này trước vui sau cũng vui.

Tỳ-kheo ấy bạch Phật:

- Kính ngưỡng Thế Tôn! Nếu có chúng sanh muốn trước vui sau vui thì nên hành bố thí, cầu được trước vui sau cũng vui vậy.

Thế Tôn dạy:

- Đúng vậy, Tỳ-kheo! Như lời Thầy nói. Nếu có chúng sanh muốn thành tựu Niết-bàn và chứng A-la-hán cho đến Phật quả thì nên ở trong đây hành bố thí, tạo các công đức. Như thế, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn hạng người xuất hiện ở đời. Thế nào là bốn? Có người thân vui, tâm chẳng vui hoặc có người tâm vui, thân chẳng vui; hoặc có người tâm không vui, thân cũng không vui; hoặc có người thân vui tâm cũng vui.

Hạng người nào thân vui, tâm chẳng vui? Ở đây, phàm phu tạo phước, đối với bốn việc cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men khi bịnh tật, không có thiếu thốn nhưng họ lại chẳng thoát khỏi đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng lại chẳng khỏi trong đường ác. Đó là hạng người thân vui, tâm chẳng vui.

Hạng người nào tâm vui, thân chẳng vui? Đó là A-la-hán không tạo công đức. Ở đây, trong bốn việc cúng dường, vị ấy không thể tự lo xong, trọn không có được. Nhưng vị ấy thoát khỏi các đường ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Ví như La-hán Duy Dụ. Đó là hạng người tâm vui, thân chẳng vui.

Hạng người nào thân chẳng vui, tâm cũng chẳng vui? Nghĩa là người phàm phu, không tạo công đức, không thể được bốn việc cúng dường y phục, thức uống ăn, giường nằm

thuốc men chữa bịnh, hằng chẳng được thoát khỏi ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục. Đó là hạng người thân chẳng vui, tâm cũng chẳng vui.

Hạng người nào thân vui, tâm cũng vui? Nghĩa là A-la-hán tạo công đức, bốn việc cúng dường khi bị thiếu thốn: y phục, thức uống ăn, giường nằm, thuốc men trị bệnh. Vị ấy thoát khỏi đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ví như Tỳ-kheo Thi-ba-la vậy. Đó là hạng người thân vui, tâm cũng vui.

Này Tỳ-kheo! Thế gian có bốn người này. Thế nên Tỳ-kheo! Hãy tìm phương tiện, nên như Tỳ-kheo Thi-ba-la. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói về bốn phước báo cõi Phạm thiên. Thế nào là bốn? Nếu có thiện nam, tín nữ hay dựng tháp chỗ chưa dựng tháp thì đó là phước báo đầu tiên cõi Phạm thiên. Lại nữa, thiện nam, tín nữ sửa chữa chùa cũ, đó là phước báo thứ hai cõi Phạm thiên. Lại nữa, thiện nam, tín nữ tạo sự hòa hợp Thánh chúng, đó là phước báo thứ ba cõi Phạm thiên. Lại nữa, nếu lúc Phật mới chuyển Pháp luân, chư Thiên và người đời khuyến thỉnh Ngài chuyển Pháp luân, đó là phước báo thứ tư cõi Trời Phạm thiên. Đó là bốn phước hưởng cõi Trời Phạm thiên.

Bấy giờ các Tỳ-kheo khác bạch Thế Tôn:

- Phước của Phạm thiên rốt ráo nhiều hay ít?

Thế Tôn dạy:

- Lắng nghe, lắng nghe! Hãy khéo suy nghĩ! Nay Ta sẽ nói.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn dạy:

- Đất Diêm-phù-đề Đông, Tây bảy ngàn do tuần, Nam, Bắc hai vạn một ngàn do tuần, đất hình dáng như chiếc xe. Chúng sanh ở đó có công đức bằng công đức của một Chuyển luân vương.

Đất Cù-da-ni dọc ngang ba mươi hai vạn dặm, đất hình bán nguyệt. Tỳ-kheo nên biết, công đức nhân dân toàn cõi Diêm-phù-đề và một Chuyển Luân vương sánh bằng công đức một người cõi đó.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Đất Phất-vu-đệ, ngang dọc ba mươi sáu vạn dặm, đất hình vuông vắn, so phước của hai phương Diêm-phù-đề và Cù-da-ni thì chẳng bằng phước một

người Phất-vu-đệ.

Tỳ-kheo nên biết! Đất Uất-đan-việt ngang dọc bốn mươi vạn dặm, hình như mặt trăng tròn. Phước của nhân dân ba phương kia sánh chẳng bằng phước của một người uất-đan-việt.

Tỳ-kheo nên biết! So phước nhân dân bốn thiên hạ chẳng bằng đức của Tứ thiên vương.

So phước của nhân dân bốn thiên hạ và Tứ thiên vương thì không bằng phước một vị ở trời Ba mươi ba.

So bốn thiên hạ, Tứ thiên vương và Trời Ba mươi ba thì chẳng bằng phước một Thích-đề-hoàn-nhân.

So bốn thiên hạ, Tứ thiên vương, cùng Trời Ba mươi ba và Thích-đề-hoàn- nhân chẳng bằng phước một Diễm thiên.

So bốn thiên hạ, Tứ thiên vương, Trời Ba mươi ba, Thích-đề-hoàn-nhân và Diễm thiên thì chẳng bằng phước một vị ở Trời Đâu-suất.

So với phước bốn thiên hạ đến Trời Đâu-suất. thì không bằng phước của một Hóa tự tại thiên.

So phước từ bốn thiên hạ đến Trời Hóa tự tại thì không bằng phước một vị ở Trời Tha hóa tự tại.

So phước từ bốn thiên hạ đến Trời Tha hóa tự tại thì không bằng phước một Phạm thiên vương.

Tỳ-kheo nên biết! Đây là phước Phạm thiên. Nếu có thiện nam, tín nữ muốn cầu phước đó thì đây là chừng mực. Thế nên, Tỳ-kheo, muốn cầu phước Phạm thiên, hãy tìm phương tiện thành tựu công đức này. Như thế, Tỳ-kheo hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Chúng sanh có bốn loại thức ăn để nuôi lớn. những gì là bốn? Đoàn thực hoặc lớn hoặc nhỏ, cánh lạc thực (xúc thực), niệm thực, thức thực.

Thế nào gọi là đoàn thực? Đoàn thực là thức ăn của người bây giờ, những vật có thể đưa vào miệng ăn nuốt. Đó gọi là đoàn thực.

Thế nào gọi là cánh lạc thực (xúc thực)? Cánh lạc thực là áo quần, dù lọng, hương hoa, lò sưởi và dầu thơm cùng đàn bà sum vầy, khiến người ta vui thêm. Đó gọi là cánh lạc thực.

Thế nào gọi là niệm thực? Đó là những tư tưởng, ý nghĩ hoặc do miệng nói, hoặc do thân xúc chạm và các pháp được gìn giữ. Đó gọi là niệm thực.

Thế nào gọi là thức thực? Là chỗ niệm hiểu, chỗ ý biết. Từ Phạm thiên cho đến Trời Hữu tưởng, Vô tưởng đều lấy thức làm món ăn. Đó gọi là thức thực.

Này Tỳ-kheo! Đó là có bốn loại thức ăn. Chúng sanh do bốn loại thức ăn này mà lưu chuyển sanh tử từ đời này đến đời sau. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy cùng lìa bốn thức ăn này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn loại biện tài. Thế nào là bốn? Nghĩa là nghĩa biện, pháp biện, từ biện và ứng biện.

Thế nào gọi là nghĩa biện? Nghĩa biện là lời nói của người này, người kia như Trời, rồng, quỷ thần nói đều có thể phân biệt được nghĩa. Đó gọi là nghĩa biện.

Thế nào gọi là pháp biện? Như Lai thuyết Mười hai bộ kinh. Nghĩa là Khế Kinh, Kỳ dạ, Bổn mạt, Kệ, Nhân Duyên, Thọ ký, Tự thuyết, Tạo tụng, Sanh kinh, Phương đẳng, Hợp tập, Vị tằng hữu; và các pháp hữu vi, pháp vô vi, pháp hữu lậu, pháp vô lậu, các pháp thật không thể phá hoại, có thể tổng trì. Đó gọi là pháp biện.

Thế nào gọi là từ biện? Như chúng sanh ở trước có lời hay, dở; lời đàn ông, lời đàn bà; lời Phật, lời Phạm chí, Trời, rồng, quỷ thần, lời của A-tu-la, Ca-

lâu-la, Khẩn-na-la nói, tùy theo căn nguyên của họ mà thuyết pháp cho. Đó gọi là từ biện.

Thế nào gọi là ứng biện? Lúc đang thuyết pháp không có khiếp nhược, không sợ hãi, hay làm vui hòa bốn bộ chúng. Đó gọi là ứng biện.

Nay Ta sẽ dạy dỗ các Thầy! Nên như Ma-ha-Câu-hy-la. Vì sao thế? Câu-hy- la có bốn biện tài này, hay cùng bốn bộ chúng rộng phân biệt nói. Như ngày nay, Ta xem trong các chúng không có ai được bốn biện tài hơn Câu-hy-la. Như Lai có bốn biện tài này. Thế nên, hãy cầu phương tiện thành tựu bốn biện tài. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn việc trọn không thể tư duy. Thế nào là bốn? Chúng sanh bất khả tư nghì, thế giới bất khả tư nghì, nước rồng bát khả tư nghì, cõi Phật bất khả tư nghì. Vì sao thế? Vì không do (biết) chỗ này mà được đến Diệt tận Niết-bàn.

Thế nào là chúng sanh bất khả tư nghì? Chúng sanh này từ đâu đến? Từ đâu đi? Lại bắt đầu từ chỗ nào? Từ chỗ này chết sẽ sanh chỗ nào?' Đấy là chúng sanh bất khả tư nghì (chẳng thể suy nghĩ).

Thế nào là thế giới bất khả tư nghì? Có những người tà kiến cho rằng thế giới đoạn diệt, thế giới chẳng đoạn diệt; thế giới hữu biên, thế giới vô biên, là mạng, là thân, chẳng phải mạng, chẳng phải thân; do Phạm thiên tạo ra; các đại quỷ thần làm ra thế giới v.v...

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Phạm thiên tạo nhân dân,
Thế gian quỷ làm ra
Hoặc rồng, các quỷ làm.
Lời này ai sẽ đúng?
Dục sân trói buộc mình
Cả ba đều cùng hạng.
Tâm chẳng được tự tại.
Thế tục có tai biến.
Này các Tỳ-kheo! Đấy là thế gian bất khả tư nghì.

Thế nào là cõi rồng bất khả tư nghì? Thế nào? Trận mưa này là từ miệng rồng phun ra chăng? Vì sao thế? Giọt mưa không từ miệng rồng ra. Là từ mắt, tai, mũi ra chăng? Đây cũng không thể nghĩ suy. Vì sao thế? Giọt mưa không từ mắt, tai, mũi ra mà là do ý nghĩ của rồng. Nếu rồng nghĩ ác cũng mưa, nghĩ thiện cũng mưa thì cũng do hạnh của mình mà làm mưa này. Vì sao thế? Nay trong núi Tu-di có Trời tên là Đại Lực biết tâm niệm chúng sanh, cũng hay làm mưa. Nhưng mưa không từ miệng Trời kia ra, hay mắt, tai, mũi phun ra mà là đều do thần lực của Trời kia nên làm mưa được. Như thế, Tỳ-kheo! Cảnh giới rồng bất khả tư nghì.

Thế nào là cõi Phật bất khả tư nghì? Thân Như Lai là do cha mẹ tạo ra chăng? Đây cũng chẳng thể nghĩ vậy. Vì sao thế? Thân Như Lai thanh tịnh không dơ ế, nhận khí của chư Thiên là do người tạo ra chăng? Đây cũng không thể nghĩ bàn. Vì sao thế? Vì vượt quá hành động của người.

Thân Như Lai là thân lớn? Đây cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao thế? Thân Như Lai là chẳng thể tạo ác, chẳng phải chỗ chư Thiên đến được.

Như Lai hưởng thọ ngắn chăng? Đây cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao thế? Như Lai có Tứ thần túc.

Như Lai trường thọ chăng? Đây cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì sao thế? Vì Như Lai đã chu toàn cho thế gian; cùng tương ưng với quyền phương tiện lành.

Thân Như Lai chẳng thể đo lường, không thể nói cao, nói thấp, âm thanh cũng chẳng thể có phép tắc. Phạm âm của Như Lai, trí tuệ biện tài của Như Lai chẳng thể nghĩ bàn, người thế gian không sánh kịp. Như thế, cảnh giới Phật bất khả tư nghì.

Như thế, Tỳ-kheo! Có bốn việc này không thể nghĩ bàn, không phải chỗ nghĩ bàn của người thường, mà bốn việc này chẳng phải cội rễ lành, cũng không do đây mà tu được Phạm hạnh, không đến được chỗ thôi dứt, cũng

chẳng tới được Niết-bàn, chỉ khiến người cuồng loạn tâm ý, lầm lẫn khởi các nghi kết. Vì sao thế?

Tỳ-kheo nên biết! Quá khứ lâu xa, trong thành Xá-vệ này có một người nghĩ; 'Này ta nên suy nghĩ về thế giới'. Bấy giờ người ấy ra khỏi thành Xá- vệ, đến bên một ao hoa, ngồi kiết-già tư duy về thế giới: 'Thế giới này thành như thế nào, hoại như thế nào? Ai tạo thế giới này? Chúng sanh này từ đâu tới từ đâu ra sanh lúc nào?' Lúc người ấy đang suy nghĩ thì thấy trong ao hoa có bốn binh chủng ra vào. Người ấy liền nghĩ: 'Nay ta tâm ý cuồng loạn, lầm lẫn. Thế gian không có, nay ta lại thấy'. Người ấy trở vào thành Xá-vệ, trong làng xóm nói rằng:

- Chư Hiền nên biết! Thế gian không có mà nay tôi lại thấy.

Bấy giờ, nhiều người bảo người ấy:

- Thế nào là thế gian không có mà nay Ông thấy?

Người ấy đáp mọi người:

- Vừa rồi, tôi suy nghĩ xem thế giới từ đây sanh, mới đi ra khỏi thành Xá-vệ đến bên ao hoa nghĩ ngợi: 'Thế giới từ đâu lại? Ai tạo thế giới này? Chúng sanh này từ đâu đến, do ai sanh? Nếu người mạng chung sẽ đi về đâu?'. Tôi đang suy nghĩ thì thấy trong ao hoa có bốn binh chủng ra vào. Thế giới không có mà nay tôi thấy.

Mọi người bảo người ấy:

- Như Ông thật là cuồng loạn ngu si. Trong ao hoa làm gì có bốn binh chủng được? Trong số những người ngu ngốc trong thế giới, Ông ngu nhất.

Thế nên, Tỳ-kheo! Ta quán nghĩa này xong, nên nói với các Thầy. Vì cớ sao? Đây chẳng phải là gốc lành công đức, chẳng tu được Phạm hạnh, cũng chẳng đến được Niết-bàn. Nhưng suy nghĩ như thế ắt khiến người tâm ý cuồng loạn. Tỳ-kheo nên biết! Người ấy thực thấy bốn binh chủng. Vì sao thế? Ngày xưa, chư Thiên cùng A-tu-la đánh nhau, chư Thiên thắng, A-tu-la thua. Bấy giờ A-tu-la sợ hãi, hóa hình hết sức nhỏ, chui qua lỗ ngó sen, mắt Phật mới thấy được, chẳng phải người khác thấy đến.

Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy suy nghĩ về Tứ đế? Vì sao thế? Tứ đế này có nghĩa, có lý, tu được Phạm hạnh, hành pháp Sa-môn, đến được Niết-bàn.

Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy xa lìa pháp của thế giới này. Hãy tìm phương tiện suy nghĩ Tứ đế. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn thần túc. Những gì là bốn? Tự tại tam-muội hành tận thần túc, Tâm tam-muội hành tận thần túc, Tinh tấn tam-muội hành tận thần túc, Giới tam- muội hành tận thần túc.

Thế nào là Tự tại tam-muội hành tận thần túc? Nghĩa là có các tam-muội tự tại, ý muốn tâm vui, khiến thân thể nhẹ nhàng lanh lợi, hay ẩn hình thật nhỏ. Đó gọi là Tự tại tam-muội hành tận thần túc.

Thế nào là Tâm tam-muội hành tận thần túc? Nghĩa là tâm biết các pháp, biết khắp mười phương xuyên qua các vách đá đều không chướng ngại. Đó gọi là Tâm tam-muội hành tận thức.

Thế nào gọi là Tinh tấn tam-muội hành tận thức? Nghĩa là tam-muội này không lười mỏi, cũng không sợ hãi, có ý dũng mãnh. Đó gọi là Tinh tấn tam- muội hành tận thức.

Thế nào gọi là Giới tam-muội hành tận thần túc? Có các tam-muội biết tâm niệm chúng sanh, lúc sanh, lúc diệt thảy đều biết hết. Tâm có dục, tâm không dục, có tâm sân giận, không tâm sân giận; tâm có ngu si, tâm không ngu si; tâm có tật đố, tâm không tật đố; tâm có loạn, tâm không loạn; tâm có nhỏ mọn, tâm không nhỏ mọn; tâm có rộng lớn, tâm không rộng lớn; tâm có lượng, tâm vô lượng, tâm định, tâm không định; tâm giải thoát, tâm không giải thoát thảy đều rõ biết. Đó gọi là Giới tam-muội hành tận thần túc.

Như thế, Tỳ-kheo! Có bốn thần túc này. Muốn biết tâm niệm của tất cả chúng sanh, hãy tu hành hữu thần túc này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn pháp khiến ái khởi lên. Những gì là bốn? Tỳ-kheo do y phục mà khởi ái. Do khất thực mà khởi ái. Do sàng tọa mà khởi ái. Do thuốc men mà khởi ái.

Đó là, Tỳ-kheo! Có bốn pháp khiến ái khởi lên, có chỗ dính mắc.

Nếu có Tỳ-kheo dính mắc về y phục, Ta chẳng nói tới người này. Vì sao thế? Người ấy lúc chưa được y, liền khởi sân giận, suy nghĩ, dính mắc.

Nếu có Tỳ-kheo dính mắc về thức ăn, Ta chẳng nói tới người này. Vì sao thế? Người ấy lúc chưa khất thực được , liền nổi giận, suy nghĩ, dính mắc.

Nếu có Tỳ-kheo dính mắc về giường tòa, Ta chẳng nói tới người này. Vì sao thế? Người ấy lúc chưa được giường tòa, liền nổi giận, suy nghĩ, dính mắc.

Nếu có Tỳ-kheo dính mắc về thuốc men, Ta chẳng nói tới người này. Vì sao thế? Người này lúc chưa được thuốc men, liền nổi giận, suy nghĩ, dính mắc.

Tỳ-kheo nên biết! Nay Ta sẽ nói hai việc (về y phục), nên thân cận; và không nên thân cận.

Thế nào là nên thân cận? Thế nào là không nên thân cận?

Nếu được y phục, hết sức ưa thích y, khởi pháp bất thiện thì đây chẳng nên thân cận. Nếu lại được y phục, khởi pháp lành, tâm không ái trước, thì đây nên thân cận.

Nếu lúc khất thực, khởi pháp bất thiện thì đây chẳng nên thân cận. Nếu lúc khất thực khởi pháp lành thì đây nên thân cận.

Nếu lúc được giường tòa, khởi pháp bất thiện thì đây chẳng nên thân cận. Nếu lúc được giường tòa khởi pháp lành thì cũng nên thân cận.

Thuốc men cũng thế. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy gần gũi pháp lành, trừ bỏ pháp ác! Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này: muốn khiến đàm việt, thí chủ được công đức, thọ phước vô cùng, được vị cam lồ.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Y phục dùng bố thí,
Uống ăn, giường, ngọa cụ,
Trong ấy chớ khởi yêu,
Chẳng sanh các thế giới.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay có bốn dòng sông lớn từ suối A-nậu-đạt chảy ra. Những gì là bốn? Đó là Hằng-già, Tân-đầu, Bà-xoa, Tư-đà. Nước sông Hằng-già từ miệng trâu chảy ra về hướng Đông. Nước Tân-đầu từ miệng sư tử chảy về hướng Nam. Nước Tư-đà từ miệng voi chảy về hướng Tây. Nước Bà-xoa từ miệng ngựa chảy về hướng Bắc. Bốn dòng sông lớn nhiễu quanh hồ A-nậu-đạt, Hằng-già vào biển đông, Tân-đầu và biển Nam, Bà-xoa vào biển Tây, Tư-đà vào biển Bắc. Bốn sông lớn vào biển rồi, không còn tên cũ, chỉ gọi là biển.

Đây cũng như thế, có bốn dòng họ. Những gì là bốn? Dòng Sát-lợi, Bà-la- môn, Trưởng giả, Cư sĩ. Ở chỗ Như Lai cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, không còn dòng họ cũ, chỉ gọi là Sa-môn Thích tử. Vì cớ sao? Chúng của Như Lai ví như biển lớn. Bốn dòng họ như bốn sông lớn, trừ bỏ kiết sử vào thành Niết-bàn Vô úy. Thế nên, các Tỳ-kheo! Có các vị thuộc bốn dòng cạo bỏ râu tóc, do niềm tin kiên cố, xuất gia học đạo, họ sẽ bỏ tên cũ, tự xưng Thích tử. Vì sao thế? Nay Ta chính là Thích tử, từ trong dòng họ Thích xuất gia học đạo.

Tỳ-kheo nên biết! Muốn luận nghĩa sanh con, nên gọi là Sa-môn con dòng học Thích. Vì sao thế? Sanh đều do Ta sanh, từ pháp khởi lên, từ pháp mà

thành tựu. Thế nên Tỳ-kheo! Nên cầu phương tiện được làm con dòng họ Thích. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn đẳng tâm. Thế nào là bốn? Từ, Bi, Hỉ, Xả (Hộ).

Do những gì mà gọi là Phạm đường?

Tỳ-kheo nên biết! Có Đại Phạm thiên tên Thiên vô Dữ đẳng (Trời không ai bằng), không có ai cao hơn, thống lãnh cõi Thiên Quốc. Cung điện của vị ấy gọi là Phạm đường.

Tỳ-kheo! Có bốn Phạm đường này, thể lực có thể xem xét hết cõi Thiên quốc này. Thế nên gọi là Phạm đường. Thế nên, các Tỳ-kheo! Nếu có Tỳ- kheo muốn qua khỏi trời Dục giới, ở đất vô dục, Bốn bộ chúng ấy nên tìm phương tiện thành tựu bốn Phạm đường này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXX. Phẩm Tu Đà

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Ma-kiệt, trong núi Ba-sa, cùng năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ Thế Tôn sáng sớm từ tĩnh thất thức dậy, ra ngoài kinh hành. Khi ấy Sa-di Tu-đà đi kinh hành sau lưng đức Thế Tôn. Thế Tôn quay lại bảo Sa-di rằng:

- Nay ta muốn hỏi Ông về nghĩa. Hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ:

Sa-di Tu-đà đáp:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Có sắc thường và sắc vô thường, đó là một nghĩa hay nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà bạch Phật:

- Sắc thường và sắc vô thường, nghĩa này nhiều, chẳng phải một nghĩa. Vì sao thế? Sắc thường là bên trong; sắc vô thường là bên ngoài. Vì thế cho nên có nhiều nghĩa, chẳng phải một.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Tu-đà! Như lời Ông nói. Khéo nói nghĩa này: Sắc thường và sắc vô thường có nhiều nghĩa chẳng phải một. Thế nào Tu-đà? Nghĩa hữu lậu, nghĩa vô lậu là một hay nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà đáp:

- Nghĩa hữu lậu, nghĩa vô lậu là nhiều, chẳng phải là một nghĩa. Vì sao thế? Nghĩa hữu lậu là kiết sử sanh tử. Nghĩa vô lậu là pháp Niết-bàn. Vì thế cho nên có nhiều nghĩa, chẳng phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, Tu-đà! Như lời Ông nói. Hữu lậu thì sanh tử, vô lậu thì Niết-bàn.

Thế Tôn lại bảo:

- Phạp tụ, pháp tán là một nghĩa hay nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà bạch Phật:

- Pháp tụ của sắc và pháp tán của sắc, nghĩa này nhiều, chẳng phải một nghĩa. Vì sao thế? Pháp tụ của sắc là thân tứ đại. Pháp tán của sắc là khổ tận đế. Vì thế cho nên có nhiều nghĩa, chẳng phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, Tu-đà! Như lời ông nói: pháp tụ của sắc, pháp tán của sắc có nhiều nghĩa, chẳng phải một nghĩa. Thế nào Tu-đà? Nghĩa thọ và nghĩa ấm là một hay nhiều nghĩa?

Sa-di Tu-đà bạch Phật:

- Thọ và ấm có nhiều nghĩa chẳng phải một nghĩa. Vì sao thế? Thọ thì không hình dáng, chẳng thể thấy. Ấm thì có sắc, có thể thấy. Vì thế cho nên có nhiều nghĩa, chẳng phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, Tu-đà! Như lời Ông nói: Nghĩa thọ và nghĩa ấm, việc này có nhiều, chẳng phải một nghĩa.

Thế Tôn bảo:

- Chữ có, chữ không có nhiều hay là một nghĩa?

Sa-di bạch Phật:

- Chữ có, chữ không có nhiều nghĩa chẳng phải một nghĩa. Vi sao thế? Chữ có là sanh kết. Chữ không là Niết-bàn. Vì thế cho nên có nhiều nghĩa, chẳng phải một.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, Tu-đà! Như lời ông nói: chữ có là pháp sanh tử, chữ không là pháp Niết-bàn.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào Tu-đà? Vì sao mà gọi chữ có là sanh tử, chữ không là Niết-bàn?

Sa-di bạch Phật:

- Chữ có là có sanh, có tử, có chung, có thủy. Chữ không là không sanh, không tử, không chung, không thủy.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay, Tu-đà! Như lời Ông nói: chữ có là pháp sanh tử, chữ không là pháp Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn nói với Sa-di:

- Khéo nói lời này. Nay ta cho Ông làm Đại Tỳ-kheo.

Thế Tôn trở về giảng đường Phổ tập, bảo các Tỳ-kheo:

- Nước Ma-kiệt chóng được lợi lành, khiến Sa-di Tu-đà đi đến cảnh giới này. Nếu có người đem y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bịnh mà cúng dường thì cũng được lợi lành, cha mẹ Ông ta cũng được lợi lành vì đã sanh được Tỳ-kheo Tu-đà này. Nếu Tỳ-kheo Tu-đà sanh trong nhà nào, nhà ấy liền được may mắn lớn. Nay Ta báo cho các Tỳ-kheo. Hãy học như Tỳ-kheo Tu-đà. Vì sao thế? Tỳ-kheo Tu-đà hết sức thông minh, thuyết pháp không trệ ngại, cũng không khiếp nhược. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy học như Tỳ-kheo Tu-đà. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, tại vườn trúc Ca-lan-đà cùng năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp có vô số chúng vây quanh thì có một trưởng lão Tỳ-kheo duỗi hân về phía Thế Tôn mà ngủ. Khi ấy, Sa-di Tu-ma-na vừa lên tám tuổi, cách Thế Tôn chẳng xa, ngồi kiết-già buộc niệm ở trước.

Thế Tôn xa trông thấy trưởng lão Tỳ-kheo duỗi chân ngủ, lại thấy Sa-di ngồi ngay ngắn tư duy. Thế Tôn thấy rồi liền nói kệ:

Được gọi là trưởng lão
Chưa chắc cạo tóc râu
Tuy tuổi tác lại lớn
Chẳng thoát khỏi hạnh ngu
Nếu có thấy pháp thật
Vô hại đối quần manh
Bỏ các hạnh uế ác
Đây gọi là trưởng lão.
Chưa hẳn xuất gia trước
Tu gốc nghiệp lành này
Phân biệt ở chánh hạnh.
Nếu có người tuổi nhỏ
Các căn không thiếu sót
Đây gọi là trưởng lão
Phân biệt chánh pháp hành.
Bấy giờ Thế Tôn hỏi các Tỳ-kheo:

- Các Thầy có thấy trưởng lão này duỗi chân mà ngủ chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn! Chúng con đều thấy.

Thế Tôn dạy:

- Trưởng lão Tỳ-kheo này trong năm trăm đời hằng làm thân rồng. Nay nếu mạng chung sẽ sanh trong loài rồng. Vì sao thế? Vì không có tâm cung kính đối với Phật, Pháp, Tăng. Nếu có chúng sanh không có tâm cung kính đối với Phật, Pháp, Tăng, lúc thân hoại mạng chung đều sẽ sanh trong loài Rồng. Các Thầy có thấy Sa-di Tu-ma-na mới tám tuổi, cách Ta chẳng xa, ngồi ngay ngắn tư duy chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Sa-di này sau bảy ngày sẽ được Bốn thần túc, và được pháp Tứ đế, tự tại ở Tứ thiền, khéo tu Tứ ý đoạn. Vì sao thế? Sa-di Tu-ma-na có tâm cung kính đối với Phật, Pháp, Tăng. Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy siêng năng cung kính Phật, Pháp, Tăng thêm. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người. Khi ấy Trưởng giả Cấp Cô Độc nhiều tiền lắm của, vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly, voi, ngựa, trâu, dê, nô tỳ, đầy tớ chẳng thể tính kể.

Trong thành Mãn Phú có Trưởng giả tên Mãn Tài cũng nhiều tiền lắm của, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly, voi, ngựa, trâu, dê, nô tỳ, tôi tớ chẳng thể kể lường. Ông lại là bạn cũ từ thời tuổi trẻ của Trưởng giả Cấp Cô Độc, hai người rất thương mến nhau chưa hề quên. Trưởng giả Cấp Cô Độc hằng có mấy ngàn vạn trân bảo, tài sản mua bán trong thành mãn Phú kia để Trưởng giả Mãn Tài coi sóc gìn giữ. Và Trưởng giả Mãn Tài cũng có mấy ngàn vạn trân bảo tài sản mua bán ở thành Xá-vệ nhờ Trưởng giả Cấp Cô Độc coi sóc giữ gìn.

Trưởng giả Cấp Cô Độc có cô con gái tên Tu-ma-đề, nhan sắc mạo đoan chánh như màu hoa đào, thế gian hiếm có. Bấy giờ Trưởng giả Mãn Tài có chút việc đến thành Xá-vệ, tới nhà Trưởng giả Cấp Cô Độc; đến rồi ngồi tại tòa. Cô Tu-ma-đề từ trong phòng riêng bước ra lễ bái cha mẹ trước, sau lễ bái Trưởng giả Mãn Tài rồi trở về phòng.

Trưởng giả Mãn Tài thấy cô Tu-ma-đề nhan mạo đoan chánh như màu hoa đào, thế gian hiếm có, liền hỏi Trưởng giả Cấp Cô Độc:

- Đây là con gái nhà ai?

Cấp Cô Độc đáp:

- Vừa rồi là con gái tôi.

Trưởng giả Mãn tài nói:

- Tôi có con trai chưa cưới vợ. Có thể làm thông gia được chăng?

Trưởng giả Cấp Cô Độc bảo;

- Việc này không nên!

Trưởng giả Mãn tài nói:

- Vì những gì mà việc đó không nên? Vì dòng họ hay vì tài sản?

Trưởng giả Cấp Cô Độc đáp:

- Dòng họ và tài sản đều tương xứng. Nhưng việc thờ thần, cúng tế thì khác với tôi. Con gái tôi thờ Phật, đệ tử Thích-ca. Còn bên ông thờ ngoại đạo dị học. Vì thế, nên không theo ý ông được.

Trưởng giả Mãn Tài nói:

- Mỗi bên chúng ta sẽ thờ phượng, cúng tế riêng. Cô gái này sẽ phụng sự riêng, tự mình cúng dường.

Trưởng giả Cấp Cô Độc nói:

- Con gái tôi nếu làm dâu nhà Ông thì tài bảo bỏ ra không thể tính kể. Và Trưởng giả cũng sẽ bỏ ra tài bảo không thể tính kể.

Trưởng giả Mãn Tài nói:

- Nay Ông đòi bao nhiêu tài bảo?

Trưởng giả Cấp Cô Độc nói:

- Nay tôi cần sáu vạn lượng vàng.

Trưởng giả liền đưa sáu vạn lượng vàng. Trưởng giả Cấp Cô Độc lại nghĩ: 'Ta dùng phương tiện từ khước trước mà vẫn chẳng khiến ông ta dừng được'. Ông bảo Trưởng giả kia rằng:

- Nếu tôi gả con gái, cần phải đến hỏi Phật. Nếu Thế Tôn có dạy bảo gì sẽ vâng làm.

Bấy giờ Trưởng giả Cấp Cô Độc xếp đặt sự việc như một chuyến đi nhỏ, ra khỏi cửa đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Trưởng giả Cấp Cô Độc bạch Thế Tôn:

- Con gái con là Tu-ma-đề được Trưởng giả Mãn Tài trong thành Mãn Phú cầu hôn. Con nên gả hay không nên gả?

Thế Tôn bảo:

- Nếu gả Tu-ma-đề sang nước đó, sẽ có nhiều lợi ích, độ thoát nhân dân không thể đo lường.

Trưởng giả Cấp Cô Độc lại nghĩ: 'Thế Tôn dùng trí phương tiện bảo ta nên gả qua nước kia'. Trưởng giả cúi lạy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi.

Ông trở về nhà bày biện các món ăn ngon ngọt cho Trưởng giả Mãn tài. Trưởng giả Mãn Tài nói:

- Tôi dùng thức ăn này làm gì? Ông có gả con gái cho con tôi không?

Cấp Cô Độc nói:

- Ý tôi muốn thế! Ông có thể đem nó theo! Mười lăm ngày sau ông đưa con trai đến đây!

Ông nói xong liền lui đi.

Trưởng giả Mãn tài sắm đủ món cần, cỡi xe vũ bảo, từ trong tám mươi do- diên đi đến. Trưởng giả Cấp Cô Độc lại sửa soạn cho con gái mình tắm rửa, xông hương. Rồi ông cỡi xe vũ bảo đưa con gái đến đón con trai Trưởng giả Mãn Tài. Giữa đường gặp nhau, Trưởng giả Mãn Tài được cô gái, liền đem về thành Mãn Phú.

Nhân dân nơi này có ra điều lệ: Nếu trong thành có người đem con gái gả cho người nước khác sẽ bị trọng phạt. Nếu người lại đi nước khác cưới vợ đem về nước cũng bị trọng phạt. Bấy giờ nước ấy có sáu ngàn Phạm chí. Dân trong nước đều tuân theo điều lệ. Có luật rằng: Nếu ai phạm điều lệ, sẽ đãi cơm cho sáu ngàn Phạm chí.

Trưởng giả Mãn Tài tự biết mình vi phạm điều lệ, liền dọn ăn cho sáu ngàn Phạm chí. Thức ăn của Phạm chí là thịt heo và canh thịt heo, thêm rượu ngon. Và Phạm chí mặc y

phục hoặc mặc dạ trắng hoặc đáp y lông thú. Nhưng cách của Phạm chí lúc vào nước, lấy y vắt lệch lên vai phải, để lộ nửa người. Bấy giờ, Trưởng giả bạch:

- Đã đến giờ! Thức ăn uống đã đủ.

Sáu ngàn Phạm chí đều đắp lệch y áo, lộ nửa người, đi vào nhà Trưởng giả. Trưởng giả thấy Phạm chí tới, ông quỳ gối lết đến trước tiếp đón, cung kính làm lễ. Phạm chí lớn nhất giơ tay lên khen lành, ôm cổ Trưởng giả, đi đến tòa ngồi. Các Phạm chí khác cũng tùy theo thứ lớp mà ngồi. Bấy giờ, sáu ngàn Phạm chí ngồi xong, định ăn thì Trưởng giả bảo cô Tu-ma-đề rằng:

- Con sửa soạn rồi đến làm lễ thầy của chúng ta!

Cô Tu-ma-đề đáp:

- Thôi, thôi! Thưa cha! Con không thể làm lễ những người khỏa thân được.

Trưởng giả nói:

- Đây không phải người khỏa thân. Không có gì phải hổ thẹn. Pháp phục của họ đáp lối ấy!

Cô Tu-ma-đề nói:

- Đây là người không biết hổ thẹn, cùng bày thân thể ra ngoài, có dùng pháp phục gì đâu? Mong Trưởng giả nghe con: Thế Tôn cũng nói có hai nhân duyên mà người đời quý. Nghĩa là có hổ, có thẹn. Nếu không có hai việc này thì cha mẹ, anh em, dòng họ, thân tộc, tôn ti cao thấp không thể phân biệt. Như này loài gà, chó, heo, dê, lừa, ngựa đều cùng loại không có tôn ti. Do có hai pháp này ở đời nên ắt biết có tôn ti sai khác. Nhưng những người này lìa hai pháp ấy, giống như cùng bầy với gà, chó, heo, dê, lừa, ngựa. Thật không thể lễ bái họ được.

Chồng Tu-ma-đề bảo vợ:

- Nay cô nên đứng dậy làm lễ thầy chúng ta. Các vị này đều là Trời mà tôi phụng sự.

Cô Tu-ma-đề đáp:

- Hãy dừng, công tử! Tôi không thể lễ bái những người khỏa thân không biết xấu hổ. Nay tôi là người mà làm lễ lừa, chó!

Người chồng lại nói:

- Nín, nín! Quý nương! Chớ nói thế! Hãy giữ miệng, chớ lỡ lời! Đây chẳng phải lừa, cũng chẳng phải dối gạt. Những y đắp chính là pháp phục.

Bấy giờ cô Tu-ma-đề rơi lệ khóc vùi, nhan sắc biến đổi, nói:

- Thà bà con, cha mẹ của tôi mất mạng, thân chặt làm năm. Tôi trọn không rơi vào nhà tà kiến.

Sáu ngàn Phạm chí đồng lớn tiếng nói:

- Thôi, thôi, Trưởng giả! Vì sao để đứa tiện tỳ này chửi mắng như thế? Nếu thỉnh mời thì dọn bưng thức ăn uống đi!

Trưởng giả và chồng Tu-ma-đề liền bày thịt heo, canh thịt và rượu nồng mời sáu ngàn Phạm chí ăn rất đầy đủ. Các Phạm chí ăn xong, nghị luận chút đỉnh rồi đứng lên đi.

Trưởng giả Mãn Tài lên lầu cao, phiền oán sầu não, ngồi riêng suy nghĩ:

- Nay ta đem cô gái này về, thật là đồ phá nhà. Chẳng khác nào làm nhục nhà cửa mình!

Bấy giờ, có Phạm chí tên Tu-bạt đã đắc ngũ thông, và đắc các thiền. Trưởng giả Mãn tài rất quý trọng ông. Phạm chí Tu-bạt nghĩ: 'Ta với Trưởng giả xa cách đã lâu ngày, nay nên đến thăm'. Phạm chí liền vào thành Mãn Phú, đến nhà Trưởng giả, hỏi người gác cửa:

- Trưởng giả đang ở đâu?

Người gác cửa đáp:

- Trưởng giả ở trên lâu, sầu lo hết sức, không nói nổi.

Phạm chí đi thẳng lên lầu gặp Trưởng giả. Phạm chí hỏi Trưởng giả:

- Sao mà sầu lo đến thế? Không lẽ bị huyện quan, trộm cướp, tai biến nước, lửa xâm phạm chăng? Lại, không lẽ trong nhà không được hòa thuận?

Trưởng giả đáp:

- Không có tai biến, huyện quan, giặc cướp. Nhưng trong nhà có việc không vừa lòng.

Phạm chí hỏi:

- Cho nghe tình trạng xem có chuyện gì?

Trưởng giả đáp:

- Hôm qua tôi cưới vợ cho con trai, lại phạm phép nước, thân tộc bị nhục. Tôi mời các thầy đến nhà, đưa vợ của con trai đến lễ bái mà nó không vâng lời.

Phạm chí Tu-bạt nói:

- Nhà cô gái ở nước nào? Cưới hỏi xa gần?

Trưởng giả nói:

- Cô này là con gái Trưởng giả Cấp Cô Độc trong thành Xá-vệ.

Phạm chí Tu-bạt nghe xong, kinh ngạc lạ lùng, hai tay bịt tai nói:

- Ôi chao! Trưởng giả! Rất đặc biệt, rất lạ lùng! Cô gái này còn có thể sống mà không tự sát, không gieo mình xuống lầu thì thật là may mắn. Vì sao thế? Thầy mà cô gái này phụng sự đều là người Phạm hạnh. Hôm nay cô còn sống, rất là lạ lùng!

Trưởng giả nói:

- Tôi nghe Ngài nói lại muốn phì cười. Vì sao thế? Ngài là ngoại đạo dị học, tại sao lại khen ngợi hạnh của Sa-môn dòng họ Thích? Thầy mà cô gái này thờ có oai đức gì? Có thần biến gì?

Phạm chí đáp:

- Trưởng giả! Ông muốn nghe thần đức của thầy cô gái này chăng? Nay tôi sẽ kể sơ nguồn gốc này.

Trưởng giả nói:

- Mong được nghe nói.

Phạm chí bảo:

- Ngày trước, tôi đến phía Bắc Tuyết Sơn, đi khất thực trong nhân gian, được thức ăn xong bay đến bên suối A-nậu-đạt. Trời, Rồng, quỷ thần ở đó, xa thấy tôi đến đều cầm đao kiếm lại, bảo tôi:

- Ông tiên Tu-đạt! Chớ đến suối này! Chớ làm dơ bẩn suối. Nếu không theo lời ta, thì chính tính mạng ông sẽ bị cắt đứt.

Tôi nghe nói thế, bèn lìa khỏi suối đó không xa mà ăn. Trưởng giả nên biết! Thầy mà cô gái này thờ có đệ tử nhỏ nhứt là Sa-di Quân-đầu. Vị Sa-di này cũng đến phía Bắc Tuyết Sơn, khất thực trong nhân gian, bay đến suối A- nậu-đạt, tay cầm áo lấm lem máu bẩn của người chết trong gò mả. Khi ấy, đại thần ở suối A-nậu-đạt, Trời, Rồng, quỷ thần đều đứng lên, tiến đến nghinh tiếp, cung kính thăm hỏi:

- Kính chào thầy của loài người! Mời Ngài đến đây ngồi!

Sa-di Quân-đầu đến suối nước. Lại nữa, này Trưởng giả! Ngay giữa suối nước có cái bàn bằng vàng ròng. Bấy giờ Sa-di đem cái y của người chết ngâm trong nước, sau mới ngồi ăn. Ăn xong rửa bát, ngồi kiết-già trên bàn vàng, chính thâm chính ý, cột niệm ở trước rồi nhập Sơ thiền; từ Sơ thiền dậy, vị ấy nhập Nhị thiền, từ Nhị thiền dậy, nhập Tam thiền; từ Tam thiền dậy, nhập Tứ thiền; từ Tứ thiền dậy, nhập Không xứ; từ Không xứ dậy, nhập Thức xứ; từ Thức xứ dậy, nhập Bất dụng xứ; từ Bất dụng xứ dậy, nhập Hữu tưởng vô tưởng xứ; từ Hữu tưởng vô tưởng xứ dậy, nhập Diễm quang tam- muội; từ Diễm quang tam-muội dậy, nhập Thủy khí tam-muội; từ Thủy khí tam-muội dậy, nhập Diễm quang tam-muội, kế lại nhập Diện tận tam-muội, lần nữa nhập Diện tận tam-muội; kế lại nhập Hữu tưởng vô tưởng tam-muội; kế lại nhập Bất dụng xứ tam-muội; kế lại nhập Thức xứ tam-muội; kế lại nhập Tứ thiền; kế lại nhập Tam thiền; kế lại nhập Nhị thiền; kế lại nhập Sơ thiền; từ Sơ thiền dậy mà giặt y người chết. Bấy giờ Trời, rồng, quỷ thần hoặc giúp vò y, hoặc lấy nước giặt, hoặc lấy nước uống. Vị ấy giặt xong đem lên trên không phơi.

Xong Sa-di ấy thu xếp y, bay lên không trung trở về chỗ mình. Trưởng giả nên biết! Bấy giờ, tôi thấy từ xa không đến gần được. Thầy cô gái này thờ, đệ tử nhỏ nhất có thần lực này, huống nữa đệ tử lớn nhất, có ai bì kịp? Hà huống vị thầy kia là Như Lai Chánh Chân Đẳng Chánh Giác mà bì kịp sao? Xét nghĩa này xong, tôi mới nói: 'Hết sức lạ lùng!

Cô gái này có thể không tự sát, không cắt đứt tánh mạng'.

Bấy giờ, Trưởng giả bảo Phạm chí:

- Chúng ta có thể thấy thầy của cô gái này chăng?

Phạm chí đáp:

- Hãy hỏi lại cô gái!

Trưởng giả bèn hỏi Tu-ma-đề:

- Nay ta muốn gặp thầy mà con thờ. Con có thể mời đến chăng?

Cô gái nghe xong mừng rỡ không kềm được, nói:

- Xin bày biện thức ăn uống. Ngày mai Như Lai sẽ đến đây với Tỳ-kheo tăng.

Trưởng giả bảo:

- Nay con tự thỉnh, ta không biết cách.

Bấy giờ con gái Trưởng giả tắm rửa thân thể, tay bưng lò hương lên trên lầu, chắp tay hướng về phía Như Lai nói:

- Cúi mong Thế Tôn hãy khéo quán sát. Bậc 'Vô kiến danh tướng'! Thế Tôn không việc gì chẳng biết, không việc gì chẳng xét! Nay con ở chỗ nguy khốn này, cúi mong Thế Tôn hãy khéo quán sát!

Rồi cô dùng kệ này tán thán:

Xem đời khắp tất cả
Chỗ mắt Phật soi xét
Hàng quỷ, các vua thần
Và hàng quỷ tử mẫu.
Như quỷ ăn người kia
Lấy tay người làm tràng
Sau lại muốn hại mẹ
Nhưng Phật hàng phục được
Lại ở thành La-duyệt
Voi dữ muốn đến hại,
Thấy như tự quy mạng,
Chư Thiên khen: Lành thay!
Lại đến nước Mã-đề
Lại gặp vua rồng ác
Thấy lực sĩ Mật-tích
Mà rồng tự quy mạng,
Các biến không thể kể
Đều khiến lập chánh đạo

Nay con lại gặp nguy
Cúi mong Phật rũ lòng
Bấy giờ hương như mây
Giăng ở trong hư không
Biến mãn Kỳ-hoàn xá
Trụ ở trước Như Lai
Chư thiên ở không trung
Hoan hỉ làm lễ Phật
Lại thấy hương ở trước
Tu-ma-đề thỉnh cầu
Mưa bao nhiêu loại hoa
Mà không thể kể lường
Thảy đầy rừng Kỳ-hoàn
Như Lai cười phóng quang.

Bấy giờ Tôn giả A-nan thấy trong tinh xá Kỳ-hoàn có mùi hương kỳ diệu này. Thấy xong đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn! Đây là loại hương gì mà đầy khắp tinh xá Kỳ-hoàn?

Thế Tôn bảo:

- Hương này là sứ gỉa đem lời thỉnh của cô Tu-ma-đề trong thành Mãn Phú. Nay Thầy gọi các Tỳ-kheo tụ tập về một chỗ, phát thẻ đưa các sắc này: 'Các Tỳ-kheo là bậc A-la-hán lậu tận, được thần túc, hãy lấy thẻ (xá-la), ngày mai đến thành Mãn Phú thọ thỉnh Tu-ma-đề'.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Tôn giả A-nan nhận lời Phật dạy, tập họp các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội, nói:

- Các vị A-la-hán đắc đạo hãy lấy thẻ, ngày mai đến thọ thỉnh của Tu-ma-đề.

Ngay lúc ấy, một Thượng tọa trong chúng Tăng tên Quân-đầu Ba-hán đắc quả Tu-đà-hoàn kiết sử chưa hết, chẳng được thần túc. Thượng tọa này nghĩ: 'Nay ta là Thượng tọa cao nhất trong đại chúng, mà kiết sử chưa dứt, chưa được thần túc. Sáng mai, ta chẳng được đến thành Mãn Phú thọ thỉnh, mà vị Hạ tọa nhỏ nhất tên Sa-di Quân-đầu, người này có thần túc, có đại oai lực, được đến nơi đó thọ thỉnh, nay ta cũng sẽ đến đó thọ thỉnh'.

Bấy giờ Thượng tọa dùng tâm thanh tịnh ở tại địa vị hữu học mà nhận thẻ. Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh thấy Quân-đầu Ba-hán ở tại địa vị hữu học mà nhận thẻ và đắc vô học. Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

- Trong đệ tử của Ta, người nhận thẻ bậc nhất là Tỳ-kheo Quân-đầu Ba-hán.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo có thần túc; Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca- diếp, A-na-luật, Ly-việt, Tu-bồ đề, Ưu-tỳ-Ca-diếp, Ma-ha Ca-thất-na, Tôn giả La-vân, Châu-lợi-bàn-đặc, Sa-di Quân-đầu.

- Các Thầy dùng thần túc đến thành kia trước!

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Lúc ấy, người cận sự của chúng Tăng tên Càn-trà, sáng sớm hôm sau tự vác một chảo to, bay lên không trung đến thành kia. Trưởng giả nọ cùng dân chúng lên trên lầu cao muốn xem Thế Tôn, họ xa thấy vị cận sự này vác chảo to đi đến. Trưởng giả bèn nói kệ với cô gái:

Cư sĩ mà tóc dài,
Hiện thân như gió giật,
Lại vác chảo lớn nữa,
Đây là thầy con chăng?
Cô dùng kệ đáp:

Đây không, đệ tử Phật,
Là người hầu Như Lai
Ba đường đủ ngũ thông,
Người này tên Càn-trà.
Cận sự Càn-trà, đi vòng quanh ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

Sa-di Quân-đầu hóa làm năm trăm cây hoa nhiều màu sắc, thảy đều nở tươi, hoa sen Ưu-bát màu rất đẹp. Hoa như thế không thể đem hết đến thành kia. Trưởng giả thấy Sa-di, lại dùng kệ hỏi:

Hoa này bao nhiêu loại,
Đều ở tại hư không,
Lại có vị thần túc,
Phải là thầy con không?
Cô dùng kệ đáp:

Tu-bạt trước có nói,
Người Sa-di trên hồ,
Thầy là Xá-lợi-phất,
Là đệ tử của Ngài.
Sa-di Quân-đầu, đi vòng quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

Tôn giả Bàn-đặc hóa ra năm trăm con trâu lông xanh, y xanh ngồi kiết già trên lưng trâu, đến thành ấy. Trưởng giả thấy, dùng kệ hỏi cô:

Các bầy trâu lớn này,

Áo lông đều màu xanh,
Ở trên ngồi một mình,
Đây là thầy con chăng?
Cô dùng kệ đáp:

Hay hóa ngàn Tỳ-kheo,
Ở trong vườn Kỳ-vực
Tâm thần cực kỳ sáng
Đây Tôn giả Bàn-đặc.
Tôn giả Bàn-đặc đi vòng quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

La-vân lại hóa làm năm trăm khổng tước, đủ màu sắc, ngồi kiết-già ở trên, bay đến thành ấy. Trưởng giả trông thấy, dùng kệ hỏi cô:

Năm trăm khổng tước này, Màu sắc rất đẹp đẽ,

Như đại tướng quân kia, Đây là thầy con chăng?

Cô lại dùng kệ đáp:

Như Lai thuyết cấm giới,
Tất cả không trái phạm,
Đối giới, hay hộ giới,
La-vân, con của Phật.
La-vân đi vòng quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

Tôn giả Ca-thất-na hóa làm năm trăm chim cánh vàng, hết sức dũng mãnh, ngồi kiết-già ở trên, đến thành ấy. Trưởng giả xa thấy, dùng kệ hỏi cô:

Năm trăm chim cánh vàng,
Thật là đầy dũng mãnh,
Ở trên không sợ hãi,
Đây là thầy con chăng?
Cô dùng kệ đáp:

Hay hành thở ra vào,
Xoay chuyển tâm hành thiện,
Sức huệ rất dũng mãnh,
Đây tên Ca-thất-na.
Tôn giả Ca-thất-na vòng quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

Ưu-tỳ Ca-diếp hóa ra năm trăm rồng đều có bảy đầu, ngồi kiết-già ở trên, đến thành ấy. Trưởng giả xa thấy, dùng kệ hỏi cô:

Nay rồng bảy đầu này,
Hình tướng rất đáng sợ,
Người đến không thể kể

Đây là thầy con chăng?
Cô đáp:

Hằng có ngàn đệ tử Thần túc hóa Tỳ-sa

Vị Ưu-tỳ Ca-diếp Có thể nói người này.

Ưu-tỳ Ca-diếp đi quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

Tôn giả Tu-bồ-đề hóa ra núi lưu ly rồi vào trong ngồi kiết-già, đến thành ấy. Trưởng giả xa thấy, dùng kệ hỏi cô:

Núi này thật là đẹp,
Toàn bằng màu lưu ly,
Nay ngồi ở trong hang,
Đây phải thầy con chăng?
Cô lại dùng kệ đáp:

Do quả báo bố thí
Nay được công đức này,
Đã thành ruộng phước tốt,
Giải không, Tu-bồ-đề.
Tu-bồ-đề vòng quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

Tôn giả Ca-chiên-diên lại hóa ra năm trăm ngỗng thuần màu trắng, đến thành ấy. Trưởng giả xa thấy dùng kệ hỏi cô:

Nay năm trăm ngỗng này,
Các màu đều trắng tinh,
Đầy hết trong hư không,
Đây là thầy con chăng?
Cô lại dùng kệ đáp:

Kinh Phật được tuyên thuyết,
Phân biệt câu nghĩa này,
Lại giảng nhóm kiết sử,
Đây là Ca-chiên-diên.
Tôn giả Đại Ca-chiên-diên vòng quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

Ly-việt hóa ra năm trăm cọp ngồi trên, đến thành ấy. Trưởng giả trông thấy, dùng kệ hỏi cô:

Nay năm trăm cọp này.
Lông phủ rất mượt mà,
Lại người ngồi ở trên,
Có phải thầy con không?
Cô dùng kệ đáp:

Xưa ở tại Kỳ-hoàn,
Sáu năm không di động,
Ngồi thiền tối đệ nhất,
Đây tên là Ly-việt (Ly-bà-đa)
Tôn giả Ly-việt vòng quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.
Tôn giả A-na-luật hóa ra năm trăm sư tử, rất là dõng mãnh, ngồi ở trên, đến thành ấy. Trưởng giả trông thấy, dùng kệ hỏi cô:

Năm trăm sư tử này,
Dũng mãnh rất đáng sợ,
Người ngồi ở trên chúng,
Phải là thầy con chăng?
Cô dùng kệ đáp:

Lúc sanh trời đất động,
Trân bảo ra đầy đất,
Mắt thanh tịnh vô cấu,
A-na-luật, em Phật.
Ngài A-na-luật vòng quanh ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

Tôn giả Đại Ca-diếp hóa ra năm trăm con ngựa lông đuôi đều đỏ, trang điểm vàng bạc rồi ngồi trên và mưa hoa trời mà đến thành ấy. Trưởng giả xa thấy dùng kệ hỏi cô:

Ngựa vàng, lông đuôi đỏ,
Số chúng có năm trăm,
Đó là Chuyển luân vương,
Phải là thầy con chăng?
Cô gái dùng kệ đáp:

Hạnh đầu đà đệ nhất,
Hằng an ủi bần cùng,
Như Lai chia nửa tòa,
Là Ca-diếp tối đại.
Ngài Đại Ca-diếp vòng quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

Tôn giả Đại Mục-kiền-liên hóa ra năm trăm voi trắng đều có sáu ngà, bảy chỗ bằng phẳng trang sức vàng bạc, ngồi ở trên, rồi lại phóng ánh sáng lớn đầy khắp thế giới, đến trên hư không của thành kia, xướng kỹ nhạc vô kể, mưa các thứ tạp hoa, lại treo phướn lọng trong hư không rất kỳ diệu. Trưởng giả xa thấy, dùng kệ hỏi cô:

Voi trắng có sáu ngà
Ngồi trên như Thiên vương,
Nay nghe tiếng kỹ nhạc,
Phải Thích-ca-văn không?

Cô dùng kệ đáp:

Trên núi lớn nơi kia,
Hàng phục Rồng Nan-đà,
Bậc thần túc đệ nhất,
Bậc thần túc đệ nhất,
Tên là Mục-kiền-liên.
Thầy con vẫn chưa đến,
Đây là chúng đệ tử,
Nay Thánh sư sẽ đến,
Quang minh chiếu khắp nơi.
Tôn giả Đại Mục-kiền-liên vòng quanh thành ba vòng rồi đến nhà Trưởng giả.

Lúc này, Thế Tôn biết đã đến giờ đắp tăng-già-lê đi trên hư không cách đất bảy nhẫn. Tôn giả A-nhã-câu-lân ở bên phải Như Lai, Tôn giả Xá-lợi-phất ở bên trái Như Lai. Bấy giờ, Tôn giả A-nan nương oai thần của Phật ở sau Như Lai tay cầm phất trần. Một ngàn hai trăm đệ tử vây quanh trước sau. Như Lai ở ngay chính giữa và các đệ tử có thần túc: A-nhã-câu-lân hóa làm Nguyệt Thiên Tử. Xá-lợi-phất hóa làm Nhật Thiên Tử. Các Tỳ-kheo có thần

túc khác, người thì hóa làm Thích-đề-hoàn-nhân, người hóa làm Phạm Thiên. Có người hóa làm Đề-đầu-lợi-tra, Tỳ-lưu-lặc, Tỳ-lưu-bác-xoa, hoặc là Tỳ-sa-môn, lãnh đạo các quỷ thần, hoặc làm Chuyển-luân Thánh-vương, hoặc nhập Hỏa quang tam-muội, hoặc nhập Thủy tinh tam-muội, hoặc có người phóng quang, có người phun khói, làm các thứ thần túc. Phạm thiên vương ở bên phải Như Lai. Thích-đề-hoàn-nhân ở bên trai Như Lai, tay cầm phất tử. Lực sĩ Kim Cang Mật Tích ở sau Như Lai, tay cầm chày Kim cang. Tỳ-sa-môn Thiên vương tay cầm lọng bảy báu ở trong hư không phía trên Như Lai, sợ có bụi bặm bám thân Như Lai. Bàn-giá-tuần tay cầm đàn Lưu ly tán thán công đức Phật và các thiên thần đều ở trên hư không xướng kỹ nhạc ngàn vạn thứ. Các thứ hoa trời mưa rải trên Như Lai.

Bấy giờ Ba-tư-nặc, Trưởng giả Cấp Cô Độc và nhân dân trong thành Xá-vệ đều thấy Như Lai ở trong hư không cách đất bảy nhẫn, thấy xong đều mừng rỡ không kềm được. Trưởng giả Cấp Cô Độc liền nói kệ:

Như Lai thật thần diệu,
Thương dân như con đỏ,
Hay thay! Tu-ma-đề,
Sẽ nhận pháp Như Lai.
Vua Ba-tư-nặc và Trưởng giả Cấp Cô Độc rải các thứ danh hương, các thứ hoa.

Lúc này Thế Tôn đem các chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau và các trời thần vô kể, như phượng hoàng ở trong hư không đi đến thành kia.

Bàn-giá-tuần dùng kệ tán Phật:

Các sanh kết dứt hẳn,
Ý niệm chẳng lầm lẫn,
Vì không trần cấu ngại,
Vào đất nước cũ kia.
Tám tánh rất thanh tịnh,
Dứt tà ma ác niệm,
Công đức như biển lớn,
Nay vào đất nước kia.
Nhan sắc rất thù đặc,
Các sử trọn chẳng khởi,
Vì kia không tự xử,
Nay vào đất nước ấy.
Để độ bốn bộ chúng,
Thoát khỏi sanh, già, chết.
Để dứt gốc các hữu
Nay vào đất nước ấy.

Bấy giờ, Trưởng giả Mãn Tài xa thấy Thế Tôn từ xa đến, các căn đạm bạc, thế gian hiếm có, sạch như thiên kim, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân. Ngài như núi Tu-di vượt cao hơn các núi, cũng như một khối vàng phóng ánh sáng lớn. Trưởng giả dùng kệ hỏi cô Tu-ma-đề:

Đây là ánh trời chăng?
Chưa hề thấy vẻ này,
Mấy ngàn vạn ức tia,
Chưa dám nhìn chăm chú!

Bấy giờ cô Tu-ma-đề quỳ xuống, chắp tay hướng về Như Lai, dùng kệ đáp Trưởng giả:

Chẳng Trời, không chẳng Trời,
Mà phóng ngàn thứ sáng,
Vì tất cả chúng sanh,
Cũng lại là thầy con.
Đều cùng khen Như Lai,
Như trước đã có nói,
Nay sẽ được quả lớn,
Cần siêng cúng dường Ngài.

Trưởng giả Mãn Tài gối phải chấm đất, lại dùng kệ khen Như Lai:

Tự quy đấng mười lực,
Viên quang thể sắc vàng,
Được trời người khen kính,
Hôm nay tự quy mạng.

Nay Ngài là Nhật vương,
Như trăng sáng giữa sao,
Đã độ người chẳng độ,
Hôm nay tự quy mạng.
Ngài như tượng Thiên đế,
Như Phạm hạnh từ tâm,
Tự thoát, thoát chúng sanh.
Hôm nay tự quy mạng.
Tôn quý trong trời người,
Vua trên các quỷ thần,
Hàng phục các ngoại đạo,
Hôm nay tự quy mạng.
Cô Tu-ma-đề quỳ dài, chắp tay tán thán Thế Tôn:

Tự hàng, hay hàng người,
Tự chính, hay chính người,
Đã độ, độ nhân dân,
Đã giải, lại thoát người.
Độ cấu, khiến độ cấu,
Tự chiếu, chiếu quần manh,
Không ai không được độ,
Trừ đấy, không đấu tụng.
Rất tự trong sạch trụ,
Tâm ý không khuynh động,
Mười lực thương xót đời,
Lại tự đảnh lễ kính.
Ngài có tâm từ bi hỉ xả, đầy đủ không, vô tướng, vô nguyện. Ở trong cõi dục, Ngài là bậc tôn trọng bậc nhất. Ngài cao nhất trong trời, thất tài đầy đủ. Các thiên nhân, tự nhiên, phạm sanh cũng không ai bằng, cũng không thể giống hình mạo. Nay con tự quy mạng.

Bấy giờ, sáu ngàn Phạm chí thấy Thế Tôn tạo các thần biến như thế, mỗi người bảo nhau: 'Chúng ta nên rời nước này đi đến nước khác. Sa-môn Ca- diếp này đã hàng phục nhân dân trong nước'. Sáu ngàn Phạm chí liền ra khỏi nước, không trở về nữa. Ví như sư tử vua loài thú ra khỏi hang núi, xem xét bốn phương, lại rống lên ba tiếng mới đi tìm mồi. Các loài thú vật đều bỏ chạy, chẳng biết gì cả, bay mất, nép phục. Nếu lại có voi có sức thần, nghe tiếng sư tử cũng bỏ chạy không thể yên ổn. Vì sao thế? Vì sư tử vua loài thú rất có oai thần. Đây cũng như thế! Sáu ngàn Phạm chí nghe tiếng tăm của Thế Tôn phải bỏ chạy không thể yên ổn. Vì sao thế? Vì Sa-môn Ca-diếp có đại oai lực vậy.

Bấy giờ Thế Tôn lại bỏ thần túc, bình thường đi vào thành Mãn Phú. Lúc Thế Tôn vừa đạp chân lên ngưỡng cửa thì trời đất chấn động mạnh. Các bậc thần trời rải hoa cúng

dường. Nhân dân thấy dung mạo Thế Tôn, các căn tịch

tĩnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp tự trang nghiêm. Mọi người liền nói kệ:

Lưỡng túc tôn cực diệu,
Phạm chí không dám đương,
Vô cớ thờ Phạm chí,
Mất bậc Tôn trong người.
Thế Tôn đến nhà Trưởng giả, tới tòa ngồi. Lúc ấy, nhân dân nước ấy hết sức hưng thạnh. Nhà Trưởng giả có tám vạn bốn ngàn người kéo đến tụ tập muốn hư cả phòng nhà, để nhìn Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng. Bấy giờ Thế Tôn liền nghĩ: 'Nhân dân này có chỗ tổn thất. Ta nên tạo thần lực khiến nhân dân cả nước đều thấy thân Ta và Tỳ-kheo Tăng'.

Thế Tôn liền hóa phòng nhà của Trưởng giả thành lưu ly, trong ngoài thấy nhau ví như xem hạt châu trong bàn tay. Bấy giờ cô Tu-ma-đề đến trước Thế Tôn cúi lạy, buồn vui lẫn lộn, nói kệ:

Tất cả trí tuệ đủ,
Độ hết tất cả pháp,
Lại đoạn dục ái kết,
Nay con tự quy mạng.
Thà cho cha mẹ con,
Hủy hoại hai mắt con,
Chẳng ưa đến trong đây,
Tà kiến và ngũ nghịch.
Xưa tạo ác duyên nào,
Mà bị đến nơi này?
Như chim vào lưới rập,
Nguyện dứt nghi kết này!
Bấy giờ Thế Tôn dùng kệ đáp:
Nay con vui chớ lo,
Đạm bạc tự mở ý,
Cũng chớ khởi tưởng chấp,
Nay Như Lai sẽ giảng.
Con vốn không tội duyên,
Được đến tới chốn này,
Là quả báo thệ nguyện,
Muốn độ chúng sanh này.
Nay hãy nhổ cội rễ,
Chẳng đọa ba đường ác,

Có vài ngàn chúng sanh,
Trước con đáng được độ.
Hôm nay sẽ trừ sạch,
Khiến được trí tuệ sáng,
Khiến trời và nhân dân,
Thấy con như xem châu.
Cô Tu-ma-đề nghe xong, mừng rỡ không kềm được.

Bấy giờ Trưởng giả đem người hầu của mình cung cấp thức ăn uống, những món ngon ngọt. Thấy Thế Tôn thọ trai xong, ông liền đem nước trong sạch đến, rồi lấy một ghế nhỏ đến ngồi trước Như Lai. Các người tùy tùng và tám vạn bốn ngàn chúng đều lần lượt ngồi, hoặc có người tự xưng tên họ mà ngồi. Thế Tôn dần dần thuyết diệu luận cho Trưởng giả và tám vạn bốn ngàn nhân dân kia. Luận nghĩa là giới luận, thí luận, luận sanh Thiên, dục là tưởng bất tịnh, lậu là dơ xấu, xuất gia là cần yếu.

Thế Tôn thấy Trưởng giả và cô Tu-ma-đề cùng tám vạn bốn ngàn nhân dân tâm ý khai mở. Các pháp khổ, tập, diệt, đạo mà chư Phật thường thuyết, Ngài đều thuyết cả cho chúng sanh ở đây. Họ mỗi người ở trên tòa sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Ví như vải trắng dễ nhuộm màu. Đây cũng như thế. Trưởng giả Mãn Tài, cô Tu-ma-đề và tám vạn bốn ngàn nhân dân sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, không còn hồ nghi, được không sợ hãi, thảy đều quy y Tam Bảo thọ trì ngũ giới.

Bấy giờ cô Tu-ma-đề ở trước mặt Phật nói kệ:

Như Lai tai trong suốt,
Nghe con gặp khổ này,
Giáng thần đến đây xong,
Mọi người được pháp nhãn.
Thế Tôn thuyết pháp xong, liền từ chỗ ngồi đứng lên trở về chỗ ở. Các Tỳ- kheo bạch Phật:

- Xưa cô Tu-ma-đề tạo nhân duyên gì mà sanh trong nhà phú quý? Lại tạo nhân duyên gì mà đọa trong nhà tà kiến này? Lại tạo công đức lành nào, nay được pháp nhãn thanh tịnh? Lại tạo công đức nào khiến tám vạn bốn ngàn người được pháp nhãn thanh tịnh?

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này, có Phật Ca-diếp, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Ngài ở tại nước Ba-la-nại đi du hóa cùng hai vạn chúng đại Tỳ-kheo.

Bấy giờ, có vua tên Ai Mẫn có con gái tên Tu-ma-na. Cô này rất có tâm cung kính hướng về Phật Ca-diếp, vâng giữ cấm giới, hằng ưa bố thí và cúng dường bốn việc.

Thế nào là bốn? Bố thí; ái kính; lợi người; đồng lợi.

Cô ở chỗ Phật Ca-diếp tụng Pháp Cú. Ở trên lầu cao, cô lớn tiếng tụng tập, phát nguyện rộng lớn rằng: 'Con hằng có pháp Tứ ái này. Và ở trước Như Lai tụng kinh Pháp Cú, trong đó nếu con có chút phước nào, cầu khi sanh ra không rơi vào ba đường ác, cũng không rơi vào nhà nghèo, đời vị lai cũng sẽ được gặp bậc Tối Tôn như thế. Cho con chẳng chuyển thân nữ mà được pháp nhãn thanh tịnh'.

Nhân dân trong thành nghe vương nữ thệ nguyện như thế đều cùng tụ tập đến chỗ vương nữ nói:

- 'Hôm nay vương nữ rất có lòng tin, tạo các công đức, bốn việc không thiếu: bố thí, kiêm ái, lợi người, đồng lợi, lại thệ nguyện khiến đời sau gặp bậc Thế Tôn như thế. Như Lai vì tôi thuyết pháp được pháp nhãn thanh tịnh. Hôm nay vương nữ đã thệ nguyện cùng nhân dân cả nước chúng tôi đồng thời được độ'.

Bấy giờ vương nữ đáp:

- 'Tôi đem công đức này cùng thí cho các người. Nếu gặp Như Lai thuyết pháp sẽ đồng được độ'.

Tỳ-kheo các Thầy há có nghi sao? Chớ xem thế! Vua Ai Mẫn lúc ấy, nay là Trưởng giả Tu-đạt. Vương nữ lúc ấy, nay là cô Tu-ma-đề. Nhân dân trong nước lúc ấy, nay là tám vạn bốn ngàn chúng. Do lời thệ nguyện, nay gặp Ta, nghe pháp được độ và nhân dân kia đều được pháp nhãn thanh tịnh. Đây là nghĩa này, nên nhớ vâng làm. Vì cớ sao? Bốn việc này là ruộng phước. Nếu có Tỳ-kheo gần gũi bốn việc, liền được pháp Tứ đế. Hãy cầu phương tiện thành tựu pháp bốn việc này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXI. Phẩm Tăng thượng

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Bà-la-môn Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi rồi ngồi một bên. Bà-la-môn bạch Thế Tôn:

- Ở trong hoang vắng, thật là khổ thay! Ở riêng, đi đứng một mình dụng tâm rất khó!

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, Phạm chí! Như lời ông nói. Ở chỗ hang hoang vắng, thật là khổ thay! Ở riêng, đi một mình dụng tâm rất khó! Vì sao thế? Ngày xưa, lúc Ta chưa thành đạo, hành hạnh Bồ-tát, Ta thường nghĩ: 'Ở trong hang hoang vắng, thật là khổ thay! Ở riêng, đi một mình dụng tâm rất khó!'.

Bà-la-môn bạch Phật:

- Nếu có người vọng tộc do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo; nay Sa-môn Ca-diếp là Tối thượng thủ, có nhiều lợi ích, dẫn đường cho bọn quần manh.

Thế Tôn bảo:

- Đúng vậy, Bà-la-môn! Như lời ông nói. Có các người vọng tộc do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, Ta là tối thượng thủ, có nhiều lợi ích, làm người dẫn đường cho bọn quần manh kia. Nếu thấy Ta, họ đều khởi lòng hổ thẹn, đến ở hang vắng vẻ, trong núi khe.

Bấy giờ Ta liền nghĩ rằng: 'Có các Sa-môn, Bà-la-môn thân hành bất tịnh, gần gũi chỗ vắng vẻ không người mà thân hành bất tịnh chỉ luống nhọc công, chẳng phải hạnh chân thật mà là pháp đáng sợ, xấu ác, bất thiện. Nhưng hôm nay Ta thân hành không bất tịnh, thân cận chỗ vắng vẻ. Có những người thân hành bất tịnh, thân cận chỗ vắng vẻ, Ta không có vậy. Vì sao thế? Nay Ta thân hành thanh tịnh, các A-la-hán thân hành thanh tịnh,

thích ở yên trong hang, Ta là tối thượng thủ. Như thế, Bà-la-môn! Ta tự quán thân, việc làm thanh tịnh, ưa chỗ nhàn vắng, càng thêm vui thích.

Bấy giờ Ta liền nghĩ rằng; 'Có các Sa-môn, Bà-la-môn ý hành chẳng thanh tịnh, mạng chẳng thanh tịnh, gần gũi nơi vắng vẻ không người. Họ tuy có hạnh này vẫn không phải chân chánh. Họ có đầy đủ pháp ác bất thiện, Ta không có vậy. Vì sao thế? Nay việc làm của Ta, thân, miệng, ý mạng đều thanh tịnh.

- Có các Sa-môn, Bà-la-môn, thân, miệng, ý mạng đều thanh tịnh, thích ở nơi vắng vẻ thanh tịnh. Thế thì Ta có như vậy. Vì cớ sao? Nay Ta hành thân, miệng, ý mạng thanh tịnh, ưa ở chỗ nhàn vắng, Ta là tối thượng thủ. Như thế, Bà-la-môn! Khi Ta thân, miệng, ý mạng thanh tịnh, ở chỗ vắng vẻ thì càng thêm vui thích.

Bấy giờ Ta liền nghĩ: 'Sa-môn, Bà-la-môn khi ở chỗ nhành vắng có nhiều sợ hãi. Khi ấy, họ sợ hãi pháp ác bất thiện. Nhưng hôm nay, ta trọn không sợ hãi ở chỗ vắng vẻ không người. Nếu bảo các Sa-môn, Bà-la-môn có tâm sợ hãi ở chỗ vắng vẻ thì Ta không có vậy. Vì cớ sao? Nay ta trọn không sợ hãi, ở chỗ vắng vẻ mà tự du hí. Những người có tâm sợ hãi ở chỗ vắng vẻ, Ta chẳng có vậy. Vì sao thế? Nay Ta đã lìa khổ hoạn, chẳng đồng với đây'. Như thế! Bà-la-môn! Ta quán nghĩa này xong, không có sợ hãi, tăng thêm vui mừng.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn hủy báng người khác, tự đề cao mình, tuy ở chỗ vắng vẻ vẫn có tưởng bất tịnh. Nhưng Ta, này Phạm chí! Ta không hủy báng người khác, cũng không tự đề cao mình. Có những người tự khen mình chê người, Ta chẳng có vậy. Vì sao thế? Nay Ta không có mạn. Các Hiền thánh có mạn, Ta là tối thượng thủ. Ta quán nghĩa này xong càng thêm vui mừng.

Có các Sa-môn mong cầu lợi dưỡng, không thể dừng nghỉ. Nhưng hôm nay Ta không mong cầu lợi dưỡng. Vì sao thế? Nay Ta không mong ở người, cũng tự biết đủ. Và trong những người biết đủ, Ta là tối thượng thủ. Ta quán nghĩa này xong càng thêm vui mừng.

Có các Sa-môn, Bà-la-môn ôm lòng biếng nhác, không chuyên cần tinh tấn, thân cận chỗ vắng vẻ, Ta chẳng có vậy. Vì sao thế? Nay Ta có tâm dõng mãnh. Nên trong các bậc Hiền thánh không giải đãi, có tâm dũng mãnh, Ta là tối thượng thủ. Ta tự quán nghĩa này rồi, càng thêm vui mừng.

Bấy giờ Ta lại nghĩ: 'Có các Sa-môn, Bà-la-môn hay quên nhiều, ở chỗ vắng vẻ. Tuy có hạnh này vẫn có pháp ác bất thiện. Nhưng hôm nay Ta chẳng hay quên. Nếu lại, này Phạm chí! Có người hay quên, Ta chẳng có vậy. Nếu có bậc Hiền thánh không hay quên. Ta là tối thượng thủ'. Nay Ta quán nghĩa này rồi, ở chỗ vắng vẻ càng thêm vui mừng.

Bấy giờ Ta lại nghĩ: 'Có các Sa-môn, Bà-la-môn ý loạn chẳng định. Họ liền có pháp ác bất thiện, cùng chung với hạnh ác. Nhưng hôm nay ý Ta trọn chẳng loạn, hằng như nhất tâm. Những người có tâm ý loạn động, bất định. ta chẳng có vậy. Vì sao thế? Ta hằng nhất tâm. Nếu có Hiền thánh tâm nhất định, Ta là tối thượng thủ'. Nay ta quán điều này xong, tuy ở chỗ vắng vẻ càng thêm vui mừng.

Bấy giờ Ta lại nghĩ: 'Có các Sa-môn, Bà-la-môn ngu si, tăm tối cũng như bầy dê. Người ấy liền có pháp ác bất thiện, Ta chẳng có vậy. Nhưng hôm nay Ta hằng có trí tuệ, không có ngu si ở chỗ vắng vẻ. Nếu có người hành như thế, thì Ta có điều này. Nay ta thành tựu trí tuệ. Có các Hiền thánh thành tựu trí tuệ, Ta là tối thượng thủ'. Nay Ta quán nghĩa này xong, tuy ở chỗ vắng vẻ, càng thêm vui mừng.

Lúc Ta ở chỗ vắng vẻ, giả sử cây cối gẫy đổ, chim thú phóng chạy. Bấy giờ Ta nghĩ; 'Đây là rừng rất đáng sợ'. Rồi lại nghĩ; 'Nếu có điều đáng sợ đến, Ta sẽ tìm phương tiện không cho nó đến nữa'. Nếu Ta kinh hành có sự sợ hãi hiện đến, lúc ấy, Ta cũng chẳng ngồi, nằm, cốt trừ sợ hãi, sau đó mới ngồi. Nếu lúc Ta đứng có sự sợ hãi đến, lúc ấy, Ta cũng chẳng kinh hành cũng lại chẳng ngồi, cốt trừ sợ hãi sau đó mới ngồi. Nếu lúc Ta ngồi có sợ hãi đến, ta chẳng kinh hành cốt trừ sợ hãi, rồi sau mới đi. Nếu lúc ta nằm có sợ hãi đến, lúc ấy, ta chẳng kinh hành cũng lại chẳng ngồi, cốt trừ hết sợ hãi sau đó mới ngồi.

Phạm chí nên biết! Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn trong suốt ngày đêm không hiểu đạo lý. Nay Ta nói người ấy rất ngu si. Nhưng Ta, này Phạm chí! Trong suốt ngày đêm hiểu đạo pháp, thêm có tâm dũng mãnh cũng không hư vọng, ý không lầm lẫn, hằng như nhất tâm, không tưởng tham dục, có giác, có quán, nhớ giữ hỷ lạc đạo ở Sơ thiền. Đó là, này Phạm chí! Ta sơ tâm ở trong hiện pháp mà tự vui thích.

Nếu trừ có giác, có quán, bên trong hoan hỉ, thêm có nhất tâm, không giác, không quán, định niệm hỷ an dạo ở Nhị thiền. Đó là, này Phạm chí! Ta tâm thứ hai ở trong hiện pháp mà được vui thích.

Ta tự quán biết, trong không niệm dục, biết thân an lạc, chỗ các Hiền thánh hy vọng, xả niệm hoan lạc dạo ở Tam thiền. Đó là, này Phạm chí! Tâm thứ ba ở trong hiện pháp mà tự vui thích.

Nếu lại khổ vui đã trừ, lại không lo, mừng; không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, dạo ở Tứ thiền. Đó là, này Phạm chí! Tâm tăng thượng thứ tư mà ta tự giác tri dạo ở tâm ý.

Lúc Ta đang ở chỗ vắng vẻ có bốn tâm tăng thượng này, Ta do tâm tam- muội này, thanh tịnh không tỳ vết, cũng không kiết sử, được không sợ hãi, tự biết túc mạng, việc vô số kiếp. Bấy giờ, Ta nhớ việc túc mạng một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, trăm đời, ngàn đời, kiếp thành hoại đều phân biệt hết. Ta từng sanh chỗ nọ, tên gì, họ gì, ăn thức ăn như thế, chịu khổ vui như thế... Từ đó Ta chết mà sanh nơi này, chết đây sanh kia, nhân duyên gốc ngọn đều rõ ràng hết.

Phạm chí nên biết! Vào đầu hôm Ta đắc được minh đầu tiên, trừ vô minh không u tối nữa, tâm ưa vắng vẻ để tự giác tri.

Ta lại dùng tâm tam-muội không tỳ vết, không kiết sử, tâm ý tại định, được không sợ hãi mà biết chúng sanh người sanh, người chết. Ta lại dùng thiên nhãn quán chúng sanh người sanh, người chết, sắc lành, sắc dữ, cõi lành, đường dữ, hoặc tốt, hoặc xấu, tùy hạnh thiện ác đều phân biệt hết.

Có các chúng sanh thân làm ác, miệng nói ác, ý nghĩ ác, phỉ báng Hiền Thánh, hằng ôm tà kiến, tương ưng với tà kiến thì khi thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục.

Có các chúng sanh thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, không phỉ báng Hiền Thánh, hằng tu chánh kiến, tương ưng với chánh kiến thì khi thân hoại mạng chung sanh đường lành lên trời.

Ta lại dùng thiên nhãn thanh tịnh không tỳ vết quán chúng sanh người sanh, người chết, sắc lành, sắc dữ, đường lành, đường ác, hoặc tốt hay xấu, các hạnh bổn Ta đều biết rõ.

Phạm chí nên biết! Lúc giữa đêm ta được minh thứ hai, không còn tăm tối, tự giác tri, vui ở chỗ vắng.

Ta lại dùng tâm tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, cũng không kiết sử, tâm ý được định, được không sợ hãi, được dứt tâm lậu, cũng biết khổ này như thật chẳng dối. Ngay khi ấy, Ta được tâm này, dục lậu, hữu lậu, vô minh lậu, tâm được giải thoát, liền được trí giải thoát. Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh, như thật mà biết. Đó là, này Phạm Chí! Ta cuối đêm được minh thứ ba không u tối nữa.

Thế nào Phạm chí? Nếu có tâm này: Như Lai có tâm dục, tâm sân giận, tâm ngu si chưa dứt mà ở chỗ vắng vẻ thì này Phạm chí! Chớ xem như thế. Vì sao thế? Ngày nay, Như Lai trừ hẳn các lậu, hằng ưa chỗ vắng, không ở nhân gian. Hôm nay Ta quán hai nghĩa này rồi, thích chỗ vắng vẻ. Thế nào là hai? Là tự dạo chỗ vắng vẻ và độ hết chúng sanh không thể tính kể.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu bạch Phật:

- Ngài đã vì chúng sanh, thương xót độ cho tất cả.

Rồi Phạm chí lại bạch Phật:

- Thôi, thôi! Thế Tôn! Thuyết đã quá nhiều. Ví như người gù được thẳng, người mê được đường, người mù được mắt, trong tối thấy ánh sáng. Đúng vậy, Sa-môn Ca-diếp! Ngài dùng vô số phương tiện, vì con mà thuyết pháp. Nay con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ này về sau con thọ trì ngũ giới, không sát sanh nữa, làm Ưu-ba-tắc.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở vườn Câu-thâm Cù-sư, nơi bốn đức Phật thời quá khứ đã ở.

Bấy giờ, vua Ưu Điền cùng phu nhân Xá-di và năm trăm cô gái muốn đến vườn dạo chơi ngắm cảnh. Ngay khi ấy, trong thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo nghĩ: 'Ta xa Thế Tôn đã lâu, muốn đến lễ bái thăm hỏi'.

Đến giờ, Tỳ-kheo đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực; ăn xong thu xếp y bát, tọa cụ. Ông lại dùng thần túc bay lên hư không, đến vườn Câu-thâm. Tỳ-kheo ấy bỏ thần túc, vào rừng đến một chỗ vắng ngồi kiết-già tĩnh tọa, chính thân, chính ý, buộc niệm ở trước. Khi ấy, phu nhân Xá-di dẫn năm

trăm cô gái đến rừng này. Phu nhân Xá-di từ xa trông thấy Tỳ-kheo dùng thần túc đến ngồi dưới gốc cây, liền đến trước Tỳ-kheo cúi lạy rồi chắp tay đứng trước, năm trăm cô gái đều cúi lạy và chắp tay đứng vây quanh.

Lúc ấy, vua Ưu Điền từ xa trông thấy năm trăm cô gái chắp tay đứng vây quanh Tỳ-kheo này, liền nghĩ: 'Trong đây chắc có bầy nai, hoặc có các loài thú chắc chắn không nghi'. Vua liền cỡi ngựa chạy mau đến đám đàn bà. Phu nhân Xá-di xa thấy vua đến liền nghĩ: 'Vua Ưu Điền này cực kỳ hung ác, có thể hại Tỳ-kheo này'. Phu nhân bèn giơ tay mặt lên tay vua:

- Đại vương nên biết! Đây là Tỳ-kheo, chớ có kinh sợ.

Vua liền xuống ngựa, bỏ cung đến chỗ Tỳ-kheo, bảo Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo! Hãy thuyết pháp cho ta!

Tỳ-kheo ấy đưa mắt ngước trông vua, làm thinh chẳng nói.

Vua lại bảo Tỳ-kheo:

- Mau thuyết pháp cho ta!

Tỳ-kheo lại đưa mắt ngước nhìn vua, làm thinh không nói.

Vua lại nghĩ: 'Nay ta có thể hỏi việc tu Thiền. Nếu thuyết cho ta, ta sẽ cúng dường, trọn đời thí cho y phục, thức ăn uống, giường chõng, thuốc thang trị bệnh. Nếu chẳng thuyết cho ta, ta sẽ giết'. Vua lại bảo Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo! Thuyết pháp cho ta.

Tỳ-kheo kia vẫn làm thinh chẳng đáp.

Bấy giờ thọ thần biết tâm vua, liền hóa ra một bầy nai ở đàng xa, muốn làm loạn tai mắt của vua khiến khởi nghĩ chuyện khác. Khi ấy, vua thấy nai liền nghĩ:

- Nay hãy bỏ Sa-môn này. Sa-môn này rốt cuộc đi đâu cho khỏi?

Vua liền cỡi ngựa bắn bầy nai. Phu nhân bèn thưa:

- Này Tỳ-kheo đến đâu?

Tỳ-kheo nói:

- Tôi muốn đến trụ xứ của Phật, đến gặp Thế Tôn.

Phu nhân bạch:

- Tỳ-kheo! Nay đã đúng lúc. Ngài mau đi đến đó, đừng ở đây nữa, sẽ bị vua hại thì tội vua rất nặng.

Tỳ-kheo ấy liền đứng lên thu xếp y bát bay lên hư không đi về phương xa. Phu nhân thấy Tỳ-kheo bay cao trên hư không bèn gọi vua nói:

- Kính mong Đại vương, xem Tỳ-kheo này có đại thần túc. Nay ở hư không vọt lên, ẩn mất tự tại. Nay Tỳ-kheo ấy còn có sức này, huống Phật Thích-ca- văn mà có thể bì kịp sao?

Tỳ-kheo ấy đến vườn Cù-sư, xả thần túc, bình thường đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Tại đó Thế Tôn hỏi Tỳ-kheo:

- Thế nào Tỳ-kheo? Ngồi hạ ở thành Xá-vệ có nhọc nhằn chăng? Tùy thời khất thực có mệt mỏi không?

Tỳ-kheo đáp:

- Con ở thành Xá-vệ không có gì mệt mỏi.

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Hôm nay cớ sao Thầy đến đây?

Tỳ-kheo bạch Phật:

- Con cốt đến hầu thăm sức khỏe Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Nay Thầy thấy Ta và chỗ trụ của bốn đức Phật thời quá khứ đây chăng? Nay Thầy thoát khỏi tay vua rất lạ lùng! Sao Thầy không thuyết pháp cho vua? Lại nữa, vua Ưu Điền nói: 'Nay Tỳ-kheo nên thuyết pháp cho ta. Nay ông cớ sao không thuyết pháp cho ta?' Nếu Tỳ-kheo thuyết pháp cho vua, vua Ưu Điền sẽ rất hoan hỉ. Đã hoan hỉ, vua sẽ suốt đời cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh.

Tỳ-kheo bạch Phật:

- Vì vua muốn hỏi việc tu Thiền nên con không đáp nghĩa này.

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo! Sao ông không thuyết việc tu Thiền cho vua?

Tỳ-kheo đáp:

- Vua Ưu Điền dùng Thiền này làm gốc, ôm lòng hung bạo, không có tâm từ, sát hại chúng sanh vô kể, tương ưng với dục, ba độc lừng lẫy, chìm trong vực sâu, không thấy Chánh pháp, tập hoặc vô tri, nhóm đủ các ác, hành động kiêu mạn, ỷ thế lực vua, tham đắm tài bảo, khinh mạn người đời, mù không có mắt. Người này dùng Thiền làm gì? Phàm pháp Thiền định là pháp vi diệu trong các pháp, khó thể giác tri, không có hình tướng, chẳng phải đem tâm lường được. Đây chẳng phải chỗ người thường đến được. Đó là chỗ người trí biết. Vì những cớ này nên con không thuyết pháp cho vua.

Bấy giờ Thế Tôn bảo:

- Nếu y cũ rách cần phải giặt mới sạch. Dục tâm cực thịnh cần nên quán tưởng bất tịnh, sau đó bèn trừ được. Nếu sân giận thịnh thì dùng tâm từ trừ đi. U ám ngu si thì dùng pháp Mười hai nhân duyên sau đó trừ hết. Này Tỳ- kheo! Cớ sao Thầy không thuyết pháp cho vua Ưu Điền? Nếu thuyết pháp, vua sẽ hết sức hoan hỷ. Ngay dù lửa cực mạnh vẫn có thể diệt được, huống nữa là người?

Tỳ-kheo kia im lặng chẳng nói. Bấy giờ Phật bảo Tỳ-kheo:

- Như Lai xử thế rất đặc biệt. Dù Trời, rồng, quỷ thần, Càn-thát-bà hỏi nghĩa Như Lai, Ta sẽ thuyết cho họ. Giả sử quốc vương, đại thần, nhân dân hỏi nghĩa Như Lai, Ta cũng sẽ thuyết cho họ. Nếu Sát Lợi, bốn dòng đến hỏi nghĩa, Ta cũng sẽ thuyết pháp cho. Vì sao thế? Hôm nay, Như Lai được Bốn vô sở úy, thuyết pháp không có khiếp nhược, cũng được Tứ thiền, trong đó tự tại, kiêm đắc Tứ thần túc chẳng thể tính kể, hành Tứ đẳng tâm. Thế nên, Như Lai thuyết pháp không có khiếp nhược. La-hán, Bích-chi Phật không có thể đến đó được. Thế nên, Như Lai thuyết pháp không khó. Nay Tỳ-kheo các Thầy! Hãy tìm phương tiện hành Tứ đẳng tâm: từ, bi, hỉ, xả. Như thế các Tỳ- kheo! Hãy học điều này. Vì sao thế! Nếu Tỳ-kheo vì chúng sanh, thiện tri thức được gặp, và tất cả cha mẹ, tri thức, thân thuộc đều nên lấy bốn việc

dạy khiến họ biết pháp. Thế nào là bốn? Nên cung kính Phật là bậc Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, độ người vô lượng; nên cầu pháp. Tu hành pháp chính chân, trừ bỏ hạnh uế ác. Đây là chỗ tu hành của bậc trí giả; hãy tìm phương tiện cúng dường chúng Tăng. Chúng của Như Lai thường hòa hợp nhau không có tranh tụng, pháp thành tựu, giới thành tựu, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Đó là bốn đôi, tám bậc, mười hai hiền sĩ. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng tôn đáng quý, là ruộng phước vô thượng của thế gian; nên khuyến trợ khiến hành pháp luật Hiền thánh, không nhiễm ô, tịch tĩnh vô vi. Nếu có Tỳ-kheo muốn hành đạo, thì nên hành đủ pháp bốn việc này. Vì sao thế, pháp cúng dường Tam-bảo, tối tôn, tối thượng không ai sánh kịp. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học

điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn hành tích. Thế nào là bốn? Có lạc hành tích, việc làm ngu hoặc; có lạc hành tích, việc làm lanh lợi; có khổ hành tích, việc làm ngu hoặc; có khổ hành tích, việc làm lanh lợi.

Thế nào gọi là lạc hành tích, việc làm ngu hoặc? Hoặc có một người tham dục, sân giận, ngu si lừng lẫy, việc làm rất khó không tương ứng với hạnh bổn. Người ấy năm căn ngu tối không được lanh lợi. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Nếu đem ý ngu để cầu tam- muội dứt hữu lậu, thì đấy gọi là lạc hành tích, độn căn đắc đạo.

Thế nào gọi là lạc hành tích việc làm lanh lợi? Hoặc có một người không dục, không dâm, hằng tự giảm bớt tham dục không ân cần, sân giận, ngu si rất giảm thiểu. Năm căn lanh lợi không buông lung. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn; đó là năm căn. Và được năm căn, tam-muội thành tựu chuyển hữu lậu thành vô lậu. Đó gọi là lợi căn hành đạo tích.

Thế nào gọi là khổ hành tích, việc làm ngu muội? Hoặc có một người lòng dâm quá nhiều, sân giận, ngu si lừng lẫy. Họ dùng pháp này để tự vui thích, dứt sạch hữu lậu thành tựu vô lậu. Đó gọi là khổ hành tích độn căn.

Thế nào là khổ hành tích, việc làm lanh lợi? Hoặc có một người ít dục, ít dâm, không sân giận cũng không nghĩ làm ba việc này. Lúc ấy, năm căn này không thiếu sót. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn; đó là năm. Người ấy dùng pháp này được tam-muội, dứt hữu lậu thành vô lậu. Đó là khổ hành tích lợi căn.

Đó là, này Tỳ-kheo! Có bốn hành tích này. Hãy tìm phương tiện bỏ ba hành tích trước, một hạnh sau hãy cùng vâng làm. Vì cớ sao? Khổ hành tích tam- muội khó được, đã được liền thành đạo, tồn tại lâu ở đời. Vì sao thế? Chẳng thể đem lạc cầu lạc, do khổ mào sau mới thành đạo. Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy thường dùng phương tiện thành tựu hành tích này. Như thế, các Tỳ- kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, vườn Trúc Ca-la-đà cùng với năm trăm đại chúng Tỳ-kheo.

Bấy giờ bốn Phạm chí cùng đắc ngũ thông, tu hành pháp lành, ở chung một chỗ, bàn luận với nhau rằng: 'Lúc thần chết đến, chẳng tránh người mạnh khoẻ, mọi người hãy cùng ẩn nấp khiến thần chết không biết chỗ đến'.

Lúc ấy, một Phạm chí bay lên không trung, muốn được khỏi chết nhưng tránh chẳng khỏi mà chết ở không trung. Vị Phạm chí thứ hai lặn xuống đáy biển lớn muốn được khỏi chết, liền chết ở đó. Phạm chí thứ ba muốn khỏi chết, chui vào lòng núi Tu-di và chết trong đó. Phạm chí thứ tư chui xuống đất, đến mé kim cương, muốn được thoát chết, lại chết ở đó.

Bấy giờ Thế Tôn dùng thiên nhãn xem thấy bốn Phạm chí, mỗi người đều tránh chết mà đều cùng chết. Thế Tôn liền nói kệ:

Không phải hư không, biển, Không vào trong núi đá,

Không có địa phương nào, Thoát khỏi, không bị chết.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở đây, này Tỳ-kheo! Có bốn vị Phạm chí tụ tập một nơi, muốn được khỏi chết. Mỗi người quay tìm chỗ chạy mà không khỏi chết. Một người ở hư không, một người vào biển lớn, một người vào lòng núi, một người xuống đất, đồng chết hết. Thế nên, các Tỳ-kheo! Muốn được khỏi chết, nên tư duy bốn pháp bổn. Thế nào là bốn?

Tất cả hành vô thường, đó là pháp bổn đầu tiên nên nhớ tu hành; tất cả hành khổ, đó là pháp bổn thứ hai nên cùng tư duy; tất cả pháp vô ngã, đây là pháp bổn thứ ba nên cùng tư duy; diệt tận là Niết-bàn, đây là pháp bổn thứ tư nên cùng tư duy. Như thế, các Tỳ-kheo! Nên cùng tư duy bốn pháp này. Vì sao thế? Vì sẽ thoát sanh, già, bịnh, chết, sầu, lo khổ não. Đây là nguồn của khổ. Như thế các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trời Ba mươi ba có bốn vườn cảnh để ngắm. Chư Thiên ở đó vui chơi hưởng vui ngũ dục. Thế nào là bốn? Vườn cảnh Nan-đà-bàn-na, vườn canh Thô Sáp, vườn cảnh Trú Dạ, vườn cảnh Tạp Chủng.

Trong bốn vườn có bốn ao tắm, ao tắm rất mát, ao tắm hương thơm, ao tắm nhẹ nhàng, ao tắm trong suốt. Thế nào là bốn? Ao tắm Nan-đà, ao tắm Nan- đà Đảnh, ao tắm Tô-ma; ao tắm Hoan Duyệt. Tỳ-kheo nên biết! Trong bốn vườn có bốn ao tắm này khiến người thân thể thơm sạch, không có bụi bặm.

Vì sao gọi là vườn Nan-đà-bàn-na? Nếu Trời Ba mươi ba vào vườn Nan-đà- bàn-na, tâm tánh sẽ vui vẻ không kềm được, ở đó vui chơi nên gọi là vườn Nan-đà-bàn-na.

Vì sao gọi là vườn Thô Sáp? Nếu Trời Ba mươi ba vào trong vườn này, thân thể sẽ hết sức thô. Ví như mùa đông lấy hương bôi lên thân, thân thể hết sức thô, chẳng như lúc thường. Vì thế nên gọi là vườn Thô Sáp.

Vì sao gọi là vườn Trú Dạ? Giả sử Trời Ba mươi ba vào trong vườn này, nhan sắc chư Thiên sẽ khác nhau, tạo bao nhiêu hình thể, ví như phụ nữ mặc các loại áo xiêm, chẳng giống lúc thường. Đây cũng như thế. Nếu Trời Ba mươi ba vào trong vườn thì sẽ tạo các thứ hình sắc không giống lúc thường. Vì thế, gọi là vườn Trú Dạ.

Vì sao gọi là vườn Tạp Chủng? Bấy giờ vị Trời cao nhất, và Trời bậc trung và Trời bậc thấp vào trong vườn này đều sẽ giống nhau. Nếu là Trời thấp nhất thì không được vào ba vườn kia. Ví như vườn của Chuyển luân Thánh vương vào, các vua khác không được vào vườn tắm rửa. Còn nhân dân chỉ có thể đứng xa nhìn. Đây cũng như thế. Nếu chỗ Trời thần cao nhất vào tắm rửa, các Trời nhỏ khác không được vào. Thế nên, gọi là ao tắm Tạp Chủng.

Vì sao gọi là ao tắm Nan-đà? Nếu Trời Ba mươi ba vào trong ao này, lòng sẽ rất vui vẻ. Thế nên gọi là ao tắm Nan-đà?

Vì sao gọi là ao tắm Nan-đà Đảnh? Nếu Trời Ba mươi ba vào trong ao này, hai người nắm tay chà lên đỉnh đầu mà tắm rửa. Ngay trong Thiên nữ cũng làm như thế. Do đó gọi là ao tắm Nan-đà Đảnh.

Vì sao gọi là ao tắm Tô-ma? Nếu Trời Ba mươi ba vào trong ao tắm này, bấy giờ, nhan mạo chư Thiên đều giống như người, không có nhiều thứ. Thế nên gọi là ao tắm Tô-ma.

Vì sao gọi là ao tắm Hoan Duyệt? Nếu Trời Ba mươi ba vào trong ao này thì sẽ đều không có lòng kiêu mạn cao thấp, tâm dâm giảm bớt, bấy giờ đồng nhất tâm mà tắm. Thế nên gọi là ao tắm Hoan Duyệt.

Đó là, này Tỳ-kheo! Có nhân duyên này liền có tên này.

Nay trong Chánh pháp của Như Lai cũng lại như thế. Có tên bốn vườn. Thế nào là bốn? Vườn Từ; vườn Bi; vườn Hỷ; vườn Xả. Đó là, Tỳ-kheo! Trong chánh pháp Như Lai có bốn vườn này.

Tại sao gọi là vườn Từ? Tỳ-kheo nên biết! Do vườn Từ này sanh lên trời Phạm thiên; từ trời Phạm thiên đó chết đi sẽ sanh trong nhà hào quý, nhiều

tiền lắm của, hằng có vui ngũ dục, vui thú chưa từng rời mắt. Thế nên gọi là vườn Từ.

Vì sao gọi là vườn Bi? Tỳ-kheo nên biết! Nếu hay thân cận tâm bi giải thoát thì sẽ sanh cõi trời Phạm Quang Âm. Nếu đến sanh trong loài người thì sanh nhà tôn quý, không có sân giận, cũng nhiều tiền lắm của. Vì thế nên gọi là vườn Bi.

Vì sao gọi là vườn Hỷ? Nếu người hay thân cận vườn Hỷ thì sẽ sanh trời Quang Âm. Nếu lại sanh trong lòng người thì sẽ sanh nhà Quốc vương, lòng thường hoan hỉ. Vì thế nên gọi là vườn Hỷ.

Vì sao gọi là vườn Xả? Nếu có người thân cận xả thì sẽ sanh trời Vô Tưởng, thọ tám vạn bốn ngàn kiếp. Nếu lại sanh trong loài người thì sẽ sanh nhà ở chốn văn minh, cũng không sân hận, hằng bỏ tất cả hạnh phi pháp. Vì thế nên gọi là vườn Xả.

Tỳ-kheo nên biết! Trong Chánh pháp Như Lai có bốn vườn này khiến các Thanh Văn được dạo chơi trong ấy. Và trong bốn vườn này của Như Lai có bốn hồ tắm khiến hàng Thanh Văn của Ta tắm rửa, dạo chơi trong ấy, dứt hết hữu lậu thành tựu vô lậu, không còn trần cấu. Những gì là bốn? Hồ tắm có giác, có quán; hồ tắm không giác, không quán; hồ tắm xả niệm; hồ tắm không khổ, không vui.

Thế nào là hồ tắm có giác, có quán? Nếu có Tỳ-kheo được Sơ thiền rồi, ở trong các pháp hằng có giác quán, tư duy pháp trừ bỏ trói buộc, trọn không còn sót. Thế nên gọi là có giác, có quán.

Thế nào gọi là hồ tắm không giác, không quán? Nếu có Tỳ-kheo đắc Nhị thiền rồi, diệt có giác, có quán, lấy thiền làm thức ăn. Vì thế gọi là không giác, không quán.

Thế nào gọi là hồ tắm xả niệm? Nếu Tỳ-kheo được Tam thiền rồi, diệt có giác, có quán; không giác, không quán, hằng xả niệm Tam thiền. Vì thế gọi là hồ tắm xả niệm.

Thế nào gọi là hồ tắm không khổ không vui? Nếu có Tỳ-kheo được Tứ thiền rồi, cũng không niệm vui, cũng chẳng niệm khổ; cũng không niệm pháp quá khứ, vị lai; chỉ dụng tâm ở trong pháp hiện tại. Thế nên gọi là hồ tắm không khổ, không vui.

Do vậy, các Tỳ-kheo! Trong Chánh pháp của Như Lai có bốn hồ tắm này, khiến hàng Thanh Văn của Ta ở trong ấy tắm rửa, diệt hai mươi mốt kết, qua biển sanh tử, vào thành Niết-bàn. Thế nên, các Tỳ-kheo! Nếu muốn qua biển sanh tử này, hãy tìm phương tiện diệt hai mươi mốt kiết, vào thành Niết-bàn. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ví như bốn con rắn độc lớn hết sức hung bạo bỏ trong một cái hộp. Nếu có người từ bốn phương đến, muốn sống không muốn chết, muốn tìm vui không tìm khổ; chẳng ngu chẳng tối, tâm ý không rối loạn, không bị lệ thuộc. Khi ấy, nếu vua hay đại thần của vua gọi người này bảo:

- Nay có bốn con rắn độc lớn, hết sức hung bạo. Ông nên tùy lúc nuôi nấng, tắm rửa chúng cho sạch, tùy lúc cho ăn uống, đừng để thiếu thốn. Nay đúng lúc, hãy thi hành!

Người kia ôm lòng sợ hãi không dám tới thẳng, liền bỏ chạy chẳng biết về đâu. Lại bảo người kia rằng:

- Nay cho năm người cầm đao kiếm theo sau ông. Nếu họ bắt được sẽ dứt mạng ông, chớ nên chậm trễ.

Người kia sợ bốn con rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, phóng chạy tứ tung, không biết làm sao!

Vị ấy lại bảo người ấy rằng:

- Nay lại sai sáu oan gia theo sau ông. Ai bắt được sẽ dứt tính mạng ông, muốn làm gì hãy làm đi!

Người kia sợ bốn con rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, lại sợ sáu oan gia, liền phóng chạy khắp nơi. Người kia nếu thấy trong thành trống,

muốn vào đó núp. Hoặc người ấy gặp nhà hoang, hoặc gặp vách đổ không chỗ chắc chắn. Người ấy chỉ thấy vật trống rỗng, không có gì. Nếu lại có người thân hữu với người ấy, muốn giúp đỡ cho khỏi nạn liền bảo:

- 'Chỗ vắng vẻ này nhiều giặc cướp. Muốn là gì cứ tùy ý'.

Người kia lại sợ bốn rắn độc lớn, lại sợ năm người cầm đao kiếm, lại sợ oan gia, lại sợ trong thôn trống vắng, liền phóng chạy khắp nơi. Người ấy nếu thấy phía trước có dòng nước lớn vừa sâu vừa rộng, cũng không có người và cần đò để có thể qua được bờ kia, mà chỗ người ấy đứng lại nhiều giặc cướp hung ác. Lúc ấy, người đó nghĩ: 'Nước này rất sâu rộng, nhiều giặc cướp, làm sao qua được bờ kia? Nay ta nên gom góp cây cối cỏ rác làm bè, nương bè này từ bờ bên đây qua đến bờ bên kia'. Người ấy liền gom cây cỏ làm bè, rồi qua được bờ kia, chí không dời đổi.

Các Tỳ-kheo nên biết! Nay Ta lấy ví dụ, nên khéo suy nghĩ. Nói nghĩ này là có nghĩa gì?

Bốn rắn độc là tứ đại. Thế nào là tứ đại? Nghĩa là đất, nước, gió, lửa. Đó là tứ đại.

Năm người cầm kiếm tức ngũ thạnh ấm. Thế nào là năm? Nghĩa là sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm.

Sáu oan gia là dục ái.

Thôn trống là lục nhập bên trong. Thế nào là sáu? Nghĩa là nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập. Nếu người có trí tuệ, lúc quán mắt đều trống không, không chỗ có, hư dối, lặng lẽ, không bền chắc. Nếu lại quán tai, mũi, miệng, thân, ý đều trống không, đều rỗng lặng, cũng không bền chắc.

Nước là bốn dòng. Thế nào là bốn? Tức là dục lưu, hữu lưu, vô minh lưu, kiến lưu.

Bè lớn là tám đạo phẩm của Hiền Thánh. Thế nào là tám? Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh phương tiện, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh niệm, chánh định. Đó là tám đạo phẩm Hiền Thánh.

Muốn vượt qua nước là sức quyền phương tiện tinh tấn khéo léo.

Bờ này là thân tà.
Bờ kia là diệt thân tà.

Bờ này là nước vua A-xà-thế.
Bờ kia là nước vua Tỳ-sa.
Bờ này là cõi nước Ba-tuần.
Bờ kia là cảnh giới Như Lai.
Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Lúc ấy trong thành Xá-vệ có một Ưu-bà-tắc vừa mạng chung và lại sanh trong nhà đại Trưởng giả tại thành Xá-vệ. Vị phu nhân lớn nhất mang thai. Thế Tôn dùng thiên nhãn thanh tịnh không tỳ vết để xem, thấy Ưu-bà-tắc này sanh trong nhà Trưởng giả giàu nhất thành Xá-vệ.

Ngay ngày đó lại có Phạm chí thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục. Thế Tôn cũng dùng thiên nhãn xem thấy.

Cũng ngay ngày đó, Trưởng giả Cấp Cô Độc mạng chung, sanh cõi thiện, lên trời. Thế Tôn cũng dùng thiên nhãn xem thấy.

Ngay ngày đó có một Tỳ-kheo diệt độ. Thế Tôn cũng dùng thiên nhãn xem thấy.

Bấy giờ Thế Tôn thấy bốn việc này rồi, liền nói kệ này:

Nếu người thọ bào thai,
Hạnh ác vào địa ngục,
Người lành sanh lên trời,
Vô lậu nhập Niết-bàn.
Nay người hiền thọ sanh,
Phạm chí vào địa ngục,
Tu-đạt sanh lên trời,
Tỳ-kheo thì diệt độ.
Bấy giờ, Thế Tôn từ tĩnh thất dậy, đến giảng đường Phổ Tập mà ngồi, rồi Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay có bốn việc mà nếu người hay tu hành theo thì khi thân hoại mạng chung sẽ được sanh trong loài người. Thế nào là bốn? Nghĩa là người thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh không tỳ vết, lúc mạng chung sẽ được sanh trong loài người.

Này Tỳ-kheo! Lại có bốn pháp mà nếu người tu tập, hành theo thì sẽ vào trong địa ngục. Thế nào là bốn? Nghĩa là thân, miệng, ý, mạng không thanh tịnh. Đó là, này Tỳ-kheo! Có bốn pháp này mà nếu có người thân cận thì khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào trong địa ngục.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Lại có bốn pháp mà nếu người tu tập hành theo thì sẽ sanh cõi lành, lên trời. Thế nào là bốn? Bố thí, nhân ái, lợi người, đồng lợi. Đó là, này Tỳ-kheo! Nếu có người hành bốn pháp này thì khi thân hoại mạng chung, sẽ sanh cõi lành, lên trời.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Lại có bốn pháp mà nếu có người tu hành theo thì thân hoại mạng chung sẽ dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh nữa, như thật mà biết. Thế nào là bốn? Thiền có giác, có quán; Thiền không giác, không quán; Thiền xả niệm; Thiền khổ vui diệt. Đó là, này Tỳ-kheo! Có bốn pháp này. Nếu có người tu tập thực hành theo đó thì sẽ dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh nữa, như thật mà biết.

Thế nên, các Tỳ-kheo! Nếu có người vọng tộc trong bốn bộ chúng, muốn sanh trong loài người thì hãy tìm phương tiện hành thân, miệng, ý, mạng thanh tịnh. Nếu muốn được sanh cõi trời, cũng hãy tìm phương tiện hành tứ ân. Nếu muốn được hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, cũng hãy tìm phương tiện hành tứ thiền. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong rừng phía ngoài thành Tỳ-xá-ly.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa, lúc ta chưa thành Phật đạo; lúc ấy, Ta trú ở núi Đại Úy. Núi này, nếu ai có lòng dục hay không lòng dục vào đó, lông áo đều dựng ngược. Lại gặp lúc quá nóng nực, sóng nắng tung hoành, Ta cởi trần mà ngồi, ban đêm thì vào rừng sâu. Lúc trời quá lạnh, gió mưa dồn dập thì ban ngày Ta vào trong rừng, ban đêm ngồi ngoài trời. Bấy giờ Ta hay tụng một bài kệ mà xưa chưa từng nghe, chưa từng thấy:

Điềm đạm đêm an trú,
Trong núi sâu Đại Úy,
Lộ bày khắp thân thể,
Là Ta đã thệ nguyện.
Hoặc Ta đến gò mã lấy áo người chết che mình. Bấy giờ, có người làng Ân Trá đến lấy nhánh cây, mắc trong tai Ta hay mắc lên mũi Ta. Có người khạc nhổ, có người đi tiểu hoặc lấy đất bôi lên mình Ta. Nhưng Ta trọn không nghĩ gì về họ. Lúc ấy, Ta có tâm xả này.

Bấy giờ có nơi nuôi trâu (bò). Nếu Ta thấy phân bê liền lấy ăn. Nếu không có phân bê, Ta liền ăn phân bò. Khi ăn món này, Ta nghĩ: 'Nay ăn để làm gì? Hãy nhịn trọn ngày'. Lúc Ta nghĩ vậy, chư Thiên đến chỗ Ta bảo:

- Này Ngài chớ nhịn ăn nữa. Nếu Ngài nhịn, tôi sẽ đem cam lồ, tinh khí giúp Ngài sống'.

Ta lại nghĩ: 'Đã nhịn ăn, sao lại để chư Thiên đem cam lồ cho Ta? Đó là sự dối trá'. Rồi Ta lại nghĩ: 'Nay có thể ăn các thứ mè, gạo khác'. Bấy giờ, mỗi ngày Ta ăn một hột mè, một hột gạo, thân hình liệt nhược, xương cốt nối nhau. Trên đỉnh đầu mọc mụt nhọt, da thịt rơi rụng. Ví như hồ lô hư bể, không lành lặn, đầu Ta lúc ấy cũng thế, trên đỉnh mọc nhọt, da thịt rơi rụng, do không ăn. Cũng như tinh tú hiện trong giếng sâu; lúc ấy mắt Ta cũng thế, đều vì không ăn. Vì như xe cũ hư nát, thân ta cũng thế, tất cả đều hư hỏng không thể theo ý mình. Cũng như dấu chân lạc đà, hai xương cùng của Ta cũng thế. Nếu khi Ta lấy tay đè bụng, liền đụng xương sống. Nếu lúc đè xương sống, liền đụng da bụng. Thân thể ốm yếu đều vì không ăn. Bấy giờ, Ta lại dùng một hột mè, một hột gạo làm thức ăn trọn vô ích, chẳng được pháp thượng tôn. Nếu Ta muốn đại, tiểu tiện liền té xuống đất, không tự đứng lên được.

Bấy giờ chư Thiên trông thấy liền nói:

- Sa-môn Cù-đàm đã diệt độ!

Lại có chư Thiên nói:

- Sa-môn này chưa chết nay ắt phải chết.

Có chư Thiên lại nói:

- Sa-môn này không phải chết! Sa-môn này thực là A-la-hán. Pháp La-hán thường có khổ hạnh này.

Bấy giờ Ta còn thần thúc biết được chuyện bên ngoài. Ta lại nghĩ: 'Nay nên nhập vào Thiền không hơi thở' và Ta liền nhập Thiền không hơi thở, đếm hơi thở ra vào. Ta do đếm hơi thở ra vào, giác biết có hơi từ lỗ tai ra. Khi ấy, tiếng gió giống như tiếng sấm. Ta lại nghĩ: 'Nay Ta ngậm miệng, bịt tai cho hơi thở không ra'. Hơi thở vì không ra được, khi ấy hơi thở theo tay chân mà ra, cho dù hơi không ra từ tai, mũi, miệng. Bấy giờ bên trong như tiếng sấm rền. Ta cũng thế, khi ấy thần thức vẫn còn chuyển theo thân.

Ta lại nghĩ: 'Ta hãy nhập lại Thiền không thở'. Khi ấy, Ta bế hết các khiếu thở. Ta vì biết hết các hơi thở ra vào, đầu trán liền đau nhức như có người lấy dùi mà dùi đầu. Ta cũng vậy, đầu đau rất khổ sở.

Bấy giờ, Ta vẫn còn thần thức, Ta lại nghĩ: 'Nay Ta nên ngồi Thiền, dứt hơi thở, không cho ra vào'. Khi ấy, Ta liền bít hơi thở ra vào. Các hơi thở dồn xuống bụng. Lúc hơi thở trở nên hết sức nhỏ nhiệm, như đồ tể cầm dao giết trâu, Ta cũng vậy, hết sức đau đớn. Cũng như một người yếu đuối bị hai người mạnh khỏe nắm lấy đem nướng trên lửa, đau đớn chịu không nổi. Ta cũng vậy, khổ đau này không thể trình bày đầy đủ.

Bấy giờ, Ta vẫn còn thần thức. Ngày ngày Ta ngồi Thiền, thân thể không giống người. Có người trông thấy nói:

- Sa-môn này nhan sắc quá đen!

Có người thấy nói:

- Sa-môn này nhan sắc như màu chàm!

Tỳ-kheo nên biết! Trong sáu năm, tu hành khổ hạnh này mà chẳng được phép thượng tôn. Bấy giờ Ta nghĩ: 'Hôm nay nên ăn một trái cây'. Ta liền ăn một trái. Ngày Ta ăn một trái, thân hình yếu đuối không thể tự đi đứng, như một trăm hai mươi tuổi, đốt xương rời rạc chẳng thể nâng đỡ. Tỳ-kheo nên biết! Một quả khi ấy bằng trái táo nhỏ bây giờ. Bấy giờ Ta lại nghĩ: 'Đây chẳng phải căn bản Ta thành đạo, hãy nên theo lối khác!'.

Ta lại nghĩ: 'Ta tự nhớ ngày xưa ở dưới gốc cây của Phụ vương, không dâm, không dục, trừ bỏ pháp ác bất thiện, dạo ở Sơ thiền, không giác không quán, dạo ở Nhị thiền; niệm thanh tịnh không có các tưởng, dạo ở Tam thiền, và không khổ vui, ý niệm thanh tịnh dạo ở Tứ thiền. Có thể đây là đạo. Nay ta nên tìm đạo này.

Trong sáu năm, Ta cầu đạo cần khổ mà không thành tựu, hoặc nằm trên gai góc, hoặc nằm trên bảng cây đóng đinh sắt, hoặc treo thân thể cách xa mặt đất, hai chân ở trên, đầu chúc xuống, hoặc tréo chân, ngồi xoạc cẳng, hoặc để râu tóc dài không hề cạo hớt, hoặc ngày lửa nóng thiêu đốt, hoặc thời tiết đông lạnh ngồi trên băng, thân thể chìm trong nước, hoặc lặng lẽ không nói, hoặc có lúc một ngày ăn một bữa, hoặc hai ngày ăn một bữa, hoặc ba ngày một bữa, hoặc bốn ngày một bữa, cho đến bảy ngày một bữa, hoặc ăn rau trái, hoặc ăn lúa mè, hoặc ăn rễ cỏ, hoặc ăn trái cây, hoặc ăn hương hoa, hoặc ăn các thứ quả, củ. Có lúc ở trần, có lúc mặc y rách nát, hoặc đắp y bằng cỏ gấu, hay đắp y lông dạ, có lúc lấy tóc người che thân, có lúc để tóc, có lúc lấy tóc người khác đội thêm.

Như thế, Tỳ-kheo! Khi xưa Ta khổ hạnh đến như vậy mà chẳng thu hoạch được căn bản của bốn pháp. Thế nào là bốn? Nghĩa là giới luật Hiền thánh khó hiểu, khó biết; trí tuệ Hiền thánh khó hiểu, khó biết; giải thoát Hiền thánh khó hiểu, khó biết; tam-muội Hiền thánh khó hiểu, khó biết. Đó là, này Tỳ-kheo! Có bốn pháp này. Xưa ta khổ hạnh chẳng được cốt yếu này.

Bấy giờ, Ta lại nghĩ: 'Nay Ta cốt sẽ tìm được đạo vô thượng. Thế nào là đạo vô thượng? Nghĩa là hướng về bốn pháp này: Giới luật Hiền thánh, tam- muội Hiền thánh, trí tuệ Hiền thánh, giải thoát Hiền thánh'.

Rồi Ta lại nghĩ: 'Chẳng thể đem thân ốm yếu này mà cầu đạo Thượng tôn, nên ăn chút ít để được khí tinh vi, nuôi nấng thân thể, khí lực mạnh mẽ. Sau đó mới tu hành đắc đạo'.

Ngay khi Ta ăn chút ít, được khí tinh vi, năm Tỳ-kheo bỏ ta lui về: 'Sa-môn Cù-đàm này tánh hạnh lầm lẫn, bỏ chân pháp theo nghiệp tà'.

Lúc áy, Ta liền từ chỗ ngồi đứng lên, kinh hành theo hướng Đông. Ta lại nghĩ: 'Hằng sa chư Phật thời quá khứ lâu xa thành đạo ở đâu?' Khi ấy, Thiên thần ở hư không đứng bên trên bảo Ta:

- Hiền sĩ, nên biết hằng sa chư Phật Thế Tôn thời quá khứ ngồi dưới bóng mát mẻ của cây đại thọ mà thành Phật.

Ta lại nghĩ: 'Ngồi chỗ nào mà thành Phật đạo? Ngồi ư? Đứng ư'. Chư Thiên lại đến bảo Ta:

- Hằng sa chư Phật thời quá khứ ngồi trên đệm cỏ, sau đó thành Phật.

Khi ấy, cách Ta không xa, có Phạm chí Cát Tường cắt cỏ một bên. Ta liền đến đó hỏi:

- Ông là ai? Tên gì? Có họ chăng?

Phạm chí đáp:

- Tôi tên Cát Tường, họ Phất Tinh.

Ta bảo người ấy:

- Lành thay! Lành thay! Tên họ như thế rất hiếm có. Họ tên không dối mới thành hiệu này, khiến ông hiện đời tốt lành, không bất lợi, trọn khiến ông trừ sạch sanh, già, bệnh, chết. Ông họ Phất Tinh đồng với ta lúc trước. Nay Ta muốn xin ít cỏ.

Cát Tưởng hỏi:

- Nay Cù-đàm dùng cỏ làm gì?

Ta đáp Cát Tường:

- Ta muốn trải dưới cây Thọ vương để cầu bốn pháp. Thế nào là bốn? Nghĩa là: Giới luật Hiền thánh, tam-muội Hiền Thánh, trí tuệ Hiền Thánh, giải thoát Hiền Thánh.

Tỳ-kheo nên biết! Bấy giờ Cát Tường đích thân đem cỏ trải dưới cây Thọ vương. Rồi Ta ngồi lên, chính thân, chính ý, ngồi kiết-già, buộc niệm ở trước. Bấy giờ Ta cởi bỏ lòng tham dục, trừ các ác pháp, có giác, có quán

dạo ở Sơ thiền; có giác, có quán trừ hết, dạo tâm ở Nhị thiền, Tam thiền; xả niệm thanh tịnh, ưu hỷ trừ sạch, dạo tâm Tứ thiền.

Bấy giờ ta do tâm thanh tịnh trừ các kiết sử, đắc vô sở úy, tự biết túc mạng biến đổi vô số. Ta liền tự nhớ việc vô số đời, hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn, năm đời, mười đời, hai mươi, ba mươi, bốn mươi, năm mươi, một trăm đời, ngàn đời, trăm, ngàn, vạn đời; kiếp thành kiếp hoại, vô số kiếp thành, vô số kiếp hoại, vô số kiếp thành hoại. Ta từng chết đây sanh kia, từ kia mạng chung đến sanh nơi này, nguồn gốc nhân duyên gốc ngọn đi theo, nhớ việc vô số đời như thế.

Ta lại dùng thiên nhãn thanh tịnh, không tỳ vết mà quán chúng sanh, kẻ sanh, người chết, cõi lành sắc lành, cõi ác sắc ác, hoặc đẹp hay xấu tùy hạnh bổn, Ta đều biết rõ. Hoặc có chúng sanh thân, miệng, ý hành ác, phỉ báng Hiền thánh, tạo gốc nghiệp tà, tương ưng với tà kiến, thân hoại mạng chung, sanh trong địa ngục. Hoặc có chúng sanh thân, miệng, ý hành thiện, không phỉ báng Hiền thánh, tương ưng với chánh kiến, thân hoại mạng chung sanh ở nhân gian. Đó là chúng sanh thân, miệng, ý không có tà nghiệp.

Ta do tâm tam-muội thanh tịnh không tỳ vết, dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh, như thật mà biết, liền thành đạo Vô thượng Chánh Chân.

Này các Tỳ-kheo! Nếu như có Sa-môn, Bà-la-môn rõ biết các nẻo như những đường này, vốn ngày xưa Ta chưa có đường nào chẳng đi, trừ một lần lên trời Tịnh Cư, không đến cõi này. Hoặc lại, Sa-môn, Bà-la-môn, chỗ nên sanh mà Ta chẳng sanh thì không đúng. Đã sanh lên trời Tịnh Cư thì không đến thế gian này nữa. Các Thầy đã được giới luật Hiền Thánh, Ta cũng được. Các Thầy được tam-muội Hiền thánh, Ta cũng được. Các Thầy được trí tuệ Hiền thánh, Ta cũng được. Các Thầy được giải thoát Hiền thánh, Ta cũng được. Các Thầy được giải thoát tri kiến Hiền thánh, Ta cũng được. Ta đã dứt gốc rễ bào thai, sanh tử đã hết hẳn, không còn tái sanh.

Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy cầu phương tiện thành tựu bốn pháp. Vì sao thế? Nếu Tỳ-kheo được bốn pháp này thì thành đạo chẳng khó. Như ngày nay, Ta thành đạo Vô thượng Chánh Chân đều do bốn pháp này mà được thành quả. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Quá khứ lâu xa, Trời Ba mươi ba là Thích-đề-hoàn-nhân cùng các ngọc nữ đến vườn Nan-đà-bàn-na dạo chơi. Có một thiên nhân làm kệ:

Không thấy vườn Nan-đàn,
Thì chẳng biết có vui,
Các chỗ chư Thiên ở,
Không đâu hơn nơi này.
Bấy giờ, có vị Trời bảo Thiên nhân ấy rằng:

- Nay Ông không trí, không biết phân biệt chánh lý. Vật khổ lo mà ngược lại cho là vui, vật không bền chắc mà nói là bền. Vật vô thường nói ngược là thường, vật không khẩn yếu lại nói khẩn yếu. Vì sao thế? Ông không nghe Như Lai nói kệ sao?

Tất cả hành vô thường,
Sanh ra tất có chết,
Chẳng sanh thì không chết,
Diệt này là vui nhất.
Đã có nghĩa này, lại có kệ này. Sao ông lại nói cõi này vui nhất? Nay ông nên biết! Như Lai cũng nói pháp Tứ lưu. Nếu chúng sanh chìm trong những dòng này, trọn chẳng đắc đạo. Những gì là bốn? Nghĩa là dục lưu, hữu lưu, kiến lưu, vô minh lưu.

Thế nào gọi là dục lưu? Dục lưu gồm năm dục. Thế nào là năm? Nghĩa là mắt thấy sắc khởi nhãn thức tưởng, tai nghe tiếng khởi thức tưởng, mũi ngửi mùi khởi thức tưởng, lưỡi nếm vị khởi thức tưởng, thân biết xúc chạm khởi thức tưởng. Đó gọi là dục lưu.

Thế nào là hữu lưu? Hữu tức là ba cõi. Thế nào là ba? Nghĩa là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Đó là hữu lưu.

Thế nào gọi là kiến lưu? Kiến lưu nghĩa là chấp đời là thường, vô thường, đời là hữu biên, vô biên, có thân, có mạng, chẳng phải thân, chẳng phải mạng, Như Lai có chết. Như Lai không chết, hoặc Như Lai chết Như Lai không chết, không Như Lai chết cũng không Như Lai không chết. Đó gọi là kiến lưu.

Thế nào là vô minh lưu? Vô minh là không biết, không tin, không thấy. Tâm ý tham dục, hằng mong cầu và có ngũ cái: tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, diệu hý cái, nghi cái. Lại chẳng biết Khổ, chẳng biết Tập, chẳng biết Diệt, chẳng biết Đạo. Đó gọi là vô minh lưu.

Thiên tử nên biết! Như Lai nó bốn dòng này. Nếu có ai chìm vào đây thì chẳng thể đắc đạo.

Bấy giờ vị Trời kia nghe lời này xong, như trong khoảng lực sĩ co duỗi cánh tay, từ trời Ba mươi ba biến mất đi đến chỗ Ta cúi lạy rồi đứng một bên. Trời ấy bạch với Ta:

- Lành thay, Thế Tôn! Khéo nói nghĩa này: Như Lai đã nói bốn dòng. Nếu phàm phu chẳng nghe bốn dòng này thì chẳng được bốn điều vui. Thế nào là bốn? Nghĩa là vui điều phục hơi thở, vui chánh giác, vui Sa-môn, vui Niết- bàn. Nếu phàm phu chẳng biết bốn dòng này thì chẳng được bốn vui này.

Nói vậy xong, Ta lại bảo:

- Đúng vậy Thiên tử! Như lời ông nói. Nếu không biết được bốn dòng này thì không biết được bốn vui này.

Rồi Ta cùng Thiên nhân kia lần lượt cùng luận. Luận nghĩa là thí luận, giới luận, luận sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, lậu là hoạn lớn, xuất yếu là vui.

Bấy giờ Thiên nhân đã phát tâm hoan hỷ, Ta liền diễn nói rộng về pháp bốn dòng và nói về bốn vui. Khi ấy, vị Trời kia chuyên tâm một lòng suy nghĩ pháp này xong, sạch các trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh. Nay Ta cũng nói bốn pháp, bốn vui này sẽ được pháp Tứ đế. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên tu tưởng vô thường, nên quảng bá tưởng vô thường. Đã tu tưởng vô thường, quảng bá tưởng vô thường thì đoạn ái dục giới, ái sắc giới, ái vô sắc giới, đoạn hết vô minh, đoạn kết kiêu mạn. Ví như đốt cháy cây cỏ, dẹp trừ sạch hết. Đây cũng vậy, nếu tu tưởng vô thường thì đoạn trừ hết tất cả kiết sử. Vì sao thế?

Ngày xưa rất lâu xa, có một Thiên tử đem năm trăm ngọc nữ, theo nhau kẻ trước người sau, đến dạo chơi trong vườn Nan-đàn-bàn-na, chơi đùa dần đến dưới cây Ca-ni, tự vui ngũ dục. Rồi Thiên tử kia leo lên cây chơi, hái hoa, tâm ý rối loạn, rơi xuống cây mà chết. Ông sanh trong nhà trưởng giả lớn trong thành Xá-vệ này. Bấy giờ, năm trăm ngọc nữ đấm ngực kêu gào không ngớt. Ta dùng thiên nhãn trông thấy Thiên tử chết sanh trong nhà đại Trưởng giả, trong thành Xá-vệ. Qua tám chín tháng sanh một bé trai đoan chánh vô song, như màu hoa đào. Con Trưởng giả dần dần khôn lớn. Cha mẹ liền tìm vợ cho anh ta. Cưới vợ chưa bao lâu, anh lại chết, sanh trong biển lớn làm thân rồng. Bấy giờ trong nhà Trưởng lão kia, cả nhà đều kêu khóc đau đớn rất thương tâm. Rồng ấy lại bị chim cánh vàng ăn thịt, chết sanh trong địa ngục. Bấy giờ, các Long nữ lại thiết tha thương nhớ vô tả.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Trời kia lúc hái hoa,
Tâm lý loạn không an,
Như nước trôi thôn xóm,
Tất chìm không cứu được.
Bấy giờ chúng ngọc nữ,
Vây quanh mà khóc lóc,
Mặt mày rất đoan chánh,
Yêu hoa mà mạng chung.
Loài ngươì cũng than khóc,
Mất khúc ruột của ta,
Vừa bụng lại mạng chung,
Bị vô thường tan hoại.
Long nữ theo sau tìm,
Các rồng đều tụ tập,
Bẩy đầu thật dũng mãnh,
Bị chim cánh vàng hại.
Chư Thiên cũng lo buồn,
Loài người cũng như thế,
Long nữ cũng sầu lo,
Địa ngục chịu đau khổ.
Diệu pháp Tứ đế này,
Như thật mà chẳng biết,
Có sanh thì có chết,

Chẳng thoát biển sông dài.
Thế nên hãy khởi tưởng,
Tu các pháp thanh tịnh,
Tất sẽ lìa khổ não,
Lại chẳng bị tái sanh.
Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy nên tu hành tưởng vô thường, quảng bá tưởng vô thường, sẽ đoạn dục ái, sắc ái, vô sắc ái, cũng đoạn kiêu mạn, dứt hẳn vô minh không sót. Như thế, các Tỳ-kheo! Hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

11. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ đệ tử Tôn giả Mục-liên và đệ tử Tôn giả A-nan, hai người nói chuyện:

- Hai chúng ta đồng thanh tụng kinh xem ai hay hơn!

Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo nghe hai người thảo luận, nghe rồi đến chỗ Thế Tôn cúi lạy, ngồi một bên. Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Nay có hai người bàn luận: 'Hai chúng ta cùng tụng kinh xem ai hay!'.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

- Thầy đi gọi hai Tỳ-kheo ấy đến đây!

Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn!

Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, đến hai người kia bảo họ:

- Thế Tôn gọi hai Thầy.

Hai người nghe Tỳ-kheo nói xong, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ, Thế Tôn bảo hai người:

- Các Thầy ngu si! Các Thầy thực có nói: 'Chúng ta cùng tụng kinh xem ai hay hơn' không?

Hai người đáp:

- Đúng vậy, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Các Thầy có nghe Ta nói pháp này: Hãy cùng cạnh tranh với nhau chăng? Pháp như thế đâu khác Phạm chí?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Con chẳng nghe Như Lai nói pháp này.

Thế Tôn bảo:

- Ta không thuyết pháp cho Tỳ-kheo tranh hơn thua mà Ta thuyết pháp là muốn có chỗ hàng phục, có giáo hóa. Nếu có Tỳ-kheo lúc thọ pháp, hãy nhớ suy nghĩ pháp bốn duyên, xem ý có tương ưng với Khế kinh, A-tỳ-đàm, Luật không? Nếu tương ưng, hãy nhớ vâng làm.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ:

Tụng nhiều việc vô ích,
Pháp này chẳng phải hay,
Như đi đếm số bò,
Chẳng thiết yếu Sa-môn.
Nếu tụng tập chút ít,
Đối với pháp thi hành,
Pháp này là trên hết,
Đáng gọi pháp Sa-môn.
Tuy tụng đến ngàn chương,
Không nghĩa, đâu ích gì?
Chẳng bằng tụng một câu,
Nghe xong đắc đạo được.
Tuy tụng đến ngàn lời,
Không nghĩa, đâu ích gì?
Chẳng bằng tụng một nghĩa,
Nghe xong đắc đạo được.
Dầu tại bãi chiến trường,
Thắng ngàn ngàn quân địch
Tự thắng mình tốt hơn
Chiến thắng thật tối thượng.
Thế nên, các Tỳ-kheo! Từ nay về sau chớ nên tranh tụng, có tâm hơn thua. Vì sao thế? Hãy nghĩ hàng phục tất cả mọi người. Nếu lại, này Tỳ-kheo! Người có tâm hơn thua, tâm tranh tụng nhau mà cùng cạnh tranh thì phải lấy pháp luật trị họ ngay. Tỳ-kheo! Vì thế hãy tự tu hành.

Hai Tỳ-kheo nghe Phật nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng lên cúi lạy Thế Tôn xin sám hối:

Thế Tôn bảo:

- Trong đại pháp, các Thầy đã chịu sửa lỗi. Các Thầy tự biết có tâm cạnh tranh, Ta chấp thuận cho các Thầy hối lỗi. Các Tỳ-kheo! Chớ nên thế nữa! Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Tăng thượng, tọa, hành tích,
Vô thường, vườn quán, hồ,
Vô lậu, vô tức, Thiền,
Bốn vui, không tranh tụng.
---o0o---

XXXII. Phẩm Thiện tụ 1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ thuyết về thiện tụ. Các Thầy hãy khéo suy nghĩ và ghi nhớ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật, Phật dạy:

- Thế nào gọi là thiện tụ? Nghĩa là năm căn. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn. Đó là, này Tỳ-kheo! Có năm căn này. Nếu có Tỳ-kheo tu hành năm căn thì sẽ thành Tu-đà-hoàn, được pháp bất thối chuyển, tất sẽ thành tựu chí đạo. Càng tu tiến lên thành Tư-đà- hàm, trở lại cõi này, dứt hết mé khổ. Tiến thêm đạo này thành A-na-hàm, không trở lại đây nữa mà bát Niết-bàn. Tu hành tiến thêm, dứt hẳn các hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân tác chứng, tự du hí. Sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không tái sanh nữa, như thực mà biết.

Thiện tụ là ngũ căn. Vì sao thế? Đây là nhóm lớn nhất, hay nhất trong các nhóm. Nếu chẳng hành pháp này thì chẳng thành Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la-hán, Phật Bích-chi và Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Nếu được năm căn này, liền có đạo Tứ quả Tam thừa. Nếu được năm căn này, liền có đạo Tứ quả Tam thừa. Nói về thiện tụ thì năm căn này trên hết. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện hành năm căn này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ thuyết về bất thiện tụ. Các Thầy nên khéo nghĩ nhớ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

- Thế nào gọi là bất thiện tụ? Nghĩa là năm món che đậy (ngũ cái). Thế nào là năm? Tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, điệu hý cái, nghi cái. Đó gọi là ngũ cái. Muốn biết bất thiện tụ thì đây gọi là ngũ cái. Vì sao thế?

Tỳ-kheo nên biết! Nếu có ngũ cái này, liền có phần súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Các pháp bất thiện đều từ đây khởi lên. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện diệt tham dục cái, sân nhuế cái, thùy miên cái, điệu hý cái, nghi cái. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Phụng sự, lễ Phật có năm công đức. Thế nào là năm? Đoan chính; tiếng tốt; nhiều tiền lắm của; sanh dưỡng trong nhà trưởng giả; chết sanh cõi lành, lên trời. Vì sao thế? Như Lai không ai sánh bằng. Như Lai có tín, có giới, có văn, có tuệ, có sắc lành thành tựu nên thành tựu năm công đức.

Lại do nhân duyên gì lễ Phật được đoan chánh? Vì thấy hình tượng Phật rồi phát tâm hoan hỷ. Do nhân duyên này được đoan chánh.

Lại do nhân duyên gì có âm thanh tốt? Vì thấy hình tượng Như Lai rồi, ba lần xưng danh hiệu: Nam-mô Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Do nhân duyên này được âm thanh tốt.

Lại do nhân duyên gì được lắm tiền nhiều của? Do họ thấy Như Lai mà bố thí lớn: rải hoa, đốt đèn và thí những vật khác. Do nhân duyên này được giàu có.

Lại do nhân duyên gì sanh nhà trưởng giả? Nếu thấy thân Như Lai rồi, tâm không dính mắc, gối phải chấm đất, quỳ thẳng chắp tay chí tâm lễ Phật. Do nhân duyên này sanh nhà trưởng giả.

Lại do nhân duyên gì khi chết sanh cõi lành, lên trời? Theo phép thường của chư Phật, Thế Tôn: Có các chúng sanh đem năm việc nhân duyên lễ Như Lai sẽ sanh cõi lành, lên trời.

Đó là, Tỳ-kheo! Có năm nhân duyên lễ Phật được công đức. Thế nên, các Tỳ-kheo! Nếu có thiện nam, tín nữ muốn lễ Phật, nên tìm phương tiện thành tựu năm công đức này. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ví như phòng nhà có hai cửa đối nhau, có người đứng ở trong, lại có người đứng ở trên nhìn người bên dưới ra vào, đi đến thảy đều thấy biết. Ta cũng như thế, dùng thiên nhãn quán chúng sanh, người sanh, người chết, cõi lành, cõi ác, sắc lành, sắc ác, hoặc tốt hoặc xấu, đi theo loài nào thảy đều biết hết.

Nếu có chúng sanh thân làm lành, miệng nói lành, ý nghĩ lành, chẳng phỉ báng Hiền Thánh, hành pháp Chánh kiến, tương ưng với Chánh kiến, chết sẽ sanh cõi lành, lên trời. Đó gọi là chúng sanh làm thiện.

Nếu có chúng sanh làm pháp lành này, chẳng tạo hạnh ác, chết sẽ sanh trong loài người.

Nếu lại có chúng sanh thân, miệng ý làm ác, tạo hạnh bất thiện, chết rồi sanh trong ngạ quỷ.

Hoặc có chúng sanh, thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền thánh, tương ưng với tà kiến, chết sẽ sanh trong súc sanh.

Hoặc có chúng sanh, thân, miệng, ý làm ác, tạo hạnh bất thiện, phỉ báng Hiền Thánh, chết rồi sanh trong địa ngục. Lúc ấy, ngục tốt đem tội nhân này đến gặp vua Diêm-la và nói:

- Đại vương nên biết! Người này đời trước thân, ý làm ác, tạo các hạnh ác đã sanh trong địa ngục này. Đại vương nên xét, dùng tội gì trị người này?

Vua Diêm-la từ từ hỏi riêng người ấy về tội của người ấy. Vua bảo người ấy:

- Thế nào, kẻ kia! Xưa Ông đời trước làm thân người, không thấy người sanh ra, lúc ở thai rất nguy khốn, đau đớn thực khó ở và khôn lớn được nuôi dưỡng bú mớm, tắm rửa thân thể nào?

Tội nhân đáp:

- Thực có thấy, Đại vương!

Vua Diêm-la nói:

- Thế nào, kẻ kia! Ông không biết hạnh thiết yếu của pháp sanh nào? Pháp thân, miệng, ý tu các đường lành?

Tội nhân bảo:

- Đúng vậy, Đại vương! Như Đại vương dạy. Chỉ vì ngu hoặc chẳng phân biệt hạnh lành.

Vua Diêm-la nói:

- Như chỗ Ông nói, việc này chẳng khác. Ta cũng biết Ông không tạo thân, miệng, ý hạnh. Nhưng hôm nay, ta sẽ cứu xét tội phóng dật của Ông làm, chẳng phải do cha mẹ làm, cũng chẳng phải quốc vương, đại thần làm ra. Vốn tự mình tạo tội, nay tự thọ báo.

Vua Diêm-la hỏi tội trước rồi sau ra lệnh trị tội.

Kế đó, vị Thiên sứ thứ hai hỏi người ấy rằng:

- Xưa Ông làm người, chẳng thấy người già thân thể rất yếu, bước đi khổ kiệt, áo quần nhớp nhúa, tới lui run rẩy, hơi thở rên rỉ, không còn tâm trẻ trung sao?

Tội nhân đáp:

- Đúng vậy, Đại vương! Tôi đã thấy.

Vua Diêm-la nói:

- Ông nên tự biết: 'Nay ta cũng sẽ bị già như thế. Già là đáng chán, nên tu hạnh lành'.

Tội nhân đáp:

- Đúng vậy, Đại vương! Lúc ấy, tôi thực chẳng tin.

Vua Diêm-la bảo:

- Ta thực biết Ông không tạo hạnh thân, miệng, ý. Nay ta sẽ trị tội Ông để sau không phạm nữa. Ông làm ác, chẳng phải do cha mẹ làm, cũng chẳng phải vua, quan, nhân dân tạo. Nay Ông tự tạo tội, sẽ tự chịu quả báo.

Vua Diêm-la đưa Thiên sứ thứ hai chỉ bảo rồi lại đưa Thiên sứ thứ ba bảo người kia rằng:

- Ông lúc trước làm người, không thấy có người bịnh nằm trên phần tiểu, không thể ngồi dậy sao?

Tội nhân đáp:

- Đúng vậy, Đại vương! Tôi thực có thấy.

Vua Diêm-la nói:

- Thế nào Kẻ kia? Ông chẳng tự biết: 'Rồi ta cũng sẽ bị bịnh như thế, há khỏi được hoạn này sao?'.

Tội nhân đáp:

- Thực vậy, Đại vương! Tôi thực chẳng thấy.

Vua Diêm-la nói:

- Ta cũng biết Ông ngu hoặc chẳng hiểu. Nay ta sẽ xử tội Ông để sau chẳng phạm nữa. Tội này Ông làm, chẳng phải cha, chẳng phải mẹ làm, cũng chẳng phải quốc vương, đại thần tạo.

Vua Diêm-la dạy dỗ thế rồi. Sau lại đem Thiên sứ thứ tư bảo người ấy:

- Thế nào Kẻ kia? Ông có thấy thân như cây khô, gió thoát ra, lửa cạn, không còn tình tưởng. Bà con vây quanh kêu khóc chăng?

Tội nhân đáp:

- Đúng vậy, Đại vương! Tôi đã thấy.

Vua Diêm-la nói:

- Sao ông không tự nghĩ: 'Ta cũng sẽ không thoát khỏi cái chết này?'.

Tội nhân đáp:

- Thưa vậy, Đại vương! Tôi thực chẳng biết.

Vua Diêm-la nói:

- Ta cũng tin Ông không biết pháp này. Nay sẽ trị Ông khiến sau chẳng phạm. Tội bất thiện này chẳng phải cha, chẳng phải mẹ làm, cũng chẳng phải quốc vương, đại thần, nhân dân tạo. Xưa Ông tự làm nay phải tự chịu tội.

Vua Diêm-la lại đưa Thiên sứ thứ năm bảo người ấy:

- Xưa Ông làm người, không thấy có giặc đục tường phá nhà, lấy tiền của người khác, hoặc dùng lửa đốt, hoặc che giấu giữa đường. Nếu bị quốc vương bắt được hoặc chặt tay chân, giết chết, hoặc giam ngục, hoặc trói ngược mang đến chợ, hoặc khiến vác đá cát, hoặc đem treo ngược, hoặc bắn

tên, hoặc lấy nước đồng rót vào thân, hoặc lấy lửa nướng, hoặc lột da, rồi bắt ăn, hoặc mổ bụng lấy cỏ nhét vào, hoặc bỏ vào nước sôi nấu, hoặc dùng dao chặt, bánh xe nghiến đầu, hoặc cho voi chà chết, hoặc đóng cọc cho đến chết sao?

Tội nhân đáp:

- Thực tôi có thấy.

Vua Diêm-la nói:

- Vậy sao Ông ăn trộm vật của người khác? Thực biết có việc ấy, sao còn phạm?

- Đúng vậy, Đại vương! Tôi thật ngu dốt.

Vua Diêm-la nói:

- Ta cũng tin lời Ông. Nay trị tội Ông để sau không phạm nữa. Tội này chẳng phải cha mẹ làm, cũng chẳng phải Quốc vương, đại thần, nhân dân làm, tự mình tạo tội lại tự thọ báo.

Vua Diêm-la hỏi tội xong, liền sai ngục tốt:

- Mau dẫn người này đến giam ngục.

Ngục tốt nhận lệnh vua, đem tội nhân này bỏ ngục. Địa ngục bên trái lửa cháy rất mạnh, thành quách bằng sắt, đất cũng bằng sắt. Có bốn cửa thành hôi thúi nồng nặc như thể phần tiểu, xem thật bẩn thỉu. Núi đao rừng kiến vây quanh bốn mặt, lại dùng lồng sắt thưa chụp lên trên.

Thế Tôn lại nói kệ:

Bốn vách bốn cửa thành

Rộng dài thật là chắc,
Lồng sắt che trên đó,
Muốn ra không có khi.
Lúc ấy trên đất sắt,
Lửa cháy hết sức mạnh,
Vách vuông trăm do-tuần,
Rộng rãi toàn một màu.
Ở giữa có bốn trụ,
Xem thật là dễ sợ,
Và trên rừng cây kiếm,
Chỗ quạ mỏ sắt nghỉ.
Hôi thối thật khó ở,
Xem đến lông áo dựng,
Các thứ vật đáng sợ,
Có mười sáu vách ngăn.
Tỳ-kheo nên biết! Bấy giờ ngục tốt dùng bao thứ đau khổ đánh đập người này. Tội nhân kia lúc đặt chân vào ngục máu thịt văng hết, chỉ còn xương. Khi ấy, ngục tốt đem tội nhân này dùng búa bén chặt thân, đau khổ khó kể xiết, muốn chết chẳng được; đến khi tội diệt mới thoát được. Lúc ở nhân gian, người ấy tạo nghiệp tội gì, cần phải trừ cho hết sau mới ra được.

Bấy giờ, ngục tốt đem tội nhân này cột trong cây đao kiếm, ở trên hoặc ở dưới. Tội nhân đã ở trên cây liền bị chim mỏ sắt ăn thịt, hoặc mổ đầu ăn não, hoặc quắp tay chân, đập xương lấy tủy, mà tội chưa hết. Nếu tội hết thì được ra khỏi.

Ngục tốt lại bắt tội nhân ấy ôm trụ đồng nóng. Vì lúc ở đời ưa dâm dật nên mắc tội này, bị tội truy đuổi không thoát được. Ngục tốt rút gân từ gót chân đến cổ rồi kéo về trước, hoặc cho xe chở, hoặc tới hoặc lui không được tự tại. Ở đây, người ấy chịu khổ không thể kế xiết, cần phải khiến cho tội trừ hết rồi cho ra.

Bấy giờ, ngục tốt đem tội nhân kia đặt lên núi lửa, đuổi chạy lên xuống cho chín nhừ sau đó mới cho ra. Lúc ấy, tội nhân cầu chết chẳng được, phải khiến cho tội trừ hết, sau mới cho ra.

Ngục tốt lại bắt tội nhân, rút lưỡi ném ra sau lưng. Trong đó tội nhân chịu khổ không thể tính kể, cầu chết chẳng được. Bấy giờ, ngục tốt lại đem tội nhân đặt trên núi đao, hoặc chặt chân, hoặc chặt đầu, hoặc chặt tay, cần cho hết tội, sau mới ra khỏi.

Bấy giờ, ngục tốt lại lấy lá sắt lớn nung nóng đặt lên tội nhân như lúc sống mặc áo. Lúc ấy, đau khổ độc hại rất khó chịu, đều do tham dục nên mắc tội như thế. Lúc ấy, ngục tốt lại sai tội nhân làm năm thứ lao dịch, khiến nằm

xuống, lấy đinh sắt đóng vào tay chân, lại lấy đinh đóng vào tim. Ở đó, chịu đau khổ khó tả, cốt cho hết tội, sau mới ra được.

Bấy giờ, ngục tốt lại đem tội nhân dốc ngược thân, bỏ vào vạc, phía dưới thân bị chín nhừ trở lại phía trên cũng chín nhừ, cho đến bốn bên cũng chín nhừ luôn, khổ sở đau đớn khôn kể. Nổi lên cũng nhừ, không nổi lên cũng nhừ. Ví như nồi lớn nấu đậu nhỏ, ở trên hay ở dưới. Nay tội nhân này cũng vậy; hiện cũng nhừ, không hiện cũng nhừ, trong đó chịu khổ khôn kể, cốt cho hết tội, sau mới ra khỏi.

Tỳ-kheo nên biết! Hoặc có lúc ở trong địa ngục kia, trải qua vài năm cửa Đông bèn mở. Bấy giờ, tội nhân chạy đến cửa, cửa tự nhiên đóng, người kia té xuống đất. Ở đó chịu khổ không nói hết, mỗi người tự oán trách, kêu ca:

- Tôi vì các Ông mà chẳng được ra cửa!

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Người ngu thường vui vẻ,
Cũng như trời Quang Âm,
Người trí thường lo sợ,
Tợ như tù trong ngục.

Bấy giờ, trong đại địa ngục, trải qua trăm, ngàn, vạn năm, cửa Bắc lại mở. Tội nhân chạy đến cửa Bắc. Cửa liền đóng lại, cốt cho hết tội, tội diệt mới ra được. Tội nhân kia lại trải qua mấy trăm vạn năm bèn được ra. Tội đã tạo trong kiếp người phải cho hoàn tất.

Ngục tốt lại bắt tội nhân, lấy búa sắt chặt thân tội nhân, trải qua bao nhiêu tội như thế, khiến cho thay đổi, cốt khiến tội khổ hết sạch, sau mới cho ra.

Tỳ-kheo nên biết! Hoặc có lúc, cửa Đông lại mở một lần nữa. Các chúng sanh kia lại chạy đến cửa Đông. Cửa lại tự đóng, không ra được. Nếu có người chạy ra được bên ngoài, lại có núi lớn liền áp đến, họ vào trong núi, bị hai núi ép lại như ép dầu mè. Ở trong đó họ chịu khổ không thể tính kể, cốt chịu để tội cùng tận, sau mới ra được.

Bấy giờ, tội nhân kia được chuyển đến trước, lại gặp địa ngục tro nóng, ngang dọc mấy ngàn vạn do-tuần. Trong đó người ấy chịu khổ không tính kể, cốt chịu cho hết nguồn tội, sau mới được ra.

Lại chuyển đến trước, kể có địa ngục dao đâm. Bấy giờ, tội nhân lại vào địa ngục dao đâm này. Gió lớn liền nổi lên khiến thân thể, gân cốt tội nhân rời rã. Ở đó người ấy chịu khổ không tính kể, cốt chịu đến tội diệt, sau mới được ra.

Kể lại có địa ngục tro nóng lớn. Bấy giờ, tội nhân lại vào trong địa ngục tro nóng lớn này, hình thể nát nhừ, chịu khổ vô lượng, cốt chịu đến tội diệt sau mới ra được.

Bấy giờ, tội nhân tuy ra khỏi được địa ngục tro nóng này, lại gặp địa ngục đao kiếm, ngang dọc vài ngàn vạn dặm. Bấy giờ, tội nhân vào trong địa ngục đao kiếm này. Trong đó người ấy thọ khổ không tính kể, cốt chịu cho tội diệt, sau mới ra được.

Kể lại gặp địa ngục phí thỉ, trong đó có trùng nhỏ vào tận xương tủy ăn tội nhân đó.

Rồi tuy ra khỏi được địa ngục này, tội nhân lại gặp ngay ngục tốt. Bấy giờ, ngục tốt hỏi tội nhân:

- Các Ông muốn đi đâu? Và từ đâu lại?

Tội nhân đáp:

- Chúng tôi chẳng biết từ đâu đến, lại cũng chẳng biết sẽ đi đâu! Nhưng bây giờ, chúng tôi đói khổ quá sức, muốn được ăn.

Ngục tốt đáp:

- Chúng tôi sẽ cung cấp cho.

Bấy giờ, ngục tốt bắt tội nhân nằm ngửa, lấy hoàn sắt nóng lớn bắt tội nhân nuốt. Tội nhân chịu khổ không tính kể. Lúc ấy, hoàn sắt nóng từ miệng rơi xuống bao tử, ruột chín bấy, tội nhân chịu khổ khó lường, cốt chịu đến tội diệt, sau mới được ra.

Những tội nhân này, chẳng kham chịu đau khổ này, lại trở vào địa ngục phân sôi, địa ngục đao kiếm, địa ngục tro nóng lớn, qua lại những địa ngục

như thế. Lúc ấy, chúng sanh kia không kham chịu khổ, lại quay đầu đến địa ngục phần nóng. Bấy giờ, ngục tốt bảo chúng sanh kia:

- Các Ông muốn đi đâu? Và từ đâu tới?

Tội nhân đáp:

- Chúng tôi chẳng thể tự biết từ đâu đến. Nay cũng chẳng biết sẽ đi về đâu?

Ngục tốt hỏi:

- Nay cần vật gì?

Tội nhân đáp:

- Chúng tôi hết sức khát, muốn cần nước uống.

Ngục tốt bắt tội nhân nằm ngửa, lấy nước đồng chảy rót vào miệng khiến cho chảy xuống. Trong đó tội nhân chịu khổ không thể tính đủ, cốt chịu cho tội diệt, sau mới được ra.

Bấy giờ, người kia không chịu nổi khổ này, lại vào địa ngục phần sôi, địa ngục cây kiếm, địa ngục tro nóng, lại nhập vào đại địa ngục.

Tỳ-kheo nên biết! Bấy giờ, tội nhân đau khổ không tính kể. Nếu tội nhân kia mắt thấy sắc, tâm không ưa thích. Nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp đều khởi sân giận. Sở dĩ như thế, vì xưa không tạo quả báo lành, hằng tạo nghiệp ác nên mắc tội này.

Bấy giờ, vua Diêm-la dạy tội nhân:

- Các Ông chẳng được lợi lành. Xưa ở loài người, hưởng phước loài người, thân, miệng, ý hành không tương xứng, cũng chẳng bố thí, nhân ái, lợi người, đẳng lợi; vì thế nên

nay chịu khổ này. Hạnh ác này chẳng phải cha mẹ làm, cũng chẳng phải quốc vương, đại thần làm. Có các chúng sanh thân, miệng, ý thanh tịnh không có ô nhiễm, giống như trời Quang Âm. Có các chúng sanh tạo các hạnh ác, giống như trong địa ngục. Các Ông thân, miệng, ý bất tịnh, nên bị tội này.

Tỳ-kheo nên biết! Vua Diêm-la liền nói:

- Ngày nào ta sẽ thoát khỏi khổ nạn này và được sanh trong loài người? Đã được thân người, ta sẽ xuất gia, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo.

Vua Diêm-la còn nghĩ thế, hà huống các Thầy, nay được thân người, được làm Sa-môn. Thế nên, các Tỳ-kheo! Thường nên niệm hành thân, miệng, ý hạnh, chớ để thiếu sót. Hãy diệt năm kiết sử, tu hành ngũ căn. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, trong vườn Lộc-mẫu phía Đông, cùng năm trăm người.

Bấy giờ, Thế Tôn, ngày rằm tháng bảy, ở giữa đất hoang trống trải tòa, Tỳ- kheo Tăng trước sau vây quanh. Phật bảo A-nan:

- Nay Thầy ở chỗ trống, mau đánh kiền chùy. Vì sao thế? Vì nay là ngày rằm tháng bảy, là ngày thọ tuổi.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan gối phải sát đất, quỳ thẳng chắp tay nói kệ:

Tịnh nhãn không ai bằng
Không việc gì chẳng rành,
Trí tuệ không dính mắc,
Những gì gọi thọ tuổi?
Thế Tôn lại dùng kệ đáp A-nan:
Thọ tuổi, ba nghiệp tịnh
Thân, miệng, ý tạo tác
Hai Tỳ-kheo đối nhau
Tự trần việc làm trái
Lại tự xưng tên tuổi
'Hôm nay chúng thọ tuổi
Tôi cũng tịnh ý thọ
Cúi mong nói lỗi tôi'.
Ngài A-nan lại dùng kệ hỏi nghĩa này:

Hằng sa Phật quá khứ
Bích-chi và Thanh Văn
Đều là pháp chư Phật

Hay riêng Thích-ca-văn?
Phật lại dùng kệ đáp A-nan rằng:
Hằng sa Phật quá khứ,
Đệ tử tâm thanh tịnh,
Đều là pháp chư Phật,
Chẳng chỉ Thích-ca-văn.
Bích-chi không pháp này,
Không tuổi, không đệ tử,
Riêng đến không bạn lữ,
Không thuyết pháp cho người.
Đương lai Phật, Thế Tôn,
Hằng-sa không thể kể,
Kia cũng thọ tuổi này,
Như pháp Cù-đàm vậy.
Tôn giả A-nan nghe lời này rồi, hoan hỉ mừng rỡ không kềm được, liền lên giảng đường, tay cầm kiền chùy, nói:

- Nay tôi đánh trống, đưa tin của Như Lai. Các vị chúng đệ tử của Như Lai, hãy lại tụ tập.

Bấy giờ, Ngài lại nói kệ:

Hàng phục sức ma oán,
Trừ kiết sử không dư,
Đất trống đánh kiền chùy,
Tỳ-kheo nghe hãy nhóm.
Các người muốn nghe pháp,
Qua khỏi biển sanh tử,
Nghe âm vang diệu này,
Hãy tụ tập về đây!
Tôn giả A-nan đã đánh kiền chùy rồi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy Phật rồi đứng một bên, bạch Thế Tôn:

- Nay đã đúng lúc, cúi mong Thế Tôn dạy bảo điều chi?

Thế Tôn bảo A-nan:

- Các Thầy theo thứ tự ngồi. Như Lai tự biết giờ.

Lúc ấy, Thế Tôn ngồi trên tòa cỏ, bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy hãy ngồi xuống tòa cỏ hết đi!

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo mỗi người đều ngồi trên tòa cỏ. Thế Tôn làm thinh nhìn các Tỳ-kheo. Rồi Ngài dạy các Tỳ-kheo:

- Nay Ta muốn thọ tuổi. Đối với đại chúng, Ta có lỗi gì không? Và thân, miệng, ý không phạm ư?

Như Lai nói xong, các Tỳ-kheo làm thinh chẳng đáp. Đức Phật lại hai, ba phen hỏi các Tỳ-kheo:

- Nay Ta muốn thọ tuổi. Nhưng Ta không có lỗi gì với đại chúng sao?

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay bạch Thế Tôn:

- Các chúng Tỳ-kheo quán sát Như Lai không có lỗi gì về thân, miệng, ý. Vì sao thế? Ngày nay, Thế Tôn đã độ người chẳng được độ; giải thoát cho người chẳng giải thoát; người chẳng Bát-Niết-bàn khiến họ Bát-niết-bàn. Người không được cứu, Ngài làm người cứu hộ, làm nhãn mục cho người mù. Vì người bịnh làm Đại Y Vương, tam giới độc tôn không ai bì kịp; là bậc Tối tôn tối thượng. Người chưa khởi đạo ý, Ngài khiến phát đạo ý. Mọi người chưa tỉnh, Thế Tôn khiến tỉnh. Người chưa nghe pháp, Ngài khiến cho nghe. Vì người mê Ngài làm đường tắt, hằng vì Chánh pháp. Do nhân duyên này, Như Lai không có lỗi đối với mọi người, cũng không có lỗi về thân, miệng, ý.

Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

- Nay con hướng về Như Lai xin tự trình bày. Không biết con có lỗi đối với Như Lai và Tỳ-kheo Tăng chăng?

Thế Tôn bảo:

- Này, Xá-lợi-phất thân, miệng, ý đều chẳng làm hạnh sai quấy. Vì sao thế? Nay Thầy có trí tuệ không ai bì kịp, các thứ trí tuệ, trí tuệ vô lượng, trí tuệ vô biên, trí không ai bằng, trí tuệ nhanh nhẹn, trí mau lẹ, trí rất sâu, trí bình đẳng; ít muốn, biết đủ, ưa chỗ tĩnh lặng, có nhiều phương tiện, nhớ không lầm lẫn, tổng trì tam-muội, căn nguyên đầy đủ; giới thành tựu, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thànht ựu, giải thoát kiến tuệ thành tựu, dũng mạnh hay nhẫn, lời nói không ác, không làm điều phi pháp, tâm tánh điềm đạm, tuần tự không có thô tháo, xốc nổi, giống như thái tử lớn của Chuyển luân Thánh vương, sẽ nối vương vị mà chuyển pháp luân. Xá-lợi- phất cũng thế, chuyển pháp luân vô thượng. Chư Thiên, Người đời và Rồng, Quỷ, Ma và Thiên ma vốn không thể chuyển. Nay lời Thầy nói thường như pháp nghĩa, chưa hề trái lý.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Năm trăm Tỳ-kheo đây đều đáng thọ tuổi. Năm trăm người này đều không có lỗi gì đối với Như Lai chăng?

Thế Tôn bảo:

- Cũng không có gì để trách năm trăm Tỳ-kheo này về hạnh của thân, miệng, ý. Vì sao thế? Này Xá-lợi-phất! Trong đại chúng rất thanh tịnh, không có tỳ vết. Nay trong chúng này, vị hạ tọa nhỏ nhất đã đắc Tu-đà-hoàn, tất sẽ lên đến pháp bất thối chuyển. Vì thế

cho nên Ta chẳng oán trách chúng này.

Bấy giờ ngài Đa-kỳ-xà, ở trong chúng liền từ chỗ ngồi đứng lên, đến trước Thế Tôn cúi lạy rồi bạch Thế Tôn:

- Nay con kham muốn được luận.

Thế Tôn bảo:

- Muốn nói gì thì bây giờ đúng lúc.

Ngài Đa-kỳ-xà liền ở trước Phật, tán thán Phật và Tỳ-kheo Tăng, ngài nói kệ:

Ngày mười lăm thanh tịnh,
Năm trăm Tỳ-kheo nhóm,
Các trói buộc đều mở,
Không ái và không sanh.
Chuyển luân Đại thánh vương,
Quần thần vây chung quanh,
Đầy khắp các thế giới,
Trên trời và nhân gian.
Đại tướng bậc chí Tôn,
Vì người làm Đạo sư,
Đệ tử vui tùng phục,
Suốt tam đạt, lục thông.
Đều là chân Phật tử,
Không có các trần cấu,
Hay đoạn gai ái dục,
Hôm nay con quy mạng.
Bấy giờ Thế Tôn chấp nhận lời của Đa-kỳ-xà. Ngài Đa-kỳ-xà nghĩ: 'Hôm nay Như Lai chấp nhận lời ta'. Ông mừng rỡ không kềm được, liền từ chỗ ngồi đứng lên lễ Phật rồi trở về chỗ mình.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng Thanh văn của Ta, đệ tử làm kệ bậc nhất là Tỳ-kheo Đa-kỳ-xà. Lời nói không nghi nan cũng là Tỳ-kheo Đa-kỳ-xà.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, tại vườn trúc Ca-lan-đà cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

- Bấy giờ cõi trời Ba mươi ba có một Thiên tử, thân hình có năm điềm chết hiện. Thế nào là năm? Hoa trên mũ áo tự héo, y phục dơ bẩn, dưới nách đổ mồ hôi, chẳng thích

địa vị của mình, ngọc nữ xa lìa.

Lúc ấy, Thiên tử kia buồn lo khổ não, đấm ngực than thở. Thích-đề-hoàn- nhân nghe Thiên tử này sầu lo khổ não, đấm ngực than thở, liền bảo một Thiên tử:

- Đây là âm thanh gì mà thấu đến đây?

Thiên tử ấy đáp:

- Thiên vương nên biết! Có một Thiên tử mạng sắp muốn đứt, có năm điềm báo tử: hoa trên mũ héo, y phục dơ bẩn, dưới nách đổ mồ hôi, chẳng thích địa vị của mình, ngọc nữ xa lìa.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân đến chỗ vị Thiên tử sắp chết bảo Thiên tử ấy rằng:

- Nay Ông cớ sao buồn lo khổ não đến thế?

Thiên tử đáp:

- Tôn giả Nhân-đề! Không lo buồn khổ sao được? Mạng tôi sắp hết, có năm điềm báo tử: hoa trên mũ héo, áo quần dơ bẩn, dưới nách đổ mồ hôi, chẳng ưa chỗ mình, ngọc nữ xa lánh. Nay cung điện bảy báu này chắc sẽ mất hết và năm trăm ngọc nữ cũng sẽ tiêu tan. Nay tôi ăn cam lồ chẳng còn mùi vị gì.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân bảo Thiên tử ấy:

- Ông há chẳng nghe Như Lai nói kệ sao?

Tất cả hạnh vô thường,
Đã sanh ắt có chết,
Chẳng sanh thì không chết,
Đây diệt là tối lạc.
Nay Ông vì sao buồn lo đến thế? Tất cả hành là vật vô thường, muốn cho thường còn, việc này chẳng đúng.

Thiên tử đáp:

- Thế nào Thiên đế? Làm sao tôi không buồn lo được? Nay tôi thân trời thanh tịnh không tỳ vết, ánh sáng như mặt trời, mặt trăng, chiếu khắp mọi nơi. Bỏ thân này rồi, tôi sẽ sanh vào bụng heo tại thành La-phiệt, sống thường ăn phần, chết bị dao mổ xẻ.

Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân bảo Thiên tử ấy:

- Nay Ông nên quy y Phật, Pháp, Tăng. Có thể ngay lúc ấy không đọa ba đường ác.

Thiên tử đáp:

- Há vì quy y Tam bảo mà khỏi đọa ba đường ác sao?

Thích-đề-hoàn-nhân nói:

- Đúng vậy, Thiên tử! Người nào quy y Tam Tôn, trọn chẳng đọa ba đường ác, Như Lai cũng nói kệ:

Những người quy y Phật,
Chẳng đọa ba đường ác,
Hết các lậu trời người,
Liền sẽ đến Niết-bàn.
Bấy giờ Thiên tử kia hỏi Thích-đề-hoàn-nhân:

- Nay Như Lai ở đâu?

Thích-đề-hoàn-nhân nói:

- Nay Như Lai ở nước Ma-kiệt, trong thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Thiên tử nói:

- Nay tôi không đủ sức đến đó để thăm hỏi Như Lai được.

Thích-đề-hoàn-nhân bảo:

- Thiên tử nên biết! Hãy quỳ gối phải sát đất, chắp tay hướng xuống thế giới phương dưới mà nói: 'Cúi mong Thế Tôn khéo quán sát cho. Nay con sắp khốn cùng, nguyện thương xót cho. Nay con tự quy y Tam Tôn, Như Lai bậc (Vô sở trước) Tự Tại.

Bấy giờ Thiên tử kia theo lời Thích-đề-hoàn-nhân, liền quỳ hướng phương dưới tự xưng tên họ, xin tự quy y Phật, Pháp, Tăng, suốt đời làm chân Phật tử, không cần làm Thiên tử, nói như thế ba lần. Sau ông ta không bị vào thai heo mà sẽ sanh trong nhà trưởng giả.

Bấy giờ vị Thiên tử kia thấy được duyên này rồi, liền hướng về Thích-đề- hoàn-nhân mà nói kệ:

Duyên lành chẳng phải ác,
Vì pháp chẳng vì tiền,
Dẫn đường đến chánh đạo,
Vị này, ngài tán thán,
Nhờ ngài, không đọa ác,
Thai heo, nhân rất khó,
Tự xét sanh trưởng giả,
Nhân đó sẽ thấy Phật.
Bấy giờ, Thiên tử tùy thời thọ mạng dài, ngắn rồi sanh trong nhà đại trưởng giả ở thành La-duyệt. Lúc ấy, vợ trưởng giả tự biết có thai, gần đầy mười tháng, sanh một bé trai, đoan chánh vô song, thế gian hiếm có. Thích-đề- hoàn-nhân đã biết đứa bé này vừa mười tuổi, thường thường đến bảo:

- Ngươi có thể nhớ duyên tạo khi xưa chăng? Ngươi tự nói: 'Ta sẽ nhân đó thấy Phật'. Nay thật đúng lúc. Hãy gặp Thế Tôn. Nếu không đến, sau ắt sẽ hối hận.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến giờ đắp y, ôm bát vào thành La-duyệt khất thực lần lần đến nhà trưởng giả kia, đứng lặng lẽ ngoài cửa. Lúc ấy, con ông trưởng giả thấy ngài Xá-lợi-phất đắp y, ôm bát, dung mạo thù đặc; thấy rồi, liền đến trước ngài Xá-lợi-phất nói:

- Nay Ngài là ai? Đệ tử của ai? Tu hành pháp nào?

Ngài Xá-lợi-phất nói:

- Thầy của ta dòng họ Thích, xuất gia học đạo. Thầy ta là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Ta hằng theo Ngài thọ pháp.

Đứa bé khi ấy liền hướng về Xá-lợi-phất nói kệ:

Nay ngài đứng lặng lẽ,
Ôm bát dung mạo nghiêm,
Nay muốn cầu những gì,
Cho ai mà đứng đây?
Ngài Xá-lợi-phất dùng kệ đáp:
Nay ta chẳng cầu tài,
Chẳng ăn, chẳng phục sức,
Mà đến vì Ông vậy,
Khéo xét nghe lời ta.
Nhớ lời xưa Ông nói,
Trên trời lúc nói thệ,
Làm người sẽ gặp Phật,
Nên đến để bảo Ông,
Chư Phật ra đời khó,
Thuyết pháp cũng như thế,
Thân người chẳng thể được,
Cũng như hoa ưu-đàm.
Nay Ông theo ta đến,
Cùng thăm hỏi Như Lai,
Chắc sẽ vì Ông thuyết,
Chí yếu của đường lành.
Bấy giờ con ông trưởng giả nghe Xá-lợi-phất nói xong liền đến chỗ cha mẹ, cúi lạy rồi đứng một bên. Con trưởng giả thưa cha mẹ rằng:

- Cúi mong cha mẹ bằng lòng cho con đến chỗ Thế Tôn thừa sự, lễ kính thăm hỏi sức khỏe.

Cha mẹ đáp:

- Nay thật đúng lúc.

Con trưởng giả liền sắm hương hoa và vải trắng tốt, cùng Tôn giả Xá-lợi- phất theo nhau đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ Xá-lợi- phất bạch Thế Tôn:

- Đứa con trưởng giả này ở trong thành La-phiệt, chẳng biết Tam tôn. Cúi mong Thế Tôn khéo thuyết pháp cho khiến chú bé được độ thoát.

Bấy giờ con trưởng giả xa thấy đức Thế Tôn oai dung đoan chánh, các căn tịch tĩnh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân cũng như núi Tu-di, mặt như mặt trời, mặt trăng nhìn mãi không chán, liền đến trước lễ lạy rồi đứng một bên. Con ông trưởng giả liền lấy hương hoa rải lên Như Lai , lại lấy xấp vải trắng mới dâng lên Như Lai, cúi lạy rồi đứng một bên.

Khi ấy, Thế Tôn dần dần thuyết pháp cho chú bé. Nghĩa là thuyết các luận: thí luận, giới luận, luận sanh thiên, dục là bất tịnh, lậu là hoạn lớn, xuất gia là cần yếu. Thế Tôn đã biết chú bé tâm khai ý mở. Những điều chư Phật Thế Tôn thuyết pháp Khổ - Tập - Diệt - Đạo, Thế Tôn liền thuyết hết cho con trưởng giả. Con trưởng giả ngay trên tòa, hết sạch trần cấu, được pháp nhãn thanh tịnh, không còn tì vết.

Con trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn cho con được xuất gia làm Sa-môn.

Thế Tôn bảo:

- Phàm làm đạo giả, chẳng từ giã cha mẹ, chẳng được làm Sa-môn.

Con trưởng giả bạch Thế Tôn:

- Con sẽ đòi cha mẹ bằng lòng.

Thế Tôn bảo:

- Nay thật đúng lúc.

Bấy giờ, con trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy Phật rồi lui đi. Về nhà con trưởng giả thưa cha mẹ rằng:

- Cúi mong cho phép con được làm Sa-môn.

Cha mẹ đáp:

- Ngày nay chúng ta chỉ có một mình con. Trong nhà gia nghiệp lại lắm tiền nhiều của. Hành pháp Sa-môn thật không dễ dàng.

Con trưởng giả đáp:

- Như Lai ra đời, ức kiếp mới có. Rất khó gặp ngài, đúng thời mới xuất hiện như hoa ưu-đàm-bát đúng giờ mới có. Như Lai cũng vậy, ức kiếp mới ra đời.

Ông bà trưởng giả cùng than thở:

- Nay đúng là lúc, con hãy tùy nghi.

Lúc ấy, con ông Trưởng giả cúi lạy cha mẹ rồi từ giã ra đi, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Con trưởng giả bạch Thế Tôn rằng:

- Cha mẹ con đã bằng lòng. Cúi mong Thế Tôn cho con hành đạo.

Thế Tôn bảo Xá-lợi-phất:

- Nay Thầy độ cho con trưởng giả này làm Sa-môn.

Ngài Xá-lợi-phất đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Ngài Xá-lợi-phất vâng lời Phật dạy, độ con trưởng giả làm Sa-di, ngày ngày dạy dỗ. Sa-di ấy ở trong chỗ vắng khắc phục tu hành theo như các vị vọng tộc xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc, tu Phạm hạnh vô thượng, muốn được xa lìa khổ não. Bấy giờ Sa-di liền thành A-la-hán. Ông đến chỗ Thế Tôn cúi lạy, bạch Thế Tôn:

- Nay con đã học Phật, nghe Pháp, không còn nghi ngờ gì nữa.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ông học Phật, nghe Pháp thế nào mà không hồ nghi?

Sa-di bạch Phật:

- Sắc là vô thường, vô thường thì khổ, khổ thì vô ngã, vô ngã tức là không. Không là không phải có, cũng không phải không có, cũng lại vô ngã. Người trí hiểu biết như thế. Thọ, tưởng, hành, thức vô thường, vô thường thì khổ, khổ thì vô ngã, vô ngã tức là không, không là không phải có, không phải không có. Người trí hiểu biết như thế. Ngũ ấm này vô thường, khổ, không, vô ngã, không phải có, nhiều sự khổ não không thể trị liệu, hằng ở chỗ hôi thúi, không thể giữ mãi, ắt quán không có ngã. Hôm nay con quán sát pháp này, liền thấy được Như Lai.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Sa-di! Cho Ông làm đại Sa-môn.

Bấy giờ Sa-di kia nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Tôn giả na-la-đà ở trong vườn trúc của Trưởng giả nước Ba-ca-lê.

Bấy giờ vua Văn-trà có đệ nhất phu nhân mạng chung. Vua rất yêu bà chưa từng lìa tâm. Khi ấy, có một người đến tâu vua:

- Đại vương nên biết! Nay đệ nhất phu nhân đã mạng chung.

Vua nghe phu nhân chết, ôm lòng sầu lo, nói với mọi người.

- Các Ngươi mau khiêng xác phu nhân, ướp dầu mè cho ta được thấy.

Bấy giờ, người ta vâng lệnh vua, đem phu nhân đặt trong dầu mè. Vua nghe phu nhân đã chết, hết sức sầu não, không ăn, không uống, không cai trị theo vương pháp, cũng bỏ bê việc vua. Khi ấy, tả hữu có một người tên Thiện Niệm, thường cầm kiếm hầu Đại vương, tâu:

- Đại vương nên biết! Trong nước này có Sa-môn tên Na-la-đà đắc A-la-hán, có đại thần túc, hiểu rộng biết nhiều, không gì chẳng rành, biện tài dũng tuệ,

khi nói thường cười nụ. Xin Vua hãy đến nghe ngài thuyết pháp. Vua nghe pháp sẽ không còn sầu lo, khổ não nữa.

Vua đáp:

- Lành thay, lành thay! Khéo nói lời này. Thiện Niệm! Nay Ông hãy đến trước nói với Sa-môn ấy. Vì sao thế? Phàm Chuyển luân Thánh vương muốn đến đâu thì sai người đến trước. Nếu không sai người báo tin trước, việc này không đúng.

Thiện Niệm đáp:

- Xin tuân lệnh Đại vương.

Ông vâng lệnh vua đến vườn trúc của trưởng giả; đến chỗ ngài Na-la-đà, cúi lạy rồi đứng một bên.

Bấy giờ Thiện Niệm bạch với Tôn giả Na-la-đà:

- Ngài nên biết cho! Nay phu nhân của Đại vương đã mạng chung. Vì thế vua khổ não bỏ ăn, bỏ uống, cũng chẳng để ý đến vương pháp, quốc sự. Nay vua muốn đến thăm hỏi tôn nhan. Cúi mong Ngài khéo thuyết pháp cho vua đừng sầu khổ nữa.

Ngài Na-la-đà đáp:

- Muốn đến thì nay đúng lúc.

Thiện Niệm nghe dạy rồi liền cúi lạy lui đi; đến tâu vua rằng:

- Tôi đã thưa với Sa-môn, Vua nên biết cho.

Vua liền sai Thiện Niệm:

- Ông mau sửa soạn xe vũ bảo. Nay ta muốn đến Sa-môn tương kiến.

Thiện Niệm liền sửa soạn kiệu xe, rồi đến trước tâu vua:

- Sửa soạn đã xong, Vua biết cho: đã đến giờ rồi!

Bấy giờ, vua ngồi xe vũ bảo ra khỏi thành đến chỗ Na-la-đà, đi bộ vào vườn trúc của Trưởng giả; bỏ năm uy dung của nhân vương xuống một chỗ. Đến ngài Na-la-đà, quỳ lạy rồi ngồi một bên.

Khi ấy, Na-la-đà bảo vua:

- Đại vương nên biết! Pháp huyễn mộng chớ khởi sầu lo, pháp bọt bèo, và chớ đem tuyết đọng mà khởi sầu lo và cũng chớ nên đem tưởng pháp như hoa mà khởi sầu lo. Vì

sao thế? Nay có năm việc rất không thể được, là lời Như Lai nói. Thế nào là năm? Phàm vật đáng dứt mà muốn cho chẳng dứt, điều này không thể được. Phàm vật đáng diệt mà muốn cho đừng diệt, điều này chẳng thể được. Phàm già muốn mà không già, điều này chẳng thể được. Lại nữa, bịnh mà muốn cho không bịnh, điều này chẳng thể được. Lại nữa, chết mà muốn cho không chết, điều này chẳng thể được. Đó là, này Đại vương! Có năm việc này rất chẳng thể được, là lời Như Lai nói.

Bấy giờ, ngài Na-la-đà liền nói kệ:

Chẳng do sầu lo não,
Mà được phước đức này,
Nếu người ôm sầu lo,
Ngoại cảnh được tiện lợi.
Nếu như người có trí,
Trọn chẳng suy nghĩ thế,
Kẻ thù liền lo sầu,
Mà chẳng được tiện lợi.
Oai nghi lễ tiết đủ,
Ưa thí lòng không tiếc,
Nên cầu phương tiện này,
Khiến được lợi rất lớn.
Dù rằng không thể được,
Ta và những người kia,
Không sầu liền không hoạn,
Hành báo biết thế nào?

Và Đại vương nên biết! Vật đáng mất sẽ mất. Đã mất liền sầu lo khổ não, đau đớn không thể nói. 'Người yêu ta ngày nay đã mất'. Đó là vật đáng mất sẽ mất. Ở đó khởi sầu lo khổ não, đau đớn chẳng thể nói. Đó là, này Đại vương! Gai sầu dính mắc tâm ý thứ nhất. Người phàm phu có pháp này, chẳng biết chỗ đến của sanh, già, bệnh, chết.

Hãy nghe đệ tử Hiền thánh có vật đáng mất bị mất, người ấy không khởi sầu lo khổ não, thường học điều này: 'Nay ta bị mất, chẳng phải riêng một mình. Người khác cũng có pháp này. Nếu ta ở đây khởi sầu lo. Điều này chẳng đúng. Hoặc sẽ khiến thân tộc khởi sầu lo, còn oan gia hoan hỉ, ta ăn không tiêu hóa được, sẽ mắc bịnh, thân thể phiền nhiệt. Do việc này sẽ đưa đến mạng chung'. Rồi khi ấy, liền có thể trừ bỏ gai lo sợ, liền thoát sanh, già, bịnh, chết, không còn tai nạn khổ não.

Lại nữa Đại vương! Vật đáng diệt thì diệt, đã diệt liền sầu lo khổ não, đau đớn không nói được. 'Nay vật ta yêu mến đã diệt'. Đó là vật đáng diệt liền diệt. Ở đó khởi sầu lo khổ não, đau đớn không nói được. Đó là, này Đại vương! Gai sầu dính mắc tâm ý thứ hai. Người phàm phu có pháp này chẳng biết chỗ đến của sanh, già, bịnh, chết.

Hãy nghe, đệ tử Hiền thánh có vật đáng diệt bị diệt, người ấy không khởi sầu lo khổ não, thường học thế này: 'Nay vật của ta bị diệt, chẳng phải chỉ riêng một mình, người

khác cũng có pháp này. Nếu ta ở đây khởi sầu lo, điều này chẳng nên. Vì sẽ khiến thân tộc khởi lo buồn, còn oan gia sung sướng. Ta ăn không tiêu hóa, liền mắc bịnh, thân thể phiền nhiệt. Do duyên cớ này sẽ mạng chung'. Bấy giờ liền trừ bỏ gai lo sợ, liền thoát khỏi sanh, già, bịnh, chết, không còn tai nạn khổ não.

Lại nữa, Đại vương! Vật đáng già liền già, đã già liền buồn lo khổ não, đau đớn không nói được. 'Hôm nay vật ta yêu đã già'. Đó là vật già liền già, trong ấy khởi sầu lo, khổ não, đau đớn không nói được. Đó là, này Đại vương! Gai sầu lo dính mắc tâm ý thứ ba. Người phàm phu có pháp này, chẳng biết chỗ đến của sanh, già, bịnh, chết.

Hãy nghe, đệ tử Hiền thánh có vật đáng già liền già, người ấy không khởi sầu lo khổ não, thường học thế này: 'Nay ta bị già, chẳng phải riêng mình. Người khác cũng có pháp này. Nếu ta ở đây khởi buồn lo, điều này chẳng nên. Vì sẽ khiến thân tộc lo buồn, oan gia hoan hỉ. Ta ăn không tiêu hóa, sẽ thành bịnh, thân thể phiền nhiệt. Do duyên này, sẽ đến chỗ mạng chung'. Bấy giờ liền có thể trừ bỏ gai lo sợ, thoát khỏi sanh, già, bịnh, chết, không còn tai nạn, khổ não.

Lại nữa, Đại vương! Vật đáng bịnh liền bịnh, đã bịnh liền sầu lo khổ não, không nói được rằng 'Vật ta yêu hôm nay đã bệnh'. Đó là vật bệnh liền bệnh, trong đó khởi sầu lo khổ não, đau đớn không nói được. Đó là, Đại vương!

Gai sầu lo dính mắc tâm ý thứ tư. Người phàm phu có pháp này, chẳng biết chỗ đến của sanh, già, bịnh, chết.

Hãy nghe đệ tử Hiền thánh, vật đáng bịnh liền bịnh, người ấy không khởi sầu lo khổ não, thường học thế này: 'Nay ta bị bịnh, không phải riêng mình, người khác cũng có pháp này. Nếu ta ở đây khởi sầu lo, điều này chẳng nên, vì sẽ khiến thân tộc bị buồn lo, oan gia hoan hỉ. Ta ăn không tiêu hóa, sẽ thành bịnh, thân thể phiền nhiệt. Do duyên cớ này sẽ đến mạng chung'. Bấy giờ có thể trừ bỏ gai lo sợ, thoát khỏi sanh, già, bịnh, chết, không còn tai nạn khổ não.

Lại nữa, Đại vương! Vật đáng chết liền chết. Đã chết, đó là vật chết. Ở đó khởi sầu lo khổ não, đau đớn không nói được. Đó là, Đại vương! Gai sầu lo dính mắc tâm ý thứ năm. Người phàm phu có pháp này, chẳng biết chỗ đến của sanh, già, bệnh, chết.

Hãy nghe đệ tử Hiền thánh, đáng chết liền chết. Người đó không khởi sầu lo khổ não, thường học thế này: 'Nay ta chết, không phải riêng mình, người khác cũng có pháp này. Ở đây, nếu ta khởi sầu lo, điều này không nên, vì sẽ khiến thân tộc lo lắng, oan gia hoan hỉ. Ta ăn không tiêu hóa, sẽ thành bịnh, thân thể phiền nhiệt. Do đây sẽ đưa đến mạng chung'. Bấy giờ có thể trừ bỏ gai sầu lo, thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, không còn tai nạn khổ não.

Bấy giờ Đại vương bạch Tôn giả Na-la-đà:

- Đây gọi là pháp gì? Nên phụng hành thế nào?

Ngài Na-la-đà nói:

- Kinh này gọi là trừ hoạn lo. Hãy nhớ vâng làm.

Vua đáp:

- Thực như lời Ngài nói, trừ bỏ sầu lo. Vì sao thế? Con nghe pháp này xong, bao nhiêu sầu khổ hôm nay trừ hết. Nếu Tôn giả có dạy bảo gì, cứ đến trong cung, con sẽ cung cấp cho, khiến nhân dân và đất nước được hưởng phước lâu dài vô cùng. Cúi mong Tôn giả diễn giảng rộng rãi pháp này còn mãi ở đời, khiến bốn bộ chúng được an ổn lâu dài. Nay con xin quy y Tôn giả Na- la-đà.

Tôn giả Na-la-đà nói:

- Đại vương! Chớ quy y tôi! Hãy quy y Phật.

Vua hỏi:

- Nay Phật ở đâu?

Tôn giả Na-la-đà nói:

- Đại vương nên biết! Đại quốc Ca-tỳ-la-vệ, dòng Chuyển luân Thánh vương phát xuất từ họ Thích. Vua kia có con tên Tất-đạt xuất gia học đạo, nay đã thành Phật hiệu là Thích-ca-văn. Hãy quy y Ngài.

Đại vương lại hỏi:

- Nay Ngài ở phương nào? Cách đây mấy nơi?

Tôn giả Na-la-đà đáp:

- Như Lai đã nhập Niết-bàn.

Đại vương nói:

- Như Lai nhập Niết-bàn sao mau chóng thế? Nếu Ngài còn ở đời, dù trải qua ngàn vạn do tuần, con cũng sẽ đến thăm hỏi.

Rồi vua từ chỗ ngồi đứng lên, quỳ dài chắp tay, nói:

- Con tự quy y Như Lai, Pháp và Tỳ-kheo Tăng, trọn đời xin làm Ưu-bà-tắc, không sát sanh nữa. Việc nước bề bộn, nay con muốn về cung.

Tôn giả Na-la-đà nói:

- Đã đúng lúc.

Vua từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy đi nhiễu quanh Tôn giả ba vòng rồi đi.

Bấy giờ vua Văn-trà nghe Tôn giả Na-la-đà nói xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Người bệnh tật thành tựu năm pháp này thì không có lúc lành, nằm liệt giường chiếu. Thế nào là năm? Người bệnh không chọn lựa thức ăn uống; không tùy thời mà ăn; không gần gũi thầy thuốc; nhiều lo, ưa giận; không khởi tâm từ đối với người khán bệnh.

Đó là, này Tỳ-kheo! Người bệnh tật thành tựu năm pháp này không được lành bệnh.

Nếu bệnh nhân thành tựu năm pháp này thì sẽ được lành bệnh. Thế nào là năm? Ở đây, người bệnh chọn lựa thức ăn, tùy thời mà ăn; thân cận thầy thuốc; không ôm sầu lo; khởi tâm từ đối với người săn sóc bệnh.

Đó là, này Tỳ-kheo! Người bệnh thành tựu năm pháp này liền được lành bệnh. Như thế, Tỳ-kheo! Năm pháp trước nên nhớ xa lìa, năm pháp sau nên cùng vâng làm. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu người săn sóc bệnh, thành tựu năm pháp này khiến người bệnh chẳng lành, nằm mãi trên giường chiếu. Thế nào là năm? Ở đây, người khám bệnh không phân biệt thuốc hay; lười biếng, tâm không dũng mãnh; thường ưa sân giận và ưa ngủ nghỉ; vì tham ăn nên coi sóc bệnh nhân không dùng pháp cung dưỡng; cũng không trò chuyện với bệnh nhân.

Đó là, Tỳ-kheo! Nếu người săn sóc bịnh thành tựu năm pháp này thì bịnh chẳng lành được.

Này Tỳ-kheo! Nếu người săn sóc bịnh thành tựu năm pháp này thì người bệnh được lành, chẳng nằm liệt giường chiếu. Thế nào là năm? Ở đây người khám bệnh phân biệt thuốc hay; cũng không lười biếng, dậy trước, nằm sau; thường ưa chuyện vãn, ít ngủ nghỉ; dùng pháp cung dưỡng, không tham ăn uống; chịu thuyết pháp cho bệnh nhân.

Này Tỳ-kheo! Đó là người săn sóc bịnh thành tựu năm pháp này, bệnh có lúc được lành.

Cho nên, các Tỳ-kheo! Lúc săn sóc người bệnh thì nên bỏ năm pháp trước, thành tựu năm pháp sau. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong rừng Di-hầu, nước Tỳ-xá-ly cùng với chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người.

Bấy giờ đại tướng Sư Tử bèn đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Lúc ấy, Phật bảo tướng Sư Tử:

- Thế nào Sư Tử? Nhà ông có thường bố thí chăng?

Tướng Sư Tử bạch Phật:

- Con thường ở ngoài cửa thành và đô thị, tùy thời bố thí không để thiếu sót. Ai cần cho ăn, cấp quần áo hương hoa, xe ngựa, ghế ngồi, ai cần gì con đều cấp cho cả.

Phật bảo tướng Sư Tử:

- Lành thay, lành thay! Ông có thể bố thí không tiếc lẫn. Thí chủ, đàn việc tùy thời bố thí có năm công đức. Thế nào là năm?

Ở đây, thí chủ tiếng đồn vang xa, mọi người khen ngợi thôn làng ấy có đàn việt, thí chủ, hằng thích tiếp đãi Sa-môn. Bà-la-môn, tùy chỗ cấp cho không thiếu thốn. Đó là, này Sư Tử! Thí chủ, đàn việc được công đức thứ nhất này.

Lại nữa, này Sư Tử! Đàn-việt, thí chủ nếu đến trong chúng Sa-môn, Sát-lợi, Bà-la-môn, Trưởng giả không có hổ thẹn, cũng không sợ hãi. Giống như Sư Tử, vua loài thú ở trong bầy nai, không có sợ sệt. Đó là, Sư Tử! Đàn-việt, thí chủ được công đức thứ hai này.

Lại nữa, này Sư Tử! Đàn-việt, thí chủ được mọi người kính nể, người trông thấy vui mừng như con thấy cha, nhìn ngắm không chán. Đó là, này Sư Tử! Đàn-việt, thí chủ được công đức thứ ba này.

Lại nữa, này Sư Tử! Đàn-việt, thí chủ sau khi mạng chung sẽ sanh hai nơi: hoặc sanh lên trời, hoặc sanh trong loài người. Ở trời được trời cung kính, ở người, được người tôn quý. Đó là, này Sư Tử! Đàn-việt, thí chủ, được công đức thứ tư này.

Lại nữa, này Sư Tử! Đàn-việt, thí chủ trí tuệ cao xa hơn mọi người, thân hiện đời dứt hết lậu, không trải qua đời sau. Đó là, này Sư Tử! Đàn-việt, thí chủ được công đức thứ năm này.

Hễ ai bố thí sẽ có năm công đức hằng theo bên mình.

Thế Tôn liền nói kệ:

Tâm thường vui bố thí,
Công đức đầy đủ thành,
Tại chúng không nghi nan,
Cũng lại không sợ sệt.
Người trí nên bố thí,
Không có tâm luyến hối.
Ở cõi trời Ba (mươi) ba,
Ngọc nữ vây chung quanh.

Như thế, Sư Tử! Ông nên biết, đàn-việt, thí chủ sanh hai chỗ lành, thân hiện đời hết lậu hoặc, đến chỗ vô vi.

Thế Tôn liền nói kệ:

Thí là lương đời sau,
Muốn đến chỗ cứu cánh,
Thiện thần thường ủng hộ,
Cũng lại đến hoan hỉ.
Như thế, này Sư Tử! Ông nên biết, lúc bố thí thường ôm lòng vui vẻ, thân ý vững chắc, các công đức lành thay đều đầy đủ, đắc tam-muội, ý cũng không lầm lẫn. Như thật mà biết. Thế nào là như thực mà biết? Khổ tập, khổ tận, khổ xuất yếu; như thực mà biết. Thế nên, này Sư Tử! Hãy tìm phương tiện tùy thời bố thí. Nếu muốn được đạo Thanh văn, đạo Phật Bích-chi thì đều được như ý. Như thế, Sư Tử, hãy học điều này.

Bấy giờ Sư Tử nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

11. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

Đàn-việt thí chủ, hàng ngày bố thí thì sẽ được năm công đức. Thế nào là năm? Thí mạng, thí sắc (Vappa), thí an, thí sức, thí biện. Đó là năm.

Lại nữa, Đàn việt thí chủ, lúc thí mạng muốn được trường thọ; lúc thí sắc muốn được đoan chánh; lúc thí an muốn được không bịnh; lúc thí lực muốn không ai hơn; lúc thí biện muốn được biện tài Vô Thượng Chánh Chân. Tỳ- kheo nên biết! Đàn-việt thí chủ, hàng ngày bố thí thì sẽ có năm công đức này.

Thế Tôn liền nói kệ:

Thí mạng, sắc và an,
Sức, biện là thứ năm,
Năm công đức đã đủ,
Sau hưởng phước vô cùng.
Người trí nên nghĩ thí,
Trừ bỏ tâm tham dục,
Thân này có danh dự,
Sanh lên trời cũng vậy.

Nếu có thiện nam, tín nữ muốn được năm công đức thì nên thực hành năm việc này. Như thế các Tỳ-kheo! Hãy học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

12. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Bố thí đúng thời có năm việc: Bố thí cho người từ xa lại; bố thí cho người đi xa; bố thí cho người bịnh; lúc thiếu mà bố thí; nếu lúc mới được cây trái mới, hoặc ngũ cốc thì trước đem cho người trì giới tinh tấn, sau đó mình mới ăn. Đó là, này Tỳ-kheo! Bố thí đúng thời có năm việc này.

Thế Tôn liền nói kệ:

Người trí ứng thời thí,
Lòng tin không đoạn dứt,
Ở đây chóng hưởng vui,
Sanh trời, các đức đủ.
Tùy thời, nhớ bố thí,
Thọ phước như vang ứng,
Trọn đã không nghèo thiếu,
Nơi sanh thường phú quý.
Thí là đủ mọi hạnh,
Được đến vị vô thượng.
Nhớ thí không khởi tưởng,
Hoan hỷ bèn tăng thêm.
Trong tâm sanh niệm này
Ý loạn trọn không còn,
Biết rằng thân an lạc,
Tâm liền được giải thoát.
Thế nên người có trí,
Chẳng kể nam hay nữ,
Nên hành năm thí này, Không mất phương tiện đúng.

Thế nên, các Tỳ-kheo! Nếu có thiện nam, tín nữ, muốn hành năm việc này thì hãy nhớ tùy thời thí. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Thiện, Bất thiện, lễ Phật,
Thiên sứ, tuổi, năm điềm,
Văn-trà, thân, xem bịnh,
Năm thí, tùy thời thí.
---o0o---

XXXIII. Phẩm Ngũ vương

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ năm vị quốc vương lớn, vua Ba-tư-nặc đứng đầu, tụ tập trong vườn ngắm cảnh, cùng nhau bàn luận. Năm vua nào? Đó là vua Ba-tư-nặc, vua Tỳ-sa, vua Ưu Điền, vua Ác Sanh, vua Ưu-đà-diên.

Năm vua tụ tập một nơi, bàn luận việc này:

- Chư Hiền! Nên biết Như Lai nói năm dục này. Thế nào là năm? Nếu mắt thấy sắc rất yêu thích nghĩ nhớ, người đời hy vọng. Nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc chạm (rất yêu thích nghĩ nhớ, người đời hy vọng). Như Lai nói năm dục này. Trong năm dục, cái nào hơn hết? Mắt thấy sắc là tối diệu chăng? Tai nghe tiếng là tối diệu chăng? Mũi ngửi mùi là tối diệu chăng? Lưỡi biết vị là tối diệu chăng? Thân biết xúc chạm là tối diệu chăng? Năm việc này, cái nào là tối diệu?

Trong đó, hoặc có quốc vương nói: 'Sắc là tối diệu'. Hoặc có vị luận: 'Thanh là tối diệu'. Hoặc có vị luận: 'Hương là tối thắng'. Hoặc có vị luận: 'Vị là tối diệu'. Hoặc có vị luận: 'Xúc chạm là tối diệu'.

Lúc ấy, người nói sắc diệu là vua Ưu-đà-diên. Người nói thanh diệu là vua Ưu Điền. Người nói hương diệu là vua Ác Sanh. Người nói vị diệu là vua Ba-tư-nặc. Người nói xúc chạm diệu là vua Tỳ-sa. Năm vua bảo nhau:

- Chúng ta cùng luận năm dục này, nhưng lại chẳng biết cái nào là diệu!

Bấy giờ Ba-tư-nặc bảo bốn vua:

- Nay Như Lai ở gần, tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc; chúng ta cùng nhau đến chỗ Thế Tôn để hỏi nghĩa này. Nếu Thế Tôn có dạy gì, nên cùng vâng làm.

Các vua nghe vua Ba-tư-nặc nói xong, liền đưa nhau đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Vua Ba-tư-nặc đem việc bàn luận về năm dục bạch đầy đủ với Như Lai.

Thế Tôn bảo năm vua:

- Các vua luận theo sự thích hợp của mỗi người. Sở dĩ như thế vì hễ người tánh hạnh đắm sâu ở sắc, ngắm mãi không chán. Người này sẽ cho sắc là tối diệu, tối thượng không gì hơn. Người ấy không dính mắc các pháp thanh, hương, vị, xúc. Trong năm dục, sắc là tối diệu.

Nếu lại có người tánh hạnh dính mắc đối với thanh, người ấy nghe âm thanh thì cực kỳ hoan hỷ, không chán. Người này cho thanh là tối diệu, tối thượng. Trong năm dục, thanh là tối diệu.

Nếu lại có người tánh hạnh dính mắc hương, người ấy ngửi mùi thơm, cực kỳ hoan hỷ, không chán. Người này cho hương là tối thượng, tối diệu. Trong năm dục, hương là tối diệu.

Nếu lại có người tánh hạnh đắm vị, người ấy nếm vị xong, cực kỳ hoan hỷ, không biết chán. Người này cho vị là tối thượng, tối diệu. Trong năm dục, vị là tối diệu.

- Nếu lại có người tánh hạnh ưa xúc chạm, người ấy được xúc chạm rồi, cực kỳ hoan hỷ, không chán, người này cho xúc là tối diệu, tối thượng. Trong năm dục, xúc là tối diệu.

Nếu người kia tâm đã dính sắc thì sẽ không để ý các pháp thanh, hương, vị, xúc.

Nếu người kia tánh hạnh đã dính thanh thì sẽ không để ý các pháp sắc, hương, vị, xúc.

Nếu người kia tánh hạnh dính mắc hương thì sẽ không để ý các pháp sắc, thanh, vị xúc.

Nếu người kia tánh hạnh dính vào mùi vị thì sẽ không để ý các pháp về sắc, thanh, hương, xúc.

Nếu người kia tánh hạnh dính mắc ở xúc chạm thì sẽ không để ý các pháp về sắc, thanh, hương, vị.

Thế Tôn liền nói kệ:

Lúc ý dục lừng lẫy,
Sở dục ắt khắc phục,
Được rồi hoan hỷ thêm,
Sở nguyện không có nghi.
Họ đã được dục này,
Ý tham dục không cởi,
Cho đây là hoan hỷ,
Duyên theo cho tối diệu.
Nếu lại lúc nghe tiếng.
Sở dục ắt khắc phục,
Nghe rồi hoan hỷ thêm,
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được tiếng này,
Ý tham không cởi mở,
Cho đây là hoan hỷ,
Theo đó là tối diệu.
Nếu lại lúc ngửi mùi,
Sở dục ắt khắc phục,
Ngửi rồi càng hoan hỷ,
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được tiếng này,
Ý tham không cởi mở,
Cho đây là hoan hỷ,
Theo đó là tối diệu.

Nếu lại lúc nếm vị,
Sở dục ắt khắc phục,
Được rồi càng hoan hỷ,
Sở nguyện không có nghi.
Kia đã được vị này,
Ý tham không cởi mở,
Cho đây là hoan hỷ,
Theo đó là tối diệu.
Nếu được lúc xúc chạm,
Sở dục ắt khắc phục,
Được rồi càng hoan hỷ,
Sở nguyện không nghi nan.
Kia đã được xúc chạm,
Ý tham không cởi mở,
Cho đây là hoan hỷ,
Theo đó là tối diệu.
Thế nên, Đại vương! Nếu nói sắc diệu thì nên bình đẳng mà luận. Vì sao thế? Ở sắc có khí vị. Nếu sắc không có khí vị thì chúng sanh trọn chẳng dính mắc. Vì có khí vị nên trong năm dục sắc là tối diệu.

Nhưng sắc cũng có lỗi lầm. Nếu sắc không có lỗi lầm thì chúng sanh đã không chán ghét. Vì có lỗi lầm nên chúng sanh chán ghét.

Nhưng sắc có xuất yếu. Nếu sắc không có tính ra khỏi thì chúng sanh không có ra khỏi biển sanh tử được. Vì có tính ra khỏi nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, sắc là tối diệu.

Nhưng, Đại vương! Nếu nói thanh diệu thì nên bình đẳng mà luận. Vì sao thế? Ở thanh có khí vị, nếu thanh không có khí vị thì chúng sanh trọn chẳng bị dính mắc. Vì có khí vị nên trong năm dục, thanh là tối diệu.

Nhưng thanh có lỗi lầm. Nếu thanh không có lỗi lầm thì chúng sanh đã không chán ghét. Vì có lỗi lầm nên chúng sanh chán ghét.

Nhưng thanh có tính ra khỏi. Nếu thanh không có tính ra khỏi thì chúng sanh này không ra khỏi biển sanh tử. Do tính ra khỏi nên chúng sanh được đến trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, thanh là tối diệu.

Đại vương nên biết! Nếu nói hương diệu thì nên bình đẳng mà luận. Sở dĩ như thế vì ở hương có khí vị. Nếu hương không khí vị, chúng sanh trọn không dính mắc. Vì có vị nên trong năm dục, hương là tối diệu.

Nhưng hương có lỗi lầm. Nếu hương không có lỗi lầm thì chúng sanh không chán ghét. Vì có lỗi lầm nên chúng sanh chán ghét.

Nhưng hương có tính ra khỏi. Nếu hương không có tính ra khỏi thì chúng sanh này không ra khỏi biển sanh tử được. Vì có tính ra khỏi nên chúng sanh được đến trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, hương là tối diệu.

Lại nữa, Đại vương! Nếu nói vị diệu thì nên bình đẳng mà luận. Sở dĩ như thế vì ở vị có khí vị. Nếu vị không khí vị thì chúng sanh trọn không dính mắc. Vì có khí vị nên trong năm dục, vị là tối diệu.

Nhưng vị có lỗi lầm. Nếu vị không lỗi lầm thì chúng sanh không chán ghét. Vì có lỗi lầm nên chúng sanh chán ghét.

Nhưng vị có tính ra khỏi, nếu vị không có tính ra khỏi, thì chúng sanh này không ra khỏi biển sanh tử được. Vì có tính ra khỏi nên chúng sanh đến được trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, vị là tối diệu.

Lại nữa, Đại vương nên biết! Ở xúc chạm không có khí vị thì chúng sanh trọn không dính mắc, vì có khí vị nên trong năm dục, xúc chạm là tối diệu.

Nhưng xúc chạm có lỗi lầm, nếu xúc chạm không lỗi lầm thì chúng sanh không chán ghét. Vì có lỗi lầm, nên chúng sanh chán ghét.

Nhưng xúc chạm có tính ra khỏi. Nếu xúc chạm không có tính ra khỏi thì chúng sanh này không ra khỏi biển sanh tử. Vì có tính ra khỏi nên chúng sanh được đến trong thành Niết-bàn vô úy. Trong năm dục, xúc chạm là tối diệu.

Thế nên, Đại vương! Chỗ nào ưa thích thì tâm dính mắc. Như thế, Đại vương, nên biết điều này.

Bấy giờ, năm vua nghe Phật dạy xong vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, trong thành Xá-vệ có Trưởng giả Nguyệt Quang, rất giàu có, voi ngựa, bảy báu đều đầy đủ, vàng bạc, châu báu không kể xiết. Nhưng Trưởng giả Nguyệt Quang không có con cái. Bấy giờ, Trưởng giả vì không con nên đi cầu khẩn Trời, Thần. Trưởng giả thỉnh cầu trời, trăng, thiên thần, địa thần, quý tử mẫu, Tứ thiên vương, hai mươi tám đại thần quỷ vương, Đế thích và Phạm thiên, Sơn thần, Thọ thần, Thần ngũ đạo, cây cối dược thảo, không đâu chẳng khắp; thảy đều quy mạng mong ban cho một đứa con trai.

Bấy giờ, vợ Trưởng giả Nguyệt Quang trải qua mấy ngày liền có thai, bèn bảo Trưởng giả:

- Tôi đã có thai.

Trưởng giả nghe xong mừng rỡ không kềm được, liền sắm cho phu nhân giường ghế tốt đẹp, ăn thức ăn ngon ngọt, mặc quần áo đẹp. Phu nhân trải qua tám chín tháng liền sanh con trai, nhan sắc đoan chánh, thế gian hiếm có như màu hoa đào. Khi ấy, đứa bé

này hai tay cầm châu ma-ni vô giá, tức thời nói kệ:

Nhà này nếu có tiền,
Báu vật và thức ăn,
Nay tôi muốn bố thí,
Cho người nghèo không thiếu.
Nếu đây không có vật,
Tiền của và thức ăn,
Nay có châu vô giá,
Thường dùng bố thí người.

Cha mẹ và người trong nhà, nghe nói vậy đều bỏ chạy: 'Làm sao lại sanh loài quỷ mỵ này?'. Chỉ có cha mẹ vì thương xót đứa con nên chẳng chạy tứ tán. Người mẹ liền hướng về con, nói kệ:

Là Trời, Càn-thát-bà?
Quỷ mị và La-sát?
Là ai? Tên họ gì?
Nay ta muốn được biết!
Đứa bé liền dùng kệ đáp lời mẹ:
Chẳng Trời, Càn-thát-bà,
Không quỷ mị, La-sát,
Nay con cha mẹ sanh,
Là người, chớ nên nghi.

Phu nhân nghe lời này rồi mừng rỡ không kềm được, đem chuyện này nói với Trưởng giả Nguyệt Quang. Trưởng giả liền nghĩ: 'Đây là duyên gì? Nay ta hãy đem việc này nói với Ni-kiền Tư'. Rồi ông bồng đứa bé đến chỗ Ni- kiền Tư, cúi lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ Trưởng giả đem chuyện này nói đầy đủ cho Ni-kiền Tư, Ni-kiền Tư nghe xong bảo:

- Đứa bé này là người bạc phước, vô ích đối với thân, nên giết đi. Nếu chẳng giết, nhà cửa sẽ bị suy hao và chết hết.

Lúc ấy, trưởng giả Nguyệt Quang suy nghĩ: 'Ta từ trước đến giờ không có con cái. Bởi vậy mới thỉnh cầu trời đất khắp nơi, trải qua bao năm mới sanh được đứa con này. Nay ta chẳng thể đem giết nó được. Thôi hãy hỏi lại Sa- môn, Bà-la-môn khác để dứt nghi cho ta'.

Khi ấy, Như Lai thành Phật chưa được bao lâu. Mọi người gọi Ngài là Đại Sa-môn. Trưởng giả Nguyệt Quang liền nghĩ: 'Ta có thể đem chuyện này nói đầy đủ với Đại Sa-môn'.

Rồi Trưởng giả liền từ chỗ ngồi đứng lên bồng đứa bé đến chỗ Thế Tôn. Giữa đường ông lại nghĩ: 'Nay có Trưởng lão Phạm chí lớn tuổi, già cả, thông minh trí tuệ, mọi người cung kính mà họ còn chẳng biết, chẳng thấy. Huống là Sa-môn Cù-đàm này, tuổi trẻ, học đạo chưa được bao lâu, há có thể biết việc này sao? E rằng không giải được cái nghi của ta. Nay ta nên giữa đường trở về nhà'.

Lúc ấy có một Thiên thần, xưa là bạn quen cũ của Trưởng giả, biết tâm niệm Trưởng giả, bèn ở trên hư không nói với ông:

- Trưởng giả nên biết! Tiến lên một chút ắt sẽ được lợi ích, được quả báo lớn, cũng sẽ đến chỗ cam lộ. Như Lai ra đời rất là khó gặp. Như Lai giáng mưa cam lộ, đúng thời mới có.

Lại nữa, này Trưởng giả! Có bốn sự tuy nhỏ mà chớ nên coi thường. Thế nào là bốn? Quốc vương tuy nhỏ, rất không thể khinh; lửa tuy nhỏ, cũng

không thể khinh; rồng tuy nhỏ cũng không thể khinh; người học đạo tuy nhỏ cũng chẳng thể khinh. Đó là, này Trưởng giả! Có bốn việc này thật chẳng thể khinh.

Lúc ấy, Thiên thần liền nói kệ:

Quốc vương tuy còn nhỏ,
Giết hại do pháp này,
Lửa nhỏ tuy chưa mạnh
Thiêu đốt núi, cỏ cây.
Rồng thần tuy hiện nhỏ
Giáng mưa tùy lúc hợp,
Người học tuổi ấu trĩ,
Độ người không có lường.

Trưởng giả Nguyệt Quang tâm ý khai mở, mừng rỡ không kềm được, liền tiến đến trước. Đến chỗ Thế Tôn, Trưởng giả cúi lạy rồi ngồi một bên, đem nhân duyên bạch đầy đủ với Thế Tôn.

Thế Tôn bảo Trưởng giả:

- Nay đứa bé này có phước rất lớn. Đứa bé này lớn lên sẽ đem năm trăm đồ chúng đến chỗ Ta, xuất gia học đạo, đắc A-la-hán. Trong hàng Thanh văn của Ta, đấy sẽ là người phước đức đệ nhất, không ai bì kịp.

Trưởng giả nghe xong mừng rỡ không kềm được, bạch Thế Tôn:

- Đúng như Thế Tôn dạy, chẳng phải như lời Ni-kiền Tử.

Trưởng giả Nguyệt Quang lại bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn và Tỳ-kheo Tăng thương xót đứa bé này, nhận lời thỉnh của con!

Đức Thế Tôn làm thinh nhận lời. Trưởng giả thấy Phật làm thinh nhận lời thỉnh rồi, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy rồi lui đi. Ông trở về nhà xếp đặt các thức ăn uống, ngon ngọt, trải tọa cụ tốt đẹp. Sáng sớm, ông tự đến bạch Phật:

- Đã đến giờ, kính mong Ngài quang lâm.

Thế Tôn biết đến giờ, liền dẫn các Tỳ-kheo, vây quanh trước sau vào thành Xá-vệ, đến nhà Trưởng giả, tới tòa ngồi. Trưởng giả thấy Phật và Tỳ-kheo Tăng đã ngồi yên, liền bày các món ăn uống, tự tay châm chước, vui mừng chẳng loạn. Khi thấy chư vị ăn

xong dẹp bình bát, rửa tay rồi, ông đem một ghế nhỏ đến trước Như Lai ngồi, muốn được nghe Phật thuyết diệu pháp. Trưởng giả Nguyệt Quang bạch Thế Tôn:

- Nay con đem ruộng vườn, nhà cửa cho hết đứa bé này. Cúi mong Thế Tôn hãy đặt tên cho nó.

Thế Tôn bảo:

- Đứa bé này lúc mới sanh, mọi người đều bỏ chạy, nói là quỷ Thi-bà-la. Nay đặt tên là Thi-bà-la.

Thế Tôn dẫn dần thuyết diệu luận cho vợ chồng Trưởng giả. Luận, nghĩa là thí luận, giới luận, luận sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, lậu là hoạn lớn, xuất yếu là hay.

Thế Tôn thấy vợ chồng Trưởng giả tâm ý khai mở, không còn hồ nghi. Chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp: Khổ, Tập, Diệt, Đạo; Thế Tôn liền thuyết hết cho Trưởng giả, khiến phát tâm hoan hỉ. Vợ chồng Trưởng giả ở ngay trên tòa, sạch hết các trần cầu, được pháp nhãn thanh tịnh, như tấm vải trắng mới, dễ nhuộm màu. Vợ chồng Trưởng giả cũng vậy, ở ngay trên tòa được pháp nhãn thanh tịnh. Họ đã thấy pháp, phân biệt pháp, đã hết do dự, không còn hồ nghi, được không sợ sệt, hiểu pháp thâm áo của Như Lai, liền thọ ngũ giới.

Thế Tôn liền nói kệ:

Thờ tự, lửa trên hết,
Các luận, tụng là đầu,
Vua được người tôn kính,
Biển là nguồn các dòng,
Trăng là sáng hơn sao,
Mặt trời sáng hơn hết,
Tám phương và trên dưới,
Trong vạn vật sanh ra,
Muốn cầu người có phước,
Chánh giác là tối tôn.

Thế Tôn nói kệ rồi, liền từ chỗ ngồi đứng lên mà đi.

Bấy giờ, Trưởng giả tìm năm trăm đồng tử để hầu hạ Thi-bà-la. Năm Thi-bà- la hai mươi tuổi, ông đến thưa cha mẹ rằng:

- Cúi xin cha mẹ cho con xuất gia học đạo.

Song thân liền chấp thuận. Vì sao thế? Vì Thế Tôn đã thọ ký trước rồi: 'Ông sẽ đem năm trăm đồng tử đến chỗ Thế Tôn cầu là Sa-môn'.

Lúc đó Thi-bà-la và năm trăm người cúi lạy cha mẹ rồi lui đi. Đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi đứng một bên. Thi-bà-la bạch Thế Tôn rằng:

- Cúi xin Thế Tôn chấp nhận cho con vào đạo.

Thế Tôn liền bằng lòng cho làm Sa-môn. Chưa quá mấy ngày, ông liền thành A-la-hán, lục thông trong suốt, đầy đủ tám giải thoát. Khi ấy, năm trăm đồng tử đến trước bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn cho làm Sa-môn.

Thế Tôn lặng thinh đồng ý. Xuất gia chưa được mấy ngày, tất cả đều thành A-la-hán.

Tôn giả Thi-bà-la trở về làng cũ tại nước Xá-vệ. Mọi người kính ngưỡng, đem tứ sự cúng dường y phục, thức ăn uống, giường chõng, thuốc men khi bịnh tật. Tôn giả Thi-bà-la liền nghĩ: 'Nay ta ở làng mình thật là phiền phức, ồn náo. Ta nên đi du hóa trong nhân gian'.

Tôn giả Thi-bà-la đến giờ đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khất thực xong, Tôn giả trở về chỗ thu dọn tọa cụ, đắp y, ôm bát khỏi tinh xá Kỳ- hoàn, cùng năm trăm Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi du hóa trong nhân gian. Đi đến đâu chư vị cũng đều được cúng dường, đều được cung cấp y phục, thức ăn uống, giường chõng, thuốc thang khi bệnh tật. Lại có chư Thiên báo cho các thôn xóm:

- Nay có Tôn giả Thi-bà-la, đắc A-la-hán, phước đức đệ nhất, cùng năm trăm Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian. Chư Hiền nên đến cúng dường. Nay chẳng làm, sau hối vô ích.

Khi ấy Tôn giả Thi-bà-la nghĩ rằng:

- Nay thật quá chán sự cúng dường này phải tránh chỗ nào cho người không biết chỗ ta.

Rồi ngài liền vào núi sâu. Chư Thiên lại báo cho từng người trong thôn xóm:

- Nay Tôn giả Thi-bà-la ở trong núi này. Hãy đến cúng dường. Nay chẳng làm, sau hối vô ích.

Nhân dân nghe Trời nói rồi, liền đội thức ăn uống đến chỗ TÔn giả Thi-bà- la:

- Cúi xin ngài dừng lại vì chúng con.

Tôn giả Thi-bà-la dần dần du hóa trong nhân gian, đến vườn trúc Ca-lan-đà ở thành La-duyệt cùng với năm trăm đại Tỳ-kheo, cũng được cúng dường y phục, ẩm thực, giường chiếu, thuốc men. Ngài Thi-bà-thi lại nghĩ: 'Nay ta đi về đâu nhập hạ, cho người ta đừng biết chỗ ta?' Rồi ngài lại nghĩ: 'Nên đến phía Đông núi Kỳ-xá, phía Tây núi Quang Phổ mà nhập hạ'.

Ngài dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến núi đó nhập hạ. Khi ấy, Thích-đề-hoàn- nhân biết Thi-bà-la nghĩ bụng như thế, liền ở trong núi hóa ra cảnh chùa, vườn quả, cây cối đều đầy đủ. Chung quanh có hồ tắm. Thích-đề-hoàn-nhân lại hóa năm trăm đài cao, lại hóa năm trăm giường dây, dùng cam lồ của trời để dâng thức ăn.

Tôn giả Thi-bà-la bèn nghĩ: 'Nay ta đã kiết hạ xong. Quá lâu chăng gặp Như Lai, nay nên đến gần gũi Thế Tôn'.

Tôn giả liền cùng năm trăm Tỳ-kheo đến thành Xá-vệ. Bấy giờ trời nóng bức, chúng Tỳ-kheo đều đổ mồ hôi nhớp nhúa thân thể. Tôn giả Thi-bà-la liền nghĩ: 'Hôm nay, thân thể chúng Tỳ-kheo nóng nực, phải chi có đám mây nhỏ trên trời và có một trận mưa nhỏ thì hay biết mấy. Rồi gặp hồ tắm nho nhỏ và có nước uống'.

Tôn giả vừa nghĩ xong, trên không liền có đám mây lớn và trời mưa nhỏ, cũng có hồ tắm và có bốn phi nhân gánh nước ngon ngọt do Tỳ Sa-môn vương sai đến:

- Cúi mong Tôn giả nhận nước ngọt này và cho Tỳ-kheo Tăng.

Tôn giả nhận nước rồi cùng uống với Tỳ-kheo Tăng. Tôn giả Thi-bà-la lại nghĩ: 'Nay ta nên dừng ở đây'.

Thích-đề-hoàn-nhân biết tâm niệm Tôn giả Thi-bà-la, liền hóa ra năm trăm phòng nhà, giường nằm đầy đủ ở bên đường. Lúc ấy, chư Thiên dâng lên thức ăn uống. Tôn giả Thi-bà-la ăn xong liền từ chỗ ngồi đứng lên mà đi.

Bấy giờ, người chú của Tôn giả Thi-bà-la ở thành Xá-vệ rất giàu có, không thiếu món gì, nhưng lại tham lam không chịu bố thí, chẳng tin Phật, Pháp, Tăng không tạo công đức. Những người thân tộc bảo ông ta:

- Trưởng giả dùng của cải này làm gì mà không tạo tư lương cho đời sau?

Trưởng giả kia nghe lời này rồi, trong một ngày đem ngàn lượng vàng bố thí cho Phạm Chí ngoại đạo, chẳng hướng về Tam Bảo. Tôn giả Thi-bà-la nghe chú mình đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo dị học, không bố thí cho Tam Bảo. Khi ấy Tôn giả Thi-bà-la đến chỗ Thế Tôn ở tinh xá Kỳ- hoàn, cúi lạy rồi ngồi một bên, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho Thi-bà-la. Tôn giả Thi-bà-la nghe Như Lai thuyết pháp xong, từ chỗ ngồi đứng lên lạy Thế Tôn, đi nhiễu bên phải ba vòng mà lui.

Ngay ngày ấy, Tôn giả Thi-bà-la đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, lần lần đến nhà chú mình. Đến rồi đứng ngoài cửa lặng thinh. Trưởng giả thấy Thi-bà-la ở ngoài cửa khất thực, liền bảo:

- Sao hôm qua Ông không đến? Tôi đã đem trăm ngàn lượng vàng bố thí. Giờ tôi có thể cho Ông một tấm vải.

Tôn giả Thi-bà-la đáp:

- Nay tôi chẳng dùng vải làm gì! Hôm nay tôi đến để khất thực.

Trưởng giả đáp:

- Hôm qua tôi đã dùng trăm ngàn lượng vàng bố thí, không thể bố thí nữa.

Tôn giả Thi-bà-la muốn độ cho được Trưởng giả nên bay lên không trung, thân phun ra lửa, ngồi, nằm, kinh hành tùy ý. Trưởng giả thấy sự biến hóa này rồi, liền nói:

- Trở xuống đây, ngồi đi! Nay tôi sẽ thí cho.

Tôn giả Thi-bà-la liền xả thần túc, trở xuống ngồi. Trưởng giả kia đem thức ăn uống hết sức dở tệ, thô xấu cho Tôn giả Thi-bà-la ăn. Tôn giả Thi-bà-la vốn sanh trưởng trong

nhà hào tộc, tùy ý ăn uống, nhưng vì Trưởng giả ấy nên Tôn giả nhận thức ăn này ăn. Tôn giả Thi-bà-la ăn xong, trở về chỗ mình. Đêm hôm ấy, Thiên nhân ở trên không, bảo Trưởng giả:

Thiện thí, thí rất lớn,
Là cho Thi-bà-la,
Vô dục đã giải thoát,
Ái đoạn, đã vô nghi.
Nửa đêm và sáng sớm hai thời Thiên nhân nói kệ này:

Thiện thí, thí lớn nhất,
Là cho Thi-bà-la,
Vô dục đã giải thoát,
Ái đoạn đã vô nghi.
Trưởng giả nghe Thiên nhân nói liền nghĩ: 'Hôm qua ta đem trăm ngàn lượng vàng bố thí cho ngoại đạo mà không có sự cảm ứng này. Hôm nay ta lấy thức ăn dở tệ bố thí cho Thi-bà-la mà có cảm ứng đến thế. Bao giờ trời sáng, ta sẽ tự đem trăm ngàn lượng vàng thí cho Thi-bà-la'.

Ngay ngày đó, Trưởng giả kiểm điểm lại trong nhà, có đủ trăm ngàn lượng vàng liền đem đến Thi-bà-la; đến rồi, cúi lạy và đứng một bên. Trưởng giả đem trăm ngàn lượng vàng dâng Thi-bà-la và nói:

- Cúi mong Ngài nhận cho trăm ngàn lượng vàng này.

Khi ấy, tôn giả Thi-bà-la đáp:

- Mong cho Trưởng giả được pháp vô cùng, trường thọ tự nhiên. Nhưng Thế Tôn chẳng cho Tỳ-kheo nhận trăm ngàn lượng vàng.

Trưởng giả liền đến chỗ Thế Tôn; đến rồi, cúi lạy ngồi một bên. Trưởng giả kia bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn cho ngài Thi-bà-la nhận trăm ngàn lượng vàng, để con được hưởng phước.

Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

- Thầy đến chỗ Tỳ-kheo Thi-bà-la bảo rằng Ta gọi.

Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Tỳ-kheo kia vâng lời Phật dạy đến chỗ Thi-bà-la, đem lời Thế Tôn báo cho ông. Tôn giả Thi-bà-la nghe lời Tỳ-kheo kia, liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy, rồi ngồi một bên. Thế Tôn bảo Thi-bà-la:

- Nay Thầy có thể nhận trăm ngàn lượng vàng của Trưởng giả khiến ông ta được phước. Đây là nghiệp duyên đời trước nên hưởng phước báo này.

Ngài Thi-bà-la đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Khi ấy, Tôn giả Thi-bà-la tức thời nói kệ:

Thí y và vật khác,
Muốn cầu phước đức này,
Đến tới Trời, loài người,
Ngũ dục tự vui thú.
Từ Trời đến loài người,
Qua được không nghi nan
Chỗ vô vi Niết-bàn,
Chỗ vui của chư Phật.
Người bố thí không khó,
Mong được phước đức này,
Sẽ khởi tâm từ huệ, Tạo phước không lười mỏi.

Tôn giả Thi-bà-la bảo Trưởng giả:

- Hãy đem trăm ngàn lượng vàng này đặt trong phòng tôi.

Trưởng giả vâng lời dạy, đem trăm ngàn lượng vàng này đặt trong phòng Tôn giả Thi-bà-la rồi lui đi.

Ngài Thi-bà-la bải các Tỳ-kheo:

- Vị nào có thiếu chi, hãy đến đây mà lấy. Nếu cần y phục, thức ăn uống, giường chiếu, thuốc men đều đến lấy đi, chớ cầu chỗ khác. Hãy lần lượt báo cho nhau điều này.

Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Ngài Thi-bà-la này xưa tạo phước gì mà sanh trong nhà Trưởng giả, đoan chánh vô song, như màu hoa đào? Lại tạo phước gì mà hai nắm hạt châu từ trong thai mẹ ra? Lại tạo phước gì mà đem năm trăm người đến chỗ Thế Tôn xuất gia học đạo, gặp Như Lai ra đời? Lại tạo phước gì mà đi đến đâu cũng có cơm áo tự nhiên không thiếu thốn? Các Tỳ-kheo khác không ai bì kịp?

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Quá khứ lâu xa, cách nay chín mươi mốt kiếp, có Phật hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh hạnh túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời, dạo ở nước Bàn-đầu cùng sáu mươi vạn tám ngàn chúng, đầy đủ bốn món cúng dường. Y phục, ẩm thực, giường chõng, thuốc men. Bấy giờ có Phạm chí tên Da-nhã-đạt-trụ ở nước đó, nhiều tiền của, vàng bạc, trân bảo, xa cừ, mã não, chơn châu, hổ phách không thể tính kể.

Bấy giờ Da-nhã-đạt ra khỏi nước, đến chỗ Như Lai Tỳ-bà-thi; đến rồi, thăm hỏi nhau và ngồi một bên. Như Lai Tỳ-bà-thi dần dần thuyết pháp cho ông phát tâm hoan hỉ. Khi ấy

Da-nhã-đạt bạch Phật Tỳ-bà-thi .

- Cúi mong Ngài hãy nhận lời thỉnh của con, con muốn trai phạn Phật và Tỳ- kheo Tăng.

Lúc ấy Như Lai làm thinh thọ thỉnh. Phạm chí Da-nhã-đạt đã thấy Thế Tôn làm thinh thọ thỉnh, liền từ chỗ ngồi đứng lên, nhiễu Phật ba vòng rồi đi. Về nhà, ông bày biện thức ăn thức uống ngon ngọt. Khi ấy, vào nửa đêm, Da- nhã-đạt nghĩ: 'Nay ta đã làm xong các thức ăn uống, chỉ thiếu tô lạc. Sáng sớm ngày mai ta sẽ đến cửa thành, có ai bán tô lạc, ta sẽ mua hết'.

Sáng sớm, Da-nhã-đạt trải tọa cụ tốt đẹp, rồi đến cửa thành tìm tô lạc. Ngay khi ấy, có người chăn trâu tên Thi-bà-la cầm tô lạc đến muốn đem tế tự. Phạm chí Da-nhã-đạt bảo người chăn trâu:

- Ông bán tô lạc, ta sẽ mua hết với giá mắc.

Thi-bà-la nói:

- Nay tôi muốn cúng tế.

Phạm chí bảo

- Nay Ông tế trời để cầu việc gì? Nếu bán cho ta, ta sẽ trả đáng giá.

Người chăn trâu hỏi:

- Phạm chí! Nay Ông dùng tô lạc làm gì?

Phạm chí đáp:

- Nay tôi thỉnh Như Lai Tỳ-bà-thi và Tỳ-kheo Tăng. Các món ẩm thực đã bàn biện đủ, chỉ thiếu tô lạc.

Thi-bà-la hỏi Phạm chí:

- Như Lai Tỳ-bà-thi tướng mạo thế nào?

Phạm chí đáp:

- Như Lai không có ai bằng, giới thanh tịnh, tuệ định tam-muội không ai bì kịp. Trên trời và nhân gian không ai bì kịp.

Phạm chí Da-nhã-đạt tán thán công đức Như Lai. Thi-bà-la nghe xong tâm ý khai mở. Lúc ấy, Thi-bà-la bảo Phạm chí:

- Nay tôi sẽ đích thân đem tô lạc này đến cúng cho Như Lai, đừng cúng Trời làm gì nữa?

Phạm chí Da-nhã-đạt đem người chăn trâu về nhà, rồi đến bạch Phật:

- Đã đến giờ, nay chính đúng lúc, cúi mong Như Lai hạ cố.

Như Lai biết đã đến giờ liền đắp y, ôm bát cùng các Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đến nhà Phạm chí Da-nhã-đạt. Mỗi người theo thứ lớp ngồi.

Bấy giờ người chăn trâu thấy Như Lai, dung mạo ít có trên đời, các căn đạm bạc, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp, trang nghiêm thân, cũng như trời, trăng, ví như núi chúa Tu-di cao hơn các núi, ánh sáng chiếu xa, không đâu chẳng thấm nhuần. Người ấy thấy rồi, hoan hỉ đến trước Thế Tôn nói rằng:

- Công đức Như Lai nếu đúng như lời Phạm chí nói, xin khiến một bình tô lạc này đầy đủ cho tất cả chúng Tăng.

Thi-bà-la bạch Thế Tôn:

- Xin nhận tô lạc này.

Như Lai đưa bát nhận tô lạc, cũng lại cho Tỳ-kheo Tăng, tô lạc vẫn còn dư. Người chăn trâu bạch Thế Tôn:

- Nay còn dư tô lạc.

Như Lai bảo:

- Nay Ông lại đem tô lạc này dâng cho Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Người chăn trâu nói:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Rồi người chăn trâu lại chia tô lạc một lần nữa. Tô lạc cũng vẫn còn dư.

Người chăn trâu lại bạch Phật:

- Nay cũng còn dư tô lạc.

Thế Tôn bảo người ấy:

- Nay có thể đem tô lạc này chia cho chúng Tỳ-kheo-ni, chúng Ưu-bà-tắc, Ưu-bà-di khiến được no đủ.

Và tô lạc vẫn còn dư. Phật bảo người chăn trâu:

- Nay Ông đem tô lạc này cho chủ nhân đàn việt.

- Xin vâng.

Rồi người chăn trâu đem cho đàn việt chủ nhân, tô lạc cũng vẫn còn dư. Ông lại đem bố thí cho người bần khổ, ăn xin, tô lạc cũng vẫn còn dư. Người chăn trâu liền đến bạch Phật:

- Vẫn còn dư tô lạc.

Phật bảo:

- Nay đem tô lạc này trút xuống đất sạch, hoặc đổ trong nước. Vì sao thế? Ta chẳng thấy có ai trong Trời, người có thể tiêu được tô lạc này, chỉ trừ Như Lai.

Người chăn trâu vâng lời Phật dạy, đem tô lạc này bỏ vào trong nước. Ngay đó, trong nước có lửa sáng mạnh bốc lên cao vài mươi nhẫn. Người chăn trâu trông thấy sự biến

hóa quái lạ như thế, khen ngợi chưa từng có rồi trở về chỗ Thế Tôn cúi lạy, chắp tay đứng lập thệ nguyện này:

- Nay con đem tô lạc này thí cho bốn bộ chúng. Nếu được phước đức thì do phước này xin chớ đọa vào chỗ có tám nạn, chớ sanh trong nhà nghèo khổ, khi sanh ra được sáu căn đầy đủ, mặt mũi đoan chánh, cũng chẳng ở nhà, khiến đời tương lai con cũng sẽ được gặp bậc Tôn thánh như vậy.

Tỳ-kheo nên biết, ba mươi mốt kiếp về trước, lại có Phật tên Như Lai Thi- khí ra đời. Khi ấy Như Lai Thi-khí du hóa trong cõi Dã-mã cùng đại Tỳ- kheo mười vạn người.

Bấy giờ Như Lai Thi-khí đến giờ đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Trong thành có một khách thương lớn tên là Thiện Tài. Ông từ xa thấy Như Lai Thi-khí, các căn tịch tĩnh, dung mạo đoan chánh, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân, mặt như mặt trời mặt trăng; thấy rồi, ông liền phát tâm hoan hỉ, tiến đến trước Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Vị khách buôn đem bảo châu tốt rải trên Như Lai. Ngay khi ấy, ông thệ nguyện trong lòng:

- Con đem công đức này, mong sanh nơi nào được nhiều tiền của, không thiếu thốn gì, trong tay không bao giờ rỗng thiếu, cho đến trong bào thai mẹ cũng chẳng để trống.

Trong kiếp này, lại có Như Lai Tỳ-xá-la-bà Chí Chân Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Bấy giờ có Trưởng giả tên Thiện Giác giàu có, nhiều tiền của, lại thỉnh Tỳ-xá-la-bà Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác và Tỳ-kheo Tăng. Trưởng giả ấy ít người làm. Lúc ấy, Trưởng giả đích thân tự xếp đặt các món ăn uống ngon ngọt trai phạn Như Lai và thệ nguyện:

- Con đem công đức này, mong sau sanh ở đâu, thường được gặp Tam Bảo không thiếu sót, thường có nhiều người làm, khiến đời sau được gặp Thế Tôn như hôm nay.

Nay trong Hiền kiếp này, có Phật tên Câu-lưu-tôn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh giác xuất hiện ở đời. Bấy giờ có Trưởng giả Đa Tài, lại thỉnh Như Lai Câu-lưu-tôn, trong bảy ngày thọ thực, Phật và Tỳ-kheo Tăng. Ông cúng dường y phục, thức ăn uống, giường chõng, thuốc men và nguyện: 'Sanh ra thường được nhiều tiền của, không sanh vào nhà bần cùng, khiến con hằng được bốn món cúng dường, được bốn bộ chúng, quốc vương, nhân dân trông thấy đều sùng kính. Trời, rồng, quỷ thần, nhân và phi nhân trông thấy đều tiếp rước, đãi ngộ.

Các Tỳ-kheo nên biết! Bấy giờ Phạm chí Da-nhã-đạt, há là người khác sao? Chớ xem như thế! Vì sao? Vì nay chính là Trưởng giả Nguyệt Quang. Người chăn trâu tên Thi-bà-la đem tô lạc cúng dường Phật, nay là Tỳ-kheo Thi-bà- la. Khách buôn Thiện Tài đâu phải ai xa lạ, chớ xem như thế! Nay chính là

Tỳ-kheo Thi-bà-la. Bấy giờ Trưởng giả Thiện Giác há là ai khác. Chớ xem như thế! Nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la. Bấy giờ Trưởng giả Đa Tài, há là người khác. Chớ xem như thế! Nay chính là Tỳ-kheo Thi-bà-la.

Các Tỳ-kheo nên biết! Tỳ-kheo Thi-bà-la, phát thệ nguyện này: 'Khiến tôi sanh ra hằng đoan chánh vô song, thường sanh trong nhà phú quý; khiến đời tương lai được gặp Thế Tôn. Nếu ngài vì tôi thuyết pháp, tôi sẽ được giải thoát, được xuất gia làm Sa-môn'. Do công đức này, nay Tỳ-kheo Thi-bà-la được sanh trong nhà phú quý, đoan chánh vô song, nay gặp được Ta, liền đắc A-la-hán. Nhưng Tỳ-kheo nên biết! Ông ta lại lấy bảo châu rải trên Như Lai, đem công đức này, nay ở trong thai mẹ cầm hai hột châu mà ra, giá trị bằng cõi Diêm-phù-đề. Ngay ngày ông vừa sanh ra liền biết nói.

Ông lại thỉnh Như Lai Câu-lưu-tôn, mong được nhiều tôi tớ, nay đem năm trăm đồ chúng đến chỗ Ta, xuất gia học đạo đắc A-la-hán.

Lại trong bảy ngày, ông cúng dường Như Lai Câu-lưu-tôn cầu được bốn món cúng dường. Hôm nay chẳng thiếu y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men. Do công đức này, các Tỳ-kheo khác không bì kịp. Thích-đề- hoàn-nhân tự thân đến cúng dường cấp món cần thiết, lại có chư Thiên truyền báo thôn xóm, khiến bốn bộ chúng biết có Thi-bà-la là nghĩa này vậy. Trong đệ tử của Ta, người phước đức đệ nhất là Tỳ-kheo Thi-bà-la.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có năm loại trượng phu mạnh mẽ, có thể chiến đấu, xuất hiện ở đời. Thế nào là năm?

Ở đây, có người mặc giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu, từ xa thấy gió bụi liền sợ hãi. Đó là người chiến đấu thứ nhất.

Lại nữa, hạng chiến đấu thứ hai, mặc giáp, cầm gậy muốn vào trận chiến; thấy gió bụi không sợ hãi nhưng thấy cờ xí liền ôm lòng sợ hãi, không thể tiến đánh. Đó là người thứ hai.

Lại nữa, hạng người chiến đấu thứ ba, mặc giáp, cầm gậy muốn vào trận chiến đấu; thấy gió bụi hay cờ xí không sợ hãi nhưng thấy cung tên liền sợ hãi, chẳng thể chiến đấu. Đó là người thứ ba.

Lại nữa, hạng người chiến đấu thứ tư, mặc giáp, cầm gậy vào trận đánh nhau; thấy gió bụi hay cờ xí hoặc cung tên chẳng sợ hãi, nhưng lúc vào trận bị người khác bắt hoặc giết chết. Đó là người thứ tư.

Lại nữa, hạng người chiến đấu thứ năm, mặc giáp, cầm gậy muốn vào trận đánh; thấy gió bụi, cờ xí hoặc thấy cung tên, hoặc bị người khác bắt, cho đến chết không sợ hãi, có thể đánh tan quân địch trong ngoài mà thống lãnh nhân dân. Đó là người thứ năm.

Như thế Tỳ-kheo! Thế gian có năm loại người này.

Nay trong chúng Tỳ-kheo cũng có năm loại người này xuất hiện ở đời. Thế nào là năm?

Hoặc có Tỳ-kheo dạo trong thôn xóm người; ông ta nghe trong thôn có phụ nữ đoan chánh vô song, mặt như màu hoa đào. Ông ta nghe xong, đến giờ đắp y ôm bát vào thôn khất thực, gặp cô gái nhan sắc vô song này liền khởi dục tưởng rồi bỏ ba y, trả lại cấm giới của Phật, làm cư sĩ. Ví như người chiến đấu nọ, thấy gió bụi đã sợ hãi; Tỳ-kheo này cũng vậy.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe có cô gái ở trong thôn xóm đoan chánh vô song, đến giờ đắp y, ôm bát vào thôn khất thực, nếu gặp nữ nhân không khởi dục. Nhưng nếu cùng cô gái ấy đùa cợt, chuyện trò thì do sự đùa cợt này, ông ta liền bỏ pháp phục trở về làm cư sĩ. Như người thứ hai kia, thấy gió bụi không sợ, nhưng thấy cờ xí liền ôm lòng sợ hãi; Tỳ-kheo này cũng vậy.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn xóm có cô gái dung mạo đoan chánh hiếm có ở đời, như màu hoa đào. Ông ta đến giờ đắp y, ôm bát vào làng khất thực, nếu thấy cô gái, chẳng khởi dục tưởng, dù cùng cô gái trò chuyện cũng không khởi ý dục. Nhưng cùng cô gái kia nắm tay, chạm nhau hoặc cùng nắm kéo, trong đó khởi dục tưởng, ông ta bỏ ba pháp y, trở lại làm cư sĩ, tập

tành gia nghiệp; như người thứ ba, lúc vào trận thấy gió bụi, thấy cờ xí không sợ hãi; thấy cung tên liền ôm lòng lo sợ.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn xóm có cô gái mặt mũi đoan thế gian ít có. Đến giờ, đắp y, ôm bát vào xóm khất thực; nếu ông ta thấy cô gái thì cũng chẳng khởi dục tưởng, dù cùng nói chuyện cũng không khởi dục tưởng, nếu cùng cô gái nắm kéo liền khởi dục tưởng, nhưng không bỏ pháp phục mà học tập gia nghiệp; như người thứ tư vào trận bị người bắt hoặc đoạt mạng sống, không thể ra khỏi.

Lại nữa, có Tỳ-kheo ở trong thôn xóm, ông ta nghe trong thôn có cô gái. Đến giờ, ông đắp y, ôm bát vào làng khất thực; nếu ông ta thấy cô gái, chẳng khởi dục tưởng, dù cùng nói cười cũng không khởi dục tưởng, dù cùng nắm kéo cũng không khởi dục tưởng. Bấy giờ Tỳ-kheo quán ba mươi sáu thứ trong thân này dơ xấu chẳng sạch: 'Ai dính mắc vào đây? Do đâu mà khởi dục? Dục này ngừng ở đâu? Từ đầu chăng? Từ thân thể ra chăng? Quán các vật này trọn không có gì cả. Từ đầu tới chân cũng lại như thế. Những vật thuộc ngũ tạng không có tưởng tượng cũng không chỗ đến'. Ông ta quán nguyên nhân chẳng biết từ đâu tới! Ông lại nghĩ: 'Ta quán dục này từ nhân duyên sanh'.

Tỳ-kheo ấy quán như thế rồi, tâm dục lậu hết, được giải thoát, tâm hữu lậu được giải thoát, tâm vô minh lậu được giải thoát, liền được trí giải thoát. Sanh tử đã dứt, phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh nữa, như thật mà biết. Như người chiến đấu thứ năm kia, không sợ bị nạn bởi quân địch mà tự du hóa. Do đó nên nay Ta nói người này xả bỏ ái dục, vào chỗ vô úy, được đến thành Niết-bàn.

Đó là, này Tỳ-kheo, có năm loại người xuất hiện ở đời.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Dục, ta biết gốc ngươi,
Ý do tư tưởng sanh,
Tư tưởng ta chẳng sanh,
Thì ngươi không có được.
Như thế, các Tỳ-kheo! Hãy quán uế ác, dâm là hạnh bất tịnh, hãy trừ bỏ sắc dục! Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có năm hạng người chiến đấu xuất hiện ở đời. Thế nào là năm? Hoặc có người mặc giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu. Ông ta thấy gió bụi liền lo sợ chẳng dám vào trong trận lớn kia. Đó là hạng người thứ nhất.

Lại nữa, hạng người chiến đấu thứ hai, mặc giáp cầm gậy vào trận chiến đấu. Ông ta thấy gió bụi không sợ hãi, nhưng nghe tiếng trống đánh liền kinh sợ. Đó là hạng người thứ hai.

Lại nữa, hạng người chiến đấu thứ ba mặc giáp cầm gậy vào quân chiến đấu. Ông ta thấy gió bụi không sanh sợ hãi, nếu nghe tiếng trống, tù và cũng không lo sợ. Ông ta nếu thấy cờ xí liền sợ hãi, chẳng kham chiến đấu. Đó là người thứ ba.

Lại nữa, người chiến đấu thứ tư mặc giáp, cầm gậy vào trong quân chiến đấu. Nếu ông ta thấy gió bụi không sanh sợ hãi, nếu nghe tiếng trống, tù và cũng chẳng sợ sệt, nếu thấy cờ xí cũng không kinh sợ. Nhưng ông ta có thể bị người bắt và giết chết. Đó là người thứ tư.

Lại nữa, thứ năm, có người mặc giáp cầm gậy vào trận cùng chiến đấu. Ông ta có thể nhẫn chịu, chẳng sợ khó khăn, có thể đánh bại quân địch, mở rộng bờ cõi. Đó là người thứ năm xuất hiện ở đời.

Tỳ-kheo nên biết! Nay Tỳ-kheo cũng có năm loại người xuất hiện ở đời. Thế nào là năm?

- Hoặc có Tỳ-kheo ở trong thôn xóm. Người ấy nghe có nữ nhân đoan chánh vô song, như màu hoa đào. Tỳ-kheo ấy đến giờ đắp y, ôm bát vào làng khất thực, không giữ gìn các căn, chẳng hộ trì pháp thân, miệng, ý. Ông ta nếu thấy nữ nhân liền khởi dục ý, lại bỏ cấm giới, tập pháp cư sĩ. Như người đầu

tiên kia, nghe tiếng gió bụi nổi lên, chẳng kham chiến đấu, sanh lòng sợ hãi; do đây nên Ta nói người này.

Lại nữa, có Tỳ-kheo trụ ở thôn xóm. Ông ta nghe trong thôn có nữ nhân đoan chánh vô song, mặt như màu hoa đào, liền bỏ cấm giới, học tập pháp cư sĩ. Như người chiến đấu thứ hai kia, chỉ nghe tiếng trống, tù và mà chẳng kham chiến đấu; đây cũng vậy.

Lại nữa, có Tỳ-kheo trụ ở thôn xóm, nghe có nữ nhân ở thôn xóm kia. Ông ta nghe rồi liền khởi dục ý. Nếu thấy nữ nhân, ông ta không khởi dục tưởng, chỉ khi cùng nữ nhân đùa cợt, nơi đó bỏ cấm giới, tập tành pháp cư sĩ. Như người thứ ba kia, xa trông thấy cờ xí liền sợ hãi, chẳng kham chiến đấu; do đây nên Ta nói người này. Đó là người chiến đấu thứ ba.

Lại nữa, có Tỳ-kheo ở trong thôn xóm. Tỳ-kheo ấy nghe trong thôn có nữ nhân; nghe rồi đắp y, ôm bát vào làng khất thực, chẳng giữ gìn thân, miệng, ý. Ông ta thấy nữ nhân đoan chánh vô song, nơi đó liền khởi dục ý, hoặc cùng nữ nhân kéo níu, hoặc nắm tay, liền bỏ cấm giới, về làm cư sĩ. Như người chiến đấu thứ tư kia, ở trong đại quân bị người bắt, mất mạng; do đó nên nay Ta nói người này.

Lại nữa, có Tỳ-kheo nghe trong thôn xóm có nữ nhân hiếm có ở đời. Ông ta tuy nghe như thế mà không khởi dục tưởng. Tỳ-kheo ấy đến giờ đắp y, ôm bát vào làng khất thực, thủ hộ thân, miệng, ý. Ông ta tuy thấy nữ nhân, không khởi dục tưởng, không có niệm tà, dù có cùng nữ nhân trò chuyện cũng chẳng khởi dục tưởng, cũng không niệm tà. Nếu cùng nữ nhân níu kéo nắm tay, lúc ấy ông ta liền khởi dục tưởng, thân, miệng, ý liền lừng lẫy. Dục ý đã lừng lẫy, trở về lại vườn, đến chỗ Tỳ-kheo Trưởng lão, đem nhân duyên này nói với Tỳ-kheo trưởng lão:

- Chư Hiền nên biết! Nay tôi dục ý lừng lẫy chẳng thể tự kềm chế. Cúi mong (chư hiền) thuyết pháp khiến tôi thoát khỏi sự nhơ nhớp bất tịnh của dục.

Bấy giờ Trưởng lão Tỳ-kheo bảo:

- Nay Ông nên quán dục này từ đâu sanh? Rồi từ đâu diệt? Như Lai nói: 'Phàm người trừ dục nên dùng quán bất tịnh để trừ và tu hành đạo quán bất tịnh'.

Tỳ-kheo Trưởng lão bèn nói kệ:

Nếu biết tự điên đảo,
Làm tâm thêm lừng lẫy,
Nên trừ các thức tâm,
Dục ý liền thôi dứt.

Chư Hiền nên biết: dục từ tưởng sanh, vì dấy tưởng niệm liền sanh dục ý, có thể hại mình, lại hại người khác, khởi bao nhiêu tai nạn biến đổi; ở trong hiện tại nhận khổ hoạn này; lại ở đời sau thọ khổ vô lượng. Dục ý đã trừ, chẳng tự hại mình, cũng chẳng hại người khác, ở quả báo hiện tại chẳng chịu khổ này. Thế nên, nay hãy trừ tưởng niệm. Do không tưởng niệm liền không tâm dục, đã không tâm dục liền không loạn tưởng.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia nhận lời dạy dỗ như thế. Liền tư duy tưởng bất tịnh. Do tư duy tưởng bất tịnh, lúc ấy tâm hữu lậu được giải thoát đến chỗ vô vi, như người thứ năm

kia mặc giáp, cầm gậy vào trận chiến đấu. Ông ta thấy địch không hề sợ hãi. Nếu có người đến hại, tâm ông ta không di động; có thể phá dẹp giặc cướp bên ngoài, vào trong đất nước người khác. Do vậy, nên nay Ta nói người này có thể phá chúng ma, trừ các loạn tưởng, đến chỗ vô vi. Đó là người thứ năm xuất hiện ở đời.

Tỳ-kheo nên biết! Thế gian có năm loại người này xuất hiện ở đời. Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy nhớ tu hành, dục là tưởng bất tịnh. Như thế các Tỳ-kheo! Hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Phàm người quét đất thì có năm việc chẳng được công đức. Thế nào là năm? Ở đây, người quét đất chẳng biết ngược gió, chẳng biết thuận gió, lại chẳng gom nhóm, chẳng trừ phần, chỗ đất quét lại chẳng sạch sẽ. Đó là, này Tỳ-kheo! Người quét đất có năm việc chẳng được công đức lớn.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Người quét đất thành tựu năm công đức. Thế nào là năm? Ở đây, người quét đất biết lý thuận gió, ngược gió, cũng biết gom nhóm, cũng có thể trừ bỏ chẳng để dư sót, khiến đất hết sức sạch sẽ, tốt đẹp.

Đó là, Tỳ-kheo! Có năm việc này thành tựu công đức lớn. Thế nên, các Tỳ- kheo! Nên trừ năm việc trước, tu năm pháp sau. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Phàm người quét tháp thì có năm việc chẳng được công đức. Thế nào là năm? Ở đây, có người quét tháp chẳng lấy nước rưới đất, chẳng trừ bỏ ngói đá, chẳng sửa đất cho bằng phẳng, chẳng quét đất nghiêm chính, chẳng trừ bỏ nhơ nhớp. Đó là, này Tỳ-kheo! Người quét tháp chẳng thành tựu năm công đức.

Tỳ-kheo nên biết! Người quét tháp thành tựu năm công đức. Thế nào là năm? Ở đây người quét tháp lấy nước rưới đất, trừ bỏ ngói đá, san bằng đất đai, quét đất nghiêm trang, trừ bỏ nhơ nhớp. Đó là này Tỳ-kheo! Có năm việc khiến người quét tháp được công đức. Thế nên, các Tỳ-kheo! Muốn cầu công đức, nên hành năm việc này. Như thế, các Tỳ-kheo nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Người du hành nhiều có năm gian nan. Thế nào là năm? Ở đây, người thường du hành không tụng giáo pháp, quên mất giáo pháp đọc tụng, chẳng định được ý, đã được tam-muội lại quên mất, nghe pháp không thể giữ gìn. Đó là, này Tỳ-kheo! Người du hành nhiều có năm việc khó này.

Tỳ-kheo nên biết! Người không du hành nhiều có năm công đức. Thế nào là năm? Pháp chưa từng đắc sẽ được đắc pháp, được rồi chẳng quên nữa, nghe nhiều có thể gìn giữ, hay được định ý, đã được tam muội không bị mất nữa.

Đó là, này Tỳ-kheo! Người không du hành nhiều có năm công đức này. Thế nên, các Tỳ-kheo! Chớ nên du hành nhiều. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có Tỳ-kheo ở hoài một chỗ, sẽ có năm điều phi pháp. Thế nào là năm? Ở đây, Tỳ-kheo ở một chỗ, ý sẽ dính mắc vào nhà cửa sợ người khác chiếm đoạt; hoặc ý đắm mến tài sản lại sợ người đoạt; hoặc chứa nhiều vật giống như người đời; tham mến người thân, không muốn cho người khác đến nhà người mình thân; thường cùng cư sĩ qua lại. Đó là, này Tỳ-kheo! Người ở một chỗ có năm điều phi pháp này. Thế nên, các Tỳ-kheo! Nên cầu phương tiện, chớ trụ một chỗ. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Người không ở một chỗ có năm công đức. Thế nào là năm? Không tham nhà cửa, không tham đồ vật, không chứa nhiều tài vật, chẳng dính mắc thân tộc, chẳng cùng cư sĩ qua lại giao thiệp. Đó là, này Tỳ-kheo! Người không trụ một chỗ có năm công đức này. Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy cầu phương tiện hành năm việc này. Như thế, các

Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Ma-kiệt, bên hồ Quang Minh.

Bấy giờ Thế Tôn cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm người, đi du hóa trong nhân gian. Khi ấy, Thế Tôn thấy một cây lớn bị lửa đốt cháy. Thấy rồi, Như Lai đến ngồi dưới một gốc cây. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Thà đem thân nhảy vào lửa này hay thà cùng nữ nhân đoan chánh giao thiệp?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thà cùng nữ nhân giao thiệp chứ chẳng nên nhảy vào lửa này. Vì sao thế? Lửa này nóng độc không thể tính kể, nó chấm dứt mạng sống của mình, chịu khổ vô lượng.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta bảo cho các Thầy: Chẳng phải hạnh Sa-môn mà nói là Sa-môn, chẳng phải người Phạm hạnh mà nói là Phạm hạnh, chẳng nghe Chánh pháp mà nói ta nghe pháp, không có pháp thanh bạch. Người như thế, thà nhảy vào lửa này chứ chẳng cùng nữ nhân giao thiệp. Vì sao? Thà chịu đau khổ này, chứ chẳng vì tội này khiến vào trong địa ngục, chịu khổ vô lượng.

Thế nào Tỳ-kheo! Nên chịu người lễ bái cúng kính hay thà khiến người đem kiếm bén chặt tay chân?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thà chịu cung kính lễ bái, chẳng cho người lấy kiếm chặt chân tay. Vì sao? Chặt tay chân, đau đớn không kể nổi.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta bảo các Thầy: Chẳng phải hạnh Sa-môn mà xưng là Sa-môn, chẳng phải người Phạm hạnh mà nói là Phạm hạnh, chẳng nghe Chánh pháp mà nói rằng nghe Chánh pháp, không hạnh thanh bạch, dứt hết gốc lành. Người như thế, thà gieo mình chịu kiếm bén này chứ không để không giới mà nhận người cung kính. Vì sao thế? Cái đau này chỉ trong khoảnh khắc, còn đau khổ ở địa ngục không thể tính kể.

Thế nào Tỳ-kheo! Thà nhận y phục của người hay thà lấy mảnh sắt nóng quấn quanh mình?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thà nhận y phục của người chứ chẳng chịu sự thống khổ này. Vì sao thế? Điều này độc hại, đau khổ không thể tính kể.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta lập lại một lần nữa cho các Thầy biết: Người không giới hạnh, thà lấy mảnh sắt nóng quấn vào mình, chớ chẳng nên nhận y phục của người. Sở dĩ như thế vì sự thống khổ này chỉ trong chốc lát, còn đau khổ trong địa ngục thì không thể tính kể.

Thế nào, Tỳ-kheo! Thà nhận thức ăn của tín thí hay thà nuốt hoàn sắt nóng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thà nhận thức ăn của tín thí, chứ không thể nuốt hoàn sắt nóng. Sở dĩ như thế vì sự đau đớn này không có chỗ kham nổi.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta bảo các Thầy: Thà nuốt hoàn sắt nóng chứ chẳng nên không có giới hạnh mà nhận người cúng dường. Vì sao thế? Vì nuốt hoàn sắt nóng chỉ đau khổ trong chốc lát, chứ chẳng nên không giới hạnh thọ người tín thí.

Thế nào Tỳ-kheo! Thà nhận giường chõng của người hay thà nằm trên giường sắt nóng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Bạch Thế Tôn! Chúng con thà nhận giường chõng của người, chứ không nằm trên giường sắt nóng. Sở dĩ thế vì điều này rất độc hại, đau đớn không thể tính kể.

Thế Tôn bảo:

- Người ngu si kia không có giới hạnh, chẳng phải Sa-môn mà nói là Sa- môn, không có Phạm hạnh nói tu Phạm hạnh thì thà nằm trên giường sắt nóng, chẳng đem không có giới hạnh mà thọ người tín thí. Sở dĩ như thế vì nằm trên giường sắt nóng chịu khổ chốc lát, không do vô giới mà thọ người tín thí.

Tỳ-kheo nên biết! Hôm nay Ta xem chỗ hướng đến của người không giới hạnh. Nếu người ấy ở nhân gian thì hình hài khô héo, hộc máu mà chết; không cùng nữ nhân giao du, không có đức nhận người kính lễ, không nhận được y phục, thức ăn uống, giường chõng, thuốc men của người. Vì người vô giới này chẳng xem tội đời trước, đời sau, chẳng đoái hoài đến mạng căn nên phải chịu sự đau khổ này. Người không giới hạnh sẽ sanh trong ba đường ác. Vì sao thế? Vì tạo hạnh ác nên bị đưa đến đây.

Hôm nay Như Lai quán sát chỗ thú hướng của người làm lành, ngay cho dù người ấy trúng độc hay bị thương bởi đao kiếm, tự cắt đứt tính mạng. Vì cớ sao? Muốn bỏ thân này, hưởng phước cõi trời, sẽ sanh vào cõi lành, do chịu quả báo đời trước khiến hạnh lành đưa đến.

Thế nên, Tỳ-kheo! Nên nhớ tu hành giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân. Muốn khiến đời này được quả báo, được đạo cam lộ thì dù cho có nhận y phục, thức ăn uống, giường chõng, thuốc men cũng không lầm lỗi, lại khiến đàn việt được phước vô cùng. Như thế, các Tỳ-kheo! Hãy học điều này.

Lúc Phật thuyết pháp này, sáu mươi Tỳ-kheo được lậu tận, ý giải; sáu mươi vị bỏ pháp phục trở về làm cư sĩ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Năm vua và Nguyệt Quang,
Thi bà - Hai chiến đấu,
Hai quét - Hai hành pháp,
Đi ở có hai loại,
Cây khô ở sau cùng.
---o0o---

XXXIV. Phẩm Đẳng kiến

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Tôn giả Xá-lợi-phất ở thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ Tỳ-kheo đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cùng hỏi thăm nhau rồi ngồi một bên. Lúc ấy, nhiều Tỳ-kheo bạch Tôn giả rằng:

- Tỳ-kheo giới thành tựu nên suy nghĩ những pháp gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

- Tỳ-kheo giới thành tựu nên tư duy năm thạnh ấm, vô thường là khổ não, là nhiều đau đớn, lo sợ; cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Thế nào là năm? Nghĩa là sắc ấm, thọ ấm, tưởng ấm, hành ấm, thức ấm. Bấy giờ, Tỳ-kheo giới thành tựu suy nghĩ năm thạnh ấm này liền thành đạo Tu-đà-hoàn.

Tỳ-kheo bạch Tôn giả:

- Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn nên tư duy những pháp gì?

Tôn giả đáp:

- Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn cũng nên tư duy năm thạnh ấm này là khổ, là não, là nhiều đau đớn, lo sợ; cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Chư Hiền nên biết, Tỳ-kheo Tu-đà-hoàn nếu tư duy năm thạnh ấm này sẽ liền thành tựu quả Tư-đà-hàm.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Tỳ-kheo Tư-đà-hàm nên tư duy những pháp gì?

Tôn giả đáp:

- Tỳ-kheo Tư-đà-hàm cũng nên tư duy năm thạnh ấm này là khổ, là não, là nhiều đau đớn, lo sợ. Cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã. Lúc ấy Tỳ-kheo Tư-đà-hàm ngay lúc tư duy năm thạnh ấm liền thành tựu quả A-na-hàm.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Tỳ-kheo A-na-hàm nên tư duy những pháp gì?

Tôn giả đáp:

- Tỳ-kheo A-na-hàm cũng nên tư duy năm thạnh ấm này là khổ, là não, là đau đớn, lo sợ. (Cũng nên tư duy khổ, không, vô ngã). Tỳ-kheo A-na-hàm lúc tư duy năm thạnh ấm liền thành A-la-hán.

Các Tỳ-kheo hỏi:

- Tỳ-kheo A-la-hán nên suy nghĩ những pháp gì?

Tôn giả đáp:

- Các Thầy có gì hỏi hơn nữa không? Tỳ-kheo A-la-hán việc làm đã xong, không còn tạo hạnh, tâm hữu lậu được giải thoát, chẳng còn hướng trong biển sanh tử năm đường; không còn thọ hậu hữu, còn tạo tác gì nữa? Thế nên, chư Hiền! Tỳ-kheo trì giới, Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm nên tư duy năm thạnh ấm. Như thế các Tỳ-kheo nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Tôn giả Xá-lợi-phất nói xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn Lộc Uyển (chư tiên đọa xứ) nước Ba-la-nạt.

Bấy giờ Như Lai thành đạo chưa được bao lâu, người đời gọi Ngài là Đại Sa-môn. Khi đó vua Ba-tư-nặc mới nối ngôi vua. Vua Ba-tư-nặc liền nghĩ rằng: "Nay ta mới nối ngôi vua, trước hết nên cưới con gái dòng họ Thích.

Nếu được cho cưới, thật vừa lòng ta. Nếu không bằng lòng, ta sẽ dùng áp lực đến bức bách".

Lúc ấy vua Ba-tư-nặc bảo một vị quan:

- Hãy đi đến nhà dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ đem tên tuổi ta báo cho họ Thích rằng: "Vua Ba-tư-nặc vấn an sức khỏe chí ý vô lượng". Rồi hãy bảo họ Thích đó rằng ta muốn cưới con gái họ Thích. Nếu gả cho ta, ta sẽ ghi mãi ơn đức; nếu không thuận ta sẽ đem lực lượng đến áp bức. Đại thần vâng lệnh vua, đến nước Ca-tỳ-la-vệ. Bấy giờ dòng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ có năm trăm người nhóm chung một chỗ. Đại thần liền đến chỗ năm trăm vị họ Thích; đem tên tuổi vua Ba-tư-nặc bảo họ Thích kia rằng:

- Vua Ba-tư-nặc ân cần hỏi thăm sức khỏe mong được chí ý vô lượng. Vua muốn cưới con gái họ Thích, nếu gả cho thật là đại hạnh, nếu không gả, vua sẽ dùng sức ép bức."

Các vị họ Thích nghe lời này xong, hết sức sân hận: "Chúng ta là dòng dõi lớn, duyên cớ gì lại cùng tên hèn mọn kết thân". Trong chúng hoặc có người nói nên cho, hoặc có người nói không nên cho.

Bấy giờ trong nhóm họ Thích có người tên Ma-ha-nam bảo mọi người rằng:

- Chư Hiền chớ sân giận. Vì sao thế? Vua Ba-tư-nặc là người bạo ác. Nếu đương cự thì vua Ba-tư-nặc đến sẽ đánh bại nước ta. Nay ta sẽ đến cùng Ba- tư-nặc tương kiến, bàn về sự tình này.

Trong nhà Ma-ha-nam có một tỳ nữ, sanh được một con gái diện mạo đoan chánh, hiếm có trên đời. Ma-ha-nam sai tắm rửa cô gái này, cho mặc áo đẹp, ngồi trên xe vũ bảo, đưa đến cho vua Ba-tư-nặc, lại tâu với vua rằng:

- Đây là con gái của tôi, có thể cùng ngài thành thân.

Vua Ba-tư-nặc được cô gái này hết sức vui mừng, liền lập cô làm đệ nhất phu nhân. Chưa được vài ngày, cô mang thai, lại trải qua tám, chín tháng sanh ra một cậu bé đoan chánh vô song, thế gian hiếm có. Vua Ba-tư-nặc liền tụ tập các thầy tướng để đặt tên tự cho thái tử này.

Các thầy tướng nghe vua nói xong, liền tâu vua rằng:

- Đại vương nên biết, lúc cầu phu nhân, các người họ Thích tranh luận với nhau, có người nói "nên cho", người nói "không nên cho", khiến đây đó lưu ly. Nay nên đặt tên gọi là Lưu Ly Tỳ-lưu-lặc.

Thầy tướng đặt hiệu xong, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi.

Vua Ba-tư-nặc yêu thương thái tử Lưu Ly này, chưa từng rời mắt. Khi thái tử Lưu Ly vừa tám tuổi, vua bảo thái tử rằng:

- Nay con đã lớn, nên đến Ca-tỳ-la-vệ học bắn cung.

Khi đó, vua Ba-tư-nặc cấp cho Thái tử những người hầu, khiến cỡi voi lớn đến nhà Ma-ha-nam dòng họ Thích, bảo Ma-ha-nam rằng:

- Vua Ba-tư-nặc sai con đến đây học các xạ thuật. Cúi mong ông bà, dạy dỗ mọi sự.

Ma-ha-nam bảo:

- Muốn học thuật thì khéo nên tập tành.

Thích Ma-ha-nam tụ họp năm trăm trẻ con khiến cùng học xạ thuật. Thái tử Lưu Ly cùng học xạ thuật với năm trăm trẻ.

Bấy giờ trong thành Ca-tỳ-la-vệ mới dựng một giảng đường. Trời và nhân dân, Ma và Thiên ma trụ trong giảng đường này. Những người họ Thích nói với nhau:

- Nay giảng đường hoàn thành chưa lâu, vẽ vời chưa xong, không khác thiên cung. Chúng ta trước hết nên thỉnh Như Lai và Tỳ-kheo Tăng vào đây để cúng dường, khiến chúng ta được phước vô cùng.

Khi ấy, họ Thích ở trên giảng đường trải các thứ tọa cụ, treo tràng phang bảo cái; dầu thơm rưới trên đất, đốt các danh hương; lại chứa nước tốt, đốt sáng các đèn. Bấy giờ thái tử Lưu Ly dẫn năm trăm đứa trẻ đến giảng đường, rồi leo ngay lên tòa sư tử. Những người họ Thích trông thấy hết sức giận dữ, bèn xông tới lôi cánh tay thái tử, kéo ra ngoài cửa, xúm nhau mắng nhiếc:

- Đây là đứa con nô tỳ, chư Thiên và mọi người chưa có ai dám vào đây, mà đứa con nô tỳ này dám vào đây ngồi.

Rồi họ lại xô thái tử Lưu Ly ngã xuống đất. Thái tử Lưu Ly chỗi dậy, than một tiếng dài rồi ngó lại phía sau. Lúc ấy có người con của Phạm Chí tên là Hiếu Khổ. Thái tử Lưu Ly bảo Hiếu Khổ rằng:

- Họ Thích hủy nhục ta đến thế này. Sau này nếu ta nối ngôi vua, ông nên nhắc ta chuyện này.

Hiếu Khổ, người con Phạm Chí đáp:

- Xin vâng lời dạy của thái tử.

Từ đó, mỗi ngày người con Phạm Chí kia tâu Thái tử ba lần:

- Hãy nhớ mối nhục họ Thích.

Rồi nói kệ:

Tất cả đều sẽ tận,
Quả chín cũng sẽ rụng,
Hội họp ắt sẽ tan,
Có sanh thì có chết.
Đến khi vua Ba-tư-nặc theo tuổi thọ qua đời, thái tử Lưu Ly được lập làm vua. Phạm chí Hiếu Khổ đến chỗ vua nói rằng:

- Vua hãy nhớ xưa bị họ Thích hủy nhục.

Vua Lưu Ly đáp:

- Lành thay! Lành thay! Khéo nhớ việc cũ.

Khi ấy vua Lưu Ly liền nổi cơn giận dữ bảo quần thần:

- Nay chúa tể của nhân dân là ai?

Quần thần tâu:

- Ngày nay do Đại vương thống lãnh.

Vua Lưu Ly bảo:

- Các Ông mau sửa soạn xe, tụ tập bốn bộ binh. Ta muốn chinh phục họ Thích.

Chư thần đáp:

- Xin vâng, Đại vương.

Quần thần nhận lệnh vua liền chiêu tập bốn binh chủng. Vua Lưu Ly dẫn bốn bộ binh đến nước Ca-tỳ-la-vệ.

Bấy giờ rất đông Tỳ-kheo nghe vua Lưu Ly chinh phạt họ Thích, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên, đem nhân duyên này kể lại đầy đủ cho Thế Tôn. Thế Tôn nghe xong liền đến cản vua Lưu Ly. Ngài đến một cây khô không có cành lá ngồi kiết-già. Vua Lưu Ly từ xa thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, liền xuống xe đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ vua Lưu Ly bạch Thế Tôn rằng:

- Có những cây tốt, cành lá sum sê như loại ni-câu-lưu v.v... Sao Ngài lại ngồi dưới cây khô này?

Thế Tôn đáp:

- Bóng mát của thân tộc hơn hẳn người ngoài.

Vua Lưu Ly liền nghĩ:

- Hôm nay Thế Tôn cố vì thân tộc. Vậy hôm nay ta nên trở về nước, chẳng nên chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.

Vua Lưu Ly liền cáo từ lui về. Khi ấy Phạm chí Hiếu Khổ lại tâu vua:

- Hãy nhớ xưa bị họ Thích làm nhục.

Vua Lưu Ly nghe lời này xong lại nổi sân giận.

- Các Ngươi mau sửa soạn xe cộ, tập họp bốn bộ binh. Ta muốn chinh phạt Ca-tỳ-la-vệ.

Quần thần lập tức chiêu tập bốn bộ binh ra khỏi thành Xá-vệ đến Ca-tỳ-la-vệ chinh phạt họ Thích. Khi ấy rất đông Tỳ-kheo nghe được đến bạch Thế Tôn.

- Nay Lưu Ly hưng binh đi tấn công họ Thích.

Bấy giờ Thế Tôn nghe lời này xong liền dùng thần túc đến bên đường ngồi dưới một gốc cây. Vua Lưu Ly xa thấy Thế Tôn ngồi dưới gốc cây liền xuống xe đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ vua Lưu Ly bạch Thế Tôn:

- Lại có những cây tốt sao Ngài không đến ngồi mà hôm nay Thế Tôn cớ gì lại ngồi dưới cây khô này?

Thế Tôn đáp:

- Bóng mát của thân tộc hơn người ngoài.

Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ:

Bóng mát của thân tộc
Từ họ Thích có Phật
Đều là cành lá Ta
Nên ngồi dưới cây ấy.
Vua Lưu Ly lại nghĩ:

- Ngày nay Thế Tôn phát xuất từ dòng họ Thích. Ta không nên chinh phạt, nên cùng quay về nước.

Vua Lưu Ly liền trở về thành Xá-vệ, Phạm chí Hiếu Khổ lại bảo vua rằng:

- Vua nên nhớ cái nhục họ Thích ngày xưa.

Vua Lưu Ly nghe xong, lại chiêu tập bốn bộ binh kéo ra khỏi thành Xá-vệ đến Ca-tỳ-la-vệ. Khi ấy. Đại Mục-kiền-liên nghe vua Lưu Ly chinh phạt họ Thích, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ Đại Mục- kiền-liên bạch Thế Tôn:

- Hôm nay vua Lưu Ly triệu tập bốn bộ binh đi công phạt dòng họ Thích. Nay con đủ sức khiến cho vua Lưu Ly và bốn bộ binh, ném họ sang thế giới phương khác.

Thế Tôn bảo:

- Thầy há có thể đem túc duyên của họ Thích ném sang phương khác sao?

Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

- Thật không thể đem túc duyên đặt vào thế giới phương khác.

Thế Tôn bảo Mục-liền:

- Thầy về chỗ ngồi đi.

Mục-liên lại bạch Phật:

- Nay con có thể dời thành Ca-tỳ-la-vệ này để lên hư không.

Thế Tôn bảo:

- Nay Thầy có thể dời túc duyên của họ Thích để trong hư không chăng?

Mục-liên đáp:

- Thưa không, Thế Tôn.

Phật bảo Mục-liên:

- Nay Thầy hãy về chỗ mình.

Bấy giờ Tôn giả Mục-liên lại bạch Phật:

- Cúi mong Thế Tôn cho phép con lấy lồng sắt thưa, chụp lên thành Ca-tỳ- la-vệ.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào Mục-liên? Có thể lấy lồng sắt thưa chụp lên túc duyên chăng?

Mục-liên đáp:

- Thưa không, Thế Tôn.

Phật bảo Mục-liên:

- Nay Thầy trở về chỗ đi. Hôm nay họ Thích túc duyên đã chín, nay sẽ thọ báo.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Muốn hư không làm đất,
Lại khiến đất thành không,
Chỗ duyên xưa trói buộc,
Duyên này không hư bại.
Lúc ấy vua Lưu Ly đến Ca-tỳ-la-vệ. Các người họ Thích nghe "vua Lưu Ly đem bốn bộ binh đến công phạt chúng ta". Họ tụ tập bốn bộ chúng trong một do-tuần đến ngăn vua Lưu Ly.

Khi ấy, các người họ Thích trong một do-tuần từ xa bắn vua Lưu Ly; hoặc bắn vào tai mà không thương tổn đến tai; hoặc bắn vào búi tóc, không làm tổn thương đầu; hoặc bắn cung gãy, hoặc bắn dây cung không hại đến người; hoặc bắn áo giáp không thương tổn người; hoặc bắn sàng tòa không hại người; hoặc bắn bánh xe hư, không thương tổn người; hoặc làm hư cờ xí không hại người.

Khi ấy vua Lưu Ly thấy việc này rồi sợ hãi bảo quần thần:

- Các Ngươi xem tên này từ đâu tới?

Quần thần đáp:

- Các người họ Thích này cách đây một do-tuần bắn tên đến.

Vua Lưu Ly bảo:

- Họ dù phát tâm muốn hại ta, phải cho họ chết hết mới nên trở về Xá-vệ.

Bấy giờ Phạm chí Hiếu Khổ đến trước tâu vua rằng:

- Đại vương chớ sợ! Những người họ Thích này đều trì giới, côn trùng còn chẳng hại huống là hại người. Nay ta nên tiến đến trước ắt có thể phá được họ Thích.

Vua Lưu Ly dần dần tiến lên hướng đến họ Thích. Những người họ Thích lại vào trong thành. Vua Lưu Ly ở ngoài thành bảo họ rằng:

- Các Ông mau mở cửa thành! Nếu không, ta sẽ giết hết các Ông.

Bấy giờ thành Ca-tỳ-la-vệ có đứa trẻ họ Thích, tuổi mới mười lăm tên là Xà- ma; nghe vua Lưu Ly nay ở ngoài cửa liền mặc giáp cầm gậy, đến trên thành

một mình đánh nhau với vua Lưu Ly. Khi ấy đứa bé Xà-ma giết hại nhiều binh lính, họ chạy tán loạn, nói:

- Đây là người nào? Là trời hay là quỷ thần? Xa trông giống như đứa bé!

Lúc ấy vua Lưu Ly liền sợ hãi, vào tránh trong một hố đất.

Họ Thích nghe binh lính vua Lưu Ly bị hại. Khi ấy, họ Thích liền gọi đứa bé Xà-ma mà bảo rằng:

- Người tuổi nhỏ cớ sao làm nhục môn hộ của chúng ta? Há chẳng biết họ Thích tu hành pháp lành sao? Chúng ta còn chẳng thể hại côn trùng huống là mạng người sao? Chúng ta có thể phá tan quân lính này, một người chống muôn người, nhưng chúng ta lại nghĩ rằng: "Như thế giết hại chúng sanh không thể tính kể". Thế Tôn cũng nói: "Phàm người giết mạng người, chết sẽ vào địa ngục. Nếu sanh trong loài Người thọ mạng rất ngắn". Ngươi mau đi đi, không được ở đây nữa.

Khi ấy, đứa bé Xà-ma liền đi ra khỏi nước, không vào Ca-tỳ-la-vệ nữa. Vua Lưu Ly lại đến giữa cửa bảo người ấy rằng:

- Mau mở cửa thành chẳng nên chần chờ.

Khi ấy, những người họ Thích bảo nhau rằng:

- Nên mở hay không mở?

Bấy giờ tệ ma Ba-tuần ở trong họ Thích, biến thành một người họ Thích bảo họ Thích:

- Các Ông nên mở cửa thành, chớ cũng chịu khốn hôm nay.

Họ Thích liền cho mở cửa thành. Khi ấy vua Lưu Ly liền bảo quần thần:

- Nay nhân dân họ Thích rất nhiều, chẳng phải đao kiếm có thể hại hết được. Nên đem chôn chân trong đất, rồi sau cho voi dữ đạp chết.

Bấy giờ quần thần vâng lệnh vua; liền dùng voi đạp chết những người ấy. Vua Lưu Ly ra lệnh quần thần:

- Các Ông mau chọn năm trăm đàn bà đẹp đẽ họ Thích.

Quần thần vâng lệnh vua, liền chọn năm trăm cô gái đoan chính đem đến chỗ vua. Khi ấy, Thích Ma-ha-nam đến chỗ vua Lưu Ly rồi bảo rằng:

- Hãy theo ý nguyện của tôi!

Vua Lưu Ly nói:

- Muốn nguyện những gì?

Ma-ha-nam bảo:

- Nay tôi lặn xuống đáy nước, tùy theo sự mau hay chậm của tôi, cho những người họ Thích được chạy trốn. Nếu tôi ra khỏi mặt nước, thì tùy ý giết.

Vua Lưu Ly nói:

- Việc này rất hay.

Thích Ma-ha-nam liền nhảy xuống nước, lấy tóc cột vào gốc cây mà chết. Khi ấy, những người họ Thích trong thành Ca-tỳ-la-vệ, từ cửa Đông ra lại đi vào cửa Nam; hoặc từ cửa Nam ra lại vào cửa Bắc; hoặc từ cửa Tây ra lại vào cửa Bắc. Bấy giờ vua Lưu Ly bảo quần thần rằng:

- Tổ phụ Ma-ha-nam cớ sao ẩn trong nước đến giờ chưa ra?

Các quần thần nghe lệnh vua, nhảy xuống nước đem Ma-ha-nam đã chết lên. Vua Lưu Ly thấy Ma-ha-nam đã chết rồi, mới sanh lòng hối hận:

- Nay ông của ta đã chết vì yêu thân tộc. Ta trước chẳng biết nên để ông chết. Nếu biết thế, trọn chẳng đến chinh phạt họ Thích.

Khi ấy vua Lưu Ly giết chín ngàn chín trăm chín mươi vạn người, máu chảy thành sông quanh thành Ca-tỳ-la-vệ, rồi đến vườn Ni-câu-lưu. Bấy giờ vua Lưu Ly bảo năm trăm cô gái họ Thích rằng:

- Các vị cẩn thận chớ có sầu lo. Ta là chồng các vị, các vị là vợ ta, phải nên tiếp đãi nhau.

Khi ấy, vua Lưu Ly bèn vươn tay bắt một cô, muốn đùa cợt. Cô gái hỏi:

- Đại vương muốn làm gì?

Vua đáp:

- Muốn cùng cô giao tình.

Cô gái đáp vua:

- Nay ta cớ sao phải cùng con của đầy tớ gái thông giao?

Vua Lưu Ly hết sức giận dữ, ra lệnh cho quần thần:

- Mau đem cô gái này chặt tay chân rồi đẩy xuống hầm sâu.

Quần thần tuân lệnh vua chặt tay chân cô gái, ném cô xuống hầm. Năm trăm cô gái đều mắng nhiếc vua:

- Ai mà đem thân này cùng con của đầy tớ gái thông giao?

Vua giận dữ đem hết năm trăm cô chặt tay chân và xô xuống hầm sâu.

Lúc ấy vua Lưu Ly đã tàn hại hết Ca-tỳ-la-vệ rồi, liền trở về thành Xá-vệ. Bấy giờ Thái tử Kỳ-đà ở trong thâm cung cùng các kỹ nữ vui chơi. Vua Lưu Ly nghe tiếng đàn hát liền hỏi:

- Đây là âm thanh gì mà vang đến đây?

Quần thần đáp vua rằng:

- Đây là Vương tử Kỳ-đà ở trong thâm cung, xướng kỹ nhạc để vui chơi.

Vua Lưu Ly liền sai người hầu:

- Ông quay voi này lại chỗ Vương tử Kỳ-đà.

Người giữ cửa từ xa trông thấy vua đến liền tâu rằng:

- Vua hãy thong thả, Vương tử Kỳ-đà đang ở trong cung, vui ngũ dục, xin chớ quấy nhiễu.

Vua Lưu Ly liền rút kiếm giết người giữ cửa. Vương tử Kỳ-đà nghe vua Lưu Ly đứng ở ngoài cửa, chẳng từ giã kỹ nữ, đi ra ngoài cùng vua tương kiến.

- Kính chào Đại vương! Nên vào nghỉ một chút!

Vua Lưu Ly bảo:

- Há Ông không biết ta cùng họ Thích đánh nhau sao?

Kỳ-đà đáp:

- Có nghe.

Vua Lưu Ly nói:

- Sao nay Ông cùng kỹ nữ đùa giỡn không chịu giúp ta?

Vương tử Kỳ-đà đáp:

- Ta chẳng kham giết hại mạng chúng sanh.

Vua Lưu Ly hết sức giận dữ, rút gươm chém chết Vương tử Kỳ-đà. Vương tử Kỳ-đà chết rồi sanh lên cõi trời Ba mươi ba vui chơi cùng năm trăm thiên nữ.

Bấy giờ Thế Tôn dùng thiên nhãn xem Vương tử Kỳ-đà đã chết sanh cõi trời Ba mươi ba, liền nói kệ:

Hưởng phúc trong Trời, Người,
Đức Vương tử Kỳ-đà,
Làm lành sau hưởng báo,
Đều do báo hiện tại.
Đây lo kia cũng lo,
Lưu Ly hai chỗ lo,
Làm ác sau hưởng ác,
Đều do báo hiện tại.
Nên nương công phước đức,
Trước làm sau cũng vậy,
Hoặc riêng một mình làm,
Hoặc lại người chẳng biết,
Làm ác có biết ác,
Trước làm sau cũng vậy,
Hoặc riêng một mình làm,
Hoặc lại người chẳng biết,
Hưởng phước trong Trời, Người,
Hai nơi đều hưởng phước,
Làm lành sau thọ báo,
Đều do báo hiện tại.
Đây lo kia cũng lo,
Làm ác hai chỗ lo,
Làm ác sau thọ báo,
Đều do báo hiện tại.
Bấy giờ năm trăm cô gái họ Thích, tự quay về kêu xưng tên hiệu Như Lai:

- Như Lai ra đời cũng từ đây, xuất gia học đạo mà sau thành Phật, thế mà ngày nay Phật trọn chẳng thấy nhớ nghĩ chúng con gặp khổ não này, chịu đau đớn độc hại này. Thế Tôn cớ sao không thấy nhớ?

Bấy giờ Thế Tôn dùng thiên nhãn thông suốt nghe các cô họ Thích kêu oán với Phật. Thế Tôn liền bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy lại hết đây, cùng xem Ca-tỳ-la-vệ và cùng xem những người thân mạng chung.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng! Thế Tôn.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn các Tỳ-kheo ra khỏi thành Xá-vệ đến Ca-tỳ-la-vệ. Năm trăm cô gái họ Thích từ xa thấy Thế Tôn cùng các Tỳ-kheo đến, thấy rồi đều hổ thẹn.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân và Tỳ-sa-môn Thiên vương đứng quạt sau Thế Tôn. Thế Tôn quay lại bảo Thích-đề-hoàn nhân:

- Những cô gái họ Thích này đều hổ thẹn.

Thích-đề-hoàn nhân đáp:

- Đúng vậy, Thế Tôn!

Thích-đề-hoàn nhân liền lấy y Trời trùm lên thân thể năm trăm cô gái này. Bấy giờ Thế Tôn bảo Tỳ-sa-môn Thiên vương:

- Các cô gái này đói khát lâu ngày, nên làm cách gì ban bố!

Tỳ-sa-môn Thiên vương bạch Phật:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Rồi Tỳ-sa-môn Thiên vương liền bày biện các thức ăn tự nhiên của Trời cho các cô gái họ Thích đều được no đủ. Bấy giờ Thế Tôn dần dần thuyết pháp vi diệu cho các cô. Nghĩa là:

- Các pháp rồi sẽ ly tán, hội ngộ rồi sẽ biệt ly. Các Cô nên biết, năm thạnh ấm này đều sẽ chịu các đau khổ, phiền não này, đọa trong năm đường. Phàm thọ thân năm thạnh ấm này, ắt sẽ chịu hành báo này; đã có hành báo liền có thọ thai, đã có thọ thai lại sẽ chịu quả báo khổ vui. Nếu không có năm thạnh ấm thì liền chẳng thọ thân nữa. Nếu không thọ thân thì không có sanh. Vì không sanh thì không già, vì không già thì không có bệnh, đã không có bệnh thì không có chết, đã không có chết thì không có khổ não vì hội họp biệt ly. Thế nên các Cô nên nhớ sự biến đổi thành bại của năm ấm này. Sở dĩ như thế, vì biết năm ấm thì biết năm dục, đã biết năm dục thì biết pháp ái, đã biết pháp ái thì biết pháp nhiễm trước. Biết các việc này rồi thì không tái sanh nữa, đã không tái sanh thì không sanh, lão, bệnh, tử.

Bấy giờ Thế Tôn dần dần thuyết pháp này cho các cô gái họ Thích. Luận là thí luận, giới luận, luận sanh thiên; dục là tưởng bất tịnh, xuất yếu là vui. Bấy giờ Thế Tôn quán xét các cô gái này tâm ý đã khai mở, những pháp như Thế Tôn thường thuyết: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Thế Tôn đều thuyết hết cho họ.

Bấy giờ các cô gái, những trần cấu đã sạch, được pháp nhãn thanh tịnh, mỗi người ở chỗ mình mà mạng chung, đều sanh lên trời. Khi ấy Thế Tôn đến cửa Đông, thấy khói lửa dậy trời liền nói kệ:

Tất cả hành vô thường,
Có sanh ắt có tử,

Chẳng sanh thì chẳng tử,
Diệt này là vui nhất.
Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tất cả các Thầy hãy đến vườn Ni-câu-lưu mà ngồi.

Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đây là vườn Ni-câu-lưu. Ngày xưa Ta ở đây rộng thuyết giáo pháp cho các Tỳ-kheo mà ngày nay trống rỗng chẳng có nhân dân! Ngày xưa mấy ngàn

vạn chúng ở đây đắc đạo, được pháp nhãn thanh tịnh. Từ đây về sau, Như Lai chẳng còn đến đây nữa!

Thế Tôn thuyết pháp cho các Tỳ-kheo rồi, mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy mà đi đến Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay vua Lưu Ly và quân lính này chẳng còn ở đời bao lâu nữa. Sau bảy ngày sẽ bị tiêu diệt.

Bấy giờ vua Lưu Ly nghe Thế Tôn thọ ký rằng vua Lưu Ly và quân lính sau bảy ngày sẽ bị tiêu diệt thì hoảng sợ bảo quần thần rằng:

- Nay Như Lai đã huyền ký rằng vua Lưu Ly chẳng còn ở đời lâu, sau bảy ngày sẽ cùng quân lính chết hết. Các Ông xem bên ngoài không có trộm giặc, nước, lửa, tai biến đến xâm phạm đất nước chăng? Vì cớ sao? Chư Phật Như Lai không có hai lời, lời nói trọn không đổi khác.

Bấy giờ Phạm chí Hiếu Khổ tâu vua:

- Vua chớ sợ hãi. Nay bên ngoài không có giặc cướp đáng sợ, cũng không nước, lửa tai biến. Hôm nay Đại vương hãy mau vui chơi.

Vua Lưu Ly nói:

- Phạm Chí nên biết, chư Phật Thế Tôn nói không có khác.

Vua Lưu Ly sai người đếm ngày, đến đầu ngày thứ bảy, Đại vương mừng rỡ không thể tự kềm, đem các quân binh cùng các thể nữ đến bên bờ sông A- chi-la vui chơi rồi nghỉ ở đó. Nửa đêm, có mây bất ngờ kéo đến, gió to mưa lớn rất mau. Vua Lưu Ly và quân lính bị nước cuốn hết, tất cả đều tự tiêu diệt, thân hoại mạng chung sanh vào trong địa ngục A-tỳ. Lại có lửa Trời đốt cung điện trong thành. Bấy giờ Thế Tôn dùng thiên nhãn xem thấy vua Lưu Ly và bốn bộ chúng bị nước cuốn, đều mệnh chung vào trong địa ngục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Tạo ác thật quá sức,
Đều do thân miệng làm,
Thân này chịu khổ não,
Thọ mạng cũng ngắn ngủi.

Nếu lúc ở tại nhà,
Thì bị lửa thiêu đốt,
Nếu lúc mạng đã hết,
Ắt sanh trong địa ngục.
Bấy giờ nhiều Tỳ-kheo trong chúng bạch Thế Tôn:

- Nay vua Lưu Ly và bốn bộ binh đã chết rồi sanh về đâu?

Thế Tôn bảo:

- Nay vua Lưu Ly vào trong địa ngục A tỳ.

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Những họ Thích này ngày xưa tạo nhân duyên gì mà nay bị vua Lưu Ly hại?

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ngày xưa trong thành La-duyệt này, có một làng đánh cá. Khi ấy đời hết sức đói nghèo, người phải ăn rễ cây, một đấu vàng đổi một đấu gạo. Trong làng đó có một ao tắm lớn lại rất nhiều cá. Nhân dân trong thành La-duyệt đều đến ao bắt cá ăn. Ngay lúc đó, dưới nước có hai thứ cá: một tên Câu tỏa; hai tên Lưỡng thiệt (hai lưỡi). Khi đó, hai cá bảo nhau: "Chúng ta đối với những người này, trước tiên không có lỗi lầm. Ta là vật thuộc thủy tánh, không ở đất bằng. Nhân dân này đều đến ăn nuốt chúng ta. Đời trước nếu có chút ít phước đức gì sẽ dùng báo oán".

Bấy giờ trong làng có một đứa bé vừa tám tuổi, không đánh cá cũng không hại mạng chúng. Nhưng lúc những con cá kia chết ở trên bờ, đứa bé ấy thấy xong hết sức hoan hỷ.

Tỳ-kheo nên biết! Các Thầy chớ xem rằng nhân dân trong thành La-duyệt bấy giờ là người nào khác, nay họ chính là những người họ Thích vậy. Con cá Câu tỏa bấy giờ, nay là vua Lưu Ly. Con cá Lưỡng thiệt bấy giờ, nay là Phạm chí Hiếu Khổ. Đứa bé thấy cá trên bờ mà cười lúc đó, nay chính là Ta. Dòng họ Thích lúc ấy ngồi ăn cá. Do nhân duyên này trong vô số kiếp vào trong địa ngục, nay chịu sự trả thù này. Ta lúc ấy ngồi thấy mà cười, nay bị đau đầu như đá đè, ví như lấy đầu đội núi Tu-di. Vì sao như thế? Vì Như Lai không thọ thân nữa, đã xả bỏ các hành, qua hết các nguy nan. Đó là, này các

Tỳ-kheo! Do nhân duyên này, nay chịu quả báo này. Các Tỳ-kheo nên giữ gìn hành động của thân, miệng, ý; nên nhớ cung kính thừa sự người Phạm hạnh. Như thế, các Tỳ-kheo! Nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên biết Thiên tử khi sắp mạng chung có năm điềm chưa từng có ứng hiện ở trước. Thế nào là năm? Hoa héo, y phục cáu bẩn, thân thể hôi hám, chẳng ưa địa vị của mình, Thiên nữ tinh tán. Đó là Thiên tử lúc sắp mạng chung có năm điềm ứng này. Bấy giờ Thiên tử hết sức sầu lo, đấm ngực kêu gào. Khi ấy các Thiên tử đến chỗ Thiên tử này, bảo Thiên tử này: - Nay Ông tương lai có thể sanh chỗ lành, đã sanh chỗ lành, chóng được lợi lành, đã được lợi lành nên nhớ an xử thiện nghiệp. Khi đó, các vị Trời dạy dỗ Thiên tử ấy như thế. Một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn: - Trời Ba mươi ba, thế nào là được sanh cõi lành? Thế nào là chóng được lợi lành? Thế nào là an xử nghiệp lành? Thế Tôn bảo: - Nhân gian đối với Trời là cõi lành, được cõi lành. Được lợi lành là sanh nhà chánh kiến, tùng sự bậc thiện tri thức, ở trong pháp Như Lai được tín căn. Đó gọi là chóng được lợi lành. Thế nào gọi là an xử nghiệp lành? Là ở trong pháp Như Lai được tín căn, cạo bỏ râu tóc, do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Kia đã học đạo, giới tánh đầy đủ, các căn đầy đủ, ăn uống biết đủ, hằng nhớ kinh hành đắc Tam minh. Đó gọi là an xử nghiệp lành. Thế Tôn liền nói kệ này: Người là cõi lành Trời, Bạn tốt là lợi lành, Xuất gia là nghiệp lành, Hữu lậu hết, vô lậu. Tỳ-kheo nên biết, Trời Ba mươi ba dính mắc vào ngũ dục. Họ cho nhân gian là cõi lành, ở pháp Như Lai được xuất gia, làm lợi lành mà được tam đạt. Vì

sao thế? Phật Thế Tôn đều xuất hiện ở nhân gian chẳng phải do Trời mà được. Thế nên Tỳ-kheo! Ở đây mạng chung sẽ sanh lên Trời. Bấy giờ Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn rằng: - Thế nào là Tỳ-kheo sẽ sanh cõi lành? Thế Tôn bảo: - Niết-bàn là cõi lành của Tỳ-kheo. Nay Tỳ-kheo các Thầy nên cầu phương tiện được đến Niết-bàn. Như thế, Tỳ-kheo nên học điều này. Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Sa-môn xuất gia có năm pháp hủy nhục. Thế nào là năm? Đầu tóc dài, móng tay dài, y phục bẩn thỉu, chẳng biết thời nghi, nói năng nhiều. Vì sao thế? Tỳ-kheo có nhiều luận thuyết lại có năm việc. Thế nào là năm? Người chẳng tin lời, chẳng nhận lời dạy, người chẳng ưa gặp, nói láo, cãi lộn kia đây. Đó là người nói năng nhiều có năm việc này. Tỳ-kheo nên từ bỏ năm điều này. Chớ có tưởng tà. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này. Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn cùng ở với năm trăm vị Tỳ-kheo. Khi đó vua Tần-bà-sa-la ra lệnh cho quần thần: - Mau sửa soạn kiệu xe để ta đến thành Xá-vệ thăm viếng đức Thế Tôn. Quần thần vâng lời vua, sửa soạn kiệu xe, đến trước vua tâu rằng: - Sửa soạn đã xong, xin vua biết phải thời. Bấy giờ vua Tần-bà-sa-la lên kiệu xe ra khỏi thành La-duyệt đến thành Xá- vệ, dần đến Tinh xá Kỳ Hoàn, muốn vào tinh xá. Phàm pháp quán đảnh của vua có năm uy dung, vua đều bỏ xuống một bên, đi đến trước Thế Tôn đảnh lễ rồi lui về một bên. Khi ấy, Thế Tôn dần dần thuyết pháp vi diệu cho vua. Vua nghe pháp xong, bạch đức Thế Tôn: - Cúi mong Như Lai hãy nhập hạ tại thành La-duyệt, con sẽ cung cấp

y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men.

Bấy giờ Thế Tôn im lặng, nhận lời thỉnh của vua Tần-bà-sa-la. Vua thấy Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh rồi, liền đứng lên lạy, đi nhiễu ba vòng rồi lui đi; trở về thành La-duyệt, vào cung. Khi ấy, vua Tần-bà-sa-la ở chỗ vắng vẻ chợt nghĩ: "Ta cũng đủ sức cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng cho đến trọn đời về y phục, thức ăn uống, giường nằm và thuốc men, nhưng cũng nên lân mẫn người hạ liệt". Lúc ấy vua Tần-bà-sa-la tìm quần thần bảo: - Hôm qua ta sanh niệm này: "Ta có thể suốt đời cúng dường Như Lai và Tỳ-kheo Tăng y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men. Cũng lại nên thương xót người thấp kém". Các Ông nên đốc suất nhau lần lượt dâng thức ăn cho Như Lai và chư Hiền, sẽ được hưởng phước lâu dài vô cùng. Khi ấy, vua nước Ma-kiệt liền ở ngay trước cửa cung lập một giảng đường lớn, lại bày biện vật dụng đựng thức ăn. Bấy giờ, Thế Tôn ra khỏi nước Xá-vệ dẫn năm trăm chúng Tỳ-kheo du hóa trong nhân gian lần lần đến vườn trúc Ca-lan-đà thành La-duyệt. Vua Tần- bà-sa-la nghe Thế Tôn đến vườn trúc Ca-lan-đà liền lên kiệu xe đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn: - Con ở chỗ nhàn vắng liền sanh niệm này: "Như ta hôm nay có thể cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men". Rồi nhớ đến người thấp kém, con liền bảo quần thần: "Các Ngươi mỗi người nên sắm sửa thức ăn uống, lần lượt cúng dường thức ăn lên Phật". Bạch Thế Tôn, thế nào? Như thế nên hay không nên? Thế Tôn bảo: - Lành thay! Lành thay! Đại vương có nhiều lợi ích. Vì Trời, Người mà làm ruộng phước. Vua Tần-bà-sa-la bạch Thế Tôn rằng: - Cúi mong Thế Tôn ngày mai vào cung thọ thực. Lúc ấy, vua Tần-bà-sa-la đã thấy Thế Tôn im lặng nhận lời mời. Vua liền đứng dậy cúi lạy lui đi. Bấy giờ, Thế Tôn sáng sớm ngày mai đắp y ôm bát vào thành, đến cung vua, mỗi người theo thứ tự mà ngồi. Khi ấy vua cung cấp món ăn trăm vị, tự tay châm chước, hoan hỉ chẳng loạn. Khi ấy vua Tần-bà-sa-la thấy Thế Tôn ăn xong, cất dẹp bình bát, lấy một ghế thấp đến trước Như Lai ngồi. Bấy giờ Thế Tôn dần dần thuyết pháp vi diệu cho vua, khiến phát tâm hoan hỉ. Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho vua và các đại thần. Luận, nghĩa là thí luận, giới luận, luận sanh thiên; dục là tưởng bất thịnh; dâm là uế ác; xuất yếu là vui. Lúc ấy, Thế Tôn biết chúng sanh kia tâm ý đã khai mở, không còn hồ nghi pháp mà chư Phật Thế Tôn thường thuyết là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Thế Tôn đều thuyết hết cho họ. Ngay tại chỗ ngồi, hơn sáu mươi người, các trần cấu

sạch, được pháp nhãn thanh tịnh. Sáu mươi đại thần và năm trăm thiên nhân, các trần cấu sạch, được pháp nhãn thanh tịnh. Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ tụng cho vua Tần-bà-sa-la và nhân dân: Tế tự, lửa hơn hết, Các sách, tụng hơn hết, Vua đáng trọng trong người, Các dòng, biển là nguồn, Giữa sao, trăng chiếu sáng, Ánh sáng, mặt trời hơn, Trên dưới và bốn phương, Các nơi có vạn vật, Trời cùng với người đời, Phật là cao trọng nhất, Người muốn cầu phước đức, Nên cúng dường chư Phật. Thế Tôn nói kệ này rồi, liền từ chỗ ngồi đứng lên mà đi. Khi đó nhân dân trong thành La-duyệt, tùy sự quý tiện và theo nhà nhiều ít, cúng dường thức ăn đến Phật và Tỳ-kheo Tăng. Bấy giờ, Phật ở vườn Trúc Ca-la-đà, nhân dân trong nước không ai không cúng dường. Các Phạm chí trong thành La-duyệt đến lượt cúng thức ăn. Lúc đó, các Phạm chí ấy tụ họp một chỗ, bàn luận với nhau: - Chúng ta mỗi người bỏ ra ba lượng tiền vàng để cúng thức ăn. Bấy

giờ, trong thành La-duyệt có một Phạm Chí tên là Kê Đầu, hết sức nghèo khó, chỉ tự đủ sống, không có tiền vàng để nộp, liền bị các Phạm chí trục xuất ra khỏi chúng. Khi ấy, Phạm chí Kê Đầu trở về nhà bảo vợ: - Nay Bà nên biết, các Phạm chí đã xua đuổi ta, không cho ở trong chúng. Vì sao? Do ta không có tiền vàng. Người vợ bảo: - Hãy trở vào thành, theo người mượn nợ, ắt sẽ được. Lại bảo chủ nợ: "Bảy ngày sau sẽ trả nợ, nếu không trả được, tôi và vợ sẽ làm tôi tớ". Phạm Chí theo lời vợ liền vào trong thành, đi khắp nơi hỏi mượn trọn chẳng thể được, trở về bảo vợ: - Ở chỗ ta cầu hỏi chẳng được, làm sao bây giờ? Người vợ bảo: - Phía Đông thành La-duyệt có đại Trưởng giả tên Bất-xà-mật-đa-la nhiều tiền của, có thể đến ông ta mà mượn nợ, bảo rằng: "Hãy bằng lòng cho ba lạng tiền vàng, sau bảy ngày sẽ đem trả lại. Nếu không trả được, tôi và vợ tôi sẽ làm tôi tớ".

Phạm chí nghe theo lời vợ đến Bất-xà-mật-đa-la để mượn tiền vàng, bảo rằng: "Chẳng quá bảy ngày sẽ đem hoàn lại; nếu không hoàn lại, tôi và vợ sẽ đem thân làm tôi tớ". Bất-xà-mật-đa-la liền cho tiền vàng. Phạm chí Kê Đầu liền đem tiền vàng này về nói với vợ: - Đã được tiền vàng, phải nên làm gì? Người vợ bảo: - Nên đem tiền này nộp trong chúng. Phạm Chí cầm tiền vàng đến chúng nộp. Các Phạm chí bảo Phạm chí này rằng: - Chúng ta đã biện đủ rồi. Hãy đem tiền vàng này trở về đi, chẳng cần đứng trong chúng này. Phạm chí liền trở về nhà, đem chuyện này nói với vợ. Người vợ bảo: - Hai chúng ta cùng đến chỗ Thế Tôn tự trình bày ý mọn. Bấy giờ Phạm chí đem vợ đến chỗ Thế Tôn cùng thăm hỏi nhau rồi ngồi một bên. Người vợ cũng lễ chân Phật và ngồi một bên. Khi ấy Phạm chí đem chuyện này bạch đủ với Thế Tôn. Thế Tôn bảo Phạm chí: - Như nay Ông nên vì Như Lai và Tỳ-kheo Tăng bày biện thức ăn uống. Phạm chí quay lại nhìn sững vợ. Người vợ đáp: - Chỉ theo lời Phật dạy, chớ có nghi nan. Phạm chí liền từ chỗ ngồi đứng lên đến trước bạch Phật: - Cúi mong Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo hãy nhận lời mời của con. Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh của Phạm chí. Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân vòng tay đứng hầu sau Thế Tôn. Thế Tôn quay lại bảo Thích-đề-hoàn-nhân. - Ông hãy giúp Phạm chí này cùng biện thức ăn. Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật: - Xin vâng, Thế Tôn! Bấy giờ Tỳ-sa-môn Thiên vương cách Phật chẳng xa, dẫn các chúng quỷ thần đông không tính kể, từ xa quạt Thế Tôn. Thích-đề-hoàn-nhân bảo Tỳsa-môn Thiên vương rằng: - Ông cũng nên giúp Phạm chí này bày biện các thức ăn. Tỳ-sa-môn đáp: - Rất tốt Thiên vương! Rồi Tỳ-sa-môn Thiên vương đến trước Phật cúi lạy, nhiễu Phật ba vòng, tự ẩn hình và biến thành hình người, lãnh năm trăm quỷ thần cùng biện thức ăn. Tỳ-sa-môn Thiên vương cùng dạy các quỷ thần: - Các Ông mau đến rừng Chiên-đàn, lấy Chiên-đàn bỏ vào bếp sắt. Có năm trăm quỷ thần ở trong đó làm thức ăn. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân bảo Thiên tử Tự Tại:

- Hôm nay Tỳ-sa-môn đã làm bếp sắt cho Phật và Tỳ-kheo Tăng dùng cơm. Nay Ông hãy hóa làm giảng đường để Phật và Tỳ-kheo Tăng dùng cơm trong đó. Thiên tử Tự Tại đáp: - Việc này rất đẹp. Khi ấy Thiên tử Tự Tại nghe lời Thích-đề-hoàn-nhân, hóa ra một giảng đường bảy báu, cách thành La-duyệt không xa. Bảy báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, mã não, xích châu, xà cừ. Lại hóa làm bốn bậc cấp vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Trên bậc thềm vàng hóa làm cây bạc, trên bậc thềm bạc hóa làm cây vàng, rễ vàng,

cọng vàng, cành vàng, lá vàng. Nếu ở trên bậc vàng, hóa làm lá bạc, cành bạc. Trên bậc thủy tinh hóa làm cây lưu ly; cũng đủ thứ loại không thể tính kể. Lại lấy đủ thứ báu chất trong đó. Lại lấy bảy báu trùm lên trên, chung quanh bốn mặt treo các linh vàng tốt. Các linh đó đều phát ra tám thứ âm thanh. Lại hóa làm sàng tòa tốt trải các nệm tốt, treo cờ kết tủa, lọng dù, hiếm có ở đời. Bấy giờ dùng Ngưu-đầu-chiên-đàn đốt lửa nấu thức ăn. Quanh thành La-duyệt mười hai do-tuần mùi hương xông lên đầy khắp. Vua nước Ma-kiệt bảo các quần thần: - Ta từ lúc sanh trưởng trong thâm cung chưa hề nghe mùi hương này. Bên thành La-duyệt do đâu nghe mùi hương thơm này? Quần thần tâu vua: - Đây là trong nhà bếp của Phạm chí Kê Đầu. Mà hương Chiên-Đàn của Trời là điềm lành ứng hiện. Vua Tần-bà-sa-la dạy các quần thần: - Mau sửa soạn xe kiệu, ta muốn đến chỗ Thế Tôn hỏi thăm duyên này. Các quần thần đáp vua: - Xin vâng, Đại vương! (Vua Tần-bà-sa-la liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy đứng một bên). Bấy giờ Quốc vương thấy trong nhà bếp sắt này có năm trăm người làm thức ăn, thấy rồi liền bảo: - Đây là ai làm thức ăn uống? Các quỷ thần dùng hình người đáp: - Phạm chí Kê Đầu thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng cúng dường. Quốc Vương lại thấy ở xa có giảng đường cao rộng, liền hỏi người hầu: - Đây là ai tạo giảng đường mà xưa chưa có, ai tạo ra? Quần thần đáp: - Chẳng biết duyên này. Khi ấy vua Tần-bà-sa-la nghĩ rằng: "Nay ta đến chỗ Thế Tôn hỏi nghĩa này, vì Phật Thế Tôn không nghĩa gì chẳng biết, không việc gì chẳng thấy". Bấy giờ vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Vua Tần-bà-sa-la bạch Phật:

- Ngày xưa chẳng thấy giảng đường cao rộng này, mà hôm nay lại thấy. Ngày xưa chẳng thấy nhà bếp sắt này, hôm nay lại thấy. Dùng vật gì và do ai biến ra? Thế Tôn bảo: - Đại Vương nên biết! Đây là Tỳ-sa-môn Thiên vương tạo nhà bếp, Thiên tử Tự Tại tạo giảng đường này. Vua nước Ma-kiệt ở trên chỗ ngồi, buồn khóc lẫn lộn, chẳng thể nín được. Thế Tôn bảo: - Đại vương! Cớ sao buồn khóc đến thế? Vua Tần-bà-sa-la bạch Phật: - Chẳng dám buồn khóc, chỉ nghĩ đến nhân dân đời sau chẳng gặp được bậc Thánh ra đời. Người đời sau bỏn xẻn, đắm trước tài vật chẳng có oai đức, còn chẳng nghe được tên của báu vật kỳ lạ này, huống nữa là thấy sao? Nay nhờ ơn Như Lai mà có sự biến hóa lạ lùng này xuất hiện ở đời. Thế nên con buồn khóc. Thế Tôn bảo: - Đời tương lai, Quốc vương và nhân dân thực chẳng thấy sự biến hóa này. Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp cho Quốc vương, khiến phát tâm hoan hỉ. Vua nghe pháp rồi liền từ chỗ ngồi đứng lên đi. Tỳ-sa-môn Thiên vương ngay ngày ấy bảo Phạm chí Kê Đầu: - Ông đưa tay phải ra. Kê Đầu liền xòe tay phải. Tỳ-sa-môn Thiên vương trao cho thoi vàng rồi bảo: - Ông đem thoi vàng này ném xuống đất! Phạm chí liền ném xuống đất bèn thành trăm ngàn lượng vàng. Thiên vương Tỳ-sa-môn bảo: - Ông đem thoi vàng này vào trong thành mua các thứ thức ăn uống đem đến đây. Phạm chí vâng lời Thiên vương liền đem vàng này vào thành mua các thức ăn uống đem đến nhà bếp. Khi ấy Tỳ-sa-môn Thiên vương tắm rửa cho Phạm chí, cho mặc các thứ y phục, tay cầm lư hương dạy bạch Phật. - Giờ đã đến, nay đã đúng giờ. Mong Thế Tôn chiếu cố. Khi ấy Phạm chí vâng lời tay bưng lư hương mà bạch: - Đã đến giờ, cúi mong chiếu cố. Thế Tôn biết đã đến giờ, đắp y, ôm bát dẫn các chúng Tỳ-kheo đi đến giảng đường, tuần tự ngồi. Và chúng Tỳ-kheo-ni cũng tuần tự ngồi. Phạm chí Kê Đầu thấy thức ăn rất nhiều

mà chúng Tăng lại ít, đi đến trước bạch Thế Tôn: - Hôm nay thức ăn uống rất là phong phú mà Tỳ-kheo Tăng ít, chẳng rõ phải thế nào? Thế Tôn bảo:

- Phạm chí! Nay Ông tay cầm lò hương lên trên đài cao hướng về Đông, Tây, Nam, Bắc rồi nói rằng: 'Các đệ tử của Phật Thích-ca-văn được sáu thần thông, lậu tận A-la-hán, tập họp hết ở giảng đường này'. Phạm chí bạch: - Xin vâng, Thế Tôn! Phạm chí theo lời Phật dạy liền lên trên lầu, thỉnh các bậc A-la-hán lậu tận. Khi ấy, phương Đông có hai vạn một ngàn A-la-hán, từ phương Đông đến giảng đường này; phương Nam hai vạn một ngàn; phương Tây hai vạn một ngàn; phương Bắc hai vạn một ngàn A-la-hán tụ tập tại giảng đường này. Bấy giờ, trên giảng đường có tám vạn bốn ngàn A-la-hán tụ tập một chỗ. Vua Tần-bà-sa-la đem quần thần đến cho Thế Tôn cúi lạy và lễ các Tỳ-kheo Tăng. Khi ấy, Phạm chí Kê Đầu thấy Tỳ-kheo Tăng rồi, vui mừng hớn hở không thể kềm nổi, lấy đồ vật đựng thức ăn cúng dường cơm Phật và Tỳ- kheo Tăng, tự tay châm chước không nề mỏi mệt, nhưng vẫn còn thừa thức ăn. Phạm chí Kê Đầu đến trước bạch đức Thế Tôn: - Nay cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng mà vẫn còn dư thức ăn. Thế Tôn bảo: - Nay Ông nên thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng cúng dường bảy ngày. Phạm chí đáp: - Xin vâng, Cù-đàm! Khi ấy Phạm chi Kê Đầu đến trước quỳ thẳng bạch Thế Tôn: - Nay con xin thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng để cúng dường bảy ngày; con sẽ cung cấp y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men. Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh. Khi ấy, trong đại chúng có Tỳ-kheo-ni tên Xá-cưu-lợi. Tỳ-kheo-ni bạch Phật: - Nay con trong lòng sanh niệm, có đệ tử của Phật Thích-ca-văn, lậu tận A- la-hán nào không tụ tập ở đây chăng? Và dùng thiên nhãn xem phương Đông, phương Tây, phương Nam, phương Bắc thay đều xem xét hết, không ai mà không đến, thảy đều vân tập cả. Nay đại hội này thuần là La-hán chân nhân vân tập. Thế Tôn bảo: - Đúng thế! Xá-cưu-lợi. Đúng như lời Ngươi. Đại hội này toàn là chân nhân Đông, Tây, Nam Bắc đều tụ tập. Bấy giờ Thế Tôn đem nhân duyên này bảo các Tỳ-kheo: - Các Thầy có thấy trong hàng Tỳ-kheo-ni, người có thiên nhãn đệ nhất là Tỳ-kheo-ni Xá-cưu-lợi chăng? Phạm chí Kê Đầu trong bảy ngày cúng dường, thánh chúng y phục, thức ăn uống, giường nằm và thuốc men; lại dùng hoa hương rải trên Như Lai. Khi ấy, hoa này ở trên không hóa thành đài giao lộ bảy báu. Phạm chí thấy đài giao lộ xong, vui mừng nhảy nhót không thể tự kềm, đến trước bạch Phật:

- Cúi mong Thế Tôn cho phép con nhập đạo làm Sa-môn. Bấy giờ Phạm chí Kê Đầu liền được hành đạo, các căn tịch tĩnh, tự tu chí mình, trừ bỏ thùy miên; nếu mắt thấy sắc cũng không khởi tưởng niệm; nhãn căn cũng không có ác tưởng rong ruỗi các niệm, mà biết phòng hộ nhãn căn; nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi biết vị, thân biết xúc chạm, chẳng khởi tưởng xúc chạm; ý biết pháp cũng thế. Lúc ấy Phạm chí liền diệt được năm kiết sử che đậy tâm người, khiến người không trí tuệ, cũng không có ý sát hại, mà tịnh tâm mình, không giết, không nghĩ giết, không bảo người giết, tay không cầm dao gậy, khởi lòng nhân từ với tất cả chúng sanh; trừ bỏ tâm không cho mà lấy, chẳng khởi tâm trộm mà tịnh tâm mình, thường có tâm bố thí, đối với tất cả chúng sanh cũng khiến không trộm cắp; mình không dâm dật, cũng lại dạy người khiến không dâm dật, hàng tu Phạm hạnh, thanh tịnh không tỳ vết, ở trong phạm hạnh mà tịnh tâm mình; cũng không nói hư vọng, cũng không dạy người khiến vọng ngữ; hằng

nghĩ chí thành, không có dối trá cuống hoặc người đời, nơi ấy tịnh tâm mình; lại không hai lưỡi, cũng không dạy người khiến hai lưỡi; nếu nghe lời ở đây, không truyền chỗ khác; nếu nghe lời chỗ khác, không truyền đến đây, ở đây tịnh ý mình. Đối với sự ăn uống, vị ấy biết đủ, không đắm mùi vị chẳng để ý vẻ tươi tốt, không cần mập trắng, chỉ muốn giữ thân thể được toàn mạng; muốn trừ cảm thọ cũ, khiến cái mới chẳng sanh; đắc đạo tu hành, ở mãi đất vô vi. Ví như nam nữ dùng cao sáp bôi lên vết thương (mụn nhọt), chỉ muốn trừ cho lành. Đây cũng như thế. Sở dĩ đối với thức ăn, vị ấy biết đủ là muốn khiến cho sự cảm thọ cũ được trừ lành, cái mới chẳng sanh; hoặc lại khi ấy thấu hiểu, hành đạo không mất thời tiết, chẳng mất hành Ba mươi bảy đạo phẩm; hoặc ngồi hoặc đi trừ khử thùy miên cái; hoặc lúc đầu hôm, hoặc ngồi hoặc đi, trừ khử thùy miên cái, hoặc giữa đêm nằm hông phải sát đất, hai chân chồng lên nhau, cột ý ở chỗ sáng suốt. Vị ấy lại lúc cuối đêm hoặc ngồi, hoặc kinh hành mà tịnh ý mình. Khi đó ăn uống, vị ấy biết đủ, kinh hành không mất thời tiết, trừ khử dục tưởng bất tịnh, không có các hạnh ác mà nhập Sơ thiền, có giác có quán dừng niệm nương sự hoan lạc mà vào Nhị thiền; không có lạc, xả niệm thanh tịnh, tự biết thân có lạc, chỗ chư Hiền cầu, xả niệm thanh tịnh vào Tam thiền. Vị ấy khổ vui đã diệt, không còn sầu lo, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh vào Tứ thiền. Vị ấy dùng tâm tam-muội, thanh tịnh không tỳ vết, cũng được không chỗ sợ, lại được tam muội tự nhớ việc vô số đời; vị ấy liền nhớ việc quá khứ hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, bốn mươi đời, năm mươi đời, một trăm đời, ngàn đời, vạn đời, mấy ngàn vạn đời, kiếp thành, kiếp hoại, kiếp thành hoại: 'Ta từng sanh ở chỗ kia,

họ gì tên gì, ăn thức ăn như thế, chịu khổ vui như thế, thọ mạng dài ngắn, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây', nhân duyên gốc ngọn đều rõ biết hết. Vị ấy lại dùng tâm tam muội, thanh tịnh không tỳ vết, được không sợ, xem thấy chúng sanh, người sanh, người chết; lại dùng thiên nhãn xem chúng sanh người sanh, người chết, nẻo lành nẻo dữ, sắc lành, sắc ác, hoặc đẹp, hoặc xấu, đi theo loại nào, thảy đều biết hết. Hoặc có chúng sanh thân, miệng, ý, làm ác, phỉ báng Hiền Thánh tạo gốc nghiệp tà, thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục. Hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý làm lành, không hủy báng Hiền Thánh, thân hoại mạng chung sanh chỗ lành lên Trời. Lại dùng thiên nhãn thanh tịnh xem chúng sanh hoặc đẹp, hoặc xấu, nẻo lành, nẻo dữ, sắc lành, sắc ác thảy đều biết cả, được không sợ. Lại tâm bố thí dứt hết các lậu. Lại quán khổ này, như thật mà biết. Đây là Khổ, đây là Khổ tập, Khổ diệt, Khổ xuất yếu, như thật mà biết. Vị ấy quán như thế rồi, tâm dục lậu, tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu được giải thoát. Đã được giải thoát liền được trí giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh nữa, như thật mà biết. Bấy giờ Phạm chí Kê Đầu liền thành A-la-hán. Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

* 6. Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Thế gian có năm việc tuyệt chẳng thể được. Thế nào là năm? Vật đáng mất muốn cho không mất, điều này chẳng thể được; pháp diệt tận muốn cho không tận, điều này chẳng thể được; phàm pháp già muốn cho không già, điều này chẳng thể được; phàm pháp bệnh muốn cho không bệnh, điều này chẳng thể được. Đó là, này Tỳ-kheo! Có năm việc này tuyệt chẳng thể được. Nếu Như Lai ra đời

hay không ra đời, thế giới này hằng trụ như cũ, mà không hư hại có tiếng mất diệt, sanh, lão, bệnh tử; hoặc sanh, hoặc chết đều trở về gốc. Đó là, này Tỳ-kheo! Có năm việc khó được này. Hãy cầu phương tiện tu hành năm căn. Thế nào là năm? Nghĩa là tín căn, tinh tấn căn, niệm căn, định căn, và tuệ căn. Đó là Tỳ-kheo hành năm căn này rồi liền thành Tu-đà-hoàn, hướng Tư-đà-hàm, chuyển tiến thành Tư-đà-hàm, chuyển tiến diệt năm kiết sử thành A-na-hàm, ở đó nhập Niết-bàn, không trở lại đời này nữa, chuyển tiến hữu lậu tận thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân chứng được và tự du hóa, không còn thọ thai nữa, như thật mà biết. Nên tìm phương tiện trừ năm việc trước, tu hành năm căn. Như thế, Tỳ-kheo, nên học điều này. Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

* 7. Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Nay có năm người chẳng thể trị liệu. Thế nào là năm? Người xiểm nịnh, không thể trị liệu; người gian tà, không thể trị liệu; người nói ác không thể trị liệu; người tật đố không thể trị liệu; người phản bội không thể trị liệu. Đó là này Tỳ-kheo! Có năm người này chẳng thể trị liệu. Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ này: Người gian tà ác khẩu, Tật đố, người phản bội, Người này không thể trị, Bị người trí từ bỏ. Thế nên, các Tỳ-kheo! Thường nên học chính ý từ bỏ tật đố, tu hành oai nghi, nói ra đúng pháp. Nên biết đền ơn, nghĩ đến công nuôi dưỡng, ơn nhỏ còn chẳng quên, huống nữa là ơn lớn. Chớ ôm lòng xan tham, lại cũng chẳng nên tự khoe mình, chẳng chê bai người khác. Như thế, Tỳ-kheo, nên học điều này. Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

* 8. Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo: - Ngày xưa Thích-đề-hoàn-nhân bảo Trời Ba mươi ba: 'Nếu lúc chư Hiền cùng A-tu-la chiến đấu, nếu A-tu-la chẳng bằng, chư Thiên thắng được, các Ông hãy bắt A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la trói năm vòng mang đến đây!' Lúc đó A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la lại bảo các A-tu-la: - 'Các Khanh hôm nay cùng chư Thiên chiến đấu, nếu thắng được hãy trói Thích-đề-hoàn-nhân đưa đến đây!' Tỳ-kheo nên biết! Bấy giờ hai bên đánh nhau, chư Thiên thắng, A-tu-la thua, Trời Ba mươi ba bắt A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la trói lại đem đến chỗ Thích- đề-hoàn-nhân, đặt ngoài trung môn, tự quán sát trói đủ năm vòng. Bấy giờ vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền nghĩ rằng: 'Chư Thiên này có pháp chính đáng, còn A-tu-la hành phi pháp. Nay ta chẳng ưa làm A-tu-la'. Ngay đó vua liền ở trong cung các vị Trời. Khi đó, A-tu-la vương sanh niệm này: 'Pháp chư Thiên chánh đáng, A-tu-la phi pháp. Tôi muốn trụ nơi đây'.

Nghĩ như vậy rồi, vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la liền biết thân mình chẳng còn bị trói, vui thú ngũ dục. Nếu vua A-tu-la Tỳ-ma-chất-đa-la sanh niệm này: 'Chư Thiên phi pháp, pháp A-tu-la chánh đáng. Ta không cần Trời Ba mươi ba này, muốn trở về cung A-tu-la', thì khi ấy thân vua A-tu-la liền bị trói năm vòng, ngũ dục vui thú tự nhiên tiêu diệt. Tỳ-kheo nên biết, sự trói buộc mau chóng không gì hơn việc này. Bị ma trói buộc cũng mau hơn thế. Nếu khởi kiết sử, thì liền bị ma trói buộc; động thì ma trói buộc, không động thì không bị ma trói buộc. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên cầu phương tiện khiến tâm chẳng bị trói. Hãy ưa chỗ nhàn vắng. Sở dĩ như thế là vì các kiết sử này là cảnh giới ma.

Nếu các Tỳ-kheo ở trong cảnh giới ma, thì trọn không thể giải thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết; chẳng thoát sầu, lo, khổ, não. Nay Ta nói về mé khổ này. Nếu lại có Tỳ-kheo tâm không di động, chẳng dính mắc các kiết sử, thì liền thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết, sầu, lo, khổ, não. Nay Ta thuyết mé khổ này. Thế nên, các Tỳ-kheo! Nên học như vầy: không có kiết sử thì vượt ra khỏi cảnh giới ma. Như thế, các Tỳ- kheo, nên học điều này. Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

* 9. Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Tôn giả A-nan đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy đứng một bên, rồi ngài A- nan bạch Thế Tôn rằng: - Phàm nói là tận, gọi là pháp gì nói là tận? Thế Tôn bảo: - A-nan! Sắc vô vi nhơn nơi duyên mà có tên này. Vô dục, vô vi gọi là pháp diệt tận. Kia tận gọi là diệt tận. Thọ, tưởng, hành thức vô vi, vô tác đều là pháp môn diệt, vô dục vô ô nhiễm, kia diệt tận nên gọi là diệt tận. A-nan nên biết! Năm thạnh ấm này vô dục, vô tác là pháp môn diệt, kia diệt tận gọi là diệt tận. Năm thạnh ấm này trọn đã diệt tận, lại không còn sanh nữa, nên gọi là diệt tận. Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Khi ấy, Phạm chí Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

- Thế nào Cù-đàm? Có nhân duyên gì? Có hạnh xưa nào khiến cho nhân dân này có tận, có diệt, có giảm bớt? Xưa là thành quách, ngày nay đã tan hoại; xưa có nhân dân, ngày nay hoang vắng? Thế Tôn bảo: - Phạm chí nên biết! Do nhân dân này hành phi pháp, nên khiến xưa có thành quách, ngày nay tiêu diệt, xưa có nhân dân ngày nay hoang vắng, đều do nhân dân xan tham, kiết phược, quen hành ái dục mà gây nên, khiến gió mưa không đúng thời, mưa đã không đúng thời, trồng trọt rễ không tăng trưởng. Trong đó, nhân dân chết đầy đường. Phạm chí nên biết, do nhân duyên này, khiến nước bị hủy hoại, dân không đông đúc. Lại nữa, Phạm chí, nhân dân hành phi pháp, khiến có sấm, chớp, sét giật tự nhiên ứng hiện; trời giáng mưa đá, hư hoại mầm sống. bấy giờ nhân dân chết chóc không đếm nổi. Lại nữa, Phạm chí, nhân dân hành phi pháp, cạnh tranh lẫn nhau, hoặc lấy tay đấm, thêm gạch đá ném nhau, mỗi người đều tán mạng. Lại nữa, Phạm chí, nhân dân kia đã cạnh tranh nhau chẳng yên ở; quốc chủ không an, mỗi bên hưng binh công phạt lẫn nhau, đến nỗi đại chúng chết không kể, hoặc bị chết bởi do đao, hoặc chết bởi giáo, tên. Như thế, Phạm chí! Do nhân duyên này, khiến dân giảm thiểu, chẳng đông đúc nữa. Lại nữa, nhân dân hành phi pháp, nên khiến thần kỳ không giúp đỡ cho được tiện lợi, hoặc gặp nguy khốn, tật bệnh, liệt giường, người lành bệnh ít, người bệnh dịch chết nhiều. Đó là, này Phạm chí! Do nhân duyên này khiến dân giảm thiếu không được đông đúc. Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu bạch Thế Tôn: - Cù-đàm! Ngài nói thật thích thay! Nói nghĩa giảm thiếu của người xưa. Thật như lời Như Lai dạy, xưa có thành quách, hôm nay tiêu diệt; xưa có nhân dân, hôm nay hoang vắng. Sở dĩ như thế, và có phi pháp, liền sanh keo kiệt, tật đố; đã sanh keo kiệt, tật đố, liền sanh nghiệp tà; đã sanh nghiệp tà nên khiến trời mưa không đúng thời, ngũ cốc

chẳng chín, nhân dân chẳng mạnh, nên khiến phi pháp lưu hành, trời giáng tai biến làm hư hoại mầm mống. Đó là do nhân dân hành phi pháp, dính mắc tham lam, keo kiệt, tật đố. Khi đó, Quốc vương chẳng yên, mỗi bên hưng binh, công phạt lẫn nhau, người chết rất nhiều, nên khiến quốc độ hoang sơ, nhân dân ly tán. Hôm nay, Thế Tôn nói rất lành, thích thay! Do phi pháp đưa đến tai họa này; cho đến bị người khác bắt, đoạn đứt mạng sống. Do phi pháp nên liền sanh tâm trộm, đã sanh tâm trộm, sau bị vua giết; đã sanh tà niệm thì phi nhân được tiện lợi. Do nhân duyên này liền bị mạng chung, nhân dân giảm bớt, nên khiến không có thành quách để ở.

Cù-đàm! Hôm nay Ngài nói đã quá nhiều. Ví như người gù được thẳng, người mù được mắt, trong tối được sáng. Ngài làm mắt cho nguời không có mắt. Nay Sa-môn Cù-đàm dùng vô số phương tiện thuyết pháp. Nay tôi lại xin quy y Phật, Pháp, Tăng, mong được làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không dám sát sanh nữa. Sa-môn Cù-đàm, nếu thấy tôi cỡi voi, cỡi ngựa, cũng xin nhận sự cung kính của tôi. Sở dĩ như thế, bởi vì tôi vua Ba-tư-nặc, vua Tần-bà-sa- la, vua Ưu Điền, vua Ác Sanh, vua Ưu-đà-diện nhận phước của hạm (Bà-la- môn). Tôi sợ thất đức. Nếu tôi vạch bày vai phải, cúi mong Thế Tôn nhận tôi lễ bái. Nếu tôi đang đi bộ, gặp Cù-đàm đến, tôi sẽ bỏ giày, cúi mong Thế Tôn nhận tôi lễ bái. Bấy giờ Thế Tôn nghiêm trang chấp nhận. Phạm chí Sanh Lậu hoan hỉ vui mừng, chẳng thể kềm được, tiến đến trước Phật bạch: - Nay con quy y Sa-môn Cù-đàm một lần nữa. Cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc. Bấy giờ Thế Tôn dần dần thuyết pháp cho ông, khiến phát tâm hoan hỉ. Phạm chí nghe pháp xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy lui đi. Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

---o0o---

XXXV. Phẩm Tà tư 1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có người ở trong nhóm tà kiến thì có tướng trạng gì, có nhân duyên gì?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Như Lai là vua của các pháp, là bậc Chí tôn của các pháp. Lành thay Thế Tôn! Nên thuyết nghĩa này cho các Tỳ-kheo. Chúng con nghe rồi sẽ vâng làm.

Thế Tôn dạy:

- Các Thầy khéo suy nghĩ. Ta sẽ vì các Thầy phân biệt nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn dạy:

- Người ở nhóm tà sẽ do năm việc mà biết. Đã thấy năm việc thì biết người này ở nhóm tà. Thế nào là năm? Đáng cười mà không cười, lúc đáng hoan hỉ mà không hoan hỉ, đáng khởi tâm từ mà không khởi tâm từ, làm ác mà không xấu hổ, nghe lời lành mà

không để ý. Nên biết người này ở nhóm tà. Nếu có chúng sanh ở nhóm tà, nên dùng năm việc mà biết.

Lại nữa, có chúng sanh ở trong nhóm chánh, có tướng mạo gì, có nhân duyên gì?

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Như Lai là vua các pháp, là bậc Chí tôn của các pháp. Cúi mong Thế Tôn hãy thuyết nghĩa này cho các Tỳ-kheo. Chúng con nghe xong sẽ vâng làm.

Thế Tôn dạy:

- Các Thầy khéo suy nghĩ! Ta sẽ vì các Thầy phân biệt nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

- Người ở nhóm chánh, sẽ do năm việc mà biết. Đã thấy năm việc thì biết người này trụ ở nhóm chánh. Thế nào là năm? Đáng cười thì cười, đáng hoan hỉ thì hoan hỉ, đáng khởi tâm từ thì khởi tâm từ, đáng xấu hổ thì xấu hổ, nghe lời lành thì để ý. Nên biết người này đã ở nhóm chánh, trụ ở nhóm chánh. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ có các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Như Lai xuất hiện ở đời tất sẽ vì năm việc. Thế nào là năm? Sẽ chuyển pháp luân, sẽ độ cha mẹ, khiến người không tin lập niềm tin, khiến người chưa phát tâm Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-tát, sẽ truyền yếu quyết của Phật tương lai.

Nếu lúc Như Lai xuất hiện ở đời thì sẽ vì năm việc này. Thế nên các Tỳ- kheo, hãy khởi tâm từ đối với Như Lai. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ có các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có năm sự bố thí không được phước. Thế nào là năm? Lấy dao thí cho người, lấy độc thí cho người, lấy bò hoang thí cho người, lấy dâm nữ thí cho người, tạo các miễu thần.

Đó là, này Tỳ-kheo! Có năm việc bố thí không được phước. Tỳ-kheo nên biết, lại có năm việc bố thí khiến được phước lớn. Thế nào là năm? Tạo vườn cảnh, tạo rừng cây, tạo cầu đò, tạo thuyền lớn, tạo phòng xá trụ xứ cho người qua lại.

Đó là, Tỳ-kheo! Có năm việc này khiến được phước.

Thế Tôn liền nói kệ:

Vườn cảnh thí mát mẻ, Và tạo cầu đò tốt,

Bến sông đưa mọi người,
Và làm phòng nhà tốt,
Người đó trong ngày đêm,
Hằng sẽ nhận được phước,
Giới định đã thành tựu,
Người này ắt sanh thiên.
Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nhớ tu hành năm đức thí này. Như thế, các Tỳ- kheo, nên học điều này.

Bấy giờ có các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đàn bà có năm thế lực coi thường chồng. Thế nào là năm? Sắc lực, thế lực của thân tộc, sức mạnh của ruộng vườn gia nghiệp, sức mạnh của con cái, sức mạnh của tự thủ mà coi thường người chồng.

Người chồng lại cũng dùng một thế lực để che phủ người vợ kia. Thế nào là một thế lực? Nghĩa là sức phú quý. Người chồng vì phú quý, sức mạnh của sắc chẳng bằng, thân tộc, ruộng vườn, con cái, tự thủ đều chẳng bằng. Đó là do một thế lực mà thắng bấy nhiêu thế lực. Nay tệ ma Ba-tuần cũng có năm thế lực. Thế nào là năm? Nghĩa là: sắc lực, thanh lực, hương lực, vị lực, xúc lực. Phàm người ngu si đắm trước các pháp sắc, thanh, hương, vị, xúc chẳng thể qua được cảnh giới của ma Ba-tuần. Nếu đệ tử Thánh thành tựu một thế lực thì thắng bao nhiêu sức đó. Thế nào là một thế lực? Nghĩa là sức không phóng dật. Nếu các đệ tử bậc Hiền Thánh thành tựu không phóng dật, thì chẳng bị sắc, thanh, hương, vị, xúc trói buộc. Vì không bị ngũ dục trói buộc, nên có thể phân biệt pháp sanh, già, bệnh, chết, thắng năm thế lực của ma, không rơi vào cảnh giới ma, qua được các nạn đáng sợ, đến chỗ vô vi.

Thế Tôn liền nói kệ này:

Giới là đạo cam lồ,

Phóng dật là đường chết, Không tham thì không chết, Mất đạo là mất mình.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nên nhớ tự hành, chớ phóng dật. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Đàn bà có năm dục tưởng. Thế nào là năm? Sanh nhà hào quý, được gả cho nhà phú quý, chồng sẽ làm theo lời, có nhiều con cái, ở nhà tất cả do một mình mình.

Đó là, này các Tỳ-kheo! Đàn bà có tư tưởng về năm việc đáng muốn này. Như thế, này Tỳ-kheo! Tỳ-kheo của Ta cũng nghĩ đến năm việc đáng muốn. Thế nào là năm? Nghĩa là: cấm giới, đa văn, thành tựu tam-muội, trí tuệ, trí tuệ giải thoát. Đó là Tỳ-kheo có năm việc đáng mong muốn này.

Thế Tôn liền nói kệ:

Ta sanh dòng hào tộc,
Cũng về nhà phú quý,
Hay sai khiến ông chồng,
Chẳng phước, không đạt được,
Khiến ta nhiều con cái,
Hương hoa tự trang sức,
Tuy có tưởng niệm này,
Không phước khó thu được,
Tín, giới mà thành tựu,
Tam-muội không di động,
Trí tuệ cũng thành tựu,
Giải đãi, thì chẳng được,
Muốn được thành đạo quả,
Chẳng dạo vực sanh tử,
Mong muốn đến Niết-bàn,
Giải đãi thì chẳng được.
Như thế, các Tỳ-kheo! Nên tìm phương tiện thực hành pháp lành, trừ bỏ pháp bất thiện, dần dần tiến tới, không có tâm hối hận giữa chừng. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6.Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có năm lúc không nên lễ người. Thế nào là năm? Nếu ở trong tháp (thâu- bà) không nên làm lễ, ở trong đại chúng không nên làm lễ, lại ở đường đi không nên làm lễ, đau bệnh nằm trên giường không nên làm lễ, nếu lúc ăn uống không nên làm lễ. Đó là, này các Tỳ-kheo, có năm việc không nên làm lễ với người.

Lại có năm việc biết thời làm lễ. Thế nào là năm? Không ở trong tháp, không ở trong đại chúng, không ở trên đường đi, không bị đau bệnh, lại không phải lúc ăn uống. Đây nên làm lễ. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tạo phương tiện biết lúc mà hành.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7.Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Ưu-đầu-bàn:

- Nay Thầy vào thành La-duyệt xin một ít nước nóng. Vì sao thế? Hôm nay Ta bị đau lưng.

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Ưu-đầu-bàn vâng lời Phật dạy, đến giờ đắp y ôm bát vào thành La-duyệt xin nước nóng. Tôn giả Ưu-đầu-bàn liền nghĩ: 'Thế Tôn có nhân duyên gì khiến ta xin nước nóng? Như Lai các kiết sử đã tận, mọi điều lành chứa nhóm, mà Như Lai lại bảo rằng: 'Nay Ta bị đau lưng' mà Thế Tôn lại chẳng cho biết tên họ, đến nhà ai'.

Bấy giờ Tôn giả Ưu-đầu-bàn dùng thiên nhãn quán sát nam nữ trong thành La-duyệt xem người nào đáng độ. Khi ấy trong thành La-duyệt có Trưởng giả tên Tỳ-xá-la-tiên, chẳng trồng căn lành, không giới, không niềm tin, tà kiến đối với Phật, Pháp, Tăng, cùng biên kiến tương ưng. Ông ta có tà kiến này: 'Không thí, không cho, không người nhận, cũng lại không có quả báo thiện ác, không có đời này, đời sau, không cha, không mẹ. Đời không có Sa- môn, Bà-la-môn v.v... được thành tựu; ở đời này, đời sau tự thân tác chứng, mà tự du hóa'.

Ông ta thọ mạng rất ngắn, sau năm ngày sẽ chết. Ông lại thờ ngũ đạo đại thần. Bấy giờ Ưu-đầu-bàn lại nghĩ: 'Như Lai ắt muốn độ Trưởng giả này. Sở dĩ như thế vì Trưởng giả này sau khi chết sẽ sanh trong địa ngục kêu khóc'.

Khi đó Ưu-đầu-bàn liền cười. Ngũ đạo đại thần từ xa thấy ngài cười, liền ẩn hình biến thành người đến chỗ Ưu-đầu-bàn, để ngài sai khiến. Tôn giả Ưu- đầu-bàn dẫn người này đến ngoài cửa Trưởng giả, đứng làm thinh không nói. Trưởng giả xa thấy có đạo

nhân đứng ngoài cửa, tức thời nói kệ:

Này Ông làm thinh đứng,
Cạo đầu mặc cà-sa,
Vì muốn xin những gì?
Nhân việc gì đến đây.
Ưu-đầu-bàn dùng kệ đáp:
- Đấng Như Lai vô trước
Hôm nay bệnh phong phát
Nếu có nước nóng ấm Như Lai muốn tắm rửa.

Trưởng giả làm thinh chẳng đáp. Ngũ đạo đại thần bảo Tỳ-xá-la-tiên:

- Trưởng giả nên lấy nước cho, sẽ được phước vô lượng, sẽ được quả báo cam lồ.

Trưởng giả đáp:

- Ta tự có Ngũ đạo đại thần, dùng Sa-môn này đâu ích lợi thêm việc gì?

Ngũ đạo đại thần nói kệ:
Như Lai lúc mới sanh,
Thiên Đế đến hầu hạ,
Lại là ai ra đây,
Có thể sánh ngang hàng?
Dùng Ngũ đạo thần chi
Chẳng thể có chỗ giúp,
Thà cúng dường Thích sư
Liền được quả báo lớn.
Bấy giờ Ngũ đạo đại thần lại bảo Trưởng giả:

- Ông nên gìn giữ thân, miệng, ý hành. Ông chẳng biết uy lực của Ngũ đạo đại thần sao?

Khi ấy Ngũ đạo đại thần liền hóa làm thân quỷ thần lớn, tay phải cầm kiếm bảo Trưởng giả rằng:

- Nay ta chính là Ngũ đạo đại thần. Mau lấy nước nóng cho Sa-môn này, chớ nên chần chờ.

Khi ấy Trưởng giả liền nghĩ: 'Kỳ quá! Lạ quá! Ngũ đạo đại thần lại cúng dường Sa-môn này'.

Trưởng giả liền lấy nước nóng thơm đưa cho Sa-môn, lại lấy đường phèn đưa cho Sa-môn. Ngũ đạo đại thần tự cầm nước thơm này, cùng Ưu-đầu-bàn đến chỗ Thế Tôn, đem nước nóng thơm dâng lên Thế Tôn. Thế Tôn lấy nước nóng thơm tắm rửa thân thể, phong liền bớt, không tăng nặng nữa.

Khi ấy Trưởng giả sau năm ngày liền mạng chung sanh lên Trời Tứ thiên vương. Tôn giả Ưu-đầu-bàn nghe tin Trưởng giả mạng chung, liền đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi

một bên. Ưu-đầu-bàn bạch Thế Tôn:

- Trưởng giả này mệnh chung rồi sanh về đâu?

Thế Tôn bảo:

- Trưởng giả này mạng chung, sanh trên Trời Tứ thiên vương.

Ưu-đầu-bàn bạch Phật:

- Trưởng giả này ở đó mạng chung sẽ sanh đi đâu?

Thế Tôn bảo:

- Ở đó mạng chung sẽ sanh trong Tứ thiên vương, Trời Ba mươi ba cho đến sinh trong cõi Trời Tha hóa tự tại. Ở kia mạng chung sẽ sanh trong trời Tứ thiên vương. Trưởng giả này trong sáu mươi kiếp không đọa đường ác. Rốt cuộc được mang thân người, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thành Phật Bích-chi. Sở dĩ như thế, vì đức của sự bố thí nước nóng được phước như vậy.

Thế nên, Ưu-đầu-bàn, hằng nhớ lo nước tắm chúng Tăng, nghe thuyết đạo giáo. Như thế, Ưu-đầu-bàn, nên học điều này.

Bấy giờ Tôn giả Ưu-đầu-bàn nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8.Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có Tỳ-kheo chẳng ưa tu Phạm hạnh, muốn bỏ cấm giới, hoàn tục. Tỳ-kheo ấy đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, ngồi một bên, rồi bạch Thế Tôn:

- Nay con không ưa tu Phạm hạnh, muốn bỏ cấm giới trở về làm bạch y.

Thế Tôn bảo:

- Nay thầy vì sao chẳng ưa tu Phạm hạnh, muốn bỏ cấm giới về làm bạch y.

Tỳ-kheo đáp:

- Nay tâm ý con bừng bừng, trong thân như lửa đốt. Nếu lúc con thấy đàn bà đoan chánh vô song, lúc ấy con nghĩ rằng: 'Phải chi người đàn bà này cùng ta cộng giao'. Rồi con lại nghĩ: 'Đây chẳng phải Chánh pháp, nếu ta theo tâm này thì chẳng phải chánh lý'. Lúc ấy con lại nghĩ: 'Đây là ác lợi, chẳng phải thiện lợi. Đây là ác pháp, chẳng phải thiện pháp'. Nay con muốn bỏ cấm giới trở về làm bạch y. Cấm giới của Sa-môn, thực chẳng thể phạm. Con làm người thế tục có thể phân đàn bố thí.

Thế Tôn bảo:

- Phàm là đàn bà có năm thứ ác. Thế nào là năm? Uế ác, hai lưỡi, tật đố, sân giận, không biết đền đáp.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Buồn vui do tài sản,
Hiện lành mà lòng độc,
Hại người mất đường lành,
Như chim ưng bỏ đất.

Thế nên, Tỳ-kheo! Nên trừ bỏ tưởng bất tịnh, suy nghĩ quán về bất tịnh. Tỳ- kheo suy nghĩ quán về bất tịnh rồi sẽ đoạn hết dục ái, sắc ái, vô sắc ái; đoạn hết vô minh, kiêu mạn. Này Tỳ-kheo, lòng dục từ đâu sanh? Từ tóc sanh chăng? Nhưng tóc xấu xí chẳng sạch. Đó là do huyễn hóa dối gạt người đời. Móng tay, răng... những thứ thuộc thân thể là chỗ bất tịnh. Cái nào là chân thật? Từ đầu đến chân thảy đều như thế. Gan, mật, ngũ tạng, những vật có hình, không một cái gì đáng tham đắm, cái nào là chân? Này Tỳ-kheo, dục của Thầy từ đâu sanh? Nay Thầy khéo tu Phạm hạnh, Chánh pháp của Như Lai, chắc chắn sẽ hết khổ. Mạng người rất ngắn, chẳng ở đời lâu. Tuy có thọ lắm cũng chẳng qua trăm tuổi, quá trăm tuổi chẳng mấy người. Tỳ-kheo nên biết, Như Lai ra đời rất là khó gặp, nghe Pháp cũng khó, nhận thân tứ đại cũng lại khó được, các căn đầy đủ cũng khó được, được sanh trung tâm của nước cũng lại khó được, cùng thiện tri thức gặp gỡ cũng rất khó gặp; nghe

pháp cũng khó; phân biệt nghĩa lý cũng lại khó được; pháp hành thành tựu, việc này cũng khó.

Này Tỳ-kheo! Nếu được hầu hạ thiện tri thức sẽ có thể phân biệt các pháp, cũng sẽ giảng giải nghĩa này rộng rãi cho người. Nếu nghe pháp rồi sẽ hay phân biệt; hay phân biệt pháp rồi thì có thể thuyết nghĩa; không có dục tưởng, sân giận, ngu si; đã lìa tam độc, liền thoát khỏi sanh, già, bệnh, chết. Nay Ta nói sơ nghĩa này.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia nhận lời Phật dạy, liền từ chỗ ngồi đứng lên lễ chân Thế Tôn, rồi lui đi. Tỳ-kheo ấy ở chỗ vắng vẻ, tư duy pháp mà do đó con nhà vọng tộc, cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, muốn tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, lại không thọ thân nữa, như thực mà biết. Bấy giờ Tỳ-kheo kia thành A-la-hán.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ A-nan, Đa-kỳ-xà đến giờ đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Khi ấy, Đa-kỳ-xà trong một ngõ thấy một cô gái, hết sức đoan chánh, đặc biệt ở đời; thấy rồi lòng dạ rối bời, không như bình thường. Khi ấy Đa-kỳ-xà dùng kệ nói với A-nan:

Bị lửa dục thiêu đốt,
Tâm ý rất hừng hừng,
Mong thuyết diệt nghĩa này,

Có được nhiều lợi ích.
A-nan lại dùng kệ đáp:
Biết dục, pháp điên đảo,
Tâm ý rất hừng hừng,
Nên trừ niệm tưởng tượng,
Ý dục liền tự thôi.
Đa-kỳ-xà lại dùng kệ nói:
Tâm là gốc của hình,
Mắt là nguồn của hầu, Nằm ngủ thấy nâng đỡ, Hình như cỏ rối úa.

Tôn giả A-nan tức thời tiến lên, lấy tay mặt xoa đầu Đa-kỳ-xà nói kệ:

Niệm Phật không tham dục,
Độ dục của Nan-đà,
Thấy trời, hiện địa ngục,
Ngừa ý, lìa năm đường.
Đa-kỳ-xà nghe Tôn giả A-nan nói xong, liền nói:

- Thôi, thôi, A-nan!

Hai vị cùng khất thực xong, trở về chỗ Thế Tôn. Khi đó cô gái từ xa thấy Đa-kỳ-xà liền cười. Đa-kỳ-xà thấy cô gái cười, liền sanh ý nghĩ này: 'Nay cô thân hình do xương lập với da bọc cũng như hình vẽ trong đó chứa đầy bất tịnh, dối gạt người đời, khiến phát loạn tưởng'.

Bấy giờ Tôn giả Đa-kỳ-xà quán cô gái ấy từ đầu đến chân. 'Trong thân thể này có gì đáng tham, ba mươi sáu vật thảy đều bất tịnh. Nay các vật này từ đâu sanh?'.

Tôn giả Đa-kỳ-xà lại nghĩ: 'Nay ta quán thân hình cô ta chẳng bằng tự quán trong thân mình. Dục này từ đâu sanh? Từ đất sanh chăng? Từ nước, lửa, gió sanh chăng? Nếu từ đất sanh, đất cứng cỏi không thể tan hoại; nếu từ nước sanh, nước hết sức mềm nhuyễn không thể gìn giữ; nếu từ lửa sanh, lửa không thể gìn giữ; nếu từ gió sanh, gió không hình tướng, không thể gìn giữ'. Tôn giả liền nghĩ: 'Dục này chỉ từ tư tưởng sanh'.

Bấy giờ Ngài liền nói kệ:

Dục, ta biết gốc Ngươi,
Chỉ do tư tưởng sanh,
Ta không tư tưởng Ngươi,
Thì Ngươi không có được.
Tôn giả Đa-kỳ-xà nói kệ này rồi càng suy nghĩ về tưởng bất tịnh. Ngay chỗ đó, tâm hữu lậu được giải thoát.

A-nan và Đa-kỳ-xà ra khỏi thành La-duyệt, về chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Khi ấy Tôn giả Đa-kỳ-xà bạch Thế Tôn:

- Nay con chóng được lợi lành, đã có điều giác.

Thế Tôn bảo:

- Nay Thầy tự giác thế nào?

Đa-kỳ-xà bạch Phật:

- Sắc không bền chắc cũng không kiên cố, chẳng thể thấy, huyễn ngụy chẳng chân. Thọ không bền chắc cũng không kiên cố, cũng như bọt nước, huyễn ngụy chẳng chân. Tưởng không bền chắc cũng không kiên cố, huyễn ngụy, chẳng chân, cũng như sóng nắng. Hành cũng không chắc, không kiên cố, cũng như cây chuối không có thực. Thức không chắc cũng không kiên cố, huyễn ngụy chẳng chân.

Tôn giả lại bạch Phật:

- Ngũ thạnh ấm này không chắc cũng không kiên cố, huyễn ngụy chẳng chân:

Tôn giả Đa-kỳ-xà liền nói kệ:

Sắc giống như đám bọt,
Thọ như là bong bóng,
Tưởng tợ như sóng nắng,
Hành như là cây chuối,
Thức là pháp huyễn hóa.
Bậc Tối Thắng thường nói
Suy nghĩ như thế rồi
Quán hết thảy các hành,
Tất cả đều không tịch,
Không có thật chân chính,
Đều do thân này sanh.
Đấng Thiện Thệ thường nói
Nên đoạn diệt ba pháp,
Thấy sắc hằng bất tịnh,
Thân này là như thế,
Huyễn ngụy chẳng chân thật.
Chúng đều là pháp hại,
Ngũ ấm chẳng bền chắc.
Đã hiểu chẳng chân thật
Nay mau tiến bước lên.
Như thế, bạch Thế Tôn! Nay chỗ hiểu của con chính là vậy.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay! Đa-kỳ-xà! Khéo hay quán sát gốc của năm thạnh ấm này. Nay Thầy nên biết, phàm là người tu hành nên quán sát gốc của năm ấm này đều chẳng kiên cố. Vì sao như thế? Ngay lúc quán sát năm thạnh ấm này, Ta ở dưới cây Bồ-đề thành Vô thượng Chánh Đẳng Giác, cũng như Thầy quán hôm nay.

Lúc thuyết pháp này có năm mươi Tỳ-kheo, ngay chỗ ngồi được lậu tận, ý giải.

Khi ấy, tôn giả Đa-kỳ-xà nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

*

10.Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tăng-ca-ma, con của trưởng giả, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy và ngồi một bên, rồi bạch Phật rằng:

- Kính mong Thế Tôn cho con nhập đạo.

Khi ấy, con trưởng giả liền được nhập đạo ở chỗ vắng vẻ, khắc kỷ tu hành, thành tựu quả pháp mà do đó con nhà vọng tộc cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không tái sanh nữa, như thật mà biết. Khi ấy Tăng-ca-ma liền thành A-la-hán. Ở chỗ nhàn vắng ngài liền sinh niệm này:

- Như Lai xuất hiện rất là khó gặp. Như Lai đúng thời mới hiện, cũng như hoa ưu-đàm-bát đúng thời mới hiện. Đây cũng như thế, Như Lai xuất hiện ở đời đúng thời mới gặp, tất cả hành diệt cũng lại khó gặp. Xuất yếu cũng khó, ái tận, vô dục, Niết-bàn đây là yếu diệu.

Bấy giờ mẹ vợ Tăng-ca-ma nghe con rể làm đạo nhân, chẳng đắm mến dục nữa, bỏ lụy nhà, lại làm thương tổn con gái mình như bỏ đống nước bọt.

Người mẹ liền đến chỗ con gái, bảo cô rằng:

- Chồng con thực đã hành đạo chăng?

Cô gái đáp:

- Con cũng không chịu cho hành đạo.

Bà mẹ bảo:

- Nay con nên trang điểm, mặc y phục đẹp, ôm con trai và gái theo, đến chỗ Tăng-ca-ma.

Bấy giờ hai mẹ con cùng đến chỗ Tăng-ca-ma. Tôn giả Tăng-ca-ma đang ngồi kiết già dưới một gốc cây. Hai người đến trước, đứng lặng thinh. Khi ấy, bà mẹ và cô gái đứng nhìn Tăng-ca-ma từ đầu đến chân, bà mẹ bảo Tăng-ca-ma rằng:

- Nay vì sao Ông không nói chuyện với con gái ta? Còn hai đứa con này là con của Ông. Nay Ông làm thật phi lý, không ai chịu được. Nay sự suy nghĩ của Ông chẳng phải là hạnh con người.

Khi ấy tôn giả Tăng-ca-ma liền nói kệ:

Ngoài đây không có thiện,
Ngoài đây không có diệu,
Ngoài đây không có đúng,

Niệm lành không đâu hơn.
Khi ấy mẹ vợ bảo Tăng-ca-ma:

- Nay con gái ta có tội gì? Có gì phi pháp? Cớ sao Ông bỏ nó, xuất gia học đạo?

Tăng-ca-ma nói kệ:

Chỗ dơ hành bất tịnh,
Sân giận, ưa vọng ngữ,
Tật-đố, tâm chẳng chánh,
Là điều Như Lai nói.
Bà mẹ bảo Tăng-ca-ma:

- Không riêng con gái ta có việc này mà tất cả nữ nhân đều giống vậy. Nhân dân trong thành Xá-vệ thấy con gái ta thảy đều bấn loạn, muốn giao thông với nó, như khát thèm uống nước, nhìn không chán, đều khởi đắm trước. Nay sao Ông lại bỏ nó mà học đạo, tìm cách hủy báng? Ngày nay nếu Ông không dùng con gái ta, thì hai đứa con của Ông trả cho Ông tự liệu.

Tăng-ca-ma lại nói kệ:

Ta cũng không con cái,
Ruộng vườn và tài sản,
Cũng không có nô tỳ,
Quyến thuộc và tùy tùng.
Độc hành không bạn lữ,
Vui ở chỗ vắng nhàn,
Thực hành pháp Sa-môn,
Cầu Chánh đạo của Phật.
Người có trai, có gái,
Tập hạnh của người ngu,
Ta còn không thân ta,
Há lại có trai gái?
Khi đó, mẹ vợ và hai con nghe nói kệ này rồi, mỗi người tự nghĩ: 'Hôm nay, như ta quán sát ý này chắc chẳng trở về nhà'.

Và họ lại quan sát Tôn giả từ đầu đến chân, thở dài rồi đến trước quỳ xuống nói:

- Nếu thân miệng ý có làm gì phi pháp, đều xin tha lỗi cho.

Rồi nhiễu ba vòng lui về nhà.

Khi ấy, Tôn giả A-nan đến giờ đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, từ xa thấy bà mẹ và cô gái, liền hỏi:

- Vừa rồi có gặp Tăng-ca-ma chăng?

Bà mẹ bảo:

- Tuy gặp cũng không gặp.

A-nan hỏi:

- Có nói chuyện không?

Bà mẹ đáp:

- Tuy có nói năng cũng chẳng vào lòng tôi.

Tôn giả A-nan liền nói kệ:

Muốn khiến lửa sanh nước,
Lại khiến nước sanh lửa,
Pháp không, muốn cho có,
Không dục, muốn khiến dục.

Tôn giả A-nan khất thực xong, trở về rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc, đến chỗ Tăng-ca-ma ngồi một bên, bảo Tăng-ca-ma:

- Đã biết pháp như chân chưa?

Tăng-ca-ma đáp:

- Tôi đã giác tri pháp như chân.

A-nan bảo:

- Thầy giác tri pháp như chân thế nào?

Tăng-ca-ma đáp:

- Sắc là vô thường. Nghĩa của vô thường này tức là khổ. Khổ tức là vô ngã; vô ngã tức là không. Thọ, tưởng, hành, thức thảy đều vô thường, nghĩa vô thường này tức là khổ, khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không. Năm thạnh ấm này là nghĩa vô thường. Nghĩa vô thường tức là khổ; tôi không, kia có; kia không, tôi có.

Khi ấy Tăng-ca-ma liền nói kệ:

Khổ khổ lại sanh nhau,
Độ khổ cũng như thế,
Tám đạo phẩm Hiền Thánh,
Cho đến chỗ diệt tận,
Không trở lại đời này
Lưu chuyển trong Trời, Người,
Nên dứt nguồn gốc khổ
Ngưng hẳn không di động,
Nay tôi thấy vết không,
Như chỗ Phật đã nói,
Nay đắc A-la-hán,
Không còn tái sanh nữa.

Khi ấy Tôn giả A-nan khen rằng:

- Lành thay! Khéo hay thấu rõ pháp như chân.

A-nan nói kệ:

Khéo giữ dấu Phạm hạnh,
Cũng hay khéo tu đạo,
Đoạn tất cả kiết sử,
Là chân đệ tử Phật.

Tôn giả A-nan nói kệ xong liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi đứng một bên. Bấy giờ A-nan đem nhân duyên này bạch hết cho Thế Tôn. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- A-la-hán luận dục bình đẳng nên nói chính là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Hay hàng phục quyến thuộc ma cũng là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma. Vì sao thế? Tỳ-

kheo Tăng-ca-ma bảy phen đến hàng ma, nay mới thành đạo. Từ nay về sau, cho bảy phen hành đạo. Quá hạn này là phi pháp.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo hay hàng phục ma, nay mới thành đạo, chính là Tỳ-kheo Tăng-ca-ma.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXVI. Phẩm Thính pháp (Dhammasavana)

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tùy thời nghe pháp có năm công đức. Tùy thời lãnh thọ chẳng mất thứ lớp. Thế nào là năm? Điều chưa từng nghe sẽ được nghe; điều đã được nghe, đọc tụng lần nữa; cái thấy không bị tà, lệch; không có hồ nghi; liền hiểu nghĩa thậm thâm.

Tùy thời nghe pháp có năm công đức. Thế nên các Tỳ-kheo nên tìm phương tiện tùy thời nghe pháp. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tạo phòng tắm có năm công đức. Thế nào là năm? Trừ phong, bịnh được lành, trừ bỏ cáu bẩn, thân thể nhẹ nhàng, được mập trắng.

Đó là, này Tỳ-kheo! Tạo nhà tắm có năm công đức này. Thế nên các Tỳ- kheo, nếu có bốn bộ chúng muốn cầu năm công đức này, nên tìm phương tiện tạo lập phòng tắm. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Bố thí tăm xỉa răng cho người có năm công đức. Thế nào là năm? Trừ phong, trừ nước miếng, sanh tạng được tiêu, trong miệng không hôi, mắt được trong sạch.

Đó là, này Tỳ-kheo! Cho người tăm xỉa răng có năm công đức. Nếu Thiện nam tử, Thiện nữ nhơn nào cầu năm công đức này, nên nhớ đem tăm xỉa răng bố thí. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy có thấy người giết trâu do tạo nghiệp này mà sau được cỡi xe, ngựa, voi lớn chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa không, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Lành thay! Các Tỳ-kheo! Ta cũng chẳng thấy, chẳng nghe người mổ giết hại trâu, rồi lại được cỡi xe, ngựa, voi lớn. Sở dĩ như thế vì Ta cũng chẳng thấy người mổ trâu được cỡi xe, ngựa, voi lớn, trọn không có lý này. Thế nào, Tỳ-kheo! Các Thầy có thấy người giết dê, giết heo, người săn bắn nai, những người như thế tạo việc ác này rồi được có tài sản, sau được cỡi xe, ngựa, voi lớn chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa không, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Lành thay! Các Tỳ-kheo! Ta cũng chẳng thấy, chẳng nghe người giết dê, sát hại các sinh vật, rồi được cỡi xe, ngựa, voi lớn, trọn không có lý này. Tỳ- kheo các Thầy! Nếu thấy người giết trâu cỡi xe, ngựa, đây là phước đời trước chẳng phải phước đời này, đều là việc làm cũ của đời trước đưa đến. Các Thầy nếu thấy người giết dê được cỡi xe, ngựa, nên biết người này gieo trồng phước cũ ở đời trước. Vì sao thế? Vì tâm sát chẳng trừ. Vì cớ sao? Nếu có người gần gũi người ác, ưa thích sát sanh, gieo trồng tội địa ngục thì nếu trở lại làm người, thọ mạng sẽ rất ngắn. Nếu lại có người ưa thích trộm cắp, gieo trồng tội địa ngục thì cũng như người mổ trâu kia, mua rẻ bán đắt, dối gạt người đời, chẳng theo Chánh pháp. Người giết trâu cũng lại như thế, do tâm sát nên gây tội lỗi này; chẳng được cỡi xe, ngựa, voi lớn. Thế nên các Tỳ-kheo nên khởi tâm từ đối với tất cả chúng sanh. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội. Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân, như trong khoảng co duỗi cánh tay, đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Thích-đề-hoàn-nhân bạch Thế Tôn:

- Như Lai cũng nói, phàm Như Lai ra đời ắt sẽ vì năm việc. Thế nào là năm? Sẽ chuyển Pháp luân; sẽ độ cha mẹ; người không tin, lập lòng tin; người chưa phát tâm Bồ-tát khiến phát tâm Bồ-tát; ở trong ấy sẽ truyền trao Phật quyết. Như Lai xuất hiện sẽ vì năm nhân duyên này. Nay Phật mẫu ở cõi trời Ba mươi ba muốn được nghe pháp. Nay Như Lai ở trong Diêm-phù-đề, bốn bộ chúng vây quanh, Quốc vương, nhân dân đều tụ hội. Lành thay! Thế Tôn nên đến trời Ba mươi ba thuyết pháp cho mẹ.

Khi ấy, Thế Tôn làm thinh nhận lời. Long vương Nan-đà, Ưu-bàn-nan-đà liền nghĩ: 'Các Sa-môn trọc đầu này, bay ở trên ta, nên tìm phương tiện cho họ không di chuyển được'.

Khi ấy, Long-vương nổi giận phóng gió lửa lớn khiến trong cõi Diêm-phù- đề lửa cháy hừng hực. Khi ấy A-nan bạch Phật:

- Trong Diêm-phù-đề này, vì sao có lửa khói này?

Thế Tôn bảo:

- Đây là hai Long-vương nghĩ rằng: 'Sa-môn trọc đầu thường bay ở trên ta, chúng ta nên khống chế họ đừng cho lấn chiếm hư không'; rồi nổi giận phóng lửa khói này. Do nhân duyên này nên có sự biến hiện ấy.

Khi ấy Đại-ca-diếp liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Thế Tôn:

- Nay con muốn đến đánh nhau với họ.

Thế Tôn bảo:

- Hai Long vương này rất là hung ác, khó thể chịu giáo hóa. Thầy về chỗ ngồi đi.

Tôn giả A-na-luật liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Thế Tôn:

- Nay con muốn đến hàng phục rồng dữ kia.

Thế Tôn bảo:

- Hai rồng dữ này rất là hung bạo, khó thể chịu giáo hóa. Thầy trở về chỗ ngồi đi.

Tôn giả Ly-việt, Tôn giả Ca-chiên-diên, Tôn giả Tu-bồ-đề, Tôn giả Ưu-đà- di, Tôn giả Ba-kiệt (Sa-kiệt) mỗi người từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Thế Tôn:

- Nay con muốn đến hàng phục rồng dữ.

Thế Tôn bảo:

- Hai Long vương này rất là hung ác, khó thể chịu giáo hóa. Thầy về chỗ đi.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Mục-kiền-liên từ chỗ ngồi đứng dậy, bày lộ vai phải, quỳ gối chắp tay bạch Phật:

- Con muốn đến đó hàng phục rồng dữ.

Thế Tôn bảo:

- Hai Long vương này rất là hung ác, khó thể chịu giáo hóa, nay Thầy làm sao cảm hóa Long vương kia?

Mục-liên bạch Phật:

- Trước tiên con đến đó hóa hình hết sức lớn làm rồng kia khủng khiếp. Sau đó con lại hóa hình hết sức nhỏ rồi mới dùng phép tắc thường mà hàng phục.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay Mục-liên! Nay Thầy đủ sức hàng phục rồng dữ. Nhưng này Mục-liên! Kiên trì tâm ý chớ khởi loạn tưởng. Vì sao thế? Rồng kia hung ác, đủ xúc nhiễu Thầy.

Mục-liên liền lễ chân Phật, trong khoảng co duỗi cánh tay biến mất; đến trên núi Tu-di. Bấy giờ Long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà lượn quanh núi Tu-di bảy vòng, cực kỳ sân giận phun khói lửa lớn. Khi ấy Mục-liên tự ẩn mình, hóa làm Đại Long vương có mười bốn đầu, lượn quanh núi Tu-di mười bốn vòng, phun khói lửa mạnh, trụ ở ngay trên hai Long vương.

Bấy giờ Long vương Nan-đà, Ưu-bàn-nan-đà thấy Đại Long vương có mười bốn đầu liền sanh lòng sợ hãi, nói với nhau:

- Hôm nay chúng ta nên thử oai lực của Long vương này, xét xem có thắng ta hay không?

Long vương Nan-đà, Ưu-bàn-nan-đà lấy đuôi quậy trong biển lớn, lấy nước rảy khắp trời Tam thập tam cũng không trúng nhằm thân Mục-liên. Khi ấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên lại lấy đuôi quậy trong nước biển lớn, nước bèn lên đến trời Phạm-ca-di

và lại tưới trên thân hai Long vương. Hai Long vương nói với nhau:

- Chúng ta dùng hết thế lực, lấy nước tưới trời Ba mươi ba mà Đại Long vương này lại hơn quá chúng ta. Chúng ta chính có bảy đầu, nay Long vương này mười bốn đầu. Chúng ta nhiễu núi Tu-di bảy vòng, nay Long vương này nhiễu núi Tu-di mười bốn vòng. Nay hai Long vương mình nên chung sức chiến đấu với hắn.

Khi ấy hai Long vương hết sức giận dữ nổi sấm chớp sét rền, phun lửa rực lớn. Tôn giả Mục-liên liền nghĩ: 'Phàm rồng chiến đấu dùng lửa sấm sét, nếu ta dùng lửa sấm sét chiến đấu thì nhân dân trong cõi Diêm-phù-đề và trời Ba mươi ba đều sẽ bị hại. Nay ta hóa hình cực nhỏ để chiến đấu'.

Mục-liên liền hóa hình nhỏ xíu, chui vào miệng rồng rồi chun ra lỗ mũi, hoặc vào lỗ mũi rồi chui ra lỗ tai, hoặc vào lỗ tai rồi chui ra con mắt, đã ra khỏi mắt lại đi trên lông mi.

Khi đó hai Long vương hết sức sợ hãi, liền nghĩ rằng:

- Đại Long vương này rất có oai lực, có thể vào miệng ra mũi, vào mũi ra mắt. Hôm nay chúng ta thật chẳng bằng. Loài rồng chúng ta nay có bốn loại: noãn sanh, thai sanh, thấp sanh, hóa sanh, nhưng không ai vượt qua nổi chúng ta. Nay long vương này uy lực như thế, chẳng thể đánh nhau nổi. Tánh mạng chúng ta chết trong chốc lát.

Cả hai sợ hãi, áo lông dựng đứng. Mục-liên đã thấy Long vương sanh lòng sợ hãi, lại ẩn hình, trở lại hình dung bình thường đi trên mí mắt rồng. Khi ấy hai Long vương thấy Đại Mục liên, tự nói với nhau:

-Đây là Sa-môn Mục-liên, cũng chẳng phải Long vương. Thật là kỳ lạ ! Vị này có đại oai lực, có thể đánh nhau với ta !

Bấy giờ hai Long vương bạch Mục-liên rằng:

-Tôn giả sao lại xúc nhiễu ta như thế ? Muốn răn dạy điều gì ?

Mục-liên bảo:

-Các Ông hôm qua nghĩ rằng: ' Làm sao mà Sa-môn trọc đầu lại bay trên ta. Nay ta sẽ chế ngự' phải không ?

Long vương đáp:

- Đúng thế, Mục-liên !

Mục-liên bảo:

-Long vương nên biết ! Núi Tu-di này là đường đi của chư thiên, chẳng phải chỗ ở của Ông.

Long vương thưa:

- Cúi mong tha thứ, chúng con chẳng biết tội nặng, từ nay về sau sẽ không dám xúc nhiễu, nổi loạn tưởng ác. Cúi mong nhận chúng con làm đệ tử.

Mục-liên đáp:

- Các ông chớ quy y ta. Nơi ta quy y, các Ông hãy quy y.

Long vương bạch Mục-liên:

-Các Ông không thể ở núi Tu-di này mà quy y Thế Tôn. Nay nên cùng ta đến thành Xá-vệ mới quy y được.

Mục-liên dẫn hai Long vương, như trong khoảng co duỗi cánh tay, từ trên núi Tu-di đến thành Xá-vệ. Bấy giờ Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số chúng. Mục-liên bảo hai vua rồng:

- Các Ông nên biết. Hôm nay Thế Tôn thuyết pháp cho vô số chúng, các Ông không thể để thân hình này mà đến chỗ Phật.

Long vương bảo:

- Đúng vậy, Mục-liên !

Long vương liền ẩn hình rồng, hóa hình thành người không cao, không thấp, dung mạo đoan chánh như màu hoa đào. Mục-liên đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi ngồi một bên. Khi ấy Mục-liên bảo Long vương:

- Nay chính là lúc nên tiến đến !

Long vương nghe Mục-liên nói, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ xuống chấp tay, bạch Thế Tôn:

- Hai chúng con, một tên là Nan-đà, hai là Ưu-bàn-nan-đà xin quy y Như Lai, thọ trì ngũ giới. Cúi mong Thế Tôn cho phép chúng con làm Ưu-bà-tắc, trọn đời không sát sanh nữa.

Thế Tôn búng ngón tay chấp nhận. Hai Long vương trở về chỗ muốn được nghe pháp.

Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc liền nghĩ: 'Có nhân duyên gì khiến trong cõi Diêm- phù-đề khói lửa như thế?'. Vua Ba-tư-nặc liền cỡi xe kiệu ra khỏi thành Xá- vệ đến chỗ Thế Tôn. Khi ấy, nhân dân từ xa thấy vua đến, đều cùng đứng dậy tiếp đón:

- Kính chào Đại vương, hãy đến đây ngồi.

Hai Long vương làm thinh chẳng đứng lên. Vua Ba-tư-nặc cúi lạy Thế Tôn rồi ngồi một bên. Khi ấy Đại vương bạch Thế Tôn:

- Nay con muốn hỏi. Cúi mong Thế Tôn diễn bày từng việc cho.

Thế Tôn bảo:

- Muốn hỏi gì, nay chính phải lúc.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Có nhân duyên gì khiến trong cõi Diêm-phù-đề này khói lửa đến thế?

Thế Tôn bảo:

- Do Long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà tạo nên. Nhưng Đại vương chớ sợ hãi, ngày nay không còn biến ra khói lửa nữa.

Vua Ba-tư-nặc liền nghĩ: 'Nay ta là Đại vương của nước. Nhân dân sùng kính, danh vang bốn phương. Hai người này từ đâu tới, thấy ta đến cũng không đứng dậy đón rước? Nếu ở trong nước ta, ta sẽ bắt giam, nếu ở nước khác đến ta sẽ giết chết'.

Khi ấy Long vương biết tâm vua Ba-tư-nặc nghĩ như thế liền tức giận. Long vương liền nghĩ: 'Chúng ta chẳng có lỗi gì với vua này, thế mà vua này muốn hại ngược lại ta. Cần phải đem Quốc vương và dân nước Ca-di giết hết'.

Long vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy Thế Tôn rồi đi; lìa Kỳ Hoàn chẳng xa thì biến mất. Vua Ba-tư-nặc thấy người này đi, chưa bao lâu bạch Thế Tôn:

- Quốc sự bận rộn, con muốn về cung.

Thế Tôn bảo:

- Nên biết phải thời!

Vua Ba-tư-nặc từ chỗ ngồi đứng lên lui đi; bảo quần thần:

- Hai người vừa rồi đi theo đường nào? Mau bắt lấy!

Quần thần nghe vua ra lệnh liền đuổi theo tìm mà chẳng biết chỗ, liền trở về cung.

Khi đó Long vương Nan-đà và Ưu-bàn-nan-đà, mỗi người nghĩ rằng: 'Chúng ta không có lỗi với vua đó, vừa rồi vua đó lại muốn bắt chúng ta để hại. Chúng ta nên làm hại hết nhân dân của ông ta không sót một ai'.

Khi ấy Long vương lại nghĩ rằng: 'Nhân dân trong nước có tội lỗi gì? Nên bắt nhân dân trong thành Xá-vệ hại đi'. Rồi lại nghĩ nữa: 'Dân nước Xá-vệ có lỗi gì với chúng ta. Nên đem các quan lại thuộc hạ trong Vương cung giết sạch'.

Bấy giờ Thế Tôn đã biết trong lòng Long vương nghĩ gì, liền bảo Tôn giả Mục-liên:

- Nay Thầy nên cứu vua Ba-tư-nặc, chớ để cho Long vương Nan-đà và Ưu- bàn-nan-đà làm hại.

Mục-liên đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Mục-liên vâng lời Phật dạy, cúi lạy rồi lui đi, ở trên Vương cung ngồi kiết- già, chẳng hiện thân. Hai Long vương kéo sấm sét vang rền, gió mưa dồn dập trên Vương cung. Hoặc mưa ngói đá, hoặc mưa đao kiếm, chưa rơi xuống đất đã thành hoa sen Ưu-bát trong hư không. Khi ấy Long vương càng thêm giận dữ, mưa ra núi cao lớn ở trên cung điện, Mục-liên lại hóa thành các thức ăn uống. Khi ấy Long vương nổi giận đùng đùng, mưa các đao kiếm, Mục-liên lại khiến biến thành y phục thật đẹp. Long vương càng giận dữ, mưa cát đá lửa trên cung Ba-tư-nặc, cát đá chưa rớt xuống đất lại hóa thành bảy báu. Vua Ba-tư-nặc thấy trong cung điện mưa các thứ bảy báu, vui mừng hớn hở không thể tự kềm, liền nghĩ: 'Trong cõi Diêm-phù-đề, người có đức không ai hơn ta, chỉ

trừ Như Lai. Vì sao thế? Trong nhà ta, trên một gốc lúa thu thập được mười đấu lúa; nấu cơm với nước mía hết sức thơm ngon. Nay lại ở trên cung điện mưa bảy báu. Ta có lẽ được làm Chuyển luân Thánh vương ư?

Vua Ba-tư-nặc ra lệnh các thể nữ thu lượm bảy báu. Khi ấy hai Long vương bảo nhau:

- Hôm nay sắp có ý gì? Chúng ta lúc đến muốn hại vua Ba-tư-nặc, nay biến hóa ra thế. Bao nhiêu thế lực hôm nay hiện hết còn chẳng động đến vua Ba- tư-nặc được mảy may.

Khi ấy Long vương thấy Tôn giả Đại Mục-kiền-liên ở trên cung điện ngồi kiết-già, chính thân chính ý, thân không xiêu vẹo. Thấy rồi liền nghĩ: 'Đây chắc là do ngài Mục-liên làm'.

Hai Long vương thấy Mục-liên rồi liền lui đi. Mục-liên thấy Long vương đi liền xả thần túc, về chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Khi đó vua Ba-tư- nặc liền nghĩ rằng: 'Nay các thức ăn uống này chẳng nên ăn trước. Nên trước hết dâng lên Như Lai rồi sau mới đến mình'.

Vua Ba-tư-nặc lấy xe chở trân bảo và các thức ăn uống đến chỗ Thế Tôn rồi bạch:

- Hôm qua trời mưa bảy báu và các thức ăn uống này. Cúi mong Thế Tôn nạp thọ.

Bấy giờ Đại Mục-kiền-liên cách Thế Tôn chẳng xa. Phật bảo vua rằng:

- Nay Đại vương nên đem thức ăn uống và bảy báu cúng cho Đại Mục-liên. Vì sao thế? Nhờ ơn Mục-liên mà Đại vương được sống lại trên đất Thánh hiền.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Có nhân duyên gì mà nói là con sống lại?

Thế Tôn bảo:

- Khi sớm chẳng phải vua đến chỗ Ta định nghe pháp đó sao? Lúc ấy có hai người cũng đến nghe pháp. Vua sanh niệm này: 'Ta ở nước này là bậc hào quý đệ nhất, được mọi người kính nể. Nhưng hai người này từ đâu tới, thấy ta chẳng đứng dậy tiếp đón'.

Vua bạch Phật:

- Thực vậy Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Đây chẳng phải là người mà là Long vương Nan-đà, Ưu-bàn-nan-đà. Họ biết ý vua nên nói với nhau rằng: 'Chúng ta không có lỗi đối với nhân vương này, cớ sao ngược lại muốn hại ta? Cần nên tìm cách diệt nước này'. Ta biết được ý của Long vương bèn sai Mục-liên: 'Nay nên cứu vua Ba-tư-nặc, chẳng để bị rồng hại'. Thầy ấy vâng lời Ta dạy, ở trên cung điện ẩn hình

chẳng hiện, tạo sự biến hóa này. Khi ấy Long vương hết sức giận dữ, mưa cát, ngói, đá ở trên cung điện, lúc chưa rơi xuống đất đã hóa thành các thứ ẩm thực, y phục, bảy báu. Do nhân duyên này, hôm nay Đại vương coi như sống lại.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc kinh sợ, lông áo dựng đứng, quỳ gối đi đến trước Như Lai mà bạch Phật:

- Cúi mong Thế Tôn, rũ ơn thâm hậu, cứu giúp sinh mạng của con.

Vua lại dạy Tôn giả Mục-liên, cung kính:

- Mong nhờ ơn của Tôn giả được cứu mạng sống.

Bấy giờ Quốc vương liền nói kệ:

Chí Tôn thọ vô cùng,
Luôn luôn hộ mạng con,
Độ thoát khổ nguy cùng,
Nhờ Ngài được thoát nạn.
Bấy giờ vua Ba-tư-nặc dùng hương hoa trời rải trên thân Như Lai và nói:

- Nay con đem bảy báu này dâng lên Tam bảo. Cúi mong thâu nhận.

Vua cúi lạy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi. Khi ấy Thế Tôn liền nghĩ rằng: 'Bốn bộ chúng này có nhiều giải đãi, đều chẳng nghe pháp, cũng không cầu phương tiện thân chứng, cũng lại không cầu điều chưa được khiến được, điều chưa đắc khiến đắc. Nay Ta nên làm cho bốn bộ chúng khát ngưỡng pháp'.

Bấy giờ Thế Tôn chẳng báo cho bốn bộ chúng, cũng chẳng đem thị giả, như trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay biến mất khỏi Kỳ Hoàn, đến cõi trời Tam thập tam. Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân xa thấy Thế Tôn đến, liền dẫn Thiên chúng đến trước rước Thế Tôn, cúi lạy và thỉnh đến tòa ngồi, cùng nói rằng:

- Kính chào Thế Tôn! Ly biệt đã lâu không đến thăm.

Khi ấy Thế Tôn tự nghĩ: 'Nay Ta sẽ dùng sức thần túc tự ẩn hình khiến mọi người không thấy Ta ở đâu'.

Bấy giờ Thế Tôn lại nghĩ: 'Nay Ta ở cõi trời Tam thập tam hóa thân hết sức to lớn'.

Khi ấy giảng đường Thiện Pháp trên trời có tảng đá vàng to rộng một do- tuần, Thế Tôn ngồi kiết-già khắp kín trên đá. Bà Ma-gia, dẫn các Thiên nữ đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên và nói rằng:

- Không phụng sự Ngài quá lâu, nay Ngài đến đây thực là đại hạnh; mong mỏi nhớ nghĩ gặp Phật, hôm nay Phật mới đến.

Khi ấy bà Ma-gia cúi lạy rồi ngồi một bên. Thích-đề-hoàn-nhân cũng lạy Như Lai rồi ngồi một bên. Lúc đó, chúng của chư Thiên thấy Như Lai, ở đó tăng thêm Thiên chúng, giảm bớt chúng A-tu-la. Bấy giờ Thế Tôn dần dần thuyết diệu luận cho chúng chư Thiên kia. Những luận về thí luận, giới luận, luận sanh thiên; dục là tưởng bất tịnh; dâm là uế ác; xuất yếu là vui.

Bấy giờ Thế Tôn đã thấy các chúng đến nghe, và chư Thiên tâm ý khai mở. Pháp chư Phật Thế Tôn thường thuyết: Khổ, Tập, Diệt, Đạo; Ngài đều thuyết hết cho chư Thiên.

Mọi người đều ở tại tòa, các trần cấu hết, được pháp nhãn thanh tịnh. Lại có mười tám ức Thiên nữ thấy đạo tích; ba vạn sáu ngàn Thiên chúng được pháp nhãn tịnh. Khi ấy bà Ma-gia liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy rồi trở về cung. Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

- Nay con nên dùng thức ăn gì để dọn cho Như Lai? Dùng thức ăn của nhân gian hay dùng thức ăn tự nhiên của Trời?

Thế Tôn bảo:

- Nên dùng thức ăn của nhân gian dọn cho Như Lai.Vì sao vậy? Thân Ta sanh ở nhân gian, lớn lên ở nhân gian, thành Phật ở nhân gian.

Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

- Xin vâng Thế Tôn!

Thích-đề-hoàn-nhân lại bạch Phật:

- Dùng thời tiết trên trời hay dùng thời tiết nhân gian?

Thế Tôn bảo:

- Dùng thời tiết nhân gian.

- Xin vâng, Thế Tôn.

Khi ấy Thích-đề-hoàn-nhân liền lấy thức ăn của nhân gian, lại dùng thời tiết nhân gian dọn ăn cho Như Lai.

Bấy giờ Trời Tam thập tam bảo nhau rằng:

- Nay chúng ta thấy Như Lai trọn ngày ăn cơm.

Thế Tôn liền nghĩ: 'Nay Ta nên nhập Như thị tam-muội muốn khiến chư Thiên đến thì đến, muốn cho chư Thiên lui thì lui'. Khi ấy, Thế Tôn nhập vào tam-muội này làm chư Thiên đến lui tùy thời.

Bốn bộ chúng ở nhân gian đã lâu không thấy Như Lai, đi đến chỗ Tôn giả A- nan bạch:

- Như Lai nay ở đâu? Chúng con mong mỏi được thấy.

Tôn giả A-nan đáp:

- Chúng tôi cũng chẳng biết Như Lai ở đâu.

Khi ấy vua Ba-tư-nặc, vua Ưu-điền đến chỗ A-nan, hỏi A-nan rằng:

- Hôm nay Như Lai ở đâu?

Tôn giả A-nan đáp:

- Đại vương! Tôi cũng chẳng biết chỗ Như Lai ở.

Hai vua nhớ mong, muốn gặp Như Lai bèn đau khổ. Bấy giờ quần thần đến chỗ vua Ưu-điền, tâu vua rằng:

- Nay bị bịnh gì?

Vua đáp:

- Nay ta vì sầu lo thành bệnh.

Quần thần tâu vua:

- Vì sao mà sầu lo thành bệnh?

Vua đáp:

- Do chẳng thấy Như Lai, nếu ta không thấy Như Lai, ta sẽ chết mất!

Quần thần liền nghĩ: 'Phải dùng cách gì cho vua Ưu-điền không mạng chung. Chúng ta nên làm hình tượng Như Lai.

Quần thần tâu vua:

- Chúng tôi muốn làm hình tượng, cũng có thể cung kính, thừa sự, lễ bái.

Vua nghe xong, vui mừng hớn hở không dừng được, bảo quần thần:

- Lành thay! Các Khanh nói rất hay!

Quần thần tâu vua nên lấy báu gì làm hình tượng Như Lai. Vua liền ra lệnh các thầy thợ kỹ xảo trong nước rằng:

- Nay ta muốn làm hình tượng.

Thợ khéo đáp:

- Xin vâng, Đại vương!

Vua Ưu-điền liền lấy Ngưu-đầu Chiên-đàn làm hình tượng Như Lai cao năm thước.

Vua Ba-tư-nặc nghe vua Ưu-điền làm hình tượng Phật cao năm thước để cúng dường. Vua Ba-tư-nặc liền mời thợ khéo trong nước mà bảo:

- Nay ta muốn làm hình tượng Như Lai. Các người phải làm cho xong ngay!

Vua Ba-tư-nặc nghĩ: 'Nên dùng báu gì làm hình tượng Như Lai?' Chốc lát lại nghĩ: 'Hình thể Như Lai vàng như thiên kim, nên lấy vàng làm hình tượng Như Lai'.

Vua Ba-tư-nặc, lấy toàn vàng tử-ma làm tượng Như Lai cao năm thước. Bấy giờ cõi Diêm-phù-đề mới có hai hình tượng Như Lai này. Khi ấy bốn bộ chúng đến chỗ Tôn giả A-nan bạch:

- Chúng tôi khát ngưỡng Như Lai, nhớ muốn thăm viếng Ngài. Nay Như Lai ở đâu?

A-nan đáp:

- Chúng tôi cũng chẳng biết chỗ Như Lai ở. Nhưng nay hãy cùng đến chỗ A- na-luật mà hỏi nghĩa này. Vì sao vậy? Tôn giả A-na-luật thiên nhãn đệ nhất, thanh tịnh không vết nhơ. Tôn giả dùng thiên nhãn thấy một ngàn thế giới, hai ngàn thế giới, ba ngàn đại thiên thế giới. Tôn giả có thể thấy biết.

Bốn bộ chúng cùng A-nan đến chỗ Tôn giả A-na-luật, bạch A-na-luật:

- Nay bốn bộ chúng này đến chỗ tôi hỏi:

'Hôm nay Thế Tôn ở đâu?'. Cúi mong Tôn giả dùng thiên nhãn xem Như Lai ở chỗ nào?

Tôn giả A-na-luật bảo:

- Các Ông hãy chờ. Nay tôi muốn xem Như Lai trọn ở chỗ nào?

Khi ấy, A-na-luật chánh thân, chánh ý, buộc niệm ở trước, dùng thiên nhãn xem trong cõi Diêm-phù-đề mà chẳng thấy. Tôn giả lại dùng thiên nhãn xem Cù-da-ni, Phật-vu-đại, Uất-đơn-việt mà chẳng thấy; lại xem trời Tứ thiên vương, trời Tam thập tam, Diệm thiên, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại, cho đến xem Phạm thiên mà chẳng thấy đâu; lại xem ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Cù-da-ni, ngàn Uất-đơn-việt, ngàn Phất-vu-đãi, ngàn Tứ thiên vương, ngàn Diệm thiên, ngàn trời Đâu-suất, ngàn trời Hóa tự tại, ngàn trời Tha hóa tự tại, ngàn Phạm thiên mà chẳng thấy Như Lai; lại xem ba ngàn đại thiên cõi nước mà chẳng thấy.

Tôn giả A-na-luật liền từ tòa đứng dậy, nói với Tôn giả A-nan:

- Nay tôi đã xem ba ngàn đại thiên cõi nước mà không thấy.

Bấy giờ A-nan và bốn bộ chúng đứng lặng thinh. A-nan nghĩ: 'Như Lai sẽ không nhập Niết-bàn chứ?'.

Khi đó, Trời Tam thập tam mỗi người tự bảo nhau:

- Chúng ta mừng được lợi lành. Cúi mong bảy Phật thường hiện ở đời. Trời và Người đời được nhiều lợi ích.

Hoặc có vị Trời bảo rằng:

- Hãy gác bảy Phật, chỉ cho có sáu Phật cũng rất tốt.

Hoặc có vị Trời nói:

- Chỉ cho có năm Phật.

Hoặc chư vị nói bốn Phật, hoặc nói ba Phật, hoặc nói hai Phật xuất hiện ở đời, có nhiều lợi ích.

Thích-đề-hoàn-nhân bảo chư Thiên:

- Hãy gác bảy Phật cho đến hai Phật. Chỉ khiến ngày nay Phật Thích-ca-văn trụ lâu ở đời, thì được nhiều lợi ích.

Bấy giờ ý Như Lai muốn chư Thiên đến, chư Thiên liền đến, ý muốn cho chư Thiên đi, chư Thiên liền đi. Lúc ấy, Trời Tam thập tam bảo nhau:

- Như Lai cớ sao trọn ngày một lần ăn?

Thích-đề-hoàn-nhân bảo Trời Tam thập tam:

- Nay Như Lai ăn theo thời tiết của nhân gian, chẳng dùng thời tiết trên trời.

Thế Tôn trải qua ba tháng, liền nghĩ: 'Người trong bốn bộ chúng ở Diêm- phù-đề chẳng thấy Ta đã lâu, có lòng rất mong. Nay Ta nên bỏ thần túc khiến các Thanh văn biết Như Lai ở trời Tam thập tam'.

Khi ấy Thế Tôn liền xả thần túc. Tôn giả A-nan đến chỗ Tôn giả A-na-luật mà thưa rằng:

- Nay bốn bộ chúng rất khát ngưỡng mong thấy Như Lai. Nhưng nay Như Lai không phải diệt độ chứ?

A-na-luật bảo A-nan:

- Đêm qua có vị Trời đến chỗ tôi nói rằng: Như Lai ở giảng đường Thiện Pháp cõi trời Tam thập tam. Nay Thầy hãy chờ. Tôi muốn xem chỗ Như Lai ở.

Tôn giả A-na-luật liền ngồi kiết-già, chính thân chính ý, tâm không di động, dùng thiên nhãn xem trời Tam thập tam, thấy Thế Tôn ngồi trên tảng đá vuông vắn một do-tuần. Khi ấy A-na-luật từ tam-muội dậy bảo A-nan:

- Nay Như Lai ở trời Tam thập tam thuyết pháp cho mẹ.

Tôn giả A-nan và bốn bộ chúng hoan hỉ hớn hở không thể kềm được. A-nan hỏi bốn bộ chúng:

- Ai có thể đảm nhận đến trời Tam thập tam thăm hỏi Như Lai?

Tôn giả A-na-luật nói:

- Nay Tôn giả Mục-liên, thần túc đệ nhất, mong dùng sức thần đến thăm hỏi Như Lai.

Khi ấy bốn bộ chúng bạch Tôn giả Mục-liên:

- Hôm nay Như Lai ở cõi trời Tam thập tam. Cúi mong Tôn giả đem danh tánh bốn chúng thăm hỏi Như Lai, lại đem nghĩa này đến bạch Như Lai: 'Thế Tôn ở tại Diêm-phù-đề, nơi thế gian đắc đạo. Mong rũ oai thần trở về thế gian'.

Mục-liên bảo:

- Rất tốt, chư Hiền!

Mục-liên nhận lời bốn bộ chúng, trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay lên đến trời Tam thập tam, tới chỗ Như Lai. Thích-đề-hoàn-nhân và Trời Tam thập tam xa thấy Mục-liên đến. Chư Thiên mỗi người nghĩ: 'Đây chắc là sứ giả của Tăng, cũng như sứ giả của các vua'. Bấy giờ chư Thiên đều đứng lên, đến đón.

- Kính chào Tôn giả!

Tôn giả Mục-liên xa thấy Thế Tôn thuyết pháp cho vô số chúng; thấy rồi nghĩ rằng: 'Thế Tôn ở trong cõi trời này cũng lại phiền phức, ồn ào'. Mục- liên đến chỗ Thế Tôn cúi lạy, đứng một bên. Bấy giờ Mục-liên bạch Phật:

- Thế Tôn! Chúng bốn bộ thăm hỏi Như Lai được mạnh khỏe, nhẹ nhàng thư thái.

Tôn giả bạch việc này:

- Như Lai sanh trưởng trong Diêm-phù-đề, ở thế gian đắc đạo. Cúi mong Thế Tôn trở lại thế gian. Bốn bộ chúng khao khát muốn gặp Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Chúc bốn bộ chúng tiến tu đạo nghiệp, không có mệt mỏi. Thế nào Mục- liên! Bốn bộ chúng du hóa mệt chăng? Không tranh tụng chăng? Ngoại đạo dị học không xúc nhiễu chăng?

Mục-liên đáp:

- Bốn bộ chúng hành đạo không mỏi mệt.

- Nhưng này Mục-liên! Vừa rồi Thầy nghĩ rằng Như Lai ở đây cũng phiền não. Việc này chẳng đúng. Vì sao thế? Thời thuyết pháp của Ta không lâu, nếu Ta nghĩ rằng muốn khiến chư Thiên đến, họ liền đến; muốn khiến chư Thiên chẳng đến, họ liền chẳng đến. Mục-liên! Thầy trở về thế gian, sau bảy ngày nữa, Như Lai sẽ đến nước Tăng-ca-thi bên ao nước lớn.

Lúc ấy, Mục-liên trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay trở về thành Xá- vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc, đến bốn bộ chúng mà nói rằng:

- Chư Hiền nên biết! Sau bảy ngày Như Lai sẽ xuống cõi Diêm-phù-đề bên ao nước lớn Tăng-ca-thi.

Bấy giờ bốn bộ chúng nghe xong vui mừng hớn hở không thể tự kềm. Vua Ba-tư-nặc, vua Ưu-điền, vua Ác-sanh, vua Ư-đà-diên, vua Tần-bà-sa-la nghe Như Lai sau bảy ngày sẽ đến bên ao nước lớn Tăng-ca-thi, hết sức vui mừng không thể kềm được. Khi ấy dân chúng Tỳ-xá-ly, họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ, dân chúng Câu-di-la-việt nghe Như Lai sẽ đến đất Diêm-phù-đề, vui mừng hớn hở không thể kềm được. Bấy giờ vua Ba-tư-nặc tập họp bốn bộ binh đến bên ao nước muốn gặp Thế Tôn. Năm vua đều tập họp binh lính đến chỗ Thế Tôn muốn được thăm viếng Như Lai. Dân chúng họ Thích ở Ca-tỳ-la-vệ đều đến chỗ Thế Tôn. Và bốn bộ chúng đều đến chỗ Thế Tôn, muốn gặp Như Lai.

Đúng bảy ngày, Thích-đề-hoàn-nhân bảo Thiên tử Tự Tại:

- Nay Ông từ đỉnh núi Tu-di đến ao nước Tăng-ca-thi làm ba con đường, xem Như Lai chẳng dùng thần túc đến đất Diêm-phù.

Thiên tử Tự Tại đáp:

- Việc này rất hay. Đúng lúc ấy sẽ làm xong.

Bấy giờ Thiên tử Tự Tại liền hóa ra ba con đường bằng vàng, bạc, thủy tinh. Con đường vàng ở giữa, đường bạc một bên, đường thủy tinh một bên, hóa làm cây vàng. Ngay lúc ấy, chư thần diệu tôn thiên, trong bảy ngày đều đến nghe pháp. Khi ấy Thế Tôn thuyết pháp cho mấy ngàn vạn chúng vây quanh trước sau, thuyết năm thạnh ấm khổ. Thế nào là năm? Nghĩa là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Thế nào là sắc ấm? Nghĩa là thân tứ đại, là tứ đại tạo sắc, gọi là sắc ấm.

Thế nào gọi là thọ ấm? Nghĩa là khổ thọ, lạc thọ, bất khổ, bất lạc thọ; gọi là thọ ấm.

Sao gọi là tưởng ấm? Nghĩa là ba đời cùng hội; gọi là tưởng ấm.

Sao gọi là hành ấm? Nghĩa là thân hành, khẩu hành, ý hành; gọi là hành ấm.

Sao gọi là thức ấm? Nghĩa là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý thức; gọi là thức ấm.

Thế nào gọi là sắc? Sắc nghĩa là lạnh cũng là sắc, nóng cũng là sắc, đói cũng là sắc, khát cũng là sắc.

Thế nào gọi là thọ? Thọ gọi là giác. Giác vật gì? Giác khổ, giác vui, giác chẳng khổ chẳng vui; gọi là giác.

Thế nào gọi là tưởng? Tưởng cũng là biết. Biết xanh, vàng, trắng, đen, biết khổ vui, nên gọi là biết.

Thế nào gọi là hành? Hành là có thể thành tựu nên gọi là hành. Là thành việc gì? Hoặc thành ác hạnh, hoặc thành thiện hạnh; nên gọi là hành.

Thế nào gọi là thức? Biết phân biệt đúng sai, cũng biết các vị; đây gọi là thức.

Chư Thiên tử nên biết, có năm thạnh ấm này thì biết có ba ác đạo, thiên đạo, nhân đạo. Năm thạnh ấm này diệt liền biết có đạo Niết-bàn.

Bấy giờ, lúc thuyết pháp này có sáu vạn Thiên nhân được pháp nhãn thanh tịnh. Thế Tôn thuyết pháp cho các Thiên nhân xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, đến đỉnh núi Tu-di nói kệ:

Các Ông nên siêng học,
Đối với Phật, Pháp, Tăng,
Nên diệt con đường chết,
Như người điều phục voi.
Nếu được ở pháp này,
Không có sự lười biếng,
Liền sẽ hết sanh tử,
Không còn nguồn gốc khổ.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ này rồi, liền đến đường giữa. Khi ấy Phạm thiên ở đường bạc bên mặt Thế Tôn và Thích-đề-hoàn-nhân ở bên đường thủy tinh và chư Thiên nhơn ở trên hư không rải hoa, đốt hương, xướng kỹ nhạc làm vui lòng Như Lai.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Liên-hoa-sắc nghe hôm nay Như Lai sẽ đến bên ao nước lớn Tăng-ca-thi, nghe rồi liền nghĩ: 'Bốn bộ chúng, Quốc vương, đại thần, nhân dân trong nước không ai không đến. Nếu ta theo lối thường đi đến,

điều này không nên. Ta hãy biến làm thân Chuyển luân Thánh vương đến gặp Thế Tôn'. Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc liền ẩn hình, hóa thành Chuyển luân Thánh vương bảy báu đầy đủ. Bảy báu là: xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, điển binh báu, điển tạng báu. Đó là bảy báu.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề ở trong núi Kỳ-xà-quật thành La-duyệt, tại một mé núi vá y. Tu-bồ-đề nghe Thế Tôn hôm nay sẽ đến đất Diêm-phù-đề, bốn bộ chúng đều đến gặp, liền nghĩ: 'Nay ta nên đến thăm hỏi lễ bái Như Lai'. Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề liền bỏ việc vá y, từ chỗ ngồi đứng lên, chân phải đặt xuống đất. Khi ấy ngài lại nghĩ rằng: 'Thân Như Lai là gì? Thế Tôn có phải là mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý chăng? Người đến gặp lại là đất, nước, gió, lửa chăng?' Tất cả các pháp thảy đều không tịch, không tạo, không tác. Như bài kệ của Thế Tôn nói:

'Nếu người muốn lễ Phật,
Và những bậc Tối Thắng,
Ấm, trì, nhập các thứ,
Thảy đều quán vô thường.
Phật quá khứ lâu xa,
Và các Phật vị lai,
Như nay Phật hiện tại,
Tất cả đều vô thường.
Nếu người muốn lễ Phật,
Quá khứ và tương lai,
Nếu ở trong hiện tại,
Nên quán ở pháp không.
Nếu người muốn lễ Phật,
Quá khứ và tương lai,
Cùng chư Phật hiện tại,
Nên quán ở vô ngã.
'Trong đây vô ngã, vô mạng, vô nhân, vô tạo tác, cũng không hình dung, có dạy, có truyền. Các pháp đều không tịch. Cái gì là ta? Ta là không chủ, nay ta quy mạng chân pháp tụ'.

Bấy giờ Tôn giả Tu-bồ-đề trở lại chỗ ngồi vá y. Khi đó Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc làm Chuyển luân Thánh vương dẫn theo bảy báu đến chỗ Thế Tôn.

Năm Quốc vương xa thấy Chuyển luân Thánh vương đến, vui mừng hớn hở không thể tự kềm, nói với nhau rằng:

- Thật là kỳ đặc! Thế gian xuất hiện hai trân bảo: Như Lai và Chuyển luân Thánh vương.

Bấy giờ Thế Tôn dẫn mấy vạn Thiên nhân, từ đỉnh núi Tu-di đến bên ao nước. Thế Tôn giở chân đạp đất, tam thiên đại thiên thế giới này sáu phen chấn động. Khi ấy, Hóa Chuyển luân Thánh vương dần dần đến chỗ Thế Tôn, các Tiểu quốc vương và nhân dân đều tránh ra. Hóa Chuyển luân Thánh vương biết và đã gần Thế Tôn, liền trở lại hình cũ thành Tỳ-kheo-ni cúi lạy Thế Tôn. Năm vua thấy rồi, kêu oán, bảo nhau rằng:

- Hôm nay chúng ta thật là sơ sót. Chúng ta đáng lẽ gặp Như Lai trước; mà nay gặp Tỳ-kheo-ni trước.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni đến chỗ Thế Tôn cúi lạy bạch Phật:

- Nay con lễ đấng Tối thắng! Hôm nay con được thăm viếng đầu tiên. Con, Tỳ-kheo-ni Liên Hoa Sắc là đệ tử của Như Lai.

Bấy giờ Thế Tôn dùng kệ bảo Liên Hoa Sắc:

Thiện nghiệp, đã lễ trước,
Đầu tiên không ai hơn,
Không - Vô - Giải thoát môn,
Đây là nghĩa lễ Phật.
Nếu người muốn lễ Phật,
Tương lai và quá khứ,
Nên quán pháp Không - Vô,
Đây là nghĩa lễ Phật.
Khi ấy, năm vua và dân chúng đông vô kể, đến chỗ Thế Tôn tự xưng tên:

- Con là Ba-tư-nặc, vua nước Ca-thi. Con là vua nước Bạt-kỳ tên là Ưu-điền; con là chúa của nhân dân Ngũ-đô tên là Ác-sanh. Con là chúa Nam-hải tên là Ưu-đà-diên. Con là vua Tần-bà-sa-la nước Ma-kiệt.

Bấy giờ mười một Na-thuật nhân dân tụ tập và các bậc tôn trưởng được tôn trọng nhất của bốn bộ chúng, một ngàn hai trăm người đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên.

Bấy giờ vua Ưu-điền tay bưng tượng Ngưu-đầu-chiên-đàn, dùng kệ hướng Như Lai thuyết:

Nay con muốn thưa hỏi,
Từ bi hộ tất cả,
Người tạo hình tượng Phật,
Sẽ được những phước gì?
Đức Thế Tôn dùng kệ đáp:
- Nay Đại vương hãy nghe,
Giảng ít nhiều nghĩa này,
Người tạo hình tượng Phật,
Nay sẽ nói sơ đó,
Nhãn căn trước chẳng hoại,
Sau lại được thiên nhãn,
Trắng đen thấy phân minh,
Đức tạo hình tượng Phật.
Thân thể sẽ đầy đủ,
Ý chính không mê hoặc,
Thế lực hơn người thường.
Người tạo hình tượng Phật

Trọn không vào đường ác,
Trọn sẽ sanh lên Trời,
Ở đó làm Thiên vương,
Phước tạo hình tượng Phật.
Phước khác không thể kể,
Phước này bất tư nghì,
Tiếng đồn khắp bốn phương,
Phước tạo hình tượng Phật.
Lành thay! Lành thay! Đại vương có nhiều lợi ích trời người nhớ ơn.

Bấy giờ vua Ưu-điền cực kỳ hoan hỷ không thể kềm được.

Thế Tôn diễn thuyết diệu luận cho bốn bộ chúng và năm vua. Những luận là Thí luận, Giới luận và Sanh thiên luận, dục là tưởng bất tịnh, lậu là hoạn lớn, xuất yếu là diệu.

Khi ấy, Thế Tôn biết bốn bộ chúng tâm ý khai mở. Chư Phật Thế Tôn thường thuyết pháp Khổ, Tập, Diệt, Đạo, nay thuyết hết cho họ. Bấy giờ,

trời và nhân dân hơn sáu vạn người, ngay tại chỗ ngồi, các trần cấu sạch, được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ năm vua bạch Thế Tôn:

- Xứ này phước đức vi diệu, thật là thần địa. Như Lai mới từ trời Đâu-suất xuống đây thuyết pháp. Nay con muốn kiến lập đất này khiến cho còn mãi không hoại.

Thế Tôn bảo:

- Năm Đại vương! Ở đất này hãy lập thần tự, mãi mãi hưởng phước trọn không hư bại.

Các vua đáp:

- Nên tạo lập thần tự ra sao?

Bấy giờ Thế Tôn duỗi tay phải, từ dưới đất xuất hiện chùa của Phật.

Ca-diếp nhìn năm vua bảo:

- Muốn tạo thần tự nên lấy đây làm phép tắc.

Khi đó, năm vua ở chỗ ấy dựng đại thần tự. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hằng sa Như Lai đời quá khứ, tùy tùng nhiều ít, cũng như hôm nay không khác. Ngay đến chư Phật Thế Tôn tương lai, tùy tùng nhiều ít, cũng như hôm nay không khác.

Nay kinh này tên là 'Pháp Bổn Du Thiên'. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ bốn bộ chúng và năm Quốc vương nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

---o0o---

XXXVII.1. Phẩm Lục trọng (1)

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy nên nhớ nghĩ pháp lục trọng, kính trọng, giữ mãi trong lòng đừng cho quên mất. Thế nào là sáu?

Ở đây Tỳ-kheo thân hành niệm từ, như ngắm hình trong gương, đáng kính, đáng quý, chớ cho quên mất.

Lại nữa, khẩu hành niệm từ, ý hành niệm từ, đáng kính, đáng quý, chớ cho quên mất.

Lại nữa, được các thứ pháp lợi, hay cùng các người Phạm hạnh dùng chung, cũng không có tưởng bỏn xẻn. Pháp này đáng kính, đáng quý, chớ để quên mất.

Lại nữa, có các cấm giới không hư không hại, rất hoàn toàn không thiếu sót, được người trí quý. Lại muốn cho giới này bủa khắp cho người khiến đồng mùi vị này. Pháp này đáng kính, đáng quý, chớ để quên mất.

Lại nữa chánh kiến Hiền Thánh được xuất yếu. Cái thấy như thế muốn các người Phạm hạnh cùng đồng pháp này, cũng đáng quý, chớ để quên mất.

Đó là, Tỳ-kheo! Có pháp lục trọng này, đáng kính, đáng quý, chớ để quên mất.

Thế nên, các Tỳ-kheo! Thường nên tu hành thân, khẩu, ý hành. Nếu được đồ lợi dưỡng, nên nhớ phân phát, chớ khởi tưởng tham. Như thế, các Tỳ-kheo nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở bên suối A-nậu-đạt, cùng đại chúng Tỳ-kheo năm trăm người câu hội, đều là A-la-hán, tam đạt lục thông, thần túc tự tại, tâm không sợ hãi, chỉ trừ một Tỳ-kheo là A-nan.

Bấy giờ Thế Tôn ngồi trên hoa sen vàng, bảy báu làm cọng, và năm trăm Tỳ-kheo ai nấy đều ngồi hoa sen báu. Khi đó, Long vương A-nậu-đạt đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên.

Long vương xem khắp thánh chúng xong, bạch Thế Tôn:

- Nay con xem trong chúng đây trống thiếu không đầy đủ, còn thiếu Tôn giả Xá-lợi-phất. Cúi mong Thế Tôn sai một Tỳ-kheo gọi Xá-lợi-phất đến đây.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất ở Tinh xá Kỳ Hoàn vá y cũ. Thế Tôn bảo Mục- liên:

- Ông đến chỗ Xá-lợi-phất bảo Xá-lợi-phất: 'Long vương A-nậu-đạt muốn gặp Thầy'.

Mục-liên đáp:

- Xin vâng Thế Tôn.

Khi ấy Tôn giả Đại Mục-liên như trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay đi đến Tinh xá Kỳ Hoàn, gặp Tôn giả Xá-lợi-phất bảo:

- Như Lai có dạy rằng: 'Long vương A-nậu-đạt muốn được gặp Thầy'.

Xá-lợi-phất đáp:

- Ông đi trước đi, tôi sẽ đến sau!

Mục-liên nói:

- Tất cả Thánh chúng và Long vương A-nậu-đạt ngóng đợi tôn nhan muốn được thấy mặt thầy, mong đi ngay chớ có trễ giờ.

Xá-lợi-phất đáp:

- Ông đến đó trước, tôi sẽ đến sau.

Mục-liên lập lại:

- Thế nào Xá-lợi-phất! Trong những người có thần túc, lại có thể hơn tôi chăng mà nay lại bảo tôi đi trước? Nếu Xá-lợi-phất không đứng dậy đi, tôi sẽ nắm tay bắt đến suối đó.

Khi ấy, Xá-lợi-phất nghĩ: 'Mục-liên tìm cách đùa thử ta đây!' Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất tự cởi dây kiệt-chi (lưng) để xuống đất, bảo Mục-liên rằng:

- Nếu Thầy là thần túc đệ nhất, thì bây giờ nhấc dây này khỏi mặt đất đi, rồi hãy nắm tay tôi dẫn đến suối A-nậu-đạt.

Mục-liên liền nghĩ: 'Nay Xá-lợi-phất lại đùa cợt ta, muốn thử nhau chăng? Nay Ông ta cởi dây lưng để trên đất nói: 'Có thể nhấc lên được sau mới nắm tay ta dẫn đến suối'. Mục-liên lại nghĩ: 'Đây ắt có nguyên nhân, chớ không thì đâu có khổ công vậy'.

Liền duỗi tay nắm dây nhấc lên, nhưng dây không nhúc nhích chút nào. Khi đó Mục-liên dùng hết sức dời sợi dây mà không thể khiến động đậy. Xá-lợi- phất bèn lấy dây này cột vào cành cây Diêm-phù, Tôn giả Mục-liên đem hết thần lực muốn nhấc sợi dây này mà không thể dời được. Ngay lúc nhấc sợi dây thì đất Diêm-phù chấn động mạnh.

Khi ấy Xá-lợi-phất bèn nghĩ: 'Tỳ-kheo Mục-liên còn có thể khiến cõi Diêm- phù chấn động, hà huống dây này. Nay ta nên cầm dây này cột vào hai thế giới'. Bấy giờ Mục-liên cũng lại nhấc nữa. Xá-lợi-phất lại cột dây vào ba thế giới, bốn thế giới, Mục-liên cũng có thể nhấc lên như nhấc chiếc áo nhẹ.

Bấy giờ Xá-lợi-phất lại nghĩ: 'Tỳ-kheo Mục-liên đủ sức nhấc bốn thế giới cũng không đáng kể. Nay ta cầm dây này cột vào lưng núi Tu-di'. Khi ấy Mục-liên lại có thể làm động núi Tu-di này và cung trời Tứ thiên vương, cung trời Tam thập tam thảy đều dao động.

Xá-lợi-phất lại đem dây này cột ngàn thế giới, Mục-liên cũng có thể làm chấn động. Xá-lợi-phất lại lấy dây này cột hai ngàn thế giới, ba ngàn thế giới cũng bị Mục-liên làm chấn động. Khi ấy đất trời chấn động mạnh, chỉ có Như Lai ngồi ở suối A-nậu-đạt

không di động, ví như lực sĩ đùa lá cây không khó khăn.

Khi ấy, Long vương A-nậu-đạt bạch Thế Tôn:

- Nay trời đất này cớ sao chấn động?

Thế Tôn nói rõ nguyên nhân cho Long vương:

Long vương bạch Phật:

- Thần lực của hai người này, ai hơn?

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thần lực lớn nhất.

Long vương bạch Phật:

- Thế Tôn trước có thọ ký rằng Tỳ-kheo Mục-liên thần túc đệ nhất, không ai hơn.

Thế Tôn bảo:

- Long vương! Ông nên biết có bốn thần túc. Thế nào là bốn? Tự tại tam- muội thần túc. Tinh tấn tam-muội thần túc. Tâm tam-muội thần túc. Giáo giới tam-muội thần túc. Này Long vương! Có sức của bốn thần túc này, Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni có bốn thần túc này, thân cận tu hành không buông bỏ. Đây tức là thần lực đệ nhất.

Long vương A-nậu-đạt bạch Phật:

- Tỳ-kheo Mục-liên không được bốn thần lực này sao?

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo Mục-liên cũng được bốn thần lực này, thân cận tu hành chẳng hề buông bỏ, Tỳ-kheo Mục-liên muốn trụ thọ mạng hết kiếp cũng có thể làm được. Nhưng tam-muội mà Xá-lợi-phất nhập, Tỳ-kheo Mục-liên không biết tên gọi.

Khi ấy Tôn giả Xá-lợi-phất lại nghĩ: 'Ba ngàn đại thiên quốc độ, Mục-liên đều có thể di chuyển, côn trùng bị chết không thể kể xiết. Nhưng chính ta nghe tòa của Như Lai không thể di động. Nay ta nên lấy dây này cột vào tòa của Như Lai'.

Bấy giờ Tôn giả Mục-liên lại dùng thần túc nhấc dây này lên, nhưng không nhúc nhích. Mục-liên bèn nghĩ: 'Không phải ta bị thối chuyển thần túc rồi sao mà nay nhấc dây này chẳng thể động đậy? Nay ta đến chỗ Thế Tôn, để hỏi nghĩa này'. Mục-liên bỏ sợi dây, dùng thần túc đến chỗ Thế Tôn, từ xa thấy Xá-lợi-phất ngồi trước Như Lai. Thấy rồi Mục-liên bèn nghĩ: 'Đệ tử Thế Tôn thần túc đệ nhất không ai hơn ta. Nhưng ta chẳng bằng Xá-lợi-phất sao?

Bấy giờ Tôn giả Mục-liên bạch Phật:

- Con đối với thần túc có bị thối chuyển không? Vì sao thế? Con từ Tinh xá Kỳ Hoàn đi trước, Xá-lợi-phất đi sau. Nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất lại đến trước, ngồi trước Như Lai.

Phật nói:

- Thần túc của Thầy không thối chuyển, nhưng pháp thần túc tam-muội mà Xá-lợi-phất nhập, Thầy không biết. Vì sao thế? Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trí tuệ không có hạn lượng, tâm được tự tại. Thầy không bằng Xá-lợi-phất theo tâm. Xá-lợi-phất tâm thần túc được tự tại. nếu Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tâm nghĩ đến gì liền được tự tại.

Đại Mục-liên tức thời im lặng. Khi ấy Long vương A-nậu-đạt hoan hỷ mừng rỡ không kềm được:

- Nay Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, rất có thần lực chẳng thể nghĩ nghì, khi nhập tam-muội, Tỳ-kheo Mục-liên chẳng biết tên gọi.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho Long vương A-nậu-đạt, khuyên bảo khiến cho hoan hỷ, liền ở đó thuyết giới. Sáng sớm Phật đem các Tỳ- kheo Tăng trở về thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Khi ấy, các Tỳ-kheo nói với nhau:

- Thế Tôn đích thân thọ ký, trong hàng Thanh văn của ta, người thần túc đệ nhất là Tỳ-kheo Mục-liên, nhưng hôm nay chẳng bằng Xá-lợi-phất.

Bấy giờ các Tỳ-kheo khởi tâm khinh mạn đối với Mục-liên. Đức Thế Tôn liền nghĩ: 'Các Tỳ-kheo này sanh tưởng khinh mạn đối với Mục-liên, sẽ chịu tội khó kể'.

Ngài bảo Mục-liên:

- Thầy hãy hiện thần lực cho đại chúng này xem, đừng để đại chúng khởi tưởng lười biếng.

Mục-liên đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ Mục-liên lạy Phật, rồi ở trước Như Lai biến mất, đi đến cách bảy hằng sa cõi Phật, ở phương Đông có Phật tên Kỳ Quang Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đó. Mục-liên dùng y phục bình thường đến cõi đó đi trên miệng bát. Nhân dân nước đó hình thể rất to lớn. Các Tỳ-kheo trông thấy Mục-liên rồi, nói với nhau:

- Các Thầy xem con sâu này giống như Sa-môn.

Các Tỳ-kheo bắt xuống đưa cho Phật.

- Thưa Thế Tôn! Nay có một con sâu giống Sa-môn.

Kỳ Quang Như Lai bảo các Tỳ-kheo:

- Phương Tây cách đây bảy hằng sa thế giới; cõi đó có Phật tên Thích-ca Văn Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Đây là đệ tử thần túc đệ nhất của Ngài.

Bấy giờ Phật kia bảo Tôn giả Mục-liên:

- Các Tỳ-kheo này khởi ý khinh mạn, Thầy hãy hiện thần lực cho đại chúng xem!

Mục-liên đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Mục-liên nghe lời Phật dạy, lấy bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo nước đó đem lên trời Phạm thiên. Khi ấy Mục-liên lấy chân trái để lên núi Tu-di, chân phải đặt lên trời Phạm thiên, rồi nói bài kệ:

Thường nên nhớ chuyên cần,
Tu hành nơi Phật pháp,
Hàng phục chúng ma oán,
Như điều phục được voi.
Nếu hay ở pháp này,
Năng hành không phóng dật,
Sẽ dứt nguồn mé khổ,
Không còn các não nữa.
Bấy giờ Như Lai dùng âm thanh này vang khắp tinh xá Kỳ Hoàn. Các Tỳ- kheo nghe xong đến bạch Phật:

- Mục-liên đứng ở đâu mà nói kệ này.

Thế Tôn bảo:

- Đây là Tỳ-kheo Mục-liên cách cõi Phật này bảy hằng sa thế giới về phía Đông, dùng bình bát đựng năm trăm Tỳ-kheo ở đó, chân trái bước lên núi Tu-di, chân phải đặt lên trời Phạm Thiên mà nói kệ này.

Các Tỳ-kheo khen:

- Chưa từng có, thật là kỳ đặc! Tỳ-kheo Mục-liên có đại thần túc thế mà chúng con khởi tâm coi thường Mục-liên. Cúi mong Thế Tôn khiến Mục- liên đem năm trăm Tỳ-kheo đến đây.

Khi ấy Thế Tôn từ xa hiện đạo lực khiến Tôn giả Mục-liên biết ý. Mục-liên bèn dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ Thế Tôn đang thuyết pháp cho mấy ngàn vạn chúng. Mục-liên đem năm trăm Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn. Đệ tử Phật Thích-ca Văn ngước nhìn các Tỳ-kheo ấy. Khi đó Tỳ-kheo ở thế giới phương Đông lễ chân Thế Tôn rồi ngồi một bên. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ấy rằng:

- Tỳ-kheo các Thầy từ đâu tới? Là đệ tử của ai? Đi đường hết bao lâu?

Năm trăm Tỳ-kheo kia bạch Phật Thích-ca Văn:

- Thế giới của chúng con nay ở phương Đông. Phật tên Kỳ Quang Như Lai, chúng con là đệ tử của Ngài. Nhưng nay chúng con chẳng biết từ đâu đến, đã trải qua mấy ngày!

Thế Tôn bảo:

- Các Thầy có biết thế giới của Phật chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa vâng, Thế Tôn! Chúng con muốn trở về cõi ấy.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo ấy:

- Nay Ta sẽ nói với các Thầy về pháp lục giới. Hãy khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy rồi.Thế Tôn bảo:

- Thế nào gọi là pháp lục giới? Này Tỳ-kheo! Nên biết sáu giới của người bẩm thọ tinh khí của cha mẹ mà sanh. Thế nào là sáu? Nghĩa là địa giới, thủy giới, hỏa giới, phong giới, không giới, thức giới. Đó là này Tỳ-kheo, có sáu giới này. Thân người nhân tinh huyết mà sanh lục nhập. Thế nào là sáu? Nghĩa là nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập. Đó là, này Tỳ-kheo, có sáu nhập này do cha mẹ mà có được. Đã nương theo sáu nhập liền có sáu thức. Thế nào là sáu? Nếu nương nhãn nhập thì có nhãn thức, rồi nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Đó là, này Tỳ-kheo, đây gọi là sáu thức thân.

Nếu có Tỳ-kheo hiểu sáu giới, sáu nhập, sáu thức này, có thể đến sáu cõi trời thọ nhân. Nếu ở đó hết tuổi thọ lại sanh cõi này, thông minh tài cao. Ở ngay thân hiện tại dứt hết kiết sử được đến Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Tôn giả Mục-liên:

- Nay Thầy đem các Tỳ-kheo này trở về cõi Phật kia.

Mục-liên đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Khi ấy, Mục-liên lại lấy bát đựng năm trăm Tỳ-kheo, nhiễu Phật ba vòng lui đi, như trong khoảng thời gian co duỗi cánh tay, đã đến cõi Phật kia. Bấy giờ Mục-liên thả các Tỳ-kheo ra, lễ chân Phật kia rồi trở về cõi Nhân này. Các Tỳ-kheo cõi kia nghe lục giới này rồi, các trần cấu sạch, được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng đệ tử Ta, Thanh văn thần túc đệ nhất khó ai theo kịp là Tỳ- kheo Đại Mục-kiền-liên.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Bạt-kỳ trong vườn Ngưu Sư Tử. Các Tỳ-kheo cao đức có thần túc là Hiền giả Xá-lợi-phất, Hiền giả Đại Mục-kiền-liên, Hiền giả Ca-diếp, Hiền giả Ly-việt, Hiền giả A-nan v.v... năm trăm người câu hội.

Khi ấy, Đại Mục-kiền-liên, Đại Ca-diếp, A-na-luật, sáng sớm đến chỗ Xá- lợi-phất. Tôn giả A-nan từ xa trông thấy ba Đại Thanh văn đến chỗ Xá-lợi- phất, liền bảo Tôn giả Ly-việt rằng:

- Ba Đại Thanh văn đi đến ngài Xá-lợi-phất, hai người chúng ta cũng nên đến chỗ Xá-lợi-phất. Vì sao thế? Để nghe ngài Xá-lợi-phất thuyết đầy đủ pháp kỳ diệu.

Ly-việt đáp:

- Việc này nên lắm!

Rồi Ly-việt, A-nan đến chỗ Xá-lợi-phất. Khi ấy Xá-lợi-phất nói:

- Kính chào chư Hiền! Mời đến đây ngồi!

Xá-lợi-phất bảo A-nan:

- Nay tôi có điều muốn hỏi, vườn Ngưu Sư Tử này rất vui thích, hương trời tự nhiên tỏa khắp bốn phương, làm sao khiến cho vườn này được vui thích?

A-nan đáp:

- Tỳ-kheo nghe nhiều chẳng quên, tổng trì nghĩa vị của các pháp, tu hành Phạm hạnh đầy đủ, những pháp như thế cũng không sót mất; vì bốn bộ chúng mà thuyết pháp, chẳng mất thứ lớp, cũng chẳng thô tháo, không có loạn tưởng. Như thế, Tỳ-kheo ở vườn Ngưu Sư Tử được vui thích.

Xá-lợi-phất bảo Ly-việt rằng:

- Hôm nay A-nan đã diễn thuyết rồi. Nay tôi lại muốn hỏi nghĩa Thầy. Vườn Ngưu Sư Tử vui thích như vậy. Nay Thầy hãy nói tiếp nghĩa ấy thế nào?

Ly-việt đáp:

- Ở đây Tỳ-kheo thích chỗ nhàn vắng, tư duy tọa Thiền, tương ưng với chỉ quán. Như thế Tỳ-kheo thích ở trong vườn Ngưu Sư Tử.

Khi ấy Xá-lợi-phất bảo A-na-luật:

- Nay Thầy nên nói nghĩa của vui thích.

A-na-luật đáp:

- Tỳ-kheo có thiên nhãn thấy suốt xem xét chúng sanh: người chết, người sanh, sắc lành, sắc ác, đường lành, đường dữ, hoặc đẹp, hoặc xấu, thảy đều biết hết. Hoặc có chúng sanh thân, miệng, ý làm ác; phỉ báng Hiền Thánh, thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý làm lành, chẳng phỉ báng Hiền Thánh, ví như sĩ phu quán không trung, thảy đều đầy đủ. Tỳ-kheo có thiên nhãn cũng lại như thế, xem xét thế giới chẳng có nghi nan. Như thế, Tỳ-kheo ở trong vườn Ngưu Sư Tử vui thích như thế.

Xá-lợi-phất bảo Ca-diếp:

- Nay tôi hỏi Thầy, chư Hiền như thế đã nói về nghĩa vui thích. Nay Thầy nên nói tiếp.

Ca-diếp đáp:

- Tỳ-kheo hành hạnh A-lan-nhã (tịch tịnh), lại dạy người khác khiến hành A- lan-nhã; tán thán đức của nhàn tịnh, thân mình mặc y chắm vá, lại dạy người khiến hành đầu đà. Thân tự tri túc ở chỗ nhàn cư, lại dạy người khác khiến tu hành này. Thân mình giới đức đầy đủ, tam-muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, lại dạy người khác khiến hành pháp này; tán thán pháp này rồi lại khuyến hóa; lại dạy người khác khiến hành pháp này, giáo huấn không chán. Như thế, Tỳ-kheo ở trong vườn Ngưu Sư Tử vui thích không gì sánh bằng.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất bảo Đại Mục-kiền-liên:

- Chư Hiền đã nói nghĩa vui thích. Nay Thầy nên nói tiếp nghĩa vui thích; vui thích trong vườn Ngưu Sư Tử vô song, nay Thầy muốn nói thế nào?

Mục-liên đáp:

- Ở đây, Tỳ-kheo có đại thần túc, đối thần túc được tự tại. Họ có thể biến hóa vô số sự việc không khó khăn; cũng hay phân một thân thành vô số thân, hoặc hợp lại làm thành một thân; vách đá đều qua được, vọt lên, biến mất tự tại cũng như thuyền lướt trên sông, chim bay trên không trung không dấu vết. Ví như lửa mạnh thiêu đốt núi rừng, cũng như mặt trời trăng không đâu chẳng chiếu; cũng có thể đưa tay sờ nhật nguyệt; cũng có thể hóa thân đến trời Phạm thiên. Như thế, Tỳ-kheo thích hợp ở trong vườn Ngưu Sư Tử.

Khi ấy Mục-liên bảo Xá-lợi-phất:

- Chúng tôi mỗi người tùy chỗ mà biện thuyết rồi, nay muốn hỏi nghĩa Xá- lợi-phất, vườn Ngưu Sư Tử rất là vui thích. Những Tỳ-kheo nào nên ở trong ấy.

Xá-lợi-phất nói:

- Tỳ-kheo có thể hàng phục tâm, mà tâm không thể hàng phục Tỳ-kheo. Nếu Tỳ-kheo ấy muốn được tam-muội tức thời Tỳ-kheo ấy được tam-muội, tùy ý

xa gần thành tam-muội, liền hay thành tựu đầy đủ. Ví như nhà Trưởng giả có y phục tốt đẹp đựng đầy rương. Bấy giờ Trưởng giả ấy muốn lấy loại y phục nào thì tùy ý lấy không khó khăn, cũng hay tùy ý nhập vào trong tam-muội. Đây cũng như thế, tâm hạnh khiến Tỳ-kheo, chẳng phải Tỳ-kheo hay khiến tâm, tùy ý vào tam-muội cũng không khó. Như thế Tỳ-kheo hay khiến tâm, chẳng phải tâm khiến Tỳ-kheo. Người như thế nên ở trong vườn Ngưu Sư Tử.

Bấy giờ Xá-lợi-phất bảo chư Hiền:

- Chúng ta đã tùy theo sự biện bác của mình mà nói, mỗi người tùy cách thức khéo thuyết nghĩa này. Nay chúng ta nên đến hỏi Thế Tôn: Tỳ-kheo thế nào thích ở trong vườn Ngưu Sư Tử? Nếu Thế Tôn có nói gì, chúng ta sẽ vâng làm.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Đúng vậy, Xá-lợi-phất.

Bấy giờ các đại Thanh văn đều dẫn nhau đến chỗ Thế Tôn, sau khi đến cúi lạy Thế Tôn rồi ngồi một bên. Các đại Thanh văn đem nhân duyên này bạch đầy đủ với Phật.

Khi ấy, Thế Tôn bảo:

- Lành thay! Như lời A-nan nói. Vì sao thế? Tỳ-kheo A-nan nghe pháp, hay tổng trì, gìn giữ hết các pháp, tu hành Phạm hạnh đầy đủ; pháp như thế khéo nghe không quên, cũng không tà kiến; thuyết pháp cho bốn bộ chúng, lời nói không lầm lẫn, cũng không thô bạo.

Tỳ-kheo Ly-việt thuyết cũng hay thay! Vì sao thế? Ưa ở chỗ nhàn vắng, không ở trong nhân gian, thường nhớ tọa Thiền, cũng không tranh tụng; tương ưng với chỉ quán, nhàn cư tịch tĩnh.

Tỳ-kheo A-na-luật cũng lại hay thay! Vì sao thế? Tỳ-kheo A-na-luật thiên nhãn đệ nhất. Thầy ấy dùng thiên nhãn quán sát tam thiên thế giới, giống như người có mắt xem hạt châu trong bàn tay; Tỳ-kheo A-na-luật cũng lại như thế. Thầy ấy dùng thiên nhãn quán tam thiên đại thiên thế giới, không có nghi nan.

Nay Tỳ-kheo Ca-diếp cũng lại hay thay! Vì sao thế? Tỳ-kheo Ca-diếp tự thân mình hành A-lan-nhã, lại hay tán thán hạnh nhàn cư. Thân hay khất thực, lại hay khen ngợi đức khất thực. Thân mặc y chằm vá, lại hay tán thán đức mặc y chằm vá. Thân mình tri túc, laị hay khen ngợi đức tri túc. Thân mình ở hang núi, lại tán thán đức ở hang núi. Thân mình giới thành tựu, tam- muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát kiến tuệ thành tựu, lại có thể dạy người thành tựu năm phần Pháp thân này. Thân có thể giáo hóa, lại có thể dạy người khiến hành pháp này.

Lành thay! Lành thay! Như lời Mục-liên nói. Vì sao thế? Tỳ-kheo Mục-liên có đại oai lực, thần túc đệ nhất, tâm được tự tại, ý muốn thân ấy làm gì thì có thể làm xong; hoặc hóa một thân phân làm vạn ức, hoặc hợp trở lại làm một; vách đá đều qua được không chướng ngại, ẩn hiện tự tại như vào nước không chướng ngại; như chim bay trong không, không có vết chân. Ví như nhật nguyệt không chỗ nào chẳng chiếu hay hóa thân đến trời Phạm thiên.

Lành thay! Như lời Xá-lợi-phất nói. Vì sao thế? Xá-lợi-phất hay hàng phục tâm, chẳng phải tâm hàng phục Xá-lợi-phất. Nếu lúc muốn nhập tam-muội, thì có thể thành tựu không có nghi nan. Ví như Trưởng giả có y phục tốt đẹp, tùy ý lấy không nghi nan; Tỳ-kheo Xá-lợi-phất cũng lại như thế, có thể hàng phục tâm, chẳng phải tâm có thể hàng phục Xá-lợi-phất; tùy ý nhập tam muội, thảy đều ở trước mắt.

Lành thay! Lành thay! Các Tỳ-kheo! Các Thầy mỗi người tùy theo phương tiện mà nói. Nhưng nay lại nghe ta nói: Tỳ-kheo thế nào vui ở vườn Ngưu Sư Tử?

Tỳ-kheo nương ở trong thôn xóm. Người ấy đến giờ đắp y, ôm bát vào làng khất thực, khất thực xong trở về chỗ ở, rửa tay, rửa mặt, ở dưới gốc cây chính thân, chính ý, ngồi kiết-già, cột niệm ở trước, Tỳ-kheo ấy nghĩ rằng: 'Nay ta ngồi tòa bất hoại, phải nên dứt hữu lậu thành tựu vô lậu'.

Bấy giờ Tỳ-kheo ấy tâm hữu lậu liền được giải thoát. Tỳ-kheo như thế thích hợp ở trong vườn Ngưu Sư Tử. Tỳ-kheo như thế chuyên cần tinh tấn, không có giải đãi, ở đâu cũng được sùng kính. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói về chú nguyện có sáu đức. Các Thầy hãy lắng nghe, khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Bấy giờ các Tỳ-kheo đã nhận lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

- Thế nào gọi là sáu đức? Ở đây đàn-việt thí chủ thành tựu ba pháp. Đàn-việt thí chủ thành tựu ba pháp thế nào? Ở đây đàn-việt thí chủ thành tựu tín căn, thành tựu giới đức, thành tựu sự nghe. Đó là đàn-việt thí chủ thành tựu ba pháp này. Pháp bố thí vật lại thành tựu ba pháp. Thế nào là ba? Là vật kia sắc thành tựu, vị thành tựu, hương thành tựu. Có ba pháp này. Đó là này Tỳ- kheo! Có sáu việc này đạt được công đức lớn, danh đức vang xa, đạt được quả báo cam lồ.

Thế nên, các Tỳ-kheo nếu muốn thành tựu sáu việc này, nên nhớ bố thí. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp cho vô số chúng. Khi ấy trên tòa có một Tỳ- kheo sanh ý niệm này: 'Mong Như Lai bảo cho ta những điều luận thuyết'. Khi đó Như Lai biết tâm của Tỳ-kheo ấy liền bảo các Tỳ-kheo'.

- Nếu có Tỳ-kheo sanh niệm này: 'Như Lai sẽ đích thân giáo huấn ta'. Tỳ- kheo ấy giới thanh tịnh, không có vết nhơ, tu hành chỉ quán, ưa chỗ nhàn vắng. Nếu Tỳ-kheo ấy ý muốn cầu y phục, thức ăn uống' giường chõng, thuốc men, cũng phải nên giới đức thành tựu, ở chỗ vắng vẻ mà tự tu hành, tương ưng với chỉ quán. Nếu Tỳ-kheo ấy ý muốn tri túc, nên nhớ đức đầy đủ, ở chỗ nhàn vắng tự tu hành, tương ứng với chỉ quán.

Nếu Tỳ-kheo ấy muốn bốn bộ chúng, Quốc vương, nhân dân, các loại hữu hình trông thấy và hiểu biết mình; thì nên nhớ giới đức đầy đủ.

Nếu Tỳ-kheo ấy ý muốn cầu Tứ thiền, khoảng giữa không có tâm hối hận, cũng không biến đổi thì nên nhớ giới đức thành tựu.

Nếu Tỳ-kheo muốn cầu tứ thần túc thì cũng nên giới đức đầy đủ.

Nếu Tỳ-kheo ý lại muốn cầu tám môn giải thoát không chướng ngại thì nên nhớ giới đức đầy đủ.

Nếu Tỳ-kheo ý lại muốn cầu thiên nhĩ nghe suốt hết tiếng trời người thì nên nhớ giới đức đầy đủ.

Nếu Tỳ-kheo ý muốn biết ý nghĩ trong tâm người khác, các căn thiếu sót thì cũng nên nhớ giới đức đầy đủ.

Nếu Tỳ-kheo ấy ý muốn cầu biết tâm ý chung sanh, tâm có dục, tâm không dục, tâm có sân hận, tâm không sân giận, tâm có ngu si, tâm không ngu si, như thực mà biết; tâm có ái, tâm không ái, tâm có thọ, tâm không thọ, như thực mà biết; tâm có loạn, tâm không loạn; tâm tật đố, tâm không tật đố; tâm nhỏ hẹp, tâm không nhỏ hẹp; tâm có hạn lượng, tâm không hạn lượng; tâm có độ, tâm không độ; tâm có tam-muội, tâm không tam-muội; tâm có giải thoát, tâm không giải thoát, như thực mà biết; muốn được như thế, nên nhớ giới đức đầy đủ.

Nếu Tỳ-kheo ý muốn được vô lượng thần túc phân một thân thành vô số, lại hợp trở lại thành một; xuất hiện biến mất tự tại, hóa thân cho đến Phạm thiên thì nên nhớ giới đức đầy đủ.

Nếu lại Tỳ-kheo ý muốn cầu tự nhớ việc vô số kiếp đời trước, hoặc một đời, hai đời, cho đến ngàn đời, trăm ngàn ức đời, kiếp thành kiếp hoại, kiếp thành hoại không thể tính kể: 'Ta từng chết đây sanh kia tên gì họ gì, hoặc từ nơi

kia chết, đến sanh nơi đây'; tự nhớ việc vô số kiếp như thế thì nên nhớ giới đức đầy đủ, mà không có niệm khác.

Nếu lại, Tỳ-kheo ý muốn cầu thiên nhãn thấy suốt, quán chúng sanh đường lành, đường ác, sắc lành sắc ác, hoặc đẹp hoặc xấu, như thực mà biết; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý làm ác, phỉ báng Hiền thánh, thân hoại mạng chung sanh trong địa ngục; hoặc lại có chúng sanh thân, miệng, ý làm lành, chẳng phỉ báng Hiền Thánh, tâm ý chánh kiến, thân hoại mạng chung sanh cõi lành lên trời; nếu muốn như thế thì nên nhớ giới đức đầy đủ.

Lại nữa, nếu Tỳ-kheo ý muốn cầu dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không tái sanh nữa, như thực mà biết thì nên nhớ giới đức đầy đủ, trong từng suy nghĩ không có loạn tưởng, ở nơi vắng vẻ thì Tỳ-kheo ấy nên nhớ giới đức đầy đủ, không có các niệm khác, oai nghi thành tựu đầy đủ, lỗi nhỏ thường sợ, huống là lỗi lớn.

Nếu có Tỳ-kheo ý muốn cùng luận đàm với Như Lai thì nên thường nhớ giới đức đầy đủ; giới đức đã đầy đủ nên nhớ văn đầy đủ, văn đã đầy đủ nên nhớ thí đầy đủ, thí đã đầy đủ nên nhớ trí tuệ đầy đủ, giải thoát tri kiến thảy đều đầy đủ.

Nếu có Tỳ-kheo giới thân, định thân, tuệ thân, giải thoát thân, giải thoát tri kiến thân đầy đủ, liền được thiên long, quỷ thần thấy biết cúng dường, đáng kính, đáng quý, trời người phụng sự.

Thế nên, Tỳ-kheo nên nhớ ngũ phần pháp thân đầy đủ là ruộng phước của đời, không ai có thể hơn được. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

---o0o---

XXXVII.2. Phẩm Lục trọng (2)

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn; cúi lạy Thế Tôn rồi ngồi một bên. Khi ấy, Xá-lợi-phất bạch Thế Tôn:

- Nay con đã nhập hạ ở thành Xá-vệ rồi, ý muốn đi du hóa trong nhân gian.

Thế Tôn bảo:

- Nay chính phải thời.

Xá-lợi-phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy và lui đi. Xá-lợi-phất đi chưa bao lâu, có một Tỳ-kheo ôm lòng phỉ báng, bạch Thế Tôn rằng:

- Xá-lợi-phất tranh cãi với các Tỳ-kheo mà không sám hối, nay lại du hành trong nhân gian.

Bấy giờ Thế Tôn bảo một Tỳ-kheo:

- Thầy mau đem lời Ta gọi Xá-lợi-phất đến!

Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Phật dạy Tôn giả Mục-liên và Tôn giả A-nan:

- Các Thầy mời các Tỳ-kheo trong các phòng đến chỗ Thế Tôn. Vì sao thế? Xá-lợi-phất nhập tam-muội, nay sẽ ở trước Như Lai rống tiếng sư tử.

Các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, ai nấy đều tụ tập chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Khi ấy Tỳ-kheo kia vâng lời Phật dạy đi đến chỗ Xá-lợi-phất, bảo Xá-lợi-phất:

- Như Lai muốn gặp Tôn giả.

Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn; cúi lạy Thế Tôn rồi ngồi một bên. Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Thầy vừa đi chưa bao lâu, có một Tỳ-kheo hạnh nhơ đến chỗ Ta, bạch Ta rằng: 'Tỳ-kheo Xá-lợi-phất tranh cãi với các Tỳ-kheo mà không sám hối, lại du hóa trong

nhân gian'. Xem xét có thực vậy không?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Như Lai tự biết việc này.

Như Lai bảo:

- Ta tự biết rồi, nhưng nay đại chúng hoài nghi. Nay Thầy ở trong đại chúng, nên tự biện minh mình trong sạch.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Con từ khi sanh ra đến nay tuổi vừa tám mươi, mỗi lúc tự suy nghĩ: chưa từng sát sanh, cũng không nói dối, ngay cho khi đùa bỡn cũng không nói dối, cũng lại chưa hề cãi cọ kia đây. Ví thử lúc không chuyên ý, có thể làm điều này. Bạch Thế Tôn! Nay con tâm ý thanh tịnh há lại cùng người Phạm hạnh đấu tranh sao?

Cũng như đất này, chấp nhận vật sạch và cũng nhận vật không sạch, phân tiểu dơ uế thảy đều nhận cả, máu mủ đờm dãi trọn chẳng chống nghịch. Song đất này cũng chẳng nói xấu, cũng không nói tốt. Con cũng như vậy, bạch Thế Tôn! Tâm con không di động, há lại cùng người Phạm hạnh tranh cãi mà bỏ đi xa ư? Người tâm không chuyên thì mới như thế. Nay con tâm chánh, đâu lẽ cùng người Phạm hạnh tranh cãi mà bỏ đi xa ư?

Cũng như nước có thể rửa sạch vật tốt, cũng có thể rửa sạch vật xấu. Nước ấy cũng chẳng nghĩ rằng: 'Ta rửa sạch cái này, bỏ cái này'. Con cũng như thế, không có tưởng khác; há lại cùng người Phạm hạnh tranh cãi mà bỏ đi xa ư?

Ví như lửa mạnh đốt cháy núi rừng chẳng chọn tốt xấu, trọn không tưởng niệm. Con cũng như thế, há nên có ý cùng người Phạm hạnh tranh cãi sao?

Cũng như chổi quét không chọn tốt xấu, đều có thể quét sạch trọn không tưởng niệm. Giống như bò bị cưa hai sừng, hết sức hiền lành không có hung bạo; khéo có thể dẫn dắt, tùy ý đi đâu, trọn không nghi nan. Thật vậy, Thế

Tôn! Tâm con như thế, cũng không khởi tưởng có điều làm thương tổn, há lại cùng người Phạm hạnh tranh cãi mà đi xa ư?

Cũng như cô gái Chiên-đà-la mặc áo cũ rách, ở trong nhân gian xin ăn cũng không cấm kỵ. Con cũng như thế, bạch Thế Tôn! Cũng không tưởng niệm sẽ khởi tranh tụng mà đi xa.

Cũng như chảo mỡ rỉ chảy khắp nơi, người có mắt thảy đều trông thấy mọi chỗ rỉ ra. Con cũng như thế, Thế Tôn! Trong chín lỗ rỉ chảy ra bất tịnh, há nên cùng người Phạm hạnh tranh cãi?

Ví như người nữ tuổi trẻ đoan chánh, lại lấy thây chết buộc vào cổ mình rồi chán ghét nó. Thế Tôn! Con cũng như thế, chán ghét thân này như thế không khác, há nên cùng người Phạm hạnh tranh cãi mà đi xa sao? Việc này chẳng đúng.

Thế Tôn nên tự biết cho. Tỳ-kheo kia cũng nên biết cho. Nếu có việc này, mong Tỳ-kheo ấy nhận sự sám hối của con.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo kia:

- Nay Thầy phải tự hối lỗi. Vì sao thế? Nếu không hối lỗi, đầu sẽ bể làm bảy mảnh.

Khi ấy, Tỳ-kheo kia sợ hãi, lông áo dựng đứng; liền từ chỗ ngồi đứng lên lễ chân Như Lai, bạch Thế Tôn:

- Nay con tự biết đã xúc phạm Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi mong Thế Tôn cho con sám hối.

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo! Thầy hãy tự hướng về Xá-lợi-phất sám hối, nếu không đầu sẽ bể làm bảy mảnh.

Tỳ-kheo ấy liền hướng về Xá-lợi-phất cúi lạy và bạch Xá-lợi-phất rằng:

- Cúi mong ngài cho tôi sám hối, vì tôi ngu, không phân biệt lẽ chân thật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Nay Thầy nên nhận Tỳ-kheo này hối lỗi, lại lấy tay xoa đầu thầy ấy. Vì sao thế? Nếu không cho Tỳ-kheo này sám hối, đầu Thầy ấy sẽ bể làm bảy mảnh.

Xá-lợi-phất lấy tay xoa đầu Tỳ-kheo, bảo rằng:

- Chấp nhận cho Thầy sám hối. Như ngu như mê, trong Phật pháp này rất là rộng lớn; lại có thể tùy thời hối lỗi. Lành thay! Nay cho Thầy sám hối, sau chớ phạm nữa.

Như thế ba lần. Bấy giờ Xá-lợi-phất bảo Tỳ-kheo kia rằng:

- Thầy chớ phạm nữa! Vì sao thế? Có sáu pháp vào địa ngục, sáu pháp sanh lên trời, sáu pháp đến Niết-bàn.

Thế nào là sáu pháp vào địa ngục? Muốn hại người khác; ta đã khởi tâm hại này liền hoan hỉ, hớn hở không thể dừng được; ta sẽ dạy người khiến hại người khác; trong đó khởi tâm hại; đã hại được người trong đó khởi hoan hỷ: 'Ta sẽ được tiếng tăm không tốt này'; chưa khởi việc này, liền ôm sầu lo. Đó là có sáu pháp này khiến người đọa đường ác.

Thế nào là sáu pháp khiến người đến chỗ lành? Nghĩa là thân giới đầy đủ, khẩu giới đầy đủ, ý giới đầy đủ, mạng căn thanh tịnh, không tâm sát hại, không tâm tật đố. Đó là có sáu pháp này sanh ở cõi lành.

Thế nào là tu sáu pháp đến Niết-bàn? Nghĩa là sáu pháp nghĩ nhớ. Thế nào là sáu? Nghĩa là thân hành từ, không tỳ vết; miệng hành từ không tỳ vết; ý hành từ không tỳ vết; nếu được lợi dưỡng hay chia cho mọi người không có lẫn tiếc; phụng trì cấm giới không tỳ vết; được người trí quý mến. Giới như thế có thể đầy đủ. Có các tà kiến, chánh kiến, Hiền Thánh xuất yếu có thể được dứt gốc khổ; các kiến như thế thảy đều phân biệt rành. Đó là sáu nên cầu phương tiện tu hành sáu pháp này. Như thế, các Tỳ-kheo,

nên học điều này.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia lại từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ chân Tôn giả Xá-lợi-phất một lần nữa:

- Nay con lại xin sám hối, như kẻ ngu mê, không phân biệt được chân thật. Cúi mong ngài Xá-lợi-phất cho con hối lỗi. Sau này con không phạm nữa.

Xá-lợi-phất nói:

- Cho Thầy hối lỗi. Trong pháp Hiền Thánh rất là quảng đại, phải tự sửa lỗi cũ, tu chính mới, chớ có phạm nữa.

Bấy giờ Tỳ-kheo kia nghe Xá-lợi-phất nói xong, hoan hỉ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ thuyết về pháp đệ nhất tối không. Các Thầy khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn.

Bấy giờ các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Phật bảo:

- Sao gọi là pháp đệ nhất tối không? Nếu lúc mắt khởi thì khởi, cũng chẳng thấy chỗ đến; lúc diệt thì diệt cũng không thấy chỗ diệt, trừ pháp giả hiệu nhân duyên. Thế nào là giả hiệu nhân duyên? Nghĩa là cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì cái kia sanh, vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên sầu lo, khổ não, chẳng thể tính kể. Như thế Khổ ấm thành tựu nhân duyên này.

Không đây là không kia, đây diệt thì kia diệt; vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì tử diệt, tử diệt thì sầu lo khổ não thảy đều diệt; tận trừ pháp giả hiệu.

Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như thế; lúc khởi thì khởi cũng không biết chỗ đến, lúc diệt thì diệt cũng không biết chỗ diệt, trừ pháp giả hiệu. Pháp giả hiệu là đây khởi thì khởi, đây diệt thì diệt.

Sáu nhập này cũng không người tạo tác; cũng là pháp danh sắc lục nhập. Do cha mẹ mà có thai, cũng không nhân duyên mà có. Đây cũng giả hiệu. Chỉ cần trước có đối đãi sau bèn có. Ví như dùi cây kiếm lửa. Vì trước có đối đãi, sau mới có lửa sanh, lửa cũng chẳng từ cây ra, cũng chẳng lìa cây. Nếu lại có người chẻ cây tìm lửa, cũng chẳng thể

được, đều do nhân duyên hội họp rồi sau có lửa. Sáu tình này khởi bệnh cũng lại như thế, đều do nhân duyên hội họp, trong đó khởi bệnh. Lúc sáu nhập này khởi thì khởi cũng chẳng thấy chỗ đến, lúc diệt thì diệt, cũng chẳng thấy chỗ diệt, trừ pháp giả hiệu này. Nhân do cha mẹ hội họp mà có.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Trước hết thọ bào thai,
Dần dần như váng sữa,
Rồi lại như cục thịt,
Sau chuyển như tượng hình.
Trước sanh đầu, cổ, ót,
Dần sanh tay, chân, ngón,
Chi tiết mỗi mỗi sanh,
Tóc, lông, móng, răng thành.
Nếu lúc mẹ ăn uống,
Các thứ món ăn ngon,
Tinh khí làm sống mạng,
Nguồn gốc của thọ thai.
Hình thể đã hoàn thành,
Các căn không thiếu sót,
Do mẹ được sanh ra,
Thọ thai khổ như thế.

Tỳ-kheo nên biết, do nhân duyên hội họp mà có thân này. Lại nữa, Tỳ-kheo! Trong một thân người có ba trăm sáu mươi đốt xương, chín vạn chín ngàn lỗ chân lông, năm trăm mạch máu, năm trăm gân, tám vạn hộ trùng. Tỳ-kheo nên biết! Thân lục nhập có tai biến như thế. Tỳ-kheo nên nhớ tư duy họa hoạn như thế. Ai tạo xương này? Ai hợp gân mạch này? Ai tạo tám vạn hộ trùng này?

Bấy giờ, Tỳ-kheo nghĩ suy điều này, liền đạt nhị quả, A-na-hàm hoặc A-la- hán. Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ:

Ba trăm sáu mươi xương,
Ở trong thân người này,
Chư Phật đã diễn nói,
Nay Ta cũng nói thế.
Gân có năm trăm sợi,
Số mạch cũng như thế,
Trùng có tám vạn thứ,
Chín vạn chín ngàn lông.
Nên quán thân như thế,
Tỳ-kheo cần tinh tấn,
Mau được đạo La-hán,

Và đến được Niết-bàn.
Pháp này đều không tịch.
Chỗ tham của người ngu.
Người trí tâm vui vẻ,
Nghe pháp bốn 'không' này.
Này Tỳ-kheo! Đây gọi là pháp đệ nhất tối không. Ta vì các Thầy nói về pháp tu hành của Như Lai. Nay ta đã khởi tâm từ bi thương xót, việc Ta làm đã xong. Các Thầy thường nên nhớ tu hành pháp này. Ở chỗ vắng vẻ, ngồi Thiền tư duy, chớ có giải đãi. Nay không tu hành sau hối hận vô ích. Đây là lời giáo huấn của Ta. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn cùng thăm hỏi, ngồi một bên. Khi ấy, Phạm chí bạch Thế Tôn:

- Cù-đàm! Dòng Sát-lợi nay ý muốn cầu điều gì? Có hạnh nghiệp gì? Theo giáo lý nào? Cứu cánh việc gì?

Bà-la-môn ý muốn việc gì? Có hành nghiệp gì? Theo giáo lý nào? Cứu cánh việc gì?

Quốc vương ngày nay ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Theo giáo lý nào? Cứu cánh việc gì?

Đạo tặc ngày nay ý muốn cầu gì? Có hành nghiệp gì? Theo giáo lý nào? Cứu cánh việc gì?

Người nữ ý muốn cầu gì? Có hạnh nghiệp gì? Nghe giáo lý nào? Rốt ráo việc gì?

Bấy giờ Thế Tôn bảo Phạm chí:

- Dòng Sát-lợi thường ưa đấu tranh, nhiều kỹ thuật, ưa làm việc muốn cho rốt ráo không nghỉ giữa chừng.

Phạm chí hỏi:

- Phạm chí ý muốn cầu gì?

Thế Tôn bảo:

- Phạm chí ý thích chú thuật, cần ở nhà, thích chỗ vắng vẻ, ý để nơi Phạm thiên.

Phạm chí lại hỏi:

- Quốc vương cầu việc gì?

Thế Tôn bảo:

- Phạm chí nên biết! Ý vua muốn được việc nước, ý để nơi binh đao gậy gộc, tham đắm tài bảo.

Phạm chí lại hỏi:

- Trộm cướp ý muốn gì?

Thế Tôn bảo:

- Trộm thì có ý trộm cắp, tâm để chỗ gian tà, ý muốn khiến người không biết việc làm của mình.

Phạm chí lại hỏi:

- Người nữ ý muốn cầu gì?

Thế Tôn bảo:

- Người nữ ý để nơi người nam, tham đắm tài bảo, tâm ràng buộc việc nam nữ, tham dục tự do.

Bấy giờ Phạm chí bạch Thế Tôn:

- Thật là kỳ đặc! Thế Tôn biết hết bao nhiêu sự biến đổi, như thật không dối. Hôm nay Tỳ-kheo ý muốn cầu gì?

Thế Tôn bảo:

- Giới đức đầy đủ, tâm dạo nơi đạo pháp, ý để nơi Tứ đế, muốn đến Niết- bàn. Đó là điều mong cầu của Tỳ-kheo.

Phạm chí Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

- Đúng vậy, Thế Tôn! Việc làm của Tỳ-kheo ý không thể di chuyển. Nghĩa ấy thật như vậy. Thưa Cù-đàm! Niết-bàn ấy thật là vui thích. Như Lai nói đã nhiều. Ví như người mù được thấy, người điếc được nghe, ở chỗ tối thấy sáng, ngày nay Như Lai nói cũng như thế, không có khác. Nay tôi việc nước bận rộn, muốn trở về.

Thế Tôn bảo:

- Nên biết đúng thời.

Khi ấy Phạm chí Sanh Lậu liền đứng dậy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi.

Bấy giờ, Phạm chí Sanh Lậu nghe Phật nói xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên.

Khi ấy Phạm chí bạch Thế Tôn:

- Trong đây có Tỳ-kheo chăng? Làm sao được tu Phạm hạnh không có thiếu sót? Và thanh tịnh tu Phạm hạnh?

Thế Tôn bảo:

- Nếu có người giới luật đầy đủ không phạm điều gì, đấy gọi là thanh tịnh tu hành Phạm hạnh. Lại nữa, Phạm chí! Nếu có mắt thấy sắc mà không khởi tưởng dính mắc, không khởi thức niệm; trừ ác tưởng, bỏ pháp bất thiện, nhãn căn được toàn vẹn. Đó là người này thanh tịnh tu Phạm hạnh. Nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết xúc chạm, ý biết pháp đều không thức tưởng, không khởi tưởng niệm, thanh tịnh được tu Phạm hạnh, ý căn được toàn vẹn; người như thế tu Phạm hạnh không có thiếu sót.

Bà-la-môn bạch Phật:

- Những người nào không tu Phạm hạnh? Không đầy đủ hạnh thanh tịnh?

Thế Tôn bảo:

- Nếu có người cùng hội họp, đây gọi là không phải Phạm hạnh.

Bà-la-môn bạch Phật:

- Những người nào sơ sót không hành đầy đủ?

Thế Tôn bảo:

- Nếu có người cùng nữ nhân giao tiếp, hoặc đụng chạm tay chân, ấp ủ trong lòng không quên mất; đó là này Phạm chí, không hành đầy đủ, rơi vào các dâm dật, tương ưng với dâm, nộ, si. Lại nữa Phạm chí! Hoặc cùng nữ nhân đùa bỡn nói năng qua lại; đó là, này Phạm chí người này hành không đầy đủ,

rơi vào dâm, nộ, si. Phạm hạnh chẳng đầy đủ để tu hành thanh tịnh. Lại nữa Phạm chí! Nếu có nữ nhân dùng mắt ác nhìn nhau mà không di chuyển, trong đó liền khởi tưởng dâm, nộ, si, sanh các loạn niệm; đó là, Phạm chí, người này Phạm hạnh chẳng sạch, chẳng tu Phạm hạnh. Lại nữa, Phạm chí! Hoặc có người nghe xa xa, hoặc nghe tiếng khóc, hoặc nghe tiếng cười, trong đó khởi dâm, nộ, si, khởi các loạn tưởng; đó là Phạm chí, người này chẳng thanh tịnh tu Phạm hạnh, tương ưng với dâm, nộ, si, hạnh không hoàn toàn. Lại nữa Phạm chí! Nếu có người từng thấy nữ nhân, sau lại khởi tưởng, nhớ đến đầu mắt cô gái, trong đó khởi tưởng, ở chỗ vắng vẻ sanh dâm, nộ, si, tương ưng với ác hạnh; đó là, Phạm chí người này chẳng tu Phạm hạnh.

Khi ấy, Phạm chí Sanh Lậu bạch Thế Tôn:

- Rất là kỳ đặc! Sa-môn Cù-đàm này cũng biết Phạm hạnh, cũng biết chẳng phải Phạm hạnh; cũng biết lậu hạnh, cũng biết bất lậu hạnh. Vì sao thế? Nay tôi cũng sanh niệm này: 'Có những người cùng nữ nhân đụng chạm tay chân, khởi các loạn tưởng'. Tôi liền sanh niệm này: 'Người này hạnh chẳng thanh tịnh, tương ứng với dâm, nộ, si'. Đệ nhất thọ lạc là nữ nhân vậy. Đáng ham muốn đệ nhất là mắt mắt nhìn nhau. Và nữ nhân ấy hoặc nói, hoặc cười ràng buộc đàn ông, hoặc cùng nói chuyện ràng buộc đàn ông. Khi

ấy tôi liền sanh niệm này: 'Sáu điều này người trọn hành hạnh chẳng thanh tịnh'.

Hôm nay Như Lai nói đã nhiều. Ví như người mù được mắt, người mê thấy đường, người ngu nghe đạo, người có mắt thấy sắc; Như Lai thuyết pháp cũng lại như thế. Nay con tự quy y Phật, Pháp, Tăng chúng. Từ nay về sau con không sát sanh nữa, cúi mong Thế Tôn nhận con làm Ưu-bà-tắc.

Bấy giờ Phạm chí nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong rừng phía ngoài thành Tỳ-xá-ly cùng chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ Tôn giả Mã Sư đến giờ đắp y, ôm bát vào thành khất thực. Khi ấy Ni-kiền Tử Tát-giá xa thấy Mã Sư đến, liền nói với Mã Sư rằng:

- Thầy Ông thuyết những nghĩa gì? Có những giáo giới gì? Dùng lời dạy gì cho đệ tử?

Mã Sư đáp:

- Phạm chí! Sắc là vô thường, vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không. Không là kia không phải sở hữu của ta, ta không phải sở hữu của kia. Như thế là điều người trí học, thọ, tưởng, hành, thức vô thường; ngũ thạnh ấm này vô thường, vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không. Không là kia không phải sở hữu của ta, ta không phải sở hữu của kia. Ông muốn biết thì Thầy ta giáo giới nghĩa như thế, thuyết cho các đệ tử nghĩa như thế.

Khi ấy Ni-kiền Tử lấy hai tay bịt tai lại nói rằng:

- Thôi! Thôi! Mã Sư! Tôi không ưa nghe nói vậy. Nếu Sa-môn Cù-đàm có dạy vậy, tôi thực chẳng ưa nghe. Vì cớ sao? Như nghĩa của tôi: sắc là thường, nghĩa của Sa-môn là vô thường. Hôm nào sẽ gặp Sa-môn Cù-đàm để cùng luận nghị, sẽ trừ tâm điên đảo của Sa-môn Cù-đàm.

Bây giờ trong thành Tỳ-xá-ly có năm trăm đồng tử tụ tập một chỗ nhóm bàn luận. Ni-kiền Tử đến chỗ năm trăm đồng tử, bảo đồng tử rằng:

- Các em hãy cùng đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Vì sao thế? Ý ta muốn cùng Sa-môn kia thảo luận, khiến Sa-môn kia thấy được đạo chánh đế. Sa-môn nói sắc là vô thường nhưng như nghĩ của ta sắc là thường. Ví như lực sĩ tay nắm dê lông dài, tùy ý dẫn đi khắp nơi không nghi nan; nay ta cũng lại như thế, cùng Sa-môn kia luận nghị, tùy ta buông bắt không có nghi nan. Ví như voi mạnh hung bạo có sáu ngà ở trong núi sâu đùa chơi không khó gì; nay ta cũng lại như thế, cùng Sa-môn ấy luận nghị không có nghi nan. Ví như hai trượng phu mạnh mẽ bắt một người yếu đuối, đặt trên lửa nướng tùy ý xoay trở cũng không khó khăn; nay ta cùng ông ấy luận nghĩa cũng không nghi nan. Trong luận nghị của ta, voi còn có thể bị hại huống là người; cũng hay khiến voi chạy Đông, Tây, Nam, Bắc há không bằng người sao? Nay kèo cột trong giảng đường

này là vật vô tình còn có thể khiến cho di chuyển, hà huống cùng người luận nghị có thể thắng được ta? Ta sẽ khiến ông ấy phun máu từ mặt mũi ra mà chết.

Trong nhóm đó, hoặc có đồng tử nói:

- Ni-kiền Tử trọn chẳng thể luận nghị với Sa-môn, chỉ e Sa-môn Cù-đàm sẽ luận nghị lại Ni-kiền Tử.

Hoặc có người nói:

- Sa-môn chẳng thể cùng Ni-kiền Tử luận nghị; Ni-kiền Tử có thể cùng Sa- môn luận nghị.

Khi ấy Ni-kiền Tử liền nghĩ rằng: 'Nếu khiến Sa-môn Cù-đàm nói như Tỳ- kheo Mã Sư thì đủ cho ta đối đầu. Nếu lại có nghĩa khác thì nghe xong sẽ biết'.

Ni-kiền Tử liền dẫn năm trăm đồng tử, trước sau vây quanh đến chỗ Thế Tôn, thăm hỏi xong ngồi xuống một bên.

Khi ấy, Ni-kiền Tử bạch Thế Tôn:

- Thế nào, Cù-đàm có giáo giới gì, dùng giáo giới gì dạy các đệ tử?

Phật bảo Ni-kiền Tử:

- Điều của Ta nói sắc là vô thường, vô thường tức là khổ, khổ tức là vô ngã, vô ngã tức là không, không tức là kia không phải (do) sở hữu của ta, ta không phải sở hữu của kia; thọ, tưởng, hành, thức, năm thạnh ấm thảy đều vô thường, vô thường tức là khổ, khổ thì vô ngã, vô ngã là không. Không là kia không sở hữu của ta, ta không phải sở hữu của kia. Giáo giới của Ta, nghĩa này như vậy.

Ni-kiền Tử đáp:

- Tôi chẳng ưa nghe nghĩa này. Vì cớ sao? Như tôi hiểu nghĩa, sắc là thường.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ông hãy chuyên tâm ý, tư duyên về diệu lý, sau hãy nói.

Ni-kiền Tử nói:

- Nay tôi nói sắc là thường, năm trăm đồng tử này, nghĩa này cũng thế.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ông nói sắc là thường, năm trăm đồng tử này nghĩa cũng vậy.

Thế Tôn lại bảo:

- Nay Ông đã tự mình biện thuyết, vì sao lại dẫn năm trăm người kia?

Ni-kiền Tử đáp:

- Nay tôi nói sắc là thường. Sa-môn muốn nói năng những gì?

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta nói: sắc là vô thường cũng lại vô ngã; tạm dối hội họp có sắc này; cũng không chân thật, không chắc chắn cũng như đám tuyết, là pháp môn diệt, là pháp biến đổi. Nay Ông vừa nói sắc là thường. Ta lại hỏi Ông, hãy tùy ý đáp Ta.

Thế nào Ni-kiền Tử? Chuyển luân Thánh vương lại ở nước mình được tự tại không? Lại Đại vương ấy, người không đáng chết mà giết chết, người không đáng trói lại trói, có được không?

Ni-kiền Tử đáp:

- Thánh Vương này có sức tự tại ấy. Người chẳng đáng giết có thể giết, người chẳng đáng trói có thể trói.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương sẽ lại già chăng? Đầu bạc, mặt nhăn, áo quần dơ bẩn?

Khi ấy Ni-kiền Tử làm thinh chẳng đáp. Thế Tôn hỏi hai ba lần. Ông ta cũng hai ba phen làm thinh chẳng đáp. Khi ấy lực sĩ Kim Cang Mật Tích, tay cầm chày kim cang, ở trên hư không bảo:

- Nay Ông không đáp lại luận này, thì ở trước Như Lai, ta sẽ đập đầu Ông thành bảy mảnh.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Ni-kiền Tử:

- Ông hãy nhìn lên hư không.

Ni-kiền Tử ngước nhìn không trung, thấy lực sĩ Kim Cang Mật Tích, lại nghe nói giữa không: 'Ông không đáp luận của Như Lai, ta sẽ đập đầu Ông bể làm bảy mảnh'. Ni-kiền Tử thấy rồi kinh sợ, áo lông dựng lên, bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Cù-đàm, hãy cứu giúp cho. Nay hãy hỏi luận, tôi sẽ đáp.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào, Ni-kiền Tử, Chuyển luân Thánh vương có già chăng? Cũng lại đầu bạc, răng rụng, da dùn, mặt nhăn chăng?

Ni-kiền Tử đáp:

- Sa-môn Cù-đàm! Tuy có lời này nhưng theo nghĩa của tôi, sắc là thường.

Thế Tôn bảo:

- Ông khéo suy nghĩ rồi sau hãy đáp. Nghĩa trước và sau chẳng tương ưng với nhau, chỉ hãy luận rằng Chuyển luân Thánh vương rồi có già không? Cũng sẽ đầu bạc, răng rụng, da dùn, mặt nhăn chăng?

Ni-kiền Tử đáp:

- Chuyển luân Thánh vương cũng sẽ già.

Thế Tôn bảo:

- Chuyển luân Thánh vương thường hay ở nước mình tự do. Vì cớ sao chẳng thể khỏi già, khỏi bệnh, khỏi chết? (Bảo là) Ta không già, bệnh, chết, ta là thường thì đáng lẽ phải được như thế, nghĩa này có thể được không?

Ni-kiền Tử làm thinh không đáp, sầu lo chẳng vui, lặng lẽ chẳng nói, thân thể tuôn mồ hôi, thấm ướt y phục, thấm chỗ ngồi và ướt cả đất.

Thế Tôn bảo:

- Ni-kiền Tử! Ông ở trong đại chúng rống như sư tử. 'Đồng tử các em! Cùng ta đến chỗ Cù-đàm để cùng luận nghị; ta sẽ hàng phục như bắt dê lông dài, tùy ý dắt đi khắp nơi không có nghi nan. Cũng như voi lớn vào trong nước sâu, tùy ý dạo chơi không có sợ. Cũng như hai trượng phu mạnh mẽ bắt một người yếu ớt, để trên lửa nướng tùy ý xoay trở'. Ông cũng lại nói: 'Ta thường hay luận bại voi lớn, cột kèo thảo mộc như thế, toàn là vô tình, cùng chúng luận nghị có thể khiến cho co duỗi, cúi, ngước, cũng có thể khiến dưới nách chảy mồ hôi'.

Bấy giờ Thế Tôn vén ba y lên, chỉ cho Ni-kiền Tử:

- Ông xem Như Lai không có chút mồ hôi chảy. Ngược lại bây giờ Ông mồ hôi thấm đất.

Ni-kiền Tử làm thinh chẳng đáp. Bấy giờ có một đồng tử tên là Đầu-ma ở trong chúng kia. Khi ấy đồng tử Đầu-ma bạch Thế Tôn:

- Nay con đủ sức nhận có điều thi hành, cũng muốn được nói.

Thế Tôn bảo:

- Tùy ý nói đi.

Đồng tử Đầu-ma bạch Phật:

- Ví như cách làng xóm không xa, có ao tắm tốt, nhưng ao tắm ấy có trùng nhiều chân. Nhân dân lớn, nhỏ, trai, gái trong làng đến ao tắm bắt trùng này ra, lấy đá ngói ném trùng này bị thương, chặt hết chân. Trùng này muốn trở vào nước, trọn không được. Ni-kiền Tử này cũng lại như thế, ban đầu hung hăng muốn cùng Như Lai tranh luận, ôm lòng tật đố và kiêu mạn. Như Lai trừ hết không sót chút nào. Ni-kiền Tử này không thể đến luận nghị với Như Lai lần nào nữa.

Bấy giờ Ni-kiền Tử bảo đồng tử Đầu-ma rằng:

- Ông ngu mê không phân biệt được chân ngụy, ta không nghị luận với Ông, ta nghị luận với Sa-môn Cù-đàm.

Ni-kiền Tử bạch Phật:

- Xin hỏi nghĩa lý, tôi sẽ thuyết nữa.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào Ni-kiền Tử? Chuyển luân Thánh vương muốn cho già, bịnh, chết chẳng đến, có thể được chăng? Vị Thánh Đại vương kia quả có được toại nguyện chăng?

Ni-kiền Tử đáp:

- Quả không toại nguyện.

- Muốn cho có sắc này, muốn cho không có sắc này, có kết quả chăng?

Ni-kiền Tử đáp:

- Không kết quả, Cù-đàm!

Thế Tôn bảo:

- Thế nào, Ni-kiền Tử? Sắc là thường hay vô thường?

Ni-kiền Tử đáp:

- Sắc là vô thường.

- Nếu lại vô thường thì là pháp biến đổi, Ông lại thấy đây là ngã, cho ngã là sở hữu của kia chăng?

- Không, Cù-đàm!

- Thọ, tưởng, hành, thức là thường hay vô thường?

- Vô thường.

Thế Tôn bảo:

- Nếu lại vô thường, là pháp biến đổi, Ông thấy có chăng?

- Không.

Thế Tôn bảo:

- Ngũ thạnh ấm này thường hay vô thường?

Ni-kiền Tử đáp:

- Vô thường.

Phật nói:

- Nếu lại vô thường là pháp biến đổi, Ông có thấy có chăng?

- Không.

- Thế nào Ni-kiền Tử? Ông nói là thường. Lý này không trái với nghĩa sao?

Khi ấy, Ni-kiền Tử bạch Phật:

- Nay con ngu si không phân biệt chân đế nên mới khởi lòng muốn tranh luận với Cù-đàm mà nói sắc là thường. Ví như sư tử mạnh, từ xa thấy người đến mà có tâm sợ sệt sao? Không có việc đó. Hôm nay Như Lai cũng lại như thế, không có mảy may sợ sệt. Nay con cuống hoặc, không rõ nghĩa sâu, dám xúc nhiễu Sa-môn Cù-đàm.

Ngài đã nói quá nhiều, ví như người mù được mắt, người điếc được nghe suốt, người mê được thấy đường, người không mắt thấy sắc. Sa-môn Cù- đàm cũng lại như thế, dùng vô số phương tiện vì con thuyết pháp. Nay con xin quy y Sa-môn Cù-đàm, Pháp và Tỳ-kheo Tăng. Từ nay về sau con xin trọn đời làm Ưu-bà-tắc, không sát sanh nữa. Cúi mong Cù-đàm và Tỳ-kheo Tăng nhận lời con thỉnh. Con muốn cúng cơm trưa cho Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Bấy giờ Thế Tôn yên lặng nhận lời. Ni-kiền Tử thấy Thế Tôn đã nhận lời mời, liền từ chỗ ngồi đứng dậy nhiễu Phật ba vòng, cúi lạy rồi đi. Ông ta đến chỗ của các đồng tử ở Tỳ-xá-ly, bảo các đồng tử rằng:

- Các Ông định cúng dường ta những gì thì ngay bây giờ cung cấp cho ta, chớ để lỡ thời. Nay ta thỉnh Sa-môn Cù-đàm và Tỳ-kheo Tăng ngày mai thọ thực.

Khi ấy các đồng tử mỗi người đều lo bày biện các thức ăn uống, đem đến cho ông ta. Rồi ngay đêm đó, Ni-kiền Tử bày biện đủ các thức ăn uống ngon ngọt, trải tọa cụ tốt đẹp, rồi đến bạch Phật:

- Đúng thời, nay đã đến giờ, cúi mong hạ cố.

Bấy giờ Thế Tôn đến giờ, đắp y ôm bát cùng Tỳ-kheo Tăng vào thành Tỳ- xá-ly, đến nhà Ni-kiền Tử, ngồi vào chỗ theo thứ tự. Ni-kiền Tử thấy Phật và Tỳ-kheo Tăng ngồi yên rồi liền tự tay châm chước các món ăn uống. Khi thấy Phật và Tỳ-kheo Tăng ăn xong và rửa tay rồi, ông lấy một ghế nhỏ đến trước Như Lai ngồi, muốn được nghe pháp.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết diệu luận cho ông ta. Nghĩa là thí luận, giới luận, luận sanh thiên, dục là uế ác, dâm là hạnh bất tịnh, xuất yếu là vui. Thế Tôn thấy Ni-kiền Tử tâm ý khai mở theo pháp chư Phật, Thế Tôn thường thuyết là Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Ngài bèn thuyết hết cho Ni-kiền Tử. Khi đó, Ni-kiền Tử ở ngay chỗ ngồi, các trần cấu dứt sạch, được pháp nhãn thanh tịnh.

Thế Tôn liền nói kệ:

Tế tự, lửa trên hết
Thi thơ, tụng là đầu
Trong người, vua cao nhất
Các sông, biển là nguồn.
Trong sao, trăng sáng nhất
Ánh sáng, mặt trời hơn,
Trên dưới và bốn phương
Các vật ở dưới đất.
Trời cùng với nhân loại.
Phật là đấng vô thượng.
Người muốn cầu đức này
Chánh giác là tối thượng.

Bấy giờ Thế Tôn nói kệ xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi. Khi đó, năm trăm đệ tử của Ni-kiền Tử nghe thầy mình nhận Phật giáo hóa, mới bảo nhau rằng:

- Đại sư của chúng ta tại sao lại thờ Cù-đàm làm thầy?

Rồi các đệ tử này ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đứng ở giữa đường. Lúc ấy, Ni- kiền Tử muốn đến chỗ Phật nghe pháp. Thế Tôn thuyết pháp cho Ni-kiền Tử, khuyến khích cho hoan hỉ. Nghe pháp xong, Ni-kiền Tử liền từ chỗ ngồi đứng lên lễ Phật, và lui đi.

Đệ tử Ni-kiền Tử từ xa thấy thầy mình đến liền bảo nhau:

- Đệ tử Sa-môn Cù-đàm đang trên đường đi đến.

Rồi họ dùng đá ngói đánh chết ông ta. Các đồng tử nghe Ni-kiền Tử bị đệ tử giết chết, liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy, rồi ngồi xuống một bên. Các đồng tử bạch Thế Tôn:

- Ni-kiền Tử được Như Lai giáo hóa, bây giờ bị đệ tử giết chết rồi. Nay đã mạng chung, ông ấy sanh về chỗ nào?

Thế Tôn bảo:

- Ông ấy là người có đức, đầy đủ tứ đế, đã diệt ba kiết sử thành Tu-đà-hoàn, ắt dứt được mé khổ. Ngày nay mạng chung, ông ấy sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Ông ta thấy Phật Di-lặc rồi sẽ hết mé khổ. Đây là nghĩa ấy, nên nhớ tu hành.

Bấy giờ các đồng tử bạch Thế Tôn:

- Thật là kỳ lạ! Ni-kiền Tử này đến chỗ Thế Tôn đòi thi luận nghị, trở lại dùng sự luận nghị của mình để tự trói buộc, và nhận sự giáo hóa của Như Lai. Hễ người nào gặp Như Lai, thì hoàn toàn không có hư vọng. Ví như có người vào biển lấy của báu, chắc chắn sẽ lấy được, trọn không về tay không. Đây cũng như thế, có chúng sanh nào đến chỗ Thế Tôn muốn được pháp bảo thì trọn chẳng về không.

Bấy giờ Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho các đồng tử, khiến cho hoan hỷ. Các đồng tử nghe Phật thuyết pháp xong, liền từ chỗ ngồi đứng lên, nhiễu Phật ba vòng, cúi lạy rồi lui đi.

Bấy giờ các đồng tử nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXVIII.1. Phẩm Lực (1)

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có sáu sức mạnh ở đời. Thế nào là sáu? Con nít lấy kêu khóc làm sức mạnh, muốn đòi gì, trước hết khóc; đàn bà lấy sân giận làm sức mạnh, nương vào sân giận rồi sau mới nói; Sa-môn, Bà-la-môn dùng nhẫn làm sức mạnh, thường nghĩ thấp mình, đối với người, rồi sau bày tỏ; quốc vương dùng kiêu ngạo làm sức mạnh, lấy hào thế này để tự

biểu lộ; nhưng A-la-hán lấy tinh chuyên là sức mạnh để tự trình bày; chư Phật Thế Tôn thành tựu đại từ bi, lấy đại bi làm sức mạnh để lợi ích rộng rãi cho chúng sanh.

Đó là, này Tỳ-kheo! Có sáu sức mạnh ở đời. Thế nên, các Tỳ-kheo! Nên nhớ tu hành sức đại từ bi này. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy nên tư duy tưởng vô thường, quảng bá tưởng vô thường. Đã tư duy, quảng bá tưởng vô thường rồi, các Thầy sẽ đoạn dứt dục ái, sắc ái, vô sắc ái, cũng đoạn vô minh, kiêu mạn. Ví như lấy lửa thiêu đốt cây cỏ, không sót gì cả, cũng không còn dấu vết. Đây cũng như thế, nếu tu tưởng vô thường, đoạn hết dục ái, sắc ái, vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn, không còn sót gì. Vì sao thế? Tỳ-kheo ngay khi tu tưởng vô thường, người ấy không có tâm dục, đã không có tâm dục, thì có thể phân biệt pháp, tư duy về ý nghĩa của nó, không có sầu lo, khổ não. Người ấy đã tư duy pháp nghĩa thì không ngu hoặc, tu hành lầm lẫn. Nếu thấy có ai tranh tụng, người ấy liền nghĩ: 'Các

hiền sĩ này không tu tưởng vô thường, không quảng bá tưởng vô thường, nên mới đi đến sự tranh tụng này. Họ đã tranh tụng thì không quán được nghĩa này; đã không quán nghĩa này thì có tâm mê hoặc. Họ đã chấp sự ngu mê này thì mạng chung sẽ vào ba đường ác: ngạ quỷ, súc sanh, địa ngục'.

Thế nên, các Tỳ-kheo, nên tư tưởng vô thường, quảng bá tưởng vô thường, thì sẽ không có tưởng sân giận, ngu hoặc, cũng có thể quán pháp, cũng quán được nghĩa này. Nếu sau khi mạng chung, sẽ sanh vào ba đường lành: lên trời, trong loài người, và đạt Niết-bàn. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Ma-kiệt, bên bờ sông Ưu-ca-chi.

Bấy giờ Thế Tôn đến dưới một gốc cây trải tòa ngồi, chính thân, chính ý, buộc niệm ở trước.

Có một Phạm chí đi đến chỗ đó, Phạm chí này thấy dấu chân của đức Thế Tôn rất là kỳ diệu, liền nghĩ: 'Dấu chân này của người nào? Là của Trời, Rồng, Quỷ, Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Nhơn, Phi nhơn; Phạm thiên, Tổ tiên ta chăng?

Khi đó, Phạm chí noi theo dấu tiến đến trước, xa thấy Thế Tôn ngồi dưới một gốc cây, chính thân, chính ý buộc niệm ở trước; thấy rồi liền nói:

- Ngài là Trời chăng?

Thế Tôn bảo:

- Ta chẳng phải là Trời.

- Là Càn-thát-bà chăng?

- Ta chẳng phải Càn-thát-bà.

- Là Rồng chăng?

- Ta chẳng phải rồng.

- Là Dạ-xoa chăng?

- Ta chẳng phải là Dạ-xoa.

- Là Tổ phụ chăng?

- Ta chẳng phải Tổ phụ.

Lúc đó, Phạm chí hỏi Thế Tôn:

- Thế Ông là ai?

[#]

Thế Tôn bảo:

- Có ái thì có thọ, có thọ thì có ái, nhân duyên hội họp rồi sau mỗi mỗi tương sinh. Như thế, năm thạnh ấm không có lúc đoạn dứt. Đã biết ái thì biết ngũ dục, cũng biết sáu trần bên ngoài, sáu nhập bên trong, tức biết gốc ngọn của thạnh ấm này.

Lúc ấy Thế Tôn liền nói kệ:

'Thế gian có ngũ dục,
Ý là vua thứ sáu,
Biết sáu thứ trong ngoài,
Hãy nhớ dứt mé khổ'.
Thế nên, hãy cầu phương tiện diệt sáu việc trong ngoài. Như thế, Phạm chí, nên học điều này.

Bấy giờ, Phạm chí kia nghe Phật dạy như thế, tư duy luyện tập không rời tâm, liền ngay chỗ ngồi, các trần cấu dứt, được pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ Phạm chí ấy nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vâng làm.

[#]

Ghi chú:

Đoạn [#]...[#] dường như không tương thích với tinh thần của bài kinh. Bài kinh tương đương trong Tăng Chi Bộ là kinh "Tùy thuộc thế giới", AN IV.36, trong đó, Đức Phật trả lời Bà-la-môn (Phạm chí) Dona rằng:

- "... Này Bà-la-môn, đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc, Ta có thể là chư Thiên, với các lậu hoặc đã đoạn tận, được chặt đứt từ gốc rễ, được làm thành như thân cây ta-la, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Này Bà-la-môn, đối với những người chưa đoạn tận các lậu hoặc, Ta có thể là Càn-thát-bà, Ta có thể là Dạ- xoa, Ta có thể là Người, với các lậu hoặc đã đoạn tận, được chặt dứt từ gốc rễ, được làm thành như thân cây ta-la, được làm cho không thể hiện hữu, được làm cho không thể sanh khởi trong tương lai. Ví như, này Bà-la-môn, bông sen xanh, hay bông sen hồng, hay bông sen trắng, sanh ra trong nước, lớn lên trong nước, vươn lên khỏi nước, và đứng thẳng không bị nước thấm ướt. Cũng vậy, này Bà-la-môn sanh ta trong đời, lớn lên trong đời, Ta sống chinh phục đời, không bị đời thấm ướt. Này Bà-la-môn, Ta là Phật, hãy như vậy thọ trì."

-- (Bình Anson, 02-2004)

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Xưa, lúc Ta còn là Bồ-tát chưa thành Phật đạo, có nghĩ thế này: 'Thế gia này rất là khổ, có sanh, già, bịnh, chết, mà năm thạnh ấy này chẳng dứt được nguồn gốc'. Lúc ấy, Ta lại nghĩ: 'Do nhân duyên nào có sanh, già, bệnh, chết, lại do nhân duyên nào đưa đến tai họa này?'. Lúc đang tư duy điều này, Ta lại nghĩ: 'Có sanh thì có già, bịnh, chết'.

Lúc đang tư duy điều này, Ta lại nghĩ thêm: 'Do nhân duyên nào có sanh? Đây do hữu mà sanh', lại nghĩ: 'Hữu do đâu mà có?'. Đang lúc Ta tư duy liền sanh niệm này: 'Hữu do thủ mà có', lại nghĩ: 'Thủ này do đâu mà có?'. Bấy giờ Ta dùng trí quán: 'Do ái mà có thủ', lại suy nghĩ thêm: 'Ái này do đâu mà sanh?' Ta quán sát lần nữa: 'Do thọ mà có ái', lại suy nghĩ thêm: 'Thọ này do đâu mà sanh?' Lúc ấy Ta quán sát như vầy: 'Do xúc mà có thọ', lại tư duy nữa: 'Xúc này do đâu mà có?' Ta liền sanh niệm này: 'Do lục nhập mà có xúc

này'. Rồi ta lại suy nghĩ nữa: 'Lục nhập này do đâu có?'.; quán sát lúc ấy, Ta biết: 'Do danh sắc mà có lục nhập'. Rồi Ta lại nghĩ rằng: 'Danh sắc do đâu mà có?'; Ta quán sát thì biết: 'Do thức mà có danh sắc'; 'Thức này do đâu có?'; Ta quán sát thì biết: 'Do hành sanh thức'. Rồi Ta lại nghĩ: 'Hành do đâu mà sanh?'; Ta quán sát thì biết 'Hành do đâu mà sanh?'; Ta quán sát thì biết 'Hành do si sanh'. Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên sầu lo khổ não chẳng thể tính kể. Như thế gọi là nguyên nhân của khổ thạnh ấm.

Lúc đó ta lại nghĩ: 'Do nhân duyên nào mà diệt được sanh, già, bịnh, chết?'. Khi ấy Ta quán sát: 'Sanh diệt thì già, bịnh, chết diệt'. Rồi Ta lại sanh niệm này: 'Do đâu mà không có sanh?'; Ta quán sát thì thấy: 'Do hữu diệt thì sanh sẽ diệt', lại nghĩ: 'Do đâu mà không có hữu?'. Ta quán sát thì thấy: 'Do thủ diệt thì hữu sẽ diệt'. Rồi Ta sanh niệm

này: 'Do đâu mà thủ diệt?'; Ta quán sát thì thấy: 'Do ái diệt mà thủ diệt'; lại sanh niệm này: 'Do đâu mà ái diệt?' Ta quán sát thêm nữa: 'Thọ diệt thì ái diệt'; lại tư duy: 'Do đâu mà thọ diệt?'; quán sát thì thấy: 'Xúc diệt thì thọ diệt?', lại tư duy: 'Xúc do đâu mà diệt?', quán sát thì thấy: 'Lục nhập diệt thì xúc diệt'. Lại xem: 'Do đâu mà lục nhập này diệt?'. Lúc ấy Ta quán sát thấy: 'Danh sắc diệt thì lục nhập diệt'; lại quán 'Danh sắc do đâu mà diệt?'. Quán sát thì biết: 'Thức diệt thì danh sắc diệt'; lại quán sát: 'Thức này do đâu mà diệt?'; quán sát thì biết: 'Hành diệt thì thức diệt'; lại quán 'Hành này do đâu mà diệt?'; quán sát thì biết: 'Vô minh diệt thì hành diệt'. Hành diệt thì thức diệt, thức diệt thì danh sắc diệt, danh sắc diệt thì lục nhập diệt, lục nhập diệt thì xúc diệt, xúc diệt thì thọ diệt, thọ diệt thì ái diệt, ái diệt thì thủ diệt, thủ diệt thì hữu diệt, hữu diệt thì sanh diệt, sanh diệt thì lão bịnh diệt, lão bịnh diệt thì tử diệt. Đó gọi là năm thạnh ấm diệt'.

Rồi Ta lại sanh niệm này: 'Thức này là nguồn gốc đầu đưa đến sanh, già, bịnh, chết. Nhưng Ta chẳng thể biết nguồn gốc của sanh, già, bệnh, chết này'. Ví như có người ở trong núi rừng đi theo con đường mòn nhỏ, đi đến phía trước một lát, thấy con đường lớn cũ, ngày xưa mọi người đi qua đây. Khi ấy, người nọ bèn đi lại con đường này, tiến đến một chút lại thấy thành quách, vườn cảnh, ao tắm cũ đều rất tươi tốt. Nhưng trong thành kia không có dân cư. Người này thấy rồi lại trở về nước mình, tâu với vua rằng:

- 'Vừa rồi tôi dạo núi rừng thấy thành quách, cây cối um tùm. Nhưng trong thành đó không có nhân dân. Tâu Đại vương! Nên cho nhân dân vào thành đó cư trú'.

Bấy giờ quốc vương nghe người này nói, liền cho nhân dân đến ở, và thành quách này trở nên đông đúc dân cư như cũ, vui thích vô cùng.

Các Tỳ-kheo nên biết! Xưa, lúc Ta chưa thành Phật, ở trong núi học đạo, thấy chỗ du hành của chư Phật thời xưa, liền theo đường ấy mà biết chỗ khởi nguyên của sanh, già, bệnh, chết. Có sanh, có diệt thảy đều phân biệt. Biết sanh khổ, sanh tập, sanh diệt, sanh đạo, đều liễu tri cả. Hữu, thủ, ái, thọ, xúc, lục nhập, danh sắc, thức, hành, vô minh cũng lại như thế. Vô minh khởi thì hành khởi, hành tạo điều gì lại là do thức. Nay ta đã biết rõ về thức, nên cùng bốn bộ chúng mà nói điều căn bản này để cho tất cả đều biết nguồn gốc chỗ khởi này; biết Khổ, biết Tập, biết Diệt, biết Đạo, khiến nhớ rõ ràng. Đã biết lục nhập thì biết sanh, lão, bệnh, tử; lục nhập diệt thì sanh, lão, bệnh, tử diệt. Thế nên, Tỳ-kheo, nên cầu phương tiện diệt lục nhập. Như thế, các Tỳ- kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn đang thuyết pháp cho vô số trăm ngàn vạn chúng. Lúc đó Tôn giả A-na-luật đang ngồi trong chúng ngủ gục. Đức Phật thấy A-na-luật ngủ gục, liền nói kệ rằng:

Thọ pháp thích ngủ nghỉ,
Ý không có lầm lẫn,
Chỗ Hiền Thánh thuyết pháp,
Điều người trí ưa thích.
Ví như nước vực sâu,
Lóng trong không tỳ vết,
Người nghe pháp như thế,
Thanh tịnh tâm lạc thọ.
Cũng như đá vuông lớn,
Gió thổi không thể động,
Như thể bị chê khen,
Tâm không có lay động.
Khi ấy Thế Tôn bảo Tôn giả A-na-luật:

- Thầy sợ phép vua và sợ giặc cướp mà hành đạo chăng?

A-na-luật đáp:

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Phật bảo A-na-luật:

- Vì sao Thầy xuất gia học đạo?

A-na-luật bạch Phật:

- Con chán ngán sanh, lão, bịnh, tử, sầu lo khổ não nên muốn bỏ, nó; vì thế xuất gia học đạo.

Thế Tôn bảo:

- Nay Thầy là con nhà quý tộc, có lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo. Hôm nay Thế Tôn đích thân thuyết pháp, tại sao Thầy ngồi trong đây mà ngủ gục.

Tôn giả A-na-luật liền từ chỗ ngồi đứng dậy, bày vai áo phải, quỳ xuống chấp tay bạch Thế Tôn:

- Từ nay về sau dù thân hình tan nát, con trọn không ở trước Như Lai mà ngủ gục.

Bấy giờ Tôn giả A-na-luật suốt đến đến sáng chẳng ngủ, nhưng không thể trừ khử được thùy miên, mắt bèn hư. Khi ấy, Thế Tôn bảo A-na-luật:

- Người chuyên cần tinh tấn thì cùng trạo cử tương ưng. Còn nếu giải đãi lại cùng kiết sử tương ưng. Nay thầy nên hành vừa chừng ở giữa.

A-na-luật bạch Phật:

- Khi trước, con đã ở trước Như Lai phát thệ, nay không thể làm trái bổn nguyện mình.

Lúc đó Thế Tôn bảo Kỳ-vực (Kỳ-bà):

- Ông hãy trị liệu mắt cho A-na-luật!

Kỳ-vực thưa:

- Nếu A-na-luật chịu ngủ một chút, con sẽ trị mắt được.

Thế Tôn bảo A-na-luật:

- Thầy nên ngủ. Vì sao thế? Tất cả các pháp do ăn mà được tồn tại, không ăn thì không còn. Con mắt lấy ngủ làm thức ăn, tai lấy âm thinh làm thức ăn, mũi lấy hương làm thức ăn, lưỡi lấy mùi vị làm thức ăn, thân lấy xúc chạm làm thức ăn, ý lấy pháp làm thức ăn. Nay ta cũng nói Niết-bàn cũng có thức ăn.

A-na-luật bạch Phật:

- Niết-bàn lấy những gì làm thức ăn?

Phật bảo A-na-luật:

- Niết-bàn lấy không phóng dật làm thức ăn, nương không phóng dật được đến vô vi.

A-na-luật bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Tuy nói ngủ là thức ăn của mắt, nhưng con chẳng kham ngủ nghỉ.

Rồi sau A-na-luật vá y phục cũ. Khi ấy mắt đã bị hư và đắc thiên nhãn không có tì vết. A-na-luật dùng pháp thường mà vá y áo, không thể xâu chỉ qua lỗ kim được. Khi ấy A-na-luật liền nghĩ: 'Chư A-la-hán đắc đạo trong thế gian hãy xâu kim giúp tôi'.

Bấy giờ Thế Tôn dùng thiên nhĩ thanh tịnh nghe được âm thanh này: 'Chư A-la-hán đắc đạo trong thế gian hãy xâu kim giúp tôi'. Thế Tôn bèn đến chỗ A-na-luật mà bảo:

- Thầy đưa kim đây Ta xâu cho.

A-na-luật bạch Phật:

- Vừa rồi con gọi các vị muốn cầu phước ở thế gian xâu kim cho con.

Thế Tôn bảo:

- Người cầu phước ở thế gian không ai hơn Ta. Như Lai đối với sáu pháp không chán bỏ. Những gì là sáu? thí; dạy dỗ; nhẫn; nói pháp; nói nghĩa; bảo hộ chúng sanh; cầu đạo vô thượng chánh chân. Này A-na-luật! Đó là sáu điều Như Lai không hề chán bỏ.

A-na-luật thưa:

- Thân Như Lai là thân của Chân pháp, lại còn muốn cầu pháp nào nữa? Như Lai đã qua khỏi biển sanh tử, lại thoát khỏi ái trước, và nay cố cầu làm phước.

Thế Tôn bảo:

- Đúng thế, A-na-luật. Đúng như lời Thầy nói. Như Lai cũng biết sáu pháp này không chán đủ. Nếu chúng sanh biết nguồn cội của tội ác do thân, miệng, ý tạo, thì hoàn toàn không đọa trong ba đường ác. Vì chúng sanh chẳng biết nguồn gốc tội phước nên đọa trong ba đường ác.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

'Các sức mạnh thế gian,
Dạo ở trong Trời, Người,
Phước lực là hơn hết,
Do phước thành Phật đạo'.
Thế nên, A-na-luật! Nên cầu phương tiện được sáu pháp này. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo vào thành Xá-vệ khất thực, nghe ngoài cổng cung vua Ba-tư-nặc có rất đông dân chúng khoa tay, kêu la oán trách: 'Trong nước có giặc tên Ương-quật-ma (Angulimala) rất hung bạo, sát hại người không kể xiết, chẳng có lòng thương xót chúng sanh. Nhân dân trong nước đều chán ghét. Mỗi ngày bắt người giết, lấy ngón tay xâu làm tràng hoa, gọi là

Chỉ Man. Cúi mong Đại vương hãy đến đánh hắn!'. Các Tỳ-kheo khất thực xong trở về Tinh xá Kỳ Hoàn, thu xếp y bát, vắt tọa cụ lên vai, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ những Tỳ-kheo ấy bạch Thế Tôn:

- Nhiều Tỳ-kheo chúng con vào thành Xá-vệ khất thực, thấy nhân dân ở trước cổng vương cung kêu oán, tố cáo: 'Nay vương quốc có giặc tên Ương- quật-ma là người hung bạo, không có lòng từ, sát hại tất cả chúng sanh, người chết đất nước trống rỗng đều do hắn lấy ngón tay người làm tràng hoa'.

Bấy giờ, Thế Tôn nghe Tỳ-kheo kia nói xong, liền từ tòa đứng dậy, lặng thinh mà đi. Khi ấy, Thế Tôn tìm đến chỗ tên giặc kia. Những người lượm củi, gánh cỏ về người chăn trâu, chăn dê thấy Thế Tôn đến đường đó, họ bèn bạch Phật rằng:

- Sa-môn! Sa-môn! Chớ đi theo đường đó. Vì sao vậy? Bên đường này có giặc tên Ương-quật-ma ở trong đó. Những người muốn đi đường này, phải nhóm mười người, hoặc hai mươi người, ba mươi, bốn mươi, năm mươi người vẫn còn chẳng qua nổi, đều bị Ương-quật-ma bắt hết. Mà Sa-môn Cù- đàm lại đi một mình không có bạn, bị Ương-quật-ma xúc nhiễu, vì đối với việc không dè dặt.

Thế Tôn tuy nghe nói mà vẫn tiến bước không dừng lại. Khi đó mẹ của Ương-quật-ma đem thức ăn đến chỗ ông ta. Lúc ấy Ương-quật-ma nghĩ: 'Vòng ngón tay của ta không biết đủ số chưa?', liền đếm ngón tay thấy chưa đủ số, lại đếm một lần nữa, chỉ thiếu có một ngón. Ương-quật-ma bèn nhìn chung quanh tìm người muốn bắt giết, nhưng nhìn bốn bên cũng chẳng thấy ai, liền nghĩ: 'Thầy ta có dạy: người nào có thể hại mẹ mình, thì sẽ sanh lên trời'. Nay mẹ ta tự đến đây, tức là có thể bắt giết, ngón tay được đủ số chắc chắn sẽ sanh lên trời'. Rồi Ương-quật-ma tay trái nắm đầu mẹ, tay phải rút gươm,

nói với mẹ:

- Dừng một tí, Mẹ!

Khi ấy, Thế Tôn liền nghĩ: 'Tên Ương-quật-ma này sẽ phạm ngũ nghịch'. Ngài liền phóng hào quang giữa chặng mày chiếu sáng khắp núi rừng ấy. Ương-quật-ma thấy ánh sáng, liền nói với mẹ:

- Đây là ánh sáng gì chiếu rừng núi này? Chẳng phải quốc vương tụ tập binh lính để công phạt ta chăng?

Người mẹ bảo:

- Nay Con nên biết. Đây không phải là ánh lửa của mặt trời, mặt trăng, cũng không phải là ánh sáng của Thích, Phạm thiên vương.

Bấy giờ, người mẹ liền nói kệ:

'Đây không phải lửa sáng,
Chẳng trời, trăng, Thích, Phạm,
Chim thú chẳng kinh sợ,
Hót mừng khác bình thường.
Ánh sáng rất thanh tịnh,
Khiến người vui vô cùng,
Ắt bậc Tôn tối thắng,
Thập Lực đến nơi đây,
Ở trong Trời và Người,
Thiên nhãn xem thế giới,
Nên muốn độ cho Con,
Thế Tôn đến nơi này.
Khi ấy, Ương-quật-ma nghe âm hưởng Phật, vui mừng hớn hở không thể kiềm được liền nói:

- Thầy ta cũng có dạy, bảo ta rằng: 'Nếu ngươi giết được mẹ và giết Sa-môn Cù-đàm, chắc chắc sẽ được sanh lên trời'.

Ương-quật-ma bảo mẹ:

- Mẹ hãy đứng đây. Con giết Sa-môn Cù-đàm trước đã, rồi sẽ ăn sau.

Rồi Ương-quật-ma buông mẹ ra, đuổi theo Thế Tôn, xa thấy Thế Tôn đi đến, như khối vàng tỏa sáng khắp nơi, thấy rồi cười nói:

- Nay Sa-môn Cù-đàm nhất định chết trong tay ta không còn nghi ngờ. Những người muốn đi đường này đều tụ tập đông người, còn Sa-môn Cù- đàm chỉ đi một mình, không bạn lữ, nay ta sẽ bắt giết.

Khi ấy, Ương-quật-ma rút kiếm chạy đến để hại Thế Tôn. Thế Tôn cứ theo đường thong thả bước đi, Ương-quật-ma rượt đuổi mà chẳng kịp Như Lai, ông ta bèn bảo Thế Tôn:

- Dừng lại, dừng lại, Sa-môn!

Thế Tôn bảo:

- Ta đã dừng rồi. Còn Ông chẳng chịu dừng.

Ương-quật-ma vừa chạy vừa nói kệ:

Đi mà lại nói dừng,
Bảo rằng tôi không dừng,
Hãy giải nghĩa cho tôi,
Đó dừng, tôi chẳng dừng?
Bấy giờ, Thế Tôn dùng kệ đáp:
Thế Tôn đã nói dừng,
Vì không hại tất cả,
Nay Ông có tâm sát,
Chẳng lìa nơi nguồn ác,
Ta trụ đất tâm từ,
Thương giúp tất cả người,
Ông gieo khổ địa ngục,
Chẳng lìa nơi nguồn ác.
Ương-quật-ma nghe kệ xong, liền nghĩ: 'Nay xét lại ta làm ác chăng? Thầy ta bảo rằng: 'Đây là phước lớn, được quả báo lớn. Người có thể giết ngàn người lấy ngón tay làm tràng hoa, sẽ được đạt kết quả sở nguyện. Người như thế mạng chung rồi sẽ sanh cõi trời'. Nếu người giết mẹ và Sa-môn Cù-đàm sẽ được sanh lên Phạm thiên'.

Khi ấy, Phật dùng oai thần khiến thần thức ông ta bừng tỉnh, ông nghĩ các sách vở Phạm chí cũng có lời này: 'Như Lai ra đời rất khó gặp, thường cả ức kiếp mới ra đời. Lúc Ngài ra đời, người chưa độ sẽ được độ, người không giải thoát sẽ khiến được giải thoát. Ngài thuyết pháp diệt sáu kiến chấp. Những gì là sáu? Ai nói có ngã kiến, Ngài thuyết pháp ngã kiến; người nói không có ngã, Ngài cũng thuyết pháp diệt không có ngã kiến cho họ; người nói có ngã kiến và không có ngã kiến, Ngài cũng thuyết pháp diệt có ngã kiến và không ngã kiến cho họ; Ngài lại tự quán sát và thuyết pháp quán sát; tự thuyết pháp vô ngã; Pháp chẳng phải ta thuyết cũng chẳng phải ta chẳng thuyết!

Nếu Như Lai ra đời, sẽ thuyết pháp diệt lục kiến này. Hơn nữa, lúc ta chạy có thể kịp voi, ngựa, xe cộ và cả mọi người. Nhưng Sa-môn này đi không gấp gáp, vậy mà ta theo chẳng kịp. Chắc Ngài là Như Lai.

Lúc ấy, Ương-quật-ma liền nói kệ:

'Nay Ngài đã vì con,
Mà thuyết kệ vi diệu,
Người ác nay biết chân,
Đều do oai thần Ngài.
Tức thời buông kiếm bén,

Liệng vào trong hầm sâu,
Nay lễ chân Sa-môn,
Và mong làm Sa-môn.
Ương-quật-ma bèn đến trước bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Cúi mong cho con làm Sa-môn.

Thế Tôn bảo:

- Khéo đến! Tỳ-kheo!

Ương-quật-ma liền thành Sa-môn, mặc ba pháp y. Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

'Nay Thầy đã cạo đầu
Trừ kiết sử cũng vậy,
Kết diệt thành đại quả,
Không còn sầu khổ não.
Khi ấy, Ương-quật-ma nghe xong, tức thời các trần cấu sạch hết, được pháp nhãn thanh tịnh. Thế Tôn đem Tỳ-kheo Ương-quật-ma trở về Tinh Xá Kỳ Hoàn ở thành Xá-vệ.

Vua Ba-tư-nặc đang tụ tập bốn binh chủng, muốn đến dẹp giặc Ương-quật- ma.

Khi ấy, vua nghĩ: 'Ngay ta nên đến chỗ Thế Tôn đem nhân duyên này bạch Thế Tôn, nếu Thế Tôn có dạy gì, ta sẽ vâng theo'.

Vua Ba-tư-nặc liền họp bốn bộ binh đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn hỏi vua:

- Đại vương! Hôm nay muốn đi đâu, mà bụi bặm đầy người như thế?

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Hôm nay trong nước con có giặc tên Ương-quật-ma rất là hung bạo, không có lòng từ đối với tất cả chúng sanh, khiến đất nước hoang sơ, dân chúng bỏ chạy tán loạn, đều do tên giặc này, giết người lấy ngón tay làm vòng hoa. Đây là ác quỷ chớ chẳng phải là người. Nay con muốn giết chết hắn. Thế Tôn bảo:

- Đại vương! Nếu bây giờ vua thấy Ương-quật-ma lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo thì vua sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

- Còn biết làm sao? Con sẽ thừa sự cúng dường tùy thời lễ bái. Nhưng thưa Thế Tôn! Ương-quật-ma là ác nhân, không có một chút xíu lành, hằng giết hại, làm sao có thể phát tâm xuất gia học đạo được? Việc này hoàn toàn không thể có.

Khi ấy Ương-quật-ma ngồi cách Thế Tôn chẳng xa, ngồi kiết-già chính thân, chính ý, cột niệm ở trước. Bấy giờ Thế Tôn đưa tay phải chỉ cho vua, nói:

- Đây là Ương-quật-ma.

Vua nghe xong kinh sợ, áo lông dựng ngược. Thế Tôn bảo:

- Chớ kinh sợ, hãy đến trước người ấy, rồi vua sẽ hiểu ý.

Vua nghe Phật nói, liền đến trước Ương-quật-ma hỏi:

- Nay ngài họ gì?

Ương-quật-ma nói:

- Tôi họ Già-già, mẹ tên Mãn-túc.

Vua cúi lạy, rồi ngồi một bên. Vua bảo:

- Khéo vui trong Chánh pháp này, chớ có giải đãi, tu Phạm hạnh thanh tịnh, sẽ được dứt mé khổ. Tôi sẽ trọn đời cúng dường y phục, thức ăn, giường mền, thuốc men.

Ương-quật-ma im lặng chẳng đáp. Vua liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trở lại chỗ Thế Tôn, cúi lạy và ngồi một bên. Vua bạch Phật:

- Người không hàng khiến hàng, người không phục khiến phục. Thật là kỳ đặc chưa hề có! Ngài có thể hàng phục được người cực ác. Cúi mong Thế Tôn! Mong cầu Ngài được thọ mạng vô cùng, nuôi lớn chúng sanh. Nhờ ơn Thế Tôn mà chúng con khỏi được nạn này. Quốc sự quá bề bộn, nay con muốn trở về thành.

Thế Tôn bảo:

- Vua biết đúng lúc.

Bấy giờ Quốc vương liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi lạy rồi lui đi.

Khi ấy Ương-quật-ma tu hạnh tịch tĩnh, mặc áo năm mảnh, đến giờ ôm bát đi từng nhà khất thực, giáp vòng rồi trở lại từ đầu, mặc y rách và rất thô xấu; lại ngồi giữa trời không mái che thân. Bấy giờ Ương-quật-ma ở chỗ vắng vẻ, tự tu hạnh mà con nhà vọng tộc xuất gia học đạo muốn tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không tái sanh nữa, như thực mà biết. Và Ương-quật-ma thành A-la-hán, lục thông trong suốt, không có trần cấu. Đã thành A-la-hán, đến giờ ngài đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực. Khi đó có phụ nữ đang sanh khó khăn. Ngài thấy rồi nghĩ thầm: 'Chúng sanh rất là đau khổ, thọ thai vô hạn'.

Ương-quật-ma ăn xong, thu dọn y bát, vắt tọa cụ lên vai đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, ngồi một bên. Bấy giờ Ương-quật-ma bạch Phật:

- Con vừa đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, thấy một phụ nữ đang sanh khó khăn. Khi ấy con nghĩ rằng: 'Chúng sanh chịu khổ, sao đến như thế!'.

Thế Tôn bảo:

- Nay Thầy đến chỗ bà ấy nói rằng: 'Từ khi tôi sanh trong dòng Hiền Thánh đến nay, chưa hề sát sanh!' Đem lời chí thành này khiến bà ấy sanh được nhẹ nhàng.

Ương-quật-ma thưa:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Ngài Ương-quật-ma, ngay hôm ấy đắp y, ôm bát vào thành Xá-vệ, đến nhà phụ nữ kia, bảo:

- Từ khi tôi sanh trong dòng Hiền Thánh đến nay, chưa hề sát sanh. Xin đem lời chí thành này khiến cho thai ra được.

Khi ấy phụ nữ kia liền sanh được.

Ngài Ương-quật-ma khất thực trong thành, nam nữ, lớn nhỏ trông thấy mỗi người đều bảo nhau:

- Đây là Ương-quật-ma đã giết hại chúng sanh nhiều không thể kể, nay lại khất thực trong thành.

Nhân dân trong thành liền lấy ngói, đá ném ngài; có người lấy dao chém, ngài bị thương khắp đầu mặt, y phục rách nát, máu chảy khắp thân. Ngài ra khỏi thành Xá-vệ, đến chỗ Thế Tôn, Thế Tôn xa thấy Ương-quật-ma đầu mặt bị thương, máu chảy nhuộm y đang đi đến. Ngài liền bảo:

- Nay Thầy hãy nhẫn. Vì sao thế? Tội Thầy đáng lẽ chịu khổ vĩnh kiếp.

Khi ấy, Ương-quật-ma đến chỗ Thế Tôn cúi lạy, ngồi một bên, rồi ở trước Như Lai nói kệ:

'Kiên cố nghe pháp cú,
Kiên cố hành Phật pháp,
Kiên cố gần bạn lành,
Liền đến chỗ diệt-tận.
Con vốn là đại tặc,
Tên là Ương-quật-ma,
Bị trôi nổi giữa dòng,
Nhờ Thế Tôn cứu vớt.
Nay quán tự quy nghiệp,
Cũng sẽ quán pháp bổn,
Nay đã được tam minh,
Thành tựu hạnh nghiệp Phật.
Con vốn tên Vô Hại,
Lại giết hại vô kể,
Nay tên Chân Đế Thực,
Chẳng hại hết tất cả.
Nếu lại thân, miệng ý,
Đều không tâm thức hại,
Đây gọi không sát hại,
Hà huống khởi tư tưởng.
Thợ bắn cung nắn tên,

Thủy thủ, khéo dẫn nước,
Thợ khéo uốn nắn cây,
Người trí tự điều thân,
Hoặc bị roi gậy đánh,
Hoặc bị lời sỉ nhục,
Trọn không thêm dao gậy,
Nay con tự hàng phục.
Trước là người làm ác,
Sau dừng không phạm nữa,
Sẽ chiếu sáng thế gian,
Như mây tan trăng hiện.
Người trước làm lỗi ác,
Sau dừng, không phạm nữa,
Sẽ chiếu sáng thế gian,
Như mây tan, trời hiện.
Tỳ-kheo già, trẻ, trung,
Tu hành theo Phật pháp,
Sẽ chiếu sáng thế gian,
Như trăng kia, mây tan.
Tỳ-kheo già, trẻ, trung,
Người tu hành Phật pháp,
Chiếu sáng thế gian này,
Như mặt trời, mây tan.
Nay con chịu đau ít,
Uống ăn tự biết đủ,
Thoát hẳn tất cả khổ,
Duyên xưa nay đã dứt.
Không chịu dấu chết nữa,
Cũng chẳng ưa sanh lại,
Nay chính chờ thời tiết,
Hoan hỷ mà chẳng loạn.
Như Lai chấp nhận lời của Ương-quật-ma.

Ngài Ương-quật-ma thấy Như Lai bằng lòng rồi, liền từ chỗ ngồi đứng lên, lạy Thế Tôn rồi lui đi

Khi ấy chư Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Ương-quật-ma vốn tạo công đức gì mà ngày nay được thông minh trí tuệ, diện mạo đoan chánh hiếm có ở đời? Lại tạo hạnh chẳng lành nào, mà đời này sát hại chúng sanh vô kể? Lại tạo công đức nào, mà nay gặp Thế Tôn được đắc quả A-la-hán?

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ngày xưa, ở quá khứ lâu xa, trong thời Hiền kiếp có Phật Ca-diếp Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Sau khi đức Ca-diếp Như Lai nhập diệt, có vua Đại Quả, thống lãnh cõi nước ở Diêm-phù-đề. Vua có đến tám vạn bốn ngàn cung phi thể nữ mà không có con. Bấy giờ vua Đại Quả khẩn cầu các thần cây, thần núi, tinh tú, nhật nguyệt khắp nơi, mong được con cái.

Khi ấy, đệ nhất phu nhân của vua bèn có thai, tám chín tháng sau sanh được một bé trai, nhan mạo đoan chánh, hiếm có ở đời. Vua liền nghĩ: 'Ta vốn không có con, qua biết bao lâu mới sanh con, nên đặt tên, khiến cho vui chơi trong ngũ dục'.

Khi ấy, vua cho mời những quần thần biết xem tướng đến bảo:

- Nay Ta đã sanh con, các Ông nên đặt tên tự.

Quần thần nghe vua dạy thế, liền tâu:

- Nay thái tử rất là kỳ diệu, đoan chánh vô song, mặt như màu hoa đào, chắc chắn sẽ có thế lực lớn. Bây giờ hãy đặt tên là Đại Lực.

Các thầy tướng đặt tên cho thái tử xong đứng dậy đi ra. Quốc vương rất yêu thái tử, chưa hề rời mắt. Khi thái tử vừa tám tuổi, theo các cận thần đến chỗ cha mình, triều giá thăm hỏi. Vua cha liền nghĩ: 'Nay thái tử thật là kỳ đặc', rồi bảo rằng:

- Ta muốn cưới vợ cho con, được không?

Thái tử tâu vua:

- Con tuổi còn thơ ấu, đâu cần cưới vợ!

Vua cha bèn tạm hoãn không cưới vợ cho thái tử. Đến khi thái tử hai mươi tuổi, vua lại bảo rằng:

- Ta muốn cưới vợ cho con.

Thái tử tâu:

- Chẳng cần lấy vợ.

Vua cha bảo quần thần và nhân dân:

- Ta vốn không con, trải qua bao nhiêu lâu mới sanh được một thái tử. Nay thái tử không chịu lấy vợ, muốn thanh tịnh không tỳ vết.

Bấy giờ, thái tử đổi tên thành Thanh Tịnh. Khi thái tử Thanh Tịnh vừa ba mươi tuổi, vua lại ra lệnh cho quần thần:

- Nay ta tuổi đã suy yếu, lại hiếm con cái, chỉ có thái tử Thanh Tịnh. Nay địa vị cao trọng của vua nên truyền cho thái tử, mà thái tử chẳng ưa ngũ dục, làm sao lo việc nước?

Quần thần đáp:

- Hãy dùng phương tiện cho thái tử ưa ngũ dục.

Khi ấy, vua cha liền đánh chuông, gióng trống ra lệnh cho nhân dân trong nước: 'Ai có thể khiến thái tử Thanh Tịnh vui ngũ dục, ta sẽ ban cho ngàn vàng và các báu vật'.

Bấy giờ, có một cô gái tên là Dâm Chủng, biết rõ sáu mươi bốn cách. Cô gái ấy nghe vua ra lệnh 'Ai có thể khiến thái tử làm quen với ngũ dục, sẽ ban cho ngàn cân vàng và các báu vật', liền đến chỗ tâu vua:

- Hãy cho tôi ngàn vàng và các báu vật, tôi có thể khiến thái tử tập quen ngũ dục.

Vua đáp:

- Nếu xét có thể được vậy, thì ta sẽ trọng thưởng, chẳng trái lời.

Dâm nữ tâu vua:

- Thái tử ngủ ở đâu?

Vua đáp:

- Ở đông đường, không có đàn bà, chỉ có một đàn ông làm thị vệ.

Cô gái tâu:

- Cúi mong Đại vương ra lệnh người trong nội cung thấy tôi chớ cản trở, cho tùy ý ra vào.

Trong canh hai đêm ấy, cô gái đứng bên cửa phòng thái tử, cất tiếng khóc. Thái tử nghe tiếng đàn bà khóc, liền sai người hầu đến hỏi:

- Người nào khóc vậy?

Người hầu đáp:

- Có người đàn bà đứng khóc bên cửa.

Thái tử bảo:

- Ông mau đến hỏi xem tại sao khóc?

Người hầu bèn đến hỏi cô ta tại sao khóc.

Dâm nữ đáp:

- Tôi bị chồng bỏ nên tôi khóc.

Người hầu trở vào tâu thái tử:

- Người đàn bà này bị chồng bỏ, lại sợ giặc trộm, vì thế mà khóc.

Thái tử bảo:

- Dẫn cô ta đến chuồng voi!

Đến đó, cô ta cũng khóc nữa, lại đem dẫn đến chuồng ngựa, cũng khóc.

Thái tử lại bảo người hầu:

- Đem vào đây!

Người hầu liền dẫn cô ta vào nhà. Cô vào rồi, lại đứng khóc nữa. Thái tử đích thân đến hỏi:

- Sao còn khóc nữa?

Dâm nữ đáp:

- Thái tử! Thân đàn bà yếu đuối lẻ loi, rất sợ hãi cho nên tôi khóc.

Thái tử bảo:

- Lên giường của ta đi, có thể hết sợ.

Cô gái làm thinh chẳng nói, cũng không khóc nữa. Rồi cô ta cởi bỏ y phục, nắm tay thái tử để lên ngực mình. Tức thời, thái tử kinh sợ, dục tưởng dần dần nổi lên. Dục tưởng đã khởi liền thành thân với cô ta.

Sáng sớm hôm sau, thái tử Thanh Tịnh đến chỗ vua. Vua cha từ xa thấy vẻ mặt thái tử khác hơn ngày thường, liền nói:

- Việc mong muốn của con nay có kết quả rồi chăng?

Thái tử đáp:

- Đúng như lời Đại vương nói.

Lúc ấy, vua cha vui mừng hớn hở không thể kềm được, bảo rằng:

- Con mong cầu điều gì, ta sẽ ban cho?

Thái tử nói:

- Ban cho con rồi chớ nên hối hận, thì con sẽ xin.

Vua bảo:

- Sẽ đúng như lời con, trọn không hối hận. Con muốn xin gì?

Thái tử tâu:

- Ngày nay Đại vương thống lãnh Diêm-phù-đề, hoàn toàn tự do. Các cô gái chưa chồng trong Diêm-phù-đề phải đến nhà con trước, sau đó mới cho lấy chồng.

Vua nói:

- Tùy theo lời con.

Vua liền ra lệnh cho nhân dân trong nước:

- Ai có con gái chưa xuất giá, trước phải cho đến với thái tử Thanh Tịnh, sau đó hãy gả chồng.

Bấy giờ trong thành có cô gái tên là Tu Man, con gái trưởng giả tới phiên mình phải vào cung vua, bèn khỏa thân đi chân không giữa đám đông, chẳng hổ thẹn gì cả. Mọi người trông thấy bèn bảo nhau:

- Đây là con gái trưởng giả nổi tiếng khắp nơi, tại sao lại khỏa thân đi giữa đám đông chẳng khác gì lừa!

Cô gái bảo mọi người:

- Tôi chẳng phải lừa, mấy người các Ông mới là lừa. Các Ông có thấy đàn bà gặp đàn bà mà hổ thẹn sao? Chúng sanh trong thành này đều là đàn bà. Chỉ có thái tử Thanh Tịnh là đàn ông. Nếu tôi đến cửa cung của thái tử Thanh Tịnh, tôi sẽ mặc y phục.

Khi ấy nhân dân trong thành bảo nhau:

- Cô này nói thật vừa ý tôi. Chúng ta thực là đàn bà chẳng phải đàn ông. Chỉ có thái tử Thanh Tịnh mới là đàn ông. Hôm nay chúng ta sẽ làm đàn ông.

Rồi, nhân dân trong thành, sắm sửa chiến cụ, mặc giáp cầm gậy, đến cung vua, tâu vua rằng:

- Chúng thần muốn xin hai điều, xin vua chấp nhận.

Vua hỏi:

- Hai điều gì?

Dân chúng tâu:

- Vua muốn còn sống, hãy giết thái tử Thanh Tịnh. Thái tử muốn sống, nay hãy giết vua. Chúng tôi chẳng chịu phụng sự thái tử Thanh Tịnh, làm nhục phép nước.

Khi ấy, nhà vua bèn nói kệ:

'Vì nhà, mất một người,
Vì làng, mất một nhà,
Vì nước, mất một làng,
Vì thân, mất thế gian'.
Vua nói kệ xong, bảo dân chúng rằng:

- Nay chính phải lúc, tùy ý các Ngươi.

Mọi người liền đem thái tử Thanh Tịnh trói hai tay dẫn ra ngoài thành. Họ bảo nhau:

- Chúng ta cùng lấy ngói, đá ném chết. Đâu cần một người giết làm chi!

Thái tử Thanh Tịnh lúc sắp chết, nói lời thề rằng:

- Các Người giết ta oan uổng. Vì chính vua cha cho phép ta. Nay ta chịu chết cũng chẳng dám từ. Mong ta đời sau sẽ báo được oán này, lại khiến ta gặp được bậc Chân nhân La-hán mau được giải thoát.

Khi đó nhân dân giết thái tử xong, giải tán đi.

Các Tỳ-kheo, chớ xem như thế! Bấy giờ vua Đại Quả đâu phải ai lạ, nay chính là thầy của Ương-quật-ma đấy. Dâm nữ lúc đó nay là vợ của ông thầy. Nhân dân bấy giờ, nay là tám vạn dân bị chết, đó là như vậy. Thái tử Thanh Tịnh nay là Tỳ-kheo Ương-quật-ma.

Lúc sắp chết ông ấy thệ nguyện như vậy nay trở lại báo oán không người nào thoát khỏi tay, do nhân duyên này giết hạn vô hạn. Sau ông ấy lại nguyện muốn gặp Phật, giờ được giải thoát, thành A-la-hán. Đây là ý nghĩa, nên nhớ vâng làm. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng đệ tử của ta, người có trí thông minh mau lẹ, là Tỳ-kheo Ương- quật-ma.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vâng làm.

---o0o---

XXXVIII.2. Phẩm Lực (2)

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật, cùng chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy có thấy núi Linh Thứu này chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Dạ thấy, bạch Thế Tôn.

- Các Thầy nên biết, thời quá khứ lâu xa, núi này có tên khác, chẳng như bây giờ. Các Thầy lại thấy núi Quảng Phổ chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Dạ thấy, bạch Thế Tôn.

- Các Thầy nên biết, thời quá khứ lâu xa, núi này lại có tên khác, chẳng giống bây giờ. Các Thầy thấy núi Bạch Thiện chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Dạ thấy, bạch Thế Tôn.

- Quá khứ lâu xa, núi này lại có tên khác, chẳng như bây giờ. Các Thầy có thấy núi Phụ Trọng này không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Dạ thấy, bạch Thế Tôn.

- Các Thầy có thấy núi Tiên Nhân Quật này chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Dạ thấy, bạch Thế Tôn.

- Núi này từ quá khứ lâu xa vẫn chỉ tên này không có tên khác. Vì sao vậy? Núi Tiên nhân này thường có Bồ-tát thần thông, La-hán đắc đạo, là chỗ của chư tiên ở, các Bích-chi Phật cũng dạo nơi đây. Nay Ta sẽ nói về danh hiệu Bích-chi Phật. Các Thầy hãy

lắng nghe, khéo suy nghĩ.

Có chư Phật Bích-chi tên là A-lợi-tra, Bà-lợi-tra, Thẩm Đế Trùng, Thiện Quán, Cứu Cánh, Thông Minh, Vô Cấu, Đế Xà Niệm Quán, Vô Diệt Vô Hình, Thắng Tối Thắng, Cực Đại, Cực Lôi, Điện Quang Minh. Này Tỳ- kheo! Khi Như Lai chưa xuất hiện, trong núi này có năm trăm Bích Chi Phật ở. Như Lai ở trên trời Đâu-suất, lúc muốn hạ sanh, Thiên tử Tịnh Cư sẽ tự đến đây thông báo, ra lệnh khắp thế gian hãy làm sạch cõi Phật. Sau hai năm Như Lai sẽ xuất hiện ở đời. Các Bích-chi Phật nghe Thiên nhân nói xong, bay lên không trung nói kệ:

'Lúc chư Phật chưa ra,
Xứ này Hiền Thánh ở,
Bích-chi Phật tự ngộ,
Hằng ở trong núi này.
Đây gọi núi Tiên Nhơn,
Nơi Bích-chi Phật ở,
Tiên nhân và La-hán,
Trọn không có lúc trống'.

Khi ấy, các Bích-chi Phật ở trong không, thiêu thân nhập Niết-bàn. Vì sao thế? Đời không có hai danh hiệu Phật nên các Ngài diệt độ. Trong một đoàn khách buôn, không có hai người dẫn đường; trong một nước, không hai vua; một cảnh giới Phật, không có hai tên hiệu. Vì sao thế? Quá khứ lâu xa, trong thành La-duyệt này có vua Hỷ Ích hằng nghĩ đến sự đau khổ của địa ngục, cũng nhớ sự khổ đau của ngạ quỷ, súc sanh. Lúc ấy vua nghĩ rằng: 'Nay ta hằng nhớ sự khổ đau của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chẳng nên vào lại ba đường ác này, hãy bỏ hết ngôi vị quốc vương, vợ con, tôi tớ, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo'.

Khi ấy, Đại vương Hỷ Ích chán sự khổ đau, liền bỏ ngôi vua, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, ở chỗ vắng vẻ, tự khép mình, quán năm

thạnh ấm, quán vô thường. Nghĩa đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc diệt; thọ, tưởng, hành, thức cũng như thế, thảy đều vô thường. Ngay lúc quán ngũ thạnh ấm, các pháp có thể tập, đều là pháp diệt. Quán pháp này xong, sau thành Bích-chi Phật. Khi ấy, Bích-chi Phật Hỷ Ích đã thành Phật quả liền nói kệ:

Ta nhớ khổ địa ngục,
Súc sanh trong năm đường,
Xả bỏ, nay học đạo,
Riêng đi mà chẳng lo.
Khi ấy vị Bích Chi Phật này ở trong núi Tiên Nhân.

Tỳ-kheo nên biết! Do phương tiện này mà biết, trong núi này thường có Bồ- tát, thần thông tự tại chân nhân đắc đạo và người học đạo tiên ở. Thế nên gọi là núi Tiên Nhân, không có tên khác. Lúc Như Lai chưa xuất hiện ở đời, trong núi Tiên Nhân này, chư Thiên thường đến cung kính. Vì sao thế? Trong núi toàn là bậc chân nhân, không có lẫn

lộn người khác. Lúc Phật Di- lặc giáng trần, tên các núi đều thay đổi, chỉ núi Tiên Nhân này không có tên khác. Trong Hiền kiếp này, tên núi này cũng chẳng khác. Tỳ-kheo các Thầy nên gần gũi núi này, phụng sự cung kính thì sẽ được tăng thêm các công đức. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy hãy chuyên niệm mà tự tu chính mình. Thế nào là nên chuyên niệm? Ở đây, này Tỳ-kheo! Khi đi biết mình đi, các phép tắc cử động, tiến dừng, co duỗi, cúi ngước, mặc áo, ngủ nghỉ, thức tỉnh, nói hoặc im, thảy đều phải biết lúc. Nếu Tỳ-kheo tâm ý chuyên chính, Tỳ-kheo ấy dục lậu chưa sanh liền chẳng sanh, đã sanh liền diệt, hữu lậu chưa sanh khiến chẳng sanh, đã sanh liền diệt, vô minh lậu chưa sanh khiến chẳng sanh, đã sanh khiến diệt.

Nếu chuyên niệm phân biệt lục nhập, trọn sẽ không rơi vào ác đạo. Thế nào là lục nhập ác đạo? Mắt quán sắc này hoặc đẹp hoặc xấu, thấy đẹp thì vui, thấy xấu chẳng vui. Tai nghe tiếng hoặc hay hoặc dở, nghe hay thì vui, nghe dở thì chẳng vui; mũi, miệng, thân, ý cũng lại như thế. Ví như có sáu loại thú chó, dã hồ, khỉ, cá, rắn, chim, mỗi loại tính nết chẳng đồng, nếu có người lấy dây cột chúng lại, cột chung một chỗ rồi buông ra thì bấy giờ sáu con, mỗi con một tính hạnh, con chó thì muốn chạy đến xóm làng, dã hồ thì muốn chạy ra gò mả, cá thì muốn xuống nước, khỉ thì muốn vào rừng núi, rắn muốn bò vào hang, chim thì muốn bay lên trời. Sáu loại thú, mỗi con có tính hạnh chẳng giống nhau. Nếu có người đem sáu con vật này cột vào một nơi, khiến không cho chạy Đông, Tây, Nam, Bắc gì được thì khi ấy sáu con tuy cũng chuyển động mà chẳng lìa chỗ cũ. Lục tình cũng lại như thế, mỗi thứ chỉ mỗi việc chẳng đồng. Sự quán khác biệt hoặc tốt, hoặc xấu. Bấy giờ các Tỳ-kheo cột sáu tình này để vào một chỗ. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nhớ tinh chuyên, ý chớ lầm lẫn, thì tệ ma Ba-tuần trọn sẽ không được tiện lợi, các công đức sẽ được thành tựu. Thế nên, các Tỳ-kheo, hãy nhớ đầy đủ các căn, đắc nhị quả; ở trong hiện pháp được quả A-na-hàm, hoặc đắc quả A-la- hán. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại vườn Lộc Dã, nước Ba-la-nại, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên tư duy, tưởng vô thường, quảng bá tưởng vô thường. Đã tư duy tưởng vô thường, quảng bá tưởng vô thường thì sẽ đoạn dục ái, sắc ái, vô sắc ái, đoạn kết kiêu mạn, vô minh. Vì cớ sao?

Ngày xưa, trong thời quá khứ lâu xa, có Bích-chi Phật tên là Thiện Mục, nhan mạo đoan chánh, mặt như màu hoa đào, ngắm mãi không chán, miệng thơm hương hoa sen, thân có mùi chiên-đàn. Khi ấy, Bích-chi Phật Thiện Mục, đến giờ đắp y ôm báo vào thành Ba-la-nại khất thực, dần dần đến nhà đại trưởng giả, yên lặng đứng ngoài cửa. Cô con gái trưởng giả thấy có đạo sĩ đứng ngoài cửa, đoan chánh vô song, nhan mạo kỳ đặc hiếm có ở đời,

miệng tỏa hương sen, thân thơm chiên-đàn, liền động lòng dục nói với Tỳ- kheo ấy rằng:

- Này Thầy đoan chánh, mặt như màu hoa đào, hiếm có ở đời. Nay tôi tuy là phận đàn bà, nhưng cũng đoan chánh, nên cùng nhau sum vầy. Trong nhà tôi dồi dào châu báu, tài sản vô lượng; còn làm Sa-môn thật chẳng dễ.

Bích-chi Phật bèn hỏi:

- Này Cô! Nay Cô bị đắm nhiễm chỗ nào?

Cô gái trưởng giả đáp:

- Nay tôi chính là để ý con mắt thầy, miệng lại thơm mùi sen, thân có mùi chiên-đàn.

Bích-chi Phật liền duỗi tay trái, dùng tay phải móc mắt đặt vào bàn tay, bảo:

- Con mắt đáng yêu đây! Này Cô, bây giờ đắm nhiễm chỗ nào? Ví như mụn nhọt, chẳng có chút nào đáng ưa. Mà con mắt này cũng rỉ chảy chẳng sạch. Cô nên biết! Mặt như bọt nổi chẳng kiên cố gì, huyễn ngụy không thật, dối gạt người đời. Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý, đều không kiên cố, lừa dối chẳng chơn thật. Miệng là chỗ khạc đờm dãi bất tịnh, toàn là xương trắng. Thân là vật khổ, là pháp hoại diệt, hằng chứa đồ hôi thúi, các trùng quấy nhiễu. Cũng như trong cái bình vẽ, chứa đầy bất tịnh. Này Cô! Hôm nay Cô bị dính mắc chỗ nào? Thế nên, Cô nên chuyên tâm suy nghĩ, pháp này huyễn ngụy không chân. Nếu Cô suy nghĩ nhãn sắc vô thường, thì dục tưởng đắm trước sẽ tự tiêu diệt; tai, mũi, miệng, thân ý thảy đều vô thường, suy nghĩ như thế rồi, dục ý sẽ tự tiêu trừ, tư duy lục nhập sẽ không dục tưởng.

Khi ấy, cô gái trưởng giả khiếp sợ, liền đến trước lạy Bích-chi Phật, bạch rằng:

- Từ nay trở đi, con xin sửa lỗi làm lành, không khởi dục tưởng nữa. Cúi mong Ngài cho con hối lỗi.

Như thế hai ba phen. Bích-chi Phật bảo:

- Thôi! Thôi! Này Cô! Đây chẳng phải là lỗi của Cô mà là do tội cũ của ta khiến thọ thân hình này, làm cho người khởi tình ý tham muốn. Hãy nhìn kỹ con mắt này. Mắt này chẳng phải ta, ta cũng chẳng phải do kia có, cũng

chẳng phải ta tạo, cũng chẳng phải kia làm, do từ trong chỗ không có mà sanh, đã có sẽ bị bại hoại, cũng chẳng phải đời trước, đời này, đời sau, mà đều do nhân duyên hội họp.

Nhân duyên hội họp là: duyên cái này có cái này, đây khởi thì kia khởi, đây không thì kia không, đây diệt thì kia diệt. Mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý cũng lại như thế, thảy đều không tịch. Thế nên, Cô chớ dính mắc nhãn sắc; vì không dính sắc thì sẽ đến chỗ an ổn, không có tình dục nữa. Như thế, Cô nên học điều này.

Khi ấy Bích-chi Phật thuyết bốn pháp vô thường cho cô gái rồi, bay lên hư không, hiện mười tám pháp thần biến rồi về chỗ mình. Cô gái kia quán mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý trọn không có gì, liền ở chỗ vắng vẻ, suy tư pháp này. Cô lại tư duy sáu tình không có chủ tể, được bốn bình đẳng tâm (từ, bi, hỷ, xả). Khi thân hoại mạng chung, Cô sanh lên trời Phạm thiên.

Tỳ-kheo nên biết! Nếu tư duy tưởng vô thường, quảng bá tưởng vô thường, sẽ đoạn hết dục ái, sắc ái, vô sắc ái; kiêu mạn, vô minh thảy đều trừ sạch. Thế nên, Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, hoan hỷ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bảo người đánh xe rằng:

- Nay ngươi sửa soạn xe vũ bảo. Ta muốn ra ngoài dạo xem.

Người kia vâng lệnh vua sửa soạn xe xong đến trước tâu vua:

- Đã sửa soạn xe vũ bảo xong. Vua nên biết đúng thời.

Vua Ba-tư-nặc bảo người này đánh xe ra khỏi thành Xá-vệ. Đến vườn cảnh xem thấy cây cối không một tiếng động, không một bóng người, lặng lẽ vắng không. Vua thấy rồi chợt nhớ Như Lai nói về gốc của các pháp. Khi đó người hầu cầm quạt, quạt vua. Vua nói:

- Vườn trái cây cối này không có tiếng động, không có bóng người, lặng lẽ, vắng vẻ. Ta muốn thỉnh đức Thế Tôn Chí Chân Đẳng Chánh Giác đến du hóa ở đây. Nhưng chẳng biết Như Lai nay ở đâu, Ta muốn đến thăm hỏi.

Người hầu tâu:

- Họ Thích có làng tên Lộc Đường. Như Lai đang du hóa ở đó.

Vua Ba-tư-nặc bảo:

- Lộc Đường cách đây bao xa?

Người hầu tâu:

- Trụ xứ của Như Lai cách đây không xa. Đi đường chừng ba do tuần.

Vua Ba-tư-nặc bảo:

- Mau lấy xe vũ bảo, ta muốn gặp Như Lai.

Người hầu vâng lệnh vua, liền chuẩn bị xe, đến trước vua tâu:

- Nay xe đã sẵn sàng, vua nên biết đúng thời.

Vua liền lên xe đến làng kia. Khi ấy, chúng Tỳ-kheo đang kinh hành ngoài trời. Vua liền xuống xe đến chỗ các Tỳ-kheo cúi lạy, rồi đứng một bên. Vua thưa các Tỳ-kheo:

- Như Lai ở đâu? Tôi muốn gặp.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thế Tôn đang ở trong giảng đường, hãy đến gặp, chẳng khó khăn gì.

Vua chầm chậm nhấc chân, không để có tiếng động. Vua quay lại nhìn người hầu, người này liền nghĩ: 'Nay vua đi một mình đến gặp Thế Tôn. Ta nên đứng đây'. Và vua đi một mình đến chỗ Thế Tôn. Bấy giờ Thế Tôn dùng thiên nhãn xem thấy vua Ba-tư-nặc đứng ngoài cửa, Ngài liền đứng lên mở cửa cho vua. Vua thấy Thế Tôn, cúi lạy và xưng tên họ ba lần.

- Con là vua Ba-tư-nặc.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ngài là vua, còn Ta họ Thích, xuất gia học đạo.

Vua thưa:

- Cúi mong Thế Tôn sống lâu vô cùng, để cho Trời Người được an ổn.

Thế Tôn bảo:

- Chúc Đại vương được thọ vô cùng, đem Chánh pháp trị dân, chẳng dùng phi pháp. Những vị dùng pháp cai trị đều sanh lên trời, cõi lành; sau khi chết, tên tuổi bất hủ, người đời sẽ truyền nhau rằng: 'Xưa có quốc vương dùng pháp trị dân chưa từng ép uổng'. Nhân dân trong nước đều ca ngợi công đức của vua; nhớ mãi chẳng quên. Thân vua ở trên trời tăng thêm sáu việc công đức. Thế nào là sáu? Thiên thọ; thiên sắc; thiên lạc; thiên thần túc; thiên hao; thiên quang. Thế nên, Đại vương, hãy dùng pháp trị chớ dùng phi pháp... Ngày nay chính Ta có công đức nầy nên được người cung kính lễ bái.

Vua bạch Phật:

- Công đức Như Lai đáng nhận người lễ bái.

Thế Tôn bảo:

- Vì sao nay vua nói rằng Như Lai đáng nhận người lễ bái?

Vua bạch Phật:

- Như Lai có sáu công đức, đáng được người lễ bái. Thế nào là sáu? Chính pháp Như Lai rất hòa nhã, được người trí tu hành. Đó là công đức đầu tiên của Như Lai.

Lại nữa, Thánh chúng của Như Lai rất hòa thuận, pháp pháp đều thành tựu, giới thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Thánh chúng là bốn đôi, tám bậc. Đây là Thánh chúng của Như Lai, đáng kính, đáng quý, là đại phước điền của thế gian. Đó là công đức thứ hai của Như Lai.

Lại nữa, bốn bộ chúng của Như Lai đều học tập thực hành các pháp nên thi hành, không xúc nhiễu Như Lai nữa. Đó là công đức thứ ba của Như Lai.

Lại nữa, Thế Tôn! Con thấy dòng Sát Lợi, Bà-la-môn, Cư sĩ, Sa-môn cao tài cái thế đều đến tụ tập luận nghị: 'Chúng ta hãy đem luận này đến hỏi Như Lai. Nếu Sa-môn Cù-đàm không đáp luận này tức là ông ta có khuyết điểm. Nếu trả lời được chúng ta sẽ khen hay'. Bấy giờ, bốn dòng họ đều đến chỗ Thế Tôn để hỏi luận, cũng có người làm thinh. Thế Tôn thuyết pháp cho họ. Nghe pháp xong, không ai hỏi gì nữa, huống là muốn luận. Họ đều thờ Như Lai làm thầy. Đó là công đức thứ tư.

Lại nữa, những người có sáu mươi hai kiến chấp dối gạt thế gian, chẳng hiểu Chánh pháp; do đó đến chỗ ngu si. Nhưng Thế Tôn có thể trừ các nghiệp tà kiến nầy, khiến họ tu chánh kiến. Đó là công đức thứ năm của Như Lai.

Lại nữa, chúng sanh thân, miệng, ý hành ác, nếu khi mạng chung nhớ công đức của Như Lai liền lìa ba đường ác, được sanh lên trời, cho dù người cực ác cũng được sinh Thiên. Đó là công đức thứ sáu của Như Lai. Chúng sanh nào thấy Như Lai cũng đều khởi tâm cung kính, cúng dường.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Đại vương có thể ở trước Như Lai làm sư tử rống diễn nói các công đức của Như Lai. Thế nên, Đại vương, nên thường nghĩ đến Như Lai. Như thế, Đại vương, nên học điều này.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho vua Ba-tư-nặc, khiến cho vua hoan hỷ. Đại vương nghe Phật thuyết xong, từ chỗ ngồi đứng lên cúi lạy rồi lui đi. Chưa bao lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy nên trì pháp nầy cúng dường, khéo tụng niệm. Vì sao thế? Đây là lời của vua Ba-tư-nặc. Các Thầy cũng nên giảng rộng nghĩa cho bốn bộ chúng. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

11. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở thành La-duyệt, trong vườn trúc Ca-lan-đà, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, vua A-xà-thế bảo quần thần:

- Các Ngươi mai sửa soạn xe vũ bảo, ta muốn đến gặp Thế Tôn.

Quần thần vâng lệnh vua, sửa soạn xe vũ bảo, rồi đến trước vua tâu:

- Xa giá đã xong, vua nên biết thời.

Vua ngồi xe vũ bảo, đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy và ngồi một bên. Khi ấy, vua A-xà-thế bạch Thế Tôn:

- Cúi mong Thế Tôn nhận lời thỉnh của con mà ở thành La-duyệt nhập hạ chín mươi ngày.

Thế Tôn làm thinh nhận lời. Vua thấy Thế Tôn im lặng nhận lời thỉnh, liền từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy và lui đi. Rồi vua A-xà-thế tùy thời cúng dường y phục, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men.

Khi ấy, tại thành Tỳ-xá-ly, quỷ thần hưng thịnh; nhân dân chết chóc vô kể, trong một ngày cả trăm người chết. Quỷ thần, La-sát, đầy dẫy ở đó. Người mặt mũi vàng khè, trải qua ba, bốn ngày rồi chết. Nhân dân Tỳ-xá-ly kinh hoàng, tụ tập một nơi bàn luận:

- Đại thành này rất thịnh đạt, dân chúng giàu có, vui sướng vô hạn, như trụ xứ của Trời Đế-thích thế mà ngày nay bị quỷ thần hại, rồi sẽ chết hết, hoang sơ ví như núi rừng, ai có thần đức để trừ tai nạn này?

Mọi người bảo nhau:

- Chúng ta nghe nói Sa-môn Cù-đàm hễ đi đến đâu thì những quỷ tà ác không thể đến gần quấy nhiễu. Nếu Như Lai đến đây thì quỷ thần này sẽ chạy tan. Nhưng hôm nay Thế Tôn ở trong thành La-duyệt, được A-xà-thế cúng dường, sợ rằng Ngài không đến đây du hóa.

Có người lại nói:

- Như Lai có lòng từ bi rộng lớn, thương nhớ chúng sanh, xem khắp tất cả, người chưa độ sẽ khiến được độ, không bỏ tất cả chúng sanh, như mẹ yêu

con. Nếu có người thỉnh thì Như Lai đến ngay. Vua A-xà-thế chẳng giữ được đâu! Ai chịu đến nước vua A-xà-thế bạch với Thế Tôn rằng: 'Trong thành chúng con gặp việc nguy khốn, cúi mong Thế Tôn từ mẫn chiếu cố?'.

Khi ấy, có đại trưởng giả Tối Đại ở trong chúng ấy. Mọi người mới bảo Trưởng giả:

- Chúng tôi nghe Sa-môn Cù-đàm đi đến đâu, các quỷ tà ác không thể hại được. Nếu Như Lai đến đây thì tai nạn nầy có thể trừ được. Ông hãy đến chỗ Thế Tôn bạch với Ngài đầy đủ ý nầy, để thành quách còn tồn tại mãi.

Trưởng giả lặng thinh theo lời mời mọi người; từ chỗ ngồi đứng lên đi về nhà, sửa soạn hành trang lên đường. Trưởng giả dẫn người làm đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, rồi ngồi một bên. Khi ấy, Trưởng giả bạch Thế Tôn:

- Nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly gặp tai nạn, người chết rất nhiều, trong một ngày, xe chở xác chết có đến cả trăm. Cúi xin Thế Tôn thương xót tiếp độ, để những người còn

lại được an ổn vô sự. Chúng con lại nghe, Thế Tôn đi đến đâu. Thiên long quỷ thần không dám bén mảng quấy nhiễu. Mong Ngài rũ lòng chiếu cố đến thành kia, độ cho dân chúng an ổn vô sự.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta đã nhận lời thỉnh của vua A-xà-thế ở thành La-duyệt. Chư Phật Thế Tôn chẳng nói hai lời. Nếu vua A-xà-thế bằng lòng thì Như Lai sẽ đến.

Trưởng giả Tối Đại bạch Phật:

- Việc này rất khó, vua A-xà-thế chắc chắn không để Như Lai đến nước kia. Vì sao thế? Vua A-xà-thế chẳng có mảy may thân thiện với nước con, ông luôn luôn tìm phương tiện muốn hại dân nước con. Nếu vua A-xà-thế trông thấy con là giết ngay, huống là cho bày tỏ việc này. Nếu vua ấy nghe được nhân dân nước kia bị quỷ thần hại, thì vui mừng không lường.

Thế Tôn bảo:

- Chớ sợ hãi! Nay Ông hãy đến tâu vua việc này: 'Như Lai thọ ký cho vua hoàn toàn không hư vọng, không hai lời. Phụ vương ngài vô tội mà bị giết. Đáng lẽ ngài phải sanh vào địa ngục A-tỳ suốt một kiếp. Nhưng ngày nay, ngài đã lìa bỏ tội này, sửa đổi tội lỗi, có tín căn thành tựu đối với pháp Như Lai. Do đức bổn này, diệt được tội kia, không còn sót mảy may. Đời này

ngài mạng chung, sẽ sanh vào địa ngục Phách Cừu. Ở đó mạng chung sẽ sanh lên trời Tứ Thiên vương, rồi sanh lên trời Diệm Thiên. Ở đó mạng chung, ngài sanh lên trời Đâu-suất, trời Hóa-tự-tại, trời Tha hóa tự tại, rồi trở lại đến trời Tứ Thiên vương. Đại vương nên biết! Trong hai mươi kiếp ngài không đọa đường ác, hằng sanh trong loài người, thân cuối cùng do lòng tin kiên cố, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo tên là Phật Bích-chi Trừ Ác'. Vua kia nghe xong sẽ mừng rỡ không kềm được, cũng sẽ bảo Ông rằng: 'Tùy Ngươi cầu xin điều gì, ta sẽ không trái ý'.

Trưởng giả bạch Thế Tôn:

- Nay con sẽ nương oai thần của Thế Tôn để đến chỗ vua.

Rồi, ông từ chỗ ngồi đứng lên, cúi lạy, đi đến chỗ vua. Bấy giờ, vua A-xà- thế cùng các quần thần đang ở trên điện cao bàn luận. Đại trưởng giả đi đến trước vua. Vua từ xa trông thấy, bảo quần thần:

- Nếu người này đến đây, các Ngươi muốn bắt làm gì?

Có người nói:

- Chúng ta sẽ bắt đem xẻo năm chỗ.

Có người nói:

- Sẽ bêu đầu.

Vua A-xà-thế nói:

- Các Ngươi cứ giục bắt giết đi, chẳng cần gặp ta.

Trưởng giả nghe xong kinh sợ, vội lớn tiếng nói:

- Tôi là sứ giả của Phật.

Vua nghe tiếng Phật liền xuống tòa, quỳ gối phải, hướng về chỗ Phật, hỏi trưởng giả ấy rằng:

- Như Lai dạy dỗ điều gì?

Trưởng giả đáp:

- Thế Tôn thọ ký trước cho Thánh vương, không có hư vọng, lời dạy không có hai lời. Như Lai nói: 'Vua giết hại vua cha, do tội này đáng vào địa ngục A-tỳ suốt một kiếp. Sau, vua lại biết hối lỗi với Như Lai nên sẽ sanh trong địa ngục Phách Cừu. Ở đó, khi vua chết, sẽ sanh lên trời Tứ Thiên vương, lần lượt sanh lên trời Tha hóa tự tại, rồi lại trở về trời Tứ Thiên vương. Trong hai mươi kiếp vua không rơi ba đường ác, hằng sanh trong loài người. Thân cuối cùng do lòng tin kiên cố, vua xuất gia học đạo, tên là Phật Bích- chi Trừ Ác, xuất hiện ở đời.

Vua nghe xong mừng rỡ, liền bảo đại trưởng giả:

- Nay Ông muốn xin điều gì, ta sẽ cho.

Trưởng giả tâu:

- Xin vua chớ trái lời cầu xin.

Vua A-xà-thế bảo:

- Nay Ông nếu nói cần gì, ta cũng chẳng trái ý.

Trưởng giả tâu vua:

- Nhân dân thành Tỳ-xá-ly gặp tai nạn, bị quỷ thần làm hại vô kể. La-sát quỷ thần rất hung bạo. Cúi mong Đại vương để Thế Tôn đến nước đó cho quỷ thần chạy tan. Vì sao thế? Chúng tôi từng nghe, Như Lai đến đâu thì Trời, Rồng, Quỷ thần, chẳng được tiện lợi. Cúi mong Đại vương chấp thuận để Thế Tôn đến nước kia.

Vua nghe xong thở dài nói:

- Điều yêu cầu này rất lớn, chẳng phải tầm thường. Nếu Ông xin ta thành quách, làng xóm, của cải quốc gia hay vợ con thì ta chẳng tiếc. Ta không ngờ Ông xin đến Thế Tôn, nhưng trước ta đã hứa, thì thôi! Đành theo ý Ông!

Trưởng giả hết sức vui mừng liền đứng lên cáo từ lui đi. Ông đến chỗ Thế Tôn thưa:

- Vua A-xà-thế đã chấp thuận để Thế Tôn đến nước kia.

Thế Tôn bảo:

- Người về trước đi. Như Lai sẽ tự biết đúng lúc.

Trưởng giả cúi lạy, nhiễu Phật ba vòng rồi lui đi.

Sáng sớm, Thế Tôn đem các chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau ra khỏi vườn trúc Ca-lan-đà, đến thành Tỳ-xá-ly. Vua A-xà-thế đang ở trên lầu cao với một người cầm lọng, trông thấy Thế Tôn đi về phía nước kia liền than thở bảo tả hữu:

- Chúng ta bị Trưởng giả kia lừa rồi. Nay ta sống làm gì mà để Thế Tôn ra khỏi nước.

Vua A-xà-thế đem năm trăm lọng tiễn đưa Thế Tôn, sợ bụi bặm lấm thân Ngài. Người trong thành La-duyệt cũng đem năm trăm lọng báu theo sau Thế Tôn. Thích-đề-hoàn-nhân biết ý Thế Tôn cũng đem năm trăm lọng báu ở trên hư không sợ bụi đất lấm thân Như Lai. Các thần sông cũng cầm năm trăm lọng báu ở trên hư không. Nhân dân Tỳ-xá-ly nghe tin hôm nay Thế Tôn sẽ vào thành, lại đem năm trăm lọng báu đến rước. Bấy giờ, có hai ngàn năm trăm lọng báu treo ở hư không.

Khi Thế Tôn trông thấy các lọng báu này, Ngài bèn mỉm cười, miệng phóng hào quang năm màu: xanh, vàng, trắng, đen, đỏ. Thị giả A-nan thấy ánh sáng này liền suy nghĩ: 'Đây là cớ gì? Thế Tôn cười ắt có lý do, không phải việc thường'.

Tôn giả A-nan liền quỳ xuống chấp tay bạch Thế Tôn:

- Như Lai không có cười suông, cười ắt phải có duyên cớ.

Thế Tôn bảo:

- Nay Thầy có thấy hai ngàn năm trăm lọng báu cúng dường Như Lai chăng?

Tôn giả A-nan bạch:

- Dạ thấy, thưa Thế Tôn.

Thế Tôn bảo:

- Nếu Như Lai không xuất gia học đạo thì trong hai ngàn năm trăm kiếp sẽ làm Chuyển luân Thánh vương cai trị nhân dân. Vì Như Lai xuất gia học đạo

nên không nhận lọng báu này. A-nan nên biết! Quá khứ lâu xa có vua tên Thiện Hóa Trị, ở nước Mật-hy-la, dùng pháp cai trị, có cách thức tiếp nạp, thống lãnh cõi Diêm-phù-đề, mọi người đều tùng phục.

Bấy giờ, vua có tám vạn bốn ngàn phu nhân, thể nữ đều thuộc dòng Sát-lợi. Đệ nhất phu nhân tên Nhật Quang, cũng không có con nối dõi. Vua liền nghĩ: 'Nay ta thống trị cõi Diêm-phù, mà không có con'. Vua liền cầu khẩn thần núi, thần cây, thần minh trong trời đất mong được một đứa con. Chưa được mấy ngày, phu nhân hoài thai. Phu nhân Nhật Quang báo cho vua hay:

- 'Đại vương nên biết! Nay tôi biết được mình mang thai, hãy nên gìn giữ cho'.

Qua tám chín tháng, phu nhân sanh một thái tử, nhan sắc đoan chánh như màu hoa đào. Phu nhân trông thấy hết sức vui mừng đến báo cho vua. Vua cũng mừng rỡ không kềm được. Cả tám vạn bốn ngàn phu nhân thấy sanh thái tử cũng đều vui mừng. Quốc vương cho mời quần thần, quốc sư, đạo sĩ đến xem tướng cho thái tử, lại đặt tên tự để đời xưng hô. Các thầy tướng tâu vua:

- 'Nay sanh thái tử rất đoan chánh khác đời, ai trông thấy cũng yêu mến. Bây giờ, đặt tên là Ái Niệm'.

Đặt tên tự xong, mọi người ra về.

Quốc vương thương yêu thái tử chưa hề rời mắt. Ngài xây giảng đường ba mùa cho thái tử, cùng đông đảo thể nữ để thái tử vui chơi. Bấy giờ, thái tử liền nghĩ:

- 'Thể nữ ở đây có thường còn không lìa thế gian, cũng không biến đổi chăng? Nay ta xem tất cả bọn họ đều vô thường hết, chả ai còn mãi ở đời, tức là huyễn ngụy, không chân thật mà khiến nhân dân đắm nhiễm yêu thích, không ai biết xa lìa. Nay ta dùng họ làm gì? Nên bỏ mà học đạo'.

Ngay ngày đó, thái tử Ái Niệm cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo. Ngay đêm ấy, thái tử dứt hết mọi trói buộc, suy nghĩ pháp có tập đều là pháp hoại diệt. Rồi Thái tử thành Phật Bích-chi. Thành Phật rồi, Ngài liền nói kệ:

'Dục là pháp vô thường, Biến đổi không chắc thật,

Biết đây là hoạn lớn, Không chung, đi một mình'.

Phật Bích-chi nói kệ xong, bay lên hư không, vòng quanh thành Mật-hy-la ba vòng. Bấy giờ, Quốc vương đang ở trên điện cao cùng vui chơi với các cung nhân, thấy Phật Bích-chi nhiễu thành ba vòng, hết sức vui mừng bảo:

- 'Nay thái tử của ta bay trên không trung như chim bay'.

Vua không biết thái tử thành Phật Bích-chi, nên bảo:

- 'Con hạ xuống điện này cùng ta vui chơi'.

Bấy giờ, A-nan! Phật Bích-chi hạ xuống điện, muốn độ cha mẹ.

Vua bảo:

- 'Hôm nay vì sao thái tử mặc y thể nữ, lại cạo râu tóc khác người?'.

Phật Bích-chi đáp:

- 'Nay con mặc rất thanh nhã, chẳng phải theo thói người thường'.

Vua bảo:

- 'Vì sao không vào cung?'.

Phật Bích-chi nói:

- 'Từ nay về sau, con không tập dục nữa, cũng không ưa ngũ dục'.

Vua nói:

- 'Nếu không ưa ngũ dục thì đến ở sau vườn của ta'.

Quốc vương đích thân đến vườn, tạo dựng nhà cửa. Phật Bích-chi vì muốn độ cha mẹ nên đến ở nhà trong vườn. Ngài nhận sự cúng dường của vua một thời gian rồi nhập

Vô dư Niết-bàn. Vua đem Xá-lợi trà tì, rồi lập thần tự lớn ở đó. Ngày khác, vua lại đến vườn xem xét, thấy thần tự ấy hư hỏng điêu tàn, liền nghĩ: 'Đây là thần tự của con trai ta, nay bị hư hoại'. Vua bèn lấy lọng của mình che lên thần tự. Đó là vì lòng yêu thương chưa hết.

Thế nên, A-nan! Chớ cho như thế! Vua Thiện Hóa bấy giờ chính là Ta. Ta vì con mà lấy lọng che trên thần tự. Do công đức này lưu chuyển trong trời người, mấy trăm ngàn lần làm Chuyển luân Thánh vương, hoặc làm Đế- thích, Phạm thiên. Lúc ấy, Ta không biết con Ta là Phật Bích-chi. Nếu Ta biết là Phật Bích-chi thì công đức không thể đo lường. Nếu Như Lai không thành đạo Vô Thượng Chánh Chân, thì lại thêm hai ngàn năm trăm lần làm Chuyển luân Thánh vương cai trị thiên hạ. Vì Ta thành đạo, nên nay có hai ngàn năm trăm lọng tự nhiên ứng hiện.

Vì thế, A-nan! Do nhân duyên này Như Lai cười. Thừa sự chư Phật, công đức không thể kể xiết. Thế nên, A-nan! Hãy tìm phương tiện cúng dường chư Phật, Thế Tôn. Như thế, A-nan! Hãy học điều này.

Rồi Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo vào thành Tỳ-xá-ly, Ngài đứng giữa cửa thành nói kệ:

Nay đã thành Như Lai,
Thế gian cao trọng nhất,
Đem lời chí thành này,
Tỳ-xá-ly không khác.
Lại đem Pháp chí thành,
Được đạt đến Niết-bàn,
Đem lời chí thành này,
Tỳ-xá-ly không khác.
Lại đem Tăng chí thành,
Chúng Hiền thánh đệ nhất,
Đem lời chí thành này,
Tỳ-xá-ly không khác.
Hai chân được an ổn,
Bốn chân cũng như thế,
Đi đường cũng tốt lành,
Đến nơi cũng lại thế.
Ngày đêm được an ổn,
Không có bị xúc nhiễu,
Đem lời chí thành này,
Khiến Tỳ-xá không khác.

Như Lai nói xong, La-sát quỷ thần đều bỏ chạy không yên chỗ, không vào thành Tỳ-xá-ly nữa, những người bệnh tật đều được trừ lành.

Bấy giờ Thế Tôn đi dạo bên hồ Di Hầu, nhân dân trong nước thừa sự cúng dường y phục, thức ăn, giường nằm, thuốc men, tùy sức mà cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng.

Họ cũng thọ bát quan trai không lỡ thời tiết.

Lúc ấy, trong thành Tỳ-xá-ly có lục sư ngoại đạo du hóa ở đó. Lục sư là Bất- lan Ca-diếp, A-di-chuyên, Cù-da-lâu, Bỉ-hưu-ca-chiên, Tiên-tỷ-lô-trì, Ni- kiền Tử. Các lục sư nhóm lại một chỗ, nói:

- Sa-môn Cù-đàm ở thành Tỳ-xá-ly được nhân dân cúng dường, còn chúng ta chẳng được cúng dường, chúng ta hãy đến luận nghị với ông ta, xem ai thắng ai thua.

Bất-lan Ca-diếp nói:

- Có các Sa-môn, Bà-la-môn không nhận lời ông ta mà đến cật vấn. Đây chẳng phải là pháp của Bà-la-môn, Sa-môn. Chúng ta chưa nhận lời của Sa- môn Cù-đàm mà đến vấn nạn thì đâu được luận nghị với ông ta.

A-di-chuyên nói:

- Không thí, không nhận, cũng không người cho, cũng không đời này, đời sau. Chúng sanh cũng không có quả báo thiện ác.

Cù-da-lâu nói:

- Ở bên này sông Hằng giết hại người vô số, thịt chất thành núi; ở bên trái sông Hằng tạo các công đức. Do đó, đều không có quả báo thiện ác.

Bỉ-hư-ca-chiên nói:

- Dù cho ở bên trái sông Hằng bố thí, trì giới, tùy thời cung cấp không cho thiếu thốn, cũng chẳng có phước báo.

Tiên-tỷ-lô-trì nói:

- Không có nói năng, cũng không có quả báo của ngôn ngữ. Chỉ có im lặng là sung sướng.

Ni-kiền Tử nói:

- Có ngôn ngữ, cũng có quả báo của ngôn ngữ, Sa-môn Cù-đàm cũng là người, chúng ta cũng là người, Sa-môn Cù-đàm biết gì, chúng ta cũng biết,

Sa-môn Cù-đàm có thần túc, chúng ta cũng có thần túc, nếu Sa-môn kia hiện một thần túc, chúng ta sẽ hiện hai thần túc, Ông ta hiện hai thần túc, ta sẽ hiện bốn thành túc, Ông ta hiện bốn thần túc, ta sẽ hiện tám thần túc, Ông ta hiện tám, ta hiện mười sáu, Ông ta hiện mười sáu, ta hiện ba mươi hai, hằng khiến tăng thêm nhiều, hoàn toàn không chịu thua ông ta, đủ sức cùng ông ta thi thố. Nếu ông ta không chịu luận với chúng ta, đó là lỗi của ông ta, nhân dân nghe được sẽ không cúng dường ông ta nữa, chúng ta sẽ được cúng dường.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni nghe được các lục sư tụ họp một chỗ bàn luận: 'Sa- môn Cù-đàm nếu không chịu nghị luận cùng người, chúng ta đủ thắng được'. Tỳ-kheo-ni Du-lô liền bay lên hư không hướng về lục sư nói kệ:

Thầy ta không ai bằng,

Tối tôn không người hơn,
Ta là đệ tử Ngài,
Tên là Du-lô Ni.
Ngươi nếu có cảnh giới,
Hãy cùng ta nghị luận,
Ta sẽ đáp từng việc,
Như sư tử chụp nai.
Lại, ngoài thầy ta ra,
Vốn không có Như Lai,
Nay ta Tỳ-kheo-ni,
Đủ hàng phục ngoại đạo.
Tỳ-kheo-ni nói xong, ngoại đạo chẳng thể ngước nhìn thấy mặt, huống là luận nghị.

Bấy giờ, nhân dân thành Tỳ-xá-ly từ xa trông thấy Tỳ-kheo-ni ở trên hư không luận nghị với lục sư mà lục sư không đáp được. Ai nấy đều hoan hỷ reo mừng vô lượng:

- Hôm nay lục sư bị khuất phục rồi.

Nhóm lục sư buồn bã ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, không vào thành nữa. Khi ấy, rất đông Tỳ-kheo nghe Tỳ-kheo-ni Du-lô tranh luận thắng lục sư, liền đến chỗ Thế Tôn cúi lạy, rồi bạch đầy đủ nhân duyên này với Thế Tôn. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo-ni Du-lô có đại thần túc, có đại oai thần, trí huệ, đa văn. Ta vẫn thường nghĩ: 'Không có ai tranh luận với lục sư nổi, chỉ có Như Lai và Tỳ- kheo-ni này'.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy có thấy Tỳ-kheo-ni nào khác có thể hàng phục ngoại đạo như Tỳ-kheo-ni này không?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa không, bạch Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Này các Tỳ-kheo! Trong hàng Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo-ni hàng phục ngoại đạo đệ nhất là Tỳ-kheo-ni Du-lô.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

12. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có sáu xúc thọ nhập. Thế nào là sáu? Nghĩa là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý nhập. Đó là sáu nhập.

Người phàm phu nếu mắt thấy sắc, liền khởi tâm dính mắc, không thể xa lìa. Họ vì thấy sắc, dính mắc cùng cực nên lưu chuyển trong sanh tử, không có lúc giải thoát. Lục tình cũng vậy, họ khởi ý dính mắc, không thể xa lìa, do đó lưu chuyển không có lúc giải thoát.

Nếu là đệ tử Hiền Thánh của Thế Tôn, thì khi mắt thấy sắc không dính mắc, không có tâm ô trược. Họ có thể phân biệt ngay: Mắt này là pháp vô thường, là pháp khổ, không, chẳng phải thân ta. Lục tình cũng vậy, không khởi tâm nhiễm ô, phân biệt được lục tình này là pháp vô thường, khổ, không, vô ngã. Ngay khi tư duy điều này, họ liền đắc Tư-đà-hàm quả. Ở trong hiện pháp họ đắc A-na-hàm hoặc A-la-hán. Ví như, có người đói quá, muốn chà vỏ lúa,

quạt cho sạch rồi nấu ăn để hết đói khát. Bậc đệ tử Hiền thánh cũng vậy, đối lục tình nầy nên tư duy là ô uế bất tịnh, thì liền thành đạo quả, vào Vô dư Niết-bàn. Thế nên, Tỳ-kheo! Hãy tìm phương tiện diệt lục tình này.Như thế, các Tỳ-kheo! nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXIX. Phẩm Đẳng pháp

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp thì sẽ ở trong pháp hiện tại được sự an vui vô cùng, muốn được hết lậu hoặc liền sẽ được hết. Thế nào là bảy pháp? Ở đây, vị Tỳ-kheo biết pháp, biết nghĩa, biết thời, có thể biết mình, lại có thể biết đủ, và cũng biết vào trong chúng, quan sát mọi người. Đó là bảy pháp.

Thế nào là Tỳ-kheo biết pháp? Tỳ-kheo biết pháp là biết Khế kinh, Kỳ-dạ, Kệ, Nhân duyên, Thí dụ, Bổn mạt, Quảng diễn, Phương đẳng, Vị tằng hữu, Quảng phổ, Thọ quyết, Sanh kinh. Nếu có Tỳ-kheo không biết pháp là không biết mười hai bộ kinh. Đây chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo thì phải hay hiểu rõ pháp. Đó gọi là biết pháp. Như thế là Tỳ-kheo hiểu rõ pháp.

Thế nào là Tỳ-kheo hiểu rõ nghĩa? Ở đây, Tỳ-kheo biết cơ thú (chỗ nhắm đến) của Như Lai, hiểu rõ nghĩa sâu không có nghi nan, Nếu Tỳ-kheo không hiểu rõ nghĩa thì không phải Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo có thể biết thầm nghĩa, nên gọi là hiểu nghĩa. Như thế là Tỳ-kheo có thể phân biệt được nghĩa.

Thế nào là Tỳ-kheo biết thời nghi? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời tiết, lúc nên tu quán thì tu quán, lúc nên tu chỉ thì tu chỉ, lúc nên im lặng biết im lặng, nên đi thì biết đi, nên tụng thì biết tụng, nên giáo thọ cho người ở trước mặt thì giáo thọ cho người ở trước mặt, nên nói thì biết nói. Nếu Tỳ-kheo chẳng biết những điều này, chẳng biết nên chỉ, quán, tiến, dừng thì chẳng phải là Tỳ- kheo. Nếu Tỳ-kheo biết thời tiết, không mất thời nghi,

đó gọi là tùy thời nghi. Như thế là Tỳ-kheo biết thời nghi.

Thế nào là Tỳ-kheo tự biết mình? Ở đây, Tỳ-kheo tự biết mình: nay ta có kiến, văn, giác niệm, hiểu biết này, có trí tuệ như thế, đi bước, tiến, dừng, hằng theo Chánh pháp. Nếu Tỳ-kheo không tự biết trí tuệ mình, nên ra, vào, đi đến, thì đây không phải Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo có thể tự tu thích nghi với sự tiến, dừng của mình. Đây gọi là tự tu hạnh mình. Đây là Tỳ-kheo tự biết mình.

Thế nào là Tỳ-kheo tự biết đủ? Ở đây, Tỳ-kheo có thể tự điều hòa ngủ nghỉ, tỉnh thức, ngồi, nằm, kinh hành, các cách thức tiến, dừng. Đều có thể biết dừng đủ. Nếu Tỳ-kheo không thể biết như thế thì chẳng phải Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo có thể hiểu rõ điều này, nên gọi là biết đủ. Như thế là Tỳ-kheo biết đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo biết vào đại chúng? Ở đây, Tỳ-kheo phân biệt đại chúng: 'Đây là dòng Sát-lợi, đây là chúng Bà-la-môn, đây là chúng Trưởng giả, đây là chúng Sa-môn. Ta sẽ dùng phép tắc này để thích ứng ở trong chúng kia'; nên nói hay nên im lặng đều biết tất cả. Nếu Tỳ-kheo chẳng biết cách nhập chúng này thì chẳng phải là Tỳ-kheo. Vì Tỳ-kheo biết vào đại chúng nên gọi là biết nhập chúng. Đó là, Tỳ-kheo biết nhập chúng.

Thế nào là Tỳ-kheo biết căn nguyên của mọi người? Tỳ-kheo nên biết! Có hai hạng người. Thế nào là hai? Có hạng người muốn đến vườn quán để gần gũi Tỳ-kheo; còn hạng thứ hai không ưa đến gặp Tỳ-kheo. Trong hai hạng người này, hạng người muốn gần gũi Tỳ-kheo là hơn.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Thế nào là hai? Hạng người thứ nhứt tuy đến chỗ Tỳ-kheo mà chẳng hỏi nghi thức; hạng người thứ hai cũng chẳng vào chùa gặp Tỳ-kheo. Trong hai hạng này thì hạng người đến chùa kia là hơn cả.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Thế nào là hai? Hạng người thứ nhất đến chỗ Tỳ-kheo thăm hỏi thời nghi; hạng người thứ hai không đến chỗ Tỳ- kheo thăm hỏi thời nghi. Trong hai hạng người này thì hạng người đến chùa kia là hơn cả.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Thế nào là hai? Hạng người thứ nhất hay quan sát, thọ trì, đọc tụng; hạng người thứ hai chẳng thể thọ trì, đọc tụng. Trong hai hạng này thì hạng người thọ trì đọc tụng kia là hơn cả.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Thế nào là hai? Hạng người thứ nhất nghe pháp rồi hiểu nghĩa; hạng người thứ hai nghe pháp mà không hiểu nghĩa. Hạng người nghe pháp hiểu nghĩa kia là hơn.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Thế nào là hai? Hạng người thứ nhất nghe pháp, mọi pháp đều thành tựu; hạng người thứ hai chẳng nghe pháp, chẳng thành tựu pháp. Hạng người nghe pháp, thành tựu pháp kia là hơn.

Này Tỳ-kheo! Lại có hai hạng người. Thế nào là hai? Hạng người thứ nhất nghe pháp có thể kham nhẫn tu hành, phân biệt hộ trì Chánh pháp; hạng người thứ hai chẳng thể kham nhẫn tu hành. Vậy hạng người tu hành pháp kia là hơn. Ví như, bò có lạc, do lạc có tô, do tô có đề hồ, đề hồ là hơn cả, không gì bì kịp. Đây cũng như thế, nếu ai có thể tu

hành, người này là hơn cả, không ai sánh kịp. Đó là Tỳ-kheo quán sát căn nguyên của người. Người nào không rõ điều này thì chẳng phải Tỳ-kheo. Vị Tỳ-kheo nghe pháp, phân biệt nghĩa này. Đây là đệ nhất. Như thế là Tỳ-kheo quán sát căn nguyên của người.

Nếu Tỳ-kheo nào thành tựu bảy pháp này thì ở trong hiện pháp được vui thích vô vi, ý muốn dứt hết lậu, cũng chẳng có gì nghi ngờ. Thế nên, Tỳ- kheo! Hãy cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này. Như thế, Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Cây trú độ ở cõi trời Ba mươi ba, gốc của nó to năm mươi do tuần, cao một trăm do-tuần, bóng che bốn phía năm mươi do tuần. Các trời Ba mươi ba vui chơi ở đó bốn tháng.

Tỳ-kheo nên biết! Có lúc hoa lá của cây trú độ héo vàng rơi rụng trên đất. Lúc ấy, chư Thiên thấy điểm ứng này, tất cả đều hoan hỷ, vui vẻ: 'Cây này chẳng bao lâu sẽ sanh hoa trái'.

Tỳ-kheo nên biết! Có lúc hoa trái của cây rơi rụng đầy đất. Bấy giờ, trời Ba mươi ba lại càng thêm hoan hỷ bảo nhau:

- Cây này không bao lâu sẽ có màu tro.

Tỳ-kheo nên biết! Trải qua khoảng thời gian, cây kia ngã màu tro. Bấy giờ chư Thiên trời Ba mươi ba lại rất vui mừng bảo nhau.

- Cây này đã có màu tro, chẳng bao lâu sẽ nẩy chồi.

Chư Thiên trời Ba mươi ba thấy cây trú độ đã nẩy chồi, chẳng bao lâu sẽ sanh nụ hoa. Thấy rồi, chư vị ấy sanh lòng hoan hỷ: 'Hôm nay, cây này đã sanh nụ hoa (bạc tiết), chẳng bao lâu sẽ nở tròn.

Tỳ-kheo nên biết! Chư Thiên trời Ba mươi ba thấy cây này dần dần nở tròn liền vui mừng: 'Cây này đã dần dần nở tròn, chẳng bao lâu sẽ đều đầy hoa'.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc cây này nở tròn, mọi người đều hoan hỷ: 'Hôm nay, tất cả cây này đều đơm hoa'. Bấy giờ hương thơm bay ngược gió, trong vòng một trăm do-tuần, ai cũng ngửi được mùi thơm. Lúc ấy, chư Thiên ở đó vui chơi suốt trong bốn tháng, thích thú không thể kể.

Đây cũng như thế! Nếu bậc đệ tử Hiền Thánh ý muốn xuất gia học đạo thì cũng giống như cây kia lúc muốn rụng lá.

Lại nữa, bậc đệ tử Hiền Thánh, bỏ vợ con tài sản, đem lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, cạo bỏ râu tóc giống như cây kia rụng lá đầy đất.

Tỳ-kheo nên biết! Nếu bậc đệ tử Hiền Thánh, không có tưởng tham dục, trừ bỏ pháp bất thiện, niệm giữ hoan hỷ, để chí ở Sơ thiền, như cây trú độ có màu tro.

Lại nữa, bậc đệ tử Hiền Thánh, có giác, có quán, dừng bên trong sanh hoan hỷ, chuyên chú nhất tâm, không giác, không quán, dạo tâm ở Nhị thiền, ví như cây kia sanh chồi.

Lại nữa, bậc đệ tử Hiền Thánh, không niệm mà có hộ (xả), tự biết thân có lạc, là điều chư Hiền Thánh cầu, xả niệm đầy đủ, dạo ở Tam thiền, giống như cây kia sanh nụ hoa.

Lại nữa, bậc đệ tử Hiền Thánh, khổ lạc đã dứt hết, không có sầu lo, không khổ không vui, xả niệm thanh tịnh, dạo ở Tứ thiền, giống như cây kia dần dần nở tròn.

Lại nữa, bậc đệ tử Hiền Thánh, dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí huệ giải thoát, ở trong hiện pháp tự vui thích, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh, như thật mà biết, giống như cây kia trổ hoa đầy đủ.

Bấy giờ, hương giới đức của bậc đệ tử Hiền Thánh bay khắp bốn phương, ai cũng khen ngợi. Trong bốn tháng vui chơi là dạo tâm ở Tứ thiền, đầy đủ hạnh bổn.

Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy tìm phương tiện thành tựu hương giới đức. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói bảy thí dụ về nước. Người cũng như thế. Hãy lắng nghe! Lắng nghe! Khéo suy nghĩ về chúng.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo:

- Bảy thí dụ về nước giống như người thế nào?

Ví như, có người chìm ở đáy nước; có người tạm ngoi lên mặt nước rồi chìm xuống lại; có người ra khỏi nước nhìn xem; có người ra khỏi nước mà đứng; có người muốn đi qua nước; có người ra khỏi nước muốn đến bờ kia; có người đã lên hẳn trên bờ. Đó là, này Tỳ-kheo, có bảy thí dụ về nước xuất hiện ở đời.

Thế nào là người chìm đáy nước không ra khỏi được? Ở đây, có người toàn thân hành pháp bất thiện, trải qua kiếp số không thể trị liệu. Đó là người chìm ở đáy nước.

Thế nào là người ra khỏi nước rồi chìm lại? Ở đây, có người lòng tin cạn cợt, tuy có pháp lành mà không kiên cố. Người ấy thân, miệng, ý làm lành, sau lại hành bất thiện. Sau khi thân hoại mạng chung, người ấy sanh vào địa ngục. Đó là người ra khỏi nước lại chìm.

Thế nào là người ra khỏi mặt nước nhìn trông? Ở đây, có người có tín thiện căn, thân, miệng, ý làm lành nhưng không tăng trưởng pháp này, tự giữ đứng. Người ấy thân hoại mạng chung sanh trong A-tu-la. Đó là người ra khỏi nước nhìn.

Thế nào là người ra khỏi nước mà đứng? Ở đây, có người có lòng tin, tinh tấn đoạn ba kiết sử, không thối chuyển nữa, chắc chắn đạt được cứu cánh thành đạo vô thượng. Đó là người ra khỏi nước mà đứng.

Thế nào là người muốn đi qua nước? Ở đây, có người tín căn tinh tấn, hằng ôm lòng hổ thẹn, mong đoạn ba kiết sử dâm, nộ, si. Người ấy trở lại đời này mà đoạn dứt mé khổ. Đó là người muốn qua nước.

Thế nào là người muốn đến bờ kia? Ở đây, có người tín căn tinh tấn, đoạn năm hạ phần kiết sử, thành A-na-hàm, liền đó nhập Niết-bàn, không trở lại đời này nữa. Đó là người muốn đến bờ kia.

Thế nào là người đã đến bờ kia? Ở đây, hoặc có người tín căn tinh tấn, ôm lòng hổ thẹn, dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu. Ở trong hiện pháp, người ấy tự an vui; sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh, như thật mà biết; nơi Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn. Đó là người đã qua đến bờ kia.

Này Tỳ-kheo! Đó là bảy thí dụ nước và người, Ta nói với các Thầy. Chỗ chư Phật Thế Tôn đáng tu hành tiếp độ mọi người, nay Ta đã thi hành. Các Thầy nên ở chỗ vắng vẻ, như dưới cội cây, hãy nhớ tọa Thiền chớ có lười biếng. Đây là lời Ta dạy dỗ.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Bậc Thánh vương trị nước, nếu thành tựu bảy pháp thì chẳng bị oan gia, giặc cướp bắt bớ, khiến cho bên ngoài không thể đến xâm phạm. Thế nào là bảy? Thành quách cao lớn, sửa sang tề chỉnh; đó là pháp thành tựu thứ nhất. Cửa thành lại kiên cố; đó là pháp thành tựu thứ hai. Ngoài thành hào lũy rất sâu rộng; đó là pháp thành tựu thứ ba. Trong thành lại chứa nhiều lúa thóc, kho lẫm tràn đầy; đó là pháp thành tựu thứ tư. Thành ấy lại có nhiều củi, cỏ; đó là pháp thành tựu thứ năm. Thành lại có nhiều binh khí, đầy đủ các chiến cụ; đó là pháp thành tựu thứ sáu. Người chủ thành kia lại thông minh tài cao, dự biết lòng người, đáng phạt thì đánh phạt, đáng trị thì trị; đó là pháp thành tựu thứ bảy, khiến cho bên ngoài không thể đến xâm phạm.

Này Tỳ-kheo! Đó là bảy pháp mà vị quốc chủ thành tựu được thì người ngoài không thể đến gần quấy nhiễu. Tỳ-kheo cũng vậy, nếu thành tựu được bảy pháp thì tệ ma Ba-tuần chẳng được thuận tiện. Thế nào là bảy?

Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới luật, đầy đủ oai đức, phạm luật nhỏ còn sợ hãi huống là tội lớn. Đó là, Tỳ-kheo, thành tựu pháp thứ nhất, khiến tệ ma Ba tuần không được thuận tiện; ví như thành cao rộng kia rất nghiêm ngặt không thể phá hoại.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Nếu mắt thấy sắc chẳng khởi tưởng dính mắc, cũng không dấy niệm, đầy đủ nhãn căn không có thiếu sót, mà gìn giữ nhãn căn; tai đối với tiếng, mũi với mũi, lưỡi với vị, thân với xúc, ý với pháp cũng vậy; cũng chẳng khởi tưởng, đầy đủ ý căn mà không loạn tưởng, ủng hộ ý căn đầy đủ. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ hai khiến tệ ma Ba tuần chẳng được thuận tiện như cửa thành kiên cố.

Lại nữa, Tỳ-kheo nghe nhiều chẳng quên, hằng nhớ tư duy chánh pháp, đạo giáo ngày xưa trải qua đều biết đầy đủ. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ ba, khiến tệ ma Ba-tuần không được thuận tiện; như hào lũy ngoài thành vừa sâu, vừa rộng.

Lại nữa, Tỳ-kheo có nhiều phương tiện, có các pháp ban đầu thiện, ở giữa thiện, cuối cùng thiện, thanh tịnh đầy đủ, tu được Phạm hạnh. Đó là Tỳ-kheo

thành tựu pháp thứ tư, khiến tệ ma Ba-tuần không được thuận tiện; như thành quách có nhiều lúa thóc, giặc ngoài không dám đến xâm lấn.

Lại nữa, Tỳ-kheo tư duy bốn pháp tăng thượng tâm, cũng không thiếu sót. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ năm, khiến tệ ma Ba-tuần chẳng được thuận tiện; như thành quách có nhiều củi cỏ, người ngoài không thể đến quấy rối.

Lại nữa, Tỳ-kheo được bốn thần túc làm việc không khó khăn.

Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ sáu, khiến tệ ma Ba tuần không được thuận tiện, như trong thành đầy đủ binh khí.

Lại nữa, Tỳ-kheo có thể phân biệt ấm, nhập, giới đầy đủ, cũng phân biệt được pháp mười hai nhân duyên khởi lên. Đó là Tỳ-kheo thành tựu pháp thứ bảy, khiến tệ ma Ba-tuần không được thuận tiện; như người chủ thành quách thông minh, tài cao, đáng thâu thì thâu, nên bỏ thì bỏ. Tỳ-kheo cũng vậy, biết phân biệt ấm, trì, nhập.

Nếu có Tỳ-kheo thành tựu bảy pháp này thì tệ ma Ba-tuần sẽ không được tiện lợi. Thế nên các Tỳ-kheo! Hãy tìm phương tiện phân biệt ấm, trì nhập và mười hai nhân duyên, chẳng mất thứ lớp, liền vượt khỏi cảnh ma, không ở trong đó nữa. Như thế, Tỳ-kheo! Hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ thuyết về bảy chỗ trụ của thần thức. Các Thầy hãy lắng nghe và khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Sao gọi là bảy trụ xứ của thần thức? Nghĩa là chúng sanh có nhiều thân, nhiều tưởng; như là Trời và Người. Lại có chúng sanh nhiều thân mà có một tưởng như là trời Phạm-ca-di mới xuất hiện ở đời. Có chúng sanh một thân mà có nhiều tưởng như là trời Quang Âm. Có chúng sanh một thân, một tưởng như là trời Biến Tịnh. Có chúng sanh vô lượng không như là trời Không xứ. Có chúng sanh vô lượng thức như là trời Thức xứ. Có chúng sanh vô hữu xứ như là trời Vô hữu xứ.

Này Tỳ-kheo! Đó là bảy trụ xứ của thần thức. Nay Ta đã nói xong bảy thức xứ, chư Phật Thế Tôn có thể thi hành, tiếp độ mọi người, hôm nay Ta đã giải thích xong. Các Thầy nên ở nơi vắng vẻ, dưới cội cây, khéo tu hạnh ấy, chớ có giải đãi. Đây là lời giáo hối của Ta.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Quân-đầu mắc bệnh nặng nằm trên giường không thể tự cử động. Tỳ-kheo liền nghĩ rằng: 'Hôm nay, Như Lai Thế Tôn chẳng thấy rũ lòng lân mẫn, ta mang bệnh nặng, chẳng nhận được thuốc men. Ta lại nghe Thế Tôn nói rằng: 'Nếu một người chưa được độ, Ta chẳng bỏ họ'. Mà nay ta thấy Thế Tôn bỏ sót ta, còn gì khổ hơn nữa!'

Bấy giờ, Thế Tôn dùng thiên nhĩ nghe Tỳ-kheo Quân-đầu trách móc như thế, liền bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy hãy tụ tập đến chỗ Tỳ-kheo Quân-đầu hỏi thăm bệnh ông ta.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, Thế Tôn!

Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo từ từ đến phòng Tỳ-kheo Quân-đầu. Tỳ-kheo Quân-đầu xa thấy Thế Tôn đến, liền gieo mình xuống đất. Khi ấy, Thế Tôn bảo Quân-đầu rằng:

- Nay Thầy mang bệnh nặng, chẳng nên xuống giường. Ta tự có chỗ ngồi.

Thế Tôn bảo Quân-đầu:

- Bệnh Thầy tăng hay giảm, hay không tăng giảm? Có thể nghe Ta dạy được không?

Tỳ-kheo Quân-đầu bạch Phật:

- Hôm nay, đệ tử bịnh rất nặng, chỉ có tăng chứ không giảm, không được đầy đủ thuốc men.

Thế Tôn hỏi:

- Ai săn sóc bịnh cho Thầy?

Quân-đầu bạch:

- Các vị Phạm hạnh có đến thăm bịnh con.

Bấy giờ Thế Tôn bảo Quân-đầu:

- Nay Thầy có thể nói bảy giác ý cho Ta nghe chăng?

Quân-đầu liền nêu tên bảy giác ý ba lần:

- Nay con có thể thuyết pháp bảy giác ý trước Như Lai được.

Thế Tôn nói:

- Nếu có thể thuyết cho Như Lai thì hãy thuyết đi!

Khi ấy, Tỳ-kheo Quân-đầu bạch Phật:

- Bảy giác ý. Những gì là bảy? Nghĩa là niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, khinh an giác ý, định giác ý, hộ xả giác ý. Bạch Thế Tôn, có bảy giác ý chính là đây.

Tỳ-kheo Quân-đầu nói xong liền lành bệnh, không còn các khổ não. Quân- đầu bạch Thế Tôn:

- Bình đựng thuốc chính là pháp bảy giác ý này. Con muốn nói thuốc không gì hơn bảy giác ý này. Nay con tư duy bảy giác ý này, các bịnh đều được lành.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy thọ trì pháp bảy giác ý này, khéo nghĩ nhớ tụng đọc; chớ có hồ nghi đối với Phật, Pháp, Tăng. Chúng sanh có bệnh sẽ được lành. Vì cớ sao? Bảy giác ý này rất khó hiểu hết. Nếu hiểu rồi, tất cả các pháp đều liễu tri cả, chiếu sáng tất cả các pháp, cũng như thuốc hay trị liệu tất cả các bịnh. Ví như cam lồ, ăn không biết chán. Nếu không được bảy giác ý này thì chúng sanh lưu chuyển sanh tử. Các Tỳ-kheo! Hãy cầu phương tiện tu bảy giác ý. Như thế, các Tỳ-kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, liền có bảy báu xuất hiện thế gian; đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu. Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời liền có bảy báu lưu bố thế gian.

Lúc Như Lai xuất hiện ở thế gian, liền có báu bảy giác ý xuất hiện thế gian. Thế nào là bảy? Đó là niệm giác ý, pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, khinh an giác ý, định giác ý, hộ (xả) giác ý, xuất hiện ở đời. Nếu lúc Như Lai xuất hiện thế gian, liền có bảy giác ý quý báu này xuất hiện thế gian. Thế nên, các Tỳ-kheo! Hãy cầu phương tiện tu bảy giác ý này. Như thế, các Tỳ- kheo, hãy học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, khi ấy liền chọn lựa đất tốt để xây thành quách, Đông Tây hai mươi do-tuần. Nam Bắc bảy do-tuần, đất đai thuần thục, sung sướng vô kể.

Bấy giờ, ngoài thành quách ấy, có bảy lớp bao quanh làm bằng bảy báu. Bảy báu là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, hổ phách, mã não, xa cừ; đó là bảy báu. Lại có bảy hào bằng bảy báu vây quang bảy lớp ấy, rất sâu, rộng khó vượt qua, trong đó toàn cát vàng. Lại có bảy lớp cây mọc ở đó. Các cây ấy lại có bảy màu: vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly, xa cừ, mã não, hổ phách.

Vây quanh thành, có bảy lớp cửa kiên cố, cũng làm bằng bảy báu. Cửa bạc để dép vàng ở đó, cửa vàng đặt dép bạc, cửa thủy tinh để dép lưu ly, cửa lưu ly để dép thủy tinh, cửa mã não để dép hổ phách, rất là sung sướng, thật không thể nói.

Thành đó bốn mặt có bốn ao tắm. Mỗi ao tắm dài rộng một do-tuần, tự nhiên có nước làm bằng vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Ao nước lưu ly đông lại thành báu lưu ly. Ao nước thủy tinh đông lại thành báu thủy tinh. Ao nước bạc đông lại thành báu bạc. Ao nước vàng đông lại thành báu vàng. Và Chuyển luân Thánh vương lấy đây dùng.

Bấy giờ, trong thành lại có bảy loại âm thanh. Thế nào là bảy? Đó là tiếng ốc, tiếng trống, tiếng trống nhỏ, tiếng chuông, tiếng trống tế yêu, tiếng múa, tiếng ca. Đó là bảy loại tiếng.

Bấy giờ, dân chúng thường vui chơi với nhau bằng những thứ này. Những chúng sanh ấy không bị nóng lạnh, không bị đói khát, cũng không tật bệnh.

Vị Chuyển luân Thánh vương ở đời du hóa, thành tựu được bảy báu này và bốn thần túc, không có thiếu thốn, không mất mát gì cả. Thế nào là Chuyển luân Thánh vương thành tựu bảy báu? Đó là xe báu, voi báu, ngựa báu, châu báu, ngọc nữ báu, cư sĩ báu, điển binh báu; lại có một ngàn người con hết sức dũng mãnh, có thể hàng phục giặc

ngoài. Đất Diêm-phù-đề này không dùng dao gậy để giáo hóa quốc dân.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Làm sao Chuyển luân Thánh vương lại thành tựu được xe báu?

Thế Tôn bảo:

- Lúc ấy, Chuyển luân Thánh vương, sáng sớm ngày mười lăm, tắm rửa, gội đầu rồi lên đại điện, các ngọc nữ vây quanh. Bấy giờ, bánh xe báu đầy đủ ngàn căm từ phương Đông lại đến trước điện, ánh sáng huy hoàng không phải người làm được, cách mặt đất bảy nhẫn, từ từ đến trước vua dừng lại. Chuyển luân Thánh vương thấy rồi liền hỏi:

- 'Ta nghe người xưa nói: 'Chuyển luân Thánh vương, ngày mười lăm tắm rửa, gội đầu, rửa tay lên điện ngồi. Bánh xe báu từ phương Đông đến dừng ở trước vua'. Nay ta hãy thử xe báu này!'.

Chuyển luân Thánh vương lấy tay phải cầm luân bảo và nói:

- 'Nay Ngươi hãy xoay chuyển cho đúng pháp, chớ phi pháp!'

Bấy giờ, bánh xe báu tự nhiên xoay chuyển rồi dừng trên không, Chuyển luân Thánh vương lại cùng bốn bộ binh cũng ở trong hư không, xe báu lại xoay về phương Đông. Chuyển luân Thánh vương cũng theo xe báu mà đi. Nếu lúc xe báu dừng thì Chuyển luân Thánh vương cùng chúng đem theo cũng dừng trong không.

Khi ấy các vị tiểu vương ở phương Đông cùng nhân dân từ xa thấy vua lại, đều đứng dậy chào đón, lại đem bát vàng đựng đầy bạc, bát bạc đựng đầy vàng, dâng lên Chuyển luân Thánh vương và tâu:

- 'Kính chào Thánh vương! Xứ này nhân dân đông đúc, khoái lạc vô cùng. Kính mong Đại vương hãy cai trị chốn này'.

Chuyển luân Thánh vương bảo dân chúng rằng:

- 'Các Ngươi nên sống đúng pháp, chớ làm việc phi pháp, cũng chớ nên sát sanh, trộm cắp, dâm dật. Cẩn thận chớ làm phi pháp'.

Xe báu lại di chuyển đến phương Nam, phương Tây, phương Bắc và Chuyển luân Thánh vương đến đâu cũng vỗ về, khuyên nhủ dân chúng. Rồi xe báu quay trở về chỗ vua cai trị, đứng cách mặt đất bảy nhẫn. Tỳ-kheo! Chuyển luân Thánh vương thành tựu xe báu như thế đó.

Các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Chuyển luân Thánh vương thành tựu voi báu thế nào?

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo, nên biết, Chuyển luân Thánh vương vào ngày rằm, tắm rửa rồi lên đại điện. Khi ấy, voi báu từ phương Nam đến, có sáu ngà, lông toàn trắng, bảy chỗ bằng phẳng đều có đeo vàng bạc, trân bảo trang sức, có thể bay trên hư không. Bấy giờ, Chuyển

luân Thánh vương thấy được liền nghĩ: 'Voi báu này rất thù diệu, hiếm có ở đời, tánh nết nhu hòa, không hung bạo. Nay ta hãy thử nó'. Rồi Chuyển luân Thánh vương, sáng sớm, mặt trời vừa lên, liền cỡi voi báu này dạo khắp bốn biển, cai trị dân chúng. Chuyển luân Thánh vương thanh tựu voi báu như thế!

Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Chuyển luân Thánh vương làm sao thành tựu ngựa báu?

Thế Tôn bảo:

- Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, ngựa báu liền từ phương Tây đến, lông toàn màu xanh, lông đuôi ánh đỏ, bước đi không di động, có thể bay ở hư không, không chướng ngại. Vua thấy xong, rất mực vui mừng nói:

- 'Ngựa báu này rất thù diệu, nên sử dụng nó. Tánh nó lại hiền lành, không nổi chứng. Nay ta hãy thử ngựa báu'.

Chuyển luân Thánh vương liền cỡi ngựa nay đi khắp bốn thiên hạ. trị hóa nhân dân, rồi trở về chỗ vui cai trị. Tỳ-kheo! Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngựa báu như thế.

Tỳ-kheo bạch Phật:

- Lại do nhân duyên gì, Chuyển luân Thánh vương thành tựu được châu báu?

Thế Tôn bảo:

- Ở đây, Tỳ-kheo! Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, châu báu liền từ phương Đông lại, có tám góc, bốn mặt tỏa hỏa quang dài một thước sáu tấc. Chuyển luân Thánh vương thấy rồi liền nghĩ: 'Châu báu này rất thù diệu, nay ta sẽ thử nó'. Chuyển luân Thánh vương nửa đêm tụ tập bốn bộ binh, đem báu ma-ni này đặt trên ngọn cờ cao, ánh sáng của nó chiếu xa

mười hai do-tuần trong nước. Bấy giờ nhân dân trong thành thấy ánh sáng này, ai nấy tự bảo:

- 'Mặt trời đã lên, hãy làm việc nhà!'.

Chuyển luân Thánh vương ở trên điện, thấy khắp nhân dân xong liền trở về cung, đem hạt ma-ni này đặt trong cung, trong ngoài đều sáng, không đâu không khắp. Tỳ-kheo! Chuyển luân Thánh vương thành tựu châu báu như thế đó!

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

- Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngọc nữ báo thế nào?

Thế Tôn bảo:

- Tỳ-kheo nên biết! Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, tự nhiên có ngọc nữ báu này xuất hiện, nhan mạo đoan chánh, mặt mày như màu hoa đào, chẳng cao chẳng thấp, chẳng trắng chẳng đen, tánh nết nhu hòa, không hung dữ, hơi miệng thơm

mùi hoa sen, thơm mùi chiên-đàn, hằng hầu hạ một bên Thánh vương, không trái thời tiết, thường tươi cười nhìn mặt vua. Tỳ-kheo! Chuyển luân Thánh vương thành tựu ngọc nữ báu này như thế!

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

- Chuyển luân Thánh vương thành tựu cư sĩ báu thế nào?

Thế Tôn bảo:

- Ở đây, Tỳ-kheo! Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời liền có cư sĩ báu này xuất hiện thế gian, không cao không thấp, thân thể hồng hào, tài cao trí tột, việc gì cũng thông suốt, lại được Thiên nhãn thông. Lúc ấy, cư sĩ đến chỗ vua, tâu vua rằng:

- 'Kính mong Thánh vương sống lâu vô cùng! Nếu vua có cần vàng, bạc, trân bảo, tôi sẽ cung cấp đầy đủ cả'.

Bấy giờ, cư sĩ dùng Thiên nhãn quán sát nơi nào có kho báu hay không kho báu đều thấy hết. Vua cần báu gì thì tùy thời cung cấp. Chuyển luân Thánh vương muốn thử cư sĩ này, liền cùng cư sĩ qua sông. Khi chưa đến bờ kia, vua bảo cư sĩ:

- 'Nay ta muốn cần vàng bạc, châu báu. Nên lo xong ngay bây giờ!'.

Cư sĩ đáp:

- 'Bước lên bờ, hạ thần sẽ cấp cho'.

Chuyển luân Thánh vương nói:

- 'Ta cần ngay bây giờ, chẳng chờ lên bờ'.

Bấy giờ cư sĩ liền quỳ gối, chắp tay hướng xuống nước, bảy báu trong nước liền vọt lên.

Chuyển luân Thánh vương bảo cư sĩ:

- 'Thôi! Thôi! Cư sĩ! Ta không cần báu nữa'.

Tỳ-kheo! Chuyển luân Thánh vương thành tựu cư sĩ báu như thế đó.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bạch Phật:

- Chuyển luân Thánh vương thành tựu điển binh báu thế nào?

Thế Tôn bảo:

- Ở đây, Tỳ-kheo! Lúc Chuyển luân Thánh vương xuất hiện ở đời, liền có điển binh báu này tự nhiên đến ứng hầu, thông minh cái thế, biết trước lòng người, thân hình đẹp tốt, đến trước Chuyển luân Thánh vương, tâu Thánh vương rằng:

- 'Kính mong Thánh vương chóng được vui vẻ. Nếu Thánh vương muốn cần binh lính, thần sẽ cung cấp ngay, cách thức tiến lui rất đúng lúc'.

Rồi điển binh báu tùy ý vua, tập họp binh chúng ở cạnh vua. Bấy giờ, Chuyển luân Thánh vương muốn thử điển binh báu, liền nghĩ: 'Làm sao cho binh chúng của ta tụ tập ngay!'. Tức thời, binh chúng liền ở ngoài cửa của vua. Nếu ý Chuyển luân Thánh vương

muốn binh chúng đứng, họ liền đứng; muốn tiến, họ liền tiến. Tỳ-kheo! Chuyển luân Thánh vương thành tựu điển binh báu này như thế đó.

Tỳ-kheo nên biết! Chuyển luân Thánh vương thành tựu được bảy báu này.

Tỳ-kheo kia bạch Thế Tôn:

- Chuyển luân Thánh vương làm sao thành tựu bốn thần túc, chóng được lợi lành?

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Ở đây, Chuyển luân Thánh vương, nhan mạo đoan chánh, hiếm có ở đời, vượt hẳn mọi người, không ai sánh kịp. Dù cho Thiên tử cũng không bì kịp. Này Tỳ-kheo, đó là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ nhất.

Lại nữa, Chuyển luân Thánh vương thông minh cái thế, rành rẽ mọi việc, là bậc hùng mạnh trong loài người, không ai có trí tuệ hơn Chuyển luân Thánh vương này. Này Tỳ-kheo, đó là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Chuyển luân Thánh vương không có tật bệnh, thân thể khang kiện, thức ăn uống tự nhiên tiêu hóa, không cần phải đại, tiểu tiện. Này Tỳ-kheo, đó là Chuyển luân Thánh vương thành tựu được thần túc thứ ba này.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Chuyển luân Thánh vương thọ mạng rất dài không đếm nổi. Mọi người không ai sống lâu hơn Chuyển luân Thánh vương. Này Tỳ- kheo, đó là Chuyển luân Thánh vương thành tựu thần túc thứ tư này.

Này Tỳ-kheo, đó là Chuyển luân Thánh vương thành tựu bốn thần túc này.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia bạch Phật:

- Chuyển luân Thánh vương sau khi mạng chung sẽ sanh về đâu?

Thế Tôn bảo:

- Chuyển luân Thánh vương sau khi mạng chung sẽ sanh cõi trời Ba mươi ba, sống lâu ngàn tuổi. Vì sao thế? Chuyển luân Thánh vương không tự mình sát sanh, lại dạy người khác khiến không sát sanh; tự mình không trộm cắp, lại dạy người khác khiến không trộm cắp; tự mình không dâm dục, lại dạy người khác khiến không dâm dục; tự mình không vọng ngữ, lại dạy người khác khiến không vọng ngữ; tự mình hành pháp thập thiện, lại dạy người khác khiến hành thập thiện.

Tỳ-kheo nên biết! Do công đức này, Chuyển luân Thánh vương sau khi mạng chung sẽ sanh lên cõi trời Ba mươi ba.

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền nghĩ: 'Chuyển luân Thánh vương rất đáng hâm mộ. Muốn nói là người, nhưng lại không phải là người. Kỳ thực không phải là Trời mà thi hành việc Trời, nhận thọ các diệu lạc, chẳng đọa ba đường ác. Nay nếu ta trì giới dũng mãnh, sẽ có phước, đến đời sau được làm Chuyển luân Thánh vương, không thích hay sao?'.

Bấy giờ, Thế Tôn biết tâm niệm Tỳ-kheo ấy mới bảo Tỳ-kheo ấy:

- Nay Thầy ở trước Như Lai, chớ nên nghĩ thế. Vì cớ sao? Chuyển luân Thánh vương tuy thành tựu bảy báu, và bốn thần túc không ai bì kịp; nhưng vẫn chưa thoát khỏi ba đường ác: địa ngục, súc sanh, ngạ quỷ. Vì sao thế? Vì Chuyển luân Thánh vương chẳng được Tứ thiền, Tứ thần túc và Tứ đế. Do nhân duyên này, lại đọa vào ba đường ác. Thân người rất khó được, gặp phải tám nạn, cầu xa lìa rất khó; sanh ở chính quốc cũng chẳng phải dễ dàng; cầu có bạn tốt lành cũng không phải dễ; muốn theo học đạo trong pháp Như Lai cũng lại khó gặp. Như Lai xuất hiện thật khó thể gặp. Pháp được diễn bày cũng lại như thế. Pháp Tứ đế giải thoát và Tứ vô thượng thật chẳng thể được nghe. Chuyển luân Thánh vương chẳng được cứu cánh của bốn pháp này.

Này Tỳ-kheo! Lúc Như Lai xuất hiện ở đời liền có bảy báu xuất hiện ở thế gian, thời báu thất giác ý của Như Lai đến tột cùng vinh dự của Người, Trời. Này Tỳ-kheo! Ngày nay, hãy khéo tu Phạm hạnh, ở đời này tự thân dứt hết được mé khổ, dùng bảy báu của Chuyển luân Thánh vương làm gì?

Khi ấy, Tỳ-kheo kia nghe Như Lai dạy như thế rồi, liền ở chỗ vắng vẻ, tư duy đạo pháp mà do đó, bậc vọng tộc, cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, muốn tu chánh nghiệp vô thượng; sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh nữa; như thật mà biết. Bấy giờ, Tỳ-kheo kia liền thành A-la-hán.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả đồng chân Ca-diếp ở vườn Trú Ám, nước Xá-vệ.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp đi kinh hành nửa đêm, có vị Trời đến chỗ Tôn giả, ở trên hư không bảo rằng:

- Tỳ-kheo nên biết! Nhà này ban đêm có khói, ban ngày bị lửa đốt. Bà-la- môn bảo người trí rằng:

'Nay Ông nên cầm dao đục núi. Khi đục núi, Ông sẽ gặp phụ vật, hãy cứu giúp nó. Rồi tiếp tục đục núi. Ông sẽ gặp núi. Ông hãy bỏ núi ấy đi. Và tiếp tục đục núi, Ông sẽ thấy ễnh ương, hãy bỏ ễnh ương. Và tiếp tục đục núi, lúc ấy Ông sẽ thấy một đống thịt. Thấy đống thịt rồi, hãy rời bỏ nó. Đục núi tiếp, sau đó Ông sẽ gặp gông cùm, hãy rời bỏ nó. Và đục núi tiếp, Ông sẽ thấy hai con đường, hãy rời bỏ nó. Và hãy đục núi, Ông sẽ thấy cành cây, thấy cành cây rồi, hãy bỏ nó đi. Đục núi nữa, Ông sẽ thấy rồng. Thấy rồng. Ông chớ nói chuyện với rồng, hãy tự quy mạng, kính mộ cho được chỗ'.

Tỳ-kheo! Hãy khéo suy nghĩ nghĩa này. Nếu Ông không hiểu, hãy đến thành Xá-vệ hỏi đức Thế Tôn ý nghĩa này. Nếu Như Lai có nói gì, hãy khéo nhớ thực hành. Vì cớ sao? Nay tôi chẳng thấy có Sa-môn, Bà-la-môn, Ma hay Ma thiên nào có thể hiểu được nghĩa này, trừ đức Như Lai và đệ tử của Ngài, theo tôi được nghe.

Tôn giả Ca-diếp đáp:

- Việc này rất hay!

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp, sáng sớm đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy và ngồi một bên, rồi đem nhân duyên bạch với Thế Tôn, và thưa:

- Nay con xin hỏi nghĩa Như Lai, vị Trời muốn nói gì? Vì sao mà nói: 'Nên biết nhà này đêm có khói, ngày sẽ bị lửa đốt? Vì sao gọi là Bà-la-môn? Sao gọi là người trí? Lại nói là đục đá, nghĩa này nói về gì? Lại nói dao, con cũng không hiểu. Vì sao lại nói ễnh ương? Sao lại nói đống thịt? Sao lại nói gông cùm? Vì cớ gì lại nói hai con đường? Cành cây, nghĩa này thế nào? Sao lại gọi là rồng?'.

Thế Tôn bảo:

- Nhà tức là thân thể, do tứ đại tạo ra, nhận huyết mạch của cha mẹ, dần dần to lớn, hằng nuôi dưỡng thức ăn, không để thiếu thốn. Đêm có khói là chỉ tâm niệm chúng sanh. Ban ngày lửa đốt là thân, miệng, ý tạo các hạnh. Bà- la-môn là A-la-hán. Trí giả là người học. Đục núi là tâm tinh tấn. Dao là trí

tuệ. Phụ vật là năm kiết sử. Núi là kiêu mạn. Ễnh ương là tâm sân giận. Đống thịt là tham dục. Gông là ngũ dục. Hai con đường là nghi. Cành cây là vô minh. Rồng là Như Lai Chí Chân Đẳng Chánh Giác. Vị Trời ấy nói với nghĩa như thế. Nay Thầy nên suy nghĩ kỹ càng, không bao lâu sẽ dứt hết hữu lậu.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp nhận lời dạy của Như Lai như thế, liền đến chỗ vắng vẻ tự tu hành. Thế rồi, vị vọng tộc cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, muốn tu Phạm hạnh, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc làm đã xong, không còn tái sanh nữa; như thật mà biết. Khi ấy Tôn giả Ca-diếp liền thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà cùng với chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người. Tôn giả Mãn-từ Tử cũng đem năm trăm Tỳ-kheo đi về quê, nơi sanh trưởng.

Bấy giờ, Thế Tôn ở thành La-duyệt nhập hạ qua chín mươi ngày xong, du hóa trong nhân gian dần dần đến vườn Cấp Cô Độc, ở rừng Kỳ-đà, trong thành Xá-vệ. Khi ấy, nhiều Tỳ-kheo tản mát trong nhân gian cũng đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Thế Tôn hỏi, các Tỳ-kheo:

- Các Thầy đã nhập hạ ở đâu?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Chúng con nhập hạ ở quê quán.

Thế Tôn bảo:

- Các Thầy! Nơi sanh của các Thầy chính là ở trong chúng Tỳ-kheo, phải năng tự thực hành A-lan-nhã, lại hay khen ngợi A-lan-nhã. Tự mình hành khất thực và dạy người

khác hành khất thực, không mất thời nghi. Tự mình mặc áo vá, lại dạy người khác mặc áo vá. Tự mình tu tri túc lại hay khen ngợi hạnh tri túc. Tự mình hành thiểu dục, lại khen ngợi hạnh thiểu dục. Tự mình ưa thích nơi vắng vẻ, lại khuyên người khác nên ở chỗ nhàn vắng. Tự

mình giữ hạnh này lại khuyên người giữ hạnh này. Thân mình giới hạnh thanh tịnh đầy đủ, lại dạy người khác khiến tu giới này. Tự mình thành tựu tam-muội, lại dạy người khác hành tam-muội. Tự mình thành tựu trí tuệ, lại khiến người hành trí tuệ. Thân mình thành tựu giải thoát, lại dạy người khác hành giải thoát. Tự mình thành tựu giải thoát tri kiến, lại dạy người thành tựu pháp này. Giáo hóa không chán, thuyết pháp không lười mỏi.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Tỳ-kheo Mãn-từ Tử ở trong chúng Tỳ-kheo này, kham nhận giáo hóa, chính mình tu hạnh A-lan-nhã, cũng lại khen ngợi hạnh A-lan-nhã; thân mình mặc áo vá, thiểu dục, tri túc, tinh tấn, dũng mãnh, khất thực, ưa chỗ vắng vẻ, thành tựu giới, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát kiến tuệ, lại dạy người khác khiến hành pháp này, và thuyết pháp không biết chán.

Bấy giờ, Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo nghe Phật thuyết pháp rồi, ở lại một chút rồi từ chỗ ngồi đứng lên, nhiễu quanh Phật ba vòng và lui đi.

Lúc ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất ở cách Thế Tôn không xa, ngồi kiết-già, chính thân, chính ý, buộc niệm ở trước, rồi nghĩ: 'Nay Mãn-từ Tử chóng được lợi lành. Vì cớ sao? Các Tỳ-kheo Phạm hạnh khen ngợi đức của Tôn giả, và đức Thế Tôn chấp nhận điều này, không phản đối. Hôm nào ta sẽ gặp gỡ và nói chuyện cùng Tôn giả ấy'

Bấy giờ Tôn giả Mãn-từ Tử đang ở quê mình đi khất thực và giáo hóa trong nhân gian dần dần đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy và ngồi một bên. Thế Tôn từ từ thuyết pháp cho ngài. Tôn giả Mãn-tử Từ nghe thuyết pháp xong, từ chỗ ngồi đứng lên cúi lạy và lui đi, vắt tọa cụ lên vai phải đi đến vườn Trú Ám.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo trông thấy Tôn giả Mãn-từ Tử vắt tọa cụ trên vai phải đi đến vườn kia, liền đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất bạch:

- Tôn giả Mãn-từ Tử, người thường được Phật khen ngợi, vừa ở chỗ Thế Tôn nghe pháp, nay đến trong vườn. Tôn giả nên biết là đã đến lúc.

Tôn giả Xá-lợi-phất nghe vị Tỳ-kheo nói thế, liền đứng lên, vắt tọa cụ lên vai phải, đi đến vườn kia. Lúc ấy, Tôn giả Mãn-từ Tử ngồi kiết-già dưới một gốc cây. Tôn giả Xá-lợi-phất cũng đến một gốc cây, ngồi ngay ngắn tư duy. Rồi Tôn giả Xá-lợi-phất đứng dậy, đến chỗ Tôn giả Mãn-từ Tử, chào hỏi và ngồi một bên, và hỏi:

- Thế nào Tôn giả Mãn-từ Tử! Có phải do Thế Tôn mà Tôn giả được tu Phạm hạnh và làm đệ tử không?

Tôn giả Mãn-từ Tử đáp:

- Đúng thế, đúng thế!

- Tôn giả lại nhân Thế Tôn mà tu giới được thanh tịnh chăng?

- Không phải.

- Tôn giả do tâm thanh tịnh đối với Như Lai mà tu Phạm hạnh phải không?

- Không phải.

- Tôn giả do kiến thanh tịnh đối với Như Lai mà tu Phạm hạnh phải không?

- Không phải.

- Thế nào? Hay Tôn giả do không do dự mà tu được Phạm hạnh chăng?

- Không phải.

- Hay Tôn giả do hành tích thanh tịnh mà được tu Phạm hạnh?

- Không phải.

- Thế nào? Có phải Tôn giả đối với đạo được trí thanh tịnh mà tu Phạm hạnh chăng?

- Không phải.

- Thế nào? Tôn giả được tri kiến thanh tịnh mà tu Phạm hạnh chăng?

Tôn giả Mãn-từ Tử đáp:

- Không phải.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Tôi đã hỏi Tôn giả: 'Có phải ở chỗ Như Lai mà được tu Phạm hạnh không?'. Tôn giả đáp: 'Đúng thế!'. Tôi lại hỏi: 'Tôn giả do trí huệ, tâm thanh

tịnh, đạo tri kiến thanh tịnh mà được tu Phạm hạnh chăng?' Tôn giả lại nói: 'Không'. Nay Tôn giả ở chỗ Như Lai được tu Phạm hạnh thế nào?

Tôn giả Mãn-từ Tử đáp:

- Nghĩa của giới thanh tịnh có thể khiến tâm thanh tịnh. Nghĩa của tâm thanh tịnh có thể khiến kiến thanh tịnh. Nghĩa kiến thanh tịnh có thể khiến không do dự thanh tịnh. Nghĩa không do dự thanh tịnh có thể khiến đạo thanh tịnh. Nghĩa đạo thanh tịnh có thể khiến nhập nghĩa Niết-bàn. Đó là tôi ở chỗ Như Lai tu được Phạm hạnh.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Nay nghĩa Tôn giả nói nhắm về đâu?

Tôn giả Mãn-từ Tử nói:

- Nay tôi sẽ đưa thí dụ để giải thích nghĩa này. Người trí do thí dụ mà hiểu được nghĩa, người trí tự ngộ. Ví như hôm nay, vua Ba-tư-nặc đi từ thành Xá- vệ đến nước Bạt-kỳ, khoảng giữa hai nước đặt bảy cỗ xe. Bấy giờ, vua Ba- tư-nặc ra khỏi thành cỡi xe thứ nhất đến xe thứ hai, lên xe thứ hai bỏ xe thứ nhất, đi thêm một lúc lại bỏ xe thứ hai, lên xe thứ ba, tiến tới lại bỏ xe thứ ba, lên xe thứ tư tiến tới lại bỏ xe thứ tư, lên xe thứ

năm, rồi lại tiến tới trước bỏ xe thứ năm, lên xe thứ sáu, rồi lại tiến đến bỏ xe thứ sáu, lên xe thứ bảy và vào nước Bạt-kỳ. Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đã vào đến cung. Nếu có người hỏi: 'Hôm nay Đại vương dùng xe nào đến cung này?'. Vua ấy sẽ đáp thế nào?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Nếu có người hỏi, vua sẽ đáp thế này: 'Tôi ra khỏi thành Xá-vệ. Trước hết, ngồi xe thứ nhất, đến xe thứ hai, rồi bỏ xe thứ hai đi xe thứ ba, lại bỏ xe thứ ba lên xe thứ tư, bỏ xe thứ tư lên xe thứ năm, lại bỏ xe thứ năm lên xe thứ sáu, lại bỏ xe thứ sáu lên xe thứ bảy, đến nước Bạt-kỳ. Vì sao thế? Tất cả đều do từ xe đầu đến xe thứ bảy, đến nước Bạt-kỳ. Vì sao thế? Tất cả đều do từ xe đầu đến xe thứ hai, lần lượt nhân nhau mà đến được nước đó'. Nếu có người hỏi, vua sẽ đáp như thế.

Tôn giả Mãn-từ Tử đáp:

- Nghĩa giới thanh tịnh cũng lại như thế. Do tâm thanh tịnh được kiến thanh tịnh, do kiến thanh tịnh đến được chỗ không do dự thanh tịnh, do nghĩa không do dự thanh tịnh đến được hành tích thanh tịnh, do hành tích thanh tịnh đến được đạo thanh tịnh, do đạo thanh tịnh đến được tri kiến thanh tịnh, do tri kiến thanh tịnh đến được Niết-bàn. Tôi ở chỗ Như Lai tu được Phạm hạnh. Vì sao thế?

Nghĩa giới thanh tịnh là hình thức thọ nhập, song Như Lai nói khiến trừ thọ nhập, nghĩa tâm thanh tịnh cũng là lối thọ nhập, nhưng Như Lai nói trừ thọ nhập, cho đến nghĩa của tri kiến cũng là thọ nhập. Như Lai nói trừ thọ nhập, cho đến Niết-bàn là chỗ sở đắc tu Phạm hạnh của Như Lai.

Nếu ngay giới thanh tịnh cho là ở chỗ Như Lai được tu Phạm hạnh thì người phàm phu cũng sẽ được diệt độ. Vì cớ sao? Phàm phu cũng có giới pháp này. Lời Thế Tôn nói, do thứ tự thành đạo đến Niết-bàn, không phải chỉ riêng giới thanh tịnh mà đến được Niết-bàn.

Ví như có người muốn lên trên lầu bảy tầng, cần theo thứ tự mà lên. Giới thanh tịnh cũng vậy, dần dần đến tâm. Do tâm đến kiến, do kiến đến không do dự, do không do dự đến được hành tích thanh tịnh, do tịnh hành tích mà đến được đạo, do tịnh đạo đến được tri kiến, do tịnh tri kiến đến được Niết- bàn.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất liền khen:

- Lành thay, lành thay! Tôn giả thuyết nghĩa này thật hay! Nay Tôn giả tên gì? Các Tỳ-kheo Phạm hạnh gọi hiệu Tôn giả là gì?

- Các Tỳ-kheo gọi tôi là Mãn-từ Tử. Mẹ tôi họ Di-đa-da-ni.

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Lành thay, lành thay! Ngài Mãn-từ Tử! Trong pháp Hiền Thánh thật không ai bằng Ngài, Ngài chứa đựng cam lồ ban rải vô cùng. Tôi hỏi nghĩa rất sâu xa mà Ngài đều diễn nói tất cả. Dầu cho các vị Phạm hạnh có đội Ngài trên đầu đi khắp thế gian cũng không thể báo đáp được ân này. Ai được đến thân cận thăm hỏi sẽ chóng được lợi lành. Nay tôi cũng được lợi lành, vâng nhận lời dạy bảo.

Tôn giả Mãn-từ Tử nói:

- Lành thay, lành thay! Như lời Tôn giả nói. Tôn giả tên gì? Các Tỳ-kheo gọi Tôn giả là gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

- Tôi tên Ưu-ba-đề-xá. Mẹ tên Xá-lợi. Các Tỳ-kheo gọi tôi là Xá-lợi-phất.

Tôn giả Mãn-từ Tử nói:

- Nay tôi cùng Đại nhân bàn luận. Tôi không được biết trước bậc Đại tướng của Pháp đến đây! Nếu tôi biết Tôn giả Xá-lợi-phất đến, tôi đã không đối đáp với Tôn giả thế này. Chỗ hỏi của Tôn giả rất sâu xa, tùy lúc mà phát khởi.

Lành thay! Tôn giả Xá-lợi-phất! Tôn giả là bậc thượng thủ trong đệ tử Phật, hằng dùng pháp vị cam lồ để tự an lạc. Dù cho các vị Phạm hạnh dùng đầu đội Tôn giả Xá-lợi-phất mà đi trong thế gian, năm này qua năm khác, cũng không báo được ơn này chút nào. Chúng sanh nào đến thăm hỏi, gần gũi Tôn giả, người ấy chóng được lợi lành. Chúng tôi cũng chóng được lợi lành.

Bấy giờ, hai Hiền giả ở vườn ấy cùng nhau luận nghị như thế.

Bấy giờ, hai người, mỗi người nghe nói xong, đều vui vẻ vâng làm.

Đẳng pháp và trú độ,
Nước và dụ thành quách,
Thức, Quân-đầu, hai luân,
Bà-mật và bảy xe.
HẾT TẬP II ---o0o---

Tập III

XXXX.1. Phẩm Thất nhật (1) 1. Tôi nghe như vầy: Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, rất nhiều Tỳ-kheo, sau khi thọ thực, tụ tập tại giảng đường Phổ Hội luận nghị thế này:

- Núi Tu-di này rất rộng lớn, các núi khác không thể bì kịp; rất kỳ đặc, cao rộng chót vót. Như thế mà không bao lâu cũng sẽ bị bại hoại không còn gì cả. Nương núi Tu-di lại có những núi lớn cũng lại bị bại hoại.

Bấy giờ Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe những Tỳ-kheo ấy luận nghị như thế, liền từ tòa đứng lên đến giảng đường và đến chỗ ngồi. Khi ấy, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy ở đây bàn luận những gì? Muốn thi hành điều gì?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Mọi người tụ tập ở đây luận bàn việc pháp, điều vừa luận bàn đều đúng pháp.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay! Tỳ-kheo! Các Thầy xuất gia đúng là phải nên luận bàn hợp pháp, lại cũng không bỏ sự im lặng của Hiền Thánh. Vì sao thế? Nếu Tỳ- kheo tụ tập một chỗ, nên thi hành hai việc. Thế nào là hai? Một là cùng nhau luận bàn Phật pháp; hai là hãy im lặng như Hiền Thánh. Các Thầy luận hai việc này trọn sẽ được an ổn, không mất thời nghi. Các Thầy vừa rồi luận nghị như pháp những gì?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Nay chúng Tỳ-kheo tụ tập ở giảng đường này luận nghị như vầy: Thật là kỳ đặc! Núi Tu-di này rất là cao lớn rộng rãi, nhưng núi Tu-di này như thế chẳng bao lâu sẽ bị bại hoại và các núi Thiết Vi ở bốn bên cũng sẽ bại hoại như thế. Vừa rồi chúng con tụ tập ở đây bàn luận pháp như thế.

Thế Tôn bảo:

- Các Thầy có muốn nghe sự biến đổi bại hoại của cảnh giới thế gian này không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Nay thật đúng lúc, cúi mong Thế Tôn hãy diễn thuyết khiến cho chúng sanh tâm được giải thoát.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy hãy khéo suy nghĩ, ghi nhớ trong lòng!

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

- Núi Tu-di rất là rộng lớn, các núi không bì kịp. Nếu Tỳ-kheo muốn biết núi Tu-di vượt trên mặt nước khoảng tám vạn bốn ngàn do-tuần, ăn sâu vào nước cũng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Núi Tu-di do bốn loại báu làm thành là vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Lại có bốn góc, cũng làm bằng bốn thứ báu: vàng, bạc, thủy tinh, lưu ly. Thành vàng quách bạc, thành bạc quách vàng, thành thủy tinh quách lưu ly, thành lưu ly quách thủy tinh. Trên núi Tu-di có năm bậc Trời cư ngụ ở đó, đều do túc duyên mà trụ. Năm bậc nào? Trong thành bạc kia có trời Tế Khước ở. Trong thành vàng kia có Trời Thi-lợi-sa cư ngụ, trong thành thủy tinh có Trời Hoan Duyệt cư ngụ; trong thành lưu ly có Trời Lực Thạnh ở đấy.

Giữa thành vàng và bạc có Tỳ-sa-mô Thiên vương cư ngụ, cùng các Dạ-xoa nhiều không thể kể. Giữa thành vàng và thành thủy tinh có Tỳ-lưu-bác-xoa Thiên vương, cùng các Long thần cư ngụ. Giữa thành thủy tinh và thành lưu ly có Tỳ-lưu-lặc-xoa cư ngụ. Giữa thành lưu ly và thành bạc có Đề-đầu lại- tra Thiên vương cư ngụ.

Tỳ-kheo nên biết, dưới núi Tu-di có A-tu-la cư trú. Nếu lúc A-tu-la muốn đánh nhau với trời Ba mươi ba, trước hết họ đánh nhau với trời Tế Khước; nếu thắng được, họ lại đến thành vàng đánh với trời Thi-lợi-sa; thắng trời Thi-lợi-sa rồi, họ lại đến thành thủy tinh đánh trời Hoan Duyệt; thắng rồi, họ lại đến thành lưu ly; thắng được trời đó mới cùng

trời Ba mươi ba đánh nhau.

Tỳ-kheo nên biết! Trời Ba mươi ba cư ngụ trên đỉnh núi Tu-di, ngày đêm chiếu ánh sáng, tự chiếu lẫn nhau nên đến như thế, nước vào núi Tu-di có mặt trời, mặt trăng di chuyển. Nhật thiên tử có thành quách rộng năm mươi mốt do-tuần, Nguyệt thiên tử có thành quách rộng ba mươi chín do-tuần; ngôi sao lớn nhất rộng một do-tuần, ngôi sao nhỏ nhất rộng hai trăm bộ.

Trên đỉnh Tu-di, Đông, Tây, Nam, Bắc rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần. Gần núi Tu-di, về phía Nam có núi Đại Thiết Vi, dài tám vạn bốn ngàn do-tuần, cao tám vạn dặm. Ở ngoài núi này có núi Ni-di-đà bao bọc núi ấy, cách núi Ni-di-đà lại có núi tên là Khư-la, cách núi này lại có núi tên Tỷ-sa, cách núi này lại có núi tên Mã Đầu, rồi lại có núi tên Tỳ-na-da; kế núi Tỳ-na-da lại có núi tên Thiết Vi Đại Thiết Vi. Ở giữa Thiết Vi có tám địa ngục lớn, giữa hai địa ngục có mười sáu bức ngăn. Núi Thiết Vi có nhiều lợi ích cho cõi Diêm- phù-đề. Diêm-phù-đề nếu không có núi Thiết Vi có núi Hương Tích, bên núi Hương Tích có tám vạn bốn ngàn bạch tượng vương sống ở đó, mỗi con có sáu ngà và đeo vàng bạc. Trong núi Hương Tích có tám vạn bốn ngàn hang, có voi ở đó. Con voi tối thượng do vàng bạc thủy tinh, lưu ly tạo thành. Thích-đề-hoàn-nhân cỡi voi tối thượng, còn Chuyển luân Thánh vương cỡi voi thấp nhất. Bên núi Hương Tích có hồ nước Ma-đà, sanh toàn hoa Ưu-bát Liên và hoa Câu-mâu-đầu; những con voi kia bới rễ mà ăn. Bên cạnh hồ nước Ma-đà có núi Ưu-xà-già-la, núi ấy mọi rất nhiều cây cỏ, chim chóc, cọp (trùng) báo đều nương núi này, có những vị thần thông đắc đạo ở đó. Kế đó lại có núi tên Bàn-trà-bà, kế đó lại có núi tên Kỳ-xà-quật. Đây là nơi cõi Diêm-phù-đề nương tựa.

Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc thế gian này muốn bại hoại, khi ấy trời chẳng mưa, những hạt mầm gieo trồng không lớn lên, bao nhiêu khe suối, sông nhỏ đều khô kiệt, tất cả các hành đều quy về vô thường, không tồn tại lâu dài.

Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc bốn dòng sông lớn là Hằng Hà, Tư-đầu, Tất- đà, Bà-xoa cũng đều khô cạn tất cả. Đúng thế Tỳ-kheo, vô thường trăm lần biến đổi, chính là thế.

Tỳ-kheo, hoặc có lúc, thế gian có hai mặt trời xuất hiện, khi ấy trăm thứ cỏ cây đều rơi rụng, điêu tàn. Đúng thế, Tỳ-kheo , vô thường biến đổi không có bền lâu. Lúc ấy các nguồn suối, dòng nước nhỏ đều khô cạn. Tỳ-kheo nên biết, khi hai mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn khô cạn, trong khoảng một trăm do-tuần, dần dần đến bảy trăm do-tuần, nước tự nhiên cạn.

Tỳ-kheo nên biết, lúc thế gian có ba mặt trời xuất hiện, nước bốn biển lớn trong vòng một ngàn do-tuần, tự nhiên khô cạn, dần dần đến bảy ngàn do- tuần nước tự nhiên cạn.

Tỳ-kheo nên biết, nếu lúc bốn mặt trời xuất hiện ở thế gian, thì nước bốn biển sẽ rút sâu một ngàn do-tuần. Đúng vậy, Tỳ-kheo, tất cả hành đều vô thường không có bền lâu.

Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc năm mặt trời xuất hiện ở thế gian, khi đó nước bốn biển chỉ còn bảy trăm do-tuần, dần dần đến một trăm do-tuần.

Tỳ-kheo nên biết, lúc năm mặt trời xuất hiện, khi ấy nước biển còn một do- tuần, dần dần khô cạn không còn gì hết. Nếu lúc năm mặt trời xuất hiện, còn đúng bảy thước nước. Lúc năm mặt trời xuất hiện, bốn biển khô cạn không còn chút nước nào. Tỳ-kheo nên biết, tất cả hành vô thường không được bền lâu.

Tỳ-kheo nên biết, hoặc có lúc sáu mặt trời xuất hiện, cõi đất dày sáu vạn tám ngàn do-tuần này sẽ bốc khói hết. Núi Tu-di cũng dần dần chảy tan. Lúc sáu mặt trời xuất hiện, tam thiên đại thiên quốc độ này đều chảy tan hết, ví như người thợ gốm đốt đồ gốm. Lúc ấy tam thiên đại thiên cõi nước cũng lại như thế, lửa dậy khắp mọi nơi.

Tỳ-kheo nên biết, lúc sáu mặt trời xuất hiện, tám địa ngục lớn cũng bị tiêu diệt, mọi người chết hết. Năm bậc Trời ở núi Tu-di cũng mạng chung, trời Ba mươi ba, trời Diệm thiên, cho đến trời Tha hóa tự tại cũng mạng chung, cung điện trống trơn. Nếu lúc sáu mặt trời xuất hiện, núi Tu-di và tam thiên đại thiên cõi nước đều trống không chẳng còn gì. Đúng vậy Tỳ-kheo, tất cả hành vô thường, không có bền lâu.

Tỳ-kheo nên biết, có lúc bảy mặt trời xuất hiện ở đời, đất này tuy dày sáu vạn tám ngàn do-tuần và tam thiên đại thiên cõi nước thảy đều bốc lửa. Lúc bảy mặt trời xuất hiện, núi Tu-di dần dần tan chảy, trăm ngàn do-tuần tự nhiên đổ vỡ không còn gì cả, không còn thấy một phần khói bụi huống là thấy tro.

Khi ấy từ trời Ba mươi ba cho đến trời Tha hóa tự tại, tất cả cung điện đều bốc lửa, lửa hừng nóng đến trời Phạm thiên. Thiên tử mới sanh ở cung trời ấy, vì chưa thấy kiếp thiêu, thấy ánh lửa nóng này thảy đều hoảng sợ, lo sẽ bị lửa đốt. Nhưng những vị Thiên tử sống lâu, đã từng thấy kiếp thiêu liền đến an ủi những Thiên tử sanh sau: 'Các ông chớ khiếp sợ, lửa này không đến thấu đây'.

Tỳ-kheo nên biết, lúc bảy mặt trời xuất hiện, từ cõi đời này đến sáu từng trời cõi dục cho đến tam thiên đại thiên quốc độ đều thành tro đất, không còn bóng dáng hình chất. Đúng vậy, Tỳ-kheo, tất cả hành vô thường, chẳng thể bảo đảm lâu bền, tất cả đều đi đến hoại diệt.

Khi ấy nhân dân chết hết, sinh vào quốc độ phương khác hoặc sanh lên Trời. Các chúng sanh ở trong địa ngục nếu tội cũ đã xong thì sanh lên Trời hoặc cõi nước phương khác. Tỳ-kheo nên biết, nếu lúc bảy mặt trời xuất hiện, không còn dấu vết của ánh sáng mặt trời, mặt trăng, tinh tú. Khi đó mặt trời, mặt trăng đã hoại diệt, không còn ngày đêm. Này Tỳ-kheo, đó là do báo duyên nên bị bại hoại như thế.

Tỳ-kheo lại nên biết, lúc kiếp thành tựu trở lại, lúc ấy lửa tự diệt mất, trong hư không có đám mây lớn nổi lên, dần dần mưa xuống, khi đó ba ngàn đại thiên thế giới tràn ngập nước, lên đến trời Phạm thiên. Tỳ-kheo nên biết, lúc đó nước dần dần dừng lại rồi tự tiêu diệt, lại có gió nổi lên gọi là Tùy lam (khí núi) thổi nước này tụ vào một chỗ. Khi ấy, gió kia làm nổi lên ngàn núi Tu-di, ngàn núi Kỳ-di-đà, ngàn núi Ni-di-đà, ngàn núi Khư-la, ngàn núi Y- sa, ngàn núi Tỳ-na, ngàn núi Thiết Vi, ngàn núi Đại Thiết Vi; lại sanh tám ngàn địa ngục, lại sanh ngàn núi Mã Đầu, ngàn núi Hương Tích, ngàn núi Bàn-trà-bà, ngàn núi Ưu-xà-già, ngàn Diêm-phù-đề, ngàn Cù-da-ni, ngàn Phất-vu-đệ, ngàn Uất-đơn-việt, lại sanh nước ngàn biển, lại sanh ngàn cung Tứ thiên vương, ngàn

trời Ba mươi ba, ngàn Diễm thiên, ngàn Đâu-suất thiên, ngàn Hóa tự tại thiên, ngàn Tha hóa tự tại thiên.

Tỳ-kheo nên biết, lúc ấy nước diệt, đất lại sanh trở lại, trên mặt đất tự nhiên có lớp đất màu mỡ, rất là thơm ngon hơn cả cam lồ. Nên biết mùi vị của lớp đất màu mỡ này ví như rượu ngọt bồ đào.

Tỳ-kheo nên biết, khi ấy trời Quang Âm bảo nhau: 'Chúng tôi muốn đến Diêm-phù-đề ngắm xem hình thể cõi đất ấy lúc hoàn thành trở lại'.

Chư Thiên trời Quang Âm liền xuống thế gian, thấy trên đất có lớp đất màu mỡ này liền lấy tay quẹt đưa vào miệng nếm và ăn. Khi ấy Thiên tử nào ăn lớp đất mày này nhiều thì trở nên mất oai thần, cũng không có ánh sáng, thân thể trở nên nặng nề, sanh ra xương thịt, mất hết thần túc, không bay được nữa. Thiên tử nào ăn đất màu ít, thân thể không nặng, không mất thần túc, cũng có thể phi hành trong hư không. Lúc đó các Thiên tử mất thần túc, cùng nhau kêu khóc và bảo nhau: 'Hôm nay, chúng ta thật là nguy khốn, mất hết thần túc, phải ở thế gian, không lên trời được nữa!'. Họ bèn ăn lớp đất màu này và nhìn nhau sắc nhau. Người nào dục ý nhiều thì thành đàn bà, rồi làm tình dục, cùng nhau vui thú.

Này Tỳ-kheo, đó là lúc thế gian mới thành lập, có sự dâm dục lan tràn thế gian. Đó là cách thức thông thường của đàn bà xuất hiện ở đời, cũng là pháp cũ không phải mới có đây.

Khi ấy, các Thiên tử Quang Âm khác, thấy các thiên tử này đọa lạc, đều đến trách mắng họ: 'Các Ông vì sao lại làm hạnh bất tịnh này?' Khi đó các chúng sanh nghĩ: 'Chúng ta phải tìm cách nào tiện nghi để ăn ở với nhau cho người chẳng thấy'. Rồi từ từ họ làm nhà cửa để che thân thể. Tỳ-kheo, đó là nguyên nhân ngày nay có nhà cửa.

Tỳ-kheo nên biết, lúc đó, lớp đất màu mỡ tự nhiên chui vào đất, sau lại sanh lúa gạo, rất tươi tốt, sạch sẽ không có lớp vỏ, rất thơm ngon khiến người ăn mập trắng. Sáng, người ta thu thập, chiều nó lại sanh; nếu chiều thu thì sáng sanh ra. Tỳ-kheo, từ đó mới sanh ra tên lúa gạo. Tỳ-kheo, khi ấy nhân dân lười biếng, chẳng siêng năng sinh hoạt, họ nghĩ: 'Nay ta ngày ngày đi thu gạo thóc làm chi. Hãy để hai ngày đi gom một lần'. Khi ấy, người kia để hai ngày mới đi thu một lần. Nhân dân lần lượt có thai. Do đây mới có việc sanh đẻ. Lại có chúng sanh bảo người kia:

- Chúng ta cùng đi thu lúa gạo đi!

Người kia đáp:

- Tôi đã lấy lương thực hai ngày rồi.

Người này nghe xong liền tự nghĩ: 'Mình nên chứa lương thực bốn ngày'. Rồi liền lo lương thực bốn ngày. Lại có người bảo người ấy rằng:

- 'Nên cùng nhau ra ngoài thu lúa gạo'.

Người này đáp:

- 'Tôi đã thu lương thực bốn ngày'.

Người kia nghe xong liền nghĩ: 'Ta nên lo lương thực tám ngày'. Và người ấy lo dự trữ thức ăn tám ngày. Khi ấy lúa gạo kia không sanh ra nữa. Mọi người đều nghĩ: 'Thế gian có tai nạn lớn. Nay lúa gạo này không còn như cũ. Hãy chia lúa gạo này ra'.

Rồi họ chia lúa gạo. Bấy giờ chúng sanh lại nghĩ: 'Nay ta hãy giấu lúa gạo của mình và hãy ăn trộm lúa gạo người khác'.

Khi ấy, chúng sanh kia giấu lúa gạo của mình rồi ăn trộm lúa gạo người khác. Người chủ kia thấy trộm lúa gạo mới bảo người ấy:

- 'Ông vì sao lấy lúa gạo của ta. Lần này ta tha tội cho Ông, chớ có tái phạm'.

Bấy giờ, thế gian bắt đầu có tâm trộm cắp. Lại có chúng sanh nghe lời này liền nghĩ: 'Nay ta nên giấu lúa gạo của mình và ăn trộm lúa gạo người khác'.

Khi ấy, chúng sanh kia bỏ vật của mình và lấy trộm của người. Người chủ kia thấy rồi bảo người ấy rằng:

- 'Nay Ông vì sao lấy lúa gạo của ta?'.

Nhưng người đó im lặng không đáp. Lúc đó người chủ mới dùng nắm tay mà đánh nhau:

- 'Từ nay về sau chớ có xâm phạm'.

Khi ấy, rất nhiều người nghe chúng sanh ăn trộm lẫn nhau, mỗi người đều nhóm họp bảo nhau rằng:

- 'Thế gian có việc phi pháp này, mỗi người cùng ăn trộm lẫn nhau. Nay hãy lập người giữ ruộng, để giữ gìn ruộng rẫy. Có chúng sanh tài cao, thông minh, hãy lập làm chủ giữ ruộng'.

Bấy giờ, họ chọn lựa điền chủ và bảo:

- 'Các Ông nên biết, thế gian có sự trộm cắp phi pháp này. Nay Ông giữ ruộng hãy coi sóc bông hạt, nhưng người đến lấy lúa gạo của người khác thì nêu tội họ'.

Khi ấy liền đặt điền chủ.

Tỳ-kheo nên biết! Bấy giờ người giữ ruộng gọi là dòng Sát-lợi. Đó là pháp cũ, chẳng phải là pháp mới.

Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ này:

Đầu tiên dòng Sát-lợi,
Cao nhất trong các dòng,
Người thông minh cao tài,
Được Trời Người cung kính.
Bấy giờ có nhân dân nào xâm phạm vật của người khác thì dòng Sát-lợi sẽ trừng phạt họ. Nhưng sau người kia không sửa lỗi, lại phạm nữa, chủ Sát-lợi ra lệnh làm đao gậy

chặt đầu người kia. Lúc ấy thế gian mới bắt đầu có sát sanh. Nhiều người nghe lệnh giết này: 'Người ăn trộm lúa gạo người khác, Sát-lợi chủ sẽ bắt giết' đều sợ hãi, lông tóc dựng ngược. Ai nấy đều cất nhà cỏ, ngồi Thiền trong đó, nhất tâm tu Phạm hạnh, bỏ lìa nghiệp nhà, vợ con, hầu thiếp. Một mình ở chỗ vắng vẻ, dốc chí tu Phạm hạnh. Nhân đây về sau có tên họ của Bà-la-môn.

Khi đó, có hai chủng tánh xuất hiện ở đời. Tỳ-kheo nên biết, khi ấy do trộm cắp mà có sát sanh, do sát sanh nên có dao gậy. Sát-lợi chủ bảo nhân dân:

- 'Người nào đoan chính tài cao, hãy cho thống lãnh nhân dân này'.

Sát-lợi chủ lại bảo họ rằng:

- 'Nhân dân nào ăn trộm thì cho trừng trị tội nó'.

Khi đó liền có chủng tánh Tỳ-xá xuất hiện ở đời. Có nhiều chúng sanh nghĩ rằng: 'Ngày nay chúng sanh sát sinh lẫn nhau đều do tiền nghiệp gây ra. Nay ta nên qua lại xoay vần để tự sinh sống'.

Bấy giờ liền có chủng tánh Thủ-đà-la xuất hiện thế gian.

Khi ấy Thế Tôn liền nói kệ này:

Trước tiên dòng Sát-lợi,
Kế có Bà-la-môn,
Thứ ba là Tỳ-xá,
Tiếp là họ Thủ-đà.
Có bốn chúng tánh này,
Lần lần sanh lẫn nhau,
Đều là thân Trời đến,
Cùng đồng là một vẻ.

Tỳ-kheo nên biết, lúc có tâm giết và trộm này, không còn có lúa gạo tự nhiên hiện nữa. Khi ấy, liền có năm loại ngũ cốc: rễ, cọng, cành, hoa, trái, và sanh các hạt giống khác. Đó là năm hạt giống đều là từ cõi nước phương khác theo gió thổi đến, người ta lấy trồng dùng đây để sống.

Như thế, Tỳ-kheo thế gian có điềm ứng này, liền có sanh, già, bệnh, chết đến, khiến hôm nay có thân năm ấm, chẳng dứt được mé khổ. Đây gọi là sự biến đổi của kiếp thành hoại. Ta nói với các Thầy! Việc đáng làm của chư Phật Thế Tôn, nay Ta đã nói hết cho các Thầy, hãy ưa thích chỗ vắng vẻ, nên nhớ tọa thiền chớ giải đãi, ngày nay nếu không tinh thành, sau hối hận vô ích. Đây là lời dạy của Ta.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt trong vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nước Ma-kiệt nói với quần thần rằng:

- Nước Bạt-kỳ rất thịnh vượng, dân cư đông đúc. Ta sẽ chinh phạt chiếm đất nước đó.

Lúc ấy, vua A-xà-thế lại bảo Bà-la-môn Bà-lợi-ca rằng:

- Nay Ông đến chỗ Thế Tôn, đem tên họ ta thăm hỏi Thế Tôn, lễ kính, thừa sự rồi thưa rằng: 'Vua A-xà-thế bạch đức Thế Tôn, vua có ý muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ có được hay không?' Nếu Như Lai có nói gì, Ông hãy khéo suy nghĩ rồi về nói cho ta. Vì sao thế? Như Lai nói không hai lời.

Bấy giờ Bà-la-môn vâng lời vua dạy, đến chỗ Thế Tôn, thưa hỏi rồi ngồi một bên. Khi đó, Bà-la-môn bạch Phật:

- Vua A-xà-thế lễ kính Thế Tôn, thừa sự, thăm hỏi.

Và Bà-la-môn ấy bạch thêm rằng:

- Ý vua muốn chinh phạt nước Bạt-kỳ, trước đến hỏi Phật xem có được không?

Khi ấy Thế Tôn thấy Bà-la-môn kia lấy y che đầu, chân mang giày ngà voi, lưng đeo kiếm bén, chẳng nên thuyết pháp cho ông ta. Thế Tôn mới bảo A- nan:

- Nếu dân chúng Bạt-kỳ-tu bảy pháp thì trọn không bị ngoại xâm tiêu diệt. Thế nào là bảy? Nếu nhân dân Bạt-kỳ tụ tập một nơi không phân tán thì không bị nước khác phá hoại. Đó là pháp đầu tiên không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, người nước Bạt-kỳ trên dưới hòa thuận, thì nhân dân Bạt-kỳ không bị người ngoài cầm giữ. A-nan! Đó là pháp thứ hai không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không dâm dục với đàn bà của người khác. Đó là pháp thứ ba không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không đem việc ở đây truyền đến chỗ kia, cũng lại không đem việc đàng kia truyền lại đàng này... Đó là pháp thứ tư không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, thừa sự, lễ kính người Phạm hạnh... Đó là pháp thứ năm không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ không tham lam tài sản của người khác... Đó là pháp thứ sáu không bị giặc ngoài phá hoại.

Lại nữa A-nan, nếu người nước Bạt-kỳ đều đồng một lòng không theo thần tự, chuyên tinh ý mình, liền chẳng bị giặc ngoài phá hoại. Đó là pháp thứ bảy không bị giặc ngoài phá hoại.

A-nan, đó là người Bạt-kỳ tu bảy pháp này, trọn không bị giặc ngoài phá hoại.

Khi ấy Phạm chí bạch Phật:

- Dù cho người nước Bạt-kỳ chỉ thành tựu một pháp thôi, cũng không thể phá hoại được, huống là đến bảy pháp thì làm sao phá hoại được. Thôi, thôi! Bạch Thế Tôn, việc nước bề bộn tôi muốn trở về chỗ mình.

Bấy giờ Phạm chí liền từ tòa đứng lên mà đi. Ông ta đi chưa xa, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói bảy pháp bất thối chuyển, các Thầy nên lắng nghe, khéo suy nghĩ.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

- Thế nào là bảy pháp bất thối chuyển? Tỳ-kheo nên biết, Tỳ-kheo tụ họp chung một chỗ, hòa thuận với nhau, trên dưới kính nhường, càng lúc càng tiến lên, tu các pháp lành không thối chuyển, không để Ma được lợi thế. Đó là pháp bất thối chuyển đầu tiên.

Lại nữa, chúng Tăng hòa hợp, thuận theo lời dạy càng tiến lên, không thối chuyển, chẳng bị Ma vương phá hoại. Đó là pháp bất thối chuyển thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo không đắm công việc, không tập tành việc đời, cứ tiến tới, không để Thiên ma được tiện lợi. Đó là pháp bất thối chuyển thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo, không tụng đọc sách tạp, suốt ngày thúc liễm tình ý càng tiến lên, không để Ma vương được tiện lợi. Đó là pháp bất thối chuyển thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo chuyên cần tu pháp trừ khử thùy miên, hằng tự răn nhắc tỉnh táo, càng tiến lên trên, không để Ma được tiện lợi. Đó là pháp bất thối chuyển thứ năm.

Lại nữa, Tỳ-kheo, không học toán thuật, cũng không khiến người tập thành nó, ưa chỗ vắng vẻ, tu tập pháp này, ngày càng tiến lên, không để Ma được tiện lợi. Đó là pháp bất thối chuyển thứ sáu.

Lại nữa, Tỳ-kheo, khởi lên ý tưởng 'tất cả thế gian không có gì đáng ưa thích', tu tập Thiền hạnh, kham nhẫn theo các pháp được dạy, càng tiến lên, không để Ma được tiện lợi. Đó là pháp bất thối chuyển thứ bảy. Nếu có Tỳ- kheo thành tựu bảy pháp này, hòa thuận với nhau, thì Ma sẽ không được tiện lợi.

Khi ấy, Thế Tôn nói kệ:

Trừ bỏ các sự nghiệp,
Không suy nghĩ loạn bậy,
Nếu không hành điều này,
Cũng chẳng được tam-muội.
Người hay vui với pháp,
Phân biệt nghĩa pháp này,
Tỳ-kheo ưa hạnh này,

Sẽ đến tam-muội định.
Thế nên, Tỳ-kheo, hãy cầu phương tiện thành tựu bảy pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói về bảy sử. Các Thầy hãy khéo nghĩ nhớ.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy, các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

- Thế nào là bảy? Tham dục sử, sân nhuế sử, kiêu mạn sử, si sử, nghi sử, kiến sử, dục thế gian sử.

Này Tỳ-kheo, đó là bảy sử khiến cho chúng sanh thường ở trong u tối, bị trói buộc thân mình, lưu chuyển trong thế gian không hề ngừng nghỉ, cũng không thể biết cội rễ sanh tử. Ví như hai con trâu một đen, một trắng, mang chung một ách cùng kéo dẫn nhau, không cách xa được. Chúng sanh cũng như thế, bị tham dục sử, vô minh sử, trói buộc không lìa nhu được. Năm sử kia cũng lại đuổi theo; năm sử vừa theo, bảy sử cũng thế. Người phàm phu bị bảy sử này trói buộc, lưu chuyển trong sanh tử không giải thoát được, không thể biết nguồn gốc của khổ.

Tỳ-kheo nên biết, do bảy sử này bèn có ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Do bảy sử này không thể qua khỏi cảnh giới tệ Ma. Nhưng bảy sử này lại có bảy phương thuốc. Thế nào là bảy? Tham dục sử thì có niệm giác ý trị. Sân nhuế sử có trạch pháp giác ý trị. Tà kiến sử có tinh tấn giác ý trị. Dục thế gian sử có hỷ giác ý trị. Kiêu mạn sử có khinh an giác ý trị. Nghi sử có định giác ý trị. Vô minh sử có hộ (xả) giác ý trị. Này Tỳ-kheo! Đó là bảy sử dùng bảy giác ý trị.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc Ta chưa thành Phật, đang hành hạnh Bồ-tát, ngồi dưới cây Bồ-đề, khởi niệm này: 'Chúng sanh cõi dục bị những gì trói buộc?' Rồi lại nghĩ: 'Chúng sanh bị bảy sử trói buộc lưu chuyển trong sanh tử, mãi mãi không giải thoát được. Nay Ta cũng bị bảy sử này trói buộc không được giải thoát'. Lúc ấy Ta lại nghĩ: 'Bảy sử này dùng gì để trị?'. Ta lại suy nghĩ nữa: 'Bảy sử này sẽ dùng Bảy giác ý trị'.

Ta nên tư duy Bảy giác ý. Lúc Ta tư duy Bảy giác ý, tâm hữu lậu được dứt, liền được giải thoát. Sau thành đạo Vô Thượng Chánh Chân.

Trong bảy ngày ngồi kiết-già, tư duy Bảy giác ý này một lần nữa.

Thế nên các Tỳ-kheo! Nếu muốn bỏ bảy sử, nên nhớ tu hành pháp Bảy giác ý. Như thế, các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, họ là phước điền vô thượng của thế gian. Thế nào là bảy hạng người? Đó là: Hành từ, hành bi, hành hỉ, hành hộ (xả), hành không, hành vô tướng, hành vô nguyện. Đó là bảy hạng người đáng thờ, đáng kính, là phước điền vô thượng của thế gian. Vì sao thế? Nếu có chúng sanh hành bảy pháp này thì ở trong hiện pháp thu hoạch được quả báo.

Bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn:

- Vì cớ sao Thế Tôn không nói Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm, A-la- hán, Bích-chi Phật và Phật mà lại nói bảy pháp này?

Thế Tôn bảo:

- Người hành từ cho đến bảy pháp hành cùng với Tu-đà-hoàn cho đến Phật, việc này không đồng. Dù cúng dường Tu-đà-hoàn cho đến Phật cũng không được quả báo hiện tại; nhưng cúng dường bảy người này, ở hiện đời được quả báo. Thế nên, A-nan, nên chuyên cần dũng mãnh thêm để hoàn thành bảy pháp. Như thế, A-nan, nên học điều này!

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở Tỳ-xá-ly, bên ao Di-hầu, cùng với năm trăm chúng đại Tỳ- kheo.

Khi ấy Thế Tôn đến giờ đắp y, ôm bát, cùng A-nan vào Tỳ-xá-ly khất thực. Bấy giờ trong thành Tỳ-xá-ly có đại trưởng giả tên Tỳ-la-tiên, giàu có, nhiều tài sản chẳng thể tính kể, nhưng lại keo kiệt tham lam không có lòng bố thí, chỉ hưởng phước cũ, không tạo thêm phước mới. Lúc đó trưởng giả ấy đang cùng các dâm nữ ở hậu cung đàn hát, ca xướng vui chơi.

Thế Tôn đi đến hướng ấy, Ngài biết mà vẫn hỏi Tôn giả A-nan:

- Nay Ta nghe tiếng hát xướng, kỹ nhạc là ở nhà nào?

A-nan bạch Phật:

- Đó là ở nhà trưởng giả Tỳ-la-tiên.

Phật bảo A-nan:

- Trưởng giả này sau bảy ngày sẽ chết và sanh trong địa ngục Thế Khốc. Vì sao thế? Đó là lẽ thường. Nếu người đoạn căn lành thì lúc mạng chung đều sanh trong địa ngục Thế Khốc. Nay trưởng giả này phước cũ đã hết, lại không chịu tạo phước mới.

A-nan bạch Phật:

- Có nhân duyên nào khiến trưởng giả này sau bảy ngày không chết chăng?

Phật bảo A-nan:

- Chẳng có nhân duyên nào mà làm ông ta không chết được. Những hạnh ông ta gieo trồng ngày xưa, hôm nay đã hết. Điều này không thể tránh khỏi.

A-nan bạch Phật:

- Có cách nào khiến trưởng giả này không sanh vào địa ngục Thế Khốc chăng?

Phật bảo:

- A-nan! Có cách này có thể khiến trưởng giả không vào địa ngục.

A-nan bạch Phật:

- Những nhân duyên nào khiến trưởng giả không vào địa ngục?

Phật bảo A-nan:

- Nếu trưởng giả này chịu cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo thì có thể khỏi tội này được.

A-nan bạch Phật:

- Nay con có thể khiến cho trưởng giả này xuất gia học đạo.

Bấy giờ Tôn giả A-nan từ giã Thế Tôn, đi đến đứng ngoài cửa nhà ông trưởng giả. Lúc ấy, Trưởng giả từ xa trông thấy A-nan đến liền ra cửa tiếp đón thỉnh ngài vào ngồi. Rồi A-nan bảo trưởng giả:

- Nay tôi ở bên bậc Nhất Thiết Trí được nghe Như Lai thọ ký Ông sau bảy ngày sẽ chết và sanh vào địa ngục Thế Khốc.

Trưởng giả nghe xong lông tóc dựng ngược, kinh hãi bạch Tôn giả A-nan:

- Có nhân duyên gì làm tôi trong bảy ngày không chết chăng?

A-nan bảo:

- Không có nhân duyên nào khiến Ông trong bảy ngày khỏi chết.

Trưởng giả lại bạch:

- Có nhân duyên nào khiến tôi chết không sanh vào địa ngục Thế Khốc chăng?

A-nan bảo:

- Thế Tôn cũng có dạy rằng nếu Trưởng giả cạo tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo sẽ không phải vào địa ngục Thế Khốc. Ông phải nên xuất gia học đạo, đến được bờ kia.

Trưởng giả bạch:

- Ngài A-nan hãy đi trước đi, tôi sẽ đến ngay.

Khi ấy, Tôn giả A-nan liền bỏ đi. Trưởng giả liền nghĩ: 'Nói bảy ngày cũng còn xa, nay ta nên vui chơi ngũ dục, rồi sau hãy xuất gia học đạo'.

Tôn giả A-nan ngày hôm sau đến nhà trưởng giả, bảo ông ta:

- Một ngày đã qua, còn có sáu ngày, phải xuất gia đi!

Trưởng giả bạch:

- Ngài A-nan hãy đi trước, tôi sẽ theo sau ngay.

Nhưng trưởng giả ấy vẫn không đi. Ngài A-nan, hai ngày, ba ngày cho đến sáu ngày đến nhà trưởng giả, bảo ông ta:

- Bây giờ hãy xuất gia, nếu không sau hối không kịp. Nếu không xuất gia hôm nay sẽ chết, rồi sanh trong địa ngục Thế Khốc.

Trưởng giả bạch A-nan:

- Tôn giả hãy đi trước, tôi sẽ theo sau.

A-nan bảo:

- Trưởng giả! Hôm nay Ông dùng thần túc nào đến kia được mà bảo ta đi trước? Ta muốn đi một lượt với Ông.

Khi ấy A-nan dẫn trưởng giả này đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy và bạch Phật:

- Nay trưởng giả này muốn được xuất gia học đạo, cúi mong Như Lai hãy cạo bỏ râu tóc cho ông ta, để ông ta được học đạo.

Phật bảo A-nan:

- Nay chính Thầy có thể độ trưởng giả này.

A-nan vâng lời Phật dạy tức thời cạo tóc cho trưởng giả, dạy đắp ba pháp y và học Chánh pháp. Lúc ấy A-nan dạy Tỳ-kheo đó rằng:

- Ông nên nhớ tu hành, niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Thôi dứt, niệm Hơi thở, niệm Thân, niệm Tử. Nên tu hành pháp như thế. Tỳ-kheo hành mười niệm này sẽ được quả báo lớn, được pháp vị cam lồ.

Khi ấy Tỳ-la-tiên tu hành pháp như thế rồi; ngay ngày ấy mạng chung sanh trong Tứ thiên vương. A-nan liền trà-tỳ thân ông ta, trở về chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên.

Bấy giờ A-nan bạch Thế Tôn:

- Vừa rồi Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên đã mạng chung, sẽ sanh về đâu?

Thế Tôn bảo:

- Nay Tỳ-kheo này mạng chung sanh lên cõi trời Tứ thiên vương.

A-nan bạch Phật:

- Ông ta ở đó mạng chung sẽ sanh về đâu?

Thế Tôn bảo:

- Ông ta ở đó mạng chung sẽ sanh trời Ba mươi ba, lần lượt sanh Diệm thiên, Đâu-suất thiên, Hóa tự tại thiên, Tha hóa tự tại thiên. Từ đó ông ta mạng chung lại sanh trở lại cho đến trời Tứ thiên vương. A-nan! Tỳ-kheo Tỳ-la-tiên, bảy phen xoay vần trong Trời, Người. Cuối cùng ông ta được thân người xuất gia, học đạo, sẽ dứt mé khổ. Vì sao thế? Vì ông ta có tín tâm đối với Như Lai. A-nan nên biết! Cõi Diêm-phù-đề này, Nam Bắc hai vạn một ngàn do-tuần; Đông Tây bảy ngàn do-tuần. Nếu có người cúng dường người khắp cõi Diêm-phù-đề, phước đó có nhiều không?

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Rất nhiều, rất nhiều, bạch Thế Tôn.

Phật bảo A-nan:

- Nếu có chúng sanh chỉ trong một khoảng khắc, không dứt tín tâm tu hành mười niệm này, phước chẳng thể lường, không thể lường được. Như thế, A- nan! Hãy cầu phương tiện tu hành mười niệm. Như thế A-nan, hãy học điều này!

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta sẽ thuyết pháp cực diệu, ban đầu, ở giữa và rốt sau đều lành, nghĩa lý thâm sâu, đầy đủ để tu Phạm hạnh. Kinh này gọi là 'Pháp sạch các lậu'. Các Thầy khéo suy nghĩ đó.

Tỳ-kheo đáp:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

- Tại sao gọi là 'pháp sạch các lậu'? Hoặc có hữu lậu duyên kiến mà được đoạn, hoặc có hữu lậu nhờ thân cận được đoạn, hoặc có hữu lậu do xa lìa được đoạn, hoặc có hữu lậu do vui thích được đoạn, hoặc có hữu lậu do oai nghi được đoạn, hoặc có hữu lậu do tư duy được đoạn.

Thế nào là hữu lậu do kiến được đoạn? Ở đây, người phàm phu chẳng gặp Thánh nhân, không thuận theo pháp Như Lai, chẳng thể ủng hộ pháp Hiền Thánh, chẳng gần gũi Thiện tri thức, chẳng phụng sự Thiện tri thức. Họ nghe pháp, điều đáng suy nghĩ cũng không phân biệt được; điều không nên suy nghĩ thì lại suy nghĩ; dục lậu chưa sanh liền sanh, dục lậu đã sanh liền tăng thêm nhiều; hữu lậu chưa sanh liền sanh, hữu lậu đã sanh liền tăng thêm nhiều; vô minh lậu chưa sanh liền sanh, vô minh lậu đã sanh liền tăng thêm nhiều. Đây là pháp chẳng nên tư duy mà lại tư duy.

Thế nào là pháp đáng tư duy mà không chịu tư duy pháp này? Pháp nên tư duy là dục lậu chưa sanh, khiến cho chẳng sanh, dục lậu đã sanh thì tiêu diệt đi; hữu lậu chưa sanh khiến cho chẳng sanh, hữu lậu đã sanh thì tiêu diệt đi; vô minh lậu chưa sanh khiến cho chẳng sanh, vô minh lậu đã sanh thì tiêu diệt đi. Đó là pháp đáng nên tư duy mà không tư duy; pháp không nên tư duy thì tư duy, pháp nên tư duy lại không chịu tư duy; dục lậu chưa sanh liền sanh, dục lậu đã sanh tăng thêm; hữu lậu chưa sanh liền sanh, hữu lậu đã sanh liền tăng thêm; vô minh lậu chưa sanh liền sanh, vô minh lậu đã sanh liền tăng thêm.

Người ấy suy nghĩ thế này: 'Thế nào là có quá khứ lâu xa? Nay ta phải có quá khứ lâu xa'.

Người ấy lại suy nghĩ: 'Không có quá khứ lâu xa. Thế nào mà có quá khứ lâu xa? Thế nào lại có tương lai lâu xa? Nay ta sẽ có tương lai lâu xa. Hay lại nói không có tương lai lâu xa? Thế nào sẽ có tương lai lâu xa. Ai có tương lai lâu xa? Thế nào ở đây có chúng sanh từ lâu xa? Chúng sanh lâu xa này từ đâu mà đến, từ đây mạng chung sẽ đi về đâu?'.

Người ấy khởi ý nghĩ chẳng lành này, liền nổi lên sáu kiến chấp lần lượt sanh tư tưởng tà vạy: Có ngã kiến, xét rõ có kiến này; không có ngã kiến xét rõ khởi lên cái kiến này; có ngã kiến, không ngã kiến, trong đó khởi xét rõ sanh kiến; lại tự quán thân rồi khởi kiến chấp; ở nơi mình mà không thấy mình, lại khởi cái chấp này; ở chỗ vô ngã mà không thấy vô ngã, trong đó khởi kiến chấp. Khi ấy người kia sanh tà kiến này: 'Ngã đời này cũng là ngã đời sau, thường còn ở đời không có hư hoại, cũng không biến đổi, cũng chẳng di động'. Đó gọi là nhóm tà kiến. Tà kiến khổ hoạn, ưu bi, khổ não, đều do đây sinh không thể trị liệu, cũng bỏ không được, bèn tăng thêm gốc khổ. Do đó không phải là hạnh của Sa-môn, đạo Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo đệ tử bậc Hiền Thánh tu hành pháp này không mất thứ tự, khéo hay ủng hộ và ủng hộ cho Thiện tri thức. Người ấy có thể phân biệt, pháp chẳng thể tư duy cũng có thể biết; pháp nên tư duy cũng có thể biết; pháp không nên tư duy, người ấy cũng chẳng tư duy; pháp nên tư duy thì tư duy.

Thế nào là pháp chẳng nên tư duy thì chẳng tư duy? Đối với các pháp dục lậu chưa sanh mà sanh, dục lậu đã sanh liền tăng thêm; hữu lậu chưa sanh liền sanh, hữu lậu đã sanh liền tăng thêm; vô minh lậu chưa sanh liền sanh, vô minh lậu đã sanh liền tăng thêm. Đó là pháp không nên tư duy.

Những pháp nào nên tư duy thì tư duy? Đối với các pháp dục lậu chưa sanh liền chẳng sanh, dục lậu đã sanh liền tiêu diệt; hữu lậu chưa sanh liền chẳng sanh, hữu lậu đã sanh liền tiêu diệt; vô minh lậu chưa sanh liền chẳng sanh, vô minh lậu đã sanh liền tiêu diệt. Đây là pháp đáng nên tư duy, điều chẳng nên tư duy người ấy không tư duy. Điều nên tư duy liền tư duy. Người ấy tư duy như thế liền diệt được ba pháp. Thế nào là ba? Thân tà giới, trộm, nghi. Nếu không thấy biết thì tăng thêm hạnh hữu lậu. Nếu người thấy, nghe, nhớ, biết thì chẳng tăng thêm hạnh hữu lậu. Đã biết, đã thấy thì hữu lậu chẳng sanh. Đây là lậu do kiến mà đoạn được.

Thế nào là lậu nhờ cung kính mà đoạn? Ở đây, Tỳ-kheo! Kham nhẫn đói lạnh, chịu khổ gió mưa, muỗi mòng, lời ác nhục mạ, thân sanh đau đớn, rất là phiền phức, mạng sắp muốn dứt mà có thể nhẫn được. Nếu không dứt được liền khởi khổ não, nếu người có thể kham nhẫn được, như thế chẳng sanh. Đó là lậu do cung kính được đoạn.

Thế nào là lậu do thân cận được đoạn? Ở đây, Tỳ-kheo! Giữ tâm thọ nhận y, không đòi trang sức, chỉ muốn giữ gìn thân thể, muốn trừ lạnh nóng; muốn mưa gió không chạm vào thân. Lại che thân thể không lộ ra ngoài. Lại giữ tâm theo thời khất thực, không khởi tâm tham nhiễm, chỉ muốn gìn giữ thân thể, cho bệnh cũ được lành, bệnh mới chẳng sanh; giữ gìn các hạnh không xúc phạm, được an ổn lâu dài mà tu Phạm hạnh được lâu bền ở đời. Lại giữ gìn tâm ý, gần gũi sàng tòa, cũng không đắm nhiễm phục sức vinh hoa; chỉ muốn trừ đói lạnh, gió mưa, muỗi mòng, che chở thân thể để hành đạo pháp. Lại giữ gìn tâm, gần gũi thuốc men, chẳng sanh tâm nhiễm đắm, đối với thuốc men chỉ muốn bịnh tật được lành, thân thể được an ổn. Nếu không thân cận thì sanh hoạn hữu lậu, nếu thân cận thì không sinh hoạn hữu lậu. Đó là lậu do thân cận được đoạn.

Thế nào là hữu lậu do xa lìa được đoạn? Ở đây, Tỳ-kheo! Trừ khử loạn tưởng, xem nó như voi ác, lạc đà, trâu ngựa, cọp beo, chó, rắn độc, hầm sâu bờ hiểm, gai góc, sườn dốc, bùn sình, thảy đều xa lìa chúng, chớ theo phụng thờ Ác tri thức, cũng không gần gũi người ác, hay nghiền ngẫm ở trong lòng chớ bỏ qua. Nếu không ủng hộ thì sanh hữu lậu, nếu ủng hộ thì không sanh hữu lậu. Đó là hữu lậu do xa lìa mà đoạn.

Thế nào là hữu lậu do vui thích được đoạn?

Ở đây, Tỳ-kheo! Sanh dục tưởng mà chẳng xa lìa, nếu khởi sân giận cũng chẳng xa lìa, nếu lại khởi tưởng đố kỵ cũng chẳng xa lìa. Nếu không xa lìa thì sanh hữu lậu, người có thể xa lìa thì có thể chẳng khởi hữu lậu. Đó là hữu lậu do vui thích được đoạn.

Thế nào là hữu lậu do oai nghi mà đoạn? Ở đây, Tỳ-kheo! Nếu mắt thấy sắc không khởi sắc tưởng, cũng không khởi tâm nhiễm ô, đầy đủ nhãn căn, cũng không thiếu sót mà hộ nhãn căn. Nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp, đều không khởi tâm nhiễm ô, cũng không khởi tưởng chấp trước mà gìn giữ ý căn. Nếu không nhiếp hộ oai nghi thì

sanh hữu lậu, nếu nhiếp hộ oai nghi thì không có hoạn hữu lậu. Đó là hữu lậu do oai nghi được đoạn.

Những hữu lậu nào do tư duy được đoạn? Ở đây Tỳ-kheo! Tu niệm giác ý, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu; tu trạch pháp giác ý, tinh tấn giác ý, hỷ giác ý, khinh an giác ý, định giác ý, hộ (xả) giác ý, y vô dục, y không nhiễm ô, y diệt tận mà cầu xuất yếu. Nếu không tu điều này thì sanh hoạn hữu lậu, nếu người hay tu thì không sanh hoạn hữu lậu. Đó là hữu lậu do tư duy mà đoạn.

Này Tỳ-kheo! Nếu ở trong Tỳ-kheo có các hữu lậu, người do kiến đoạn được thì hãy dùng kiến đoạn, người do cung kính đoạn hãy dùng cung kính đoạn, người do thân cận đoạn hãy dùng thân cận đoạn, người do xa lìa đoạn hãy dùng xa lìa đoạn, người do oai nghi đoạn hãy dùng oai nghi đoạn, người do tư duy đoạn hãy dùng tư duy đoạn. Này Tỳ-kheo! Đó là đầy đủ tất cả oai nghi có thể đoạn kiết sử, bỏ được ái dục qua được bốn dòng, dần dần vượt khỏi khổ.

Này Tỳ-kheo! Đó là pháp trừ hữu lậu. Chư Phật, Thế Tôn thường thi hành niệm từ với tất cả loài hữu tình, nay Ta đã thi hành. Các Thầy nên ưa thích chỗ vắng vẻ, dưới gốc cây, chuyên cần tinh tấn chớ có giải dãi; nếu nay không chuyên cần sau hối vô ích. Đây là lời dạy của Ta.

Bấy giờ Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXX.2. Phẩm Thất nhật (2)

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở bên bờ sông A-du-xà cùng với năm trăm chúng đại Tỳ- kheo.

Khi ấy Đại Quân-đầu đang ở chỗ nhàn vắng nghĩ rằng: 'Có nghĩa này hằng thêm công đức hay không có lý này?'.

Quân-đầu liền đứng dậy đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Bấy giờ Quân-đầu bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Vừa rồi con ở chỗ vắng vẻ có nghĩ: 'Có lý làm các việc được thêm công đức hay không?'. Nay con hỏi Thế Tôn, cúi mong thuyết cho.

Thế Tôn bảo:

- Có thể được tăng thêm công đức.

Quân-đầu bạch Phật:

- Được tăng thêm công đức thế nào?

Thế Tôn bảo:

- Tăng thêm có bảy việc, phước ấy không thể cân lường, cũng không ai có thể tính toán được. Thế nào là bảy? Ở đây, con nhà vọng tộc trai hoặc gái, chưa từng cất già lam cho Tăng, liền lập già-lam. Phước này không thể kể.

Lại nữa, Quân-đầu! Nếu thiện nam, thiện nữ, có thể đem giường tòa thí cho tăng-già-lam và cho Tỳ-kheo Tăng. Này Quân-đầu! Đó là phước thứ hai không thể tính kể.

Lại nữa, Quân-đầu! Nếu thiện nam, thiện nữ dùng thức ăn bố thí Tỳ-kheo Tăng. Này Quân-đầu! Đó là phước thứ ba không thể tính kể.

Lại nữa, Quân-đầu! Nếu thiện nam, thiện nữ cấp áo che mưa cho Tỳ-kheo Tăng. Này Quân-đầu! Đó là phước thứ tư, không thể tính kể.

Lại nữa, Quân-đầu! Nếu trai gái nhà vọng tộc đem thuốc men cho Tỳ-kheo Tăng. Này Quân-đầu! Đó là phước thứ năm không thể tính kể.

Lại nữa, Quân-đầu! Nếu thiện nam, thiện nữ ở đồng trống làm giếng tốt. Này Quân-đầu! Đó là phước thứ sáu không thể tính kể.

Lại nữa, Quân-đầu! Thiện nam, thiện nữ làm nhà gần đường cho người sẽ đi qua có chỗ trú ngụ. Đó là phước thứ bảy không thể tính kể.

Đây là, này Quân-đầu! Pháp bảy công đức, phước không lường được. Hoặc đi hoặc ngồi, cho dù mạng chung, phước cũng theo sau như bóng theo hình,

đức này không thể tính kể mà bảo rằng có bao nhiêu phước. Cũng như nước biển lớn không thể dùng thăng đấu đong rồi bảo có bao nhiêu nước; bảy công đức này cũng lại như thế, phước không có hạn lượng.

Thế nên Quân-đầu! Thiện nam, thiện nữ hãy cầu phương tiện hoàn thành bảy công đức. Như thế, Quân-đầu, hãy học điều này!

Bấy giờ, Quân-đầu nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy hãy tu hành về tưởng chết, tư duy tưởng chết.

Khi ấy có Tỳ-kheo Thượng tọa bạch Thế Tôn:

- Con thường tu hành tư duy tưởng chết.

Thế Tôn bảo:

- Thầy tư duy tu hành tưởng chết thế nào?

Tỳ-kheo bạch Phật:

- Con tư duy tưởng chết rằng: 'Chỉ còn sống bảy ngày nữa, nên tư duy thất giác ý, ở trong pháp Như Lai có nhiều lợi ích, sau khi chết không hối hận'. Bạch Thế Tôn, con tư duy tưởng chết như thế.

Thế Tôn bảo:

- Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đây chẳng phải tu hành về tưởng chết. Đây gọi là pháp phóng dật.

Lại có Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Con có thể kham nhận tu hành tưởng chết.

Thế Tôn bảo:

- Thầy tu hành tư duy tưởng chết thế nào?

Tỳ-kheo bạch Phật:

- Nay con nghĩ rằng: 'Ý muốn còn có sáu ngày, suy nghĩ Chánh pháp Như Lai rồi sẽ chết. Điều này có ích'. Con tư duy tưởng chết như thế.

Thế Tôn bảo:

- Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Thầy cũng theo pháp phóng dật, chẳng phải là tư duy tưởng chết.

Lại có Tỳ-kheo bạch Phật: 'Muốn còn năm ngày, hoặc bốn ngày, hoặc ba ngày, hai ngày, một ngày'.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đây cũng là pháp phóng dật, chẳng phải là tư duy tưởng chết.

Khi ấy lại có một Tỳ-kheo bạch Thế Tôn:

- Con có thể kham nhẫn tu hành tưởng chết như vầy: Con đến giờ đắp y ôm bát vào thành Xá-vệ khất thực, xong lại ra khỏi thành Xá-vệ trở về chỗ mình. Về trong thất vắng, con tư duy thất giác ý rồi mạng chung. Đây là tư duy tưởng chết.

Thế Tôn bảo:

- Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Đây cũng chẳng phải tư duy tu hành tưởng chết. Lời nói của các Thầy đều là hạnh phóng dật, chẳng phải là pháp tu hành tưởng chết.

Lúc đó Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo:

- Người có thể làm được như Tỳ-kheo Bà-ca-lợi. Đây gọi là tư duy tưởng chết. Tỳ-kheo ấy khéo hay tư duy tưởng chết, chán ghét thân này là nhơ nhớp bất tịnh. Nếu Tỳ-kheo tư duy tưởng chết, buộc ý ở trước, tâm không di động, nhớ số hơi thở ra vào, qua lại, trong đó tư duy thất giác ý, thì ở trong pháp Như Lai được nhiều lợi ích. Vì sao thế? Tất cả các hạnh đều không, đều tịch; khởi và diệt đều là huyễn hóa, không chân thật. Thế nên Tỳ-kheo! Nên ở trong hơi thở ra vào mà tư duy tưởng chết thì sẽ thoát sanh, già, bệnh, chết, sầu lo khổ não. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học như vậy!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc ra lệnh cho quần thần: 'Mau sửa soạn xe vũ bảo. Ta muốn đến chỗ Thế Tôn, lễ bái thăm hỏi'.

Rồi Đại vương ra khỏi thành đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Khi ấy Như Lai đang thuyết pháp cho vô số chúng vây quanh.

Lúc này có bảy Ni-kiền Tử, lại có bảy người lõa hình, lại có bảy hắc Phạm chí, lại có bảy Bà-la-môn lõa hình, đi qua cách Thế Tôn không xa. Khi ấy, vua Ba-tư-nặc thấy những người này đi qua chỗ Thế Tôn không xa, liền bạch Phật:

- Con xem những người này đi qua không dừng lại, đều là người thiểu dục tri túc không có gia nghiệp. Nay ở thế gian, những người này là thượng thủ nhất trong hàng A-la-hán. Vì sao thế? Họ ở trong mọi người mà rất là khổ hạnh, không tham lợi dưỡng.

Thế Tôn bảo:

- Đại vương! Ông trọn chưa biết chân nhân La-hán, chẳng do lộ bày hình thể mà gọi là A-la-hán. Đại vương nên biết! Đây đều không phải hạnh chân thật. Nên nhớ quán sát lâu đài cho chính đáng; rồi lại nên quán đáng thân biết thân, đáng gần biết gần. Vì sao thế? Thời quá khứ lâu xa có bảy Phạm chí cùng học một nơi, tuổi đã già yếu, lấy cỏ làm y phục, ăn quả hạt của cỏ, khởi

các tà kiến, mỗi người nghĩ: 'Chúng ta tu pháp khổ hạnh này để sau làm đại Quốc vương, hoặc cầu làm Phạm Tứ thiên vương'.

Bấy giờ có Thiên sư A-tư-đà là tổ phụ của các Bà-la-môn, biết tâm niệm các Phạm chí kia, liền từ trời Phạm thiên hiện xuống chỗ bảy Bà-la-môn. Khi ấy Thiên sư A-tư-đà bỏ phục sức của Trời, hiện hình Bà-la-môn đi kinh hành ngoài trời, bảy Phạm chí xa thấy A-tư-đà kinh hành ai nấy nổi giận mà nói:

- Đây là hạng người đắm trước dục lạc nào mà lại đi trước những người Phạm hạnh chúng ta? Nay ta sẽ chú cho nó tiêu thành tro.

Rồi bảy Phạm chí lấy tay bụm nước rảy Phạm chí kia chú rằng:

- Nay Ông mau thành tro đất.

Nhưng Bà-la-môn càng ôm sân giận, thì nhan sắc Thiên sư càng thêm đoan chánh. Tại sao thế? Vì lòng từ có thể diệt sân.

Bấy giờ bảy Phạm chí liền nghĩ: 'Chúng ta chẳng phải cấm giới sắp thối chuyển sao? Chúng ta ngay khi khởi sân hận, người kia liền được đoan chánh'.

Khi ấy bảy Phạm chí liền nói kệ này với Thiên sư:

Là Trời, Càn-thát-bà,
Hay La-sát Quỷ thần,
Lúc này gọi là gì?
Chúng tôi muốn được biết.

Khi ấy Thiên sư A-tư-đà liền đáp kệ:
Không phải Càn-thát-bà,
Không Quỷ thần, La-sát,
Thiên sư A-tư-đà,
Nay chính là thân ta.
Nay ta biết tâm các Ông nghĩ gì nên từ trời Phạm thiên xuống đây. Phạm thiên cách đây thật là xa xôi; thân Trời Đế Thích cũng lại như thế, Chuyển luân Thánh vương cũng chẳng thể được. Chẳng thể dùng khổ hạnh này mà làm Phạm Tứ thiên vương.

Khi ấy Thiên sư A-tư-đà liền nói kệ:

Bao nhiêu niệm trong tâm,
Áo ngoài thì thô xấu,
Nếu cần tu chánh kiến,
Xa lìa hẳn đường ác.
Tâm giới hành thanh tịnh,
Miệng hành cũng như thế,
Xa lìa các ác niệm,
Ắt sẽ sanh lên trời.
Lúc ấy bảy Phạm chí thưa Thiên sư:

- 'Có đúng là Thiên sư chăng?'.

- 'Đúng vậy. Nhưng này Phạm chí! Không phải do lõa hình mà được sanh lên trời, chưa chắc tu khổ hạnh này được sanh cõi Phạm thiên, lại chẳng phải lộ bày thân thể, làm bao nhiêu khổ hạnh mà được sanh cõi ấy. Ai có thể nhiếp tâm ý khiến không di động liền sanh lên trời, chứ không thể do chỗ tu tập của các Ông mà được sanh chỗ ấy'.

Đại vương! Quán sát nghĩa ngày thì chẳng phải do lõa hình mà gọi là A-la- hán. Người phàm phu muốn biết được bậc chân nhân, việc này chẳng đúng. Nhưng chân nhân có thể phân biệt được chỗ tu tập hạnh của phàm phu. Lại nữa, người phàm phu không thể biết hạnh của phàm phu. Bậc chân nhân thì có thể biết hạnh của phàm phu. Nếu Đại vương muốn biết họ, phải nên tìm phương tiện biết từ lâu xa đến nay, chứ chẳng phải ngay bây giờ mà dùng để quán xét họ. Đúng vậy, Đại vương, nên dùng phương tiện mà học điều này.

Bấy giờ vua Ba-tư-nặc bạch Thế Tôn:

- Như Lai thuyết rất hay! Chẳng phải người đời có thể hiểu rõ. Việc nước bề bộn, con muốn trở về.

Phật bảo vua:

- Đã đúng lúc, Đại vương!

Vua liền từ chỗ ngồi đứng lên cúi lạy Thế Tôn rồi lui đi.

Khi ấy vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật tại nước Thích-sĩ Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-lũ cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, Thế Tôn thọ thực xong, từ vườn Ni-câu-lũ đến làng Tỳ-la-da-trí ngồi dưới một gốc cây. Khi ấy Chấp Trượng họ Thích ra khỏi Ca-tỳ-la-vệ đến chỗ Thế Tôn, đứng trước mặt im lặng. Rồi ông ta hỏi Thế Tôn:

- Sa-môn dạy những gì? Luận những gì?

Thế Tôn bảo:

- Phạm chí nên biết! Điều luận của Ta không phải chỗ Trời, Rồng, Quỷ Thần có thể bì kịp. Cũng chẳng phải dính mắt vào đời, lại chẳng phải trụ ở đời. Điều luận của Ta chính như thế đó.

Khi ấy Chấp Trượng họ Thích cúi đầu than thở rồi lui đi. Như Lai liền từ chỗ ngồi đứng lên, trở về chỗ ở. Lúc đó Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Vừa rồi Ta ngồi trong vườn kia có Chấp Trượng họ Thích đến hỏi Ta rằng: 'Sa-môn có những luận gì?' Ta đáp: 'Điều luận của Ta, Trời, Rồng, Quỷ Thần chẳng thể bì kịp; chẳng phải dính mắc vào đời, cũng chẳng phải trụ ở đời. Điều luận của Ta chính là vậy'. Khi ấy Chấp Trượng họ Thích nghe lời này rồi liền lui đi.

Khi ấy có một Tỳ-kheo bạch Tỳ-kheo:

- Thế nào là không dính mắc vào đời, cũng không trụ ở đời?

Thế Tôn bảo:

- Như điều Ta luận đều không dính mắc vào đời, như nay đối với dục được giải thoát, dứt hết các hồ nghi của họ Thích, không có các tưởng. Điều luận của Ta chính là đây.

Như Lai nói thế xong, đứng lên vào thất. Lúc đó các Tỳ-kheo bảo nhau:

- Vừa rồi Thế Tôn nói sơ lược nghĩa của luận kia. Ai có thể kham nhậm nói rộng nghĩa này chăng?

Các Tỳ-kheo tự nói với nhau:

- Thế Tôn thường khen ngợi Tôn giả Đại Ca-chiên-diên. Nay chỉ có Ca- chiên-diên có thể thuyết nghĩa này.

Khi ấy các Tỳ-kheo nói với Ca-chiên-diên:

- Vừa rồi Thế Tôn nói lược nghĩa này, cúi mong Tôn giả hãy giảng thuyết rộng rãi nghĩa này, phân biệt từng việc cho mọi người được hiểu.

Ca-chiên-diên đáp:

- Ví như ở làng xóm có người ra khỏi làng muốn tìm vật chân thật. Người ấy nếu gặp cây to liền đốn chặt, lấy cành lá, bỏ cây mà đi. Nay các Thầy cũng như thế, bỏ Như Lai rồi đi theo cành mà tìm thực. Nhưng Như Lai xem thấy khắp tất cả, chiếu sáng thế gian, là vị dẫn đường của Trời, Người. Như Lai là vị Chân chủ của pháp, các Thầy cũng sẽ có thời tiết, tự nhiên sẽ gặp lúc Như Lai nói nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Như Lai tuy là Chân chủ của pháp giảng rộng nghĩa này. Nhưng Tôn giả được Như Lai thọ ký đủ sức thuyết rộng nghĩa này.

Ca-chiên-diên đáp:

- Các Thầy lắng nghe, khéo suy nghĩ đó, tôi sẽ diễn thuyết phân biệt nghĩa này.

Các Tỳ-kheo đáp:

- Rất tốt!

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng lời rồi, Ca-chiên-diên bảo:

- Nay Như Lai nói: 'Điều luận của Ta, chẳng phải Trời, Rồng, Quỷ thần có thể theo kịp. Cũng chẳng phải dính mắc vào đời, cũng chẳng phải trụ ở đời. Ta đối với đó được giải thoát, đoạn các hồ nghi, không còn do dự nữa. Như nay chúng sanh ưa thích tranh tụng, khởi các loạn tưởng'. Như Lai lại nói: 'Ta chẳng ở đó khởi tâm nhiễm trước'. Đây là tham dục sử, sân nhuế, tà kiến, dục thế gian sử, kiêu mạn sử, nghi sử, vô minh sử, hoặc gặp sự báo ứng đao gậy đau khổ, tranh tụng với người, khởi bao nhiêu hạnh bất thiện, khởi các loạn tưởng, hưng hạnh bất thiện. Nếu mắt thấy sắc mà khởi thức tưởng, ba việc làm nhân cho nhau mà có. Xúc đã có xúc liền có thọ, đã có thọ liền có sở giác, đã sở giác liền có tưởng, đã có tưởng liền cân lường nó, khởi bao nhiêu niệm tưởng, chấp trước. Tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân lại xúc chạm, ý biết pháp mà khởi thức tưởng, ba việc làm nhân cho nhau mà có xúc, đã có xúc liền có thọ, đã có thọ liền có giác, đã có giác liền có tưởng, đã có tưởng liền cân lường chúng, rồi ở trong đó khởi bao nhiêu thứ niệm tưởng chấp trước. Đây là tham dục sử, sân nhuế sử, tà kiến sử, kiêu mạn sử, dục thế gian sử, si sử, nghi sử, tất cả đều khởi lên sự nguy biến của đao gậy, và bao nhiêu tai biến khác, chẳng thể tính kể. Nếu có người nói rằng: 'Cũng không có mắt, cũng không có sắc, mà có xúc', việc này không đúng. Nếu lại có người nói: 'Không có xúc mà có thọ', đây cũng là không đúng. Nếu nói: 'Không thọ mà có tưởng dính mắc', việc này không đúng. Nếu có người nói: 'Không tai, không tiếng; không mũi, không mùi; không lưỡi, không vị; không thân, không xúc chạm; không ý, không pháp, mà nói có thức', trọn không có lý này. Nếu nói không thức mà có xúc, việc này chẳng đúng. Nếu không có xúc mà nói có thọ, việc này không đúng. Nếu nói không thọ mà có tưởng chấp trước, việc này không đúng.

Nếu lại có người nói có mắt có sắc, trong đó khởi thức; điều này đúng. Nếu nói tai và tiếng, mũi và mùi, lưỡi và vị, thân và xúc chạm, ý và pháp, ở trong đó khởi thức; việc này ắt đúng.

Chư Hiền nên biết, do nhân duyên này, đức Thế Tôn mới nói rằng: 'Điều luận của Ta, Trời và Người, Ma hay Thiên ma không thể tới kịp, cũng chẳng dính mắc vào đời, cũng chẳng trụ ở đời. Nhưng Ta ở nơi dục mà được giải thoát, dứt hồ nghi, không còn do dự'. Thế Tôn nhân nơi đây thuyết sơ nghĩa này.

Các Thầy nếu tâm không hiểu thì hãy đến chỗ Như Lai hỏi lại nghĩa này. Nếu Như Lai có nói gì, nên nhớ phụng trì.

Khi ấy, những Tỳ-kheo nghe Ca-chiên-diên nói, chẳng nói 'hay' cũng chẳng nói 'không phải', đứng lên mà đi, tự bảo nhau rằng: 'Chúng ta nên đem nghĩa này đến hỏi Như Lai, nếu Thế Tôn có nói gì chúng ta sẽ vâng làm'.

Rồi những Tỳ-kheo ấy đến chỗ Thế Tôn cúi lạy chân Phật, ngồi xuống một bên. Bấy giờ các Tỳ-kheo đem việc này bạch Thế Tôn đầy đủ. Khi ấy Như Lai bảo Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo Ca-chiên-diên thông minh biện tài, đã thuyết rộng nghĩa này. Nếu các Thầy đến chỗ Ta hỏi nghĩa này, Ta cũng nói với các Thầy như thế.

Khi ấy Tôn giả A-nan ở sau lưng Như Lai. A-nan bạch Phật:

- Kinh này nghĩa lý rất sâu xa. Ví như có người đi đường gặp được cam lồ, lấy mà ăn, rất thơm ngon, ăn không biết chán. Đây cũng như thế, thiện nam, thiện nữ, đến nơi nghe pháp này không biết chán.

Và Tôn giả A-nan lại bạch Thế Tôn:

- Kinh này tên là gì, phải làm sao vâng làm?

Phật bảo A-nan:

- Kinh này tên là 'Cam lồ pháp vị' hãy nhớ phụng hành.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, hoan hỉ vâng làm.

---o0o---

XXXXI. Phẩm Mạc úy

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn Ni-câu-lũ, nước Thích-sĩ Ca-tỳ-la-vệ.

Khi ấy Thích sĩ Ma-ha-nam đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy chân Phật rồi ngồi một bên. Thích sĩ Ma-ha-nam bạch Thế Tôn:

- Con theo Như Lai được dạy rằng: 'Nếu có thiện nam, thiện nữ đoạn được ba kiết sử, được quả Tu-đà-hoàn, gọi là bất thối chuyển, chắc chắn sẽ thành đạo quả, chẳng tìm cầu các ngoại đạo dị học nữa, cũng không cần quán sát người khác nói nữa'. Nếu phải như vậy thì việc này không đúng. Còn nếu gặp trâu, ngựa, lạc đà hung dữ thì khiếp sợ, lông tóc dựng đứng. Rồi con nghĩ rằng: 'Nếu hôm nay ta ôm lòng khiếp sợ này mà mạng chung thì không biết sanh về đâu?'.

Thế Tôn bảo Ma-ha-nam:

- Chớ khởi tâm sợ hãi. Nếu Thầy có mạng chung cũng không đọa vào ba đường ác. Vì sao thế? Nay có ba nghĩa tiêu diệt. Thế nào là ba? Như có đắm trước dâm dục thì khởi loạn tưởng, rồi khởi tâm hại đối với người khác, nếu không có dục này thì không khởi tâm sát hại, trong hiện tại không khởi khổ não. Các pháp ác, bất thiện thì tự hại mình, nếu không có điều này thì không có nhiễu loạn, không có sầu lo. Này Ma-ha-nam, đó là ba nghĩa của các pháp ác, bất thiện khiến phải đọa xuống, còn các pháp thiện thì ở trên. Cũng như bình bơ (tô) ở trong nước bị bể, khi ấy ngói đá thì chìm xuống dưới, còn bơ thì nổi ở trên. Đây cũng như thế, các pháp ác bất thiện thì chìm xuống, các pháp thiện thì nổi ở trên.

Này Ma-ha-nam, ngày xưa lúc Ta chưa thành Phật đạo, sáu năm cần khổ ở Ưu-lưu-tỳ, chẳng ăn thức thơm ngon, thân thể gầy ốm như người trăm tuổi, đều vì không ăn. Nếu lúc Ta muốn đứng lên, liền té xuống đất. Khi ấy Ta nghĩ rằng: 'Nếu Ta ở đây mà mạng chung sẽ sanh về đâu?' Ta lại nghĩ: ' Nay Ta mạng chung chắc chắn chẳng sanh trong đường ác. Nhưng nghĩa thú chẳng thể đi từ vui đến vui, mà phải do khổ mà sau đến chỗ vui. Bấy giờ Ta lại dạo trong hang Tiên nhân, có nhiều Ni-kiền Tử đang học đạo ở đó. Khi đó Ni-kiền Tử giơ tay chỉ mặt trời, phơi thân học đạo, hoặc có người ngồi xổm mà học đạo. Khi ấy Ta đến đó bảo Ni-kiền Tử:

- 'Các Ông vì sao lại rời tòa ngồi giơ tay, kiễng chân thế?'.

Ni-kiền Tử ấy nói:

- 'Cồ-đàm nên biết! Ngày xưa Tiên sư của tôi làm hạnh bất thiện, nay sở dĩ tôi khổ như thế là muốn diệt hết tội kia. Nay tuy bày hình thể có phần hổ thẹn, nhưng cũng tiêu diệt được việc này. Cù-đàm! Ngài nên biết hành tận thì khổ cũng tận, khổ tận thì hành cũng tận. Khổ và hành đã tận thì đến Niết- bàn'.

Lúc ấy, Ta lại bảo Ni-kiền Tử:

- 'Việc này không đúng. Chẳng phải do hành tận mà khổ cũng tận; cũng chẳng do khổ tận mà hành cũng tận rồi đến được Niết-bàn. Nay nếu khổ hành tận đến Niết-bàn thì việc này đúng. Nhưng không thể từ vui đến vui'.

Ni-kiền Tử nói:

- 'Vua Tần-bà-sa-la đi từ vui đến vui, có khổ gì đâu?'.

Khi ấy, Ta lại bảo Ni-kiền Tử:

- 'Vua Tần-bà-sa-la vui đâu bằng cái vui của Ta!'.

Ni-kiền Tử đáp:

- 'Cái vui của Tần-bà-sa-la hơn cái vui của Ngài'.

Ta lại bảo Ni-kiền Tử:

- 'Vua Tần-bà-sa-la có thể khiến Ta ngồi kiết-già bảy ngày bảy đêm không nhúc nhích chăng? Cho dù sáu, năm, bốn, ba, hai cho đến một ngày ngồi kiết-già được chăng?'.

Ni-kiền Tử đáp:

- 'Không được, Cù-đàm'.

Ta bảo:

- 'Ta có thể đủ sức ngồi kiết-già, thân không lay động. Thế nào, Ni-kiền Tử, vua Tần-bà-sa-la vui hay Ta vui?'.

Ni-kiền Tử nói:

- 'Sa-môn Cù-đàm vui'.

Đúng thế, Ma-ha-nam! Nên dùng phương tiện này để biết không thể từ vui đến vui mà phải từ khổ đến vui. Này Ma-ha-nam! Ví như một làng lớn, hai

bên có ao nước to đầy nước, ngang dọc một do-tuần. Có người đến đó lấy một giọt nước. Thế nào, Ma-ha-nam? Nước ở chỗ nào nhiều? Nước của một giọt nhiều hay nước của ao nhiều?

Ma-ha-nam nói:

- Nước ao nhiều chứ không phải nước một giọt nhiều.

Thế Tôn bảo:

- Đây cũng như thế. Đệ tử Hiền Thánh các khổ đã hết, không còn có nữa. Cái còn lại như một giọt nước, như đạo giả thấp nhất trong chúng của Ta, chẳng qua bảy lần chết, bảy lần sống thì hết mé khổ. Nếu lại dũng mãnh tinh tấn thì liền đến bậc Gia-gia (A-na-hàm hướng) rồi chứng.

Bấy giờ Thế Tôn lại thuyết pháp vi diệu cho Ma-ha-nam một lần nữa. Ông ta nghe pháp rồi, đứng lên mà đi.

Khi ấy, Ma-ha-nam nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Tôn giả Na-già-bà-la ở trong thành Lộc Dã. Khi ấy có một Bà-la- môn già lụ khụ, xưa có quen biết chút ít với Tôn giả Na-già-bà-la, đến chỗ Na-già-bà-la thăm hỏi rồi ngồi một bên.

Bấy giờ Phạm chí bảo Na-già-bà-la:

- Trong các sự vui, nay Ông thật là sung sướng nhất.

Na-già-bà-la nói:

- Ông xem những nghĩa gì mà nói trong các sự vui, tôi sung sướng nhất?

Bà-la-môn đáp:

- Trong bảy ngày vừa qua, tôi có bảy đứa con trai chết, những đứa này đều dũng mãnh, tài cao, trí tuệ ít người bì kịp, rồi trong sáu ngày gần đây, mười

hai người làm cũng bị vô thường, họ rất siêng năng không có lười biếng. Kế đó năm ngày, bốn anh em của tôi chết, họ biết nhiều kỹ thuật, việc gì cũng làm được. Rồi cách bốn ngày, cha mẹ tôi mạng chung, tuổi vừa trăm tuổi bỏ tôi mà qua đời. Cách đây ba ngày, hai vợ tôi lại chết, họ dung mạo đoan chánh, thế gian ít có. Trong nhà tôi lại có tám hầm trân bảo, hôm qua đi tìm mà không biết chỗ. Ngày nay, như tôi gặp chuyện khổ não này không thể tính kể; mà Tôn giả thì hôm nay xa lìa hẳn hoạn nạn đó, không còn sầu lo, chỉ lấy đạo pháp làm vui thú. Tôi quán nghĩa này rồi mới nói: 'Trong các sự vui, Ông là sung sướng nhất'.

Khi ấy Tôn giả Na-già-bà-la bảo Phạm chí kia rằng:

- Tại sao Ông không tìm cách khiến cho bao nhiêu người ấy đừng chết?

Phạm chí đáp:

- Tôi cũng làm nhiều cách để mong không chết và không mất của tiền, tôi cũng tùy thời bố thí tạo công đức, cầu khẩn chư Thiên, cúng dường các trưởng lão Phạm chí, ủng hộ chư Thần, tụng các chú thuật, cũng hay xem tinh tú, rồi cũng trộn cỏ thuốc, cũng đem thức ăn uống ngon ngọt cho họ lúc nguy ngập. So như thế mà chẳng thể xứng hợp, chẳng thể cứu được mạng họ.

Khi ấy Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

Có thuốc, các chú thuật,
Đồ y phục, uống ăn,
Tuy thí mà vô ích,
Còn ôm thân khổ hạnh.
Cho dù tế miếu Thần,
Hương hoa và tắm rửa,
So sánh nguồn gốc này,
Không thể trị liệu được.
Giả sử cho các vật,
Tinh tấn trì Phạm hạnh,
So sánh nguồn gốc này,
Không thể trị liệu được.
Phạm chí bèn hỏi:

- Nên thi hành pháp gì để không bị khổ não này?

Tôn giả Na-già-bà-la liền nói kệ:

Gốc ân ái vô minh,
Nổi các hoạn khổ não,
Điều ấy diệt không sót,

Mới không có khổ nữa.
Phạm chí ấy nghe xong liền nói kệ:
Tuy già, không già lắm,
Việc làm như đệ tử,
Mong cho con xuất gia,
Để lìa tai nạn này.
Khi ấy Tôn giả Na-già-bà-la liền truyền ba y cho ông ta xuất gia học đạo, và bảo ông rằng:

- Này Tỳ-kheo! Nay Ông nên quán thân này từ đầu đến chân: Tóc, lông, móng, răng này từ đâu đến? Thân thể da dẻ, xương tủy, ruột bao tử đều từ đâu đến? Nếu từ đây đi sẽ đi đến đâu? Thế nên, Tỳ-kheo! Chớ lo nghĩ nhiều về thế gian khổ não, hãy nên quán trong một lỗ chân lông này, rồi tìm phương tiện thành tựu Tứ đế.

Rồi Tôn giả Na-già-bà-la nói kệ:

Trừ tưởng, chớ lo nhiều,
Chẳng lâu được pháp nhãn,
Vô thường hành như điện,
Không gặp may lớn này.
Mỗi mỗi quán chân lông,
Nguồn của sanh và diệt.
Vô thường hành như điện,
Để tâm hướng Niết-bàn.
Khi ấy trưởng lão Tỳ-kheo ấy nhận lời dạy như thế ở chỗ vắng vẻ tư duy nghĩa này. Đây là pháp mà bậc vọng tộc, cạo bỏ râu tóc do lòng tin kiên cố, xuất gia học đạo, muốn tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không còn tái sanh nữa, như thật mà biết, và Tỳ-kheo ấy thành A-la-hán. Lúc ấy có một vị Trời vốn là người quen biết

cũ của Tỳ-kheo ấy, thấy Tỳ-kheo ấy thành A-la-hán, liền đến chỗ Na-già-bà- la, ở trên không trung nói kệ:

Đã được giới cụ túc,
Ở chỗ vắng vẻ kia,
Đắc đạo, tâm vô trước,
Trừ các nguồn gốc ác.
Rồi vị Trời ấy lại dùng hoa trời rải lên Tôn giả rồi biến mất.

Bấy giờ, Tỳ-kheo và vị Trời kia nghe Tôn giả Na-già-bà-la nói xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên quán bảy xứ lành và quán bốn pháp thì ở trong hiện pháp này gọi là thượng nhân. Này Tỳ-kheo! Thế nào là quán bảy xứ lành?

Này Tỳ-kheo! Ở đây dùng tâm từ trùm khắp một phương, hai phương, ba phương, bốn phương, bốn phía trên dưới cũng lại như thế, đều đem lòng từ rải đầy khắp thế gian. Tâm bi, hỉ, xả, không, vô tướng, vô nguyện cũng lại như thế. Các căn đầy đủ, ăn uống lượng sức mình, hằng tự giác ngộ. Như thế, này Tỳ-kheo! Hãy quán bảy xứ lành.

Này Tỳ-kheo! Thế nào là quán sát pháp bốn chỗ? Ở đây Tỳ-kheo, nội tự quán thân, trừ bỏ sầu lo được thân ý chỉ (niệm xứ), ngoại lại quán thân thân ý chỉ, nội ngoại quán thân thân ý chỉ. Nội tự quán thọ thọ ý chỉ, ngoại tự quán thọ thọ ý chỉ, nội ngoại quán thọ thọ ý chỉ. Nội quán tâm tâm ý chỉ, ngoại quán tâm tâm ý chỉ, nội ngoại quán tâm tâm ý chỉ, trừ bỏ sầu lo, không còn khổ hoạn. Nội quán pháp pháp ý chỉ, ngoại quán pháp pháp ý chỉ, nội ngoại quán pháp pháp ý chỉ. Như thế, Tỳ-kheo! Hãy quán bốn pháp lành. Này Tỳ-kheo! Nếu ai có thể quán sát bảy xứ lành và bốn pháp như thế, thì ở trong hiện pháp này là bậc Thượng nhơn. Thế nên, Tỳ-kheo! nên tìm

phương tiện thành tựu bảy xứ lành và quán bốn pháp. Như thế, này các Tỳ- kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Thích-sĩ Ca-tỳ-la-vệ, trong vườn Ni-câu-lũ cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi ngồi một bên. Những Tỳ-kheo này bạch Thế Tôn:

- Chúng con muốn đến phương Bắc du hóa.

Thế Tôn bảo:

- Nên biết phải thời.

Thế Tôn lại bảo Tỳ-kheo:

- Các Thầy có từ giã Tỳ-kheo Xá-lợi-phất chăng?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa không, bạch Thế Tôn.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy, hãy đến từ giã Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao thế? Tỳ-kheo Xá- lợi-phất thường giáo giới cho các người Phạm hạnh pháp này. Thầy ấy thuyết pháp không biết chán.

Rồi Thế Tôn thuyết pháp vi diệu cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo nghe pháp xong đứng lên, cúi lạy Thế Tôn, đi nhiễu quanh Phật ba vòng, rồi lui đi.

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất đang ở trong đền Thần Thích-sĩ. Những Tỳ- kheo ấy đến chỗ Xá-lợi-phất thăm hỏi rồi ngồi một bên. Những Tỳ-kheo ấy bạch Xá-lợi-phất:

- Chúng tôi muốn đến phương Bắc du hóa trong nhân gian, nay đã từ giã Thế Tôn rồi.

Xá-lợi-phất nói:

- Các Thầy nên biết nhân dân phương Bắc, Sa-môn, Bà-la-môn thảy đều thông minh, trí tuệ khó sánh kịp, lại có nhân dân ưa đến thi tranh luận. Nếu như họ hỏi các Thầy: 'Thầy của chư Hiền có những luận gì?'. Nếu họ hỏi thế, các Thầy định đáp thế nào?

Các Tỳ-kheo đáp:

- Nếu có người đến hỏi thế, chúng tôi sẽ dùng nghĩa này trả lời: 'Sắc là vô thường, mà vô thường tức là khổ, khổ thì vô ngã, vô ngã thì không; do không, vô ngã nên kia không. Như thế, bậc trí giả quán như vậy. Thọ, tưởng, hành, thức cũng vô thường, khổ, không, vô ngã. Kỳ thực không, đó là do vô ngã nên không. Như thế là chỗ người trí học hỏi. Ngũ ấm này thảy đều không tịch, do nhân duyên hòa hợp, đều sẽ trở về hoại diệt, không có lâu bền. Tám chánh đạo và Bảy giác chi; chỗ Thầy tôi nói chính là đây vậy. Nếu các người Sát-lợi, Bà-la-môn đến hỏi nghĩa với chúng tôi, chúng tôi sẽ dùng nghĩa này đáp'.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy hãy giữ vững tâm ý, chớ có hấp tấp.

Rồi Xá-lợi-phất thuyết pháp vi diệu đầy đủ cho các Tỳ-kheo, và họ đứng lên đi. Khi các Tỳ-kheo ấy đi chưa xa, Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

- Nên hành Tám chánh đạo và pháp Bảy giác chi thế nào?

Khi ấy các Tỳ-kheo bạch Xá-lợi-phất:

- Chúng tôi từ xa đến là muốn được nghe nghĩa này. Cúi mong Tôn giả nói cho.

Xá-lợi-phất đáp:

- Các Thầy lắng nghe, lắng nghe! Khéo suy nghĩ. Nay tôi sẽ nói.

Các Tỳ-kheo vâng lời dạy. Xá-lợi-phất nói:

- Nếu một lòng nhớ chánh kiến là niệm giác ý chẳng loạn; Đẳng trị, là một lòng nhớ tất cả pháp là trạch pháp giác ý; Đẳng ngữ là thân ý tinh tấn, tức tinh tấn giác ý; Đẳng nghiệp, tất cả các pháp được sanh là hỷ giác ý; Đẳng mạng, biết đủ với tài sản của Hiền Thánh, xả bỏ hết gia tài thân thể an ổn là ỷ giác ý (khinh an); Đẳng phương tiện, được Tứ Đế của Hiền Thánh, trừ sạch các kiết sử, là định giác ý; Đẳng niệm, quán Tứ ý chỉ (Tứ niệm xứ), thân không bền chắc, đều không, vô ngã là hộ giác ý (xả giác ý); Đẳng tam- muội, điều chưa được sẽ được, điều chưa độ sẽ độ, điều không chứng được khiến cho chứng được.

Nếu có người đến hỏi nghĩa này: 'Làm thế nào để tu Tám chánh đạo và Bảy giác chi?' Các Thầy nên đáp như thế. Vì sao? Nếu có Tỳ-kheo tu Tám chánh đạo và Bảy pháp này, thì tâm hữu lậu được giải thoát. Nay tôi lại bảo các Thầy một lần nữa; Nếu có Tỳ-kheo tu hành, tư duy Tám chánh đạo và Bảy pháp, Tỳ-kheo ấy sẽ thành tựu quả thứ hai, không có hồ nghi; sẽ đắc A-na- hàm hoặc A-la-hán. Thôi gác việc này, nếu không được nhiều, thì trong một ngày, người hành Tám chánh đạo và Bảy pháp này cũng được phước không thể tính kể, có thể đắc A-na-hàm hoặc A-la-hán.

Vì thế, chư Hiền! Nên tìm phương tiện tu hành Tám chánh đạo và Bảy pháp này, giữ đạo chớ có hồ nghi.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Xá-lợi-phất dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Ca-diếp:

- Nay Thầy tuổi đã già, không còn trai tráng nữa, hãy nên nhận thức ăn uống và y phục của các trưởng giả.

Đại Ca-diếp bạch Phật:

- Con không kham nhận y thực ấy. Nay con mặc áo nạp này tùy thời khất thực, vui sướng vô cùng.Vì sao? Tương lai sẽ có các Tỳ-kheo, thân thể nhu nhuyến, tâm tham đắm y thực tốt đẹp rồi thối chuyển việc tham Thiền, lại không chịu khổ. Họ lại sẽ nói rằng: 'Các Tỳ-kheo ở thời Phật quá khứ, cũng nhận lời người thỉnh, nhận y thực của người. Vì sao chúng ta không làm theo pháp của Thánh nhân ngày xưa?'. Vì họ ngồi tham đắm y thực, nên sẽ bỏ pháp phục, làm cư sĩ, khiến các Hiền Thánh không còn oai thần nữa. Bốn bộ chúng dần dần giảm bớt. Thánh chúng đã giảm ít thì chùa chiền của Như Lai sẽ bị hủy hoại. Vì chùa Như Lai đã bị hủy hoại thì kinh pháp sẽ bị thất lạc. Khi ấy chúng sanh không còn tinh quang nữa, đã không có tinh quang thì thọ mạng sẽ ngắn ngủi. Khi ấy, chúng sanh kia mạng chung đều rơi vào ba đường ác. Cũng như ngày nay, chúng sanh vì phước nhiều nên đều sanh lên trời, đời tương lai vì làm tội nhiều sẽ vào địa ngục.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Ca-diếp có nhiều lợi ích, Thầy làm bạn tốt, làm phước điền cho người đời. Ca-diếp, Thầy nên biết! Sau khi Ta nhập Niết-bàn hơn ngàn năm, sẽ có các Tỳ-kheo thối chuyển việc tham Thiền, chẳng hành pháp đầu đà nữa, cũng không khất thực, mặc áo vá, mà tham nhận y thực của trưởng giả thỉnh. Cũng chẳng ở dưới gốc cây, nơi vắng vẻ, ưa thích trang hoàng nhà cửa, cũng không dùng đại tiểu tiện làm thuốc, chỉ đắm trước các dược thảo cực kỳ ngon ngọt, hoặc trong đó tham đắm tài sản, lẫn tiếc nhà cửa, thường cải vã nhau.

Bấy giờ đàn-việt, thí chủ dốc lòng tin Phật pháp, ưa thích bố thí chẳng tiếc của cải. Khi ấy, đàn-việt thí chủ sau khi mạng chung đều sanh lên trời; còn Tỳ-kheo giải đãi, chết sẽ vào địa ngục. Như thế, này Ca-diếp! Tất cả các hành thảy đều vô thường, không được bền lâu. Lại nữa, Ca-diếp nên biết! Đời tương lai, sẽ có Tỳ-kheo cạo bỏ râu tóc mà tập theo gia nghiệp, tay trái bồng con trai, tay phải ôm con gái, lại cầm đàn sáo, đi khất thực trên các đường phố. Bấy giờ đàn-việt thí chủ thọ phước vô cùng, huống gì ngày nay có những người chí thành khất thực. Như thế này Ca-diếp! Tất cả các hành vô thường, không được bền lâu.

Ca-diếp nên biết, đời tương lai hoặc có Sa-môn Tỳ-kheo sẽ bỏ Tám chánh đạo và Bảy pháp như nay Ta đã tu tập pháp bảo ấy trong bao vô số kiếp. Các

Tỳ-kheo đời tương lai dùng ca khúc, ở trong chúng khất thực để tự nuôi sống. Song các đàn-việt thí chủ cúng thức ăn cho các Tỳ-kheo ấy cũng còn được phước, huống gì ngày nay mà không được phước sao?

Nay Ta đem pháp này trao lại cho Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan. Vì sao? Nay Ta tuổi đã già đến tám mươi. Như Lai không bao lâu sẽ diệt độ. Nay đem pháp bảo phó chúc hai người, khéo ghi nhớ đọc tụng, giữ gìn đừng cho dứt mất, lưu truyền trong thế gian. Người nào có lỗi làm dứt tuyệt lời dạy của bậc Thánh sẽ bị đọa vào chốn biên địa. Cho nên hôm nay Ta dặn dò trao phó kinh pháp cho các Thầy, đừng để dứt mất.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-nan liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

- Do những cớ gì đem kinh pháp này trao phó hai chúng con mà không trao người khác? Trong chúng của Như Lai, lại có các vị thần thông đệ nhất không thể tính kể, sao không trao phó dặn dò?

Thế Tôn bảo Ca-diếp:

- Ta xem trong cõi Trời, cõi Người, trọn không thấy người nào có thể thọ trì pháp bảo này sánh bằng Ca-diếp, A-nan. Trong hàng Thanh văn cũng không ai hơn hai người này. Chư Phật đời quá khứ cũng có hai người thọ trì kinh pháp, như Tỳ-kheo Ca-diếp và A-nan ngày nay sánh rất là rất thù diệu. Vì sao? Tỳ-kheo hành đầu đà ở thời Phật quá khứ, khi pháp còn thì còn, pháp mất thì mất. Còn Tỳ-kheo Ca-diếp của Ta hôm nay còn lưu lại ở đời,đến Phật Di-lặc ra đời mới nhập diệt. Do nhân duyên này, Tỳ-kheo Ca-diếp ngày nay hơn chúng Tỳ-kheo thời quá khứ.

Lại nữa, Tỳ-kheo A-nan, vì sao hơn thị giả thời quá khứ? Thị giả chư Phật thời quá khứ nghe Phật nói rồi sau mới hiểu; còn nay Tỳ-kheo A-nan, Như Lai chưa nói ra đã hiểu. Như Lai không cần nói, Tỳ-kheo A-nan hơn các thị giả chư Phật thời quá khứ.

Cho nên, này Ca-diếp, A-nan! Nay Ta giao phó cho các Thầy, dặn dò các Thầy pháp bảo này, đừng để thiếu sót, diệt mất.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ: Tất cả hành vô thường Khởi lên ắt có diệt

Không sanh thì không tử Diệt này rất là vui.

Khi ấy, Tôn giả Đại Ca-diếp và Tôn giả A-nan nghe lời Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXXII.1. Phẩm Bát nạn (1)

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở một nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Người phàm phu không nghe, không biết thời tiết thuyết pháp. Tỳ-kheo nên biết! Có tám thời không được nghe pháp, người không được tu hành. Thế nào là tám?

Nếu lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi được đến Niết- bàn. là việc làm của Như Lai, nhưng chúng sanh này ở trong địa ngục, không nghe, không thấy. Đó là nạn đầu tiên.

Lại nếu lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi, mà chúng sanh này ở trong loài súc sanh không nghe, không thấy. Đó là nạn thứ hai.

Lại nữa, lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi, nhưng chúng sanh này ở trong ngạ quỷ, không nghe, không thấy. Đấy là nạn thứ ba.

Lại nữa, lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi. Nhưng chúng sanh này sống ở bên địa, phỉ báng Hiền Thánh, tạo các tà nghiệp. Đó là nạn thứ năm.

Lại nữa, lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi đến được Niết-bàn, nhưng chúng sanh này tuy sống ở trung tâm của nước, nhưng sáu căn không đầy đủ, lại cũng không phân biệt được pháp thiện ác. Đó là nạn thứ sáu.

Lại nữa, lúc Như Lai xuất hiện ở đời, diễn nói giáo pháp rộng rãi đến được Niết-bàn, nhưng chúng sanh này tuy sống ở trung tâm của nước, sáu căn đầy

đủ không có khuyết tật, mà tâm thức tà kiến; cho rằng người không thí, người không thọ, cũng không có quả báo thiện ác, không đời này, đời sau, cũng không cha mẹ, đời không có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... có thành tựu quả A-la-hán, tự thân chứng được để tự an lạc. Đó là nạn thứ bảy.

Lại nữa, lúc Như Lai không xuất hiện ở đời, Như Lai cũng không thuyết pháp đưa đến Niết-bàn, tuy chúng sanh này sống ở trung tâm nước, sáu căn đầy đủ, kham nhẫn thọ pháp, thông minh tài cao, nghe pháp hiểu liền, tu hành chánh kiến, biết có vật, có thí, có người thọ, có quả báo thiện ác, có đời này, đời sau, ở đời có Sa-môn, Bà-la-môn v.v... tu chánh kiến chứng được A-la-hán. Đó là nạn thứ tám, chẳng được tu hành Phạm hạnh. Này Tỳ-kheo, đó gọi là tám nạn chẳng được tu hành Phạm hạnh.

Ở đây, này Tỳ-Kheo! Có một thời tiết cho người tu hành Phạm hạnh. Thế nào là một? Đó là lúc Như Lai xuất hiện ở đời, rộng nói giáo pháp được đến Niết-bàn, và người này sanh ở trung tâm của nước, thế trí biện thông, thấy vật đều rõ biết, tu thành chánh kiến, cũng hay phân biệt các pháp thiện ác, biết có đời này, đời sau, đời có bậc Sa-môn,

Bà-la-môn tu chánh kiến chứng được A-la-hán. Đó là người Phạm hạnh tu hành một pháp được Niết-bàn.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Tám nạn không một loại
Khiến người không được đạo
Như nay hiện ở trước
Thế gian không thể gặp
Cũng nên học Chánh pháp
Cũng chớ mất chỗ này
Nhớ về lại quá khứ
Đã sanh trong địa ngục
Ở đây đoạn vô dục
Tư duy nơi Chánh pháp
Còn mãi ở thế gian
Mà không lúc đoạn diệt.
Ở đây đoạn vô dục,
Tư duy nơi Chánh pháp
Đoạn hẳn nguồn sanh tử
Còn mãi ở thế gian
Đã được mang thân người
Phân biệt pháp chánh chân
Những người chưa đắc quả
Ắt dạo nơi tám nạn.
Nay nói có tám nạn,
Yếu hạnh của Phật pháp
Một nạn vẫn còn quá
Như bộng cây mặt biển
Tuy nên lìa một nạn
Mới có được lý này
Nếu lìa một Tứ đế
Là lìa hẳn chánh đạo
Thế nên hãy chuyên tâm
Tư duy về diệu lý
Chí thành nghe Chánh pháp
Liền được chỗ vô vi.

Thế nên Tỳ-kheo! Hãy cầu phương tiện xa lìa nơi tám nạn, chớ mong ở đó. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có tám địa ngục lớn. Thế nào là tám? Địa ngục Sống Lại; địa ngục Dây Đen; địa ngục Đẳng Hại; địa ngục Gào Khóc; địa ngục Gào Khóc Lớn; địa ngục A-Tỳ; địa ngục Nóng; địa ngục Nóng Lớn.

Như thế, này các Tỳ-kheo! Có tám đại địa ngục.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Sống Lại và Dây Đen
Đẳng Hại, hai Gào Khóc
Ngục A-Tỳ ngũ nghịch
Địa ngục Nóng, Nóng Lớn
Đây gọi tám địa ngục
Trong ấy không thể ở
Đều do gốc ác hạnh Mười sáu lớp vách kín
Và trên địa ngục sắt kia
Lửa dữ, hằng thiêu đốt
Khắp trong một do tuần
Lửa hừng rất mạnh mẽ
Bốn thành, bốn lớp cửa
Trong đó rất bằng phẳng
Lại lấy sắt làm thành
Nắp sắt che trên đó.
Đây do nhân duyên tội báo của chúng sanh, khiến cho chúng sanh kia thọ khổ vô lượng, máu thịt tiêu hết chỉ còn lại xương.

Vì những gì mà gọi là địa ngụa Sống Lại? Có những chúng sanh thân hình thẳng đơ không thể dao động, bị khổ bức bách mà không thể di chuyển, thân hình không còn máu thịt. Khi ấy họ tự bảo nhau: 'Chúng sanh sống lại, sống lại'. Lúc đó, chúng sanh ấy liền tự sống lại. Do nhân duyên này nên gọi là địa ngục Sống Lại.

Lại vì nhân đâu lại gọi là địa ngục Dây Đen? Chúng sanh kia hình thể gân mạch đều hóa thành dây để cứa vào thân, nên gọi là địa ngục Dây Đen.

Lại do nguyên nhân gì mà lại gọi là địa ngục Đẳng Hại? Ở đây, chúng sanh kia tụ tập một nơi, đầu bị chặt rồi mọc lại. Do nhân duyên này gọi là địa ngục Đẳng Hại.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục Gào Khóc? Chúng sanh kia gốc lành đoạn dứt chẳng còn sót mảy lông tóc, ở trong địa ngục kia chịu khổ não vô lượng, trong đó kêu oán, tiếng gào không dứt. Do nhân duyên này gọi là địa ngục Gào Khóc.

Lại nữa, do nhân duyên gì gọi là địa ngục Gào Khóc Lớn? Chúng sanh trong địa ngục ấy chịu đau khổ vô lượng, không thể tính kể. Trong đó, họ hô hoán, đấm ngực, tự đánh mình và đồng thanh gào thét. Do nhân duyên này gọi là địa ngục Gào Khóc Lớn.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục A-tỳ? Những chúng sanh sát hại cha mẹ, phá hoại tháp Phật, làm rối loạn chúng Tăng, học tập tà kiến điên đảo, tương ưng với tà kiến, tất cả không thể chữa trị. Vì thế nên gọi là địa ngục A-tỳ.

Lại do nhân duyên gì mà gọi là địa ngục Nóng? Những chúng sanh ở trong địa ngục ấy, thân thể bốc khói, thảy đều tan nát, nên gọi là địa ngục Nóng.

Lại do nhân duyên gì gọi là địa ngục Nóng Lớn? Chúng sanh ở trong địa ngục này, đều không thấy sót lại chút gì của tội nhân. Nên gọi là địa ngục Nóng Lớn.

Thế là, này Tỳ-kheo! Do nhân duyên này gọi là tám địa ngục lớn. Mỗi địa ngục đều có mười sáu địa ngục nhỏ tên là địa ngục Ưu-bát, địa ngục Bát- đầu, địa ngục Câu-mâu-đầu, địa ngục Phân-đà-lợi, địa ngục Vị-tằng-Hữu, địa ngục Vĩnh-Vô, địa ngục Ngu Hoặc, địa ngục Súc-Tụ, địa ngục Đao-Sơn, địa ngục Thang Hỏa, địa ngục Hỏa-sơn, địa ngục Khôi-Hà, địa ngục Kinh Cức, địa ngục Phức Thi, địa ngục Kiến Thọ, địa ngục Nhiệt Thiết Hoàn.

Như vậy, mười sáu địa ngục nhỏ này không thể xưng lượng, khiến chúng sanh kia sanh trong địa ngục. Hoặc có chúng sanh hủy bỏ chánh kiến phỉ báng và xa lìa Chánh pháp, sau khi mạng chung đều sanh trong địa ngục Sống Lại (Hoàn Hoạt)

Nếu có chúng sanh ưu thích sát sanh liền sanh trong địa ngục Dây Đen.

Nếu có chúng sanh mổ giết Trâu dê, và nhiều loại khác, sau khi mạng chung sanh trong địa ngục Đẳng Hại.

Nếu có chúng sanh không cho mà lấy trộm vật của người khác, liền sanh trong địa ngục Gào Khóc.

Nếu có chúng sanh thường ưa dâm dật, lại thêm nói dối, sau khi mạng chung liền sanh trong địa ngục Gào Khóc Lớn.

Nếu có chúng sanh sát hại cha mẹ, phá hoại chùa chiền, làm rối loạn Thánh chúng, phỉ báng Thánh nhân, học tập tà kiến điên đảo; người ấy sau khi mạng chung sanh trong địa ngục A-tỳ.

Nếu có chúng sanh nghe lời nói ở chỗ này đem truyền đến chỗ kia, nếu ở kia lại truyền đến chỗ này, tìm phương tiện xấu của người; người ấy sau khi mạng chung sanh trong địa ngục Nóng.

Nếu có chúng sanh gây tranh đấu rối loạn đôi bên, tham đắm vật của người, dấy khởi lẫn tiếc, tật đố, ôm lòng do dự; người ấy sau khi mạng chung sanh trong địa ngục Nóng Lớn.

Nếu có chúng sanh tạo ác nghiệp, sau khi mạng chung sanh trong mười sáu địa ngục nhỏ. Khi ấy ngục tốt hành hạ chúng sanh kia đau khổ khó lường, hoặc chặt tay, hoặc

chặt chân, hoặc chặt tay chân, học cắt mũi, hoặc xẻo tai, hoặc cắt tai, mũi, hoặc lấy cây đè lên, hoặc lấy cỏ nhét vào bụng, hoặc treo tóc ngược, hoặc lột da, khoét thịt, hoặc chẻ làm hai, hoặc may kín lại, hoặc chặt rời năm phần, hoặc chặt lửa đốt, hoặc rưới nước sắt nóng lên, hoặc xé ra làm năm, hoặc kéo thân dài ra, hoặc dùng búa bén chặt đầu, giây lát sống lại. Cần cho tội nghiệp của người trong ngục trả xong, sau mới ra khỏi.

Có lúc ngục tốt bắt chúng sanh kia, lấy chày lớn đập nát thân thể, hoặc tuốt gân xương, lại rượt đuổi leo xuống. Có lúc có loài chim mỏ sắt lại mổ ăn, lại trói chặt năm chi không cho cử động, ném vào chảo nước sôi lớn, thêm dùng chĩa ba bằng sắt làm hại thân thể, gió thổi qua thân, sống lại như cũ. Có lúc ngục tốt lại bắt chúng sanh leo núi đao, núi lửa, không cho ngừng nghỉ. Trong đó chịu khổ không thể tính kể. Cần cho tội nghiệp đã tạo của người ấy hết rồi, sau mới ra.

Có lúc tội nhân không kham chịu sự thống khổ này, lại muốn vào địa ngục tro nóng chịu khổ vô lượng. Lại từ trong đó ra, vào lại địa ngục chẻ ngược, trong đó gió thổi đau đớn không thể xiết.

Lại từ trong đó ra, vào địa ngục phẩn nóng. Lúc ấy trong địa ngục phẩn nóng, có các loài trùng li ti rút rỉa thịt xương. Có lúc chúng sanh không chịu nổi thống khổ, lại dời vào địa ngục cây kiếm, thân thể tan nát, đau đớn không chịu được. Có lúc ngục tốt hỏi chúng sanh ấy rằng:

- 'Các tội nhân từ đâu đến? '

Khi ấy tội nhân đáp:

- 'Chúng tôi cũng không biết từ đâu đến'

- 'Rồi đi đâu?

- 'Cũng không biết sẽ đi đâu

- 'Bây giờ muốn những gì?

- 'Chúng tôi rất đói khát'

Khi ấy ngục tốt lấy hoàn sắt nóng đổ vào miệng tội nhân ấy, đốt nát thân thể đau đớn không chịu nổi. Cần cho trả hết tội cũ rồi mới chết. Lúc ấy tội nhân lui tới trải qua bao nhiêu địa ngục như vậy, ở trong đó chịu khổ ngàn vạn năm, sau mới ra khỏi.

Tỳ-kheo nên biết! Vua Diêm-la bèn khởi nghĩ thế này: 'Chúng sanh trong các cõi, thân miệng ý làm ác, sẽ chịu hết những tội như thế. Chúng sanh trong các cõi, thân miệng ý làm lành, những người như thế sẽ sanh cõi trời Quang Âm'.

Lúc ấy, Thế Tôn bèn nói kệ:

Người ngu thường vui vẻ
Như trời Quang Âm kia
Người trí thường sợ sệt
Cũng như ở địa ngục.

Lúc ấy tội nhân nghe vủa Diêm-la nói giáo lệnh này: 'Ở đây đến lúc nào diệt hết các tội đã tạo thì chết rồi được thọ thân người, sanh vào trung tâm của nước, gặp Thiện tri thức, cũng gặp cha mẹ kính tin Phật pháp, ở trong chúng của Như Lai xuất gia theo học đạo, nơi hiện pháp dứt sạch hữu lậu thành vô lậu.

Nay ta bảo một lần nữa. Ông cần để ý, xa lìa tám nạn được sanh chốn trung tâm, cùng gặp Thiện tri thức, được tu Phạm hạnh, đạt kết quả của bổn nguyện, không mất lời thệ cũ'

Cho nên, này Tỳ-kheo! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn xa lìa tám địa ngục lớm và mười sáu địa ngục nhỏ, thì nên tìm phương tiện tu Tám chánh đạo. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Tỳ-xá-lỵ trong vườn Nại-kỳ (vườn Xoài Ambapàli) cùng với đại chúng Tỳ-kheo năm trăm người câu hội, dần dần đi du hóa nhân gian.

Khi ấy, Thế Tôn ngoái nhìn thành Tỳ-xá-ly, giây lâu bèn nói kệ này:

Nay nhìn Tỳ-xá-ly,
Rồi sau không nhìn lại
Cũng lại không bao lâu
Sẽ từ biệt nơi này.
Lúc ấy, nhân dân trong thành Tỳ-xá-ly nghe nói kệ này, thảy đều lo buồn, đi theo sau Thế Tôn ai nấy rơi lệ tự bảo nhau: 'Không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ, thế gian sẽ mất ánh sáng'.

Thế Tôn bảo:

- Thôi, thôi! Các Người chớ buồn lo, vật đáng hoại diệt mà muốn không hoại diệt thì trọn không có lý. Trước đây, Ta đem bốn việc dạy bảo do đây được tác chứng. Và Ta cũng ở trong bốn độ chúng, dạy bảo bốn việc này. Thế nào là bốn? Tất cả hành vô thường, là pháp thứ nhất. Tất cả hành khổ là pháp thứ hai. Tất cả hành vô ngã là pháp thứ ba. Niết-bàn là diệt tận, là pháp thứ tư. Như thế, không bao lâu Như Lai sẽ diệt độ. Các Người nên biết bốn pháp căn bổn, vì khắp tất cả chúng sanh nói bày nghĩa ấy.

Bấy giờ, Thế Tôn muốn khiến cho nhân dân thành Tỳ-xá-ly trở về, liền hóa hiện một hầm lớn, Thế Tôn đưa chúng Tỳ-kheo qua bờ bên kia, dân chúng trong nước ở bờ bên này. Lúc ấy, Thế Tôn ném cái bát của Ngài lên hư không cho dân chúng thành ấy, lại bảo:

- Các Người khéo cúng dường bát này, cũng nên cúng dường bậc Pháp sư tài cao được phước vô lượng lâu dài.

Lúc ấy, Thế Tôn cho họ chiếc bát rồi, liền đi đến nước Câu-thi-na-kiệt. Lúc ấy, nhân dân nước Câu-thi-na-kiệt có hơn năm trăm lực sĩ nhóm tại một chỗ bàn luận thế này:

- Chúng ta cùng làm một việc kỳ lạ để sau khi chết danh tiếng truyền lâu, con cháu cùng truyền tụng rằng: 'Ngày xưa, các lực sĩ thành Câu-thi-na-kiệt thế lực khó bì.'

Lát sau, họ lại khởi niệm 'Nên làm việc gì? '

Bấy giờ, cách thành Câu-thi-na-kiệt không xa có tảng đá vuông lớn, dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ. Họ nói: 'chúng ta sẽ cùng nhau dựng

nó lên'. Họ đem hết sức để dựng tảng đá mà không nhúc nhích lay chuyển, huống gì dựng lên. Lúc ấy, Thế Tôn đi đến chỗ họ, hỏi rằng:

- Các Đồng tử muốn làm gì?

Các đồng tử bạch Phật:

- Trước đây, chúng con bàn luận như thế này, muốn dời tảng đá này để cho đời đời khen truyền danh tiếng của mình. Ra sức từ đó đến nay, đã bảy ngày, song không thể khiến tảng đá này di chuyển.

Phật bảo các đồng tử:

- Có muốn Như Lai dựng tảng đá này chăng?

Các đồng tử đáp:

- Nay chính phải thời, cúi xin Thế Tôn sắp đặt tảng đá này.

Lúc ấy, Thế Tôn dùng bàn tay nâng tảng đá lên, đưa qua bàn tay trái, ném lên hư không, tảng đá văng lên đến trời Phạm thiên. Các lực sĩ thành Câu- thi-na-kiệt không thấy tảng đá, bèn bạch Phật:

- Tảng đá ấy nay ở chỗ nào? Chúng con đều không thấy.

Thế Tôn bảo:

- Tảng đá này hiện ở trên trời Phạm thiên.

Các đồng tử đều bạch Phật:

- Khi nào nó rơi xuống cõi Diêm phù.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta sẽ dẫn thí dụ, người trí do thí dụ tự hiểu. Giả sử lại có người lên đến Phạm thiên, nâng tảng đá ấy ném xuống Diêm phù, mười hai năm mới đến. Song nay do oai thần của Như Lai, nó sẽ rơi xuống ngay.

Đức Phật nói xong, tảng đá ấy lập tức rơi xuống, trong hư không mưa trăm ngàn thứ hoa trời. Hơn năm trăm đồng tử ấy xa thấy đá rơi xuống, bèn chạy tán loạn không dám đứng chỗ cũ, Phật bảo họ:

- Đừng sợ, Như Lai tự biết thời.

Bấy giờ Thế Tôn đưa tay trái tiếp tảng đá, đặt qua bàn tay mặt và dựng nó lên. Lúc ấy, Tam thiên đại thiên thế giới rung động sáu cách. Các cõi trời thần diệu trong hư không, rải các thứ hoa sen Ưu-bát. Năm trăm đồng tử đều khen ngợi:

- Thật là chưa từng có, rất kỳ lạ, rất đặc biệt! Oai thần của Như Lai thật không thể sánh kịp. Tảng đá này dài một trăm hai mươi bộ, rộng sáu mươi bộ, mà Thế Tôn chỉ dùng một tay sắp xếp cho nó.

Lúc ấy, năm trăm đồng tử đều bạch Phật:

- Như Lai dùng thần lực gì di chuyển tảng đá này? Là dùng sức thần túc, hay dùng sức trí tuệ xếp đặt tảng đá này?

Phật bảo các đồng tử:

- Nay không dùng sức thần túc, cũng không dùng sức trí tuệ. Nay Ta chỉ dùng sức của cha mẹ mà sắp xếp tảng đá này.

Các đồng tử đều bạch Phật:

- Không biết Như Lai dùng sức của cha mẹ là như thế nào?

Phật bảo:

- Nay Ta sẽ dẫn thí dụ cho các Đồng tử. Người trí do thí dụ tự hiểu. Này các Người! Nên biết sức của mười con lạc đà không bằng sức một con voi thường. Lại, sức của mười lạc đà và một voi thường, không bằng sức của một con voi Ca-la-lặc. Sức của mười lạc đà và một voi thường cùng sức của voi Ca-la-lặc, không bằng sức một con voi Cưu-đà-điên. Giả sử sức của mười lạc đà và một voi thường cho đến cộng với sức một voi Cưu-đà-điên không bằng sức một voi Bà-ma-na. Lại tính sức của voi này, không bằng sức một voi Ca-ni-lưu. Lại tính hết sức của các voi trên, không bằng sức của một voi Ưu-bát. Lại tính hết sức của bao nhiêu voi, không bằng sức của một voi Bát-đầu-ma. Lại tính kể so sánh sức của bao nhiêu voi, không bằng sức một voi Câu-ni-đà. Lại gom hết để tính kể so sánh, không bằng sức của một voi Phân-đà-lợi. Lại gom hết để tính kể so sánh, không bằng sức của một Hương tượng. Lại gồm hết để tính kể so sánh, không bằng sức của một Ma-kha-na- cực. Lại gồm hết để tính kể so sánh, không bằng sức của một Na-la-diên. Lại

gồm hết tính kể so sánh, không bằng sức của một Chuyển luân Thánh vương. Lại gồm hết tính kể so sánh, không bằng sức của một A-duy-việt-trí (Bồ-tát bất thối). Lại gồm hết để tính kể so sánh, không bằng sức của một Bồ-tát bổ xứ. Lại gồm hết để so sánh, không bằng sức của một Bồ-tát ngồi dưới cội đạo thọ. Lại đem so sánh, không bằng sức của một đức Như Lai do thi thể của cha mẹ. Nay Ta dùng sức của cha mẹ để sắp xếp tảng đá này.

Bấy giờ, năm trăm đồng tử lại bạch Phật:

- Sức thần túc của Như Lai, là như thế nào?

Đức Phật bảo:

- Xưa, Ta có đệ tử tên Mục-kiền liên, là bậc nhất trong hàng thần túc. Bấy giờ, Ta và Mục-kiền-liên du hóa tại làng vườn trúc Tỳ-la-nhược. Lúc ấy, cõi nước nguy nan, nhân dân cấu xé lẫn nhau, xương phơi đầy đường. Người xuất gia khất thực khó khăn, Thánh chúng gầy ốm, khí lực hư hao. Lại nữa, nhân dân trong làng đều đói khổ không nơi nương cậy. Lúc ấy, Đại Mục- kiền-liên đến chỗ ta bạch rằng:

- 'Nay thôn Tỳ-la-nhược này rất là đói khổ, không nơi khất thực, dân chúng khốn đốn không có đường sanh sống. Con cũng được nghe Như Lai dạy rằng, nay dưới lớp đất tự nhiên màu mỡ, rất là thơm ngon, cúi xin Thế Tôn cho phép lật lớp đất ngon lên trên, khiến cho dân chúng được thức ăn, cũng khiến cho Thánh chúng khí lực sung mãn'.

Ta bảo Mục-liên:

- 'Các loài trùng nhỏ nhít trong đất, Thầy để chỗ nào?'

Mục-liên thưa:

- 'Con sẽ hóa một tay giống lớp đất này, lại dùng một tay lật lớp đất màu mỡ lên, khiến loài trùng nhỏ nhít đều an ổn nơi chỗ của mình'.

Lúc ấy Ta bảo Mục-liên:

- 'Tân thầy nghĩ gì mà muốn đảo ngược đất này?'

Mục-liên thưa:

- 'Nay con đảo ngược đất này, như lực sĩ lật một chiếc lá, không khó khăn gì?'

Ta lại bảo Mục-liên:

- 'Thôi, thôi, Mục-liên! Không cần lật ngược đất màu mỡ này. Vì sao? Chúng sanh thấy chuyện này sẽ kinh sợ, lông áo đều dựng lên, đền chùa của chư Phật sẽ bị hủy hoại'.

Lúc ấy, Mục-liên đến trước Phật bạch:

- 'Cúi xin Thế Tôn cho phép Thánh chúng đi sang châu Uất-đơn-việt khất thực'.

Phật bảo Mục-liên:

- 'Hạng người không có thần túc trong đại chúng đây, làm sao sang bên ấy khất thực?'.

Mục-liên bạch Phật:

-' Người không có thần túc, con sẽ đưa sang cõi ấy'.

Phật bảo Mục-liên:

- 'Thôi, thôi, Mục-liên! Không cần Thánh chúng sang bên kia khất thực. Vì sao? Đời sau cũng sẽ đói khổ như thế, khất thực khó được, người không nhan sắc. Bấy giờ hàng Bà-la-môn trưởng giả sẽ bảo các Tỳ-kheo rằng: 'Các Vị sao không đến Châu Uất-đơn-việt khất thực? Ngày xưa đệ tử dòng họ Thích có thần túc lớn, gặp nạn đói khổ này đều cùng đi sang Châu Uất-đơn- việt khất thực, để tự cứu mình. Ngày nay đệ tử của Thích-Ca không có thần túc, cũng không có hạnh Sa môn oai thần'. Họ sẽ khinh dể Tỳ-kheo, khiến hàng trưởng giả cư sĩ kia ôm lòng kiêu mạn chịu tội vô lượng. Mục-liên

nên biết, do nhân duyên này, chúng Tỳ-kheo không nên sang hết bên ấy khất thực.

Các Đồng tử nên biết! Thần túc của Mục-liên, đức như thế, tính kể sức thần túc của Mục-liên trùm khắp Tam thiên đại thiên cõi nước, không nơi nào không có, hay thiếu sót nhưng không bằng sức thần túc của Như Lai là sức hơn trăm lần, ngàn lần, ức vạn lần, không thể dùng thí dụ để so sánh thần túc của Như Lai, đức ấy không thể lường.

Các đồng tử bạch Phật:

- Sức trí tuệ của Như Lai như thế nào?

Đức Phật bảo

- Xưa, Ta cũng có đệ tử tên Xá-ợi-phất, bậc nhất trong hàng trí tuệ. Như nước biển lớn sâu rộng tám vạn bốn ngàn do-tuần chìm trong biển cũng như thế. Cõi đất Diêm-phù, chiều Nam Bắc hai vạn một ngàn do-tuần, chiều Đông Tây bảy ngàn do-tuần. Nay lấy việc này để so sánh. Dùng nước bốn biển làm mực, dùng núi Tu-di làm giấy, bao nhiêu cây cỏ hiện tại của Diêm- phù làm bút, lại khiến tất cả người trong Tam thiên đại thiên cõi nước đều viết, để tả cho hết trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Nhưng này các Đồng tử! Nên biết nước mực bốn biển lớn và người cầm bút sẽ dần dần mạng chung, cũng không thể khiến cho trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi phất cạn hết. Như thế, các đồng tử, hàng trí tuệ bậc nhất trong số đệ tử Ta, không ai hơn Xá-lợi- phất. Tính sức trí tuệ của Tỳ-kheo Xá-lợi-phất trùm khắp Tam đại thiên cõi nước, không sót không trống chỗ nào, muốn so sánh với sức trí tuệ của Như LAi, trăm lần, ngàn lần, ức vạn lần không thể dùng thí dụ để so sánh. Sức trí tuệ của Như Lai là như thế.

Lúc ấy, các đồng tử lại bạch Phật:

- Có thế lực nào hơn thế lực này chăng?

Phật đáp:

- Cũng có thế lực này vượt hơn thế lực trên. Đó là gì? Là thế lực vô thường. Hôm nay vào nửa đêm, tại giữa cây Song thọ, Như Lai sẽ bị sức vô thường đưa đến diệt độ.

Bây giờ, các đồng tử đều rơi lệ, than thở:

- Như Lai diệt độ mau chóng thay! Thế gian mất đi nhãn mục.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la-hệ-đầu là con gái trưởng giả Bà-la-đà. Tỳ-kheo-ni này bèn khởi ý nghĩ: 'Ta nghe Thế Tôn không bao lâu sẽ diệt độ. Ngày giờ đã hết, nay ta nên đến chỗ Thế Tôn để gần gũi thăm hỏi.'

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni kia liền ra khỏi thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn, xa thấy Như Lai dẫn chúng Tỳ-kheo và năm trăm đồng tử muốn đến rừng Song thọ. bấy giờ, Tỳ-kheo-ni đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật và bạch:

- Con nghe Thế Tôn sắp diệt độ, không còn trụ thế bao lâu.

Phật đáp :

- Chính vào giữa đêm nay, Như Lai diệt độ.

Khi ấy, Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

- Nay con xuất gia học đạo, lại không đạt kết quả sở nguyện; Thế Tôn bỏ con mà diệt độ. Cúi xin nói pháp vi diệu cho con để thành tựu sở nguyện.

Phật bảo:

- Này Tỳ-kheo-ni, nên tư duy về nguồn gốc của khổ.

Tỳ-kheo-ni lại bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, thật khổ ! Bạch Như Lai thật khổ!

Phật hỏi:

- Tỳ-kheo quán những nghĩa gì mà nói khổ?

Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

- Sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, lo buồn rối loạn khổ, oán ghét gặp nhau khổ, thương yêu chia lìa khổ. Tóm lại, năm ấm lẫy lừng khổ. Như thế, bạch Thế Tôn, con quán nghĩa này rồi nên nói là khổ.

Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni suy nghĩ nghĩa rồi, liền ngay chỗ ngồi được tam đạt trí (tam minh). Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

- Con không kham thấy Thế Tôn diệt độ, cúi xin cho phép con diệt độ trước.

Khi ấy Thế Tôn im lặng hứa khả.

Tỳ-kheo-ni liền từ chhỗ ngồi đứng dậy, lễ dưới chân Phật, rồi ở trước Phật phi thân lên hhư không, làm mười tám phép biến hóa, hoặc đi, hoặc ngồi,

hoặc kinh hành, thân phóng ra khói lửa, ẩn hiện tự do không ngăn ngại, hoặc phóng lửa nước đầy hư không. Lúc ấy, Tỳ-kheo-ni làm vô số thần biến rồi, liền nơi cảnh giới Niết-bàn vô dư mà diệt độ. Tại đó, chính trong ngày Tỳ- kheo-ni ấy diệt độ, có tám vạn Thiên tử được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng Thanh văn của Ta, Tỳ-kheo-ni được trí tuệ nhanh chóng bậc nhất là Tỳ-kheo-ni Quân-trà-la-hệ-đầu.

Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan:

- Thầy đến giữa Song thọ, trải tòa cho Như Lai, để đầu hướng về phía Bắc.

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

A-nan vâng lời Phật dạy, đến khoảng giữa Song thọ trải tòa cho Như Lai, rồi trở lại chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, bạch Phật:

- Đã trải tòa xong, đầu hướng về phía Bắc, nên biết đúng thời.

Thế Tôn liền đi đến giữa Song thọ, vào tòa đã trải. Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Có nhơn duyên gì khiến Như Lai dạy trải tòa, đầu hướng về phía Bắc?

Phật bảo A-nan:

- Sau khi Ta diệt độ, Phật pháp sẽ ở tại Bắc Thiên Trúc. Do nhân duyên này nên Ta bảo trải tòa hướng về Bắc.

Lúc ấy, Thế Tôn chia ba y. A-nan bạch Phật:

- Do cớ gì, hôm nay Như Lai lại chia ba y?

Bấy giờ, trong phút chốc, từ miệng Thế Tôn phát ra hào quang năm sắc.

Đức Phật bảo:

- Ta vừa khởi ý nghĩ này: Khi chưa thành đạo, ở địa ngục lâu dài, ăn hoàn sắt nóng, hoặc ăn rau cỏ nuôi thân tứ đại, hoặc làm loài lừa, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, hoặc làm ngạ quỷ hoặc làm thân người chịu thọ thai, hoặc

được phước trời ăn vị cam lồ tự nhiên. Nay Ta đã thành Như Lai, do Ngũ căn, Ngũ lực, Bảy giác chi, Tám chánh đạo thành tựu thân Như Lai. Do nhân duyên này nên miệng phát ra hào quang năm sắc vậy.

Lúc ấy, trong phút chốc, từ miệng Phật phóng ra hào quang vi diệu hơn hào quang trước. A-nan bạch Phật:

- Lại do nhân duyên gì khiến Như Lai lại phóng ra hào quang thù thắng hơn trước?

Phật bảo:

- Ta vừa khởi ý nghĩ này: 'Các đức Phật Thế Tôn đời quá khứ diệt độ, Pháp để lại không tồn tại lâu nơi đời'. Ta lại suy nghĩ thêm: 'Dùng phương tiện gì khiến pháp Ta được tồn tại lâu nơi đời? '. Thân Như Lai là thân Kim cang, ý Ta muốn nghiền thân này như hạt cải, để lưu bố thế gian, khiến cho thấy được hình tượng Như Lai, sẽ cúng dường nơi đây nhờ nhân duyên phước báo này sẽ sanh trong gia đình bốn chủng tộc, sanh cõi trời Tứ thiên vương, trời Ba mươi ba, trời Diệm ma, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại. Nhân phước này, họ sẽ sanh vào cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, hoặc lại được đắc quả Tu-đà-hoàn, quả Tư-đà-hàm, quả A-na-hàm, quả A-la-hán, Bích-chi-Phật, hoặc thành Phật đạo. Do nhân duyên này nên phát ra hào quang ấy.

Bấy giờ, Thế Tôn đích thân tự xếp y Tăng-già-lê làm bốn, nằm nghiêng hông bên hữu, hai chân xuôi thẳng xếp lên nhau. Lúc ấy, Tôn giả A-nan khóc lóc rơi lệ không thể tự kềm chế, lại tự trách mình: 'Đã chưa thành đạo, bị kiết sử ràng buộc, mà nay Thế Tôn bỏ ta diệt độ, ta sẽ nương cậy vào ai? '

Lúc ấy, Thế Tôn biết, nên bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo A-nan nay ở đâu?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Tỳ-kheo A-nan nay đang đứng sau chỗ nằm của Như Lai, buồn khóc rơi lệ không thể tự kềm, lại tự trách mình đã không thành đạo, lại không đoạn kiết sử, mà nay Thế Tôn bỏ vào Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

- Thôi, thôi A-nan, đừng buồn lo. Phàm vật ở đời đáng tan hoại, muốn đừng thay đổi, việc ấy không được. Thầy cần ra sức tinh tấn, nhớ nghĩ tu tập Chánh pháp, như thế không bao lâu sẽ chấm dứt mé khổ, thành tựu hạnh vô lậu. Các đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác ở thời quá khứ cũng có thị giả như thế. Giả sử hằng sa chư Phật đời tương lai, cũng sẽ có thị giả như A- nan. Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp chưa từng có. Thế nào là bốn? Lúc vua Chuyển luân Thánh vương muốn ra khỏi nước, nhân dân thấy đều vui mừng. Lúc Chuyển luân Thánh vương có lời dạy bảo, ai nghe cũng đều vui mừng. Nghe lời Chuyển luân Thánh vương dạy không chán. Chuyển luân Thánh vương im lặng, giả sử nhân dân thấy vua im lặng cũng lại vui mừng. Tỳ-kheo! Đó là Chuyển luân Thánh vương có bốn pháp chưa từng có này.

Tỳ-kheo nên biết ! Ngày nay A-nan cũng có bốn pháp chưa từng có. Thế nào là bốn? Giả sử Tỳ-kheo A-nan im lặng vào trong chúng, người nào cũng thấy vui mừng. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói lời gì, người nghe lời ấy đều cùng hoan hỷ, nếu im lặng cũng lại như thế. Giả sử Tỳ-kheo A-nan vào trong bốn bộ chúng, vào trong chúng Sát-lợi, Bà-la-môn, vào trong chúng quốc vương, cư sĩ, mọi người đều hoan hỷ, khởi tâm cung kính, nhìn A-nan không chán. Giả sử Tỳ-kheo A-nan có nói điều gì, người nghe dạy pháp vâng theo không chán. Đó là này Tỳ-kheo, bốn việc chưa từng có nầy.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Thế Tôn:

- Phải làm thế nào khi gặp người nữ? Bởi vì hiện nay Tỳ-kheo đúng thời đắp y mang bát đi từng nhà khất thực, tạo phước độ chúng sanh.

Phật bảo A-nan:

- Đừng gặp gỡ họ. Nếu có gặp đừng nói chuyện với họ. Nếu cùng nói chuyện phải giữ tâm chuyên ý nhất.

Bấy giờ Thế Tôn liền nói kệ:

Đừng giao thiệp người nữ
Cũng đừng nói chuyện chung
Người có thể xa lìa
Ắt lìa khỏi tám nạn.
A-nan bạch Phật:

- Nên đối xử với Tỳ-kheo Xa-na thế nào?

Thế Tôn dạy:

- Nên dùng pháp Phạm-đàn để trị phạt.

A-nan bạch Phật:

- Thế nào là pháp Phạm-đàn trị phạt?

Thế Tôn dạy:

- Không nên nói chuyện với Tỳ-kheo Xa-na. Cũng chớ nói lành, cũng chớ nói dữ. Còn Tỳ-kheo này cũng không nói gì với các Thầy.

A-nan bạch Phật:

- Nếu không xét kỹ sự việc, ắt phạm tội không nặng ư?

Phật dạy:

- Chỉ không nói chuyện tức là dùng pháp Phạm-đàn trị phạt. Nhưng nếu kẻ ấy không sửa đổi, sẽ đưa ra giữa chúng, mọi người cùng búng tay khiến đuổi ra, không thuyết giới với người ấy, cũng chớ làm việc chung trong pháp hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Muốn cùng oan gia kia,
Mà đáp kẻ oán ấy,
Thường niệm, chớ nói năng,
Điều này không có lỗi.
Lúc ấy, nhân dân thành Câu-thi-na-kiệt nghe tin Thế Tôn sẽ diệt độ vào lúc nữa đêm. Nhân dân trong nước đi đến khoảng giữa rừng Song thọ, đến rồi cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

Dân chúng đồng bạch Phật:

- Nay nghe Như Lai sắp diệt độ, chúng con phải tôn kính thế nào?

Lúc ấy, Thế Tôn ngoái nhìn Tôn giả A-nan. Tôn giả A-nan liền khởi nghĩ: 'Hôm nay thân thể Như Lai mệt nhọc, muốn bảo ta chỉ dạy nghi thức cho họ'. A-nan quỳ gối bên phải xuống đất, chắp tay bạch Phật:

- Nay có hai dòng họ, một tên là Bà-a-đà, thứ hai tên Tu-bạt-đà, nay đến quy y Như Lai và Thánh chúng. Cúi xin Thế Tôn cho họ làm Ưu-bà-tắc, từ nay về sau không sát sanh, vâng giữ năm giới.

Lúc ấy, Thế Tôn rộng vì họ thuyết pháp, để phát khởi những người còn lại, khiến họ quy y. Lúc ấy, năm trăm người dòng Ma-la nước Câu-thi-na-kiệt đi đến.

Bấy giờ, Phạm chí Tu-bạt từ nước của ông (nước Bà-bà) đi đến nước Câu- thi-na-kiệt, xa thấy năm trăm người đi đến, liền hỏi:

- Các Ông từ đâu đến đây?

Năm trăm người đáp:

- Tu-bạt nên biết, đức Thế Tôn sẽ diệt độ vào hôm nay tại giữa rừng Song thọ.

Tu-bạt liền khởi nghĩ: 'Như Lai ra đời rất khó gặp. Thời gian Như Lai xuất hiện như hoa Ưu-đàm-bát, ức kiếp mới xuất hiện. Nay ta có các điều nghhi ngờ không hiểu các pháp,

chỉ có Sa-môn Cù-đàm ấy mới giải đáp điều nghi ngờ của ta. Nay ta có thể đến chỗ Cù-đàm ấy mà hỏi nghĩa này'.

Lúc ấy, Phạm chí Tu-bạt đến rừng Song thọ, đến chỗ Tôn giả A-nan, thưa rằng:

- Tôi nghe Thế Tôn hôm nay sẽ diệt độ, có đúng không?

A-nan đáp:

- Thật có việc ấy.

Tu-bạt thưa:

- Song nay tôi còn có điều nghi ngờ, xin Tôn giả nhận lời, thưa với Thế Tôn rằng: Có người không hiểu lời nói của Lục sư, có thể được nghe Sa-môn Cù- đàm chăng?

A-nan nói:

- Thôi, thôi, Tu-bạt! Chớ quấy nhiễu Như Lai.

Như vậy đến ba lần, Tu-bạt lại nói vớ A-nan:

- Như Lai ra đời thật khó gặp; như hoa Ưu-đàm-bát đúng thời mới xuất hiện. Nay tôi xét thấy Như Lai có thể giải quyết điều nghi ngờ của tôi. Điều tôi hỏi không đủ để nói hết, mà nay A-nan không cho tôi đến bạch với Thế Tôn. Lại có nghe Như Lai quán sát không cùng tận, biết trước không cùng tột, mà nay riêng không tiếp tôi.

Lúc ấy, Như Lai dùng Thiên nhĩ xa nghe Tu-bạt nói với A-nan như thế. Thế Tôn bảo A-nan:

- Thôi, thôi A-nan! Chớ ngăn cản Phạm chí Tu-bạt. Vì sao? Ông ấy đến hỏi nghĩa được nhiều lợi ích. Nếu ta thuyết pháp, ông ấy liền được độ thoát.

A-nan bảo Tu-bạt:

- Lành thay, lành thay! Nay Như Lai cho phép Ông vào trong hỏi pháp.

Tu-bạt nghe lời này, vui mừng phấn khởi không thể tự kềm. Tu-bạt đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Bấy giờ, Tu-bạt bạch Phật:

- Nay tôi có điều muốn hỏi, cúi xin Thế Tôn cho phép.

Thế Tôn bảo Tu-bạt:

- Nay chính phải thời, có thể hỏi.

Tu-bạt bạch Phật:

- Các Sa-môn Cù-đàm khác biết các toán thuật, phần nhiều hơn đời. Đó là Bất-lan Ca-diếp, A-di-chuyên, Cù-da-lâu, Chi-hưu Ca-diên, Tiên-tỷ Lư-trì, Ni-kiền Tử v.v... Những người như thế biết việc trong ba đời chăng? Là không biết chăng? Trong Lục sư ấy có ai hơn Như Lai chăng?

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

- Thôi, thôi, Tu-bạt! Chớ hỏi nghĩa này. Cần gì hỏi họ hơn Như Lai không? Hôm nay, Ta ở tại chỗ này, sẽ vì Ông thuyết pháp, khéo suy nghĩ nhớ lấy.

Tu-bạt bạch Phật:

- Nay tôi đáng hỏi nghĩa thâm sâu, cúi xin Thế Tôn đúng thời nói.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo:

- Khi ta mới học đạo, hai mươi chín tuổi, vì muốn độ dân chúng, nên từ đó đến ba mươi lăm tuổi, theo học trong chúng ngoại đạo. Từ đó đến nay lại không thấy có Sa-môn, Bà-la-môn trong đại chúng nào không có Tám Thánh đạo, ắt không có bốn quả Sa-môn.

Thế nên, này Tu-bạt! Thế gian rỗng không lại không có bậc Chân nhân hắc đạo. Do trong pháp Hiền Thánh kia có pháp Hiền Thánh, nên có bốn quả Sa- môn. Vì sao? Nhân duyên có bốn quả Sa-môn đều do Tám đạo phẩm Hiền Thánh.

Này Tu-bạt! Nếu Ta không được đạo Vô thượng Chánh Chân, đều do không được Tám đạo phẩm Hiền Thánh. Do được Tám đạo phẩm Hiền Thánh nên ta thành Phật đạo. Thế nên, này Tu-bạt, nên tìm phương tiện thành tựu đạo Hiền Thánh.

Tu-bạt lại bạch Phật:

- Tôi cũng thích nghe Tám đạo phẩm Hiền Thánh, cúi xin diễn nói.

Phật bảo:

- Tám đạo phẩm là: Đẳng kiến, Đẳng trị, Đẳng ngữ, Đẳng mạng, Đẳng nghiệp, Đẳng phương tiện, Đẳng niệm, Đẳng tam muội. Tu-bạt! Đó là Tám đạo phẩm Hiền Thánh.

Lúc ấy, Tu-bạt liền tại chỗ ngồi được pháp nhãn tịnh. Tu-bạt nói với A-nan:

- Hôm nay con vui mừng được lợi lành. Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.

A-nan đáp:

- Ông hãy tự đến chỗ Thế Tôn mà xin làm Sa-môn.

Tu-bạt đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lạy chân Phật, bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.

Bấy giờ, Tu-bạt liền thành Sa-môn, thân mặc ba pháp y. Khi ông ngẩng nhìn dung mạo Thế Tôn, liền tại chỗ ngồi được giải thoát tâm hữu lậu.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo A-nan:

- Đệ tử tối hậu của Ta là Tu-bạt.

Tu-bạt bạch Phật:

- Con nghe Thế Tôn vào giữa đêm nay nhập Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn cho phép con nhập Niết-bàn trước. Con không kham thấy Thế Tôn diệt độ trước.

Bấy giờ, Thế Tôn yên lặng hứa khả. Vì sao? Hằng sa chư Phật Thế Tôn đời quá khứ, đệ tử chứng đạo rốt sau đều nhập Niết-bàn trước, Như Lai diệt độ sau. Đây là pháp thường của chư Phật Thế Tôn, chẳng phải mới hôm nay.

Tu-bạt thấy Thế Tôn đã hứa khả, liền ở trước Phật, chánh thân chánh ý buộc niệm ở trước, nơi cảnh giới Niết-bàn Vô dư mà diệt độ. Lúc ấy mặt đất chấn động sáu cách.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Tất cả hành vô thường
Có sanh ắt có tử
Không sanh thì không tử
Diệt này rất là vui.
Lúc ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

- Từ nay về sau, răn nhắc các Tỳ-kheo, không nên đối đãi nhau như thói thường, người lớn xưng Tôn, người nhỏ xưng Hiền, xem nhau như anh em. Từ nay về sau không được xưng tên do cha mẹ đặt.

A-nan bạch Phật:

- Các Tỳ-kheo ngày nay, phải tự xưng tên hiệu như thế nào?

Phật dạy:

- Nếu thầy Tỳ-kheo nhỏ đối với Thầy Tỳ-kheo lớn thì gọi là trưởng lão. Tỳ kheo lớn gọi Tỳ-kheo nhỏ bằng họ. Lại, các Tỳ-kheo muốn đặt tên, phải y cứ vào Tam tôn. Đây là lời dạy bảo của Ta.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXXII.2. Phẩm Bát nạn (2)

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, trong vườn Lộc Dã cùng với chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người câu hội.

Lúc ấy, A-tu-la tên Ba-ha-la và Thiên tử Mâu-đề-luân phi thời đến chỗ Phật, cúi đầu đảnh lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Khi ấy đức Phật hỏi A-tu-la:

- Các Ông rất thích biển lớn, phải không?

A-tu-la bạch Phật:

- Rất thích! Không phải không thích.

Đức Phật bảo:

- Trong biển lớn có pháp kỳ đặc gì mà các Ông thấy rồi vui thích ở trong ấy?

A-tu-la bạch Phật:

- Trong biển lớn có tám việc chưa từng có, các A-tu-la vui thích ở trong ấy. Thế nào là tám? Biển lớn rất sâu rộng, đó là việc chưa từng có thứ nhất.

Lại nữa, biển lớn có thân đức này, bốn sông lớn, mỗi sông dẫn theo năm trăm sông nhỏ chảy vào biển lớn, rồi mất tên riêng của sông; đó là pháp chưa từng có thứ hai.

Laị nữa, biển lớn đều có đồng một vị; đó là pháp chưa từng có thứ ba.

Lại nữa, biển lớn nước thủy triều đúng thời không mất thời tiết; đó là pháp chưa từng có thứ tư.

Lại nữa, biển lớn là nơi cư trú của các loài quỷ thần có hình tướng, hết thảy đều nằm trong biển lớn; đó là pháp chưa từng có thứ năm.

Lại nữa, biển lớn dung chứa những loài hình tướng to lớn, trăm do-tuần đến bảy ngàn do-tuần cũng không chật chội; đó là pháp chưa từng có thứ sáu.

Lại nữa, biển lớn xuất phát bao nhiêu trân bảo, xà cừ, mã não, trân châu, hổ phách, thủy tinh, lưu ly; đó là pháp chưa từng có thứ bảy.

Lại nữa, phía dưới biển lớn có cát vàng, lại có núi Tu-di làm bằng bốn thứ trân bảo; đó là điều chưa từng có thứ tám.

Đây là tám pháp chưa từng có, khiến các A-tu-la vui thích trong ấy.

Lúc ấy, A-tu-la bạch Phật:

- Trong pháp Như Lai có gì kỳ đặc, khiến các Tỳ-kheo thấy rồi, vui thích trong ấy?

Phật bảo A-tu-la:

- Có tám pháp chưa từng có, khiến các Tỳ-kheo vui thích trong ấy. Thế nào là tám? Trong pháp của Ta đầy đủ giới luật, không có hạnh phóng dật; đó là pháp chưa từng có thứ nhất. Các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích trong ấy, như biển lớn kia rất sâu và rộng.

Lại nữa, trong pháp của Ta có bốn dòng họ đều làm Sa-môn trong pháp của Ta không gọi theo tên cũ để làm tên riêng, cũng như biển lớn kia, bốn sông lớn đều chảy về biển mà đồng một vị, không có tên khác; đó là pháp chưa từng có thứ hai.

Lại nữa, trong pháp của Ta lập bày cấm giới, cùng vâng theo không vượt qua điều qui định; đó là pháp chưa từng có thứ ba.

Lại nữa, trong pháp của Ta đều đồng một vị, đó là vị của Tám đạo phẩm của Hiền Thánh; đó là pháp chưa từng có thứ tư, như biển lớn kia thảy đồng một vị.

Lại nữa, trong pháp của Ta sung mãn các pháp. Đó là Tứ ý đoạn, Tứ thần túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác ý, Bát chơn chánh hạnh, các Tỳ-kheo thấy

rồi vui thích trong ấy, như biển lớn kia có các loài Thần ở trong; đó là pháp chưa từng có thứ năm.

Lại nữa, trong pháp của Ta có các thứ trân bảo, đó là trân bảo Niệm giác ý, trân bảo Trạch pháp giác ý, trân bảo Tinh tấn giác ý, trân bảo Hỷ giác ý, trân bảo Ỷ giác ý (khinh

an), trân bảo Định giác ý, trân bảo Hộ giác ý (xả); đó là điều chưa từng có thứ sáu. Các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích trong ấy, như biển lớn kia phát xuất các thứ trân bảo.

Lại nữa, trong pháp của Ta có các chúng sanh, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo. Nơi Vô dư Niết-bàn mà được diệt độ, nhưng pháp của Ta không tăng giảm, như biển lớn kia, các sông chảy vào, nước biển không tăng giảm; đó là pháp chưa từng có thứ bảy. Các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích ở trong ấy.

Lại nữa, trong pháp của Ta có Kim cang tam-muội, Diệt tận tam-muội, Nhất thiết quang minh tam-muội, Đắc bất khởi tam-muội, các thứ tam-muội không thể tính kể, các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích. Như biển lớn kia phía dưới có cát vàng; đó là pháp chưa từng có thứ tám. Các Tỳ-kheo thấy rồi vui thích trong ấy.

Trong pháp của Ta có tám pháp chưa từng có này, các Tỳ-kheo rất tự vui thích.

Lúc ấy, A-tu-la bạch Phật:

- Giả sử trong pháp của Như Lai chỉ có một pháp chưa từng có, cũng đã hơn tám việc chưa từng có của biển kia trăm lần, ngàn lần không thể so sánh: đó là Tám đạo phẩm Hiền Thánh. Lành thay! Thế Tôn hoan hỷ nói lời này.

Bấy giờ, Thế Tôn dần dần thuyết pháp, đó là luận về thí, về giới, về sanh thiên, dục là tưởng bất tịnh, lậu là hoạn lớn, xuất yếu là vui. Bấy giờ Thế Tôn thấy A-tu-la mở thông tâm ý, Ngài bèn đem các pháp chư Phật thường nói như Khổ, Tập, Tận (Diệt), Đạo vì A-tu-la mà nói. A-tu-la bèn khởi ý niệm rằng: 'Đáng lẽ có Năm đế, nay Thế Tôn chỉ nói Bốn đế, còn với chư Thiên thì nói Năm đế'

Khi ấy, Thiên tử ở tại chỗ ngồi được pháp nhãn tịnh. A-tu-la bạch Phật:

- Lành thay Thế Tôn! Hoan hỷ nói lời này, nay tôi muốn trở về chỗ mình.

Phật dạy:

- Nên biết đúng thời.

A-tu-la liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, theo đường mà đi. Khi ấy, Thiên tử bảo A-tu-la

- Nay ý niệm của Ông không tốt, nói rằng: 'Như Lai vì chư Thiên nói Năm đế, với ta chỉ nói Bốn đế'. Vì sao? Chư Phật Thế Tôn trọn không hai lời, chư Phật trọn không bỏ chúng sanh, nói pháp cũng không mỏi mệt, nói pháp với tâm bình đẳng mà nói pháp. Có Bốn đế là Khổ, Tập, Tận, Đạo; nay Ông chớ nghĩ như vậy mà đổ lỗi Như Lai nói có Năm đế.

A-tu-la trả lời:

- Nay tôi làm việc không tốt, tự sẽ sám hối. Cần phải đến chỗ Phật hỏi nghĩa này.

Bấy giờ, A-tu-la và Thiên tử nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Trời đất chấn động mạnh có tám nhân duyên. Thế nào là tám? Tỳ-kheo nên biết! Đất của Diêm-phù-đề nầy, chiều Nam Bắc hai vạn một ngàn do-tuần, chiều Đông Tây bảy ngàn do-tuần, bề dầy sáu vạn tám ngàn do-tuần. Nước sâu tám vạn bốn ngàn do-tuần, lửa dày tám vạn bốn ngàn do-tuần. Dưới lửa có lớp gió dày sáu vạn tám ngàn do-tuần. Phía dưới gió có lớp Kim cang luân xá-lợi của chư Phật Thế Tôn thời quá khứ đều ở đây.

Tỳ-kheo nên biết! Hoặc có khi gió lớn chấn động, lửa cũng động. Lửa đã động, nước liền động, nước đã động, đất liền động. Đây là nhân duyên thứ nhất khiến đất chấn động mạnh.

Lại nữa, khi Bồ-tát từ cõi Trời Đâu-suất giáng thần vào thai mẹ, lúc ấy đất cũng chấn động mạnh. Đây là nhân duyên thứ hai khiến đất chấn động mạnh.

Lại nữa, khi Bồ-tát giáng thần ra khỏi thai mẹ, lúc ấy đất cũng chấn động mạnh. Đây là nhân duyên thứ ba khiến đất chấn động mạnh.

Lại nữa, khi Bồ-tát xuất gia học đạo, thành đạo Vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, lúc ấy trời đất chấn động mạnh. Đây là nhân duyên thứ tư khiến đất chấn động mạnh.

Lại nữa, nếu Như Lai ở cảnh giới Vô dư Niết-bàn diệt độ, lúc ấy trời đất chấn động mạnh. Đây là nhân duyên thứ tư khiến đất chấn động mạnh.

Lại nữa, nếu có Tỳ-kheo đại thần túc, tâm được tự tại, tùy ý muốn làm vô số biến hóa, hoặc phân thân ra trăm nghìn, rồi trở lại một thân, bay trên hư không, xuyên qua vách tường núi đá, ẩn hiện tự do, quán đất không có tướng đất, thảy đều rỗng không, lúc ấy đất chấn động mạnh. Đây là nhân duyên thứ sáu đất chấn động mạnh.

Lại nữa, chư Thiên đại thần túc, thần đức vô lượng mệnh chung từ nơi ấy lại sanh trở về nơi ấy. Do phước đời trước tạo đầy đủ các đức, bỏ thân Trời cũ, được làm Đế Thích hoặc Phạm thiên vương. Lúc ấy đất chấn động mạnh. Đó là nhân duyên thứ bảy đất chấn động mạnh.

Lại nữa, nếu chúng sanh mệnh chung phước hết, khi ấy các quốc vương không vừa ý nước của mình. Các nước chinh phạt lẫn nhau, hoặc bị đói hiểm mà chết, hoặc bị đao bén mà chết. Lúc ấy trời đất chấn động. Đó là nhân duyên thứ tám khiến đất chấn động mạnh.

Như thế Tỳ-kheo ! Có tám nhân duyên khiến trời đất chấn động mạnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Tôn giả A-na-luật ở tại bốn nơi Phật cư trú.

Lúc ấy, A-na-luật ở chỗ vắng khởi ý này: 'Trong hàng để tử của Phật Thích Ca Văn những bậc thành tựu giới đức trí tuệ, đều nương vào giới luật, ở trong Chánh pháp này mà được nuôi lớn. Người không đầy đủ giới luật trong hàng Thanh văn, những người này đều lìa Chánh pháp, không tương ứng với giới luật. Nay, như hai pháp này, Giới và Văn, pháp nào hơn ? Nay ta có thể đem cội gốc nhân duyên này, đến hỏi Như Lai, việc này thế nào?'

A-na-luật lại khởi ý niệm này: 'Pháp việc làm của người tri túc, không phải việc làm của người không biết đủ. Pháp này là việc làm của người thiểu dục, không phải việc làm của người đa dục. Pháp này là việc làm của người ở chỗ vắng, không phải việc làm của người ở chỗ ồn. Pháp này là việc làm của người trì giới, không phải việc làm của người phạm giới. Pháp này là việc làm của người định, không phải việc làm của người loạn. Pháp này là việc làm của người trí tuệ, không phải việc làm của người ngu si. Pháp này là việc làm của người đa văn, không phải việc làm của người ít học.'

Lúc ấy, A-na-luật, suy nghĩ về tám điều tâm niệm của bậc đại nhân rồi nghĩ rằng: 'Nay ta có thể đến chỗ Thế Tôn để hỏi nghĩa này'.

Bấy giờ, Thế Tôn ở tại thành Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc. Lúc ấy, vua Ba-tư-nặc thỉnh Phật và chư Tỳ-kheo Tăng-kiết hạ ba tháng, A-na-luật dẫn năm trăm Tỳ-kheo, dần dần du hóa trong nhân gian, lần đến nước Xá- vệ, đến chỗ đức Phật, cúi đầu đảnh lễ, lui ngồi một bên.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Con ở nơi vắng lặng, suy nghĩ về nghĩa này. Giới và Văn, hai pháp này pháp nào tối thắng?

Khi ấy, đức Phật bèn vì A-na-luật nói kệ:

Giới hơn hay Văn hơn
Nay Ông khởi hồ nghi
Giới tối thắng hơn Văn
Trong đó có gì nghi.

Vì sao? A-na-luật nên biết! Nếu Tỳ-kheo thành tựu giới, liền được định ý. Đã được định ý liền được trí tuệ. Đã được trí tuệ liền được đa văn. Đã được đa văn liền được giải thóat. Đã được giải thoát liền được diệt độ nơi Niết- bàn vô dư. Do điều này biết rõ rằng giới là tối thắng.

Lúc ấy, A-na-luật hướng về Thế Tôn, nói tám điều tâm niệm của bậc đại nhân.

Phật bảo A-na-luật:

- Lành thay, lành thay, A-na-luật! Điều thầy suy nghĩ chính là điều suy nghĩ của bậc Đại nhân: Ít muốn, biết đủ, ở chỗ vắng, thành tựu giới, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn.

A-na-luật! Nay Thầy nên khởi ý này, suy nghĩ về tám điều tâm niệm của bậc Đại nhân. Thế nào là tám? Pháp này là việc làm của người tinh tấn, không phải việc làm của người giải đãi. Vì sao? Bồ-tát Di-lặc đáng lẽ trong ba mươi kiếp sẽ thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nhưng ta do sức tinh tấn mà thành Phật trước hơn.

A-na-luật biết đó, các đức Phật Thế Tôn đồng một bậc, đồng nhau về giới luật, giải thoát trí tuệ không khác; cũng lại đồng nhau về không, vô tướng, vô nguyện, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân, nhìn không chán, không thể thấy đảnh, thảy đều không khác, chỉ có tinh tấn không đồng. Đối với chư Phật Thế Tôn thời quá khứ và tương lai, người tinh tấn hơn hết là Ta.

Cho nên, này A-na-luật! Điều tâm niệm thứ tám của bậc Đại nhân này là tối thượng, là tôn quý, không có thí dụ nào sánh kịp. Cũng như do sữa có lạc, do lạc có tô, do tô có đề hồ nhưng trong đó đề hồ là hơn hết, không thể so sánh. Đây cũng thế, ý niệm tinh tấn đối với trong tám điều tâm niệm của bậc Đại nhân là tối thượng, thật không thể so sánh. Cho nên A-na-luật, nên vâng theo tám điều tâm niệm của bậc Đại nhân, cũng nên vì bốn bộ chúng phân biệt nghĩa ấy. Nếu tám điều tâm niệm của Đại nhân được lưu truyền tại thế gian thì khiến đệ tử Ta đều được thành tựu quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na- hàm, A-la-hán.

Vì sao? Pháp Ta là điều được làm của người thiểu dục, không phải là điều được làm của người đa dục. Pháp Ta là điều được làm của người tri túc, không phải điều được làm của người không biết đủ. Pháp Ta là điều được làm của người ở chỗ vắng, không phải là điều được làm của người ở trong chúng. Pháp Ta là điều được làm của người trì giới, không phải là điều được làm của người phạm giới. Pháp Ta là điều được làm của người định, không phải là điều được làm của người loạn. Pháp Ta là điều được làm của người trí, không phải là điều được làm của người ngu. Pháp Ta là điều được làm của người tinh tấn, không phải là điều được làm của người giải đãi.

Thế nên, A-na-luật! Bốn bộ chúng nên tìm cách thực hành tám điều tâm niệm của bậc Đại nhân này. Như thế, A-na-luật nên học điều này.

Bấy giờ, Tôn giả A-na-luật nghe Phật dạy xong vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có tám bộ chúng, các Thầy nên biết. Thế nào là tám? Đó là chúng Sát-lợi, chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn, chúng Tứ thiên vương, chúng Trời Ba mươi ba, chúng Ma vương, chúng Phạm thiên.

Tỳ-kheo nên biết! Từ trước đến nay Ta đi vào trong chúng Sát-lợi, cùng họ chào hỏi, nói năng đàm luận, cũng không người nào bằng Ta. Ta đi một mình không bạn bè, cũng không ai ngang hàng. Ta ít muốn, biết đủ, niệm không lầm loạn, thành tựu giới, thành

tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

Lại tự nhớ nghĩ, Ta vào trong chúng Bà-la-môn, chúng Trưởng giả, chúng Sa-môn, chúng Tứ thiên vương, chúng Trời Ba mươi ba, chúng Ma vương, chúng Phạm thiên vương, cùng họ chào hỏi nói năng đàm luận, Ta đi một mình không bạn bè, cũng không ai ngang hàng, ở trong ấy tối tôn, cũng không người sánh bằng. Ta ít muốn biết đủ, ý không lầm loạn, thành tựu giới, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu đa văn, thành tựu tinh tấn.

Bấy giờ, trong tám bộ chúng, Ta đi riêng một mình không bạn bè, vì bao chúng sanh làm tàn che lớn. Khi ấy tám bộ chúng không thể thấy đảnh, cũng không dám nhìn mặt, huống gì cùng luận nghị. Vì sao? Vì ta cũng không thấy trong cõi Trời, cõi Người, trong chúng Ma hoặc Thiên ma, chúng Sa- môn, Bà-la-môn có ai có thể thành tựu tám pháp này, trừ Như Lai không kể. Cho nên Tỳ-kheo! Nên tìm phương tiện thực hành tám pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-để đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

Lúc ấy, Thế Tôn bảo trưởng giả:

- Trong nhà trưởng giả bố thí rộng lớn, phải chăng?

Trưởng giả bạch Phật:

- Bố thí cho nhà nghèo, ngày đêm không ngừng, tại bốn cửa thành, và trong chợ lớn, trong nhà, nơi đường đi, Phật và Tỳ-kheo Tăng. Đó là tám chỗ bố thí.

Như thế, bạch Thế Tôn! Người đời cần gì, cần y phục cho y phục, cần thức ăn cho thức ăn, trọn không vi phạm đến trân bảo nhà nước . Y phục, mền nệm, thức ăn uống, giường nằm, thuốc men trị bệnh, trị ghẻ, thảy đều cấp thí cho.

Cũng có chư Thiên đến chỗ con, ở trên hư không bảo rằng: 'Nên phân biệt tôn ty! Người này trì giới, người này phạm giới; cho người này được phước, cho người nầy không được báo đền'.

Song tâm con không có bỉ thử, không khởi tâm tăng giảm; lòng từ bình đẳng khắp tất cả chúng sanh. Hơn nữa, chúng sanh nương mạng căn mà thân hình tồn tại, có ăn mới sống, không ăn thì mạng căn không cứu giúp. Bố thí cho tất cả chúng sanh, quả báo ấy vô lượng, thọ quả báo ấy không có tăng giảm.

Phật bảo trưởng giả:

- Lành thay, lành thay! Trưởng giả, bố thí bình đẳng, phước tôn quý bậc nhất. Song tâm của chúng sanh lại có hơn kém, như bố thí cho người trì giới hơn bố thí cho người phạm giới.

Lúc ấy trên hư không, chư Thiên thần khen ngợi vô lượng, liền nói kệ này:

Phật nói chọn thí hơn
Chúng ngu có tăng giảm
Muốn được ruộng phước tốt
Ai hơn chúng của Phật?
Nay lời Thế Tôn nói, rất là thích thay! Bố thí cho người trí giới hơn người phạm giới.

Bấy giờ Thế Tôn bảo trưởng giả A-na-bân-để:

- Nay Ta sẽ nói với Ông về chúng Hiền Thánh. Hãy khéo suy nghĩ ghi nhớ, giữ trong tâm: Hoặc bố thí ít được phước nhiều, hoặc bố thí nhiều được phước nhiều.

Trưởng gỉa A-na-bân-để bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn diễn bày nghĩa ấy. Thế nào là thí ít được phước nhiều? Thế nào là thí nhiều cũng được phước nhiều?

Phật bảo trưởng giả A-na-bân-để:

- Các vị hướng A-la-hán, đắc A-la-hán, hướng A-na-hàm, đắc A-la-hàm, hướng Tư-đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm, hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn, Trưởng giả, đó gọi là chúng Hiền Thánh, bố thí ít thì được phước nhiều, bố thí nhiều được phước nhiều hơn.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Người thành tựu tứ hướng
Thành tựu Tứ quả thật
Đây là chúng Hiền Thánh
Bố thí được phước rộng.
Các đức Phật Thế Tôn ở đời quá khứ lâu xa cũng có chúng Hhiền Thánh này như Ta ngày nay không khác. Giả sử đời vị lai. Các đức Phật Thế Tôn xuất hiện nơi đời, cũng có chúng Hiền Thánh như thế này. Cho nên, này Trưởng giả ! Hãy có tâm hoan hỷ vui mừng cúng dường Thánh Chúng.

Lúc ấy, đức Phật vì Trưởng giả nói pháp vi diệu, để an lập địa vị bất thối chuyển. Trưởng giả nghe pháp xong, vui mừng vô lượng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, đi nhiễu ba vòng rồi lui ra.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-để nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn dùng tài vật bố thí thì sẽ được tám công đức. Thế nào là tám? Một là tùy thời bố thí, không phải là phi thời. Hai là thanh khiết bố thí, không phải là uế trược. Ba là tự tay đưa cho, không nhờ người khác. Bốn là tự nguyện bố thí, không có tâm kiêu tứ. Năm là giải thoát mà bố thí, không có hy vọng báo đáp. Sáu là bố thí cầu diệt độ, không cầu sanh Thiên. Bảy là bố thí tìm ruộng tốt, không bố thí đất hoang. Tám là đem công đức này bố thí chúng sanh, không tự vì mình.

Như thế, này các Tỳ-kheo! Thiên nam tử, thiện nữ nhơn dùng tài vật bố thí thì được tám công đức.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Người trí tùy thời thí
Không có tâm tham tiếc
Đã làm công đức rồi
Đem thí hết cho người
Thí này là tối thắng
Được chư Phật khen ngợi
Hiện thân thọ quả báo
Chết ắt thọ phước Trời.
Cho nên, các Tỳ-kheo! Người muốn tìm quả báo kia, nên làm tám việc này, phước báo ấy vô lượng không thể tính kể, được báu cam lồ, dần dần đến diệt độ. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói về con đường dẫn đến Nê-lê (địa ngục) và con đường hướng đến Niết-bàn: Tà kiến dẫn đến Nê-lê, chánh kiến hướng đến Niết-bàn. Tà chí (tà tư duy), hướng đến đường Nê-lê, chánh chí (chánh tư duy) là đường hướng đến Niết-bàn. Tà ngữ dẫn đến đường Nê-lê, chánh ngữ hướng đến Niết-bàn, Tà nghiệp dẫn đến đường Nê-lê, chánh nghiệp hướng đến Niết- bàn. Tà mạng dẫn đến đường Nê-lê, chánh mạng hướng đến Niết-bàn. Tà phương tiện hướng đến đường Nê-lê, chánh phương tiện hướng đến Niết- bàn. Tà niệm dẫn đến đường Nê-lê, chánh niệm hướng đến Niết-bàn. Tà định dẫn đến đường Nê-lê, chánh định hướng đến Niết-bàn.

Này các Tỳ-kheo! Đó là đường dẫn đến Nê-lê, đường hướng đến Niết-bàn. Pháp mà chư Phật Thế Tôn thường nói, nay đã rốt ráo. Các Thầy nên ở chỗ vắng vẻ, ngồi dưới gốc cây, nơi đồng trống, nghĩ nhớ làm pháp lành, đừng khởi tâm giải đãi, kiêu mạn. Hôm

nay không siêng năng, sau hối không kịp.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Phi thời, Nê-lê, Đạo
Tu-la, Trời, Đất động
Tám điều niệm đại nhơn chúng
Thiện nam tử thọ, Đạo.
---o0o---

XXXXIII.1. Phẩm Thiên tử Mã huyết hỏi Bát chánh (1)

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Thiên tử Mã huyết vào lúc không người, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ dưới chân, lui ngồi một bên.

Bấy giờ, Thiên tử bạch Phật:

- Vừa rồi con khởi ý niệm này: 'Đi bộ trên đất này có thể đến tận cùng thế giới này chăng?' Nay con hỏi Thế Tôn, có thể đi cùng thế giới chăng?

Phật bảo:

- Nay Ông do nghĩa lý gì mà hỏi điều này?

Thiêu tử bạch Phật:

- Trước kia, một hôm con đến chỗ Phạm thiên Bà-già. Khi ấy, Phạm thiên từ xa thấy con đến, nói với con rằng: 'Khéo đến đây, Thiên tử Mã huyết! Chỗ này là cảnh giới vô vi, không sanh, không già, không bệnh, không chết, không kết cuộc, không khởi đầu, cũng không buồn lo khổ não'.

Lúc ấy con lại khởi nghĩ rằng: 'Đây là đạo Niết-bàn ư? Vì sao? Trong Niết- bàn không có sanh, già, bệnh, chết, buồn lo khổ não. Đây là bờ mé tột cùng của thế giới ư. Nếu là bờ mé tột cùng của thế giới, thế là thế gian có thể đi suốt hết ư?'

Thế Tôn bảo:

- Nay thần túc của Ông thuộc loại nào?

Thiên tử bạch Phật:

- Cũng như lực sĩ giỏi bắn cung, tên bay không trở ngại. Hiện nay thần túc của con, đức ấy như thế không bị ngăn ngại.

Thế Tôn bảo:

- Nay Ta hỏi Ông, tùy chỗ ưa thích trả lời. Như có bốn thanh niên giỏi bắn cung, bốn người hướng về bốn phía bắn. Giả sử có người đến, muốn bắt hết mũi tên của bốn phía, không cho rơi xuống đất. Thế nào, Thiên tử ? Người này có rất nhanh nhẹn chăng mới

có thể khiến tên không rơi xuống đất?

Thiên tử nên biết! Trên cung điện Nhật Nguyệt có vị Thiên tử đi bước nhanh đi lại, tới dừng vượt hơn sức nhanh của người kia. Song cung điện Nhật Nguyệt đi nhanh như vậy, so với sức nhanh của người kia cùng sức nhanh của Thiên tử cung Nhật Nguyệt, không bằng sức nhanh của Trời Ba mươi ba. Tính sức nhanh của Trời Ba mươi ba không bằng sức nhanh của Trời Điện ma. Thần túc của chư Thiên như thế, mỗi mỗi không kịp nhau. Giả sử nay Ông có thần túc như chư Thiên kia, từ kiếp này sang kiếp khác, cho đến trăm kiếp, còn không thể cùng tận thế giới. Vì sao? Phương vực của cõi đất không thể tính kể.

Thiên tử nên biết! Thời quá khứ lâu xa, Ta từng làm Tiên nhơn tên Mã Huyết, cùng tên với Ông. Ta đã chấm dứt dục ái, bay trong hư không không ngăn ngại. Bấy giờ thần túc của Ta khác hơn người, trong khoảng khảy móng tay có thể bắt mũi tên của bốn phía không để rơi xuống. Khi ấy, Ta do có thần túc bèn khởi ý nghĩ nầy: 'Nay Ta có thể dùng thần túc này để đi cùng tận bở mé của cõi đất chăng? Ta liền đi khắp thế giới mà không thể cùng tận phương vức ấy. Sau khi mạng chung. Ta tấn đức tu nghiệp, thành Phật đạo, ngồi dưới cội cây, đoan tọa tư duy về những việc làm đã qua. Vốn là Tiên nhơn, ta dùng thần đức này còn không cùng tận phương vức kia, phải dùng thần lực nào mới rốt ráo bờ mé ấy?

Ta lại nghĩ thế này: 'Cần phải nương Tám đạo phẩm của Hiền Thánh, sau đó mới cùng tận bờ mé sanh tử'. Thế nào gọi là nương Tám đạo phẩm của Hiền Thánh? Đó là chánh kiến, chánh chí, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Này Thiên tử! Nên biết tên tám đạo phẩm của Hiền Thánh này mới cùng tận được bờ mé thế giới. Hằng sa chư Phật quá khứ cùng tận được thế giới, đã tận dụng Tám đạo phẩm của Hiền Thánh này mà tột cùng thế giới.

Giả sử vị lai các đức Phật Thế Tôn xuất hiện ở đời thì chư vị cùng sẽ dùng Tám đạo phẩm của Hiền Thánh này mà được tận cùng bờ mé.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Phàm phu khởi ý niệm
Trong đó khởi mê hoặc
Không phân biệt pháp chánh
Lưu chuyển trong năm đường
Tám phẩm của Hiền Thánh
Dùng đây làm thuyền bè
Chỗ hành của chư Phật
Mà tột mé thế giới
Giả sử Phật đương lai
Như Phật Di-lặc thảy
Cũng dùng Tám đạo chủng
Được tận thế giới này

Cho nên người có trí
Tu đạo Hiền Thánh này,
Ngày đêm tập làm theo
Liền đến chỗ vô vi.
Lúc ấy, Thiên tử Mã Huyết nghe Phật nói Tám đạo phẩm của Hiền Thánh, liền ngay chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, Thiên tử liền cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi lui ra. Lúc ấy, Thiên tử kia cũng ngày đó đem các thứ hoa đẹp rải trên Như Lai, liền nói kệ:

Lưu chuyển sanh tử lâu,
Muốn đi hết thế giới
Tám đạo phẩm Hiền Thánh
Không biết cũng không thấy
Nay Ta cho thấy đế
Lại nghe Tám đạo phẩm
Liền được tận bờ mé
Chỗ chư Phật đã đến.
Bấy giờ, đức Phật chấp nhận lời của Thiên tử ấy. Thiên tử thấy Phật đã chấp nhận, liền lễ chân Phật lui ra.

Bấy giờ, Thiên tử nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói về pháp Bát quan trai Hiền Thánh, các Thầy khéo suy nghĩ ghi nhớ, tùy hỷ vâng làm.

Bấy giờ các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy.

Thế Tôn bảo:

- Thế nào gọi là pháp Bát quan trai? Một là không sát sanh. Hai là không trộm cắp. Ba là không tà dâm. Bốn là không vọng ngữ. Năm là không uống rượu. Sáu là không ăn phi thời. Bảy là không nằm giường cao rộng. Tám là xa lìa hát xướng, hương hoa thoa thân.

Này Tỳ-kheo! Đó là pháp Bát quan trai Hiền Thánh.

Khi ấy, Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Làm thế nào tu hành pháp Bát quan trai?

Đức Phật bảo:

- Ở đây này Ưu-ba-ly! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn vào các ngày mùng tám, mười bốn, rằm, đến chỗ các Sa-môn, hoặc Tỳ-kheo trưởng lão, tự xưng tên, từ sáng đến chiều, như A-la-hán, giữ tâm không thay đổi, không lay động, không dùng dao gậy với quần sanh, lòng từ khắp tất cả. 'Nay ta thọ trai pháp, không phạm một điều, không khởi tâm sát, tập theo lời dạy của bậc chân nhân, không trộm, không dâm, không vọng ngữ, không uống rượu, không ăn phi thời, không nằm giường cao rộng, không tập hát xướng đánh đàn, hoa hương xoa thân'.

Nếu người có trí tuệ, nên nói như thế; nếu người không trí tuệ, nên dạy họ như thế.

Lại, Tỳ-kheo kia nên chỉ dạy cặn kẽ, đừng để mất, cũng chớ vượt thứ lớp. Lại nên dạy họ phát thệ nguyện.

Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Nên phát nguyện thế nào?

Phật bảo:

- Người kia phát nguyện rằng: 'Nay con do pháp Bát quan trai này, không rơi vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cũng không rơi vào chỗ bát nạn, không ở biên địa, không rơi chỗ hung ác, không theo ác tri thức; thờ phụng cha mẹ, chuyên chánh không tập tà kiến, sanh vào trung tâm của quốc gia, nghe pháp lành này, phân biệt suy nghĩ, thành tựu từng pháp; đem công đức giữ gìn trai pháp này, nhiếp thủ điều lành cho tất cả chúng sanh; đem công đức này bố thí người ấy, khiến thành đạo Vô thượng Chánh chơn; đem phước báu thệ nguyện này bố thí cho hàng Tam thừa khiến không thối chuyển nửa chừng'.

Lại nữa, pháp Bát quan trai này được dùng để học Phật đạo, Bích-chi Phật đạo, A-la-hán đạo. Người học Chánh Pháp trên thế giới cũng tập nghĩa này.

Giả sử đời vị lai, khi đức Phật Di-lặc xuất hiện, bậc Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, ai gặp hội của Ngài khiến đúng thời được độ.

Thời đức Phật Di-lặc ra đời, Thanh văn có ba hội. Hội thứ nhất có chín mươi sáu ức chúng Tỳ-kheo, hội thứ hai có chín mươi bốn ức chúng Tỳ-kheo, hội thứ ba có chín mươi hai ức chúng Tỳ-kheo, đều là bậc A-la-hán các lậu đã hết. Vua nước ấy và bậc thầy giáo thọ của quốc gia cũng sẽ dạy những lời như thế, không thể thiếu sót.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn kia, tuy giữ pháp Bát quan trai, trong ấy không phát thệ nguyện, có được công đức lớn chăng?

Đức Phật bảo:

- Tuy được phước, phước ấy không đủ. Vì sao? Nay Ta sẽ nói.

Thời quá khứ có vua tên Bảo Nhạc, dùng pháp trị dân không cong vạy, thống lãnh cảnh giới Diêm-phù-đề này. Bấy giờ có đức Phật hiệu là Bảo Tạng Như Lai, Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng

Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn xuất hiện ở thế gian. Nhà vua có người con gái tên là Mâu-ni, dung mạo rất đặc biệt thù thắng, sắc mặt như hoa đào, đều do đời trước cúng dường chư Phật mà được như vậy.

Bấy giờ, đức Phật kia cũng có ba hội Thanh văn. Hội ban đầu có một ức sáu vạn tám ngàn chúng. Hội thứ hai có một ức sáu vạn chúng. Hội thứ ba có một ức ba vạn chúng. Đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết. Lúc ấy, đức Phật kia vì các đệ tử thuyết pháp như thế này :

- 'Các Tỳ-kheo! Nên nhớ tọa Thiền, chớ giải đãi, lại cần tìm phương tiện tụng tập kinh giới'.

Vị thị giả của đức Phật tên Mãn Nguện, đa văn đệ nhất, như Tỳ-kheo A-nan của Ta ngày nay đa văn hơn hết. Khi ấy, Tỳ-kheo Mãn Nguyện, bạch đức Phật Bảo Tạng:

- 'Có các Tỳ-kheo các căn chậm chạp, u tối, cũng không tinh tấn đối với pháp Thiền định, cũng không tụng tập. Hôm nay Thế Tôn sẽ xếp những người như thế vào nhóm nào ?'

Đức Phật Bảo Tạng dạy:

- 'Nếu như có Tỳ-kheo các căn ám độn, không kham thực hành pháp Thiền, nên tu về ba pháp nghiệp của bậc Thượng nhân. Thế nào là ba? Là tọa Thiền, tụng kinh, siêng năng giúp đỡ việc chúng'.

Như thế, đức Phật kia vì các đệ tử nói pháp vi diệu như thế. Bấy giờ, có một Tỳ-kheo trưởng lão cũng không kham tu hành pháp Thiền. Tỳ-kheo kia bèn nghĩ rằng: 'Nay ta tuổi già yếu, không thể tu pháp Thiền, nay ta nên tìm cách làm theo pháp siêng năng giúp đỡ'. Khi ấy, Tỳ-kheo trưởng lão kia đi vào thành Dã Mã, xin dầu thắp đèn về cúng dường đức Phật Bảo Tạng, khiến cho ánh sáng không dứt. Công chúa Mâu-ni thấy Tỳ-kheo trưởng lão này đi xin trên các đường phố, liền hỏi:

- 'Thầy Tỳ-kheo! Hôm nay Thầy cần gì?'

Tỳ-kheo đáp:

- 'Công chúa nên biết ! Tôi tuổi đã già, không kham tu hành pháp Thiền, nên đi xin các loại dầu để cúng dường Phật, tiếp tục ánh sáng của bậc Tôn quý.

Khi ấy, công chúa nghe danh hiệu Phật, vui mừng phấn khởi không thể dừng, liền thưa với Tỳ-kheo trưởng lão:

- Tỳ-kheo ! Nay Thầy đừng đi xin các nơi khác, tôi sẽ tự cung cấp các loại dầu đèn, thảy đều bố thí đủ hết.

Tỳ-kheo trưởng lão nhận sự bố thí của công chúa, mỗi sáng đến lấy dầu cúng dường đức Phật Bảo Tạng. Thầy nguyện đem công đức phước nghiệp này, hồi hướng về đạo Vô thượng Chánh chơn. Miệng tự nói rằng: 'Tuổi đã già lại căn tánh chậm, không có trí tuệ thực hành được pháp Thiền, đem công đức này, nơi sanh ra không rơi vào đường ác, khiến đời tương lai được gặp đấng Thế Tôn như đức Phật Bảo Tạng hiện nay không

khác. Cũng được gặp Thánh chúng như Thánh chúng hiện nay không khác, nói pháp cũng như hiện nay không khác'.

Khi ấy, đức Phật Bảo Tạng biết ý niệm trong tâm thầy Tỳ-kheo kia, liền mỉm cười, trong miệng phát ra hào quang năm sắc mà bảo rằng:

- 'Này Tỳ-kheo ! Qua vô số kiếp đời vị lai, Thầy sẽ làm Phật hiệu Đăng Quang Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác.'

Khi ấy, Tỳ-kheo trưởng lão vui mừng hớn hở không thể tự kềm, thâm tâm vững chắc, ý không thối chuyện, nhan sắc đặc biệt không giống ngày thường. Công chúa Mâu-ni thấy Tỳ-kheo ấy dung mạo đặc biệt hơn ngày thường, liền hỏi:

- 'Tỳ kheo ! Hôm nay sắc diện rất là thù diệu, không giống ngày thường, có điều đắc ý? '

Tỳ-kheo đáp:

- 'Công chúa nên biết, vừa rồi Như Lai dùng cam lồ rưới lên đảnh tôi.'

Công chúa Mâu-ni hỏi:

- 'Như Lai dùng cam lồ rưới trên đảnh thế nào?'

Tỳ-kheo đáp:

- 'Tôi được đức Như Lai Bảo Tạng thọ ký, nói rằng qua tương lai vô số a- tăng-kỳ kiếp, tôi sẽ làm Phật, hiệu là Đăng Quang Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Thâm Tâm tôi vững chắc, ý không thối chuyển. Như thế, Công chúa, vì tôi được Như Lai thọ ký'

Công chúa hỏi:

- 'Đức Phật không thọ ký cho tôi ư?'

Tỳ-kheo trưởng lão đáp:

- 'Tôi cũng không biết có thọ ký cho Công chúa chăng? '

Công chúa nghe thầy Tỳ-kheo nói rồi, liền cỡi xe vũ bảo, đến chỗ đức Phật Bảo Tạng, cúi đầu lễ chân Phật lui ngồi một bên. Công chúa bạch Phật:

- 'Nay con là đàn việt thí chủ, thường cung cấp các thứ dầu cần dùng. Mà nay Thế Tôn thọ ký cho thầy Tỳ-kheo, riêng không thọ ký cho con'.

Đức Phật Bảo Tạng đáp:

- Phát tâm cầu nguyện, phước ấy khó lường, huống gì dùng tài vật bố thí'.

Công chúa Mâu-ni thưa:

- 'Nếu Như Lai không thọ ký cho con, con sẽ tự đoạn mạng sống của mình'.

Đức Phật Bảo Tạng đáp:

- 'Làm thân người nữ, cầu làm Chuyển Luân Thánh vương không được, cầu làm Đế Thích cũng không được, cầu làm Phạm thiên vương cũng không được, cầu làm Ma

vương cũng không được, cầu làm Phật cũng không được'.

Công chúa thưa:

- 'Nhất định con không thể thành đạo Vô thượng được ư? '

Phật Bảo Tạng đáp:

- 'Được, Công chúa Mâu-ni được thành đạo Vô thượng Chánh chơn. Song công chúa nên biết, về tương lai qua vô số a-tăng-kỳ-kiếp có Phật ra đời, đó là thiện tri thức của Cô, đức Phật kia sẽ thọ ký cho Cô'

Khi ấy, công chúa Bạch Phật: - 'Người nhận thanh tịnh, còn thí chủ uế trược chăng? '

Phật Bảo Tạng đáp:

- 'Những gì Ta nói hôm nay, là tâm ý thanh tịnh, phát nguyện vững chắc'.

Công chúa nói xong, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, đi quanh Phật ba vòng rồi lui ra.

Ưu-ba-ly nên biết ! Qua vô số a-tăng-kỳ-kiếp, Phật Đăng Quang xuất hiện ở đời tại nước lớn tên là Bát-đầu-ma, cùng với chúng Đại Tỳ-kheo mười sáu vạn tám ngàn người câu hội. Quốc vương và nhân dân nước ấy đều đến kính thờ Phật. Khi ấy, nước kia có vua tên Đề-bà-diên-na, dùng pháp trị hóa, thống lãnh cõi Diêm phù-đề. Nhà vua thỉnh Phật và chúng Tỳ-kheo đến để cúng dường trai phạn.

Bấy giờ, đức Phật Đăng Quang sáng sớm đắp y mang bát, dẫn chúng Tỳ- kheo vào thành. Khi ấy, có một Phạm chí tên Di-lặc, gương mặt đoan chánh, riêng vượt hơn mọi người, như là Phạm Thiên, thông suốt các kinh tạng thảy đều quán triệt, các sách vở, chú thuật, thảy đều rành rẽ, thiên văn, địa lý thảy đều biết rõ. Phạm chí kia xa thấy Phật Đăng Quang đi đến, dung mạo đặc biệt thù thắng, phi thường hơn đời, các căn vắng lặng, ba mươi hai tướng tốt,

tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm nơi thân; thấy rồi liền phát khởi lòng hoan hỷ, sanh lòng lành nghĩ rằng; 'Các sách vở ghi chép việc Như Lai xuất hiện rất là khó gặp, đúng thời mới xuất hiện như hoa Ưu-bát đúng thời mới xuất hiện, nay ta nên đến thử'.

Khi ấy, Phạm chí tay cầm năm cành hoa, đến chỗ Thế Tôn, lại khởi nghĩ thế này: 'Ai có đủ ba mươi hai tướng tốt gọi là thành Phật'. Ông liền đem năm cành hoa tung lên mình Phật, và mong thấy được ba mươi hai tướng tốt. Song ông chỉ thấy ba mươi tướng, mà không thấy thêm hai tướng nữa, liền khởi hồ nghi: 'Nay quan sát Thế Tôn, không thấy được tướng lưỡi rộng dài và tướng mã âm tàng'.

Ông liền nói kệ:

Nghe có ba hai tướng
Tướng mạo của Đại nhơn
Nay không thấy hai tướng
Tướng hảo có đủ chăng?

Có tướng mã âm tàng
Trinh khiết không dâm chăng?
Có tướng lưỡi rộng dài
Chấm tai, trùm mặt chăng?
Vì tôi hiện tướng ấy,
Để dứt các hồ nghi,
Mã âm và tướng lưỡi
Xin nguyện muốn thấy đó.
Khi ấy, đức Phật Đăng Quang liền nhập chánh định khiến Phạm chí thấy được hai tướng ấy. Đức Phật Đăng Quang liền bày tướng lưỡi rộng dài, liếm trùm cả mặt, phóng ánh sáng lớn, trở lại từ đảnh chui vào. Phạm chí thấy đức Phật có đầy đủ ba mươi hai tướng, thấy rồi vui mừng hớn hở không thể tự kềm, rồi nói thế này:

- Cúi xin Thế Tôn chứng minh cho con, ngày nay dùng năm cành hoa dâng lên Như Lai, và đem thân này cúng dường bậc Tôn Thánh.

Khi phát thệ này, năm cành hoa ở trên không trung hóa thành đài báu, rất thù diệu, có bốn trụ bốn cửa. Phạm chí thấy đài báu, vui mừng hớn hở không thể tự kềm, phát lời nguyện: 'Xin cho con đời sau được làm Phật như đức Phật Đăng Quang, đệ tử đồ chúng thảy đều như thế'.

Khi ấy, đức Phật Đăng Quang biết ý nghĩ trong tâm Phạm chí liền mỉm cười. Pháp thường của chư Phật, khi thọ ký thì Phật mỉm cười, trong miệng phát ra hào quang năm sắc chiếu khắp tam thiên đại thế giới, mặt trời mặt trăng không còn ánh sáng, ánh sáng ấy lại từ đảnh mà vào. Nếu khi thọ ký thành Phật thì ánh sáng từ đảnh vào. Nếu khi thọ ký thành Bích-chi Phật, ánh sáng từ miệng phát ra lại trở vào lỗ tai. Nếu thọ ký thành Thanh văn, thì ánh sáng trở vào vai. Nếu thọ ký sanh lên Trời, lúc ấy ánh sáng trở vào cánh tay. Nếu thọ ký sanh loài Người, ánh sáng trở vào hai bên hông. Nếu thọ ký sanh ngạ quỷ, thời ánh sáng trở vào nách. Nếu thọ ký sanh súc sanh, ánh sáng trở vào đầu gối. Nếu thọ ký sanh địa ngục, ánh sáng đi vào gót chân.

Khi ấy, Phạm chí thấy ánh sáng trở vào đỉnh đầu, vui mừng hớn hở không thể tự kềm, liền trải tóc dưới đất và nói lời này: 'Nếu đức Phật không thọ ký cho tôi, thì ngay chỗ này tôi sẽ tự hủy hoại các căn'. Khi ấy đức Phật Đăng Quang biết ý nghĩ trong tâm Phạm chí, liền bảo:

- 'Ông mau đứng lên. Đời vị lai sau, sẽ được thành Phật hiệu Thích Ca Văn Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác'.

Phạm chí nghe Phật thọ ký rồi, tâm rất vui mừng không thể tự kềm, lập tức ngay nơi ấy được biến hiện tam-muội, bay lên hư không cách mặt đất bảy nhẫn, chắp tay hướng về đức Phật Đăng Quang.

Này Ưu-ba-ly ! Thầy chớ lấy làm lạ. Thầy Tỳ-kheo trưởng lão vào thời đức Phật Bảo Tạng, đâu phải người nào lạ, chính là đức Phật Đăng Quang. Còn công chúa Mâu-ni lúc ấy, chính là Ta hiện nay. Lúc ấy đức Phật Đăng Quang đặt danh hiệu Ta là Thích-ca

Văn. Nay Ta do nhân duyên ấy, nên nói pháp Bát-quan trai này, nên phát thệ nguyện, không thệ nguyện không kết quả. Vì sao? Nếu lúc ấy, công chúa phát nguyện như thế, liền ngay nơi kiếp ấy thành tựu sở nguyện, rốt cuộc không thành Phật đạo. Phước thệ nguyện không thể xưng kể, được đến chỗ cam lồ, chỗ diệt tận. Như thế, Ưu-ba-ly, nên học như thế.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-ly nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở nước Ma-kiệt, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội, đi dần đến bờ sông.

Bấy giờ, Thế Tôn thấy giữa dòng nước có một khúc gỗ lớn trôi trên mặt nước. Ngài bèn ngồi lại dưới một cội cây bên bờ sông. Thế Tôn bảo các Tỳ- kheo:

- Các Thầy có thấy khúc gỗ bị nước cuốn kia không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thưa có thấy.

Phật bảo:

- Ví như khúc gỗ kia, không mắc kẹt bờ bên này hay bên kia, cũng không chìm giữa dòng hay trôi tấp trên bờ, không bị người vớt lên, lại chẳng bị phi nhơn vớt lên, lại không bị nước cuốn xoáy, cũng không bị mục nát. Nó sẽ dần dần trôi đến biển cả. Vì sao? Biển là cội nguồn của các sông.

Tỳ-kheo các Thầy cũng lại như thế. Nếu như các hầy không mắc kẹt ở bờ bên này hay bờ bên kia, không chìm giữa dòng, lại không nằm trên bờ, không bị người hay phi nhân nắm giữ, cũng không bị nước cuốn xoáy, cũng không mục nát, các Thầy sẽ dần dần đến Niết-bàn. Vì sao? Niết-bàn có chánh kiến, chánh chí (tư duy), chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định, là nguồn cội của Niết-bàn.

Bấy giờ, có người chăn bò tên Nan-đà đang chống gậy đứng xa nghe nói như thế, người ấy bèn đi dần dần đến chỗ Phật. Bấy giờ, người chăn bò bạch Phật:

- Nay con cũng không mắc kẹt bờ bên này hay bờ bên kia, không chìm giữa dòng hay tấp vào bờ, không bị người nắm bắt, không bị phi nhơn nắm bắt, không bị nước cuốn xoáy, cũng không mục nát, dần dần sẽ đến Niết-bàn. Cúi xin Thế Tôn cho phép con ngay tại con đường này, được làm Sa-môn.

Phật bảo:

- Ông đem bò về cho chủ rồi, sau mới được làm Sa-môn.

Người chăn bò Nan-đà thưa:

- Lũ bò này nhớ con của chúng, tự sẽ trở về nhà, cúi xin Thế Tôn cho phép tại đây.

Phật bảo:

- Những con bò này tuy tự trở về nhà, cũng cần Ông đi theo để giao lại chủ.

Khi ấy, người chăn bò nghe lời dạy đem giao bò xong, trở lại chỗ Phật, bạch Phật:

- Nay con đã giao bò xong, cúi xin Thế Tôn cho phép con làm Sa-môn.

Khi ấy, Thế Tôn liền cho làm Sa-môn, thọ giới cụ túc.

Có một Tỳ-kheo khác bạch Phật:

- Thế nào là bờ bên này? Thế nào là bờ bên kia? Thế nào là chìm giữa dòng? Thế nào là kẹt trên bờ? Thế nào là không bị người nắm bắt? Thế nào là không bị nước cuốn xoáy? Thế nào là không mục nát?

Phật dạy Tỳ-kheo:

- Bờ bên này là thân mình, bờ bên kia là thân diệt hoại. Chìm giữa dòng là dục ái. Tấp trên bờ là ngũ dục. Bị người nắm bắt là: như có người hào tộc phát thệ nguyện rằng: 'Nguyện đem công đức phước báu này để được làm vua, hay làm đại thần'. Bị phi nhơn nắm bắt là: như có Tỳ-kheo thệ nguyện như vầy: 'Sanh trong cõi Tứ thiên vương mà hành Phạm hạnh. Nay ta đem công đức này để sanh cõi Trời'. Đây gọi là bị phi nhơn nắm bắt. Bị nước cuốn xoáy là những điều tà nghi. Mục nát là tà kiến, tà chí (tư duy), tà ngữ, tà nghiệp, tà mạng, tà phương tiện, tà niệm, tà định. Đó là mục nát vậy.

Lúc ấy Tỳ-kheo Nan-đà ở chỗ vắng thanh tịnh, tự tu chuyên cần mà theo đó người dòng dõi, cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã chấm dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân trở lại. Tỳ-kheo Nan-đà liền tại chỗ ngồi thành A-la-hán.

Bấy giờ, Tôn giả Nan-đà nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Ma-kiệt, vườn trúc Ca-lan-đà cùng với đại chúng năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa, do có thần túc, được thái tử A-xà-thế mỗi ngày đem năm trăm nồi cơm cúng dường. Chúng Tỳ-kheo nghe chuyện Đề-bà-đạt-đa do có thần túc mà được vua A-xà-thế cúng dường, cùng nhau đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Khi ấy, nhiều Tỳ-kheo bạch Phật:

- Đề-bà-đạt-đa oai thần rất lớn, nay được vua A-xà-thế cúng dường, mỗi ngày đem cho năm trăm nồi cơm.

Bấy giờ, đức Phật nghe lời ấy rồi, bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy chớ khởi ý niệm ấy về sự tham lợi dưỡng của Tỳ-kheo Đề-bà- đạt-đa. Kẻ ngu kia do lợi dưỡng này, sẽ tự diệt mất. Vì sao? Ở đây, Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa sở dĩ xuất gia,

không đạt kết quả của sở nguyện. Tỳ-kheo nên biết! Ví như có người ra khỏi làng xóm, tay cầm búa bén đến chỗ cây to, trước đó ý mong chặt được cây to. Kịp khi đến nơi, chỉ lấy cành lá trở về nhà.

Nay Tỳ-kheo này cũng vậy, tham trước lợi dưỡng. Do lợi dưỡng này, đối với người khác thì tự khen mình, chê bai việc làm của các Tỳ-kheo khác, ắt không đạt kết quả sở nguyện. Thấy ấy do lợi dưỡng này nên không cần tìm cách khởi tâm dũng mãnh. Như người kia muốn tìm lõi cây không được, bị người trí ruồng bỏ.

Nếu như có Tỳ-kheo được lợi dưỡng rồi, không tự khoe khoang, cũng không chê bai người khác. Hoặc có khi lại đối với người khác tự xưng ta là người trì giới, kia là kẻ phạm giới, Tỳ-kheo ấy không đạt kết quả của sở nguyện. Như người bỏ gốc đem cành lá về nhà, người trí thấy rồi, nói 'Người này tuy đem cành cây về nhà, song không biết gốc'. Trong đây Tỳ-kheo cũng như vậy. Do được lợi dưỡng, vâng giữ giới luật, và tu Phạm hạnh, ưa tu chánh định. Tỳ-kheo ấy do chánh định này, tâm đối với người khác tự khoe: 'nay ta được định, người khác không định'. Pháp đáng làm của Tỳ-kheo ấy cũng không được kết quả.

Cũng như có người tìm lõi cây, đến bên cây to, xem xét thân cây, bỏ các nhánh lá, chỉ lấy gốc đem về. Người trí thấy rồi liền nói thế này: 'Người này được riêng phần gốc'. Nay Tỳ-kheo này cũng lại như thế, hưng khởi lợi dưỡng, vâng giữ giới luật, cũng không tự khoe khoang, lại chẳng chê bai người khác, tu hành chánh định, cũng lại như thế mà dần dần tu trí tuệ. Trong pháp này, trí tuệ là bậc nhất. Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa ở trong pháp này đã chẳng được trí tuệ, lại cũng không đủ giới luật.

Có một Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thầy Đề-bà-đạt-đa ấy vì sao không hiểu pháp giới luật? Thầy ấy có thần túc, thành tựu các hạnh, có trí tuệ này, vì sao không hiểu pháp giới luật? Có trí tuệ ắt có chánh định, có chánh định ắt có giới luật.

Phật dạy:

- Pháp giới luật là chuyện thường của thế tục. Thành tựu chánh định cũng là chuyện thường thế tục. Thần túc phi hành cũng là chuyện thường thế tục. Thành tựu trí tuệ, đó mới là nghĩa đệ nhất.

Khi ấy, Thế Tôn bèn nói kệ:

Do Thiền được thần túc,
Không rốt ráo tối thượng,
Không được mé vô vi,
Lại rơi trong ngũ dục.
Trí tuệ là tối thượng,
Không lo, không nghĩ ngợi.
Rốt ráo được đẳng kiến.
Đoạn dứt chốn sanh tử.

Tỳ-kheo nên biết! Do phương tiện này mà biết Đề-bà-đạt-đa không hiểu pháp giới luật, cũng không hiểu hạnh trí tuệ, chánh định. Tỳ-kheo các Thầy chớ giống Đề-bà-đạt-đa tham trước lợi dưỡng. Người tham lợi dưỡng là rơi vào chỗ ác, không đến đường lành. Nếu tham trước lợi dưỡng thì sẽ tập theo tà kiến, lìa chánh kiến, tập tà tư duy lìa chánh tư duy. Tập tà ngữ lìa chánh ngữ, tập tà nghiệp lìa chánh nghiệp, tập tà mạng lìa chánh mạng, tập tà phương tiện lìa chánh phương tiện, tập tà niệm lìa chánh niệm, tập tà định lìa chánh định.

Thế nên Tỳ-kheo! Chớ khởi tâm lợi dưỡng, chế phục khiến đừng khởi. Đã khởi tâm lợi dưỡng, nên tìm phương tiện diệt trừ. Như thế, này các Tỳ-kheo nên học điều này!

Khi Phật nói pháp vi diệu này có sáu mươi Tỳ-kheo xả bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ; lại có sáu mươi Tỳ-kheo khác được lậu tận ý giải, sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói thí dụ thuyền bè. Các Thầy khéo suy nghĩ, ghi nhớ trong tâm.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Xin vâng! Bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy.

Phật bảo:

- Thế nào gọi là thí dụ thuyền bè? Nếu các Thầy đi đường bị giặc bắt giữ, nên nhiếp tâm ý, đừng khởi niệm ác. Nên khởi tâm hộ niệm trùm khắp mọi nơi, vô lượng vô hạnh không thể tính kể. Giữ gìn tâm như đất, cũng như đất này, nhận vật sạch, cũng nhận vật dơ, phần tiểu dơ uế xấu xa thảy đều nhận hết. Song đất chẳng khởi tâm tăng giảm, không nói rằng: 'Đây là xấu, đây là tốt'. Nay việc làm của các Thầy nên cũng như thế. Giả sử bị giặc bắt giữ giam cầm, chớ sanh ác niệm, khởi tâm tăng giảm, như đất, nước, lửa, gió, xấu cũng nhận, tốt cũng nhận, đều không có tâm tăng giảm.

Khởi tâm từ, bi, hỷ, hộ (xả) đối với tất cả chúng sanh. Vì sao? Pháp thiện còn phải bỏ, huống gì pháp ác mà tập quen. Như có người gặp chỗ tai nạn sợ sệt, muốn qua khỏi chỗ tai nạn đến chỗ an ổn; tùy ý chạy tìm nơi an ổn. Người ấy thấy con sông lớn rất sâu rộng, cũng không có thuyền hay cầu để có thể sang bờ bên kia. Song chỗ đứng bên này rất đáng sợ, bờ bên kia không có. Bấy giờ người kia suy nghĩ tính kế: 'Sông này rất sâu lại rộng, nay ta có thể thu thập cây cối, cỏ lá kết lại làm bè qua sông, nhờ bè này để chèo từ bờ này sang bờ kia'. Bấy giờ, người ấy liền thu góp cành cây, cỏ lá kết bè mà chèo từ bờ này sang bờ kia. Người ấy đã sang bờ kia liền khởi nghĩ: 'Cái bè này rất

nhiều lợi ích cho ta, do bè này được qua chỗ ách nạn, từ chỗ sợ hãi đến chỗ không nạn. Nay ta không bỏ bè này, đi đâu cũng mang theo'.

Thế nào, các Tỳ-kheo! Người kia đến nơi rồi có thể vác chiếc bè theo chăng? Hay không nên vác theo?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Bạch Thế Tôn không nên. Nguyện vọng của người ấy đã được kết quả, còn dùng bè vác theo làm gì!

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Pháp thiện còn phải bỏ, huống gì phi pháp.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thế nào là pháp thiện còn phải bỏ, huống gì phi pháp? Chúng con há không do pháp mà học đạo ư?

Phật bảo:

- Y nơi kiêu mạn diệt kiêu mạn, mạn mạn, tăng thượng mạn, tự mạn, tà kiến mạn, mạn trung mạn, tăng thượng mạn. Dùng không mạn diệt mạn mạn, vô mạn; dùng chánh mạn diệt tà mạn, tăng thượng mạn, diệt sạch bốn mạn.

Xưa kia, khi Ta chưa thành Phật đạo, ngồi dưới cội cây bèn nghĩ như vầy: 'Trong cõi dục giới, ai là người hào quý nhất Ta sẽ hàng phục. Trong cõi dục giới này, chư Thiên và loài Người thảy đều hàng phục'. Lúc ấy, Ta lại nghĩ thế này: 'Nghe nói có tệ ma Ba-tuần, nay Ta sẽ chiến đấu với Ma ấy, do hàng phục ma Ba-tuần, tất cả chư Thiên hào quý kiêu mạn đều sẽ bị hàng phục'.

Khi ấy, Ta ngồi nơi tòa mỉm cười, khiến cho cảnh giới ma Ba-tuần thảy đều chấn động. Trong hư không nghe có tiếng nói kệ:

Bỏ pháp vua chơn tịnh,
Xuất gia học cam lồ,
Nếu người phát nguyện rộng,
Không ba đường ác này.
Nay ta họp binh chúng,
Đến thăm Sa-môn kia,
Nếu không theo ý ta,
Nắm chân ném ra biển.
---o0o---

XXXXIII.2 Phẩm Thiên tử Mã huyết (2)

Khi ấy, Tệ ma Ba-tuần sân giận bừng bừng, liền bảo đại tướng Sư Tử rằng:

- 'Mau tập họp bốn bộ chúng, đi đánh dẹp Sa-môn. Và phải quan sát ông ấy có thế lực gì mà dám chiến đấu với ta?'.

Khi ấy, Ta lại suy nghĩ: 'Giao chiến với người thường còn không thể im lặng huống gì với người hào quý của cõi dục. Cũng nên tranh đua với y ít nhiều'.

Này Tỳ-kheo! Lúc ấy Ta mặc giáp nhân từ, tay cầm cung chánh định, tên trí tuệ, đợi binh chúng kia. Khi đó tệ ma, đại tướng và binh chúng có đến mười tám ức, mặt mày mỗi mỗi khác nhau, vượn, khỉ, sư tử đến chỗ Ta. Binh chúng La-sát hoặc một thân có ngàn đầu; hoặc mấy mươi thân chung một đầu; hoặc hai vai ba cổ, ngay tim có miệng; hoặc một tay, hoặc hai tay, hoặc bốn tay; hoặc hai tay vác đầu, miệng ngậm thây rắn; hoặc trên đầu bốc lửa, miệng phun lửa; hoặc hai tay banh miệng muốn ngoạm đẳng trước; hoặc phanh bụng đi tới, tay cầm đao kiếm, mang vác mâu giáo; hoặc cầm chày cối; hoặc vác túi gánh đá, vách cây lớn; hoặc hai chân ở trên, đầu ở dưới; hoặc cỡi voi, sư tử, hồ lang, độc trùng; hoặc đi bộ đến, hoặc bay trên không.

Khi ấy, tệ ma đem bao nhiêu binh chủng ấy vây quanh cội đạo thọ. Ma Ba- tuần đứng bên trái Ta, nói với Ta:

- 'Sa-môn đứng lên mau'.

Tỳ-kheo! Khi ấy, Ta im lặng không trả lời. Như thế đến ba phen, Ma bèn nói với Ta:

- 'Sa-môn sợ ta chăng?'.

Ta bảo:

- 'Nay Ta nhiếp tâm không chút kinh sợ'.

Ma Ba-tuần nói:

- 'Sa-môn! Có thấy bốn bộ binh chúng của ta chăng? Còn Ông một thân, không có khí giới gậy gộc, binh đao, đầu trọc, thân trơ, chỉ mặc ba y, lại nói: 'Ta không sợ'.

Bấy giờ, Ta hướng về Ba-tuần, nói kệ:

Giáp nhân, cung chánh định,
Tay cầm tên trí tuệ
Phước nghiệp là binh chúng
Nay sẽ hại quân ngươi.
Ma Ba-tuần lại nói với Ta:

- 'Ta có nhiều việc ích lợi cho Sa-môn, nếu không nghe lời ta, bấy giờ sẽ đốt Ông ra tro, tiêu diệt thân hình. Lại, Sa-môn dung mạo đoan chánh, tuổi trẻ tươi đẹp, xuất phát từ dòng Xá-lợi, Chuyển Luân vương. Mau rời khỏi chỗ này, tập theo ngũ dục. Ta sẽ đem đến cho Ông, để Ông làm Chuyển luân Thánh vương'

Ta trả lời Ba-tuần:

- 'Những lời Ngươi nói, đều là vô thường biến đổi không dừng lâu, cũng phải xả ly, chẳng phải điều Ta ưa thích'.

Ma-tuần lại nói với Ta:

-'Sa-môn! Hôm nay muốn điều gì? Chí nguyện việc gì? '

Ta đáp:

- 'Điều Ta nguyện là nơi không lo sợ, an ổn tịnh tịch trong thành Niết-bàn, dẫn dắt các chúng sanh trôi nổi trong sanh tử, chìm đắm khổ não được đến con đường chánh'.

-'Nếu như Sa-môn không mau mau đứng lên khỏi tòa, ta sẽ nắm chân Ông ném xuống biển'.

Ta đáp Ba-tuần rằng:

- Ta tự quan sát trong cõi trời, Người, dù cho Ma hay Thiên ma, Nhơn, Phi nhơn và cả ba binh chúng của Ngươi, không thể khiến Ta động một mảy may lông.

Ma bảo:

- 'Sa-môn! Ngaỳ nay muốn chiến đấu với Ta chăng?'

Ta đáp:

- 'Muốn cùng giao chiến'.

Ma hỏi:

- 'Ông ghét điều gì?'

Ta đáp:

- 'Những điều kiêu mạn, như tăng thượng mạn, tự mạn, tà mạn, mạn trung mạn'.

Ma nói với Ta:

- 'Ông dùng nghĩa gì để diệt các mạn đó?'

Ta đáp:

- 'Ba-tuần nên biết! Có nhân Từ tam-muội, Bi tam-muội, Hỷ tam-muội, Hộ tam-muôi, Không tam-muội, Vô nguyện tam-muội, Vô tướng tam-muội. Do Từ tam-muội được Bi tam-muội, do Bi tam-muội được Hỷ tam-muội, do Hỷ tam-muội được Hộ (Xả) tam-muội, do Không tam-muội được Vô nguyện tam-muội, do Vô nguyện tam-muội được Vô tướng tam-muội. Do sức của tam-muội này chiến đấu với ngươi. Hành tận ắt khổ tận, khổ tận ắt kết tận, kết tận ắt đế Niết-bàn'.

Ma nói:

- Sa-môn! Có thể dùng pháp diệt pháp chăng?'

Ta đáp:

- 'Có thể dùng pháp diệt pháp'.

Ma hỏi Ta:

- 'Thế nào là dùng pháp diệt pháp?'

Khi ấy Ta bảo:

- 'Dùng chánh kiến diệt tà kiến, dùng tà kiến diệt chánh kiến. Chánh tư duy diệt tà tư duy, tà tư duy diệt chánh tư duy. Chánh ngữ diệt tà ngữ, tà ngữ diệt chánh ngữ. Chánh nghiệp diệt tà nghiệp, tà nghiệp diệt chánh nghiệp. Chánh mạn diệt tà mạn, tà mạn diệt chánh mạn. Chánh phương tiện diệt tà phương tiện, tà phương tiện diệt chánh phương tiện. Chánh niệm diệt tà niệm. tà niệm diệt chánh niệm. Chánh định diệt tà định, tà định diệt chánh định'.

Ma nói:

- 'Sa-môn! Hôm nay tuy có những lời như vậy. Ở chỗ này khó khắc phục. Ông mau đứng dậy, đừng để ta nắm chân ném ra biển'.

Ta lại bảo Ba-tuần:

- 'Ngươi tạo phước chỉ một phen, nay được làm Ma vương cõi dục. Xưa kia Ta tạo công đức không thể tính kể. Lời của Ngươi hôm nay mới thật khó làm'.

Ba-tuần đáp:

-'Phước đã làm chỉ Ông chứng biết. Ông tự xưng tạo vô số phước, ai có thể chứng tri cho Ông?'

- Tỳ-kheo! Lúc ấy Ta duỗi tay mặt, chỉ xuống đất, bảo với Ba-tuần: 'Công đức Ta đã tạo địa thần chứng biết'.

Ta đang nói lời này, địa thần từ đất vọt lên, chắp tay bạch:

- 'Bạch Thế Tôn! Con đang chứng biết'.

Địa thần nói xong, Ba-tuần lo buồn khổ não, liền lui không hiện.

Tỳ-kheo! Do phương tiện này nên biết, pháp còn phải diệt huống hồ là phi pháp. Đã từ lâu, Ta vì các Thầy nói kinh Nhất Giác Dụ, không ghi lại văn tự, huống giải thích ý nghĩa. Vì sao? Pháp này sâu xa huyền diệu, các bậc

Thanh văn, Bích chi Phật tu pháp này được công đức lớn, được cam lồ, đến chỗ vô vi.

Thế nào tên là Dụ Nương Thuyền? Nghĩa là y nơi mạn diệt mạn, mạn đã diệt tận, lại không còn những niệm tưởng não loạn. Cũng như da con chồn được thuộc kỹ, lấy tay cuộn lại, không nghe tiếng sột soạt, không có chỗ cứng cộm, đây cũng như thế, Như Tỳ-kheo chấm dứt kiêu mạn, không có tăng giảm. Cho nên Ta bảo các Thầy rằng: 'giả sử bị giặc giam cầm, chớ khởi tâm ác, nên đem lòng từ ban khắp nơi, cũng như da kia rất mềm mại, bèn được chỗ vô vi lâu dài'.

Như thế, Tỳ-kheo! Nên khởi niệm như thế.

Ngay khi thuyết pháp này, có ba ngàn Thiên tử ngay tại chỗ ngồi các trần cấu sạch hết, được phép nhãn tịnh. Còn sáu mươi Tỳ-kheo khác, lậu tận ý giải, được phép nhãn tịnh.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Ma-kiệt, bên bờ sông Hằng cùng với chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Cũng như người chăn bò nước Ma-kiệt ngu si, kém trí tuệ, muốn đưa bò từ bờ sông Hằng bên này sang bờ bên kia. Người ấy không xem xét bờ bên này, bờ bên kia, chỗ cạn chỗ sâu, liền đuổi bò xuống nước. Trước tiên người ấy đưa sang những con bò ốm yếu, bò con còn nhỏ, chúng ở giữa dòng nước, rất là gầy yếu, không thể qua tới bờ bên kia. Kế đó, người ấy đưa sang những con bò trung bình, không mập không ốm, cũng không qua được bờ, ở giữa dòng nước chịu khổ não, Kế đến, người ấy đưa sang những con bò rất mạnh, cũng ở giữa dòng nước bị khốn ách.

Nay, các Tỳ-kheo trong chúng của Ta cũng lại như thế. Tâm ý ám độn không có trí sáng suốt, không phân biệt được con đường sanh tử, không phân biệt được câu, thuyền của ma; ý muốn qua dòng sanh tử mà không tập tu theo pháp cấm giới thì liền bị Ba-tuần chiếm phần tiện lợi; theo con

đường tà tìm cầu Niết-bàn, mong được diệt độ, trọn không đạt kết quả; tự tạo tội nghiệp, lại làm người khác chìm trong tội.

Cũng như người chăn bò nước Ma-kiệt thông trí tuệ, nhiều trí muốn đưa bò từ bờ này sang bờ kia. Trước hết, người ấy xem xét chỗ cạn sâu, đưa những con bò rất mạnh sang bờ bên kia trước; kế đến đưa những con bò trung bình không mập không ốm, cũng được sang đến bờ kia; kế đến đưa những con bò rất yếu cũng được sang không khác những con trước. Bò con đi theo sau, mà đến bờ an ổn.

Này các Ty-kheo, Như Lai cũng lại như thế, khéo quán sát đời này đời sau, quán sát biển sanh tử, con đường của Ma. Tự đem Bát chánh đạo để vượt qua nạn sanh tử, lại dùng đạo này để độ người chưa được độ.

Cũng như con bò dẫn đầu, một con đi đúng đường, những con kia thảy đều theo. Đệ tử của Ta cũng như vậy , dứt sạch hữu lậu thành vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, trong pháp hiện lại tự thân chứng ngộ, mà tự du hóa, vượt qua cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

Cũng như những con bò có sức mạnh lội qua sông Hằng sang bờ bên kia. Hàng Thanh văn của Ta cũng lại như thế, đoạn đứt năm hạ phần kết sử thành A-na-hàm, ngay đời này nhập Niết-bàn không trở lại cõi này, vượt qua cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

Như những con bò trung bình không mập, không ốm qua được sông Hằng không gặp khó khăn. Đệ tử của Ta cũng lại như thế, đoạn dứt ba kết sử, dâm, nộ, si mỏng nhẹ thành Tư-đà-hàm, trở lại cõi này một lần, dứt sạch mé khổ, dứt cảnh giới Ma đến chỗ vô vi.

Như những con bò yếu đưa các bò con qua được sông Hằng. Đệ tử của Ta cũng lại như thế, đoạn dứt ba kết sử thành Tu-đà-hoàn đến chỗ được độ, vượt qua cảnh giới Ma,

vượt qua nạn sanh tử.

Như bò con theo mẹ được qua sông. Đệ tử của Ta cũng lại như vậy giữ lòng tin, vâng theo chánh pháp, cắt đứt sự trói buộc của Ma, đến chỗ vô vi.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Chỗ được của Ma vương Không tột mé sanh tử, Như Lai cứu cánh

Thế gian hiện tuệ sáng
Chỗ giác liễu của Phật
Phạm chí không hiểu rõ
Còn kẹt bên sanh tử
Gồm độ người chưa độ
Nay năm hạng người này
Ngoài ra không thể tính
Muốn vượt nạn sanh tử
Tận sức oai thần Phật.

Cho nên, này Tỳ-kheo, nên chuyên nhất tâm kia, không có hạnh phóng dật, cũng nên tìm phương tiện thành tựu Tám đạo phẩm Hiền Thánh. Nương đạo Hiền Thánh rồi liền có thể tự vượt qua biển sanh tử. Vì sao? Cũng như người ngu chăn bò kia là hàng ngoại đạo Phạm Chí, tự chìm trong dòng sanh tử, lại làm người khác chìm đắm trong tội.

Nước sông Hằng tức là biển sanh tử. Người trí tuệ chăn bò là Như Lai, do Tám đạo phẩm vượt qua nạn sanh tử. Cho nên các Tỳ-kheo nên tìm cách thành tựu bát Thánh đạo. Như vậy, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thành La-duyệt, trong vườn xoài của Kỳ-bà-già, cùng với một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử câu hội, đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết, lục không thanh triệt, chỉ trừ một mình Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nhằm ngày rằm tháng bảy, vào lúc thọ tuế, nửa đêm trăng sáng xuất hiện, vua bảo phu nhơn Nguyệt Quang:

- Nay là ngày rằm, trăng tròn rất trong sáng, nên làm gì?

Phu nhơn thưa:

- Nay ngày rằm là ngày thuyết giới, nên tổ chức ca hát đàn nhạc, tự vui với ngũ dục.

Vua nghe lời nầy rồi, không hài lòng. Vua lại hỏi Thái tử Ưu-đà -da:

- Đêm nay trăng sáng nên làm gì?

Thái tử Ưu-đà-da tâu:

- Đêm nay thật trong sáng, nên tập họp bốn bộ binh chúng, các nước ngoại bang nào không hàng phục, nên kéo sang chinh phạt.

Khi ấy, vua A-xà-thế nghe lời này cũng không vừa ý, lại hỏi thái tử Vô Uý:

- Như đêm nay rất trong sáng, nên làm gì?

Thái tữ Vô Úy thưa:

- Nay có Phạm Chí Bất lan Ca-diếp biết rành các toán số, gồm thông thiên văn địa lý, mọi người đều tôn trọng kính ngưỡng, có thể đến đấy hỏi về chỗ nghi này. Phạm Chí ấy sẽ vì phụ vương, noí lý rất nhiệm mầu, trọn không trở ngại.

Khi vua nghe lời nầy cũng không vừa ý. Lại hỏi đại thần Tu-ni-ma:

- Như đêm nay rất trong sáng cần phải làm gì?

Tu-ni-ma tâu vua:

- Như đêm nay rất trong sáng, có thầy A-di-chuyên cũng ở gần đây, thầy hiểu biết rộng. Cúi xin đại vương đến hỏi điều nghi.

Vua nghe lời nầy cũng không vừa ý, lại hỏi Bà-la-môn Bà-sa:

- Như đêm nay trong sáng, nên làm gì?

Bà-la-môn-Bà-sa thưa:

- Như đêm nay trăng rằm rất sáng, có thầy Cù-da-lâu ở gần đây, cúi xin đại vương đến hỏi điều này.

Vua nhe lời này cũng không hợp ý, bèn hỏi Phạm chí Ma-dặc:

- Như đêm nay trăng rất sáng, nên làm gì?

Phạm chí thưa:

- Đại vương nên biết, thầy Bỉ-hưu-ca-diên ở gần đây, cúi xin đại vương đến hỏi ý thầy.

Vua nghe lời nầy cũng không hợp ý, lại hỏi Đại tướng Sách-ma:

- Như đêm nay trăng sáng, ta nên làm gì?

Sách-ma tâu:

- Thầy Tiên-tất Lư-trì ở gần đây, biết rành các toán thuật, có thể đến đó hỏi ý kiến.

Vua nghe lời này cũng không hợp ý, lại hỏi đại thần Tối Thắng:

- Như nay, đêm rằm rất trong sáng, nên làm gì?

Tối Thắng thưa:

- Nay có thầy Ni-kiền Tử đọc nhiều các kinh sách, bậc tối thương trong các thầy, cúi xin đại vương đến hỏi nghĩa này.

Vua nghe lời nầy cũng không hợp ý, lại nghĩ như vầy : 'Những người này đều ngu muội, không phân biệt chơn ngụy, không có phương tiện'.

Bấy giờ, Vương tử Kỳ-bà-già đứng hầu bên trái nhà vua. Vua quay nhìn Kỳ- bà-già hỏi:

- Như đêm nay rất trong sáng, nên làm gì?

Kỳ-bà-già bèn đến trước quỳ tâu vua:

- Hôm nay đức Như Lai ở gần đây, đang ngụ trong vườn của thần, cùng với một ngàn hai trăn năm mươi đệ tử, cúi xin đại vương đến hỏi nghĩa này. Bởi vì đức Như Lai là bậc sáng suốt, không có gì không thông suốt, biết việc trong ba đời, thảy đều thấu rõ, tự Ngài sẽ nói việc này với Đại vương những điều nghi ngờ của Đại vương sẽ sáng tỏ, tự nhận ra.

Khi ấy, vua A-xà-thế nghe lời Kỳ-bà-già nói xong, vui mừng hớn hở thiện tâm phát sanh, liền khen Kỳ-bà-già rằng:

- Lành thay, lành thay! Vương tử nói lời ấy rất đáng ưa. Vì sao? Nay thân tâm ta rất nóng bức, vì vô cớ giết phụ vương. Lâu nay ta thường suy nghĩ:

'Có ai hiểu được tâm ý ta?'. Nay những điều khanh vừa nói, chính là trúng ý ta. Rất lạ, rất kỳ! Nghe đến tên Như Lai, ta đột nhiên đại ngộ.

Khi đó vua hướng về Kỳ-bà-già nói kệ:

Đêm nay rất trong sáng
Tâm ý không được ngộ
Các Ông mỗi người nói
Nên đến hỏi nghĩa ai
Bất lan, A-di-chuyên
Đệ tử Ni-kiền Phạm
Không nương những thầy ấy
Không thể tế độ ta
Đêm nay rất trong sáng
Trăng tròn không tỳ vết
Nay hỏi Kỳ-bà-già
Nên đến hỏi nghĩa ai?
Khi ấy, Kỳ-bà-già lại dùng kệ đáp vua:
Nghe âm thanh nhu nhuyến,
Được thấu tất cả Ma-kiệt
Xin đúng thời đến Phật
Chỗ vĩnh viễn không sợ
Vua lại dùng kệ nói:
Việc làm xưa của Ta
Với Phật không lợi ích

Hại Phật tử của Ngài,
Tên là Tần-ba-sa
Nay rất là hổ thẹn
Không dám gặp Thế tôn,
Vì sao nay Ông bảo
Khiến ta đến gặp Ngài.
Kỳ-bà-già lại dùng kệ đáp nhà vua:

Chư Phật không bỉ thử
Các kết đã trừ hết
Tâm bình đẳng không hai
Đấy là nghĩa Phật pháp
Nếu dùng hương chiên-đàn
Để thoa tay bên mặt
Cầm dao chặt tay trái
Tâm không khởi tăng giảm
Như thương con La-vân
Một hơi thở không hai
Tâm ấy đối Đề-bà
Oán, thân không có khác
Cúi xin Đại vương đi
Đến gặp đức Như Lai
Sẽ đứt mối nghi ngờ
Không có gì trở ngại.
Khi ấy, vua A-xà-thế bảo vương tử Kỳ-bà-già:

- Ông mau trang nghiêm năm trăm voi đực, năm trăm voi cái, đốt năm trăm cây đèn.

Kỳ-bà-già thưa:

- Thưa vâng, Đại vương

Vương tử Kỳ-bà-già lập tức trang nghiêm một ngàn con voi và đốt năm trăm cây đèn, đến tâu với vua:

- Xa giá đã xong, Đại vương biết đúng thời.

Bấy giờ, vua A-xà-thế đem các quần thần đến vườn xoài, giữa đường, nhà vua bỗng ôm lòng kinh sợ, lông áo đều dựng đứng, vua quay nhìn Kỳ-bà- già, và nói:

- Nay ta không bị Ông gạt chăng? Ông không đưa ta đến chỗ oan gia chứ?

Kỳ-bà-già tâu:

- Thật không có chuyện ấy. Cúi xin Đại vương đi tới chút nữa, Như Lai cách đây không xa.

Nhà vua ý cũng còn kinh sợ, lại bảo Kỳ-bà-già:

- Chẳng lẽ ta bị người gạt? Đã nghe nói Như Lai có đem theo một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử, mà nay không nghe tiếng động gì?

Kỳ-bà-già thưa:

- Đệ tử của Phật thường nhập định, không có loạn tưởng. Đại vương hãy đi thêm chút nữa.

Khi ấy, vua A-xà-thế liền xuống xe, đi bộ vào cửa, đến trước giảng đường đứng im lặng quan sát Thánh chúng, rồi quay lại hỏi Kỳ-bà-già:

- Đức Như Lai hiện giờ ở chỗ nào?

Bấy giờ tất cả Thánh chúng đều nhập Hoa quang tam-muội, chiếu sáng cả giảng đường không chỗ nào không khắp. Kỳ-bà-già, đưa tay mặt chỉ về đức Phật nói:

- Đây là Như Lai ngồi tại chính giữa, như mặt trời vẹt mây.

Vua A-xà-thế bảo Kỳ-bà-già

- Thật kỳ lạ! Thật đặc biệt! Nay Thánh chúng này tâm định như thế, lại do nhân duyên gì có ánh sáng này?

Kỳ-bà-già tâu:

- Do sức tam-muội phóng lên ánh sáng

Vua lại bảo:

Như nay ta quan sát Thánh chúng rất là yên lặng, mong cho thái tử Ưu-đà-da của ta cũng được yên lặng vô vi như thế.

Vua A-xà-thế chắp tay, tự xưng nói:

- Cúi xin Thế Tôn cho con được gặp.

Đức Phật bảo:

- Đại vương hãy đến đây.

Vua nghe tiếng của Như Lai, lòng rất vui mừng. Đức Phật thấy nhà vua bèn gọi vương hiệu. Khi đó, vua A-xà-thế liền đến chỗ Phật, năm vóc gieo sát đất, đưa hai tay chạm chân Phật và tự nói:

- Cúi xin Thế Tôn rũ lòng từ mẫn nhận sự hối quá của con. Phụ vương vô tội mà đem giết hại. Cúi xin nhận lòng ăn năn, sau không tái phạm, tự sửa đổi lỗi trước, sửa tâm về sau.

Đức Phật bảo:

- Nay chính phải thời, đúng lúc cải hối, đừng để mất cơ hội. Người đời có lỗi tự mình sửa đổi, đó gọi là thượng nhơn. Ở trong pháp Ta rất là quảng đại, đúng thời sám hối.

Khi ấy, nhà vua lễ chân Phật xong, lui ngồi một bên. Vua bạch Phật:

Con có một việc muốn hỏi, Thế Tôn cho phép mới dám hỏi.

Phật bảo:

- Có nghi nan, hợp thời cứ hỏi.

Vua bạch Phật:

- Đời này tạo phước, được thọ báo hiện đời chăng?

Phật bảo nhả vua:

- Từ xưa đến nay, Đại vương từng đem điều này hỏi người nào chăng?

Vua bạch Phật:

- Xưa con từng đem điều này hỏi những người khác. Con cũng từng hỏi thầy Bất-lan Ca-diếp: 'Thế nào, thưa thầy Bất-lan Ca-diếp, đời này làm phước được thọ báo hiện đời chăng?'. Bất lan Ca-diếp đáp rằng: 'Không phước, không bố thí, không có quả báo thiện ác đời này đời sau,. Đời không có những người thành tựu quả A-la-hán'. Đang khi con hỏi về sự thọ nhận quả báo, thầy ấy trả lời không. Ví như có người hỏi dưa, đem mận đáp, nay thầy Ca-diếp này cũng như vậy. Khi ấy, con suy nghĩ: 'Thầy Phạm chí nầy không giải được nghĩa của bậc hào tộc dòng vua chúa hỏi. Người nầy tìm cách dẫn giải chuyện khác để trả lời'. Thưa Thế Tôn, con muốn chặt đầu thầy ấy, liền không chấp nhận lời nói ấy mà bỏ đi.

Khi ấy, con lại đến chỗ Phạm chí A-di-chuyên mà hỏi nghĩa này, A-di- chuyên đáp:'Nếu ở bờ sông bên trái giết hại chúng sanh, tạo tội vô lượng,

cũng không có tội, cũng không có quả ác'. Thế Tôn! Lúc ấy con lại nghĩ: 'Ta hỏi về nghĩa thọ báo hiện đời, người này đem chuyện sát hại trả lời ta, cũng người hỏi lê dùng nghĩa mận đáp'. Con liền bỏ đi.

Con lại đến chỗ Phạm chí Cù-da-lâu hỏi nghĩa này. Ông ấy đáp: 'Ở bờ sông bên mặt làm các công đức không thể tính kể, trong đó cũng không có quả báo lành'. Bấy giờ, con lại nghĩ: 'Nay điều ta hỏi rốt cuộc không trả lời về lý ấy'. Con lại bỏ đi.

Con lại đến chỗ Phạm chí Bỉ-hưu Ca-diên hỏi về nghĩa này. Ông ấy đáp: 'Chỉ có một người ra đời, một người sanh tử, một người qua lại chịu khổ vui ấy'. Khi ấy, con lại nghĩ: 'Nay ta hỏi về quả báo hiện đời, mà đem chuyện sanh tử đến đáp'. Con lại bỏ đi.

Con đến chỗ thầy Phạm chí Tiên-tỷ Lư-trì hỏi nghĩa này. Ông ấy đáp: 'Đời quá khứ đã diệt không tái sanh lại. Tương lai chưa đến cũng lại không có, hiện tại chẳng dừng trụ, dừng trụ tức biến đổi'. Khi ấy, con lại nghĩ: 'Nay ta hỏi về quả báo hiện đời, mà đem chuyện ba đời để đáp, đây không phải chánh lý'. Con liền bỏ đi.

Con đến chỗ Phạm chí Ni-kiền Tử hỏi nghĩa này: 'Thế nào, Ni-kiền Tử, đời này làm phước có được quả báo hiện đời chăng?' Ông ấy đáp: 'Không nhân duyên chúng sanh trói buộc, cũng không nhân, cũng không duyên chúng sanh thanh tịnh. Khi ấy con lại

nghĩ: 'Những Phạm chí này là ngu si, không phân biệt chơn ngụy, như người mù không mắt, không trả lời được nghĩa ta đã hỏi, như đùa cợt với dòng dõi vua Chuyển luân'. Con liền bỏ đi.

- Thế Tôn! Nay con xin hỏi về nghĩa ấy: Đời này tạo phước, hiện đời có thọ báo chăng? Cúi xin Thế Tôn giảng rộng nghĩa nầy.

Bấy giờ, đức Phật bảo:

- Đại vương! Nay Ta hỏi nghĩa Đại vương, tùy theo chỗ ưu thích mà trả lời. Đại vương có đem sách vở, rượu ngon, nhà cửa và quan chức để ban thưởng cho kẻ tôi tớ hầu cận chăng?

Vua bạch Phật:

- Thưa có.

Phật bảo:

- Nếu như người tôi tớ ấy làm việc nhọc nhằn qua thời gian lâu, lại có ban thưởng cho họ chăng?

Vua bạch Phật:

- Tùy theo công lao, ban cấp cho đồ vật dùng, không để có sự oán trách.

Phật bảo nhà vua:

- Do phương tiện này mà biết rằng đời này làm phước được thọ báo hiện tại. Thế nào Đại vương, người đó ở địa vị cao, lại chu đáo với dân, lễ độ, có ban thưởng chăng?

Vua thưa:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Cho ăn chung món ngon với con, không để cho oán giận.

Phật bảo nhà vua:

- Do phương tiện này nên biết xưa kia xuất thân rất thấp, dần dần có nhiều công lao, đồng hưởng thú vui với vua; do điều này nên hiện đời làm phước, được thọ báo hiện đời.

Phật bảo nhà vua:

- Người có công lao ấy, trải qua nhiều năm đến tâu với vua rằng: 'Hạ thần đã lập công lao, bệ hạ biết rõ'. Người ấy muốn xin Đại vương được toại nguyện, Đại vương có cho phép chăng?

Vua bạch Phật:

- Tùy theo sở nguyện của người ấy, không trái.

Phật bảo:

- Người có công lao ấy muốn được từ tạ Đại vương, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, xuất gia học đạo, tu hành thanh tịnh, vua có cho phép không?

Vua bạch Phật:

- Thưa vâng, cho phép.

Phật bảo vua:

- Giả sử nhà vua thấy người ấy cạo bỏ râu tóc, xuất gia học đạo ở bên cạnh Ta, nhà vua sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

- Con sẽ giúp đỡ, cúng dường, tùy thời lễ bái.

Phật bảo:

- Do phương tiện này nên biết, hiện đời làm phước thọ hiện báo. Giả sử người có công lao ấy trì giới trọn vẹn, không trái phạm, nhà vua sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

- Suốt đời cung cấp y phục, mền nệm, thức ăn uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh không để thiếu thốn.

Phật bảo nhà vua:

- Do phương tiện này nên biết thân hiện đời làm phước được thọ báo hiện tại. Giả sử người ấy đã làm Sa-môn, dứt hết hữu lậu, thành tựu vô lậu tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, tự thân chứng đạo và tự du hóa, sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã xong, không còn thọ thân sau, biết một cách như thật. Vua sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

- Con sẽ suốt đời phụng sự cúng dường y phục, mền nệm, thức ăn uống, giường nằm, tọa cụ, thuốc men trị bệnh, không để thiếu.

Phật bảo:

- Do phương tiện này nên biết đời này làm phước được thọ hiện báo. Giả sử người ấy hết tuổi thọ, nơi cảnh giới Vô dư Niết bàn mà diệt độ. Vua sẽ làm gì?

Vua bạch Phật:

- Sẽ xây tháp lớn ở ngã tư đường, dùng hương hoa cúng dường, treo tràng phan bảo cái, phụng sự kính lễ. Vì sao? Người ấy là thân Trời không phải thân Người.

Phật bảo nhà vua:

- Do phương tiện này nên biết đời này làm phước được thọ hiện báo.

Vua bạch Phật:

- Nay con do những ví dụ ấy được hiểu rõ. Hôm nay Thế Tôn nói lại nghĩa ấy. Từ nay về sau con xin tin thọ nghĩa ấy. Cúi xin Thế Tôn nhận con làm đệ tử, tự quy y Phật, Pháp, Tỳ-kheo, Tăng. Nay con lại sám hối đã như kẻ ngu si, phụ vương không có lỗi mà đem sát hại. Nay đem thân mạng tự quy . Cúi xin Thế Tôn trừ tội lỗi ấy, diễn nói diệu pháp,

được an ổn lâu dài. Như con tự biết đã làm tội báo, không có căn lành.

Phật bảo nhà vua:

- Trên đời có hai hạng người không tội, khi mệnh chung được sanh lên trời như trong khoảng duỗi cánh tay. Thế nào là hai? Một là người không tạo gốc mà tu thiện; hai là người tạo tội mà cải hối việc đã làm. Đó là hai hạng người khi chết sanh lên trời không trở ngại.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Người làm hạnh rất ác,
Hối lỗi chuyển sang nhẹ
Luôn hối không lười nghỉ
Gốc tội đã nhổ sạch.
Cho nên, này Đại vương, nên dùng pháp trị dân, chớ dùng phi pháp trị hóa, khi thân hoại mang chung sẽ được sanh lên cõi lành. Người ấy đã mạng chung mà danh tiếng đồn khắp mọi nơi, lan cả bốn phương. Người đời sau ca tụng rằng: 'Xưa kia có vị vua dùng Chánh pháp trị hóa, không có cong vạy'. Mọi người đều truyền tụng xưng tán nơi vị vua ấy sanh ra. Nhà vua sẽ tăng tuổi thọ, không chết yểu. Cho nên, này Đại vương, nên phát tâm hoan hỷ hướng về ngôi báu Phật, Pháp, Thánh chúng. Như thế, Đại vương, nên học điều này!

Bấy giờ, vua A-xà-thế liền từ chỗ ngồi đứng dạy, cúi đầu lễ chân Phật, cáo từ lui ra. Vua đi không xa, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay vua A-xà-thế, nếu không giết phụ vương, sẽ được chứng sơ quả của bậc Sa-môn, đứng vào hàng bốn đôi tám bậc. Cũng được Tám đạo phẩm Hiền Thánh, trừ bỏ tám ái, vượt qua tám nạn. Tuy vậy, ngày nay cũng được hạnh phúc lớn, được lòng tin vô căn. Thế nên Tỳ-kheo, người làm tội, nên tìm phương tiện thành tựu lòng tin vô căn. Trong hàng đệ tử Ưu-bà-tắc của Ta, người được lòng tin vô căn là A-xà-thế vậy.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại Xá vệ, rừng Kỳ đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ở đời có tám việc, chúng sanh xoay chuyển theo đó. Thế nào là tám? Một là lợi, hai là suy, ba là hủy, bốn là dự, năm là xưng, sáu là cơ, bảy là khổ, tám là lạc.

Như thế, này Tỳ-kheo, tám việc này tùy theo đời xoay chuyển. Này các Tỳ- kheo, nên tìm phương tiện trừ tám việc này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Như Lai xuất hiện ở thế gian, lại nơi thế giới này thành Phật đạo, song không đắm trước nơi tám việc của thế gian, mà còn điều phục nó. Cũng như hoa sen phát sanh từ bùn, rất là tươi đẹp thanh khiết không dính nước đục, là vật được chư Thiên yêu kính, thấy rồi tâm vui thích; Như Lai cũng lại như

thế, do bào thai sanh ra, trong ấy trưởng dưỡng được thành thân Phật. Cũng như ngọc lưu ly, trân bảo tịnh thủy, không bị bụi trần làm nhiễm; Như Lai cũng lại như thế, cũng sanh nơi thế gian không bị tám việc của thế gian làm nhiễm trước.

Cho nên, các Tỳ-kheo nên siêng năng tấn tu hành tám pháp. Như thế, này các Tỳ-kheo nên học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ- kheo nghe lời Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có tám hạng người lưu chuyển trong sanh tử mà không trụ sanh tử. Thế nào là tám? Hạng người hướng về Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn, hướng Tư- đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng A-la-hán, đắc A-la-hán.

Các Tỳ kheo! Đó là tám hạng người lưu chuyển trong sanh tử mà không trụ sanh tử.

Cho nên, các Tỳ-kheo nên tìm phương tiện vượt qua nạn sanh tử, chớ trụ trong sanh tử. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ kheo nghe lời Phật dạy xong, vui vẻ vâng lời làm.

Mã huyết, trai, Nan-đà
Đề-bà-đạt, thuyền bè
Chăn bò, tín vô căn
Thế pháp, thiện tám người.
---o0o---

XXXIV. Phẩm Chín nơi cư trú của chúng sanh 1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có chín nơi cư trú của chúng sanh, là chỗ chúng sanh ở. Thế nào là chín? Hoặc có chúng sanh, bao nhiêu thân bấy nhiêu tư tưởng. Đó là cõi Trời và cõi Người.

Hoặc có chúng sanh bao nhiêu thân một tư tưởng. Đó là cõi trời Phạm-ca-di, xuất hiện trước nhất.

Hoặc có chúng sanh một thân bao nhiêu tư tưởng. Đó là cõi trời Quang Âm.

Hoặc có chúng sanh một thân một tư tưởng. Đó là cõi trời Biến Tịnh.

Hoặc có chúng sanh vô lượng hư không. Đó là cõi trời Không xứ.

Hoặc có chúng sanh vô lượng thức. Đó là cõi trời Thức xứ.

Hoặc có chúng sanh không dùng xứ. Đó là cõi trời Bất dụng xứ.

Hoặc có chúng sanh có tưởng, không tưởng. Đó là cõi trời Hữu tưởng vô tưởng.

Các nơi sanh ra có chín tên. Các Tỳ-kheo, đó là chín chỗ cư trú của chúng sanh, các loài chúng sanh đã ở, sẽ ở. Cho nên, các Tỳ-kheo! Nên tìm phương tiện xa lìa chín nơi này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy xong liền vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta sẽ nói về chín đức của nguyện bố thí, các Thầy khéo suy nghĩ đó, Ta sẽ diễn bày nghĩa ấy.

Khi ấy các Tỳ-kheo vâng lãnh lời Phật dạy, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào là chín đức của nguyện bố thí? Tỳ-kheo nên biết, đàn việt cúng thí thành tựu ba pháp, vật được thí cũng thành tựu ba pháp, người nhận vật thí cũng thành tựu ba pháp.

Thế nào là thí chủ đàn việt thành tựu ba pháp? Ở đây, thí chủ đàn-việt được thành tựu lòng tin, thành tựu thệ nguyện, cũng không sát sanh. Đó gọi là thí chủ đàn-việt thành tựu ba pháp.

Thế nào là vật được thí thành tựu ba pháp? Ở đây, vật thí thành tựu sắc, thành tựu hương, thành tựu vị. Đó là vật thí thành tựu ba pháp.

Thế nào là người nhận thí thành tựu ba pháp? Ở đây, người được thí thành tựu giới, thành tựu trí tuệ, thành tựu chánh định. Đó là người nhận thí thành tựu ba pháp.

Như thế, bố thí thành tựu chín pháp này, được quả báo lớn, đến chỗ cam lồ, diệt tận. Phàm thí chủ muốn cầu được phước ấy thì nên tìm phương tiện thành tựu chín pháp. Như thế, các Tỳ-kheo nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có sự việc gọi là thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Là sắc mặt cứng cỏi, không hạ mình, tâm tham, bỏn sẻn, tâm niệm không xả ly, chóng quên, lười suy nghĩ, che giấu việc dâm, không biết đền ơn. Đó là chín pháp. Này Tỳ-kheo! Đó gọi là thành tựu chín pháp này.

Tỳ-kheo ác cũng thành tựu chín pháp. Thế nào là chín? Ở đây, Tỳ-kheo ác sắc mặt cứng cỏi, không hạ mình, tâm tham, bỏn sẻn, chóng quên, lười suy

nghĩ, che giấu việc dâm, không biết đền ơn, tâm niệm không xả ly. Đó là chín pháp.

Thế nào là Tỳ-kheo ác sắc mặt cứng cỏi? Ở đây, Tỳ-kheo ác tìm cầu điều không nên tìm cầu, trái với hạnh Sa-môn. Tỳ-kheo như thế gọi là sắc mặt cứng cỏi.

Thế nào là Tỳ-kheo ác chịu nhục? Ở đây, Tỳ-kheo ác ở nơi các Tỳ-kheo hiền thiện mà tự khen mình, hủy báng người khác. Tỳ-kheo như thế gọi là chịu nhục.

Thế nào là Tỳ-kheo sanh tâm tham? Ở đây, Tỳ-kheo ác, thấy tài vật của người khác đều sanh tâm tham. Đây gọi là tham.

Thế nào là Tỳ-kheo bỏn sẻn? Ở đây, Tỳ-kheo ác, được y bát không cho người dùng chung, thường tự cất giấu. Như thế gọi là bỏn sẻn.

Thế nào là Tỳ-kheo hay quên? Ở đây, Tỳ-kheo ác, phần lớn thường để rơi mất những lời diệu thiện, cũng chẳng suy nghĩ phương tiện tu, bàn luận chuyện quốc gia binh chiến. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác thành tựu sự chóng quên này.

Thế nào là Tỳ-kheo ác lười suy nghĩ? Ở đây, Tỳ-kheo ác đối với pháp cần suy nghĩ mà không suy nghĩ. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác ít suy nghĩ.

Thế nào gọi là Tỳ-kheo ác che giấu việc dâm? Ở đây, Tỳ-kheo ác có việc dâm mà che giấu, không nói với người: 'Nay tôi hành dâm chớ để người biết'. Như thế gọi là Tỳ-kheo ác che giấu việc dâm.

Thế nào là Tỳ-kheo ác không biết đền ơn? Ở đây, Tỳ-kheo ác không có tâm cung kính, không hầu hạ thầy và các bậc đáng tôn trọng. Như thế gọi là Tỳ- kheo ác không biết đền ơn.

Nếu Tỳ-kheo ác thành tựu chín pháp này, ghi nhớ không bỏ, thì trọn không thành đạo quả. Cho nên,này các Tỳ-kheo, đối với các pháp ác nhớ nên xa bỏ. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe xong lời Phật dạy, liền vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Chim khổng tước thành tựu chín pháp. Thế nào là chín ? Ở đây, chim khổng tước dáng dấp đoan chánh, tiếng kêu thanh tao, bước đi khoan thai, làm đúng thời, ăn uống vừa chừng, thường nhớ tri túc, niệm không phân tán, ít ngủ nghỉ, ít muốn, biết đền ơn. Này các Tỳ-kheo, đó là chim khổng tước thành tựu chín pháp này.

Tỳ-kheo hiền triết cũng thành tựu chín pháp. Thế nào la chín? Ở đây, Tỳ- kheo hiền thiện dung mạo đoan chánh, tiếng nói thanh tao, bước đi khoan thai, làm đúng thời, ăn uống chừng mực, thường nghĩ biết đủ, niệm không phân tán, ít ngủ, cũng lại ít muốn, biết đền ơn.

Thế nào là Tỳ-kheo hiền thiện, dung mạo đoan chánh? Nghĩa là Tỳ-kheo ấy những oai nghi ra vào, đi đứng, trọn không mất tư cách. Như thế là Tỳ-kheo hiền thiện, dung mạo đoan chánh.

Thế nào là Tỳ- kheo tiếng nói thanh tao? Ở đây, Tỳ-kheo phân biệt nghĩa lý, trọn không lầm đoạn. Như thế là Tỳ-kheo tiếng nói thanh tao.

Thế nào là Tỳ-kheo bước đi khoan thai? Ở đây, Tỳ-kheo biết thời hành động không mất thứ tự, lại biết có thể tụng biết tụng, có thể tập biết tập, có thể im lặng biết im lặng, có thể đứng dậy biết đứng dậy. Như thế là Tỳ-kheo biết thời tiết.

Thế nào là Tỳ-kheo làm đúng thời? Ở đây, Tỳ-kheo cần đi liền đi, cần dừng liền dừng, tùy thời nghe pháp. Như thế là Tỳ-kheo là đúng thời.

Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống vừa chừng? Ở đây, Tỳ-kheo được thức ăn dư, đem chia cho người cùng ăn, không tham tiếc. Như thế là Tỳ-kheo ăn uống vừa chừng.

Thế nào là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ? Ở đây, Tỳ-kheo vào đầu hôm tập tỉnh thức, tu tập Ba mươi bảy đạo phẩm không để rơi mất. Thường dùng cách đi kinh hành, nằm tỉnh giác để tịnh ý mình, lại vào giữa đêm suy nghĩ về pháp sâu

xa, đến cuối đêm thời nằm nghiêng hông bên mặt, hai chân duỗi thẳng xếp lên nhau, tư duy suy tưởng về ánh sáng, rồi đứng dậy kinh hành để tịnh ý mình. Như thế là Tỳ-kheo ít ngủ nghỉ.

Thế nào là Tỳ-kheo ít muốn, biết đền ơn? Ở đây, Tỳ-kheo hầu hạ phụng sự ba ngôi báu, kính vâng sư trưởng. Như thế là Tỳ-kheo ít muốn, biết đền ơn.

Như thế, Tỳ-kheo hiền thiện thành tựu chín pháp. Nay chín pháp này nên ghi nhớ vâng làm. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Người nữ thành tựu chín pháp ràng buộc người nam. Thế nào là chín? Là ca, múa, đàn, hát, cười, khóc, thường tìm cách thích hợp, tự dùng nhan sắc hình dung, huyễn thuật mê hoặc. Họ toan tính trong bao nhiêu việc ấy, chỉ thích ràng buộc người nam chặt chẽ; trăm lần ngàn lần không thể so sánh.

Nay Ta quán sát các việc như vậy, người nữ thích ràng buộc người nam chặt chẽ, không cho thoát khỏi là như thế. Theo đó, người nam bị ràng buộc trong lao ngục.

Cho nên, các Tỳ-kheo nên nhớ nghĩ trừ bỏ chín pháp này. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở trong vườn trúc Ưu-ca-la, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói diệu pháp cho các Thầy phần đầu, phần giữa, phần cuối đều lành, nghĩa lý sâu kín, thanh tịnh tu hành Phạm hạnh. Kinh này tên là 'Cội gốc của tất cả các Pháp'. Các thầy nên khéo suy nghĩ ghi nhớ.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy. Phật bảo:

- Thế nào gọi là 'Cội gốc của tất cả pháp ?'.

Ở đây, này các Tỳ-kheo, người phàm phu không gặp giáo lý Hiền Thánh, cũng không vâng giữ lời dạy của Như Lai, không gần gũi Thiện tri thức, không nghe lời dạy cuả Thiện tri thức.

Họ quán sát đất này, biết một cách như thật rằng: đây là đất, quán sát đất này như là đất thật; đây là nước; đây là lửa; đây là gió. Bốn thứ ấy hợp lại thành con người. Đây là sự vui thích của ngu. Trời tự biết là Trời, thích ở cõi trời. Trời Phạm thiên tự biết là Phạm thiên. Trời Đại phạm tự biết là Đại phạm. Không thể ra khỏi trời Quang Âm lại tự biết cho cõi trời Quang Âm đến. Trời Biến Tịnh tự biết là Biến Tịnh. Trời Quảng Quả tự biết là Quảng Quả không lầm lẫn. Trời A-tỳ-da-đà tự biết là trời A-tỳ-da-đà. Trời Không xứ tự biết là trời Không xứ. Trời Thức xứ tự biết là trời Thức xứ. Trời Bất tưởng vô tưởng xứ tư biết là trời Hữu tưởng vô tưởng xứ.

Thấy tự biết là thấy, nghe tự biết là nghe, muốn tự biết là muốn, trí tự biết là trí, một loại tự biết là một loại, bao nhiêu loại tư biết là bao nhiêu loại, thảy đều đầy đủ tự biết là thảy đều đầy đủ, Niết-bàn tự biết là Niết-bàn, tự vui thích trong đó. Vì sao? Vì chẳng

phải là lời nói của bậc Trí.

Nếu là đệ tử bậc Thánh thì đến gặp gỡ bậc Thánh, vâng thọ pháp của bậc Thánh, theo Thiện tri thức làm việc, thường gần gũi bậc Thiện tri thức; quan sát đất, thảy đều biết chỗ đến của nó rõ ràng, cũng không đắm trước nơi đất, không có tâm nhiễm ô; nước, lửa, gió cũng lại như thế. Trời, Người, Phạm Vương, Quang Âm, Biến Tịnh, Quảng Quả, trời A-tỳ-da-đà, Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, Hữu tưởng vô tưởng xứ đều thấy, nghe, nhớ biết; một

loại, bao nhiêu loại, cho đến đối với Niết-bàn cũng chẳng đắm trước Niết- bàn, không khởi tưởng Niết-bàn. Vì sao? Đều do khéo phân biệt, khéo quan sát.

Nếu Tỳ-kheo ấy là bậc A-la-hán lậu tận, việc làm đã xong, đã bỏ gánh nặng, cùng tận cội nguồn sanh tử, giải thoát bình đẳng thì người ấy có thể phân biệt đất đai, quán sát không khởi tưởng đắm trước về đất; Người, Trời, Phạm vương cho đến Hữu tưởng vô tưởng xứ, cũng lại như thế; cho đến đối với Niết-bàn không đắm trước Niết-bàn, không khởi tưởng Niết-bàn. Vì sao? Đều do trừ khử dâm, nộ, si mà được như thế.

Tỳ-kheo nên biết! Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác khéo hay phân biệt về đất, cũng không đắm trước nơi đất. Vì sao? Đều do diệt trừ lưới ái mà được vậy. Nhân hữu nên có sanh, nhân sanh nên có già, chết, thảy đều trừ hết. Cho nên Như Lai thành Vô Thượng Chánh Giác.

Khi Phật nói lời này, lúc ấy các Tỳ-kheo không nghe lời dạy nầy. Vì sao? Vì do ma Ba-tuần làm bế tắc tâm ý.

Kinh này tên 'Cội gốc của Tất cả Pháp'. Nay Ta nói đầy đủ như vậy. Điều cần tu hành của Chư Phật, nay Ta đã làm đầy đủ. Các thầy nên ghi nhớ, ở chỗ vắng, dưới cội cây, tâm ý đoan nghiêm tọa Thiền, tư duy nghĩa thâm diệu. Hôm nay không làm, sau hối hận vô ích. Đây là lời giáo của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi gnhe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Tỳ-kheo đau nặng đến nguy kịch, nằm một chỗ, đại tiểu tiện, không thể tự ngồi dậy, cũng chẳng có Tỳ-kheo nào đến thăm hỏi chăm sóc. Ngày đêm Thầy xưng danh hiệu Phật: 'Sao Thế Tôn chẳng thương xót ta?'

Khi ấy, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe Tỳ-kheo ấy kêu than, hướng về Như Lai. Thế Tôn bèn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta với các Thầy đi thăm các phòng liêu, xem xét chỗ ở.

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy, Thế Tôn bèn cùng các Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đi thăm qua các liêu phòng. Tỳ-kheo bệnh xa thấy Thế Tôn đến, liều muốn ngồi dậy mà không cử động nổi. Thế Tôn đến bên chỗ Tỳ-kheo ấy, bảo rằng:

- Thôi, thôi! Này Tỳ-kheo, đừng tự cử động. Ta tự có chỗ ngồi sẵn.

Khi ấy, Tỳ-sa-môn Thiên vương biết ý nghĩa của Như Lai, từ thế giới Dạ-mã ẩn, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đứng qua một bên.

Thích-đề-hoàn-nhân biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, từ cõi Phạm thiên ẩn, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui qua một bên.

Trời Tứ thiên vương biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, bèn đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui đứng một bên.

Khi ấy, Phật hỏi Tỳ-kheo bệnh:

- Hôm nay bệnh khổ của Thầy có thuyên giảm chăng?

Tỳ-kheo thưa:

- Bệnh khổ của đệ tử tăng chứ không giảm, rất ít được nhờ cậy.

Phật hỏi các Tỳ-kheo:

- Người khám bệnh hiện ở đâu? Người nào đến thăm bệnh?

Tỳ-kheo bạch Phật:

- Nay mắc phải bệnh này, không có ai trông nom.

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Trước kia, khi Thầy chưa bệnh, có đến thăm hỏi người bệnh chăng?

Tỳ-kheo bạch Phật:

- Không đến hỏi han các người bệnh.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Thầy không có lợi lành ở trong Chánh pháp. Vì sao? Vì không đến hỏi thăm bệnh. Nay Tỳ-kheo chớ lo sợ, Ta sẽ đích thân cung dưỡng cho Thầy, không để thiếu. Như hiện nay, Ta là người trong cõi Trời, cõi Người, riêng một mình không bạn bè, mà cũng có thể thăm hỏi tất cả người bệnh. Người không ai giúp đỡ, Ta vì họ làm người giúp đỡ. Với người mù Ta làm mắt cho họ, cứu giúp các người bệnh.

Khi ấy, Thế Tôn tự đổ đồ bất tịnh, lại trải tọa cụ cho người bệnh. Tỳ-sa-môn Thiên vương và Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

- Chúng con tự sẽ săn sóc thầy Tỳ-kheo bệnh nầy, xin Thế Tôn chớ nhọc sức.

Phật bảo các Thiên tử:

- Các Ông hãy ngừng. Như Lai tự biết thời. Như Ta tự nhớ lại, thuở xưa khi chưa thành Phật, tu hạnh Bồ-tát, vì hai con chim bồ câu nên bỏ mạng sống, huống gì ngày nay đã thành Phật, lại bỏ Tỳ-kheo nầy ư? Trọn không có việc ấy. Lại, trước đây Thích-đề-hoàn-nhân không thăm nom Tỳ-kheo bệnh này, Tỳ-sa-môn Thiên vương là vị chủ hộ thế gian cũng không đến thăm.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân và Tỳ-sa-môn Thên vương đều im lặng không trả lời. Bấy giờ, Thế Tôn cầm chổi quét dọn đất dơ, rồi sắp đặt tọa cụ, lại giặt giũ ba y, đỡ Tỳ-kheo bệnh bảo ngồi trong bồn nước sạch tắm rửa. Có các vị Trời ở trên lấy nước thơm rưới vào đó.

Khi ấy, Thế tôn tắm rửa cho Tỳ-kheo kia xong, đỡ lại giường, tự tay cho ăn. Thế Tôn thấy Tỳ-kheo ấy ăn xong, đem bát rửa và bảo Tỳ-kheo ấy:

- Nay Thầy nên bỏ bệnh khổ của ba đời. Vì sao? Tỳ-kheo nên biết, sanh có khổ ách trong thai, nhân sanh có già. Khi già, hình thể gầy yếu, khí lực kiệt. Nhân già có bệnh, khi bệnh nằm ngồi rên rỉ, bốn trăm lẻ bốn thứ bệnh đến

một lúc. Nhân bệnh có chết, khi chết thì hình hài, thần thức phân tán đi theo đường lành dữ. Nếu người nhiều tội sẽ vào địa ngục núi đao, cây kiếm, xe lửa, lò than, ăn nuốt nước đồng sôi. Hoặc người ấy làm súc sanh bị người sai khiến, ăn toàn rơm cỏ chịu khổ vô lượng. Lại không thể tính kể trong vô số kiếp người ấy làm thân ngạ quỷ, thân cao mười do-tuần, cổ nhỏ như cây kim, lại có nước đồng rót vào miệng. Trải qua vô số kiếp được làm thân người, người ấy bị đánh đập khảo tra không tính kể. Lại trong vô số kiếp được sanh lên trời, người ấy cũng trải qua ân ái hội họp, lại gặp ân ái biệt ly, tham muốn không chán đủ. Được đạo Hiền Thánh bấy giờ người ấy mới lìa khổ.

Nay có chín hạng người được lìa khổ hoạn. Thế nào là chín? Đó là người hướng A-la-hán, đắc A-la-hán; hướng A-na-hàm, đắc A-na-hàm; hướng Tư- đà-hàm, đắc Tư-đà-hàm; hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn; và chủng tánh Người là chín.

Thế nên, này Tỳ-kheo! Như Lai ra đời rất là khó gặp, thân người khó được, sanh trưởng vào trung tâm của nước cũng khó được, gặp bậc Thiện tri thức cũng lại như thế. Nghe nói pháp cũng không thể được. Các pháp cùng sanh với nhau, đúng thời mới có. Tỳ-kheo nên biết, ngày nay Như Lai hiện ở tại thế gian, được nghe Chánh pháp, các căn không thiếu, có thể kham nghe Chánh pháp kia. Hôm nay không siêng năng sau hối không kịp. Đây là lời dạy của Ta.

Bấy giờ, Tỳ-kheo bệnh ấy nghe Như lai dạy xong, được thấy tôn nhan, liền ngay tại chỗ ngồi được Tam minh, lậu tận ý giải. Phật bảo Tỳ-kheo:

- Thầy đã rõ được cội nguồn của bệnh chăng?

Tỳ-kheo bạch Phật:

- Con đã hiểu cội nguồn của bệnh, xa lìa sanh, lão, bệnh, tử này, đều là uy thần của Như Lai gia hộ, dùng Tứ đẳng tâm che chở cho tất cả, không lường, không gằn mé, không thể xưng kể. Thân, miệng, ý thanh tịnh.

Khi ấy, Thế Tôn nói pháp đầy đủ rồi, liền từ tòa đứng dậy đi ra.

Bấy giờ Thế Tôn bảo A-nan:

- Thầy mau đánh kiền chùy, để các vị Tỳ-kheo có mặt trong thành La-duyệt này cùng đến nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội.

A-nan vâng theo lời Phật, liền nhóm các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội, và đến trước Phật bạch:

- Các Tỳ-kheo đã nhóm họp, cúi xin Thế Tôn biết đúng thời.

Bấy giờ Thế Tôn đi đến giảng đường, lên tòa ngồi. Thế Tôn bảo các Tỳ- kheo:

- Các Thầy học đạo là vì sợ quốc vương, giặc cướp mà xuất gia chăng? Tỳ- kheo, hay là vì lòng tin vững chắc, tu Phạm hạnh vô thượng, muốn được xả bỏ sanh, lão, bệnh, tử, ưu bi, khổ não, cũng muốn xa lìa Mười hai nhân duyên?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Đúng vậy, thưa Thế Tôn.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy sở dĩ xuất gia đồng một Thầy, hòa hợp như nước sữa, mà không chăm nom lẫn nhau. Từ nay về sau nên lần lượt chăm sóc thăm nom nhau. Nếu Tỳ-kheo bệnh không có đệ tử, trong chúng nên cử người lần lượt làm khán bệnh. Vì sao? Ngoài việc này ra, không thấy có việc gì hơn phước của người chăm sóc bệnh. Người chăm sóc bệnh như chăm sóc Ta không khác.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Nếu có cúng dường Ta,
Và chư Phật quá khứ,
Phước đức cúng thí Ta,
Không khác chăm nom bệnh.
Bấy giờ, Thế Tôn dạy lời ấy xong, bảo A-nan:

- Từ nay về sau, các Tỳ-kheo mỗi mỗi chăm nom bệnh lẫn nhau. Nếu có Tỳ- kheo biết mà không làm thì các Thầy nên căn cứ theo luật. Đây là lời giáo giới của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có chín hạng người đáng kính, đáng quý, cúng dường những vị ấy được phước. Thế nào là chín? Đó là những vị hướng A-la-hán, đắc A-la-hán; hướng A-na-hàm, đắc

A-na-hàm; hướng Tư-đà-hàm, đắc Tu-đà-hàm, hướng Tu-đà-hoàn, đắc Tu-đà-hoàn, và hạnh chủng tánh Người là chín.

Này các Tỳ-kheo, đó là chín hạng người, cúng dường cho các vị ấy được phước trọn không mất.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Khi ấy, vương tử Mãn-hô đến chỗ Thế Tôn, đầu mặt lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Vương tử Mãn-hô bạch đức Phật:

-Con từng nghe Thầy Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc cùng bàn luận với Phạm chí Lư-ca-diên, nhưng Tỳ-kheo ấy không thể đối đáp. Con lại từng nghe trong hàng chúng đệ tử của Phật, người mà các căn ám độn, không có trí tuệ sáng, không ai hơn Tỳ-kheo này.

Trong hàng Ưu-bà-tắc tại gia của Thế Tôn, dòng họ Cồ-đàm trong thành Ca- tỳ-la-vệ các căn ám độn, tình ý bế tắc.

Đức Phật bảo Vương tử:

- Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc có sức thần túc, được pháp hơn người, không tập theo cách đàm luận thế gian. Lại, Vương tử nên biết, Tỳ-kheo này rất có diệu nghĩ.

Khi ấy, vương tử Mãn-hô bạch Phật:

- Tuy Phật nói như thế, song trong ý con vẫn còn sanh niệm này: Vì sao có đại thần lực mà không thể cùng luận nghi với ngoại đạo dị học kia? Nay con thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng, chỉ trừ một mình Châu-lợi-bàn-đặc.

Khi ấy, đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Vương tử thấy Thế Tôn đã nhận thỉnh rồi, bèn đứng dậy, cúi đầu lạy chân Phật, đi quanh về hướng tay mặt ba vòng rồi lui ra. Liền trong đêm ấy, vương tử sửa soạn các thức ăn uống ngon, trải tọa cụ tốt đẹp. Sáng sớm vương tử đến bạch Phật:

- Đã đến giờ, nay là đúng thời.

Bấy giờ, Thế Tôn đưa bát cho Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc giữ ở lại sau, Ngài dắt chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau đi vào thành La-duyệt, đến chỗ của vương tử, theo thứ lớp an tọa. Bấy giờ, vương tử bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn trao bát cho con.

Hôm nay con muốn tự dâng thức ăn cho Thế Tôn.

Phật bảo vương tử:

- Bát ở tại chỗ của Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, không mang đến đây.

Vương tử bạch Phật:

- Xin thế Tôn bảo một vị Tỳ-kheo về mang bát đến đây.

Phật bảo vương tử:

- Nay Ông hãy tự đi lấy bát Như Lai đến đây.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc hóa làm năm trăm cội cây, dưới mỗi cội cây đều có Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc ngồi. Vương tử nghe lời Phật dạy, đi

về lấy bát, xa thấy dưới năm trăm cội cây đều có Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc ngồi Thiền, buộc niệm ở phía trước không tán loạn. Thấy rồi, vương tử liền nghĩ: 'Người nào là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc?' Vương tử Mãn-hô bèn trở lại chỗ Thế Tôn bạch rằng:

- Con đến vườn ấy, đều thấy toàn là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, không biết người nào là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc. Phật bảo vương tử:

- Ông trở lại bên đó, đến ngay chỗ người ngồi chính giữa vườn khảy móng tay nói rằng: 'Đây thật là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, xin mời đứng lên'.

Vương tử Mãn-hô nghe lời Phật dạy, lại đi vào vườn, đến chỗ người ngồi giữa nói:

- Đây thật là Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, xin mời đứng lên.

Vương tử nói lời ấy xong, năm trăm Tỳ-kheo hóa hiện kia tự nhiên biến mất, chỉ còn lại một Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc. Khi ấy, vương tử Mãn-hô cùng Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui qua một bên.

Vương tử Mãn-hô bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn, nay con tự hối hận, trách mình không tin lời dạy của Như Lai. Vị Tỳ-kheo này có thần túc oai lực rất lớn.

Phật bảo vương tử:

- Cho phép Ông sám hối, Như Lai nói ra không hai lời. Lại ở thế gian này có chín hạng người đối xử qua lại. Thế nào là chín? Một là biết trước nhơn tình, hai là nghe rồi mới biết, ba là xem tướng rồi sau mới biết, bốn là quan sát nghĩa lý rồi sau mới biết, năm là biết vị rồi sau mới biết, bảy là không biết nghĩa không biết vị, tám là học hỏi nơi sức thần túc tư duy, chín là hiểu nghĩa rất ít. Này Vương tử, đó là chín hạng người xuất hiện ở đời. Như thế, này Vương tử, người xem tướng kia trong tám hạng người bậc nhất, không lầm lỗi.

Nay Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc này học tập về thần túc, không học các pháp khác. Tỳ-kheo này thường dùng thần túc thuyết pháp cho người, còn Tỳ- kheo A-nan của Ta xem tướng liền biết, đoán biết nhơn tình, biết Như Lai

cần điều này, không cần điều này, cũng biết Như Lai cần nói việc này, lìa việc này, thảy đều rõ ràng. Hiện nay không ai hơn Tỳ-kheo A-nan, đọc rộng các kinh nghĩa, thảy đều khắp hết.

Lại, Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc này có thể hóa hiện một thân hình làm bao nhiêu thân hình, lại trở về hiệp làm một mình. Tỳ-kheo ấy ngày sau sẽ ở trong hư không mà diệt độ. Ta lại không thấy người nào diệt độ có thể so sánh như Tỳ-kheo A-nan và Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Khi ấy, Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta, có thể biến hóa thân hình ra lớn, ra nhỏ, không ai có thể so sánh với Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc.

Khi ấy vương tử Mãn-hô, tự tay mang thức ăn, nước uống cúng dường chúng Tăng; rửa bát xong, ngồi bên ghế nhỏ phía trước đức Phật, chắp tay bạch Phật:

-Cúi xin Thế Tôn, cho phép Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc thường đến nhà con, tùy theo chỗ cần dùng theo y phục, mền nệm, các vật linh tinh của Sa-môn, đều đến nhà con lấy. Con sẽ cung cấp những vật cần thiết suốt đời.

Phật bảo vương tử:

- Nay vương tử nên hướng về phía Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc sám hối, đích thân mời thỉnh. Vì sao? Người không có trí muốn biết người trí, việc này khó làm. Còn người trí biết được người trí, có thể được.

Khi ấy, vương tử Mãn-hô liền hướng về Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc, đảnh lễ xưng tên họ, xin sám hối:

- Bạch Tỳ-kheo đại thần túc, con sanh tâm khinh mạn, từ nay về sau không dám tái phạm. Cúi xin nhận sự sám hối của con, không dám phạm lại.

Tỳ-kheo Châu-lợi-bàn-đặc đáp:

- Cho phép Ông hối lỗi, sau chớ phạm lại, Cũng chớ phỉ báng Hiền Thánh. Vương tử nên biết, nếu có chúng sanh phỉ báng Thánh nhơn thì sẽ phải đọa ba đường ác, sanh trong địa mgục. Như thế, Vương tử nên học theo điều này.

Bấy giờ, Phật thuyết pháp rất vi diệu cho Vương tử Mãn-hô, khuyến khích cho phát sanh hoan hỷ, liền tại chỗ ngồi, nói lời chú nguyện này:

Tế tự, lửa trên hết,
Sách kinh, tụng trên hết,
Cõi người, vua trên hết,
Các dòng, biển là trên,
Các sao, trăng trước nhất,
Ánh sáng, trời bậc nhất,
Trên dưới và bốn phương,
Những loài có hình tướng,
Trời và Người trong đời,
Phật là bậc tối tôn,
Người muốn cầu phước báu,

Cúng dường Phật ba đời.
Bấy giờ, Phật nói kệ này rồi, liền rời tòa đứng dậy. Khi ấy, vương tử Mãn-hô nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thiện tri thức, tức là người có phạm hạnh phân nửa, sẽ hướng dẫn đường lành đến vô vi.

Phật bảo A-nan:

- Chớ nói lời như thế. Nói rằng: 'Bậc Thiện tri thức là người Phạm hạnh phân nửa'. Vì sao? Phàm là bậc Thiện tri thức, tức là người Phạm hạnh trọn vẹn mới dẫn dắt chỉ bảo cho người theo mình con đường lành. Ta cũng do Thiện tri thức mà thành Vô Thượng Chánh Chơn Đẳng Chánh Giác. Do thành đạo quả, nên độ thoát chúng sanh không thể tính kể, thảy đều khỏi được sanh, lão, bệnh, tử. Do phương tiện này, nên biết bậc Thiện tri thức là người Phạm hạnh trọn vẹn.

Lại nữa, A-nan, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn, kính vâng theo Thiện tri thức thì lòng tin được tăng nhiều, văn, thí, tọa, đức, thảy đều đầy đủ. Thí như trăng càng tròn, ánh sáng càng tăng hơn ngày thường gấp bội. Đây cũng lại như vậy, nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn gần gũi Thiện tri thức, thì lòng tin, chỗ học hỏi, sự ghi nhớ, trí tuệ của người ấy thảy đều tăng lên. Do phương tiện nên biết bậc Thiện tri thức là người Phạm hạnh trọn vẹn.

Nếu ngày xưa Ta không kính vâng theo Thiện tri thức thì trọn vẹn sẽ không được Phật Đăng Quang thọ Ký. Do đã kính vâng bậc Thiện tri thức, nên Ta được Phật Đăng Quang thọ ký. Do phương tiện này nên biết, bậc Thiện tri thức là người Phạm hạnh trọn vẹn.

Này A-nan, nếu thế gian không có bậc Thiện tri thức thì sẽ không có thứ tự tôn ti về phụ mẫu, sư trưởng, huynh đệ, tông thân, ắt sẽ giống như loài heo chó, tạo các duyên ác, gieo trồng tội duyên trong địa ngục. Có Thiện tri thức nên phân biệt có cha mẹ, sư trưởng, huynh đệ, tông thân.

Lúc ấy, Thế Tôn bèn nói kệ:

Thiện tri thức chẳng ác,
Vì pháp, không vì ăn,
Dắt dẫn nơi đường lành,
Đích thân bậc Tôn nói.
Cho nên, này A-nan, chớ lại nói lời: 'Bậc Thiện tri thức là người Phạm hạnh phân nửa'.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

11. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở lại tại thành La-duyệt, trong núi Kỳ-xà-quật cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Lúc ấy, Thích-đề-hoàn-nhân từ cõi trời Ba mươi ba ẩn, bay đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên và bạch Phật:

- Loài Người và Trời có những tưởng niệm gì? Ý mong muốn điều gì?.

Phật bảo:

- Thế gian trôi giạt, tánh ý không giống nhau, con đường của mỗi loài mỗi khác, tưởng niệm chẳng phải một. Thiên đế nên biết, khi xưa, trải qua bao số A-tăng-kỳ kiếp, Ta cũng sanh ý nghĩ này: 'Loài Trời và chúng sanh ý niệm thú hướng việc gì? Cầu nguyện điều gì?' Từ kiếp đó đến ngày nay, Ta không thấy có một người âm cùng giống nhau. Thích-đề-hoàn-nhân nên biết, chúng sanh ở thế gian khởi tưởng điên đảo. Vô thường thì khởi tưởng là thường, vô lạc thì khởi tưởng là lạc, vô ngã thì khởi tưởng là hữu ngã, bất tịnh thì tưởng là tịnh, đường chánh tưởng là đường tà, điều ác tưởng là điều phước, điều phước tưởng là điều ác.

Do phương tiện này nên biết, các loài chúng sanh, căn tánh của chúng khó lường, tánh hạnh mỗi mỗi khác nhau. Nếu khiến chúng sanh hết thảy đồng một tư tưởng, không có nhiều tư tưởng, ắt không thể biết chín nơi cư trú của chúng sanh, cũng khó phân biệt chín nơi cư trú của chúng sanh. Nơi dừng trụ của thần thức cũng khó hiểu biết rõ, cũng lại không biết có tám đại địa ngục, đường dẫn đến súc sanh cũng khó biết, không phân biệt có địa ngục khổ, không biết sự hòa quý của bốn dòng họ, không biết con đường dẫn đến A-tu-la, cũng không biết cõi trời Ba mươi ba, nếu như hết thảy đồng một tâm. Nên biết cõi trời Quang Âm là do chúng sanh có bao nhiêu loài, tưởng niệm cũng bấy nhiêu thứ.

Cho nên biết có chín nơi cư trú của chúng sanh, có chín nơi thần thức dừng trụ; biết có tám đại địa ngục, ba ác đạo, cho đến cõi trời Ba mươi ba cũng lại như thế. Do phương tiện này biết các loại chúng sanh, căn tánh của họ không đồng nhau, việc làm mỗi người cũng khác.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân bạch Phật:

- Lời nói của Như Lai rất là kỳ diệu. Căn tánh của chúng sanh, hành động không giống nhau, tưởng niệm mỗi khác. Do chúng sanh kia hành động không giống nhau, cho đến xanh, vàng, trắng, đen, dài, ngắn không đồng.

Bạch Thế Tôn, chư Thiên nhiều việc, con muốn trở về cõi Trời.

Phật bảo Thích-đề-hoàn-nhân:

- Nên biết đúng thời.

Thích-đề-hoàn-nhân liền từ tòa đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, lui ra.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Chín nơi, thí, khổng tước,
Hệ phước, cội gốc pháp,
Bệnh, cúng dường, Bàn-đặc,
Phạm hạnh, bao nhiêu tưởng.
---o0o---

XXXXV. Phẩm Mã vương

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà cùng chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, trong thành có Bà-la-môn tên Ma-ê-đề-lợi, biết rành rẽ các kinh ngoại đạo, thiên văn địa thuật thảy đều thông suốt, tất cả các pháp cư xử giao thiệp trên thế gian thảy đều rõ thấu. Con gái của Bà-la-môn tên Ý Ái, rất thông minh, dung mạo đoan chánh, ít có trên đời.

Khi ấy, Bà-la-môn bèn khởi nghĩ rằng: 'Kinh điển Bà-la-môn có nói, có hai hạng người ra đời rất khó gặp. Thế nào là hai hạng người? Đó là bậc Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác và Chuyển luân Thánh vương. Nếu khi Chuyển luân Thánh vương xuất hiện, bèn có thất bảo tự nhiên hưởng ứng. Nay ta có con gái quý, nhan sắc tuyệt diệu, bậc nhất trong các ngọc nữ. Như nay không có Chuyển luân Thánh vương, ta lại nghe có bậc vương tử Chân Tịnh tên là Tất-đạt, xuất gia học đạo, có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Người ấy nếu ở nhà sẽ là bậc Chuyển luân Thánh vương, nếu xuất gia học đạo liền thành Phật đạo. Nay ta có thể đem con gái ta cho Sa-môn ấy'.

Khi ấy, Bà-la-môn bèn dẫn con gái đến trước chỗ Phật, thưa rằng:

- Cúi xin Sa-môn nhận ngọc nữ này.

Phật bảo Bà-la-môn:

- Thôi, thôi, Phạm chí! Ta không cần người đắm trước dục vọng này.

Bà-la-môn ba phen bạch Phật:

- Sa-môn! Hãy nhận ngọc nữ này, so sánh trên đời, nàng này không bằng.

Phật bảo:

- Phạm chí! Ta đã hiểu ý Ông, nhưng Ta đã xuất gia, không tập theo dục lạc.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo trưởng lão đứng sau Như Lai, đang quạt hầu Phật, Tỳ- kheo ấy bạch Phật:

- Cúi xin Như Lai, nhận người nữ nầy, nếu Như Lai không cần thì để cho chúng con sai khiến.

Phật bảo Tỳ-kheo trưởng lão:

- Thầy thật ngu si mới ở trước Như Lai thổ lộ ý xấu này. Vì sao Thầy để tâm ý bị trói buộc nơi người nữ ấy?

Phàm là người nữ thì có chín điều xấu. Thế nào là chín? Một là người nữ hôi hám không sạch, hai là người nữ ác khẩu, ba là người nữ không biết đền ơn, bốn là người nữ tật đố, năm là người nữ bỏn xẻn, sáu là người nữ ưa thích rong chơi, bảy là người nữ nhiều sân nhuế, tám là người nữ nhiều vọng ngữ, chín là ngươi nữ lời nói khinh suất. Như thế này Tỳ-kheo, người nữ có chín hạng tội ác như thế.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Thường ưa cười, khóc la,
Như thân mà chẳng thân,
Hãy tìm phương tiện khác,
Chớ nên khởi ý loạn.
Khi ấy, Tỳ-kheo trưởng lão bạch Phật:

- Người nữ tuy có chín pháp tệ ác như thế. Nhưng hôm nay con quán sát cô gái này không có tỳ vết gì.

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Nay Thầy thật là người ngu, không tin lời từ miệng của Như Lai ư? Nay ta sẽ nói:

Về thuở quá khứ rất xa, trong thành Ba-la-nại có một nhà buôn tên Phổ Phú, dẫn năm trăm khách buôn vào biển tìm kho báu. Song biển ấy ắt có quỷ La- sát cư trú, thường ăn thịt dân chúng. Lúc ấy trong biển nổi gió, thổi tàu buôn kia trôi vào trong thành của quỷ La-sát. La-sát xa thấy khách buôn tới vui mừng vô cùng, liền ẩn hình quỷ La-sát mà hiện hình người nữ, đoan chánh không ai bằng, nói với các khách buôn rằng:

- 'Chư Hiền khéo đến đây. Trên bãi cát quý này được xây cung điện trời cho quý khách, có trăm ngàn thứ trân bảo, nấu các món ăn ngon, lại có các cô gái đẹp chưa chồng. Các vị có thể cùng chúng tôi vui thích'.

Tỳ-kheo nên biết! Trong số các nhà buôn ấy, những người ngu muôi thấy cô gái ấy rồi, liền khởi tâm đắm trước. Khi đó, thương chủ Phổ Phú liền khởi nghĩ rằng: 'Trong biển lớn nầy là chỗ ở của loài phi nhơn, làm sao các cô này ở được, đây chắc là La-sát, không nghi ngờ gì'. Thương chủ liền bảo các cô gái rằng:

- 'Thôi, thôi, các Cô! Chúng tôi không tham nữ sắc'.

Lúc ấy, vào những ngày mùng tám, mười bốn, rằm mỗi tháng, có ngựa chúa bay qua lại trên hư không kêu rằng:

- 'Ai muốn qua khỏi ách nạn của biển lớn, ta có thể cõng qua'.

Tỳ-kheo nên biết! Lúc ấy vị thương chủ kia leo lên cây cao, xa thấy ngựa chúa và nghe tiếng kêu, vui mừng hớn hở không thể tự kềm, bèn đến chỗ ngựa chúa. Đến rồi nói với ngựa chúa rằng:

- 'Chúng tôi là năm trăm khách buôn bị gió thổi giạt, nay rơi vào chỗ cực kỳ nguy hiểm này, muốn được qua biển, xin đưa giúp chúng tôi qua'.

Ngựa chúa bảo khách buôn rằng:

- 'Các Ông đến hết đây, ta sẽ đưa sang bờ biển'.

Thương chủ Phổ Phú bèn bảo các khách buôn rằng:

- 'Nay ngựa chúa ở gần đây. Mọi người nên đến đó, cùng qua khỏi nạn biển'.

Khi ấy, các khách buôn trả lời:

- 'Thôi, thôi! Thưa thương chủ, chúng tôi ở lại chỗ này, tự vui thích với nhau. Vì ở Diêm-phù-đề khổ nhọc, muốn tìm nơi khoái lạc. Ở đây có đủ các vật quý báu trân kỳ và các cô gái đẹp. Có thể ở lại chỗ này vui chơi với ngũ dục, rồi sau dần dần gom góp của cải, sẽ cùng qua biển'.

Thương chủ bảo các khách buôn:

- 'Thôi, thôi, các Người ngu! Ở đây không có người nữ, giữa biển lớn làm sao có chỗ người ở?'

Các khách buôn đáp:

- 'Hãy thôi, thưa Thương chủ! Chúng tôi không thể bỏ đây mà đi'.

Khi ấy, thương chủ Phổ Phú bèn nói kệ:

Chúng ta gặp nạn nầy,
Đừng tưởng có nam, nữ,
Đây là loài La-sát,
Sẽ ăn dần chúng ta.
'Nếu như các Ông không cùng đi với tôi, mỗi người nên tự giữ gìn. Nếu thân, khẩu, ý tôi có phạm điều gì, thảy đều xin tha lỗi chớ để tâm'.

Lúc ấy, các khách buôn cùng nói kệ từ biệt:

Thay chúng tôi thăm hỏi,
Bà con trong làng xóm,
Ở lại đây vui chơi,
Không đợi lúc trở về.
Khi ấy, thương chủ lại dùng kệ đáp:

Các Ông thật gặp nguy,
Lầm lạc không chịu về,
Như thế chẳng bao lâu,
Thảy bị quỷ ăn hết.
Nói kệ ấy rồi, liền bỏ đi, thương chủ đến chỗ ngựa chúa, cúi đầu lễ dưới chân, liền cỡi ngựa mà đi. Khi ấy, những khách buôn xa thấy chủ của họ đã cỡi ngựa chúa, trong số

đó có người kêu lên, hoặc có người rất sợ hãi. Chúa quỷ La-sát hướng về phía các La-sát, nói kệ rằng:

Đã vào miệng sư tử,
Thoát ra rất là khó,
Huống gì vào nước ta,
Muốn ra thật khó.

Chúa quỷ La-sát liền hoá thân hình người nữ, rất đoan chánh, lấy tay chỉ vào bụng, nói: 'Nếu ta không ăn thịt các Ngươi, trọn không là La-sát'. Khi ấy, ngựa chúa cõng thương chủ bay đến bờ biển, còn lại năm trăm khách buôn thảy đều chịu tai nạn.

Bấy giờ trong thành Ba-la-nại có vị vua tên Phạm-ma-đạt trị hoá nhân dân. Khi ấy, La-sát đuổi theo sau thương chủ kêu lên 'tôi mất chồng'. Thương chủ trở về nhà, La-sát hóa hiện bồng theo đứa con trai, đến trước chỗ vua Phạm- ma-đạt tâu nhà vua rằng:

- 'Thế gian thật là tai quái, ắt sẽ diệt hoại'.

Nhà vua hỏi:

- 'Thế gian có việc gì tai quái mà diệt hoại?'.

La-sát tâu vua:

- 'Tôi bị chồng bỏ, nhưng tôi không có lỗi gì đối với chồng'.

Vua Phạm-ma-đạt thấy thiếu phụ này rất tuyệt đẹp, liền khởi ý đắm trước, bảo nàng rằng:

- 'Chồng nàng là kẻ không có nhân nghĩa mới bỏ nàng'.

Khi ấy, vua Phạm-ma-đạt sai người gọi thương chủ đến hỏi:

- 'Có thật Ông bỏ cô vợ đẹp này chăng?'

Thương chủ tâu:

- 'Đó là La-sát, không phải là nữ nhơn'.

La-sát nữ liền tâu vua:

- 'Người này không có nghĩa vợ chồng. Nay đã bỏ tôi, còn mắng tôi là La- sát'.

Nhà vua hỏi:

- 'Ông thật không dùng, ta sẽ thâu dùng nàng ấy'.

Thương chủ tâu vua:

- 'Đây là La-sát, xin tùy thánh ý'.

Khi ấy, vua Phạm-ma-đạt vào trong cung cấm, tùy thời tiếp nàng không để cho phiền oán.

Loài La-sát phi nhơn ấy bèn ăn thịt nhà vua, chỉ còn lại bộ xương, rồi bỏ đi.

Này Tỳ-kheo, đừng nghĩ ai khác! Thương chủ lúc ấy chính là Tỳ-kheo Xá- lợi-phất. La-sát lúc ấy nay là cô gái này. Vua Phạm-ma-đạt thuở ấy, nay là Tỳ-kheo trưởng lão. Ngựa chúa lúc ấy, nay là thân Ta. Năm trăm khách buôn lúc ấy, nay là năm trăm Tỳ-kheo. Do phương tiện này nên biết, ái dục là ý tưởng bất định, nay cố ý khởi tưởng đắm trước sao?

Bấy giờ, Tỳ-kheo kia đảnh lễ dưới chân Phật, bạch Phật rằng:

- Cúi xin nhận cho con sám hối lỗi nặng này. Từ nay về sau không dám tái phạm.

Khi ấy, Tỳ-kheo kia nghe lời Phật dạy xong, liền ở chỗ vắng, tự khắc phục mình tu tập những gì mà dòng dõi hào tộc, siêng tu Phạm hạnh, muốn được tu Phạm hạnh Vô thượng. Tỳ-kheo kia bèn thành A-la-hán.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại Thích-sí, vườn cây Am-bà-lợi, cùng với chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người câu hội.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất, Tôn giả Mục-kiền-liên sau khi nhập hạ xong, dẫn năm trăm Tỳ-kheo đi du hóa nhân gian, dần dần đi đến làng Thích-sí. Bấy giờ Tỳ-kheo mới đến và Tỳ-kheo tại chỗ cùng nhau nói năng, hỏi han, âm thanh to ồn. Thế Tôn nghe âm thanh to ồn của các Tỳ-kheo, bèn hỏi A- nan:

- Nay trong vườn này có tiếng gì to ồn thế đến thế? Như là tiếng đập phá cây, đá?.

A-nan bạch Phật:

- Hôm nay có Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn năm trăm Tỳ-kheo đến đây. Các Tỳ-kheo mới đến và Tỳ-kheo tại chỗ cùng hỏi thăm nhau, nên có tiếng như thế.

Phật bảo A-nan:

- Thầy mau đuổi Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên, không cần ở đây.

A-nan vâng lời dạy, liền đến chỗ Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, thưa rằng:

- Thế Tôn có dạy, hãy mau rời khỏi đây, không nên ở lại.

Xá-lợi-phất đáp:

- Xin vâng lời dạy.

Bấy giờ, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên ra khỏi vườn, dẫn năm trăm Tỳ-kheo theo đường mà đi.

Bấy giờ, các người họ Thích nghe tin Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên bị Phật đuổi, liền đến chỗ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, cúi đầu lễ dưới chân, bạch với Xá-lợi-phất:

- Chư Hiền! Các Vị muốn đi đâu?

Xá-lợi-phất đáp:

- Chúng tôi bị Thế Tôn đuổi, nay tìm chỗ ở.

Những người họ Thích bạch với Xá-lợi-phất:

- Chư Hiền chớ lo, chúng tôi sẽ đến Nư Lai sám hối.

Khi ấy, các người họ Thích bèn đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên và bạch Phật rằng:

- Cúi xin Thế Tôn tha lỗi cho các Tỳ-kheo từ xa đến. Cúi xin Thế Tôn để thời giờ chỉ dạy, trong số những Tỳ-kheo từ xa đến, có người mới học đạo, vừa vào cửa pháp, chưa được gần tôn nhan Như Lai, e có tâm thay đổi. Ví như mầm mạ không gặp mưa thấm ướt không thể thành tựu; nay các Tỳ- kheo này cũng lại như thế, chưa gần Như Lai mà đi, e rằng có tâm thay đổi.

Khi ấy, Phạm thiên vương biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, trong khoảng lực sĩ duỗi cánh tay, từ cõi Phạm thiên ẩn, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui đứng một bên. Phạm thiên vương bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn tha lỗi cho các Tỳ-kheo từ xa đến, dùng thời giờ chỉ dạy. Trong đây, hoặc có Tỳ-kheo chưa rốt ráo, liền sanh tâm thay đổi, người ấy không thấy tôn nhan Như Lai, bèn đổi ý, trở về nghiệp cũ. Cũng như bò con mới sanh bị lạc mẹ, lo buồn không ăn; đây cũng như thế, nếu hàng Tỳ-kheo tân học không được thấy Như Lai, bèn sẽ xa lìa Chánh pháp.

Bấy giờ, Thế Tôn nhận lời can thiệp của những người họ Thích và thí dụ bò con của Phạm thiên vương. Khi ấy, Thế Tôn quay lại nhìn, Tôn giả A-nan bèn khởi ý nghĩ: 'Như lai đã nhận lời xin của dân chúng và chư thiên'. A-nan đến chỗ Tỳ-kheo Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên bảo rằng:

- Như Lai muốn gặp chúng Tăng. Trời và nhân dân cùng trình bày điều này.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy chỉnh đốn y bát, cùng đến chỗ Thế Tôn. Như Lai đã nhận cho chúng ta sám hối.

Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên dẫn năm trăm Tỳ-kheo Đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

Lúc đó, Phật hỏi Xá-lợi-phất:

- Trước đây Ta đuổi các Tỳ-kheo, ý Thầy thế nào?.

Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Trước đây, Như Lai đuổi chúng Tăng, con bèn khởi nghĩ: 'Như Lai chỉ ưa ở một mình chỗ vắng, không thích nơi ồn náo, nên đuổi chúng Tăng đi'.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Sau đó Thầy lại khởi niệm gì? Thánh chúng khi ấy ai là giềng mối?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Lúc ấy con lại khởi ý nghĩ này: 'Ta cũng nên ở chỗ vắng, đi riêng, không ở chỗ ồn náo'.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Chớ nói như vậy, cũng đừng khởi ý nghĩ như thế, rằng: 'Ta nên ở chỗ vắng'. Như nay, giềng mối của Thánh chúng há chẳng phải nương vào hai Tỳ-kheo Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên ư?

Bấy giờ, đức Phật hỏi Mục-kiền-liên:

- Ta đuổi chúng tăng, Thầy có ý niệm gì?

Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Như Lai đuổi chúng Tăng, con bèn khởi niệm này: 'Như Lai muốn ở riêng chỗ vô vi, nên đuổi chúng Tăng vậy'.

Phật hỏi Mục-kiền-liên:

- Sau đó Thầy lại khởi niệm gì?

Mục-kiền-liên bạch Phật:

- Nay Như Lai đuổi chúng Tăng, chúng ta nên tập hợp chúng lại, khiến đừng phân tán.

Phật bảo Mục-kiền-liên:

- Lành thay! Mục-kiền-liên, như lời Thầy nói, giềng mối trong chúng chỉ có Ta và hai Thầy. Từ nay về sau, Mục-kiền-liên nên dạy dỗ các Tỳ-kheo hậu học, khiến hằng ở chỗ an ổn, dài lâu, đừng để thối tâm nửa chừng, rơi trong sanh tử.

Nếu có Tỳ-kheo thành tựu chín pháp, ở trong hiện pháp không được lớn mạnh. Thế nào là chín? Cùng gần gũi thừa sự ác tri thức; không việc thường ưa đi dạo; thường bị tai họa. Ưa cất chứa tài vật, tham đắm y bát; thường nói nhiều lời dối gạt, trống rỗng; ý tán loạn không định; không có trí tuệ; không hiểu nghĩa thú; không tùy thời nghe chỉ dạy.

Thế nên, này Mục-kiền-liên! Nếu tỳ-kheo thành tựu chín pháp này, ở trong hiện pháp không được lớn mạnh, có sự thấm nhuần.

Nếu có Tỳ-kheo có thể thành tựu chín pháp thì sẽ được thành tựu xong việc. Thế nào là chín? Cùng theo Thiện tri thức; tu hành Chánh pháp không đắm trước nghiệp tà; thường ở chỗ yên vắng không thích nhơn gian; ít bệnh không hoạn nạn; không chứa nhiều tài vật báu, không tham trước y bát; siêng năng tinh tấn; không có tâm tán loạn; nghe nghĩa liền hiểu, không cần lập lại; tùy thời nghe pháp không chán đủ.

Thế nên, này Mục-kiền-liên! Nếu có Tỳ-kheo thành tựu chín pháp này, ở trong hiện pháp được nhiều lợi ích. Cho nên, này Mục-kiền-liên, nên nhớ siêng năng dạy bảo các

Tỳ-kheo, khiến đến chỗ vô vi lâu dài.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Thường nhớ tự giác ngộ,

Chớ đắm nơi phi pháp,
Sự tu nên chánh hạnh,
Được khỏi nạn sanh tử.
Làm việc này được vậy,
Làm như thế được phước.
Chúng sanh trôi lăn lâu,
Dứt được già, bệnh, chết.
Việc xong, lại không tập,
Trở lại tạo phi hạnh,
Người phóng dật như thế,
Thành tựu hạnh hữu lậu.
Nếu có tâm siêng năng,
Thường để lại đầu tâm,
Lần lượt cùng dạy bảo,
Bèn thành người vô lậu.
Thế nên, Mục-kiền-liên! Nên vì các Tỳ-kheo mà dạy điều này, nên nhớ nghĩ học điều này!

Khi ấy, Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp vi diệu, khiền chư vị phát tâm hoan hỉ. Khi các tỳ-kheo nghe pháp xong, trong chúng có hơn sáu mươi Ttỳ- kheo được lậu tận ý giải.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời, Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

- Nếu có Tỳ-kheo ở nơi làng xóm, mà pháp lành tiêu diệt, pháp ác tăng trưởng thì Tỳ-kheo ấy nên học thế này: 'Nay ta ở trong làng này, mà pháp ác tăng trưởng, pháp lành dần dần tiêu diệt, ý niệm không chuyên nhất, không chấm dứt được hữu lậu, không đến chỗ vô vi an ổn. Ta được y phục, mền nệm, thức ăm uống, giường nằm, toạ cụ, thuốc men, cực khổ mới có'.

Tỳ-kheo ấy nên học thế này: 'Nay ta ở trong làng này, pháp ác tăng trưởng mà pháp lành tiêu diệt. Ta cũng không vì y phục, ăn uống, giường nằm, tọa

cụ, thuốc men mà làm Sa-môn. Điều mong muốn của ta nay không đạt kết qủa'. Tỳ-kheo ấy nên rời làng đi.

Nếu lại có Tỳ-kheo ở nơi làng xóm, pháp lành tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt, y phục, thức ăn uống, tọa cụ, thuốc men, do siêng năng mà được thì Tỳ-kheo ấy nên học thế này: 'Nay ta ở tại làng xóm này, pháp lành tăng trưởng, pháp ác tiêu diệt, đồ vật được cúng dường do siêng năng khổ nhọc mới có. Ta không vì y phục mà xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh. Điều mong muốn của ta khi học đạo thảy đều thành tựu, nên suốt đời vâng kính cúng dường'.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ này:

Áo, mền, ăn uống,
Giường nằm và chỗ ở,
Không nên tưởng tham trước,
Cũng chớ trở lại đời.
Không vì y, áo, mền,
Mà xuất gia học đạo,
Sở dĩ học đạo ấy,
Đạt kết quả sở nguyện.
Tỳ-kheo thích hợp thời,
Suốt đời ở thôn kia,
Ở đó nhập Niết-bàn,
Chấm dứt gốc mạng căn.
Ở đây, Tỳ-kheo kia nếu ở chỗ vắng trong nhân gian, làng xóm, pháp lành tăng trưởng, pháp ác tự tiêu diệt thì Tỳ-kheo ấy nên suốt đời ở tại làng kia, không nên đi xa.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Chẳng phải Như Lai thường nói thân tứ đại tại ăn uống mà được tồn tại, cũng nhờ pháp tâm niệm tưởng sở, các pháp lành nương vào tâm mà sanh. Lại, Tỳ-kheo ấy nương ở nơi làng xóm, tình thần khổ nhọc mới được y phục, thức ăn. Người ấy làm thế nào để sanh pháp lành, ở nơi làng kia không đi xa?.

Phật bảo A-nan:

- Những vật dụng như y phục, mền nệm, thức ăn, giường nằm, tọa cụ, thuốc men, có ba loại. Nếu Tỳ-kheo chuyên nhớ nghĩ tứ sự cúng dường, điều mong ước không đạt kết quả, thì vật dụng đó là khổ. Nếu có tâm biết đủ, không khởi tưởng tham trước thì chư Thiên, loài hoan hỉ với vị ấy. Lại, Tỳ- kheo nên học như thế. Do đó, Ta nói nghĩa này. Thế nên, này A-nan! Tỳ- kheo nên nhớ nghĩ vế ít muốn, biết đủ. Như thế, A-nan, nên học điều này bây giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vậy:

Một thời Phật ở tại vườn Bà-la.

Bấy giờ, Thế Tôn đến thời đắp y mang bát vào trong làng Bà-la khất thực. Lúc đó tệ ma Ba-tuần liền khởi ý nghĩ: 'Nay Sa-môn này muốn vào làng khất thực, ta sẽ dùng cách bảo các người nam nữ đừng cúng dường thức ăn'.

Tệ ma Ba-tuần bèn bảo khắp các dân chúng trong làng, khiến đừng bố thí thức ăn cho Sa-môn Cù-đàm. Bấy giờ, Thế Tôn đi vào làng khất thực, tất cả mọi người đều không nói chuyện với Ngài, cũng không ai đến thừa sự cúng dường. Rốt cuộc Như Lai khất thực không được, bèn đi khỏi làng. Khi ấy tệ ma Ba-tuần đi đến chỗ của đức Thế Tôn, hỏi rằng:

- Sa-môn! Khất thực chẳng được phải chăng?.

Thế Tôn bảo:

- Do Ma xúi sử, khiến ta không nhận được thức ăn, chẳng bao lâu Ngươi sẽ chịu quả báo ấy. Nay Ngươi hãy nghe Ta nói: Trong thời Hiền kiếp, có đức Phật hiệu là Câu-lưu-tôn Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật,Thế Tôn, xuất hiện ở đời.

Lúc đó, đức Phật kia cũng ở tại làng, cùng với bốn mươi vạn chúng. Bấy giờ, tệ ma Ba-tuần bèn khởi ý nghĩ rằng. 'Nay ta tìm cách đối phó với Sa- môn này, trọn không đươc kết quả'. Ma lại khởi nghĩ: 'Nay ta sẽ bảo khắp hết dân chúng trong làng Bà-la, khiến họ đừng bố thí thức ăn cho Sa-môn'.

Khi ấy, Thánh chúng đắp y mang bát vào làng khất thực, rốt cuộc các Tỳ- kheo không được thức ăn, bèn ra khỏi làng trở về. Bấy giờ, đức Phật Câu- lưu-tôn dạy các Tỳ-kheo pháp vi diệu này:

- 'Phàm quán thức ăn có chín loại, là bốn loại thức ăn của người xuất thế.

Thế nào là bốn loại thức ăn của người thế gian ? Một là đoàn thực, hai là cánh lạc thực, ba là niệm thực, bốn là thức thực. Đó là thế gian có bốn loại thức ăn.

Thế nào là năm loại thức ăn tiêu biểu của xuất thế ? Một là thiền thực, hai là nguyện thực, ba là niệm thực, bốn là bát giải thoát thực, năm là hỉ thực. Này các Tỳ-kheo, đó gọi là năm loại thức ăn tiêu biểu của xuất thế gian. Nên cùng chuyên nghĩ, nhớ trừ bỏ bốn loại thức ăn thế gian, tìm cách thành tựu năm loại thức xuất thế. Như thế, Tỳ-kheo nên học điều này'.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy rồi, liền tự mình khắc phục, thành tựu xong năm loại thức ăn. Lúc ấy, Ba-tuần kia không phá được, bèn nghĩ rằng: 'Nay ta không thắng được Sa-môn này, ta sẽ tìm cách qua các căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý được tiện lợi chăng ?'.

Khi ấy, hàng đệ tử Thanh văn của đức Phật đó, đến thời đắp y mang bát vào làng khất thực. Dân chúng trong làng Bà-la cung cấp cho các Tỳ-kheo y phục, mền nệm, thức ăn uống, ngọa cụ, thuốc men không để thiếu thốn. Họ đều đến trước nắm y Tăng-già-lê, đem vật cưỡng ép thí cho.

Khi ấy, đức Phật đó vì chúng Thanh văn nói pháp này: 'Phàm lợi dưỡng là rơi vào đường ác, khiến cho không thể đến chỗ vô vi. Tỳ-kheo các Thầy chớ hướng về tâm niệm đắm trước, với lợi dưỡng nên nghĩ lìa bỏ. Nếu có Tỳ- kheo tham trước lợi dưỡng thì sẽ không thành tựu năm phần pháp thân, không đầy đủ giới đức.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, tâm lợi dưỡng chưa sanh nên khiến không sanh, tâm lợi dưỡng đã sanh nên mau trừ diệt. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này !

Khi ấy, ma Ba-tuần liền ẩn hình mà đi.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Kỳ-kheo:

- Nên thực hành tâm từ, lưu truyền rộng lớn tâm từ. Do thực hành tâm từ, tâm sân nhuế sẽ tự tiêu diệt. Vì sao? Tỳ-kheo nên biết ! Xưa có một ác quỷ rất xấu xí hung bạo đến chỗ của Thích-đề-hoàn-nhân, leo lên tòa ngồi. Khi ấy chư Thiên cõi trời Ba mươi ba rất là sân giận: 'Tại sao ác quỷ này ngồi trên tòa của Thiên chủ ta ?'. Khi ấy, chư Thiên vừa khởi tâm sân, ác quỷ kia liền đổi sắc mặt đoan chánh thù thắng hơn thường.

Bấy giờ, Thích-đề-hoàn-nhân đang ngồi tại giảng đường Phổ tập, cùng vui chơi với ngọc nữ. Có vị trời đến chỗ Thích-đề-hoàn-nhân, thưa Đế thích rằng:

- 'Cù-dực nên biết ! Hiện nay có một ác quỷ ngồi trên tôn tòa, chư Thiên cõi trời Ba mươi ba rất giận dữ. Chư Thiên vừa khởi sân nộ, quỷ kia bèn biến đổi dung mạo đoan chánh đẹp hơn bình thường'.

Thích-đề-hoàn-nhân bèn khởi nghĩ rằng: 'Quỷ này ắt là quỷ thần diệu'. Thích-đề-hoàn-nhân bèn đi đến chỗ quỷ ấy, cách nhau không xa, tự xưng tánh danh:

- 'Tôi là Thích-đề-hoàn-nhân, chủ của chư Thiên'.

Lúc Thích-đề-hoàn-nhân tự xưng danh tánh, thì ác quỷ kia bèn biến thành hình thù xấu xí, sắc mặt khả ố. Ác quỷ ấy lập tức tiêu diệt.

Này các Tỳ-kheo! Do phương tiện này nên biết, thực hành lòng từ không lìa bỏ, đức kia cũng như thế.

Này các Tỳ-kheo ! Xưa kia, khi Ta vừa bảy tuổi, thường tu lòng từ, trải qua bảy kiếp thành, bảy kiếp hoại, không qua lại chốn sanh tử. Lúc kiếp sắp hoại, Ta liền sanh lên trời Quang Âm. Khi kiếp sắp thành, Ta liền sanh lên cõi trời Vô Tưởng, hoặc làm Phạm thiên thống lãnh chư Thiên, cai quản

mười ngàn thế giới. Ta lại ba mươi bảy lần làm. Thích-đề-hoàn-nhân, lại có vô số lần làm Chuyển luân Thánh vương.

Này Tỳ-kheo! Do phương tiện này nên biết, thực hành lòng từ thì đức kia như thế. Lại nữa, người thực hành lòng từ thì khi thân hoại mạng chung được sanh lên Phạm thiên, lìa ba đường ác, rời bỏ tám nạn. Lại nữa, người thực hành lòng từ sanh trong quốc độ trung chánh. Lại nữa, người thực hành lòng từ dung mạo đoan chánh, các căn không thiếu, thân thể toàn vẹn. Lại nữa, người thực hành lòng từ đích thân được gặp Như Lai, thừa sự chư Phật, không ưa ở tại gia, muốn xuất gia học đạo, mặc ba pháp y, cạo bỏ râu tóc, tu theo pháp Sa-môn, tu Phạm hạnh vô thượng.

Tỳ-kheo nên biết! Cũng như người nuốt kim cang, trọn không thể tiêu hóa, phải lọt ra. Người thực hành lòng từ cũng lại như thế. Nếu Như Lai ra đời, cần phải hành đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân lại, biết một cách như thật.

Khi ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu khi Như Lai không xuất hiện ở đời, thiện nam tử kia không ưa ở tại gia, phải thú hướng về đâu?

Phật bảo A-nan:

- Nếu khi Như Lai không xuất hiện, kẻ thiện nam tử ấy không ưa ở nhà thì tự cạo râu tóc ở chỗ vắng, tự khắc phục mình để tu tập. Vị ấy ngay ở chỗ ấy chấm dứt các hữu lậu, thành tựu hạnh vô lậu.

Khi ấy, A-nan bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Nếu người kia tự tu Phạm hạnh, hạnh tam thừa thì người ấy thú hướng nơi nào?

Phật bảo A-nan:

- Như lời thầy nói. Ta thường dạy hạnh Tam thừa, chư Phật ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai đều nói về pháp Tam thừa.

A-nan nên biết! Hoặc có lúc các loài chúng sanh, dung mạo, thọ mạng dần dần giảm thiểu, hình thể xấu xa yếu ớt, không có oai thần; nhiều sân nộ, tật

đố, nghi ngờ, gian ngụy, huyễn hoặc, việc làm không chơn chánh. Hoặc lại có người mạnh mẽ lanh lợi, lần lượt đấu tranh, cùng nhau nghinh chiến; hoặc dùng tay cầm ngói, gạch, dao, gậy giết hại, làm tổn thương cho nhau. Lúc ấy các loài chúng sanh cầm cọng cỏ liền biến thành dao kiếm giết mạng sống. Trong đó, có những chúng sanh thực hành lòng từ, không sân nộ, thấy những sự thay đổi quái dị này, đều sợ hãi, tất cả cùng chạy xa khỏi chỗ ác độc này. Họ vào trong rừng núi, tự nhiên cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, tu Phạm hạnh vô thượng, tự mình khắc phục tu hành, chấm dứt tâm hữu lậu, được giải thoát, bèn vào cảnh giác vô lậu. Mỗi người đều nói với nhau rằng: 'Chúng ta đã thắng được oan gia'.

A-nan nên biết! Người ấy gọi là tối thắng.

Khi ấy, Tôn giả A-nan lại bạch Phật:

- Người ấy ở tại bộ nào? Thanh văn bộ, Bích-chi bộ hay Phật bộ?

Phật bảo A-nan:

- Người ấy là chính ở tại Bích-chi bộ. Vì sao? Do người làm các công đức, tạo các gốc lành, tu Tứ đế thanh tịnh, phân biệt các pháp. Phàm thực hành pháp lành tức là lòng từ vậy. Vì sao? Lòng nhân trùm khắp, thực hành lòng từ, đức ấy rộng lớn. Xưa kia Ta mặc giáp nhân từ này, hàng phục quyến thuộc quân ma, dưới cội đạo thọ thành đạo vô thượng.

Do phương tiện này nên biết, lòng từ là tối thượng bậc nhất, từ là pháp tối thắng. A-nan nên biết, cho nên gọi người thực hành, lòng từ tối thắng, đức kia như thế, không thể tính kể, nên tìm phương tiện tu hành lòng từ. Như thế, A-nan, nên học điều này!

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất, sáng sớm từ tịnh thất đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Khi ấy, Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Hôm nay, các căn của Thầy thanh tịnh, vẻ mặt khác người, nay Thầy dạo trong tam-muội nào?

Xá-lợi-phất bạch Phật:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con thường dạo trong Không tam-muội.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Lành thay, lành thay! Xá-lợi-phất có thể dạo trong Không tam-muội. Vì sao? Trong các tam-muội, Không tam-muội là bậc nhất. Tỳ-kheo dạo trong Không tam-muội, không chấp ngã, nhơn, chúng sinh, thọ mạng cũng không thấy có gốc ngọn các hành. Đã không thấy thì cũng không tạo các hành, đã không thì không nhận có thân. Đã không thọ thân thì chẳng thọ quả báo khổ vui.

Xá-lợi-phất nên biết! Xưa kia Ta chưa thành Phật, ngồi dưới cội cây, liền khởi ý nghĩ nầy: 'Các chúng sanh do không được pháp gì mà lưu chuyển sanh tử không giải thoát?' Khi ấy Ta lại khởi ý nghĩ nầy: 'Vì chẳng có Không tam-muội nên lưu chuyển sanh tử, không được đến chỗ giải thoát rốt táo. Có Không tam-muội này, nhưng chúng sanh chưa khắc phục được, khiến chúng sanh khởi tưởng đắm trước. Do khởi tưởng thế gian bèn chịu phận sanh tử. Nếu được Không tam-muội này, cũng không sở nguyện, liền được Vô nguyện tam-muội, đã được Vô nguyện tam-muội, không mong cầu chết đây sanh kia, hết thảy đều không tưởng niệm. Khi ấy, hành giả kia lại được Vô tưởng tam-muội, có thể tự vui thích. Chúng sanh do không được ba tam- muội ấy nên lưu chuyển sanh tử'.

Ta quán sát các pháp xong, liền được Không tam-muội. Đã được Không tam-muội liền thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Bấy giờ, đang khi Ta được Không tam-muội, suốt bảy ngày bảy đêm Ta ngồi quan sát dưới cội đạo thọ, không chớp mắt.

Xá-lợi-phất! Do phương tiện này nên biết, đối với các tam-muội, Không tam-muội là tam-muội đệ nhất. Vua trong các tam muội chính là Không tam- muội vậy. Xá-lợi-nhất! Nên tìm phương tiện thành tựu Không tam-muội. Như thế, Xá-lợi-phất, nên học điều này!

Bấy giờ, Xá-lợi-phất nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với đại chúng Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có trưởng giả tên Thi-lợi-quật, giàu có nhiều vàng bạc trân bảo, xa cừ, mã não, không thể tính kể. Ông lại không gần gũi Phật pháp, chỉ phụng sự ngoại đạo Ni-kiền Tử, vua quan đại thần thảy đều biết rõ.

Khi ấy, những người tại gia, xuất gia trong nhóm ngoại đạo Ni-kiền Tử bàn luận với nhau rằng: 'Có ta, chấp có thân ta'. Họ nhóm họp với Lục sư ngoại đạo, bàn luận thế này: 'Nay Sa-môn Cù-đàm việc gì cũng biết, có Nhất thiết trí. Song chúng ta không được lợi dưỡng, nay Sa-môn ấy được nhiều lợi dưỡng, chúng ta cần tìm cách khiến cho ông ấy không được lợi dưỡng. Chúng ta nên đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật, bảo trưởng giả tìm phương kế'.

Lúc ấy, ngoại đạo Phạm chí Ni-kiến Tử cũng Lục sư, đi đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật, nói với trưởng giả rằng:

- Trưởng giả nên biết! Chúng ta do Phạm thiên sanh, là con của Phạm thiên, có nhiều lợi ích. Nay trưởng giả nên đến chỗ Sa-môn Cù-đàm, vì thương chúng tôi, nên thỉnh Sa-môn cùng chúng Tỳ-kheo về nhà cúng dường. Trưởng giả lại nên sai làm hầm lửa lớn trong nhà, lửa cháy hừng, tất cả thức ăn đều bỏ thuốc độc, mời họ đến ăn. Nếu Sa-môn Cù-đàm có Nhất thiết trí, biết rõ việc ba đời thì không nhận lời mời. Nếu Ông ấy không có Nhất thiết trí, sẽ nhận lời mời, đem đệ tử đi, thảy đều bị lửa thiêu đốt. Người, Trời được an lạc, không có tai họa.

Khi ấy, trưởng giả Thi-lợi-quật lặng yên theo lời Lục sư, liền ra khỏi thành đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đem lòng tạp độc mà bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn và chư Tỳ-kheo Tăng nhận lời thỉnh của con.

Bấy giờ, Thế Tôn biết ý nghĩ trong tâm trưởng giả, im lặng nhận lời.

Thi-lợi-quật thấy Như Lai đã im lặng nhận lời mời, liền đứng dậy cúi đầu lễ chân Phật lui ra. Giữa đường, ông bèn nghĩ: 'Nay các thầy Lục sư của ta nói chắc thật rõ ràng, còn Sa-môn Cù-đàm không biết ý nghĩ trong tâm ta, chắc chắn sẽ bị lửa đốt cháy'.

Thi-lợi-quật trở về nhà, sai đào hầm lớn, đốt lửa to rồi sai chuẩn bị các thức ăn, thảy đều tẩm thuốc độc, lại ở ngoài cửa đào hầm lớn, đốt lửa cháy to, trên hầm lửa sắp đặt chỗ ngồi, tẩm thuốc độc vào thức ăn xong, bèn đến bạch Phật, đúng thời.

Bấy giờ, Thế Tôn biết đến thời, đắp y mang bát, dắt chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đến nhà trưởng giả.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy không được đi trước Ta, cũng không được ngồi trước Ta, không được ăn trước Ta.

Khi ấy, nhân dân trong thành La-duyệt nghe Thi-lợi-quật làm hầm lửa lớn và làm thức ăn độc, thỉnh Phật cùng chúng Tỳ-kheo. Bốn bộ chúng đều khóc lóc, cho rằng chẳng lẽ Như Lai và chúng Tăng bị hại ư? Hoặc có người đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, bạch rằng:

- Cúi xin Thế Tôn đừng đi đến nhà trưởng giả ấy. Ông ấy làm hầm lửa lớn và làm thức ăn độc.

Phật bảo:

- Các Người chớ sợ, Như Lai không bị ai làm hại. Giả sử trong cõi Diêm- phù-đề lửa cháy đến Phạm thiên, còn không thể thiêu đốt Ta được, huống gì chút lửa nhỏ này muốn hại Như Lai, trọn không việc ấy. Này Ưu-bà-tắc! Nên biết Ta không có tâm hại.

Bấy giờ, Thế Tôn cùng chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, vào thành La- duyệt đến nhà trưởng giả. Đức Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy chớ vào nhà trưởng giả trước, cũng đừng ăn trước, nên đợi Như Lai ăn rồi sau hãy ăn.

Thế Tôn vừa bước lên ngạch cửa, hầm lửa tự nhiên hóa thành ao nước trong mát, đầy các thứ hoa trong ấy, cũng nảy sanh hoa sen lớn như bánh xe, cọng hoa bằng bảy báu, cùng nảy sanh các loại hoa sen khác, ong chúa bay dạo trong ấy. Bấy giờ Thích-đề-hoàn-nhân, Phạm thiên vương và Từ thiên vương, Càn-thát-bà, A-tu-la và các Dạ-xoa, Quỷ thần, thấy trong hầm lửa sanh hoa sen này, đều vui mừng khen ngợi, cùng khắp lời đồng tiếng, nói rằng:

- Như Lai là bậc tối thắng đệ nhất.

Trong nhà trưởng giả có các ngoại đạo dị học tụ tập trong ấy. Hàng Ưu-bà- tắc, Ưu-bà-di thấy sức biến hóa của Như Lai, đều vui mừng hớn hở không thể tự kềm. Ngoại đạo dị học thấy sức biến hóa của Như Lai rồi, rất buồn lo. Các tôn thần trên hư không rải các thứ danh hoa trên thân Như Lai. Bấy giờ, Thế Tôn đi trên không cách đất bốn tấc đến nhà trưởng giả, nơi Ngài vừa nhấc chân lên, liền nảy sanh hoa sen to như bánh xe. Đức Thế tôn quay sang bên phải, bảo các Tỳ-kheo:

- Tất cả các Thầy đều đi trên hoa sen này.

Các Thanh văn đều bước trên hoa sen đến nhà trưởng giả. Bấy giờ, Thế Tôn nói một thí dụ cổ tích:

- Từ quá khứ đến nay, Ta đã từng cúng dường hằng sa chư Phật, thừa sự lễ kính chưa từng trái ý, đem lời thệ nguyện chí thành này khiến các tòa ngồi đều vững chắc.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta cho phép các Tỳ-kheo, trước lấy tay vịn ghế, sau hãy ngồi, đây là lời dạy của Ta.

Thế Tôn và chư Tỳ-kheo Tăng đều đến ghế ngồi, dưới những ghế ấy đều nảy sanh hoa sen thơm ngát.

Khi ấy, Thi-lợi-quật thấy sự biến hóa của đức Phật như vậy, bèn khởi nghĩ: 'Ta đã bị ngoại đạo dị học lừa gạt, làm mất con đường trong cõi người của ta, và vĩnh viễn mất con đường cõi trời'. Tâm ý ông tức giận như ăn nhằm thuốc độc: 'Chắc ta sẽ bị rơi trong ba đường ác, Như Lai xuất thế thật là khó gặp'. Biết điều này rồi, ông liền khóc lóc, cúi đều lễ chân Phật, bạch rằng:

- Cúi xin Như Lai cho con sám hối lỗi lầm, sửa điều đã qua, chỉnh điều sắp đến. Con tự biết có tội xúc phạm đến Như Lai. Cúi xin Thế Tôn nhận sự sám hối của con, không dám tái phạm.

Phật bảo:

- Này Trưởng giả! Cải hối, bỏ ý cũ mới có thể tự biết là xúc phạm Như Lại. Pháp của Thánh hiền rất rộng lớn, cho phép Ông cải hối, theo pháp mà bỏ. Nay Ta nhận lời Ông sám hối, sau chớ phạm lại.

Nói như vậy ba lần.

Bấy giờ, vua A-xà-thế nghe trưởng giả Thi-lợi-quật làm hầm lửa lớn và thức ăn độc muốn hại Như Lai. Nghe xong, vua nổi giận đùng đùng, bảo các quần thần:

- Phải giết hết những người tên Thi-lợi-quật trên toàn cõi nước.

Nhà vua lại nhớ đến công đức của Như Lai, buồn khóc rơi lệ, ném bỏ mũ thiên triều, bảo quần thần:

- Này ta còn sống làm gì mà để Như Lai bị lửa đốt cháy, cùng với các Tỳ- kheo đều bị thiêu. Các Ông mau đến nhà trưởng giả xem Như Lai thế nào?

Bấy giờ, Vương tử Kỳ-bà-già tâu vua A-xà-thế rằng:

- Đại dương! Xin chớ lo buồn, cũng chớ khởi ý ác. Vì sao? Như Lai không bị người khác làm hại. Hôm nay trưởng giả Thi-lợi-quật sẽ làm đệ tử đức Như Lai. Cúi xin Đại vương nên đến xem sự biến hóa.

Vua A-xà-thế nghe lời Kỳ-bà-già an ủi, bèn cỡi voi lớn Tuyết Sơn lập tức đến nhà trưởng giả Thi-lợi-quật, xuống voi liền vào nhà trưởng giả. Bấy giờ, những người tụ tập ngoài cửa có đến tám vạn bốn ngàn người. Khi vua A- xà-thế thấy bông sen lớn như bánh xe,

vui mừng hớn hở không thể tự kềm, nói rằng: 'Như Lai thường thắng bọn ma'. Vua bảo Vương tử Kỳ-bà-già:

- Lành thay, Kỳ-bà-già! Ta mới tin thật Như Lai có việc lạ như thế!

Khi ấy, vua A-xà-thế đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Vua A-xà-thế thấy từ miệng Phật phát ra ánh sáng, cũng thấy sắc mặt Thế Tôn thù thắng phi thường, nhà vua vui mừng không thể tự kềm.

Bấy giờ, trưởng giả Thi-lợi-quật bạch Phật:

- Thức ăn của con sắp đặt đều có thuốc độc, cúi xin Thế Tôn chờ giây lát, con sẽ dọn thức ăn khác. Vì sao? Con không muốn thân thể Như Lai bị tổn hại.

Phật bảo trưởng giả:

- Như Lai và đệ tử trọn không bị người hại. Này Trưởng giả! Thức ăn đã sắp đặt xong nên tùy thời cúng dường.

Trưởng giả tự tay sớt thức ăn. Thế Tôn bèn nói kệ:

Quy y Phật, Pháp, Tăng,
Độc hại không tổn đến,
Chư Phật không có độc,
Quy y Phật, dẹp độc,
Quy y Phật, Pháp, Tăng,
Độc hại không tổn đến,
Chư Phật không có độc,
Quy y Pháp, dẹp độc.
Quy y Phật, Pháp, Tăng.
Độc hại không tổn đến,
Chư Phật không có độc.
Độc tham dục, sân nhuế,
Thế gian trọn không độc,
Quy y Phật, dẹp độc.
Độc dục, nộ, sân nhuế,
Ba độc thế gian này,
Như Lai, Pháp không độc,
Quy y Pháp, dẹp độc.
Độc dục, nộ, sân nhuế,
Thế gian có ba độc,
Như Lai, Tăng không độc,
Quy y Tăng, dẹp độc.

Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ ấy xong, liền dùng thức ăn tạp độc. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy chớ ăn trước, nên đợi Như Lai ăn xong, sau rồi hãy ăn.

Trưởng giả tự tay san sớt các thức ăn uống cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Trưởng giả Thi-lợi-quật thấy Phật ăn xong, dọn rửa bát, rồi ngồi trên một ghế thấp trước đức Phật. Bấy giờ, Thế Tôn vì trưởng giả và tám muôn bốn ngàn dân chúng nói pháp vi diệu. Đó là những pháp bố thí, trì giới, sanh thiên, dục tưởng bất tịnh, dục là họa lớn, xuất yếu là vui. Như Lai quán sát tâm trưởng giả và tám vạn bốn ngàn chúng, thấy ai nấy tâm khai ý giải, không còn trần cấu. Những pháp chư Phật thường nói như Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Ngài cũng đem dạy hết cho tám vạn bốn ngàn chúng, phân biệt, giảng rộng hạnh kia. Bấy giờ, hội chúng ngay tại chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn tịnh, cũng như áo mới dễ nhuộm màu sắc.

Trưởng giả kia cũng thế, ngay tại chỗ ngồi đã thấy dấu đạo, đã thấy pháp, đắc pháp, phân biệt các pháp, vượt khỏi sự nghi ngờ, được điều không sợ hãi, không còn theo ngoại đạo, tự quy y Phật, Pháp Tăng, thọ năm giới. Trưởng giả Thi-lợi-quật tự biết mình được dấu đạo, bạch Phật rằng:

- Cúng thí thức ăn độc cho Như Lai lại được quả báo lớn, không như cúng vị cam lồ cho các ngoại đạo dị học lại bị tội. Vì sao? Hôm nay con đem thức ăn độc mời Phật và Tỳ-kheo Tăng, ở trong hiện pháp được sự chứng nghiệm này. Con bị các ngoại đạo ấy làm mê lầm lâu dài, nên mới dấy khởi tâm niệm ác đối với Như Lai. Người nào vâng theo ngoại đạo dị học đều rơi vào biên tế. Phật bảo trưởng giả:

- Như lời Ông nói không khác, đều là bị bọn họ dối gạt.

Bấy giờ, Thi-lợi-quật bạch Phật:

- Từ đây về sau, con không còn tin theo các ngoại đạo dị học ấy nữa. Con cũng không muốn cho bổn hộ chúng tại gia cúng dường bọn họ.

Phật bảo trưởng giả:

- Chớ nói như vậy. Vì sao? Nay Ông thường cúng dường các ngoại đạo ấy. Bố thí cho loài súc sanh, phước đức kia khó lường, huống gì cúng thí cho

người. Nếu có ngoại đạo dị học hỏi rằng Thi-lợi-quật là đệ tử của ai. Ông sẽ đáp thế nào?

Thi-lợi-quật liền từ chỗ ngồi đứng dậy, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

- Dũng mãnh mà giải thoát, nay được làm thân người, là tiên nhân thứ bảy, là đệ tử của đức Thích-ca Văn.

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, Trưởng giả! Có thể nói lời khen vi diệu này. Ngài nói kệ:

Tế lễ, lửa là trên.
Thi thơ, tụng là trên,
Trong người, vua trên hết,
Các dòng, biển là nguồn.
Các sao, trăng sáng nhất,

Ánh sáng, mặt trời nhất,
Trên dưới và bốn phương,
Tất cả loài hữu hình,
Chư Thiên và thế gian,
Phật là tối đệ nhất,
Muốn tìm cầu phước đức,
Nên cúng dường Chánh Giác.
Bấy giờ, Thế Tôn nói kệ xong liền đứng dậy. Trưởng giả Thi-lợi-quật và những người đến dự hội, nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXXVI. Phẩm Kết cấm 1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có mười sự công đức, Như Lai vì các Tỳ-kheo nói cấm giới. Thế nào là mười? Là thừa sự Thánh chúng; hòa hợp thuận thảo với nhau; an ổn Thánh chúng; hàng phục người ác; khiến các Tỳ-kheo biết tàm, quý, không bị não

loạn; người không tin khiến lập lòng tin; người đã tin khiến tăng thêm bội phần; ở trong hiện pháp được dứt sạch hữu lậu, cũng khiến cho các lậu đời sau thảy đều trừ sạch; khiến Chánh pháp trụ đời lâu dài; thường suy nghĩ phải có cách gì để Chánh pháp tồn tại lâu dài.

Này các Tỳ-kheo! Đó là mười pháp công đức, Như Lai vì các Tỳ-kheo nói cấm giới. Cho nên, Tỳ-kheo! Nên tìm phương tiện thành tựu cấm giới đừng để cho mất. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Chỗ ở của chư Hiền Thánh có mười việc, chư Thánh ba đời đều ở trong ấy. Thế nào là mười? Ở đây, Tỳ-kheo đã trừ bỏ năm việc; thành tựu sáu pháp; thường giữ một việc; ủng hộ bốn chúng; quan sát chỗ yếu kém; thân cận bình đẳng; chánh hướng vô lậu; nương tựa thân hành; tâm khéo giải thoát; trí tuệ giải thoát.

Thế nào là Tỳ-kheo đã trừ năm việc? Ở đây, Tỳ-kheo đã đoạn dứt năm kiết sử. Như thế là đã trừ năm việc.

Thế nào là Tỳ-kheo thành tựu sáu pháp? Ở đây, này các Tỷ kheo, Tỷ-kheo khi mắt thấy sắc không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tỉnh giác; khi tai nghe

tiếng... khi mũi ngửi hương... khi lưỡi nếm vị... khi thân cảm xúc... khi ý biết pháp, không có hân hoan, không có thất vọng, trú xả, chánh niệm tỉnh giác. Như vậy, này các Tỷ-kheo, là Tỷ-kheo thành tựu sáu pháp. (bổ sung từ Kinh Thánh Cư, Tăng Chi X.20 -- Bình Anson, 02- 2004)

Thế nào là Tỳ-kheo thường hộ một việc? Ở đây, Tỳ-kheo thường hộ trì tâm niệm hữu lậu vô lậu, hữu vi vô vi đến cửa Niết-bàn. Như thế là Tỳ-kheo thường hộ một việc.

Thế nào là Tỳ-kheo hộ trì bốn chúng? Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu Tứ thần túc. Như thế là Tỳ-kheo hộ trì bốn chúng.

Thế nào là Tỳ-kheo quan sát chỗ yếu kém? Ở đây, Tỳ-kheo các hành sanh tử đã chấm dứt. Đó gọi là Tỳ-kheo quan sát chỗ yếu kém.

Thế nào là Tỳ-kheo thân cận bình đẳng? Ở đây, Tỳ-kheo đã chấm dứt ba kết. Đó gọi là Tỳ-kheo thân cận bình đẳng.

Thế nào là Tỳ-kheo chánh hướng vô lậu? Ở đây, Tỳ-kheo trừ bỏ kiêu mạn. Như thế là Tỳ-kheo chánh hướng vô lậu.

Thế nào là Tỳ-kheo nương tựa vào thân hành? Ở đây, Tỳ-kheo đã trừ vô minh. Như thế là Tỳ-kheo nương tựa thân hành.

Thế nào là Tỳ-kheo tâm khéo giải thoát? Ở đây, Tỳ-kheo đã trừ sạch ái. Như thế là Tỳ-kheo tâm khéo giải thoát.

Thế nào là Tỳ-kheo trí tuệ giải thoát? Ở đây, Tỳ-kheo quán Khổ đế, Tập đế, Diệt đế, Đạo đế, biết một cách như thật. Đó là Tỳ-kheo trí tuệ giải thoát.

Này các Tỳ-kheo! Đó là chỗ ở đủ mười sự của Hiền Thánh. Ngày trước, các bậc hiền Thánh cũng ở trong ấy, đã ở, đang ở.

Cho nên, Tỳ-kheo! Nên nhớ nghĩ trừ bỏ năm việc, thành tựu sáu pháp, giữ gìn một pháp, hộ trì bốn chúng, quan sát chỗ yếu kém, thân cận bình đẳng, chánh hướng về vô lậuu, nương tựa thân hành, tâm được giải thoát, trí tuệ giải thoát. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Như Lai thành tựu mười lực, tự biết không đắm trước. Ở trong đại chúng rống tiếng sư tử; chuyển vận bánh xe Chánh pháp vô thượng để độ chúng sanh; nghĩa là đây là sắc, đây là sắc tập, đây là sắc tận, đây là sắc xuất yếu; quán sát thọ, tưởng, hành, thức, cũng như vậy; nhân cái này có thì cái kia có, cái này sanh thì kia sanh; vô minh duyên lành, lành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên

xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên ưu bi khổ não không thể tính kể.

Nhân có thân ngũ ấm này có pháp tận này, đây diệt thì kia diệt, đây không thì kia không. Vô minh hết thì hành hết, hành hết thức hết, thức hết danh hết, xúc hết thọ hết, thọ hết ái hết, ái hết thủ hết, thủ hết hữu hết, hữu hết sanh hết, sanh hết tử hết, tử hết thì ưu bi khổ não thảy đều trừ sạch.

Tỳ-kheo nên biết! Pháp của Ta rất rộng lớn không bờ mé, không đáy, dứt các hồ nghi, an ổn ở nơi Chánh Pháp. Thiện nam, tín nữ cần sinh năng dụng tâm không để kém khuyết, dù thân thể khô hoại, trọn không bỏ hạnh tinh tấn, buộc ý vững chắc không quên, tu hành pháp khổ không đổi tâm, ưa ở chỗ vắng, yên lặng tư duy, không bỏ hạnh đầu đà, như hiện nay Như Lai khéo tu Phạm Hạnh.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Nếu khi tự quán sát, suy nghĩ về pháp vi diệu thì cần phải quán sát hai nghĩa, không có hạnh phóng dật, khiến thành tựu quả thật đến chỗ cam lồ, diệt tận. Nếu nhận người khác cúng dường như y phục, mền, nệm, thức ăn uống, giường nằm, ngọa cụ, thuốc men, cũng không phụ công khó của tín thí, cũng khiến cha mẹ được quả báo, phụng sự chư Phật lễ kính cúng dường. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Như Lai thành tựu mười lực, được bốn vô sở úy. Ở trong chúng rống tiếng sư tử.

Thế nào là mười lực? Biết như thật về thị xứ; biết như thật về phi xứ; biết như thật nhân duyên nơi chốn thọ báo của chúng sanh; biết như thật bao nhiêu cõi, bao nhiêu loại trì, bao nhiêu loại nhập; biết như thật có bao nhiêu loại giải thoát, vô lượng giải thoát, biết như thật các chúng sanh có trí tuệ nhiều ít; biết như thật ý niệm trong tâm của các chúng sanh: tâm có dục biết tâm có dục, tâm không dục biết tâm không dục, tâm có sân nhuế biết tâm có sân nhuế, tâm không sân nhuế biết tâm không sân nhuế, tâm có ngu si biết tâm có ngu si, tâm không ngu si biết tâm không ngu si, tâm có ái biết tâm có ái, tâm không ái biết tâm không ái, tâm có thọ biết tâm có thọ, tâm không thọ biết tâm không thọ, tâm loạn biết tâm loạn, tâm không loạn biết tâm không loạn, tâm tán biết tâm tán, tâm không tán biết tâm không tán, tâm hẹp biết tâm hẹp, tâm không hẹp biết tâm không hẹp, tâm rộng lớn biết tâm rộng lớn, tâm không rộng lớn biết tâm không rộng lớn, tâm vô lượng biết tâm vô lượng, tâm hữu lượng biết tâm hữu lượng, tâm định biết tâm định, tâm không định biết tâm không định, tâm giải thoát biết tâm giải thoát, tâm không giải thoát biết tâm không giải thoát; biết như thật tất cả con đường của tâm hướng đến, hoặc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, năm đời, mười đời,

năm mươi đời, một trăm đời, ngàn đời, ức trăm ngàn đời, vô lượng đời, kiếp thành, kiếp hoại, trong vố số kiếp thành, kiếp hoại, xưa kia ta sanh nơi đó, tên đó, họ đó, ăn những thức ăn như thế, chịu các khổ vui thọ mạng dài ngắn, chết đây sanh kia, chết kia sanh đây, tự nhớ các việc trong vô số đời đã qua như thế; biết như thật các đường sanh tử của chúng sanh, dùng Thiên nhãn quán sát các loài chúng sanh, sắc lành sắc dữ, đường lành đường dữ, tùy theo việc làm các loài thảy đều biết rõ, hoặc có chúng sanh thân miệng ý làm ác, phỉ báng Hiền Thánh, tạo nghiệp tà kiến, khi chết sanh vào địa ngục, hoặc có chúng sanh thân miệng ý làm lành, không phỉ báng Hiền Thánh, thường hành chánh kiến, khi chết sanh lên cõi trời, đó gọi là Thiên nhãn thanh tịnh quán sát các hành động dẫn chúng sanh đi các nẻo; biết như thật sự chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ lại thân sau.

Đó gọi là Như Lai có Mười lực, không đắm trước, được Bốn vô sở úy, ở trong chúng rống tiếng sư tử, chuyển bánh xe Phạm.

Thế nào gọi là Như Lai được Bốn vô sở úy? Muốn nói Như Lai thành Đẳng Chánh Giác, nếu có chúng sanh muốn nói biết việc này, ắt không được. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn muốn đến chê bai Phật không thành Đẳng Chánh Giác, ắt không được. Do chê bai không được, nên Ta an ổn.

Lại nữa, nay Ta nói đã hết các hữu lậu. Giả sử có Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, hoặc Ma trời muốn đến nói Ta chưa dứt hữu lậu, ắt không được. Do không được như thế, nên Ta an ổn.

Lại nữa, pháp Ta nói ra là pháp Hiền Thánh được xuất yếu, chấm dứt mé khổ như thật. Nếu có Sa-môn, Bà-la-môn, Trời, Ma trời muốn đến nói Ta chưa hết mé khổ, ắt không được. Vì không được như thế, nên Ta an ổn.

Lại nữa, Ta nói về nội pháp rơi trong đường ác. Giả sử có Sa-môn, Bà-la- môn đến, muốn nói không phải, ắt không được.

Này, Tỳ-kheo, đó là Như Lai có Bốn vô sở úy. Giả sử hàng ngoại đạo dị học nói rằng: 'Sa-môn Cù-đàm kia có những thế lực gì? Có vô úy gì, mà tự xưng là bậc Vô trước, Tối tôn?'. Các Thầy nên đem Mười lực này mà trả lời họ.

Giả sử có ngoại đạo dị học lại nói như vầy: 'Chúng ta cũng thành tựu Mười lực'. Tỳ-kheo các Thầy nên hỏi họ rằng: 'Các Ông có Mười lực gì?'. Khi ấy hàng ngoại đạo dị học chắc chắn không thể trả lời, họ bèn tăng thêm lòng giận tức. Vì sao? Ta chưa từng thấy Sa-môn, Bà-la-môn nào tự xưng rằng được Bốn vô sở úy, trừ đức Như Lai.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, hãy tìm phương tiện thành tựu Mười lực, Bốn thứ vô úy!

Như thế, Tỳ-kheo, nên học điều này.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có Mười niệm, nên phân biệt rộng, tu hành Mười niệm ấy, sẽ dứt sạch dục ái, sắc ái, vô sắc ái, kiêu mạn, vô minh. Thế nào là mười? Là niệm Phật,

niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Chỉ Quán, niệm An-ban, niệm Thân, niệm Tử.

Này các Tỳ-kheo, có chúng sanh tu hành Mười niệm này, dứt sạch được dục ái, sắc ái, vô sắc ái, tất cả vô minh kiêu mạn, thảy đều trừ sạch. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Gần gũi bậc vua chúa vương gia có mười việc phi pháp. Thế nào là mười? Khi nước ấy khởi tâm mưu hại muốn giết vua, do âm mưu ấy nên nhà vua mạng chung. Dân chúng nước ấy bèn khởi nghĩ rằng: 'Các Sa-môn đạo sĩ nầy thường lui tới, đây ắt là do Sa-môn gây nên'. Đây là điều phi pháp thứ nhất của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa khi quan đại thần phản nghịch bị vua bắt và làm hại; khi ấy, nhân dân bèn khởi nghĩ rằng: 'Sa-môn đạo sĩ nầy thường lui tới, đây chắc là Sa- môn làm ra'. Đây là điều phi pháp thứ hai của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, khi tài bảo trong nước bị mất, người giữ kho liền khởi ý nghĩ nầy: 'Các báu vật này ta thường giữ gìn, không ai khác vào đây, chắc là Sa-môn lấy đi'. Đây là điều phi pháp thứ ba của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, khi con gái nhà vua đang lúc tuổi trẻ, chưa chồng mà mang thai; khi ấy, nhân dân bèn khởi nghĩ rằng: 'Trong đây không ai lui tới, chắc là do Sa- môn gây ra'. Đây là điều phi pháp thứ tư của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, khi vua bị bệnh nặng, trúng thuốc độc của người khác; khi ấy, nhân dân bèn nghĩ rằng: 'Trong đây không có ai khác, chắc là do Sa-môn gây nên'. Đây là điều phi pháp thứ năm của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, vua chúa, đại thần cùng tranh đấu nhau, giết hại nhau; khi ấy, nhân dân bèn nghĩ rằng: 'Các đại thần này vốn hòa hợp nhau, nay lại chống trái nhau, điều này không do ai khác gây nên, chắc là do Sa-môn đạo sĩ'. Đây là điều phi pháp thứ sáu của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, hai quốc gia cùng đánh nhau tranh phần thắng; khi ấy nhân dân bèn khởi nghĩ: 'Sa-môn đạo sĩ này thường lui tới trong đó, ắt là Sa-môn ấy gây chuyện'. Đây là

điều phi pháp thứ bảy, của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, quốc vương vốn ưa thích bố thí tài vật cho dân chúng, sau lại bỏn sẻn không chịu ban phát; khi ấy, nhân dân đều khởi nghĩ rằng: 'Vua của chúng ta vốn thích bố thí, nay lại bỏn sẻn tham lam không có tâm bố thí, đây ắt là Sa-môn gây nên'. Đây là điều phi pháp thứ tám, của nạn gần gũi quốc vương.

Lại nữa, vua thường dùng Chánh pháp để thâu tài vật của dân chúng, sau lại phi pháp lấy tài bảo của dân; khi ấy, nhân dân đều khởi nghĩ rằng: 'Vua của chúng ta vốn dùng Chánh Pháp để lấy tài vật nhân dân, nay lại dùng phi pháp để lấy tài vật. Đây chắc do Sa-môn gây nên'. Đây là điều phi pháp thứ chín, của nạn gần gũi quốc vương'.

Lại nữa, nhân dân khắp nước bị bệnh bởi do duyên đời trước; khi ấy, nhân dân đều khởi nghĩ rằng: 'Lúc trước chúng ta không có bệnh, nay mọi người đều bị bệnh, người chết đầy đường, chắc là do chú thuật của Sa-môn gây nên'. Đây là điều phi pháp thứ mười, của nạn gần gũi quốc vương.

Này Tỳ-kheo! Đó là mười điều phi pháp, tai nạn của sự gần gũi quốc vương. Cho nên các Tỳ-kheo chớ sanh tâm gần gũi vua chúa. Như thế, này các Tỳ- kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu nhà vua thành tựu mười pháp thì không tồn tại lâu, trong nước sinh nhiều đạo tặc. Thế nào là mười? Khi nhà vua tham lam keo kiệt, chỉ do chút việc nhỏ, bèn sân giận, không xem xét nghĩa lý. Đây là pháp đầu tiên, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua tham đắm tài vật, không chịu kém. Đây là pháp thứ hai, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua không nghe lời can gián, là người bạo ngược không có lòng từ. Đây là pháp thứ ba, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua bắt người oan uổng, trói buộc giam cầm trong ngục không có ngày ra. Đây là pháp thứ tư, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua dùng điều phi pháp trị nước, không theo lệnh hạnh chánh. Đây là pháp thứ năm khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua tham đắm sắc đẹp người khác, xa lánh vợ mình. Đây là pháp thứ sáu, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua ưa uống rượu, không màng đến việc triều đình. Đây là pháp thứ bảy, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua ưa ca múa vui chơi, không tham dự triều chính. Đây là pháp thứ tám, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua thường đau ốm, không có ngày khỏe mạnh. Đây là pháp thứ chín, khiến không tồn tại lâu.

Lại nữa, nhà vua không tin đại thần trung hiếu, người phụ tá hiếm hoi, không có bầy tôi mạnh. Đây là pháp thứ mười, khiến không tồn tại lâu.

Nay chúng Tỳ-kheo cũng vậy, nếu thành tựu mười pháp sau, sẽ không làm tăng trưởng cột công đức lành, sau khi chết rơi vào địa ngục. Thế nào là mười pháp?

Ở đây, Tỳ-kheo không giữ giới cấm, cũng không có tâm cung kính đối với giới. Đây là pháp thứ nhất khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không kính vâng Phật, không tin lời chân thật. Đây là pháp thứ hai, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không thừa sự pháp, sơ sót về giới luật. Đây là pháp thứ ba, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không thừa sự Thánh chúng, thường có ý tự ty, không tin lời dạy của chúng. Đây là pháp thứ tư, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo tham đắm lợi dưỡng, tâm không buông bỏ. Đây là pháp thứ năm, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không học hỏi nhiều, không siêng tụng đọc, luyện tập. Đây là pháp thứ sáu, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không vâng lời thiện tri thức, thường nghe theo ác tri thức. Đây là pháp thứ bảy, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo ưa bày chuyện không nhớ tọa Thiền. Đây là pháp thứ tám, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo thích toán số, trái đạo hợp thế tục, không tu tập Chánh pháp. Đây là pháp thứ chín, khiến không được bền lâu.

Lại nữa, Tỳ-kheo không ưa tu Phạm hạnh, tham đắm bất tịnh. Đây là pháp thứ mười, khiến không được bền lâu.

Đó gọi là Tỳ-kheo thành tựu mười pháp này, chắc chắn rơi trong ba đường ác, không sanh chỗ lành.

Nếu nhà vua thành tựu mười pháp sau, bèn được ở ngôi báu lâu đài. Thế nào là mười?

Ở đây, nhà vua không tham đắm tài vật, không khởi sân hận, lại không vì chuyện nhỏ mà khởi tâm oán hại. Đây là pháp thứ nhất, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua nghe lời quần thần can ngăn, không trái ngược các quan. Đây là pháp thứ hai, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua thường thích bố thí, nhân dân đồng ca ngợi. Đây là pháp thứ ba, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua đúng pháp thâu tài vật, không phi pháp. Đây là pháp thứ tư, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua không đam mê sắc đẹp người khác, thường bảo hộ vợ mình. Đây là pháp thứ năm, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua không uống rượu, tâm không mê loạn. Đây là pháp thứ sáu, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua không thích vui chơi hay hàng phục quân địch. Đây là pháp thứ bảy, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua trị dân đúng pháp, trọn không cong vạy. Đây là pháp thứ tám, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua hòa hợp với quần thần không chống đối. Đây là pháp thứ chín, khiến được bền lâu.

Lại nữa, nhà vua không bệnh hoạn, khí lực cường thạnh. Đây là pháp thứ mười, khiến được bền lâu

Nếu nhà vua thành tựu mười pháp này, ngôi báu được lâu dài không lo ngại.

Chúng Tỳ-kheo cũng lại như thế, nếu thành tựu mười pháp này, trong khoảng duỗi cánh tay, liền được sanh lên trời. Thế nào là mười?

Tỳ-kheo vâng giữ giới cấm, giới đức đầy đủ, không phạm Chánh pháp. Đây là pháp thứ nhất, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo đối với Như Lai có lòng cung kính. Đây là pháp thứ hai, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo thuận theo giáo pháp, không phạm một lỗi. Đây là pháp thứ ba, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo phụng sự Thánh chúng, không có tâm lười biếng. Đây là pháp thứ tư, được sanh cõi trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo thiểu dục tri túc, không đắm trước lợi dưỡng. Đây là pháp thứ năm, được sanh cõi trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo không tự làm theo ý mình, thường tùy theo giới pháp. Đây là pháp thứ sáu, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo không đam mê công việc, thường ưa tọa Thiền. Đây là pháp thứ bảy, được sanh cõi trời.

Lại nữa, Tỳ-kheo ưa ở chỗ vắng, không ở trong nhân gian. Đây là pháp thứ tám, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo không thuận theo ác tri thức, thường nghe theo thiện tri thức. Đây là pháp thứ chín, được sanh cõi lành.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường tu Phạm hạnh, xa lìa pháp ác, nghe nhiều, học nghĩa lý không mất thứ lớp. Đây là pháp thứ mười, được sanh cõi lành.

Như thế, Tỳ-kheo thành tựu mười pháp được sanh cõi lành, cõi trời, nhanh như trong khoảng duỗi cánh tay. Này Tỳ-kheo, các hạnh phi pháp rơi vào địa ngục nên nhớ xa lìa, mười hạnh Chánh pháp nên cùng vâng theo tu tập. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, phần đông Tỳ-kheo đến thời, đắp y, mang bát vào thành La-duyệt khất thực. Khi ấy, các Tỳ-kheo khởi nghĩ: Chúng ta vào thành khất thực, thời giờ còn sớm, chúng ta có thể đến chỗ ngoại đạo dị học để cùng họ luận nghị'. Lúc đó, các Tỳ-kheo đi đến chỗ ngoại đạo dị học. Ngoại đạo dị học xa thấy các Sa-môn đến, mỗi người tự bảo nhau:

- Chúng ta nên im lặng đừng nói lớn tiếng. Nay có đệ tử của Sa-môn Cù- đàm đến đây, pháp của Sa-môn thường khen ngợi người yên lặng. Họ muốn biết chánh pháp của chúng ta có loạn, không loạn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đến chỗ ngoại đạo dị học, cùng chào hỏi và ngồi một bên. Ngoại đạo hỏi các Tỳ-kheo:

- Sa-môn Cù-đàm vì hàng đệ tử các Ông nói pháp vi diệu này: 'Các Tỳ-kheo có hiểu suốt tất cả các pháp mà tự vui thích chăng?' Chúng tôi cũng nói pháp vi diệu này cho hàng đệ tử để tự vui thích. Điều của chúng tôi nói có khác gì các Ông? Có sai biệt gì? Nói pháp giáo giới một loại không khác.

Khi ấy, các Tỳ-kheo nghe ngoại đạo dị học nói, không khen hay, cũng không nói dở, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cáo từ mà đi. Các Tỳ-kheo tự nói với nhau: 'Chúng ta nên đem nghĩa này về bạch lại Thế Tôn. Nếu Như Lai có chỉ dạy, chúng ta sẽ ghi nhớ vâng theo'.

Bấy giờ, chúng Tỳ-kheo vào thành La-duyệt khất thực, rồi trở về phòng cất y bát, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Các Tỳ-kheo đem đầu đuôi câu chuyện thưa hết với Phật.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các ngoại đạo dị học ấy hỏi nghĩa này rồi, các Thầy nên đem lời này đáp, là luận về một pháp, nghĩa một quán, diễn nói một pháp, cho đến luận về mười pháp, nghĩa mười pháp, diễn nói mười pháp. Nói lời này là có những nghĩa gì? Nếu các Thầy đem lời này đến hỏi, người ấy chắc không thể đáp. Ngoại đạo dị học kia bèn tăng thêm nghi lầm. Vì

sao? Vì chẳng phải cảnh giới của họ.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Ta không thấy có Trời, Người, Ma, Thiên ma, Đế Thích, Phạm thiên vương có thể đáp lại lời này. Trừ Như Lai và đệ tử Như Lai từng theo Ta nghe dạy.

Luận về một pháp, nghĩa một pháp, diễn nói một pháp, tuy Ta nói nghĩa này, do cớ gì mà nói thế? Tất cả chúng sanh do ăn uống mới sống, không ăn thì chết. Tỳ-kheo ấy bình đẳng chán ghét tai họa, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt nghĩa kia, bình đẳng chấm dứt mé khổ, đồng một nghĩa không hai. Đó là luận về một pháp, nghĩa một pháp, diễn nói một pháp.

Luận về hai pháp, nghĩa hai pháp, diễn nói hai pháp, tuy Ta nói nghĩa này, do cớ gì mà nói nghĩa này? Nghĩa là danh và sắc. Thế nào gọi là danh? Nghĩa là thọ, tưởng, niệm (hành), tư duy (thức), đó là danh. Thế nào là sắc? Tứ đại và tứ đại tạo sắc, đó gọi là sắc, do duyên này nên gọi là sắc. Luận về hai pháp, nghĩa hai pháp, diễn nói hai pháp, do nhân duyên này nên Ta nói thế. Tỳ-kheo bình đẳng chán ghét tai họa, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt mé khổ.

Luận về ba pháp, nghĩa ba pháp, diễn nói ba pháp. Do cớ gì mà nói nghĩa này? Nghĩa là ba thọ. Thế nào là ba? Là thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui. Thế nào gọi là thọ vui? Nghĩa là tâm tưởng vui không phân tán, đó gọi là thọ vui. Thế nào là thọ khổ? Nghĩa là tâm tán loạn không nhất định, suy nghĩ bao nhiêu tưởng, đây gọi là thọ khổ. Thế nào là thọ không khổ không vui? Nghĩa là tâm không có tưởng khổ, không tưởng vui, cũng không tư duy về pháp và phi pháp, thường tự lặng lẽ tâm không phạm, cho nên gọi là không khổ không vui. Đó là ba thọ. Tỳ-kheo bình đẳng chán ghét tai họa, bình đẳng giải thoát, bình đẳng quán sát, bình đẳng phân biệt nghĩa này, bình đẳng chấm dứt mé khổ. Đó là luận ba pháp, nghĩa ba pháp, diễn nói ba pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về bốn pháp, nghĩa bốn pháp, diễn nói bốn pháp, do những cớ gì mà nói nghĩa này? Nghĩa là Tứ đế. Thế nào là Tứ đế? Là Khổ, Tập, Diệt, Đạo thánh đế.

Thế nào là Khổ đế? Là sanh khổ, già khổ, bệnh khổ, chết khổ, ưu bi não khổ, oán ghét gặp khổ, ân ái chia lìa khổ, mong cầu không được khổ.

Thế nào gọi là Tập đế? Là gốc ái tương ưng với dục. Đó là Tập đế.

Thế nào gọi là Khổ tận đế (Diệt đế)? Nghĩa là ái kia vĩnh viễn chấm dứt không sanh lại. Đó là Khổ tận đế.

Thế nào gọi là Khổ yếu đế (Đạo đế)? Nghĩa là Tám đạo phẩm Hiền Thánh: Chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh mạng, chánh nghiệp, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Đó là Tám đạo phẩm Hiền Thánh.

Tỳ-kheo bình đẳng chán ghét tai họa, bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt nghĩa ấy, bình đẳng quán sát, bình đẳng chấm dứt mé khổ. Đó gọi là

luận về bốn pháp, nghĩa bốn pháp, diễn nói bốn pháp. Điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về năm pháp, nghĩa năm pháp, diễn nói năm pháp. Nay Ta nói, do những gì mà nói như vậy? Là Năm căn. Thế nào là năm căn? Tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, tuệ căn.

Thế nào gọi là tín căn? Nghĩa là đệ tử Hiền Thánh tin vào đạo pháp của Như Lai, Như Lai là bậc Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Đạo Pháp Ngự, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Đó là tín căn.

Thế nào gọi là tấn căn? Là thân và tâm siêng năng không lười mỏi diệt pháp bất thiện, khiến pháp lành tăng trưởng, tâm thường gìn giữ. Đó là tấn căn.

Thế nào gọi là niệm căn? Niệm căn là không quên những điều đã tụng, thường ghi nhớ trong tâm, gìn giữ không mất, pháp hữu vi vô lậu trọn không quên mất. Đó là niệm căn.

Thế nào gọi là định căn? Định căn là tâm không tán loạn, không có bao nhiêu tưởng, thường chuyên ròng một ý. Đó là định căn.

Thế nào gọi là tuệ căn? Là biết Khổ, biết Tập, biết Tận, biết Đạo. Đó là tuệ căn.

Đây là Năm căn, Tỳ-kheo ở trong đây bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt nghĩa ấy, bình đẳng chấm dứt mé khổ. Luận về năm pháp, nghĩa năm pháp, diễn nói năm pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về sáu pháp, nghĩa sáu pháp, diễn nói sáu pháp. Do cớ gì Ta nói như thế? Là sáu pháp trọng. Thế nào là sáu? Ở đây, Tỳ-kheo thân thường hành từ, hoặc ở thất vắng, hoặc thường nhất tâm, thường cùng hòa hợp bậc đáng tôn quý; đó là pháp trọng thứ nhất. Lại nữa, miệng hành từ, đáng kính đáng quý; đó là pháp trọng thứ hai. Lại nữa, ý hành từ không khởi tật đố ghen ghét, đáng kính đáng quý; đó là pháp trọng thứ ba. Lại nữa, nếu được lợi dưỡng trong bát có dư, đều dùng tâm bình đẳng chia cho những người đồng Phạm hạnh; đó là pháp trọng thứ tư. Lại nữa vâng giữ giới cấm không để rơi mất, là điều quý trọng của Hiền Thánh; đó là pháp trọng thứ năm. Lại nữa, pháp chánh kiến Hiền Thánh được xuất yếu, được chấm dứt mé khổ, ý không tán loạn cùng với những người đồng Phạm hạnh đồng tu hạnh này; đó

là pháp trọng thứ sáu. Tỳ-kheo bình đẳng chán ghét họa hoạn, bình đẳng giải thoát, bình đẳng phân biệt nghĩa này, bình đẳng chấm dứt mé khổ. Luận về sáu pháp, nghĩa sáu pháp, diễn nói sáu pháp, điều Ta nói chính là đây.

Luận về bảy pháp, nghĩa bảy pháp, diễn nói bảy pháp. Do những cớ gì mà nói như thế? Đó là chỗ dừng nghỉ của thần thức. Thế nào là bảy? Hoặc có chúng sanh bao nhiêu tưởng bao nhiêu thân, đó là Trời và Người. Hoặc có chúng sanh bao nhiêu thân một tưởng, đó là Trời phạm Ca-di xuất hiện tối sơ. Hoặc có chúng sanh một tưởng một thân, đó là Trời Quang Âm. Hoặc có chúng sanh một thân bao nhiêu tưởng, đó là Trời Biến Tịnh. Hoặc có chúng sanh vô lượng Không xứ, đó là Trời Không xứ. Hoặc có chúng sanh vô lượng Thức xứ, đó là Trời Thức xứ. Hoặc có chúng sanh vô lượng Vô sở hữu xứ, đó là Trời Bất dụng xứ. Hoặc có chúng sanh vô lượng Hữu tưởng vô tưởng xứ, đó là Trời Hữu tưởng vô tưởng. Này Tỳ-kheo! Đó là bảy nơi thần thức dừng nghỉ. Ở đây, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát cho đến bình đẳng chấm dứt mé khổ. Luận về bảy pháp, nghĩa bảy

pháp, diễn nói bảy pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về tám pháp, nghĩa tám pháp, diễn nói tám pháp, do cớ gì mà nói như thế? Nghĩa là tám việc ở thế gian, theo thế gian xoay chuyển. Thế nào là tám? Đó là lợi, suy, hủy, dự, xưng, cơ, khổ, lạc, là tám việc của thế gian, theo thế gian xoay chuyển. Ở đây, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát cho đến bình đẳng chấm dứt mé khổ. Luận về tám pháp, nghĩa tám pháp, diễn nói tám pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về chín pháp, nghĩa chín pháp, diễn nói chín pháp, do cớ gì mà nói như thế? Là chín nơi cư trú của chúng sanh. Thế nào là chín? Nếu có chúng sanh có bao nhiêu thân, bao nhiêu tưởng, đó là Trời và Người. Hoặc có chúng sanh bao nhiêu thân một tưởng, là Trời phạm Ca-di tối sơ xuất hiện. Hoặc có chúng sanh một tưởng một thân, đó là Trời Quang Âm. Hoặc có chúng sanh một thân bao nhiêu tưởng, đó là Trời Biến Tịnh. Hoặc có chúng sanh Không xứ vô lượng, đó là Trời Không xứ. Hoặc có chúng sanh Thức xứ vô lượng, đó là Trời Thức xứ. Hoặc có chúng sanh Vô sở hữu xứ vô lượng, đó là Trời Bất dụng xứ. Hoặc có chúng sanh Hữu tưởng vô tưởng xứ vô lượng, đó là Trời Hữu tưởng vô tưởng. Chúng sanh cõi vô tưởng và các loại chúng sanh là chín nơi thần thức dừng nghỉ. Ở đây, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát cho đến bình đẳng chấm dứt mé khổ. Luận về chín pháp, nghĩa chín pháp, diễn nói chín pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Luận về mười pháp, nghĩa mười pháp, diễn bày mười pháp. Do cớ gì mà nói như thế? Đó là mười niệm. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, niệm Giới, niệm Thí, niệm Thiên, niệm Hưu tức (chỉ quán), niệm An-ban (sổ tức), niệm Thân, niệm Tử. Đó là mười niệm. Ở đây, Tỳ-kheo bình đẳng giải thoát cho đến bình đẳng chấm dứt mé khổ. Luận về mười pháp, nghĩa mười pháp, diễn nói mười pháp, điều Ta nói chính là đây vậy.

Tỳ-kheo! Như thế là từ một pháp đến mười pháp. Tỳ-kheo nên biết, nếu ngoại đạo dị học nghe lời này còn không thể nhìn mặt, huống là đáp lại. Nếu Tỳ-kheo hiểu nghĩa này thì trong hiện pháp vị ấy là người tôn quý bậc nhất.

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo suy nghĩ về nghĩa này cho đến mười năm thì chắc chắn vị ấy chứng được quả thứ hai, hoặc A-la-hán, hoặc A-na-hàm. Này Tỳ- kheo, không cần mười năm, hoặc chỉ trong một năm tư duy nghĩa này thì chắc chắn thành tựu quả thứ hai, trọn không thối thất giữa chừng. Tỳ-kheo không cần một năm, hàng bốn chúng chỉ trong mười tháng cho đến một tháng, suy nghĩ nghĩa này, chắc chắn thành tựu quả thứ hai, cũng không thối chuyển giữa chừng. Không cần một tháng, hàng bốn chúng chỉ trong bảy ngày suy nghĩ nghĩa này, chắc chắn thành tựu quả thứ hai, trọn không nghi ngờ.

Bấy giờ, A-nan đứng sau Phật, cầm quạt hầu Phật, bạch rằng:

- Thưa Thế Tôn, Pháp này rất sâu xa, nếu nơi nào có pháp này, nên biết là gặp được Như Lai. Thưa Thế tôn, Pháp này tên là gì và làm thế nào để phụng hành?

Phật bảo A-nan:

- Kinh này tên là 'Ý nghĩa của Mười Pháp'. Nên ghi nhớ vâng làm.

Bấy giờ, A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có người tu hành mười tưởng, liền dứt sạch hữu lậu, được thần thông, chứng quả dần đến Niết-bàn. Thế nào là mười? Nghĩa là tưởng xương trắng, tưởng bầm xanh, tưởng sình trương, tưởng ăn không tiêu, tưởng máu, tưởng bị ăn nuốt, tưởng hữu thường vô thường, tưởng tham thực, tưởng sự chết, tưởng tất cả điều không vui của thế gian. Đó gọi là Tỳ-kheo tu mười tưởng này, được dứt sạch hữu lậu, đến cảnh giới Niết-bàn.

Lại nữa, Tỳ-kheo! Trong mười tưởng ấy, tưởng về tất cả điều không vui của thế gian là bậc nhất hơn hết. Vì sao? Nếu có người tu về tưởng những điều không vui của thế gian và người giữ lòng tin vâng theo Phật pháp thì hai người này chắc chắn vượt thứ lớp mà chứng quả.

Thế nên, các Tỳ-kheo! Nếu khi ngồi dưới cội cây, nơi chỗ vắng, chỗ trống, nên suy nghĩ về mười tưởng này.

Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Tỳ-kheo đó bạch Phật:

- Hôm nay, Như Lai vì các Tỳ-kheo dạy pháp mười tưởng. Ai có thể tu tập mười tưởng ấy thì sẽ dứt sạch các hữu lậu, thành tựu hạnh vô lậu. Nhưng bạch Thế Tôn! Như con không thể kham tu hành mười tưởng ấy. Vì sao? Vì con có nhiều tâm dục, thân ý lẫy lừng không thể dừng nghỉ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo Tỳ-kheo đó rằng:

- Nay Thầy nên bỏ tưởng tịnh mà suy nghĩ về tưởng bất tịnh, bỏ tưởng hữu thường mà suy nghĩ về tưởng vô thường, bỏ tưởng hữu ngã mà suy nghĩ về tưởng vô ngã, bỏ tưởng những điều vui thích mà suy nghĩ về tưởng các điều không vui. Vì sao? Nếu Tỳ-kheo suy nghĩ về tưởng tịnh thì tâm dục lừng

lẫy, nếu suy nghĩ về tưởng bất tịnh thì không còn tâm dục. Tỳ-kheo nên biết! Dục là bất tịnh như đống phân kia, dục như con vẹt lắm điều, dục hay phản bội như rắn độc, dục như huyễn hóa, như mặt trời tan tuyết. Nên suy nghĩ lìa bỏ dục như tránh xa gò mả,

dục trở lại tự hại như rắn chứa nọc độc; họa của dục không chán như uống nước muối; dục khó đầy như biển nuốt dòng sông; dục có nhiều sự đáng sợ như làng quỷ La-sát; dục như oan gia thường phải xa lìa; dục như ít vị ngọt dính trên lưỡi dao; dục không thể yêu mến như xương trắng bên đường; dục hiện dáng bề ngoài như hoa mọc từ chuồng heo; dục không chân thật như bình đựng đồ nhơ nhớp, bên ngoài thấy lạ; dục không chắc chắn như đống bọt.

Tỳ-kheo! Nay Thầy nên nghĩ xa lìa tưởng tham dục mà suy nghĩ về tưởng bất tịnh. Tỳ-kheo! Nay Thầy hãy nhớ rằng, xưa kia Phật Ca-diếp đã vâng theo và thực hành mười tưởng, nay nên suy nghĩ thêm về mười tưởng ấy thì tâm hữu lậu liền giải thoát.

Bấy giờ, Tỳ-kheo đó buồn khóc rơi lệ không thôi, liền đảnh lễ chân Phật, bạch Phật rằng:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Con ngu si mê muội đã lâu, Như Lai đích thân nói mười tưởng, con mới có thể xa lìa. Nay tự sám hối sau không dám phạm. Cúi xin Như Lai nhận sự cải hối của con, xin tha thứ cho.

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Cho phép Thầy sửa đổi lỗi lầm, chớ phạm trở lại. Như Lai đã dạy Thầy mười tưởng mà Thầy không chịu phụng trì.

Khi ấy, Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, liền đến chỗ vắng, tự chế phục mình, suy nghĩ rằng vốn là con nhà hào tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, tu Phạm hạnh vô thượng, là muốn đạt kết quả sở nguyện; sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ lại thân sau, biết như thật. Tỳ-kheo đó liền thành A-la-hán.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

Kết cấm, Thánh hiền cư,
Hai lực và mười niệm,
Thân vua, không sợ hãi,
Mười luận, tưởng, quán tưởng.
---o0o---

XXXXVII. Phẩm Thiện ác

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu chúng sanh thực hành mười pháp liền được sanh lên trời, lại thực hành mười pháp liền sanh trong đường ác, lại tu hành mười pháp liền được vào cảnh giới Niết-bàn.

Thế nào là thực hành mười pháp sanh trong đường ác? Ở đây, có người sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, nói thêu dệt, nói lời ác, nói hai lưỡi đâm thọc gây rối đôi bên, tật

đố, sân hận, tà kiến. Đó là mười pháp, chúng sanh thực hành mười pháp này, sẽ đọa trong đường ác.

Thế nào là thực hành mười pháp được sanh lên trời? Khi người không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không nói thêu dệt, không nói lời ác, không nói hai lưỡi đâm thọc gây rối đôi bên, không tật đố, không sân hận, không khởi tà kiến. Đó là mười pháp, chúng sinh thực hành mười pháp này liền được sanh lên trời.

Thế nào là thực hành mười pháp được vào Niết-bàn? Đó là mười niệm: niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tỳ-kheo Tăng, niệm Thiên, niệm Giới, niệm Thí, niệm Hưu tức, niệm An-ban, niệm Thân, niệm Tử. Đó là mười pháp, chúng sinh thực hành mười pháp này liền được vào Niết-bàn.

Các Tỳ-kheo nên biết! Nên rời bỏ những việc sanh lên trời và rơi trong đường ác, nên khéo vâng giữ tu tập theo mười pháp vào Niết-bàn. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Do gốc mười điều ác, ngoại vật còn suy giảm huống gì nội pháp. Thế nào là mười? Là sát sanh, trộm cắp, dâm dục, nói dối, nói thêu dệt, nói lời ác, nói hai lưỡi đâm thọc gây rối đôi bên, tật đố, sân hận, tà kiến.

Do quả báo của sát sanh nên thọ mạng của chúng sanh rất ngắn. Do quả báo trộm cắp nên chúng sanh sanh ra liền bị nghèo đói. Do quả báo của dâm dục nên gia đình chúng sanh không trinh bạch. Do quả báo nói thêu dệt, nên đất đai không bằng phẳng. Do quả báo của nói hai lưỡi đâm thọc nên đất đai sanh gai góc. Do quả báo nói lời ác nên có nhiều ngôn ngữ. Do quả báo tật đố nên lúa thóc không dồi dào. Do quả báo của sân hận nên có nhiều vật uế ác. Do quả báo của tà kiến nên tự nhiên sanh trong tám địa ngục lớn.

Do quả báo của mười điều ác này nên khiến vật bên ngoài bị suy giảm, huống chi vật bên trong. Thế nên, các Tỳ-kheo, nên nhớ nghĩ xả bỏ xa lìa mười pháp ác, tu hành mười pháp lành. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Chẳng biết Thế Tôn có nói lời nầy không, rằng: 'Bố thí cho Ta được phước nhiều, bố thí cho người khác được phước ít. Hãy bố thí đệ tử Ta, đừng bố thí người khác'?. Nếu có người nói những lời như vậy, há chẳng phải đã hủy báng pháp của Như Lai ư?

Đức Phật bảo nhà vua:

- Ta không nói lời như thế, rằng chỉ nên bố thí cho Ta, đừng bố thí cho người khác. Đại vương nên biết, Ta thường nói thế nầy: 'Nếu trong bát của Tỳ-kheo còn dư thức ăn, đem để vào nước cho các loài trùng nhỏ, cũng còn có phước, huống gì bố thí cho người mà không được phước sao?'.

Nhưng này Đại Vương, Ta có nói thế này: Bố thí cho người trì giới, phước ấy càng tăng nhiều, hơn bố thí cho người phạm giới.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Bố thí cho người trì giới, phước báu tăng nhiều hơn hẳn bố thí cho người phạm giới.

Nhà vua lại bạch Phật:

- Phạm chí Ni-kiền Tử đến nói với con rằng: 'Sa-môn Cù-đàm biết huyễn thuật có thể xoay chuyển người đời'. Bạch Thế Tôn, lời này là đúng hay không đúng chăng?

Phật bảo nhà vua:

- Đúng thế, Đại vương! Như lời đã nói, Ta có pháp huyễn thuật có thể làm thay đổi người thế gian.

Nhà vua bạch Phật:

- Thế nào gọi là pháp huyễn thuật xoay chuyển?

Phật bảo:

- Người sát sanh, tội ấy khó tính lường, người không sát sanh thọ phước vô lượng. Người trộm cắp chịu tội vô lượng, người không trộm cắp được phước vô lượng. Người dâm dục chịu tội vô lượng, người không dâm dục được phước vô lượng. Người tà kiến chịu tội vô lượng, người chánh kiến được phước vô lượng. Ta giải thích về huyền pháp chính là như thế.

Khi ấy, vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Nếu Người, Ma, Thiên ma hoặc loài có hình sắc, hiểu sâu huyễn thuật này, ắt sẽ được hạnh phúc lớn. Từ nay về sau, con không cho phép các ngoại đạo dị học vào trong nước con. Con cho phép hàng bốn chúng thường ở tại cung điện của con, con sẽ thường cúng dường các vị tùy theo chỗ cần dùng.

Đức Phật bảo:

- Đại vương! Chớ nói như thế. Vì sao? Bố thí cho các loài súc sanh cũng được phước báo, bố thí cho người phạm giới cũng được phước báo, bố thí cho người trì giới thì phước báo khó lường, bố thí cho hàng tiên nhơn ngoại đạo được phước một ức lần, bố thí cho các vị Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na- hàm, A-la-hán, Bích-chi Phật và Phật, phước ấy không thể đo lường.

Thế nên, Đại vương, nên phát khởi ý niệm cúng dường đệ tử Thanh văn của chư Phật thời quá khứ, vị lai. Như thế, Đại vương, hãy học điều này!

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, phần đông các Tỳ-kheo, sau khi thọ trai xong đều tụ tập tại giảng đường Phổ Hội, cùng nhau bàn luận về nghĩa này: Bàn luận về chuyện y phục, trang sức, ăn uống; bàn luận về những chuyện chiến tranh, giặc cướp của nước lân bang; bàn luận về rượu chè, dâm dục, ngũ dục; bàn luận về ca vũ, kỹ nhạc. Những chuyện vô ích như thế nhiều không thể tính kể.

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo bàn luận những chuyện ấy, liền đi đến giảng đường Phổ Hội, hỏi các Tỳ-kheo:

- Các Thầy nhóm họp ở đây bàn luận chuyện gì?

Khi ấy, các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Chúng con nhóm họp ở đây cùng bàn luận những việc vô ích như thế.

Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thôi, thôi! Các Tỳ-kheo, chớ bàn luận việc ấy. Vì sao? Những điều luận bàn ấy không có ý nghĩa và cũng không dẫn đến pháp lành. Không do những điều luận bàn này mà được tu Phạm hạnh; không đến được chỗ tịch diệt, Niết-bàn; không được đạo Sa-môn bình đẳng. Đó là những điều luận bàn của thế tục, không phải luận của đường chánh. Các Thầy đã lìa thế tục, xuất gia học đạo, không nên suy nghĩ về những luận bại hoại.

Nếu các Thầy muốn bàn luận, nên bàn luận về mười việc công đức. Thế nào là mười? Là siêng năng tinh tấn; ít muốn biết đủ; có tâm dũng mãnh; đa văn, có thể thuyết pháp cho người; không sợ sệt kinh khủng; đầy đủ giới luật; thành tựu chánh định; thành tựu trí tuệ; thành tựu giải thoát; thành tựu giải thoát tri kiến. Nếu các Thầy muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười điều này.

Vì sao? Vì chúng thấm nhuần tất cả, ích lợi nhiều, được tu Phạm hạnh, được đến chỗ tịch diệt, Niết-bàn. Hôm nay các Thầy là con nhà hào tộc, đã xuất gia học đạo, nên suy nghĩ về mười điều này. Luận này là luận của Chánh pháp, xa lìa đường ác. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đa số các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, đều bàn luận thế này: 'Nay ở thành Xá-vệ, lúa bắp quí hiếm và đắt đỏ, đi khất thực khó. Đức Thế Tôn lại nói nhờ ăn uống mà thân người được tồn tại; thân tứ đại nương vào pháp sở niệm của tâm, pháp là gốc của đường lành. Ngày nay, chúng ta nên cử người thứ lớp khất thực, khiến người ấy được hình sắc đẹp, được nhận sự cực diệu, được y phục, thức ăn uống, sàng tọa, ngọa cụ, thuốc men, cũng há chẳng là điều tốt ư?'

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ thanh tịnh xa nghe các Tỳ-kheo bàn luận điều này, Ngài liền đi đến giảng đường Phổ Hội, vào ngồi tòa chính giữa, hỏi các Tỳ-kheo:

- Các Thầy nhóm họp ở đây bàn luận điều gì?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Chúng con bàn luận về việc rằng nay ở thành Xá-vệ, khất thực khó được, muốn cử người thứ lớp khất thực, để tùy thời được hình sắc đẹp, y phục tốt, mền nệm, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men trị bệnh. Điều bàn luận của chúng con chính là điều này.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo đi xin để được cúng dường bốn thứ cần dùng như y phục, thức ăn, sàng tọa, thuốc men trị bệnh, lại dùng những thứ sắc, thinh, hương, vị, xúc, pháp thượng đẳng sao?

Ta thường dạy các Thầy, khất thực có hai việc, nên gần gũi và không nên gần gũi. Nếu như được y phục, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men trị bịnh mà tăng thêm pháp ác, không có pháp lành, thì không nên gần gũi. Nếu khất thực được y phục, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men trị bịnh mà tăng trưởng pháp lành, không tăng trưởng pháp ác, thì việc này nên gần gũi.

Tỳ-kheo các Thầy ở trong pháp này muốn bàn luận điều gì, mà điều luận bàn ấy, không phải là luận Chánh pháp, thì nên bỏ pháp ấy, chớ suy nghĩ vì không do điều này đạt đến Niết-bàn, an trú, diệt tận.

Nếu muốn bàn luận, nên bàn luận mười điều này. Thế nào là mười? Là siêng năng, ít muốn biết đủ, có tâm dũng mãnh, đa văn hay vì người thuyết pháp, không sợ sệt kinh khủng, đầy đủ giới luật, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Nếu các Thầy muốn bàn luận, nên bàn luận về mười điều này. Vì cớ sao? Vì những điều này thấm nhuần tất cả, lợi ích nhiều, được tu Phạm hạnh, đến cảnh giới Niết-bàn, vô vi, diệt tận.

Luận này là nghĩa của Sa-môn, nên suy nghĩ ghi nhớ, chớ rời tâm. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đa số các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, bàn luận khác nhau thế này:

- Nay ở thành Xá-vệ khất thực khó được, chẳng phải chỗ an ổn của Tỳ-kheo. Chúng ta nên cử người thứ lớp khất thực, Tỳ-kheo khất thực này sẽ được y phục, mền, nệm, thức ăn uống, sàng tọa, thuốc men trị bịnh không bị thiếu.

Bấy giờ, trong chúng có một Tỳ-kheo nói với mọi người rằng:

- Chúng ta không thể ở tại đây khất thực, nên cùng nhau đi sang nước Ma- kiệt-đà khất thực. Nước ấy lúa thóc nhiều và rẻ, thức ăn uống đầy đủ.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Chúng ta không nên sang nước đó khất thực. Vì sao? Vua A-xà-thế cai trị nước ấy, làm nhiều việc phi pháp, lại giết hại phụ vương, kết bạn với Đề-bà- đạt-đa. Do nhân duyên này, nên không thể sang đó khất thực.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Nay tại nước Câu-lưu-xa, dân chúng đông đúc, giàu có nhiều tài bảo, nên đến nước đó khất thực.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Chúng ta không nên khất thực ở nước ấy. Vì sao? Vua Ác Sanh cai trị nước ấy rất hung ác, không nhân từ, dân chúng hung bạo ưa gây gổ, đánh nhau. Do nhân duyên này không nên khất thực tại nước ấy.

Lại có Tỳ-kheo nói:

- Chúng ta nên đến thành Câu-diệm Ba-la-nại, là nơi cai trị của vua Ưu Điền. Nhà vua một lòng tin Phật pháp, không đổi ý. Chúng ta nên đến nước đó khất thực, sở nguyện đều đầy đủ.

Bấy giờ, Thế tôn dùng Thiên nhĩ nghe các Tỳ-kheo bàn luận những điều như thế, liền chỉnh đốn y phục, đến chỗ các Tỳ-kheo, ngồi tòa chính giữa, hỏi các Tỳ-kheo rằng:

- Các Thầy nhóm họp ở đây bàn luận việc gì? Nói những việc gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Chúng con nhóm họp tại đây, bàn luận điều này: 'Nay trong thành Xá-vệ, lúa thóc quý hiếm và đắt, khất thực khó được, nên cùng đi sang nước Ma- kiệt-đà khất thực, vì nước ấy giàu có phong phú, việc khất thực dễ dàng'.

Trong đây, lại có Tỳ-kheo nói: 'Chúng ta không nên sang nước ấy khất thực. Vì sao? Vì vua A-xà-thế cai trị nước ấy hành động phi pháp, giết cha, kết bạn với Đề-bà-đạt-đa. Do nhân duyên này, không nên sang đó khất thực'.

Trong đây, lại có Tỳ-kheo nói: 'Nay tại nước Câu-lưu-sa, dân chúng đông đúc giàu có nhiều tài bảo, nên sang đó khất thực'. Lại có Tỳ-kheo nói rằng: 'Chúng ta không nên khất thực ở nước ấy. Vì sao? Vì Vua Ác Sanh cai trị nước ấy là người hung bạo không nhân từ, ưa tranh tụng. Do nhân duyên này không thể sang đó khất thực'.

Lại có Tỳ-kheo nói: 'Chúng ta nên ở tại thành Câu diêm Ba-la-nại, xứ của vua Ưu Điền cai trị. Vua ấy dốc lòng tin Phật pháp, ý không thay đổi, nên khất thực ở nước đó thì sở nguyện đầy đủ'.

Chúng con bàn luận ở đây, chính là điều này.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy chớ khen chê việc cai trị của vua chúa, cũng chớ luận bàn sự hơn kém của vua chúa.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Phàm người làm lành, dữ,
Hành động có căn nguyên,
Mỗi mỗi chịu quả báo,
Trọn không hủy, không mất.
Phàm người làm lành, dữ,
Hành động có căn nguyên, Làm lành được báo lành, Ác chịu quả báo ác.

Cho nên, các Tỳ-kheo! Chớ khởi ý bàn luận quốc sự, bởi không do bàn luận điều này mà được đến Niết-bàn diệt tận, cũng không phải là pháp chơn chánh của hạnh Sa-môn. Nếu bàn luận việc ấy chẳng phải là chánh nghiệp.

Các Thầy nên học bàn luận về mười việc? Thế nào là mười? Là tinh tấn siêng năng, ít muốn biết đủ, có tâm dũng mãnh, đa văn hay vì người thuyết pháp, không sợ sệt không kinh khủng, đầy đủ giới luật, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Nếu các Thầy muốn bàn luận nên bàn luận về mười điều này. Vì sao? Vì chúng thấm nhuần tất cả, được tu Phạm hạnh, đạt đến Niết-bàn diệt tận. Các Thầy đã xuất gia học đạo, xa lìa thế tục, nên siêng năng ghi nhớ mười điều này, chớ rời tâm. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, đa số các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, cùng bàn luận điều này:

- Nay vua Ba-tư-nặc hành động phi pháp, phạm giáo luật Thánh, đoán biết Tỳ-kheo-ni đắc quả A-la-hán mà giữ trong cung mười hai năm, rồi cùng tư thông. Nhà vua lại không thừa sự Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng, không có tâm kính tín đối với A-la-hán, ắt là không có tâm tin Phật, Pháp, Thánh chúng. Chúng ta nên xa lìa, đừng ở lại nước này. Vì sao? Khi nhà vua hành động phi pháp thì các quan đại thần cũng hành động phi pháp. Đại thần đã hành động phi pháp thì kẻ tay chân tả hữu cũng hành động phi pháp. Kẻ nha lại hành động phi pháp thì thường dân cũng hành động phi pháp. Nay chúng ta nên đi nước khác khất thực, đừng ở lại nước này; lại có thể xem xét cách trị nước, phong tục nước ấy, thấy phong tục rồi sẽ thấy chỗ khác nhau.

Bấy giờ, Thế tôn dùng Thiên nhĩ thông nghe các Tỳ-kheo bàn luận điều này, liền đi đến chỗ các Tỳ-kheo, ngồi vào tòa chính giữa. Thế tôn hỏi các Tỳ- kheo:

- Các Thầy nhóm họp ở đây bàn luận điều gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Chúng con ở đây bàn luận việc vua Ba-tư-nặc hành động phi pháp, phạm giáo luật Thánh, đoán biết Tỳ-kheo-ni đắc quả A-la-hán mà giữ trong cung mười hai năm, rồi dùng sắc tiếp đãi. Lại nữa, các bậc đắc đạo hành nghiệp vượt qua ba cõi nhưng nhà vua cũng không thừa sự Phật, Pháp, và Chúng Tăng, không có tâm kính tín đối với A-la-hán, đã không có tâm này ắt là không kính tín Tam Bảo. Chúng ta nên đi xa không nên ở đây. Vì sao? Khi nhà vua hành động phi pháp thì quan đại thần, kẻ tả hữu và nhân dân cũng làm ác. Lại chúng con muốn quan sát phong hóa ở thế gian.

Bấy giờ, Thế Tôn dạy:

- Các Thầy không nên luận bàn việc quốc gia. Nên tự khắc phục mình, bên trong suy nghĩ tỉnh giác, biết phân biệt lượng xét. Nói bàn những điều này thì không hợp lý đạo, cũng không khiến người được tu Phạm hạnh, đến chỗ diệt tận, Niết-bàn vô vi. Nên tự tu phần mình, làm cho pháp thạnh hành, tự quy bậc tối tôn.

Nếu Tỳ-kheo hay tự mình tu tập làm lớn mạnh niềm pháp lạc, hạng người đó là do chính Ta sanh ra. Thế nào gọi là Tỳ-kheo có thể tự làm lớn mạnh niềm pháp lạc, không hư vọng, tự quy bậc Tối tôn? Ở đây, Tỳ-kheo bên trong tự quán sát thân mình, thân ý dừng trụ, tự nhiếp phục tâm mình, trừ bỏ loạn tưởng, không lo buồn. Lại bên ngoài Tỳ-kheo tự quán thân, thân ý dừng trụ, tự nhiếp phục tâm mình, trừ bỏ loạn tưởng, không lo buồn. Tỳ-kheo lại quan sát thân trong và ngoài, thân ý dừng trụ. Tỳ-kheo bên trong quán thọ, bên ngoài quán thọ, trong và ngoài quán thọ; bên trong quán tâm, bên ngoài quán tâm, trong và ngoài quán tâm; bên trong quán pháp; bên ngoài quán pháp, trong và ngoài quán pháp; ý dừng trụ, tự nhiếp phục tâm mình, trừ bỏ loạn tưởng, không lo buồn.

Tỳ-kheo như thế gọi là có thể tự làm lớn mạnh hạnh tu của mình, tăng trưởng pháp lạc, tự quy bậc Tối tôn. Các Tỳ-kheo hiện tại và tương lai có thể tự làm lớn mạnh không mất bốn hạnh, chính là do Ta sanh ra.

Thế nên, này các Tỳ-kheo! Nếu muốn bàn luận, nên bàn luận về mười việc. Thế nào là mười? Là tinh tấn siêng năng, ít muốn và biết đủ, có tâm dũng mãnh, đa văn hay vì người thuyết pháp, không sợ sệt khủng bố, đầy đủ giới luật, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến. Các Thầy muốn bàn luận thì nên bàn luận về mười việc này. Vì sao? Vì mười việc này thấm nhuần tất cả, có nhiều lợi ích, được tu Phạm hạnh, đến Niết-bàn vô vi, chỗ diệt tận. Những điều luận bàn này là nghĩa của Sa-môn. Nên suy nghĩ ghi nhớ, đừng rời tâm. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ, có một trưởng giả, dựng thiền thất cho La-vân. Bấy giờ, Tôn giả La-vân thường ngày nghỉ ngơi trong thất ấy, nhưng hôm nay Tôn giả đi du hóa nhơn gian. Khi ấy, trưởng giả khởi nghĩ: 'Ta nên đến tham Tôn giả La-vân'. Trưởng giả đến, thấy trong thất vắng vẻ, không có người, thấy rồi hỏi các Tỳ-kheo:

- Tôn giả La-vân hiện nay ở đâu?

Các Tỳ-kheo bảo:

- Tôn giả đi du hóa nhơn gian.

Trưởng giả thưa:

- Cúi xin chư Hiền cử người đến ở thất của tôi. Thế Tôn cũng dạy: 'Tạo lập vườn cây, bắt cầu, đóng thuyền, cất nhà xí sạch sẽ gần đường để cho mọi người sử dụng thì được phước báo lâu dài, được thành tựu giới pháp, khi chết sanh cõi Trời'. Do đó, tôi có tạo thất cho Tôn giả La-vân. Nay Tôn giả không thích thất của tôi, cúi xin chư Hiền cử người đến ở đó.

Các Tỳ-kheo trả lời:

- Chúng tôi sẽ làm như lời Trưởng giả thỉnh cầu.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo liền cử một Tỳ-kheo đến ở trong thất.

Khi ấy, Tôn giả La-vân khởi nghĩ: 'Ta xa cách Thế Tôn khá lâu, hiện nay có thể đến thăm hỏi Ngài'. Tôn giả La-vân bèn đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Trong giây lát, Tôn giả rời tòa đứng dậy trở về thất và thấy có Tỳ-kheo khác ở. Thấy thế, Tôn giả hỏi Tỳ-kheo ấy:

- Ai đưa thất tôi cho Thầy?

Tỳ-kheo ấy đáp:

- Chúng Tăng sai tôi, bảo ở thất nầy.

Khi ấy, Tôn giả La-vân trở lại chỗ đức Thế Tôn, đem câu chuyện thưa với Phật:

- Chẳng biết Thế Tôn có dạy chúng Tăng cử người ở tại thất của con, nghỉ ngơi trong ấy chăng?

Đức Phật bảo La-vân:

- Thầy đến nhà trưởng giả mà hỏi trưởng giả rằng: 'Hành động của tôi, có lỗi về thân, miệng, ý chăng? Và tôi có ba điều lỗi của thân, bốn điều lỗi của miệng, và ba điều lỗi của ý chăng? Trưởng giả trước đã cúng thất cho tôi, sau lại đem cho Thánh chúng?'

Khi ấy, Tôn giả La-vân vâng lời Phật dạy, đến nhà trưởng giả, hỏi rằng:

- Tôi có ba điều lỗi của thân, bốn điều lỗi của miệng và ba điều lỗi của ý chăng?

Trưởng giả đáp:

- Tôi không thấy Tôn giả về thân, miệng, ý có lỗi.

La-vân bảo trưởng giả:

- Vì sao Ông lấy lại phòng nhà của tôi đem cho chúng Tăng?

Trưởng giả đáp:

- Tôi thấy nhà trống nên đem cúng chúng Tăng. Lúc đó tôi lại khởi nghĩ: 'Tôn giả La-vân chắc không thích ở trong thất của ta', nên tôi đem cúng.

Tôn giả La-vân nghe trưởng giả nói xong, liền trở lại chỗ đức Thế Tôn, thuật lại đầy đủ câu chuyện. Khi ấy, Thế Tôn liền bảo Tôn giả A-nan mau đánh kiền chùy, các Tỳ-kheo có mặt tại tịnh xá Kỳ Hoàn thảy đều đến nhóm tại giảng đường Phổ Hội. A-nan vâng lời Phật dạy, triệu tập các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Hôm nay Ta sẽ nói về sự bố thí thanh tịnh, các Thầy nên khéo suy nghĩ, ghi nhớ:

Các Tỳ-kheo đáp:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Thế Tôn dạy:

- Thế nào gọi là bố thí thanh tịnh. Ở đây, Tỳ-kheo! Nếu có người đem vật bố thí, sau lại lấy lui và đem cho người khác. Đây gọi là bố thí không chơn chánh, bố thí không bình đẳng. Nếu có người chiếm đoạt vật của người, đem bố thí cho Thánh chúng, hoặc có người chiếm đoạt vật của Thánh chúng, đem bố thí cho người. Đây chẳng phải là bố thí bình đẳng, cũng không phải là bố thí thanh tịnh.

Chuyển luân Thánh vương ở nơi cảnh giới của mình còn được tự tại, Tỳ- kheo đối với y bát của chính mình cũng được tự tại. Nếu lại có người chưa được chính miệng người hứa cho mà lấy vật của người đem cho người khác thì đây chẳng phải là bố thí bình đẳng.

Nay Ta bảo các Tỳ-kheo, nếu thí chủ cho mà người nhận chưa thấy đưa thì đây chẳng phải là bố thí bình đẳng.

Nếu Tỳ-kheo ấy mệnh chung thì nên đưa phòng xá của người ấy ra giữa chúng để làm pháp yết ma. Một người xướng rằng: 'Tỳ-kheo pháp danh ..... mệnh chung, nay đem phòng xá này để chúng Tăng phân chia'. Muốn cử người nào ở phòng ấy, tùy theo lời chúng dạy: 'Chư Hiền! Nay sai Tỳ-kheo pháp danh ..... ở phòng ấy, mọi người cùng chấp nhận. Ai không đồng ý thì nói ra'. Nên nói như thế ba lần. Nếu trong chúng có một người không đồng ý mà đem cho thì không phải là bố thí bình đẳng, ắt là vật không thanh tịnh. Nay nên đem phòng trả lại cho Tỳ-kheo La-vân thanh tịnh thọ nhận.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, Tôn giả Đại Quân-đầu ở tại chỗ vắng, khởi lên ý nghĩa như vầy: 'Làm sao biết được các kiến chấp về trước, về sau, và khoảng giữa?'

Lúc ấy, Đại Quân-đầu đến thời đắp y mang bát, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Tôn giả bạch Phật:

- Nay có các kiến chấp này thích hợp trước và sau, làm sao diệt được chúng và khiến cho những kiến chấp khác không khởi lên?

Thế Tôn bảo:

- Này Quân-đầu! Chỗ phát sanh và chỗ tiêu diệt những kiến chấp ấy đều là vô thường, khổ, không. Quân-đầu! Biết như thế rồi nên khởi nghĩ thế này: Có sáu mươi hai kiến chấp, nên an trụ trong mười điều lành để trừ bỏ các kiến chấp ấy.

Thế nào là mười? Này Quân-đầu! Người kia ưa sát sanh, ta không sát sanh. Người kia ưa trộm cắp, ta không trộm cắp. Người kia phạm vào hạnh thanh tịnh, ta hành hạnh thanh tịnh. Người kia nói dối, ta không nói dối. Người kia nói thêu dệt, ta không nói thêu dệt. Người kia nói lời ác, ta không nói lời ác. Người kia nói hai lưỡi đâm thọc gây rối hai bên, ta không nói hai lưỡi đâm

thọc gây rối hai bên. Người kia tật đố, ta không tật đố. Người kia sân nhuế, ta không sân nhuế. Người kia tà kiến, ta hành chánh kiến.

Quân-đầu nên biết, như từ đường ác được gặp đường chánh, như từ tà kiến được đến chánh kiến, bỏ tà về chánh. Như có người tự mình chìm đắm mà muốn cứu người, trọn không có lý. Mình chưa diệt độ mà muốn khiến người khác diệt độ, việc ấy không được. Như có người tự mình không chìm đắm mới có thể cứu người, lý ấy có thể được. Nay cũng lại như thế, tự mình được Niết-bàn, khiến cho người khác diệt độ, lý ấy có thể được.

Cho nên, này Quân-đầu! Nên nghĩ nhớ lìa sát sanh, không sát sanh được diệt độ; lìa trộm cắp, không trộm cắp được diệt độ; lìa dâm dục, không dâm dục được diệt độ; lìa nói dối, không nói dối được diệt độ; lìa thêu dệt, không thêu dệt được diệt độ; lìa nói lời ác, không nói lời ác được diệt độ; lìa nói hai lưỡi đâm thọc gây đấu tranh đôi bên, không nói hai lưỡi đâm thọc gây đấu tranh đôi bên được diệt độ; lìa tật đố, không tật đố được diệt độ; lìa sân nhuế, không sân nhuế được diệt độ; lìa tà kiến, được chánh kiến diệt độ.

Quân-đầu nên biết! Người thường sanh khởi ý niệm này: 'Là hữu ngã chăng? Là vô ngã chăng? Là hữu ngã vô ngã chăng? Cõi đời là thường ư? Cõi đời là vô thường ư? Cõi đời có giới hạn ư? Cõi đời không giới hạn ư? Mạng là thân ư? Mạng khác, thân khác ư? Như Lai có chết ư? Như Lai không chết ư? Là có chết ư? Là không chết ư? Ai tạo thế gian này?', lại sanh các tà kiến như: 'Phạm thiên tạo thế giới này? Hay là địa chủ dựng lập thế giới này? Phạm thiên tạo chúng sanh này? Hay là địa chủ tạo thế gian này? Chúng sanh vốn không nay có, đã có rồi lại diệt mất?'

Hạng người phàm phu không nghe không thấy, bèn sanh khởi ý niệm này.

Bấy giờ, Thế Tôn mới nói kệ:

Tự nhiên có Phạm thiên,
Đây là lời Phạm chí,
Kiến chấp không chơn chánh,
Như chỗ thấy của họ.
Chúa ta sanh hoa sen,
Phạm thiên hiện trong ấy,
Địa chủ sanh Phạm thiên,
Tự sanh, không liên hệ.
Địa chủ dòng Sát-lợi,
Cha mẹ của Phạm chí,
Thế nào dòng Sát-lợi,
Phạm Chí cùng sanh nhau.
Tìm ra chỗ sanh ấy,
Lời nói của chư Thiên,
Đây là lời khen ngợi,
Trở lại tự ràng buộc.
Phạm thiên sanh nhân dân,
Địa chủ tạo thế gian,
Hoặc nói nơi khác tạo,
Lời này ai xem xét?
Bị sân, dục, mê hoặc,
Ba việc chung nhóm họp,
Tâm không được tự tại,

Tự xưng ta tối thắng.
Thiên thần tạo thế gian,
Và chẳng Phạm thiên sanh,
Giả sử Phạm thiên tạo,
Đây chẳng hư vọng ư?
Tìm dấu vết rất nhiều,
Xét kỹ lời nói vọng,
Hành tung mỗi mỗi khác,
Hành động ấy không thật.
Quân-đầu nên biết! Các loài chúng sanh có sự thấy không đồng nhau, ý nghĩ mỗi mỗi khác nhau. Những kiến chấp nầy đều là vô thường, chấp lấy những kiến chấp này cũng là pháp vô thường biến dị.

Nếu người khác sát sanh, ta nên lìa sát sanh. Nếu người khác trộm cắp, ta nên lìa trộm cắp, không tập theo hạnh ấy, giữ gìn tâm ý chuyên nhất không để làm loạn. Suy nghĩ xét nét chỗ dấy khởi của tà kiến, cho đến mười điều ác thảy nên trừ bỏ không tập theo hạnh ấy. Nếu người sân nhuế, ta học pháp nhẫn nhục. Người ôm lòng tật đố ta nên xả ly. Người kiêu mạn, ta cũng nhớ xả ly. Nếu người tự khen mình chê người, ta cũng không tự khen mình chê người. Người không biết thiểu dục, ta nên học thiểu dục. Người phạm giới, ta cần giữ giới. Người làm biếng, ta nên siêng năng. Người không tu chánh định, ta tu chánh định, nên học như thế. Người ngu si ta thực hành trí tuệ. Ai có thể quán sát phân biệt pháp như thế thì tà kiến tiêu diệt, các kiến chấp khác không sanh.

Khi ấy, Tôn giả Quân-đầu nghe Phật dạy xong, ở chỗ vắng suy nghĩ quán xét điều khiến cho con nhà hào tộc xuất gia học đạo, mặc ba pháp y, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân sau, biết một cách như thật. Khi ấy, Tôn giả Quân-đầu liền chứng quả A-la-hán.

Bấy giờ, Quân-đầu nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Chúng sanh trong địa ngục thọ quả báo tột cùng một kiếp, hoặc có khi giữa chừng mạng chung; chịu quả báo súc sanh tột cùng một kiếp, trong khoảng ấy có khi nửa chừng mạng chung; chịu quả báo ngạ quỷ tột cùng một kiếp, trong khoảng đó có khi yểu mạng nửa chừng.

Tỳ-kheo nên biết! Người ở châu Uất-đơn-việt tuổi thọ một ngàn năm, không chết yểu nửa chừng. Vì sao? Người cõi đó không bị ràng buộc, giả sử mệnh chung ở cõi này liền sanh cõi lành, lên trời, không bị đọa lạc. Người ở châu Phất-vu-đệ tuổi thọ năm trăm

năm, cũng có chết nửa chừng. Người ở châu Cù-da-ni thọ hai trăm năm chục năm, cũng có chết nửa chừng. Người ở châu Diêm-phù-đề tuổi thọ tột cùng một trăm năm, cũng có nhiều người chết nửa chừng. Giả sử người thọ mạng tột cùng đến một trăm năm thì mỗi thập niên là biểu hiện cho một thời kỳ, hành động và tánh tình trong mỗi thời kỳ ấy khác nhau. Trong mười năm đầu, còn thơ ấu không hiểu biết. Trong mười năm thứ hai, có ít nhiều tri thức nhưng chưa thông suốt. Trong mười năm thứ ba, lòng ái dục mạnh mẽ, tham đắm sắc. Trong mười năm thứ tư, nhiều kỹ thuật, việc làm không đúng. Trong mười năm thứ năm, hiểu nghĩa rõ ràng, việc học không quên. Trong mười năm thứ sáu, tham tiếc tài sản, ý không quyết định. Trong mười năm thứ bảy, lười biếng ưa ngủ, thể tánh chậm chạp. Trong mười năm thứ tám không còn tâm ý mạnh mẽ, cũng không trang điểm sửa soạn. Trong mười năm thứ chín nhiều bệnh mệt mỏi, mặt nhăn. Trong mười năm thứ mười, các căn mờ kém, gân cốt lỏng lẻo, quên nhiều, lẫn lộn.

Tỳ-kheo nên biết! Giả sử người sống đến trăm tuổi, sẽ trải qua những hoạn nạn như vậy. Giả sử người thọ mạng trăm năm, sẽ trải qua ba trăm mùa đông, hạ, thu, so với thọ mạng kia không đủ nói. Nếu người thọ trăm tuổi sẽ ăn ba vạn sáu ngàn bữa ăn, trong khoảng đó hoặc có khi không ăn, như giận không ăn, không được cho không ăn, bệnh không ăn. Tính kể lúc ăn và không ăn và khi bú sữa mẹ, nói tóm lại thì có ba vạn sáu ngàn lần ăn. Này Tỳ-kheo! Nếu người sống trăm tuổi thì trạng thái ăn uống của người ấy theo giới hạn của số năm là như thế.

Tỳ-kheo nên biết! Nhân dân ở cõi Diêm-phù-đề, hoặc có khi thọ mạng rất dài, đồng như thọ mạng vô lượng. Về đời quá khứ lâu xa, không thể tính kể, có nhà vua tên Liệu Chúng Bệnh, thọ mạng rất dài, dung mạo đoan chánh, được vui vô lượng. Thời đó không có những tai họa về bệnh, già, chết. Bấy giờ có hai vợ chồng sanh một đứa con, đứa bé chết, lúc đó cha mẹ nó bồng dậy khiến ngồi và đưa thức ăn cho, nhưng đứa bé không ăn không uống cũng không ngồi lên. Vì sao thế? Vì nó đã chết. Khi ấy cha mẹ nó liền nghĩ: 'Hôm nay con ta vì sao giận hờn không chịu ăn uống, cũng chẳng nói năng?'. Vì sao? Vì nhân dân lúc ấy không hề nghe đến tiếng chết nên như vậy.

Bấy giờ, cha mẹ đứa bé bèn nghĩ: 'Con ta đã qua bảy ngày không ăn uống, cũng không biết lý do gì mà không nói năng. Nay chúng ta có thể đem việc này tâu lên nhà vua Liệu Chúng Bệnh mới biết được'. Họ bèn đến chỗ nhà vua, đem hết mọi chuyện tâu cho vua biết. Nhà vua nghĩ: 'Ngày nay đã nghe đến tiếng chết'. Vua bảo họ:

- 'Các Người có thể đem đứa bé đến chỗ ta'.

Bấy giờ, họ bồng đứa bé đến chỗ nhà vua, vua thấy rồi nói với họ:

- 'Đứa bé này đã chết'.

Cha mẹ nó tâu nhà vua:

- 'Thế nào gọi là chết?'

Vua bảo:

- 'Đứa bé này không đi đứng, nói năng, đối đáp, ăn uống, vui chơi. Thân thể cứng đơ không cử động, gọi là chết'.

Hai vợ chồng nọ tâu vua:

- 'Tình trạng này trải qua bao lâu?'

Vua bảo:

- 'Không bao lâu, thân thể nó sẽ thối rữa, sình trương, mùi hôi cùng khắp không chịu nổi'.

Cha mẹ đứa bé không tin lời nhà vua, lại bồng thây đứa bé về nhà, không bao lâu thân thể nó thối rữa, rất hôi hám. Lúc đó, họ mới tin lời nhà vua đã nói rằng 'Đứa bé này không lâu, thân thể sẽ thối rữa, sình trương tan rã hết'. Họ lại ôm thi thể sình trương của đứa bé đến chỗ nhà vua và tâu rằng:

- 'Tâu Đại vương, quả thật như vậy, nay đem đứa bé này cống hiến cho Đại vương'.

Họ không khóc than. Vì sao? Vì không nghe tiếng 'chết' bao giờ.

Bấy giờ, nhà vua lột da đứa bé để làm trống lớn, rồi sai xây lầu bảy tầng, đem trống ấy đặt trên lầu, và ra lệnh cho một người:

- 'Ngươi nên biết, ta sai ngươi giữ gìn trống này, một trăm năm đánh một lần, đừng để sai thời.'

Người ấy vâng lời vua dạy, trăm năm đánh trống một lần. Khi nhân dân trong nước nghe tiếng trống này, lấy làm lạ chưa từng có, bảo nhau:

- 'Âm thanh gì thế? Đó là tiếng gì? Phải tìm ra manh mối'.

Nhà vua bảo:

- 'Đây là tiếng của da người chết'.

Mọi người nghe rồi, đều suy nghĩ: 'Thật lạ quá, mới nghe âm thanh như thế này'.

Này Tỳ-kheo! Nhà vua thuở ấy đâu phải người nào lạ. Chớ nghĩ thế ấy. Vì sao? Nhà vua thuở đó chính là thân Ta vậy. Do đây mà biết, ngày xưa thọ mạng của cõi Diêm-phù-đề rất dài, còn ngày nay thọ mạng của người Diêm-

phù-đề rất ngắn. Sự giảm sút khó giới hạn. Vì sao? Vì họ sát hại quá nhiều, cho đến mạng sống ngắn ngủi tợ hoa rụng. Do nhân duyên này nên xảy ra các sự biến đổi quái lạ.

Tỳ-kheo nên biết! Năm mươi năm ở cõi Diêm-phù-đề bằng một ngày một đêm ở cõi trời Tứ thiên vương. Tính số ngày đêm ấy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Thọ mạng của cõi trời Tứ thiên vương là năm trăm năm, hoặc có khi chết nửa chừng, tính theo tuổi thọ của loài Người là mười tám ức năm.

Ở địa ngục Hoàn Hoạt một ngày một đêm, tính theo số ngày đêm ấy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm. Tuổi thọ cao nhất của địa ngục Hoàn Hoạt là

một ngàn năm, cũng có khi chết nửa chừng, tính theo tuổi thọ loài Người là ba mươi sáu ức năm.

Một trăm năm ở cõi Người bằng một ngày một đêm ở cõi trời Ba mươi ba. Tính theo số ngày, tháng, năm của cõi ấy, Trời Ba mươi ba thọ một ngàn tuổi, trong khoảng đó có khi chết nửa chừng, tính theo cõi Người là thọ ba mươi sáu ức năm.

Một ngày một đêm ở địa ngục A-tỳ tính theo số ngày tháng cõi ấy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tính theo số ngày đêm ấy, tuổi thọ nơi đó là hai mươi vạn năm, còn tính theo tuổi thọ nhân gian là một trăm vạn năm.

Như thế, Tỳ-kheo! Tính tuổi thọ như thế chuyển tăng gấp bội, trừ cõi trời Vô tưởng, cõi trời Vô tưởng thọ tám vạn bốn ngàn kiếp, trừ cõi trời Tịnh Cư không trở lại cõi đời này. Cho nên, này các Tỳ-kheo, chớ buông lung, ngay đời này được dứt sạch hữu lậu. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXXVIII.1 Phẩm Thập Bất Thiện (1)

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có chúng sanh làm việc sát sanh, sát sanh cùng khắp, gieo trồng tội báo địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh thì nếu sanh trong loài Người chúng sanh ấy thọ mạng sẽ rất ngắn. Vì sao? Vì đã hại mạng người khác.

Nếu có chúng sanh trộm cắp tài vật của người khác, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người thường, sẽ bị nghèo khổ, thiếu thốn, ăn không no, áo không kín thân, đều do tội trộm cắp. Cưỡng đoạt tài vật tức là làm đoạn dứt mạng sống người khác.

Nếu có chúng sanh thích dâm dục, gieo trồng tội báo trong ba đường ác, thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, sẽ gặp gia đình không trinh lương, lén lút làm việc dâm dục.

Nếu có chúng sanh nói dối, gieo trồng tội báo địa ngục, thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, sẽ bị người khinh chê, nói ra không ai tin, bị người coi rẻ. Vì sao? Đều do đời trước nói dối mà ra.

Nếu có chúng sanh nói hai lưỡi, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, tâm thường không định, thường lo buồn. Vì sao? Vì người ấy đã tung ra lời hư dối với đôi bên.

Nếu có chúng sanh nói lời thô ác, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, sẽ có dáng vẻ xấu xí, thường ưa chửi mắng. Vì sao? Vì

người ấy nói lời không chuyên chánh nên bị như thế.

Nếu có chúng sanh gây đấu loạn đôi bên, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, sẽ có nhiều oán thù, người thân bị ly tán. Vì sao? Đều do đời trước gây đấu loạn mà ra.

Nếu có chúng sanh tật đố, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, sẽ bị thiếu y phục. Vì sao? Vì người ấy ưa tật đố.

Nếu có chúng sanh khởi lòng hại người, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người, thường sẽ gặp nhiều hư vọng, không hiểu lý chơn thật, tâm rối loạn không định. Vì sao? Đều do đời trước sân giận, không có lòng nhân.

Nếu có chúng sanh hành tà kiến, gieo trồng tội báo trong ba đường ác thì nếu chúng sanh ấy sanh trong loài Người sẽ phải ở chỗ man rợ, không sanh chốn thủ đô, không gặp được Tam bảo, không nghe nghĩa lý đạo pháp; hoặc là bị câm, điếc, mù, ngọng, thân hình không đoan chánh, không biết rõ nẻo thú hướng của pháp lành, pháp dữ. Vì sao? Do đời trước không có lòng tin, cũng không tin Sa-môn, Bà-la-môn, cha mẹ, anh em.

Các Tỳ-kheo nên biết! Do quả báo của mười điều ác này, nên gặp những điều ương lụy như thế. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên lìa mười điều ác, tu hành chánh kiến. Như thế, này các Tỳ-kheo, hãy học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn vào ngày rằm thuyết giới, cùng các Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đến giảng đường Phổ Hội. Bấy giờ, Thế Tôn lặng yên quan sát trong thánh chúng, rồi im lặng không nói.

Khi ấy A-nan bạch Phật:

- Hôm nay, đại chúng thảy đều vân tập tại giảng đường, cúi xin Thế Tôn nên thuyết giới cấm cho chúng Tỳ-kheo.

Thế Tôn lại im lặng không nói. Khi ấy, A-nan phút chốc lại bạch Phật:

- Nay chính đúng thời, nên thuyết giới cấm, đầu đêm gần hết.

Thế Tôn cũng im lặng không nói. Giây lát sau, A-nan lại bạch Phật:

- Giữa đêm gần hết, chúng Tăng mệt mỏi. Cúi xin Thế Tôn đúng thời thuyết giới.

Thế Tôn cũng im lặng không nói. Giây lát sau, A-nan, lại bạch Phật:

- Cuối đêm gần hết, cúi xin Thế Tôn đúng thời thuyết giới.

Phật bảo A-nan:

- Trong chúng có người không thanh tịnh, nên Ta không thuyết giới. Nay cho phép Thượng tọa thuyết giới cấm, nếu Thượng tọa không kham thuyết giới, cho phép người trì luật thuyết giới cấm, nếu không có người trì luật, thì ai có thể tụng giới thông suốt, gọi đến khiến thuyết giới. Từ nay về sau, Như Lai không thuyết giới, vì trong chúng có người không thanh tịnh, nếu Như Lai thuyết giới trong đây, đầu người ấy bị vỡ làm bảy phần, như trái thù la không khác.

Khi ấy, A-nan buồn khóc, nói lên rằng:

- Hôm nay Thánh chúng côi cút. Chánh pháp Như Lai xa lìa mau chóng thế sao! Người không thanh tịnh mau ra khỏi nơi đây!

Khi ấy, Đại Mục-kiền-liên bèn khởi nghĩ: 'Trong chúng này, có những người nào hủy pháp khiến Như Lai không thuyết giới cho trong chúng?'. Khi ấy, Tôn giả Mục-kiền-liên nhập định, quán khắp lỗi lầm trong tâm chúng. Tôn giả thấy hai Tỳ-kheo Mã Sư và Mãn Túc ở trong chúng, Tôn giả bèn rời chỗ ngồi đến chỗ hai Tỳ-kheo ấy, rồi nói:

- Các Thầy mau rời khỏi chỗ này. Đức Như Lai cơ hiềm các Thầy nên không thuyết giới cấm.

Bấy giờ, hai Tỳ-kheo im lặng không trả lời. Tôn giả Mục-kiền-liên nói ba lần:

- Các Thầy mau rời khỏi, không nên ở tại đây.

Hai Tỳ-kheo ấy im lặng không đáp. Lúc đó Mục-kiền-liên bèn nắm tay hai Thầy ấy lôi ra khỏi cửa, đóng cửa lại rồi mới đến bạch Phật:

- Tỳ-kheo không thanh tịnh đã đưa ra ngoài, cúi xin Thế Tôn đúng thời thuyết giới.

Phật bảo Mục-kiền-liên:

- Thôi, thôi! Này Mục-kiền-liên! Như Lai không nói giới cho các Tỳ-kheo nữa. Như Lai không nói hai lời. Tôn giả nên trở về chỗ ngồi.

Tôn giả Mục-kiền-liên lại bạch Phật:

- Nay trong chúng này đã sanh lỗi lầm, con không kham làm phép Duy-na, cúi xin Thế Tôn sai người khác.

Bấy giờ, Thế Tôn im lặng chấp nhận. Tôn giả Mục-kiền-liên cúi đầu lễ chân Phật, trở về chỗ ngồi của mình.

Lúc ấy, Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Khi đức Phật Tỳ-bà-thi xuất hiện ở đời, Thánh chúng nhiều ít? Trải qua bao lâu mới sanh lỗi lầm? Cho đến thời Phật Ca-diếp, đệ tử nhiều ít? Vì sao thuyết giới.

Phật dạy A-nan:

- Chín mươi mốt kiếp đã qua, có đức Phật ra đời, hiệu là Tỳ-bà-thi Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở thế gian. Bấy giờ Thánh chúng có ba hội. Hội thứ nhất có một trăm mười sáu vạn tám ngàn Thánh chúng, hội thứ hai có mười sáu vạn Thánh

chúng, hội thứ ba có mười vạn Thánh chúng, đều là bậc A-la-hán. Đức Phật Ty-bà-thi thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Trong một trăm năm đầu Thánh chúng thanh tịnh, đức Phật Ty-bà-thi thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

Nhẫn nhục là bậc nhất,

Phật nói vô vi hơn,

Không do cạo râu tóc,

Làm Sa-môn, hại người.

Bấy giờ, đức Phật Tỳ-bà-thi dùng một bài kệ này, trong một trăm năm làm cấm giới. Về sau, trong chúng sanh lỗi lầm, đức Phật bèn lập ra giới cấm.

Lại, trong ba mươi mốt kiếp qua, có đức Phật hiệu là Thi-khí Như Lai Chí Nhơn Đẳng Chánh Giác xuất hiện ở đời. Thời bấy giờ, có ba hội Thánh

chúng. Hội thứ nhất có mười sáu vạn chúng, hội thứ hai có mười bốn vạn Thánh chúng, hội thứ ba có mười vạn Thánh chúng. Thời đức Phật Thi-khí, trong tám mươi năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, đức Phật cũng nói một bài kệ:

Nếu mắt thấy tà vạy,
Người trí giữ không đắm,
Xả bỏ các điều ác,
Là trí tuệ ở đời.
Bấy giờ, đức Phật Thi-khí trong tám mươi năm chỉ có một bài kệ này. Về sau, trong chúng có lỗi lầm, Phật bèn lập cấm giới. Đức Phật Thi-khí thọ bảy vạn tuổi.

Trong kiếp ấy cũng có Phật xuất hiện ở thế gian, hiệu là Tỳ-xá-la-bà, cũng có ba hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có mười vạn chúng, đều là bậc A-la- hán, hội thứ hai có tám vạn A-la-hán, hội thứ ba có bảy vạn A-la-hán, các lậu đã hết. Thời Phật Tỳ-xá-la-bà, trong bảy mươi năm đầu, Thánh chúng thanh tịnh, đức Phật dùng một bài kệ rưỡi làm giới cấm:

Không hại cũng không quấy,
Vâng giữ theo đại giới,
Ăn uống biết vừa đủ,
Giường, tòa cũng như vậy.
Chuyên tâm và chí thành,
Là lời chư Phật dạy.
Trong bảy mươi năm, đức Phật ấy dùng kệ này làm giới cấm; về sau trong chúng có lỗi, mới lập giới cấm. Đức Phật Tỳ-xá-la-bà thọ bảy vạn tuổi.

Trong Hiền kiếp ấy, có Phật xuất hiện hiệu là Câu-lưu-tôn xuất hiện ở thế gian. Thời ấy có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có bảy vạn Thánh chúng đều là A-la-hán, hội thứ hai có sáu vạn A-la-hán. Thời đức Phật Câu-lưu- tôn, sáu mươi năm đầu, trong chúng thanh tịnh không có lỗi. Bấy giờ, đức Phật kia dùng hai bài kệ làm giới cấm:

Ví như ong hút hoa,
Sắc hoa rất sạch, thơm,
Lấy vị ngọt cho người,
Đạo sĩ vào làng xóm.
Không chê bai việc người,
Cũng không nhìn, phải quấy,
Chỉ tự quán thân, hạnh,
Xem kỹ chánh, không chánh.
Đức Phật Câu-lưu-tôn trong sáu mươi năm đầu nói hai bài kệ này để làm giới cấm. Từ đây về sau có người phạm giới, mới lập giới cấm. Đức Phật Câu-lưu-tôn thọ sáu vạn tuổi.

Trong Hiền kiếp ấy, có đức Phật xuất hiện, hiệu là Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Thời ấy có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có mười sáu vạn Thánh chúng, đều là bậc A-la-hán, hội thứ hai có bốn mươi vạn Thánh chúng, đều là A-la-hán. Thời đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, trong bốn mươi năm đầu trong chúng không tỳ vết, đức Phật chỉ dùng một bài kệ làm giới cấm:

Giữ chí chớ khinh lờn,
Nên học đạo vắng lặng,
Bậc Hiền không lo buồn,
Nên giữ tâm tịch diệt.
Trong bốn mươi năm đầu, đức Phật ấy nói một bài kệ này làm cấm giới, về sau trong chúng có người tỳ vết, mới lập giới cấm. Đức Phật Câu-na-hàm- mâu-ni thọ bốn vạn tuổi.

Trong Hiền kiếp ấy, có Phật hiệu Ca-diếp xuất hiện. Đức Phật cũng có hai hội Thánh chúng. Hội thứ nhất có bốn mươi vạn chúng, hội thứ hai có ba mươi vạn chúng, đều là A-la-hán. Trong hai mươi năm đầu, trong chúng không có người phạm giới, đức Phật thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

Chớ làm tất cả ác,
Nên vâng làm điều lành,
Giữ tâm ý thanh tịnh,
Là lời chư Phật dạy.
Trong hai mươi năm đầu, đức Phật ấy nói một bài kệ này làm cấm giới, về sau có người phạm giới mới lập giới cấm. Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi.

Nay Ta, Như Lai xuất hiện ở đời, có một hội Thánh chúng là một ngàn hai trăm năm mươi người. Trong mười hai năm đầu không có người phạm giới, Ta dùng một bài kệ làm giới cấm:

Giữ miệng, ý thanh tịnh,
Thân hành cũng thanh tịnh,

Thanh tịnh ba hạnh này,
Tu hành đạo tiên nhơn.
Trong mười hai năm đầu, Ta nói một bài kệ này làm giới cấm, sau có người phạm luật, dần dần có hai trăm năm mươi giới. Từ nay về sau chúng Tăng nhóm họp, nên phải bạch đúng theo luật: 'Chư Hiền cùng nghe, nay là ngày mười lăm thuyết giới, nay tăng bằng lòng cho chúng Tăng hòa hợp thuyết giới'.

Thưa như thế xong, nếu có Tỳ-kheo nói gì thì không nên thuyết giới; nếu tất cả cùng im lặng, không ai nói gì thì mới thuyết giới. Cho đến sau khi nói bài tựa giới kinh rồi, nên hỏi rằng: 'Thưa chưa Hiền, ai không thanh tịnh?'

Hỏi như thế ba lần: 'Ai không thanh tịnh'. Người thanh tịnh thì im lặng giữ gìn.

Bởi vì tuổi thọ của người ngày nay rất ngắn, tuổi thọ cao nhất không quá trăm năm. Thế nên, A-nan! Nên khéo thọ trì điều Ta dạy.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

- Các đức Phật ở thời quá khứ lâu xa, tuổi thọ dài lâu, ít người phạm giới, không có tỳ vết. Còn ngày nay, người thọ mạng đã ngắn ít, không quá trăm năm. Sau khi các Phật đời quá khứ diệt độ, pháp tồn tại ở đời bao lâu?

Phật bảo A-nan:

- Sau khi các đức Phật quá khứ diệt độ, pháp không trụ lâu ở đời.

A-nan bạch Phật:

- Nếu như sau khi Như Lai diệt độ, Chánh pháp trụ đời bao lâu?

Phật bảo A-nan:

- Sau khi Ta diệt độ, Chánh pháp sẽ trụ đời lâu dài. Sau khi Phật Ca-diếp diệt độ, Chánh pháp để lại trụ bảy ngày. Này A-nan! Nay Thầy nghĩ rằng đệ tử của Như Lai ít, chớ nghĩ như thế. Hàng đệ tử của Ta ở phương Đông nhiều vô số ức ngàn, đệ tử ở phương Nam vô số ức ngàn. Cho nên, A-nan, hãy nghĩ như vầy: 'Phật Thích-ca của ta thọ mạng rất dài lâu'. Vì sao? Nhục thân tụy diệt độ nhưng pháp thân tồn tại. Đây là nghĩa ấy, nên ghi nhớ điều này.

Bấy giờ, A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người.

Bấy giờ, Tôn giả A-nan trịch áo bày vai phải, quỳ gối phải chấm đất, bạch Phật:

- Trí nhiệm mầu của đức Như Lai, không việc gì không biết. Trong ba đời quá khứ, hiện tại, vị lai Ngài thảy đều biết rõ; chư Phật đời quá khứ tên họ, danh hiệu, đệ tử Bồ-tát

theo tùy tùng bao nhiêu, thảy đều biết hết, trong một kiếp, trăm kiếp hay vô số kiếp thảy đều quán sát biết hết, Ngài cũng biết tên họ của vua chúa, đại thần, nhân dân, thảy đều có thể phân biệt; như hiện tại nay có bao nhiêu cõi nước cũng biết rõ ràng. Về đời tương lai xa, khi Phật Di-lặc Chí Chơn Đẳng Chánh Giác xuất hiện, con muốn nghe sự biến hóa của đức Phật ấy, số đệ tử tùy tùng, cảnh giới Phật phồn thịnh, trải qua bao nhiêu năm?

Phật bảo A-nan:

- Thầy hãy về chỗ ngồi, lắng nghe Ta nói. Khi Phật Di-lặc ra đời, cõi nước giàu có, bao nhiêu đệ tử. Thầy hãy khéo suy nghĩ, ghi nhớ trong tâm.

Khi ấy, A-nan vâng lời Phật dạy, liền trở về chỗ ngồi.

Bấy giờ, Phật bảo A-nan:

- Về đời tương lai rất xa, ở cõi này sẽ có một đô thị tên Kê Đầu, chiều Đông Tây rộng mười hai do-tuần, chiều Nam Bắc rộng bảy do-tuần, đất đai phong phú, nhân dân đông đúc đầy đường. Bấy giờ, trong thành ấy có một Long vương tên Thủy Quang, đêm rưới mưa thơm, ngày thì quang đãng. Khi ấy, trong thành Kê Đầu cũng có một La-sát tên Diệp Hoa, hành động đúng pháp, không trái chánh giáo, chờ mọi người ngủ xong, mới dọn dẹp các vật nhơ cấu, lại dùng nước thơm rưới trên đất, rất là thơm sạch.

A-nan nên biết! Bấy giờ cõi Diêm-phù-đề trong khoảng Đông Tây Nam Bắc mười vạn do tuần, các thứ núi sông, vách đá đều tự tiêu diệt, nước bốn biển lớn đều đổ về một phía. Đất đai cõi Diêm-phù-đề rất bằng phẳng ngay ngắn như gương sáng. Các thứ ngũ cốc trong cõi nhiều và rẻ, nhân dân đông đúc, nhiều trân bảo, làng xóm kề cận nhau, tiếng gà gáy nối tiếp. Thời ấy, những loại cây trái dở đều khô chất, loại dơ xấu cũng tự tiêu diệt, chỉ còn những cây trái ngon ngọt đẹp đẽ, mùi hương đặc biệt đều nảy sanh ở đất ấy. Thời tiết khí hậu điều hòa, bốn mùa thuận tiết, thân người không có trăm lẻ tám tai họa như tham dục, sân nhuế, ngu si, lười biếng... Lòng người giống nhau, đều đồng một ý, gặp nhau vui vẻ nói lời lành, ngôn ngữ một thứ không sai biệt, như người ở cõi Uất-đơn-việt. Người cõi Diêm-phù-đề bấy giờ lớn nhỏ đều đồng một âm thanh, không có nhiều sai biệt.

Thời ấy, người nam nữ, vừa muốn đại tiểu tiện, đất liền tự nhiên nứt ra, xong rồi đất lại khép vào. Bấy giờ, cõi Diêm-phù-đề tự nhiên sanh ra lúa, không vỏ trấu, rất thơm ngon, ăn vào không bệnh khổ. Còn những thứ vàng, bạc, lưu ly, xa cừ, mã não, trân châu, hổ phách rải rắc trên mặt đất, không ai bảo nhau rằng: 'Người thuở trước vì những của báu này mà giết hại nhau, bị giam cầm lao ngục, khổ sở nhiều thứ. Bây giờ nó chỉ như ngói gạch, không ai lấy'.

Bấy giờ, pháp vương xuất hiện tên Nhượng-khư, dùng Chánh pháp trị dân, có đủ bảy báu. Bảy báu là: xa báu, voi báu, ngựa báu, ngọc báu, ngọc nữ báu, điển binh báu, đại thần thủ tạng báu. Đó là bảy báu. Nhà vua thống lãnh Diêm-phù-đề, không dùng dao gậy mà người tự nhiên hàng phục. A-nan! Lúc ấy có bốn kho châu báu lớn, kho báu thứ nhất tên Càn-đà-việt-quốc-thi- la-sát, có nhiều vật châu báu lạ thường không thể tính

kể. Kho lớn thứ hai tên Di-thê-la-quốc-ban-trừu cũng có nhiều trân bảo. Kho thứ ba tên Tu-lại- thác-đại-quốc, cũng nhiều trân bảo. Kho báu thứ tư tên Ba-la-nại-nhượng- khư có nhiều trân bảo không thể tính kể. Bốn kho báu lớn này tự nhiên xuất hiện, khi ấy các người giữ kho đều đến tâu vua:

- Cúi xin Đại vương đem các vật trong kho báu bố thí cho người nghèo cùng.

Khi ấy, vua Nhượng-khư được các kho báu này, cũng không quan tâm đến, ý không tưởng tài vật. Bấy giờ, cõi Diêm-phù-đề trên cây tự nhiên sanh y phục, mềm mại nhu nhuyễn, người đến lấy mặc, như người cõi Uất-đơn-việt hiện nay, trên cây tự nhiên có y phục.

Nhà vua có một đại thần tên Tu-phạm-ma, là bạn từ thuở bé của nhà vua, nhà vua rất thương kính. Dung mạo của đại thần đoan chánh, không cao không thấp, không mập không ốm, không trắng không đen, không già không trẻ. Đại thần Tu-phạm-na có phu nhân tên Phạm-ma-việt, đặc biệt hơn hẳn các ngọc nữ, như cung phi trời Đế Thích, miệng phát ra mùi thơm hoa ưu- bát, thân có mùi thơm chiên-đàn, hoàn toàn không có tám mươi bốn trạng thái của người nữ, cũng không bệnh, ý không tán loạn. Bấy giờ, Bồ-tát Di- lặc ở cung trời Đâu-suất quan sát cha mẹ không trẻ không già, liền giáng thần hạ sanh từ hông bên phải, như Ta hiện nay sanh từ hông bên phải, Bồ- tát Di-lặc cũng thế. Chư thiên cõi trời Đâu-suất đều xướng rằng: 'Bồ-tát Di- lặc đã hạ sanh'. Khi đó, đại thần Tu-phạm-ma bèn đặt tên con là Di-lặc. Công tử có ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp trang nghiêm thân hình, thân màu hoàng kim.

Thời bấy giờ nhân dân thọ mạng dài lâu, không bệnh, đều thọ tám vạn bốn ngàn tuổi. Con gái đến năm trăm tuổi mới lấy chồng. bồ-tát Di-lặc ở nhà không bao lâu, bèn xuất gia học đạo, lúc đó cách thành Kê Đầu không xa, có một cội đạo thọ tên Long Hoa, cao một do-tuần, rộng năm trăm bộ. Bồ-tát Di-lặc ngồi dưới cội cây ấy thành đạo quả Vô thượng. Vào nửa đêm ấy, Di- lặc xuất gia, ngay đêm đó thành đạo Vô thượng. Khi ấy, ba ngàn đại thiên cõi nước rung động sáu cách, Địa thần mỗi bảo nhau rằng: 'Nay Bồ-tát Di- lặc đã thành Phật', truyền đến cung trời Tứ thiên vương nghe: 'Di-lặc đã thành Phật đạo', truyền dần đến trời Ba mươi ba, trời Diêm-ma, trời Đâu- suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại, tiếng vang lần lượt đến Phạm thiên: 'Di lặc đã thành Phật'.

Bấy giờ, Ma vương tên Đại Tướng dùng pháp trị hóa nghe danh Như Lai, âm thanh giáo hóa, vui mừng phấn khởi không thể tự dừng, bảy ngày bảy đêm không ngủ nghỉ. Khi ấy, Ma vương đem vô số chư thiên cõi dục, đến chỗ Phật Di-lặc cung kính lễ bái. Đức Phật Di-lặc vì chư Thiên dần dần nói pháp vi diệu, những luận như luận bố thí, luận trì giới, luận sanh Thiên, dục tưởng bất tịnh, xuất yếu là nhiệm mầu.

Phật Di-lặc thấy mọi người đã phát tâm hoan hỷ, Ngài liền đem những pháp mà chư Phật thường nói như: Khổ, Tập, Diệt, Đạo vì hàng Trời, Người rộng phân biệt nghĩa ấy. Bấy giờ có tám vạn bốn ngàn Thiên tử, ngay chỗ ngồi dứt sạch trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Ma Vương Đại Tướng bảo mọi người trong cõi nước ấy rằng:

- Các Người mau xuất gia. Vì sao? Nay đức Phật Di-lặc đã qua bờ kia, cũng sẽ đưa các Người sang bờ kia.

Bấy giờ trong thành Kê Đầu có trưởng giả tên Thiện Tài, nghe giáo lệnh của Ma vương, và nghe âm thanh Phật, bèn đem tám vạn bốn ngàn người đến chỗ Phật Di-lặc, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Phật Di-lặc dần dần vì nói pháp vi diệu. Đó là luận về bố thí, luận trì giới, luận sanh thiên, dụng tưởng bất tịnh, xuất yếu là nhiệm mầu. Bấy giờ, Phật Di-lặc thấy mọi người đã khai mở tâm ý, bèn đem các pháp chư Phật thường nói như: Khổ, Tập, Diệt, Đạo vì mọi người giảng rộng nghĩa ấy. Tám vạn bốn ngàn người đến chỗ ngồi sạch hết trần cấu được pháp nhãn tịnh. Khi ấy, Thiện Tài cùng tám vạn bốn ngàn người liền đến trước bạch Phật, cầu xin xuất gia, khéo tu Phạm hạnh, đều thành A-la-hán. Bấy giờ, hội thứ nhất của Phật Di-lặc có tám vạn bốn ngàn A-la-hán.

Khi ấy, vua Nhượng-khư nghe Bồ-tát Di-lặc đã thành Phật, bèn đến chỗ Phật muốn được nghe pháp. Thời Phật Di-lặc vì vua nói pháp, phần đầu lành, phần giữa lành, phần sau đều lành, nghĩa lý sâu xa. Lại thời khác, vua lập thái tử, tặng châu báu cho người thợ cạo, lại đem tạp bảo cho các Phạm chí, dẫn tám vạn bốn nghìn người đến chỗ Phật, xin làm Sa-môn, đều thành đạo quả, chứng A-la-hán.

Khi ấy, trưởng giả Tu-phạm-ma nghe Di-lặc đã thành Phật, đem tám vạn bốn nghìn chúng Phạm chí, đến chỗ Phật xin làm Sa-môn, đều đắc quả A-la- hán, chỉ trừ một mình Tu-phạm-ma, đoạn ba kết sử, chấm dứt mé khổ. Khi ấy, Phật mẫu Phạm-ma-việt, lại đem tám vạn bốn ngàn thể nữ đến chỗ Phật, xin làm Sa-môn. Khi ấy, các người nữ đều đắc quả A-la-hán, chỉ một mình Phạm-ma-việt, đoạn ba kiết sử thành Tu-đà-hoàn. Bấy giờ, các phu nhân dòng Sát-lợi, nghe Phật Di-lặc xuất hiện thế gian, thành Đẳng Chánh Giác, vài ngàn vạn chúng đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, mỗi mỗi phát tâm cầu làm Sa-môn, xuất gia học đạo, hoặc có người vượt thứ lớp mà chứng đạo, hoặc có người không chứng. A-nan! Bấy giờ những người không vượt thứ lớp chứng đạo đều là người vâng theo pháp, chán ghét

tất cả tưởng không vui ở thế gian, khi ấy Phật Di-lặc sẽ nói giáo lý Tam thừa. Như nay, trong hàng đệ tử Ta, Đại Ca-diếp thực hành mười hai hạnh đầu đà, ở nơi chư Phật quá khứ khéo tu Phạm hạnh, và sẽ thường phụ tá Phật Di-lặc giáo hóa nhân dân.

Bấy giờ, Tôn giả Ca-diếp cách chỗ Phật không xa, ngồi kiết-già chánh thân, chánh ý buộc niệm ở trước. Phật bảo Tôn giả Ca-diếp:

- Nay Ta tuổi đã già suy, hơn tám mươi. Song Như Lai có bốn đệ tử Thanh văn lớn có khả năng du hóa, trí tuệ vô tận, đầy đủ các đức. Những ai là bốn? Đó là Tỳ-kheo Đại Ca-diếp, Tỳ-kheo Quân-đồ-bát-hán, Tỳ-kheo Tân đầu-lư, Tỳ-kheo La-vân. Bốn Thanh văn lớn các Thầy! Không nên nhập Niết-bàn, đợi pháp Ta mất hẳn, sau mới vào Niết-bàn. Đại Ca-diếp cũng không nên vào Niết-bàn, nên đợi đến Di-lặc ra đời. Vì sao? Đệ tử do Phật Di-lặc hóa độ đều là đệ tử của Phật Thích-ca Văn, do Ta hóa độ để lại, được sạch hữu lậu. Tại nước Ma-kiệt, thôn Tỳ-đề, Đại Ca-diếp sẽ trụ trong núi xứ ấy đến lúc Phật Di-lặc đem vô số ngàn chúng vây quanh trước sau đến trong núi này. Nương ân đức Phật, các Quỷ thần vì Phật mở cửa, khiến thấy được Ca-diếp tọa Thiền trong động.

Khi ấy, Phật Di-lặc đưa tay mặt chỉ vào Ca-diếp, bảo với mọi người:

- 'Đây là đệ tử của Phật Thích-ca từ quá khứ lâu xa, tên là Ca-diếp. Hiện tại, tu hạnh đầu đà đệ nhất'.

Mọi người thấy rồi khen 'chưa từng có', vô số trăm ngàn chúng sanh chấm dứt các trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Hoặc lại có chúng sanh đã thấy thân Ca-diếp rồi. Đây gọi là hội ban đầu, chín mươi sáu ức người đều đắc quả A- la-hán, những người ấy đều là đệ tử của Ta. Vì sao? Vì thảy đều do nhận lãnh sự giáo hóa của Ta mà nên. Cũng do nhân duyên bốn món cúng dường, bố thí, nhân ái, lợi người, lợi đồng nhau.

A-nan! Bấy giờ Phật Di-lặc sẽ đắp y Tăng-già-lê của Ca-diếp, khi đó thân thể của Ca-diếp nghiễm nhiên tan rã, Di-lặc lại đem các thứ hương hoa cúng dường Ca-diếp. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn đều có tâm cung kính đối với Chánh Pháp, Di-lặc cũng do Chánh pháp hóa mà Ta nhận được, được thành đạo Vô Thượng Chánh Chơn.

A-nan nên biết! Hội thứ hai của Phật Di-lặc có chín mươi bốn ức người, đều là bậc A-la-hán, cũng là đệ tử của Ta để lại, cúng dường bốn thứ cần dùng mà được như thế.

Hội thứ ba của Di-lặc có chín mươi hai ức người, là bậc A-la-hán, cũng là đệ tử thọ pháp Ta để lại. Bấy giờ danh xưng của Tỳ-kheo đều gọi là đệ tử Từ Thị, như Ta ngày nay, hàng Thanh văn đều xưng là đệ tử Thích-ca.

Bấy giờ, Phật Di-lặc vì các đệ tử thuyết pháp: 'Tỳ-kheo các Thầy nên suy nghĩ về tưởng vô thường, tưởng vui có khổ, tưởng chấp có ngã và vô ngã, tưởng thật có, rỗng không, tưởng sắc biến đổi, tưởng bầm xanh, tưởng sình trương, tưởng ăn không tiêu, tưởng ứ máu, tưởng tất cả đều không vui của thế gian. Vì sao? Tỳ-kheo nên biết, mười tưởng nầy đều là do Phật Thích-ca Văn từ quá khứ đã nói cho các Thầy, khiến dứt sạch hữu lậu tâm được giải thoát. Hoặc trong chúng này có đệ tử của Phật Thích-ca thời quá khứ từng tu Phạm hạnh, mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca vâng giữ pháp ấy, mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca cúng dường Tam Bảo mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca tu căn lành trong khoảng khảy móng tay mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca tu Tứ vô lượng tâm, mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca thọ giữ năm giới, tam tự quy y mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca tạo dựng tháp miếu, chùa viện mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca sửa sang chùa cũ mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca thọ giới bát quan trai mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca dùng hương hoa cúng đường mà đến đây; hoặc ở nơi Phật kia, nghe Phật pháp buồn khóc rơi lệ mà đến chỗ Ta; hoặc ở nơi Phật Thích-ca một lòng nghe pháp mà đến chỗ Ta; hoặc suốt đời khéo tu Phạm hạnh mà đến chỗ Ta; hoặc đã viết kinh, đọc tụng mà đến chỗ Ta. Hoặc đã thừa sự cúng dường mà đến chỗ Ta'.

Khi ấy, Phật Di-lặc bèn nói kệ này:

Tăng trưởng giới, văn, đức.
Thiền và nghiệp tư duy,
Khéo tu về Phạm hạnh,
Mà đến chỗ của Ta.
Siêng, thí tâm hoan hỷ,

Tu hành, cội nguồn tâm,
Ý không tưởng nhiều việc,
Đều đến chỗ của Ta.
Hoặc đến chỗ của Ta.
Hoặc phát tâm bình đẳng,
Thừa sự nơi chư Phật,
Cúng thức ăn Thánh chúng,
Đều đến chỗ của Ta.
Hoặc tụng giới, khế kinh,
Khéo tập, nói cho người,
Mạnh mẽ nơi gốc pháp,
Nay đến chỗ của Ta.
Dòng Thích khéo giáo hóa,
Cúng dường các Xá-lợi,
Thừa sự pháp cúng dường,
Nay đến chỗ của Ta.
Nếu có biên chép kinh,
Tuyên đọc trên án thư,
Có người cúng dường kinh,
Đều đến chỗ của Ta.
Lụa, vải và các thứ,
Cúng dường nơi chùa tháp,
Tự xưng: Nam-mô Phật,
Đều đến chỗ của Ta.
Cúng dường Phật hiện tại,
Và chư Phật quá khứ,
Thiền định rất chơn chánh,
Cũng không có tăng giảm.
Cho nên nơi Phật pháp,
Thừa sự nơi Thánh chúng,
Một lòng thờ Tam Bảo,
Đều đến chỗ vô vi.

A-nan, nên biết! Di-lặc Như Lai nói kệ này trong chúng kia. Bấy giờ trong chúng, hàng Trời, Người suy nghĩ mười tưởng này, mười một vạn vạn người sạch hết các trần cấu, được pháp nhãn tịnh. Thời đức Phật Di-lặc, trong một ngàn năm, chúng Tăng không có lỗi. Bấy giờ Phật ấy thường dùng một bài kệ làm giới cấm:

Miệng, ý không làm ác,
Thân cũng chẳng phạm ác,
Nên trừ ba hạnh này,

Chóng thoát vực sanh tử.
Sau một ngàn năm, có người phạm giới Phật ấy bèn lập giới cấm. Phật Di- lặc sẽ thọ tám vạn bốn ngàn tuổi, sau khi Phật nhập Niết-bàn, Pháp để lại tồn tại tám vạn bốn nghìn năm. Vì sao? Vì chúng sanh thời bấy giờ đều là lợi căn.

Có thiện nam tử, thiện nữ nhân nào muốn được gặp Phật Di-lặc và ba hội chúng Thanh-văn, cùng thành Kê Đầu, vua Nhượng-khư, và bốn kho châu báu lớn, muốn ăn lúa thóc tự nhiên và mặc y phục tự nhiên, sau khi chết sanh cõi trời thì thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy nên gắng sức tinh tấn, đừng sanh giải đãi, cũng nên cúng dường thừa sự các pháp sư, cúng dường các thứ danh hoa, hương thơm đừng để thiếu thốn. Như thế, A-nan, nên học điều này!

Bấy giờ, A-nan và đại chúng nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXXVIII.2. Phẩm Thập bất thiện (2)

4. Tôi nghe như vầy,

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, phần đông các Tỳ-kheo nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội, mỗi người khởi luận nghị thế này: 'Nay Như Lai rất kỳ lạ, rất đặc biệt đối với các đức Phật quá khứ đã nhập Niết-bàn, cũng lại biết tên họ, chủng tộc kia, trì giới, tùy tùng, thảy đều biết rõ, tam-muội, trí tuệ, giải thoát, giải thoát tri kiến, thọ mạng dài ngắn, thảy đều biết. Thế nào chư Hiền? Đó là Như Lai phân biệt pháp xứ rất thanh tịnh, mà biết tên họ, chỗ phát xuất của chư Phật kia chăng? Hay là chư Thiên đến chỗ Phật mách bảo?'

Bấy giờ, Thế Tôn dùng Thiên nhĩ nghe thấu điều bàn luận của đa số các Tỳ- kheo, bèn đến chỗ các Tỳ-kheo, ngồi vào tòa chính giữa. Phật bảo các Tỳ- kheo:

- Các Thầy nhóm ở đây bàn luận việc gì? Muốn nói pháp gì?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Chúng con nhóm ở đây bàn về yếu chỉ Chánh pháp. Mọi người dấy khởi luận nghị này: 'Như Lai rất kỳ lạ, rất đặc biệt, mới có thể biết tên họ, danh hiệu của các đức Phật Thế Tôn quá khứ, trí tuệ nhiều ít thảy đều biết rõ. Rất lạ thay! Thế nào, chư Hiền, là Như Lai phân biệt pháp giới rất thanh tịnh, biết tên họ nơi phát xuất của chư Phật kia chăng? Hay là chư thiên đến chỗ Phật mách bảo chăng?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy muốn nghe sức trí thần của chư Phật quá khứ chăng? Muốn biết tên họ, danh hiệu, thọ mạng dài ngắn chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Nay chính đúng thời, cúi xin Thế Tôn diễn bày nghĩa ấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các thầy khéo nghĩ nhớ, Ta sẽ vì các thầy nói rộng nghĩa này.

Bấy giờ đại chúng Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, Phật bảo:

- Tỳ-kheo nên biết! Quá khứ chín mươi mốt kiếp về trước, có Phật xuất thế, hiệu Tỳ-bà-thi Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Lại nữa, ba mươi mốt kiếp về trước có Phật xuất thế hiệu Thi-khí Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Lại, trong kiếp ba mươi mốt ấy có Phật hiệu là Tỳ-xá-la-bà Như Lai xuất thế. Trong Hiền kiếp này có Phật xuất thế hiệu Câu-lâu-tôn Như Lai. Lại trong Hiền kiếp ấy có Phật xuất thế hiệu Câu-na-hàm-mâu-ni Như Lai Chí chơn Đẳng Chánh Giác. Lại trong Hiền kiếp có Phật xuất thế hiệu Ca- diếp. Lại trong Hiền kiếp, Ta xuất thế là Thích-ca Văn Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác.

Bấy giờ, Phật bèn nói kệ:

Trong chín mươi mốt kiếp,
Có Phật Tỳ-bà-thi,
Trong kiếp ba mươi mốt,
Phật thi-khí xuất hiện.
Cũng trong Hiền kiếp ấy,
Phật Tỳ-xá xuất hiện,
Ngày nay trong Hiền kiếp,
Bốn Phật lại xuất thế.
Câu-tôn, Na, Ca-diếp
Như trời chiếu thế gian,
Muốn biết tên họ ấy,
Danh hiệu kia như thế.

Phật Tỳ-bà-thi phát xuất từ dòng Sát-lợi. Phật Thi-khí cũng phát xuất từ dòng Sát-lợi. Phật Tỳ-xá-la-bà cũng phát xuất từ dòng Bà-la-môn. Phật Câu- lưu-tôn xuất phát từ dòng Bà-la-môn. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni phát xuất từ Bà-la-môn, Phật Ca-diếp phát xuất từ dòng Bà-la-môn. Như nay Ta phát xuất dòng Sát-lợi.

Phật bèn nói kệ:

Các Phật trước, xuất hiện,
Đều từ dòng Sát-lợi,
Câu-tôn đến Ca-diếp,
Xuất từ Bà-la-môn.
Trên hết không ai sánh,
Nay Ta, thầy Trời Người,
Các căn đều vắng lặng,
Xuất từ dòng Sát-lợi.

Phật Tỳ-bà-thi họ Cù-đàm, Phật thi-khí cũng họ Cù-đàm, Phật Tỳ-xá-la-bà cũng họ Cù-đàm. Phật Ca-diếp họ Ca-diếp. Phật Câu-lưu-tôn, Phật Câu-na- hàm-mâu-ni cũng từ

họ Ca-diếp như trên không khác. Nay Ta, họ Cù-đàm.

Thế Tôn bèn nói kệ:

Ba đức Phật ban đầu,
Đều từ họ Cù-đàm,
Ba Phật sau, Ca-diếp,
Đều từ họ Ca-diếp.
Như Ta ở hiện tại,
Trời, Người đều kính vâng,
Các căn rất vắng lặng,
Xuất từ họ Cù-đàm.

Tỳ-kheo nên biết! Phật Tỳ-bà-thi họ Câu-lân-nhã. Phật Thi-khí cũng từ Câu- lân-nhã. Phật tỳ-xá-la-bà cũng từ Câu-lân-nhã. Phật Câu-lưu-tôn từ Bà-la- đọa. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni cũng từ Bà-la-đọa. Phật Ca-diếp cũng từ Bà- la-đọa. Như Ta ngày nay, Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác phát xuất từ Câu-lân-nhã.

Thế Tôn bèn nói kệ:

Ba đức Phật ban đầu,
Xuất từ Câu-lân-nhã,
Ba Phật sau, Ca-diếp,
Xuất từ Bà-la-đọa.
Như Ta ở hiện tại
Trời, Người đều kính vâng,
Các căn rất vắng lặng
Xuất từ Câu-lân-nhã.

Phật Tỳ-bà-thi ngồi dưới cội cây hoa Ba-la-lợi thành Phật đạo. Phật Thi-khí ngồi dưới cội cây Phân-đà-lợi thành Phật đạo. Phật Tỳ-xá-la-bà ngồi dưới cội cây Ba-la thành Phật đạo. Phật Câu-lưu-tôn ngồi dưới cội cây Thi-lợi-sa thành Phật đạo. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni ngồi dưới cột cây Ưu-đầu-bạt-la thành Phật đạo. Phật Ca-diếp ngồi dưới cội cây Ni-câu-lưu thành Phật đạo. Như Ta ngày nay ngồi dưới cội cây Cát tường thành Phật đạo.

Thế Tôn bèn nói kệ:

Phật ban đầu hành đạo,
Dưới cây Ba-la-lợi,
Thi-khí, Phân-đà-lợi,
Tỳ-xá, cây Ba-la,
Câu-tôn, cây Thi-lợi,
Câu-na, cây Bạt-la,
Ca-diếp, cây Câu-lưu,
Ta thành đạo, Cát tường.

Bảy Phật, trời trong trời,
Chiếu sáng nơi thế gian,
Nhân duyên ngồi dưới cây,
Đều thành đạo quả Phật.

Phật Tỳ-bà-thi có mười sáu vạn tám nghìn đệ tử. Phật Thi-khí có mười sáu vạn đệ tử. Phật Tỳ-xá-la-bà có mười vạn đệ tử. Phật Câu-lưu-tôn có tám vạn đệ tử. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni có bảy vạn đệ tử. Phật Ca-diếp có sáu vạn đệ tử. Như Ta ngày nay có một ngàn hai trăm năm mươi đệ tử đều là bậc A-la- hán, các lậu vĩnh viễn chấm dứt, không còn các trói buộc.

Thế Tôn bèn nói kệ:

Trăm ngàn sáu vạn tám,
Đệ tử Tỳ-bà-thi,
Trăm ngàn và sáu vạn,
Đệ tử Phật Thi-khí,
Trăm ngàn chúng Tỳ-kheo,
Đệ tử Ty-xá-bà,
Câu-tôn, tám vạn chúng,
Câu-na-hàm, bảy vạn,
Ca-diếp, sáu vạn chúng,
Đều là A-la-hán.
Nay Ta là Thích-ca,
Nghìn hai trăm năm mươi,
Đều là hạnh Chơn nhơn,
Giáo hóa ở hiện tại,
Pháp để lại, đệ tử.
Số ấy không thể tính.

Phật Tỳ-bà-thi có thị giả tên Đại Đạo Sư, Phật-Thi-khí có thị giả tên Thiện Giác. Phật Tỳ-xá-la-bà có thị giả tên Thắng Chúng. Phật Câu-lưu-tôn có thị giả tên Cát Tường. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni có thị giả tên Tỳ-la-tiên. Phật Ca-diếp có thị giả tên Đạo Sư. Thị giả hiện nay của Ta tên A-nan.

Thế Tôn bèn nói kệ:

Đại Đạo và Thiện Giác,
Thắng Chúng và Cát Tường,
Tỳ-la-tiên, Đạo Sư,
A-nan, hàng thứ bảy,
Người này cúng dường Thánh,
Không câu nệ thời giờ,
Đọc tụng và thọ trì,

Không mất nghĩa lý kia.
Phật Tỳ-bà-thi thọ tám vạn bốn nghìn tuổi. Phật Thi-khí thọ bảy vạn tuổi. Phật Tỳ-xá-la-bà thọ sáu vạn tuổi. Phật Câu-lưu-tôn thọ năm vạn tuổi. Phật Câu-na-hàm-mâu-ni thọ bốn vạn tuổi. Phật Ca-diếp thọ hai vạn tuổi. Như Ta ngày nay tuổi thọ giảm xuống rất nhiều, thọ mạng nhiều nhất không quá trăm tuổi.

Thế Tôn bàn nói kệ:

Phật đầu, tám vạn tư,
Phật kế, bảy vạn tuổi
Tỳ-xá-bà, sáu vạn,
Câu-lưu-thọ năm vạn,
Hai vạn cộng hai vạn,
Tuổi thọ Câu-na-hàm,
Ca-diếp thọ hai vạn
Chỉ Ta thọ trăm năm.
Như thế, này các Tỳ-kheo! Như Lai quán sát biết tên họ, danh hiệu của chư Phật, thảy đều rành rẽ, dòng họ, xuất xứ đều thấu triệt, trì giới, trí tuệ, thiền định, giải thoát, thảy đều biết rõ.

Bấy giờ, tôn giả A-nan bạch Phật:

- Như Lai cũng nói: Hằng sa chư Phật đã diệt độ ở quá khứ, Như Lai cũng biết. Hằng sa chư Phật tương lai sẽ xuất hiện, Như Lai cũng biết. Vì sao Phật không dự ký việc làm của bao nhiêu Phật, mà nay chỉ nói về sự việc của bảy đức Phật?

Phật bảo A-nan:

- Đều có gốc ngọn nhân duyên nên Ta nói sự việc của bảy đức Phật. Hằng sa chư Phật thời quá khứ cũng chỉ nói về sự việc của bảy đức Phật. Tương lai, khi Phật Di-lặc xuất hiện, cũng sẽ chỉ dự ký về sự việc của bảy đức Phật. Nếu khi Phật Sư Tử Ứng ra đời, cũng sẽ chỉ nói về sự việc của bảy đức Phật. Nếu khi Phật Thừa Nhu Thuận ra đời, cũng sẽ chỉ nói về sự việc của bảy đức Phật. Nếu khi Phật Quang Diệm ra đời, cũng sẽ chỉ nói về sự việc bảy đức Phật. Nếu khi Phật Vô Cầu xuất hiện, cũng sẽ chỉ nói về sự việc của Phật Ca-diếp. Nếu khi Phật Bảo Quang ra đời, cũng sẽ nói về sự việc của Phật Thích-ca Văn.

Bấy giờ Thế Tôn bèn nói kệ:

Sư tử, Thừa Nhu, Quang,
Vô Cấu và Bảo Quang,
Thứ lớp sau Di-lặc,
Đều sẽ thành Phật đạo.
Di-lặc ghi Thi-khí
Sư Tử ghi Tỳ-xá
Nhu Thuận ghi Câu-tôn

Quang Diệm ghi Mâu-ni
Vô Cấu ghi Ca-diếp,
Đều nói duyên đời trước,
Bảo Quang thành Phật sau,
Cũng sẽ ghi hiệu Ta.
Chư Phật đời quá khứ,
Và chư Phật tương lai,
Đều dự ghi bảy Phật
Gốc ngọn việc xa xưa.
Do nhân duyên này, nên Như Lai ghi danh hiệu bảy đức Phật.

A-nan bạch Phật:

- Kinh này tên gì? Nên phụng trì thế nào?

Phật bảo A-nan:

- Kinh này tên 'Ghi danh hiệu Phật', nên ghi nhớ vâng làm.

Bấy giờ, A-nan và các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước La-duyệt, vườn trúc Ca-la-đà.

Bấy giờ, trưởng giả Sư Tử đã đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ chân Tôn giả, lui ngồi một bên. Trưởng giả Sư Tử bạch Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Cúi xin Tôn giả nhận lời thỉnh của con.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng nhận lời. Trưởng giả thấy Tôn im lặng nhận lời,liền từ chỗ ngồi đứng dậy, lễ chân Tôn giả rồi lui. Trưởng giả lại đến chỗ các vị Mục-kiền-liên, Ly-việt, Đại Ca-diếp, A-na-luật, Ca-chiên- diên, Mãn-từ Tử, Ưu-ba-ly, Tu-bồ-đề, La-vân và Sa-di Quân-đầu ... thỉnh các thượng thủ như thế, gồm năm trăm người.

Trưởng giả Sư Tử liền trở về, sắm sửa đủ các thức ăn uống rất ngon, trải tòa ngồi đẹp, rồi đến thưa rằng:

- Đến giờ, các vị A-la-hán chân nhân đã không từ chối. Nay thức ăn đã dọn, cúi xin quang lâm đến nhà.

Bấy giờ các đại Thanh văn đều đắp ba y, mang bát, vào thành đến nhà trưởng giả. Trưởng giả thấy chư tôn đều vào chỗ đã định, bèn tự tay mình sớt các thức ăn uống. Thấy Thánh chúng ăn xong, đem nước sạch rửa tay, cúng dường mỗi vị một tấm lụa trắng, trước từng người, nhận lời chú nguyện.

Tôn giả Xá-lợi-phất vì trưởng giả nói pháp vi diệu, rồi rời tòa đi ra, trở về tịnh thất. Bấy giờ, Tôn giả La-vân đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Phật hỏi:

- Hôm nay Thầy từ nơi nào đến?

La-vân thưa:

- Hôm nay có trưởng giả Sư Tử thỉnh.

Phật hỏi:

- Thế nào, La-vân! Thức ăn ngon hay không ngon, là tế hay là thô?

La-vân thưa:

- Thức ăn rất ngon và nhiều. Tấm lụa trắng này là do trưởng giả ấy cúng.

Phật bảo La-vân:

- Chúng Tăng có bao nhiêu người? Ai là Thượng tọa?

La-vân bạch Phật:

- Tôn giả Xá-lợi-phất là Thượng thủ, và chư đệ tử Thần đức năm trăm người.

Phật bảo La Vân:

- Thế nào, La Vân! Trưởng giả ấy được phước nhiều chăng?

La Vân bạch Phật:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn! Trưởng giả ấy được phước báu không thể tính kể. Cúng một A-la-hán, phước ấy khó hạn lượng, huống gì là bậc thần diệu lớn, Người, Trời đều cung kính. Nay năm trăm người đều là Chân nhân, phước ấy làm sao có thể lường.

Phật bảo La-vân:

- Nay công đức cúng dường năm trăm La-hán, nếu thứ lớp thỉnh một Sa- môn trong chúng, thỉnh rồi cúng dường thì so sánh phước cúng dường do chúng cử, và phước cúng cho năm trăm La-hán, phước trên hơn gấp trăm ngàn lần, ức vạn lần, không thể dùng thí dụ so sánh. Vì sao? Người do chúng cử, phước khó hạn lượng, đến chỗ cam lồ, diệt tận. La-vân nên biết! Như có người tự thệ rằng: 'Tôi sẽ uống nước của các sông ngòi'. Người ấy có kham chăng?

La-vân bạch Phật:

- Thưa không, bạch Thế Tôn! Vì sao? Đất Diêm-phù này rất rộng lớn, cõi này có bốn con sông lớn. Một là sông Hằng, hai là sông Tân-đầu, ba là sông Tư-đà, bốn là sông Bác-xoa, mỗi con sông có năm trăm sông nhỏ, song người ấy không thể uống hết nước, chỉ nhọc sức mà việc không thành.

Phật bảo:

- Người ấy lại nói thế này: 'Ta tự có phương tiện nhân duyên, có thể uống hết nước'. Thế nào là nhân duyên uống hết nước'. Thế nào là nhân duyên

uống hết nước? Người ấy nghĩ thế này: 'Ta sẽ uống nước biển. Vì sao? Tất cả các dòng sông đều đổ vào biển'. Thế nào, La-vân! Người ấy có thể uống hết nước chăng?

La-vân bạch Phật:

- Phương tiện như thế, có thể uống hết nước khiến cạn. Vì sao? Tất cả các dòng sông đều đổ vào biển. Do nhân duyên này, người ấy uống hết nước.

Phật bảo La-vân:

- Đúng thế, La-vân! Tất cả sự cúng dường riêng như dòng sông, hoặc được phước hoặc không được phước. Chúng Tăng như biển lớn. Vì sao? Vì nước sông, suối đều chảy về biển và mất tên riêng của nó, chỉ có tên biển lớn. La- vân! Đây cũng như thế. Nay mười hạng người này đều xuất phát từ trong chúng, không có chúng không thành. Thế nào là mười? Đó là Hướng Tu-đà- hoàn, Đắc Tu-đà-hoàn; Hướng Tư-đà-hàm, Đắc Tư-đà-hàm; Hướng A-na- hàm, Đắc A-na-hàm, Hướng A-la-hán, Đắc A-la-hán, Bích-chi Phật và Phật. Đó là mười bậc đều do trong chúng, không tự đứng riêng rẽ.

La-vân! Do phương tiện này nên biết, người do chứng cử, phước ấy không thể hạn lượng. Cho nên, La-vân! Thiện nam tử, thiện nữ chơn muốn cầu phước vô lượng, nên cúng dường Thánh chúng. La-vân nên biết! Cũng như có người đem bơ bỏ vào nước, bơ không tan, không lan rộng. Nếu đem dầu chế vào nước, dầu lan đầy trên mặt, cho nên, này La-vân! Nên nghĩ cúng dường Thánh chúng Tỳ-kheo Tăng. Như thế, La-vân, nên học điều này!

Bấy giờ trưởng giả Sư Tử nghe Phật khen ngợi, nói về phước cúng dường chúng, không khen nói phước khác. Vào dịp khác, trưởng giả đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Trưởng giả Sư Tử bạch Phật:

- Vừa nghe Như Lai khen ngợi phước bố thí cho chúng, không khen ngợi phước thỉnh riêng người. Từ nay về sau, con sẽ thường cúng dường Thánh chúng.

Phật bảo:

- Ta không nói thế này: 'Nên cúng dường Thánh chúng, đừng cúng đường người khác'. Nay bố thí cho súc sanh còn được phước, huống gì người khác. Ta chỉ nói phước có nhiều, ít. Vì sao? Thánh chúng của Như Lai đáng kính,

đáng quý, là phước điền trên hết của thế gian. Nay trong chúng này có hàng hướng về bốn quả, đắc bốn quả và Thanh văn thừa, Bích-chi Phật thừa, Phật thừa. Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn được đạo quả Tam thừa, nên từ trong chúng tìm cầu. Vì sao? Đạo quả Tam thừa đều phát xuất từ chúng Tăng. Trưởng giả! Ta quan sát nghĩa lý nhân duyên này nên nói lời này. Ta cũng không dạy người nên bố thí cho Thánh chúng mà không nên bố thí cho người khác.

Trưởng giả bạch Phật:

- Đúng thế, như lời Phật dạy. Từ nay về sau, nếu làm phước nghiệp, con sẽ cúng dường hết Thánh chúng, không chọn người để bố thí.

Bấy giờ Thế Tôn vì trưởng giả nói pháp vi diệu, khiến sanh tâm vui mừng. Trưởng giả nghe pháp xong liền đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, lui ra.

Trưởng giả Sư tử có ý muốn bố thí, tạo phước nghiệp. Bấy giờ chư Thiên đến nói:

- Đây là người Hướng Tu-đà-hoàn, đây là người Đắc Tu-đà-hoàn. Bố thí người này phước nhiều, bố thí này được phước ít.

Chư Thiên liền nói kệ:

Như Lai khen chọn thí,
Cho các Đại đức này,
Cúng đây, được phước nhiều,
Như ruộng tốt mọc lúa.
Trưởng giả Sư Tử im lặng không trả lời.

Chư Thiên lại nói với trưởng giả:

- Đây là người trì giới, đây là người phạm giới, đây là người Hướng Tu-đà- hoàn, đây là người Đắc Tu-đà-hoàn. Đây là người Hướng Tư-đà-hàm, đây là người Đắc Tư-đà-hàm. Đây là người Hướng A-na-hàm, Đây là người đắc A- na-hàm. Đây là người Hướng A-la-hán, đây là người Đắc A-la-hán. Đây là Thanh văn thừa, đây là Bích-chi thừa, đây là Phật thừa. Cho đây được phước ít, cho đây được phước nhiều.

Trưởng giả Sư Tử im lặng không đáp. Vì sao? Vì ông chỉ nhớ lời dạy bảo của Phật, không lựa chọn mà bố thí.

Lại vào thời gian khác, trưởng giả đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, thưa rằng:

- Con tự nhớ, khi con thỉnh Thánh chúng thọ trai, có chư Thiên đến với con rằng: 'Đây là người trì giới, đây là người phạm giới. Người này Hướng Tu- đà-hoàn, người này Đắc Tu-đà-hoàn, cho đến hàng Tam thừa, thảy đều phân biệt, Chư Thiên lại nói kệ này:

Như Lai khen chọn thí,
Cho các Đại đức này,
Cúng đây được phước nhiều,
Như ruộng tốt mọc lúa.
Khi ấy, con lại nghĩ thế này: 'Lời dạy của Như Lai không nên trái, ta há lại sanh tâm chọn lựa để bố thí ư?' Trọn không có tâm phải quấy và ý niệm cao thấp. Khi ấy con lại nghĩ rằng: 'Ta sẽ bố thí cho hết thảy tất cả chúng sanh. Nếu người trì giới thì được phước vô cùng, nếu người phạm giới thì tự chịu tai họa'. Chỉ thương chúng sanh nếu phạm giới thì tự chịu tai họa'. Chỉ thương chúng sanh nếu không được ăn, thì không được cứu giúp mạng sống.

Phật bảo trưởng giả:

- Lành thay! Lành thay! Thệ nguyện rộng lớn bồ tát khi bố thí thì tâm thường bình đẳng. Trưởng giả nên biết, vào ngày Bồ-tát bố thí, chư Thiên đến bảo rằng: 'Nhà hào quý nên biết, đây là người trì giới, đây là người phạm giới. Bố thí người này được phước nhiều, bố thí người này được phước ít'. Bấy giờ Bồ-tát trọn không sanh tâm này:

'Nên bố thí người này, không nên bố thí người này'. Tâm Bồ-tát thuần thục không có thị phi, cũng chẳng nói đây là trì giới, đây là phạm giới. Cho nên, Trưởng giả nên nghĩ bố thí bình đẳng, được phước vô lượng lâu dài.

Khi ấy, trưởng giả Sư-tử nhớ lời Như Lai dạy, thành kính nhìn Thế Tôn, ý không lay động liền tại chỗ ngồi được pháp nhãn tịnh. Trưởng giả Sư-Tử liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật, lui đi ra. Trưởng giả đi chưa bao lâu, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Trưởng giả Su-tử này do nhờ bố thí bình đẳng, lại chiêm ngưỡng Như Lai từ đầu đến chân, liền tại chỗ ngồi được pháp nhãn tịnh.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Trong số đệ tử Ưu-bà-tắc của Ta, người bố thí bình đẳng nhất là trưởng giả Sư-tử.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời đức Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất ở tại núi Kỳ-xá-quật, nơi chỗ vắng, vá y cũ. Khi ấy có mười ngàn chư Thiên cõi Phạm-ca-di từ nơi ấy ẩn, đến chỗ Xá- lợi-phất, cúi đầu lễ chân Tôn giả, đi quanh hầu Tôn giả, lại dùng kệ này khen ngợi:

Quy mạng bậc thượng nhơn,
Quy mạng bậc Tôn quý,
Nay chúng tôi chẳng biết
Y cứ những Thiền nào.
Khi ấy, mười ngàn chư Thiên cõi Phạm-ca-di nói kệ xong, Xá-lợi-phất im lặng chấp nhận. Chư thiên thấy Xá-lợi-phất im lặng chấp nhận rồi, liền làm lễ dưới chân rồi đi. Chư Thiên đi chưa xa, Xá-lợi-phất liền nhập Kim cang tam-muội.

Khi ấy, có hai con quỷ, một tên Già-la, một tên Ưu-ba-già-la, do Tỳ-sa-môn Thiên vương sai đi đến chỗ Thiên vương Tỳ-lưu-lặc (Thiên vương Tăng Trưởng), muốn bàn luận việc Trời, Người. Lúc đó, hai quỷ ấy bay qua hư không, xa thấy Xá-lợi-phất ngồi kiết-già, buộc niệm ở trước, tâm ý vắng lặng định tĩnh. Quỷ Già-la bảo quỷ kia rằng:

- Nay ta có thể dùng chưởng đánh ngay đầu Sa-môn kia.

Quỷ Ưu-ba-già-la nói:

- Ngươi chớ khởi ý niệm đánh vào đầu Sa-môn. Vì sao? Sa-môn ấy rất có thần đức, có oai lực lớn. Tôn danh vị ấy là Xá-lợi-phất, trong hàng đệ tử Thế Tôn không ai thông minh, tài cao hơn người này, là bậc trí tuệ đệ nhất trong hàng đệ tử Phật. Ngươi làm việc ấy chịu khổ vô lượng lâu dài.

Quỷ Già-la cứ hai ba lần bảo:

- Ta có thể đánh vào đầu Sa-môn ấy.

Quỷ Ưu-ba-già-la lại bảo:

- Nay Ngươi không nghe theo lời ta, Ngươi cứ ở đây, ta sẽ bỏ Ngươi đi.

Ác quỷ ấy hỏi:

- Ngươi sợ Sa-môn ấy sao?

Quỷ Ưu-ba-già-la bảo:

- Thật ta sợ. Nếu Ngươi lấy tay đánh vào đầu Sa-môn này, đất sẽ nứt đôi. Rồi sẽ có gió bão, mưa dữ, đất đai rúng động, chư Thiên kinh động. Đất đã rúng động, Tứ Thiên vương cũng sẽ kinh sợ. Tứ Thiên vương đã biết, chúng ta không yên đâu.

Khi ấy, ác quỷ cứ nói:

- Nay ta có thể làm nhục Sa-môn này.

Thiện quỷ nghe rồi liền bỏ đi. Ác quỷ kia liền lấy tay đánh vào đầu Xá-lợi- phất. Ngay khi ấy, trời đất chấn động mạnh, bốn phía cuồng phong, mưa dữ tức thời thổi lên, đất liền nứt làm hai. Toàn thân ác quỷ đều rơi vào địa ngục.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất từ chánh định dậy, chỉnh đốn y phục, xuống núi Kỳ-xà-quật, đi đến vườn trúc, đến chỗ đức Thế Tô, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

Phật bảo Xá-lợi-phất:

- Nay thân thể Thầy, không bệnh tật chăng?

Xá-lợi-phất thưa:

- Thân con không bệnh, chỉ có đầu hơi đau.

Phật bảo:

Quỷ Già-la lấy tay đánh vào đầu thầy. Nếu quỷ ấy dùng tay đấm núi Tu-di, núi Tu-di liền bể đôi. Vì sao? Vì quỷ ấy có sức mạnh. Nay quỷ ấy chịu tội báo, toàn thân rơi vào địa ngục A-tỳ.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Thật kỳ lạ! Thật đặc biệt! Sức của Kim cang tam-muội đến như thế! Do sức của tam-muội này mà không bị tổn hại. Giả sử núi Tu-di đánh vào đầu trọn không thể làm động đến mảy lông. Vì sao như thế? Tỳ-kheo nghe đây:

Trong Hiền kiếp này có đức Phật hiệu Câu-lưu-tôn, Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác. Đức Phật ấy có hai đại Thanh văn, một tên Đẳng Thọ, một tên Đại Trí. Tỳ-kheo Đẳng Thọ có sức thần túc bậc nhất, Tỳ-kheo Đại Trí có trí tuệ bậc nhất. Như ngày nay, đệ tử Ta Xá-lợi-phất trí tuệ bậc nhất, Mục-kiền- liên thần túc bậc nhất.

Bấy giờ, hai Tỳ-kheo Đẳng Thọ và Đại Trí đều được Kim cang tam-muội. Vào một lúc nọ, Tỳ-kheo Đẳng Thọ ở chỗ vắng nhập Kim cang tam-muội. Khi ấy có các người chăn bò, chăn dê, người đốn cúi, cắt cỏ, thấy Tỳ-kheo nầy tọa Thiền họ bảo nhau rằng:

- ' Hôm nay Sa-môn này đã chết'.

Các người chăn bò và đốn củi, bèn gom các cỏ khô, cây khô, chất lên mình thầy Tỳ-kheo, châm lửa đốt rồi bỏ đi. Khi Tỳ-kheo Đẳng Thọ từ chánh định xuất, chỉnh đốn y phục, rời chỗ ngồi mà đi. Tỳ-kheo cũng vào ngày đó, đắp y mang bát vào làng khất thực. Các người đốn củi thấy thầy Tỳ-kheo khất thực trong làng, đều bảo nhau:

- 'Thầy Tỳ-kheo ngày hôm qua đã chết, chúng ta lấy lửa hỏa thiêu, ngày nay sống lại, nay nên đặt tên là Hoàn Hoạt (sống lại)'.

Nếu có Tỳ-kheo được Kim cang tam-muội, lửa không đốt được, dao không chặt được, vào nước không chìm, không bị người khác làm tổn thương. Như thế, này Tỳ-kheo! Kim cang tam-muội oai đức như thế. Nay Xá-lợi-phất được tam-muội này. Tỳ-kheo Xá-lợi-phất thường dạo chơi hai chỗ, Không tam-muội và Kim cang tam-muội.

Cho nên, Tỳ-kheo nên tìm phương tiện thực hành Kim cang tam-muội. Như thế, này các Tỳ-kheo nên học điều này!

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta sẽ dạy các Thầy như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất ấy có trí tuệ, có sức trí lớn, trí phân biệt rộng, trí vô biên, trí nhanh nhẹn, trí biết khắp, trí nhạy bén, trí thâm sâu, trí đoạn dứt; ít muốn biết đủ, vắng lặng dũng mãnh, ý niệm không tán loạn, thành tựu giới, thành tựu định, thành tựu tuệ, thành tựu giải thoát và giải thoát tri kiến; nhu hòa không tranh cãi, bỏ việc ác rốt ráo, nhẫn các lời nói, khen ngợi việc lìa ác, thường nhớ nghĩ xa lìa, thương xót các người ngu, làm Chánh pháp hưng thạnh, vì người nói pháp không biết chán.

Bấy giờ, Thế Tôn liền nói kệ:

Mười nghìn chư Thiên nhơn,
Đều là trời Tịnh Thân,
Tự quy Xá-lợi-phất,
Nơi đảnh núi Linh Thứu
Quy mạng bậc Thượng nhơn,
Quy mạng bậc Tôn quý,
Nay chúng tôi không biết,
Y cử những Thiền nào?
Như thế, Hoa đệ tử,
Trang nghiêm cội cây Phật,
Như vườn cây cõi trời,
Vui thích không thể sánh.

Đệ tử Như Hoa tức là Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Vì sao? Người này ắt hay trang nghiêm cội cây Phật, cội đạo thọ tức là Như Lai vậy, Như Lai hay che trùm tất cả chúng sanh.

Cho nên, Tỳ-kheo nên nghĩ nhớ siêng năng, gắng dõng mãnh tinh tấn như Tỳ-kheo Xá-lợi-phất. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

XXXXIX.1. Phẩm Chăn trâu (1) (Phần thứ tư tụng riêng)

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu người chăn trâu thành tựu mười một pháp, thì bầy trâu không thể tăng trưởng, cũng không thể giữ được trâu của mình. Thế nào là mười một? Nếu người chăn trâu không phân biệt được hình sắc trâu; không biết tướng mạo trâu; trâu cần cọ xát, tắm rửa mà không biết cọ xát tắm rửa; không biết chăm sóc vết thương trâu; không biết tùy thời un khói; không biết chỗ ruộng tốt cỏ non cho trâu ăn; không biết chỗ an ổn; cũng không biết chỗ lùa trâu qua sông, không biết thời thích hợp; khi vắt sữa không chừa lại mà vắt lấy hết; có những con trâu trâu lớn sử dụng được, không biết tùy thời giữ gìn. Này các Tỳ-kheo! Đó gọi là người chăn trâu thành tựu mười một pháp, rốt cuộc không thể nuôi lớn đàn trâu, không biết giữ gìn thân chúng.

Nay trong chúng Tỳ-kheo cũng lại như thế, trọn không thể tăng trưởng lợi ích. Thế nào là mười một? Ở đây, Tỳ-kheo không phân biệt sắc kia; không hiểu tướng của nó; cần chăm sóc kỳ cọ mà không biết chăm sóc kỳ cọ; không chăm sóc vết thương; không biết tùy thời un khói; không biết chỗ ruộng tốt cỏ non; không biết bến qua sông; cũng không biết chỗ an ổn; không biết ăn đúng thời; không biết lưu lại những gì còn thừa; không biết kính trọng các Tỳ-kheo trưởng lão.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết về sắc? Ở đây, Tỳ-kheo có sắc tứ đại và tứ đại sở tạo, thảy đều không biết. Như thế, Tỳ-kheo không phân biệt về sắc.

Thế nào là Tỳ-kheo không phân biệt về tướng? Ở đây, 'Tỳ-kheo không biết hành động ngu, cũng không biết hành động trí, không biết như thật. Như thế, Tỳ-kheo không phân biệt tướng.

Thế nào là Tỳ-kheo đáng chăm sóc kỳ cọ mà không chăm sóc kỳ cọ? Ở đây, Tỳ-kheo mắt thấy sắc lần khởi tướng sắc, có các niệm loạn động, lại không giữ gìn nhãn căn. Do không khéo nhiếp niệm nên gây ra các ương lụy, không giữ gìn nhãn căn. Như thế, nếu Tỳ-kheo tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm trơn mịn, ý biết pháp khởi các loạn tưởng, cũng không giữ gìn ý căn, không sửa đổi hành động của mình. Như thế, Tỳ-kheo nên chăm sóc kỳ cọ mà không chăm sóc kỳ cọ.

Thế nào là Tỳ-kheo không trị lành vết thương? Ở đây, Tỳ-kheo khởi dục tưởng mà không lìa bỏ, cũng không trừ ý niệm ấy. nếu khởi tưởng sân hận, tưởng sát hại, khởi lên các tưởng ác, tưởng không lành thì trọn không rời bỏ. Như thế, Tỳ-kheo không trị lành vết thương.

Thế nào là Tỳ-kheo không tùy thời xông khói? Ở đây, Tỳ-kheo đối với pháp đã tụng đọc, không tùy thời dạy lại cho người. Như thế, 'Tỳ-kheo không tùy thời xông khói.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết ruộng tốt cỏ non? Ở đây, Tỳ-kheo không biết ý chỉ (Tứ niệm xứ), không biết như thật. Như thế, Tỳ-kheo không biết chỗ ruộng tốt cỏ non.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết bến qua sông? Ở đây, Tỳ-kheo không phân biệt được Tám đạo phẩm Hiền Thánh. Như thế, Tỳ-kheo không biết bến qua sông.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết chỗ đáng yêu thích? Ở đây, Tỳ-kheo với mười hai bộ: Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Kệ, Nhân duyên, Bổn sự, Phương đẳng, Thí dụ, Bổn sanh, Tự thuyết, Luận nghị, Vị tằng hữu. Như thế, Tỳ- kheo không biết chỗ đáng yêu thích.

Thế nào là Tỳ-kheo không biết thời thích hợp? Ở đây, Tỳ-kheo đi đến nhà khinh tiện, nhà vui chơi. Như thế, Tỳ-kheo không biết thời thích hợp.

Thế nào là Tỳ-kheo không lưu lại vật thừa? Ở đây, Tỳ-kheo có các Phạm chí hay Ưu-bà-tắc tín tâm đến thỉnh thọ trai, song các Tỳ-kheo đắm trước vào ăn uống, không biết ngừng đủ. Như thế, Tỳ-kheo không lưu lại vật thừa.

Thế nào là Tỳ-kheo không kính trọng bậc trưởng lão, những Tỳ-kheo cao đức? Ở đây, Tỳ-kheo không phát tâm cung kính đối với các bậc đức độ. Như

thế, Tỳ-kheo có nhiều sai phạm. Đó gọi là Tỳ-kheo không cung kính trưởng lão.

Nếu có Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp này, trọn không thể ở trong pháp được nhiều lợi ích.

Nếu người chăn trâu thành tựu mười một pháp, hay giữ gìn đàn trâu của mình thì trọn không mất thời, có các lợi ích. Thế nào là mười một? Ở đây, người chăn trâu biết sắc trâu, phân biệt tướng trâu, cần tắm rửa kỳ cọ thì tắm rửa kỳ cọ, chăm sóc các vết ghẻ lở, tùy thời xông khói, biết chỗ ruộng tốt cỏ ngon, biết bến qua sông cần yếu, thương trâu của mình, phân biệt thời thích hợp với trâu, cũng biết tánh tình trâu, nếu khi vắt sữa trâu thì biết chừa lại, cũng biết tùy thời chăm sóc giữ gìn những con trâu có thể sử dụng. Như thế, người chăn trâu biết giữ gìn trâu. Như thế, này Tỳ-kheo! Nếu người chăn trâu thành tựu mười một pháp không mất thời tiết, trọn không bị bại hoại.

Như thế, Tỳ-kheo nếu thành tựu mười một pháp, nơi hiện pháp này được nhiều lợi ích. Thế nào là mười một pháp? Ở đây, Tỳ-kheo biết sắc, biết tướng, biết cọ rửa, biết chăm sóc vết thương, biết xông khói, biết chỗ ruộng tốt cỏ ngon, biết chỗ đáng yêu thích, biết chọn đường đi, biết chỗ qua sông, biết ăn vừa đủ, biết kính trọng Tỳ-kheo trưởng lão và tùy thời lễ bái.

Thế nào là Tỳ-kheo biết sắc? Ở đây Tỳ-kheo biết sắc tứ đại, cũng biết tứ đại tạo sắc. Đó gọi là Tỳ-kheo biết sắc.

Thế nào là Tỳ-kheo biết tướng? Ở đây Tỳ-kheo biết tướng ngu, biết tướng trí, biết như thật. Như thế, Tỳ-kheo biết tướng.

Thế nào là Tỳ-kheo biết cọ rửa? Ở đây, nếu Tỳ-kheo khởi tưởng dục liền biết xa lìa, cũng không tha thiết, vĩnh viễn không dục tưởng. Nếu tưởng sân, tưởng hại, và các tưởng ác bất thiện khơi lên thì đều biết xa lìa, cũng không tha thiết, vĩnh viễn không tưởng sân. Như thế, Tỳ-kheo biết cọ rửa.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chăm sóc vết thương? Ở đây, Tỳ-kheo nếu mắt thấy sắc không khởi tưởng sắc thì cũng không nhiễm trước, mà làm trong sạch nhãn căn, trừ bỏ lo buồn và pháp ác bất thiện, tâm không tham vui trong ấy, giữ gìn nhãn căn. Như thế, Tỳ-kheo nếu tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc chạm, ý biết pháp thì không khởi thức tưởng, cũng không nhiễm trước, mà thanh tịnh ý căn. Như thế, Tỳ-kheo biết chăm sóc vết thương.

Thế nào là Tỳ-kheo biết xông khói? Ở đây, Tỳ-kheo từ pháp được nghe, vì người giảng nói rộng. Như thế là Tỳ-kheo biết xông khói.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chỗ ruộng tốt, cỏ non? Ở đây, Tỳ-kheo đối với Tám đạo phẩm Hiền Thánh như thật mà biết. Đó là Tỳ-kheo biết chỗ ruộng tốt cỏ non.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chỗ đáng yêu? Ở đây, nếu Tỳ-kheo nghe Như Lai nói pháp báu thì tâm liền vui thích. Như thế, Tỳ-kheo biết chỗ đáng yêu.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chọn đường đi? Ở đây, Tỳ-kheo đối với mười hai bộ kinh, chọn mà hành trì. Đó là Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Kệ, Nhân duyên, Bổn sự, Phương đẳng, Thí dụ, Bổn sanh, Tự thuyết, Luận nghị, Vị tằng hữu. Như thế là Tỳ-kheo biết chọn đường đi.

Thế nào là Tỳ-kheo biết chỗ qua sông? Ở đây, Tỳ-kheo biết Tứ ý chỉ (Tứ niệm xứ), đó gọi là Tỳ-kheo biết chỗ qua sông.

Thế nào là Tỳ-kheo biết ăn vừa đủ? Ở đây, Tỳ-kheo được Phạm Chí, Ưu-bà- tắc tín tâm đến thỉnh thọ trai, không tham ăn uống, có thể tự biết đủ. Như thế Tỳ-kheo biết vừa đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo tùy thời kính vâng Tỳ-kheo trưởng lão? Ở đây, Tỳ-kheo thường dùng thần niệm ý làm lành đối với các Tỳ-kheo trưởng lão. Như thế, Tỳ-kheo tùy thời cung kính Tỳ-kheo trưởng lão.

Như thế, nếu thành tựu mười một pháp, ở trong hiện pháp được nhiều lợi ích.

Thế Tôn bèn nói kệ:

Chăn trâu không lười biếng,
Người ấy được phước báo,
Sáu con trong sáu năm,
Dần dần thành sáu chục.
Tỳ-kheo thành tựu giới,
Với thiền, được tự tại,

Nếu sáu căn vắng lặng,
Sáu năm thành lục thông.
Như thế, Tỳ-kheo! Nếu có người lìa pháp ác này, thành tựu mười một pháp này thì ở trong hiện pháp được nhiều lợi ích. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu Tỳ-kheo thành tựu mười một pháp, ắt có thể có sự lớn mạnh. Thế nào là mười một? Ở đây, Tỳ-kheo thành tựu giới, thành tựu chánh định, thành tựu trí tuệ, thành tựu giải thoát, thành tựu giải thoát tri kiến, các căn vắng lặng, ăn uống biết vừa đủ, thường tu hành cọng pháp, biết phương tiện, phân biệt nghĩa thú, không đắm trước lợi dưỡng. Như thế, Tỳ-kheo, có người thành tựu mười một pháp này, liền có chỗ đạt đến.

Nay Ta lại bảo các Thầy, nếu có người trong mười một năm, học pháp này thì người ấy hiện đời thành A-na-hàm, chuyển thân liền thành A-la-hán. Các Tỳ-kheo, thôi không cần mười một năm, hoặc chín, tám, bảy, sáu, năm, bốn, ba, hai, chỉ một năm học pháp này, liền chứng quả thứ hai, hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán. Hoặc không cần mười hai tháng, chỉ trong một tháng tu hành này, Tỳ-kheo ấy chắc chắn thành hai quả, hoặc A-na-hàm, hoặc A-la-hán.

Vì sao như vậy? Mười hai nhân duyên đều phải xuất từ mười một pháp này. Đó là sanh, lão, bịnh, tử, lo buồn khổ não ... Tuy Ta dạy các Tỳ-kheo nên giống như Tỳ-kheo Ca-diếp. Nếu như có người thực hành pháp khiêm tốn khổ hạnh thì khổ có gì sánh kịp hạnh này? Vì sao? Tỳ-kheo Ca-diếp thành tựu mười một pháp này. Nên biết chư Phật đời quá khứ thành Đẳng Chánh Giác cũng thành tựu mười một pháp khổ hạnh này. Nay Tỳ-kheo Ca-diếp vì thương xót tất cả chúng sanh. Nếu cúng dường các Thanh văn đời quá khứ thân sau sẽ được phước báu. Nếu cúng dường Ca-diếp, thân hiện đời được phước báu. Nếu như Ta không thành Đẳng Chánh Giác, sau sẽ do Ca-diếp thành Đẳng Chánh Giác. Do nhân duyên này nên Tỳ-kheo Ca-diếp hơn các Thanh văn đời quá khứ. Ai có thể làm như Ca-diếp, đây ắt là hạnh trên hết.

Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn vì vô số chúng sanh vây quanh trước sau, mà nói pháp. Lúc ấy Tôn giả Xá-lợi-phất dắt nhiều chúng Tỳ-kheo đi kinh hành. Các Tỳ- kheo Đại Mục-kiền-liên, Đại

Ca-diếp, A-na-luật, Ly-bà-da, Ca-chiên-diện, Mãn-tù-tử, Ưu-ba-ly, Tu-bồ-đề, La-vân, A-nan v.v. mỗi người đều dắt một số Tỳ-kheo tự vui cùng nhau. Đề-bà-đạt-đa cũng dắt nhiều chúng Tỳ-kheo tự đi kinh hành.

Thế Tôn thấy các đệ tử thần túc mỗi người đều dẫn chúng của mình đi kinh hành. Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Người đời, về thân căn và tánh tình mỗi mỗi tự thích hợp với nhau. Người hiền cùng làm bạn với người hiền, người ác cùng làm bạn với người ác. Cũng như sữa tương ưng với sữa, bơ tương ưng với bơ, phần uế cùng tương ưng với phần uế. Đây cũng như vật, căn tánh, hành động, pháp tắc của chúng sanh mỗi tự tương ưng. Người hiền tương ưng với người hiền, người ác tương ưng với người ác. Các Thầy có thấy Tỳ-kheo Xá-lợi-phất dắt các Tỳ- kheo đi kinh hành kia chăng?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Những người ấy đều là hàng có trí tuệ.

Phật lại hỏi các Tỳ-kheo:

- Các Thầy có thấy Tỳ-kheo Mục-kiền-liên dắt các Tỳ-kheo đi kinh hành không?

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

- Những Tỳ-kheo ấy đều là hàng có thần túc.

Phật lại hỏi:

- Các Thầy thấy Tỳ-kheo Ca-diếp dắt các Tỳ-kheo đi kinh hành chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

- Các Thượng sĩ ấy đều là những người thật hành mười một pháp đầu đà.

Phật lại hỏi:

- Các Thầy thấy Tỳ-kheo A-nan-luật chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

- Những Hiền sĩ ấy đều là hàng Thiên nhãn đệ nhất.

Phật lại hỏi:

- Có thấy Tỳ-kheo Ly-việt chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

- Những người ấy đều là hành nhập định.

Phật lại hỏi:

- Các Thầy có thấy Tỳ-kheo Ca-chiên-diên chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

- Những Thượng sĩ ấy đều là người phân biệt nghĩa lý.

Phật lại hỏi:

- Các Thầy có thấy Tỳ-kheo Mãn-từ-tử chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

- Những Hiền sĩ ấy đều là người thuyết pháp.

Phật lại hỏi:

- Các Thầy có thấy Ưu-ba-ly dẫn các Tỳ-kheo đi kinh hành chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

- Những người ấy đều là người giữ gìn giới cấm.

Phật lại hỏi:

Các Thầy thấy Tỳ-kheo Tu-bồ-đề chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

- Những Thượng nhơn ấy đều là bậc Giải không đệ nhất.

Phật lại hỏi:

- Các Thầy có thấy Tỳ-kheo La-vân chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

- Những Hiền sĩ ấy đều là người đầy đủ giới.

Phật lại hỏi:

- Các Thầy có thấy Tỳ-kheo A-nan chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Những Hiền sĩ ấy đều là người đa văn đệ nhất, nghe rồi không quên.

Phật lại hỏi:

- Các Thầy có thấy Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa dắt các người đi kinh hành chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa vâng, thấy.

Phật bảo:

- Những người ấy lấy việc ác làm đầu, không có gốc lành.

Thế Tôn bèn nói kệ:

Chớ cùng Ác tri thức,
Cùng người ngu làm việc,
Nên cùng Thiện tri thức,
Giao thiệp với người trí,
Nếu người vốn không ác,
Gần gũi với người ác,
Sau ắt thành nhân ác,
Tiếng ác đồn khắp nơi.

Bấy giờ, hơn ba mươi đệ tử của Đề-bà-đạt-đa nghe Thế Tôn nói bài kệ ấy rồi, bèn bỏ Đề-bà-đạt-đa đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, xin sửa đổi tội nặng.

Các vị ấy lại bạch Thế Tôn:

- Chúng con ngu si mê lầm, không biết chơn ngụy, bỏ Thiện tri thức mà gần Ác tri thức. Cúi xin Thế Tôn tha thứ, về sau không dám phạm.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Cho phép các Thầy sám hối lỗi lầm, sửa điều đã làm, chỉnh đốn điều sắp làm, đừng phạm lại.

Bấy giờ, đệ tử của Đề-bà-đạt-đa, vâng lời Thế Tôn dạy, ở chỗ vắng suy nghĩ nghĩa lý vi diệu, tự khắc phục hành động của mình. Vốn là hàng quý tộc, cạo bỏ râu tóc xuất gia học đạo, vì muốn tu Phạm hạnh vô thượng, các Tỳ-kheo đều đắc quả A-la-hán.

Tỳ-kheo nên biết! Cội nguồn của chúng sanh đều tự theo loại với nhau. Người ác đi theo người ác, người hiền đi theo người hiền. Cội nguồn của chúng sanh thời quá khứ và tương lai cũng lại như thế, cùng theo loại với nhau. Cũng như tịnh tương ưng với tịnh, bất tịnh tương ưng với bất tịnh. Cho nên, Tỳ-kheo nên học tương ưng với tịnh, xả bỏ bất tịnh. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng lời.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành Câu-lưu-sa Pháp Hành, cùng với chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Tôn giả Tượng Xá-lợi-phất xả bỏ pháp y, tập theo hạnh cư sĩ. Khi ấy, Tôn giả A-nan đắp y mang bát vào thành khất thực, đi dần dần đến nhà Tượng Xá-lợi-phất. Tượng Xá-lợi-phất đang kề vai hai thiếu nữ. A-nan thấy như vậy, bèn khởi ý lo buồn không vui. Tượng Xá-lợi-phất thấy A-nan rồi, rất hổ thẹn, bèn ngồi riêng một mình.

Bấy giờ, A-nan khất thực xong, ra khỏi thành, đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

A-nan bạch Phật:

- Vừa rồi con vào thành khất thực, đi dần đến nhà Tượng Xá-lợi-phất, thấy đang kề vai hai cô vợ. Con thấy rất lo buồn.

Phật hỏi:

- Thầy thấy rồi khởi ý niệm gì?

A-nan bạch Phật:

- Con nhớ Tượng Xá-lợi-phất là người tinh tấn đa văn, tánh hạnh nhu hòa, vì các người Phạm hạnh nói pháp không chán. Vì sao hôm nay lại xả bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ? Con thấy rồi rất lo buồn. Bởi vì Tượng Xá-lợi-phất, có

sức oai thần lớn, oai đức vô lượng. Tự nghĩ xưa con từng thấy vị ấy bàn luận với Thích-đề-hoàn-nhân, tại sao ngày nay lại tập theo dục lạc làm ác?

Phật bảo:

- Như thế, A-nan! Như lời Thầy nói. Chỉ vì vị ấy không phải là A-la-hán. Phàm là A-la-hán mới không bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ. Nhưng này A-la- nan, chớ lo buồn!

Sau bảy ngày, Tượng Xá-lợi-phất sẽ đến đây, chấm dứt hữu lậu thành vô lậu. Chỉ vì Tượng Xá-lợi-phất do nghiệp cũ lôi kéo nên như thế. Hạnh nghiệp đời này đầy đủ sẽ dứt hữu lậu.

Bấy giờ, Tượng Xá-lợi-phất sau bảy ngày đi đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, giây lát đứng dậy bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn cho phép con lần cuối tu hạnh Sa-môn.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Tượng Xá-lợi-phất liền được làm Sa-môn ngay tại chỗ ngồi đắc A-la-hán.

Tượng Xá-lợi-phất đắp y mang bát vào thành khất thực, lúc ấy có một Phạm chí sanh ý niệm rằng: "Các Sa-môn dòng Thích này, chỗ nào cũng có, hiện diện khắp nơi, lại dứt tuyệt cả việc thi hành chú thuật của chúng ta. Nay ta sẽ nói với người trong thành vết xấu của Sa-môn này". Bấy giờ Phạm chí ấy nói mọi người trong thành rằng:

- Các Người có thấy Tượng Xá-lợi-phất chăng? Ngày trước tự xưng là A-la- hán, nửa chừng bỏ pháp phục, tập hạnh thế gian, vui chơi trong ngũ dục. Nay lại làm Sa-môn, đi khất thực từng nhà ra vẻ trong sạch, thấy phụ nữ khởi lên dục tính, trở về tinh xá nhớ nghĩ nữ sắc không quên. Như con lừa mệt mỏi không kham chở đồ, nằm mẹp không nhúc nhích; đệ tử dòng Thích này cũng như vậy, ngoài hiện vẻ khất thực mà thấy người nữ thì suy nghĩ toan tính.

Tượng Xá-lợi-phất nghe Phạm chí ấy gieo rắc tiếng tăm ác, bèn khởi nghĩ: "Người này rất ngu si, sanh tâm tật đố, thấy người khác được lợi dưỡng sanh lòng bỏn sẻn, ganh ghét. Nếu mình được lợi dưỡng thì bèn vui mừng, đến nhà cư sĩ phỉ báng. Nay ta phải chế ngự không cho làm ác, không khiến cho người này chịu tội vô lượng".

Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, bảo Phạm chí rằng:

Không mắt, không cách khéo,
Khởi tâm chê Phạm hạnh,
Tự làm việc vô ích,
Chịu khổ địa ngục lâu.

Tượng Xá-lợi-phất nói kệ ấy rồi, bèn trở về chỗ của mình. Khi ấy, dân chúng trong thành nghe Phạm chí phỉ báng, lại nghe Tượng Xá-lợi-phất nói kệ, đều khởi nghĩ rằng: "Nếu đúng như lời Phạm chí, sao lại hiện thần túc khó bì, chúng ta lại thấy Sa-môn ấy xả bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ". Khi ấy, phần đông dân chúng, mỗi mỗi đến chỗ Tượng Xá-lợi-phất, cúi đầu lễ dưới chân, lui ngồi một bên. Mọi người hỏi Tượng Xá-lợi-phất rằng:

- Có vị A-la-hán nào xả bỏ pháp phục, tập hạnh thế gian chăng?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

- Không có A-la-hán xả bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ.

Mọi người bạch Tượng Xá-lợi-phất:

- A-la-hán có vì duyên cũ mà phạm giới chăng?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

- Đã đắc quả A-la-hán, trọn không phạm giới.

Dân chúng lại hỏi:

- Người ở địa vị học đạo có vì duyên cũ mà phạm giới chăng?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

- Có, nếu người còn ở vị học đạo, do duyên xưa nên phạm giới.

Mọi người lại hỏi:

- Tôn giả trước đây là A-la-hán, lại bỏ pháp phục, tập theo hạnh thế gian, vui chơi trong ngũ dục, nay lại xuất gia học đạo. Trước vốn có thần túc, nay vì sao như thế.

Tượng Xá-lợi-phất bèn nói kệ:

Được Thiền định thế gian,
Rốt ráo không giải thoát,
Chưa được vết diệt tận,
Lại tập theo ngũ dục.
Không củi, lửa không cháy,
Không gốc, cành không sanh,
Gái đá không mang thai,
La-hán không bị rơi.
Bấy giờ dân chúng lại hỏi Tượng Xá-lợi-phất:

- Tôn giả trước đây không phải A-la-hán chăng?

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

- Trước đây tôi không phải là A-la-hán. Các cư sĩ nên biết, ngũ thông và lục thông mỗi thứ sai khác nhau. Nay tôi sẽ nói về mười một thông ấy. Phàm hạng tiên nhơn được ngũ thông đã dứt sạch dục ái, nếu sanh về cõi trên lại rơi xuống dục giới. Hàng A-la-hán lục thông đệ tử của Phật, được lậu tận thông tức ngay nơi cảnh giới Niết-bàn Vô dư, mà vào Niết-bàn.

Dân chúng lại thưa rằng:

- Chúng tôi quán sát lời nói của Tôn giả, thời ở thế gian không có A-la-hán xả bỏ pháp phục, tập theo hạnh cư sĩ.

Tượng Xá-lợi-phất đáp:

- Như thế, như lời các ông nói, không có A-la-hán nào xả bỏ pháp phục, tập hạnh cư sĩ. Có mười một pháp, A-la-hán không tập theo.

Thế nào là mười một? A-la-hán lậu tận trọn không xả bỏ pháp phục, tập theo hạnh cư sĩ; A-la-hán lậu tận trọn không tập hạnh bất tịnh; A-la-hán lậu tận trọn không sát sanh; A-la-hán lậu tận trọn không trộm cắp; A-la-hán lậu tận không lưu lại vật thừa; A-la-hán lậu tận trọn không nói dối; A-la-hán lậu tận trọn không khiến đôi bên gây gổ. A-la-hán lậu tận trọn không còn hồ nghi; A-la-hán lậu tận trọn không sợ sệt; A-la-hán lậu tận trọn không theo học

thầy khác, lại cũng không thọ bào thai. Đó gọi là các Hiền sĩ A-la-hán lậu tận trọn không làm theo mười một hạnh.

Bấy giờ, dân chúng bạch với Tượng Xá-lợi-phất:

- Chúng con nghe Tôn giả nói, thấy hàng ngoại đạo dị học như bình rỗng không có gì. Nay thấy nội pháp như bình đựng mật ngọt. Chánh pháp Như Lai cũng lại như thế. Nay Phạm chí ấy chịu tội vô lượng.

Tượng Xá-lợi-phất bay lên hư không, ngồi kiết-già nói kệ:

Không hiểu việc đây, kia,
Tập theo thuật ngoại đạo,
Gây đấu tranh đôi bên,
Người trí không làm thế.
Dân chúng thành Câu-lưu-sa thưa Tượng Xá-lợi-phất rằng:

- Lời nói của Tôn giả hơn nhiều, thật khó sánh kịp, cũng như người mù được sáng mắt, người điếc được nghe. Nay lời nói của Tôn giả cũng thế, dùng vô số phương tiện nói giáo pháp. Ngày nay chúng con tự quy y Phật, Pháp, Tỳ- kheo Tăng. Cúi xin Tôn giả nhận chúng con làm Ưu-bà-tắc, trọn đời giữ năm giới, không sát sanh...

Bấy giờ, Tôn giả Tượng Xá-lợi-phất vì dân chúng nói pháp vi diệu, khiến họ phát tâm hoan hỷ, họ đều từ chỗ đứng dậy, làm lễ mà lui.

Bấy giờ Tôn giả A-nan nghe Phạm chí phỉ báng Tượng Xá-lợi-phất song không đến đâu, còn không dám nhìn Tượng Xá-lợi-phất, huống gì cùng bàn luận, liền đến chỗ Phật, đem tất cả nhân duyên ấy thưa với Phật.

Phật bảo A-nan rằng:

- Phàm luận về A-la-hán bình đẳng, nên nói chính là Tượng Xá-lợi-phất. Vì sao? Nay Tượng Xá-lợi-phất đã thành A-la-hán. Xưa kia nghe đồn về danh tiếng A-la-hán, nay mới đạt được. Hàng thế tục được ngũ thông, không phải là hạnh chơn thật, sau ắt bị mất. Hàng lục thông là hạnh chơn thật. Vì sao? Tượng Xá-lợi-phất trước có ngũ thông, sau được lục thông. Thầy cũng nên học như Tượng Xá-lợi-phất. Đây là nghĩa ấy nên ghi nhớ vâng làm.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta sẽ nói về pháp nhân duyên, nên khéo suy nghĩ ghi nhớ, tu tập hạnh ấy.

Các Tỳ-kheo bạch Phật:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy, Thế Tôn bảo:

- Thế nào là pháp nhân duyên?

Nghĩa là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, ưu bi khổ não không thể tính kể. Như thế thành thân năm ấm này.

Thế nào gọi là vô minh? Nghĩa là không biết Khổ, không biết Tập, không biết Diệt, không biết Đạo. Đây là vô minh.

Thế nào gọi là hành? Hành có ba loại, thế nào là ba? Là thân hành, khẩu hành, ý hành. Đó là hành.

Thế nào gọi là thức? Đó là sáu thức thân. Thế nào là sáu? Là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức. Đó là thức.

Thế nào gọi là danh? Là thọ, tưởng, hành, thức. Đó là danh.

Thế nào gọi là sắc? Là thân tứ đại và sắc thân do tứ đại tạo nên. Đó là sắc. Sắc khác danh khác, nên gọi là danh sắc.

Thế nào gọi là lục nhập? Là nhãn nhập, nhĩ nhập, tỷ nhập, thiệt nhập, thân nhập, ý nhập. Đó là lục nhập.

Thế nào gọi là xúc? Là sáu xúc thân. Thế nào là sáu? Là nhãn xúc, nhĩ xúc, tỷ xúc, thiệt xúc, thân xúc, ý xúc. Đó là xúc.

Thế nào gọi là thọ? Là ba thọ. Thế nào là ba? Là thọ khổ, thọ vui, thọ không khổ không vui. Đó gọi là thọ.

Thế nào gọi là ái? Là ba ái: dục ái, hữu ái, vô hữu ái.

Thế nào gọi là thủ? Là bốn thủ. Thế nào là bốn? Là dục thủ, kiến thủ, giới thủ, ngã thủ. Đó gọi là thủ.

Thế nào gọi là hữu? Là ba hữu. Thế nào là ba? Là dục hữu, sắc hữu, vô sắc hữu. Đó gọi là hữu.

Thế nào gọi là sanh? Là khi đầy đủ ngày tháng, ra khỏi bụng mẹ, nhận sự hiện hữu, được thân năm ấm, thọ lãnh các nhập. Đó gọi là sanh.

Thế nào gọi là lão? Là chúng sanh kia, nơi thân phần này răng rụng, tóc bạc, khí lực yếu mòn, các căn rã rời, thọ mạng ngày càng suy, không còn tình thức như xưa. Đó gọi là lão.

Thế nào gọi là tử? Là khi chúng sanh kia, lần lượt thân thể không còn ấm, vô thường biến đổi, các căn phân tán, bỏ thân năm ấm, mạng sống chấm dứt. Đó gọi là tử.

Tỳ-kheo nên biết! Như thế gọi là lão, bệnh, tử. Đây gọi là nhân duyên. Ta đã phân biệt rộng nghĩa ấy. Điều cần làm của các đức Phật Như Lai, khởi lòng thương xót lớn, nay Ta đã làm xong. Các Thầy nên ghi nhớ, khi ngồi dưới gốc cây, nơi đất trống, hoặc ở gò mả, nên suy nghĩ tọa thiền, chớ sợ hãi. Ngày nay không siêng năng, sau ân hận vô ích.

Bấy giờ, A-nan bạch Phật:

- Thế Tôn vì các Tỳ-kheo nói pháp nhân duyên sâu xa. Nhưng con thấy không có nghĩa sâu xa gì cả.

Đức Phật bảo:

- Thôi, thôi, A-nan! chớ khởi ý nghĩ ấy. Vì sao? Pháp Mười hai nhân duyên rất sâu xa, không phải là chỗ hiểu của người thường.

Xưa, khi Ta chưa giác ngộ pháp nhân duyên này, bị trôi lăn trong sanh tử không có ngày ra khỏi. Lại, này A-nan! Không phải ngày nay, Thầy mới nói pháp nhân duyên không sâu xa, từ trước đến nay đã nói không sâu xa. Vì sao?

Thời quá khứ, có vị vua A-tu-la tên Tu-diệm, khởi ý nghĩ nầy: "Muốn nắm chặt mặt trời, mặt trăng ra khỏi biển lớn". Bèn hóa thân to lớn, nước biển chỉ tới ngang lưng. Bấy giờ, vua A-tu-la ấy có con trai tên Câu-na-la, tự nói với cha rằng:

- "Nay con muốn tắm trong biển".

Tu-diệm bảo:

- "Con đừng thích tắm trong biển. Vì sao? Nước biển rất sâu và rộng, con không thể tắm trong đó".

Câu-na-la tự nói:

- "Con thấy nước biển chỉ đến ngang lưng cha, vì sao lại nói là sâu rộng?"

Khi đó, vua A-tu-la nắm lấy con dìm vào trong biển lớn, con trai A-tu-la chân không chấm đáy bể rất là sợ hãi.

Vua Tu-diệm bảo con rằng:

- "Ta đã nói trước với con rằng biển rất sâu, con nói không khổ chỉ có ta mới có thể tắm trong biển lớn, không phải con có thể tắm được".

A-tu-la Tu-diệm lúc ấy há phải người nào lạ? Chớ nghĩ như thế, Vì sao? Tu- diệm tức là thân Ta, con trai của A-tu-la lúc ấy chính là thân Thầy. Khi ấy nước biển rất sâu, Thầy nói không khổ. Nay Ta nói pháp Mười hai nhân duyên rất sâu xa, Thầy lại nói không

sâu xa.

Chúng sanh không hiểu pháp Mười hai nhân duyên, lưu chuyển trong sanh tử không có ngày ra khỏi, thảy đều mê lầm không biết khổ hạnh. Từ đời này

đến đời sau, từ đời sau đến đời này, vĩnh viễn ở trong năm thứ phiền não, muốn ra rất khó. Ta ban đầu mới thành đạo, suy nghĩ về Mười hai nhân duyên, hàng phục ma quân, quyến thuộc của ma. Do trừ vô minh mà được tuệ minh, vĩnh viễn trừ diệt các tối tăm, không còn trần cấu. A-nan! Khi Ta ba phen chuyển, mười hai lần nói pháp nhân duyên này, liền được thành đạo. Do phương tiện này nên biết , pháp Mười hai nhân duyên rất sâu xa, không phải người thường có thể tuyên nói.

Như thế, này A-nan, nên ghi nhớ phụng trì pháp Mười hai nhân duyên sâu xa này, nên học điều này!

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành La-duyệt, vườn trúc Ca-lan-đà, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, trong thành La-duyệt có một Phạm chí tên Thí-la, biết đủ các kỹ thuật, tất cả các kinh điển của ngoại đạo dị học, thiên văn địa lý, thảy đều quán triệt. Phạm chí là thầy dạy học cho năm trăm đồng tử Phạm chí.

Trong thành ấy lại có một Phạm chí dị học tên Sí-ninh, hiểu biết rộng, là người được vua Tần-bà-sa-la kính mến, thường tùy thời cung cấp cho đồ cần dùng.

Khi ấy, danh tiếng Như Lai lan rộng khắp nơi. Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện thệ, Thế gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn, độ người vô lượng, xuất hiện ở đời. Khi đó, Phạm chí Sí-ninh khởi ý nghĩ rằng: "Danh hiệu Như Lai rất khó được nghe đến, nay Ta muốn đến gần gũi, lễ bái, thăm hỏi Ngài". Phạm chí Sí-ninh liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên.

Phạm chí bạch Phật:

- Sa-môn Cù-đàm thuộc chủng tộc nào?

Phật đáp:

- Ta thuộc chủng tộc Sát-lợi.

Phạm chí hỏi:

- Các Bà-la-môn có luận thuyết này: Chủng tộc của ta rất tôn quý, không ai hơn,hoạc nói là dòng họ trắng, hoặc nói dòng họ đen. Bà-la-môn tự xưng rằng: ta từ Phạm thiên sanh ra. Nay Sa-môn Cù-đàm có những thuyết gì?

Phật bảo:

- Phạm chí nên biết, nếu có cưới xin, giá thú mới tìm dòng hào quý. Còn trong Chánh pháp của Ta, không có vấn đề danh tánh cao thấp, phải quấy.

Phạm chí lại hỏi:

- Cù-đàm! Thế nào là nơi sanh thanh tịnh, sau mới được pháp thanh tịnh?

Phật bảo Phạm chí:

- Ông dùng vấn đề nơi thanh tịnh, pháp thanh tịnh để làm gì?

Phạm chí lại nói:

- Các Bà-la-môn đều bàn luận thế này: Dòng họ ta rất tôn quý không ai hơn, hoặc nói là dòng trắng, hoặc nói dòng đen. Bà-la-môn tự xưng là do Phạm thiên sanh ra.

Phật bảo Phạm chí:

- Nếu có cô gái dòng Sát-lợi về làm vợ gia đình Bà-la-môn, giả sử sanh con trai sẽ theo họ gì?

Phạm chí đáp:

- Nó sẽ thuộc dòng Bà-la-môn. Vì sao? Do người cha mới có đứa bé ấy.

Phật bảo:

- Nếu cô gái dòng Bà-la-môn kết hôn với dòng Sát-lợi, sanh con trai sẽ theo họ ai?

Phạm chí đáp:

- Đứa bé sẽ thuộc về dòng Sát-lợi. Vì sao? Do người cha mới có đứa con ấy.

Phật bảo Phạm chí:

- Ông nên suy nghĩ kỹ, sau hãy đáp lời Ta. Hôm nay lời của Ông trước sau không hợp nhau. Thế nào, này Phạm chí, giả sử có lừa cái theo ngựa, sau sanh con, sẽ gọi là ngựa, là lừa?

Phạm chí đáp:

- Loại đó nên gọi là lừa ngựa. Vì sao? Do di thể của lừa nên có con vật ấy.

Phật bảo Phạm chí:

- Ông nên suy nghĩ kỹ, sau hãy trả lời Ta. Nay lời của Ông, trước sau không tương ưng. Trước Ông nói con gái dòng Sát-lợi kết hôn dòng Bà-la-môn, nếu sanh con bèn mang dòng Bà-la-môn. Nay lừa cái theo ngựa sanh con, mà gọi là lừa ngựa, không phải trái với lời nói trước sao? Lại, nầy Phạm chí! Nếu ngựa theo lừa, sanh con sẽ gọi là gì?

Phạm chí đáp:

- Nên gọi là ngựa lừa.

Phật bảo:

- Thế nào, Phạm chí, ngựa lừa và lừa ngựa có khác gì? Nếu có người nói "châu báu một hộc", và người nói "một hộc châu báu", hai nghĩa ấy có khác nhau chăng?

Phạm chí đáp:

- Đó là một nghĩa. Vì sao? Một hộc châu báu và châu báu một hộc, ý nghĩa không khác.

Phật bảo Phạm chí:

- Tại sao ngựa lừa và lừa ngựa lại không phải một nghĩa?

Phạm chí đáp:

- Nay Sa-môn Cù-đàm tuy nói như thế, song Bà-la-môn tự khen rằng: "Dòng họ ta rất tôn quý không ai hơn".

Phật bảo Phạm chí:

- Trước Ông khen ngợi người mẹ, sau lại khen ngợi người cha. Nếu cha cũng dòng Bà-la-môn, mẹ cũng dòng Bà-la-môn, sau sanh hai người con, Một người giỏi nhiều kỹ thuật, không việc gì không biết, người thứ hai lại không biết gì cả. Khi đó cha mẹ thương mến người nào? Thương mến người con có trí tuệ, hay thương mến người con không biết gì?

Phạm chí đáp:

- Cha mẹ ấy nên thương mến người thông minh cao đức, không nên thương mến người không có trí. Vì sao vậy? Nay người con việc gì cũng biết, việc gì cũng giỏi, nên thương người đó, không nên thương người con vô trí.

Phật bảo Phạm chí:

- Nếu hai người con ấy, người thông minh lại khởi tâm làm mười việc sát sanh, trộm cắp, tà dâm v.v.. người con không thông minh kia lại giữ gìn thân, miệng, ý, trong mười việc thiện đều giữ đủ, thì cha mẹ người ấy nên thương mến ai?

Phạm chí đáp:

- Cha mẹ người ấy nên thương đứa con làm theo mười việc thiện. Người làm việc bất thiện, thương mến làm gì?

Phật bảo Phạm chí:

- Trước đây Ông khen ngợi người đa văn, sau lại khen ngợi về giới đức. Thế nào, Phạm chí, nếu lại có hai người con, một người có cha chuyên chánh, mẹ không chuyên chánh, một người thì cha không chuyên chánh, mẹ chuyên

chánh; người con có mẹ chuyên chánh, cha không chuyên chánh ấy, hiểu biết nhiều, hiểu rộng các kinh thuật; người thứ hai cha chuyên chánh, mẹ không chuyên chánh, không học rộng chỉ giữ mười điều lành; vậy nên kính trọng người có cha mẹ nào? Kính trọng người có mẹ thanh tịnh, cha không thanh tịnh? Hay kính trọng người có cha thanh tịnh, mẹ không thanh tịnh.

Phạm chí đáp:

- Nên kính trọng người con có mẹ thanh tịnh. Vì sao? Vì người ấy biết các kinh sách, giỏi rộng về kỹ thuật. Còn người thứ hai, cha thanh tịnh, mẹ không thanh tịnh, tuy giữ giới mà không trí tuệ, không đi đến đâu. Vì có đa văn ắt có giữ giới.

Phật bảo Phạm chí:

- Trước Ông khen ngợi cha thanh tịnh, không khen ngợi mẹ thanh tịnh. Nay lại khen ngợi mẹ thanh tịnh, không khen ngợi cha thanh tịnh. Trước Ông khen ngợi đức đa văn, sau khen giữ giới. Ông lại khen về giới, sau mới nói đến đa văn.

Thế nào Phạm chí, nếu hai người con dòng Phạm chí ấy, người thứ nhất đa văn bác học lại thêm giữ thập thiện; người thứ hai không trí tuệ và làm mười điều ác; vậy nên kính trọng người có cha mẹ thế nào?

Phạm chí đáp:

- Nên kính trọng người có cha thanh tịnh, mẹ không thanh tịnh. Vì sao? Vì người ấy đọc nhiều kinh sách, hiểu biết các kỹ thuật, do cha thanh tịnh mà sanh con như thế, thêm giữ mười điều lành không trái phạm, đầy đủ tất cả giới đức vậy.

Phật bảo:

- Ông vốn nói về dòng họ, sau lại nói về sự đa văn, không nói đến dòng họ. Ông nói về giự giới không nói về đa văn, rồi lại nói về đa văn không nói về giới. Nay ông khen ngợi về cha mẹ, về văn và giới, há không trái với lời nói trước ư?

Phạm chí bạch Phật:

- Sa-môn Cù-đàm tuy nói lời như thế, nhưng dòng Bà-la-môn tự xưng rằng: "Dòng học của ta rất tôn quý không ai hơn".

Phật bảo:

- Những nơi cần kết hôn, ắt bàn luận về dòng họ. Song trong pháp Ta không có nghĩa này, Ông có nghe nói về những người ở biên giới, các nơi xa và biên địa khác không?

Phạm chí đáp:

- Vâng, tôi có nghe những người như thế.

Phật bảo:

- Nhân dân ở các nơi ấy có hai hạng. Thế nào là hai? Một là người, hai là tôi tớ. Hai hạng này cũng không nhất định.

Lại hỏi:

- Như thế nào là không nhất định?

Phật bảo:

- Hoặc khi làm người, sau lại làm tôi tớ. Hoặc làm tôi tớ, sau lại làm người. Song loài chúng sanh, thảy đồng một loại, không có nhiều hạng.

Lại thế nầy, Phạm chí! Khi trời đất bị hủy hoại, thế gian đều trống rỗng, lúc ấy núi sông, đất đá, cỏ cây đều bị thiêu hủy hết thảy, người cũng chết.

Khi trời đất sắp thành lập, chưa có phân chia ngày giờ năm tháng. Bấy giờ, chư Thiên ở cõi trời Quang Âm đến chỗ này. Lúc đó, chư Thiên trời Quang Âm phước đức tiêu hết, không còn ánh sáng, dần dần nhìn nhau, khởi lên dục tưởng. Dục ý nhiều bèn thành người nữ, dục ý ít thành người nam, họ dần dần giao hợp bèn có bào thai. Do nhân duyên ấy nên có người ban đầu, chuyển sanh bốn dòng họ khắp trong thiên hạ. Do việc ấy nên biết, mọi người đều phát xuất từ dòng Sát-lợi.

Bấy giờ, Phạm chí bạch Phật:

- Hãy thôi, thưa Cù-đàm! Như người gù được thẳng lưng, người mù được sáng mắt, người đui tối được thấy ánh sáng; Sa-môn Cù-đàm cũng lại như vậy, dùng vô số phương tiện vì tôi thuyết pháp. Nay tôi tự quy y với Sa-môn Cù-đàm, xin vì tôi nói pháp, cho phép được làm Ưu-bà-tắc.

Phạm chí lại bạch Phật:

- Cúi xin Như Lai, nhận lời thỉnh của con, cùng chúng Tỳ-kheo đến nhà con.

Thế Tôn im lặng nhận lời, Phám chí thấy Phật im lặng nhận lời thỉnh, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cúi đầu lễ chân Phật rồi lui ra. Phạm chí về nhà, sắm sửa các thức ăn uống đầy đủ, trải các sàng tọa, rưới nước thơm trên đất và tự nói rằng: "Đức Như Lai sẽ ngồi chỗ này".

Bấy giờ Phạm chí Thí-la dẫn năm trăm đồng tử đến nhà Phạm chí Sí-ninh, xa thấy nhà ấy trải nệm ghế tốt, thấy rồi bèn hỏi Phạm chí Sí-ninh:

- Hôm nay Ông định làm lễ cưới gả cho con hay mời vua Tần-bà-la-sa đến nhà?

Phạm chí Sí-ninh đáp:

- Tôi không mời vua Tần-bà-sa-la cũng không có việc cưới gả. Hôm nay tôi muốn làm phước nghiệp lớn.

Phạm chí Thí-la hỏi:

- Xin được nghe ý ấy. Định làm phước nghiệp gì?

Bấy giờ, Phạm chí Sí-ninh trịch bày vai phải, quỳ gối chấp tay bạch Thế Tôn, tự xưng tên họ.

Phạm chí Sí-ninh bảo Phạm chí Thí-la rằng:

- Thí-la nên biết, có người dòng họ Thích xuất gia học đạo, thành bậc Đẳng Chánh Giác Chí Chơn Vô Thượng. Nay tôi thỉnh Phật và Tỳ-kheo Tăng, cho nên sửa soạn đầy đủ chỗ ngồi như vầy.

Phạm chí Thí-la nói:

- Ông nói về Phật đấy ư?

- Nay tôi nói về Phật.

Thí-la lại nói:

- Thật lạ kỳ! Thật đặc biệt! Hôm nay tôi mới nghe đến âm thanh Phật. Như Lai hiện giờ ở đâu? Tôi muốn được gặp.

Sí-ninh đáp:

- Hiện ở ngoài thành La-duyệt, trong vườn trúc, cùng với năm trăm đệ tử. Nếu Ông muốn gặp, nên biết đúng thời.

Lúc ấy, Phạm chí Thí-la bèn dẫn năm trăm đồng tử đi đến chỗ Phật, đến rồi nói lời chàoi hỏi lui ngồi một bên. Phạm chí Thí-la bèn khởi nghĩ: "Sa-môn Cù-đàm rất đoan chánh, thân tướng sắc vàng. Trong kinh điển của chúng ta cũng có ghi rằng: Như Lai ra đời thật rất khó gặp, như hoa Ưu-đàm-bát đúng thời mới xuất hiện. Nếu thành tựu ba mươi hai tướng, và tám mươi vẻ đẹp, sẽ có hai trường hợp. Nếu ở nhà sẽ là bậc Chuyển luân thánh vương, đầy đủ bảy thứ báu. Nếu xuất gia sẽ thành đạo Vô thượng, là bậc cứu giúp ba cõi". Nay ta muốn nhìn thấy ba mươi hai tướng của Phật.

Bấy giờ, Phạm chí chỉ thấy được ba mươi tướng, còn hai tướng nữa không thấy, liền sanh nghi ngờ, do dự, vì không thấy được tướng lưỡi rộng dài và tướng mã âm tàng của Phật.

Phạm chí bèn dùng kệ hỏi:

Tôi nghe có ba hai,
Tướng tốt bậc Đại nhân,
Nay không thấy hai tướng,
Rốt cuộc ở chỗ nào?
Mã âm tàng trong sạch,
Tướng ấy khó thí dụ,
Có tướng lưỡi rộng dài,
Trùm khắp tai, mặt chăng?
Xin hiện tướng lưỡi dài,
Khiến tôi không nghi ngờ.
Lại khiến tôi được thấy,
Trọn không kết lưới nghi.

---o0o---

XXXXIX.2. Phẩm Chăn trâu (2)

Bấy giờ, Thế Tôn bèn đưa lưỡi liếm lỗ tai bên mặt và bên trái rồi thâu vào. Và Ngài liền nhập chánh định, khiến Phạm chí ấy thấy được tướng mã âm tàng. Khi Phạm chí thấy

Phật đủ ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp thì vui mừng phấn khởi không thể tự kềm. Phạm chí Thí-la bạch Phật:

- Nay tôi là Bà-la-môn, Sa-môn dòng Sát-lợi, song Sa-môn hay Bà-la-môn đều một đạo, cầu một giải thoát. Sa-môn chấp nhận chúng ta đồng một đạo chăng?

Phật bảo Phạm chí:

- Ông có kiến chấp này.

Phạm chí thưa:

- Tôi có kiến chấp ấy.

Phật bảo Phạm chí:

- Ông nên khởi ý hướng về một giải thoát. Đó là chánh kiến.

Phạm chí bạch Phật:

- Chánh kiến tức là một giải thoát, lại có giải thoát chăng?

Thế Tôn bảo:

- Phạm chí! Có giải thoát được Niết-bàn. Việc ấy có tám. Đó là chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh phương tiện, chánh niệm, chánh định. Này Phạm chí, đó là Tám đạo phẩm đưa đến Niết- bàn.

Phạm chí bạch Phật:

- Có chúng sanh nào biết được Tám đạo phẩm nầy chăng?

Phật bảo:

- Chẳng phải một, trăm, nghìn. Phạm chí nên biết! Có vô số trăm nghìn chúng sanh được biết Tám đạo phẩm này.

Phạm chí bạch Phật:

- Lại có chúng sanh nào không hiểu được Tám đạo phẩm này chăng?

Phật bảo:

- Chúng sanh không hiểu điều này chẳng phải một người.

Phạm chí bạch Phật:

- Có chúng sanh nào không được pháp này chăng?

Phật bảo:

- Có chúng sanh không được đạo này gồm mười một hạng người như thế này. Thế nào là mười một? Đó là những người gian ngụy, ác ngữ, khó can gián, không biết ơn, tánh ưa ganh ghét, giết hại cha mẹ, giết A-la-hán, đoạn dứt căn lành, việc lành trở lại làm ác, chấp ngã, khởi ý ác đối với Như Lai. Phạm chí! Đó là mười một hạng người không thể đạt được Tám đạo phẩm này.

Khi đức Phật đang nói Tám đạo phẩm, Phạm chí ấy dứt sạch các trần cấu, đắc pháp nhãn tịnh.

Bấy giờ Phạm chí Thí-la bảo năm trăm đệ tử:

- Các Ông đều học được điều tốt, mỗi người tự tụng tập. Ta muốn ở chỗ Phật tu Phạm hạnh.

Các đệ tử thưa:

- Chúng con cũng muốn xuất gia học đạo.

Bấy giờ, Phạm chí và năm trăm đệ tử mỗi mỗi quỳ xuống bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn cho chúng con xuất gia học đạo.

Phật bảo các Phạm chí:

- Thiện lai Tỳ-kheo! Ở nơi Như Lai khéo tu Phạm hạnh thì dần dần sẽ chấm dứt gốc khổ.

Khi Phật nói lời ấy, năm trăm Phạm chí liền thành Sa-môn. Thế Tôn dần dần vì năm trăm người giảng dạy về luận vi diệu. Đó là luận bố thí, trì giới, sanh thiên, dục tưởng bất tịnh, xuất yếu là an vui. Như các pháp mà chư Phật Thế Tôn thường dạy Khổ, Tập, Diệt, Đạo, Thế Tôn cũng vì các Thầy ấy giảng nói rộng. Khi ấy, năm trăm Sa-môn vĩnh viễn dứt sạch các lậu hoặc, được pháp hơn người.

Bấy giờ, Phạm chí Sí-ninh lại bạch:

- Đến thời, xin Thế Tôn quang lâm.

Phật bảo Thí-la và năm trăm Tỳ-kheo.

- Các Ông hãy đắp y mang dĩa.

Một nghìn vị Tỳ-kheo vây quanh, đi vào thành đến nhà Phạm chí, lên tòa ngồi.

Phạm chí Sí-ninh thấy năm trăm Bà-la-môn đều làm Sa-môn liền bảo rằng:

- Lành thay các Vị! Điều cần yếu hướng về đạo không gì hơn việc này.

Tỳ-kheo Thí-la vì Sí-ninh nói kệ:

Ngoài đây không có pháp
Hay hơn điều cần ấy,
So sánh như thế ấy,
Điều lành không gì hơn.
Phạm chí Sí-ninh bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn đợi giây lát, chính lúc này lại dọn thêm thức ăn.

Phật bảo:

- Các thức ăn đã xong, đúng giờ cứ đem đến, đừng sợ không đủ.

Phạm chí Sí-ninh vui mừng vô lượng, đích thân tự san sớt thức ăn cúng dường Phật và Tỳ-kheo Tăng. Khi Thế Tôn thọ trai xong, Ông dọn rửa bát, đem bao nhiêu thứ hoa rải lên Phật và Tỳ-kheo Tăng, và đến trước bạch Phật:

- Xin thưa Thế Tôn! Hết thảy người lớn nhỏ, nam nữ trong nhà con đều xin làm Ưu-bà-tắc.

Bấy giờ, phu nhân của Phạm chí đang có thai, bèn bạch Phật:

- Con đang mang thai, không biết là nam hay nữ, cũng xin tự quy y, xin Như Lai nhận cho làm Ưu-bà-di.

Phật vì đại chúng nói pháp vi diệu, liền ngồi trên tòa, nói kệ này:

Lành thay phước báo này,
Sở nguyện ắt được quả,
Dần lên chỗ an lạc,
Trọn không lo nguy tai,
Chết được sanh lên trời,
Cũng không thể khiến cho
Người làm phước bị tội.
Họ cũng tìm phương tiện,
Được trí tuệ Hiền Thánh,
Sẽ dứt sạch gốc khổ,
Xa bỏ hẳn tám nạn.
Thế Tôn nói kệ ấy rồi, rời tòa mà đi.

Bấy giờ, Phạm chí Sí-ninh nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta thường ngồi ăn một bữa, thân thể nhẹ nhàng, khí lực mạnh mẽ. Tỳ-kheo các Thầy cũng nên ăn một bữa, thân thể nhẹ nhàng khí lực mạnh mẽ, dễ tu Phạm hạnh.

Bấy giờ, Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

- Con không thể ăn một bữa. Vì sao? Vì khí lực yếu kém.

Phật bảo:

- Cho phép Thầy đến nhà đàn-việt, ăn một phần, đem về một phần.

Bạt-đề-bà-la bạch Phật:

- Con cũng không thể làm pháp này.

Phật bảo:

- Cho phép Thầy bỏ ngọ trai, ăn trong ngày.

Bạt-đề-bà-la thưa:

- Con cũng không thể làm theo pháp này.

Thế Tôn im lặng không nói nữa.

Bấy giờ, Ca-lưu-đà-di vào buổi chiều mặt trời lặn, đắp y mang bát vào thành khất thực. Khi đó, trời rất tối, Ca-lưu-đà-di dần dần đi đến nhà một trưởng giả. Phu nhân của trưởng giả ấy đang mang thai, nghe Sa-môn khất thực ngoài cửa, liền tự đem cơm ra cho. Song Thầy Ca-lưu-đà-di sắc mặt rất đen, lại khi ấy trời sắp mưa, sấm chớp giăng đầy; phu nhân của trưởng giả ra cửa, thấy sa-môn mặt đen thui, bèn kinh hoàng kêu là quỷ, và tự hô hoán lên:

- Chao ôi! Ta gặp quỷ.

Liền khi đó đọa thai mà chết. Khi ấy, Ca-lưu-đà-di trở về tinh xá, lo buồn không vui, ngồi tư duy hối hận không kịp.

Khi ấy, trong thành Xá-vệ có tiếng ác này: "Sa-môn Thích tử trù rủa làm đọa thai con của người". Nam nữ trong thành đều bảo nhau rằng: "Hiện nay Sa- môn hành động không tiết độ, ăn chẳng đúng thời, như hàng cư sĩ tại gia chẳng khác". Bấy giờ, phần đông các Tỳ-kheo đều nghe dân chúng bàn luận điều này: "Sa-môn dòng Thích không biết tiết độ, đi đứng không kiêng dè". Trong đó, các Tỳ-kheo giữ giới, những người đầy đủ giới luật cũng tự oán trách: "Thật chẳng phải là oai nghi của chúng ta, ăn không chừng mực, đi không đúng thời, thật là điều quấy của chúng ta". Các vị ấy dẫn nhau đến chỗ đức Phật, cúi đầu lễ chân Phật, đem hết mọi chuyện bạch Phật.

Phật bảo một Tỳ-kheo:

- Thầy đi kêu Ca-lưu-đà-di đến đây.

Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, liền đi kêu Ca-lưu-đà-di. Ca-lưu-đà-di nghe Phật gọi, liền đến chỗ Phật, cúi đầu lễ Phật, lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi:

- Phải ngày hôm qua, vào buổi chiều Thầy vào thành khất thực, đến nhà trưởng giả khiến vợ trưởng giả đọa thai chăng?

Ca-lưu-đà-di bạch Phật:

- Thưa vâng, Thế Tôn.

Phật bảo:

- Vì sao Thầy không phân biệt thời tiết, lại vào lúc trời sắp mưa vào thành khất thực? Đó không phải là oai nghi của Thầy. Thầy đã là hàng quý tộc, xuất gia học đạo mà còn tham trước ăn uống.

Ca-lưu-đà-di bèn đứng dậy, bạch Phật:

- Từ nay về sau không dám phạm lại. Cúi xin Thế Tôn nhận cho con sám hối.

Phật bảo Tôn giả A-nan mau đánh kiền chùy, nhóm các Tỳ-kheo tại giảng đường Phổ Hội, A-nan vâng lời Phật dạy, liền nhóm các Tỳ-kheo tại giảng đường, rồi đến trước Phật, bạch rằng:

- Các Tỳ-kheo đã nhóm, xin Thế Tôn biết đúng thời.

Thế Tôn liền đến giảng đường ngồi vào tòa chính giữa, bảo các Tỳ-kheo:

- Các đức Phật ở đời quá khứ lâu xa đều ăn một bữa. Các hàng Thanh văn cũng ăn một bữa. Các đức Phật tương lai và chúng đệ tử cũng sẽ chỉ ăn một bữa. Vì sao thế? Đó là pháp yếu để hành đạo, nên ăn một bữa. Nếu có thể ăn một bữa, thân thể nhẹ nhàng, tâm được khai mở. Tâm đã mở bèn được các căn lành. Đã được căn lành liền được chánh định. Đã được chánh định thì biết đúng như thật. Thế nào gọi là biết đúng như thật? Nghĩa là Khổ đế, biết như thật là Khổ đế; Khổ tập đế, biết như thật là Khổ tập đế; Khổ tận đế biết như thật là Khổ tận đế; Khổ xuất yếu đế (đạo đế) biết như thật là Khổ xuất yếu đế.

Các Thầy là dòng hào quý, đã xuất gia học đạo, bỏ tám nghiệp ở thế gian mà không biết thời tiết thì khác gì người tham dục kia? Phạm chí có pháp riêng của Phạm chí, ngoại đạo có pháp riêng của ngoại đạo.

Khi ấy, Tôn giả Ưu-ba-ly bạch Phật:

- Chư Phật ở quá khứ và tương lại đều ăn một bữa. Cúi xin Thế Tôn nên vì các Tỳ-kheo hạn chế thời gian ăn uống.

Thế Tôn bảo:

- Như Lai cũng biết như thế, nhưng chưa có người phạm trước mắt. Có phạm tội mới chế giới cấm.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Ta chỉ ăn một bữa, các Thầy cũng nên ăn một bữa. Nay các Thầy ăn vào giờ ngọ, không được quá thời.

Các Thầy cũng phải học pháp khất thực. Thế nào là Tỳ-kheo học pháp khất thực? Khi Tỳ-kheo chỉ vì mạng sống thì xin được thức ăn cũng không vui,

không được cũng không lo. Nếu khi được thức ăn, tư duy quán tưởng mà ăn, không có tâm tham đắm, chỉ muốn thân này được sống, trừ được bệnh cũ lại không tạo mới, khiến cho khí lực đầy đủ. Như thế, này các Tỳ-kheo, gọi là khất thực.

Tỳ-kheo các Thầy nên ngồi ăn một bữa. Thế nào là Tỳ-kheo ngồi ăn một bữa? Nếu đứng lên thì phạm, ăn rồi không nên ăn nữa. Như thế gọi là Tỳ- kheo ngồi ăn một bữa.

Tỳ-kheo các Thầy cũng nên được thức ăn mà ăn. Thế nào là Tỳ-kheo được thức ăn mà ăn? Khi Tỳ-kheo đã được thức ăn, lại có trai chủ cúng thêm lần nữa, do thức ăn nầy là

được lại, không nên ăn. Như thế, Tỳ-kheo được thức ăn chỉ một lần.

Tỳ-kheo các Thầy cũng nên mặc ba y, ngồi dưới cội cây, ngồi chỗ vắng, nên khổ hạnh ngồi nơi đất trống, nên mặc y cũ vá, nên ở chỗ gò mả, nên mặc áo cũ xấu. Vì sao thế? Vì khen ngợi người thiểu dục.

Nay Ta dạy các Thầy nên như Tỳ-kheo Ca-diếp. Vì sao thế? Tỳ-kheo Ca- diếp tự hành mười một pháp đầu đà, cũng dạy người làm theo pháp yếu này.

Nay Ta dạy các Thầy nên như Tỳ-kheo Diện Vương. Vì sao? Tỳ-kheo Diện Vương mặc y cũ xấu không mặc y đẹp.

Tỳ-kheo! Đây là lời dạy của Ta, nên ghi nhớ tu tập. Như thế, này các Tỳ- kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, Tỳ-kheo Bạt-đề-bà-la suốt ba tháng không đến chỗ thế Tôn. A-nan vừa hết ba tháng an cư, đến chỗ Tỳ-kheo Bạt-đề-bà-la nói rằng:

- Nay chúng Tăng đều may vá y áo, như thế Thế Tôn sẽ đi du hóa nhân gian. Bây giờ Thầy không đến, sau hối hận vô ích.

Khi ấy, A-nan dẫn Bạt-đề-bà-la đến chỗ đức Thế Tôn, Bạt-đề-bà-la lễ Phật và bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn cho con sám hối, từ nay về sau không dám phạm lại. Như Lai chế cấm giới mà con không thọ trì. Cúi xin rũ lòng tha thứ.

Thưa như thế ba lần. Phật bảo:

- Cho phép Thầy hối lỗi, sau chớ phạm lại. Vì sao? Ta tự suy nghĩ trong vô số kiếp sanh tử, hoặc có khi làm thân lừa, la, lạc đà, voi, ngựa, heo, dê, ăn cỏ để nuôi thân; hoặc ở trong địa ngục nuốt hoàn sắt nóng; hoặc làm ngạ quỷ thường ăn máu mủ; hoặc làm thân người ăn ngũ cốc; hoặc làm thân trời ăn những vị cam lồ tự nhiên; trong vô số kiếp thân mạng cùng tranh không biết chán.

Bạt-đề-bà-la! Như lửa cháy củi không đủ, như biển lớn nuốt các dòng không đủ, nay người phạm cũng như vậy, tham ăn không biết chán đủ.

Thế Tôn bèn nói kệ này:

Sanh tử không đoạn dứt,
Đều do từ tham dục,
Oán ghét nuôi ác ấy,
Người ngu tập theo đó.
Thế nên, này Bạt-đề-bà-la nên ghi nhớ ít muốn, biết đủ, chớ khởi tưởng tham, dấy các niệm tán loạn. Như thế, Bạt-đề-bà-la, nên học điều này.

Bấy giờ, Bạt-đề-bà-la nghe Phật giáo giới, đã ở chỗ vắng tự khắc trách mình. "Vốn dòng hào tộc, xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng, sanh tử đã hết, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân sau, như thật mà biết". Bạt-đề-bà-la liền thành A-la-hán.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng đệ tử Ta, người ăn uống nhiều đệ nhất trong số Thanh văn là Tỳ-kheo Cát-Hộ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở thôn Ương Nghệ, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Dân chúng đều gọi các Thầy là Sa-môn, giả sử có ai hỏi các Thầy có phải Sa-môn chăng thì các thầy cũng đáp là Sa-môn. Nay Ta bảo càc Thầy về hạnh Sa-môn, sau ắt thành quả như thật không khác. Vì sao thế? Có hai hạng Sa-môn: tập hạnh Sa-môn, thệ nguyện Sa-môn.

Thế nào gọi là tập hạnh Sa-môn? Là Tỳ-kheo tới lui, đi đứng, nhìn ngó, dung mạo, đắp y mang bát, thảy đều đúng như pháp, không đắm trước vào tham dục, sân nhuế, ngu si, chỉ trì giới tinh tấn không phạm phi pháp, học tập các giới. Đó là tập hạnh Sa-môn.

Thế nào gọi là thệ nguyện Sa-môn? Ở đây, hoặc có Tỳ-kheo oai nghi giới luật, đi đứng ra vào, dung mạo, nhìn ngó, cử động thảy đều như pháp, chấm dứt hữu lậu thành tựu vô lậu, ở trong hiện pháp tự thân chứng đắc và đi du hóa, sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân sau, mà biết như thật. Đó là thệ nguyện Sa-môn.

Tỳ-kheo, đó là hai hạng Sa-môn.

Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Thế nào gọi là pháp hạnh Sa-môn, pháp hạnh Bà-la-môn?

Phật bảo A-nan:

- Ở đây, Tỳ-kheo ăn uống biết vừa đủ, ngày đêm đi kinh hành, tu tập các đạo phẩm không để mất thời tiết. Thế nào gọi là Tỳ-kheo các căn vắng lặng? Ở đây, Tỳ-kheo mắt thấy sắc không khởi tưởng đắm trước, không dấy các loạn niệm, trong ấy mà nhãn căn được thanh tịnh, trừ các niệm ác, không nghĩ nhớ pháp bất thiện, hoặc khi tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân biết cảm giác, ý biết pháp không khởi tưởng đắm trước, không dấy các loạn niệm, nơi ý căn được thanh tịnh. Như thế gọi là Tỳ-kheo sáu căn được thanh tịnh.

Thế nào là Tỳ-kheo ăn uống biết vừa đủ? Ở đây, Tỳ-kheo ăn uống vừa đủ lượng, không cầu mập, trắng, chỉ muốn thân này sống mà thôi, trừ bệnh cũ, bệnh mới không sanh, chỉ muốn thân này sống mà thôi, trừ bệnh cũ, bệnh mới không sanh, được tu Phạm hạnh. Cũng như người nam nữ, thân sanh ghẻ, tùy thời dùng thuốc thoa xức điều trị, vì muốn vết thương lành. Nay Tỳ-

kheo cũng lại như thế, lượng vào sức mà ăn. Sở dĩ dùng dầu bôi vào xe vì muốn đi xa, Tỳ-kheo ăn vừa đủ lượng là muốn duy trì mạng sống. Như thế gọi là Tỳ-kheo ăn uống biết vừa đủ.

Thế nào là Tỳ-kheo thường biết tỉnh thức? Ở đây, Tỳ-kheo vào đầu đêm, giữa đêm, cuối đêm biết tỉnh thức, tư duy Ba mươi bảy đạo phẩm; ngày thời kinh hành trừ bỏ niệm ác, các tưởng kiết sử, lại vào đầu đêm, cuối đêm kinh hành trừ bỏ kiết sử, các tưởng bất thiện, vào giữa đêm nằm nghiêng hông bên mặt, hai chân duỗi xếp lên nhau, chỉ tưởng về ánh sáng, rồi vào cuối đêm kinh hành tới lui, trừ bỏ niệm bất thiện. Như thế là Tỳ-kheo biết thời tỉnh thức.

Như thế, này A-nan! Đây là hạnh cần yếu của Sa-môn.

Thế nào gọi là hạnh cần yếu của Bà-la-môn? Ở đây, Tỳ-kheo Khổ đế biết như thật là Khổ đế; Khổ tập, Khổ tận, Khổ xuất yếu, như thật biết như thế. Sau do mở được tâm dục lậu, tâm hữu lậu, tâm vô minh lậu nầy mà được giải thoát. Đã được giải thoát liền được giải thoát tri kiến, sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã xong, không thọ thân lại, mà biết như thật. Đây là hạnh cần yếu của Bà-la-môn. A-nan nên biết! Đây là ý nghĩa của hạnh cần yếu.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Sa-môn tên tâm dứt,
Các ác vĩnh viễn tận,
Phạm chí tên thanh tịnh,
Trừ bỏ các loạn tưởng.
Thế nên A-nan! Nên ghi nhớ tu hành pháp hạnh của Sa-môn, pháp hạnh của Bà-la-môn. Chúng sanh nào làm các pháp này, sau mới xưng là Sa-môn.

Lại vì có gì gọi là Sa-môn? Vì các kết vĩnh viễn chấm dứt nên gọi là Sa- môn. Lại vì có gì gọi là Bà-la-môn? Trừ sạch các ngu hoặc nên gọi là Phạm chí, cũng gọi là Sát-lợi. Lại vì cớ gì gọi là Sát-lợi? Do đoạn trừ dâm, nộ, si nên gọi là Sát-lợi; cũng gọi là tắm gội. Thế nào gọi là tắm gội? Do tẩy sạch hai mươi mốt kết nên gọi là tắm gội; cũng gọi là giác. Vì cớ gì gọi là giác? Do biết rõ pháp ngu, pháp tuệ nên gọi là giác; cũng gọi là bỉ ngạn. Vì cớ gì gọi là bỉ ngạn? Do từ bờ này đến bờ kia nên gọi là bỉ ngạn.

Này A-nan! Hãy hành trì pháp này, sau mới gọi là Sa-môn, Bà-la-môn. Đây là nghĩa như thế, nên ghi nhớ vâng làm.

Bấy giờ, A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại thành Thích-si Ca-tỳ-la việt vườn Ni-câu-lưu, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, vương tử Đề-bà-đạt-đa đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên, Đề-bà-đạt-đa bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn cho con được làm Sa-môn.

Phật bảo Đề-bà-đạt-đa:

- Ông nên ở tại gia làm việc bố thí, làm Sa-môn thật chẳng dễ.

Khi ấy, Đề-bạt-đạt-đa lại ba phen bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn cho phép con theo Ngài.

Phật lại bảo:

- Ông nên ở nhà, không nên xuất gia tu hạnh Sa-môn.

Đề-bà-đạt-đa khởi nghĩ rằng: "Sa-môn này có lòng tật đố, nay ta có thể tự cạo tóc, tu Phạm hạnh, đâu cần Sa-môn ấy làm gì?" Đề-bà-đạt-đa liền lui về, tự cạo bỏ râu tóc, mặc cà sa, tự xưng: "Ta là hàng Thích tử".

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo tên Tu-la-đà, hành hạnh đầu đà, khất thực, mặc y vá, thông suốt ngũ thông. Đề-bà-đạt-đa liền đến chỗ Tỳ-kheo ấy, cúi đầu lễ dưới chân, bạch rằng:

- Cúi xin Tôn giả nói giáo pháp cho tôi khiến cho được an ổn lâu dài.

Tỳ-kheo Tu-la-đà liền nói pháp cho, các oai nghi lễ độ, suy nghĩ về pháp này, bỏ điều này được điều này. Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa như lời Tỳ-kheo ấy dạy không để sai sót. Đề-bà-đạt-đa lại bạch với Tỳ-kheo ấy rằng:

- Cúi xin Tôn giả dạy cho tôi về pháp thần túc, tôi có thể tu hành theo pháp ấy.

Bấy giờ, Tỳ-kheo lại dạy pháp thần túc cho ông:

- Nay Ông nên học về tâm ý khinh trọng, đã biết tam ý khinh trọng, lại nên phân biệt về tứ đại địa, thủy, hỏa, phong khinh trọng. Đã biết được tứ đại khinh trọng, lại nên tu hành về chánh định tự tại. Đã thực hành chánh định tự tại, lại nên tu chánh định dũng mãnh. Đã thực hành chánh định dũng mãnh, lại nên tu về chánh định tâm ý. Đã thực hành chánh định tâm ý, lại nên hành chánh định tự giới, đã tu hành chánh định tự giới, như thế không bao lâu sẽ thành tựu thần túc.

Đề-bà-đạt-đa vâng lời Tỳ-kheo ấy dạy, tự biết về tâm ý khinh trọng, lại biết về tứ đại khinh trọng, tu hết các chánh định không sai sót; không bao lâu liền thành tựu được thần túc. Như thế, Đề-bà-đạt-đa có vô số phương tiện tiến hóa vô lượng. Bấy giờ danh tiếng Đề-bà-đạt-đa lưu truyền lan xa bốn phương.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa dùng sức thần túc bay lên cõi trời Ba mươi ba, hái các thứ hoa như hoa sen ưu-bát-la, hoa câu-mâu-đầu, đem về dâng thái tử A-xà- thế, và bảo:

- Hoa này từ cõi trời Ba mươi ba, Thích-đề-hoàn-nhân đem đến tặng Thái tử.

Thái tử thấy Đề-bà-đạt-đa có thần túc như thế, liền tùy thời cúng dường, cung cấp vật cần dùng. Thái tử lại khởi nghĩ: "Đề-bà-đạt-đa lại tự ẩn thân, biến thành đứa bé ngồi

trên đùi gối thái tử. Các thể nữ đều khởi nghĩ: "Đây là người gì? Là Quỷ ư? Là Trời ư?". Bàn tán chưa xong, Đề-bà lại hóa thân trở lại như cũ. Khi đó, thái tử và các cung nhân đều khen rằng: "Đây là Đề- bà-đạt-đa", liền cung cấp vật cần dùng, lại truyền tụng lời này: "Đề-bà-đạt- đa danh đức không thể nói hết được".

Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo nghe điều này, đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ Phật, bạch:

- Đề-bà-đạt-đa có thần túc rất lớn, thường nhận được y phục, thức ăn uống, giường nệm, thuốc men.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy chớ khởi ý niệm này, tham đắm lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa; lại cũng đừng khen ngợi sức thần túc của ông ấy. Ông ấy do thần túc này rơi trong ba đường ác. Lợi dưỡng của Đề-bà-đạt-đa, và thần túc của ông ấy sẽ chấm dứt. Vì sao thế? Đề-bà sẽ tự tạo nghiệp thân, khẩu, ý.

Khi đó, Đề-bà-đạt-đa lại khởi nghĩ rằng: "Sa-môn Cù-đàm có thần túc, ta cũng có thần túc; Sa-môn Cù-đàm có tri thức, ta cũng có tri thức; Sa-môn Cù-đàm dòng họ cao quý, ta cũng dòng họ cao quý. Nếu Sa-môn Cù-đàm hiện một thần túc, ta sẽ hiện hai; Sa-môn Cù-đàm hiện hai, ta sẽ hiện bốn, kia hiện tám, ta hiện mười sáu; kia hiện mười sáu, ta hiện ba mươi hai; tùy theo sức hóa hiện của Sa-môn ấy, ta sẽ tăng gấp đôi".

Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo nghe Đề-bà-đạt-đa nói như vậy, hơn năm trăm Tỳ- kheo đến chỗ Đề-bà-đạt-đa và năm trăm Tỳ-kheo nhận sự cúng dường của thái tử A-xá-thế.

Khi ấy, hai Tôn giả Xá-lợi-phất và Mục-kiền-liên nói với nhau rằng: "Chúng ta cùng đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đa, nghe ông ấy nói pháp, xem là luận thuyết gì", liền cùng đi đến chỗ Đề-bà-đạt-đa. Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa xa thấy Xá- lợi-phất, Mục-kiền-liên đi đến, liền bảo các Tỳ-kheo.

- Hai người này là đệ tử của Tất-đạt, rất được khen ngợi.

Hai Tôn giả đến rồi, cùng hỏi thăm, ngồi một bên. Bấy giờ các Tỳ-kheo đều khởi nghĩ rằng: "Đệ tử của Phật Thích-ca, nay hướng hết về Đề-bà-đạt-đa". Đề-bà-đạt-đa bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Nay Thầy có thể thuyết pháp cho các Tỳ-kheo chăng? Tôi đau lưng muốn nghỉ một chút.

Đề-bà-đạt-đa bèn nằm nghiêng hông mặt, hai chân xếp lên nhau, do lòng vui mừng nên ngủ luôn. Bấy giờ, Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên thấy Đề-bà-đạt-đa ngủ, liền dùng thần túc đem các vị Tỳ-kheo bay lên hư không mà đi.

Khi Đề-bà-đạt-đa thức dậy, không thấy các Tỳ-kheo, rất giận dữ nói:

- Nếu ta không trả được thù này thì không gọi là Đề-bà-đạt-đa.

Đây là lần đầu Đề-bà-đạt-đa phạm tội ngũ nghịch. Đề-bà-đạt-đa vừa khởi ý ấy, liền bị mất thần túc.

Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo bạch Phật:

- Tỳ-kheo Đề-bà-đạt-đa có thần túc lớn mới có thể phá hoại Thánh chúng.

Phật bảo:

- Không phải chỉ hôm nay Đề-bà-đạt-đa mới phá hoại Thánh chúng. Đời quá khứ ông ta cũng thường phá hoại Thánh chúng. Vì sao thế? Về đời quá khứ ông ta cũng phá hoại Thánh chúng.

Đề-bà-đạt-đa lại khởi ý ác: "Ta sẽ giết Sa-môn Cù-đàm để làm Phật độc tôn trong ba cõi". Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa nói với thái tử A-xà-thế:

- Người xưa thọ mạng rất dài, ngày nay đã ngắn ngủi. Nếu như Thái tử chết, chắc lại sanh trong dân gian. Sao không giết phụ vương, rồi lên ngôi vua? Tôi sẽ giết Như Lai và sẽ làm Phật. Vua mới, Phật mới, cũng chẳng thích ư?

Bấy giờ, A-xà-thế bèn sai quân thị vệ bắt phụ vương giam vào ngục, tự lên làm vua cai trị nhân dân. Khi đó, quần thần đều nói với nhau: "Người này khi sanh ắt là oan gia". Nhân đó đặt tên là A-xà-thế.

Đề-bà-đạt-đa thấy A-xà-thế đã hại phụ vương xong, lại khởi nghĩ: "Ta sẽ hại Sa-môn Cù-đàm".

Bấy giờ, Thế Tôn đang ở tại một ngọn núi nhỏ cạnh núi Kỳ-xà-quật, Đề-bà- đạt-đa leo lên núi Kỳ-xà-quật, tay vác một tảng đá lớn dài ba mươi khuỷu tay, rộng năm mươi khuỷu tay, ném vào Thế Tôn. Khi đó, sơn thần, quỷ Kim-tỳ-la thường ở tại núi ấy, thấy Đề-bà-đạt-đa vác đá ném Phật, liền đưa tay đỡ lấy đến chỗ khác. Tảng đá bể văng ra một mảnh nhỏ trúng chân Như Lai chảy máu. Thế Tôn thấy vậy nói với Đề-bà-đạt-đa:

- Nay Ông khởi ý muốn hại Như Lai, đây là tội ngũ nghịch thứ hai.

Đề-bà-đạt-đa tự nghĩ: "Nay ta không hại được Sa-môn Cù-đàm". Liền bỏ đi, đến chỗ A-xà-thế, tâu nhà vua rằng:

- Nên cho con voi uống rượu say, khiến hại Sa-môn. Vì sao? Con voi ấy hung dữ chắc có thể hại được Sa-môn Cù-đàm. Nếu Sa-môn có Nhất thiết trí, ngày mai sẽ không vào thành khất thực; nếu không có Nhất thiết trí, ngày mai vào thành khất thực, ắt sẽ bị voi dữ này làm hại.

Khi ấy, vua A-xà-thế liền đem rượu mạnh cho voi uống say, ra lệnh cho dân chúng: "Ai muốn an ổn, thương mạng mình, ngày mai đừng đi lại trong thành".

Bấy giờ, Thế Tôn đúng thời đắp y mang bát vào thành La-duyệt khất thực. Hàng tứ chúng nam nữ già trẻ trong nước nghe tin vua A-xà-thế cho voi uống rượu say muốn hại Thế Tôn, đều cùng nhau đi đến chỗ Phật, làm lễ dưới chân, và bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn, chớ vào thành La-duyệt khất thực. Vì vua A-xà-thế phục rượu voi say muốn hại Thế Tôn.

Phật bảo các Ưu-bà-tắc:

- Phàm là bậc Đẳng Chánh Giác trọn không bị người khác làm hại.

Thế Tôn tuy nghe như thế vẫn đi vào thành. Voi dữ xa thấy Thế Tôn đến, sân giận bừng bừng chạy về phía Phật, muốn làm hại. Song, Phật thấy voi chạy đến liền nói kệ:

Voi chớ hại đến rồng,
Voi, rồng khó xuất,
Do không hại đến rồng,
Được sanh vào cõi lành,

Voi kia nghe Như Lai nói kệ xong, liền đến trước quỳ mọp, liếm chân Như Lai. Voi kia vì tâm hối quá không an, liền chết, sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Vua A-xà-thế và Đề-bà-đạt-đa thấy voi đã chết, buồn rầu không vui. Đề-bà- đạt-đa nói với vua:

- Sa-môn Cù-đàm đã giết voi chết.

Vua đáp:

- Sa-môn Cù-đàm này có sức thần lớn, có nhiều kỹ thuật, mới có thể trù rủa voi chết.

Vua A-xà-thế lại nói:

- Sa-môn này chắc đầy đủ oai đức mới không bị voi dữ làm hại.

Đề-bà-đạt-đa đáp:

- Sa-môn Cù-đàm có chú thuật huyễn hoặc, có thể khiến ngoại đạo dị học thảy đều hàng phục, huống chi loài súc sanh.

Khi ấy, Đề-bà-đạt-đa bèn suy nghĩ: "Ta thấy vua A-xà-thế ý muốn thay đổi". Đề-bà-đạt-đa lo buồn không vui, ra khỏi thành La-duyệt. Bấy giờ Tỳ-kheo- ni Pháp Thí xa thấy Đề-bà-đạt-đa đến, nói với Đề-bà-đạt-đa:

- Nay điều Ông làm rất sai quấy, hiện tại hối lỗi còn dễ, sợ sau khó.

Đề-bà-đạt-đa nghe nói, lại thêm sân giận hỏi:

- Con ngốc! Ta có lỗi gì mà nay dễ, sau khó?

Tỳ-kheo-ni Pháp Thí đáp:

- Nay Ông đi chung với ác và tạo các điều chẳng lành.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa sân giận bừng bừng, lấy tay đánh Tỳ-kheo-ni chết.

Đề-bà-đạt-đa đã hại bậc Chân nhân, về đến phòng mình bảo các đệ tử:

- Các Ông nên biết! Nay ta khởi ý đối với Sa-môn Cù-đàm, song việc ấy không nên. Vì A-la-hán lại khởi ý ác đối với A-la-hán. Nay ta có thể hướng về Cù-đàm sám hối.

Do đây Đề-bà-đạt-đa lo buồn, bị bệnh nặng. Đề-bà-đạt-đa bảo các đệ tử:

- Ta không đủ sức đến gặp Sa-môn Cù-đàm. Các Ông nên giúp ta đến chỗ Sa-môn.

Đề-bà-đạt-đa bôi thuốc độc vào mười đầu ngón tay, bảo các đệ tử:

- Các Ông khiêng ta đến chỗ Sa-môn ấy.

Bấy giờ, các đệ tử liền khiêng Đề-bà-đạt-đa đến chỗ Thế Tôn. Tôn giả A- nan xa thấy Đề-bà-đạt-đa đến liền bạch Phật.

- Nay Đề-bà-đạt-đa đến, chắc có tâm hối hận muốn hướng về Thế Tôn cầu xin cải hối.

Phật bảo A-nan:

- Đề-bà-đạt-đa trọn không thể đến chỗ Thế Tôn.

A-nan ba phen bạch Phật:

- Nay Đề-bà-đạt-đa đã muốn đến xin hối lỗi.

Phật baỏ A-nan:

- Người ác ấy trọn không thể đến chỗ Như Lai. Ngày nay mạng ông ấy đã hết.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa đến chỗ Thế Tôn, bảo các đệ tử:

- Nay ta không nên nằm ra mắt Như Lai, nên xuống võng mới đến gặp.

Đề-bà-đạt-đa vừa bước chân xuống đất, bấy giờ tại nơi ấy nổi lên gió lửa mạnh, đốt chân Đề-bà-đạt-đa. Đề-bà-đạt-đa bị lửa đốt, liền khởi tâm hối hận, ở chỗ Phật chính muốn xưng "Nam-mô Phật", song rốt cuộc không xưng được "Nam-mô Phật", bèn vào địa ngục.

A-nan thấy Đề-bà-đạt-đa rơi vào địa ngục, bạch Phật:

- Nay Đề-bà-đạt-đa đã chết, rơi trong địa ngục chăng?

Phật bảo:

- Đề-bà-đạt-đa không được diệt tận đến chỗ cứu cánh. Nay ông ấy khởi tâm ác đối với thân Như Lai, khi chết đọa địa ngục A-tỳ.

A-nan buồn khóc rơi lệ không ngừng, Phật bảo A-nan:

- Vì sao Thầy buồn khóc như thế?

A-nan bạch Phật:

- Tâm dục ái của con chưa dứt, chưa thể đoạn kết sử nên buồn khóc vậy.

Thế Tôn liền nói kệ:

Như người tự gây tạo,
Tự xem lại gốc ngọn,
Người lành thọ báo lành,
Kẻ ác chịu ương lụy.
Người đời làm hạnh ác,
Chết bị khổ địa ngục,
Nếu lại làm hạnh lành,

Chuyển thân thọ phước trời.
Kia tự gây hạnh ác,
Tự rơi vào địa ngục,
Không phải lỗi của Phật.
Nay vì sao Thầy buồn?
A-nan bạch Phật:

- Đề-bà-đạt-đa chết, thân sanh chỗ nào?

Phật bảo A-nan:

- Nay Đề-bà-đạt-đa chết, thân rơi vào địa ngục A-tỳ. Vì sao? Do kia tạo tội ngũ nghịch nên cảm báo này.

A-nan lại bạch Phật:

- Đúng thế, thưa Thế Tôn! Như lời dạy của Thế Tôn, tự thân làm ác hiện thân vào địa ngục. Vì thế con buồn khóc vậy. Do Đề-bà-đạt-đa không quý

tiếc danh xưng, dòng họ, cũng không nể cha mẹ tôn trưởng, làm nhục dòng họ Thích, hủy hoại gia thế chúng ta.

Đề-ba-đạt-đa hiện thân vào địa ngục thực không đúng. Vì sao? Dòng họ chúng ta phát xuất từ địa vị Chuyển luân Thánh vương, Đề-bà-đạt-đa cũng xuất phát từ dòng vua, không nên hiện thân vào địa ngục như thế. Đề-bà-đạt- đa nên hiện thân chấm dứt hữu lậu thành vô lậu, tâm giải thoát, tuệ giải thoát, nơi hiện thân này được chứng quả Sanh tử đã tận, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, không thọ thân sau, như thật mà biết. Tập theo dấu của chân nhân, đắc A-la-hán, nơi Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn; vì sao mang thân này vào địa ngục? Đề-bà-đạt-đa khi còn sống có oai thần lớn, rất có thần đức, có thể lên cõi trời Ba mươi ba biến hóa tự do. Người như thế lại rơi vào địa ngục ư? Bạch Thế Tôn! Chẳng biết Đề-bà-đạt-đa ở địa ngục trải qua bao nhiêu năm?

Phật bảo A-nan:

- Ông ấy ở địa ngục một kiếp.

A-nan lại bạch Phật:

- Kiếp có hai loại, đại kiếp và tiểu kiếp. Ông ấy ở kiếp nào?

Phật bảo:

- Kiếp của ông ấy sẽ trải qua một đại kiếp. Nói đại kiếp tức hết số kiếp của Hiền kiếp này. Hết nghiệp, mạng chung trở lại thân người.

A-nan bạch Phật:

- Đề-bà-đạt-đa mất thân Người mới trở lại. Vì sao? Kiếp số dài lâu, đại kiếp không quá Hiền kiếp.

A-nan càng thêm buồn khóc than thở không vui, lại bạch Phật:

- Đề-bà-đạt-đa từ địa ngục ra, sẽ sanh về chỗ nào?

Phật bảo A-nan:

- Đề-bà-đạt-da mạng chung nơi ấy, sẽ sanh lên cõi Tứ thiên vương.

A-nan lại hỏi:

- Ở đó mạng chung sẽ sanh về đâu?

Phật bảo:

- Ở đó mạng chung, lần lượt sẽ sanh lên trời Ba mươi ba, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại.

A-nan lại hỏi:

- Ở nơi ấy mạng chung, sẽ sanh về đâu?

Phật bảo:

- Khi Đề-bà-đạt-đa từ địa ngục mạng chung, sanh lên các cõi Trời lành trải qua trong sáu mươi kiếp không rơi vào ba đường ác, qua lại trong cõi Trời, Người. Thân rốt sau, ông ta sẽ cạo râu tóc, mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, thành vị Bích-chi Phật hiệu là Nam-mô.

Bấy giờ, A-nan đến trước bạch Phật:

- Như thế, bạch Thế Tôn! Đề-bà-đạt-đa do ác báo nên chịu tội ở địa ngục, lại tạo đức gì mà trong sáu mươi kiếp trải qua sanh tử, không bị khổ não, sau lại thành vị Bích-chi Phật, hiệu là Nam-mô.

Phật bảo A-nan:

- Phước sanh ý lành trong khoảng giây lát, phước ấy khó thí dụ. Hà huống Đề-bà-đạt-đa thông suốt cổ kim, tụng tập nhiều, giữ gìn các pháp, điều đã nghe không quên. Xưa Đề-bà-đạt-đa do oán thù mà khởi tâm sát hại đối với Như Lai. Lại do duyên báo xưa nên ông ta có tâm vui vẻ với Như Lai, do nhân duyên này trong sáu mươi kiếp không rơi trong ba đường ác. Lại do Đề-bà-đạt-đa, vào lúc cuối khi mạng chung, khởi tâm hòa vui xưng Nam- mô, nên sau làm vị Phật Bích-chi hiệu Nam-mô.

Bấy giờ, A-nan liền đến trước lễ Phật, thưa rằng:

- Thưa vâng, bạch thế tôn! Như lời dạy của Phật.

Khi ấy, Tôn giả Đại-mục-kiền-liên đến trước Phật bạch:

- Bây giờ con muốn xuống địa ngục A-tỳ, nói về yếu hạnh nhẫn nhục, hoan hỷ cho Đề-bà-đạt-đa.

Phật bảo Mục-liên:

- Thầy nên biết, chớ vội vàng hung bạo, chuyên tâm chánh ý chớ khởi loạn tưởng. Vì sao? Hạng chúng sanh cực ác khó điều phục, khó thành tựu, vậy sau mới đọa vào địa ngục A-tỳ. Lại, tội nhơn kia không hiểu âm thanh đối đáp qua lại của cõi Người.

Mục-liên bạch Phật:

- Nay con hiểu được sáu mươi bốn âm thanh, thông suốt ngôn ngữ, con sẽ dùng âm thanh ấy nói với ông ấy.

Phật bảo Mục-liên:

- Thầy nên biết đúng thời.

Khi ấy, A-nan nghe như vầy, vui mừng phấn khởi không thể tự kềm. Đại- mục-kiền-liên lễ chân Phật, nhiễu quanh ba vòng, liền ở trước chỗ Phật, sang địa ngục A-tỳ nhanh như trong khoảng lực sĩ duỗi tay. Bấy giờ, Đại Mục- liên đang ở địa ngục A-tỳ đứng trên không khảy móng tay kêu:

- Đề-bà-đạt-đa!

Đề-bà-đạt-đa im lặng không đáp. Các ngục tốt hỏi Mục-liên:

- Nay Tôn giả gọi Đề-bà-đạt-đa nào?

Ngục tốt lại bảo:

- Trong đây cũng có Đề-bà-đạt-đa thời Phật Câu-lưu-tôn, Đề-bà-đạt-đa thời Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, Đề-bà-đạt-đa thời Phật Ca-diếp, cũng có Đề-bà- đạt-đa cư sĩ, Đề-bà-đạt-đa xuất gia. Nay Tôn giả muốn gọi Đề-bà-đạt-đa nào?

Mục-liên đáp:

- Nay ta muốn mời Đề-bà-đạt-đa em con nhà chú của Phật Thích-ca Văn, nên cần được gặp.

Khi đó, ngục tốt tay cầm xích sắt, đốt lửa đổ chích vào thân Đề-bà-đạt-đa để tỉnh giấc. Thân thế Đề-bà-đạt-đa bị lửa đốt cháy cao ba mươi khuỷu tay. Các ngục tốt bảo:

- Ông là kẻ ngu, ngủ gì như thế!

Đề-bà-đạt-đa bị các khổ bức bách, thưa rằng:

- Nay các Ông dạy bảo tôi điều gì?

Ngục tốt lại bảo:

- Ông hãy nhìn lên không trung!

Đề-bà-đạt-đa theo lời ngước nhìn hư không, thấy Đạ Mục-kiền-liên ngồi kiết-già trên hoa sen báu, rực rỡ như mặt trời vén mây, Đề-bà-đạt-đa thấy rồi bèn nói kệ:

Ai hiện hào quang trời,
Như mặt trời vén mây,
Cũng như núi vàng chói.

Không có bụi nhơ nhớp?
Tôn giả Mục-liên dùng kệ đáp:

Ta, đệ tử Thích-ca,
Thuộc dòng dõi Cù-đàm,
Là Thanh văn trong ấy,
Tên là Đại Mục-liên.
Đề-bà-đạt-đa thưa với Mục-liên:

- Tôn giả Mục-liên! Cớ gì hạ cố đến nơi này? Nơi đây chúng sanh tạo ác, sau khi mệnh chung sanh vào nơi này.

Mục-liên đáp:

- Tôi do Phật sai nên đến đây, muốn thương xót nhổ sạch gốc khổ cho Ông.

Bấy giờ, Đề-ba-đạt-đa nghe âm hưởng Phật, vui mừng phấn khởi không thể tự kềm, nói rằng:

- Cúi xin Tôn giả, đúng thời diễn nói. Đức Thế Tôn có lời dạy gì? Lại nói đến đường ác chăng?

Mục-liên đáp:

- Đề-bà-đạt-đa chớ lo sợ, địa ngục khổ nhất không hơn chốn này. Đức Phật Thích-ca Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, thương xót tất cả các loài cho đến côn trùng nhỏ nhít, như mẹ thương con, tâm không sai biệt, tùy thời điểm nói trọn không để mất, cũng không trái với điều đã nói.

Nay chính từ miệng Phật dự ký. Ông vốn khởi niệm ác muốn hại Thế Tôn, lại đem việc ấy dạy người khiến hướng về đường ác; do nhân duyên tội báo ấy đọa vào địa ngục A-tỳ, sẽ trải qua một kiếp trọn không ra khỏi. Kiếp số ấy hết nghiệp tận mạng chung, sẽ sanh lên cõi trời Tứ thiên vương, lần lượt sanh lên cõi trời Ba mươi ba, trời Diệm-ma, trời Đâu-suất, trời Hóa tự tại, trời Tha hóa tự tại trong sáu mươi kiếp không ở trong con đường ác, lưu chuyển chốn Trời, Người. Thân cuối cùng được làm người, cạo bỏ râu tóc mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, sẽ thành Bích-chi Phật hiệu Nam-mô. Vì sao thế? Do khi Ông sắp chết, xưng "Nam-mô" nên được danh hiệu ấy. Nay đức Như Lai quán sát lời nói lành "Nam-mô" nên Ông được danh hiệu đó, trong sáu mươi kiếp làm Bích-chi Phật.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa nghe xong vui mừng hớn hở, tâm lành phát sanh, lại bạch với Mục-liên:

- Lời nói của Như Lai quả nhiên không nghi, thương xót chúng sanh mà cứu tế vô lượng, đại từ đại bi hóa độ kẻ ngu. Dù cho ngày nay tôi nghiêng hông bên mặt trong địa ngục A-tỳ trải qua một kiếp, tâm ý vẫn chuyên nhất, trọn không mệt nhọc.

Tôn giả Mục-liên lại bảo Đề-bà-đạt-đa:

- Thế nào, sự đau đớn của Ông nay có tăng giảm gì không?

Đề-bà-đạt-đa nói:

- Thân tôi chịu khổ chỉ tăng chớ không giảm, nay được nghe Như Lai thọ ký danh hiệu, nỗi khổ giảm bớt không thể nói hết.

Mục-liên hỏi:

- Nay hoạn nạn của Ông, nguyên lai đau khổ giống như thế nào?

Đề-bà-đạt-đa đáp:

- Bánh xe sắt nóng nghiền nát thân hình, lại có chày sắt đập nát thân thể, có voi đen dữ dày đạp thân tôi, lại có núi lửa đến dần trên mặt tôi, Cà-sa ngày trước hóa làm lá đồng nóng quấn thân, nguyên lai đau khổ tình trạng như thế.

Mục-liên bảo:

- Ông có tự biết cội gốc tội báo, khiến chịu đau khổ chăng? Nay tôi phân biệt từng tội một, Ông muốn nghe chăng?

Đề-bà-đạt-đa thưa:

- Xin vâng, đúng thời xin nói.

Tôn giả Mục-liên bèn nói kệ:

Xưa Ông ở chỗ Phật,
Phá hoại Tỳ-kheo Tăng,
Nay có chày sắt nóng,
Đập quết trên thân Ông.
Vì hàng đại chúng kia,
Là Thanh văn bậc nhất,
Gây rối chúng Tỳ-kheo,
Nay có xe nóng nghiền.
Xưa Ông bảo vua thả,
Voi đen uống rượu say,
Nay có bầy voi đen,
Chà đạp trên thân mình.
Xưa ông vác đá lớn,
Xa ném đến Như Lai,
Nay quả báo núi lửa,
Đốt Ông không chừa sót,
Xưa Ông dùng nắm tay,
Giết chết Tỳ-kheo-ni,
Nay bị lá đồng nóng,
Cuốn cháy không duỗi được.
Hành báo trọn không mất,

Cũng chẳng phải rỗng không,
Cho nên phải siêng năng,
Lìa các nguồn ác này.
Đề-bà-đạt-đa! Ông vốn tạo cội gốc chính là các điều này, nên nhất tâm hướng về Phật, được phước lâu dài.

Bấy giờ, Đề-bà-đạt-đa lại bạch với Mục-liên:

- Nay xin nhờ Tôn giả Mục-liên cúi đầu lễ chân Thế Tôn, kính thăm Thế Tôn ngồi đứng khinh an, dạo đi mạnh mẽ tôi cũng lại lễ bái Tôn giả A-nan.

Tôn già Đại-mục-kiền-liên phóng đại thần túc, khiến các khổ não trong địa ngục A-tỳ dừng lại, lại nói kệ này:

Đều xưng Nam-mô Phật,
Bậc họ Thích tối thắng,
Vị ấy ban an ổn,
Dẹp trừ các khổ não.
Bấy giờ, chúng sanh trong địa ngục A-tỳ nghe Tôn giả Mục-liên nói kệ này rồi, hơn sáu vạn người được dứt quả báo khổ, liền mạng chung nơi ấy, sanh lên trời Tứ Thiên vương.

Tôn giả Mục-liên liền thâu thần túc, trở về tinh xá đến chỗ Thế Tôn, lễ chân Phật, đứng một bên Tôn giả bạch Phật rằng:

- Đề-bà-đạt-đa cung kính vô lượng, thăm hỏi Thế Tôn ngồi đứng khinh an, dạo đi mạnh mẽ. Cũng lại hỏi thăm A-nan, và nói thế này: "Như Lai thọ ký cho trong sáu mươi kiếp, thành Bích-chi Phật hiệu Nam-mô, dù cho tôi nằm nghiêng hông mặt trong địa ngục A-tỳ, vẫn trọn không mệt nhọc."

Bấy giờ Phật nói:

- Lành thay,lành thay! Mục-liên, Thầy làm nhiều lợi ích, nhiều sự thấm nhuần, thương tưởng loài ngu tối, Trời Người được an lạc, khiến cho hàng Thanh văn của Như Lai dần đến Niết-bàn.

Thế nên! Mục-liên! Nên siêng năng thành tựu ba pháp. Vì sao thế? Nếu Đề- bà-đạt-đa tu pháp lành về thân ba, miệng bốn, ý ba, ông ấy trọn đời không tham lợi dưỡng, cũng không tạo tội ngũ nghịch mà bị vào địa ngục A-tỳ. Vì sao? Phàm người tham lợi dưỡng, cũng không có tâm cung kính đối với Tam bảo, cũng không vâng giữ giới cấm, không đầy đủ về thân, khẩu, ý hành. Nên chuyên chú nhớ nghĩ về thân, khẩu, ý hành. Như thế, Mục-liên, nên học điều này!

Bấy giờ, Tôn giả Mục-liên nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có chúng sanh tu hành tâm từ giải thoát, lưu truyền rộng nghĩa ấy, vì người diễn nói, sẽ được mười một quả báo. Thế nào là mười một? Ngủ an ổn, thức an ổn, không chiêm bao dữ, Trời ủng hộ, Người thương mến, không có độc hại, không bị binh đao, nước, lửa, đạo tặc không xâm tổn, khi chết sanh lên trời Phạm thiên. Đó gọi là Tỳ-kheo hay thực hành tâm từ được mười một phước này.

Thế Tôn liền nói kệ này:

Nếu người hành lòng từ,
Không có hạnh phóng dật,
Các kết dần dần mỏng,
Dần thấy dấu vết đạo.
Do hay hành lòng từ,
Sẽ sanh lên Phạm thiên,
Được diệt độ mau chóng,
Hằng đến chỗ vô vi.
Không sát, không tâm hại,
Cũng không ý hơn thua,
Lòng từ trùm tất cả,
Trọn không tâm oán hận.
Thế nên, Tỳ-kheo nên tìm phương tiện thực hành lòng từ, lưu truyền rộng nghĩa ấy. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

L. Phẩm Lễ Tam bảo

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn lễ bái chùa tháp Như Lai, nên thực hành mười một pháp lễ chùa Phật. Thế nào là mười một? Hưng khởi tâm dõng mãnh vì có thể kham; ý không tán loạn vì thường nhất tâm; ... vì ghi nhớ chuyên tâm các pháp Chỉ quán; các niệm hằng dứt vì nhập chánh định; ý biết vô lượng vì có trí tuệ; ý khó quán sát do hình tướng Như Lai; ý vắng lặng trạm nhiên vì oai nghi Như Lai; ý không chạy nhảy vì danh xưng Như Lai; ý không tưởng tượng do sắc tướng Như Lai; Phạm âm khó bì kịp do âm hưởng nhu nhuyến.

Các Tỳ-kheo! Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn lễ bái chùa tháp Như Lai, đầy đủ mười một pháp này. Lễ chùa tháp của Như Lai thì được phước lâu dài vô lượng. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn làm lễ pháp thì nên ghi nhớ mười một việc sau hãy lễ pháp. Thế nào là mười một pháp? Có kiêu mạn nên trừ kiêu mạn; Chánh pháp ở cõi dục mà trừ tưởng khát ái; Chánh pháp ở cõi dục mà trừ dục; Chánh pháp hay đoạn dứt dòng sanh tử thâm sâu; hành Chánh pháp được pháp bình đẳng; Chánh pháp đoạn dứt các đường ác; theo Chánh pháp này được đến chỗ lành; Chánh pháp hay đoạn dứt lưới ái; người hành Chánh pháp từ hữu vi đến vô vi; người hành Chánh pháp chiếu sáng khắp nơi; người hành Chánh pháp đến Niết-bàn.

Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn làm lễ pháp, nên tư duy về mười một pháp này, sau được phước vô lượng, phước không hạn lượng mãi mãi. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn tu hành lễ chúng Tăng, nên suy nghĩ mười một pháp, sau mới lễ chúng Tăng. Thế nào là mười một? Chúng của Như Lai thành tựu Chánh pháp; Thánh chúng của Như Lai trên dưới hòa hợp; Thánh chúng của Như Lai thành tựu các pháp; Thánh chúng của Như Lai thành tựu giới; thành tựu chánh định; thành tựu trí tuệ; thành tựu tuệ giải thoát; thành tựu giải thoát tri kiến; Thánh chúng của Như Lai hay hộ trì Tam Bảo; Thánh chúng của Như Lai hay hàng phục ngoại đạo dị học; Thánh chúng của Như Lai là bạn tốt, ruộng phước cho tất cả chúng sanh.

Thiện nam tử, thiện nữ nhơn muốn lễ chúng Tăng, nên tư duy về mười một pháp này, được phước lâu dài vô lượng. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ các hàng Tỳ-kheo, Trời, Rồng, Quỷ Thần, Càn-thát-bà, A-tu-la, Ca- lầu-la, Khẩu-na-la, Ma-hầu-la-già, Trời Ma-hưu-lặc và Người nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Ma-kiệt, thành Mật-đề-la cư ngụ phía Đông vườn Đại thiên, cùng với chúng đại Tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người câu hội.

Khi ấy, Thế Tôn sau khi thọ thực cùng với Tôn-giả A-nan đi kinh hành trong vườn. Phật mỉm cười, A-nan nghĩ thầm: "Như Lai Vô Sở Trước Đẳng Chánh Giác không cười suông. Nay cớ gì cười? Ắt phải có ý, Ta sẽ hỏi điều này". A-nan chỉnh đốn y phục, quỳ gối mặt chấm đất, chắp tay hỏi Phật:

- Như Lai Vô sở Trước Đẳng Chánh Giác không cười suông. Nay cớ gì cười? Ắt phải có ý, xin được nghe ý đó.

Phật bảo A-nan:

- Ta sẽ vì Thầy nói. Về Hiền kiếp đã qua, ban đầu ở đây có một vị Chuyển luân Thánh vương làm chủ bốn châu thiên hạ tên là Đại thiên, sống lâu không bệnh, đoan chánh dõng mãnh, dùng Chánh pháp cai trị, không ép uổng nhân dân, có bảy báu tự nhiên xuất hiện. Những gì là bảy? Một là xe báu, hai là voi báu, ba là ngựa báu, bốn là châu báu, năm là ngọc nữ báu, sáu là chủ tạng báu, bảy là điển binh báu.

Phật bảo A-nan:

- Khi vua Đại Thiên còn thơ ấu, thời gian ấy tám vạn bốn ngàn năm, làm Thái tử tám vạn bốn ngàn năm, lên ngôi Thánh vương tám vạn bốn ngàn năm, lên ngôi Thánh vương tám vạn bốn ngàn năm.

A-nan bạch Phật:

- Thế nào là xe báu?

Phật bảo A-nan:

- Vào ngày rằm trăng tròn, vua tắm gội sạch sẽ, cùng thể nữ lên lầu phía Đông, nhìn hướng Đông. Có xe nghìn căm vàng, xe cao bảy đa-la, bảy nhẫn là một đa-la. Đa-la là cây độc diên, dùng cây này làm hạn lượng, toàn bằng vàng tử ma. Vua thấy xe rồi, nghĩ rằng: "Xe này là xe quý, xin nguyện bắt được". Nghĩ xong, xe liền đến bên tay trái vua, rồi chuyển qua tay mặt. Vua bảo xe ấy:

- "Những nước chưa từng hành phục, hãy vì ta hành phục, chẳng phải đất của ta, hãy vì ta thâu nhận, hãy đúng pháp không nên phi pháp".

Nói xong, xe trở lên hư không, trục xe xoay về hướng Đông.

Nhà vua sai tả hữu chuẩn bị đủ bốn binh chúng, binh đã đủ liền đưa binh chúng theo xe trên không. Xe dẫn sang phương Đông, qua hết các cõi nước phía Đông. Ban đêm, vua và binh chúng ngủ dưới xe báu. Các tiểu vương nước phía Đông đều đến triều kiến, dùng bát vàng đựng thóc bạc tiến dâng vua, thưa rằng:

- "Kính chào Đại vương! Bờ cõi Đông này, tất cả đất đai, trân bảo, nhân dân đều là của Đại vương. Xin dừng xa giá tại đây, chúng tôi sẽ vâng theo Đại vương dạy".

Vua Đại Thiên bảo các tiểu vương:

- "Các Ông muốn theo lời dạy của ta thì mỗi người nên trở về nước mình dùng Thập thiện dạy dân, chớ làm ngang bướng."

Vua khuyên dạy xong, xe báu liền ở trên biển, quay lại nương hư không mà đi. Trong biển tự nhiên mở đường rộng một do-diên, vua và bốn bộ binh chủng theo xe báu như trước, đi qua cõi phương Nam. Các tiểu vương phương Nam cũng đến triều kiến, đều dùng bát vàng đựng thóc bạc, bát bạc đựng thóc vàng, dâng lên nhà vua, thưa rằng:

- "Kính chào Đại vương! Cõi nước phương Nam này cùng trân bảo, nhân dân đều là của Đại vương. Xin dừng xa giá ở đây, chúng tôi sẽ vâng theo lệnh Đại vương".

Vua Đại Thiên bảo các tiểu vương:

- "Các Ông muốn theo lệnh ta thì mỗi người nên trở về nước mình, đem Thập thiện dạy dân, chớ làm việc phi pháp".

Vua khuyên dạy xong, xe báu quay sang hướng Tây, dẫn đi về cõi phía Tây. Các vua nước phía Tây cống hiến, thỉnh mời như ở phương Nam. Xong, xe báu quay sang hướng Bắc, dẫn đi qua bờ cõi phía Bắc. Các vua phía Bắc cũng đến triều kiến, nạp cống và cầu thỉnh như các pháp trước.

Đi bốn ngày hết bốn biển Diêm-phù-đề, trở về thành Mật-để-la, xe dừng trước cửa cung, ở trên hư không cao bảy cây đa-la, vành xe hướng về phía Đông, vua liền vào cung.

Phật bảo A-nan:

- Vua Đại thiên được xe báu như thế.

A-nan lại hỏi đức Phật:

- Vua Đại Thiên được voi báu như thế nào?

Phật đáp:

- Sau đó, vua Đại Thiên lại đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu phía Đông, nhìn về hướng Đông, thấy trong hư không có một voi chúa màu trắng tên Mãn Hô, từ hư không đến, thân hình đều đặn, miệng có sáu ngà, mũ vàng đội đầu, dây vàng, anh lạc, chơn châu kết vòng quanh thân, hai bên hông đeo chuông vàng. Voi có sức thần, biến hình tự tại. Vua Đại thiên thấy rồi, tự nghĩ rằng: "Ta có thể được voi bàu này chăng? Ta sẽ khiến voi làm việc". Nghĩ xong, voi liền đứng trên hư không trước vua. Vua bèn sai làm năm việc, lại nghĩ: "Nên thử xem voi này có thể làm được chăng?" Ngày mai, mặt trời lên, vua cỡi voi dạo khắp bốn biển, trong khoảnh khắc về lại chỗ cũ, đứng trước cửa cung, hướng về phía Đông.

A-nan! Vua Đại thiên được voi báu như thế.

A-nan hỏi Phật:

- Vua Đại thiên được ngựa báu như thế nào?

Phật bảo:

- Sau đó, đến ngày rằm trăng tròn, vua Đại Thiên tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu Tây, nhìn về phía Tây, thấy có một ngựa chúa màu xanh tên là Bà-la-xá từ hư không bay đến, đi không động thân, đầu đội mão vàng, các báu anh lạc, chơn châu kết quanh thân, hai bên hông đeo chuông vàng. Ngựa chúa có sức thần, biến hình tự tại. Vua Đại Thiên thấy rồi, tự nghĩ: "Ta có thể được ngựa này cỡi rất tốt". Vua nghĩ xong, ngựa đến trước nhà vua, vua liền cỡi ngựa muốn thử tài đó. Ngày mai, mặt trời lên, vua cỡi ngựa đi về phía Đông, trong khoảnh khắc dạo khắp bốn bể, rồi trở về nước. Ngựa đứng ở cửa cung phía Tây, hướng về Tây.

A-nan! Vua Đại Thiên được ngựa báu như thế.

A-nan hỏi Phật:

- Vua Đại thiên được châu báu như thế nào?

Phật đáp:

- Sau đó, đến ngày rằm trăng tròn, vua Đại Thiên tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu phía Đông, nhìn về phương Đông, thấy có hạt thần châu. Thần châu to tròn một thước sáu tấc, có tám mặt, màu xanh lưu ly, từ hư không bay đến, cao bảy cây đa-la. Vua thấy rồi, tự nghĩ: "Được thần châu này để ngắm". Vua như ý nghĩ mà được thần châu. Vua muốn thử, vào nửa đêm tập hợp bốn binh chủng, đem thần châu treo ở đầu cột phướn, ra khỏi thành dạo đi. Hạt thần châu chiếu sáng các nơi mười hai do-diên, binh chủng thấy nhau như ban ngày, ánh sáng của thần châu chiếu đến đâu, nhân dân kinh ngạc thức dậy, đều nói trời sáng. Nhà vua về cung, dựng cây phướn trong cung, trong ngoài đều sáng như ban ngày.

A-nan! Vua Đại thiên được châu báu như thế.

A-nan bạch Phật:

- Vua Đại thiên được ngọc nữ báu như thế nào?

Phật bảo A-nan:

- Nhà vua đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu Đông, nhìn về hướng Đông, thấy bảo nữ không ai bì, nghiêm trang thù diệu, không cao không thấp, không mập không ốm, không trắng không đen, mùa đông thân ấm, mùa hạ thân mát, từ lỗ chân lông tiết ra mùi hương chiên-đàn, miệng có mùi thơm hoa sen xanh, cũng không có các trạng thái xấu ác của người nữ, tánh tình ôn hòa, ý tùy thuận trước, từ hư không đến chỗ vua.

A-nan! Vua Đại Thiên được ngọc nữ báu như thế.

A-nan bạch Phật:

- Vua Đại Thiên được chủ tạng báu như thế nào?

Phật đáp:

- Vua Đại thiên đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu phía Bắc, nhìn về hướng Bắc, thấy đại thần chủ tạng tên A-la-tra-chi, tướng đoan chánh thù diệu, không cao không thấp, không mập không gầy, thân sắc vàng, tóc màu xanh, mắt đen trắng phân minh. Chủ tạng lại có thể thấy được các kho bảy báu nằm dưới đất, có chủ thì giữ gìn, không chủ trì đem dâng vua sử dụng, thông minh trí tuệ, giỏi các mưu lược. Đại thần từ hư không bay đến trước vua, tâu rằng:

- "Từ này về sau, nhà vua có thể tự vui thích chớ lo buồn. Tôi sẽ cung cấp tài bảo cho Đại vương không để thiếu".

Vua muốn thử đại thần chủ tạng, bèn cùng dong thuyền ra biển. Vua bảo:

- "Ta muốn được vàng bạc châu báu".

Tạng thần tâu:

- "Xin trở lại bờ, hạ thần sẽ dâng tài bảo".

Vua nói:

- "Ta muốn được chân báu dưới nước, không cần trên bờ".

Thần chủ tạng bèn đứng dậy sửa y phục, quỳ gối hữu, chắp tay làm lễ nước, trong nước liền tự nhiên xuất hiện vàng khối to như bánh xe, chốc lát đầy thuyền. Vua bảo:

- "Hãy dừng! Chớ chất thêm vàng, thuyền sắp đắm".

A-nan! Vua Đại Thiên được đại thần chủ tạng như thế.

A-nan bạch Phật:

- Vua Đại thiên được điển binh báu như thế nào?

Phật bảo:

- Nhà vua đến ngày rằm trăng tròn, lại tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu phía Nam, thấy có đại tướng quân tên Tỷ-tỳ-na, đoan chánh tướng hảo, tóc màu trân châu, thân thể màu lục, không cao không thấp, không mập không gầy, mắt có thể nhìn thấu tâm niệm người khác, biết việc quân binh, quyền biến, mưu chước, tiến lui đúng thời. Đại tướng nương hư không bay đến trước vua, tâu rằng:

- Cúi xin Đại vương tự ý vui thích, chớ lo thiên hạ, việc chinh phạt bốn phương thần tự điều khiển.

Nhà vua muốn thử tài, vào giữa đêm suy nghĩ muốn tập họp bốn bộ binh chủng, nghĩ vừa dứt bốn binh đã tập họp. Nhà vua lại nghĩ tiến binh về phía Đông, quân liền tiến về Đông. Nhà vua ở giữa, đại tướng đi đầu, bốn binh vây quanh. Vua nghĩ muốn tiến thì quân tiến, muốn lùi thì quân lùi.

A-nan! Vua Đại Thiên được điển binh báu như thế.

Phật bảo A-nan:

- Vua Đại Thiên được bảy báu như thế.

Phật lại bảo A-nan:

- Vua Đại Thiên cai trị rất lâu, bèn bảo thợ hớt tóc tên Kiếp-tỷ rằng: "Nếu ta có tóc bạc, nên nhổ và báo cho ta biết". Kiếp-tỷ chăm sóc tóc cho vua; lâu sau, thấy có một sợi tóc bạc, bèn tâu:

- "Trước Đại vương có lệnh, nay thấy tóc bạc!"

Vua bảo:

- "Nhổ đưa ta xem".

Kiếp-tỷ dùng nhíp vàng nhổ tóc bạc, để vào tay vua. Vua cầm tóc bạc, bèn nói kệ:

Trên đầu của ta,
Sinh tóc bạc này,
Sứ thần đến gọi,
Đến thời vào đạo.

Vua suy nghĩ: "Ta đã hưởng ngũ dục tột độ trong loài Người, nay nên xuất gia, cạo bộ râu tóc, mặc pháp phục". Bèn gọi thái tử Trường Sanh đến, bảo:

- "Này Con! Đầu ta đã sanh tóc bạc. Ta đã chán ngủ dục thế gian, muốn tìm vui cõi Trời. Nay ta muốn cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục xuất gia học đạo. Con nên lãnh việc nước, lập con lớn làm thái tử; nên cấp dưỡng cho Kiếp-tỷ coi việc tóc bạc, khi tóc bạc xuất hiện, trao nước cho Thái tử rồi như ta cạo râu tóc xuất gia, mặc pháp phục".

Nhà vua bảo thái tử:

- "Nay ta đem ngôi vua ân cần trao cho con, nên làm cho Thánh vị tiếp nối đời đời chớ để dứt mất; nếu dứt đoạn sẽ bị làm người ở biên địa; nếu đoạn mất hạnh lành, liền sanh chỗ không có pháp".

Vua Đại thiên dạy xong, liền trao nước cho thái tử Trường Sanh, ban cho Kiếp-tỷ ruộng đất.

Phật bảo A-nan:

- Vua Đại Thiên ở thành này, nước này, đất này, cạo bỏ râu tóc, mặc pháp phục vào đạo, ở cõi này thực hành bốn Phạm hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả, trải qua tám vạn bốn ngàn năm, ở đây mạng chung sanh về Phạm thiên.

Vua Đại thiên xuất gia, bảy ngày sau ngọc nữ báu mệnh chung. Trường Sanh lên ngôi, đến ngày rằm trăng tròn, tắm gội sạch sẽ, đem các thể nữ lên lầu phía Đông, nhìn về phương Đông, thấy ngọc nữ đoan chánh như trước, từ hư không đến. Vua Trường Sanh lại được bảy thứ báu. Vua trị vì nước, cai quản thiên hạ, sau lại bảo Kiếp-tỷ:

- "Từ nay về sau chăm sóc trên đầu, thấy tóc bạc thì đem báo cho ta".

Nhà vua lên ngôi trải qua tám vạn bốn ngàn năm. Tóc vua bạc, thợ hớt tóc Kiếp-tỷ tâu vua:

- "Đã có tóc bạc".

Vua bảo:

- "Nhổ đem đến để trên tay ta".

Thợ hớt tóc Kiếp-tỷ dùng nhíp vàng nhổ tóc bạc để lên tay vua. Vua cầm tóc bạc nói kệ:

Trên đầu của ta,

Sinh tóc bạc này,

Sứ thần đến gọi,

Đến thời vào đạo.

Vua tự nghĩ: "Ta đã hưởng ngũ dục tột đỉnh. Nay nên xuất gia, cạo râu tóc, mặc pháp phục." Vua liền gọi thái tử Quán Cát bảo:

- Này Con, đầu ta đã có tóc bạc. Ta sã chán ngũ dục thế gian, muốn cầu thú vui cõi Trời. Nay ta muốn xuất gia hành đạo, cạo bỏ râu tóc mặc pháp phục. Con nên lãnh việc nước, lập con trưởng làm thái tử, chu cấp cho Kiếp-tỷ khiến coi việc tóc bạc. Khi tóc xuất hiện, Con nên giao việc nước cho thái tử, xuất gia như ta, cạo bỏ râu tóc mặc pháp phục.

Vua bảo thái tử:

- "Nay ta đem ngôi vị ân cần trao cho con. Nên làm cho ngôi Thánh vương đời đời tiếp nối, chớ để đoạn dứt; nếu đoạn dứt sẽ bị làm người ở biên địa; nếu dứt hạnh lành phải sanh nơi không có pháp".

Vua Trường Sanh cũng ở thành này, nước này, đất này, cạo bỏ râu tóc mặc pháp y nhập đạo. Ở đây trải qua tám vạn bốn ngàn năm, vua thực hành bốn Phạm hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả. Ở đây mệnh chung, vua sanh lên Phạm thiên.

Phật bảo A-nan:

- Vua Trường Sanh xuất gia, bảy ngày sau, bảy báu tự nhiên biến mất. Vua Quán Cát lo buồn không vui, các đại thần thấy vua chẳng vui, bèn hỏi thăm:

- "Đại vương vì sao không vui?"

Vua đáp:

- "Vì bảy báu biến mất".

Các đại thần tâu:

- "Xin Đại vương chớ lo".

Vua hỏi:

- "Vì sao không lo?"

Vua hỏi:

- "Vì sao không lo?"

Các đại thần tâu:

- "Tiên vương đang tu Phạm hạnh trong vườn gần đây, có thể đến đó thỉnh vấn, chắc ngài sẽ dạy Đại vương pháp được bảy báu".

Nhà vua ra lệnh trang hoàng xa giá, các đại thần chuẩn bị bị xong, liền tâu vua. Vua cùng quần thần cỡi xe thất bảo, mang năm vật: cờ lọng, mũ vua, kiếm, quạt, giày cùng các đại thần tả hửu tùy tùng đến vườn. Đến nơi, vua xuống xe, bỏ năm vật nghiêm sức, đi bộ vào cửa vườn, đến trước phụ vương, cúi lạy lui ngồi một bên, chấp tay thưa:

- "Phụ vương có bảy báu, nay đều đã biến mất".

Vua cha trước đã ngồi yên, nghe thưa, ngẩng đầu đáp:

- "Này con! Phàm pháp của Thánh vương không ỷ lại vào vật của cha. Con tự thực hành cách để cầu được các món ấy".

Vua lại hỏi:

- "Chuyển luân Thánh vương dùng pháp hóa gì?"

Vua cha đáp:

- "Pháp kỉnh, pháp trọng, pháp nghĩ nhớ, pháp nuôi dưỡng, pháp làm tăng trưởng, pháp làm giàu mạnh, pháp làm lớn rộng. Làm theo bảy pháp này chính là cách trị dân của Thánh vương, có thể được bảy báu".

Vua lại hỏi:

- "Thế nào là pháp kỉnh? ... cho đến pháp lớn?"

Phụ vương đáp:

- "Nên chu cấp cho người bần cùng, dạy dân chúng hiếu dưỡng song thân, bốn mùa tám tiết tùy thời tế lễ, dạy dân nhẫn nhục, trừ bỏ hạnh dâm dục, ngu si v.v... Bảy pháp này chính là pháp của Thánh vương".

Vua liền nghe lời dạy, lễ bái xin lui, nhiễu quanh bảy vòng rồi dẫn chúng trở về. Khi ấy vua vâng lệnh phụ vương làm theo bảy pháp, khiến cho xa gần đều tôn trọng lời vua dạy. Vua mở kho cấp dưỡng người nghèo, nuôi kẻ cô độc, già nua. Dân chúng bốn phương đều vâng làm theo. Khi ấy, vào ngày rằm trăng tròn, vua tắm gội sạch sẽ, cùng các thể nữ lên lầu phía Đông, nhìn về hướng Đông, thấy có xe báu ngàn căm vàng, xe cao bảy đa-la, cách đất cũng bảy đa-la, từ hư không bay đến dừng trên hư không. Vua tự nghĩ:

"Nguyện được xe báu này chăng?" Xe báu liền hạ xuống bên tay trái vua, lại chuyển sang tay mặt. Vua bảo xe báu ấy:

- "Các nơi không hàng phục, hãy vì ta hàng phục; nơi chẳng phải đất ta, hãy vì ta giữ lấy. Nên đúng pháp, không nên phi pháp".

Vua liền dùng tay ném xe lên hư không trước cửa cung phía Đông. Xe trụ trên hư không hướng về phía Đông. Sau xe báu, kế đến là voi trắng, tiếp theo có ngựa xanh, thần châu, ngọc nữ, chủ tạng báu, điển binh báu, bảy vật báu xuất hiện như thời vua Đại thiên, thử thách cũng thế. Trải qua tám vạn bốn ngàn năm, vua cũng lập thái tử, tặng thưởng cho Kiếp-tỷ, giao nước cho thái tử, xuất gia học đạo đều như pháp của vua trước.

Phật bảo A-nan:

- Vua Quán Sát ấy ở tại thành này, vườn này, cạo tóc, pháp phục, trải qua tám vạn bốn ngàn năm tu bốn Phạm hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả. Ở đây mạng chung, vua cũng sanh lên Phạm thiên.

Phật bảo A-nan:

- Vua Đại thiên và con cháu nối tiếp nhau cho đến tám vạn bốn ngàn triều đại làm chuyển luân Thánh vương, dòng dõi lành không dứt đoạn. Vị Thánh vương sau cùng tên Nhâm, dùng Chánh pháp cai trị, là người thông minh, nhớ kỹ không quên, có ba mươi hai tướng tốt, sắc như hoa sen hồng, ưa thích bố thí, cúng dường Sa-môn, Bà-la-môn, săn sóc nuôi dưỡng người già, cô độc, chu cấp người nghèo. Ở bốn cửa thành và trung tâm thành, vua đều dựng kho lẫm, chứa vàng bạc, châu báu, voi ngựa, xe cộ, y phục, giường chiếu, hương hoa, thức ăn uống, thuốc men, người cô độc thì cấp cho thê thiếp, bố thí các thứ tùy ý người muốn.

Trong những ngày lục trai, vua ra lệnh nội cung, ngoại cung đều giữ giới Bát quan trai. Vào ngày ấy, chư Tiên cõi trời Tịnh Cư đều cùng xuống thọ giới. Trời đế Thích, Ba mươi ba cũng khen ngợi nhân dân nước ấy: "Vui thay! Lợi lành mới gặp bậc Pháp vương như thế, bố thí các thứ theo nhu cầu nhân dân, lại hay trai giới thanh khiết không thiếu sót".

Trời Đế Thích bảo chư Thiên tử:

- "Muốn được gặp vua Nhâm chăng?"

Chư Thiên đều nói: "Muốn gặp, có thể mời lên đây". Thích-đề-hoàn-nhân liền sai thiên nữ Cùng-tỷ-ni:

- "Ngươi đến thành Mật-để-la báo Nhâm vương rằng: "Đại vương được lợi ích lớn! Chư Thiên ở đây đều khen ngợi công đức cao tột của Đại vương, bảo tôi đến thăm hỏi khuyên mời. Chư Thiên đều muốn được gặp, xin vui lòng đến đó".

Thiên nữ Cùng-tỷ-ni vâng lời bay xuống, trong khoảng co duỗi tay, hốt nhiên hiện trên hư không trước cung vua. Lúc ấy nhà vua đang ngồi tư duy trong điện, có một thể nữ hầu. Vua suy nghĩ: "Thế gian đều muốn gọi an ổn, không có khổ hoạn". Cùng-tỷ-ni ở trên hư không búng ngón tay để kêu, vua ngẩng đầu lên, thấy trên cung điện có ánh sáng, nghe tiếng bảo rằng:

- "Ta là thị giả của Thích-đề-hoàn-nhân. Thiên đế sai ta đến chỗ Đại vương".

Vua đáp:

- "Không biết Thiên đế có điều gì dạy bảo?"

Thiên nữ nói:

- "Ý của Thiên đế ân cần, chư thiên khen ngợi công đức của nhà vua, muốn được gặp. Đại vương có vui lòng?"

Vua im lặng hứa nhận. Thiên nữ liền trở về thưa Thiên đế:

- "Đã truyền lệnh xong, vua hứa sẽ đến".

Thiên đế liền ra lệnh cho người đánh xe, trang nghiêm xe thất bảo, cỡi xe ngựa bay xuống thành Mật-để-la đón vua Nhâm. Người đánh xe vâng lệnh, liền cho xe ngựa hốt nhiên bay xuống thành. Vua đang ngồi họp cùng quần thần, xe dừng trước điện vua, trụ trên hư không. Người đánh xe kêu:

- "Nay Thiên đế đưa xe xuống đón, các Thiên tử cũng đang đợi, Đại vương nên lên xe, chớ lưu luyến".

Các quan lớn nhỏ nghe vua sắp đi, tỏ vẻ không vui, đều đứng dậy chấp tay thưa:

- "Sau khi Đại vương đi, chúng hạ thần vâng lệnh ai?"

Vua đáp:

- "Các khanh chớ lo, sau khi ta đi nên bố thí, trai giới, cấp dưỡng dân chúng, trị quốc như lúc ta đang thời. Ta sẽ về không lâu".

Vua ra lệnh xong, xe liền hạ xuống đất. Vua lên xe, người đánh xe hỏi:

- "Vua sẽ đi theo đường nào?"

Vua hỏi:

- "Lời này là thế nào?"

Người đánh xe đáp:

- "Có hai đường đi, một là đường ác, hai là đường lành. Người làm ác từ đường ác đến chỗ khổ, người làm lành dạo chơi đường lành đến chỗ vui".

Vua nói:

- "Nay tôi muốn đi cả hai đường ác và lành".

Người đánh xe nghe hồi lâu mới hiểu nói:

- "Rất lành! Đại vương".

Người đánh xe bèn đưa vua đi cà hai đường, thấy đủ thiện ác, đến trời Ba mươi ba. Thiên đế và chư Thiên xa thấy vua đến, Thích-đề-hoàn-nhân nói:

- "Kính chào Đại vương! Mời cùng ngồi".

Phật bảo A-nan:

- Vua bèn ngồi trên tòa Thiên đế. Vua cùng Thiên đế dung mạo tương tợ, y phục tiếng nói như nhau. Các Thiên tử nghĩ thầm: "Ai là Thiên đế? Ai là vua?" Lại nghĩ: "Người và pháp phải tuân theo mà đều chẳng tuân theo". Chư Thiên đều ngạc nhiên không phân biệt được. Thiên đế thấy chư Thiên

có tâm nghi, bèn nghĩ: "Ta sẽ mời nhà vua ở lại, sau mới làm sáng tỏ". Thiên đế bảo chư Thiên:

- "Các Ông có muốn ta lưu nhà vua ở lại đây chăng?"

Chư Thiên thưa:

- "Thật muốn mời ở lại".

Thiên đế bảo vua Nhâm:

- "Đại vương! Có thể ở đây chăng? Tôi sẽ cung cấp ngũ dục".

Nhân đó chư Thiên mới biết. Vua thưa Thiên đế:

- Thưa, tôi không thể!

Thiên đế bèn cấp tặng, xong vua thưa:

- "Nguyện cho chư Thiên thọ mạng vô tận".

Chủ khách thỉnh nhượng như thế ba lần.

Thiên đế hỏi vua:

- "Sao không ở lại?"

Vua thưa:

- "Tôi phải xuất gia tu đạo, nay ở cõi Trời không có duyên học đạo".

Thiên đế hỏi:

- "Tại sao lại học đạo?"

Vua đáp:

- "Phụ vương tôi dặn dò, nếu có tóc bạc nên xuất gia".

Đế thích nghe nói lời di mệnh nhập đạo, im lặng không đáp. Vua ở cõi Trời, trong khoảng khắc ngũ dục tự vui, mà ở thế gian đã trải qua mười hai năm. Vua muốn cáo biệt, bèn cùng các Thiên tử nói pháp chân thật. Thiên đế dạy người đánh xe:

- "Ông đưa vua Nhâm trở về nước".

Người đánh xe vâng lời liền trang hoàng xe, chuẩn bị xong, thưa nhà vua:

- "Đại vương có thể lên xe".

Nhà vua bèn từ biệt Thiên đế và chư Thiên rồi lên xe, theo đường cũ mà về. Đến thành Mật-để-la, người đánh xe liền trở về Trời. Vua trở về vài hôm, vua bảo Kiếp-tỷ:

- Nếu thấy có tóc bạc, nên báo cho ta.

Trong vài ngày, trên đầu vua có tóc bạc, Kiếp-tỷ dùng nhíp vàng nhổ tóc bạc, để trên tay vua, vua thấy rồi bèn nói kệ:

Trên đầu của ta,
Sinh tóc bạc này,
Sứ thần đến gọi,
Đến thời vào đạo.
Vua nghĩ: "Ta đã hưởng ngũ dục tột đỉnh, nay nên xuất gia, cạo tóc, mặc pháp phục". Vua bèn gọi thái tử Thiện Tận bảo:

- Ta đã có tóc bạc, ta đã chán ngũ dục thế gian, nên tìm vui cõi Trời, nên cạo bỏ tâu tóc, mặc pháp phục, xuất gia học đạo. Nay ta đem việc nước giao cho con, chu cấp cho Kiếp-tỷ. Nếu khi có tóc bạc, Con nên đem việc nước giao cho thái tử rồi xuất gia học đạo. Này Con! Nay ta đem ngôi vị Thánh vương trao cho con, chớ để đoạn dứt; nếu đoạn dứt thì sẽ bị làm người ở biên địa".

Phật bảo A-nan:

- Vua Nhâm bèn đem việc nước trao cho thái tử, chu cấp ruộng đất cho Kiếp-tỷ, rồi ở nơi thành này xuống tóc, mặc pháp phục, xuất gia tu đạo. Sau khi vua tu đạo, trong bảy ngày xe báu, châu báu biến mất, voi, ngựa, ngọc nữ, điển binh, chủ tạng thảy đều không còn. Nhà vua ở trong vườn tám vạn

bốn ngàn năm, hành bốn Phạm hạnh Từ, Bi, Hỷ, Xả, sau khi mệnh chung, sanh lên Phạm thiên.

Sau đó vua Thiện Tận không theo nghiệp cha, bỏ phế Chánh pháp. Do đó bảy món báu không ứng hiện lại, không tiếp tục hạnh lành nên có năm điều tổn giảm: tuổi thọ dân chúng ngắn, sắc suy, lực kém, nhiều bệnh, không trí tuệ. Năm điều tổn giảm này đã có lại rồi chuyển thêm sang bần khốn. Do cùng khổ nên trộm cướp lẫn nhau, người ta đến vua thưa kiện:

- "Người này trộm cắp!"

Vua liền ra lệnh hành hình người trong nước. Nghe tội trộm cắp, vua liền đem giết, vì chứa điều ác nên có đao bén. Đao gươm từ đó bắt đầu chế tạo, do đây sát sanh khởi lên, đó là hai điều ác (trộm, sát) xuất hiện.

Kế lại dâm phạm vợ người, tranh cải với chồng người ấy, tự nói: "Tôi không có!" bèn thành ra bốn điều ác (đạo, sát, dâm, vọng). Nói đôi chiều gây nên đấu tranh là năm điều ác. Do gây gổ nên có chửi bới là sáu điều ác. Lời nói không thật là bảy điều ác. Ganh ghét sự hòa hợp của người là tám điều ác. Giận hờn đổi sắc là chín điều ác. Lòng nghi loạn là mười điều ác. Mười điều ác đã đủ thì sự tổn giảm càng tăng.

Phật bảo A-nan:

- Muốn biết vua Đại thiên lúc đó ở vào Hiền kiếp ban đầu là ai chăng? Chính là Ta vậy! A-nan Vua sau cùng của tám vạn bốn ngàn triều vua tên là Nhâm, trị nước đoan chánh, chính là Thầy vậy. Vua sau chót tên Thiện Tận bạo nghịch vô đạo, làm đoạn dứt dòng Thánh vương ấy, chính là Điều Đạt.

A-nan! Thầy ở thời quá khứ, kế thừa sự nghiệp lành của Chuyển luân Thánh vương Đại Thiên, khiến ngôi vị lưu truyền không dứt, là công đức của Thầy, đúng pháp chẳng phi pháp. A-nan! Nay Ta là Pháp vương vô thượng, đem pháp lành vô thượng ân cần trao phó cho Thầy. Thầy là con dòng Thích, chớ làm người biên địa, chớ làm hạnh đoạn chủng.

A-nan bạch Phật:

- Vì cớ gì làm hạnh đoạn chủng?

Phật bảo A-nan:

- Vua Đại Thiên tuy làm pháp lành nhưng chưa được lậu tận xuất thế gian, chưa được độ, chưa được đoạn dục, chưa phá hai mươi mốt kiết sử, sáu mươi kiến chưa trừ, ba cấu chưa sạch, chưa được thần thông, chưa được chơn đạo giải thoát, chưa được Niết-bàn. Vua Đại Thiên làm pháp lành, bất quá chỉ sanh lên Phạm thiên.

A-nan! Nay Ta nói pháp vô vi là pháp Ta được đến bờ chân thật trên cõi Trời, Người. Pháp Ta vô lậu, vô dục, diệt độ, thần thông, giải thoát, Sa-môn chơn thật đến Niết-bàn. A-nan! Nay Ta đem đạo pháp Vô thượng ân cần trao phó cho Thầy, chớ làm giảm pháp của Ta, chớ làm người biên địa. A-nan! Nếu có hiện hạnh Thanh văn; nếu có người đoạn dứt pháp này thì đó là người biên địa. Nếu người hay làm hưng thạnh pháp này là trưởng tử Phật, tức là thành tựu quyến thuộc, chớ làm hạnh diệt dòng tộc. A-nan! Pháp của Ta đã nói ra trước sau đều giao phó cho Thầy. Thầy nên học điều này!

A-nan nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có bốn tội nhân lớn ở trong địa ngục. Thế nào là bốn? Mạt-khư-lê là đại tội nhân. Tỳ-kheo Đế-xá là đại tội nhân, Đề-bà-đạt-đa là đại tội nhân, Tỳ-kheo Cù-ba-ly là đại tội nhân.

Tội nhân Mạt-khư-lê thân phát ra lửa dài sáu mươi khuỷu tay. Tội nhân Đế- xá thân phát lửa dài bốn mươi khuỷu tay. Tội nhân Đề-bà-đạt-đa thân phát lửa dài ba mươi khuỷu tay. Tội nhân Cù-ba-ly thân phát lửa dài hai mươi khuỷu tay.

Này Tỳ-kheo! Nên biết Mạt-khư-lê dạy vô số chúng sanh khiến làm việc tà kiến điên đảo, chấp có chấp không. Kẻ ngu Đế-xá làm đoạn dứt hạt giống Thánh không còn sót. Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa gây rối loạn chúng Tăng, giết Tỳ-kheo-ni đắc A-la-hán. Tội nhân

Cù-ba-ly phỉ báng Xá-lợi-phất, Mục- kiền-liên.

Lại nữa, tội nhân Mạt-khư-lê dạy vô số chúng sanh làm tà kiến, thân hoại mạng chung đọa vào địa ngục Diệm Quang. Tội nhân Đế-xá làm đoạn dứt hạt giống Thánh không còn sót, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục Đẳng Hại. Tội nhân Đề-bà-đạt-đa khởi tâm mưu hại đối với Như Lai, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục A-tỳ. Tội nhân Cù-ba-ly do phỉ báng Xá- lợi-phất, Mục-kiền-liên, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục Bát-đầu-ma.

Khi ấy tội nhân Mạt-khư-lê bị ngục tốt rút lưỡi, vặn cổ ra sau. Vì sao thế? Do ngày trước dạy vô số chúng sanh khiến làm tà kiến. Đại tội nhân Đế-xá bị ngục tốt mổ xẻ thân hình, đổ nước sông nóng bắt nuốt. Vì sao cháy tiêu bụng, đem hoàn sắt nóng bắt nuốt.Vì sao thế? Do ông ấy đoạn dứt hạt giống Thánh chúng. Tội nhân Đề-bà-đạt-đa bị bánh xe sắt nóng nghiền nát thân thể, lại có chày sắt đập trên thân, bầy voi dữ chà đạp trên thân, lại có núi sắt nóng lớn đè trên mặt, toàn thân bị lá đồng nóng quấn chặt. Vì sao thế? Do ngày trước ông ấy gây rối trong chúng, phá hòa hợp Tăng, nên phải bị bánh xe sắt nghiến đứt đầu. Lại, kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa xúi thái tử làm hại phụ vương do quả báo ấy nên bị chày sắt đập nát thân thể. Lại, kẻ ngu Đề-bà-đạt- đa cho voi uống rượu say đến hại Như Lai, do quả báo ấy bị bầy voi dữ chà đạp thân thể. Lại, kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa leo lên núi Kỳ-xà-quật vác đá ném Phật, do quả báo ấy nên khiến núi sắt nóng đè trên mặt. Kẻ ngu Đề-bà-đạt-đa giết Tỳ-kheo-ni đắc A-la-hán, do quả báo ấy nên lá đồng nóng quấn thân. Tỳ-kheo nên biết, tội nhân Cù-ba-ly ở trong địa ngục Liên Hoa, có một ngàn trâu kéo cày trên lưỡi. Vì sao thế? Vì đã phỉ báng Xá-lợi-phất, Mục-kiền-liên, do quả báo này có một ngàn trâu kéo cày nát lưỡi.

Lại tội nhân Mạt-khư-lê, thân phát ra lửa dài sáu mươi khuỷu tay. Nếu có chúng sanh khởi lên ý niệm này: "Ta có thể cứu tế làm lợi ích người này" mà lấy nước bốn biển cao bốn mươi khuỷu tay rưới trên thân người ấy thì sau đó nước biển liền cạn hết mà lửa không giảm. Cũng như một chiếc lá sắc bị thiêu đốt đã bốn ngày, có người dùng bốn giọt nước rưới lên, nước lập tức rút mất. Đây cũng như thế, nếu có người đem nước bốn biển lớn rưới lên thân tội nhân, muốn cho được an lạc thì rốt cuộc không kết quả. Vì sao thế? Vì tội kẻ ấy quá sâu nặng.

Tội nhân Đế-xá thân phát ra lửa dài bốn mươi khuỷu tay. Giả sử có chúng sanh thương xót người này, đem nước trong ba biển lớn rưới trên thân thì nước biển liền khô cạn, lửa không tắt, cũng như người rưới ba giọt nước lên sắt nóng, nước liền cạn khô không đọng lại. Đây cũng lại như vậy, nếu đem

nước của ba biển lớn rưới trên thân Đế-xá, nước liền cạn mất mà lửa vẫn y nhiên.

Tội nhân Đề-bà-đạt-đa thân phát ra lửa dài ba mươi khủy tay. Nếu có chúng sanh khởi lòng thương xót, muốn làm cho Đề-bà-đạt-đa được an ổn lâu dài, đem nước của hai biển lớn rưới trên thân ông ta thì nước liền cạn mất, lửa không tắt. Cũng như rưới hai giọt nước trên lá sắt nóng, trọn không kết quả. Với tội nhân Đề-bà-đạt-đa cũng lại như thế, đem nước của hai biển lớn rưới trên thân, nước liền rút mất còn lửa không giảm. Thân thể của Đề-bà-đạt-đa khổ đau như thế.

Tội nhân Cù-ba-ly thân phát ra lửa dài hai mươi khuỷu tay. Nếu có chúng sanh thương xót người này, đem nước một biển lớn rưới lên thân thì nước biển kia liền rút mà lửa vẫn cháy. Cũng như rưới một giọt nước lên lá sắt nóng, nược cạn khô không đọng lại. Với tội nhân Cù-ba-ly cũng lại như vậy, do tội báo lôi kéo nên chịu tội như vậy.

Các Tỳ-kheo! Bốn hạng người này thọ tội rất nặng, các Thầy nên hết lòng xa lìa sự khổ hoạn này, tuân theo các bậc Hiền Thánh tu Phạm hạnh. Như thế, này các Tỳ-kheo nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta biết rõ về địa ngục, cũng biết con đường dẫn đến địa ngục, cũng biết cội gốc của chúng sanh trong địa ngục ấy. Nếu có chúng sanh làm các hạnh ác không lành thì thân hoại mệnh chung rơi vào địa ngục. Ta cũng biết điều này.

Lại này các Tỳ-kheo! Ta cũng biết rõ về súc sanh, cũng biết con đường dẫn đến súc sanh, cũng biết cội gốc của súc sanh kẻ làm các hạnh ác sanh trong ấy, Ta cũng đều biết rõ.

Ta cũng biết con đường ngạ quỷ, có người làm các điều ác sanh trong ngạ quỷ, Ta cũng biết điều đó.

Nay Ta cũng biết con đường cõi Người, dẫn đến loài Người. Có chúng sanh được thân Người, Ta cũng biết.

Ta cũng biết con đường dẫn đến cõi Trời, có chúng sanh làm các cội đức lành sanh lên cõi Trời, Ta cũng biết điều đó.

Ta cũng biết đường dẫn đến Niết-bàn. Có chúng sanh chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, ở trong pháp hiện tại được chứng quả, Ta cũng biết điều đó.

Tỳ-kheo nên biết! Ta biết đường dẫn đến địa ngục. Do nhân duyên gì mà Ta nói lời này?

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nay Ta quán sát tâm ý chúng sanh, biết rằng người này thân hoại mạng chung phải đọa địa ngục. Sau đó, Ta thấy người này đã vào địa ngục, chịu khổ não đau đớn khảo tra vô số, lo buồn khổ não không thể tính kể. Cũng như có một hầm lửa lớn không có bụi khói, giả sử có người đi trên chỗ ấy lại có người có mắt quán sát lối đi của người kia, biết chắc sẽ rơi vào lửa không sai, và sau đó thấy người này rớt vào hầm lửa. Ta nói rằng người này đã rơi vào hầm lửa. Nay Ta quán sát tâm ý nghĩ nhớ của chúng sanh, biết chắc chắn chúng sanh ấy sẽ rơi vào địa ngục không nghi. Sau đó, Ta quán sát

người này, nhất định vào địa ngục chịu khổ cay đắng không thể tính kể. Vì sao người ấy rơi vào địa ngục? Đó là xem xét chúng sanh thú hướng địa ngục, làm các hạnh ác, nghiệp chẳng lành, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục, Ta đều biết rõ. Điều Ta nói chính là điều này.

Ta biết con đường súc sanh, cũng biết đường dẫn đến súc sanh. Do cội gốc nhân duyên nào mà nói như thế? Ở đây, này các Tỳ-kheo, Ta quán sát ý niệm trong tâm chúng sanh, biết người này thân hoại mạng chung sanh vào trong lúc sanh. Sau đó, Ta thấy người ấy đã sanh vào đường súc sanh, lo buồn khổ não không thể tính kể. Vì sao người này rơi vào súc sanh? Cũng như làng xóm có một hầm xí đầy phần tiểu, giả sử có người đi qua chỗ đó, người có mắt nhìn thấy người đi qua nơi ấy, biết người này không bao lâu sẽ rơi vào hầm ấy, biết người này không bao lâu sẽ rơi vào hầm xí. Sau đó thấy người ấy đã rơi vào hầm xí. Nay Ta quán sát chúng sanh cũng lại như thế,

biết người này mạng chung phải đọa vào súc sanh, sau đó lại thấy đã sanh trong súc sanh chịu khổ vô lượng. Nay Ta quán sát chúng sanh trong súc sanh thảy đều rõ ràng. Điều Ta nói chính là điều này.

Ta cũng biết chúng sanh trong đường ngạ quỷ, con đường hướng ngạ quỷ. Ai thân hoại mạng chung sanh vào ngạ quỷ, Ta cũng biết. Có chúng sanh thân hoại mạng chung hướng về đường ngạ quỷ, Ta đều biết rõ. Thời gian sau, Ta cũng thấy chúng sanh ấy đã vào đường ngạ quỷ chịu khổ thọ lạc thọ. Vì sao người này lại rơi vào đường ngạ quỷ? Ví như bên cạnh làng xóm lớn có một đại thọ, ở chỗ nguy hiểm cành nhánh rớt gãy, giả sử có người đi qua nơi đó, người có mắt xa thấy người ấy, biết đi qua nơi đó, người có mắt xa thấy người ấy, biết đi qua chỗ đại thọ không nghi, sau lại thấy người này hoặc ngồi hoặc nằm chỗ gốc ấy, chịu báo khổ vui. Tại sao người này lại đến nằm ngồi dưới cây? Nay Ta quán sát các loài chúng sanh cũng lại như vậy, thân hoại mạng chung ắt đến ngạ quỷ không nghi, thọ báo khổ lạc không thể tính kể. Ta biết ngạ quỷ và con đường dẫn đến ngạ quỷ, Ta đều biết rõ ràng. Điều Ta nói chính là điều này.

Ta biết cõi Người, cũng biết con đường dẫn đến cõi Người. Có người hành động thân hoại mạng chung sanh trong cõi Người, Ta cũng biết đó. Ở đây, này Tỳ-kheo! Ta quán sát ý niệm trong tâm chúng sanh. Người này chắc chắn khi thân hoại mạng chung sẽ sanh vào loài Người. Sau đó, Ta lại thấy người ấy đã sanh trong loài Người. Vì sao người này sanh trong loài Người? Cũng như bên xóm làng có một cây lớn, ở chỗ bằng phẳng nhiều bóng mát. Có người đi thẳng đến đó. Người có mắt thấy rồi liền biết rằng, hướng đi của người này ắt đến cây lớn không nghi. Sau đó, Ta thấy người này đã đến cây lớn hưởng vui vô lượng. Vì sao người này đến được chỗ ấy? Đây cũng như thế. Ta quán sát tâm chúng sanh trong loài Người không nghi. Thời gian sau Ta lại thấy người này đã sanh trong loài người được vui vô lượng. Ta biết cõi Người, cũng biết con đường làm người, nay sanh cõi Người Ta cũng biết. Điều Ta nói chính là điều này.

Ta cũng biết cõi Trời, biết con đường dẫn đến cõi Trời. Có chúng sanh tạo công đức sanh cõi Trời, Ta cũng biết. Do nhân duyên gì mà nói như thế? Nay Ta quán sát ý niệm trong tâm của các loài chúng sanh. Người này khi thân hoại mạng chung chắc chắn sẽ

sanh cõi lành, cõi Trời. Sau đó Ta thấy người ấy thân hoại mạng chung sanh cõi lành trên trời, ở đó hưởng phước tự nhiên vui sướng không thể sánh. Đó gọi là người ấy đã sanh cõi Trời, ở đó hưởng phước tự nhiên vui sướng không thể bì. Cũng như bên xóm làng có một giảng đường cao rộng đẹp đẽ, chạm trổ hình ảnh, treo các phan lọng,

nước thơm rưới đất, trải các tòa ngồi tốt đẹp, đệm gấm, thảm thêu mịn màng. Nếu có người thẳng một đường đi đến, người có mắt thấy hướng đi, biết người này chắc chắn sẽ đến giảng đường cao rộng ấy, không nghi. Sau đó, lại thấy người này đã đến giảng đường, hoặc ngồi hoặc nằm, ở trong đó hưởng phước vui sướng không thể sánh. Đây cũng như thế, nay Ta quán sát các loại chúng sanh thân hoại mạng chung sẽ sanh cõi Trời, ở nơi đó hưởng khoái lạc không thể tính kể. Vì sao người ấy sanh lên cõi Trời, ở nơi đó hưởng khoái lạc không thể tính kể. Vì sao người ấy sanh lên cõi lành trên Trời? Ta biết cõi Trời và con đường dẫn đến cõi Trời. Điều Ta nói chính là điều này.

Nay Ta biết Niết-bàn, cũng biết con đường Niết-bàn, cũng biết chúng sanh sẽ nhập Niết-bàn. Hoặc có chúng sanh chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, hiện thân thủ chứng mà tự du hóa, Ta đều biết rõ. Do nhân duyên gì mà nói như thế? Ở đây, này Tỳ-kheo! Ta quán sát ý niệm trong tâm chúng sanh duyên gì mà nói như thế? Ở đây, này Tỳ-kheo! Ta quán sát ý niệm trong tâm chúng sanh. Người này chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát. Đó gọi là người này đã chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu. Cũng như cách làng xóm không xa, có một ao lớn nước trong mát, nếu có người thẳng một đường đến đó. Người có mắt xa thấy người ấy đến, biết người này chắc chắn sẽ đến ao nước không nghi. Lại sau đó, thấy người ấy đã đến ao nước tắm gội, trừ bỏ các thứ dơ bẩn, bụi bặm, ngồi một bên, cũng không tranh cãi với người. Nay Ta quán sát chúng sanh cũng lại như thế, chấm dứt hữu lậu, thành tựu vô lậu, tâm giải thoát, trí tuệ giải thoát, sanh tử đã dứt, Phạm hạnh đã lập, việc phải làm đã làm xong, biết như thật về danh sắc. Đó gọi là người ấy đã đến nơi. Ta biết con đường Niết-bàn, cũng biết chúng sanh nhập Niết-bàn, thảy đều biết rõ.

Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác có trí này, sức vô úy đầy đủ, thảy đều thành tựu đầy đủ. Trí của Như Lai không hạn lượng, Như Lai có thể quán sát sự việc ở quá khứ không hạn lượng, không thể tính, thảy đều biết rõ, việc tương lai, hiện tại không hạn lượng, thảy đều phân biệt.

Cho nên, này Tỳ-kheo! Nên tìm phương tiện để thành tựu đầy đủ mười sức vô úy. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm:

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nương nơi núi Tuyết có đại thọ rất to lớn, năm thứ rộng lớn. Thế nào là năm? Gốc rất vững chắc, vỏ rất dày, cành nhánh dài xa, bóng mát che trùm, lá rậm rạp. Các Tỳ-kheo! Đó là trên núi Tuyết có cây to lớn này rất xanh tốt.

Nay thiện nam tử, thiện nữ nhơn cũng lại như thế, nương nhà hào tộc được năm việc tăng trưởng lợi ích. Thế nào là năm? Là tăng trưởng lợi ích về tín, tăng trưởng lợi ích về giới, tăng trưởng lợi ích về văn, tăng trưởng lợi ích về thí, tăng trưởng lợi ích về tuệ.

Tỳ-kheo! Đó gọi là thiện nam tử, thiện nữ nhơn nương nơi nhà hào tộc, thành tựu được năm việc này. Cho nên, Tỳ-kheo nên tìm phương tiện thành tựu về tín, giới, văn, thí, tuệ.

Thế Tôn liền nói kệ:

Cũng như cây núi tuyết,
Thành tựu năm công đức,
Gốc, vỏ, nhánh dày rộng,
Bóng mát, lá râm rạp,
Thiện nam tử tín tâm,
Thành tựu năm công đức,
Tín, giới,văn, bố thí,
Trí tuệ cùng tăng trưởng.
Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần cùng các Tỳ-kheo-ni đi dạo chơi, các Tỳ-kheo-ni cũng thích cùng dạo chơi với Thầy. Có dân chúng cơ hiềm về Tỳ-kheo Mậu-la-phá-quần, khi ấy các Tỳ-kheo-ni rất giận tức buồn lo không vui. Nếu lại có người hủy nhục các Tỳ-kheo-ni, lúc ấy, Tỳ-kheo Phá-quần cũng lo buồn không vui. Bấy giờ có nhiều Tỳ-kheo bảo Tỳ-kheo Phá-quần:

- Nay vì sao Thầy lại thân cận với các Tỳ-kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni cũng giao tiếp với Thầy?

Phá-quần đáp:

- Nay tôi hiểu rõ lời dạy của Như Lai, ai phạm giới dâm tội rất ít.

Các Tỳ-kheo lại bảo:

- Thôi, thôi, Tỳ-kheo! Chớ nói lời ấy, chớ phỉ báng lời dạy của Như Lai. Người phỉ báng lời dạy của Như Lai, tội không ít. Lại nữa, Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói về sự ô uế của dâm dục. Người nào tập theo dâm dục mà không tội, trọn không có lý. Nay Thầy

nên bỏ ác kiến này, sẽ bị khổ lâu dài, vô lượng.

Nhưng tỳ-kheo Phá-quần, cứ giao thiệp với các Tỳ-kheo-ni, không sửa đổi. Bấy giờ, nhiều Tỳ-kheo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy và bạch:

- Trong thành Xá-vệ có một Tỳ-kheo tên Phá-quần, giao tiếp với các Tỳ- kheo-ni. Các Tỳ-kheo-ni cũng giao tiếp qua lại với Tỳ-kheo Phá-quần. Chúng con đến đó khuyên dụ sửa đổi hành động, song hai người ấy còn tăng thêm, không bỏ kiến pháp điên đảo, cũng không thuận theo Chánh pháp.

Bấy giờ, Phật bảo một Tỳ-kheo:

- Thầy hãy đến chỗ Tỳ-kheo Phá-quần nói rằng Như Lai gọi:

Tỳ-kheo vâng lời Phật dạy, liền đến chỗ Tỳ-kheo Phá-quần nói:

- Thầy nên biết Như Lai gọi.

Tỳ-kheo Phá-quần nghe lời Thầy Tỳ-kheo nọ, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy lui ngồi một bên.

Thế Tôn hỏi:

- Có thật Thầy thân cận với các Tỳ-kheo-ni không?

Tỳ-kheo Phá-quần thưa:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn.

Phật bảo:

- Thầy là Tỳ-kheo, vì sao lại giao thiệp với Tỳ-kheo-ni? Thầy này là dòng dõi hào tộc, cạo bỏ râu tóc, mặc ba y, có phải do lòng tin vững chắc xuất gia học đạo chăng?

Phá-quần bạch Phật:

- Thưa vâng, Thế Tôn! Con nhà hào tộc, do lòng tin vững chắc xuất gia học đạo.

Phật bảo:

- Chẳng phải là pháp của Thầy, tại sao lại giao thiệp với Tỳ-kheo-ni?

Phá-quần bạch Phật:

- Con nghe Như Lai dạy rằng người nào làm theo hạnh dâm, tội ấy không đáng kể.

Phật bảo:

- Thầy là người ngu. Vì sao nói Như Lai dạy rằng theo dâm dục không tội? Ta dùng vô số phương tiện nói sự nhơ uế của dâm dục. Nay tại sao Thầy nói lời này: "Như Lai nói dâm dục không tội". Thầy nên khéo giữ miệng, đừng để mang tội báo lâu dài.

Phật bảo:

- Nay Thầy hãy chờ, Ta sẽ hỏi lại các Tỳ-kheo: Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy có nghe Ta dạy các Tỳ-kheo rằng dâm dục không tội chăng?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Thưa Thế Tôn! Không nghe Như Lai nói dâm dục không tội. Vì sao thế? Như Lai dùng vô số phương tiện nói sự nhơ uế của dâm dục. Nếu nói không tội, việc ấy không đúng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Lành thay, lành thay, các Tỳ-kheo! Như các Thầy nói, Ta dùng vô số phương tiện nói sự nhơ uế của dâm dục.

Phật lại bảo các Tỳ-kheo:

- Các Thầy nên biết! Nếu có người ngu tụng tập theo pháp hành như là Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Kệ, Nhân duyên, Bổn sự, Thí dụ, Bốn sanh, Phương đẳng, Vị Tằng hữu, Tự thuyết, Luận nghị. Tuy tụng tập pháp ấy mà không hiểu nghĩa lý. Do không quán sát nghĩa lý cũng không thuận theo pháp ấy nên pháp đáng tuân theo lại không theo. Sở dĩ tụng pháp ấy chỉ buông lung muốn cạnh tranh cùng người, ý toan tính hơn thua, cũng không tự mình được lợi ích. Người ấy tụng pháp rồi ắt phạm cấm chế. Cũng như có người ra khỏi làng, muốn tìm bắt rắn độc. Khi thấy rắn to lớn đến nơi người ấy dùng tay trái nắm đuôi rắn, rắn bèn quay đầu mổ vào tay, do nhân duyên này mà người ấy mạng chung. Đây cũng như thế, có người ngu tụng tập kinh pháp, mười hai bộ kinh đều biết, lại không quán sát nghĩa lý các kinh. Vì sao thế? Vì không biết rốt ráo nghĩa của Chánh pháp.

Có thiện nam tử, giữ gìn tụng tập kinh pháp như Khế kinh, Kỳ-dạ, Thọ ký, Kệ, Nhân duyên, Bổn sự, Thí dụ, Bốn sanh, Phương đẳng, Vị tằng hữu, Tự thuyết, Luận nghị. Người ấy tụng đọc rồi, lại hiểu sâu ý nghĩa; do hiểu sâu ý nghĩa kinh pháp, thuận theo lời dạy không sai trái. Sở dĩ tụng đọc thì không đem tâm hơn thua, cạnh tranh với người khác mà tụng đọc kinh pháp là muốn tự mình tu có lợi ích. Sở dĩ tụng đọc kinh pháp muốn đạt kết quả bổn nguyện. Do nhân duyên này, dần dần đến Niết-bàn. Cũng như có người ra khỏi làng xóm kia, muốn bắt rắn độc. Người ấy thấy rắn rồi, tay cầm kềm sắt trước tiên kẹp đầu rắn, sau mới nắm chắc cổ rắn, không cho nhúc nhích. Nếu như rắn độc quay đuôi muốn hại người ấy thì trọn không thể được. Vì sao thế? Tỳ-kheo! Vì do người ấy nắm cổ rắn. Thiện nam tử này cũng lại như vậy, tụng đọc khắp các kinh pháp, quán sát ý nghĩa, thuận theo kinh pháp,

trọn không sai trái, do nhân duyên này, dần dần được Niết-bàn. Vì sao thế? Do người kia giữ gìn Chánh pháp vậy.

Cho nên, này các Tỳ-kheo! Người nào hiểu ý nghĩa của Ta nói, nên ghi nhớ vâng làm, ai không hiểu nên trở lại hỏi Ta. Như Lai còn đang hiện tiền, để sau hối hận vô ích.

Bấy giờ Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu có Tỳ-kheo ở trong đại chúng nói lời thế này: "Giới cấm Như Lai đã nói ra, tôi thảy đều biết rõ, ai tập theo dâm dục tội không đáng kể". Các Tỳ- kheo nên nói với Tỳ-kheo ấy rằng: "Thôi, thôi! Chớ nói lời ấy. Chớ phỉ báng Như Lai mà nói năng như thế này. Như Lai trọn không nói lời ấy". Nếu Tỳ- kheo ấy sửa đổi thì tốt, nếu không sửa đổi

sẽ bị đọa. Nếu có Tỳ-kheo che giấu việc này không phát lộ ra, mọi người đều đọa.

Này các Tỳ-kheo! Đó là cấm giới của Ta.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu đến chỗ Thế Tôn, cùng hỏi thăm và lui ngồi một bên. Phạm chí Sanh Lậu bạch Phật:

- Có bao nhiêu kiếp quá khứ?

Phật bảo Phạm chí:

- Các kiếp ở quá khứ không thể tính kể.

Phạm chí bạch Phật:

- Có thể tính kể số ấy chăng? Sa-môn Cù-đàm thường nói về ba đời. Thế nào là ba? Là quá khứ, hiện tại, tương lai. Sa-môn Cù-đàm cũng biết về các đời quá khứ, tương lai, hiện tại. Cúi xin Sa-môn diễn nói về ý nghĩa kiếp số.

Phật bảo Phạm chí:

- Nếu Ta nói về kiếp này, lại tiếp theo kiếp này thì Ta diệt độ. Ông cũng mạng chung mà vẫn không biết ý nghĩa của kiếp số. Vì sao thế? Ngày nay thọ mạng của người ngắn ngủi, sống lâu tột cùng không hơn trăm tuổi. Tính số kiếp trong trăm năm ấy, thì Ta diệt độ, Ông đã mạng chung, trọn không biết được nghĩa của kiếp số.

Phạm chí nên biết! Như Lai cũng có trí này, biết hết, phân biệt đầy đủ về kiếp số, thọ mạng chúng sanh dài ngắn, hưởng sự khổ vui, thảy đều rành rẽ. Nay Ta sẽ nêu thí dụ cho Ông, người có trí do thí dụ mà hiểu. Cũng như số cát sông Hằng, cũng không giới hạn, không lường, không thể tính toán; số của kiếp quá khứ như thế, không thể tính kể, không hạn lượng.

Phạm chí bạch Phật:

- Có bao nhiêu kiếp số về tương lai?

Phật bảo Phạm chí:

- Cũng như số cát sông Hằng không có bờ mé, không thể tính kể, chẳng toán số nào theo kịp

Phạm chí lại hỏi Phật:

- Có kiếp hiện tại, kiếp thành, kiếp hoại chăng?

Phật bảo Phạm chí:

- Có kiếp thành, kiếp hoại, chẳng phải là một kiếp, trăm kiếp. Cũng như cái chén để ở chỗ gập ghềnh không an toàn, nếu có đứng yên cũng bị chao động. Các thế giới phương vức cũng bị chao động, hoặc có kiếp thành, hoặc có kiếp hoại, Số ấy cũng không thể tính kể là bao nhiêu kiếp thành, là bao nhiêu kiếp hoại. Vì sao như thế? Vì sanh tử dài xa không có giới hạn, chúng sanh do vô minh đan kết ngăn che, trôi nổi từ đời này sang đời sau, từ đời trước đến đời này, chịu khổ não lâu dài. Nên chán ngán hoạn này, xa lìa khổ não này. Cho nên, Phạm chí, nên học như thế.

Phạm chí Sanh Lậu bạch Phật:

- Sa-môn Cù-đàm thật kỳ đặc, biết ý nghĩa của số kiếp quá khứ, hiện tại, tương lai. Nay con tự quy y Sa-môn Cù-đàm, cúi xin Sa-môn Cù-đàm nhận con làm Ưu-bà-tắc, suốt đời không sát sanh ... không uống rượu.

Bấy giờ Phạm chí Sanh Lậu nghe lời Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở Thành La-duyệt, núi Kỳ-xà-quật, cùng chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Khi ấy, có một Tỳ-kheo bạch Phật:

- Kiếp số có bờ mé chăng?

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Có phương tiện dẫn dụ, nhưng kiếp số không cùng tận. Về quá khứ lâu xa trong Hiền kiếp này, có đức Phật ra đời hiệu Câu-lưu-tôn, Chí Chơn Đẳng Chánh giác. Bấy giờ núi Kỳ-xà-quật này có tánh hiệu, lúc đó nhân dân trong thành La-duyệt, leo lên núi Kỳ-xà-quật này, bốn ngày bốn đêm mới tới đỉnh.

Lại nữa, này Tỳ-kheo! Vào thời đức Phật Câu-na-hàm-nâu-ni, núi Kỳ-xà- quật này cũng có tánh hiệu. Khi ấy, nhân dân trong thành La-duyệt leo ba ngày ba đêm tới đỉnh núi.

Đức Như Lai Ca-diếp xuất hiện ở đời, núi Kỳ-xà-quật này cũng có tánh hiệu. Khi ấy nhân dân trong thành La-duyệt leo hai ngày hai đêm tới đỉnh.

Như Ta ngày nay, Phật Thích-ca Văn xuất hiện ở đời, núi này tên Kỳ-xà- quật, trong khoảnh khắc lên tới đỉnh núi.

Nếu Phật Di-lặc ra đời, núi này cũng tên là Kỳ-xà-quật. Vì sao thế? Vì thần lực của chư Phật khiến núi này tồn tại.

Tỳ-kheo, nên do phương tiện này biết, kiếp số suy tận không thể tính kể. Kiếp có hai thứ, đại kiếp và tiểu kiếp. Nếu trong kiếp ấy không có Phật ra

đời, bấy giờ có Bích-chi Phật ra đời, đó là tiểu kiếp. Nếu Như Lai xuất hiện ở kiếp nào, kiếp đó không có Bích-chi Phật xuất hiện, đây gọi là đại kiếp.

Tỳ-kheo! Do phương tiện này biết là kiếp số lâu dài không thể tính kể. Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên nhớ ý nghĩa của kiếp số này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

LI. Phẩm Phi thường 1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc. Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào, Tỳ-kheo các Thầy lưu chuyển sanh tử trải qua bao khổ não, trong đó buồn khóc nước mắt rơi là nhiều chăng? Hay nước sông Hằng nhiều?

Các Tỳ-kheo đến trước bạch Phật:

- Chúng con khi quan sát ý nghĩa câu nói của Như Lai, trải qua sanh tử, nước mắt rơi khi buồn khóc nhiều hơn nước sông Hằng.

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Lành thay, lành thay! Các Tỳ-kheo! Như các thầy nói không khác. Các Thầy ở trong sanh tử, nước mắt nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao thế? Ở trong sanh tử, cũng vì phụ mẫu mạng chung, khi ấy khóc lóc không thể tính kể. Lâu dài cha con, chị em, vợ con, ngũ thân và các quyến thuộc ân ái thương nhớ khóc lóc không thể tính kể.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên chán họa sanh tử, xa lìa pháp ấy. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Khi Phật nói pháp này, có sáu mươi Tỳ-kheo được lậu tận ý giải.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Thế nào, Tỳ-kheo các Thầy, ở trong sanh tử thân thể hủy hoại, máu chảy có nhiều chăng? Hay nước sông Hằng nhiều?

Các Tỳ-kheo bạch Phật :

- Như chúng con quan sát lời nói của Như Lai, máu chảy nhiều hơn nước sông Hằng.

Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Lành thay, lành thay, các Tỳ-kheo! Như các Thầy nói, máu chảy nhiều hơn nước sông Hằng. Vì sao như thế? Ở trong sanh tử, hoặc làm bò, dê, heo, chó, ngựa, chim thú và vô số các loài khác nhau, trải qua khổ não. Thật đáng chán họa hoạn, nên nghĩ xa lìa. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Khi đức Thế Tôn nói pháp này, có sáu mươi Tỳ-kheo được lậu tận ý giải.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Nên tư duy về tưởng vô thường, lưu bố rộng tưởng vô thường. Đã tư duy tưởng vô thường, luu bố rộng tưởng vô thường thì sẽ đoạn sạch hết dục ái, sắc ái, vô sắc ái, vô minh, kiêu mạn thảy đều trừ hết. Cũng như đem lửa đốt cây cỏ cháy sạch không còn sót, Tỳ-kheo nên biết, nếu tư duy về tưởng vô thường, lưu bố rộng tưởng vô thường thì sẽ đoạn dứt hết ái trước trong ba cõi. Xưa có quốc vương tên Thanh Tịnh Âm Hưởng thống lãnh cõi Diêm-

phù-đề, có tám vạn bốn ngàn thành ấp, có tám vạn tám đại thần, có tám vạn bốn ngàn cung nhơn thể nữ, mỗi thể nữ có bốn người hầu hạ. Đại vương Âm Hưởng không có con nối dõi. Đại vương bèn nghĩ: 'Nay ta thống lãnh quốc gia này, dùng pháp cai trị không cong vạy. Nhưng nay ta không người kế tục, nếu ta chết, sau đó dòng tộc sẽ đoạn diệt'. Nhà vua do nhân duyên cầu con, nên tự quy y chư thiên long, Quỷ thần, nhật nguyệt tinh tú, tự quy y Thích Phạm, Tứ thiên vương, sơn thần, thọ thần, dưới đến các thần thảo mộc, hoa quả, xin cầu được phước khiến vua sanh con.

Bấy giờ, nơi cung trời Ba mươi ba có một Thiên tử tên Tu-bồ-đề, mạng sống sắp hết, có năm điềm ứng tự đến ép ngặt thân. Thế nào là năm? Hoa của chư Thiên trọn không héo, Thiên tử này hoa đội đầu cũng héo. Y phục chư Thiên không có bụi nhơ, y phục của Thiên tử này sanh bụi nhơ. Hơn nữa, thân thể của chư Thiên cõi trời Ba mươi ba thơm sạch, ánh sáng chói lòa, bấy giờ thân của Thiên tử này hôi dơ không thể đến gần. Lại chư Thiên cõi trời Ba mươi ba thường có ngọc nữ vây quanh trước sau, ca hát đờn địch ngũ dục tự do vui thích, Thiên tử này mệnh sắp hết, các ngọc nữ ly tán. Lại, chư Thiên cõi trời Ba mươi ba có tòa ngồi tự nhiên ấn sâu vào đất bốn thước, khi chư Thiên đứng lên, tòa rời đất bốn thước, song Thiên tử này sắp mạng chung nên không thích tòa của mình. Đó gọi là năm điềm ứng hiện tự nhiên bứt ngặt.

Khi thiên tử Tu-bồ-đề do những điềm ứng này, Thích-đề-hoàn-nhân bảo một Thiên tử:

- Ông hãy đến cõi Diêm-phù, bảo với vua Âm Hưởng rằng: 'Thích-đề-hoàn- nhân hỏi thăm Đại vương, ngồi nằm khinh an, đi đứng mạnh khỏe. Cõi Diêm-phù-đề không có người đức độ để làm con Đại vương, nay cõi trời Ba mươi ba có một Thiên tử tên Tu-bồ-đề, có năm điều ứng hiện tự nhiên bức bách trên thân, chắc sẽ giáng thần làm con Đại vương, tuy thế vào lúc tuổi thanh niên cường tráng, chắc sẽ xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng'

Vị Thiên tử ấy đáp:

- 'Thưa vâng ! Đại vương'.

Thiên tử ấy vâng lời dạy của Đế Thích, trong khoảng lực sĩ duỗi tay, từ cõi Ba mươi ba ẩn, đến cõi Diêm-phù. Bấy giờ vua Âm Hưởng đang ở trên lầu cao, cùng với một người cầm lọng che. Khi ấy, Thiên tử kia ở trên lầu, nơi hư không bảo nhà vua:

- 'Thích-đề-hoàn-nhân kính lời thăm Đại vương, dạo đi mạnh khỏe, ngồi đứng khinh an. Cõi Diêm-phù không có người đức độ để làm con Đại vương, nay cõi trời Ba mươi ba có vị Thiên tử tên Tu-bồ-đề, nay có năm điềm ứng bức ngặt nơi thân, sẽ giáng thần làm con Đại vương. Nhưng vào tuổi thanh niên ắt sẽ xuất gia học đạo, tu Phạm hạnh vô thượng'.

Vua Âm Hưởng nghe lời ấy rồi, vui mừng phấn khởi không thể tự kềm, liền bảo vị Thiên tử kia:

- 'Nay đến đây bảo cho như vậy, thật hạnh phúc vô cùng. Xin cứ giáng hạ làm con tôi, muốn cầu xuất gia thì tôi trọn không trái ý'.

Vị thiên tử kia trở về chỗ Thích-đề-hoàn-nhân, liền thưa rằng:

- 'Vua Âm Hưởng rất vui mừng. Và thưa lại rằng: 'Xin cứ giáng thần, nếu muốn xuất gia thì tôi trọn không trái ý'.

Thích-đề-hoàn-nhân bèn qua chỗ Thiên tử Tu-bồ-đề, bảo thiên tử Tu-bồ-đề:

- 'Nay Ông nên phát nguyện sanh vào cung của vua Âm Hưởng. Vì sao thế ? Vua Âm Hưởng không có thái tử, thường dùng Chánh pháp trị dân. Xưa Ông có phước, tạo các công đức, nay nên giáng thần sanh vào cung vua ấy'.

Thiên tử Tu-bồ-đề thưa:

- 'Thôi, thôi, Thiên vương! Tôi không thích nguyện sanh trong cung vua cõi Người, ý tôi muốn xuất gia học đạo, ở trong cung vua học đạo rất khó'.

Thích-đề-hoàn-nhân bảo:

- 'Ông nên phát nguyện sanh trong cung vua ấy, Ta sẽ ủng hộ cho Ông được xuất gia học đạo'.

Tỳ-kheo nên biết! Khi ấy Thiên-tử Tu-bồ-đề liền phát thệ nguyện sanh trong cung vua. Vua Âm Hưởng cùng đệ nhất phu nhân giao tiếp nhau, phu nhân biết mình mang thai, bèn thưa cùng vua Âm Hưởng:

- 'Đại vương nên biết ! Nay tôi biết có mang thai'.

Vua nghe rồi, vui mừng hớn hở, liền đem nệm quý báu, trải tòa ngồi tốt đẹp, dùng món ăn ngon cho phu nhân như vua không khác. Trải qua tám chín tháng, phu nhân sanh một hoàng nam rất đoan chánh, dung mạo phi thường ít có trong đời. Vua Âm Hưởng cho mời các ngoại đạo Phạm chí, quần thần bảo xem tướng, vua đem đầu đuôi mọi việc trình bày hết cho các tướng sư.

Các Bà-la-môn tâu bày:

- 'Xin thưa Đại vương, theo lý lẽ này thì nay sanh Thái tử rất đặc biệt trong đời, xưa làm Thiên tử tên Tu-bồ-đề, nay y theo tên cũ cũng gọi là Tu-bồ-đề'.

Các tướng sư đặt tên hiệu rồi, liền rời chỗ ngồi lui ra.

Vương tử Tu-bồ-đề, được vua thương mến không hề rời mắt. Vua Âm Hưởng bèn khởi nghĩ: 'Ta xưa nay không có con, vì muốn cầu con nên lễ bái chư Thiên, để được con. Trải qua bao lâu nay mới sanh thái tử. Song Thiên đế có dự báo, thái tử sẽ xuất gia học đạo. Nay ta phải tìm chước khéo để thái tử đừng xuất gia học đạo'.

Khi ấy, vua Âm Hưởng vì thái tử mà thiết lập cung điện ba mùa, mùa đông lập cung điện ấm, mùa hạ lập cung điện mát, mùa không lạnh không nóng lập cung điện thích hợp. Vua lại lập nên bốn cung cho cung nữ ở, cung thứ nhất có sáu vạn thể nữ, cung thứ hai có sáu vạn thể nữ, cung thứ ba có sáu vạn thể nữ, cung thứ tư có sáu vạn thể nữ. Có bốn thị tùng cung cấp ngoài tòa ngồi cho thái tử. Nếu thái tử Tu-bồ-đề muốn đạo chơi phía trước, các thể nữ liền đứng hầu ở trước, lúc ấy sàng tòa di chuyển theo thân mình, phía trước có sáu vạn thể nữ và bốn thị gia. Nếu ý Thái tử muốn dạo chơi phía sau, thì sàng tòa tùy theo thân di chuyển. Nếu thái tử muốn vui chơi cùng các thể nữ, lúc ấy sàng tòa cũng tùy thân di chuyển, khiến cho thái tử Tu-bồ- đề ý đắm trong ngũ dục không thích xuất gia.

Khi ấy Thích-đề hoàn-nhân vào lúc nửa đêm vắng người, liền đến chỗ vương tử Tu-bồ-đề, ở trên hư không bảo:

- 'Vương tử! Ngày xưa Vương tử có khởi ý niệm này chăng? Rằng 'nếu ta ở nhà, lúc tuổi tráng niên sẽ xuất gia học đạo'; ngày nay vì sao vui trong ngũ dục, ý lại không nguyện xuất gia học đạo? Ta cũng có lời rằng sẽ khuyến khích vương tử khiến xuất gia học đạo. Nay chính đúng lúc, nếu không xuất gia học đạo, sau hối hận vô ích'

Thích-đề-hoàn-nhân nói lời ấy rồi liền lui đi.

Vương tử Tu-bồ-đề ở trong cung bèn khởi nghĩ: 'Vua cha đã vì ta làm lớp lưới ái dục, vì lưới ái dục này nên không xuất gia học đạo được. Nay ta phải đoạn dứt lưới này, không để cho uế trượt câu dắt, dùng lòng tin kiên cố xuất gia học đạo, ở chỗ vắng, siêng học kinh khiến cho ngày thêm tiến'.

Vương tử lại khởi ý này: 'Phụ vương Âm Hưởng cho sáu vạn thể nữ vây quanh trước sau. Nay ta nên quan sát có lý nào tồn tại vĩnh viễn ở thế gian chăng? 'Khi ấy Vương tử quan sát khắp trong cung, không có người nữ nào tồn tại lâu ở thế gian. Tu-bồ-đề lại khởi niệm này: 'Nay cớ gì ta quan sát ngoại vật ? Nên quan sát trong thân, nhân duyên khởi lên. Nay trong thân này có những thứ thuộc về tóc, lông, răng, móng, xương, tủy được tồn tại lâu chăng?' Vương tử quan sát từ đầu đến chân ba mươi sáu vật ô uế bất tịnh, do tự quan sát thấy rằng không một chút gì có thể tham đắm, cũng không có gì chân thật, toàn là huyễn ngụy, đều trở về không, không tồn tại lâu cả đời.

Vương tử Tu-bồ-đề bèn khởi ý niệm: 'Nay ta sẽ cắt đứt lớp lưới này, xuất gia học đạo'. Khi đó Tu-bồ-đề quán thâm năm thọ ấm này: Đây là sắc khổ, đây là sắc tập, đây là sắc diệt, đây là sắc xuất yếu. Thọ, tưởng, hành, thức đều khổ cho đến thức tập, thức diệt,

thức xuất yếu. Quán thân năm thọ ấm này rồi, những pháp tập đều là pháp tận. Tu-bồ-đề liền ở chỗ ngồi được thành Bích chi Phật. Lúc đó, đức Bích-chi Phật Tu-bồ-đề do giác thành Phật, bèn nói kệ:

Ta biết cội gốc dục,
Ý do tư tưởng sanh
Ta không nhớ nghĩ dục,
Ắt dục không có mặt.
Đức Bích-chi Phật nói kệ này rồi, bay trên hư không mà đi, đến một ngọn núi ngồi dưới cội cây, nơi vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn.

Bấy giờ vua Âm hưởng bảo các cận thần:

- 'Ông đến nội cung của vương tử Tu-bồ-đề xem vương tử có vui chơi an ổn chăng!'

Đại thần vâng lệnh vua, liền đi qua nội cung của vương tử, song nội thất đóng chắc chắn. Đại thần bèn trở về, tâu vua:

- 'Vương tử ngủ say an ổn, cửa cung đóng chắc chắn'.

Nhà vua lại ba phen bảo:

- 'Ông hãy qua xem vương tử có ngủ ngon chăng!'

Đại thần lại đi đến cửa cung, song cửa cài chắc, lại trở về tâu vua:

- 'Vương tử ở trong cung ngủ say không hay biết, cửa đóng kín đến giờ chưa mở'.

Khi ấy vua Âm Hưởng lại khởi niệm: 'Vương tử con ta khi nhỏ còn chẳng ngủ say, huống gì ngày nay tráng niên sung thạnh lại ngủ say ư ? Nên tự sang xem biết con lành dữ, con ta có tật bệnh gì chăng!' Nhà vua liền sang đến nội cung của Tu-bồ-đề, đến ngoài cửa bảo một người:

- 'Ông thử trèo tường vào cung mở cửa cho ta'.

Người ấy vâng lệnh vua bèn trèo qua tường, vào cung mở cửa cho nhà vua. Vua vào xem xét trong cung, thấy giường nằm trống không chẳng có vương tử, bèn hỏi thể nữ:

- 'Vương tử Tu-bồ-đề, hiện giờ ở đâu?'

Các thể nữ tâu:

- 'Chúng tôi cũng không biết vương tử ở đâu'.

Vua Âm Hưởng nghe lời ấy, ngã xuống đất giây lâu mới tỉnh. Vua bèn bảo quần thần:

- 'Con ta khi còn nhỏ sang ý niệm rằng: 'Khi lớn lên sẽ cạo bỏ râu tóc, mặc ba pháp y, do lòng tin kiên cố xuất gia học đạo'. Nay chắc vương tử đã bỏ ta, xuất gia học đạo. Các ông nên đi bốn phía tìm kiếm vương tử xem ở đâu'.

Tức thời quần thần cỡi xa mã rong ruổi nơi nơi tìm kiếm . Bấy giờ có một đạo thần đi đến núi đó, giữa đường bèn khởi nghĩ: 'Nếu vương tử Tu-bồ-đề xuất gia học đạo, chắc sẽ ở đây học đạo'. Đại thần xa thấy vương tử Tu-bồ-

đề ngồi kiết-già dưới một cội cây. Đại thần ấy bèn nghĩ : 'Đây chính là vương tử Tu-bồ-đề'. Đại thần nhìn kỹ, quan sát rồi trở về chỗ vua tâu rằng :

- 'Vương tử Tu-bồ-đề ở gần đây, ngồi kiết-già dưới gốc cây trong núi'.

Vua Âm Hưởng nghe nói, liền đi đến núi đó, xa thấy Tu-bồ-đề ngồi kiết-già dưới gốc cây trong núi, vua lại ngã xuống đất: 'Con ta khi xưa tự thệ nguyện đến năm hai mươi tuổi sẽ xuất gia học đạo; nay đã không lầm. Lại Thiên đế có bảo: 'Con Đại vương chắc sẽ học đạo'.

Khi ấy vua Âm Hưởng đến thẳng trước mặt Tu-bồ-đề bảo:

- 'Nay Con vì cớ gì bỏ ta mà xuất gia học đạo?'

Bích-chi Phật im lặng không đáp.

Vua lại bảo:

- 'Mẹ con rất lo buồn, đợi gặp con mới ăn, nên đứng lên đi về cung'.

Bích-chi Phật cũng không nói không rằng, ngồi im lặng. Vua Âm Hưởng bước tới nắm tay cũng không lay động. Vua liền bảo quần thần:

- 'Vương tử đã chết. Trước đây Thích-đề-hoàn-nhân có đến bảo ta rằng: 'Đại vương được con, nhưng sẽ xuất gia học đạo'. Nay vương tử xuất gia học đạo, nay nên đem xá-lợi này về cõi nước hoát mình'.

Đang lúc chuẩn bị thiêu, các thần trong núi hiện nửa thân hình tâu nhà vua:

- 'Đây là Phật Bích-chi, không phải là vương tử, pháp thiêu xá-lợi không phải như pháp thiêu vương tử. Vì sao thế? Tôi là đệ tử cửa chư Phật quá khứ, chư Phật có dạy thế này: Ở đời có bốn hạng người nên xây tháp. Thế nào là bốn? Bậc Như Lai chí Chơn Đăng Chánh Giác nên xây tháp; Bích-chi Phật nên xây tháp, bậc A-la-hán lậu tận, đệ tử của Như Lai nên xây tháp, hàng Chuyển luân Thánh Vương nên xây tháp. Khi hỏa thiêu thân Chuyển luân Thánh vương cũng như hỏa thiêu thân Phật và thân Bích-chi Phật không khác'.

Vua Âm Hưởng hỏi Thiên:

- 'Nên cúng dường và hỏa thiêu thân Chuyển luân Thánh vương thế nào?'

Thọ thần bảo:

- 'Thân Chuyển luân Thánh vương nên làm kim quan bằng sát, dùng dầu thơm rửa thân Chuyển luân Thánh vương, rồi dùng vải trắng quấn quanh thân, vải gấm thêu bọc bên ngoài, đặt vào kim quan, đậy nắp quan bằng sắt, đóng đinh cẩn thận. Lại dùng một trăm lớp vải trắng bao quanh kim quan, rưới các thứ nước thơm trên chỗ đất ấy kim quan đặt vào giữa, cúng dường hương hoa bảy ngày bảy đêm, treo phan lọng, đánh kỹ nhạc. Sau bảy ngày mới đem thiêu, nhặt xá-lợi rồi trải qua bảy ngày bảy đêm cúng dường không ngớt. Xây tháp tại ngã tư đường, dùng các thứ hương hoa, phan lọng cúng dường.

Đại vương nên biết! Cúng dường xá-lợi của Chuyển luân Thánh vương, việc ấy như thế. Đối với các đức Phật, các vị Bích-chi Phật và A-la hán cũng lại như thế'.

Vua Âm Hưởng bảo Thiên thần:

- 'Do nhân duyên gì cúng dường thân Chuyển luân Thánh vương? Do nhân duyên gì cúng dường thân Phật, thân Bích-chi Phật, thân A-la hán?'.

Thiên thần bảo:

-Chuyển luân Thánh vương dùng cai trị, tự mình không sát sanh, lại dạy người khác không sát sanh; tự chẳng lấy trộm, lại dạy người khác không lấy trộm; tự mình không dâm dục, lại dạy người khác không xâm phạm vợ người; tự mình không nói dối, ỷ ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt khiến đôi bên đấu tranh, ganh ghét, sân, si; ý mình chuyên chánh, thường hánh chánh kiến, cũng khiến người khác tập theo chánh kiến. Đại vương! Do nhân duyên này nên xây tháp thờ Chuyển luân Thánh vương'.

Vua lại hỏi Thiên thần.

- 'Do nhân duyên gì nên xây tháp đối với bậc A-la hán lậu tận?'

Thiên thần bảo:

- 'Hàng Tỳ-kheo lậu tận A-la hán, dục ái đã dứt, sân nhuế ngu si đã trừ, đã vượt qua hữu lậu đến chỗ vô vi, là ruộng tốt, bạn lành của thế gian. Do nhân duyên ấy nên xây tháp đối với bậc A-la hán lậu tận'.

Vua lại hỏi:

- 'Do nhân duyên gì nên xây tháp đối với đức Phật Bích-chi?'.

Thiên thần bảo:

- 'Đức Bích-chi Phật không thầy tự ngộ, ra đời rất hiếm; được pháp báo hiện tại ra khỏi đường ác, khiến người sanh cõi Trời. Do nhân duyên ấy, nên xây tháp đối với Bích- chi Phật'.

Vua lại hỏi:

- 'Do nhân duyên gì nên xây tháp cho Như Lai?'

Thiên thần bảo:

- 'Như Lai đầy đủ mười lực. Mười lực này chẳng phải Bích-chi, Thanh văn sánh kịp, Chuyển luân Thánh vương không sánh kịp, hạng ngu si ở thế gian không sánh kịp. Như Lai với người không được độ khiến cho được độ, người không giải thoát khiến cho giải thoát, người chưa nhập Niết-bàn khiến cho được Niết-bàn, che chở con người không ai cứu hộ, làm mắt cho người mù, làm bậc đại y vương cho người đau. Trời, Người, Ma và Thiên ma đều sùng phụng, rất đáng kính đánh quý. Xoay nẻo ác thành đường lành. Đại vương! Do nhân duyên ấy nên xây tháp đối với Như Lai. Đại vương! Do nhân duyên gốc ngọn này, mà đối với bốn hạng người nên xây tháp'.

Vua Âm Hưởng bảo vị thần:

- 'Lành thay, lành thay, Thiên thần! Nay tôi vâng lời dạy khiến cúng dường xá-lợi này như cúng dường Bích-chi Phật.

Bấy giờ vua Âm Hưởng bảo mọi người:

- 'Các ông nên đưa xá-lợi của đức Bích-chi phật Tu-bồ-đề về nước'.

Quần thần nghe lệnh vua rồi, đưa thân Phật lên giường vàng trở về nước.

Khi ấy, vua Âm Hưởng ra lệnh làm kim quan, dùng dầu thơm tắm gội thân Bích-chi Phật, dùng vải trắng quấn quanh thân Phật, lại dùng gấm thêu tốt đẹp phủ bên ngoài; đặt thân vào kim quan, đậy nắp sắt, đóng đinh thật chắc chắn, dùng trăm lớp vải trắng bao quanh kim quan, rưới các hương thơm, đặt kim quan vào giữa; bảy ngày bảy đêm cúng dường hương hoa, sau bảy ngày đêm bén hỏa thiêu và nhặt xá-lợi của ngài; lại đánh kỹ nhạc cúng dường thêm bảy đêm; nơi ngã tư đường xây tháp, đem hoa hương, tràng phan, lọng dù, đánh kỹ nhạc để cúng dường tháp.

Tỳ-kheo nên biết! Nếu có chúng sanh nào cung kính cúng dường xá-lợi của Bích-chi Phật, sau khi mạng chng bèn sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Có chúng sanh suy nghĩ về tưởng vô thường, sẽ vượt khỏi ba đường ác, sanh trong cõi Trời, Người.

Này các Tỳ-kheo! Các Thầy chớ thấy thế. Vua Âm Hưởng lúc ấy đâu phải ai lạ, chính là thân Ta.

Người tư duy về tưởng vô thường được nhiều lợi ích. Nay Ta quán sát nghĩa này rồi, bảo các Tỳ-kheo nên suy nghĩ về tưởng vô thường, lưu bố rộng tưởng vô thường. Do suy nghĩ tưởng vô thường, lưu bố rộng tưởng vô thường, liền được đoạn tận dục ái, sắc ái, vô sắc ái, vô minh kiêu mạn vĩnh viễn không thừa sót; cũng như dùng lửa đốt vỏ cây. Như trong giảng đường cao rộng tốt đẹp cửa nẻo mở rộng, không có vật gì. Tỳ-kheo tư duy về tưởng vô thường cũng lại như thế, đoạn dứt dục ái, sắc ái, vô sắc ái, vĩnh viễn không thừa sót. Cho nên, các Tỳ-kheo nên đem hết tâm ý đừng để trái mất.

Khi Phật nói pháp này, có sáu mươi Tỳ-kheo ngay tại chỗ được lậu tận ý giải.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Nếu các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không đoạn dứt năm điều ngăn che trong tâm, không trừ năm kết trong tâm thì Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy trong đêm ngày, với pháp lành diệt mà không tăng thêm lợi ích.

Thế nào là Tỳ-kheo không đoạn dứt năm điều ngăn che? Ở đây, Tỳ-kheo có tâm hồ nghi đối với Như Lai, không được giải thoát, không vào Chánh pháp, tâm người ấy không ở

nơi tụng đọc. Đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn dứt tâm ngăn che.

Lại, Tỳ-kheo có tâm nghi đối với Chánh pháp, cũng không giải thoát, không thâm nhập Chánh pháp, người ấy không đọc tụng. Đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn dứt tâm ngăn che.

Lại, Tỳ-kheo có tâm nghi đối với Thánh chúng, cũng không giảả thoát, không có ý hướng hòa hợp với chúng, cũng không ở trong pháp đạo phẩm. Đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn dứt tâm ngăn che.

Lại nữa, Tỳ-kheo phạm cấm giới không tự hối quá, đã phạm cấm giới không tự sửa đổi, cũng không để tâm vào trong đạo phẩm. Đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn dứt tâm ngăn che.

Lại nữa, Tỳ-kheo tâm ý không định mà tu Phạm hạnh, nghĩ: 'Ta do đức của Phạm hạnh được sanh cõi Trời như các thần tiên'. Vì Tỳ-kheo ấy do tâm hạnh này tu Phạm hạnh nên tâm không chuyên chánh trong đạo phẩm, tâm đã không ở trong đạo phẩm. Đó gọi là không đoạn dứt điều ngăn che trong tâm.

Như thế gọi là Tỳ-kheo không đoạn năm điều ngăn che trong tâm.

Thế nào gọi là Tỳ-kheo không đoạn dứt trừ năm kết? Ở đây, Tỳ-kheo tâm giải đãi không tìm cầu phương tiện. Tỳ Kheo ấy đã có giải đãi không tìm cầu phương tiện nên đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm kết.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường quên nhiều, tham ngủ nghỉ. Tỳ-kheo ấy do ưa quên nhiều, tham ngủ nghỉ nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn tâm kết thứ hai.

Lại nữa, Tỳ-kheo ý không định, thường có nhiều rối loạn. Tâm Tỳ-kheo ấy đã loạn, không định nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm kết thứ ba.

Lại nữa, Tỳ-kheo căn không định. Tỳ kheo ấy đã căn không định nên gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm kết thứ tư.

Lại nữa, Tỳ-kheo thường thích chỗ chợ búa, không ở chỗ vắng vẻ. Đó gọi là Tỳ-kheo không đoạn trừ tâm kết thứ năm.

Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni có năm điều ngăn che trong tâm không dứt, năm kết trong tâm không trừ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy trong đêm ngày pháp lành đoạn tuyệt, không được tăng ích. Cũng như gà mẹ có tám hoặc mười hai trứng, không tùy thời ấp ủ, săn sóc, không tùy thời giữ gìn. Gà mẹ ấy tuy nghĩ rằng: 'Muốn các con được an toàn, không hư hại'. Song các gà con rốt cuộc không an ổn. Vì sao thế? Đều do không tùy thời giữ gìn nên như vậy, sau trứng ấy bị hỏng không thành gà con. Đây cũng như thế, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-khèo-ni, năm tâm kết không đoạn, năm tâm ngăn che không trừ, trong đêm ngày thiện pháp bị diệt không tăng ích. Nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, tâm năm kết đoạn, tâm năm ngăn che trừ, trong đêm ngày pháp lành tăng ích không bị tổn giảm. Cũng như gà có tám hoặc mười hai trứng, tùy thời giữ gìn, tùy thời săn sóc, tùy thời ấp ủ. Dù cho gà mẹ có ý niệm: 'Muốn con ta hoàn toàn không thành tựu', các gà con tự nhiên thành tựu an ổn. Vì sao thế ? Vì tùy thời săn sóc khiến được vô sự, khi ấy các gà con đúng lúc ra khỏi vỏ. Đây cũng như thế, nếu Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni năm điều ngăn che

trong tâm đoạn dứt, tâm năm kết trừ, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni ấy ở trong đêm ngày pháp lành tăng ích, không tổn giảm.

Cho nên Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên phát sanh tâm không do dự hồ nghi đối với Phật, không do dự hồ nghi với Pháp, với chúng Tăng, đầy đủ giới luật, tâm ý chuyên chánh không tán loạn, cũng không khởi ý trông mong pháp khác, cũng không cầu may mà tu Phạm hạnh, nghĩ rằng : 'Ta sẽ dùng pháp này được thân Trời thần diệu tôn quý'.

Nếu có Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni không hồ nghi do dự đối với Phật, Pháp, Thánh chúng, cũng không phạm giới, không để lọt mất; nay Ta bảo các Thấy, căn dặn phó chúc các Thầy rằng Tỳ-kheo ấy sẽ hướng đến hai đường hoạc sanh cõi Trời hoặc trong loài Người. Cũng như người ở trong chỗ rất nóng, lại thêm đói khát, gặp được chỗ mát mẻ, được suối mát, nước uống, người ấy tuy nghĩ rằng : 'Ta gặp nước trong mát để uống cũng không hết khát'. Nhưng người ấy đã dứt hết nóng bức, trừ được đói khát. Đây cũng như thế, nếu Tỳ- kheo, Tỳ-kheo-ni không do dự hồ nghi đối với Như Lai, Tỳ-kheo ấy liền hướng đến hai nơi, hoặc sanh cõi Trời hoặc trong loài Người.

Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni nên tìm phương tiện đoạn trừ năm điều ngăn che, dứt năm kết trong tâm. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy :

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Có lúc uy thế của nhà vua không trùm khắp, đạo tặc nổi lên. Đạo tặc đã dấy thì thôn xóm, gia đình, thành ấp, nhân dân đều bại vong, hoặc gặp đói khát mà chết. Nếu chúng sanh nào chết trong lúc đói khát, thì sẽ rơi vào ba đường ác.

Nay Tỳ-kheo tinh tấn cũng lại như thế. Nếu người trì giới giảm thiểu, bấy giờ Tỳ-kheo ác nổi dậy. Tỳ-kheo ấy đã dấy lên thì Chánh pháp dần dần suy, phi pháp đã tăng, chúng sanh trong ấy đều rơi trong ba đường ác.

Nếu khi ấy uy thế nhà vua lại lan xa thì đạo tặc đều ẩn núp. Uy thế nhà vua đã vang xa thì làng xóm, thành ấp, nhân dân đông đúc. Nay Tỳ-kheo tinh tấn cũng lại như thế. Nếu người trì giới đầy đủ thì bấy giờ Tỳ-kheo phạm giới giảm thiểu, Chánh pháp hưng thạnh, phi pháp suy giảm. Trong đó, chúng sanh sau khi mạng chung đều sanh lên cõi Trời, cõi Người.

Cho nên, này các Tỳ-kheo, nên nhớ đầy đủ giới luật, oai nghi lễ độ, đừng để khuyết giảm. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy :

Một thời đức Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Chẳng thà thường ngủ nghỉ chứ không ở trong lúc tỉnh táo tư duy loạn tưởng, thân hoại mạng chung rơi vào đường ác. Chẳng thà dùng dùi sắt nóng nung vào mắt chứ không do nhìn màu sắc mà khởi loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng bị thức đánh bại, Tỳ-kheo đã bị thức đánh bại, ắt sẽ rơi vào ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Vì vậy nay Ta nói như thế.

Người ấy thà ngủ nghỉ chứ không ở trong lúc tỉnh táo mà tư duy loạn tưởng. Thà dùng dùi bén đâm lủng lỗ tai chứ không vì nghe tiếng mà khởi loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng bị thức đánh bại.

Thà thường ngủ nghỉ chứ không ở trong lúc tỉnh táo mà khởi loạn tưởng. Thà dùng kềm nóng làm đứt lỗ mũi chứ không do ngửi mùi, mà khởi loạn tưởng. Tỳ-kheo khởi tưởng bị thức đánh bại. Đã bị thức đánh bại sẽ rơi trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Điều Ta nói chính là điều này.

Thà dùng kiếm bén cắt đứt lưỡi chứ không nói lời ác, mắng chửi để rơi trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Thà thường ngủ nghỉ chứ không ở lúc tỉnh táo mà khởi loạn tưởng. Thà dùng lá đồng nóng quấn thân chứ không giao tiếp với các người nữ, trưởng giả, cư sĩ, Bà-la-môn. Nếu cùng họ giao tiếp nói năng qua lại, ắt sẽ rơi trong ba đường ác địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Điều Ta nói chính là điều này

Thà thường ngủ nghỉ chứ không ở lúc tỉnh táo mà có ý tưởng muốn phá hoại Thánh chúng. Đã phá hoại Thánh chúng sẽ phạm vào tội năm nghịch, dù ngàn ức chư Phật cũng không thể cứu. Phàm người gây rối loạn trong chúng, ắt sẽ bị tội không thể cứu. Cho nên nay Ta nói, chẳng thà hay ngủ nghỉ chứ không nên khi tỉnh táo, ý khởi niệm muốn phá hoại Thánh chúng, chịu tội không thể cứu.

Cho nên, này Tỳ-kheo, nên giữ gìn sáu tình, đừng để rơi mất. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-để có bốn con trai không thừa sự Phật, Pháp, Thánh chúng, cũng chẳng tự quy mạng Phật, Pháp, Thánh chúng. Lúc ấy trưởng giả A-na-bân-để bảo bốn con trai:

- Các con nên tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng, sẽ được phước vô lượng lâu dài.

Các con thưa cha:

- Chúng con không kham quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

Trưởng giả A-nê-bân-để nói:

- Nay ta sẽ tặng mỗi con ngàn lượng vàng, nếu theo lời ta dạy quy y Phật, Pháp, Thánh chúng.

Các con thưa:

- Con không kham quy y Pháp, Phật, Thánh chúng.

Cha lại bảo:

- Cha tặng thêm mỗi con hai ngàn, ba ngàn, bốn ngàn, năm ngàn lượng vàng. Các con nên tự quy y hật, Pháp, Thánh chúng, được phước vô lượng lâu dài.

Các con nghe lời, im lặng nhận chịu. Các người con nói với trưởng giả A- na-bân-để:

- Chúng con làm thế nào để tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng?

Trưởng giả A-na-bân-để nói:

- Các con nên theo ta đến chỗ đức Thế Tôn. Nếu Thế Tôn có dạy bảo, các con nên ghi nhớ vâng theo.

Các con thưa cha:

- Đức Như Lai hiện nay ở đâu? Gần hay xa?

Người cha bảo:

- Nay đấng Như Lai Chí Chơn Đăng Chánh Giác hiện tại ở nước Xá-vệ, nghỉ trong vườn của ta.

Khi ấy, Trưởng giả A-na-bân-để dẫn bốn người con đến chỗ đức Thế Tôn, đến nơi cúi đầu lễ chân Phật, lui ngồi một bên. Trưởng giả bạch Phật:

- Nay bốn người con của con không tự quy y Phật, Pháp, Thánh chúng. Hôm nay con tặng mỗi đứa năm ngàn lượng vàng, khuyến khích chúng vâng theo Phật, Pháp, Thánh chúng. Cúi xin Thế Tôn vì chúng thuyết pháp, khiến được phước vô lượng lâu dài.

Bấy giờ, Thế Tôn vì bốn người con của trưởng giả, dần dần thuyết pháp khuyến khích cho hoan hỷ. Các con của trưởng giả nghe Phật thuyết pháp vui mừng phấn khởi không thể tự kềm, tự quỳ trước Phật, bạch rằng:

- Chúng con tự quy y với Thế Tôn, Chánh pháp, Thánh chúng. Từ nay về sau chúng con không còn sát sanh,... không uống rượu.

Bạch như thế ba lần. Trưởng giả A-na-bân-để bạch Thế Tôn:

- Nếu có người đem tài vật cho người, khiến thừa sự Phật. Phước ấy thế nào?

Thế Tôn bảo:

- Lành thay, lành thay! Trưởng giả hỏi như thế khiến người, Trời được an lạc, mới có thể hỏi Như Lai nghĩa này. Nên khéo suy nghĩ đó, Ta sẽ vì Ông nói:

Trưởng giả nghe lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

- Có bốn kho tàng lớn. Thế nào là bốn? Kho Thi-la-bát-long tại nước Càn- đà-vệ, đây là một kho tàng, vô số trân bảo chất đầy trong cung. Lại có kho tàng lớn ban-trù tại nước Mật-để-la, chứa chất trân bảo không thể tính kể. Lại có kho lớn Tần-già-la tại nước Tu-lại-sát, trân bảo tích tụ không thể tính kể. Lại có kho lớn Nhượng-khư tại nước Ba-la-nại, trân bảo tích tụ không thể tính kể.

Giả sử tất cả các nam nữ lớn nhỏ trong cõi Diêm-phù-đề mỗi người đều đến nhặt châu báu trong bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, kho Thi-la-bát trọn không giảm sút. Kho Ban-trù có người cũng đến lấy trong bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, không hao giảm. Kho Tần-già-la bốn năm, bốn tháng, bốn ngày mọi người đến lấy cũng không hao giảm. Kho lớn Nhượng-khư tại nước ba-la-nại, mọi người đến lấy trong bốn năm, bốn tháng, bốn ngày không hề sút giảm. Trưởng giả! Đó là bốn kho tàng lớn, nếu tất cả mọi nam nữ lão ấu của Diêm-phù-đề đều đến lấy châu báu, trải qua bốn năm, bốn tháng, bốn ngày, không hề giảm thiểu.

Về đời tương lai có đức Phật tên Di-lặc xuất hiện. Bấy giờ cõi nước tên Kê Đầu do vua cai trị, chiều Đông Tây mười hai do-tuần, chiều Nam Bắc mười hai do-tuần, nhân dân đông đảo, lúa thóc phì nhiêu. Cõi nước Kê-Đầu, chung quanh thành bảy lớp ao nước, mỗi ao rộng một do-tuần, cát vàng dưới đáy, các loài hoa bát-đấu-na, hoa câu-vật-đầu, hoa phân-đà-lợi đều mọc trong ao ấy. Nước ao màu vàng, màu bạc, màu thủy tinh, màu lưu ly. Nếu nước màu bạc thì ngưng đọng hóa thành bạc, nước màu vàng thì ngưng đọng hóa thành vàng, nước màu lưu ly thì ngưng đọng hóa thành lưu ly, nước màu thủy tinh thì ngưng đọng hóa thành thủy tinh.

Trưởng giả nên biết! Bấy giờ có bốn thành lớn, trong ao nước bạc làm cửa vàng, trong ao nước vàng làm cửa bạc, trong ao lưu ly làm cửa thủy tinh, trong ao thủy tinh làm cửa lưu ly.

Trưởng giả nên biết! Bấy giờ chung quanh thành Ke-Đầu treo linh, tiếng linh phát ra nghe như tiếng ngũ nhạc. Trong thành ấy thường có bảy thứ tiếng. Thế nào là bảy? Tiếng loa, tiếng trống, tiếng đờn cầm, tiếng trống nhỏ, tiếng trống tròn, tiếng trống da, tiếng ca múa là bảy.

Trong thành Kê-Đầu tự nhiên sanh một loại lúa dài ba tấc, rất thơm ngon có vị thù thắng hơn hết, vừa gặt liền sanh, không thấy dấu gặt. Bấy giờ có vua Nhượng-khư, dùng pháp cai trị, bảy báu đầy đủ.

Trưởng giả nên biết! Bấy giờ đại thần chủ tạng tên là Thiện Bảo, cao đức trí tuệ thiên nhãn thứ nhứt, biết hết thảy tất cả kho tàng báu, kho tàng có chủ thì tự nhiên giữ gìn, kho tàng vô chủ liền đem dâng vua. Khi ấy vua rồng Thi- la-bát, vua rồng Ban-trù, vua rồng Tần-già-la, vua rồng Nhượng-khư. Bốn quan chủ báu của các vua rồng trên đều đi đến chỗ quan chủ tạng Thiện Bảo, mà nói rằng:

- 'Nếu cần gì, chúng tôi sẽ cung cấp'

Khi ấy, bốn vua rồng nguyện dâng bốn kho tàng báu để cho đầy kho, quan chủ tạng Thiên Bảo liền lấy bốn kho báu dâng lên vua Nhượng-khư, châu báu, xe báu, vàng bạc tầng tầng.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Thi-la, tại Càn-đà
Ban-trù, tại Mật-để
Tần-già nước Tu-lại.
Nhượng-khư, nước Ba-nại.
Đây là bốn kho báu,
Các kho tàng đầy dẫy,
Lúc ấy liền xuất hiện,
Do công đức cảm nên.
Dâng lên bậc Thánh vương,
Vàng, bạc, báu, xe báu
Các thần đều ủng hộ
Trưởng giả thọ phước ấy.
Bấy giờ có Phật xuất thế hiệu Di-lặc, Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian giải, Vô Thượng sĩ, Điều Ngự Trượng phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn. Trưởng giả nên biết! Quan chủ tạng Thiện Bảo khi đó đâu phải người nào lạ. Chớ nghĩ thế ấy, Vì xao? Quan chủ tạng ấy là trưởng giả hiện nay.

Thuở ấy, vua Nhượng-khư dùng vàng bạc làm việc phước đức rộng rãi, cùng tám vạn bốn ngàn đại thần vây quanh trước sau, đến chỗ đức Phật Di-lặc xuất gia học đạo. Khi đó quan chủ tạng cũng làm việc phước đức rộng lớn, cũng sẽ xuất gia học đạo chấm dứt mé khổ. Đấy là do trưởng giả hướng dẫn bốn người con khiến tự quy Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng; do công đức này mà không rơi trong ba đường ác, cũng duyên nơi đức này được bốn kho tàng lớn; cũng do duyên này mà làm quan chủ tạng cho vua Nhượng-khư, ngay nơi đời ấy chấm dứt mé khổ. Vì sao thế? Quy y Phật, Pháp, Tăng công đức không thể lường. Người tự quy y phật, Pháp, Tăng được phước ấy như thế.

Cho nên, này trưởng giả, nên thương xót loài hữu tình, tìm phương tiện hướng về Phật, Pháp, Tăng . Như thế, Trưởng giả, nên học điều này.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-để hoan hỷ vui mừng không thể tự kềm, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, nhiễu quanh Phật ba vòng làm lễ rồi lui ra. Bốn người con cũng lại như thế .

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-để và bốn người con nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-để thân có bệnh nặng. Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi- phất dùng thiên nhãn thanh tịnh trong suốt, thấy trưởng giả A-na-bân-để đau nặng, liền bảo Tôn giả A-nan:

- Thầy đi với tôi đến chỗ trưởng giả A-na-bân-để thăm hỏi.

A-nan đáp:

- Nên biết đúng thời.

Bấy giờ, A-nan đến thời đắp y mang bát vào thành Xá-vệ khất thực, lần lượt đến nhà trưởng giả A-na-bân-để và vào tòa ngồi. Xá-lợi-phất ngồi trên tòa, hỏi trưởng giả A-na-bân-để:

Hôm nay bệnh của ông tăng hay giảm? Sự đau đớn có giảm bớt dần không? Tăng thêm không?

Trưởng giả thưa:

Nay bệnh của con có giảm rất ít, chỉ tăng chứ không giảm.

Xá-lợi-phất bảo:

- Như vậy, nay Trưởng giả nên nhớ đến Phật, là bậc Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện thệ, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật, Thế Tôn; cũng nên nghĩ nhớ Pháp, Pháp

của Như Lai rất là thâm sâu, đáng tôn đáng quý, không gì sánh bằng, là chỗ tu hành của Thánh chúng, cũng nên nhớ nghĩ đến Tăng chúng, chúng của Như Lai trên dưới thuận hòa, không tranh cãi, thành tựu các pháp. Thánh chúng giới thành tựu, tam muội thành tựu, trí tuệ thành tựu, giải thoát thành tựu, giải thoát tri kiến thành tựu. Tăng là các vị bốn đôi tám bậc. Đây gọi là Thánh chúng của Như Lai đáng tôn đáng quý, là phước điền vô thượng của thế gian. Trưởng giả! Nếu tu hành niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tang, đức ấy không thể tính kể, được vị cam lồ diệt tận. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhân nghĩ nhớ ba ngôi báu Phật, Pháp, Thánh chúng rồi mà rơi vào ba đường ác thì trọn không có lý ấy. Nếu thiện nam tử, thiện nữ nhơn tu niệm ba ngôi báu, ắt sẽ đến chỗ lành trong cõi Trời, cõi Người.

Lại nữa, Trưởng giả! Chớ khởi tưởng về sắc, cũng đừng y cứ sắc mà khởi thức. Chớ khởi về thanh, đừng y cứ vào thanh mà khởi thức. Chớ khởi về hương, đừng y cứ vào hương mà khởi thức. Chớ khởi về vị, đừng y cứ vào vị mà khởi thức. Chớ khởi xúc giác, đừng y cứ vào xúc mà khởi thức. Chớ khởi ái, đừng y cứ vào ái mà khởi thức. Vì sao thế? Vì duyên ái có thọ, duyên thọ có thủ, duyên thủ có hữu, duyên hữu có sanh tử, ưu bi khổ não không thể tính kể. Đây là, có năm thạnh ấm khổ này, không có ngã, nhơn, thọ mạng, sĩ phu, mầm móng của loài hữu tình.

Nếu khi mắt khởi, thời không biết chỗ đến, nếu mắt diệt thời diệt, không biết chỗ đi. Từ không mắt sinh, mắt có rồi mắt diệt, đều do các pháp nhân duyên hội họp. Pháp nhân duyên nghĩa là duyên đây mà có đây, không đây thì ắt không. Đó là vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập

duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên tử, tử duyên ưu bi khổ não không tính kể. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý cũng lại như vậy. Không có mà sanh, có rồi thì diệt; cũng không biết chỗ đến, cũng không biết chỗ đi; đều do các pháp nhân duyên hội họp. Này Trưởng giả! Đây gọi là hành không, pháp đệ nhất.

Bấy giờ Trưởng giả A-na-bân-để buồn khóc rơi lệ không ngừng. Tôn giả Xá-lợi-phất hỏi:

- Vì sao buồn khóc như thế?

Trưởng giả thưa:

- Con bị cảm vì từ xưa đến nay, con thừa sự đức Phật, và tôn kính chư Tỳ- kheo trưởng lão, cũng chưa được nghe pháp tôn trọng như thế, như lời chỉ dạy của Tôn giả Xá-lợi-phất.

Khi ấy, tôn giả A-nan bảo A-na-bân-để:

- Trưởng giả nên biết! Như Lai có dạy, thế gian có hai hạng người. Thế nào là hai? Một là biết vui, hai là biết khổ. Người tập vui là Tôn giả Da-du-đề (Tu-bồ-đề) con nhà hào tộc. Người tập khổ là Tỳ-kheo Bà-già-lê.

Lại này Trưởng giả! Tỳ-kheo Tu-bồ-đề giải không đệ nhất. Người được tín giải thoát là Tỳ-kheo Bà-già-lê. Này Trưởng giả! Người biết khổ, người biết vui, cả hai người tâm đều giải thoát, cả hai đều là đệ tử của Như Lai, không ai bằng. Do hai vị ấy không chết, không sanh, hai người siêng năng vâng lời Phật dạy không lười nhác bỏ qua. Chỉ vì tâm có tăng giảm, nên có người biết, người không biết. Như lời Trưởng giả nói: 'Con từ xưa đến nay thừa sự Phật, cung kính chư Tỳ-kheo trưởng lão, ban đầu chưa nghe được pháp tôn trọng như thế, như lời Tôn giả Xá-lợi-phất nói'. Tỳ-kheo Tu-bồ-đề quán sát nơi đất mà tâm được giải thoát. Tỳ-kheo Bà-già-lê quán sát nơi đạo tức thời tâm được giải thoát. Cho nên, này Trưởng giả, nên làm như Tỳ-kheo Bà-già- lê.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất thuyết pháp rộng cho Trưởng giả, khuyến khích khiến ông hoan hỷ, khiến phát tâm vô thượng. Xong rồi Tôn giả rời tòa đi.

Tôn giả Xá-lợi-phất và Tôn giả A-nan đi chưa bao lâu, giây lát trưởng giả A- na-bân- để mạng chung, liền sanh lên cõi trời Ba mươi ba. Khi ấy, Thiên tử A-na-bân-để có được năm công đức hơn các chư Thiên. Thế nào là năm? Là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, niềm vui trời, oai thần trời, ánh sáng trời. Thiên tử A-na-bân-để bèn khởi niệm: 'Nay ta được thân trời này đều do ân đức của Như Lai. Nay ta không nên vui chơi trong ngũ dục, trước hết nên đến chỗ Thế Tôn quỳ lạy hỏi thăm'.

Thiên tử A-na-bân-để dẫn chư Thiên vây quanh trước sau, đem các hoa trời rải trên thân Phật. Khi ấy đức Phật đang ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp cô Độc, thiên tử ấy ở trên hư không chấp tay hướng về đức Phật, và nói kệ:

Đây là vườn Kỳ-hoàn, Chúng tiên nhơn vui chơi,

Chỗ Pháp vương ngự trị, Nên phát tâm vui mừng.

Thiên tử A-na-bân-để nói kệ xong, đức Như Lai im lặng hứa khả, Thiên tử ấy bèn nghĩ: 'Như Lai đã mặc nhiên hứa khả, ta nên cả thần túc, ngồi một bên'. Thiên tử A-na-bân-để bạch Phật:

- Con là Tu-đạt, cũng có tên là A-na-bân-để mọi người biết rõ, là đệ tử của Như Lai, vâng lời dạy tôn thánh, nay mạng chung sanh lên trời Ba mươi ba.

Thế Tôn bảo:

- Ông do ân đức gì nay được thân Trời này?

Thiên tử bạch Phật:

- Nhờ oai lực của Thế Tôn, được thọ thân Trời.

Thiên tử A-na-bân-để lại dùng hoa trời rải trên thân Như Lai, cũng rải trên A-nan và Xá-lợi-phất, đi nhiễu quanh tinh xá Kỳ-hoàn bảy vòng, rồi ẩn không hiện.

Sáng ngày, Thế Tôn bảo A-nan:

- Đêm qua, có Thiên tử đến chỗ Ta, nói kệ:

Đây là vườn Kỳ hoàn,
Chúng tiên nhơn vui chơi,
Chỗ Pháp vương ngự trị,
Nên phát tâm vui mừng.
Thiên tử ấy đi nhiễu quanh vườn Kỳ-hoàn bảy vòng rồi đi. A-nan! Thầy biết Thiên tử ấy chăng?

A-nan bạch Phật:

- Chắc là Trưởng giả A-na-bân-để.

Phật bảo:

- Như lời Thầy nói. Lành thay! Thầy có thể dùng trí vi tri mà biết được thiên tử ấy. Vì sao? Đó là Thiên tử A-nan-bân-để.

A-nan bạch Phật:

- A-na-bân-để nay sanh cõi trời tên là gì?

Phật bảo:

- Cũng tên A-na-bân-để. Vì sao thế? Ngay hôm Thiên tử ấy sanh, chư thiên ai cũng nói: 'Thiên tử này khi ở cõi Người là đệ tử của Như Lai, thường đem tâm bình đẳng bố thí tất cả, cứu giúp kẻ cùng khổ thiếu thốn; làm công đức ấy rồi, nay là vị Trời ở cõi Ba mươi ba'. Vì thế này theo đó, tặng cho tên A- na-bân-để.

Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tỳ-kheo A-nan có công đức lớn, thành tựu trí tuệ. Tỳ-kheo A-nan hiện ở địa vị hữu học mà trí tuệ không ai bằng. Vì sao thế? Điều mà trí tuệ của A- la-hán biết, A-nan cũng

biết. Những điều nên học từ chư Phật quá khứ, A- nan đều biết rõ. Thời quá khứ có người vừa nghe liền biết rõ, như Tỳ-kheo A-nan của Ta hiện nay nhìn qua liền biết Như Lai cần điều này, không cần điều này. Đệ tử của chư Phật quá khứ nhập định mới biết được việc chưa rõ; ngày nay, Tỳ-kheo A-nan của Ta, vừa quán sát liền biết rõ.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Trong hàng Thanh văn của Ta, người học rộng biết nhiều, có sức dõng mãnh, tinh tấn, ý niệm không tán loạn, đa văn đệ nhất, kham nhậm làm việc là Tỳ-kheo A-nan.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Khi ấy, trưởng giả A-na-bân-để có con dâu tên Thiện Sanh, dung mạo đoan chánh, mặt như sắc hoa đào, là con gái quan đại thần của vua Ba-tư-nặc. Nàng ấy ỷ vào dòng họ, cậy gia thế vọng tộc, không cung kính mẹ chồng và chồng, cũng không thừa sự Phật, Pháp, Tỳ-kheo Tăng, cũng không kính phụng Ba ngôi báu.

Bấy giờ, trưởng giả A-na-bân-để đi đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu lễ chân Phật lui ngồi một bên. Trưởng giả bạch Phật:

- Con vừa cưới vợ cho con trai của con, cô ấy là con gái quan đại thần đệ nhất của vua Ba-tư-nặc, tự ỷ thị dòng họ vọng tộc mà không thừa tự Ba ngôi báu, trưởng lão tôn ti. Cúi xin Thế Tôn thuyết pháp cho con dâu ấy, khiến phát tâm hoan hỷ, mở rộng tâm ý.

Thế Tôn im lặng nhận lời. Trưởng giả lại bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn nhận lời con thỉnh cùng chúng Tỳ-kheo Tăng.

Trưởng giả thấy Như Lai đã im lặng thọ thỉnh, liền rời chỗ ngồi lễ Phật, nhiễu quanh ba vòng rồi đi. Trở về nhà, trưởng giả sắp đặt các thức ăn uống; trải nệm ngồi tốt đẹp và đến bạch Phật.

- Đúng thời, cúi xin Thế Tôn nhận lời con thỉnh. Thức ăn uống đã đủ.

Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau đến nhà trưởng giả, vào chỗ ngồi. Trưởng giả lại đem ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Thế Tôn bảo nàng Thiện Sanh:

- Này Trưởng giả nữ! Nên biết làm vợ có bốn cách. Thế nào là bốn? Có người vợ như mẹ, có người vợ như bạn thân, có người vợ như giặc, có người vợ như nô tỳ.

Nay Cô nên biết! Vợ như mẹ là tùy thời chăm sóc chồng, không để cho thiếu thốn, thừa sự cúng dường. Người ấy được sự ủng hộ của chư Thiên, dù Nhân hay Phi nhân không hại được, chết được sanh cõi trời. Đây gọi là người vợ như mẹ.

Thế nào là vợ như bạn thân? Này Trưởng giả nữ! Thấy chồng mà không có tâm tăng giảm, cùng chung khổ vui. Đó là người vợ như bạn thân.

Thế nào là vợ như giặc? Này Trưởng giả nữ! Nếu thấy chồng bèn ôm lòng sân giận, ghét chồng, không thừa sự cung kính lễ bái, thấy chồng mà muốn hại, tâm để nơi người khác, chồng không thân với vợ, vợ không thân với chồng, không được người ái kính, chư Thiên không ủng hộ, ác quỷ xâm hại, thân hoại mạng chung rơi vào địa ngục; đó gọi là người vợ như giặc.

Thế nào gọi là vợ như nô tỳ? Ở đây, người vợ trinh lương, thấy chồng bèn tùy thời săn sóc, nhẫn nhịn lời nói không trả lời lại, nhẫn nại sự lạnh khổ, thường có lòng từ; đối với Ba ngôi báu cũng sanh ý niệm rằng: 'Ba ngôi báu còn, ta còn, Ba ngôi báu mất, ta mất'. Do việc này người ấy được chư Thiên ủng hộ, dù Người hay Phi nhân đều thương tưởng nghĩ nhớ, khi chết sanh cõi lành, trên trời.

Này Trưởng giả nữ! Đó là bốn hạng vợ, nay Cô ở vào hạng vợ nào?

Nàng ấy nghe lời Phật dạy, liền đến trước lễ Phật, bạch rằng:

- Cúi xin Thế Tôn! Nay con sửa đổi lỗi cũ, không dám phạm. Từ nay về sau con thường làm pháp lễ độ như nô tỳ.

Khi ấy, nàng Thiện Sanh trở lại chỗ chồng, cúi đầu lễ, nguyện săn sóc chồng như nô tỳ đối với chủ. Nàng Thiện Sanh lại đến chỗ Phật, cúi lạy lui ngồi một bên.

Đức Thế Tôn dần dần thuyết pháp cho nàng, nói về luận bố thí, luận giới, luận sanh thiên, ái dục là tưởng bất tịnh, dâm dục là nhơ uế lớn. Thế Tôn biết nàng đã mở rộng tâm , bèn nói về pháp mà các đức Phật thường nói: Khổ, Tập, Diệt, Đạo, đức Phật nói hết cho nàng. Nàng ấy liền tại chỗ ngồi được pháp nhãn tịnh. Cũng như chiếc áo mới dễ nhuộm màu, đây cũng vậy, nàng ấy phân biệt các pháp khéo hiểu nghĩa thâm diệu, tự quy y Ba ngôi báu, thọ ngũ giới.

Bấy giờ nàng Thiện Sanh nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

10. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở tại nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Khi ấy, Tôn giả Xá-lợi-phất đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy lui ngồi một bên, giây lát sau rời chỗ ngồi, bạch Phật:

- Thế Tôn thường khen hào tộc cao quý, không nói đến thấp hèn. Song, bạch Thế Tôn, con không khen tôn quý không nói thấp hèn, chỉ nói với hàng trung lưu khiến được xuất gia học đạo.

Phật bảo Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Thầy tự nói rằng không khen hàng tôn quý, không nói thấp hèn, chỉ nói hàng trung lưu được xuất gia học đạo. Nhưng nay Ta không nói về nơi thọ sanh thượng, trung, hạ. Vì sao thế? Phàm thọ sanh là rất khổ, không đủ mong muốn. Như đống phân kia kia chút ít còn rất hôi huống gì nhiều; nay sự thọ sanh cũng lại như vậy, một đời hai đời còn khổ nạn, huống gì lưu chuyển mãi mãi mà có thể cam chịu. Do hữu có sanh, do

sanh có lão, do lão có bệnh có tử, lo buồn khổ não, có gì đáng tham ưa, bèn thành thân ngũ thạnh ấm. Nay Ta quán sát nghĩa này mà nói như thế. Một đời hai đời còn khổ nạn, huống gì lưu chuyển mãi mãi mà có thể cam chịu.

Này Xá-lợi-phất! Nếu có ý muốn thọ sanh, nên phát nguyện sanh trong gia đình hào quý, không sanh nơi ty tiện. Vì sao thế? Chúng sanh bị tâm ràng buộc lâu dài, chứ không bị hào tộc ràng buộc. Này Xá-lợi-phất! Như Ta ở trong gia đình hào quý, là dòng Sát-lợi Chuyển luân Thánh vương, nếu như Ta không xuất gia học đạo thì sẽ làm vua Chuyển luân. Nay Ta bỏ địa vị Chuyển quân Thánh vương, xuất gia học đạo thành đạo Vô Thượng. Còn nếu sanh trong nhà thấp hèn, không được xuất gia học đạo thì trở lại bị rơi trong đường ác.

Cho nên, Xá-lợi-phất! Nên tìm phương tiện hàng phục tâm. Như thế, Xá-lợi- phất, nên học điều này!

Bấy giờ Tôn giả Xá-lợi-phất nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

---o0o---

LII. Phẩm Đại Ái Đạo nhập Niết Bàn

1. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Tỳ-xá-ly, giảng đường Phổ Hội, cùng với chúng đại Tỳ-kheo năm trăm người câu hội.

Bấy giờ, bà Đại Ái Đạo đang ở trong thành Tỳ-xá-ly, chùa Cao Đài, cùng với chúng đại Tỳ-kheo-ni năm trăm người câu hội, đều là bậc A-la-hán, các lậu đã hết. Bà Đại Ái Đạo nghe các Tỳ-kheo nói: 'Như Lai không bao lâu sẽ diệt độ, không quá ba tháng sẽ Niết-bàn tại Sa-la song thọ, xứ Câu-thi-na- kiệt'. Bà liền nghĩ: 'Ta không kham nhìn thấy Như Lai diệt độ. Nay ta nên diệt độ trước'. Bà Đại Ái Đạo đi đến chỗ Thế Tôn, cúi dạy lui ngồi một bên. Bà đến trước bạch Phật:

- Con nghe Thế Tôn không bao lâu sẽ diệt độ, không quá ba tháng sau, tại xứ Câu-thi-na-kiệt, khoảng rừng Sa-la song thọ. Nay con không kham thấy Thế Tôn và A-nan diệt độ. Cúi xin Thế Tôn cho phép con diệt độ trước.

Khi ấy Thế Tôn im lặng hứa khả.

Bà Đại Ái Đạo lại bạch Phật:

- Từ nay về sau cúi xin Thế Tôn cho các Tỳ-kheo-ni thuyết giới.

Phật bảo:

- Nay Ta có phép Tỳ-kheo-ni cùng với Tỳ-kheo-ni thuyết giới. Những giới cấm do Như Lai chế ra đừng để sai phạm.

Khi ấy, bà Đại Ái Đạo làm lễ dưới chân Phật, và đứng trước Phật, bà lại bạch Phật:

- Hôm nay con không còn thấy lại tôn nhan của Như Lai, cũng không thấy chư Phật tương lai, không còn tái sanh, vĩnh viễn ở chỗ vô vi. Ngày nay con xa lìa thánh nhan,

vĩnh viễn không thấy lại.

Bà Đại Ái Đạo đi nhiễu quanh Phật bảy vòng, cũng đi nhiễu quanh Tôn giả A-nan bảy vòng, đi nhiễu quanh hết chúng Tỳ-kheo rồi lui đi. Bà trở về trong chúng Tỳ-kheo-ni bảo các Tỳ-kheo-ni:

- Nay ta muốn vào Niết-bàn vô vi. Vì sao thế? Như Lai chẳng bao lâu sẽ diệt độ, các vị nên tùy nghi mà hành động.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-sắc, Tỳ-kheo-ni Cơ-lợi-thi, Tỳ-kheo-ni Xá-cừu-lê, Tỳ-kheo-ni Xà-ma, Tỳ-kheo-ni Bát-đà-lan-giá, Tỳ- kheo-ni Bà-la-giá-la, Tỳ-kheo-ni Ca-chiên-diên, Tỳ-kheo-ni Xà-da cùng năm trăm Tỳ-kheo-ni đi đến chỗ Thế Tôn, đứng một bên. Khi ấy, Tỳ-kheo-ni Sai- ma làm thượng thủ, bạch Phật:

- Chúng con nghe Như Lai không bao lâu diệt độ, chúng con không kham thấy Thế Tôn và Tôn giả A-nan diệt độ trước. Cúi xin Thế Tôn cho phép chúng con diệt độ trước. Nay chúng con vào Niết-bàn chính là phải thời.

Khi ấy Thế Tôn im lặng hứa khả. Tỳ-kheo-ni Sai-ma và năm trăm Tỳ-kheo- ni thấy đức Thế Tôn im lặng hứa khả, liền lễ dưới chân Phật, đi nhiễu quanh ba vòng rồi lui đi, trở về phòng của mình. Khi ấy bà Đại Ái Đại đóng cửa giảng đường, đánh kiền chùy, trải tọa cụ nơi đất trống, bay lên hư không. Ở trong hư không, bà ngồi, nằm, đi kinh hành hoặc phát ra ánh lửa, nửa thân dưới phun khói, nửa thân trên phun lửa, nửa thân dưới phun nước, nửa thân trên phun khói, toàn thân phóng lửa, toàn thân phóng khói, hông bên trái tuôn nước, hông bên mặt tuôn lửa, hông bên mặt tuôn nước, hông bên trái tuôn khói, phía trước tuôn lửa, phía sau tuôn nước, phía trước tuôn nước, phía sau tuôn lửa, toàn thân tuôn lửa, toàn thân tuôn nước.

Bà Đại Ái Đạo làm bao nhiêu biến hóa ấy, trở về tòa mình ngồi kiết-già, chánh thân chánh ý buộc niệm ở trước rồi nhập Sơ thiền; từ Sơ thiền xuất, nhập Nhị thiền; từ Nhị thiền xuất, nhập Tam thiền; từ Tam thiền xuất, nhập Tứ thiền; từ Tứ thiền xuất, nhập Không xứ; từ Không xứ xuất, nhập Thức xứ; từ Thức xứ xuất, nhập Vô sở hữu xứ; từ Vô Sở hữu xứ xuất, nhập Hữu tưởng vô tưởng xứ; từ Hữu tưởng vô tưởng xứ xuất, nhập Tưởng tri diệt; từ Tưởng tri diệt xuất, nhập lại Hữu tưởng vô tưởng xứ; từ Hữu tưởng vô tưởng xứ xuất, nhập lại Thức xứ; từ Thức xứ xuất, nhập Không xứ; từ Không xứ xuất, nhập Tứ thiền; từ Tứ thiền xuất, nhập Tam thiền; từ Tam thiền xuất, nhập Nhị thiền; từ Nhị thiền xuất, nhập Sơ thiền; từ Sơ thiền xuất, nhập lại Nhị thiền; từ Nhị thiền xuất, nhập Tam thiền; từ Tam thiền xuất, nhập Tứ thiền; đã nhập Tứ thiền liền diệt độ.

Khi ấy, trời đất chấn động, bên Đông nổi, bên Tây chìm, bên Tây nổi, bên Đông chìm, bốn bên nổi, chính giữa chìm, lại bốn bề gió mát trỗi lên, chư Thiên ở trên không trung đánh nhạc, chư Thiên cõi dục buồn khóc rơi lệ cũng như vào tháng mùa Xuân trời mưa cam lồ cõi trời thần diệu tung rải hoa ưu-bát, lại rải bột chiên-đàn trên thân bà.

Khi ấy Tỳ-kheo-ni Sai-ma, Tỳ-kheo-ni Ưu-bát-sắc, Tỳ-kheo-ni Cơ-lợi-thi- cù-đàm-di, Tỳ-kheo-ni Xá-cù-ly, Tỳ-kheo-ni Xà-ma, Tỳ-kheo-ni Bà-đà-lan- giá-da, các vị Tỳ-kheo-ni

thượng chủ như thế năm trăm vị, mỗi vị đều trải tòa nơi đất trống, bay lên hư không, ở trên hư không nằm ngồi, đi kinh hành làm mười tám phép thần biến, cho đến nhập tưởng tri diệt và đến diệt độ.

Khi ấy, trong thành Tỳ-xá-ly có đại tướng tên Da-du-đề dẫn năm trăm đồng tử nhóm họp tại giảng đường Phổ Hội lúc đó đang giảng thuyết. Da-du-đề và năm trăm đồng tử xa thấy năm trăm vị Tỳ-kheo-ni làm mười tám phép thần biến, thấy rồi vui mừng phấn khởi vô lượng, đều chấp tay hướng về các vị ấy.

Khi ấy, Thế Tôn bảo A-nan:

- Thầy đến chỗ đại tướng Da-du-đề bảo rằng: 'Hãy mau sắm năm trăm giường, năm trăm tọa cụ, năm trăm bình tô lạc, năm trăm bình dầu, năm trăm xe hoa, năm trăm xe hương, năm trăm xe củi'.

A-nan bạch Phật:

- Chẳng biết Thế Tôn muốn làm gì?

Phật bảo:

- Bà Đại Ái Đạo đã diệt độ, và năm trăm Tỳ-kheo-ni nhập Niết-bàn, Ta muốn cúng dường xá-lợi.

Khi ấy A-nan buồn khóc xen lẫn không thể tự kềm, than: 'Bà Đại Ái diệt độ sao nhanh chóng thay!' A-nan đưa tay gạt lệ, liền đến chỗ đại tướng Da-du- đề. Da-du-đề xa thấy Tôn giả A-nan đi đến, đứng dậy đón tiếp, nói:

- Tôn giả A-nan đến đây rất quý! Tôn giả muốn dạy bảo gì mà đến bất ngờ?

Tôn giả A-nan:

- Tôi do Phật sai đến, muốn có việc bảo Ông.

Đại tướng hỏi:

- Có điều gì dạy bảo?

A-nan đáp:

Thế Tôn bảo Đại tướng rằng: Nên sắm sửa năm trăm giường, năm trăm tọa cụ, năm trăm bình tô, năm trăm bình dầu, năm trăm xe hoa, năm trăm xe hương, năm trăm xe củi. Bà Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo-ni đều diệt độ, chúng ta đến đó cúng dường Xá-lợi.

Đại tướng buồn khóc lẫn lộn, nói rằng:

- Bà Đại Ái Đạo diệt độ sao mà nhanh chóng thay! Năm trăm Tỳ-kheo-ni diệt độ nhanh chóng thay! Ai sẽ giáo hóa chúng ta và chỉ dạy về bố thí?

Đại tướng Da-du-đề liền sắm sửa năm trăm giường, năm trăm tọa cụ, năm trăm bình tô, năm trăm bình dầu, năm trăm xe hoa, năm trăm xe hương, năm trăm xe củi. Bà Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo-ni đều diệt độ, chúng ta đến đó cúng dường Xá-lợi.

Đại tướng buồn khóc lẫn lộn, nói rằng:

- Bà Đại Ái Đạo diệt độ sao mà nhanh chóng thay! Năm trăm Tỳ-kheo-ni diệt độ nhanh chóng thay! Ai sẽ giáo hóa chúng ta và chỉ dạy về bố thí?

Đại tướng Da-du-đề liền sắm sửa năm trăm giường, năm trăm tọa cụ, năm trăm bình tô, dầu, năm trăm xe hoa, hương, củi và các dụng cụ hỏa thiêu, đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy rồi đứng một bên.

Đại tướng Da-du-đề bạch Phật:

- Như Lai chỉ dạy con sắm sửa đồ cúng dường, nay đã xong.

Phật bảo:

- Nay Ông đưa thân của bà Đại Ái Đạo và năm trăm Tỳ-kheo-ni, ra khỏi thành Tỳ-xá-ly đến chỗ đất trống, Ta muốn cúng dường Xá-lợi ở đó.

Đại tướng Da-du-đề bạch Phật:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Khi ấy Đại tướng đến tinh xá của bà Đại Ái Đạo, bảo một người:

- Nay Người thử leo tường vào trong từ từ mở cửa đừng gây tiếng động.

Người kia theo lời dạy liền vào mở cửa. Đại tướng lại bảo năm trăm người, mỗi người đưa thân các vị lên giường. Bấy giờ có hai Sa-di-ni tại đó, một là Nan-đà, hai là Ưu-ban-nan-đà, hai Sa-di-ni bảo Đại tướng:

- Thôi, thôi, Đại tướng! Chớ xúc nhiễu các Thầy.

Đại tướng Da-du-đề bảo:

- Thầy các Cô không phải ngủ, mà đều đã diệt độ.

Hai Sa-di-ni nghe các Thầy đều diệt độ, ôm lòng lo sợ, tự suy nghĩ, quan sát các pháp có nhóm họp đều là pháp diệt tận, liền tại chỗ ngồi được tam minh, lục thông. Khi ấy hai Sa-di-ni liền bay lên hư không, bay trước đến chỗ đất trống làm mười tám pháp thần biến, nằm, ngồi, đi kinh hành, thân phóng ra nước lửa, biến hóa vô lượng, liền ở Vô dư Niết-bàn mà nhập Niết-bàn.

Bấy giờ, Thế Tôn dẫn chúng Tỳ-kheo Tăng vây quanh trước sau, đi đến tinh xá của Tỳ-kheo-ni Đại Ái Đạo.

Thế Tôn bảo A-nan, Nan-đà, La-vân:

- Các Thầy khiêng thân của bà Đại Ái Đạo. Ta sẽ đích thân cúng dường.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân biết ý nghĩ trong tâm Thế Tôn, liền từ cõi trời Ba mươi ba trong khoảng lực sĩ duỗi cánh tay ẩn và đi đến thành Tỳ-xá-ly, đến chỗ Thế Tôn cúi lạy rồi đứng một bên. Trong chúng, những vị Tỳ-kheo lậu tận đều thấy Thích-đề-hoàn-nhân và chư Thiên trời Ba mươi ba, còn những Tỳ-kheo hữu dục không lậu tận, các Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bát- tắc, Ưu-bà-di chưa lậu tận đều không thấy

Thích-đề-hoàn-nhân và chư thiên cõi trời Ba mươi ba.

Vua trời Phạm thiên xa biết ý nghĩ trong tâm Như Lai, đem các Phạm thiên từ cõi Phạm thiên ẩn đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy lui qua một bên.

Tỳ-sa-môn Thiên vương biết ý nghĩ trong tâm đức Thế Tôn, đem các quỷ thần Dược Xoa đến chỗ Như Lai, cúi lạy đứng qua một bên.

Đề-địa-lại-tra Thiên vương đem các thần Càn-thát-bà, từ phương Đông đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy đứng qua một bên.

Tỳ-lâu-lặc-xoa Thiên vương đem vô số thần Cưu-bàn-trà, từ phương Nam đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy đứng qua một bên.

Tỳ-lâu-ba-xoa Thiên vương đem các Long thần đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy đứng qua một bên.

Và chư thiên cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, mỗi mỗi đều biết ý niệm trong tâm thế Tôn, đều đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy đứng qua một bên.

Khi ấy, Thích-đề-hoàn-nhân, Tỳ-sa-môn Thiên vương đến trước bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn! Chớ tự nhọc thân, chúng con tự sẽ cúng dường Xá-lợi.

Phật bảo chư Thiên:

- Thôi, thôi, Thiên vương! Như Lai tự biết thời. Đây là việc Như Lai cần phải làm, chẳng phải hàng Trời, Rồng, Quỷ thần làm được. Vì sao thế? Cha mẹ sanh con nhiều lợi ích cho con, ân trọng dưỡng nuôi, bú mớm ẵm bồng, cần phải báo ân, không được không báo ân. Chư Thiên nên biết! Chư Phật quá khứ, thân mẫu sinh thành đều diệt độ trước, sau đó chư Phật Thế Tôn đều tự cúng dường trà tỳ xá-lợi. Giả sử chư Phật Thế Tôn ở tương lai, thân mẫu sinh thành cũng diệt độ trước, sau đó chư Phật đều tự cúng dường. Do phương tiện này biết Như Lai nên tự cúng dường, chẳng phải Trời, Rồng, Quỷ thần làm được.

Bấy giờ, Tỳ-sa-môn Thiên vương nói xong, liền đến rừng Chiên-đàn lấy củi chiên-đàn, đem đến chỗ đất trống.

Khi ấy, Thế Tôn đích thân khiêng một chân giường; Nan-đà khiên một chân, La-vân khiêng một chân, A-nan khiêng một chân, bay lên hư không đến chỗ hỏa thiêu. Bốn bộ chúng trong ấy, Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, Ưu-bà-tắc, Ưu-bà- di, đưa thân thể của năm trăm Tỳ-kheo-ni đến chỗ hỏa thiêu.

Phật bảo đại tướng Da-du-đề:

- Nay Ông sắm sửa thêm hai giường, hai tọa cụ, hai xe củi, hương hoa để cúng dường thân hai Sa-di-ni.

Đại tướng Da-du-đề thưa:

- Xin vâng, bạch Thế Tôn.

Đại tướng liền sắm sửa đồ cúng dường.

Thế Tôn lấy củi chiên-đàn chuyển đến chư Thiên. Thế Tôn lại bảo đại tướng:

- Nay Ông nhặt lấy năm trăm Xá-lợi, mỗi mỗi phân biệt mà cúng dường. Đối với hai Sa-di-ni cũng làm như vậy.

Đại tướng vâng lời Phật dạy, mỗi mỗi phân biệt mà cúng dường, liền chuẩn bị hỏa thiêu.

Thế Tôn lại dùng gỗ chiên-đàn chất trên thân bà Đại Ái Đạo.

Bấy giờ, thế Tôn liền nói kệ:

Tất cả hành vô thường,
Có sanh ắt có diệt,
Không sanh, thời không diệt,
Diệt này và vui tột.
Chư Thiên và nhân dân đều vân tập tại chỗ trà-tỳ, Trời Người đại chúng lên đến số mười ức cai-na-thuật. Đại tướng đợi lửa tắt rồi bèn nhặt xá-lợi và xây tháp.

Phật bảo đại tướng:

- Nay Ông đem Xá-lợi của năm trăm Tỳ-kheo-ni xây tháp, được phước vô lượng lâu dài. Vì sao thế? Thế gian có bốn hạng người nên xây tháp. Thế nào là bốn? Nếu có người vì Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác xây tháp, vì Chuyển luân Thánh vương, vì hàng Thanh văn, Bích-chi Phật xây tháp được phước vô lượng.

Khi ấy Thế Tôn vì hàng chư Thiên và nhân dân, nói pháp vi diệu, khuyến khích khiến cho hoan hỷ. Có một ức Trời và Người được trần cấu dứt sạch, đắc pháp nhãn thanh tịnh.

Bấy giờ, Trời, Người, Cà-thát-bà, A-tu-la bốn bộ chúng; nghe dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

2. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc, cùng với chúng đại Tỳ-kheo, năm trăm người câu hội.

Bấy giờ trong thành Xá-vệ, có Tỳ-kheo-ni Bà-đà ở chỗ vắng ngồi kiết-già tự suy nghĩ, buộc niệm ở trước, tự nhớ lại việc của vô số kiếp về trước, liền tự mỉm cười. Có Tỳ-kheo-ni xa thấy Tỳ-kheo-ni Bà-đà mỉm cười, thấy rồi liền đến chỗ Tỳ-kheo-ni nói:

- Nay Tỳ-kheo-ni Bà-đà ngồi một mình dưới cội cây mà mỉm cười là có nhân duyên gì? Năm trăm tỳ-kheo-ni liền cùng nhau đến chỗ Tỳ-kheo-ni Bà- đà cúi lạy và thưa với Tỳ-kheo-ni Bà-đà:

- Có nhân duyên gì ngồi một mình dưới cội cây mà mỉm cười?

Tỳ-kheo-ni Bà-đà bảo năm trăm Tỳ-kheo-ni:

- Vừa rồi ta ngồi dưới gốc cây nầy, tự nhớ việc trong vô số đời đã qua, lại thấy những thân đã trải qua ngày trước, chết đây sanh kia thảy đều xem thấy.

Năm trăm tỳ-kheo-ni lại thưa:

- Cúi xin nói những nhân duyên quá khứ

Tỳ-kheo-ni Bà-đà bảo năm trăm Tỳ-kheo-ni:

- Quá khứ lâu xa cách đây chín mươi mốt kiếp, có Phật xuất thế hiệu Tỳ-bà- thi Như Lai Chí Chơn Đẳng Chánh Giác, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhơn Sư, Phật, Thế Tôn, xuất hiện ở đời. Bấy giờ thế giới tên Bàn-đầu-ma, nhân dân đông đảo

không thể tính kể. Như Lai Tỳ-bà-thi du hóa nơi thế giới ấy đem theo mười sáu vạn tám ngàn Tỳ-kheo, vây quanh trước sau và vì họ thuyết pháp. Khi ấy danh hiệu Phật lưu truyền bốn phương, xưng tụng rằng: 'Phật Tỳ-bà-thi đầy đủ các tướng tốt, là bạn lành, ruộng phước cho tất cả người'.

Trong nước ấy có một đồng tử tên Phạm Thiên, dung mạo đoan chánh ít có trong đời. Đồng tử ấy tay cầm dù báu đi trên đường. Bấy giờ có vợ của một cư sĩ, cũng rất đoan chánh, cũng đi trên đường ấy, mọi người đều nhìn theo. Đồng tử liền khởi niệm: 'Nay ta cũng có dung mạo đoan chánh, cầm dù báu mà mọi người không nhìn mà nhìn nữ nhơn kia. Nay ta cần tìm cách khiến mọi người nhìn ta'.

Đồng tử ấy liền ra khỏi thành, đến chỗ đức Phật Tỳ-bà-thi, tay cầm hoa báu cúng dường bảy ngày đêm, và phát thệ nguyện rằng: 'Nếu đức Phật Tỳ-ba- thi có thần túc, có thần lực, là ruộng phước cho cõi Người cõi Trời, nguyện đem công sức này khiến đời tương lai, tôi làm thân người nữ, mọi người thấy đều vui mừng'.

Đồng tử trải bảy ngày bảy đêm cúng dường Phật rồi, tùy tuổi thọ ngắn dài liền sanh lên cõi trời Ba mươi ba, nơi ấy làm thân thiên nữ, rất đoan chánh bậc nhất trong các ngọc nữ, có năm công đức hơn các thiên nữ kia. Thế nào là năm? Là tuổi thọ trời, sắc đẹp trời, sự vui trời, oai phước trời và tự tại trời. Chư Thiên cõi trời Ba mươi ba thấy rồi, ai cũng tự nhủ 'Thiên nữ này rất thù diệu không ai bằng'. Hoặc có vị Trời nói: 'Ta phải được Thiên nữ này để làm vợ'. Họ cùng tranh giành với nhau. Khi ấy vua trời nói:

- 'Các Ông chớ tranh cãi nhau, trong đây ai có thể nói kệ rất hay, ta sẽ cho Thiên nữ này làm vợ'.

Một Thiên tử nói kệ:

Hoặc khi đứng, hoặc ngồi,
Thức giấc đều không vui,
Chỉ khi tôi ngủ say,
Mới không lòng mơ ước.
Một Thiên tử nói kệ:
Nay ông cũng còn vui,

Khi ngủ không mơ tưởng,
Nay tôi khởi dục niệm,
Tợ như đánh trống trận.
Một Thiên tử nói kệ:
Giả sử đánh trống trận,
Còn có lúc nghỉ tay,
Niệm dục tôi chảy mau,
Như nước cuốn không ngừng.
Lại một Thiên tử nói kệ:
Như cuốn cuốn cây to,
Còn có khi dừng nghỉ,
Tôi thường tư tưởng dục,
Như giết voi không thuần.
Bấy giờ, vị Thiên tử hơn hết trong các chư Thiên, nói kệ:

Các Ông còn nhàn hạ,
Đều có thể nói kệ,
Nay tôi không tự biết,
Là mình còn hay mất.
Chư Thiên bèn thưa với vị Thiên tử ấy:

- 'Lành thay! Thiên tử đã nói kệ rất thanh diệu. Nay dâng Thiên nữ này cho Thiên vương'.

Thiên nữ liền vào cung điện Thiên vương.

Các em chớ hồ nghi. Vì sao thế? Đồng tử cúng dường bảo cái lên đức Phật, đâu phải người nào lạ. Chớ nghĩ thế ấy. Đồng tử khi ấy tức là thân ta.

Về quá khứ ba mươi mốt kiếp, có đức Phật Thi-khí xuất hiện nơi đời, du hóa nơi thế giới Dã-nã, cùng với chúng Tỳ-kheo mười sáu vạn người câu hội. Bấy giờ Thiên nữ ấy sau lại mạng chung sanh trong cõi Người, làm thân người nữ rất đoan chánh, ít có trong đời.

Đức Như Lai Thi-khí đúng thời đắp y ôm bát vào thành Dã-nã khất thực. Khi ấy Thiên nữ lại làm vợ trưởng giả, đem thức ăn uống ngon cúng dường đức Phật thi-khí, cũng thệ nguyện rằng: 'Đem công đức này sanh nơi nào không rơi trong ba đường ác, dung mạo đoan chánh đặc biệt hơn người'. Nữ nhơn ấy sau lại mệnh chung sanh lên cõi trời Ba mươi ba, ở đó làm thân thiện nữ rất đoan chánh, có năm công đức hơn chư Thiên. Thiên nữ khi ấy

đâu phải người nào lạ, chớ nghĩ thế ấy. Vì sao thế? thiên nữ ấy chính là thân ta.

Vào kiếp đó, đức Như Lai Tỳ-xá-la-bà xuất hiện nơi đời, bấy giờ Thiên nữ tùy theo thọ mạng dài ngắn, sau khi mạng chung lại cõi người, làm thân người nữ dung mạo đoan chánh, ít có trong đời, lại làm vợ trưởng giả cư sĩ. Bấy giờ phu nhân lại đem y phục đẹp

dâng lên đức Như Lai, phát thệ nguyện rằng: 'Khiến cho đời sau, tôi lại làm thân người nữ'. Phu nhân ấy sau mệnh chung, sanh lên cõi trời Ba mươi ba, dung mạo đoan chánh hơn các Thiên nữ cõi trời ấy. Nữ nhân khi ấy đâu phải người nào lạ. Chớ nghĩ thế ấy. Vì sao thế? Nữ nhân khi ấy chính là thân ta.

Thiên nữ ấy tùy theo thọ mệnh dài ngắn, sau khi mệnh chung sanh lại cõi người, làm nô tỳ cho phu nhân của trưởng giả Nguyệt Quang trong thành Ba-la-nại, dung mạo thô xấu, mọi người không ưa. Từ khi đức Phật Tỳ-xá- la-bà diệt độ, lại không có Phật. Bấy giờ các đức Bích-chi Phật đi du hóa. Phu nhân của trưởng giả Nguyệt Quang tỳ nữ:

- 'Ngươi đi ngoài đường, tìm vị Sa-môn dung mạo đoan chánh vừa ý ta, đưa về nhà, ta muốn cúng dường'.

Tỳ nữ liền ra khỏi nhà tìm Sa-môn, thấy vị Bích-chi Phật đi khất thực trong thành, song dung mạo xấu xí, dung sắc thô tệ.

Tỳ nữ thưa vị Bích-chi Phật:

- 'Trưởng giả muốn gặp, xin quang lâm đến nhà'.

Liền về thưa chủ nhân:

- 'Sa-môn đã đến, có thể đến gặp'.

Khi ấy, phu nhân của trưởng giả thấy Sa-môn rồi, tâm không vui liền bảo tỳ nữ:

- 'Đuổi Thầy ấy đi, ta không bố thí. Vì sao? Vì dung mạo Thầy ấy thô xấu'.

Tỳ nữ thưa phu nhân:

- 'Nếu Phu nhân không bố thí cho Sa-môn, phần ăn của tôi hôm nay sẽ đem cúng hết'.

Phu nhân liền phát ăn cho tỳ nữ một đấu gạo tấm, tỳ nữ nhận lấy và đem cúng Sa-môn. Đức Bích-chi Phật nhận thức ăn xong, bay lên hư không làm mười tám phép thần biến, tỳ nữ của trưởng giả liền phát nguyện: 'Đem công đức này, sanh vào chỗ không rơi trong đường ác. Khiến con đời sau làm thân nữ rất đoan chánh'. Đức Phật ấy tay ôm bát thức ăn, bay quanh thành ba vòng. Khi ấy trưởng giả Nguyệt Quang cùng năm trăm khách buôn nhóm tại giảng đường Phổ Hội. Nam nữ lớn nhỏ trong thành thấy đức Phật cầm bát thức ăn bay trong hư không, thấy rồi cùng nói với nhau:

- 'Người nào có đông đức như thế? Ai được gặp vị Bích-chi Phật này mà cúng dường thức ăn?'

Khi ấy, tỳ nữ thưa phu nhân:

- 'Xin ra xem thần đức của Sa-môn, bay trên hư không làm mười tám pháp biến, thần đức vô lượng'.

Phu nhân bảo tỳ nữ:

- 'Nay Ngươi bố thí thức ăn cho Sa-môn, nếu được phước cho hết về ta, ta sẽ cho người bằng giá hai ngày công'.

Tỳ nữ thưa:

- 'Không thể đem phước cho được'.

Phu nhân bảo:

- 'Cho Ngươi bằng giá bốn ngày cho đến mười ngày'.

Tỳ nữ thưa:

- 'Tôi không thể đem phước cho được'.

Phu nhân bảo:

- 'Nay ta cho Người trăm đồng tiền vàng'.

Tỳ nữ thưa:

- 'Tôi không cần'.

Phu nhân lại bảo:

- 'Cho Người hai trăm ... cho đến ngàn đồng tiền vàng'.

Tỳ nữ thưa:

- 'Tôi cũng không cần'.

Phu nhân bảo:

- 'Ta miễn cho Người khỏi làm nô lệ'.

Tỳ-nữ thưa:

- 'Tôi cũng không cần làm người thường'.

Phu nhân lại bảo:

- 'Ngươi làm phu nhân, ta làm tỳ nữ'.

Tỳ nữ thưa:

- 'Tôi cũng không cần làm phu nhân'.

Phu nhân bảo:

- 'Ta sẽ đem Ngươi ra đánh đập, xẻo mũi tai, chặt tay chân Ngươi, sẽ chặt đầu Ngươi'.

Tỳ nữ thưa:

- 'Tôi cam nhận hết mọi thống khổ, trọn không đem phước cho đi, thân này thuộc về Phu nhân, tâm lành có khác'.

Bấy giờ phu nhân liền đánh tỳ nữ.

Khi ấy, năm trăm khách buôn mỗi người bán tán rằng:

- 'Vị thần nhân này hôm nay đến khất thực, ắt phải là nhà ta bố thí'.

Trưởng giả Nguyệt Quang giải tán các người ấy rồi trở về nhà, thấy phu nhân đánh đập tỳ nữ, liền hỏi:

- 'Do nhân duyên gì mà đánh tỳ nữ?'

Khi đó, tỳ nữ đem hết mọi sự thuật lại. Trưởng giả Nguyệt Quang vui mừng phấn khởi không thể tự kềm, liền đày phu nhân xuống làm tỳ nữ, đưa tỳ nữ thay chỗ phu nhân.

Thành Ba-la-nại có vua tên Phạm-ma-đạt cai trị, vua nghe trưởng giả Nguyệt Quang dâng cơm cho Bích-chi Phật rất là vui mừng, đã gặp bậc chân nhân tùy thời bố thí. Vua Phạm-ma-đạt liền sai người gọi trưởng giả Nguyệt Quang hỏi:

- Có thật Ngươi cúng dường cơm cho bậc chân nhân thần tiên chăng?'

Trưởng giả tâu:

- 'Thật gặp bậc chân nhân, đem cơm cúng dường'.

Vua Phạm-ma-đạt liền tặng thưởng cho trưởng giả và tặng thêm chức vị.

Tỳ nữ ấy theo mệnh dài ngắn sau khi mệnh chung sanh lên cõi trời Ba mươi ba, nhan sắc thù diệu, ít có trong đời, có năm công đức hơn các vị trời khác.

Các em chớ nghi gì, tỳ nữ của trưởng giả khi ấy tức là thân ta.

Trong Hiền kiếp này có Phật xuất hiện ở đời hiệu là Câu-lưu-tôn. Khi ấy, Thiên nữ kia tùy theo thọ mệnh dài ngắn, sau khi mệnh chung sanh trong cõi người, làm con gái Phạm chí Da-nhã-đạt. Khi ấy, cô lại dâng cơm cho Như Lai và phát thệ nguyện xin làm thân người nữ, sau khi mệnh chung sanh lên trời Ba mươi ba, dung mạo đoan chánh hơn các Thiên nữ.

Lại từ cõi trời mệnh chung sanh trong cõi người. Bấy giờ đức Phật Câu-na- hàm-mâu-ni xuất hiện ở đời, Thiên nữ ấy làm con gái trưởng giả, lại đem

hoa vàng cúng dường đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni, nguyện: 'Đem công đức này sanh ra chỗ nào không rơi trong ba đường ác, khiến cho thân con sau được làm người nữ'. Cô gái ấy tùy theo thọ mệnh dài ngắn, sau khi mệnh chung sanh lên trời Ba mươi ba, dung mạo đoan chánh hơn tất cả Thiên nữ, có năm công đức không bì kịp.

Con gái trưởng giả cúng dường đức Phật Câu-na-hàm-mâu-ni khi ấy đâu phải ai lạ, chớ nghĩ gì, con gái trưởng giả tức là thân ta.

Thiên nữ ấy tùy theo thọ mệnh dài ngắn, sanh trở lại cõi Người làm vợ trưởng giả, dung mạo thù đặc ít có trong đời. Khi ấy, đức Phật Ca-diếp xuất hiện ở đời, phu nhân của trưởng giả cúng dường đức Phật ca-diếp trong bảy ngày bảy đêm, phát thệ nguyện rằng: 'Khiến con đời tương lai làm thân người nữ'. Phu nhân của trưởng giả tùy tuổi thọ dài ngắn, sau khi mệnh chung sanh lên trời Ba mươi ba, có năm công đức hơn các Thiên nữ trên ấy.

Phu nhân của trưởng giả cúng dường Phật Ca-diếp thuở ấy đâu phải người nào lạ, chớ nghĩ thế ấy, phu nhân Trưởng giả khi ấy chính là thân ta.

Vào Hiền kiếp này có đức Phật Thích-ca xuất hiện ở đời, Thiên nữ ấy sau khi mệnh chung lại sanh vào thành La-duyệt, làm con gái Bà-la-môn Kiếp- tỷ-la, dung mạo đoan chánh hơn các thiếu nữ khác. Con gái của Bà-la-môn Kiếp-tỷ-la đẹp như tượng vàng tử ma, ai đứng gần nàng đều bị lu mờ đen tối. Ý của nàng ấy không tham ngũ dục.

Các em chớ nghĩ gì, cô gái ấy đâu phải người nào lạ, con gái của Bà-la-môn bấy giờ chính là thân ta.

Các em nên biết! Do nhân duyên công đức nhiều kiếp nên ta làm vợ của Tỷ-bát-la-ma-nạp là Ma-ha Ca-diếp. Tôn giả Đại Ca-diếp tự xuất gia trước, sau ta mới xuất gia. Ta tự nhớ trải qua vô số kiếp làm thân người nữ, do đó nên nay tự cười. Ta do ngu si che mờ, nên cúng dường trải qua sáu đức Phật, cầu làm thân nữ. Do nhân duyên này nên ta cười những kiếp đã qua.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni nghe Tỳ-kheo-ni Bà-đà, tự nhớ túc mạng những việc đã qua trong vô số đời, liền đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy ngồi một bên, đem hết mọi việc bạch lên đức Phật.

Bấy giờ, Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo-ni.

- Các vị có thấy trong hàng Tỳ-kheo-ni Thanh văn có ai tự nhớ việc trong vô số đời như Tỳ-kheo-ni ấy chăng?

Các Tỳ-kheo-ni bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn, không thấy.

Phật bảo các Tỳ-kheo-ni:

- Đệ tử bậc nhất trong hàng Thanh văn của Ta, tự nhớ lúc mạng trong vô số đời, chính là Tỳ-kheo-ni Kiếp-tỷ-la.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo-ni nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

3. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy lui ngồi một bên, giây lát sau rời chỗ ngồi bên trước bạch Phật:

- Kiếp có dài ngắn, có giới hạn chăng?

Phật bảo Tỳ-kheo:

Kiếp rất dài xa, hay Ta dẫn dụ cho Thầy. Hãy một lòng lắng nghe, nay Ta sẽ nói:

Tỳ-kheo nên biết, như một cái thành bằng sắt cao rộng một do-tuần, chứa đầy hạt cải trong ấy không có chỗ trống. Giả sử có người trăm năm đến lấy đi một hạt cải, mà số hạt cải trong thành sắt ấy còn có thể giảm hết, nhưng một kiếp còn không thể tính kể. Vì sao thế? Sanh tử dài xa không có giới hạn, chúng sanh ân ái trói buộc, đắm trước trôi

nổi trong sanh tử, chết đây sanh kia không có cùng tận. Ta ở trong đó chán ghét sanh tử. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện khéo léo, thoát khỏi tưởng ái trước này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

4. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, có một Tỳ-kheo, đến chỗ đức Thế Tôn, cúi lạy xin lui ngồi một bên. Tỳ-kheo ấy bạch Phật:

- Thưa Thế Tôn! Kiếp là lâu dài chăng?

Phật bảo Tỳ-kheo:

- Kiếp rất lâu dài, không thể dùng toán mà tính được. Nay Ta sẽ thí dụ cho Thầy. Hãy khéo suy nghĩ, nay Ta sẽ vì Thầy nói.

Tỳ-kheo nghe lời Phật dạy. Thế Tôn bảo:

- Cũng như núi đá rộng lớn một do-tuần, cao một do-tuần. Giả sử có người đến đó, cầm thiên y trăm năm quét một lần, đá còn có thể mòn, kiếp số khó hạn lượng. Vì sao thế? Kiếp số lâu dài không có bờ mé. Như thế chẳng phải một kiếp trăm kiếp. Vì sao thế? Sanh tử lâu dài, không thể hạn lượng không có bờ mé. Các loài chúng sanh bị vô minh che lấp, trôi lăn trong sanh tử không có thời hạn ra khỏi, chết đây sanh kia không cùng tận. Ta ở trong ấy chán ghét sanh tử. Như thế, này các Tỳ-kheo, nên tìm phương tiện khéo thoát khỏi tưởng ái trước này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

5. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ Thế Tôn bảo các Tỳ-kheo:

- Tùy thời nghe pháp có năm công đức, thường không mất thời. Thế nào là năm? Pháp chưa từng nghe liền được nghe; nghe rồi liền thọ trì; trừ bỏ hồ

nghi; không có tà kiến; hiểu pháp sâu xa. Đó gọi là Tỳ-kheo tùy thời nghe pháp có năm công đức này.

Cho nên các Tỳ-kheo nên ghi nhớ thường nghe pháp sâu xa. Đây là lời dạy của Ta. Như thế, này các Tỳ-kheo nên học điều này!

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

6. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Tỳ-xá-ly, vườn Ma-ha-Bà-na, cũng với chúng đại Tỳ- kheo năm trăm người câu nội.

Bấy giờ, đại tướng Sư Tử đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, ngồi một bên. Bấy giờ Phật bảo đại tướng:

- Đàn-việt thí chủ có năm công đức. Thế nào là năm? Ở đây, danh tiếng của Thí chủ vang xa, trong làng đó có người như thế ưa bố thí, chu cấp cho người nghèo, giúp đỡ người thiếu, không có yêu ghét. Này Đại tướng Sư Tử! Đó là công đức thứ nhất, Thí chủ đạt được.

Lại nữa, này Đại tướng Sư Tử! Đàn-việt thí chủ nếu đến trong chúng dòng Sát-lợi, dòng Bà-la-môn, chúng Sa-môn, đều không sợ hãi cũng không nghi nan. Này đại tướng Sư Tử! Đó là công đức thứ hai.

Lại nữa, Đàn-việt thí chủ được nhiều người thương mến nhớ nghĩ, khắp đến kính ngưỡng như con yêu mẹ, tâm không rời xa. Thí chủ cũng như thế, được nhiều người yêu mến.

Lại nữa, Đại tướng Sư Tử! Đàn-việt thí chủ khi bố thí phát tâm vui vẻ, do có tâm vui vẻ liền mừng rỡ, tánh ý chắc chắn, khi ấy liền tự biết có vui có khổ cũng không biến đổi, tự biết như thật. Thế nào là tự biết? Biết có Khổ đế, Khổ tập, Khổ tận, Khổ xuất yếu, như thật mà biết.

Bấy giờ, Thế Tôn bèn nói kệ:

Thí đầy đủ các phước, Mà được đệ nhất nghĩa,

Ai hay nhớ bố thí, Bèn phát tâm hoan hỉ.

Lại nữa, Đại tướng Sư Tử! Khi Đàn-việt thí chủ bố thí, thân hoại mạng chung sanh lên trời Ba mươi ba, lại có năm việc hơn chư thiên cõi ấy. Thế nào là năm? Một là dung mạo hào quý oai thần sáng rỡ. Hai là điều mong ước tự tại, việc gì cũng thành. Ba là nếu Đàn việt thí chủ sanh trong loài người gặp nhà hào quý. Bốn là nhiều tài lợi châu bảo. Năm là nói ra nhiều người nghe.

Này Đại tướng Sư Tử! Đó là Đàn-việt có năm công đức như thế dẫn vào đường lành.

Đại tướng Sư Tử nghe lời Phật dạy, vui mừng hớn hở không thể tự kềm, đến trước bạch Phật:

- Cúi xin Thế Tôn và chúng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh của con.

Thế Tôn im lặng nhận lời.

Khi ấy, đại tướng Sư Tử thấy Thế Tôn đã im lặng nhận lời, liền đứng dậy cúi đầu lễ Phật rồi lui ra. Về đến nhà, đại tướng sắm sửa đầy đủ các thức ăn uống, trải tòa ngồi tốt đẹp, rồi đến bạch Phật:

- Thời đã đến, nay chính phải thời, cúi xin bạch Đại thánh rũ lòng từ, hạ cố đến nhà.

Thế Tôn đúng thời đắp y mang bát, dẫn chúng Tỳ-kheo vây quanh trước sau, đến nhà đại tướng theo thứ tự lớp ngồi.

Bấy giờ, đại tướng Sư Tử thấy Phật và chúng Tỳ-kheo đã ngồi theo thứ tự, tự tay san sớt các thức ăn uống. Khi đại tướng dâng thức ăn, chư Thiên ở trên hư không bảo:

- Đây là A-la-hán, người này là hướng A-la-hán. Cúng người này được phước nhiều, cúng người này được phước ít. Đây là a-na-hàm, người này hướng A-na-hàm. Người này là Tư-đà-hàm, người này hướng Tư-đà-hàm. Người này là Tu-đà-hoàn, người này hướng Tu-đà-hoàn. Người này còn bảy phen qua lại, người này còn trở lại một đời. Người này giữ lòng tin, người này vâng theo Pháp. Đây là người lợi căn, đây là độn căn. Người này hạ liệt,

người này tinh tấn trì giới, người này phạm giới. Cúng người này được phước nhiều, cúng người này được phước ít.

Bấy giờ, đại tướng Sư Tử nghe chư Thiên nói rồi cũng không để tâm. Thấy Như Lai thọ trai xong, rửa bát sạch, rồi lấy một chiếc ghế nhỏ ngồi trước Như Lai. Đại tướng Sư Tử bạch Thế Tôn:

- Trước đây có chư Thiên đến chỗ con nói từ vị A-la-hán đến người phạm giới, đều đem thưa hết với Phật. Tuy con nghe lời như thế cũng chẳng để tâm, cũng chẳng sanh ý tưởng: 'Ta sẽ bỏ người này cúng người kia, bỏ người kia cúng người này'. Con lại sanh ý tưởng này: 'Nên cúng dường tất cả loài chúng sanh có hình dáng, vì có ăn mới sống, không ăn ắt chết'. Con đích thân được nghe từ Như Lai nói bài kệ ấy, thường ghi nhớ trong lòng không quên mất. Kệ như thế nào?

Bố thí khắp bình đẳng,
Trọn không chỗ trái nghịch,
Ắt sẽ gặp Hiền Thánh,
Duyên đây mà được độ.
Bạch Thế Tôn! Bài kệ này được nói ra, con đích thân nghe từ đức Thế Tôn, thường ghi nhớ vâng làm.

Phật bảo đại tướng:

- Lành thay! Đây gọi là tâm Bồ-tát, bố thí bình đẳng. Khi Bồ-tát bố thí thì cũng chẳng sanh ý niệm như vầy: 'Ta sẽ cho người nầy, bỏ người nầy', thường đem lòng bình đẳng mà bố thí, cũng lại khởi ý niệm này: 'Tất cả chúng sanh có ăn mới tồn tại, không ăn ắt chết'. Khi Bồ-tát làm việc bố thí, cũng suy nghĩ nghĩa này.

Phật bèn nói kệ:

Phàm người tu hạnh này,
Làm ác và làm lành,
Mỗi mỗi tự thọ báo,
Việc làm trọn không hao.
Như người làm hạnh này,

Liền chịu quả báo này,
Làm lành được quả lành,
Làm ác chịu báo ác.
Là ác hay là lành.
Tùy theo người tập quen,
Như gieo năm thứ lúa,
Đều gặt được kết quả.
Này Đại tướng Sư Tử! Do phương tiện này nên biết lành, ác mỗi việc có hạnh của nó. Vì sao thế? Từ khi mói phát tâm đến khi thành đạo tâm không tăng giảm, không chọn lựa người cũng không quán sát chỗ nơi. Cho nên Đại tướng Sư Tử! Khi muốn bố thí, hãy thường nghĩ nhớ bình đẳng, chớ khởi tâm thị phi. Như thế, Sư Tử, nên học điều này.

Khi ấy, Thế Tôn lại nói kệ:

Thí làm vui người nhận,
Mọi người đều khen ngợi,
Đến đâu không nghi nan,
Cũng không tâm tật đố.
Cho nên người trí thí,
Trừ bỏ các tưởng ác,
Đến chỗ lành lâu dài.
Nơi chư Thiên hoan hỷ.
Thế Tôn nói kệ xong, liền đứng dậy đi.

Đại tướng Sư Tử nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

7. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tu-nặc đi đến chỗ Thế Tôn, cúi lạy, ngồi một bên. Nhà vua bạch Phật:

- Phàm bố thí, nên bố thí nơi nào?

Phật bảo nhà vua:

- Tùy theo tâm hoan hỉ nơi nào thì bố thí nơi ấy.

Vua lại bạch Phật:

- Bố thí nơi nào được công đức lớn?

Phật bảo:

- Trước Đại vương hỏi nên bố thí nơi nào, nay lại hỏi về phước công đức.

Vua bạch Phật:

- Nay con hỏi Như Lai bố thí nơi nào được công đức?

Phật bảo:

- Nay Ta hỏi lại, Đại vương tùy sở thích trả lời Ta. Thế nào, Đại vương, nếu có người dòng Sát-lợi đến, dòng Bà-la-môn đến, nhưng ngu si không biết chi, tâm ý tán loạn, thường không nhất định, đến chỗ nhà vua tâu rằng: 'Chúng tôi sẽ cung phụng Đại vương, tùy thời cần dùng'. Thế nào, Đại vương có cần người ấy làm tả hữu chăng?

Vua bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn không cần. Vì sao thế? Do người ấy không có trí tuệ, tâm thức không định, không kham đối phó với kẻ địch từ ngoài đến.

Phật bảo nhà vua:

- Này Đại vương, nếu hàng Sát-lợi, bà-la-môn có nhiều phương tiện không sợ khó, cũng không sợ hãi, có thể trừ được kẻ địch bên ngoài, đến chỗ Đại vương và tâu rằng: 'Chúng tôi tùy thời cung phụng Đại vương, cúi xin rũ lòng ân tứ nạp thọ.' Thế nào, Đại vương có nhận người ấy chăng?

Vua bạch Phật:

- Thưa vâng, bạch Thế Tôn. Con sẽ nạp thọ người ấy. Vì sao? Vì người ấy có thể đối phó với kẻ địch bên ngoài, không sợ khó cũng chẳng khủng khiếp.

Phật bảo:

- Nay Tỳ-kheo cũng lại như thế, các căn đầy đủ, bỏ năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn. Bố thí cho người như thế thì được phước rất nhiều.

Vua bạch Phật:

- Thế nào là Tỳ-kheo bỏ năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn?

Phật bảo nhà vua:

- Là vị Tỳ-kheo bỏ năm điều ngăn che: tham dục, sân nhuế, thùy miên, trạo cử, nghi. Tỳ-kheo như thế gọi là bỏ năm.

Thế nào là Tỳ-kheo thành tựu sáu? Đại vương nên biết, nếu Tỳ-kheo thấy sắc rồi không khởi tưởng sắc, duyên nơi đây giữ gìn căn, trừ bỏ niệm ác không lành, mà giữ gìn nhãn căn, hoặc tai, mũi, miệng, thân, ý, không khởi ý thức, mà giữ gìn ý căn. Tỳ-kheo như thế gọi là thành tựu sáu.

Thế nào là Tỳ-kheo hộ trì một? Là khi Tỳ-kheo buộc niệm ở trước. Tỳ-kheo như thế gọi là hộ trì một.

Thế nào là Tỳ-kheo hàng phục bốn? Là khi Tỳ-kheo hàng phục thân ma, dục ma, tử ma, thiên ma, thảy đều hàng phục. Tỳ-kheo như thế là hàng phục bốn.

Đại vương! Như thế là Tỳ-kheo bỏ năm, thành tựu sáu, hộ trì một, hàng phục bốn. Bố thí cho người như thế được phước khó lường. Này Đại vương! Những người thích hợp với tà kiến và biên kiến, bố thí cho những người như thế là vô ích.

Khi ấy, vua bạch Phật:

- Bạch Thế Tôn! Đúng thế, bố thí cho người như thế được phước khó lường. Nếu Tỳ-kheo thành tựu một pháp phước còn khó lường, huống gì những pháp khác. Thế nào là một pháp? Là thân niệm vậy. Vì sao? Ni-kiền Tử thường chấp thân hành, ý hành, không kể khẩu hành.

Phật bảo nhà vua:

- Ni-kiền Tử ngu si, ý thường tán loạn, tâm thức không định. Đây là pháp của thầy họ nên nói như thế. Họ chịu quả báo về thân hành, khẩu hành không đáng kể, ý hành vô hình không thể thấy.

Vua bạch Phật:

- Trong ba hành này, cái nào quan trọng nhất, thân hành ư, khẩu hành ư, ý hành ư?

Phật bảo:

- Trong ba hành này, ý hành rất quan trọng. Khẩu hành, thân hành không đáng kể.

Vua bạch Phật:

- Do nhân duyên gì nói ý suy nghĩ là thứ nhứt?

Phật bảo:

- Phàm người hành động, trước ý suy nghĩ sau mới phát ra miệng, miệng đã phát khởi, thân mới làm sát, đạo, dâm. Lưỡi không nhất định cũng không phải đầu mối. Nếu người ấy mệnh chung, thân và lưỡi vẫn còn. Đại vương, vì sao người ấy thân và lưỡi không làm, không nói?

Vua bạch Phật:

- Do người ấy không có ý căn nên như thế.

Phật bảo nhà vua:

- Do phương tiện này nên biết ý căn rất quan trọng, hai cái kia nhẹ hơn.

Thế Tôn liền nói kệ:

Tâm là gốc pháp,
Tâm tôn, tâm sử,
Tâm khởi nghĩ ác,
Liền làm liền tạo.
Nơi ấy chịu khổ,
Vết xe theo xe.

Tâm là gốc pháp,
Tâm tôn, tâm sử.
Trong tâm nghĩ thiện,

Liền làm liền tạo,
Nhận quả báo lành,
Như bóng theo hình.
Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Đúng thế, bạch Thế Tôn! Người làm ác, thân hành ác, tùy hành động rơi vào đường ác.

Phật hỏi nhà vua:

- Đại vương quán sát nghĩa gì mà đến hỏi Ta rằng bố thí cho người nào được phước tăng nhiều?

Vua bạch Phật:

- Xưa con đến chỗ Ni-kiền Tử hỏi Ni-kiền Tử rằng: 'Nên bố thí nơi nào?'. Ni-kiền Tử nghe con hỏi, lại luận bàn việc khác, cũng không trả lời. Ni-kiền Tử bảo con rằng: 'Sa-môn Cù-đàm nói thế này: Bố thí cho Ta được phước nhiều, người khác không phước. Nên bố thí cho đệ tử Ta, không nên bố thí cho người khác. Có ai bố thí cho đệ tử Ta, phước ấy khó lường'.

Phật bảo:

- Bấy giờ Đại vương trả lời ra sao?

Vua bạch Phật:

- Khi ấy con liền nghĩ: 'Có lý này, bố thí cho Như Lai phước ấy khó lường' chăng? Nên nay con đến hỏi Phật là bố thí nơi nào được phước khó lường. Song nay Thế Tôn không tự khen mình cũng chẳng chê người.

Phật bảo nhà vua:

- Ta không nói lời rằng: 'Bố thí cho Ta được phước nhiều, cho người khác không được phước'. Nay Ta chỉ nói rằng: 'Thức ăn trong bát còn dư đem cho người, phước ấy khó lường'. Dùng tâm thanh tịnh chuyên chú vào trong nước sạch, luôn sanh ý niệm này: 'Mong những loài hữu tình trong đây được nhờ cậy vô lượng, huống gì loài Người'.

Nhưng này Đại vương! Nay Ta nói bố thí cho người trì giới, phước ấy khó lường, cho người phạm giới không đáng kể. Đại vương nên biết! Như nông dân khéo săn sóc ruộng đất, dọn bỏ rác dơ, đem giống lúa tốt gieo vào ruộng tốt, trong đó thu hoạch không hạn lượng. Và như nông dân kia không chăm sóc đất, không dọn bỏ rác dơ mà gieo giống, sau thu hoạch không đáng kể.

Nay Tỳ-kheo cũng lại như thế, Tỳ-kheo bỏ năm, thành tựu sáu, giữ một, hàng phục bốn. Những người như thế được phước vô lượng, cho người tà kiến phước không đáng kể. Cũng như Đại vương, người dòng Sát-lợi, dòng Bà-la-môn, ý không nghi nan, có thể hàng phục giặc ngoài nên xem như bậc La-hán, còn người Bà-la-môn kia, ý không chuyên định nên xem như người tà kiến.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Bố thí cho người trì giới phước ấy khó lường ấy khó lường, từ nay về sau có ai đến xin, con trọn không trái ý. Nếu bốn bộ chúng có điều mong cầu cũng không trái thì con tùy thời cấp y phục, thức ăn, sàng nằm, tọa cụ. Con cũng lại bố thí cho người Phạm hạnh.

Phật bảo:

- Chớ nói thế ấy, Vì sao? Bố thí cho loài súc sanh phước còn khó lường, huống gì bố thí cho người. Song nay Ta nói bố thí cho người trì giới, phước khó tính kể, hơn cho người phạm giới.

Vua Ba-tư-nặc bạch Phật:

- Nay con lại tự quy y. Đức Thế Tôn ân cần đến thế, ngoại đạo dị học phỉ báng Thế Tôn, song Thế Tôn thường khen ngợi hơn. Ngoại đạo dị học tham trước lợi dưỡng, Như Lai không tham lợi dưỡng. Việc nước nhiều, con muốn lui về.

Phật bảo:

- Nên biết đúng thời.

Bấy giờ, vua Ba-tự-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

8. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc giết trăm người em khác mẹ, bèn ôm lòng hối hận: 'Ta làm việc rất ác, lại hành động thế này, do vương vị nên giết trăm người. Ai có thể trừ mối lo buồn cho ta?'. Vua Ba-tu-nặc lại khởi nghĩ: 'Chỉ có Thế Tôn hay trừ bỏ mối lo của ta'. Vua lại nghĩ: 'Nay ta không nên ôm mối lo buồn này, im lặng đến chỗ Thế Tôn, nên chuẩn bị nghi thức vua đến chỗ Thế Tôn'.

Vua Ba-tư-nặc bảo quần thần:

- Các Ông sửa soạn xa giá, xe vũ bảo, như pháp các vua thuở trước, ta muốn ra khỏi thành Xá-vệ, đến thăm đức Thế Tôn.

Quần thần nghe vua ra lệnh, liền trang nghiêm xa giá, xe vũ bảo, đến tâu vua:

- Xa giá đã xong, xin Bệ hạ biết đúng thời.

Vua Ba-tư-nặc liền ngự trên xe báu, đánh chuông đánh trống, treo phan lọng, tùy tùng đều mặc giáp khí, quần thần vây quanh ra khỏi thành Xá-vệ; đến vườn Kỳ Hoàn đi bộ vào tinh xá. Theo phép các vua trước, dẹp năm nghi vệ như dù, mũ, quạt, kiếm, giày. Vua đến chỗ Thế Tôn, cúi đầu sát đất, lại lấy tay sờ bàn chân Thế Tôn, rồi tự bạch rằng:

- Nay con hối quá, sửa lỗi cũ, do ngu si không biết chân ngụy, giết trăm người em khác mẹ vì tranh thế lực ngôi vua. Từ nay trở đi, con tự cải hối, cúi xin nạp thọ.

Phật bảo nhà vua:

- Lành thay, Đại vương! Hãy trở về chỗ ngồi, nay Ta sẽ thuyết pháp.

Vua Ba-tư-nặc bèn đứng dậy lễ Phật, trở về chỗ ngồi.

Phật bảo nhà vua:

- Mạng người ất nguy ách, tuổi thọ tột cùng không quá trăm năm, tính ra không bao nhiêu người thọ đến trăm tuổi. Một ngày một đêm ở cõi trời Ba mươi ba, tính theo ngày đêm cõi ấy, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, tuổi thọ cõi trời Ba mươi ba là một ngàn năm, tính ra thọ mạng cõi người là mười vạn năm.

Lại tính một ngày một đêm ở địa ngục Hoàn Hoạt, tính theo ngày đêm ở đó, ba mươi ngày là một tháng, mười hai tháng là một năm, địa ngục Hoàn Hoạt sống năm ngàn năm, hoặc thọ nửa kiếp hoặc thọ một kiếp tùy theo hành động của người, hoặc có khi chết nửa chừng tính theo thọ mạng cõi người là trăm ức năm.

Người trí thường nhớ nghĩ tu hạnh này, lại làm ác để chỉ vui ít khổ nhiều tai ương khó kể. Thế nên Đại vương đừng vì thân mình cùng phụ mẫu, thê tử, quốc độ, nhân dân mà làm nghiệp tội, cũng chớ vì thân vua mà làm gốc tội. Cũng như chút mật dính dao, trước ngọt sau khổ; đây cũng lại như thế, ở trong thọ mạng căn, tạo ác làm gì?

Đại vương nên biết! Có bốn điều sợ hãi lớn hằng bức ngặt thân người, trọn không thể chế phục, cũng chẳng thể dùng chú thuật chiến đấu, thuốc men có thể trừ. Sanh, lão, bịnh, tử cũng như bốn núi lớn từ bốn phía đến cùng ép vào, xô dẹp cây cối thảy đều hủy diệt. Bốn việc này cũng lại như thế. Đại vương nên biết! Khi sanh đến, khiến cha mẹ lo sợ không thể tính kể. Nếu già đến, không còn trẻ mạnh, hình thể bại hoại gân cốt chậm chạp. Khi bệnh đến vào lúc tráng niên, không có khí lực mạng dần rút ngắn. Nếu chết đến, chấm dứt mạng căn, ân ái biệt ly năm ấm phân tán. Đại vương! Đó gọi là có bốn điều lớn không được tự tại.

Nếu có người gần gũi sát sanh thì sẽ chịu các khổ não, nếu sanh trong loài người thọ mệnh rất ngắn. Nếu người trộm cắp thì sau sinh ra bần khốn, áo không kín thân, thức ăn không đủ. Vì sao thế? Đều do lấy tài vật của người khác, nên bị sự thay đổi như thế, hoặc sanh làm người, chịu khổ vô lượng. Nếu người tà dâm vợ người thì sau sanh làm người, vợ không trinh lương. Nếu người vọng ngữ thì sau sanh làm người lời nói không đủ tin, bị người

khinh mạn; đó là do đời trước nói dối trá hư ngụy. Nếu người nói lời ác thì sẽ chịu tội báo ở địa ngục, hoặc sanh loài người nhan sắc xấu tệ; đó là do đời trước nói lời ác nên chịu báo ấy. Nếu người ỷ ngữ chịu tội báo địa ngục, nếu sanh cõi người trong gia đình không hòa, thường bị gây gổ. Vì sao thế? Do đời trước tạo ra báo ấy. Nếu người nói hai lưỡi gây rối đôi bên thì sẽ chịu tội địa ngục, hoặc sanh cõi người gia đình bất hòa thường có tranh tụng. Vì sao thế? Do đời trước gây chia rẽ đôi bên mà ra. Nếu người ưa tật đố thì sẽ chịu tội địa ngục, nếu sanh cõi người thì bị người ghét; đó là việc làm đời trước mà bị như thế. Nếu người sanh tâm mưu hại thì sẽ chịu tội địa ngục, nếu sanh làm người ý không chuyên định. Vì sao thế? Đó là do đời trước khởi tâm như thế. Nếu người tập tà kiến thì sẽ chịu tội địa ngục, nếu sanh làm người thì bị đui, điếc, câm ngọng, người không ưa thấy. Nguyên do này đều nhân việc làm đời trước mà ra.

Thế nên, này Đại vương! Do mười ác báo này gây nên ương lụy, chịu khổ vô lượng, huống lại ngoài những điều này!

Cho nên Đại vương, nên dùng pháp cai trị chớ dùng phi pháp, dùng lý trị dân chớ dùng phi lý. Đại vương! Các bậc dùng Chánh pháp trị dân, sau khi mệnh chung đều sanh lên trời. Giả sử Đại vương sau khi mệnh chung, nhân dân nghĩ nhớ, trọn không quên, danh tiếng vang xa. Đại vương nên biết, những người dùng phi pháp trị dân, sau khi chết đều sanh địa ngục, khi ấy ngục tốt trói thân thể, ở trong đó chịu khổ không thể tính kể; hoặc bị đánh, hoặc bị trói, hoặc bị giã nát, hoặc bị cắt xẻo từng phần, hoặc bị lấy lửa đốt, hoặc bị rót nước đồng sôi vào mình, hoặc bị lột da, hoặc bị mổ bụng, hoặc bị rút lưỡi, hoặc bị móc mắt, hoặc bị chọc thủng tai, bị cắt đứt tay chân, tai, mũi, đã đứt rồi sanh lại; hoặc ném thân hình vào trong chảo lớn, bị dùng chìa sắt xóc vào thân không ngừng; hoặc từ chảo ra, vị rút sống lưng làm roi đánh xe; hoặc bắt vào trong địa ngục lửa nóng, hoặc vào địa ngục phẩn nóng, lại vào địa ngục đâm chém, lại vào địa ngục tro than, lại vào địa ngục cây dao, lại bị bắt nằm ngửa lấy hoàn sắt nóng bắt ăn, ruột gan ngũ tạng thảy đều cháy tiêu, hoàn sắt rơi xuống; lại bị đem nước đồng rót vào miệng tuột từ trên xuống, trong ấy chịu khổ, hết tội sau mới được ra.

Như thế, Đại vương, chúng sanh vào địa ngục việc ấy như thế, đều do đời trước cai trị bất chánh mà ra.

Thế Tôn liền nói kệ:

Trăm năm làm phóng dật,

Nên sau vào địa ngục, Phóng túng tham nào đủ, Chịu tội không tính kể.

Đại vương! Dùng pháp cai trị tự cứu thân mình, cha mẹ, vợ con, nô tỳ, thân tộc cùng giúp việc nước. Cho nên, Đại vương, thường nên dùng pháp cai trị chớ dùng phi pháp. Mạng người rất ngắn, ở đời chỉ chốc lát, sanh tử dài xa rất nhiều nạn đáng sợ. Khi chết tới, kêu thóc, gân cốt phân tán, thân thể đau đớn. Bấy giờ không ai cứu, chẳng phải cha mẹ, vợ con, nô tỳ, hầu cận, quốc độ, nhân dân có thể cứu hộ. Có những nạn này ai có thể thay thế? Chỉ có bố thí, trì giới, lời nói thường hòa vui, không tổn thương người, làm các công đức, làm các cội lành.

Thế Tôn liền nói kệ:

Người trí thường bố thí,
Điều chư Phật khen ngợi,
Cho nên tâm thanh tịnh,
Chớ có ý giải đãi.
Bị chết làm bức ngặt,
Chịu khổ não rất lớn,
Vào con đường ác thú,
Không có lúc ngừng nghỉ.
Nếu khi tham dục đến,

Chịu khổ não rất nhiều,
Các căn tự nhiên hoại,
Do ác không ngừng nghỉ.
Nếu khi thầy thuốc đến,
Gom góp các cỏ thuốc,
Không đủ thấm khắp thân,
Do ác không ngừng nghỉ.
Nếu thân tộc lại đến,
Hỏi thăm việc tiền của,
Tai cũng chẳng nghe tiếng,
Do ác không ngừng nghỉ.
Nếu lại dời đổi đất,
Bệnh nhân nằm trên ấy,
Thân như gốc cây khô,
Do ác không ngừng nghỉ.
Nếu lại đã mệnh chung,
Thân mạng thức đã lìa,
Thân như đất tường vách,
Do ác không ngừng nghỉ.
Nếu lại tử thi ấy,
Thân quyến đưa ra mộ,
Cũng chẳng thể níu kéo,
Chỉ phước có thể cậy.
Cho nên, Đại vương nên tìm phương tiện làm việc phước nghiệp, đời nay không làm, sau hối vô ích.

Thế Tôn liền nói kệ:

Như Lai do phước lực,
Hàng phục quyến thuộc ma,
Nay đã được Phật lực.
Phàm người làm phước nghiệp,
Thường được lìa khổ hoạn,
Làm phước được phước báo,
Đời này và đời sau.
Cho nên, Đại vương, nên nghĩ nhớ làm việc phước, làm ác đã hối hận, chớ phạm lại.

Thế Tôn liền nói kệ:

Tuy làm ác tột cùng,
Hối quá dần mỏng nhẹ,
Bấy giờ ở thế gian,

Cội gốc đều tiêu diệt.
Cho nên, Đại vương, đừng vì thân mình làm các việc ác. Chớ vì cha mẹ, vợ con, Sa-môn, Ba-la-môn mà làm việc ác tập theo hạnh ác. Như thế, Đại vương, nên học điều này.

Thế Tôn liền nói kệ:

Chẳng cha mẹ anh em, Cũng chẳng phải thân tộc, Hay miễn điều ác này,

Đều bỏ, trở về chết.

Cho nên, Đại vương, từ nay về sau dùng pháp trị dân, chớ dùng phi pháp. Như thế, Đại vương, nên học điều này.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

*

9. Tôi nghe như vầy:

Một thời Phật ở nước Xá-vệ, rừng Kỳ-đà, vườn Cấp Cô Độc.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc đêm nằm mộng thấy mười việc, vua liền tỉnh giấc rất lo sợ, e sợ mất nước, thân mình và vợ con. Sáng mai vua liền triệu tập các công khanh đại thần, các Bà-la-môn đạo sĩ sáng suốt có thể giải điềm mộng, thảy đều câu hội. Vua liền đem mười điều mộng trong đêm nói lại, hỏi ai có thể giải được. Bà-la-môn thưa:

- Hạ thần có thể giải được, chỉ sợ vua nghe rồi sẽ không vui.

Vua bảo:

- Cứ nói.

Ba-la-môn tâu:

- Vua sẽ mất nước, mất thái tử và hoàng hậu.

Vua hỏi:

- Này các Khanh, có thể tế lễ cầu giải trừ chăng?

Bà-la-môn tâu:

- Việc ấy có thể tế lễ được. Phải giết thái tử và vị đại phu nhân vua yêu quý nhất, những kẻ hầu cận, thị tùng, nô bộc và đại thần quý nhất để dâng tế Thiên vương. Có bao nhiêu bảo vật trân kỳ quý báu đều phải đốt hết để tế Trời. Như thế vua và nước có thể hết nạn không lo.

Vua nghe lời Bà-la-môn tâu, rất lo buồn không vui, đi về phòng riêng suy nghĩ việc này. Phu nhơn vua tên Mạt-lợi, đến chỗ vua hỏi thăm:

- Vua vì sao lo buồn không vui? Thần thiếp có lỗi gì với bệ hạ chăng?

Vua đáp:

- Khanh không có lỗi với ta, nhưng đừng hỏi điều này, Khanh có nghe sẽ lo sợ.

Phu nhơn đáp:

- Chẳng lo sợ.

Vua bảo:

- Đừng hỏi, nghe rồi lo sợ.

Phu nhân nói:

- Thiếp là người bên cạnh Đại vương, có việc gì gấp nên bảo cho thiếp biết rồi sẽ giết một mình thiếp, vua an ổn không có gì lo sợ, xin Đại vương nói.

Vua liền đem điềm mộng đêm qua nói với phu nhơn, thấy mười việc: một, thấy ba cái vạc, hai vạc bên đầy, vạc ở giữa trống, hai vạc bên hơi nước sôi giao nhau, không bay vào vạc trống ở giữa. Hai, thấy con ngựa miệng ăn mà hậu môn cũng ăn. Ba, mộng thấy cây lớn trổ bông. Bốn, mộng thấy cây nhỏ ra trái. Năm, mộng thấy người cầm dây, đằng sau có con dê, chủ dê ăn sợi dây. Sáu, thấy con chồn ngồi trên ghế vàng ăn bát vàng. Bảy, thấy trâu già lại bú nghé con. Tám, mộng thấy bầy trâu đen, từ bốn phía kêu rống chạy đến muốn đánh nhau, đang họp chưa họp, không biết chỗ trâu. Chín, mộng thấy một ao nước lớn, ở giữa đục bốn bên trong. Mười, mộng thấy khe suối lớn nước dậy sóng màu đỏ.

Mộng rồi tỉnh dậy rất sợ hãi, e sợ mất nước và thân mình, thê tử và nhân dân. Nay triệu tập hàng công khanh đại thần, đạo sĩ Bà-la-môn có thể giải mộng. Thời có một Ba-la-môn nói rằng: 'Phải giết thái tử của vua, giết phu nhân quý trọng, và đại thần, tôi tớ để tế Trời'. Do đó nên lo buồn.

Phu nhân thưa:

- Đại vương chớ lo việc mộng. Như người mua vàng, lấy lửa đốt thử và mài vào đá, xấu tốt tự hiện. Nay đức Thế Tôn ở gần, tại tinh xá Kỳ-hoàn, có thể đến đó hỏi Phật. Phật giải thích, nên nghe lời Phật dạy. Tại sao nghe lời Bà- la-môn cuồng si ấy, mà tự lo khổ đến như vậy?

Vua bèn vui vẻ tỉnh ngộ, liền triệu tập quần thần tả hữu, gấp rút chuẩn bị xa giá. Vua ngự trên xe che lọng cao, thị tùng cỡi ngựa theo có ngàn vạn người, ra khỏi thành Xá-vệ, đến tinh xá Kỳ-hoàn. Đến nơi vua đi bộ đến chỗ Phật, cúi đầu lễ chân Phật, quỳ gối chấp tay bạch Phật:

- Đêm qua con mộng thấy mười việc, xin đức Thế Tôn thương xót con, vì con giải nói từng việc.

Phật bảo:

- Lành thay, Đại vương! Điềm mộng của nhà vua sẽ ứng cho đời tương lai sau này. Đời sau nhân dân không sợ phép cấm, sẽ làm nhiều việc dâm thất tham đắm vợ con, buông lung việc dâm không chán đủ, đố kỵ ngu si không biết hổ thẹn, bỏ điều trinh khiết, siềm ngụy loạn quốc.

Vua mộng thấy ba cái vạc, vạc hai bên đầy, vạc chính giữa trống, hai vạc bên hơi nước sôi bốc lên giao nhau, không bay vào vạc trống ở giữa. Đó là đời sau nhân dân không cấp dưỡng thân thuộc, nghèo cùng, không gần gũi bà con mà kết bạn với người dưng phú quý cùng qua lại biếu tặng. Vua thấy mộng thứ nhất, chính là đây vậy.

Thấy ngựa, miệng ăn và hậu môn cũng ăn, là đời sau nhân dân đại thần bá quan, sứ giả công khanh, ăn lộc vua lại ăn của dân, giặc giã không ngừng, kẻ sứ làm kẻ gian, dân mất an ninh không ở quê nhà. Vua mộng điều thứ hai, chính là đây vậy.

Vua thấy cây lớn trổ hoa, là đời sau nhân dân phần nhiều bị xua đuổi, tâm phiền ý não thường lo sợ, tuổi mới ba mươi đầu bạc. Vua mộng thấy việc thứ ba, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy cây nhỏ trổ trái, đời sau, người nữ chưa đến mười lăm tuổi có chồng, ẵm con trở về không biết hổ thẹn. Vua mộng thấy việc thứ tư, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy người cầm dây, sau đó có con dê, người chủ dê ăn sợi dây, là đời sau, người chồng đi buôn bán hoặc vào quân đội, dạo chơi các nơi kết bạn giao du, không biết đến vợ nhà tư thông với nam tử, ngủ nghỉ ăn uống trên tài sản của chồng, buông lung tình ý không biết hổ thẹn. Người chồng cũng biết, bắt chước bạn ngủ. Vua mộng thấy việc thứ năm, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy chồn ngồi trên ghế vàng, ăn dùng bát vàng, là đời sau kẻ hạ tiện sẽ được quý trọng, ngồi ghế vàng ăn thức ăn ngon, hàng quý tộc danh giá sẽ là tôi tớ, ông chủ làm nô tỳ, nô tỳ làm chủ nhân. Vua mộng thấy điều thứ sau, chính là đây vậy.

Vua thấy trâu già lại bú nghé con, người đời sau, mẹ sẽ vì con gái làm mai mối, đem người nam vào phòng, mẹ đứng canh cửa, do đó được tài vật dùng tự sinh sống, cha cũng đồng tình ngu ngơ không biết. Vua mộng thấy điều thứ bảy, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy bầy trâu đen từ bốn phía kéo đến, cùng kêu rống muốn đánh nhau, đang hợp mà không thấy chỗ trâu, đời sau, quốc vương, đại thần, trưởng giả, nhân dân đều không sợ pháp luật, tham dâm dục, tích chứa tài sản, vợ con lớn nhỏ đều không liêm khiết, dâm thất, tham ăn uống không chán, tật đố ngu si không xấu hổ, không làm người trung hiếu, siểm khúc hại nước, không sợ trên dưới, mưa không đúng thời, khí không điều hòa, gió bụi nổi dậy, cát bay gãy đổ cây cối, sâu rầy ăn lúa khiến bông không chín. Vua chúa nhân dân đều làm như thế, nên Trời khiến như vậy, lại bốn bên kéo mây, vua và nhân dân đều mừng bảo rằng: 'Mây che bốn phía, nay chắc sẽ mưa'. Trong chốc lát mây tự tan, nên hiện điềm gỡ, muốn cho dân chúng sửa đổi hành vi, giữ việc lành, trì giới, kinh sợ trời đất không vào đường ác, tự giữ trinh lương một chồng một vợ, tâm lành không sân. Vua mộng điều thứ tám, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy ao nước lớn, chính giữa đục bốn bên trong, đời sau nhân dân trong Diêm-phù-đề, thần trong không trung, con không hiếu, không kính trọng người già, không tin Phật đạo, không kính bậc Đạo sĩ thông suốt kinh điển, kẻ bề tôi tham của vua ban, con tham tài vật của cha, không biết ơn nghĩa, không đoái hoài nghĩa lý. Cõi biên giới thì trung hiếu tôn kính người già, ưa tin Phật đạo, cấp dưỡng cho bậc đạo sĩ thông kinh, nhớ nghĩ đền ơn. Vua mộng thấy điềm thứ chín, chính là đây vậy.

Vua mộng thấy nước khe lớn dậy sóng màu đỏ, là đời sau, các vua chúa không chán có thêm nhiều nước, khởi binh cùng đánh nhau, sẽ làm các thứ chiến xa, binh mã cùng công phạt nhau, giết hại nhau, máu chảy đỏ tràn. Vua mộng thấy điều thứ mười, chính là đây. Thảy đều là việc của người đời sau.

Người đời sau nếu ai để tâm vào Phật đạo, phụng sự bậc Đạo nhơn thông suốt kinh, khi chết đều sanh lên Trời. Nếu làm hạnh ngu si, lại tàn hại nhau thì chết rồi sanh vào trong ba đường ác không thể kể hết.

Vua liền quỳ gối chấp tay nghe lời Phật dạy, trong tâm vui vẻ, được định tuệ, không còn sợ hãi. Vua lạy Phật rồi trở về cung, trọng thưởng cho phu nhân và phong làm chánh hậu, cấp cho nhiều tài bảo để bố thí cho người, khiến trong nước giàu vui. Vua lấy hết bổng lộc của công khanh, đại thần, Bà-la-môn, đuổi ta khỏi nước không còn tin dùng. Tất cả nhân dân đều phát tâm vô thượng chánh chân. Vua và phu nhân lễ Phật mà đi.

Bấy giờ, vua Ba-tư-nặc nghe Phật dạy xong, vui vẻ vâng làm.

HẾT (TĂNG NHẤT A-HÀM TRỌN BỘ)

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.